Pháp nạn Phật Giáo 1963 - Nguyên nhân, Bản chất và Tiến trình (TT Thích Nhật Từ & Nguyễn Kha chủ biên)

Lịch sử Phật giáo

PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963 NGUYÊN NHÂN, BẢN CHẤT VÀ TIẾN TRÌNH

Đổng chủ biên TT. THÍCH NHẬT TỪ NGUYỄN KHA

PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963 NGUYÊN NHÂN, BẢN CHẤT VÀ TIẾN TRÌNH

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Lời giới thiệu..... ix
Lời nói đầu xi
Lời nhà xuất bản xv
PHẦN MỘT:
NGUỒN CỘI CỦA CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM
Linh mục Trần Tam Tỉnh
Giáo hội trong cơn bão bùng 3
Vũ Ngự Chiêu
Bát cơm bảo hộ của Ngô Đình Khôi 31
Ngô Đình Thục
Thư gửi Đô đốc Jean Decoux, toàn quyền Đông Dương Pháp tại Việt Nam 33
Chính Đạo
Jean Baptiste Ngô Đình Diệm: thời kỳ chưa nắm quyền, 1897-1954 ...37
Trần Lâm
Kiêu dân công giáo thời Ngô Đình Diệm 61
Nguyễn Mạnh Quang
Ngô Đình Diệm trong liên minh Mỹ-Vatican 75
Trần Thị Vĩnh Tường
Hồng y Francis Spellman và chiến tranh Việt Nam 97
Thomas Ahern, Jr / Nguyễn Kỳ Phong
Tài liệu mật của CIA về “nhà Ngô” 109
PHẦN HAI:
BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ MIỀN NAM VIỆT NAM
Nguyễn Văn Bông
Nhận xét về Hiến pháp Đệ nhất Cộng Hòa 117
Vũ Văn Mẫu
Sự thiên vị Thiên Chúa giáo về phương diện pháp lý 121
Trần Gia Phụng

Lại dụ số 10 131
Văn Thư
Tổng Giám mục Ngô Đình Thục: nhiều tham vọng nhiều cay đắng ..137
vi • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963
Lê Xuân Nhuận
“Chính đề Việt Nam” của Ngô Đình Nhu? Ông Tôn Thất Thiện:
từ lừa người đến bị người lừa! 143
Peter Brush
Thăng trầm của “Rồng phu nhân” Trần Lệ Xuân 161
Lê Xuân Nhuận
Đảng Cần Lao 175
Nguyễn Long Thành Nam
Phật giáo Hòa Hảo bị nhà Ngô đàn áp ra sao? 199
Trần Văn Rạng
Đạo Cao Đài bị nhà Ngô đàn áp ra sao? 203
Vũ Bằng
Báo chí thời Ngô Đình Diệm 209
Nguyễn Hiến Lê
Dạy Sử dưới thời Diệm 225
Phạm Trọng Luật
Chế độ Ngô Đình Diệm và vấn đề buôn bán nha phiến 227
Ngô Diệp
Chín hầm, địa ngục trần gian thời Ngô Đình Diệm 233
Vũ Cầm
Mưu tính đưa Nhất Linh vào nhà thương điên 237
Ngô Đắc Triết
Tổng thống Diệm và quân đội Mỹ 245
Lê Xuân Nhuận
Tổng thống Mỹ Johnson gọi Diệm là “thằng nhãi” 253
James Olsen & Randy Robert
TT Kennedy gọi anh em ông Diệm là “bọn chó đẻ” 263
PHẦN BA:
CHÍNH BIẾN 1963 VÀ ÂM MƯU MẠO HÓA LỊCH SỬ
Hoành Linh Đỗ Mậu
Yếu tố “công giáo” trong biến cố 1-11-1963 269
Lý Nguyên Diệu
Sự thật về chế độ Tổng thống Diệm: Những xuyên tạc của Kiều
Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn Lục 277
Hồng Quốc Lộc

Chiến thắng bị bỏ lỡ hay chiến thắng được tưởng tượng? 285

Nguyễn Trí Cảm
Chuột chạy cùng sào! 321
Lý Nguyên Diệu
Quy luật của tháng Tám định mệnh 325
Nigel Cawthorne
Tên “Ngô Đình Diệm” trong danh sách 100 kẻ bạo ngược độc ác và độc tài nhất trong lịch sử nhân loại 333
Nguyễn Kha
Ông Ngô Đình Diệm, từ cái nhìn của giới nghiên cứu Mỹ 335
Phùng Quân
Tháng 11, chợt nhớ vài bài thơ về chế độ Diệm 355
Trần Gia Phụng
Chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ - Ba lý do chính 365
Nguyễn Kha
Chế độ Ngô Đình Diệm, một chế độ ngược lòng dân và phản thời đại.381
PHẦN BỐN:
PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963
Erich Wulff
Lễ Phật Đản 8/5/1963 tại Huế - Trích Hồi ký bác sĩ Erich Wulff ..389
Chính Đạo
Mùa Phật Đản đẫm máu 403
Thái Kim Lan
Những tháng ngày không quên 461
Đào Văn Bình
Cuốn sách bị bỏ quên của nhà báo Thanh Thương Hoàng: “Phật giáo tranh đấu” 471
Quán Như Phạm Văn Minh
Chiến dịch “nước lũ” của Ngô Đình Nhu 20-8-1963 493
Nguyễn Lang
Sinh viên và học sinh đứng dậy 497
Lương Hữu Định
Đoàn sinh viên Phật tử Sài Gòn đấu tranh cho tự do tôn giáo (1963)..501
Hàn Phương Quốc Vũ
Quách Thị Trang - vì sao sáng 505
Erich Wulff, Minh Nguyện dịch
Tường trình tại Liên Hiệp Quốc (9/1963) 511

Minh Nguyện Giới thiệu sách: “Sáu tháng pháp nạn 1963” của Minh Không Vũ Văn Mẫu .....519 Minh Thạnh Hủy phá Tăng bảo: thủ đoạn cũ của chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới .529 Hoàng Nguyên Nhuận Phù Đổng 63 .....533 Lê Cung Mục tiêu công bằng xã hội nhìn từ phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 .....551 Cao Huy Thuần Vài điều căn bản về phong trào Phật giáo .....563 PHẦN NĂM: BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC - LỬA TỪ BI Phạm Quý Vinh Về một bức thủ bút chữ Nôm của Hòa thượng Thích Quảng Đức 575 Lichsuvietnam.info Lời dặn dò ngày 10 tháng 6 năm 1963 của Hòa thượng Thích Quảng Đức .....581 Nguyễn Kha, Pháp Lạc Ngụy tạo và xuyên tạc về cuộc tự thiêu của HT. Thích Quảng Đức .587 Vũ Văn Mẫu Dư luận và cảm phục của thế giới đối với cuộc tranh đấu bảo vệ Phật giáo .....623 Nguyễn Quốc Tuấn Từ ngọn lửa Thích Quảng Đức .....647 Lê Cung Sức mạnh bất bạo động nhìn từ ngọn lửa Thích Quảng Đức ....653 Trần Hồng Liên Hòa thượng Quảng Đức, biểu tượng về tinh thần dân tộc và đạo pháp của Phật giáo Việt Nam 669

LỜI GIỚI THIỆU

1963-2013! Năm mươi năm đã trôi qua. Nửa thế kỷ là thời gian đủ dài để chúng ta có thể an nhiên nhìn lại quá khứ hầu rút ra được những bài học cho tương lai. Đối với Phật tử thì đó là một bài học về đạo lực vận dụng giữa trí tuệ và từ bi, giữa hạnh nhẫn nhục và lực đại hùng một cách hài hòa và vì lợi lạc của chúng sinh. Còn đối với tương lai dân tộc ta thì Pháp nạn Phật giáo năm 1963 đã cống hiến cho chúng ta một bài học lớn về niềm khao khát và lòng tôn trọng một cuộc sống cộng sinh trong một môi trường hòa bình, an lạc. Tôi tán thán công đức của TT. Thích Nhật Từ và NNC. Nguyễn Kha đã nhân dịp tưởng niệm 50 năm pháp nạn Phật giáo năm 1963 mà sưu tầm tài liệu và tập hợp lại trong một tác phẩm để mô tả đầy đủ nguyên nhân, bản chất và tiến trình của một chuyến sang sông tràn đầy Bi Trí Dũng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời cận đại. Xin trân trọng giới thiệu. Phật Đản năm Quý Tỵ (Phật lịch 2557, Tây lịch 2013) Hòa thượng Thích Đức Nghiệp Phó Pháp chủ GHPGVN

LỜI NÓI ĐẦU

T rong suốt gần hai nghìn năm hiện diện trên quê hương, chưa bao giờ Phật giáo Việt Nam phải đối diện với những đe dọa và thách thức trầm trọng như trong gần bốn mươi năm giữa thế kỷ thứ XX. Đó là giai đoạn mà Phật giáo phải chịu tác động của 3 cuộc khủng hoảng lớn. Thứ nhất là nội lực của Phật giáo bị suy kiệt sau gần 100 năm bị “sứ mệnh khai hóa” (mission civilisa- trice) của thực dân Pháp gạt ra khỏi vai trò phên dậu văn hóa của dân tộc. Thứ nhì là cùng đồng hành với dân tộc trong cao trào chống ngoại xâm nên đã tổn thất khá nặng nề nguồn vốn trí tuệ, thân mạng và cơ sở vật chất trên cả ba miền đất nước. Thứ ba là sau ngày đất nước qua phân vào năm 1954, tại miền Nam, trong nỗ lực chập chững hồi sinh, Phật giáo lại phải đối mặt suốt gần một thập niên với một chính sách đàn áp, tiêu diệt có hệ thống của chính quyền Ngô Đình Diệm. Cách đây đúng nửa thế kỷ, khởi đầu bằng một mùa Phật đản tang thương và kéo dài

cho đến mùa Đông năm 1963, tại miền Nam Việt Nam đã xảy ra một biến cố bi hùng làm chấn động lương tâm nhân loại và để lại một dấu ấn quan trọng trong lịch sử dân tộc vào hậu bán thế kỷ XX. Biến cố đó là sự sụp đổ của chế độ phi dân tộc Ngô Đình Diệm, kéo theo cơn vươn vai trở mình để nhập thế của Phật giáo Việt Nam sau mấy trăm năm ngủ yên mộng mị. Trong suốt 8 năm, Phật giáo đã bị kỳ thị, đàn áp, khống chế, thậm chí bị tiêu diệt trong hầu hết mọi lãnh vực sinh hoạt quần chúng cũng như công quyền tại miền Nam. Từ luật pháp đến chính trị, từ giáo dục đến an ninh, từ kinh tế đến thương mãi, từ nông nghiệp đến xã hội, từ quân đội đến hành chính ... và đặc biệt trong lãnh vực tôn giáo thì chính quyền dùng đủ mọi biện pháp để khống chế và tiêu diệt đến tận cùng. Mặc những lời kêu than, những lời phản đối không những của

Phật giáo đồ mà còn của đông đảo các thành phần nạn nhân khác của nhân dân miền Nam. Kể từ khi lực lượng Tống nho làm chủ đời sống văn hóa và khống chế chốn cung đình, cùng lúc với cuộc xâm lăng tàn bạo của người Pháp nhân danh quyền tự do giảng đạo và tự do khai thác tài nguyên nước ta, thì Phật giáo đã bị đẩy về vai trò thứ yếu, rút về nông thôn, âm thầm quấn quyện với văn hóa miền hương đảng. Đầu thế kỷ thứ XX, dù có một số vị cao Tăng thạc đức bôn ba hoằng hóa và dù có một số cư sĩ phát động phong trào 'Chấn hưng trong thập niên 1930', nhưng các nỗ lực đó đã không đủ năng lượng để kích hoạt được hào khí Lý-Trần của nền Phật Việt vốn đã bị nền đô hộ hà khắc của Thực dân và tay sai bản xứ theo "đạo Tây Dương" vùi dập. Năm 1954, đất nước qua phân. Tây bị đuổi đi nhưng Mỹ lại ập đến ở miền Nam để xây dựng một "tiền đồn chống Cộng": Chế độ Ngô Đình Diệm được khai sinh và nuôi dưỡng với căn cước chính trị là kẻ thừa sai của Mỹ và nhân thân văn hóa là "tôi tớ" của Vatican. Phật giáo Việt Nam, lại một lần nữa, phải đối diện và giải quyết những thách thức sống còn của mình. Lần này, giải pháp là vừa để khẳng định sự tồn vong trước một sách lược tiêu diệt có hệ thống ở cấp độ quốc gia, nhưng quan trọng hơn, vừa để từ đống tro tàn của đổ nát, vươn vai đứng dậy làm sống lại nhiệm vụ phên dậu văn hóa của Phật giáo cho dân tộc. Quyết tâm đó khởi đi từ mùa Phật đản năm 1963, khi chế độ đương quyền đẩy Phật giáo đến tận cùng của vực thẳm. Cuối cùng, quyết tâm đại bi đại hùng đó đã trở thành hiện thực và thành tựu mỹ mãn. Cho đến lúc Phật giáo bị đẩy vào tuyệt lộ, cho đến lúc chỉ muốn làm thân phận nạn nhân mà cũng không yên thì Phật giáo miền Nam đã vận dụng đến sức mạnh "vô úy" và "không bạo động" mà đứng lên nói tiếng KHÔNG huyền diệu vang vang âm bát nhã. Quyết định sai lầm và sân hận của chính quyền Ngô Đình Diệm trong lễ Phật đản tại Huế năm 1963 tích tụ đầy đủ nghiệp chướng của 600 năm cuồn cuộn, và là giọt nước cuối cùng đẩy sinh mệnh Phật giáo vào cuộc trở mình hùng tráng của mùa Pháp nạn. Trong ý hướng đó, nội dung cuốn sách đề cập đến bối cảnh lịch sử và xuất phát điểm văn hóa đã hình thành chế độ Ngô Đình Diệm. Nắm vững được cội nguồn tổ tông này, ta sẽ hiểu rõ hơn vì sao chế độ đó lại phải phóng tay kỳ thị và đàn áp Phật giáo, và từ đó dẫn đến mùa Pháp nạn 1963 mà cao điểm là hành động vị Pháp tự thiêu của

Bồ-tát Thích Quảng Đức. Một vài bài viết cũng nhằm nhận diện để phản biện một số xuyên tạc và mạo hóa lịch sử của tàn dư chế độ Ngô Đình Diệm tại hải ngoại đang tìm cách đánh tráo sự thật để đổ tội cho Phật giáo và dân tộc. Ngoài một số bài viết đã được phổ biến (trên báo giấy) từ trước 1975, phần lớn các tài liệu trong tuyển tập này đã được phổ biến rộng rãi trên Internet trong thập niên qua. Có thể khẳng định rằng 56 bài viết của 48 tác giả về Pháp nạn Phật giáo 1963 và về chế độ Ngô Đình Diệm trong cuốn sách này, dù chỉ là một số lượng rất nhỏ trong rừng tài liệu cả trong lẫn ngoài nước, nhưng có lẽ cũng đã đủ để nhận diện được nguyên nhân, bản chất và rút ra được ý nghĩa đích thực cũng như giá trị lịch sử của Phong trào Phật giáo 1963 rồi. Nhân kỷ niệm năm mươi năm (1963 – 2013) biến cố bi hùng đó, tập sách này không có mục đích gì hơn là ghi lại công ơn của các vị thánh tử đạo Phật giáo bao gồm các vị Tăng và Phật tử đã hy sinh, thậm chí cúng dường cả thân xác, trong mùa Pháp nạn 1963 đó. Đồng thời cũng là dịp để nhắc nhở chúng ta, dù Phật tử hay không, dù người Việt Nam hay các thế lực quốc tế, về những bài học lịch sử đã qua. Tôi cho rằng bài học lớn nhất là đừng bao giờ để một mùa Pháp nạn như thế xảy ra bất kỳ nơi đâu trên thế giới nữa!

TP. HCM, Mùa Phật Đản năm Quý Tỵ (2013)
Trân trọng,
TT. Thích Nhật Từ
Nhà nghiên cứu Nguyễn Kha
LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Sau hiệp định Giơnevơ 1954, Ngô Đình Diệm được Mỹ trợ giúp đã lật đổ Bảo Đại, tự lập làm tổng thống Miền Nam Việt Nam thực hiện chế độ độc tài gia đình trị, mưu đồ chia cắt đất nước và chống Cộng đến cùng. Bên cạnh đó, Ngô Đình Diệm với sự ủng hộ của các thế lực chống Cộng tại Vatican - thông qua hồng y F.Spellman và giám mục Ngô Đình Thục, còn xảo quyệt và lật lọng trong việc tiêu diệt các giáo phái, đảng phái khác để độc chiếm quyền lực gây ra muôn vàn sự bất bình của dân chúng Miền Nam nước ta. Vào dịp lễ Phật Đản ngày 08 tháng 05 năm 1963, lấy cớ Phật tử treo cờ Phật giáo, anh em Diệm - Nhu với sự toa rập của Ngô Đình Thục... đã thẳng tay đàn áp Phật giáo, tôn giáo đồng hành cùng dân tộc từ thời lập nước. Sự kiện 1963 này được gọi là Pháp nạn Phật giáo 1963 với việc vị pháp thiêu thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức vào ngày 11 tháng 06 năm 1963 là giọt nước làm tràn ly của lòng phẫn nộ. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất khiến Mỹ, mặc dù ủng hộ Ngô Đình Diệm, đành quyết định "thay ngựa giữa đường" Cái chết của anh em Diệm - Nhu vào ngày đảo chính quân sự, ngày 01 tháng 11 năm 1963, là đỉnh điểm của chuỗi các sự kiện trên. Từ đó, Phật giáo Việt Nam quyết định lấy ngày Lễ Phật Đản (Rằm tháng Tư Âm lịch) là ngày kỷ niệm Pháp nạn Phật giáo 1963 và sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu vì Phật Pháp. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Pháp nạn Phật giáo, TT. Thích Nhật Từ và NNC Nguyễn Kha đã sưu tầm từ nhiều nguồn tư liệu trong và ngoài nước, biên soạn nên một tác phẩm nhằm thuật lại một cách khách quan nguyên nhân, bản chất và tiến trình của một trang sử bi

hùng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cách đây nửa thế kỷ. Đây là một bộ tư liệu đa diện và phong phú giúp bạn đọc có thể tham khảo đầy đủ hơn về sự kiện Pháp nạn Phật giáo 1963 với lời đề từ trân trọng của HT. Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ Giáo hội Phật Giáo Việt Nam. Nhà Xuất Bản Hồng Đức

Phần Một

NGUỒN CỘI CỦA CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG(1) Linh mục Vincent Trần Tam Tĩnh

1. GIÁO HỘI CHIẾN THẮNG “Tại các vùng tôi đã đi thăm, người Cộng sản đã giành được một loạt thắng lợi về chính trị, hành chính, quân sự và – cũng phải nói thôi – tinh thần… Điều đã gây ấn tượng mạnh nhất trong tôi, hỡi ôi, lại là tinh thần hăng hái họ đã tạo được nơi các cán bộ không Cộng sản và sự ủng hộ mạnh mẽ họ giành được từ phía nông dân”.(2) Lêo Secnơ (Leo Cherne) viết trong báo Look ngày 19-1-1955 rằng: “Nếu tổ chức đầu phiếu hôm nay thì phần lớn người Việt (miền Nam) sẽ bỏ cho Cộng sản… Chúng ta biết làm được gì?”. Các phóng viên người Mỹ kể trên có lẽ chưa đọc lời tuyên bố chính thức của các tu sĩ dòng Tên trong báo Missi mười lăm hôm sau hiệp định Giơnevơ, vốn đã tiên liệu bằng giấy trắng mực đen cuộc đầu phiếu cho năm 1956, như sau:

1. Trích từ tác phẩm “Thập giá và Lưỡi gươm”, chương III. 2. Joseph Alsop, phóng viên chống Cộng, viết ngày 31-8-1954

“Sẽ không có đầu phiếu, dầu người của Nhà nước có suy nghĩ nói năng thế nào cũng mặc. Sẽ không bao giờ có đầu phiếu, bởi một lẽ là không thể làm việc đó, nếu chính quyền miền Nam có may mà thắng cử, thì liệu chính phủ Việt Minh có chịu giải tán quân đội, bộ máy hành chính, cảnh sát của họ để tuân theo sự phán quyết của dân chúng chăng? Thực ra, Việt Minh vẫn mong một thắng lợi trọn vẹn, càng hòa hoãn thì càng có tính quyết định hơn. Họ mong chiến thắng về tâm lý “giải phóng” bởi vì các bối cảnh chính trị và mối liên lụy miền Nam mắc phải, lại có lợi cho họ. Nhưng các cuộc bầu cử có lợi cho Việt Minh không thể xảy ra, bởi vì Hoa Kỳ và các thành viên trong Đông Nam Á không thể chấp nhận một sự đảo ngược cán cân như thế. Càng không thể được, khi mà chính quyền Việt Nam đã nhất định quay sang phía Hoa Kỳ, được coi là thành trì các nước tự do”.(3) Danlơt (Foster Dulles), Quốc vụ khanh Hoa Kỳ, đã chẳng nói trong một mật điệp gửi cho phụ tá của ông, ngày 7-7-54, đang tham dự thương nghị Giơnevơ như sau: “Chẳng còn hồ nghi về việc các cuộc bầu cử có thể thống nhất đất nước Việt Nam dưới quyền của Hồ Chí Minh” (Pentagon Papers 46). Aixơnhao (Eisenhower) cũng đã chẳng cả quyết sau này rằng: “Nếu bầu cử xảy ra theo như Hiệp định Giơnevơ đã tiên liệu thì 80% dân chúng miền Nam sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh” đó sao? Phải nhìn vào ánh sáng của chính sách rõ ràng đó, người ta mới hiểu được tại sao Mỹ và các thành phần Công giáo đã nỗ lực xô đẩy vào Nam những đoàn người Công giáo rồi đây trở thành những toán quân xung kích chống Cộng và có nhiệm vụ phá hoại bầu cử, để hoàn tất việc chia cắt đất nước ra làm hai, trái với Hiệp định Giơnevơ

và bảo vệ cho chế độ mỏng manh do Mỹ dựng lên. Toàn thể độc giả chắc còn nhớ các biến cố tại Sài Gòn những năm 1954 – 1956. Ngô Đình Diệm phải đánh dẹp các lực lượng phong kiến đã do quân Pháp dựng lên trong thời chiến: Quân Bình Xuyên, lúc đó kiểm soát ngành cảnh sát Sài Gòn Chợ Lớn, các đảng phái vũ trang như Cao Đài và Hòa Hảo và cái gọi là quân đội miền Nam, nhưng sĩ quan đều là tay sai của Pháp. Diệm đã thắng. Một đàng, nhờ Mỹ đã thành công hất cẳng Pháp, bắt họ rút hết quân thuộc địa về. Quân Pháp đi rồi, Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại, rồi tự phong là tổng

3. Missi số 7.1954, tr.252

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG • 5

thống Cộng hòa miền Nam. Trong tất cả các cuộc khủng hoảng này, chú Sam luôn luôn có mặt đấy, “Theo yêu cầu của ông Diệm, chúng tôi (trung tá Lansdale, trùm CIA) đến thăm ông ta hầu như mỗi chiều, trong thời gian đó căng thẳng gia tăng, và nhiều khi cuộc thăm viếng của chúng tôi kéo dài hàng giờ”.(4)

Lansdale, Trùm CIA tại Việt Nam - Chiến dịch truất phế vua Bảo Đại để ông Diệm được thắng cử với … 98.2% số phiếu

Nhưng đàng khác, bên cạnh sự ủng hộ của Mỹ, Diệm cũng cần có lực lượng dân chúng để giúp Diệm cầm quyền. Nhân dân miền Nam tỏ thái độ hững hờ hoặc chống đối ông. Các đảng phái chính trị - tôn giáo hầu như không muốn hợp tác với ông. Quân đội thì còn ở dưới sự chỉ huy của các sĩ quan thân Pháp. Đảng Cần Lao do em của Diệm là Ngô Đình Nhu lập ra, tập họp một nhóm chính trị gia Công giáo tư sản còn ở giai đoạn trứng nước. Diệm dựa vào khối Công giáo di cư, dễ sai bảo và cuồng nhiệt, sẵn sàng tuân lệnh các cha xứ kéo nhau xuống đường mít tinh ủng hộ. Cuộc xuống đường đầu tiên xảy ra ngày 21-9-1954. “Trong không khí bị đầu độc của Sài Gòn, những người di cư khốn khổ ấy dầu sao cũng là một sự khích lệ cho Diệm, khi họ kéo nhau biểu tình hô to ủng hộ ông ta, với những khẩu hiệu được bôi vẽ vội vàng. Như thế ông không phải cô đơn một mình trong dinh Norôđôm, như một vài người muốn nói. Người di cư được tập họp theo những mệnh lệnh hết sức đơn giản. Họ biết rằng người cha của họ, người họ cậy nhờ, người bảo hộ cho họ, đó là tổng thống Diệm… Người ta nói với họ rằng tổng thống sắp gặp rắc rối với các đối thủ, thế là họ kéo nhau tới, một cách hiền hòa, chẳng súng ống gì, để nói lên sự gắn bó của họ”. Đó là mô tả tình hình theo báo Missi. Còn phải thêm luận điệu của Paris-Match để hiểu sự kết cuộc bi đát của nội vụ: “Các đoàn xe cam nhông Bình Xuyên

4. Pentagon Papers, tr.20.

6 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

xuất hiện, điều động vào địa hình rất tài, dựng cản khắp đường phố. Rồi bỗng dưng một loạt súng máy bắn xả vào một toán, mà chỉ cần nhẹ hơn cũng đủ sức giải tán… Nhiều người chết và bị thương nằm la liệt giữa phố. Một nhóm nhỏ biểu tình tiến tới quảng trường Bá Đa Lộc và treo lên bờ rào của Nhà thờ chính tòa mấy câu khẩu hiệu. Các linh mục tới gỡ đi và khuyên đám biểu tình hãy giải tán”. Những màn tương tự cứ

tiếp tục xảy ra tại Sài Gòn. Mỗi lần "Quốc gia lâm nguy", hàng chục ngàn người Công giáo, từ các trại di cư quanh thủ đô sắp hàng theo sau các cha xứ bận áo chùng thâm, kéo tuôn về thủ đô để biểu tình nói lên ý chí cương quyết ủng hộ Diệm tới chết. Quả thế, số phận họ được coi như gắn liền với số phận của thủ tướng. Nhờ viện trợ Mỹ, việc định cư hầu như được giao phó hoàn toàn trong tay cái cha xứ, các làng "kiểu Bắc kỳ" mọc lên tại Hố Nai, Cái Sắn v.v... bao quanh nhà thờ, lúc đầu chỉ làm bằng vật liệu nhẹ, sau được xây gạch thường có tháp chuông. Đó là những ốc đảo khép kín, vừa không thể xâm nhập, vừa không thể đánh chiếm. Nhờ sự ủng hộ vô điều kiện đó, sau cùng Diệm đã hất được Bảo Đại trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 23-10-55, Diệm chiếm được 98% số phiếu. Nước Cộng hòa được công bố và đương nhiên Diệm trở thành tổng thống đầu tiên. Các mục tiêu của chính phủ ông đơn giản lắm. a) củng cố miền Nam; b) giải phóng miền Bắc khỏi ách Cộng sản. Người ta đã viết nhiều về Ngô Đình Diệm như một "người hùng Đông Nam Á", là "Công xtantanh châu Á", là "Klôvít mới trong lịch sử Giáo hội". Theo dư luận của những người đã từng cộng tác với ông, Diệm là một người liêm khiết, độc tài, phong nho, và "trung cổ". Cổ lổ, ông càng tỏ ra cổ lổ hơn, khi tự cho mình là "Người Chúa chọn" để cứu dân. Là người độc thân từng sống gần chục năm trong tu viện, chủng viện, tại Việt Nam cũng như tại Mỹ, ông gần gũi với thuyết thiên chủ [théocratie] hơn là dân chủ [démocratie]. Là cha của nước Cộng hòa, ông chỉ chấp nhận một đảng duy nhất là Cần Lao, được thành lập và khuynh loát bởi ông em Ngô Đình Nhu, làm nòng cốt cho cái ông gọi là Phong trào Cách mạng Quốc gia. Phong trào này được tổ chức theo cơ cấu của một chính thể quốc gia, có tất cả các bộ chân rết như bộ máy chính quyền từ trên xuống dưới, khiến bất cứ ai muốn được thành tỉnh trưởng, quận trưởng, xã trưởng, giáo sư hay công chức, đều phải là đảng viên Cần Lao. Hệ tư tưởng của Đảng và Phong trào là "thuyết Nhân vị", chỉ có một trường đào tạo duy nhất là "Trung tâm đào tạo nhân vị", do người anh của tổng thống là Giám

mục địa phận Vĩnh Long, Ngô Đình Thục sáng lập. Bất kỳ là Công giáo hay không, tất cả công chức đều phải qua một khóa học tập ít là một tháng tại đó. Các lớp học đều do các linh mục đảm nhiệm, nhồi nhét những khái niệm về nhân bản, con người được Thiên Chúa sáng tạo, giảng về những điều lầm lạc của Phật giáo, Khổng Giáo, về các tội ác của Cộng sản... Cuộc "tẩy não" này do chính các linh mục thực hiện, họ là những người chỉ biết triết học kinh viện tây Âu và "đã tiếp thụ tại Rôma cái khái niệm về Phật giáo do các cố cựu thừa sai dạy cho" (lời thú nhận của giám mục Thục). Vị giám mục này, anh của tổng thống, niên trưởng của hàng Giáo phẩm, đã hóa thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm tới ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như hiện thân của Giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước. Thật không phải vô cớ mà thiên hạ bàn tán về "óc hiếu thắng của Giáo hội" và chủ nghĩa gia đình trị của nhà họ Ngô. Đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói năm 1963 rằng "Trên bàn giấy của tôi nằm chồng chất những lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này ơn nọ, khổ thay, thường chỉ là thế tục, từ chóp bu của Giáo hội, băng qua các đồng nghiệp của tôi trong hàng giám mục (...) và xuống cho tới những tầng lớp thấp nhất của quần chúng, bất phân màu da và tôn giáo (tôi có thể kể ra tên tuổi đáng kính như hồng y Feltin và đức cha

Rô-đanh (Rodhain). Tôi không thể dửng dưng trước những lời kêu xin của họ. Cho nên có sự ăn qua giữa cái thiêng liêng và cái phàm tục! Ở vào địa vị tôi, các ông sẽ xử sự thế nào?"(5) Từ 1955 đến 1963 là thời vàng son của chủ nghĩa cha chú, với những lợi ích thật chẳng bao nhiêu, nhưng với những hà lạm gây nhiều tiếng tăm hơn, nhất là trong khi công chúng gồm 90% là ngoài công giáo mà bị kiềm hãm dưới một thứ "chính phủ công giáo". Khắp nơi, ở thành phố cũng như nông thôn, chiếc áo chùng thâm là biểu tượng của quyền thế. Tại các vùng Công giáo di cư, cha xứ là toàn quyền, là những ông vua tuyệt đối. Giám mục Ngô Đình Thục cũng phải thừa nhận những chuyên hà lạm của các nhà độc tài áo đen. Trong một lá thư gởi cho một bạn cũ, ông viết: "Người ta có cả trăm hồ sơ, tố cáo các linh mục ăn cắp tiền của di cư, bằng những danh sách ma, bằng cách tẩy xóa sổ sách, bằng cách thu xếp để chiếm đoạt tiền bạc của chương

5. ICI, 15.4.1963.

trình Cải cách ruộng đất, hoặc bán hàng viện trợ Mỹ (theo các lời tố cáo của chính bà con di cư) hay là giữ tiêu riêng các khoản tiền họ nhận để xây dựng nhà ở cho bà con di cư: Nhà nước (và cả Giáo quyền) dễ dãi cứ nhắm mắt làm ngơ cái vụ đó, bởi vì linh mục rất cần cho việc huy động dân chúng trong cuộc chống Cộng." Tại thành thị, các linh mục chẳng có bằng cấp, chẳng tài giỏi gì, mà vẫn điều khiển các trường tư thục, được tổ chức những áp phe vơ vét tiền bạc. Hai linh mục đã được cử làm viện trưởng của hai trong ba đại học của toàn miền Nam, trong đó có đại học Đà Lạt. Đại học này chỉ là Công giáo nơi danh nghĩa thôi. Đất đai và cơ sở kiến trúc của nó đều do Nhà nước đài thọ. Để có nguồn thu nhập cho đại học, giám mục Thục đã giành được độc quyền các vùng đốn cây tại Định Quán, là điểm ngon nhất nước. Ông cũng xin được những thửa đất ruộng mênh mông dọc bờ biển, để trồng dương liễu và dừa; công viên này được tiến hành nhờ có tiền vay được hàng triệu đồng của chính phủ. Đã có đại học Công giáo thì phải có sinh viên. Song Đà Lạt là một thành phố nhỏ miền cao nguyên, ở xa các trung tâm đô thị lớn và nhất là nó chỉ là một thành phố biệt thự dành cho hạng giàu có. Muốn cho đại học Công giáo này hoạt động, chính phủ quyết định dời khoa Sư phạm Sài Gòn lên, đem theo toàn bộ sinh viên, anh chị em nào cũng có học bổng Nhà nước cấp. Thế là nhờ có sự bảo trợ của giám mục Thục thuộc địa phận Vĩnh Long, sau này làm Tổng giám mục Huế, các sinh viên Công giáo đã giành được những vị trí then chót và lương bổng cao. Tòa giám mục trở thành một loại phòng ngoài của dinh Tổng thống. Người ta thấy bộ trưởng, dân biểu, tỉnh trưởng, tướng tá (trong đó có nhiều người mới trở lại đạo) lũ lượt sắp hàng vào hầu đức cha. Tại các tỉnh, các linh mục cố vấn chính trị rất có ảnh hưởng cạnh tổng thống hoặc bên cạnh người em thứ ba của tổng thống – phó vương không danh nghĩa của miền Trung – các cha không ngần ngại tìm cách đưa con chiên mình vào thay thế các quận trưởng hay xã trưởng không công giáo. Để thành lập những đơn vị bảo vệ dinh tổng thống Diệm chiêu mộ những người di cư tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình vốn nổi tiếng là dũng cảm và chống Cộng. Ông nói chuyện đó với linh mục Cao Văn Luận, một người rất thân tín. "Giả như tôi đem vào được ít chục ngàn chiến sĩ của Thanh Nghệ Tĩnh Bình và một chục cán bộ có khả năng

cỡ cha Khai, thì mọi sự chắc chắn sẽ thành công." (Người ta biết rằng sau này linh mục Khai đã hối tiếc vì đã qua nhiệt tình phục vụ ông Diệm).

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG • 9

"Chính phủ công giáo" ngày càng trở nên lộ liễu khi ngành công binh, từng đoàn binh xa và vật tư của chính phủ được đưa ra sử dụng trong việc xây cất nhà thờ, chủng viện, các nhà thuê thuộc tòa giám mục; khi các cán bộ nông thôn và công chính được phái đi lo việc trồng dương liễu và dừa cho đức cha, khi các binh sĩ được biệt phái thường trực tại văn phòng Công giáo Tiến hành, khi các giám mục có chỗ danh dự đứng bên cạnh tổng thống trong các nghi lễ công cộng, hay là trong các cuộc duyệt binh, khi chính phủ phê nhận luật gia đình của bà Nhu, em dâu của Diệm, áp dụng – trong một nước mà 90% dân là không công giáo – các khoản luật gần giống như trong Giáo luật. Khỏi nói tới việc dựng các tượng Đức Mẹ do tay tổng thống, có giám mục nọ kia phụ vào, tại nhiều điểm ranh giới để "nhờ Đức Mẹ che chở đất nước khỏi nạn Cộng sản". Quả thế, Đức Mẹ cũng được đưa vào môi trường của chủ nghĩa hiếu thắng huênh hoang, nhất là dịp Đại hội Thánh mẫu tháng 2 năm 1959, có hồng y Agagian, sứ thần của Đức Giáo hoàng qua chủ sự. "Ba trăm ngàn giáo hữu đã đi theo cuộc rước khổng lồ trong ngày kết thúc, sau đó hồng y đã long trọng dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ Vô Nhiễm" theo tin tức báo chí thời ấy. Để cuộc rước đó thành công, ngoài sự tưởng tượng của Rôma và Pari, người ta đã huy động hàng ngàn lính công binh để xây dựng một bệ lớn trước nhà thờ chính tòa Sài Gòn, để dựng lên cổng chào, đồng thời đưa ra hàng trăm xe căm nhông để vận chuyển hàng chục ngàn giáo dân từ các tỉnh về. Đức Mẹ cũng được cung kính đặc biệt tại La Vang, quãng 30 km mạn nam vĩ tuyến 17. Vì những lý do chính trị, ngôi nhà nguyện nhỏ mất hút trong rừng núi, bỗng trở nên một nơi hành hương cho toàn thể người Công giáo Việt Nam, thậm chí của toàn nhân dân Việt Nam! Được mệnh danh là "thành lũy thế giới tự do chống cộng sản", ngôi nhà nguyện khiêm tốn này vừa được nâng lên hàng Vương cung Thánh đường từ sau Đại hội Thánh Mẫu, đã tiếp nhận vào tháng 8-1961 một cuộc hành hương khổng lồ nhất trong lịch sử chế độ Diệm. Ngày 16-8, tổng thống đích thân phú thác tương lai nước Việt Nam cho Đức Mẹ La Vang. Trước mặt 200.000 người hành hương, đầy đủ các giám chức của Giáo hội, các bộ trưởng và công chức cao cấp, phần lớn không phải là Công giáo, tổng giám mục Ngô Đình Thục đã đọc lời kinh dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ, sau cuộc rước kiệu khổng lồ. Nhằm biến La Vang thành một thứ Lộ Đức Việt Nam, hàng giám mục đã tổ chức tại La Vang để lấy cho được cỡ 10 triệu đồng dành

10 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

cho việc xây nhà thờ mới, các tượng Thánh Giá và cái hồ "làm phép lạ". Vé số được phân phối một cách đương nhiên cho các công chức, Công giáo hay không cũng mặc, bằng cách khấu trừ tiền lương của họ. Các học sinh nghèo, nhất là tại các trường học miền Nam, cũng phải mua vé số. Một số vé được đem giao cho các công chức và quân sự phân phối. Tại Sài Gòn, một bữa tiệc kiểu Mỹ đã được tổ chức trong đó có khách được mời phải đóng 2.500 đồng (ngang với một tháng lương của công nhân) gọi là để đóng góp cho Trung tâm quốc gia La Vang. Danh sách các ân nhân "tự nguyện" của La

Vang rất dài, với những người đứng đầu sổ là Phó tổng thống người Phật giáo, các bộ trưởng, các tướng tá, mỗi người dân cũng từ 10.000 đến 20.000 đồng. Đối với Nhà nước cũng như giáo hội, La Vang không chỉ là một trung tâm tôn giáo, mà còn là biểu thị của chế độ chống cộng. Chẳng hạn khi bình luận cuộc hành hương năm 1961, tờ Viễn Đông, một tạp chí tuyên truyền của chế độ, đã viết: "La Vang là nơi hòa nhập nên một, đối với người Công giáo, bản chất lòng yêu nước với đức tin giải ra trước con mắt của kẻ tin một việc lựa chọn hai chiều thật đúng với việc quan phòng của Chúa. Và sự chọn lựa này hiện rõ một lần nơi cái dự án kỳ diệu không tả nỗi và nơi vị trí địa dư của La Vang. Nguyện đường nằm ngay đường ranh giáp với chủ nghĩa cộng sản vô thần, từ nay nhà nguyện này nổi lên như một "con đê thiêng liêng của Nước nhà". Bên cạnh chủ nghĩa hiếu thắng bề ngoài đó, phải nói thêm một thứ hiếu thắng khác về "mục vụ" như là đặc điểm của Giáo hội thời kỳ này, đó là việc đưa dân ngoại vào đạo. Giám mục Angxen (Ancel) phụ tá địa phận Lyon, đã nhắc lại lời giám mục Thục: "Có những làng nguyên vẹn xin chịu phép rửa tội. Người ta không làm sao dạy giáo lý kịp cho họ…" Và ông kết luận: "Đây là nước duy nhất tại Viễn Đông (không kể Philippin) đang trên đà trở lại đạo cả nước". Những con số người lớn chịu rửa tội, nhất là tại địa phận Qui Nhơn xem ra phù hợp với cảm tưởng của vị giám mục Pháp: 16.323 năm 1956-1957, 27.385 năm 1958-1959, 37.429 năm 1960-1961. Năm 1959, tại Qui Nhơn, chỉ trong một tháng, 61.000 người xin chịu phép rửa tội. "Ơn Chúa hình như, đùng một phát, tuôn xuống như mưa trên địa phận của giám mục Phạm Ngọc Chi, giám mục phụ trách di cư những năm 1954-1956, ông đã nhận được từ cơ quan Viện trợ Công giáo Hoa kỳ 38 triệu đô la, của tổ chức viện trợ Pháp cũng như Caritas quốc tế còn nhiều triệu khác nữa."

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG • 11

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục – Giám mục Phạm Ngọc Chi

Phong trào trở lại đạo hàng loạt như thế vừa là kỳ diệu vừa gây khó chịu, bởi vì dân chúng trong vùng do đã sống dưới quyền kiểm soát của Việt Minh trong thời chiến tranh Pháp – Việt. Giám mục Chi đã cho chúng tôi biết rằng phép lạ đó, một phần vì nhờ có việc tuyên truyền "thuyết nhân vị" của chính phủ, dọn đường cho quần chúng tại đây tìm gặp được đạo Công giáo và đàng khác nhờ các việc từ thiện Công giáo, các trường học, cô nhi viện, nhà thương, điểm phát quần áo, bánh mì và lương thực. Có người cho rằng việc theo đạo hàng loạt đó chỉ lập lại theo ngạn ngôn đã có từ thời Pháp, "đi đạo lấy gạo mà ăn" thôi. Quả thế, viện trợ Công giáo từ ngoài vào đều do các linh mục tự tiện thao túng và thường chỉ dành để phân phát cho người Công giáo. Dân chúng miền Trung này, là vùng nghèo nhất miền Nam, chẳng qua đã tìm nơi việc theo đạo Công giáo một phương tiện kiếm ăn. Có những người cũng cho rằng họ vào đạo để khỏi bị sách nhiễu về chính trị. Quần chúng ở đây, vì đã từng sống lâu năm dưới chế độ Việt Minh, nên bị tình nghi có liên hệ với "kẻ địch", bây giờ vào đạo là gặp được con đường để tỏ lòng trung thành với chế độ hoặc ít ra tránh được những quấy nhiễu của cảnh sát. Đó là ơn Chúa hay chỉ là do động cơ khác của con người? Có thể nói là cả hai phía vậy. Điều chắc chắn là phong trào trở lại đạo đó chấm dứt với năm 1963, ngay khi tổng thống công giáo Diệm bị lật đổ. Về phép lạ Qui Nhơn, nên đọc thêm những gì viết

sau đây của báo Missi (1-1959): “Các linh mục phải kêu xin tiếp cứu. Giám mục Ful- ton Shenn đã nghe những lời yêu cầu đó và người Công giáo Hoa Kỳ đã hợp tác với giám mục Chi. Hàng ngàn tràng chuỗi, sách kinh đã được gửi tới Qui Nhơn, cũng như những lô ảnh vẽ Đức Mẹ và tượng Chúa Kitô là những dấu hiệu đầu tiên của con người mới.

12 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Người ta nói đến lý do chính trị của cuộc trở lại. Điều đó chắc chắn là có và có một cách hết sức đặc biệt.” Mùa hè 1955, Ngô Đình Diệm tung ra chiến dịch Tố Cộng và qua luật 10-1959, ông đã lập các Tòa án quân sự đặc biệt, như một bộ máy đàn áp. Luật này, kết án tử hình và phải thi hành trong vòng 3 ngày, khỏi có quyền bào chữa, tất cả những người Cộng sản, những người có quan hệ với Cộng sản (những chiến sĩ yêu nước chống Pháp, cả cha mẹ và bạn bè của họ), tất cả những bị cáo được xem là phạm đến an ninh quốc gia. Các cuộc càn quét đã bắt về hàng ngàn “tên đỏ”, từ nay gọi là Việt cộng và nhiều người trong số đó đã bị giết. Một số khác may mắn hơn, như ông Nguyễn Hữu Thọ, rồi đây sẽ là Chủ tịch Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng, từng là luật sư ở Sài Gòn và là Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Sài Gòn Chợ Lớn, phải sống lê lếch trong các trại giam. Trong lãnh vực này, tài liệu bí mật của Lầu Năm Góc cũng giống như những gì do chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phổ biến hồi đó: “Suốt thời gian của cái gọi là chiến dịch Tố cộng được tung ra mùa hè năm 1955, từ 50.000 đến 100.000 ngàn người đã bị nhốt vào ngục. Nhưng như bản báo cáo có nói, phần lớn những kẻ bị bắt đây không phải là đảng viên Cộng sản”. Đó là lời của Bơttơphiu (F. Butterfield) viết trong bản phân tích Tài Liệu Lầu năm góc. Tác giả còn thêm: “Chương trình công dân vụ đã thất bại, bởi vì tổng thống Diệm hầu như chỉ phái toàn những người di cư miền Bắc hay là Công giáo đến các làng đó. Nông dân cho rằng những thứ người đó không phải là người của họ”(6). Mặc dầu thái độ thiên vị của Diệm không chỉ nằm lại nơi các bảng thống kê, cũng cần ghi nhận rằng, trong một miền Nam chỉ có 10% là Công giáo, mà tại Quốc hội có tới 30% dân biểu Công giáo, với 3 vị chủ tịch quốc hội liên tiếp là Công giáo: trong bộ máy hành chánh, có 9 trên 14 tỉnh trưởng miền Trung và 14 trên 18 tỉnh trưởng miền Nam là Công giáo, trong chính phủ thì 4 trong số 12 bộ trưởng là Công giáo và trong quân đội 3 trong số 16 tướng lãnh là Công giáo. Các bản thống kê nói trên cho thấy một khuôn mặt xã hội không mấy đúng đắn về người Công giáo Việt Nam. Như đã trình bày ở trên, gần như toàn thể giáo dân người Việt là thành phần nông dân, nghèo đói. Cho đến năm 1954, giữa đám rừng tác giả và thi sĩ nổi tiếng, người ta chỉ đếm được một thi sĩ là công giáo. Rất ít người là trí thức.

6. Pentagon Papers, tr.82.

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG • 13

Như vậy, việc tăng vọt số người Công giáo trong chính trường cần được giải thích không phải vì họ có nhiều trí thức trình độ vượt trổi, hay là tài ba lỗi lạc hơn thiên hạ trong lãnh vực quản lý hành chánh và chính trị. Trong một báo cáo được soạn thảo vào cuối tháng 8, theo chỉ thị của tòa Khâm sứ Sài Gòn, để gửi cho Vatican, một linh mục khá thông thạo các các vấn đề Việt Nam có viết: “Người ta đã nói đến tiếng “hiếu

thắng". Tôi nghĩ tiếng đó không phải là thái quá để đánh giá cách xử sự của một số giám mục và linh mục. Trong các cuộc lễ nhậm chức giám mục hai năm trước đây cho hai đức cha Qui Nhơn và Đà Nẵng, người ta đã tổ chức những cuộc biểu tình khổng lồ. Không phải tất cả do người Công giáo đơn phương làm. Nhân sự và phương tiện của chính phủ đã góp một phần lớn vào các cuộc tập họp đó, mà không phải bao giờ cũng do lòng tự nguyện..." "Các đêm canh thức Giáng sinh, các Tuần Ta, nhật Tuần thánh của chúng tôi, được tổ chức với sự hỗ trợ to lớn của quân đội và bộ Thông tin, gây nên ganh tỵ nơi người Lương. Và các vụ xổ số, hội chợ do các linh mục tổ chức để có tiền làm việc thiện, gây bực bội cho rất nhiều người trong quần chúng. (Tài liệu này, chúng tôi có bản sao, chắc đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới đường lối của Vatican thời kỳ này)". Một biến cố cuối cùng, lẽ ra phải đánh dấu tuyệt đỉnh của chủ nghĩa hiếu thắng, nếu không có vụ khủng hoảng Phật giáo nổ ra: Tổng giám mục Thục đang chuẩn bị lễ Ngân khánh, ăn mừng 25 năm làm giám mục, ngày 29-6-1963. Từ tháng 3, một Ủy ban Ngân khánh đã được thành lập, do Chủ tịch Quốc hội làm chủ tịch, với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm ủy viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng và tại các tỉnh thì tổ chức các cuộc lạc quyên, vừa xin vừa ép, với những cuộc xổ số do tỉnh trưởng chỉ thị. Người ta muốn biến cuộc lễ Ngân khánh của Giám mục thành Quốc lễ. Nhưng cuộc lễ này đã chỉ ăn mừng "trong thân mật", do cuộc nổi lên của Phật tử. 2. HOA SEN ĐẪM MÁU Năm 1963, ngày Phật Đản đúng mồng 8 tháng 5. Bà con Phật tử đem cờ Phật giáo treo đầy đường phố Huế. Chính phủ, trích dẫn qui tắc đã ra từ 1957, ban lệnh cất đi các lá cờ tôn giáo đó, nếu cần thì dùng cả vũ lực, bởi vỉ chỉ có quốc kỳ mới được treo ở nơi công cộng.

14 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Hàng chục ngàn Phật tử đã tham gia xuống đường phản đối. Quân đội, theo lệnh chính phủ đã dẹp tan đám biểu tình và một loạt đạn súng máy giết chết 9 trẻ em. Đó là một biến cố bi đát, nhưng bề ngoài thì cũng chỉ là sự việc lẻ tẻ thôi. Tuy nhiên vụ cờ Phật giáo phản ánh sự chín muồi của cơn khủng hoảng từ lâu đã âm ỉ dưới đám tro. Dư luận quốc tế được báo động qua bác sĩ Wulff, giáo sư người Đức tại đại học Huế, đã săn sóc những người bị thương trong vụ này. Sự căm phẫn của dân chúng tăng lên tột độ khi Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng ngày 11 tháng 6. Tổng thống Diệm nói đến "việc Việt cộng đã len lỏi vào kích động dân chúng". Giám mục Thục giải thích vụ này, đã xảy ra hầu như trước mặt ông, tuyên bố rằng đó chỉ là một "đám lửa rơm" thôi. Còn bà Nhu thì cho mấy ông thầy chùa tự thiêu là trò "nướng thịt" [barbecue].

Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu Phật tử biểu tình chống kỳ thị tôn giáo

Nhưng dân chúng rất xúc động. Dư luận quốc tế thì cho các biến cố đó là dấu hiệu chứng tỏ chính phủ Công giáo có bách hại đàn áp tôn giáo. Và dĩ nhiên người Công giáo, và cả Giáo hội Công giáo Việt Nam, đều liên lụy trong đó. Trong giới Công giáo, người ta tìm cách giảm nhẹ sự việc và giải độc dư luận "vốn bị báo chí chạy theo giật gân lừa bịp". Chẳng hạn, đức Tổng Giám mục Sài Gòn nói: "Không có chuyện bách hại Phật giáo từ phía chính phủ, cũng như từ phía Công giáo. Không thể vì một hành vi

phân biệt đối xử lẻ tệ của cá nhân, mà đổ lỗi cho Nhà nước và Giáo hội. Vụ rắc rối ở Huế xảy ra ngày 8-5-1963 liên quan đến chuyện cờ Phật giáo treo tại các chùa, thiết tưởng có thể tránh không để xảy ra, nếu không có việc nhắc lại chỉ thị năm 1957 ra lệnh cấm treo cờ tôn giáo, dầu là Công giáo hay Phật giáo, ở nơi công cộng. Điều đã gây tức giận cho Phật tử là nhắc

lại chỉ thị nọ lại xảy ra chỉ có 2 hôm trước lễ Phật đản và chỉ mấy bữa sau cuộc lễ nhậm chức của hai giám mục các địa phận gần đó, trong đó có cờ Tòa thánh bay phất phới khắp nơi" (Missi 1963, tr. 354). Một số người Công giáo tại miền Nam Việt Nam và một số tạp chí thừa sai Pháp và Ý, cho rằng Phật tử có tham vọng biến đạo mình thành quốc giáo và một nhóm thiểu số cuồng tín sẽ tiếp tục "tự thiêu và để cho người ta thiêu mình; nhằm bảo vệ một vị trí có đặc quyền ưu đãi". Có người còn đi xa hơn. Theo họ, đây chẳng qua là một âm mưu Cộng sản giật dây phong trào Phật tử, nhằm trục lợi kiểu "đục nước béo cò". Hãy nghe tác giả của bản phúc trình gửi Vatican mà chúng tôi đã nhắc tới trên kia: "Bọn Phật tử chẳng hề quan tâm gì tới các lợi ích và vấn đề hệ trọng của đất nước. Chẳng mấy khi đọc được trong các tạp chí Phật giáo những bài chống Cộng. Họ có khả năng chống lại các yếu tố của học thuyết Mác-xit chăng? Có thuở nào họ dám mạo hiểm đi vào con đường hành động chống lại Cộng sản không? Chúng tôi tin là không, bởi vì có những tay nòng cốt Cộng sản đang đóng vai điều khiển phong trào Phật giáo. "Chính phủ nhằm mục đích cung cấp một cơ sở học thuyết cho cuộc chiến đấu chống Cộng của mình, nên đã công nhiên đưa ra những quan niệm duy linh và nhân vị. Hai học thuyết này đã được trình bày, không phải như là sản phẩm của đạo Công giáo, mà như là sản nghiệp chung của nền văn hóa tổ tiên. Thế nhưng, theo tôi biết được, thời chưa bao giờ thấy một vị sư, hoặc một giảng viên Phật tử, bàn về hai học thuyết đó trong các tạp chí hay trong diễn thuyết công khai… "Trong lúc các cha xứ lao mình, cả xác lẫn hồn, vào việc định cư dân chúng và tổ chức khai thác các vùng đất bỏ hoang, nhất là vùng cao nguyên, đào tạo dân quân bảo vệ làng xã, thì tu sĩ Phật giáo chẳng quan tâm gì tới các chuyện đó bao nhiêu, không phải là không quan tâm gì hết". Quan điểm này hình như là của phần đông người Công giáo miền Nam vẫn mang những tư tưởng chống Phật giáo khó giấu giếm. Chính tác giả của tài liệu này cũng thú nhận rằng: "Người của mình (Công giáo) thường có cặp mắt chẳng tốt gì đối với bất kỳ cái gì do bên Lương làm, trái lại thường chế giễu lòng tin, nghi lễ của họ, ngang nhiên khinh dễ các vị sư, chùa chiền của họ và hễ có dịp là phá luôn cả bàn thờ, với các đồ họ cúng trên đó".

Có những người khác đổ việc nổi loạn của Phật tử không những cho Cộng sản, mà cho cả đối thủ chính trị và bọn Mỹ, lợi dụng sự bất bình của một thiểu số nhà sư để trục lợi cho mình. Đó là ý kiến của một nhân vật quan trọng trong Giáo hội, theo Missi kể. Những nhà quan sát ngoài Công giáo và có lưu tâm thì phân tích tình hình chính trị kỹ càng hơn, thì nghĩ rằng phong trào chống đối vừa có tính chất tôn giáo vừa có lý do chính trị của nó: "Một mức nào đó, phụ thuộc thôi, có sự đối chọi Phật giáo chống lại

Công giáo. Nhưng phần chính yếu quan trọng hơn nhiều, là phong trào này đem những bộ phận đông đảo dân chúng, ở đây là Phật tử, chống lại một chính phủ độc tài do người Công giáo nắm hầu hết". Đó cũng là một số ý kiến của một số linh mục và giáo dân sáng suốt hơn, nhưng tiếng nói của họ tan như hạt muối bỏ biển ở giữa trào lưu hiếu thắng của Giáo hội lúc bấy giờ. Bởi vì những nhà lãnh đạo Giáo hội quá tự mãn, vì được đứng đầu một "thiểu số nắm ưu thế", quá tin tưởng vào các bản thống kê về việc theo đạo hàng loạt, đã mù quáng bởi tham vọng biến cả nước Việt Nam thành "đứa con đầu lòng đích thực của Giáo hội". Quả thế, vụ rắc rối xảy ra ở Huế, lẽ ra có thể tránh được, nếu Tổng giám mục Huế đã không đích thân nhúng tay vào. "Ngày 7 tháng 5, theo lời linh mục Luận, một trong những linh mục gắn khá sâu với nhà Ngô và là viện trưởng đại học Huế - từ La Vang về, đức cha [Tổng Giám mục Thục] nhận thấy đường phố được giăng đầy cờ Phật giáo... Ngài bực mình và ngay chiều hôm đó, Ngài cho gọi ông Hồ Đắc Khương vào, ông là đại diện của chính phủ, và quở trách ông, tại sao để cờ Phật giáo treo đầy đường phố, trái với lệnh nhà nước cấm treo cờ đạo nơi công cộng. (Thật hết sức mỉa mai, thành phố Huế, nơi có tòa giám mục của đức cha Thục, nhiều lần đã từng được chứng kiến những cuộc rước kiệu Công giáo hết sức linh đình, với cờ vàng trắng của Vatican phất phới bay, chẳng những trên đường phố, mà ngay cả trước các cơ quan chính quyền. Năm 1961, ngày ông nhậm chức Tổng giám mục Huế, ông đã được nghênh đón tại sân bay bởi cả một tiểu đoàn bận lễ phục và một lá cờ tòa Thánh khổng lồ được dựng ở ngay sân bay). Vị đại diện chính phủ chẳng biết làm thế nào được, bởi ông hiểu rõ, nếu cấm treo cờ lúc này thì không tiện chút nào, vì người ta sẽ cắt nghĩa việc đó như một điều hạ nhục Phật giáo. Ông điện vào Sài Gòn. Chẳng rõ bức điện có tới Tổng thống hoặc ông cố vấn Nhu chăng,

nhưng một bức điện từ Văn phòng Tổng thống đánh ra khẳng định rằng lệnh cấm cờ vẫn còn hiệu lực... Rồi câu chuyện ra sao thì sau đó ai cũng biết rồi..." Nhưng không nên đơn giản nghĩ rằng cơn khủng hoảng Phật giáo chỉ vì có chuyện treo cờ và cấm treo cờ. Thực ra biến cố Huế chỉ là ngọn đuốc châm lên, soi rõ sự bất mãn của anh em Phật giáo từ lâu nay cứ bị trù dập. Có nhiều nguyên nhân của sự bất mãn này. Trước tiên là chỉ thị số 10 của Phủ tổng thống, lấy lại các sắc lệnh của chế độ thuộc địa, nói rằng: "Tất cả các hiệp hội tôn giáo, văn hóa, thể dục, chỉ trừ Công giáo, đều không được mua bất động sản, nếu không có phép của Phủ tổng thống". Bản văn của sắc lệnh đặt Công giáo ra ngoài và hạ Phật giáo xuống hàng các hiệp hội văn hóa và thể thao, tất nhiên nó phải làm bực bội Giáo hội Phật giáo. Việc trở lại thời thuộc địa như thế, cũng không làm hài lòng đại bộ phận quần chúng nhân dân, dẫu sao cũng không bao giờ từ bỏ truyền thống nhà Phật. Hơn nữa, sắc lệnh khơi lại sự đố kỵ đối với người Công giáo, mới đây đã từng liên minh với bọn xâm lược và hôm nay lại liên minh với chủ mới là Mỹ. Sau nữa, những hành động lặp đi lặp lại như dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ, đưa nhiều người Công giáo lên các chức vụ quan trọng trong chính quyền, cho phép giải thích sắc lệnh, vốn đã bất công, như một cử chỉ "tìm cách Kitô hóa" cả nước là trái ý mọi người. Tiếp đến, việc áp đặt chủ nghĩa "Nhân vị" – học thuyết vừa mông lung vừa ngược với tinh thần người Việt – làm hệ tư tưởng của Nhà nước, việc khinh dễ tất cả giá

trị tinh thần và văn hóa của cả chục thế kỷ lịch sử Việt Nam đã từng thấm nhuần trong nhân dân, việc thiên vị ưu đãi quá rõ ràng đối với người Công giáo trong mọi lãnh vực, đã tạo ra sự nổi giận lúc đầu còn ngấm ngầm, sau đã nổ rõ ra nơi quần chúng Phật tử. Bà con Phật tử ngày càng ý thức hơn rằng, muốn chống lại sự độc tài của Diệm, muốn cân bằng lực lượng của Công giáo, thì phải hiệp nhau lại trong Giáo hội Phật giáo. Cuộc nổi loạn của Phật tử làm cả chế độ phải lung lay, nhưng cho tới ngày sụp đổ, chế độ vẫn tiếp tục gia tăng đàn áp, lục soát các chùa, bắt giam sư sãi và các chiến sĩ Phật tử. Hoa kỳ, chỗ dựa nếu Diệm không còn dựa được là sẽ rớt đài, đã quyết định thay ngựa. Cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, đã dàn dựng khéo léo, như chính Tài Liệu bí mật Lầu năm góc cho chúng ta biết.

3. AI LÀ NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM Phải nhờ ánh sáng các sự kiện lịch sử nói trên, mới hiểu được sự phản ứng của vị Linh mục người Bỉ, một “cha xứ xung kích” khi ông tâm sự với Lacutuya (Lacouture): “Ai là người chịu trách nhiệm về tình hình tan hoang đó, về sự thất bại hoàn toàn của chế độ Diệm, về sự xao xuyến rối răm hiện nay của giới Công giáo chúng ta? Ai, tôi xin phép hỏi ông? Phải chăng quân đội? Phải chăng chính quyền? Phải chăng bọn Mỹ? Không, chính là giới Công giáo! Vâng chính khối Công giáo là kẻ chịu trách nhiệm. Họ đã chạy theo hiếu thắng, họ đã bay như diều, chẳng bao giờ biết kiềm hãm, tìm cách sửa chữa những lạm dụng không thể chịu nổi của chính chế độ. Có phản ứng chăng, thì chỉ ở những cấp hết sức khiêm tốn thôi. Họ đã đồng ý với một kiểu lẫn lộn hoàn toàn giữa giàu có với Công giáo, giữa tư sản phì nôn với hàng giáo phẩm. Và ngày nay nông nỗi đã xảy ra như thế này, chỉ còn chờ Phật giáo trả thù, tình hình có thể rẽ ngoặt một cách thảm hại nếu Việt Cộng thành công nắm được Phật giáo, như hiện họ đang ra sức làm. Người Công giáo không chịu sửa mình, không chịu cứu uy tín cho ông Diệm, phải bắt đầu lại từ số không, trên những đống gạch vụn, nếu phía địch là phía hiện đang năm tới 80% số người có khả năng của đất nước này, còn cho chúng ta đủ ngày giờ…” Tiếc thay, vị thừa sai kia đã không lên tiếng sớm hơn! Bàn cờ đã ngã ngũ. Theo lệnh của Mỹ, Diệm phải từ chức hay là chết thôi. Một tài liệu mật của Tòa Khâm sứ cho chúng ta biết một chuyện quan trọng, từ trước vẫn không ai hay biết, liên quan đến cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963: “Sự yên tĩnh của giờ nghỉ trưa bị xé tan vào lúc 13 giờ 45, bởi một loạt súng máy nổ ran phía sân bay Tân Sơn Nhất, ở 6 km mạn Bắc thành phố. Nghe loạt súng bất thường vào giờ này, lập tức tôi nghĩ ra rằng đây không phải súng đảo chánh, mà chỉ là chuyện cục bộ do một nhóm quân đội chống lại lính bảo vệ và quân khu thủ đô nằm dưới quyền trực tiếp của Phủ tổng thống. Tới 15 giờ 15, tôi nhận được cú điện thoại của ông Cabốt, tôi có thể ghi lại đúng như sau: “Thưa Đức cha, như Đức cha có thể nghe đó, tiếng súng đã nổ. Quân đội đã chiếm sân bay Tân sơn Nhất và căn cứ Biên Hòa, lúc này họ đang tiến về hướng Phủ tổng thống (Dinh Gia Long). “Nghe ông nói tiếng Pháp, tôi lấy làm lạ, tại sao ông cho tôi những tin tức loại này, mà không cần giữ giọng kín tiếng lại, tôi bèn hỏi người đối thoại cho biết có phải là đích thân ông Cabốt chăng.

Ông này muốn tôi biết chắc bèn nói: Tôi là bạn của Đức cha, cũng đã từng là bạn của đức cha Asta. Đức cha nhớ lại, chúng ta đã gặp nhau nhiều lần tại tòa Khâm sứ". Nghe tôi hỏi tại sao tôi biết tiếng Ý mà lại không dùng nó để giữ sự kín đáo hơn tại Sài Gòn, ông nói rằng ông biết tiếng Ý nhưng không quen nói. Từ lúc đó, tôi thì nói tiếng Ý, còn ông ta thì nói tiếng Pháp. Cuộc điện đàm giữa chúng tôi tiếp tục như sau: "Tôi đã thấy cần tán thưởng vai trò trung gian mà tòa Khâm sứ đã vui lòng chấp nhận giúp trong vụ Phật giáo. Tôi phải nói cho Đức cha hay rằng, nếu lần này ông Diệm và ông Nhu có nhờ tòa Khâm sứ làm trung gian, thì xin Đức cha nói với hai ông rằng, không còn chuyện trung gian hoặc thương lượng nữa đâu, bản thân tôi cũng như phía quân đội đã quyết định là chỉ cho họ khỏi chết thôi, họ có thể dùng lối này hay lối khác để ra khỏi nước và không bao giờ trở lại nữa". "Tôi nhận thấy giọng nói minh bạch và quyết định của lời đưa tin này. Tuy nhiên, nhớ lại bầu không khí thương lượng đã có từ trước cho tới gần đây giữa chính phủ Diệm và Hoa Kỳ, tôi hỏi thêm mấy câu để ông Lốt xác lập lại đều đó. Tôi đang tính chuyển qua những người đang bị bao vây tại Dinh Gia Long các điều kiện người ta cho họ nếu họ chịu đầu hàng..." So sánh các cuộc đàm thoại đó với cuộc điện đàm được ghi âm giữa ông Diệm và Cabốt Lốt đã do Tài liệu Lầu năm góc công bố, người ta thấy rằng tổng thống đã gọi đại sứ Mỹ vào lúc 4 giờ rưỡi chiều, sau khi đã nhận được tin của Tòa Khâm sứ. Sau khi khước từ can thiệp giúp đỡ Diệm, ông Lốt nói với người đối thoại: ... "Đến giờ này rồi, tôi lo cho chính sự an toàn của Tổng thống nhất. Người ta cho tôi hay rằng, những kẻ đang điều động vụ này sẵn sàng cho ông và em ông lối thoát để ra khỏi nước, với điều kiện ông từ chức. Ông có biết chuyện đó chưa?". Diệm trả lời: "Không biết (nghỉ một lát), ông có số điện thoại của tôi không? Lốt đáp: Có. Xin cứ gọi tôi, nếu tôi có thể làm gì được gì cho sự an toàn sinh mạng cho ông". 4. CÁC TƯỚNG TÁ MÚA MAY QUAY CUỒNG Ngày trước, mỗi lần tổng thống Diệm thoát khỏi một vụ mưu sát hay một cuộc đảo chánh, người ta hát kinh 'Te Deum' (Tạ Ơn Chúa) tại các nhà thờ. Lần này, cả kinh Requiem (an táng) cũng không có. Tờ nhật báo Công giáo Thắng Tiến mới hôm kia tuyên bố vung vít rằng Chúa đã làm những việc lạ lùng đặc biệt để bảo vệ mạng sống cho Tổng Thống, bởi ông là người Chúa chọn lựa cứu nhân dân Việt Nam. Ngay sau vụ ám sát Diệm, cũng tờ nhật báo đó đã gọi ông là

tên độc tài, là tay đàn áp. Sự trở mặt đó cần được giải thích như một hành động xu thời, hay là chỉ vì hốt hoảng thôi? Quả thế, người Công giáo lúc này sống trong sự hốt hoảng, lo âu sẽ bị trả thù. Diệm bị ám sát, cái đảng toàn trị Cần Lao đã sụp đổ như một tòa nhà bằng giấy. Phong trào Cách mạng Quốc gia khổng lồ, như do một bàn tay phù thủy làm biến mất dạng. Thay vào đó, người ta dựng lên Hội đồng Cách mạng gồm toàn tướng tá. Trong quãng trống chính trị này, cái trống rỗng không lấp đầy được với những đảng phái chính trị tái xuất giang hồ, những nhóm nhỏ thường chẳng có chương trình rõ rệt nào, và các tướng tá bắt đầu màn nhảy múa quay cuồng của họ. Hết binh biến lại đảo chánh, hết đảo chánh lại binh biến thay phiên nhau. Cuộc binh biến đầu tiên do "Minh đại ca" chỉ huy đã bị lật nhào ngày 30 tháng giêng 1964 bởi một nhóm tướng trẻ do Nguyễn Khánh điều khiển. Khánh lại phải cuốn gói ngày 13 tháng 9 để nhường tay lái cho một "tên Thổ trẻ", tướng không quân Nguyễn Cao Kỳ. Như một phép lạ, ngày 27

tháng 10 năm 1964, xuất hiện một chính phủ dân sự của Phan Khắc Sửu, chẳng mấy bữa đã bị lật đổ ngày 20 tháng chạp trong một cuộc "đảo chính bỏ túi". Nguyễn Khánh lại lên ghế Chủ tịch, bằng một cuộc trở về yên ổn ngày 28 tháng giêng năm 1965, để ba tuần lễ sau đó lãnh án "lưu vong", làm đại sứ lưu động, rồi sau đó làm chủ một quán ăn ở Pari. Vụ lật đổ thứ sáu đưa ông tướng hung hăng Nguyễn Cao Kỳ lên cầm đầu chính phủ.

Nguyễn Khánh, Johnson, Westmoreland, Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ Trước trận múa may quay cuồng đó của tướng tá, những người theo dõi tình hình Nam Việt Nam một cách sơ sài sẽ lấy làm bỡ ngỡ, khó hiểu. Nhưng thực tế đơn giản hơn nhiều. Có một nhân vật ngồi ung dung trong văn phòng mình, tại sứ quán Mỹ, cứ giật dây, điều khiển các con rối và thay đổi chúng tùy thích, đó là Cabốt Lốt. Chính Lốt đã công khai tuyên bố với những người cứ bảo rằng không ai thay thế được Diệm, rằng: "Tại Việt Nam có hàng chục người có khả năng thay thế ông ta". Chính Lốt đã giết con "cu cu" (nói theo ngôn từ của

tác giả cuốn "Vị đại sứ", bởi vì Mỹ "sẽ không rút khỏi Việt Nam trước khi thắng giặc" (theo lời của ngoại trưởng Đin Rớt (Dean Rusk), Lốt có nhiệm vụ chọn người có khả năng thực hiện mục tiêu của Mỹ. Nhất là kể từ nay, chú Sam không thể rút khỏi Việt Nam mà không mất mặt. Tài liệu nghiên cứu của Lầu năm góc nói rõ: Phần chúng ta đã có trong cuộc đảo chính này, chỉ làm gia tăng trách nhiệm của chúng ta tại đó, cũng như sự lún sâu của Mỹ vào đó"(7). Nhưng con người mà Mỹ mơ ước chẳng thể tìm ra. Các tướng tá của cuộc lật đổ đầu, những sĩ quan mang quá nhiều sao và được đào tạo kiểu Pháp, bị cho là nhút nhát và chậm chạp trong việc chấp hành lệnh của quan thầy nóng nảy đã bị thay thế bằng Nguyễn Khánh, "con cưng" của tướng Pôn Hackin (Paul Harkins) và được Têlo (Maxwell Taylor) đánh giá là "không ai thế được" trong một báo cáo ngày 10-8- 1964. Tên đồ đệ dễ bảo này phải làm bung xung cho thầy mình, vốn ước mơ từ lâu việc ném bom Bắc Việt. Ngày 8 tháng 8, sau một vụ xô xát nhỏ trong hải phận Bắc Việt, giữa hai tàu tuần tiểu nhỏ Bắc Việt và các khu trục hạm của hạm đội 7, tổng thống Giônxơn (Johnson) đã ra lệnh ném bom phía trên vĩ tuyến 17. Nhưng cả Nguyễn Khánh lẫn chính phủ dân sự của Sửu, đều không thể thỏa mãn được tham vọng của Lầu năm góc. Sau đó, họ tìm được một người, tướng Nguyễn Cao Kỳ, đã từng lái máy bay ra đánh phá nhiều lần trên vĩ tuyến 17, con người ôm ấp trong lòng kế hoạch tấn công miền Bắc và nhiều lần đã tuyên bố ý định đó với báo chí. Tuy nhiên viên tướng ăn chơi này, dầu hoạt bát và hữu hiệu đấy, cũng chỉ là một chính trị gia bết bát. Chẳng bao lâu, y đã đành chịu đóng vai nhì bên cạnh một tướng cao mưu, xảo kế hơn, đó là Nguyễn Văn Thiệu. Tay này đã trở lại đạo Công giáo dưới chế độ Diệm. Một số người cho rằng y theo đạo Công giáo vì những động cơ chính trị, hơn là lý do tôn giáo. Nhằm tô vẽ cho chế độ Sài Gòn có một nước sơn dân chủ và để hợp thức hóa cho cuộc chiến thực dân mới tại Việt Nam. Cộng hòa đệ nhị ra đời: Hiến pháp mới được công bố ngày 1-4-1967 và cuộc bầu cử tổng thống được tiến hành ngày 2-9-1967. Thiệu đắc cử với Nguyễn Cao Kỳ đứng chung một liên danh. Bốn năm sau, Thiệu được tái đắc

cử với tỉ lệ áp đảo là “94.36%”, trong một cuộc bầu cử lịch sử mà chỉ mình ông ta độc diễn.

7. Pentagon Papers, tr. 158, 205.

22 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Trong khi đó, sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam trở nên trực tiếp và ồ ạt. Người ta biết rằng từ năm 1961, Kenơdi (Kenne- dy) đã phái “Lực lượng đặc biệt” qua Nam Việt và đã từng tung ra một chiến dịch bí mật phá hoại và tấn công miền Bắc, bằng cách sử dụng các toán biệt kích Công giáo chọn lọc trong thành phần di cư. Ngày Diệm đổ, có 17.732 lính Mỹ tại Việt Nam trong tư cách “cố vấn quân sự”. Sau vụ ám sát Diệm, tình hình chính trị và quân sự xấu đi. Để “cứu vãn các vị trí Mỹ tại Đông Nam Á” và để “chận đường Trung Quốc”, Lầu năm góc vạch ra kế hoạch hành quân cả trên không lẫn ở đất liền. 5. ĐỐI DIỆN VỚI CHIẾN TRANH CỦA MỸ Ngày 5 tháng 3 năm 1965, ba ngàn rưỡi lính Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng, rồi nhiều đơn vị khác tiếp theo sau. Đến cuối năm ấy, quân lực Hoa Kỳ tại Việt Nam lên tới 184,414 người. Các lần bổ sung cứ tiếp tục theo nhau: đến cuối năm 1966, quân lính Mỹ đã lên tới 400,000 và cuối năm 1967 có quãng 500,000 quân. Việc leo thang không chiến đã được chuẩn bị bởi một loạt vụ khiêu khích rùm beng nhằm bắt “phía địch phản ứng”, rồi ngày 6-2-1965, cuộc ném bom mở rộng đầu tiên tại Bắc Việt được tiến hành và liên tiếp những vụ đó nối đuôi theo hầu như hằng ngày. Đến cuối năm đó, chiến tranh không quân đã đạt nhịp độ 1.500 chuyến cất cánh mỗi tuần. Các vụ ném bom hàng ngày trở nên càng tàn bạo hơn ở Bắc cũng như Nam, trong hai năm 1966 và 1967. Người ta đưa đất nước này trở lại “thời kỳ đồ đá”, để các nhà lãnh đạo của nó phải quì gối xuống. Tất cả được đưa ra sử dụng nhằm đưa tới mục đích ấy: bom hóa học, bom napan, các loại vũ khí tối tân của kho chiến cụ Hoa Kỳ mang qua.

Máy bay rải chất độc da cam – Pháo đài bay B-52 trải thảm bom

Song nhân dân Việt Nam vẫn bất khuất. Ngày 31 tháng giêng năm 1968, Mặt trận Giải phóng tấn công Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn và một số thành phố quan trọng khác. Người dân Mỹ cuối cùng đã nhìn ra sự

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG • 23

khùng dại của các tướng lãnh đạo họ. Tổng thống Giônxơn thừa nhận sự thất bại và ngày 3-4-1968 chịu ngồi vào bàn hội nghị hòa bình với Bắc Việt Nam và Mặt trận Giải phóng. Các cuộc thảm sát do bàn tay lính thủy đánh bộ của Mỹ trong những cuộc hành quân “tìm giết cho sạch, phá cho hết”, trước những cảnh hủy diệt các thành thị khắp nơi trên thế giới dấy lên những phản ứng khác nhau. Tại Mỹ, đám “diều hâu” vỗ tay và biện hộ cho sự can thiệp của Mỹ bằng những lý lẽ tôn giáo. Dựa vào lời lẽ của chính quyền, theo đó “người Mỹ sang Việt Nam là do lời yêu cầu của chính phủ Nam Việt Nam, nhằm chấm dứt việc miền Bắc xâm lăng và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho một cuộc dàn xếp êm đẹp”. Nhiều linh mục rao giảng hô hào một cuộc thánh chiến. Một bài của tạp chí Ave Maria (25-9-1955) trích lời đức Piô XII, khẳng định rằng: “Bất kỳ nước nào đi xâm lăng đều phải bị các nước khác trừng trị. Điều chúng ta đang làm

đây là việc trị tội một nước xâm lăng nọ đang bị nước Trung Hoa Cộng Sản xúi dục". Theo một điều tra dư luận của Catho- lic Pools Inc. Năm 1967 thì có 80% linh mục Hoa Kỳ tán thành chính sách hiếu chiến của Giônxơn (Johnson). Lời biện hộ ngoạn mục nhất là do Hồng y Xpenman (Spellman), tổng tuyên úy quân đội Hoa Kỳ, sau thánh lễ Vọng Giáng Sinh năm 1966, đã hô hào lính Mỹ tại sân bay Tân Sơn Nhứt, trước mặt đại tướng tổng tư lệnh Oétmolen (West- moreland) rằng: "Tôi tin rằng chiến tranh Việt Nam là một cuộc chiến bảo vệ nền văn minh... Như tổng thống chúng ta đã tuyên bố, cũng như lời ngoại trưởng, không thể chỉ thắng một cuộc chiến nửa vời được. Vì thế, chúng ta cầu nguyện cho chiến tranh chóng đến với chúng ta, bởi vì không thể nghĩ rằng một giải pháp nào, ngoài sự chiến thắng... Chúng ta phải chiến thắng, hầu bảo toàn những gì chúng ta gọi được là nền văn minh... Các bạn ở đây không chỉ là binh sĩ quân lực Hoa Kỳ, nhưng còn là binh sĩ của Đức Kitô". Ít hôm sau, phát biểu trước mặt quân sĩ Hoa Kỳ, Hồng y lại cả quyết: "Ở đây, các bạn đang bảo vệ một chính nghĩa, chính nghĩa của văn minh và chính nghĩa của Đức Chúa Trời!" Những lời tuyên bố đó của Hồng y, hình như bị lu mờ đi trước cuộc vận động chống chiến tranh do một thiểu số linh mục và người Công giáo Mỹ tung ra. Quả thế, từ 1965, có một số linh mục, tu sĩ nam nữ Công giáo phối hợp với những cuộc biểu tình do Tin Lành tổ chức đòi ngừng bắn và rút lính Mỹ về. "Thưa tổng thống, nhân danh Đức Chúa Trời, hãy ngừng tay lại". Đứng trước việc Mỹ leo thang chiến tranh, nhiều sinh viên đã tổ

chức "biểu tình ngồi ỳ" hoặc bãi khóa, nhiều mục sư, linh mục và giáo sĩ Do thái giáo cùng nhau lập ra một "Ủy ban giáo sĩ lo về Việt Nam". Rằng mình chỉ là một thiểu số. "Chúng tôi nhận thấy với đầy lo âu rằng người Kitô giáo Hoa Kỳ, cho tới nay, đã không thành công trong việc góp phần vào việc giữ hòa bình thế giới. Họ hầu như câm nín, đang khi đất nước ta càng ngày càng sa lầy vào chiến cuộc Việt Nam". Về phía Công giáo, tình hình còn tệ hơn. "Quả là đáng báo động, khi nhận thấy rằng người Công giáo không đưa ra một chứng cớ rõ rệt liên quan đến cuộc chiến khốn nạn này. Đã hẳn, có ít người trong họ, như các linh mục Đanien và Philip Berigan có làm chứng. Nhưng đa số người Công giáo thì không."(8) Đúng thế, đa số người Công giáo Mỹ đi theo đường hướng của hàng giáo phẩm hơn là suy nghĩ tới những lời kêu gọi đầy lo âu của Hội đồng Đại kết các Giáo phái, của một số giới chức nước ngoài và của đức Phaolô VI, từ 1964, đã từng kêu gọi nhiều lần và tỏ ra lo lắng nhiều về nền hòa bình. "Những khổ cực và lo âu phát xuất từ các cuộc tàn phá to lớn như thế, mà không dạy cho chúng ta điều gì sao? Nhìn thấy những cảnh xáo trộn của bao gia đình tàn nát, của bao nhiêu thân thể bị xâu xé, cùng những thành thị bị hủy diệt, mà không gây được ảnh hưởng gì trong tâm trí những người có trách nhiệm hay sao?". Trước và sau Giáng sinh 1965, đức Phaolô VI đưa ra một loạt hành động hăng hái, phục vụ cho một nền hòa bình bằng con đường thương lượng. 6. GIÁO HỘI ĐỐI DIỆN VỚI VẤN ĐỀ HÒA BÌNH Trong bối cảnh như thế, thái độ của Giáo hội Việt Nam như thế nào? Sau một lúc bị gạt ra rìa bởi nhóm tướng tá đảo chính và Hoa Kỳ đang muốn chơi con bài Phật giáo, người Công giáo lại giành được thế mạnh chính trị vào năm 1965. Quả thế, trong vụ khủng hoảng Phật giáo và sau khi Diệm bị đổ, người Mỹ cứ nghĩ rằng có thể dựa vào Phật giáo để

thực hiện mục tiêu của mình. Nhưng Giáo hội Phật giáo Thống nhất, mặc dầu có nhiều xu hướng và ý đồ khác nhau, vẫn không tán thành chiến tranh và không chống lại việc thương thuyết với Cộng sản. Một điều chắc chắn, theo cây bút Xunbecgơ trong tờ Nữu Ước Thời báo ngày 15-3-1965, tổ chức Phật giáo không đồng tình với kiểu cách của Oasinhtơn, mà lại nghiêng về phía các ước nguyện của Việt Cộng.

8. Sứ điệp Hội đồng Nhà thờ thế giới ngày 3-12-1965.

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG • 25

Mất hứng trước thái độ của Phật giáo, Lầu năm góc quay lại luôn phía Công giáo và chơi cho hết ván bài này. Dĩ nhiên, trong các tài liệu của Tổng giám mục Sài Gòn, tiếng "hòa bình" hay được nói đến, nhưng luôn luôn chỉ rõ rằng phải là một thứ "hòa bình công bình bền vững" chứ không phải chỉ là "hòa bình giả tạo chẳng khác gì một cuộc đầu hàng Cộng sản". Người Công giáo lại bắt đầu xuống đường, biểu dương lực lượng. Ngày 12-6-1966, 20.000 thanh niên Công giáo biểu tình trên đường phố, trước mặt 40.000 người đồng đạo của mình. Thanh niên biểu tình được tổ chức thành những toán bán quân sự và bận đồng phục màu đen, có nịt lưng. Họ hãnh diện hô các khẩu hiệu, rồi được quần chúng hô theo: "Nhân dân Việt Nam ghi ơn quân đội đồng minh" (Hoa Kỳ). "Người Công giáo không thỏa hiệp với Xatan", "Liên hiệp với Cộng sản là tự sát". Đồng thời, các báo Công giáo hoan nghênh các cuộc ném bom của Mỹ như là "cử chỉ xứng đáng của người Xamarita tốt bụng". Họ tránh né không công bố các lời kêu gọi hòa bình của Đức Giáo hoàng, hoặc kiểm duyệt cắt xén, hoặc tìm cách giới hạn ảnh hưởng của những lời kêu gọi ấy. Chẳng hạn tờ Xây Dựng, nhật báo Công giáo, viết: "Đức giáo hoàng không được thông tin đúng đắn, Ngài không rõ tình hình phức tạp của Việt Nam, Ngài chỉ nắm được một khía cạnh của vấn đề, Ngài bị bao vây bởi nhóm người khả nghi... Đức giáo hoàng bị ép phải ăn nói có lợi cho kẻ thù..." Đức giáo hoàng, vừa nói ra một thông điệp đòi phải thương nghị tái lập hòa bình, không thể không lo lắng trước thái độ thiếu sốt sắng của hàng Giáo phẩm Việt Nam, cũng như trước lập trường công khai ngược lại của người Công giáo. Thực ra, có một số người Công giáo, gồm linh mục và giáo dân, lấy lập trường thương lượng hòa bình, như 11 linh mục đã ký tên vào một bản thương nghị và hòa bình ngày 1-11-1966. Nhưng các tài liệu đó bị các cha xứ cấm giáo dân tiếp xúc, còn tác giả thì bị anh em đồng nghiệp cô lập, và bị bề trên ruồng bỏ. Một nhà báo của tờ Thông tin Công giáo quốc tế đã hỏi một giám mục vào tháng 4 năm 1965 rằng: "Tại sao Đức cha không phổ biến rộng rãi lời kêu gọi hòa bình cửa đức Phaolô VI?" Trả lời: "Ông cứ xem bức thư của 11 linh mục. Đó là một kiểu lên tiếng nguy hiểm. Chính phủ có thể giải thích bức thư đó như một sự hùa theo Cộng sản. Và Giáo hội có thể vì đó mà gặp rắc rối. Vì thế, chúng tôi khó lòng mà nói được về hòa bình. Bức thư đó gây nguy cơ chia rẽ Giáo hội, bởi vì kẻ thù của chúng tôi có thể coi đấy như lập trường chính thức của hàng Giáo phẩm, điều đó không đúng đâu... Bên châu Âu, các ông không

26 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

hiểu gì. Những người Cộng sản của các ông là lớp người tư sản, tử tế và hiền lành. Ở đây, biện pháp của Việt cộng kinh khủng lắm. Họ chôn sống những ai không chịu đi theo họ. Họ biết rõ từng người đàn ông, đàn bà, họ ghi số, kiểm soát, đóng khung dân chúng lại. Các ông không hiểu những điều đó là thế nào cả...". Như để bắt các giám mục tỏ một thái độ mềm dẽo hơn, tháng 10 năm 1966, đức Phaolô VI đã phái một đặc sứ qua Sài Gòn. Trong sứ mạng khó khăn này, đức cha Pighêdoli đã chỉ làm được cho các giám mục Việt Nam y như với đức Phaolô VI và lặp lại nguyên xi các lời của Ngài: "Nhân danh Chúa, chúng tôi xin kêu lên: Hãy ngừng lại. Cần phải gặp gỡ nhau một cách thành thật..., Hòa bình và tự do, phải tôn trọng các quyền con người, quyền lợi cách công đồng, nếu không thì chỉ là hòa bình mỏng manh và không bền vững". Bản tuyên bố hơi miễn cưỡng đó, xem ra không ngược lại với lời cả quyết của đức cha Pighêdoli được tờ báo Sống Đạo đăng tải: "Nếu có chống, hay đúng hơn, nếu có chống lại việc thương thuyết để đi tới hòa bình, thì đó là phía Công giáo. Nhận xét này là một cách tố cáo Giáo hội Việt Nam, quá chậm chạp trong phong trào hòa bình, mặc dầu đã có những lời kêu gọi và các nỗ lực của đức Giáo hoàng". Các sự kiện xảy ra sau tháng 10-1966 xem ra xác nhận thực tế đau lòng nói trên. Người ta trông thấy sự có mặt âm thầm của một giám mục Việt Nam trong buổi Hồng y Xpenman đưa ra bản tuyên bố hiếu chiến dịp lễ Giáng sinh 1966. Người ta cũng nhận thấy toàn thể hàng Giáo phẩm giữ im lặng hoàn toàn đối với "quả bom Xpenman", nó đã gây bối rối cho Vatican và khiến một số giám mục, linh mục và giáo dân trên thế giới phản đối. Trái lại, tại Sài Gòn, một tờ tuần báo cho rằng "tư tưởng của Hồng y trùng hợp với tư tưởng của Đức giáo hoàng". Lực lượng đại đoàn kết đồng tình với lời tuyên bố của Hồng y người Mỹ, bởi vì "các vụ ném bom Bắc Việt là đúng đắn và có thể biện hộ được". Hơn nữa, họ yêu cầu những người Công giáo "chủ hòa" Hoa Kỳ "đừng làm gì, đừng nói gì có thể làm suy yếu sự kháng cự của Việt Nam". Giáo hội Việt Nam tin cậy vào đường lối cứng rắn, nghĩa là đường lối Mỹ, và chấp nhận lập trường chính thức của Lầu năm góc như một tín điều, theo đó người Mỹ sang Việt Nam chỉ nhằm bảo vệ miền Nam khỏi họa xâm lăng Cộng sản. (Người ta biết được nhờ việc công bố Tài liệu Lầu năm góc, rằng những lý do đích thực của cuộc viễn chinh Hoa Kỳ là lợi ích của Hoa Kỳ thôi). Giám mục Xét (Seitx) địa phận Kông-tum, đã không dấu diếm ý kiến mình khi nói với ông Vanuxem, một cựu

tướng lĩnh của đạo quân viễn chinh Pháp rằng: "Tôi cam đoan, xâm lăng là từ Bắc vào. Và cuộc xâm lăng mang dạng tàn bạo nhất là xâm lăng các linh hồn. Dân của tôi là tốt hay xấu, tùy họ được che chở hay là bỏ rơi vào tay Việt cộng... Hoa Kỳ đã định bao vây và cô lập Trung Quốc. Để làm việc đó, còn thiếu Cambốt và Miến Điện. Nhưng Mỹ không thể lùi thêm một đốt ngón tay nữa, nhượng bộ một tấc đất, làm suy yếu vị trí của họ đi, là mọi sự sẽ lâm nguy, rồi sẽ mất hết".(9) Ít lâu sau vụ Xpenman, hồng y Cac-đin (Cardin) ký tên vào môt bản tuyên cáo "yêu cầu" ngưng tức khắc vụ ném bom của Mỹ tại Bắc Việt và phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam, bằng cách rút quân đội Mỹ về và chấm dứt mọi can thiệp nước ngoài vào Việt Nam. Chính Hồng y, vị sáng lập Phong trào Thanh Lao công, ngõ ý muốn qua Sài Gòn gặp Thanh Lao công Việt Nam. Phía Việt Nam đã phản ứng nhanh. Giám mục Phạm Ngọc Chi – người đã thường

tháp tùng Hồng y Xpenman trong cuộc viếng thăm Sài Gòn – đã nhân danh mình và các linh mục, giáo dân của ông gửi một điện văn cho vị Hồng y người Bỉ, nói lên sự đau buồn của ông khi thấy Hồng y cổ võ một nền hòa bình giả dối, bằng hành động "liều lĩnh và nguy hiểm trước khi bàn với hàng Giáo mục Việt Nam và Tòa Khâm sứ tại Việt Nam". Đức cha Khâm, Giám mục phụ tá Sài Gòn, viết cho Ngài rằng tại Việt Nam, người ta coi Hồng y là "người bất bảo". Nhiều bức điện khác cũng gởi tới phản đối Hồng y. Để đánh dấu rõ sự phản đối của dân chúng, nhiều cuộc mít tinh khổng lồ đã được tổ chức tại Sài Gòn và các làng Công giáo, với những khẩu hiệu "Hồng y Cac-đin làm bung xung cho những tay chạy tìm hòa bình giả dối đang làm nên đạo quân thứ năm của bọn Cộng sản xâm lăng Việt Nam", "khi để cho những tay hòa bình giả dối lợi dụng tên tuổi mình, Hồng y Cac-đin đã để bàn tay mình vấy máu tín hữu Công giáo Việt Nam chuộng hòa bình thật", "Đả đảo những tay sai phát xít làm tôi mọi cho Cộng sản"... Có những tờ báo Công giáo gọi Hồng y là "Hồng y Cộng sản, là chiên ghẻ, là con ma quỷ". Tờ Thắng Tiến, một tờ báo Công giáo, coi đó như dấu hiệu của một âm mưu thực dân và Cộng sản chống lại miền Nam tự do. Người ta tố cáo sự điên rồ của các tín hữu người Âu, kể cả Giám mục và Hồng y dám nói việc chung sống giữa Công giáo và Cộng sản vô thần, giữa thế giới tự do và khối Cộng sản.

9. Espoir à Saigon, tr. 171.

28 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Năm 1967, khắp nơi trên thế giới, nhất là tại Hoa Kỳ, nhiều cuộc biểu tình được tổ chức chống lại hành động của Mỹ tại Việt Nam. Tại Việt Nam, các binh sĩ Mỹ đã đẩy được lên ngôi tổng thống một người công giáo (Nguyễn Văn Thiệu) và đưa vào thượng viện đa số nghị sĩ Công giáo (35 ghế trên 60). Đó là thắng lợi lớn của chủ thuyết "đánh tới cùng". Tại Mỹ và trên thế giới, chính phủ Giônxơn đang ngày càng mất hết tín nhiệm. Ngày 2-5-1967, Đức Phaolô VI kêu gọi thương thuyết và ngừng ném bom. "Cần ngưng việc ném bom Bắc Việt và đồng thời chấm dứt việc chuyển quân và vũ khí vào miền Nam". Bảy tháng sau đó, ngày 8-1-1968, Hội đồng Giám mục miền Nam cũng chỉ lặp lại các lời kêu gọi trên của Đức Giáo Hoàng, lời kêu gọi bị vô hiệu hóa bởi thái độ im lặng của Ngài về vụ lính Mỹ thảm sát dân thường tại Mỹ Lai tháng 3 năm 1968 bởi các bài Công giáo chống lại việc thương thuyết do báo chí Hoa Kỳ đề nghị. Tại Mỹ, sau cuộc bầu cử tháng 11 năm 1968, Nic-xơn thay thế Giônxơn. Tổng thống mới hứa sẽ rút lần binh sĩ Hoa Kỳ về và sẽ Việt Nam hóa chiến tranh, đồng thời tăng cường ném bom Bắc Việt. Nhà trắng hy vọng làm dịu bớt tiếng phản đối của dân chúng Mỹ bằng cách giảm đến tối thiểu số binh sĩ bị giết, đồng thời vẫn làm cho đời sống tại Bắc Việt bị tê liệt, cũng như tại các vùng do Mặt trận Giải phóng kiểm soát, bằng các cuộc không tập còn tàn bạo hơn thời Giônxơn. Những cảnh bạo tàn của chiến tranh, việc hủy hoại cả nền văn hóa Việt Nam do quân đội Mỹ chiếm đóng, ngày càng tạo nên ở Việt Nam các phong trào chống đối, nhất là trong giới trẻ, học sinh, sinh viên và các nhà chùa. Cuộc đàn áp rất dã man. Hàng ngàn sinh viên và Phật tử bị bắt, tra tấn, thanh toán, không cần xét xử. Trong Giáo hội Công giáo, thái độ hàng giáo phẩm và linh mục không thay đổi. Người ta tiếp tục ủng hộ sự can thiệp Mỹ và chế độ Thiệu, trong đó người Công giáo

nắm được các vị trí then chốt. Một số người hoan hô Nichxơn tăng cường ném bom Bắc Việt. Họ bực bội khi thấy Mỹ còn tha cho thành phố Hà Nội và các đê điều sông Hồng. Họ lấy làm lạ tại sao Hoa Kỳ chưa sử dụng bom nguyên tử mà hủy diệt Cộng sản. Hàng giáo phẩm giữ im lặng trước các cuộc thảm sát dân thường, trước hoàn cảnh các tù nhân chính trị bị nhốt "chuồng cọp" khi các phương tiện thông tin cả thế giới đã làm rùm beng lên khắp nơi rồi. Nhờ việc tiết lộ của Don Luce và mấy thượng nghị sĩ Mỹ, người phương Tây biết được các cuộc tra tấn man rợ tại các đồn bót cảnh sát, tại các văn phòng mật vụ, tại các nhà giam được Mỹ trang bị và nuôi dưỡng, điều mà tại miền Nam mọi người đều hay biết và phản đối, chỉ trừ tiếng nói chính thức của Giáo hội.

GIÁO HỘI TRONG CƠN BÃO BÙNG • 29

Từ 1968 đến Hiệp định Paris tháng giêng 1973, tấm thảm kịch Việt Nam một mặt là những tàn phá do chiến tranh gây nên, mặt khác là những cuộc đàn áp đối lập và phản chiến, vì chủ trương trung lập cũng như những người thiên Cộng hay là Cộng sản. Về mặt quân sự, chiến dịch Phượng Hoàng do CIA tung ra nhằm tảo thanh triệt để các vùng hoặc nghi ngờ, hoặc chính phủ Sài Gòn không kiểm soát được. Phương thức thật giản dị bởi quân cách mạng là cá sống trong nước, thì cứ tát hết nước đi thì bắt được cá. Trong những cuộc càn quét rộng lớn kinh khủng, quân đội Mỹ và Nam Việt quét sạch các làng mạc, bắt đi tất cả nam nữ và trẻ em cho vào cái trại "lánh nạn" có rào kẽm gai, rồi giao cho mật vụ thanh lọc. Những người tình nghi được đưa tới các phòng thẩm vấn hoặc trại giam. Sau khi đã cưỡng bức tập trung dân chúng vào các trại tỵ nạn chung quanh các thành phố hoặc căn cứ quân đội, nông thôn được coi là "vùng tự do" ném bom giết chết bất kỳ ai, hoặt hủy diệt bằng rải chất độc hóa học, thuốc làm trụi lá và bom napan. Cũng gọi là vùng "tự do oanh kích", những vùng do Mặt trận Giải phóng kiểm soát mà quân đội Mỹ và Nam Việt không thể chiếm được. Số lượng bom ném xuống nguyên miền Nam đã vượt số lượng bom sử dụng trong thế chiến thứ hai. Về việc đàn áp, cảnh sát miền Nam, được Mỹ trang bị cho, đã đạt tới mức hiệu quả tối đa, vì có cả máy điện toán, và còn dụng cụ tra tấn thì có loại thuộc thời trung cổ, có loại hiện đại tối tân nhất. Những người bị giam giữ phải chịu những cực hình man rợ, vô nhân đạo, vượt xa khả năng tưởng tượng của con người. Về bình diện xã hội, các tệ đoan lan tràn khắp nơi: cái gì cũng mua được, bán được, các chức vụ trong Quốc hội, chức vụ các tỉnh, quận huyện, làng xã; chợ đen là địa bàn phổ biến cho mọi hạng người, Công giáo cũng như Phật giáo, tu sĩ cũng như giáo dân, nạn mãi dâm lan tràn rộng khắp, tham nhũng, ăn cắp, hối lộ ngày càng trở nên chuyện thường ngày của dân chúng. Đứng trước những thực tế đau buồn đó, một lực lượng "đối lập" hình thành trong Giáo hội: một thiểu số các linh mục và giáo dân, trí thức hay thợ thuyền, lên tiếng báo động và thức tỉnh Giáo hội đã "sa lầy với Hoa Kỳ", lại một lần nữa phản bội tổ quốc vì những đặc quyền và đô la, liên hiệp với một chính quyền thối nát, áp bức. Hai tờ báo "Đối Diện" và "Chọn" có được một số bài rất có giá trị để tạo ra một bầu không khí đối thoại, thông cảm và đấu tranh cho hòa bình. Nhưng âm vang lại chỉ xảy ra chủ yếu nơi giới trẻ, người ngoài Công giáo. Một linh mục thổ lộ: "Hễ anh nói với một người Công giáo Việt

Nam về trường hợp Cộng sản có thể thắng, anh sẽ làm cho họ phải run rẩy cả người, họ sẽ nạt nộ, mất cả trí khôn. Đối với người Công giáo đó, Cộng sản sẽ là loại người đã bị kết án sa hỏa ngục rồi". Mấy tạp chí kể trên chẳng mấy chốc đã bị chính quyền giáng cơn lôi đình cho. Ông chủ nhiệm Đối Diện bị kêu án 5 năm tù giam, và mấy triệu đồng tiền phạt, còn tờ báo thì sau nhiều lần bị tịch thu, cuối cùng đã bị đóng cửa vĩnh viễn từ 1972. Từ đó, nó trở thành báo lậu và phát hành chui. "Chọn" cũng không được nương nhẹ hơn, vì đã dám phổ biến và chú thích tài liệu Thượng hội đồng Rôma về "Công bằng trên thế giới", mỗi biên tập viên đã lãnh 5 năm tù giam và tờ tạp chí bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

***

BÁT CƠM BẢO HỘ CỦA NGÔ ĐÌNH KHÔI(1) Tiến sĩ Vũ Ngự Chiêu(2)

Sử gia Vũ Ngự Chiêu đã tìm được trong văn khố Pháp một tài liệu quan trọng giúp chúng ta biết được thái độ "chống Pháp" của người trong gia đình Ngô Đình Diệm: Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ, anh em ông Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Diệm đã nương vào thế lực của đoàn quân viễn chinh Nhật tại Việt Nam để hoạt động chống Pháp. Mùa hè năm 1944, tổ chức Đại Việt Phục Hưng Hội của họ Ngô bị Mật Thám Pháp khám phá và hơn 50 thành viên của hội bị bắt giam. Ngô Đình Diệm may mắn được người Nhật giúp thoát khỏi bàn tay người Pháp, nhưng Ngô Đình Khôi thì lại phải đối diện với cơ quan an ninh của chế độ Bảo Hộ. Ông Khôi đã nhờ Ngô Đình Nhu nói với Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Paul Arnoux ông ta xin thề ông không bao giờ xúi ai chống Pháp và chỉ mong được nhận bát cơm từ tay nước Pháp mà thôi. Sau đây là nguyên văn trong bức điện tín mà Arnoux đã gửi cho Toàn Quyền Jean Decoux để báo cáo thượng cấp về vụ này: "NGO DINH DIEM est toujours en Indochine. NGO DINH NHU reconnaît son agitation coupable et aveuglément ardente; il aurait reçu hier après-midi sur crucifix de son aîné KHOI – que ce dernier n'a jamais incité quiconque contre la France à laquelle il ne demande plus que ' son bol de riz' ajoutant ' il ne nourrit aucun mauvais senti- ment contre gouverneur général qu'il considère comme animé droi- ture parfaite malgré erreurs dues ses collaborateurs'." [NGÔ ĐÌNH DIỆM thì vẫn luôn luôn ở Đông Dương. (Còn) NGÔ ĐÌNH NHU thì thú nhận tội sách động và nhiệt tình mù quáng; chiều hôm qua, Nhu thề trước thập giá là người anh trưởng (Ngô Đình) Khôi không bao giờ xúi dục ai chống lại nước Pháp là quốc gia mà

1. Trích một phần từ Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng của Sử gia Vũ Ngự Chiêu. 2. Nhà nghiên cứu Lịch sử.

Khôi không đòi hỏi gì hơn là "bát cơm", và thêm rằng Khôi không nuôi trong lòng một tình cảm xấu xa nào đối với quan Toàn quyền mà Khôi cho là biểu hiện sự ngay thẳng tuyệt hảo dù những cộng sự viên của quan có lầm lỗi' – Ban Chủ biên dịch] Thái độ của Ngô Đình Khôi thật khác thái độ của những vị chí sĩ đấu tranh chống Pháp như Nguyễn An Ninh hay Nguyễn Thế Truyền rất xa. Ninh chết trong tù ngoài Côn Đảo còn Truyền

bị đày sang Madagascar. Bản phóng ảnh của bức điện tín nói trên đã được in lại trong: Vũ Ngự Chiêu, Các Vua Cuối Nhà Nguyễn, Tập 3, Văn Hóa, 2000, tr. 856.

THƯ GỬI ĐÔ ĐỐC JEAN DECOUX,
TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG PHÁP TẠI
VIỆT NAM
Giám mục Ngô Đình Thục

Tài liệu Pháp ngữ dưới đây do Tiến sĩ Vũ Ngự Chiêu phát hiện trong lúc ông nghiên cứu tại Trung tâm các Văn khố Hải ngoại (CAOM, Aix-en-Provence, Pháp) và được phổ biến lần đầu tiên trên tạp chí Lên Đường (Houston, Texas) năm 1989. Ngoài việc làm tay sai cho Pháp đã được Giám Mục Ngô Đình Thục thuật lại khá rõ trong lá thư này, ông Ngô Đình Khả, thân sinh của ông Ngô Đình Diệm, đã cùng với tên Việt-gian Nguyễn Thân cũng đã từng đào mã và đốt xác vị anh hùng ái quốc Phan Đình Phùng, rồi lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn cho hả giận.

34 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Vicariat Apostolique de Vinh Long (Cochinchine) Vinh Long, le 21 Aout 1944 Amiral, Je viens d'apprendre par un prêtre de ma Mission, envoyé à Saigon pour les affaires du séminaire, que deux de mes frères ont été l'objet de poursuites judiciaires à Hué. N'ayant recu de Hué depuis longtemps au- cune nouvelle, je ne sais si ce qu'on m'a rapporté corespondait à la vérité. Mais, en pensant a la peine immense et à la juste indignation que vous avez du éprouvées, si ce qu'on leur imposait était fondé, je m'empresse de vous écrire, pour vous exprimer, Amiral, ma grande douleur en l'occurence. S'il était prouvé que leur activité a pu nuire aux intérêts de la France, je la désapprouve du fond du coeur, comme évêque, comme annamite, et comme membre d'une famille dont le père a servi la France dès sa première venue en Annam et a exposé maintes fois sa vie pour elle dans les expéditions memées, comme lieutenant de Nguyễn Thân, contre les rebelles commandés par Phan Đình Phùng à Nghệ An et Hà Tịnh. Cette déclaration n'a pas pour but, Amiral, de sauvegarder ma sit- uation personnelle: car ce sera avec joie que je quitterai mon évêché si tôt qu'il sera constaté que mon humble personne pourrait porter préjudice aux intérêts de la Religion. Elle n'a pour objet que de vous montrer que vous n'avez pas ac- cordé votre bienveillante confiance à un indigne ou à un ingrat. Ami- ral, je n'ai jamais tant regretté mon éloignement de Hué. Là j'aurais pu mieux conseiller mes frères et, à, l'occasion, m'opposer à leur desseins, si vraiment ils en ont concu de nuisibles aux intérêts de la France. Je puis hélas me tromper, mais je vous confesse, Amiral, que je ne puis croire, jusqu'à preuve du contraire, qu'ils se sont montrés si rebelles aus traditions de notre famille, qui s'était attachée à la France dès le début, tandis que les aieux et les pères des mandarins actuels, presque tous, combattaient contre elle, et ne s'étaient décidés pour elle que lorsqu'il n'avait plus que profit à le faire. Mes frères eux-mêmes ont exposé leur vie continuellement pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de révolver d'un chinois de Cholon envoyé à cet effet

à Phan Rang où Diệm défendait énergiquement l'entrée de l'Annam aux émissaires communistes envoyés de la Cochinchine. Certes, leur dévouement dans le passé n'est pas l'excuse de leur im- prudences actuelles; s'il est prouvé qu'elle est coupable. Mais je crois ne pas faire en vain appel à votre miséricordieuse clémence en leur faveur, qui juge du présent sans pourtant oublier le passé. Celà en considération des services que mon père Ngô Đình Khả a eu l'honneur de rendre à la France au péril de sa vie, et de la longue conduite de mes frères faite d'un dévouement sans bornes à la France , sans peur de sacrifier leur vie pour elle. En vous exprimant de nouveau, Amiral, toute la douleur que je ressens dans cette affaire, je vous prie d'agréer mes hommages les plus respectueux. NGO DINH THUC

BẢN DỊCH THƯ VIẾT TAY BẰNG PHÁP NGỮ CỦA GIÁM MỤC NGÔ ĐÌNH THỤC GỞI ĐÔ ĐỐC JEAN DE- COUX, TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG Tòa Truyền Giáo Vĩnh Long ngày 21/8/1944 Thưa Đô Đốc, Một linh mục từ bổn Tòa được phái đi Sài Gòn để lo việc cho chủng viện vừa cho tôi biết rằng hai người em của tôi đang bị truy tố tại Huế. Vì đã lâu không nhận được tin tức gì từ Huế, tôi không biết là điều tôi vừa được báo cáo có đúng sự thực hay không. Tuy nhiên, nghĩ đến nỗi đau đớn và sự bất nhẫn rất đúng mà chắc là Đô Đốc đã cảm thấy – nếu sự truy tố các em tôi là có thật, tôi vội viết thư này để bày tỏ với Đô Đốc nỗi đau đớn lớn lao của tôi về việc này. Nếu hoạt động của hai em tôi được chứng tỏ là có hại cho quyền lợi nước Pháp thì – với tư cách của một Giám mục, của một người An-nam, và với tư cách là người con của một gia đình mà thân phụ tôi đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi Pháp mới đến An-nam, và đã nhiều lần đưa mạng sống cho nước Pháp trong các cuộc hành quân mà cha tôi cầm đầu, dưới quyền Nguyễn Thân, chống lại các kẻ nổi loạn do Phan Đình Phùng chỉ huy, tại Nghệ-an và Hà-tịnh – tôi, tự đáy lòng, không chấp nhận [hoạt động của các em tôi]. Thưa Đô Đốc, tôi tuyên bố như vậy không phải với mục đích bảo toàn địa vị cá nhân của tôi: bởi vì nếu xét rằng cá nhân hèn mọn của

tôi có thể phương hại đến quyền lợi của đạo [Thiên Chúa], tôi sẽ vui vẻ rời khỏi Tòa Giám mục nầy ngay. Lời tuyên bố của tôi chỉ có mục đích là tỏ cho Đô Đốc thấy rằng lòng tin tưởng trìu mến của Đô Đốc [đối với tôi] đã không bị đặt vào một kẻ bất xứng hay vô ơn. Thưa Đô Đốc, tôi chưa bao giờ tiếc là đã xa Huế như thế này. Giá có mặt ở đấy thì tôi đã có thể khuyên răn các em tôi tốt hơn, và khi chuyện xảy đến tôi đã có thể chống lại các chủ đích của các em tôi, nếu quả thật các em tôi có nghĩ đến những dự định có thể gây hại cho quyền lợi nước Pháp. Có thể tôi lầm, tuy nhiên, thưa Đô Đốc, cho đến khi được chứng minh ngược lại, tôi xin thú thực là không tin rằng các em tôi đã phản lại truyền thống của gia đình chúng tôi đến như thế, một gia đình đã tự mình gắn liền với nước Pháp từ lúc ban đầu, trong khi ông cha của những quan lại bây giờ hầu hết đều chống lại Pháp và chỉ quyết định thiên về Pháp khi thấy có lợi. Ngay chính các em tôi đã từng liên tục đưa mạng sống ra vì nước Pháp, trong cuộc nổi loạn của Cộng Sản. Diệm, người em kế tôi, suýt đã phải ngã gục dưới những phát súng của một

Hoa kiều Chợ Lớn được phái đến Phan-rang với mục đích hại Diệm, Phan-rang là nơi mà Diệm đã mãnh liệt chống giữ lối xâm nhập vào An-nam của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ phái đến. Lẽ tất nhiên, sự tận tụy của các em tôi trong quá khứ không phải là điều nêu ra để làm cớ mà biện hộ cho hoạt động bất cẩn của họ ngày hôm nay, nếu sự bất cẩn này được chứng tỏ là điều đã gây nên tội. Tuy nhiên, tôi không nghĩ là tôi đã làm chuyện vô ích khi kêu gọi đến sự khoan hồng đầy xót thương của Đô Đốc hầu xét với hảo ý trường hợp các em tôi. Đô Đốc không phải là người chỉ xét đến hiện tại mà lại bỏ quên đi quá khứ. Tôi nêu ra điều này khi xét thấy rằng thân phụ tôi là Ngô Đình Khả đã từng được vinh dự phục vụ nước Pháp dù sinh mạng bị hiểm nguy, và khi xét đến quá trình lâu dài của các em tôi, một quá trình được hình thành bằng lòng tận tụy vô bờ của các em tôi đối với nước Pháp, mà không sợ phải hy sinh mạng sống của mình cho nước Pháp. Thưa Đô Đốc, một lần nữa bày tỏ với Đô Đốc tất cả niềm đau đớn của tôi trong vụ này, tôi xin Đô Đốc vui lòng nhận nơi đây lời kính chào trân trọng nhất của tôi.. NGÔ ĐÌNH THỤC (ký tên)

JEAN BAPTISTE NGÔ ĐÌNH DIỆM: THỜI KỲ CHƯA NẮM QUYỀN, 1897-1954 Chính Đạo

1. PHẦN 1 Ngày 25/4/1961, Tướng Edward G. Lansdale–người được coi như hiểu biết rất rõ Việt Nam Cộng Hòa [VNCH]–viết báo cáo lên Thứ trưởng Quốc phòng Roswell L. Gilpatric, Chủ tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Việt Nam [Presidential Task Force on Vietnam], về "No Din Zee'em" (Ngô Đình Diệm) như sau: Ông ta lùn, mập tròn. . . Nhiều người không chú ý đến cặp mắt đen hay liếc trộm [snapping] của ông ta mà chỉ chú ý đến cặp giò vừa đủ chạm mặt đất khi ngồi. Tuy nhiên, ông ta không cảm thấy ngượng ngùng về chuyện lùn, và có vẻ rất tự nhiên chung quanh những người Mỹ cao lớn. . . . Ông ta tỏ vẻ ăn uống ngon lành (và thường có sở thích ăn ngon). Nụ cười của ông ta có vẻ e dè và bất thường. . . . Diệm sinh ngày 3/1/1901. Năm 25 tuổi [1926], Diệm đã được cử làm quan đầu tỉnh. Nhưng sau "sáu tháng làm Thượng thư" Diệm từ chức, trở thành "người hùng thực sự của người Việt." Từ đó, anh em Diệm "âm thầm chống cả Pháp lẫn Cộng Sản." Diệm là một người độc thân 60 tuổi, "đã cắt bỏ mối tình với người yêu đầu đời để dâng hiến cho tổ quốc."(1) Thực ra, Lansdale dường như không muốn viết rõ, hoặc không biết nhiều về Tổng thống Diệm cũng như họ Ngô. Hầu hết chi tiết về hộ tịch Diệm hay thành tích chống Pháp của Diệm và gia đình Ngô Đình Khả, đều thiếu chính xác. Các học giả thế giới cũng chẳng bận tâm đến việc tu chỉnh lại tiểu sử người cầm đầu phe thua cuộc.(2)

1. Department of Defense, US-Vietnam Relations, 1945-1967, 12 books, (Wash- ington, DC: GOP, 1971), Bk 11, tr. 36-41. Xem thêm chú 3 infra. 2. Xem, chẳng hạn, Bernard B. Fall, The Two Vietnams: A Political and Military

Đáng buồn hơn nữa, lịch sử Việt Nam, dưới mắt nhiều học giả thế giới, chỉ là một thứ câu chuyện thêm thắt vào [anecdotes] chính sách và sự can thiệp của các cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Hoa, Pháp, Bri-tên, Nhật, v.v... Người Việt cũng có lý do riêng để không muốn thấy có một tiểu sử chính xác về Diệm, từ chính trị, tôn giáo, tới ý thức hệ.

Nên chẳng ngạc nhiên khi khối văn chương hiện hữu về họ Ngô hay Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa tràn ngập những lời "cung văn" hoặc "đào mộ," bất chấp sự thực. Bài viết này nhằm điền vào khoảng trống nói trên. Tư liệu chúng tôi sử dụng cơ bản là tập tiểu sử chính phủ Diệm do cơ quan an ninh Pháp thành lập vào tháng 7/1954, hiện vẫn còn chưa giải mật. Ngoài ra, còn nhiều tư liệu văn khố Pháp, Mỹ, Nga, Trung Hoa, cùng các tài liệu nguyên bản khác, kể cả tiểu sử Ngô Đình Diệm do cơ quan an ninh Mỹ biên soạn ngày 18/4/1957, nhân dịp Diệm sắp qua thăm Mỹ.(3) Tiểu sử này, dĩ nhiên, không đầy đủ.

Analysis (New York: Praeger, 1965), tr. 235ff. Fall ghi nhận Khả là "Thượng thư Bộ Lễ" sau khi từ chức đã cắt mọi liên lạc "với những kẻ xâm lăng đáng ghét," "ủng hộ Phan Bội Châu," và truyền xuống cho các con như Khôi và Diệm một tinh thần quốc gia nồng nhiệt;" Ibid., tr. 235. Fall, một học giả gốc Pháp viết khá nhiều về Việt Nam và chết tại Việt Nam, nhận định: "Sự kiện Bảo Đại là người kế thừa của các hoàng đế yếu ớt trong việc chống lại Pháp cũng có thể gây ra sự khinh thường ông ta trong Diệm" [The fact that Bao Dai was the descendant of emperors who had been weak in their resistance to the French may also account for Diem's contempt for him]; Ibid., tr. 475n3. Một lời võ đoán dễ hiểu trong thập niên 1950-1960. Thực ra, từ thời Đồng Khánh (1885-1889), các vua nhà Nguyễn do Khâm sứ và Toàn quyền Pháp lập nên, và chỉ còn công dụng của "một vòng hoa," để hợp thức hóa chế độ "Bảo hộ" Pháp. Quan lại thì được tuyển từ giới trung gian bản xứ mà đa số là giáo dân Ki-tô hay cựu bồi bếp của viên chức, sĩ quan Pháp. Thành phần "tân trào" này hiểu rất rõ vị thế "làm kiểng" của các vua Nguyễn. Ngoài ra, Khả còn có liên hệ thân thiết với phòng Thành Thái (1889-1907), và từng nuôi tham vọng biến Thành Thái thành một vua theo Ki-tô giáo đầu tiên. Sự khinh thường phòng Khải Định (1916-1925) và Bảo Đại (1926-1945) là điều dễ hiểu. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối nhà Nguyễn, 1883-1945, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1999-2000). [Sẽ dẫn: Các vua cuối] Ngoài ra, Diệm không ưa Bảo Đại vì đã hai lần ký Dụ đày Diệm ra Quảng Bình. Xem chú 18 infra. 3. Department of State, Office of Libraries and Intelligence Acquisitions, "Bio- graphic Report: Ngo Dinh Diem, President of the Republic of Vietnam, To Visit Washington [May 8-10, 1957]," BR No. 203 (April 18, 1957); Richard Nixon Li- brary (Yorba Linda, CA), Prepresidential Papers, PPS 320.99.33.1-2. [Sẽ dẫn, Ngo Dinh Diem (1957)]

JEAN BAPTISTE NGÔ ĐÌNH DIỆM - THỜI KỲ CHƯA NẮM QUYỀN • 39

I. SƠ LƯỢC GIA THẾ Ngô Đình Diệm, ngoài tên "thánh" Jean-Baptiste [Gioan Bao-xi- ta], còn có bí danh Nguyễn Bá Chinh. Theo an ninh Pháp, Diệm sinh ngày 27/7/1897 tại Đại Phong [Phuong] hay Đại Phong Lộc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.(4) Cha là Ngô Đình Khả (1856-1914), một tín đồ Ki-tô tân tòng, xuất thân thông ngôn cho Pháp, sau đổi qua ngạch quan lại Việt, lên tới Đề đốc Kinh thành (1905-1907).(5) "Mẹ" là Phạm Thị Thân. Anh em Diệm khá đông, gồm sáu trai, hai gái. Khôi, con vợ lớn, là anh cả. Diệm, theo lời đồn, đứng hàng em của Khôi, Thục, và anh Ngô Thị Hiệp (bà Cả Lễ; chồng là Nguyễn Văn Ấm, sinh ra cố Hồng y Nguyễn Văn Thuận), dù tuổi "chính thức" Diệm lớn hơn Thục hơn hai tháng. Dưới Diệm có Nhu Cẩn, Luyện, cùng một người em gái khác.

Vì Khả chết khi Diệm còn nhỏ (17 tuổi khai sinh), Khôi quyền huynh thế phụ. Khôi chết, Thục có ảnh hưởng nhất trên Diệm, với cương vị một Giám mục. Cha đỡ đầu là Nguyễn Hữu Bài (1863-1935), nhạc phụ Khôi, một thủ hạ cũ của Khả, cũng một Thượng thư uy quyền và đầy mưu mô tại Huế từ 1907 tới 1933. Theo tài liệu Pháp, Bài đã nuôi dưỡng Diệm từ nhỏ. Bài cũng có ý định chọn Diệm làm con rể, nhưng vì lý do nào đó không thành. Con gái Bài sau đi tu dòng kín Carmel.(6) Sau khi lên cầm quyền, Diệm đổi ngày sinh thành 3/1/1901. Chẳng hiểu tại sao có việc "thay đổi" hộ tịch trên. Việc thay tên, đổi họ và ngày sinh tháng đẻ là việc thường xảy ra ở Việt Nam. Trước hết, vào

4. Direction des Services FrancĔais de Securité en Indochine [DSFSI], "M. Jean Baptiste Ngo Dinh Diem, dit Nguyen Ba Chinh;" SHAT (Vincennes), Indochine, [10H 4195]. Tài liệu này hiện vẫn chưa giải mật. Xem phóng ảnh trong Nguyên Vũ, Paris Xuân 96 (Houston: Văn Hóa, 1997), tr. 165; Chính Đạo, Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston: Văn Hóa, 2004), tr. 15-16. Những chi tiết không có phụ chú trong bài này đều trích dẫn từ tài liệu trên. Xem thêm Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], tập III: Nhân vật chí, tái bản có bổ sung (Houston: Văn Hóa, 1997), tr. 262. Sẽ dẫn: Nhân vật chí, 1997. 5. Tình báo Mỹ ghi Diệm sinh trong một gia đình đã theo đạo Ki-tô từ thế kỷ XVII và nhiều thế hệ đã sản xuất ra những bậc tu hành và quan chức nổi danh. Cha là Thượng thư bộ Lễ và Lord Chamberlain cho vua Thành Thái, từng du học ở Ma- laya; Ngo Dinh Diem (1957) [Giống tài liệu của Fall & Sharplen]] 6. Theo Lansdale, Diệm "đã cắt bỏ mối tình với người yêu đầu đời để dâng hiến cho tổ quốc" nên 60 tuổi vẫn còn độc thân. Xem chú 1 supra. Nhưng nhiều người đương thời, như Tướng Trần Văn Đôn André, cho rằng Diệm thiếu khả năng tình dục.

cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, việc khai hộ tịch không được kiểm soát chặt chẽ. Viên chức xã ấp tại thôn quê không đặt nặng sự chính xác về ngày sinh của trẻ em. Cha mẹ nhiều khi khai rút tuổi con cái vì mục đích nào đó, như đi học hay khai sưu thuế. Hơn nữa, việc đổi từ ngày nhật (dương) lịch qua nguyệt (âm) lịch rất phức tạp, đôi khi cha mẹ dùng ngày tháng sinh nguyệt lịch làm ngày tháng nhật lịch, rồi dùng năm nhật lịch tương đương trong khai sinh. Thông thường, cha mẹ hay khai rút tuổi các con. Nhưng rất hiếm trường hợp cha mẹ khai con mình tăng thêm ba bốn tuổi, ngoại trừ có biệt lệ nào đó. Phải chăng Diệm rơi vào trường hợp đặc biệt này, vì nếu sinh năm 1901, Diệm không thể nào được tập ấm chức Cửu phẩm và làm việc tại Tân Thư Viện Huế năm 1917, khi mới ... 16 tuổi.(7) Theo Luyện, em út trong gia đình họ Ngô, Diệm đã khai tăng bốn tuổi (tức từ 16 lên 20 tuổi) để có thể vào trường Hậu Bổ. Điều này khó tin, vì mãi tới năm 1918-1919, Diệm mới học trường Hậu bổ.(8) Luyện cũng là nhân chứng không đáng tin cậy. Thí dụ như khi được hỏi về vai trò chính trị của Luyện, Luyện nói được lệnh "đứng ngoài chính trị." Thực tế, từ thập niên 1940, Luyện đã hoạt động với các tổ chức thân Nhật, và trở thành đặc sứ của Diệm với Bảo Đại, trước khi nắm chức Đại sứ tại London. Luyện cũng tung ra những tin đồn về giao tình giữa Luyện và Bảo Đại, mà theo Bảo Đại không hề có.(9) Và, như đã lược nhắc, Diệm được tập ấm chức Cửu phẩm, làm việc tại Tân Thư Viện Huế từ năm 1917, trước khi vào trường Hậu Bổ. Một ký giả

ngoại quốc, Robert Sharplen, ghi rằng theo Diệm, khoảng năm 1915-1916, Diệm đã man khai hộ tịch để dự thi bằng

7. Xem Ngô Đình Diệm, “L’Encrier de S. M. Tu-Duc: Traduction des Inscrip- tions [Nghiên mực của vua Tự Đức: Bản dịch những chữ khắc];” Bulletin des Amis du Vieux Hue [BAVH], Bộ IV, số 3 (Tháng 7-9/1917), tr. 209. 8. Phỏng vấn ngày 2/11/1985 tại Paris; Ngô Đình Diệm, “L’Ambassade de Phan Thanh Gian (1863-1864);” BAVH, Bộ VI, Số 1bis và 2 (Avril-Juin 1919), tr. 161. Ở đầu bài, Diệm được giới thiệu là “học sinh trường Hậu bổ,” và bài này đã được đọc tại các buổi họp [hội thảo] ngày 27/8 và 3/12/1918, và 4/3/1919. Ibid. Diệm chỉ dịch một phần tập tâu của Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ, dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Đình Hòe. Phần còn lại (thiếu đoạn đi sứ Espania) do Trần Công Tạn dịch; BAVH (1921), tr. 147-187. Tác giả đa tạ ông Nguyễn Đắc Xuân đã cung cấp phóng ảnh bài viết này của Ngô Đình Diệm. 9. Xem báo cáo về cuộc đàm thoại ngày 28/4/1955 giữa Bảo Đại với William Gibson, Đệ nhất thư ký Tòa Đại sứ Mỹ; FRUS, 1955-1957, I:332-336; Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], 1939-1975, tập I-C: 1955-1963 (Houston, TX: Văn Hóa, 2002), tr. 54-55.

tương đương tốt nghiệp trung học.(10) Chi tiết này không xác sự thực. Mãi tới giữa thập niên 1920, mới có những cuộc thi lấy bằng Tú Tài I và II chương trình Pháp-Nam. Bằng cấp mà Diệm thi tương đương chỉ là bằng Cao đẳng tiểu học (Diplôme), gần tương đương với bằng Trung học phổ thông đệ nhất cấp. Tài liệu thành văn cũng chứng minh Diệm đã vào quan trường từ năm 1916 hoặc 1917, với chức cửu phẩm tập ấm tại Tân Thư viện, mà không phải sau khi đã tốt nghiệp trường Luật Hà Nội năm 1921 như Diệm khoa trương hay Sharplen ghi. Thực tế, Diệm vào trường Hậu bổ từ niên khóa 1918-1919, và chỉ học tại Hà Nội một niên khóa 1920-1921. Một động lực trong việc sửa đổi hộ tịch có lẽ là để hợp thức hóa vai “em” của Diệm với Giám Mục Thục–Thục sinh ngày 6/10/1897 tại Phước Quả, Thừa Thiên, thua Diệm hơn hai tháng. Nhưng cũng có thể, và điều này cần được tra cứu thêm, Diệm không man khai hộ tịch, mà rất đơn giản là không cùng mẹ (Phạm Thị Thân) với anh chị em khác. Có lẽ vì muốn che đậy bí ẩn này, tiểu sử Khôi và Thục trong tập Vua chúa và người quí phái Đông Dương [Souverains et Notabilités] năm 1943 không ghi ngày sinh.(11) Tài liệu văn khố Pháp cũng ghi Diệm sinh tại Đại Phong Lộc, Lệ Thủy, Quảng Bình, mà không phải Phước Quả, Thừa Thiên, giống như Thục, Nhu, Cẩn, Luyện, v.v... Địa danh “Đại Phong Lộc” từng được khai là nơi sinh của Khôi, anh cả trong gia đình, con Khả và người vợ lớn đã chết sớm, trước khi Khả lấy bà kế thất tên Thân.(12) Rất ít chi tiết về học vấn Diệm được công bố. Có tin Diệm tự học ở nhà, rồi học trường Pellerin ở Huế, và tốt nghiệp Diplôme. Diệm biết cả chữ Nho [Hán Việt]. Lại có tin Diệm học ở chủng viện, năm 1915, định đi tu, nhưng sau đó bỏ dở nửa chừng.(13) Bởi

10. Nguyên văn: “A year after his decision to give up becoming a priest. Diem falsified his age and took competitive examinations for the equivalent of a high- school diploma;” Robert Sharplen, The Lost Revolution (New York: Harper & Row, 1966), pp. 106-107. 11. Xem tiểu sử Thục trong CAOM (Aix), GGI, CP 125; Chính Đạo, Nhân vật chí,

1997:312; Idem., Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston: Văn Hóa, 2004), tr. 464-465. Tại Việt Nam, tưởng cũng nên ghi nhận, có tục lấy tên "mẹ già," tức vợ chính thức, để khai sinh cho các con ngoại hôn hoặc thê thiếp. 12. Xem Chính Đạo, VNNB, Tập I-C: 1955-1963, tr. 110. 13. [After being instructed at home and attending the Pellerin school in Hue, he studied briefly for the priesthood]. Ngo Dinh Diem (1957)] Năm 1957, an ninh Mỹ chỉ ghi Diệm là "a devout Catholic."

thế, nhiều tài liệu cho rằng Diệm thuộc loại "religious fanatic" [cuồng đạo].(14) II. "BÁT CƠM" BẢO HỘ PHÁP Trong nỗ lực biến hóa Ngô Đình Diệm thành một "lãnh tụ anh minh" đủ sức đương đầu với Hồ Chí Minh–kiểu "ăn Ngô thì no, ăn Hồ thì đói"–cơ quan tuyên truyền Mỹ và Nam Việt Nam tô chuốt cho Diệm những bảng hiệu như "yêu nước, chống Pháp," v.v... "Yêu nước" là một nhận xét khó lượng định, vì chỉ có mỗi cá nhân mới tự biết rõ mình yêu nước hay không. Có nhiều cách biểu lộ lòng yêu nước, nên khó có thể sử dụng một hệ thống lượng giá cố định. Tấm huy chương nào cũng có mặt trái của nó. "Chống Pháp" thì dễ lượng định hơn. Tinh thần chống Pháp của Diệm, hay họ Ngô, chỉ là những triển biến vào khoảng cuối đời, và động lực không hẳn do lòng yêu nước thuần túy, mà nặng về tôn giáo cùng quyền lợi bản thân và dòng họ. Thực ra, Diệm xuất thân từ một gia đình trung gian bản xứ Ki-tô, phục vụ Bảo hộ Pháp rất tận tụy. Khả, cha Diệm, từng lên tới chức chánh thông ngôn tòa Khâm sứ Huế dưới thời Pierre Rheinart des Es- sarts, rồi chuyển sang làm thương biện Viện Cơ Mật. Ngày 10/4/1892 Khả dịch công văn của triều Huế xin Toàn quyền Jean de Lanessan đừng gửi ra Huế những người như Petrus [Key], Nguyễn Trọng Tạo, Lê Duy Hinh, hay Diệp Văn Cương, v.v... Khả cũng tham dự chiến dịch đánh phá phong trào kháng Pháp tại Hà Tĩnh-Quảng Bình của Ngự sử Phan Đình Phùng (1847-1895) trong hai năm 1895-1896, và được đặc cách lên Thái thường tự khanh (Chánh tam phẩm) năm 1896, sau khi hài cốt Ngự sử Phùng bị đốt thành tro, ném xuống sông Lam "theo [lối trừng phạt] truyền thống."(15)

14. Theo Bernard Fall, niềm tin tôn giáo của Diệm là một loại hiếu chiến tàn bạo của một Quan tòa Dị giáo [ruthless militancy of the Grand Inquisitor]. Khi một người Pháp nói "tín ngưỡng chung của chúng ta," Diệm thản nhiên trả lời: "Tôi tự cho tôi là một tín đồ Ki-tô Spain [Tây Ban Nha]," tức cuồng đạo hơn là hòa hoãn theo kiểu Ki-tô Pháp; Two Vietnams, 1965:236. 15. Xem Chính Đạo, Hồ Chí Minh (1892-1969), Con người & Huyền thoại, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1993-1997), tập I:161-162; Phụ bản 5, trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, 1883-1945, tập II:602-604. Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược, đã dẫn lời "một đại quan về hưu" để bài bác chi tiết trộn tro than Ngự sử Phùng bắn xuống sông Lam. "Đại quan về hưu" này chắc không thể biết rõ sự việc bằng Khâm sứ Huế, người viết báo cáo vào tháng 2/1896, hay báo cáo của chính Nguyễn Thân. Đó là chưa nói đến thói quen chối tội của các phạm nhân chiến tranh [war criminals], hoặc âm mưu ngụy tạo lịch sử để bảo vệ cho thượng cấp và đồng đạo (kiểu "Việt Cộng ném lựu đạn trước đài phát thanh Huế tối ngày 8/5/1963,"

Sau một thời gian làm Phó Giám đốc trường Quốc Học Huế, đặc trách nhà cửa, lương bổng và hành chính, Khả được chức Đề đốc kinh thành, lo bảo vệ và kiểm soát Thành Thái (1889-1907), cầm đầu một toán thân binh cạo răng trắng, hớt tóc ngắn, mang súng trường, nhưng nhiệm vụ chính yếu–nếu tin được báo cáo của Hiến binh Pháp–chỉ để giúp vua lùng sục và bắt cóc gái đẹp quanh kinh thành. Sau khi về hưu, Khả được hàm Thượng thư.(16) Khôi, anh cả họ Ngô, bắt đầu "tham chánh" năm 1910, sau khi tốt nghiệp trường Hậu bổ. Khoảng 6 năm đầu, Khôi làm tại văn phòng Bộ Công do cha vợ làm Thượng thư. Sau ngày tiếp tay cho Khải Định (1916- 1925) lên ngôi, Bài được thăng Thượng thư Bộ Lại, và Khôi bắt đầu đi ngồi huyện, phủ, rồi lên tới Bố chính, Tuần vũ, Tổng đốc khá nhanh. Diệm thì năm 1917 được tập ấm chức Cửu phẩm, làm việc tại Tân thư viện Huế (tức Musée Khải Định sau này), nơi đặt trụ sở Hội Bạn của Cố đô Huế, và có bài đăng báo Bulletin des Amis de Vieux Hué [Đô thành hiếu cổ]. Năm 1918-1919, Diệm vào trường Hậu bổ Huế. Người đỡ đầu có lẽ là Nguyễn Đình Hòe, một phụ tá cũ của Khả trong chiến dịch truy giết Ngự sử Phùng, lúc đó làm Giám đốc trường (năm 1921 giữ chức Tổng thư ký Viện Cơ Mật). Thời gian này, triều đình đã bỏ lối thi Hương và thi Hội cũ, và trường Hậu bổ mở thêm phân khoa "pháp chính" [hành chính và luật] của trường Đại học Hà Nội. Học viên học tại Huế hai năm đầu, và năm thứ ba phải ra Hà Nội. Có lẽ Diệm được chuyển qua chương trình này. Tốt nghiệp, nhờ sự nâng đỡ của Thượng thư Bài, năm 1922 Diệm

"nhân viên an ninh Mỹ ném mìn plastic tối 8/5/1963," "toàn dân Việt Nam ghi ơn Ngô Tổng thống"). Xem, Vũ Ngự Chiêu, "Vài Ý Nghĩ Về Thượng Tọa Thích Quảng Đức;" Đi Tới (Montréal, Québec), XII, số 83 (7-9/2005), tr. 4047; Hợp Lưu (Santa Ana, CA), số 84 (8/2005), tr. 194-206. Đáng tiếc vì không được huấn luyện về phương pháp nghiên cứu và viết sử, lại không có tư liệu, Trần Trọng Kim khiến tập phổ thông lược sử của ông chứa nhiều dữ kiện và nhận định lầm lạc. 16. Có tài liệu ghi Khả là Chưởng giáo đầu tiên của trường Quốc Học; E. Le Bris, "Le Quoc Hoc;" BAVH (1916), số 1, tr. 80. Đây có lẽ dựa theo Dụ năm 1896 của Thành Thái, nhưng Toàn quyền Pháp không chấp thuận. Giám đốc trường này là một người Pháp. Về chức "Thượng thư" của Khả, chúng tôi chưa thấy một tài liệu nào. Trong bài "Une ascension sur l'écran du roi: Poésie de S. M. Tu Duc, traduite par Ngô Đình Khả, Ministre honoraire; BAVH, số 2 (4-6/1916), tr. 223-227–bản dịch một bài thơ nói về chuyến du ngoạn của vua Tự Đức–Ngô Đình Khả chỉ ghi "hàm Thượng thư," khác xa với chức Thượng thư thực sự, nói chi "Thượng thư đầu triều." Trần Lục, hay cha Sáu [Père Six] ở Phát Diệm, một tay chân tín cẩn của Giám mục Puginier, cũng được thưởng hàm Thượng thư và Bắc đẩu Bội tinh.

được bổ nhậm ngay. Năm 1929 [1926?], Diệm lên tới chức đầu tỉnh, Quản đạo Ninh Thuận (Phan Rang), rồi Tuần Vũ Bình Thuận (Phan Thiết). Được cấp trên đặc biệt chú ý vì thanh liêm và tinh thần diệt Cộng cao. Một nhân chứng ghi nhận rằng Diệm, khi làm quản đạo Ninh Thuận, ngoài những ngón tra tấn quen thuộc như tra điện, kìm kẹp, còn bắt tù nhân Cộng Sản vuốt lạt tre, hay dùng đèn cầy [nến] đốt hậu môn để lấy khẩu cung. Ít nhất 7 trong số 500 tù nhân Cộng Sản bị tra tấn đến chết.(17) Có lẽ vì thế, theo

Giám Mục Thục, Cộng Sản đã thuê một sát thủ ra tận Phan Rang mưu sát Diệm, nhưng Diệm chỉ bị thương.(18) Tóm lại, từ Khả xuống Khôi, rồi Diệm, tinh thần phục vụ và lòng trung thành với Pháp khá vững chắc. Khôi từng nhờ Nhu nói với Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Paul Arnoux ngày 18/8/1944 tại Huế rằng Khôi "xin thề trên thập tự giá" là lúc nào cũng coi Bảo hộ Pháp như "bát cơm" [bol de riz] của họ Ngô. Khôi cũng thường nói với Diệm rằng

17. Lời chứng của Nguyễn Thi, cựu Ủy viên Hành Kháng tỉnh Ninh Thuận, trên báo Nhân Dân ngày 16/7/1954, dẫn trong Trần Văn Giàu, Miền Nam giữ vững thành đồng, 5 tập (Hà Nội: NXB Khoa Học, 1964-1978), tập I (1964), tr. 36. Hai tác giả khác ghi là việc Diệm dùng đèn cầy đốt hậu môn tù nhân CS khi làm Tri phủ Hòa Đa; Nguyệt Đàm và Thần Phong, Chín năm máu lửa dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm (Sài Gòn: 1964), tr. 18. Theo hai tác giả này, nhân chứng là Cử nhân Nguyễn Trác, cựu Nghị viên trưởng An Nam. Xem thêm, Bùi Nhung, Thối nát (Sài Gòn: 1969); Hoàng Trọng Miên, Đệ nhất phu nhân (Los Alamitos, CA: 1989), I:128-129. Theo tài liệu Bộ Ngoại Giao Mỹ, Diệm tốt nghiệp thủ khoa năm 1921; năm 1929 đã làm quan đầu tỉnh. Khi ở Quảng Trị năm 1930- 1931, Diệm dùng những thủ đoạn nghiêm khắc để đàn áp, v.. v... ["From 1922 to 1929 he was a dis- trict chief in the territorial administration of Annam and during the next four years he served as a province chief. While in Quang Tri province during the 1930-1931 Communist-led insurrections he used drastic methods in repressing agitators and revolutionaries, thus incurring the enmity of left-wing nationalists. In 1932-1933 he headed a commission to investigate charges of corruption in the upper echelons of the Annamese administration;" Ngo Dinh Diem (1957) [p.5]].
18. Thư Ngô Đình Thục gửi Decoux ngày 21/8/1944; CAOM (Aix), PA 14, c. 2. Thư này do tác giả công bố lần đầu trong Luận án Tiến sĩ tại Đại học Wisconsin- Madison năm 1984, rồi trên báo Lên Đường (Houston) năm 1989; in lại trong Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], 1939-1975, tập I-A: 1939-1946, tr. 200. Vài cá nhân đặt nghi vấn là Pháp ngụy tạo tài liệu trên. Nghi vấn này do sự thiếu hiểu biết về phương pháp bảo quản tài liệu văn khố. Hơn nữa thủ bút và chữ ký của Thục khó thể giả mạo. Tưởng cũng nên ghi thêm rằng một vài cá nhân (như Lê Trọng Văn, Bùi Kha) đã tự động tẩy xóa bút phê của Decoux cũng như ghi chú của nhân viên văn phòng Toàn quyền và dấu cùng chữ ký thị thực của Văn khố Aix-en Provence Pháp trên phóng ảnh tài liệu trên, in vào sách họ.

sở dĩ người Pháp [Khâm sứ Emille Grandjean] không ưa vì "[họ Ngô] quá toàn vẹn," và "Phạm Quỳnh (1892-1945) thì khôn khéo, nên được cả Pháp lẫn Nhật quảng cáo tài năng."(19) Bản tóm lược rõ ràng nhất công lao và lòng trung thành với Bảo hộ Pháp của họ Ngô, cũng như cá nhân Diệm, do Giám mục Thục trình lên Toàn quyền Jean Decoux ngày 21/8/1944: Các anh em tôi cũng liên tục dâng hiến mạng sống họ cho nước Pháp trong dịp Cộng Sản nổi loạn. Diệm, em tôi, đã ngã xuống vì những viên đạn súng lục của một người Tàu Chợ Lớn, được gửi tới Phan Rang, nơi Diệm hăng say ngăn chặn sự xâm nhập của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ [Mes frères, eux mêmes ont exposé

leur vie continuellement pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de révolver d'un chinois de Cholon, envoyé à cet effet à Phan Rang, où Diệm défendait énergé- tiquement l'entrée de l'Annam aux émissaires communistes envoyées de la Cochinchine]. .(20) Dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp "yêu nước, chống Pháp" của Diệm, là cuộc "đảo chính cung đình" ngày 2/5/1933. Ngày này, Toàn quyền Pierre Pasquier (12/1928-1/1934) và Quyền Khâm sứ Léon Thibaudeau (2/1933-7/1934) đột ngột bắt Bài và toàn bộ nội các về hưu. Theo báo Tiếng Dân, tin trên chấn động dư luận Huế. Bẽ bàng nhất cho Bài là ngay chính Bài cùng các Thượng thư không hề được báo trước. Và, khi Thibaudeau tuyên bố danh sách nội các mới, có Trần Thanh Đạt thông dịch qua tiếng Việt, một số người vẫn chưa kịp về đến kinh đô.(21) Nguyên Pasquier, với sự thỏa thuận của Albert Sarraut, quyết thực hiện một cuộc "đại cải cách" ở An Nam, đánh bóng uy tín vua Nguyễn để làm giảm bớt và điều-kiện-hóa các phong trào quốc gia mới–như cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930, và nhất là sự du nhập và phát triển của phong trào Cộng Sản từ giữa thập niên 1920, bùng nổ thành những cuộc bạo động, khủng bố tại các đồn điền miền Nam, cùng phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh trong hai năm 1930-

19. Nguyên văn: "FrancĒais ne veulent pas de nous, parce que nous sommes trop entiers, à fortiori Japonais qui préfèraient souplesse PHAM QUYNH dont ils vantent talent." Báo cáo số 1806, A,B,C,D ngày 18/8/1944, Surete gửi DirSurGe; CAOM (Aix), 14 PA, c.2, d.19; trích đăng trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:856. 20. Thư Ngô Đình Thục gửi Decoux ngày 21/8/1944; CAOM (Aix), PA 14, c. 2. 21. Xem chi tiết trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:1111-1145.

1931. Pasquier và Thibaudeau đoạn tuyệt với nhóm hợp tác cựu trào (Nguyễn Hữu Bài, Ki-tô giáo). Nhóm này chủ trương đồng hóa và thống trị theo kế sách của Giám mục Paul Puginier và Louis Caspar– nhằm Ki-tô hóa các vua quan rồi khiến toàn thể dân Việt sẽ phải theo đạo, và vĩnh viễn trở thành "bạn của nước Pháp." Từ thập niên 1890, nhóm hợp tác cựu trào trở thành một thứ kiêu binh của cái mà Phạm Quỳnh cũng như Bảo Đại gọi là "một văn phòng phụ thuộc nho nhỏ của Tòa Khâm," tức triều đình Huế, lúc nào cũng mang công lao của khối giáo dân bản xứ trong việc thiết lập chế độ Bảo hộ ra áp lực Pháp. Ngựa mới của Pasquier là phe tân trào (tiêu biểu bằng Phạm Quỳnh, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Thái Bạt, Lê Dư, v.v...). Phe này chủ trương hợp tác tinh thành, hay Pháp-Việt đề huề. Quan chức Pháp đã chọn phe tân trào, vì chủ trương hợp tác có nhiều triển vọng thành công trước sự lớn mạnh của các phong trào quốc gia mới. Trong khi đó, nhóm Quỳnh chấp nhận "tôn quân cũng là yêu nước," tạm ngưng lại đòi hỏi thể chế cộng hòa.(22) Để làm giảm sự bi phẫn của nhóm cựu trào, Pasquier và Thibaudeau đặc cách Diệm–con nuôi của Bài [son fils putatif], cũng một trong hai Tuần vũ thanh liêm, chống Cộng nhiệt tình nhất–lên làm Thượng thư Bộ Lại.(23) Một số mật báo viên ghi, và ngay chính Diệm man khai (ngày 24/12/1947 với Tổng lãnh sự Mỹ tại Hong Kong là George D. Hop- per) rằng "Diệm" được làm "quan đầu triều Bảo Đại."(24) Thực ra,

22. Nói rộng hơn, nhóm Sarraut-Pasquier áp dụng chính sách "hợp tác" [collaboration]. Giữa thập niên 1920, Pasquier còn chiêu hồi những thành phần chống Pháp như Phan Bội Châu và sử dụng các văn thân từng bị dính líu vào phong trào chống sưu thuế 1908 tại miền Trung. Huỳnh Thúc Kháng, chẳng hạn, được cử làm Chủ tịch Hội đồng Dân cử Trung Kỳ, và xuất bản tò Tiếng Dân bằng quốc ngữ để quảng bá chủ trương "thờ người Pháp để cầu tiến bộ."(TTLTQG 2 (TP/HCM), RSA/HC, HS 1869. 23. "Ngôi sao" thứ hai của Pasquier là Bùi Bằng Đoàn (1890-1955), từ Tuần phủ lên chức Thượng thư Bộ Hình. Ngày 6/5/1933, năm tân Thượng thư mới có mặt đầy đủ tại Huế nhân dịp gắn huy chương cho Bài và 4 ngườợi khác. Ngày 17/5, Thibaudeau chủ tọa phiên họp Hội đồng Nội các đầu tiên. Mười ngày sau, 27/5, tân Nội các họp dưới sự chủ tọa của Bảo Đại và Pasquier. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, tập III:793, 1111-1129 (Phụ bản bài tường thuật trên báo Nam Phong số 184 (5/1933). Đoàn sau này hợp tác với Hồ Chí Minh. 24. Theo Tổng Lãnh sự Hong kong, Diệm tuyên bố là bạn lâu đời của Bảo Đại, đã phục vụ như "Tể tướng" những năm cũ, và hai gia đình có liên hệ gần gũi [Ngo Dinh Giem [Diem] claimed that he was an old friend of Bao Dai, had served as his Prime Minister in former years, and that their families enjoyed close relations"]; CĐ 450, 30/12/1947, Hongkong gửi BNG; FRUS, 1947, VI:153. Việc tự đánh bóng

từ tháng 5/1933, Bộ Lại mất đi ảnh hưởng của những năm Bài được kiêm nhiệm chức Tổng lý [Chủ tịch Viện Cơ Mật], và chỉ ngang hàng với các Bộ khác. Người có uy thế nhất là Phạm Quỳnh, Thượng thư Giáo dục kiêm Ngự tiền Tổng lý của Bảo Đại. Quỳnh không những chỉ chuyển lệnh của Toàn quyền và Khâm sứ Pháp cho Bảo Đại, mà còn đồng thời dịch, và thiết kế việc thực thi các lệnh trên, cùng báo cáo kết quả lên Khâm sứ. Thibaudeau còn cử Diệm làm Tổng Thư ký Ủy ban Cải Cách, và yêu cầu Diệm làm tờ trình về kế hoạch canh tân Bộ Lại. Diệm, có lẽ do ảnh hưởng của Bài, đưa ra 2 điều kiện: Phải thống nhất Bắc và Trung Kỳ; tái bổ nhiệm một Tổng Trú sứ (Résident Général) cho Trung và Bắc Kỳ như đã qui định trong Hòa ước 6/6/1884; và, cho Viện Dân biểu quyền thảo luận.(25) Đề nghị này giống hệt kế hoạch của Bài: Muốn cải cách, việc đầu tiên phải hủy bỏ chức Thống sứ Hà Nội và Khâm sứ Huế (tức tái sát nhập Bắc Kỳ vào An Nam), sau đó cho An Nam ngân sách riêng. Nói cách khác, phải trở lại với Hiệp ước 6/6/1884–đòi hỏi mà Bài đã gieo xuống đầu óc thơ dại của Duy Tân từ năm 1915-1916, đưa đến việc vua bị truất phế rồi đày qua Réunion cùng cựu hoàng Thành Thái (Bửu Lân) vào cuối năm 1916. Pasquier, dĩ nhiên, không chấp thuận. Ngày 9/7/1933, Diệm ra Quảng Trị ở với cha nuôi ít ngày. Trở lại Huế, ngày 12/7, Diệm nạp cho Thibaudeau một bản sao đơn từ chức đã trình lên Bảo Đại. Lý do Diệm nêu ra là cơ cấu tổ chức hiện tại không phù hợp với Hiệp ước 6/6/1884–Hiệp ước này qui định Pháp chỉ giữ một chế độ bảo hộ kiểm soát (protectorat de contrôle) mà không phải bảo hộ trực tiếp (protectorat direct).(26) Thibaudeau gọi Bảo Đại từ Đà Lạt về Huế giải quyết. Bảo Đại bảo thẳng Diệm rằng không thể viện dẫn lý do chính trị để từ chức, vì đó là hành động phản nghịch. Diệm đành viết lại đơn từ chức khác ngày 18/7, nêu lý do muốn dành thì giờ cho việc tu hành. Lần này,

để “bán mình” [sell yourself] cho Mỹ này không được tài liệu văn khố Pháp chứng minh. Thực tế, Diệm, như đã lược nhắc, chỉ được đặc cách lên hàng Thượng thư Bộ Lại, mà phận sự và quyền lợi đồng đều với bốn bộ khác, và năm 1935, chỉ được Bảo Đại cho lại chức Thượng thư hàm. Xem chú 21 infra. 25. Báo cáo ngày 10/5/1933, Pasquier gửi Colonies; CAOM [Aix], INF, c.366/d.2905; trích in trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, tập III:785-809, 1111- 1145. Xem Phụ bản báo Tiếng Dân trong sách này. 26. Báo cáo số 303-A.P., 22/7/1933, Gougal gửi Colonies; CAOM (Aix), INF, c.366/d.2905; Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:804-806.

Diệm được toại ý. Ngày 22/7, Thibaudeau đổi Thái Văn Toản qua thay Diệm nắm bộ Lại, và đưa Tôn Thất Quảng, Tổng đốc Thanh Hóa, mới lập công lớn trong việc đàn áp đẫm máu tại các tỉnh Bắc An Nam, lên nắm Bộ Công và Nghi Lễ thay Toản.(27) Ngay sau ngày Bài bị cách chức, vài tờ báo Nam Kỳ công khai đả kích Pasquier. Theo một mật báo viên (Luật sư Lê Văn Kim), những bài đả kích trên từ Huế chuyển vào Sài Gòn. Tháng 12/1933, Diệm còn vào Sài Gòn gặp Nguyễn Phan Long, Lê Văn Kim, Jacques Lê Văn Đức v.v... bàn thảo kế hoạch trả thù Pasquier và Thibaudeau. Tiếp đó, tờ La Tribune indochinoise [Diễn đàn Đông Dương] và tờ La Lan- terne ở Paris mở chiến dịch đòi thay Pasquier bằng cựu Toàn quyền Alexandre Varenne (7/1925-11/1927) và đưa cựu Khâm sứ Yves Châ- tel (6/1931-2/1933) trở lại Huế. Biết được tin này, Pasquier truất hết chức tước của Bài, Diệm và Pierre Nguyễn Đệ, Bí thư riêng của Bảo Đại, thuộc một gia đình trung gian bản xứ Ki-tô nổi danh khác ở miền Bắc (Án sát Nguyễn Liên). Diệm còn bị trục xuất khỏi Huế, chỉ định cư trú tại Quảng Bình.(28) May mắn cho Diệm, ngày 15/1/1934, Pasquier chết vì tai nạn máy bay trên không phận Paris. Năm sau, Bài chết tại Quảng Trị. Toàn quyền René Robin (7/1934-1/1937) và Khâm sứ Maurice Graffeuil (7/1934-5/1936, 4/1937-8/1941) phục hồi tước vị hàm [honoraire] cho Bài, Diệm và Đệ. Diệm được về Huế dạy trường Providence [Thiên hựu] do Linh mục Thục, “anh trai” Diệm, làm Giám học.(29)

27. Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:806-807. Gần ba chục năm sau, Diệm tuyên bố với một viên chức Mỹ rằng sở dĩ Diệm từ chức, ngoài tinh thần chống thực dân, còn vì không đồng ý với chính sách “chống Cộng” của Pháp. Theo Diệm, Cộng Sản là sản phẩm của các chính phủ tả phái Pháp. Xem Memorandum of a Conversa- tion, Saigon, Jan 16, 1962; FRUS, 1961-1963, II:41-42. Nội dung buổi nói chuyện này chứng tỏ Diệm, dù tự nhận đã nghiên cứu về Cộng Sản từ năm 1922 qua các tài liệu Switzerland, chẳng biết gì vai trò của địa bàn Trung Hoa cùng hoạt động của DALBURO Liên Sô Nga ở Vladivostok, Thượng Hải hay Hong Kong. Ngoài ra, Diệm có vẻ “rất linh động và sáng tạo” trong việc diễn giải thành tích dĩ vãng của mình. Năm 1963, Đại sứ Henry Cabot Lodge đi đến kết luận, không hẳn đã chủ quan, rằng Diệm và họ Ngô thuộc loại “dối trá và tội phạm” (liars and criminals); Ibid., IV:tài liệu 69 (deception, IV:127),77 (medival view of life; IV:143), 221. 28. CAOM (Aix), INF, c.366/d.2905; Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:808. 29. Năm 1934, Thục cũng tìm cách đả kích Bảo Đại bằng cách áp dụng “giáo luật” vào đám cưới của Bảo Đại với Nam Phương hoàng hậu (tức bắt Bảo Đại phải “rửa

tội" trước khi làm đám cưới). Pháp giải quyết bằng cách cho một linh mục Pháp cử hành lễ cưới trong bí mật.

JEAN BAPTISTE NGÔ ĐÌNH DIỆM - THỜI KỲ CHƯA NẮM QUYỀN • 49

III. HỢP TÁC VỚI NHẬT Thế chiến thứ hai (1939-1945) và việc Nhật xâm chiếm Đông Dương từ hai năm 1940-1941 khiến Diệm và họ Ngô, do tham vọng và ý muốn phục thù Pháp, đi tìm một bát cơm hay thiên mệnh ngoại cường khác. Họ Ngô bí mật yểm trợ Hoàng thân Cường Để và từ năm 1942, công khai hợp tác với Hiến binh Nhật (Kempeitai). Huân, con trai lớn của Khôi, làm thông ngôn cho Nhật. Trong khi đó, Nhu (1910- 1963) che chở cho hai con của Cường Để, Tráng Đinh và Tráng Liệt, tại văn khố Tòa Khâm sứ Huế. Những người thân Diệm cũng làm việc tại tòa Lãnh sự Nhật từ năm 1942. Đầu năm 1943, Y sĩ Trương Kế An, thủ lãnh Liên Đoàn Ái Quốc Việt Nam, gặp Diệm ở Hà Nội. Pierre Đệ, anh rể hụt của Nhu, cũng có mặt.(30) Trong khi đó, Khôi cho Diệm dùng dinh thự Tổng đốc Nam-Ngãi của mình để tiếp xúc với những cá nhân thân Nhật. Khôi còn che chở cho tín đồ Cao Đài (đang bị nghi ngờ thân Nhật, ủng hộ Cường Để) trong vùng cai trị. Mật thám Pháp cũng tìm thấy trong nhà một người cháu họ của Khôi ở Quảng Nam, Ngô Đình Dậu (?), tài liệu liên quan đến Việt Nam Phục Quốc Hội của Cường Để. Vì việc này, Khâm sứ Grandjean (6/1941-8/1944) chẳng những không hồi âm thư chúc mừng của Khôi, mà trong buổi gặp mặt trên đèo Hải Vân, còn bắt Khôi về hưu không được hàm Thượng thư. Tháng 1/1944, Grandjean còn cho lệnh Bảo Đại bí mật trục xuất Diệm khỏi Huế, chỉ định cư trú ở Quảng Bình. Anh em Diệm trút mọi hờn oán lên Quỳnh, đương kim Tổng lý [Tể tướng] triều đình.(31)

30. Note số 2995-SP/C, Huế, 4/4/43; CAOM (Aix), 14 PA, c.1. Ít tháng sau, do sự dàn xếp của Thân Thị Nam Trân (1905-1986), vợ Luật sư Trần Văn Chương (1898-1986), Nhu khiến gia đình Nguyễn Liên phải hủy bỏ cuộc đính hôn để Nhu kết hôn với Lệ Xuân, con gái thứ hai của Nam Trân và Chương, thua Nhu tới 14 tuổi. 31. Mối hiềm khích, nếu không phải hận thù, giữa họ Ngô và Phạm Quỳnh, là điều bất cứ giới chức quan lại nào ở Huế đều rõ. Các viên chức Pháp quyết định không ngả theo phe nào, theo đúng chủ trương chia để trị. Theo an ninh Pháp, "những phần tử trong họ Ngô, đặc biệt là Khôi, nuôi dưỡng lòng hận thù ngày một sâu đậm đối với Phạm Quỳnh người đã thụ hưởng nhiều lợi lộc nhất trong 'cuộc đảo chính ngày 2/5/1933.' Từ một nhà báo, Quỳnh đã trở thành Thượng thư Bộ Quốc Dân Giáo Dục, rồi thăng lên chức Tổng lý khá nhanh, nắm giữ tước cao nhất của hệ thống quan lại (Tứ trụ triều đình) năm 1944. Từ từ theo sự thăng tiến về danh vọng của Phạm Quỳnh, hận thù giữa họ Ngô với Phạm Quỳnh càng gia tăng ....;" "M. Jean Baptiste Ngo Dinh Diem, dit Nguyen Ba Chinh," tr. 2; SHAT (Vincennes), 10H 4195. Xem thêm chi tiết trong Vũ Ngự Chiêu, "Social and Cultural Change in Vietnam Between 1940 and 1946," Ph.D. dissertation, December 1984, Univ. of

50 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Mùa Hè 1944, Mật thám Pháp khám phá ra tổ chức Đại Việt Phục Hưng của Diệm, gồm khoảng 50 đảng viên tích cực, kể cả một số giáo sĩ; nằm ngay trong đội lính khố xanh

(Garde indochinoise), cảnh sát, công chức, v.v... Một trong những lãnh tụ là Trần Văn Lý, Tuần vũ Hà Tĩnh. Pháp bèn cho lệnh khám xét tư thất Diệm, nhưng Diệm đã sớm tẩu thoát. Ngày 12/7, Trung úy Kuga Michio của Hiến binh Nhật bí mật đưa Diệm vào Đà Nẵng, rồi đáp phi cơ vào Sài Gòn. Trong thời gian ở miền Nam, Diệm lui tới với Matsushita [Tùng Hạ] Mitsuhiro, Chủ công ty Dainan Koosi [Đại Nam hay Dainan Konsi], trưởng lưới tình báo dân sự của Nhật, cũng người tự nhận là bạn thân của Cường Để.(32) Một tháng sau, ngày 12/8, Nguyễn Huy Tân, Cán sự Công chính ở Quảng Ngãi, một cán bộ của Diệm, khai rằng Nhật đã chọn Diệm làm Thủ tướng, trong một chế độ quân chủ lập hiến mà người làm vua không nhất thiết phải là Cường Để. Hai ngày sau, 14/8, Paul Arnoux, Giám đốc Cảnh Sát, được lệnh bí mật khai thác Nhu và Khôi ngay tại Huế. Ngày 18/8, Arnoux báo cáo rằng Nhu nhìn nhận việc làm tội lỗi của Diệm, nhưng Khôi không dính líu, xin "thề trên thập tự giá" là chỉ muốn duy trì "bát cơm" Pháp.(33) Ngày 20/8, vì tình hình Âu Châu đang rối loạn, phe "Pháp tự do" của Charles de Gaulle đang tiến vào Paris, Decoux đồng ý với đề nghị của Arnoux là chỉ trừng trị những cán bộ hạng trung, tránh khiêu khích Nhật. Trong khi đó, ngày 21/8, Thục–đã được thụ phong chức Giám mục Vĩnh Long từ năm 1938–viết thư xin Decoux nghĩ đến công lao hãn mã của cha mình với chính phủ Pháp trong việc "đánh dẹp phản loạn" (tức những phong trào Văn Thân và Cần Vương kháng Pháp) khi xét xử Khôi và Diệm. Anh em họ Ngô, Thục nhấn mạnh, cũng đã nhiều lần dâng hiến thân tâm cho Bảo hộ Pháp, bất kể mạng sống. Chẳng hiểu vì công lao của Khả (đặc cách từ Thương biện Cơ Mật viện lên

Wisconsin-Madison, Part I, chapters 3, 4 & 6. Báo Tiếng Dân trong tháng 5/1933 cũng có bài xa gần nhắc nhủ "những người được cái của người khác đừng nên vội mừng" (có lẽ ám chỉ Phạm Quỳnh) và kết luận rằng mọi việc đều do Pháp chủ xướng. Huỳnh Thúc Kháng, tưởng nên nhấn mạnh, cùng chủ trương "thờ người Pháp làm bậc thầy để cầu tiến bộ" như Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác, v.v... 32. CAOM (Aix), GGI, 7F 29, tr. 56. Matsushita [Tùng Hạ] đã tới Đông Dương từ thập niên 1920. Năm 1938, bị trục xuất; nhưng trở lại Sài Gòn từ năm 1941. Matsushita thường tuyên bố là bạn thân và đại diện của Cường Để. 33. Xem chú 13 supra. Anh em Diệm, thường rất thích "thề trên thập tự giá" nhưng ít khi giữ những lời thề này, kể cả lời thề "trung thành" với Bảo Đại trước khi về làm Thủ tướng toàn quyền dân và quân sự vào tháng 6/1954. Xem infra.

Thái thường tự khanh, năm 1896), vị thế Giám Mục của Thục, thành tích phục vụ Bảo hộ của anh em Diệm-Khôi, hay vì mối lo ngại cho sự an nguy chính bản thân Decoux, Pháp không truy cứu việc này.(34) Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Diệm tá túc trong bệnh viện Chợ Quán, được trưng dụng làm trụ sở quân sự của Nhật, sau này đổi tên thành bệnh viện bài lao Hồng Bàng. Tại đây, Diệm cùng Y sĩ Nguyễn Xuân Chữ, Y sĩ Lê Toàn, Kỹ sư Vũ Văn An, Ký giả Vũ Đình Dy (1906-1945) thành lập Ủy Ban Kiến Quốc, phò trợ Cường Để. Cuối năm 1944, khi chuẩn bị kế hoạch Mago để lật đổ chế độ thân Vichy Decoux, Hiến binh Nhật đã dự trù Diệm sẽ trở thành Thủ tướng. Tuy nhiên, tình hình ngày một đổi thay mau chóng. Tướng Tsuchihashi Yuitsu, Tư lệnh Quân đoàn

38–lực lượng trách nhiệm phòng thủ Đông Dương chống lại cuộc đổ quân Đồng Minh–dồn mọi nỗ lực cho mục tiêu quân sự hơn chính trị. Bởi thế Tsuchihashi giữ Bảo Đại làm vua một nước Việt Nam "độc lập trong Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á," chống việc đưa Cường Để về nước. Nhưng nước Việt Nam này trên thực tế chỉ bao gồm 12 tỉnh miền Trung, vì Nam Kỳ cũng như Bắc Kỳ được trù liệu sẽ trở thành hai trung tâm tử thủ chống lại sự đổ bộ của quân Đồng Minh. Giám đốc Kempeitai yêu cầu phe Diệm-Chữ tham gia chính phủ độc lập tại Huế, nhưng cả hai đều từ chối.(35) Tháng 3/1945, sau cuộc Hành quân Meigo (9-10/3/1945) loại bỏ Decoux, Bảo Đại hai lần nhờ Nhật mời Diệm làm Thủ tướng, nhưng không có hồi âm. Mãi sau này, Bảo Đại mới được Nhật thông báo rằng họ không muốn dùng Diệm. Thay vào đó, tháng 4/1945, Trần Trọng Kim (1883-1952) được đưa từ Krung Thêp về Huế làm Tổng lý nội các [Thủ tướng] "Đế quốc Việt Nam" (4-8/1945).(36)

34. Thời gian này, Decoux như ngồi trên lửa. Một mặt, phe Gaullist tăng gia hoạt động "kháng Nhật," và Paris hoàn toàn im lặng trước nỗ lực xin qui phục của Decous. Mặt khác, Decoux đang đối diện mối hiểm họa sẽ bị Nhật tước đoạt quyền lực. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III: 858-862. 35. Nguyễn Xuân Chữ, Hồi ký Nguyễn Xuân Chữ (Houston: Văn Hóa, 1996), tr. 243-249. 36. Vũ Ngự Chiêu, The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Vietnam (4-8/1945) / Phía bên kia cuộc cách mạng 1945: Đế Quốc Việt Nam (4-8/1945) (Houston: Văn Hóa, 1996). Bản Anh ngữ tập sách nhỏ này, trích ra từ luận án năm 1984, đã in trong Journal of Asian Studies vào tháng 2/1986; Bảo Đại, Le Dragon d'Annam (Paris: Plon, 1980), tr. 106. Mùa Thu 1945, Giám mục Thục cho rằng sở dĩ Diệm không nhận lời vì thấy chế độ do Nhật lập nên khó tồn tại lâu dài; hơn nữa quanh Bảo Đại có những thành phần tả phái và franc-macỄon [tam điểm]. CAOM (Aix), GGI, CP 125. Lời chứng này khó tin cậy. Mục đích của Thục

Nhóm Diệm-Chữ đã bị phân tán ra khắp ba miền. Y sĩ Chữ về lại Nam Định, rồi Hà Nội, và cuối cùng trở thành Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Chính trị miền Bắc, thay Khâm sai Phan Kế Toại từ chức vào giữa tháng 8/1945. Diệm về lại Vĩnh Long, tá túc trong giáo phận của Giám mục Thục.(37) IV. DIỆM & VIỆT MINH Mặc dù sau này Ngô Đình Diệm thường tuyên bố tại Việt Nam chỉ nổi danh thua Hồ Chí Minh, khoảng thời gian từ tháng 8/1945 tới đầu năm 1947 là một giai đoạn bí mật nhất đời Diệm. Như chúng ta đã biết, ngày 19/8/1945, Việt Minh lên nắm chính quyền ở Hà Nội. Ngày 25/8, Bảo Đại ra thông cáo thoái vị. Khôi và con trai trưởng là Huân bị Việt Minh bắt, rồi tử hình ở vùng Phong Điền, Thừa Thiên. Riêng Diệm và Thục đều có tin bị Việt Minh bắt. Thục, thực ra được tự do sống ở vùng Vĩnh Long, dưới sự che chở của viên chức Việt Minh. Tháng 10/1945, Thục định ra Bắc, nhưng bị quân Bri-tên chặn bắt ở Biên Hòa, rồi sau đó âm thầm trở lại giáo phận Vĩnh Long. Phần Diệm, tông tích bất minh. Ngày 7/5/1953, trong buổi ăn trưa và thảo luận [lunch talks] về tình hình Đông Dương tại Tối Cao Pháp Viện Mỹ, Diệm tuyên bố từng bị VM "cô lập" trong một làng thiểu số năm 1946. Sau 6 tháng, VM yêu cầu Diệm tham gia chính phủ, nhưng Diệm trả lời rằng vì biết Ô. Hồ là CS, Diệm muốn được toàn quyền và thông báo mọi tin tức. Những người ủng hộ Diệm đòi

Diệm phải được

là biện minh cho sự hợp tác với Nhật của Diệm, một tội ác chiến tranh ở thời điểm này. Và có thể Thục cũng không biết đến, hoặc tảng lờ quyết định của Tsuchihashi hay lời tuyên bố sẽ tống giam Cường Để vào Côn đảo nếu Hoàng thân về nước. Nhân viên an ninh Pháp, năm 1954, cho rằng Diệm từ chối lời mời lập chính phủ vì Nhật không chịu cho thống nhất ba miền Bắc, Trung, Nam; SHAT (Vincennes), 10H 4195. Theo ký giả Sharplen, “Diem refused, not because he objected to the Japanese but because he did not feel he would be able to establish a free government–among other things, the southernmost area of Cochin China was initially be excluded from it. Furthermore, he now saw the handwriting on the wall and did not want to put himself in the position of being declared a collaborator when the war was over. He returned to Saigon and waited;” 1966:110. Ngo Dinh Diem is thought to have spent a good deal of time in Japan in the 1930’s, when he had many contacts with the exiled nationalist Prince Cuong De. He returned to Vietnam before World War II broke out. . . . Ngo Dinh Diem (1957)] 37. Cuối tháng 7, đầu tháng 8/1945, có những vận động đón Cường Để hồi hương làm Cơ Mật viện trưởng cho Bảo Đại, nhưng Cường Để không về nước được vì chiến tranh chấm dứt đột ngột vào giữa tháng 8/1945.

giao Bộ Nội Vụ và nắm ngành Cảnh Sát. Nhưng bị từ chối.(38) Gần một thập niên sau, ngày 16/1/1962, Diệm còn lập lại chi tiết bị bắt giữ ở vùng thượng du Bắc Việt với các viên chức Mỹ tại Sài Gòn.(39) Diệm còn tuyên bố rằng Diệm bị Việt Minh bắt vào tháng 9/1945, khi từ Sài Gòn ra Huế ngăn Bảo Đại đừng theo Ô.Hồ. Sau đó, bị giải lên thượng du gần biên giới Hoa-Việt, suýt chết vì bệnh sốt rét. Sáu tháng sau, Diệm được tha tại Hà Nội. Sau này, Hoàng Tùng cho rằng tha Diệm là một sai lầm.(40) Việc Diệm bị Việt Minh bắt được nhiều nguồn tin khác xác nhận. Hạ tuần tháng 11/1945, Giám mục Thục khai với Pháp rằng Khôi và Diệm đã bị Việt Minh bắt và có thể đã bị xử bắn.(41) Ngày 28/12/1945, Tổng Giám mục Antonin Drapier cũng viết cho Trưởng đoàn Truyền giáo Hải ngoại Pháp ở Sài Gòn, rằng Diệm đã bị Việt Minh bắt.(42) Một nguồn tin khác nữa ghi vào khoảng tháng 6/1946, khi Diệm đến ở nhà Linh mục Độ, chính xứ Tuy Hòa, cán bộ VM đã “khéo léo” mời được Diệm lên miền Thượng (Mọi). Người gia nhân thoát chạy ra Phát Diệm, xin Giám mục Lê Hữu Từ giúp, sợ bị giống như Khôi. Từ bèn cùng Linh mục Phạm Quang Hàm và Dân biểu Ngô Tử Ha vào Bắc bộ phủ xin Ô.Hồ tha Diệm. Chính Ô.Hồ cũng không biết việc này, và hứa sẽ can thiệp. Khoảng một tháng sau, Diệm về tới Hà Nội, Võ Nguyên Giáp cho gọi Nhu tới lĩnh về.(43) Những chi tiết quanh việc Diệm bị Việt Minh bắt có nhiều nghi vấn: 1. Xét về ngày tháng Diệm bị bắt, có phần không ổn. 1a. Tài liệu Bộ Ngoại Giao Mỹ và Karnow dẫn lời Diệm là Diệm bị bắt vào tháng 9/1945, và trả tự do vào khoảng tháng 3/1946. 1b. Ngày tháng mà Lê Hữu Từ hoặc tác giả viết hồi ký cho

38. FRUS, 1952-1954, XIII:554. 39. FRUS, 1961-1963, II:42. 40. [In September 1945 he was arrested by the Viet Minh and held until March 1946, being offered a cabinet post by Ho Chi Minh and refusing it]; Ngo Dinh Diem (1957) [p.5]; Stanley Karnow, Vietnam: A

History (New York: Viking Press, 1983), tr. 216-217. 41. CAOM (Aix), GGI, CP 125; Nhân vật chí, 1997:313. 42. Vẫn theo Drapier, Nhu, lúc ấy đang làm việc tại Hà Nội, không dám ra khỏi nhà vì sợ bị bắt cóc. Tại Huế cũng có tin Thục bị Việt Minh bắt; CAOM (Aix), GGI, CP 125. 43. Giám mục Lê Hữu Từ & Phát Diệm, 1945-1954 , tr. 117.

Từ ghi là Diệm bị bắt đúng vào giai đoạn HCM đang ở Pháp, và mãi tới ngày 22/10/1946 Hồ mới về tới Hà Nội. Vậy Từ can thiệp vào dịp nào? (Diệm cũng không hề nhắc đến việc được Từ và Hạ can thiệp). 1c. Ngay chính Diệm, ngày 7/5/1953, chỉ nói mơ hồ đã bị "cô lập" tại một làng thiểu số trong 6 tháng vào năm 1946. 2. Không ai rõ Diệm được tha ngày nào, và cũng chẳng ai rõ hành tung Diệm từ lúc được tự do tới khi xuất hiện ở Hà Nội vào đầu năm 1947 trong bộ đồ tu hành. 3. Theo thư gửi Decoux đề ngày 21/8/1944, Thục nói Cộng Sản từng sai sát thủ người Hoa ra Phan Rang mưu sát Diệm, nhưng Diệm chỉ bị thương. Nếu bắt được Diệm năm 1945 hoặc 1946, ngay tại miền Trung, cách nào Cộng Sản tha Diệm? (...). 4. Anh em Diệm rất thành thạo thủ thuật tự đánh bóng (kiểu Diệm "làm Tể tướng cho Bảo Đại," Khả làm "thượng thư đầu triều Thành Thái," hay "đầy vua không Khả"). Thành tích "bị giam lỏng" tại miền thượng du năm 1946, hay đòi V.M cho nắm Bộ Nội vụ có thể chỉ để tăng thêm vốn cho việc rao bán lập trường chống Cộng hầu xin viện trợ Mỹ của Diệm. Hy vọng sẽ có dấu vết việc bị "cô lập" này trong văn khố Đảng Cộng Sản Việt Nam hay Pháp. Cho tới khi có tài liệu rõ ràng, có thể tin Diệm đã trốn trong nhà tu [Redemptoristes hay Dòng Cứu thế] ở Huế như tài liệu văn khố Pháp ghi nhận. .... Từ năm 1947, Ngô Đình Diệm đã liên lạc với viên chức Mỹ, xin viện trợ. Đây chẳng phải là sáng kiến mới mẻ gì của họ Ngô. Hầu hết chính khách Việt đều nhận rõ vị thế siêu cường của Mỹ, nhưng không có đường dây móc nối như anh em họ Ngô. Ngay chính V.M cũng có hoạt động trợ giúp Sở tình báo chiến lược [OSS] Mỹ trong hai năm 1944-1945, và lực lượng võ trang đầu tiên của Việt Minh được OSS Mỹ trang bị và huấn luyện. Điều khiến Mỹ e ngại, và cuối cùng theo đuổi chính sách "hands-off" [không nhúng tay] khi Pháp tái xâm lăng Việt Nam là thành tích hoạt động cho QTCS của Hồ. Việc V.M quyết định giải tán Đảng CSĐD từ ngày 11/11/1945 vẫn chưa đủ thuyết phục các viên chức Mỹ–những người vẫn chủ trương chỉ có Âu

Châu mới đáng chú tâm hàng đầu.(44) Dẫu vậy, trong hai năm 1945- 1946, chính phủ Truman vẫn dành cho Việt Minh đôi chút thiện cảm. Có lẽ nhờ sự can thiệp của Mỹ, Moutet đã đồng ý ký modus vivendi ngày 14/9/1946 cho Ô.Hồ an toàn trở lại Việt Nam vào hạ tuần tháng 10/1946. Hơn một tháng sau, dù biết rõ liên hệ giữa Ô.Hồ với QTCS, Bộ Ngoại Giao Mỹ vẫn chỉ thị cho đặc sứ Moffat tìm cách gặp Ô.Hồ để giải quyết sự khác biệt Việt-Pháp bằng đường lối ngoại giao.(45) Sau khi Bollaert ký thông cáo chung Hạ Long (6-7/12/1947) với Bảo Đại, ngày 21/12, Diệm cùng Trần Văn Lý lên Hong Kong gặp cựu hoàng. Trước khi qua Geneva ngày 24/12, Bảo Đại ủy Diệm về nước tham khảo ý kiến các phe phái để thành lập chính phủ thống nhất. Diệm từ chối vì những nhượng bộ của Pháp quá ít. Ngày 26/12, Diệm trở lại Sài Gòn chờ đợi tình thế chuyển biến. Điều

ít ai biết là phía sau hậu trường, ngày 24/12/1947, Diệm bí mật gặp Tổng lãnh sự Mỹ tại Hong Kong là George D. Hopper, trình bày về nội tình VN và giải pháp Bảo Đại. Mục đích chính của "Giệm," theo Hopper, là xin viện trợ Mỹ. Hopper chỉ ghi nhận mà không hứa hẹn gì.(46) Tại Việt Nam, đa số các chính khách chống Cộng đã tạm thời thỏa mãn. Ngày 25/12, mặc dù không ưa Xuân, Hoạch thành lập Việt Nam Quốc Gia Liên Hiệp để ủng hộ "giải pháp Bảo Đại."(47) Riêng Diệm, qua đường dây Giám mục Thục, tổ chức một nhóm chống Cộng thân Mỹ. Tại miền Bắc, Diệm có những thân hữu cũ như Trần Trung Dung, Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Đình Thuần, v.. v... Tại miền Trung, Trần Văn Lý thành lập Đảng Xã Hội Công Giáo. Tại miền Nam, Diệm được Nguyễn Phước Hậu, Bertin, Nguyễn Bửu, Trần Tử Hoàng, v.. v... yểm trợ.(48)

44. Văn khố Nga và Trung Cộng chưa công bố hết tài liệu về những cuộc gặp gỡ giữa Hồ và Stalin trong tháng 2/1950, nhất là lý do biện minh cho việc giải tán Đảng Cộng Sản ngày 5/11/1945. 45. CĐ số 305, 5/12/1946, Acheson gửi Moffat; FRUS 1946, VIII:67-69; Department of Defense, US-Vietnam Relations, 1945-1947 (Washington, DC: GPO, 1971), Bk 8, tr. 85-86. 46. Ngày 18/12/1947, Tổng Lãnh sự Charles Reed đã từ Sài-gòn điện trước cho Hopper rằng có thể "Giệm" [Diệm] sẽ ghé thăm; FRUS, 1947, VI:152-155. 47. CAOM (Aix), 7F 27. 48. Theo tình báo Pháp, ngày 8/2/1848, Diệm đồng ý với lập trường của VN-QGLH: Độc lập - thống nhất. Năm Lửa Trần Văn Soái cùng lập trường, và tỏ ý quí trọng Diệm. Ngày 11/2/1948, Tiết [Thiet], một người thân cận Diệm và Nhu,

56 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Tuy nhiên, vai trò Diệm bị lu mờ trước những khuôn mặt được Pháp chọn lựa. Một trong những lý do là thành tích hợp tác với Nhật của Diệm. Chuyến viếng thăm Sài Gòn ngày 25/5/1948 của Hồng y Francis Spellman mở thêm đầu mối liên hệ với Mỹ cho anh em Diệm. TGM Sài Gòn, Cassaigne, mời Thục tham dự buổi tiếp đón Spellman.(49) Trong tháng 6/1948, Trần Văn Lý chính thức thành lập Đảng Xã Hội Công Giáo, do Thục bảo trợ. Diệm được coi như lãnh tụ tối cao của đảng này.(50) Tại Đà Lạt, Nhu cùng nhóm Linh mục Parrell tụ họp hạt nhân đầu tiên của chủ thuyết "Nhân vị." Thuyết này dựa theo thuyết Personalisme [Nhân vị] của Emmanuel Mounier, đặt trên cơ bản thần quyền Ki-tô giáo. ... Ngày, 15/7/1949, Giáo hoàng Pius XII (1939-1958) ra lệnh "rút thông công" bất cứ giáo dân nào có liên hệ với Cộng Sản. Thánh lệnh này phần nào giải tỏa mối lo ngại của Diệm, nhưng Diệm vẫn chưa chịu hợp tác với Bảo Đại. Trong khi đó, các cộng đồng Ki-tô ngày một nghiêng về phía Thế giới Tự Do, thắp hồng "cuộc thánh chiến" chống Cộng Sản. Ngày 21/9, Diệm về Huế, sống ở nhà Ngô Đình Cẩn (1911-1964), em trai áp út. Ngày 22/11–trong khi Hồng quân Trung Cộng đang tiến sát dần tới biên giới Việt-Hoa–Diệm rời Huế vào Sài Gòn, rồi Vĩnh Long, và Đà Lạt (2/1950). Tháng 3/1950, Giám mục Từ tại Phát Diệm sai Lê Quang Luật vào Nam yêu cầu Diệm đừng "chùm chăn" và "ngang bướng" nữa, cần yểm trợ Bảo Đại.(51) Ngày 9/4/1950, Tổng lãnh sự Mỹ Edmund

từ chức Giám đốc báo Thống Nhất ở Huế, về Quảng Nam làm Giám đốc trị sự công ty bảo hiểm Le Secours. Lý do chính là không đồng ý với Trần Văn Lý. Ngày 12/2/1948, Diệm cử Đông đi Hà Tiên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long gặp một số linh mục kháng chiến

cùng đại diện Cao Đài, Hòa Hảo để vận động cho Bảo Đại. Theo Đông, phần lớn giáo dân trong vùng Việt Minh ủng hộ kháng chiến; nhưng sẽ ngả theo Bảo Đại nếu được độc lập, thống nhất. Cũng định gửi một số sách báo vào vùng Việt Minh, như cuốn Tôi Muốn Tự Do. Nhu sẽ lên đường qua Pháp chừng hai tháng. Dự trù gặp Bảo Đại, và xuống Roma; SHAT (Vincennes), 10H 4201. 49. Tháp tùng Spellman có Fulton G. Green. Thời Sự (Hà Nội), 7/3/1949. 50. CAOM (Aix), Indochine, 7F 29, tr. 57. 51. Ngày 24/3/1950, Luật tiết lộ với cơ quan tình báo Pháp (SEHAN) rằng Diệm không thân cận được với Bảo Đại vì bản tính nhu nhược (faible) và thiếu cương quyết (indécis) của Bảo Đại. Nếu lên nắm quyền, Diệm sẽ chống Cộng thẳng tay, mà muốn thế cần có sự tín nhiệm và yểm trợ tuyệt đối của Bảo Đại. Điều này chắc không có. Ngoài ra, lập trường chính trị của Diệm cũng khác biệt. Thứ nhất Diệm muốn biết chắc thể chế độ chính trị của Việt Nam sẽ được tương tự như India trong Liên Hiệp Bri-tên. Nhưng sự bảo đảm chắc chắn này không được chứng tỏ qua thực

Gullion, XLTV Đại sứ, báo cáo chính phủ Nguyễn Phan Long sắp đổ và Trần Văn Hữu có thể lên thay. Gullion nghĩ rằng Pháp hẳn muốn Diệm, nhưng Bảo Đại không đồng ý. Giữa năm 1950, Diệm có ý định thành lập một lực lượng thứ ba, thân Mỹ, chống Pháp để lôi kéo những người bất mãn trong hàng ngũ Việt Minh. Cuối tháng 6/1950, tổ chức Phong Trào Quốc Gia Quá Khích ra đời ở Trung và Nam Việt, có liên hệ với Diệm. ... “LÊ GÓT NƠI QUÊ NGƯỜI”: Trong bài hát “Suy Tôn Ngô Tổng Thống,” để tô hồng cho thành tích cách mạng của Diệm, nhà văn Thanh Nam viết: “Ai bao năm từng lê gót nơi quê người, cứu đất nước, v.v...” Thực tế, cuộc hành trình ra ngoại quốc của Diệm chẳng có vẻ gì gian khổ. Trước hết, qua Mỹ, được gặp gỡ những nhân vật quyền thế; rồi qua Vatican gặp Giáo hoàng Pius XII; trở lại Mỹ, tu học ở các tu viện và diễn thuyết đó đây; và cuối cùng qua Belgium, vận động làm Thủ tướng. A. QUA MỸ XIN VIỆN TRỢ Ngày 18/6/1950, Giám mục Thục gặp Xử Lý Thường Vụ Đại sứ Gullion tại Sài Gòn, xin giấy nhập cảnh Mỹ trên đường qua Roma dự năm Thánh cho mình và Diệm. Tháng 7/1950, có tin Diệm nhiều lần bị Việt Minh đe dọa đến tính mạng. Ngày 15/7, Diệm về Huế thăm mẹ bị đau nặng. Ngày 2/8, Diệm trở lại Sài Gòn sau khi ghé ngang Đà Nẵng. Ngày 14/8, Diệm cùng Thục rời Sài Gòn trên tàu La Marseillaise. Gặp Cường Để ở Nhật, bàn việc thành lập một chính phủ chống Cộng.(52) Ngày 2/9, Diệm và Thục tới Mỹ. Hơn hai tuần sau, ngày 21/9, William S. B. Lacy, Trưởng Nha Philippines và Đông Nam Á, tiếp Diệm và Thục. Thục tuyên bố phải lập một quân đội quốc gia, lấy giáo dân Ki-tô làm hạt nhân để không sợ đào ngũ mang súng hàng VM. Lacy nhận xét rằng Thục mới là phát ngôn chính, trong khi Diệm chỉ tán thưởng ý kiến Thục.(53)

tế, như việc bàn giao chủ quyền, hay qua sự tiến hóa của các khuynh hướng chính trị tại Pháp. Luật thêm rằng tại miền Bắc, Diệm chẳng có bao nhiêu người ủng hộ, ngoại trừ phe Ki-tô chịu ảnh hưởng Phát-diệm. Tại Hà-nội, theo Luật, có thể có Trần Văn Lai, Trần Trung Dung và Nguyễn Xuân Chữ. SHAT (Vincennes), Indochine, 10H 1039. 52. Sau đó, có tin đồn Cường Để về Bangkok, được một cán bộ CS tên Quy hết sức chiều đãi. Tuy nhiên, hiện chưa có tài liệu nào minh chứng việc này. 53. FRUS, 1950, VI:884-886.

Tối ngày 25/10/1950, Acheson điện cho Heath về việc thành lập QĐGVN. Theo Acheson, viên chức Pháp nghĩ rằng có thể đưa

58 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Ngày 15/10, Diệm và Thục rời Mỹ qua Paris. Sau đó, xuống Roma, rồi trở lại Paris vào trung tuần tháng 11/1950. Ngày 8/12/1950, Thục rời Âu Châu trở lại Việt Nam. Cuối tháng đó, Diệm, qua trung gian Bửu Kĩnh, Nghị viên Hội Đồng Liên Hiệp Pháp, gửi cho Bảo Đại một thư riêng, đề nghị một chương trình hoạt động.(54) Sau đó Diệm lại sang Mỹ. Ngày 15/1/1951, Diệm khai với nhân viên Bộ Ngoại Giao Mỹ là mới từ Paris qua được khoảng một tháng để nghiên cứu về giáo lý và cơ cấu chính quyền Mỹ. Nói thêm là đã cho Bảo Đại biết sẵn sàng làm Thủ Tướng với một số điều kiện.(55) Trong thời gian ở Mỹ, nhờ sự che chở của Francis Spellman, Hồng Y Giám đốc Tuyên úy Ki-tô Roma trong quân đội Mỹ, Diệm tá túc tại Tu viện Maryknoll, thuộc tỉnh Lakewood, tiểu bang New Jersey. Có dịp làm quen với Thẩm phán Tối cao Pháp viện William O. Douglas, nhiều Thượng Nghị sĩ, Dân biểu như Mike Mansfield (Montana), John F. Kennedy (Massachusetts), Walter Judd, v.v... Diễn thuyết tại nhiều nơi. Từ ngày này, Diệm trở thành một lá bài "chí sĩ quốc gia chống Cộng" trừ bị của Mỹ. Diệm cũng thường tuyên bố mình là nhân vật được biết nhiều nhất tại Việt Nam, chỉ thua có Hồ Chí Minh.(56) Đại sứ Heath nhiều hơn một lần tiến cử Diệm trong các cuộc khủng hoảng chính phủ, nhưng cả Bảo Đại lẫn Pháp chỉ muốn những người đáng tin cậy như Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, v.v... Ngày 12/5/1952, chẳng hạn, Heath đề nghị cho Bảo Đại nắm chức Thủ tướng, và mời những người có khả năng như Nguyễn Hữu Trí hay

các lực lượng giáo phái vào, tổng số chừng 75,000 người. Thục, Chi và Diệm cũng muốn biến lực lượng Ki-tô giáo thành một phần quân đội; Ibid., VI:909-10. Ý kiến của Thục, thực ra, chẳng có gì mới lạ. Từ năm 1947, quan tướng Pháp đã khéo léo sử dụng các sứ quân tôn giáo, và ngay cả băng đảng, để ngăn chặn Việt Minh. Các Đơn Vị Lưu Động Bảo Vệ Ki-tô giáo của Leroy [UMDC] hoạt động không xa giáo phận của Thục. Tháng 7/1950, Bộ Chỉ Huy UMDC rời về tỉnh lỵ Bến-tre. Trung tá Leroy được làm Tỉnh trưởng tỉnh này [cho tới ngày 25/11/1952; SHAT (Vincennes), 10H 643. 54. Ngày Thứ Tư, 24/1/1951, XLTV Đại sứ Mỹ Gullion báo cáo là Bảo Đại đã nhận được thư của Diệm. Nhưng Bảo Đại không ưa Diệm vì Diệm từng nhiều lần từ chối hợp tác. Phần anh em Diệm và Thục chủ trương giải pháp lập Bảo Long lên ngôi, với Nam Phương và Cường Để làm Nhiếp Chính; FRUS, 1951, VI:359-61. 55. FRUS, 1951, VI:348. 56. Ngày 21/6/1954, Diệm nói với Đại sứ Heath: "I am best known figure in Vietnam after Ho Chi Minh;" FRUS, 1952-1954, XIII:1727. Khi đại ngôn điều này, Diệm quên mất Bảo Đại, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tường Tam, v.v... Phê bình về lời hợm hĩnh của Diệm, một viên chức ngoại giao Mỹ nhận xét Diệm là "nhân vật thứ hai, cách rất xa, Hồ Chí Minh."

JEAN BAPTISTE NGÔ ĐÌNH DIỆM - THỜI KỲ CHƯA NẮM QUYỀN • 59

Ngô Đình Diệm vào nội các, với chức vụ Phó Thủ Tướng; Pháp ra tuyên ngôn về một chính sách "tiến hóa" (evolutionary statement) đối với nền độc lập của Việt Nam; sửa đổi một số điều khoản lỗi thời trong Hiệp định 8/3/1949 và Hiệp ước Pau; đẩy mạnh

hơn việc thiết lập QĐVN.(57) Khoảng một năm sau, ngày 28/4/1953, Heath nhận xét rằng Bảo Đại thông minh và hữu dụng như biểu hiệu đoàn kết Bắc-Nam, nhưng không có khả năng cỡ Churchill và đại loại; Tâm nhiệt tình và hữu hiệu, nhưng không đủ khả năng đoàn kết toàn quốc vì tính tình và lập trường thân Pháp; chỉ còn lại hai ứng cử viên Diệm và Trí. Hiện tại, Diệm không được vì cứng cổ [intransigence], chống Pháp, không được Bảo Đại ưa, và không ưa Bảo Đại. Chỉ còn lại Trí xứng đáng nhất.(58) B. QUA ÂU CHÂU Sau khi Joseph Laniel (6/1953-6/1954) đồng ý trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam ngày 3/7/1953,(59) họ Ngô ráo riết vận động lên cầm quyền. Tại Việt Nam, Thục và Nhu mở rộng hoạt động với các tổ chức tôn giáo và chính trị. Nhu hợp tác với Lê Văn "Bảy" Viễn, Phạm Công Tắc, v.v... mưu toan thành lập một liên minh chính trị vào cuối năm 1953. Đầu năm 1954, Thục, Nhu cùng nhóm Tinh Thần của Y sĩ Trần Văn Đỗ và Liên Đoàn Thanh Lao Công của Trần Quốc Bửu lập ra tổ chức tiền thân của Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng, tức Cần Lao.(60) Diệm cũng từ Mỹ sang Belgium lo tiếp xúc Bảo Đại, mới từ Việt Nam qua Pháp chữa bệnh sán gan. Ngày 14/5, Bảo Đại gọi Diệm qua Paris, và Diệm đồng ý hợp tác. Ba ngày sau, Bảo Đại cử em trai Diệm, Ngô Đình Luyện, làm "đặc phái viên" tại Hội nghị Geneva để bí mật tiếp xúc với Mỹ. Ngày 24/5, khi được nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ ở

57. FRUS, 1952-1954, I:134-41. 58. FRUS, 1952-1954, I:522-523. 59. Thương thuyết bắt đầu từ ngày 8/3/1954. Ngày 4/6/1954 [28/4/1954], Laniel và Nguyễn Trung Vinh ký thỏa hiệp "kiện toàn [perfection] nền độc lập của Việt Nam." Hiệp ước này chỉ được "paraphé" [ký tắt]; SHAT (Vinvennes), 1K 233, d. 40. 60. Xem chi tiết về tổ chức này trong Chính Đạo, VNNB, Tập I-C: 1955-1963 (Houston: Văn Hóa, 2000) & Tập II-B: Các tổ chức chính trị (Houston: Văn Hóa, đang in). Xem thêm Phạm Văn Liễu, Trả Ta Sông Núi, I:333-342. Nên lưu ý, trong Chính Cương của Cần Lao, không hề đề cập đến thuyết "sáng tạo" hay "tạo hóa" mà đôi lần đề cập đến thuyết "tiến hóa." Điều này chứng tỏ Nhu có thể là một tín đồ Ki- tô, nhưng "chống Giáo sĩ" [anti-clerical] như Nhu thú nhận với Phái đoàn điều tra LHQ vào ngày 28/10/1963; UNGA, Agenda Item 77, Doc. A/5630, 7/12/1963.

Paris tiếp kiến, Diệm tiết lộ đã được Bảo Đại ủy quyền về Việt Nam nghiên cứu việc thành lập một chính phủ mới. Diệm dự định rời Pháp ngày 26/5, nhưng sau đó hủy bỏ. Sau cuộc gặp gỡ này, Mỹ chấp thuận Diệm, không phải vì Diệm là nhân vật lý tưởng, mà vì những người tiền nhiệm quá kém cõi, và Diệm có hậu thuẫn của một số giáo mục Ki-tô. Tuy nhiên, Ngoại trưởng Dulles vẫn còn chủ trương khuyến khích Pháp tiếp tục hiện diện ở Đông Dương, nên chưa thuận yểm trợ trực tiếp cho QGVN như Bảo Đại và Diệm yêu cầu. Phần Bảo Đại cũng được một nhóm cực hữu Pháp áp lực đưa Diệm lên thay Bửu Lộc. Nhưng cái giá Diệm đòi hỏi khá cao: Toàn quyền về dân sự và quân sự. Trước ám ảnh đại họa Pháp sẽ cắt nửa nước cho Việt Minh, và tổng tuyển cử trong một thời gian ngắn để giải quyết thể chế chính trị tương lai, Bảo Đại đành nhân nhượng–chỉ bắt Diệm phải thề trước thập tự giá là tuyệt đối trung thành, và duy trì ngôi báu nhà Nguyễn. Cuối cùng, ngày 16/6/1954, giữa lúc chính phủ Laniel đã từ chức và Pierre Mandès-France có nhiều triển vọng lên làm Thủ tướng, Bảo Đại bổ nhiệm Diệm làm

Thủ tướng toàn quyền. Ngày 25/6/1954, Diệm cùng một đoàn tùy tùng nhỏ lên đường về nước.

***

KIÊU DÂN CÔNG GIÁO THỜI NGÔ ĐÌNH DIỆM Trần Lâm

Bài các bạn đang đọc được viết với hai mục đích có liên quan mật thiết với nhau. Thứ nhất, để góp ý với Trần Ngọc Cư, Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích về bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống. Thời Đệ Nhất Cộng hòa, trong buổi lễ chào cờ, bài ca này phải được hát kèm với Tiếng gọi Công dân, Quốc ca chính thức do Lưu Hữu Phước sáng tác. Nó có đoạn như sau: Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống Xin Thượng đế ban phước lành cho người. Thứ hai, để trả lời một câu hỏi quan trọng mà Dũng Vũ đã đặt ra cho tôi trên diễn đàn talawas. Câu hỏi này có liên quan đến nhận định của sử gia Tạ Chí Đại Trường về khối người từng làm nòng cốt cho chế độ Ngô Đình Diệm. Tôi sẽ đi sâu vào bài quốc ca "kép" nói trên, sau khi giải quyết xong thắc mắc do Dũng Vũ nêu lên về nhận định của nhà viết sử họ Tạ. Theo Tạ Chí Đại Trường, người từng sống dưới chế độ Ngô Đình Diệm, đồng bào Công giáo từ Bắc di cư vào Nam thời đó là một khối kiêu dân. Sau đây là toàn bộ văn cảnh của nhận định nói trên nơi trang 457 trong cuốn Sử Việt, đọc vài quyển, được Văn Mới xuất bản tại California năm 2004. Khi bàn về mối hiểm họa của Cộng sản miền Bắc đối với miền Nam, Tạ Chí Đại Trường tự hỏi: "Làm cách nào mà một chính quyền Sài Gòn lộn xộn với giáo phái sứ quân, với giang hồ đạo tặc, với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiêu dân, với cả người Pháp còn tham vọng giữ phần đất thuộc địa cuối cùng… có thể đương cự với cả một nền tảng đe dọa trùng trùng như thế? Lịch sử ổn định bước đầu của chính quyền đó là một phối

hợp tuyệt vọng của những người Việt chống cộng (một tập-hợp-từ tiêu cực đúng với thực chất hổ-lốn của nó) chỉ còn một mảnh đất nương thân, và của người Mĩ đứng nhìn trong bình diện chiến lược quốc tế thấy mình phải chen chân vào." Vì họ Tạ là một sử gia có uy tín, nên sau khi đọc câu văn mười hai chữ được nhấn mạnh ở trên vào khoảng cuối năm 2004, tôi lập tức tìm cách kiểm chứng nó và tôi đã tìm được sự xác nhận đầu tiên trong hai bài nghiên cứu của Nguyễn Thế Anh, "L'engagement politique du Bouddhisme au Sud-Viêt-Nam dans les années 1960" trong Alain Forest et al (dir.), Bouddhismes et Sociétés Asiatiques: Clergés, Sociétés et Pouvoirs, L'Harmattan, Paris, 1990, tr. 111-124, và "Le Sangha bouddhiste et la société vietnamienne d'aujourd'hui", được đăng trên trang VIET NAM Infos. Giáo sư Nguyễn Thế Anh là một học giả có tầm vóc quốc tế, được đồng nghiệp Á, Âu, Mỹ công nhận là một trong những người có thẩm quyền nhất về lịch sử Việt Nam thời cận đại. Thế nhưng, tôi cũng ý thức được rằng tôi không thể chỉ dựa vào uy tín của ông để lượng định mức khả tín của câu văn mười hai chữ nói trên. Hai bài nghiên cứu của vị cựu viện trưởng viện đại học Huế và nguyên Trưởng ban sử học Đại học Văn khoa Sài Gòn này chỉ là những sử liệu hạng hai. Muốn kiểm chứng một cách thấu đáo nhận định của Tạ Chí Đại Trường về "kiêu

dân Công giáo" thời Ngô Đình Diệm, tôi phải cố gắng tìm cho ra sử liệu hạng nhất về vấn đề này. Hai loại sử liệu mà tôi phân chia ra thành hạng nhất và hạng hai được Nguyễn Kỳ Phong, tác giả cuốn Vũng lầy của Bạch Ốc: Người Mỹ và chiến tranh Việt nam 1945- 1975, định nghĩa một cách tương tự như sau: "Sử liệu có hai loại: primary và secondary documents (tài liệu chánh và tài liệu phụ). Hồi ký, văn kiện chính thức, lời phỏng vấn từ nhân chứng, được xếp vào loại tài liệu chánh. Trích dẫn, nghe nói lại, hay sách biên khảo của người thứ ba, là tài liệu phụ. Hai loại tài liệu đó đều được công nhận khi dùng làm sử liệu viết sách." Vốn là mọt sách tu lâu năm trong Tàng Kinh Các ở Tây Phương, nên qua phần ghi chú trong hai quyển sách viết về chiến tranh Việt Nam, tôi đã tìm thấy hai tài liệu được hình thành trước ngày 8 tháng 5 năm 1963. Chính vì được viết ra trước khi biến cố Phật giáo 1963 bùng nổ, nên nội dung của hai tài liệu này không bị chi phối bởi cuộc tranh chấp giữa phong trào Phật giáo và chế độ Ngô Đình Diệm. Do đó, chúng có một mức độ khả tín rất cao. Hai tài liệu nói trên gồm

1) "The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government", một tài liệu do các nhà biên khảo Hoa Kỳ hoàn tất vào tháng Tư năm 1961 và hiện đang được lưu trữ tại Văn khố Chiến tranh Việt Nam ở Lubbock bên Texas, và 2) "L'Église au Sud-Vietnam", một phóng sự được đăng trên tạp chí Informations Catholiques Internationales vào ngày 15 Mars 1963, từ trang 17 đến trang 26. Như vậy, câu văn mười hai chữ của Tạ Chí Đại Trường chẳng những được một chuyên gia hàng đầu trong ngành sử Việt xác nhận (confirmed), mà còn được tăng bổ (corroborated) bởi hai tài liệu chánh (sử liệu hạng nhất) mà chúng ta có quyền cho là rất khả tín. Nhờ vậy nên tôi đã có đầy đủ căn cứ để chấp nhận rằng nhận định ngắn gọn mà Tạ sử gia đã đưa ra về khối kiêu dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm cầm quyền tại miền Nam Việt Nam là một nhận định rất khả tín, có thể giúp chúng ta hiểu được tại sao Ngô triều đã đánh mất sự ủng hộ của người Lương và cuối cùng bị lật đổ. Sau khi công bố những điều vừa mới được viết bên trên trong mục phản hồi ở diễn đàn talawas, tôi hân hạnh nhận được sự lưu tâm và câu hỏi dưới đây của độc giả Dũng Vũ: 'Thưa ông Trần Lâm, Ông viết: "Tôi hoàn toàn không vô tình khi dùng 2 chữ "kiêu dân", vì những sử liệu do tôi đưa lên mạng cho phép tôi suy luận rằng khái niệm "kiêu dân Công giáo" là một khái niệm có thể giúp chúng ta hiểu được tại sao chế độ Diệm đã đánh mất sự ủng hộ của người Lương tại miền Nam Việt Nam, đưa đến sự sụp đổ của chế độ này… Tôi nói chuyện có bằng chứng hẳn hoi, thì tại sao tôi phải sợ ai?" Xin phép được hỏi ông: "Kiêu dân" có nghĩa là gì? Cảm ơn ông…' Đây là một câu hỏi rất chính đáng, cần được một sự hồi đáp tường tận. Nếu chúng ta trả lời được câu hỏi này một cách thỏa đáng thì có lẽ chúng ta sẽ có thể tìm được nguyên nhân sâu xa đưa đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm. Như đã nói qua ở trên, chế độ này còn được gọi là Ngô triều hay Ngô trào. Ngô Trào Trải qua một cuộc bể dâu

Trông vời cố quận biết đâu là nhà Khéo oan gia, của phá gia Này là em ruột, này là em dâu! Cửa nhà dù tính về sau Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào! (Lãng Nhân Phùng

Tất Đắc, Chơi Chữ) Tôi không rành chuyện văn chương, nên chỉ dám đoán mò rằng câu Cửa nhà dù tính về sau trong bài thơ nói trên ám chỉ việc Ngô Đình Cẩn đã cho xây một ngôi biệt thự rất nguy nga tráng lệ ở ngoài Huế. Tôi còn nhớ cách đây khoảng 20 năm tôi có đọc trong Nhật Ký Đỗ Thọ rằng người ta đã phải đập đồ bát vỡ ra từng mảnh để lát nền (cho một phần) trong ngôi biệt thự này. Trong những dòng chữ dưới đây, tôi sẽ không đập vỡ bất cứ vật gì, mà chỉ cố gắng đi lượm lặt những mảnh sử liệu vụn vặt, rồi sắp xếp chúng lại thành một bức khảm mosaic, để Dũng Vũ nói riêng và bạn đọc bốn phương nói chung ít nhiều gì cũng thấy được bộ mặt của kiêu dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm. Kiêu dân, ngươi là ai? Thời dòng họ Ngô Đình "dĩ đức vi chính" tại miền Nam Việt Nam, kiêu dân thường là những tín đồ Công giáo (di cư) dựa vào sự dung túng của kẻ có thế, có quyền để hống hách ngang ngược, xem thường luật pháp, vi phạm một cách trắng trợn nhân quyền và dân quyền của người khác, thường là những Lương dân vô tội. Sau đây là vài ví dụ điển hình. 1. Trong suốt ba năm liền, kiêu dân đã hằng đêm ném gạch, đá vào nhà thân nhân vô tội của một chính trị phạm, mà (hình như) không hề bị cơ quan công lực trừng phạt. Xem chứng từ của Phan Lạc Giang Đông, một cựu sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa và cũng là bào đệ của Phan Lạc Tuyên, một viên sĩ quan tham gia vào cuộc đảo chính hụt ngày 11 tháng 11 năm 1960: "Gia đình tôi kể từ ngày này hoàn toàn không còn được yên nữa. Khu xứ đạo Thái Hòa (xứ đạo của đồng bào Bắc di cư vào Nam), mọi người ở lối xóm đã có thái độ khác trước. Mỗi tối, khoảng từ bảy, tám giờ thì một số người, không biết từ nhà nào đã ném gạch, đá lên mái nhà (bằng tole) của gia đình, ông cụ thân sinh tôi rất buồn và gặp thẳng Linh mục xứ đạo để nói việc này, song không giải quyết được.

Việc họ ném như thế kéo dài cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ mới chấm dứt."(1) Xin thêm: Xứ đạo Thái Hòa, theo lời của Phan Lạc Giang Đông, nằm ở Ngã Ba Ông Tạ. Là một người sinh ra và sống những năm đầu đời tại một thị xã hẻo lánh ngoài Vùng II Chiến Thuật trước khi theo cha mẹ vượt biên tỵ nạn Cộng sản, tôi thật tình không biết cái ngã ba này nằm ở đâu. Nhưng vì chúng ta đang bàn về câu văn mười hai chữ của vị sử gia họ Tạ, nên xin ghi luôn chi tiết vui vui bên lề này vào bài. 2. Tại tỉnh Quảng Ngãi, một vị linh mục đã thông đồng với viên tỉnh trưởng trong mưu toan cướp đất của một ngôi chùa tại một làng trong tỉnh này để xây tượng đài cho Đức Mẹ, đưa đến sự xung đột giữa Phật tử ở ngôi làng nói trên và chính quyền địa phương. Xem trang 4 trong tài liệu "The Buddhist Movement in Vietnam and its Dif- ficulties with the Present Government" đã được đề cập đến ở phần đầu của bài. Xin nhắc lại, vì tài liệu này được hình thành trước khi cuộc xung đột giữa Phật giáo và chế độ Diệm bùng nổ, nên nội dung của nó rất đáng tin. 3. Dưới thời Ngô Đình Diệm, tín đồ Công giáo thường được quân đội và cơ quan Thông tin tiếp tay để tổ chức trên đường phố Sài Gòn hay Huế những cuộc rước lễ [?] linh đình, gây ra sự tắc nghẽn giao thông trầm trọng, khiến cho người Lương phải gặp nhiều phiền phức trong việc đi lại. Việc này đã khiến cho Giáo sư Nguyễn Văn Trung lúc đó phải thốt lên rằng những người tổ chức các cuộc rước lễ [?] nói trên nghĩ đường phố là của riêng của Giáo hội Công giáo hay sao.(2) Tuy nhiên, có người vẫn chưa hài lòng. Khi Phật tử tiến hành nghi lễ tại chùa thì sinh hoạt

tôn giáo của họ, theo chứng từ của một tín đồ Công giáo Việt Nam, lại bị các công xa của sở Thông tin có mang loa phóng thanh đậu ở gần chùa phá rối.(3) Chứng từ nói trên được đăng trong tạp chí Informations Catholiques Internationales, phát hành vào tháng Ba năm 1963, cho nên nội dung của nó không thể bị ảnh hưởng bởi biến cố Phật giáo xảy ra sau đó. Vì vậy chứng từ này cũng là một sử liệu rất đáng tin.

1. Nguồn: Phan Lạc Giang Đông, "Nhớ lại và suy Nghĩ", trong: Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu] (chủ biên), Nhìn lại biến cố 11/11/1960, Văn hóa, Houston, 1997, tr. 210. 2. Informations Catholiques Internationales, "L'Église au Sud-Vietnam", 15 Mars 1963, tr. 21. 3. Ibid, tr. 19.

4. Kiêu dân gây áp lực không cho sách của Nguyễn Hiến Lê được dùng tại các trường ngoài miền Trung, tuy sách này đã được Bộ Thông tin cho phép phát hành. Sau đây là lời tường thuật của chính vị cố học giả họ Nguyễn: "Đầu niên khóa 1954-1955, trong chương trình Trung học đệ nhất cấp có thêm môn Lịch sử thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy sử các lớp đệ lục, đệ ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ sử thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép "cua" (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ thất và đệ tứ, ông viết hai cuốn giữa cho đệ lục và đệ ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong; tôi bỏ vốn ra in, năm 1955 in xong trước kỳ tựu trường tháng chín. (...) Sau một linh mục ở Trung yêu cầu bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu hết bộ sử đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ, chúng tôi có nói đến sự bê bối của một vài Giáo hoàng. Bộ phái một viên bí thư có bằng cử nhân lại tiếp xúc với tôi. Ông này nhã nhặn, khen tôi viết sử có nhiệt tâm, cho nên đọc hấp dẫn như bộ sử Pháp của Michelet; rồi nhận rằng sách tôi được Bộ Thông tin cho phép in, lại nạp bản rồi thì không có lí gì tịch thu, cấm bán được, chỉ có thể ra thông báo cho các trường đừng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nộp bộ, bộ sẽ trả lời linh mục nào đó, còn bán thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông. (....) Hồi đó bộ Lịch sử thế giới của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm các trường ngoài Trung dùng nó; trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. Công giáo thời đó lên chân như vậy."(4) 5. Cũng theo chứng từ của người Giáo dân mà chúng ta vừa gặp ở phần trên, kiêu dân đã lạm dụng quyền thế để đả kích tín ngưỡng của các học viên người Lương phải theo học khóa học Nhân Vị tại Trung tâm Nhân Vị ở Vĩnh Long. Vì sợ bị ghi danh vào sổ đen, những nạn nhân này đành phải chịu đựng trong im lặng, khiến cho các học viên Công giáo tại khóa học cũng cảm thấy hổ thẹn trước hành động hống hách nói trên.(5)

4. Tại trang 99 và 100 trong cuốn Đời viết văn của tôi, do Văn Nghệ xuất bản tại California năm 1986. 5. Ibid.

Đây là một điểm cần phải được nhấn mạnh, vì nó cho ta thấy rõ không phải tín đồ Công giáo nào tại miền Nam cũng là kiêu dân khi vùng đất đáng lẽ là tự do này phải

sống dưới sự thống trị của nhà Ngô. Ngay cả trong hàng giáo phẩm Công giáo cũng đã có những bậc chân tu cố tránh xa chế độ Ngô Đình Diệm để duy trì uy tín và tính chất độc lập của Giáo hội.(6) Cố học giả Nguyễn Hiến Lê cho biết: "Ngô Đình Thục ở Vĩnh Long... tạo ra thuyết Duy linh chống với thuyết Duy vật của Cộng sản, bắt công chức nào cũng phải học. Họ chẳng học được điều gì mới cả, chỉ phải nghe mạt sát đạo Phật và đạo Khổng. Những người theo học đại đa số thờ Phật, đau lòng mà không dám cãi."(7) Phải chăng thái độ kiêu căng và khiêu khích của một bộ phận quan trọng trong cộng đồng Công giáo tại miền Nam mà chúng ta vừa thấy qua những trường hợp nêu trên đã là một trong những nguyên nhân chính khiến cho khối người Lương ở phía dưới vĩ tuyến 17 ngày càng xa cách chế độ Ngô Đình Diệm, đưa đến sự sụp đổ của nó vào cuối năm 1963? "Cả làng xin được rửa tội...." Do những biến cố xảy ra trong năm 1963, chế độ Ngô Đình Diệm thường bị những người chống đối tố cáo là một chế độ đã lệ thuộc (quá) nhiều vào sự hậu thuẫn trung thành của Giáo dân (di cư) và, vì vậy, đã dành cho khối người này một sự nâng đỡ đặc biệt. Nhưng thật ra, không phải đợi đến năm 1963 mới thấy được sự gắn bó keo sơn giữa (một khối) tín đồ Công giáo và nền Cộng hòa Nhân vị do anh em Tổng thống Diệm lãnh đạo. Quan hệ này đã nhen nhúm ngay sau khi chế độ Ngô Đình Diệm vượt qua được giai đoạn phôi thai đầy nguy hiểm. Trong tạp chí International Affairs phát hành vào tháng 4 năm 1956, J. Donald Lancaster nhận xét: Tổng thống Diệm bị hạn chế trong việc thế thiên hành đạo tại miền Nam Việt Nam bởi lòng trung thành đối với tôn giáo cũng như gia đình của chính ông ta. Lòng trung thành nói trên rất có thể đã là một trong những yếu tố khiến cho người Lương đột nhiên theo đạo Công giáo hàng loạt thời dòng họ Ngô Đình cầm cân nảy mực phía dưới vĩ tuyến 17, một hiện tượng Nguyễn Hiến Lê có đề cập đến trong hồi ký của mình (trang 121, tập II). Ông kể lại: "Diệm-Nhu theo chính sách ba-Đ: Đảng (Cần Lao), Đạo (Công giáo) và Địa phương (miền Trung). Chỉ công chức

6. Ibid, tr. 21. 7. Hồi kí, tập II, Văn Nghệ, California, 1990, trang 120-121.

nào có đủ ba Đ mới được tin dùng, cho nên con số tín đồ Công giáo tăng vọt lên, nhất là ở miền Trung; có giáo đường làm lễ rửa tội hằng trăm người một lúc." Người nổi tiếng và thành đạt nhất trong nhóm Giáo dân tân tòng này không phải ai khác hơn là một viên sĩ quan gốc miền Trung tên Nguyễn Văn Thiệu. Ông Thiệu lập gia đình với một nữ tín đồ Công giáo trước khi Ngô triều được thiết lập. Nhưng mãi đến năm 1958, tức là lúc triều đại này đã "vững nền thịnh trị", ông mới để cho Linh mục Bửu Dưỡng, một lý thuyết gia quan trọng của trường phái Cần lao Nhân vị, rửa tội tại Đà Lạt. Chính LM Bửu Dưỡng đã cho Tướng Edward Lansdale biết điều này và nhờ bản báo cáo Lansdale gửi cho Đại sứ Elsworth Bunker ngày 20 tháng 4 năm 1968, nên sử gia Vũ Ngự Chiêu mới có thể tìm ra được một chứng liệu thành văn về sự trở lại đạo của Nguyễn Văn Thiệu.(8) Arthur Dom- men, một học giả có cảm tình với họ Ngô, cũng cho biết vị Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh trong tương lai này không theo đạo lúc lập gia đình, mà chỉ làm việc này sau khi chiếc ghế Tổng thống của Ngô Đình Diệm đã vững như bàn thạch.(9) Trường hợp Nguyễn Văn Thiệu, như đã nói, chỉ là trường hợp nổi bật nhất. Hiện tượng

người Lương ồ ạt theo đạo Công giáo thời Ngô Đình Diệm mà Nguyễn Hiến Lê kể lại đã được tạp chí Informations Catholiques Internationales phát hành ngày 15 tháng 3 năm 1963 xác nhận. Nên xem những con số ngoạn mục được nêu ra trong đó. Ngoài ra, nhờ tạp chí này mà chúng ta còn biết được Đức ông Ngô Đình Thục đã khoe với một đồng nghiệp người Pháp rằng ở giáo phận Vĩnh Long đôi khi có đến nguyên cả làng xin được rửa tội và, ngoài Phi Luật Tân ra, Nam Việt Nam là quốc gia độc nhất tại Viễn Đông sẽ phải được ở trên con đường đưa đến sự trở lại đạo hoàn toàn.(10) Tuy nhiên, Informations Catholiques Internationales cũng cho chúng ta biết, thái độ đắc thắng do cả chế độ Ngô Đình Diệm lẫn khối thiểu số Công giáo phơi bày đã tạo ra một sự bất mãn nhất định trong khối người Lương,

8. Xem: Chính Đạo, Mậu Thân 68: Thắng hay Bại?, Văn Hóa, Houston, tái bản lần thứ hai, 1998, tr. 355. Xem thêm: Arthur Dommen, The Indochinese Experience of the French and the Americans, Indiana University Press, 2001, tr. 658. 9. Arthur Dommen nói rằng Nguyễn Văn Thiệu là đảng viên Đại Việt, còn Vũ Ngự Chiêu thì cho biết ông ta là Ủy viên Quân ủy Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng. Xem Nguyên Vũ, Paris Xuân 96, Văn Hóa, 1997, tr. 87-88. 10. Nguyên văn: “C’est le seul pays d’Extrême-Orient (à part les Philippines) qui soit en marche vers une conversion totale…”

một sự bất mãn mà tạp chí này cho là dễ thấy ngay tại Sài Gòn cũng như ở các ngôi làng xa xôi hẻo lánh nhất.(11) Nhận định nói trên rất phù hợp với báo cáo mà Đại Sứ Pháp Roger Lalouette gửi về Paris đúng một năm trước đó.(12) Lalouette cho biết ngoài Cộng sản ra, chế độ Diệm còn phải đương đầu với sự chống đối của những thế lực phi Cộng sản: “Lực lượng chống đối tập họp những người ái quốc cấp tiến, giới trưởng giả Nam Kỳ bị gạt bỏ khỏi những việc công ích bởi những phần tử Bắc hay Trung vào tị nạn, những giáo phái bị giải giới và bị nghi ngờ và, một cách tổng quát, tất cả những người không Ki-tô chống lại thiểu số Ki-tô (10% dân số) đã đặt tôn giáo Ki-tô La Mã lên hàng quốc giáo. Họ không đòi hỏi sự thay đổi trong chế độ, mà là thay đổi cả một chế độ.” Chính nội dung của những tư liệu được hình thành trước biến cố Phật giáo nói trên đã cho phép chúng ta (tạm) tin lời Vũ Tài Lục, người đã từng sống trong thời cai trị của nhà Ngô, khi vị học giả này khẳng định rằng đến tháng 5 năm 1963 thì sự kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm (mà ông gọi là “chế độ Diệm-Thục” để nhấn mạnh vai trò của Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thục trong đó) đã đến mức không thể chịu đựng hơn được nữa, nên Phật tử đã phải xuống đường để phản đối. Dù sao đi nữa thì mối liên hệ nhân quả giữa tệ trạng kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm và Biến cố Phật giáo 1963 sẽ được phân tích một cách tường tận hơn trong một bài khác, đang được chuẩn bị. Một hiện tượng thuộc lịch sử? Ngoài việc kỳ thị tôn giáo, chế độ do anh em Ngô Đình Diệm cầm đầu còn gây ra cho người dân miền Nam những bực mình không cần thiết. Khi bàn đến một tấm hình ăn ý của ông ta (ông Diệm), Đoàn Thêm, một viên chức cao cấp làm việc trong Dinh Độc lập thời Đệ Nhất Cộng hòa, có kể lại:

11. Nguyên văn: “Ce que nous avons appelé, pour faire image, le ‘triompha- lisme’ conjugé du régime et de la minorité catholique ne manque pas de nourrir un certain

mécontentement chez les non-catholiques. Quoique en contradiction avec les conversions massives dont nous avons parlé plus haut, il est facilement observ- able à Saigon comme dans les plus lointains villages." 12. Báo cáo này đã được Vũ Ngự Chiêu tìm thấy, dịch sang tiếng Việt và cho in lại trong Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu 1939-1975, tập I-C: 1955-1963, Văn Hóa, Houston, 2000, tr. 248-250.

"Một người bạn trẻ ở ngoài chính giới đã bảo tôi: - Coi bộ thì cũng không đến nỗi nào, nhất là bức ảnh Âu phục chụp nghiêng 3/4 thấy treo ở nhiều nơi. Tôi cho biết là chính ông ưa bức đó hơn cả, nhưng anh ta lại càu nhàu luôn: - Chỉ phải cái rất bực và rồi phát ghét, là cứ phải chào! Sao lại đem in tròn giữa quốc kỳ để bắt đứng dậy chào khi xem xi nê? Thà tới chậm, mất hẳn đoạn phim thời sự, còn hơn phải ngắm mặt mũi, bảnh bao mấy cũng bỏ đi! Tôi không thể chối cãi, vì chính là trường hợp tôi mỗi khi muốn coi phim…" Không những chế độ Ngô Đình Diệm làm phiền người dân, chính cá nhân họ Ngô cũng quấy rầy nhân viên dưới quyền ông ta. Theo Đoàn Thêm: "Ông Tổng thống luyến tiếc các biểu hiệu quân chủ, nên tái lập Kim Khánh của nhà Nguyễn và công nhận là huy chương cao nhất của Việt Nam. Ông gây lại không khí cung đình, đặt lễ phục gấm lam khăn đen cho các nhân viên cao cấp, và chỉ nhận chúc Tết Nguyên Đán vào sớm ngày mồng một. Đã có vài người xin ông cho chúc vào chiều ngày ba mươi, vì Tết đầu năm là ngày của gia đình, theo cổ tục, buổi sáng dành cho gia tiên, đa số còn phải đèn nhang cúng vái, hoặc mừng tuổi ông bà cha mẹ. Ông không nghe, vì theo ông, xưa kia phải triều bái ở điện Thái Hòa hoặc ở Vọng Cung các tỉnh, nghĩ đến Vua rồi mới đến nhà, vì Vua là là nước. 'Vua ban hồng phước không tốt hơn là chờ người xông đất hay sao?' Bởi vậy, cứ tám giờ mồng một, là hàng trăm người, cả nhân viên, lẫn đại diện đoàn thể dân chúng, đành phải xúng xính áo khăn vào cầu ơn trên phù hộ cho ông. Một công chức bực quá đã thốt ra một câu chua chát: - Thôi thì coi bái khánh như một công vụ đã được tính vào số lương tháng rồi! Có lẽ vì thế mà hai tiếng Ngô Triều đã được nói đến ngay từ 1957, chớ không phải từ sau Cách mạng 1963, do một Tôn Thất nhà Nguyễn đương làm Giám đốc một Nha." Chuyện lố lăng nhất mà chế độ Nhân vị của dòng họ Ngô Đình đã

gây ra là việc họ bắt buộc người dân miền Nam hát bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống trong lễ chào cờ. Cách đây trên hai mươi năm, tờ Làng Văn, một nguyệt san chống Cộng hữu danh tại hải ngoại, có đăng trong số 47 một bài mang tên "Sơ kết vấn đề Quốc ca", trong đó có chứa đựng những dữ kiện lý thú về bài hát sùng bái cá nhân nói trên. (Khi đó tôi là một học sinh trung học, còn hai năm nữa mới được thi tú tài, nhưng cũng đã bắt đầu có quan tâm đặc biệt đến chế độ Ngô Đình Diệm, nên đã cẩn thận cất giữ tờ báo đó cho đến ngày hôm nay đem ra xài.) Tờ Làng Văn viết: "Vấn đề Quốc ca đã được mang ra bàn cãi tất cả ba lần. Lần thứ nhất do Quốc hội đệ nhất Cộng-hòa năm 1956… Lần thảo luận thứ nhất không đưa tới một sự thay đổi nào, vì có một số đại diện dân cử vì lòng tôn sùng cá nhân, muốn đưa bài Suy tôn Ngô Tổng Thống… ra thay bài Tiếng gọi công dân… Cuộc bàn cãi để đi tìm một bài hát khác làm Quốc ca thay cho bài hát đương thời,

với tác giả chính đã đứng về phía CS, lại biến thành một cuộc tranh chấp giữa tinh thần tôn quân kiểu mới và khuynh hướng dân chủ tự do. Phe tôn quân không thắng nổi số đông, mà phe đa số cũng không dám dùng thế lực của mình để loại bài suy tôn cá nhân. Trong trường hợp đó, thà giữ nguyên bài cũ còn hơn. Cuối cùng, vì đoàn kết quốc gia, vì thể diện của lãnh tụ, và quan trọng hơn hết, vì an ninh bản thân, một giải pháp chìm xuồng đã được đưa ra, dung hợp cả hai chủ trương: giữ lại bài Tiếng gọi công dân làm Quốc ca, và hát kèm bài Suy tôn Ngô Tổng Thống ngay trong lễ chào cờ. Từ đó, 1956, Việt Nam Cộng hòa có một bài quốc ca 'kép'. Tình trạng này kéo dài tới 1963 mới chấm dứt, sau khi Trung tướng Dương Văn Minh đảo chánh thành công, kết thúc chín năm cai trị của Ngô triều."(13) Trong mục phản hồi trên diễn đàn talawas, Trần Ngọc Cư mới đây có lời than phiền về tệ trạng sùng bái cá nhân nói trên. Nhưng có lẽ là người tuổi đã cao, nên họ Trần không muốn nhắc đến khả năng đề kháng thụ động của khối người Lương trước sự lố lăng này của chế

13. Bạn đọc bốn phương cần lưu ý đến chi tiết này: Nguyễn Hữu Nghĩa, Chủ bút tờ Làng Văn, đã bị một số người hiểu lầm (?) khái niệm tử năng thừa phụ nghiệp tố cáo là con trai của đại tướng VC Nguyễn Chí Thanh. Nhưng nhờ có Bác sĩ Trần Văn Tích, một người có lập trường chống Cộng đến cùng, từng là cộng tác viên cho tờ báo này, nên tôi mới dám xài những dữ kiện do nó cung cấp về bài Suy tôn Ngô Tổng Thống.

độ Ngô Đình Diệm và thái độ kiêu ngạo của tập đoàn Công giáo di cư phía sau lưng nó, một sự đề kháng được biểu lộ qua câu hát nhại Toàn dân Bùi Chu mút cu Ngô Tổng Thống. Đây là một sử liệu truyền khẩu mà tôi được những người lớn tuổi đã từng sống dưới sự thống trị của Ngô triều kể lại cho nghe tại hải ngoại. Nó rất ăn khớp với những sử liệu thành văn mà tôi đã thu thập được và vừa giới thiệu trong bài này. Do đó, nó rất đáng được gìn giữ và phổ biến. Cách nhìn nói trên không phải là một cách nhìn được mọi người chấp nhận. Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích hình như muốn tương đối hóa việc làm lố bịch của chế độ Ngô Đình Diệm. Hòa Nguyễn viết: "Nhưng cũng nên "thông cảm" những bài hát suy tôn ở vào cái thời thế giới (thứ ba) thích ca tụng các lãnh tụ "anh minh, vĩ đại" của họ, như Tưởng Giới Thạch, Lý Thừa Vãng, Sukarno (được bầu làm tổng thống trọn đời)." Trong bảng Phong thần do Hòa Nguyễn nêu ra không thấy có tên của Jawaharlal Nehru, Thủ tướng Ấn Độ. Ấn Độ trong giai đoạn đó cũng là một quốc gia thuộc thế giới thứ ba, nhưng hoàn toàn không có tệ trạng sùng bái Nehru. Có lẽ vì Ấn Độ là một quốc gia dân chủ, nhất là khi so sánh với Indonesia, Nam, Bắc Hàn, Nam Việt Nam, hay Đài Loan. Bản chất dân chủ của một chế độ không cho phép chuyện lố bịch nói trên xảy ra. Hơn nữa, việc sùng bái cá nhân không phải chỉ xảy ra tại thế giới thứ ba. Chuyện này đã xảy ra ngay tại nước Pháp dưới thời Pétain và cũng đã lan tràn sang Đông Dương, lúc đó đang nằm dưới sự kiểm soát của chế độ Vichy do Pétain cầm đầu. Trần Văn Tích viết: "Thời Pháp thuộc tôi lớn lên ở thành phố Đà Nẵng, lúc bấy giờ có tên chính thức là Tourane. Học trò nhà nước chúng tôi trước khi sắp hàng vào lớp thường phải đứng nghiêm để hát bài Maréchal, nous voilà ca tụng Thống chế Pétain, trong đó có câu "Devant toi, le sauveur de la France". Vậy nếu Tổng thống

Ngô Đình Diệm sau này được xem là "cứu đất nước" v.v... thì cũng chỉ là một hiện tượng thuộc lịch sử vào một giai đoạn nhất định." Có thể đây là một nhận định chưa hoàn toàn chính xác. Trước khi Pétain lên chấp chính năm 1940, không có một chính quyền nào của Đệ Tam Cộng hòa lại bắt học sinh hát bài ca tụng Thủ tướng Clemenceau là cứu tinh của nước Pháp, tuy không ai phủ nhận công lao rất

lớn của ông trong giai đoạn quyết định cuối Đệ Nhất Thế chiến. Nền Cộng hòa dân chủ này đã vinh danh "le Père-la-Victoire" bằng một cách văn minh hơn. Bởi thế nên việc chế độ Vichy do Pétain cầm đầu bắt học sinh làm chuyện tào lao nói trên có thể được xem như là một triệu chứng của bản chất bệnh hoạn của chế độ này, một chế độ trung gian bản xứ đã tỏ ra rất đắc lực trong việc truy lùng, bắt giữ và chuyển giao người Do thái cho Đức quốc xã - việc làm nhơ nhuốc nhất bên cạnh những việc phản động khác của chế độ Vichy.(14) Bác sĩ Tích viết tiếp: "Nghĩ lại, nếu quốc ca nước Anh có lời hát "God save the Queen" thì lời bài "Suy tôn Ngô Tổng thống" có câu "Xin Thượng đế ban phước lành cho người" có thể được xem là hai hiện tượng lịch sử – như đã trình bày – hay chăng?" Câu hỏi này hình như được đặt ra trên những dữ kiện còn thiếu sót. Kể từ khi vua Henry VIII đoạn giao với Tòa thánh La Mã để lập ra Giáo hội Anh giáo, các vị quốc vương hay nữ hoàng Anh quốc không những là nguyên thủ của một quốc gia mà còn phải đóng vai trò lãnh tụ của một tôn giáo (Supreme Governor of the Church of England). Vì vậy, cầu nguyện Thượng đế phù hộ cho ông hay bà ta là việc không có gì đáng nói. Hơn nữa, bài God save the Queen hay God save the King có từ thế kỷ thứ XVIII,(15) và hình như không mang ý nghĩa khẩn cầu cho một cá nhân cụ thể nào, chẳng hạn Victoria hay Elizabeth II, mà chỉ cầu mong sự bảo bọc của bề trên đối với ngôi vị nguyên thủ của một quốc gia quân chủ có truyền thống Ki-tô lâu đời. Có lẽ do

14. Bạn nào hiếu kỳ muốn biết thêm về nó thì nên tìm đọc: Robert Paxton, Vichy France: Old Guard and New Order, 1940-1944, Knopf, New York, 1972. Sau Đệ Nhị Thế chiến, người Pháp đã cố che giấu sự thật, cố tương đối hóa những việc làm kém sạch sẽ của chế độ này. Chính nhờ sự đào bới trong văn khố Đức của Paxton, một sử gia người Mỹ, mà bộ mặt nhơ nhuốc của nó đã bị lột trần trước công chúng Pháp. Cách đây vài năm, tạp chí Journal of Contemporary History có đăng một bài nghiên cứu về tầm ảnh hưởng sâu rộng của ông ta đối với giới sử học Pháp. Tôi đã đưa bài đó lên mạng, các bạn có thể đọc nó tại đây. Thật thú vị khi thấy một người Mỹ quê ở Virginia giảng cho mấy ông Tây bà Đầm nghe về quá khứ khá bẩn thỉu của quốc gia họ. Nhưng dân Phú Lang Sa vẫn còn giữ được tinh thần thượng võ. Mới đây họ đã trao tặng cho Paxton huân chương Légion d'honneur để bày tỏ lòng biết ơn đối với công trình nghiên cứu của ông: "Son œuvre a été controversée à une époque où la France refusait de regarder son passé en face, même s'il est difficile à accepter. Grâce à lui on sait que, contrairement à la légende, Vichy n'a pas été contraint à collaborer à ce point et que la Révolution nationale de Pétain, son régime fasciste, n'a pas été imposée par les Allemands." 15. "Like many aspects of British constitutional life, its official status derives from custom and use, not from Royal Proclamation or Act of Parliament."

những lý do nói trên mà bài hát này vẫn còn được giữ làm Quốc ca Anh Quốc cho đến ngày hôm nay, trong khi bài ca sùng bái Ngô Đình Diệm phải chịu chung số phận với cái chế độ đã ép buộc người dân miền Nam hát nó. Vậy chúng ta có thể tạm kết luận rằng những nỗ lực tương đối hóa mà Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích đã dành cho tệ trạng sùng bái cá nhân dưới sự thống trị của Ngô triều vẫn chưa đủ sức thuyết phục. Có thể cũng như trong trường hợp của chế độ Vichy, tệ trạng này phản ảnh bản chất kém lành mạnh của chế độ Ngô Đình Diệm. Trong chế độ lành mạnh nào mà nhân viên an ninh có thể áp dụng một chính sách trả thù bỉ ổi đối với lương dân vô tội mà những kẻ lèo lái quốc gia lại không hề hay biết? Sau cuộc đảo chánh hụt năm 1960, tay chân của anh em Ngô Đình Diệm đã xâm phạm tính dục nhiều người vợ của những viên sĩ quan tham gia vào biến cố đó và, ít nhất là trong trường hợp của Phan Lạc Tuyên, đã bao vây kinh tế cha mẹ, khiến cho con cái họ bị thất học. Nhưng cả ông Ngô Đình Diệm lẫn ông Ngô Đình Nhu, theo chứng từ của Trần Ngọc Nhuận, một sĩ quan tình báo cao cấp trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa, đều không biết đến tội ác động trời này!(16) Phải chăng vì họ không biết chế độ của họ đang bị côn đồ hóa, nên cuối cùng chính họ đã bị thuộc hạ cũ giết chết bằng một cách rất côn đồ? Chính sách trả thù đối với đàn bà, người già và trẻ em nói trên đã được kể lại trong: 1) Trần Ngọc Nhuận, Đời quân ngũ, Xuân Thu, 1992, tr. 305-306, và 2) Phan Lạc Giang Đông, “Nhớ lại và suy nghĩ”, trong Chính Đạo (chủ biên), Nhìn lại biến cố 11/11/1960, Văn Hóa, Houston, 1997, tr. 207-231.

***

16. Hai anh em ông Diệm, ông Nhu cầm vận mệnh quốc gia trong tay, mà khi thủ hạ của họ hại dân vô tội – những người mà họ có bổn phận bảo vệ - họ lại hoàn toàn không biết. Điều này khiến chúng ta phải tự hỏi tại sao họ không biết. Ở một quốc gia văn minh, nạn nhân có thể dựa vào hệ thống tư pháp độc lập hoặc hệ thống truyền thông tự do để lưu ý giới hữu trách đến những tệ trạng mà họ phải gánh chịu. Vì dưới nền Cộng hòa Nhân vị, hệ thống tư pháp không được độc lập và giới truyền thông không được tự do nên hai anh em ông Diệm mới có thể không biết gì cả. Việc giới lãnh đạo của một quốc gia không biết dân vô tội bị xâm phạm phi pháp và việc những nạn nhân này không có cách nào làm cho giới lãnh đạo biết được tệ trạng nói trên thật ra là một bản cáo trạng đối với giới lãnh đạo đó: Họ không biết, vì bộ máy chính trị của họ là một bộ máy kém lành mạnh, nếu không muốn nói là bệnh hoạn.

NGÔ ĐÌNH DIỆM TRONG LIÊN MINH MỸ-VATICAN(1) Nguyễn Mạnh Quang

Với chủ tâm dựa vào Mỹ để duy trì quyền lực ở Việt Nam, tháng 8 năm 1950, Vatican cho người đưa ông Ngô Đình Diệm sang Hoa Kỳ để vận động liên kết với siêu cường này trong một thế liên minh mới mà các nhà viết sử gọi là Liên Minh Mỹ – Vatican hay Trục Washing- ton – Vatican (The Vatican – Washington Axis) thay thế cho liên minh cũ Pháp và Vatican. Như vậy là Vatican đã tự động bỏ rơi nước Pháp và Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Pháp - Vatican coi như bắt đầu tan vỡ kể từ đây. Cũng xin nói rõ là Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Xâm Lược Pháp-Vatican do Vatican chủ xướng, vốn bắt nguồn

từ một Sắc Lệnh Romanus Pontifex được ban hành vào ngày 8/1/1454 trong thời Giáo Hoàng Nicholas V (1447-1455), khởi sự vận động vào đầu thế kỷ thứ XVII, cũng do người của Giáo Hội La Mã là Linh-mục Alrexandre de Rhodes đề nghị với nước Pháp kèm theo với bản tường trình thành quả công tác tình báo tại Việt Nam và lá thư yêu cầu Pháp Hoàng Louis XIV phái quân đi chinh phục Đông Dương (đã được trình bày đầy đủ trong Chương 20.) Vì hoàn cảnh khó khăn lúc đó, Pháp Hoàng Louis XIV không đáp ứng được yêu cầu của Giáo Hội lúc bấy giờ. Trong thập 1780, lại cũng người của Giáo Hội là Giám-mục Pigneau de Béhaine lặn lội từ Việt Nam đem Hoàng Tử Cảnh mới có 5 tuổi đến triều đình Pháp Hoàng Louis XVI, thỉnh cầu viện trợ quân sự cho Nguyễn Ánh để đánh bại nhà Tây Sơn với chủ ý là Vatican và nước Pháp sẽ lợi dụng công ơn viện trợ để: 1. Khuyến dụ Nguyễn Ánh, một khi đã chiến thắng, thì phải chiều

1. Trích từ tác phẩm Lịch sử và Hồ sơ Tội ác của Giáo hội Công giáo La Mã, Phần 5, Mục VIII.

theo những đòi hỏi Vatican và Pháp. Nếu Nguyễn Ánh chiều theo thì cả Vatican và Pháp lần lần nắm thế thượng phong, áp dụng chính sách "được đằng chân lân đằng đầu" như Vatican đã từng làm đối với Pháp trong thời Pháp Hoàng Henry IV (1589-1610), dần dần áp đảo và biến triều đình Việt Nam trở thành một thứ chính quyền tay sai cho cả Vatican và Pháp. 2. Nếu Nguyễn Ánh không thành công hay không thỏa mãn những đòi hỏi của Vatican và của Pháp, thì các nhà truyền giáo của Giáo Hội tại Việt Nam sẽ xúi giục giáo dân Việt Nam nổi loạn, bất tuân lệnh chính quyền, nhằm tạo nên loạn lạc khắp nơi, và mỗi xóm đạo sẽ là một ổ phiến loạn, lúc bấy giờ Giáo Hội mới công khai nhảy vào thừa nước đục thả câu, kết hợp với Pháp đem quân đến đánh chiếm và thống trị Việt Nam.(2) Giáo Hội cũng đã tiến hành sách lược này ở East Timor mấy năm vừa qua. Giám-mục Pigneau de Béhaine đại diện cho phe đảng Nguyễn Ánh, tiếm danh là đại diện cho Việt Nam, thương thuyết với triều đình vua Louis XVI và đã đạt được một hiệp ước ký tại Điện Versailles vào ngày 28-11-1787. Theo hiệp ước này, Pháp sẽ viện trợ quân sự cho Nguyễn Ánh 4 chiến hạm, 1750 sĩ quan và binh sĩ, và Nguyễn Ánh phải nhượng cho Pháp và Giáo Hội La Mã một số quyền lợi. Nhưng Hiệp Ước Versailles vừa ký xong thì nước Pháp rơi vào tình trạng khủng hoảng tài chánh và kinh tế do bất công trong xã hội gây nên, rồi lan sang lãnh vực chính trị và chuyển thành Cách Mạng 1789. Vì thế mà Pháp không thể viện trợ cho Nguyễn Ánh được. Pháp bỏ cuộc, nhưng Vatican vẫn không nản lòng và vẫn còn bám lấy Việt Nam. Được Vatican triệt để ủng hộ, Giám-mục Pigneau de Béhaine nhân danh Vatican bỏ tiền ra mua sắm súng đạn và thuê mướn được một số binh lính đánh thuê đem đến viện trợ cho Nguyễn Ánh đánh bại nhà Tây Sơn. (...) Tuy nhiên, như đã nói trước đây, kế hoạch xâm thực của Giáo Hội là một kế hoạch dài hạn và trường kỳ mai phục. Thua keo này, Giáo Hội lại bày keo khác. Cuối cùng, vào đầu thập niên 1850, Giáo Hội cũng đã thành công trong việc vận động được chính quyền Pháp cùng với Giáo Hội bỏ công bỏ của đem quân đến chinh phục Việt Nam và

2. Nguyễn Xuân Thọ. Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam 1858-1897 (Santa Ana, CA: Tác giả xuất bản, 1998, trang 17, 86- 87 và 361.

NGÔ ĐÌNH DIỆM TRONG LIÊN MINH MỸ-VATICAN • 77

Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Xâm Lược Pháp-Vatican thực sự thành hình và tích cực hoạt động kể từ đây. Trở lại vấn đề vận động thành lập Liên Minh Chống Cộng Hoa Kỳ-Vatican, để cho kế hoạch này được thành công, tất cả những tín đồ của Giáo Hội tại Hoa Kỳ cũng như tại Pháp tùy theo khả năng đều được huy động để góp công vào việc vận động với chính quyền Hoa Kỳ làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng. Từ bà Ngô Đình Nhu ra vào thủ thỉ với ông Bảo Đại, Bà Nam Phương hoàng hậu với tình chăn gối trong chốn phong the, khối dân Kitô La Mã người Pháp cùng với đảng Gia-tô Mouvement Republique Populaire (MRP) do ông DGia-tô George Bidault làm đảng trưởng cho đến các ông Hồng Y Spellman, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng Nghị Mike Mansfield, Dân Biểu Walter Judd, ông Tòa Tối Cao Pháp Viện Wil- liam Douglas đều được huy động để vận động vào việc làm áp lực với các thế lực liên hệ để cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền. Việc Vatican cho người dẫn ông Ngô Đình Diệm sang Mỹ giao cho Hồng Y Francis Spellman vận động những tín đồ Gia-tô có thế lực trong chính quyền Hoa Kỳ để đưa ông ta (Ngô Đình Diệm) về cầm quyền làm tay sai cho Giáo Hội La Mã Mã được rất nhiều sách sử trình bày đầy đủ. Dưới đây là một số sách sử nói về sự thật lịch sử này: 1. Sách Vietnam: A History viết: “Diệm rời Việt Nam vào năm 1950 với danh nghĩa đi dự lễ năm Thánh ở Vatican. Cuối cùng, ông ta đi Hoa Kỳ và lưu ngụ hai năm ở Chủng Viện Maryknoll ở Lakewood thuộc tiểu bang New Jersey, làm những công việc rửa chén, lau sàn nhà và cầu nguyện giống như một người mới đi tu. Quan trọng hơn, ông ta được giới thiệu gặp các vị chính khách nổi như Hồng Y Francis Spellman của địa phận New York, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện William O. Douglas, Thượng Nghĩ Sĩ Mike Mansfield và Thượng Nghị John F. Kennedy. Ông Diệm biện minh cho trường hợp của ông với một lý luân đơn giản có thể lôi cuốn được cả những người bảo thủ và tự do. Lý luận đơn giản này là ông chống lại cả cộng sản và thực dân Pháp thống trị Việt Nam. Như vậy, ông trở thành người đại diện cho chủ nghĩa quốc gia. Điều hấp dẫn đối với Hồng Y Spellman là ông Diệm là một tín đồ Kitô La Mã. Nhờ vậy mà Hồng Y Spellman đã tích cực ủng hộ ông Diệm”.(3)

3. Stanley Karnow, Vietnam: A History (New York: Viking Press, 1983), p 217.

78 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

2. Sách Vietnam: A Dragon Embattled viết: “Sau khi được chính quyền Pháp cho phép đi dự lễ Năm Thánh ở La Mã, ông Diệm rời Việt Nam vào tháng Tám năm 1950. Trạm đầu tiến, ông ghé Đông Kinh đến thăm ông Cường Để. Ông này đã lưu vong ở Nhật từ năm 1906. Đồng thời, ở Đông Kinh, ông Diệm cũng gặp một số người Hoa Kỳ. Họ dặn dò ông khi đến thủ đô Washington phải nên nói những gì với những nhân vật ông được tiếp kiến. Ông Diệm lưu lại ở Hoa Kỳ trong hai tháng 9 và 10 năm 1950. Trong thời gian này, ông được làm quen với một số chính khách người Hoa Kỳ rất quan tâm đến Việt

Nam nhưng lại không hiểu rõ tính cách phức tạp về tình hình chính trị và quân sự ở Đông Dương. Luận cứ đơn giản của ông Diệm là nếu chấm được chế độ thực dân và Việt Nam có được một chính quyền quốc gia thực sự thì Việt Minh sẽ bị đánh bại nhanh chóng. Hồng Y Spellman, người mà Giám-mục Ngô Đình Thục đem ông Diệm đến giới thiệu, có lẽ là người Hoa Kỳ đầu tiên đang tìm một tín đồ Kitô La Mã như ông Diệm để lãnh đạo chính quyền Việt Nam. Thời kỳ ở La Mã của ông Diệm rất ngắn. Ở đây, ông được Giáo Hoàng XII tiếp kiến, rồi ông đi Thụy Sĩ, Bỉ và Pháp. Tại các nước này, ông nói chuyện với những người Việt lưu vong. Nhưng vì thấy rằng đối với Pháp, ông chẳng có cơ may nào, ông trở lại Hoa Kỳ vào đầu năm 1951 và lưu ngụ trong các Chủng Viện Maryknoll ở New Jersey và Chủng Viện Ossining ở New York. Thời gian này kéo dài tới hai năm và thỉnh thoảng ông đi thuyết trình tại các Đại Học ở miền Đông và miền Trung Tây. Nhiều lần ông đi Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn để nói chuyện với các chính khách người Hoa Kỳ và chiếm được cảm tình của họ đối với quan điểm của ông. Trong những chính khách ủng hộ quan điểm và khát vọng cá nhân của ông, có Thượng Nghị Sĩ. Mike Mansfield, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Dân Biểu Wal- ter Judd và Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện William Douglas. Nhưng những việc vận động của họ cho nền độc lập của Việt Nam không được chính quyền của Tổng Thống Truman và chính quyền của Tổng Thống Eisenhower quan tâm, vì rằng lúc đó Hoa Kỳ vẫn còn theo đuổi chính sách viện trợ vô điều kiện cho người Pháp. Chán nản với những biến cố này, ông Diệm quay ra dồn nỗ lực vào việc suy tưởng và cầu nguyện, một phương cách rất thích hợp với bản chất của ông ta để tìm ra phương cách được chấp nhận đưa về Việt Nam cầm quyền hơn là tích cực tổ chức để thu hút sự ủng hộ cho việc làm của ông. Thực ra, giả thuyết về việc ông Diệm được đưa lên làm thủ tướng được nhiều người chấp nhận là lúc bấy giờ Hồng Y Spellman với sự

tiếp tay của các thành phần trong Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân Kitô La Mã và chính quyền Pháp làm áp lực mạnh với ông Bảo Đại."(4) 3. Chuyện Vatican cho người dẫn dắt ông Diệm đi Vatican và Hoa Kỳ để chạy chọt cho lên cầm quyền ở Việt Nam được tác giả Hoành Linh Đỗ Mậu ghi lại trong sách Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi đầy đủ hơn cả. Dưới đây là nguyên văn: "Trở lại năm 1950, khi tôi bắt đầu một giai đoạn nổi trôi lăn lóc trong những năm tàn khốc của cuộc chiến Pháp Việt từ Trung ra Bắc, thì tháng 8 năm đó, sau một thời gian vận động ngầm của Giám-mục Ngô Đình Thục, ông Diệm và người anh có ảnh hưởng lớn lao trên Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Việt Nam này, lên đường đi La Mã dự lễ Năm Thánh để che đậy âm mưu đi Mỹ vận động chính trị. Lộ trình không đi thẳng đến La Mã mà còn ghé qua Nhật Bản thăm Kỳ Ngoại Hầu Cường Để (một giải pháp hầu như không có giá trị nữa kể từ năm 1945) và nhất là để ông Diệm có cơ hội gặp giáo sư Wesley Fisher, một cựu sĩ quan tình báo hải quân thuộc Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ thời Đệ Nhị Thế Chiến và nghe nói đang là một nhân viên cao cấp của CIA. Buổi họp mặt với viên chức quan trọng này của cơ quan tình báo Mỹ đưa đến kết quả là trường Đại Học Michgan sẽ bảo trợ chuyến đi Mỹ của ông Diệm. Sau đó, ông Diệm lên đường đi La Mã dự Năm Thánh và yết kiến Đức Giáo Hoàng, rồi từ đó bay đi Mỹ. Qua trung gian của Giám-mục Ngô Đình Thục, ông được Hồng Y Spellman, thuộc

dòng Franciscain, tiếp kiến. Từ Mỹ, ông Diệm lại quay về La Mã mấy ngày rồi mới đi Thụy Sĩ, Bỉ và Pháp để thảo luận với một số chính khách Việt Nam mà phần đông là Thiên Chúa giáo đang cư ngụ tại các nước này. Năm 1951, Ông Diệm trở lại Hoa Kỳ hai năm, sống trong tu viện Maryknoll tại Lakewood (New Jersey) và Ossining (New York). Nhờ sự giúp đỡ của Hồng Y Spellman, thỉnh thoảng ông lại được mời đi thuyết trình tại các đại học miền Đông và Trung-Tây Hoa Kỳ. Ông cũng diễn thuyết tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Và với lý luận rằng "chỉ cần chấm dứt chính sách thực dân Pháp và chỉ cần Việt Nam có một chính phủ do người quốc gia lãnh đạo là có thể đánh bại được Cộng Sản" mà ông đã chiếm được cảm tình và lời hứa sẽ yểm trợ của các chính trị gia Mỹ

4. Joseph Buttinger, Vietnam: A Dragon Embattled, Vol. II (New York: Fred- erich A. Praefer, 1967) pp, 846-848.

như Nghị Sĩ Mike Mansfield, John F. Kennedy, Dân Biểu Walter Judd, Chánh Án Williams Douglas và nhiều chính khách Thiên Chúa giáo khác. Phê bình câu nói của ông Diệm, giáo sư Buttinger cho rằng luận cứ này phối hợp được sự đơn giản rất hấp dẫn và sự hợp lý khó cãi được. Chính vì "sự hấp dẫn không cãi được" đó và quyết tâm của Hồng Y Spellman muốn có một chính phủ Việt Nam do người Thiên Chúa giáo lãnh đạo mà ông Diệm đã trở thành một "giải pháp" khả dụng và khả thi cho chính sách của Mỹ tại Đông Dương trong tương lai rất gần... Nhưng cái luận cứ "đơn giản và hợp lý" này đã chứng tỏ tính cách thiếu khoa học và không thực tế của nó khi ông Diệm, với một chính phủ quốc gia và 9 năm cai trị, ông Thiệu với một chính phủ quốc gia và 11 năm cai trị khác, vẫn không đánh bại được Cộng Sản. Nếu không muốn nói rằng chính phủ quốc gia của ông Diệm đã chính nghĩa hóa sự hiện diện ngụy trang của Cộng Sản tại miền Nam, và chính phủ quốc gia của ông Thiệu đã kiện toàn hóa chiến thắng "tự nhiên thành" của Cộng Sản tại miền Nam. Như vậy, rõ ràng hai chế độ quốc gia đã quản trị đất nước trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1975 quả thật đã không xứng đáng trên cả hai mặt nội dung cũng như thực tế để mang nhận danh từ này. Theo dõi hành trình vận động quốc tế của ông Diệm, ta thấy gồm 6 chặng đường.(1) Đi Đông Kinh gặp một nhân viên tình báo Mỹ, (2) đến Vatican gặp Đức Giáo Hoàng, (3) đi Mỹ gặp Hồng Y Spellman, (4) trở lại Vatican không biết làm gì trong một thời gian ngắn, (5) rồi lại trở qua Mỹ gặp tiếp Hồng Y Spellman, (6) sau đó là các chính khách Hoa Kỳ. Sáu chặng đường đó thật ra chỉ gồm trong hai danh từ lẫy lừng: Vatican và Mỹ. Tháng 5 năm 1953, theo lời mời của một số chính khách Việt Nam lưu vong mà đa số là người Thiên Chúa giáo, ông Diệm từ giã Hoa Kỳ về Pháp rồi đi Bỉ và trú ngụ tai tu viện Bénédictine de St. André les Purges. Đúng một năm sau, năm 1954, khi số phận Việt Nam bắt đầu bị cột chặt bởi chiến bại của Pháp tại Điện Biên Phủ vào ngày 7 tháng 5 và cuộc mặc cả tại Hội Nghị Genève thì ông Diệm trở lại Paris và sống tại ngôi nhà ông Tôn Thất Cẩn. Tại đây, với sự yểm trợ đắc lực của người em là Ngô Đình Luyện, ông bắt đầu mở các cuộc thăm dò và vận động trong giới chính khách Việt Nam cũng như với các thế lực quốc tế. Theo giáo-sư Buttinger thì tại Sàigòn, ông Nhu biết rằng anh mình không đủ khả năng đối phó với những vận động chính trị quốc tế

khó khăn và phức tạp, bèn vội vàng phái cộng sự viên thân tín là ông Trần Chánh Thành và Lê Quang Luật qua Paris để tăng cường thêm cho ông Diệm. Ông Trần Chánh Thành nguyên là tri huyện thời Pháp thuộc, sau theo Việt Minh làm chánh án Liên Khu Tư, rồi bỏ kháng chiến về Tề vào năm 1952. Còn ông Lê Quang Luật là một trí thức Thiên Chúa giáo Bắc Việt, người thân tín của Giám-mục Lê Hữu Từ. Ba mục tiêu vận động quan trọng và quyết định nhất của ông Diệm là (1) đạt được sự yểm trợ của chính quyền Mỹ, (2) tranh thủ được sự thoả thuận của chính quyền Pháp, và (3) cuối cùng là thuyết phục được Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm làm thủ tướng. Ba vận động liên hệ chặt chẽ đến hàng triệu người Việt Nam mà sức mạnh vô địch của chính hàng triệu người Việt Nam đó không hề được vận dụng tới. Thật ra ba bước vận động này tròng vào nhau như ba mắt xích mà trong bối cảnh chính trị quốc tế lúc bấy giờ, mở được mắt xích thứ nhất là hai mắt xích còn lại sẽ bị tháo tung. Mắt xích thứ nhất, Hồng Y Spellman đã giúp ông Diệm mở ra từ năm 1953 rồi cho nên Bảo Đại và chính phủ Pháp lúc bấy giờ không đồng ý "con người Ngô Đình Diệm", nhưng dưới áp lực của Ngoại Trưởng Mỹ Foster Dulles và sự can thiệp mạnh mẽ của Hồng Y Spellman vào chính sách của Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân Thiên Chúa Giáp Pháp (MRP), cuối cùng chính phủ Pháp và Bảo Đại đành phải chấp thuận bổ nhiệm ông Diệm làm thủ tướng. Trong cuốn Hồi ký Le Dragon d' Annam, trang 328, ông Bảo Đại đã cố tình không nói rõ những áp lực này dù những vận động chính trị của các nước liên hệ đến chính tình Việt Nam lúc đó, (xem thêm Bên Dòng Lịch Sử 1940-1975, ấn bản Hoa Kỳ, của Cao Văn Luận). Một cách thật tinh tế, để nói lên áp lực của người Mỹ, ông Bảo Đại đã cho biết rằng "Sau khi gặp ông Foster Dulles để cho ông ta biết dự án của tôi, tôi đã gọi ông Diệm đến và nói rằng: ("Après m' être entretenu avec Foster Dulles, pour lui faire part de mon projet..."). Sự kiện trước lúc lấy một quyết định nội bộ quan trọng (chỉ định một thủ tướng) mà vị nguyên thủ quốc gia phải hội ý với Ngoại Trưởng của Mỹ (không như trước đó, Bảo Đại đã chỉ định 5 thủ tướng không cần phải qua "thủ tục" này) đã chứng tỏ áp lực của Mỹ quả thật có tác dụng lên quyết định của Bảo Đại. Hơn nữa, ngay ở trang 329 sau đó, Bảo Đại còn viết thêm: "Thật vậy từ nhiều năm nay, ông ta được nhiều người Mỹ biết và thích nhờ tính cứng rắn. Dưới mắt họ, ông Diệm là người hùng phù hợp một cách đặc biệt cho hoàn cảnh hiện tại, vì vậy mà Hoa Thịnh

Đốn không ngần ngại gì mà không ủng hộ ông ta. (En effet, depuis de nombreuses années, il était connnu des Americains qui appréciaient son intransigeance. À leurs yeux, il était l'homme fort convenant par- ticulièrement à la conjoncture, aussi Washington ne lui ménagerait pas son appui). Nêu lên nhận định này, Bảo Đại ngầm cho ta biết sự can thiệp của người Mỹ trong quá trình chọn lựa Ngô Đình Diệm làm thủ tướng của ông là một sự can thiệp có thật. (Những người không hiểu rõ cá tính của ông Bảo Đại và ông Diệm, lại không nắm vững những vận động quốc tế cũng như nội bộ Việt Nam lúc bấy giờ đã nhầm lẫn và không hiểu rõ được sự can thiệp này nên đã hiểu sai luôn những biến cố lịch sử sau đó là lẽ dĩ nhiên). Sự kiện ông Diệm được Vatican và

Mỹ ủng hộ là một yếu tố quan trọng xoay chuyển lịch sử Việt Nam trong chiến tranh Quốc Cộng nên tôi cần trích dẫn ra dưới đây những đoạn sách khả tín của các ký giả, nhà văn nổi tiếng Anh, Mỹ để thêm tài liệu cho các nhà nghiên cứu sử sau này. Theo John Cooney thì Giáo Hoàng Pius XII (1939-1958) muốn Hồng Y Spellman vận động với Hoa Kỳ tham dự vào chánh tình Việt Nam và ủng hộ cho Ngô Đình Diệm cầm quyền tại nước này: "Theo Malachi Martin, một giáo sĩ Dòng Tên đã từng làm việc tại Vatican trong những năm Mỹ gia tăng sự tham dự vào Việt Nam, thì lập trường của Hồng Y Spellman hợp với ý của Giáo Hoàng (in accordance with the wishes of the Pope...) Giáo Hoàng muốn Hoa Kỳ ủng hộ Diệm vì Ngài bị ảnh hưởng của Giám-mục Thục là anh của Diệm. Ông Martin xác nhận rằng: "Giáo Hoàng lo ngại Cộng Sản sẽ bành trướng thêm làm suy hại đến Giáo Hội. Giáo Hoàng đã nhờ Hồng Y Spellman khuyến khích người Mỹ can dự vào Việt Nam."(5) Vì vậy Spellman đã bắt tay vào việc điều động kỹ càng một chiến dịch xây dựng chế độ Diệm (carefully orchestrated campaign to prop up the Diem regime). Spellman và Kennedy cũng thành lập một tổ chức ở Hoa Thịnh Đốn để vận động cho Diệm. Chiêu bài vận động là Chống Cộng và Thiên Chúa giáo (the rallying cries were anti-Com- munism and Catholicism).(6)

5. The American Pope, John Cooney, tr. 241, 242. 6. Sách đã dẫn, trang 242.

NGÔ ĐÌNH DIỆM TRONG LIÊN MINH MỸ-VATICAN • 83

Tháng 10 năm 1950, hai anh em Thục Diệm gặp các viên chức Bộ Ngoại Giao tại khách sạn Mayflower ở Hoa Thịnh Đốn, có sự tham dự của Dean Rusk. Diệm và Thục được Linh-mục Mc Guire và giáo sĩ chính trị gia (political churchmen) đặc trách chính sách Chống Cộng tháp tùng, đó là Cha Emmanuel Jacque, Giám-mục Howard Carroll và Edmund Walsh của Đại Học Georgetown. Mục đích của cuộc gặp gỡ là để tìm hiểu tình hình Việt Nam và để xác định lập trường chính trị của hai anh em Diệm-Thục. Hai anh em tin rằng Diệm đã được an bài để cai trị đất nước (Both Diem and Thuc believed that Diem was destined to rule his nation). Sự kiện giáo dân Việt Nam chỉ chiếm mười phần trăm chẳng làm cho hai ông bận tâm. (The fact that Viet- nam's population was only ten percent Catholic mattered little as far as the brothers were concerned...) như Diệm đã nói trong bữa ăn tối rằng hai lập trường không lay chuyển của ông ta đã quá rõ ràng. Ông tin vào quyền lực của Tòa Thánh và ông chống Cộng kịch liệt (He believed in the power of the Catholic Church and he was virulently anti-Communist).(7) Thật vậy, ngoài cuốn "The Ameican Pope - The Life and Times of Francis Cardinal Spellman" của John Cooney do Times Books phát hành, trong quyển "Vietnam - Why did We go?" của Avro Manhat- tan(8), chuỗi sự kiện này cũng đã được trình bày rõ ràng: Tạm dịch: "Hồng Y Spellman đã giới thiệu ông Diệm với ông Wil- liam O. Douglas., Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện. Ông này lại giới thiệu ông Diệm với ông Mike Mansfield và ông John F. Kennedy, cả hai đều là Thượng Nghị Sĩ theo Thiên Chúa giáo. Ông giám đốc CIA Allen Dulles cũng đã đỡ đầu cho ông Diệm - tiếp theo quyết định của anh ông ta là (Ngoại Trưởng) John Foster Dulles.và của Hồng Y Spellman, người đại diện của Giáo Hoàng Phêrô XII. Ông Diệm đã được họ tuyển chọn, ông sẽ là người câm đầu chính phủ Nam Việt Nam. Sau khi lấy quyết định xong, ông (Ngoại Trường Mỹ) Dulles khuyến cáo

chính quyền Pháp hãy nói với Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm làm thủ tướng. Vì lúc bấy giờ đã có quyết định bỏ Việt Nam nên Pháp đồng ý. Ông Diệm trở thành thủ tướng vào tháng 6 năm 1954. Ngày 19 cùng tháng đó, Bảo Đại phong cho ông Diệm toàn quyền, không những quyền kiểm soát dân sự mà còn cả quân sự nữa trên

7. Sách đã dẫn, trang 241. 8. Trang 58, ấn bản 1984.

toàn quốc. Ông Diệm về tới Sài-gòn ngày 26 tháng 6 và thành lập chính phủ vào ngày 7 tháng 7 năm 1954." Những bí ẩn lịch sử trên đây cho ta thấy ngay từ trước năm 1950 ông Diệm vì không thể cộng tác được với Pháp và cựu hoàng Bảo Đại nữa nên hướng về Hoa Kỳ mà cuộc vận động nhịp nhàng của Vatican và cơ quan CIA đã đưa ông thành công với chức vụ thủ tướng khi Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ. Bây giờ thì ta thấy rõ ràng tại sao trên đường xuất ngoại vào năm 1950, hai ông Diệm và Thục lại phải gặp giáo sư Wesley Fisher tại Nhật Bản, một nhân viên cao cấp của Tình Báo Trung Ương Mỹ, tại sao trong "Bên Dòng Lịch Sử" Linh-mục Cao Văn Luận khoe khoang: "Có thể nói rằng nếu không có Cha Houssa, thì số phận Việt Nam không chừng đã khác", tại sao khi đến Saigon thăm lính Mỹ, Hồng Y Spellman tuyên bố: "Các bạn chiến đấu cho văn minh Thiên Chúa giáo. Từ nay ông Diệm trở thành người lính tiền đồn ngăn chặn Cộng Sản cho Vatican và Hoa Kỳ.(9)" 4. Trong bài viết "Bài Học Chiến Tranh Việt Nam Nhìn Từ Hậu Trường Chính Trị Hoa Kỳ" đăng trong cuốn Sự Thật(10), ông Lương Minh Sơn cho chúng ta một cái nhìn rõ ràng và đầy đủ về bàn tay của Giáo Hội La Mã trong việc chạy chọt cho ông Ngô Đình Diệm về cầm quyền ở Việt Nam. Dưới đây là mấy đoạn văn quan trọng nói về những việc làm của Giáo Hội ở Hoa Kỳ trong những cố gắng chạy chọt với Hoa Kỳ cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền. "Năm 1861, người Pháp đem quân đội và tôn giáo vào để cai trị Việt Nam nhưng năm 1954, người Pháp chỉ có thể triệt thoái quân đội mà không có một kế hoạch thỏa đáng để cứu vãn tình thế cho giáo dân Việt Nam đã từng đặt niềm tin nơi người Pháp. Trong lúc hồi tưởng về những ngày cuối cùng ở miền Bắc, Đại-tá Vanuxem của Quân Đội Viễn Chinh (Pháp) đã kể lại những lời lẽ trách cứ của Giám-mục Phạm Ngọc Chi, một người bạn thân của Vanuxem, khi đơn vị của ông sửa soạn rút khỏi giáo phận Bùi Chu, như sau: "Chúng tôi cứ tưởng rằng chúng tôi xứng đáng được hưởng sự độc lập (1) mà chúng tôi đã có bổn phận góp công giúp đỡ, nhưng đến khi nhận ra thì đã quá muộn. Những người mà chúng

9. Đỗ Mậu, Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi (Wesminster, California: Văn Nghệ, 1993), trang 87-91. 10. Đặc San Xuân Đinh Sửu 1997.

tôi đã trông cậy lại là những kẻ thù đang muốn chúng tôi bị mất linh hồn" (11). Ở Vatican, Đức Giáo Hoàng Pius XII có lẽ cũng đã dự đoán được tình trạng cực kỳ nguy hiểm cho giáo dân Việt Nam một khi quân đội Pháp rút khỏi miền Bắc, nên kể từ cuối thập niên 1940, Ngài đã khuyến khích Đức Hồng Y Francis Joseph Spellman vận động chính phủ Hoa Kỳ sửa soạn can dự vào Việt Nam. Điều này có thể là một thắc mắc không nhỏ đối với những người chuyên nhìn trên phương diện tôn giáo thuần túy. Tuy

nhiên, dưới khía cạnh chính trị, ngoài nhiệm vụ lãnh đạo đời sống tâm linh của giáo dân trên thế giới, Đức Giáo Hoàng của Thiên Chúa giáo La Mã (The Roman Catholics) còn có trách nhiệm đại diện cho Hội Đồng Giáo Hội (The Council) và quốc gia Vatican để phản ảnh quan niệm và phát huy ảnh hưởng chính trị của Tòa Thánh đối với thế giới. Thành thử, muốn tìm hiểu về quan niệm và ảnh hưởng chính trị của quốc gia Vatican trong cuộc chiến tranh "Quốc Cộng" ở Việt Nam nói riêng, và trong cuộc Chiến Tranh Lạnh nói chung, lịch sử cần nhìn lại quan điểm chính trị của một số giáo hoàng, bắt đầu từ Đức Giáo Hoàng XII. Giáo Hoàng Pius XII tên thật là Eugino Pacell, sanh năm 1876 ở Ý Đại Lợi. Năm 1930, Ngài được cử làm Ngoại Trưởng cho Đức Giáo Hoàng XI (1922-1939). Năm 1933, Ngài lập công lớn với Tòa Thánh vì đạt được thỏa hiệp dung hòa với Phát Xít Đức (The 1933 Concordat). Theo thỏa hiệp này, Tòa Thánh coi như sẽ không phát biểu ý kiến về tình hình chính trị của Đức Quốc Xã, chẳng hạn như chuyện Đức Quốc Xã đang chuẩn bị guồng máy chiến tranh cho Đệ Nhị Thế Chiến. Ngược lại, Đức Quốc Xã coi như sẽ tôn trọng thực thể và chủ quyền của Tòa Thánh. Sau này, trên đường tiến vào thôn tính thủ đô La Mã, thiết đoàn chiến xa Panther của biệt đội SS Phát Xít Đức phải chẻ thành hai đường đi vòng qua Tòa Thánh thay vì có thể san bằng để băng qua, nếu họ muốn. Trong suốt cuộc Đệ Nhị Thế Chiến, quan điểm của Đức Giáo Hoàng Pius XII về đường lối tiến tới hòa bình là duy trì tư thế trung lập cho Tòa Thánh đối với mọi phe lâm chiến. Tuy nhiên, lịch sử thế giới Tây phương chỉ trích Ngài nặng nề nhất là vì Tòa Thánh đã không lên án Đức Quốc Xã khi quốc gia này thẳng tay tàn sát 6 triệu người Do Thái, và vì Tòa Thánh đã không tận dụng khả năng để che chở cho những người Ý gốc Do Thái khi mật vụ SS Đức lùng bắt họ ở Ý Đại Lợi.

11. VAN, tr. 158-159.

86 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Khi một số giới chức lãnh đạo Tây phương khuyên Joseph Stalin, chủ tịch Đảng Cộng Sản Nga Sô nên cho người Thiên Chúa giáo La Mã giảng đạo tự do ở Nga để lấy lòng Đức Giáo Hoàng, Stalin hỏi, "Đức Giáo Hoàng? Đức Giáo Hoàng có mấy sư đoàn?" [WIN], [CDQ]. Năm 1949, Đức Giáo Hoàng Pius XII kêu gọi giáo dân trên thế giới đứng lên chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, và đồng thời tuyên bố "phạt tuyệt thông" (excommunicate) tất cả những giáo dân nào theo Cộng Sản(12). Nhưng, tại sao chính trị lại có tôn giáo, và tôn giáo lại có chính tri? Tổng Thống Richard M. Nixon (1969-1974) đã từng nói: "Mặc dù người Cộng Sản là những người vô thần nhưng chủ nghĩa Cộng Sản lại là một tôn giáo với hơn một phần tư tín đồ trên thế giới"(13). Thành thử, ngoài vấn đề "an ninh phòng thủ" cho Hiệp Chủng Quốc, sự bành trướng của khối "tôn giáo vô thần" Cộng Sản trong thập niên 1950 còn là một mối đe dọa trực tiếp đến ảnh hưởng của Vatican nói riêng, và của khối Thiên Chúa giáo hữu thần nói chung. Giáo-sĩ Malachi Martin, người đã từng phục vụ trong Tòa Thánh Vatican cũng đã xác nhận. "Đức Giáo Hoàng (Pius XII) lo ngại Cộng Sản sẽ bành trướng và làm suy hại đến uy tín của Giáo Hội"(14). Nhưng quan điểm của quốc gia Vatican có ảnh hưởng gì đến chiến tranh Việt Nam? Các dữ kiện của đầu thập niên 1950 cho thấy Ngô Đình Diệm được Đức Giáo Hoàng Pius XII gởi gắm cho Đức Hồng Y Spellman dẫn qua Hoa Kỳ để vận

động chính trị vì quan niệm tôn giáo nhiều hơn là quan niệm cho phép một quốc gia nhược tiểu như Việt Nam được sống lại sau hơn 80 năm bị đô hộ. Tháng 10 năm 1950, Đức Hồng Y Spellman, Linh-mục McGuire, và ba nhân vật Ủy Viên Chính Trị (political churchmen) của một số giáo phái Thiên Chúa giáo ở Hoa Kỳ như Cha Emmanuel Jacque, Giám-mục Carroll và Giáo-sư Edmund Walsh đưa Ngô Đình Diệm và Đức Cha Ngô Đình Thục đi gặp một số nhân viên của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ tại Khách Sạn Mayflower ở Washington. Ông Dean Rusk là một trong những nhân vật của Bộ Ngoại Giao có mặt trong buổi cơm tối hôm đó. Sau này, ông Rusk làm Ngoại Trưởng từ năm 1961 đến 1969. Mục đích của cuộc gặp gỡ xã giao này là để chính phủ Hoa Kỳ tìm hiểu về tình hình Việt Nam và để xác định lập trường của ông

12. CUP, Pope Pius XII. 13. NIX, chg. 5. 14. COO, tr. 241-242.

Diệm và Đức Cha Thục. Sự kiện 90% người dân Việt Nam không phải là tín đồ Thiên Chúa giáo không làm cho ông Diệm quan tâm vì ông đã tuyên bố trong bữa cơm tối hôm đó rằng ông "tin tưởng vào quyền lực của Vatican và ông chống Cộng một cách cực lực"(15). Với hai yếu tố vì tôn giáo và vì chống Cộng, ông Diệm được Đức Hồng Y Spellman tiếp tục giới thiệu với William O. Douglas, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Allen Dulles, Giám Đốc Trung Ương Tình Báo CIA, và anh của ông Dulles là Ngoại Trưởng John Foster Dulles(16). Từ đó, ông Diệm trở thành con đáp số gần như mỹ mãn trong bài toán chính trị của một phe phái có ý muốn can dự vào Việt Nam: 1. Chính sách đối ngoại đang đòi hỏi Hoa Kỳ phải xây dựng một thành trì chống Cộng ở Việt Nam. 2. Ngoại Trưởng John Foster Dulles đang muốn tìm một lãnh tụ chống Cộng theo khuôn mẫu đạo đức và xã hội Thiên Chúa giáo. 3. Đức Hồng Y Spellman đang cần Hoa Kỳ thay thế Pháp ở Việt Nam, và cũng cần một giáo dân trung kiên như ông Diệm để lãnh đạo công cuộc chống Cộng như lời kêu gọi của Đức Giáo Hoàng Pius XII. Điều còn lại sau cùng cho kế hoạch chính trị hỗn hợp này là làm thế nào để giải thích cho Hội Đồng Chính Phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ về kinh nghiệm chính trị và khả năng lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm? Tổng Thống Eisenhower cũng chỉ có thể trấn an Hội Đồng Chính Phủ bằng câu nói, "Trong đám mù, thằng chột làm vua,".[HER]. Điều này cho thấy: một là ông Diệm không có một thành tích chính trị nào đáng kể, hai là ông Diệm không có khả năng lãnh đạo, hoặc ba là người Mỹ hoàn toàn không biết gì về ông Diệm. Đầu năm 1954, Ngoại trưởng John Foster Dulles khuyến dụ Pháp khuyên nhủ Bảo Đại bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng."(17) * * * Tạm kể ra bốn tài liệu trên đây để độc giả thấy rằng vai trò của Giáo hội trong việc chạy chọt với Hoa Kỳ cho ông Diệm lên cầm

15. COO. Tr. 242. 16. MAN, Tr. 58. 17. Lê Hữu Dản,. Sự Thật - Đặc San Xuân Đinh Sửu 1997 (Fremont, Caliornia, 1997), trang 23-24.

quyền ở Việt Nam nhằm để làm tay sai phục vụ cho quyền lực và quyền lợi của Vatican. Để cho kế hoạch này được thành công, tất cả những tín đồ của Giáo Hội tùy

theo khả năng đều được huy động để góp công vào việc vận động với chính quyền Hoa Kỳ làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng. Từ bà Ngô Đình Nhu ra vào thủ thỉ với ông Bảo Đại, Bà Nam Phương hoàng hậu với tình chăn gối trong chốn phong the, khối dân Kitô La Mã người Pháp cùng với đảng Gia-tô Mouvement Republique Populaire (MRP) do ông Gia-tô George Bidault làm đảng trưởng cho đến các ông Hồng Y Spellman, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng Nghị Mike Mansfield, Dân Biểu Walter Judd, ông Tòa Tối Cao Pháp Viện William Douglas đều được huy động để vận động vào việc làm áp lực với các thế lực liên hệ để cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền. Về việc tín đồ Gia-tô có thế lực Pháp và đảng Gia-tô MRP của Gia-tô Georges Bidault vận động cho ông Gia-tô Ngô Đình Diệm được đưa lên cầm quyền, sách Việt Sử Khảo Luận kể lại lời cựu Luật- sư Trần Văn Tuyên với nguyên văn như sau: “Dư luận Việt Nam thường coi ông Ngô Đình Diệm là “người của Hoa Kỳ” và việc ông lên cầm quyền là do Hoa Kỳ thúc đẩy. Thực ra, ông Ngô Đình Diệm không phải là “con ngựa” của Hoa Kỳ mà là “người cưng” của Pháp hay đúng hơn của một đảng Công Giáo Pháp, “Mặt Trận Bình Dân” (M.R.P.), mà lãnh tụ là Bidault, bộ trưởng ngoại giao, trưởng phái đoàn Pháp ở Hội Nghị Geneve. Năm 1953, ông Diệm được nhóm chính trị Công Giáo Pháp - Việt ở Paris mời về Pháp để “tính toán” công việc với Bidault. Khi Bảo Đại giải tán chính phủ Nguyễn Văn Tâm (tháng chạp 1953), Pháp (của đảng Gia-tô MRP - NMQ) muốn vận động cho ông ta về làm thủ tướng Việt Nam. Tuy nhiên, những người tay chân của ông trong nước đã hành động vụng về hấp tấp, khi họ muốn lợi dụng Phong Trào Đại Đoàn Kết để đưa ông lên cầm quyền (muốn dùng tất cả giáo phái Cao Đài – Hòa Hảo và nhóm Bình Xuyên để làm hậu thuẫn cho ông Diệm chống Bảo Đại). Vận động đó thất bại, Bảo Đại không dùng ông Diệm mà cử ông Bửu Lộc ra lập chính phủ thay ông Nguyễn Văn Tâm. Trước những khó khăn nội bộ cũng như trước trách nhiệm nhận chia đôi đất nước, Bửu Lộc xin từ chức, giữa lúc Hội Nghị Genève

tới chỗ bế tắc (trung tuần tháng 6/1954), Bidault lại tấn công Bảo Đại, yêu cầu ông chỉ định Ngô Đình Diệm làm thủ tướng, Bảo Đại ngần ngừ. Ngày 12/6 (1954), Bảo Đại đánh điện triệu tôi và Đại-tá Lê Văn Kim xuống Cannes để hỏi công việc. Ông ra tận sân bay Nice để đón chúng tôi. Sau khi nghe báo cáo về tình hình hội nghị, ông hỏi tôi: “Bửu Lộc từ chức. Pháp (của đảng Gia-tô MRP – NMQ) đề nghị ông Ngô Đình Diệm lập chính phủ. Hoa Kỳ có ủng hộ ông Ngô Đình Diệm hay không?” Tôi trả lời: “Không thấy các đại biểu Hoa Kỳ nói gì về ông Diệm và xin về Genève hỏi ý kiến các bạn Hoa Kỳ của chúng tôi trong Hội Nghị Genève.” Đây là một câu trả lời của nhân viên cao cấp Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ khi tôi hỏi về ông Ngô Đình Diệm: “Ông Diệm và anh ông là Thục có đến thăm Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Sau khi nói chuyện, chúng tôi đều đồng ý là nên để ông giám mục làm chính trị và nhà chính trị làm giám mục thì đúng hơn. (ý nói ông Diệm không xứng đáng bằng cha Thục). Về ông Bedell Smith, thì cho chúng tôi biết: “Hoa Kỳ không ủng hộ một cá nhân ai cả, sẵn sàng ủng hộ chánh phủ quốc gia chánh thức chống Cộng, dù ai cầm đầu cũng được.”(18) Về việc Vatican vận động bà Nam Phương hoàng hậu thủ thỉ với Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm là Thủ Tướng được, ông Đại Mạc

viết trong Nguyệt San Người Dân số 77 (tháng 1/1997) như sau: “Lại cũng có ký giả ngoại quốc (Bernard Fall) viết rằng chính bà Nam Phương, do khuyến cáo của giáo hội, đã bảo đảm với ông Bảo Đại để ông giao chính phủ cho ông Diệm. Ông Diệm đã quỳ lạy thề cùng cả hai người là trung thành với nhà Nguyễn. Sự phản bội của ông Diệm khiến bà Nam Phương giận giáo hội, và đã tự tử để chứng tỏ bà không còn thuộc giáo hội nữa. Ông ký giả lập luận rằng, trong y bạ, bà Nam Phương không hề có triệu chứng về tim. Mà bà lại mất bất ngờ, đến nỗi chính ông Bảo Đại cũng không hay biết gì. Tuy ông Bảo Đại vợ nọ con kia, nhưng vẫn là người chồng cha tốt với gia đình chính thức cũng như rất hiếu đễ với mẹ.”(19) Tóm lại, ngay từ mùa hè năm 1950, Giáo Hội La Mã đã chạy chọt lo lót với các nhân vật quyền thế trong chính quyền Hoa Kỳ để cùng với Giáo hội làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo

18. Hoàng Cơ Thụy, Việt Sử Khảo Luận - Cuốn 5 (Paris: Nam Á, 2002), tr. 2621-22. 19. Đại Mạc. “Bảo Đại Đời Tư Và Đời Công” Người Dân số 77 tháng 1/997.

Đại đưa ông Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng chính phủ của chế độ Bảo Đại. Sự thật là Hoa Kỳ đồng ý với Vatican trong việc dùng áp lực với chính quyền Pháp và với Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền với toàn quyền dân sự và quân sự. Sự kiện này cho ta thấy rõ Liên Minh Thánh Mỹ - Vatican đã được thành lập kể từ đây. Cái Liên Minh Thánh này được sử gia Chính Đạo tức Vũ Ngự Chiêu gọi là “Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng”.(20) Nhận xét về vai trò của Vatican trong việc vận động Hoa Kỳ đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền, rất nhiều sử gia và chính khách thời bấy giờ đều cùng một nhận xét đại khái như sau: Nếu không có Hồng Y Francis Spellman và những tín đồ Kitô có thế lực và ảnh hưởng lớn trên sân khấu chính trị ở Pháp như ông Georges Bidault cũng như các chính khách Hoa Kỳ vốn là những con chiên của Giáo hội như các ông Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng nghị Sĩ Mike Mansfield, Dân Biểu Walter, Thẩm Tối Cao Pháp Viện William Douglas, Ngoại Trưởng John Foster Dulles, Giám Đốc Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA) là ông Allen W. Dulles đỡ đầu, thì Hoa Kỳ có thể đã đưa một trong các ông Phan Quang Đán, Phan Huy Quát, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Hữu Trí lên làm thủ tướng rồi. Lý do dễ hiểu là ông Ngô Đình Diệm không những đã có thành tích phản quốc đối với nhân dân Việt Nam, mà lại không có tài năng chính trị, không có thành tích cách mạng và cũng không có một uy tín nào đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân Hoa Kỳ. Cũng vì thế mà sau khi đưa ông Diệm lên cầm quyền rồi, Tổng Thống Eisenhower mới bị nhiều người cật vấn khiến cho ông lúng túng mà đành phải tuyên bố rằng “Trong đám thằng mù, thằng chột sẽ làm vua.” Hoa Kỳ có ngờ đâu sau khi đưa “cái thằng chột” Ngô Đình Diệm này về làm vua ở miền Nam Việt Nam thì nó lại làm hỏng hết cả chương trình viện trợ của Hoa Kỳ cho mục đích chống Cộng và làm mất hết đi cái ý nghĩa cao đẹp của lý tưởng tự do dân chủ mà nhân dân Hoa Kỳ hằng theo đuổi từ khi phát động cuộc chiến Cách Mạng (1776-1783) đánh đuổi Đế Quốc Thực Dân Anh để giành lại quyền tự chủ và quyền tự do bất khả nhượng của Trời đã ban cho. Tất cả cũng chỉ vì “cái thằng chột” Ngô Đình Diệm mang căn bệnh cuồng tín về tín ngưỡng,

chỉ biết nghe lệnh Vatican, theo đuổi “chính sách bất

20. Houston, TX: Văn Hóa, 2004.

NGÔ ĐÌNH DIỆM TRONG LIÊN MINH MỸ-VATICAN • 91

khoan dung” đối với các thành phần thuộc tam giáo cổ truyền của dân tộc, tiến hành “kế hoạch Gia-tô hóa” miền Nam Việt Nam bằng bạo lực, cho nên chính sách viện trợ của Hoa Kỳ cho miền Nam mới rơi vào thảm cảnh đau thương nhất trong lịch sử ngoại viện của Hoa Kỳ. Sự kiện này được ông Lương Minh Sơn nói rõ như sau: “Năm 1971, dựa theo tập tài liệu “Hồ Sơ Ngũ Giác Đài”, bình luận gia Neil Sheehan có đúc kết một phần nhận định về chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm như sau: “Ngay từ những ngày đầu, chính cá nhân của Tổng Thống Diệm và quan niệm chính trị của ông đã làm giảm thiểu hiệu năng của chính quyền... Được trưởng thành trong một gia đình vừa cuồng tín theo Thiên Chúa giáo, vừa mang nặng tính cách phong kiến của giai cấp quan lại thống trị, ông Diệm là một người độc đoán, cố chấp, thơ lại, đa nghi và câu nệ về phương diện luân lý. Tinh thần của ông là tinh thần của một “Spanish Insquisitor”...,” một loại hung thần của Tây Ban Nha thời Trung Cổ, [SHE, trg 70-72].”(21) Phần trình bày trên đây cho chúng ta thấy rõ ràng là ngày từ năm 1950, Vatican đã sử dụng tất cả những tín đồ Gia-tô của Giáo Hội có thế lực ở Hoa Kỳ, ở Pháp và cả bà Nam Phương Hoàng Hậu để vận động đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền để làm tay sai cho Giáo hội. Dĩ nhiên, khi đưa ông Diệm về Việt Nam cầm quyền, Hoa Kỳ cũng đã coi ông Diệm như là một thứ làm tay sai cho Hoa Kỳ và coi miền Nam như là thuộc địa của Hoa Kỳ. Đây là sự thật lịch sử và sự thật này không những các nhà viết sử chân chính đều khẳng định như vậy, mà ngay cả bọn văn nô Gia-tô như Tú Gàn (một bút hiệu của cựu thầm phán Nguyễn Cần) cũng phải nhìn nhận sự thật này bằng mấy đoạn văn dưới đây: “Coi miền Nam như thuộc Mỹ: Cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi khi đọc Công Điện mang số Deptel 243 và các tài liệu tiếp theo của chính phủ Hoa Kỳ là Washington coi miền Nam như thuộc địa của Mỹ. Nước Pháp ngày xưa khi đến đô hộ miền Nam và “bảo hộ” miền Bắc và miền Trung Việt Nam đều có ký hiệp ước với Triều Đình Huế. Đến năm 1887, Pháp hợp Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, và Cao Mên lại thành Liên Bang Đông Dương (Union Indochinoise) do một Toàn Quyền Đông Đương (Gouverneur Général de l’ Indochine) ở Hà Nội cai trị và đặt dưới quyền của Bộ Thuộc Địa (Ministère des Colonies). Các quan lại ở tỉnh đều đặt trực thuộc một Công Sứ (Résident) Pháp.

21. Lê Hữu Dản. Bđd., tr 27.

92 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Đầu năm 1956, do áp lực của Mỹ, Pháp đã phải ký thỏa ước với Việt Nam rút Quân Đội Pháp khỏi miền Nam trước ngày 30/6/1956. Nhưng đến ngày 26/4/1956, Quân Đội Pháp đã rút hết khỏi miền Nam. Ngày 26/4/1956, Pháp tuyên bố bãi bỏ chức Cao Ủy Đông Dương và ngày 28/4/1955 tuyên bố giải tán Bộ Tư Lệnh Pháp tại Đông Dương. Người Mỹ âm thầm vào thay Pháp. Tuy chính phủ Mỹ không hề ký với các chính phủ Việt Nam một hiệp ước nào về “quyền bảo hộ” như chính phủ Pháp đã ký trước đây, nhưng Bộ

Ngoại Giao Hoa Kỳ đã tự động biến thành Bộ Thuộc Địa để áp đặt mọi chính sách và đường lối lên trên miền Nam và Đại Sứ Mỹ tại Sài-gòn nghiễm nhiên trở thành Toàn Quyền Đông Dương hay Cao Ủy Mỹ tại Đông Dương, thường được người Việt gọi là "Quan Thái Thú". Các lãnh sự Mỹ ở tỉnh cũng đóng vai trò của các Công Sứ Pháp. Một số đã tình nguyện làm lính Khố Xanh (Gardes In- digènes) hay lính Khố Đỏ (Tiraillers) cho Mỹ. Trạm CIA (CIA Station) của Mỹ tại Sàigòn đã hoạt động giống hệt Sở Mật Thám hay Sở Liêm Phóng Đông Dương (Service de Sureté Générale de L'Indochine của Pháp ngày xưa! Chúng tôi xin nhắc lại: Năm 1963, khi tiếp Đại Sứ Frederick Nolt- ing, ông Diệm có nói:"Chúng tôi không muốn thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ."(22) Qua mấy đoạn văn trên đây, chúng ta thấy được hai điểm: Thứ nhất, ông Gia-tô Tú Gàn trách móc người Hoa Kỳ đã coi miền Nam như là thuộc địa của Hoa Kỳ. Thứ hai, ông Tổng Thống Gia-tô Ngô Đình Diệm nói với Đại-sứ Hoa Kỳ Frederick Nolting rằng: "Chúng tôi không muốn trở thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ." Sự kiện này chứng tỏ rằng (1) cả hai ông Gia-tô Ngô Đình Diệm và Tú Gàn đều không học sử Việt Nam (quốc sử) và sử thế giới, và (2) cả hai ông Gia-tô này đều thiếu thông minh. Vì không học quốc sử cho nên hai ông Gia-tô này không biết lấy chuyên ông vua Lê Chiếu Thống để suy ra thân phận ông Gia-tô Ngô Đình Diệm. Vào cuối năm 1788, khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc dẹp tên ma đầu chính trị Nguyễn Hữu Chỉnh, Lê Chiêu Thống bỏ trốn Thăng Long chạy sang Tầu cầu cứu nhà Thanh đem quân sang Việt Nam tái lập vương quyền cho ông ta. Đáp lời

22. Tú Gàn. "Ra Lệnh Đảo Chánh" Sài-gòn Nhỏ, số 568, phát ngày 2/22/2007, phổ biến trên nhóm điện thư SAIGON_9 ngày1/11/2007.

cầu cứu của Lê Chiêu Thống, Vua Càn Long sai Tôn Sĩ Nghi, Tổng Đốc Lưỡng Quảng, đem 280 ngàn quân Tàu đưa Lê Chiêu Thống về Thăng Long cho ngồi vào ngai vàng, nhưng hàng ngày chính nhà vua và Lê Quýnh cùng mấy chục tên lính hầu phải thân hành đến phủ của Tốn Sĩ Nghị ở Tây Long Cung để chầu chực, chờ nhận lệnh cho phép làm gì thì mới được làm. Sự kiện này ông Hoa Bằng kể lại trong cuốn Quang Trung Nguyễn Huệ Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792 với nguyên văn như sau: "Dẫu được người Thanh "ban" cho danh hiệu hờ, vua Lê vẫn khép nép e dè, không dám đường hoàng trên văn thư dùng niên hiệu Chiêu Thống, mà vẫn phải để hiệu Kiền Long nhà Thanh (bấy giờ là năm Kiền Long thứ 53 tức năm Mậu Thân 1788). Hằng ngày, Chiêu Thống cưỡi ngựa cóc sang Tây Long Cung, nơi Sĩ Nghị đóng, chầu chực công việc quân quốc. Có khi Chiêu Thống tiến yết, Nghị không tiếp, chỉ sai người đứng dưới gác chuông, truyền ra bảo vua Lê rằng: Nay không có việc quân quốc gì, hãy cứ về cung mà nghỉ."(23) Trong những năm 1950-1954, Vatican cho người dẫn ông Gia-tô Ngô Đình Diệm sang Mỹ, sang Pháp rồi lại sang Mỹ để khẩn khoản nhờ Mỹ đưa về Việt Nam cầm quyền. Nhưng phải chờ tới khi có hoàn cảnh thuận tiện Mỹ mới thực hiện được. Mãi tới mùa xuân năm 1954, lúc đó, quân dân Việt Nam sắp đánh bại Liên Quân Xâm Lăng Pháp – Vatican tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Mỹ mới ra tay hành động, gửi Đại-Tá tình báo Edward G. Lansdale tới Việt Nam dọn đường, rồi tới ngày 26/6/1954

mới đưa ông Diệm về Sài-gòn cho ngồi vào ngôi vị thủ tướng với toàn quyền về quân sự và dân sự, dĩ nhiên là dưới quyền chỉ đạo của Mỹ. Trường hợp này của ông Gia-tô Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về ngồi vào ghế thủ tướng ở Sài-gòn và tổng thống trong những năm 1954-1963 giống y hệt như trường hợp Lê Chiêu Thống được nhà Thanh đưa về Việt Nam cho ngồi vào ngôi vua ở Thăng Long vào cuối năm Mậu Thân 1988. Có một điều hơi khác là vào thập niên 1950, người Mỹ tương đối khôn khéo và tế nhị hơn Tôn Sĩ Nghị: Tôn Sĩ Nghị đòi hỏi Lê Chiêu Thống hàng ngày phải thân hành đến phủ Tôn Sĩ Nghị để chầu chực việc quân quốc. Người Mỹ khôn

23. Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792 (Glen- dale, CA: Đại Nam, không đề năm xuất bản), tr.171.

ngoan hơn, họ để cho anh em ông Diệm và các tu sĩ Gia-tô được nắm trọn quyền quản lý nhân dân miền Nam miễn là đừng quá trớn khiến cho họ mang tiếng là thủ phạm tạo nên một thứ Spanish Inquisitor ở miền Nam Việt Nam vào giữa thế kỷ XX. Còn họ, họ lo việc biến miền Nam thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á Châu và biến đạo quân đánh thuê người Việt do người Pháp để lại thành một đạo quân hùng mạnh nhất trong vùng này để đánh thuê cho họ trong việc đối phó với phong trào Cộng Sản đang dâng tràn từ phương Bắc. Thế nhưng anh em ông Diệm và các ông tu sĩ Gia-tô không nhớ lời quan thầy Mỹ đã dặn rằng đừng quá trớn. Vì thế họ mới hăng say theo đuổi chính sách Ki-tô hóa miền Nam bằng bạo lực, tàn sát hơn 300 ngàn người dân không chịu theo đạo Gia-tô ở những vùng hẻo lánh xa Sài-gòn, và công khai bách hại Phật giáo ở ngay cố đô Huế, ở ngay Sài-gòn và ở nhiều nơi khác trên toàn lãnh thổ, vì thế chính phủ Mỹ mới ra lệnh cho ông Đại sứ Frederick Nolting đến Dinh Gia Long ra chỉ thị cho ông Tổng Thống Gia-tô Ngô Đình Diệm phải ngưng tức khắc chính sách bách hại Phật giáo và không được tiến hành kế hoạch Ki-tô hóa nhân dân miền Nam bằng bạo lực nữa. Do đó mới có chuyện ông Diệm nói với ông Đại Sứ Hoa Kỳ Frederick Nolting rằng: “Chúng tôi không muốn thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.” Sự thật rõ ràng là như vậy, mà cả ông Gia-tô Tú Gàn, tức Lữ Giang, tức cựu thẩm phán Nguyễn Cần lại không nhìn ra. Phải chăng vì thiếu thông minh hay vì không học quốc sử và không học lich sử thế giới, cho nên ông ta mới không nhìn ra vấn đề này? Dù là ở vào trường hợp nào đi nữa, trong thực tế, ông Tú Gàn cũng ở vào tình trạng chậm hiểu về cái thân phận của ông Gia-tô Ngô Đình Diệm, và chính ông Gia-tô Ngô Đình Diệm cũng thiếu thông minh, cho nên mới không nhìn ra cái thân phận của ông trong những năm 1954-1963 không khác gì thân phận của Lê Chiêu Thống vào cuối năm Mậu Thân 1788. Hậu quả là anh em ông đã phải đền tội trước nhân dân Sài-gòn vào sáng ngày 2/11/1963. Nếu năm 1889, người Pháp có thể đưa Thành Thái lên làm vua bù nhìn tại triều đình Huế để làm cảnh trang tri cho nền thống trị của họ ở Việt Nam, thì năm 1907 họ cũng có thể phế bỏ ông ta khi thấy rằng ông ta trở mòi nghe lời xúi giục của tên Việt gian Gia-tô Ngô Đình Khả ngã theo Vatican chống lại người Pháp trong mưu đồ giành thế thượng phong trong bộ máy cai trị tại Việt Nam. Tương tự như vậy, nếu năm 1954, người Mỹ đã có thể đưa tên phản thần tam đại Việt

gian Ngô Đình Diệm lên cầm quyền ở miền Nam để làm tay sai cho họ trong nhu cầu biến miền Nam thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á, thì năm 1963, họ cũng có thế lôi ông xuống hay khử diệt ông khi họ thấy rằng ông đã tỏ ra khăng khăng chỉ biết phục vụ cho quyền lợi của Vatican mà bất cần đến uy tín và quyền lợi của họ, đúng như lời Giáo-sư Lý Chánh Trung ghi nhận: "ông đã tưởng mình có thể nhảy vào vòng tay người Mỹ trong một giai đoạn ngặt nghèo rồi thoát khỏi vòng tay đó khi tình hình sáng sủa hơn, ông đã tưởng có thể chấp nhận làm con cờ trong một ván cờ rồi ngay trong ván cờ đó, có thể tự động đi một nước cờ riêng của ông. Khi ông nhìn thấy đó chỉ là ảo tưởng thì đã quá trễ: Ông đã chết vì ảo tưởng đó. Và cái chết bi thảm của ông cho thấy một sự thật hết sức tầm thường: Không một con cờ nào có thể tự động đi một nước cờ cho riêng nó, dầu con cờ đó mang tên Ngô Đình Diệm, và không một nước nhỏ nào có thể lợi dụng một nước lớn, nhất là nước đó mang tên Hoa Kỳ."(24)

***

24. Lý Chánh Trung, Những Ngày Buồn Nôn (Sàigòn: Đối Diện, 1971), tr. 137.

HỒNG Y FRANCIS SPELLMAN VÀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM(1) Trần Thị Vĩnh Tường

SOLDIERS NEVER LOSE Người dân Mỹ biết tại sao họ tham chiến ở Pearl Harbor năm 1941, ở Triều Tiên năm 1950. Nhưng hình như họ không hiểu tại sao xứ họ lún vào "vũng lầy" chiến tranh Việt Nam từ 1954 đến 1975. Từ chiến trường Việt Nam xa xôi, quan tài liên tiếp trở về. Khi nốt nhạc chiêu hồn còn đang lơ lửng, bên nấm mồ phủ hoa và lá cờ đầy kịch tính, gia đình tử sĩ giật mình "Sự thật ở đâu? Người anh hùng không toàn thây kia nằm xuống cho ai?" Tướng McArthur nói "Old sol- diers never die; they just fade away/Người lính già không chết; họ chỉ nhạt dần đi". Có lẽ phải thêm "Soldiers never lose, but are betrayed/ Người lính không bao giờ thua trận/họ chỉ bị phản bội". Cựu quân nhân Việt Mỹ giống nhau một điểm: ồn ào nhận thua trận mà quên rằng: Chỉ cấp lãnh đạo mới thua trận! Chỉ cấp lãnh đạo mới phản bội! Nhưng cấp lãnh đạo chiến tranh Việt Nam là ai? Lúc người dân Mỹ khám phá ra rằng khi chấp nhận chiến tranh thì phải chấp nhận hy sinh nhưng Hồng Y Spellman chỉ muốn người "hy sinh' cho ngài, họ bắt đầu biểu tình trước nhà thờ St. Patrick và tư dinh của ngài ở New York. Lần đầu tiên tên một hồng y được đặt tên cho cuộc chiến, "Spellman's War." Những bài viết cay đắng về ngài khá nhiều. Có một điều người dân Mỹ "cay đắng" về cuộc chiến

1. Nguồn: Tạp chí Sài Gòn Nhỏ, số 1265, ngày 22 tháng 10 năm 2010, ấn bản Orange County, trang A1.

Việt Nam: đang từ một dân tộc anh hùng kiểu "vì dân diệt bạo", họ trở thành hiếu chiến hiếu sát, trong khi đó, Vatican được tiếng là rao giảng hòa bình. Ý kiến của một cựu chiến binh "Hơn 58,000 lính Mỹ không biết rằng họ chết ở Việt Nam cho Giáo hội Ki-tô. Không đi lính, thì đi tù 5 năm. Biết vậy, tôi không đăng lính năm 1968. Tôi sẽ đi

biểu tình chống chiến tranh và ngồi tù trong danh dự để thách đố những láo khoét của chính phủ về tình hình Việt Nam.” Điều đau của quân nhân Mỹ-Việt, từ tướng cho đến quân, trong cuộc chiến Việt Nam: đào ngũ thì bị tù, muốn đánh cũng không được, muốn thua cũng không xong, muốn thắng lại càng khó! Chết uổng đời, sống bị phỉ nhổ! Khi siêu quyền lực muốn kéo dài chiến tranh để tiêu thụ võ khí, thì xác người chỉ là con số, Việt Nam là nấm mồ, chôn ai không cần biết. Trong 28 năm làm hồng y, hồng y Spellman trực tiếp can dự vào cuộc chiến Việt Nam suốt 13 năm - từ 1954 đến 1967. Tuy có tới hơn ba triệu ngươi Việt-Mỹ chết “Cho Ngài, Do Ngài và Vì Ngài”, mặc dù tên tuổi của ngài hình như còn rất xa lạ với người mình, ngoại trừ một số du học sinh ở Úc, Mỹ… những năm 1960, bật TV lên là thấy ngài. Nhưng hồng y Spellman là ai? Truyền thông Hoa Kỳ ghi chép đầy đủ cuộc đời và sự nghiệp hồng y Spellman (1889-1967). Quan điểm của những tác giả độc lập này khá khách quan, khi chỉ muốn tìm ra “sự thật”, tìm ra “mục tiêu tối thượng” của sự việc. Họ không tìm cách bào chữa/tâng bốc/đạp đổ nhân vật, mà chỉ phân tích mục tiêu cho cho ra lẽ. Tác giả Avro Manhatttan còn cẩn thận viết “Đề cập đến “giáo hội Ki-Tô” cuốn sách của tôi không nhắm đến những tín đồ thuần thành, không biết chút xíu gì về những âm mưu toan tính nói trên, chỉ nói đến giới lãnh đạo cao cấp ở Vatican và những tu sĩ Dòng Tên”. Bài viết này chỉ nhặt những chi tiết có liên quan xa gần tới chiến tranh Việt Nam, còn những sự việc khác như ngài là người đồng tính (homosexual), chiếm giải quán quân trong việc phát triển giáo hội qua việc xây dựng trường học Công giáo trên toàn thế giới, thành công vượt bực trong kinh doanh “Knights of Malta”, thiết lập Ratlines giúp đám Nazis Đức Quốc Xã chạy trốn, thành tích quậy phá các xứ Trung Mỹ… không liên quan gì đến vận mệnh người Việt cả. Có thể nói đường hoạn lộ của ngài thẳng băng như một cây thước kẻ. 1. VỀ TÔN GIÁO Năm 1911, chủng sinh Spellman/dòng Jesuits (tức dòng Tên), 22

tuổi tu học ở Rome được hân hạnh kết bạn rất thân với Hồng Y Eu- genio Pacelli. Hồng y gọi yêu cậu là “Frank hay Franny”. Trong 7 năm, hồng y Pacelli đi khắp thế giới đều mang Frank theo, từ leo núi Alps đến bãi biển Hy Lạp. Tháng 7-1932, Frank được phong làm giám mục giáo phận Boston, thủ đô tiểu bang Massachssetts. Chính hồng y Pacelli, lúc đó là bộ trưởng ngoại giao, tấn phong cho Frank trong một buổi lễ trọng thể cử hành ở đền thờ Thánh Phêrô/St. Peter’s Basilica ở Vatican, Frank mặc áo lễ màu vàng chói mà hồng y Pacelli mặc năm xưa. Lần đầu tiên một giám mục Hoa Kỳ được hân hạnh này, giáo dân Boston nở nang mặt mũi. Tháng 3-1939, hồng y Pacelli được bầu làm giáo hoàng Pius XII. Đúng tám tuần lễ sau, giáo hoàng Pius XII phong cho Spellman làm Tổng giám mục New York, giáo phận giàu có nhất Hoa Kỳ. 20 năm sau, hồng y Spellman biến New York thành giáo phận giàu nhất thế giới. Cùng năm 1939, Spellman đuợc phong chức tổng tuyên úy quân đội: cái vé tối danh dự đặt giám mục Spellman trên đỉnh mạng lưới siêu quyền lực gồm siêu quí tộc/tài phiệt/chính trị/tình báo/quân sự liên quốc gia có tên Sovereign Military Order of Malta, viết tắt SMOM, hội viên phải được giáo hoàng sắc phong. Nội cái tên không thôi đã nói lên mục đích của SMOM. Năm 1946, giáo hoàng Pius XII phong Spellman chức hồng y. Không cần mọc cánh, ngài trở thành “thiên thần” giữa Vatican và bộ ngoại giao Mỹ. Ở Mỹ, người ta linh

đình chúc tụng ngài là American Pope/Giáo hoàng Hoa Kỳ. Ở Vatican, người ta gọi ngài là Cardinal Moneybags/Hồng Y Túi Tiền. Ngôi thánh đường Patrick ngài ngự được gọi chệch đi là "Come-on-wealth Avenue/Đại lộ Của Cải Nhào Vô" (thay vì "Commonwealth"), trở thành thời thượng. Ngài làm lễ cưới cho Edward Kennedy ở đó. 2. QUYỀN LỰC Đóng góp tài chánh của hồng y Spellman cho Vatican, tình bạn với Giáo hoàng Pius XII, vị trí chót vót trên đỉnh SMOM, quyền lực Spellman hầu như vô tận không ai dám đụng. Bạn của ngài nằm trong danh sách 100 người quan trọng nhất thế kỷ XX. Ngài giới thiệu với giáo hoàng Pius XII hàng loạt các nhà cự phú, biến họ thành quí tộc Hiệp sĩ Malta, không ai dám đụng tới. Hốt tiền chỗ này bỏ chỗ kia khéo léo như một bà chủ hụi, dưới bàn tay Spellman mọi việc trôi êm. Thay vì nộp tiền niên liễm của Knights of Malta- Hiệp sĩ Malta vào tổng hành dinh SMOM ở Rome, Spellman chuyển tiền đó vào

tài khoản riêng của hồng y Nicola Canali (1939-1961) bộ trưởng bộ ngoại giao Vatican. Vài câu hỏi yếu ớt vang lên, ngài không bận tâm trả lời. Báo nào xa gần hơi "tiêu cực" về ngài, ngài cho lệnh các cửa hàng sang trọng khu Sak Fifth Avenue rút hết quảng cáo liền một khi. Thương xá Sak Fifth/New York chỉ là một tài sản khiêm nhường của ngài, cũng như tổng giám mục Ngô Đình Thục là chủ thương xá Tax/Saigon vậy. Hồng y Spellman giúp Vatican 1 triệu đô la tài trợ Công đồng Vatican II nhưng ngài không hơi sức nào bầu bạn với những kẻ nghèo khó. Tháng 3/1949, hai trăm phu đào huyệt nghĩa trang Calgary - rộng 500 mẫu mà ngài là chủ nhân - đòi tăng lương 20% từ 59.40 lên 71.40 $USD (một tuần). Ngài không chấp nhận, ngày mím môi bắt các chủng sinh nhà thờ St. Patrick thay thế, đào huyệt chôn 1020 quan tài xếp lớp. Ngài đổ cho cái đám cùng khổ ấy là bọn… cộng sản. Mấy người vợ nghèo khổ của đám phu đào huyệt mếu máo phân trần "Chồng tôi chỉ muốn tăng lương, không biết cộng sản là gì". 3. VỀ CHÍNH TRỊ Hồng y Spellman điều khiển thế giới bằng điện thoại. Ngài cho hay trước sẽ không ai viết được tiểu sử ngài, vì sẽ không bao giờ có dấu vết chứng từ. Ngài là cố vấn của năm đời tổng thống Mỹ từ 1933 đến 1967, từ Roosevelt, Truman, Eisenhower, Kennedy đến Johnson. Ngài là bạn thân với tướng William Donovan - xếp sòng OSS, tiền thân CIA. Donovan chỉ định Allen Dulles nối ngôi CIA, nên hai anh em nhà Dulles, bộ trưởng ngoại giao và giám đốc CIA, cũng dưới tay ngài. Một trong những người bạn danh giá là đại gia Joseph Kennedy, thân phụ của thượng nghị sĩ trẻ tuổi John Kennedy/tiểu bang nhà, Mass. Năm 1935, tài sản ông Kennedy đã lên tới $180 triệu đô la, khoảng 3 tỷ bây giờ. Sau thế chiến II, một trong những chiến lược của Vatican trong việc ngăn chặn cộng sản bằng cách ủng hộ các ứng viên phe Dân Chủ Ki-Tô giáo. Đang khi Vatican muốn có một tổng thống Ki-tô ở tòa Bạch Ốc, đúng lúc Joseph Kennedy muốn John Kennedy làm tổng thống. Giáo hoàng Pius XII gửi bác sĩ riêng Ricca- rdo Galeazzi đến gặp Spellman và Joseph Kennedy để thương lượng. Có tiền mua chức tổng thống dễ như mua bắp rang. Những yếu tố trên chín mùi cùng lúc, Spellman dựa vào Vatican dựng lên hai tổng thống Ki-tô dân chủ đầu tiên: John F. Kennedy ở

Washington D.C cũng như Ngô Đình Diệm trước đó ở Saigon. Tài liệu ngoại quốc không có những chi tiết như trong bài viết "Có phải Hoa Thịnh Đốn Đã Đưa Ông Diệm Về Làm Tổng Thống Đệ Nhất Cộng Hòa VN" của Linh mục An-Tôn Trần Văn Kiệm. LM là người duy nhất ở gần ông Ngô Đình Diệm trong hơn hai năm ông Diệm ở Mỹ, theo Linh mục, có ba người được hồng y Spellman bảo trợ, nhận làm con nuôi: hai linh mục Trần Văn Kiệm-Nguyễn Đức Quý và ông Ngô Đình Diệm.

Ông Ngô Đình Diệm có tới ba vị "cha nuôi" oai quyền một cõi: Thượng thư Nguyễn Hữu Bài, Hồng y Francis Spellman và trùm CIA Allen Dulles.

Năm 1951, đang ở New York, Linh mục Trần Văn Kiệm, được điện tín từ Âu châu ra đón tổng giám mục Ngô Đình Thục và em là Ngô Đình Diệm tại phi trường Idlewild (phi trường Kennedy bây giờ). Sau đó Hồng y Spellman gửi ông Diệm trú tại nhà dòng các linh mục Maryknoll, New Jersey. Tuy được Hồng y Spellman giàu có bảo trợ, ông Diệm không được Hồng y cho đồng xu nào. Suốt hai năm, chỉ một mình Linh mục Kiệm thăm viếng, bao biện việc di chuyển, kể cả thuê khách sạn cho ông tiếp khách vì biết ông rất thanh bạch. Cho đến tháng 6/1953, ngày ông từ giã Hoa Kỳ qua Pháp gặp hoàng đế Bảo Đại trước khi về VN nhận chức thủ tướng, Linh mục Trần Văn Kiệm và năm người bạn còn chạy mua vội cho ông chiếc cà vạt màu xanh. Tuy vậy, theo linh mục Trần Văn Kiệm, mãi đến giữa năm 1953, chính giới Mỹ chẳng biết gì về ông Ngô. Linh mục Trần Văn Kiệm viết: - "Có lần chính khách Mỹ phàn nàn với tôi: linh mục đề cao tư cách lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm, và cả Đức Cha Ngô Đình Thục cũng làm như thế, nhưng chúng tôi cần thêm chứng nhân, vì Đức Cha Thục là anh đề cao em thì có chi là lạ". - "Mãi tới gần một tháng sau khi trận Điện Biên phủ nổ lớn ngày 13 tháng 3 năm 1954 (thất thủ ngày 26 tháng 6) và có lẽ cũng vì nghe

lời Đức Hồng y Francis Spellman kêu gọi, ngày mùng 7 tháng tư năm 1954 tổng thống Eisenhower mới lên tiếng cảnh giác, khi ông xướng lên chủ thuyết Domino:"Nếu Việt Nam sụp đổ trước sức tấn công Cộng sản quốc tế với Liên Xô và Trung Hoa yểm trợ Hà Nội, thì mấy nước ở Đông Nam Á sẽ khó mà đứng vững được". HỒNG Y SPELLMAN DỰNG NÊN ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA VIỆT NAM Một chân ở điện Capitol, một chân ở Vatican, hồng y Spellman ảnh hưởng cả tổng thống Mỹ, sai khiến được trùm CIA, hoạch định chính sách cho bộ ngoại giao, nên ngài yên chí sẽ được bầu làm giáo hoàng ở Vatican khi bạn thân ngài là giáo hoàng Pius XII qua đời. Không ngờ, ngày 28-10-1958, người được bầu là Hồng Y Angelo Roncalli, tức Giáo hoàng John XXIII. Hồng y Spellman giận lắm, nhiếc sau lưng ông: "Ông ta đâu xứng làm Giáo Hoàng, Ổng đáng đi bán chuối/He's no Pope. He should be selling bananas". Hồng y Spellman có vẻ như lập lại câu nói của Cesar "Veni, Vidi, Vici". Những năm 1950, chính khách Mỹ nói về châu Á còn lọng cọng dở bản đồ, Spellman đã đi qua cả rồi. Năm 1948, ngài đỡ đầu cho linh mục Fulton Green qua Australia đọc diễn văn tại nhà thờ St. Mary's ở Sydney. Spellman ghé Singapore và Bangkok, bay ngang Angkor Wat. Trên đường trở về Mỹ, trước khi bay qua Canton và Hongkong, ngài tiện chân ghé Saigon. Tổng giám mục Saigon người Pháp Jean Cassaigne có mời tổng giám mục Vĩnh-Long Ngô Đình Thục

trong buổi tiếp đón ngày 25-5-1948: từ buổi "tiện chân" định mệnh này, số phận cuả dòng họ Ngô-Đình đã an bài. Giới học thuật Mỹ - tôn giáo, chính trị, truyền thông, giáo dục - đồng ý dứt khoát 100% về vai trò của Hồng Y Spellman trong việc dựng lên tổng thống Ngô Đình Diệm. Xin chỉ giới hạn vào bốn tác giả mà sách của họ đã được thử thách với thời gian. Trong số bốn người này, hai là linh mục Ki-tô giáo: - Theo Wilson D Miscamlble, giáo sư môn sử/đại học Notre Dame/ Indiana, trong bài viết "Francis Cardinal Spellman and Spellman's War", lý do người Mỹ nhúng tay vào chiến tranh VN bắt nguồn từ Chiến Tranh Lạnh kéo dài từ châu Âu. Dưới ảnh hưởng vô cùng to lớn của Spellman, chính giới Mỹ đều tin tưởng rằng sự bành trướng của khối Cộng Sản Liên Xô và đồng minh của họ, Bắc Việt Nam, là mối đe dọa trực tiếp nước Mỹ. - "The American Pope: The Life and Times of Francis Cardinal

Spellman", tác giả John Cooney (cây bút của Wall Street Journal) viết: "Nếu không có Spellman ủng hộ Ngô Đình Diệm hồi 1950, chắc chắn không có chính phủ miền Nam Việt Nam." Cooney dành 18 trang riêng về Spellman và Việt Nam. Tờ Church & State phê bình "dẫn chứng kỹ càng, tất cả người Mỹ nên đọc và học hỏi" - "An American Requiem/Kinh Cầu Hồn Nước Mỹ", tự truyện, tác giả James Carroll có bố là trung tá tình báo Pentagon: chuyên viên tìm tọa độ để ném bom ở Việt Nam, mẹ lại là bạn thân của hồng y Spellman. Ông viết "Chiến tranh Việt Nam bắt đầu từ Spellman", sách-bán-chạy nhất 1960-70, đoạt National Book Award for Non-Fiction (1996), giải thưởng cao quí nhất của văn học Mỹ. Carroll dành nguyên chương 8, "Holy War/ Cuộc Chiến Thần Thánh" cho chiến tranh Việt Nam. - Theo linh mục Martin Malachi: Spellman dấn thân vào Việt Nam là theo ý muốn của Giáo Hoàng Pius XII: muốn người Mỹ đưa ông Ngô Đình Diệm lên vì ảnh hưởng của tổng giám mục Ngô Đình Thục.(2)

(Cả ba cuốn The American Pope, An American Requiem, The Jesuits đều có trên amazon.com.)

Có thể tóm tắt: được các nhân vật tối cao của lập pháp, tư pháp, tình báo, tài phiệt và tôn giáo Hoa Kỳ đã nâng đỡ, con đường hoạn lộ của ông quan Á châu Ngô Đình Diệm giống như truyện cổ tích Cô Bé Lọ Lem, ngọai trừ đoạn cuối.

2. Linh mục Malachi, giáo sư Giáo hoàng Học Viện Vatican (Pontifical Biblical Institute) từ 1958 đến 1964, cùng thời điểm chiến tranh Việt Nam. Ông là phụ tá, thư ký riêng, thông dịch viên cho hồng y Augustin Bea/dòng Jesuit và cho Giáo hoàng John XXIII. Ông ở cùng dinh với giáo hoàng John XXIII, được giao phó nhiều việc "nhạy cảm". Là linh mục dòng Jesuits/dòng Tên trong 25 năm, năm 1965 ông xin chấm dứt ơn kêu gọi, nghĩa là ra khỏi dòng Jesuits. Ông qua New York, sống lang thang làm bồi bàn, tài xế taxi, rửa chén. Hai năm sau ông bắt đầu kiếm ăn bằng viết sách. Cuốn nổi tiếng nhất: "The Jesuits: The Society of Jesus and the Betrayal of the Roman Catholic Church/ Dòng Jesuit và Sự Phản Bội Của Giáo Hội La Mã".

1. 1951: tại New York, Hồng Y Spellman giới thiệu ông quan-tự lưu vong-Ngô Đình Diệm với chính giới Mỹ, gồm thượng nghị sĩ Mi- chael Mansfield, thẩm phán tối cao pháp viện William O. Douglas, trùm CIA Allen Dulles, cha con Joseph Kennedy, tất cả là tín đồ công giáo. 2. 1954: CIA gửi Edward Landsdale qua Saigon hóa phép "trưng cầu dân ý" truất phế Bảo Đại-ủng hộ thủ tướng Ngô Đình Diệm. Landsdale đề nghị tỷ lệ đắc cử là 70%, ông Diệm không đồng ý, đòi phải đạt được 92.2%, con số cao hơn cả số cử tri ghi danh. 3. 1955: Bộ Ngoại Giao gửi đoàn cố vấn dân sự qua Saigon (giáo sư Wesley Fishel/đại học Michigan cầm đầu) soạn cấu trúc cho an ninh, kinh tế, giáo dục, hành chánh, soạn cả hiến pháp cho Việt Nam Cộng Hòa. Cơ quan USAID/Sở Thông tin Hoa Kỳ phát không tờ Thế Giới Tự Do, lò sản xuất những khẩu hiệu như "tiền đồn chống cộng, lý tưởng tự do, người quốc gia...". USAID cũng bao dàn trọn gói luôn tờ The Times bằng tiếng Anh của ông Ngô Đình Nhu. 4. 1955: chính phủ Eisenhower tài trợ 20 triệu đô la cho quỹ [Ro- man] Catholic Relief Services, "Cơ Quan Viện Trợ Công Giáo". Hồng y Spellman cũng đích thân viếng Saigon và tặng $100,000 cho quỹ này, giúp tái định cư người di cư (có tài liệu ghi $10,000). Từ đó mỗi năm, Hoa Kỳ viện trợ khoảng 500 triệu đô la một năm cho Việt Nam Cộng Hòa. 5. Ngoài cố vấn Mỹ chính thức tại dinh Độc Lập, Spellman còn gài điệp viên kiểm soát hai anh em ông Diệm-Nhu. 6. Từ đầu năm 1963, Spellman bắt đầu tách rời khỏi Ngô Đình Diệm khi chính phủ Diệm từ chối không cho thêm quân nhân Hoa Kỳ vào Việt Nam. 7. Ngày 7-9-1963 tổng giám mục Ngô Đình Thục rời Việt Nam qua Roma, bước lưu vong đầu tiên, không được giáo hoàng Paul VI tiếp. Ngày 11-9-1963 Ngô Đình Thục bay qua New York cầu cứu, hồng y Spellman lánh mặt đi Miami Beach/Florida dự lễ gắn huy chương. 8. Ngày 1-11-1963: Spellman bật đèn xanh cho âm mưu dứt điểm con nuôi Ngô Đình Diệm. Từ đó, Spellman không hề nhắc đến tên Thục-Diệm thêm một lần nào nữa. 9. Spellman tiếp tục điều khiển guồng máy chiến tranh Việt Nam không-Diệm cho đến khi về hưởng nhan thánh Chúa năm 1967. Hồng Y hay đại tướng?

HỒNG Y FRANCIS SPELLMAN VÀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM • 105

Đáng lẽ Hồng y Spellman phải theo nghiệp binh đao. Năm 1943, chỉ trong bốn tháng, ngài vượt 15,000 miles, đến 16 quốc gia vừa là đại diện của Vatican, vừa là tổng tuyên uý quân đội, vừa là đặc sứ của tổng thống Roosevelt. Ngài khéo léo luôn để Vatican đứng ngoài, và đứng trên chiến tranh. Ngài được West Point trao tặng huy chương. Ngài có bằng lái máy bay cả ở Italy lẫn Massachussets. Fidel Castro mô tả hồng y Spellman là "Giám mục của Ngũ Giác Đài, của CIA và FBI". Tổng thống Mỹ còn sợ bị ám sát, Spellman thì không. Trong cuốn "Vietnam... Why Did We Go?/Vì Sao Chúng Ta Đã Đi Việt Nam" tác giả Avro Manhattan chứng minh "siêu quyền lực" giết tổng thống John Kennedy chính là Hồng y Spellman. Bản dịch tiếng Việt, có trên internet, dịch giả Trần Thanh Lưu.

Hậu thuẫn lớn của hồng y Spellman cho chính quyền Lyndon Johnson không phải ở châu Mỹ La Tinh, mà ở Việt Nam. Dù ở tuổi nào ngài cũng thích làm "anh là lính đa tình". Ngài thường xuyên gặp gỡ các ông tướng ở tòa Bạch Ốc, có mặt tại những phiên họp mật của tình báo. Ngài họp với Ngũ Giác Đài, bàn cãi chiến thuật/chiến lược với

hàng tướng lãnh. Phiên họp cuối ngài tham dự, tháng 3/1965, tại Carlisle một trường huấn luyện quân sự ở Pensylvania. Ngài cho tiền các giáo hội địa phương, nguồn cung cấp tin tức vô tận. Khi cần ngài hỗ trợ cho CIA và FBI khiến hai cơ quan này khép nép dưới chân ngài. Họ không sao có được mạng lưới rộng lớn, miễn phí và trung thành như giáo dân. Trong khi hồng y Spellman chỉ phán một câu, các giáo hội địa phương xa xôi nghèo nàn mừng mừng tủi tủi, vứt cả tổ tiên ứng hầu thánh ý. Linh mục William F. Powers viết: "Hình như Hồng Y Spellman đến Việt Nam để ban phép lành cho những khẩu đại bác, trong khi giáo hoàng John 23 đang năn nỉ phải cất chúng đi. Ngài sang thăm lính Mỹ ở Việt Nam trong binh phục kaki vàng. Có lần, vừa trở về từ

mặt trận VN, "áo anh mùi thuốc súng" ngài lập tức bay đến Wash- ington dùng cơm trưa với tổng thống Johnson, có cả mục sư Billy Graham (được coi như Giáo hoàng Tin Lành ở Mỹ). Tổng thống hỏi ý cả hai ngài bước kế tiếp phải làm gì. Trong khi mục sư Graham còn đang lúng túng giữ yên lặng, HY Spellman không ngần ngại, nói liền một câu lạnh cẳng "Thả bom chúng! Chỉ việc thả bom chúng!" Và Johnson đã làm theo lời cố vấn cuả ngài. [Thus, when Johnson asked both Spellman and Billy Graham at a luncheon what he should do next in Vietnam, Graham was uncomfortably silent. "Bomb them!" Spellman unhesitatingly ordered. "Just bomb them!"' And Johnson did]. Chúng là ai? Là người Việt. Chưa được đọc bài nào của tác giả Việt về câu nói kinh hãi này. Chỉ mới thấy tác giả Nguyễn Tiến Hưng giận dữ về câu "Sao chúng nó không chết phứt đi cho rồi" của ông Henry Kissinger. Billy Graham (1918-) đâu phải tay mơ. Ông được coi như "giáo hoàng Tin Lành," cố vấn các tổng thống Mỹ từ đời Eisenhower đến G. Bush. Ông rất oai, quở trách tổng thống Richard Nixon như con cái trong nhà. Có lẽ thấy Spellman ngon lành quá, Graham bắt chước y chang khiến ông cũng rất nổi tiếng trong quân sử Hoa kỳ với lá thơ 13 trang: Năm 1969 Graham đến Bangkok gặp gỡ vài "nhà truyền giáo" từ VN qua. Các đại diện Chúa sau khi làm dấu thánh giá, đề nghị nếu hội nghị hòa bình Paris thất bại, Nixon nên dội bom các đê điều ở Bắc Việt. Không rõ các nhà truyền giáo này kiêm điệp viên hay điệp viên kiêm nhà truyền giáo, họ là người Việt hay người ngoại quốc, thuộc dòng nào, từ đâu qua Bangkok gặp Graham... rất tiếc bản tin không nói rõ. Trở về Mỹ, Billy hăng hái gửi 13 trang viết tay đề ngày 15-4- 1969 cho tổng thống Nixon "dội bom các đê Bắc Việt Nam, chỉ trong một đêm thì kinh tế ở đó tiêu điều liền hà". Bức thư này được bạch hóa tháng 4/1989. Tạ ơn Chúa, Alleluia!! "Dội bom đê điều" giết cả triệu dân là tội ác chiến tranh! Người Mỹ phải hành quân đáng mặt nước lớn. Họ không quên án lệ Arthur Seyss-Inquart, luật sư người Đức, sĩ quan Phát xít của Hitler. Ngày 16-10-1946, tòa án quốc tế xử treo cổ ông này và 10 người khác vì phá hủy đê ở Hòa Lan trong thế chiến II. Trước khi chết, Seyss-Inquart còn nói kiểu sân khấu: "Hy vọng cuộc hành hình này là thảm kịch cuối cùng của thế chiến II mà bài học sẽ là hòa bình và hiểu biết giữa con người." Tử tội xin "trở lại đạo", được xưng tội và chịu đủ các phép bí tích. Kể cũng hay, giết người xong xưng tội là linh mục tha tội ngay, Chúa có tha không tính sau. Có hơi thắc mắc không biết ông có tái sinh làm Ki-tô hữu chưa.

Wilson D. Miscamble kết luận về "sự nghiệp" của hồng y Spell- man như sau: Lòng ái quốc mù quáng đã ngăn cản ông tự hỏi một điều rất quan trọng "mục đích của chiến tranh là gì?" Ông cũng không thèm biết đến "phương tiện và hậu quả". Ông không hề biết rằng những báo cáo của chính phủ về Việt Nam là lừa gạt. Ông không bao giờ biết đến nhân mạng và tiền bạc trả cho cuộc chiến tính đến 1967. Ông cũng không bao giờ phản đối cách nước Mỹ tiến hành cuộc chiến. Ngược lại ông là người cổ võ việc ném bom Bắc Việt Nam. Cuối cùng, ông không bao giờ tỏ ý hối tiếc về vai trò của ông. Sự thiệt hại nhân mạng do việc dội bom cũng không hề dấy lên trong ông bất cứ một tình cảm nào. Đó là điều đáng trách nhất, vì ông là một đấng chủ chăn. Cứ dâng vạn nỗi đau thương lên cho Chúa, người cũng sẽ im lặng như ngàn năm nay, như khi dân Do Thái của Chúa bị tận diệt. Đổ cho Chúa, Việt Nam mừng vì "Chúa an bài như thế, khỏi tranh đấu nữa". Hồng y Spellman mừng, Cộng sản quốc tế mừng, tư bản mừng! Cứ làm đi rồi đổ hộ cho Chúa. Nhưng một khi bom đạn và tổn thất sinh mạng cân đong đo đếm được thì nguyên nhân/thủ phạm cần phải được xem xét kỹ lưỡng. Dù không làm kẻ chết sống lại, người mù sáng mắt, nhưng ít ra học được vô số bài học. Nếu không, chắc chắn quá khứ sẽ lập lại thêm lần nữa. Có khi đang lặng lẽ xảy ra cũng nên!

***

TÀI LIỆU MẬT CỦA CIA VỀ "NHÀ NGÔ"(1) Thomas Ahern, Jr / Nguyễn Kỳ Phong

Hai tài liệu của Cục Trung ương Tình báo Mỹ (CIA) độ giải mật và phổ biến năm ngoái (ngày 19-2-2009), đã tiết lộ nhiều chi tiết xác nhận sự can thiệp áp đảo và thô bạo của Mỹ vào sinh hoạt và vận mệnh chính trị của hai nền Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Những thông tin này, dù vẫn còn giới hạn, chỉ tái xác nhận một điều mà ai cũng biết nhưng vẫn còn một số người ở hải ngoại không chịu chấp nhận: Từ năm 1954, kể từ khi hình thành, miền Nam hoàn toàn không có độc lập chính trị và, do đó, hoàn toàn không có quyền dân tộc tự quyết. Ngược lại, biết hay không biết, các thế lực chính trị của người Việt Nam ở miền Nam đã thi hành chính sách của Mỹ thông qua các công cụ chính trị và tình báo của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Nói cách khác, cụm từ "lính đánh thuê" mà bộ máy tuyên truyền của miền Bắc sử dụng trong mặt trận quốc tế vận để chỉ miền Nam, không những có ý nghĩa quân sự mà, bây giờ thì đã rõ, bao hàm luôn cả ý nghĩa chính trị nữa. Vì vậy, một trong những lý do quan trọng để bây giờ một số người của miền Nam cũ vẫn còn mang thân phận "lính đánh thuê" đó dù họ muốn hay không muốn là vì từ buổi đầu của quan hệ Mỹ-Nam Việt Nam, đã có một gia đình họ Ngô chịu làm "con nuôi chính trị" của hai thế lực chính trị và Công giáo Mỹ để khai sinh và nuôi dưỡng nền Đệ nhất Cộng hòa. Do đó mà Sống và Chết của nền Đệ nhất Cộng hòa đó chỉ là cái sống và chết của một đứa con hoang của ngoại bang, để lại di họa không thoát ra được

1. Tác giả : Thomas L. Ahern, Jr. / Nguyễn Kỳ Phong lược dịch, Nov. 3, 2010. Muốn tham khảo tác phẩm "CIA and The House of Ngo" bằng Anh ngữ (cần khoảng CIA_AND_THE_HOUSE_OF_NGO.pdf

cho nền Đệ nhị Cộng hòa và cho cả miền Nam chính trị, rồi kết thúc bằng một số phận bi thảm nhưng đúng quy luật lịch sử: 30-4-1975. Những người Việt Nam hôm nay, cả trong và ngoài nước, có học được bài học gì từ cái Tội Tổ Tông chính trị đó của gia đình họ Ngô không?(2) Tác phẩm "CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954-1963." Tác Giả: Thomas L. Ahern, Jr. Center for the Study of Intelligence ấn hành. Một số tiết lộ về cuộc chiến từ tài liệu CIA lần đầu tiên trong lịch sử của Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ (CIA), ban biên tập của cơ quan cho giải mật hai tập tài liệu quan trọng về liên hệ CIA và Việt Nam. "Lần đầu tiên" trong nghĩa này là hai quyển sách trên thuộc loại (narra- tive history), có đầu đuôi, chú thích – và quan trọng hơn hết – tác giả là người thật, đọc nhiều tài liệu và viết lại có ngọn ngành cho độc giả. Đa số những tài liệu giải mật của CIA trước đây thuộc loại nặc danh vì lý do nghề nghiệp, hay là những tường trình do nhân viên báo cáo về để "kính tường." Gia đình họ Ngô CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954-1963(3) nói về những hoạt động bên trong để giúp đỡ chính phủ Ngô Đình Diệm, từ ngày ông Diệm về làm thủ tướng cho đến ngày tổng thống Diệm bị hạ sát trong cuộc cách mạng 1 tháng 11-1963. Qua tài liệu này, lần đầu tiên chúng ta biết được, từ năm 1950 cho đến năm 1956, CIA có hai Sở tình báo ở Sài Gòn: một Sở CIA Saigon Station nằm dưới sự điều khiển thông thường từ bản doanh CIA ở Langley, Virginia; Sở kia, có tên là Saigon Military Mission, làm việc trực tiếp, và chỉ trả lời cho Giám Đốc Trung Ương Tình Báo. Saigon Military Mission, theo Tài Liệu Ngũ Giác Đài (The Pentagon Papers) được giải mật trước đây, do đại tá Edward G. Lansdale chỉ huy. Lans- dale đến Sài Gòn tháng 6-1954 với hai nhiệm vụ: huấn luyện những toán tình báo Việt Nam để gài lại ở miền Bắc trước ngày "di cư và tập kết" hết hạn; và, dùng mọi phương tiện ngầm (covert action) để giúp

tailieumat/9658-Hai%20tài%20liệu%20mật%20của%20CIA%20về%20Các%20Tướng%20Lãnh%20VN%20và%20gia%20đình%20họ%20Ngô.html. 3. CIA và nhà Ngô: Những Điệp Vụ Mật ở Miền Nam, 1954-1963.

tân thủ tướng Ngô Đình Diệm. Nay, theo tác giả Thomas L. Aherns, chính Giám đốc CIA Allen Dulles chỉ định đại tá Lansdale cho điệp vụ ở Sài Gòn – và cũng ra lệnh Lansdale làm việc trực tiếp cho ông. Tác giả Ahern viết, CIA có mặt từ năm 1950 để giúp đỡ quân đội Pháp xâm nhập và thu thập tin tức tình báo. Nhưng từ cuối năm 1953, khi thấy tình hình quân sự nguy ngập của Pháp, Hoa Thịnh Đốn thay đổi nhiệm vụ của CIA Saigon Station: Liên lạc và thu thập tình báo những thành phần quốc gia để lập một chánh thể chống cộng trong trường hợp Hoa Kỳ thay thế Pháp. Cùng lúc Hoa Thịnh Đốn gởi thêm một toán CIA để lo về quân sự, Saigon Military Mission. CIA and the House of Ngo tiết lộ một số chi tiết ly kỳ như, CIA liên lạc và làm thân với ông Ngô Đình Nhu từ năm 1951, rất lâu trước khi Hoa Kỳ liên lạc với ông Diệm. Đầu năm 1954, khi có tin Hoa Kỳ chuẩn bị đề nghị quốc trưởng Bảo Đại và chánh phủ Pháp giải nhiệm hoàng thân Bửu Lộc và thay bằng ông Diệm, thì ông Nhu là người đầu tiên CIA gặp để bàn về liên hệ của Hoa Kỳ đối với thủ tướng tương lai Ngô Đình Diệm. Liên lạc Ngô Đình Nhu tháng

4-1954, một nữ nhân viên Mỹ làm việc ở CIA Saigon Station, thông thạo tiếng Pháp, quen biết và liên lạc thân thiện với Bà Ngô Đình Nhu. Từ nữ nhân viên Virginia Spence này, Sở CIA Saigon bắt được nhiều liên lạc với hầu hết những người thân trong gia đình, hoặc thân cận với Nhà Ngô. Tháng 4-1954, CIA ở Hoa Thịnh Đốn gửi Paul Harwood sang làm cố vấn riêng cho ông Nhu. Tuy là nhân viên CIA, nhưng Harwood đóng vai một nhân viên Bộ Ngoại Giao, làm việc từ Tòa Đại Sứ. Trong hai năm, Hardwood cố vấn và làm việc với ông Nhu để xâm nhập và ảnh hưởng đường lối ngoại giao quân sự của nền đệ nhất VNCH với tổng thống Diệm. Paul Hardwood thân thiện với gia đình ông bà Nhu đến độ ông ta là người đỡ đầu cho Ngô Đình Lệ Thủy, ái nữ của ông bà Nhu. Từ tài liệu này chúng ta cũng biết thêm, ông bà Nhu được đưa qua thăm viếng Mỹ trước tổng thống Diệm. Để lấy tình cảm và ảnh huởng với ông Nhu, đầu tháng 3-1957 ông bà Nhu được CIA mời qua thăm Hoa Thịnh Đốn. Tuy không có một chức vụ gì chánh thức với chính phủ nhưng ông Nhu được diện kiến tổng thống Dwight Eisenhower, hai Bộ Trưởng Ngoại Giao và Quốc Phòng, và Giám đốc CIA Allen Dullles. Tài liệu cho biết, với tài ăn nói và sắc diện, bà Nhu gây được nhiều chú ý với các thẩm quyền Mỹ.... “Bà Nhu là một ngôi sao trong

dạ tiệc” do CIA khoản đãi. Hai tháng sau chuyến thăm viếng âm thầm của ông bà Nhu, đầu tháng 5-1957, tổng thống Diệm lên đường công du theo lời mời của chánh phủ Hoa Kỳ. Trong cuộc tranh chấp – rồi sau đó là giao chiến – giữa chánh phủ Diệm và quân phiến loạn Bình Xuyên, CIA biết được hầu hết kế hoạch và khả năng của Bình Xuyên, nhờ một cận thần của Bảy Viễn đang làm việc cho CIA. Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, một đảng chính trị thành lập để hỗ trợ chính phủ Diệm, nhận tài chính và cố vấn từ CIA. Nhưng đến đầu năm 1960 thì CIA cắt ngân khoản vì cơ cấu nhân sự không còn hữu hiệu trong công tác tuyên truyền. CIA đã than phiền nhiều lần về những hoạt động của Đảng Cần Lao và hành vi của ông Ngô Đình Cẩn. Nhưng mỗi lần CIA than phiền với ông Nhu về những hoạt động bí mật – đôi khi trái phép – của ông Cẩn, thì ông Nhu “đưa hai tay lên trời” với một thái độ buông xuôi vì ông không thể nào làm gì được. Ở một tài liệu khác cho biết, khoảng giữa năm 1956, CIA nhận được nguồn tin cho biết ông Cẩn đang bàn kế hoạch để loại trừ Bộ Trưởng Thông Tin Trần Chánh Thành và Cố Vấn Ngô Đình Nhu ra khỏi vòng ảnh hưởng ở Dinh Tổng Thống. Qua nhiều trang, chúng ta đọc được sự bất lực của chính phủ Sài Gòn đối với “lãnh chúa” Ngô Đình Cẩn ở miền Trung. Với hai Sở CIA ở Sài Gòn hoạt động độc lập nhau, báo cáo gửi về cho CIA ở Hoa Thịnh Đốn đôi khi trái ngược: Cố vấn Paul Hard- wood thì báo cáo tốt, nhân nhượng cho ông Nhu và có ý chỉ trích ông Diệm; Edward Lansdale ngược lại: bảo vệ ông Diệm và nói xấu ông bà Nhu. Cuối năm 1956, sau khi Lansdale bị triệu hồi về Mỹ, Al Ul- mer, Trưởng Vụ Viễn Đông CIA, ra lệnh giải tán những gì còn lại của Saigon Military Mission – và thái độ của Hoa Kỳ cũng bắt đầu thay đổi với chính phủ Ngô Đình Diệm. Liên lạc đối lập Đầu năm 1958, Hoa Kỳ cho phép CIA Saigon bắt liên lạc với các đảng chính trị đối lập. Tài liệu nói nhân viên của CIA mua chuộc và thành lập một lực lượng đối lập “ngay sau lưng ông Nhu,” để trong trường hợp phải thay đổi cấp lãnh đạo mới. Cuộc đảo chánh 11 tháng 11-1960 [của binh chủng Nhảy Dù] là một “hăm dọa” của

Hoa Kỳ đối với tổng thống Diệm: Nhân viên CIA có mặt ở tại bộ chỉ huy của đại tá Nguyễn Chánh Thi và kế bên ông Hoàng Cơ Thụy để giới hạn bước tiến của quân đảo chính – điệp viên Russ Miller khuyên đại tá

TÀI LIỆU MẬT CỦA CIA VỀ NHÀ NGÔ • 113

Thi nên thương lượng với ông Diệm, trong khi biết rõ quân ủng hộ chính phủ của đại tá Trần Thiện Khiêm đang trên đường từ Vùng IV về thủ đô tiếp cứu. Khi thấy thái độ trở mặt của CIA, lưới tình báo của ông Nhu cũng không hoàn toàn thụ động: Phó Sở CIA Saigon, Douglas Blaufarb, ngỡ ngàng khi ông khám phá ra người tài xế Việt Nam của ông không bị điếc như lúc được giới thiệu vào làm việc (do Trần Kim Tuyến giới thiệu); người tài xế không điếc mà còn thông thạo hai ngoại ngữ Anh và Pháp! Tài liệu thú nhận vào năm sau cùng của Nhà Ngô, Hoa Kỳ có một phần lớn trách nhiệm trong kế hoạch hạ bệ tổng thống Diệm. Nhưng chính gia đình ông Diệm cũng hủy hoại, vì sự chia rẽ từ anh em trong nhà. Từ mùa xuân năm 1963 ông Nhu yêu cầu CIA đừng nói lại những gì ông và CIA trao đổi. Và qua nhiều lần nói chuyện với CIA, ông Nhu tuyên bố ông muốn thay tổng thống Diệm! Trong khi đó bà Nhu thì thường làm hùng làm hổ với tổng thống Diệm: trong cuộc bầu cử Hạ Viện năm 1963, bà Nhu muốn ủng hộ 30 ứng cử viên mà bà ta ưng ý. Ông Diệm không đồng ý, nhưng bà Nhu "cằn nhằn, to tiếng" cho đến khi tổng thống Diệm nhượng bộ. Bà Nhu cũng thắng thêm một lần nữa, khi đòi làm người chủ tọa và đọc diễn văn ngày Lễ Hai Bà Trưng – thay phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ như ông Diệm đã chỉ định. Riêng về ông Ngô Đình Cẩn: ông Cẩn từ chối không ủng hộ hay giúp ông Nhu về Chương Trình Ấp Chiến Lược ở miền Trung. Ngày Lễ Quốc Khánh Hoa Kỳ, 4 tháng 7-1963, lần đầu tiên tổng thống Diệm cho phép các tướng lĩnh VNCH tham dự tiệc ăn mừng do tòa đại sứ Mỹ tổ chức. Sau tiệc rượu ở khuôn viên tòa đại sứ Hoa Kỳ, một vài tướng lĩnh VNCH và nhân viên CIA kéo nhau ra quán để uống nữa. Tại quán rượu, tướng Trần Văn Đôn nói với nhân viên CIA là các tướng muốn đảo chính tổng thống Diệm. Thảm kịch của Nhà Ngô bắt đầu từ đó.

***

Phần Hai BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ MIỀN NAM VIỆT NAM

NHẬN XÉT VỀ HIẾN PHÁP ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA Nguyễn Văn Bông(1)

LUẬT HIẾN PHÁP VÀ CHÍNH TRỊ HỌC (Lý thuyết đại cương thế giới chính trị hiện đại) Năm thứ Nhất Cử nhân Luật khoa – 1966, Trang 327

MỤC II CHẾ-ĐỘ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM (1955 – 1963) Sau khi truất phế Bảo Đại và tập trung quyền lực trong tay, Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch loại trừ các đoàn thể độc lập và đồng thời tạo một tổ chức chính trị bán chánh thức mệnh danh là "Phong trào Cách Mạng Quốc Gia". Và ngày 4-3-1956 một cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc Hội Lập Hiến. Sau một thời gian thảo luận, dự án Hiến pháp được Quốc hội lập hiến chung quyết ngày 20-10-1956 và ngày 26-10-1956 Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa, đánh dấu một giai đoạn lịch sử chính trị Việt Nam. Chúng ta sẽ lần lượt phân-tích và nhận xét Hiến-pháp này.

1. Thạc sĩ Công Pháp, Giáo sư thực thụ Luật khoa Đại học Sài-gòn, Viện trưởng Học-Viện Quốc-gia Hành-chánh.

Đoạn 1: PHÂN-TÍCH HIẾN-PHÁP 26-10-1956 …. Đoạn 2: NHẬN-XÉT Hiến pháp 1956 - thoạt tiên – có thể xem là một bản văn qui định rõ rệt thẩm quyền các cơ quan quốc gia và đồng thời ấn định những mối tương quan thực tế hầu đáp ứng với nhu cầu của thời cuộc. Tuy nhiên nhìn kỹ lại những điều kiện cấu tạo bản Hiến pháp cùng một số điều khoản đặc biệt, chúng ta có thể quả quyết rằng chế độ qui định bởi Hiến pháp 1956 là một chế độ quyền uy, khung cảnh của một sự chớm nở độc tài cá nhân trong thực tế. A) Trước nhất người ta có thể tự hỏi vì lý do gì mà nhà Lập hiến ưng thuận cho "đương kim Tổng thống" (tức là Ngô đình Diệm) sẽ là Tổng thống đầu tiên theo Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa? Khi mà tổ chức được một cuộc trưng cầu dân ý và một cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội lập hiến thì người ta không hiểu vì sao lại không tổ-chức được một cuộc bầu cử Tổng thống chiếu theo Bản Hiến Pháp mới. Sự kiện này chứng tỏ sự thiếu tinh thần dân chủ của đương kim Tổng thống. B) Nhận xét thứ hai liên quan đến điều 98: "Trong nhiệm kỳ lập pháp đầu tiên (tức từ 1956 đến 1959) Tổng-thống có thể tạm đình chỉ sự sử dụng những quyền tự do đi lại và cư ngụ, tự do ngôn luận và báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do nghiệp-đoàn và đình công để thỏa mãn những đòi hỏi đích đáng của an toàn chung, trật tự công cộng và Quốc Phòng." Một câu như thế xóa bỏ hết Thiên thứ ba (từ điều 30 đến điều 47) của bản Hiến-pháp! Và chính vì những quyền rộng như vậy mà chế độ Ngô Đình Diệm có phương tiện loại trừ các đoàn thể quốc gia độc lập, phát động phong trào suy tôn mở đường cho một chế độ độc tài cá nhân. C) Nhận xét thứ ba liên quan đến chế độ Tổng thống. Một số bình luận gia, khi phê bình Hiến pháp 1956, kết luận rằng Hiến pháp này thiết lập Tổng thống chế theo kiểu Hoa Kỳ. Đây là một khuynh hướng tối quan trọng cần phải xét lại vì sự thất bại của chế độ Ngô Đình Diệm làm nhiều người tưởng rằng chế độ độc tài là hậu quả tất nhiên của chế độ Tổng thống. Thật ra Tổng thống chế Việt Nam năm 1956 không phải là Tổng thống chế Hoa Kỳ. Trong lúc Hiến pháp Hoa Kỳ cố giữ thế quân bình giữa các quyền được thiết lập, đặc điểm của hệ

thống tổ chức chính quyền theo Hiến pháp 1956 là ưu thế quá mức của Tổng thống. Và ưu thế này được thể hiện qua những quyền hành của Tổng thống và nhất là sự can thiệp tích cực của Hành pháp vào lãnh vực lập pháp. Thật vậy, ngay ở điều khoản thứ ba chúng ta nhìn thấy "Tổng thống lãnh đạo quốc gia". Tổng tthống bổ nhiệm và cách chức các sứ thần cùng công chức cao cấp không cần ý kiến của Quốc hội. Trái với nguyên tắc phân nhiệm mà điều 3 ghi rõ là "Nguyên tắc phân nhiệm giữa hành pháp và lập pháp phải rõ rệt". Hiến pháp 1956 dành cho Tổng thống quyền ký sắc luật giữa hai khóa họp Quốc hội, quyền ký sắc lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp, báo động hoặc giới nghiêm. Một sự tập trung quá mức quyền hành cùng sự thủ tiêu đối lập và sự hiện diện của một chính đảng duy nhất đã đưa chế độ Ngô Đình Diệm lần lần đi đến một chế độ quyền hành cá nhân áp dụng những phương tiện chuyên chế mà tiếng súng

ngày 1-11-1963 đã đưa vào dĩ vãng.

***

SỰ THIÊN VỊ THIÊN CHÚA GIÁO VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ(1) Vũ Văn Mẫu

Văn kiện pháp lý cơ bản trong một quốc gia là Hiến pháp. Hiến pháp qui định các quyền và nghĩa vụ của công dân, cũng như tổ chức bộ máy chính quyền trong nước, hiến pháp phải được tôn trọng triệt để. Luật pháp nào vi phạm vào hiến pháp sẽ bị coi là vi hiến và không có giá trị trên phương diện pháp lý. Lần lượt trong đoạn này, sẽ xét hai vấn đề: - Hiến pháp 1956 của nền Đệ nhất Cộng hòa có thiên vị Thiên Chúa giáo không? - Luật pháp thông thường của nền Đệ nhất Cộng hòa có ưu đãi Thiên Chúa giáo không? A. HIẾN PHÁP 1956 VÀ SỰ THIÊN VỊ THIÊN CHÚA GIÁO Hiến pháp 1956 do Quốc hội biểu quyết ngày 20/10/1956 được Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 26/10/1956, thành lập nền Đệ nhất Cộng hòa. Hiến pháp 26/10/1956 gồm 98 điều, chia làm 8 thiên. Thiên thứ hai qui định về "Quyền lợi và nhiệm vụ của người dân" theo tinh thần bản tuyên ngôn nhân quyền quốc tế của tổ chức Liên Hiệp Quốc. Điều 17 của Hiến pháp Việt Nam 1956 đã được giáo sư Bửu Hội chiếu dẫn trước tổ chức Liên Hiệp Quốc để chứng minh rằng tại Việt Nam ... không có sự kỳ thị tôn giáo. Điều 17 này qui định như sau: "Mọi người dân đều có tự do tín ngưỡng, tự do hành giáo và tự do truyền giáo, miễn là sử dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục." Hiến pháp 26/10/1956 như vậy đã minh thị công nhận nguyên tắc tự do tín ngưỡng và bình đẳng giữa các tôn giáo.

1. Trích từ "Sáu tháng Pháp nạn".

Tuy nhiên trong phần "Mở đầu" của Hiến pháp, đã có một đoạn phản chiếu của một sự thiên vị Thiên Chúa giáo khá rõ rệt như sau: "Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân quốc tế, dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để hoàn thành sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa và trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh nhân bản và phát triển con người toàn diện...." Trong đoạn văn trích dẫn này, phần mở đầu của Hiến pháp 1956 đã đề cập đến "sứ mạng trước Đấng Tạo Hóa" [chứ không phải trước dân tộc], tức là trước đức Chúa trời trong Thiên Chúa giáo, mà không đề cập tới các tôn giáo khác. Đoạn văn này đã đượm sắc thái thiên vị Thiên Chúa giáo. Vô tình hay cố ý, đoạn văn này đã tạo cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi đặc biệt tại Việt Nam vì Hiến pháp 1956 nói rõ là nhằm mục đích hoàn thành sứ mạng trước Chúa tức là Đấng Tạo hóa đã tạo dựng ra trời đất và vạn vật theo như Thánh kinh của Thiên Chúa giáo đã chép. Sự thiên vị này cũng không có gì lạ vì chính em Tổng thống Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Nhu, giữ chức "cố vấn chính trị" bên cạnh tổng thống cũng như là một dân biểu đắc cử tại quận Vạn Ninh, Ninh Hòa (tỉnh Khánh Hòa) với tư cách ứng cử viên của đảng Cần Lao. Vợ Ngô Đình Nhu là Trần Lệ Xuân cũng trúng cử dân biểu tại đơn vị 1 (các quận Gio Linh, Trung Lương, Cam Lộ và Hương Hóa - tỉnh Quảng Trị). Ngoài ra hầu hết các dân biểu khác đều là bộ hạ của gia đình họ Ngô. Do đó lời mở đầu của Hiến pháp năm 1956 đã phản ảnh một sự thiên vị đối với Thiên

Chúa giáo là điều không có gì lạ, nhất là sự thiên vị này chỉ được đề cập đến trên một bình diện lý thuyết, không có những hậu quả như Dụ số 10, biệt đãi Thiên Chúa giáo về phương diện thực tế. B. DỤ SỐ 10 VÀ SỰ ƯU ĐÃI THIÊN CHÚA GIÁO Trong nền luật pháp thông thường của nền Đệ nhất Cộng hòa, Dụ số 10 ngày 6 tháng 8 năm 1950 là bản văn pháp luật đã bị dư luận chỉ trích rất nhiều, vì đã minh thị dành cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi và đồng hóa các tôn giáo khác, trong đó có Phật giáo, vào các hiệp hội mà sự thành lập cũng như các sinh hoạt khác phải tuân theo một sự quy định chặt chẽ. Sự hủy bỏ Dụ số 10 này là một trong năm đòi hỏi của Phật giáo sau vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế.

Dụ số 10 này đã được Bảo Đại ban hành từ ngày 6/8/1950 để quy định thể lệ lập hiệp hội (Association). Tại sao sự quy định này đã được áp cho tất cả các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng? Tại sao Ngô Đình Diệm không sửa đổi sự quy định ấy? Các nét chính của của Dụ số 10: Điều thứ nhất của Dụ số 10 đã định nghĩa thế nào là một hiệp hội và đồng thời hoạch định phạm vi áp dụng của Dụ này: “Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích tế tự, tôn giáo, chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, tiêu khiển, thanh niên thể thao và đồng hiệp ái hữu. Muốn có hiệu lực thì hội nào cũng phải hợp với nguyên tắc chung của pháp luật và khế ước và nghĩa vụ.” Điều số 4 của Dụ số 10 bắt buộc các hiệp hội phải được các Tổng trưởng Bộ Nội vụ ký nghị định cho phép thành lập mới được hoạt động. Nếu hiệp hội chỉ được hoạt động trong phạm vi một phần Việt Nam, thì nghị định cho phép thành lập do Thủ hiến ký chiếu ủy nhiệm của Tổng trưởng Bộ Nội vụ. Theo điều thứ 6, người sáng lập hội phải làm đơn xin phép thành lập kê rõ: - Mục đích của hội - Tên hiệu của hội - Hạn điều ước - Thể lệ vào hội, ra hội và trục xuất khỏi hội - Nghĩa vụ và quyền lợi các hội viên. - Tài sản của hội. - Thể lệ về động sản và bất động sản của hội. - Họ và tên tuổi của người sáng lập. - Thể lệ về việc cử và bãi của những người quản trị và những quyền hạn của người ấy. - Nguyên cớ giải tán hội. - Thể lệ thanh toán va quy dụng tài sản hội. Điều thứ 8 quy định rằng hạn trong một tháng kể từ ngày được phép thành lập, nhân viên trong ban trị sự của hội phải đăng trong công báo Việt Nam hay trong Hành pháp Tập san tại các phần Việt

Nam, một bản báo cáo nói rõ ngày được phép thành lập hội, nghị định do chức vụ nào ký, danh hiệu mục đích của hội và sở. Điều thứ 10 dự liệu rằng nếu có việc gì thay đổi trong việc trị sự của hội thì hạn trong 1 tháng phải trình cho Tỉnh trưởng, Thị trưởng, Quận trưởng Sài Gòn – Chợ Lớn để trình cho Thủ hiến và Tổng trưởng Bộ Nội vụ biết. Những tờ khai ấy phải nói rõ: - Những sự thay đổi trong nhân viên ban trị sự hay Giám đốc. - Những doanh sở và chi nhánh mới thành lập. - Những sự thay đổi về địa chỉ của hội sở. - Những việc mua bán bất động sản và đính theo một tờ trình phác tả và kê giá mua, giá bán các bất động sản ấy. Các sự thay đổi trong việc trị sự và điều lệ của hiệp hội phải biên rõ trong một cuốn sổ để tại trụ sở của hội và phải biên rõ ngày khai và

ngày duyệt y các sự thay đổi ấy. Điều thứ 13 còn đặt ra một điều kiện khó khăn hơn: Các hiệp hội mỗi năm, trong tuần lễ sau khi hội họp đại hội thường niên, phải theo hệ thống cai trị, gởi cho Thủ hiến sở tại để chuyển lên Tổng trưởng Bộ Nội vụ hai bản danh sách các hội viên, và hai bản kê tình hình tài chánh và tư rõ các căn nguyện cùng việc sử dụng tiền tài của hội. Điều thứ 14 liên hệ đến các nguồn lợi tức và tài chánh của các hiệp hội: "Không hội nào có quyền trợ cấp của chính phủ, của các địa phương, quỹ hàng tỉnh và quỹ hàng xã, trừ những hội khoa học, mỹ nghệ, tiêu khiển, từ thiện, thanh niên và thể thao." Các hội đều có quyền thu và sử dụng tiền góp của hội viên và quyền thưa kiện tại tòa án. Ngoài ra các hội chỉ có quyền chiếm hữu, tạo mãi, quản trị, đứng làm sở hữu chủ những bất động sản thật cần thiết để đạt mục đích của hội. Những người có liên quan và công tố viên có quyền xin tòa án hủy bỏ những việc tạo mãi bất động sản trái với điều này. Bất động sản ấy sẽ đem bán đấu giá và được bao nhiêu tiền sẽ sung vào quỹ hội. Theo điều thứ 20, điều lệ của hội định rõ nghĩa vụ cùng quyền lợi của các hội viên. Người nào vào hội thì bắt buộc phải tuân theo điều lệ của hội. Các điều 25, 26 và 27 qui định về Đại hội đồng của hội: Đại hội

đồng có quyền tuyệt đối trong hội. Đại hội đồng do những người thay mặt hội đứng chiêu tập. Sự chiêu tập cứ như điều lệ hoặc khi có một phần tư trong số hội viên thỉnh cầu mà làm. (Đ. 25). Đại hội đồng sẽ định đoạt về việc nhận hội viên vào hay trục xuất hội viên khỏi hội, cử các người thay mặt hội, kiểm soát việc làm của họ và có thể bãi nhiệm vụ của họ, nếu có duyên cớ chính đáng Đại hội đồng xét xử mọi việc không thuộc về các cơ quan khác của hội. (Đ.26) Hội viên nào cũng có quyền bỏ phiếu như nhau trong kỳ Đại hội đồng. Các điều 30, 31, 32 và 33 qui định chặt chẽ các hoạt động của hiệp hội và dự liệu các sự chế tài. Sau khi hội đã được phép thành lập, ban trị sự phải trình chiếu nhà đương chức sở tại và Tổng trưởng bộ Nội vụ hay Thủ hiến, theo hệ thống cai trị, bản nội qui của hội và nếu sau này có điều gì sửa đổi cùng phải trình chiếu những sự sửa đổi ấy. (Đ.30) Các hội đã được phép thành lập phải hoạt động theo đúng mục đích của hội đã tư trong điều lệ. Khi nào xét ra một hội đã quả thị trực tiếp hay gián tiếp theo những mục đích khác với mục đích trong điều lệ thì hội sẽ bị giải tán và các hội viên, nhân viên ban trị sự có thể bị truy tố tại tòa án. (Đ.31) Những hội không đươc phép thành lập thì coi như không có và tất cả những hoạt động của hội đều coi như vô hiệu lực và hội sở của hội ấy thuộc quản hạt tòa án tỉnh ấy có quyền giải tán. Người nào cũng có quyền trình tòa án để xin giải tán các hội không được phép thành lập. (Đ.32) Điều 33 dự liệu trong những hình phạt đối với những hội viên sáng lập, những hội viên giám đốc và quản trị không được phép thành lập hay đã được phép thành lập nhưng sau lại bị giải tán, mà vẫn cứ hoạt động hay lại tự tiện tự lập trái phép, hay đã hoạt động ra ngoài mục đích định trong điều lệ hội để đạt mục đích trái phép hay trái phong tục.... Trong những phong tục kể trên, hình phạt sẽ là phạt bạc 50 đồng đến 5.000 đồng và phạt giam từ 6 ngày cho đến 6 tháng. Đối với hội viên thường, hình phạt từ 50 đồng tới 200 đồng và phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng hoặc một trong hai thứ hình phạt này. Những người dung túng cho họp các hội không được phép thành

lập hay bị giải tán cũng có thể bị phạt như trên. Tòa án khi truy tố sẽ giải tán hội. Điều 43 dự định rằng các nghiệp đoàn phải tuân theo sự quy định của Dụ số 10. Các nghiệp đoàn đã thành lập rồi phải tạm ngưng hoạt động và trong thời hạn một tháng sẽ phải hợp thức hóa theo Dụ số 10. Điều 44 quan trọng nhất vì người ta đã căn cứ vào điều này để áp dụng Dụ số 10 cho Phật giáo. Điều 44 quy định: "Chế độ đặc biệt cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và Gia Tô và các Hoa kiều lý sự Hội sẽ ấn định sau." Vì điều 44 chỉ đề cập tới chế độ riêng biệt cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và các Lý sự Hội Hoa kiều nên Chính phủ Ngô Đình Diệm đã cho rằng Phật giáo – vì không nằm trong các trừ lệ kể trên - cũng bị Dụ số 10 chi phối. Nói khác, mặc dầu Dụ số 10 do Bảo Đại ban hành từ tháng 8/1950, gần 4 năm trước khi Ngô Đình Diệm về chấp chánh, nhưng chính phủ Ngô Đình Diệm vẫn đem Dụ ấy ra áp dụng cho các Hội Phật giáo, không thay đổi, coi Giáo hội cũng như các Hiệp hội thể thao hay từ thiện. Trong khi đó các hội Truyền giáo Gia Tô được biệt đãi vì điều 44 của Dụ số 10 đã dự liệu quy chế các Hội này sẽ được dự liệu sau. Phạm vi áp dụng Dụ số 10 Tại sao lại đem áp dụng Dụ số 10 về các Hiệp hội cho Giáo hội Phật giáo? Dụ số 10 đã minh bạch nêu rõ ngay trong nhan đề là "Dụ quy định thể lệ lập hội" Mặc dù trong điều thứ nhất, Dụ số 10 có định nghĩa minh bạch: "Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là chia lợi tức, như mục đích thuộc về tế tư, tôn giáo... ta không thể nào coi các tổ chức Phật giáo như Tổng hội Phật giáo Việt Nam là một hiệp hội thông thường giống như các hiệp hội khuyến khích văn hóa hay thể thao và bắt buộc tuân theo Dụ số 10. Ngay đối với các nghiệp đoàn, nhà làm luật 1950 cũng thấy cần phải minh thị ghi rõ trong điều 43 là các nghiệp đoàn cũng do Dụ số 10 chi phối. Đối với các hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và các Lý Sự hội Hoa kiều (tức là các Bang Hoa kiều), nhà làm luật 1950 cũng ghi rõ sẽ qui định một chế độ riêng.

Đối với Phật giáo sở dĩ nhà làm luật 1950 không ghi rõ là do Dụ số 10 và chi phối, và cũng không bắt buộc hợp thức hóa như các nghiệp đoàn, vì sự thật đã quá hiển nhiên: Tự ngàn xưa các tổ chức Phật giáo không bao giờ là một hội. Dân chúng đến chùa đi lễ Phật, để nguyện cầu thoát khỏi bể khổ trần gian và vòng sinh hóa. Không một Phật tử nào có một ý nghĩ vào hội hay lập hội theo ý nghĩ thông thường phàm tục. Đứng trên phương diện thuần túy pháp lý, phải có yếu tố chính yếu là ý muốn lập hội (Animus societatis hay affectio societatis) của các đương sự mới có thể nói đến hội. Thiếu yếu tố ấy như trong cộng đồng Phật tử, không thể nào nói đến hội hay hiệp hội. Chính trong điều thứ nhất Dự số 10 đã định nghĩa minh bạch "Hội là Hiệp ước hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi một mục đích...". Ở đây trong các giáo hội hay các tổ chức trong Phật giáo, thiếu hẳn sự thỏa thuận lập hội trong tâm trí của các Phật tử, thì làm sao gọi được là hội để áp dụng Dụ số 10? Bắt buộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải tuân theo Dụ số 10 như một hội khuyến khích thể thao hay một hội văn hóa là một hành động ngu dốt của chính

quyền. Sở dĩ chúng tôi đã phân rõ nội dung những điều chính yếu của Dụ số 10, chính là để chứng minh rằng sự quy định ấy không thể nào áp dụng cho Giáo hội Phật giáo. Chúng tôi chỉ cần nêu một điểm hiển nhiên: Theo điều 13: "Các hội mỗi năm, trong tuần lễ sau khi họp đại hội đồng thường xuyên, phải theo hệ thống cai trị, gởi cho Thủ hiến sở tại để chuyển lên Tổng trưởng Bộ Nội Vụ hai bản danh sách các hội viên và hai bản kê khai tình hình tài chánh và tự rõ các căn nguyên cùng việc sử dụng các tiền tài của hội." Ai cũng rõ là các Phật tử gồm hơn 80% dân số. Nếu coi các Phật tử là hội viên của giáo hội và hàng năm phải gửi các danh sách lên Bộ Nội vụ, thật là một điều phiền nhiều vô lý! Tuy nhiên, chính phủ Ngô Đình Diệm vẫn công nhiên coi phạm vi áp dụng Dụ số 10 bao gồm cả giáo hội Phật giáo. Khi phái đoàn điều tra của tổ chức Liên Hiệp quốc được phái sang Việt Nam vào tháng 10 năm 1963, ông Bùi Văn Lượng, Bộ trưởng bộ Nội vụ, đã phải biện luận một cách gượng gạo như sau về sự áp dụng Dụ số 10 cho Phật giáo: "Chúng tôi luôn luôn có một thái độ vô cùng cởi mở đối với những vấn đề tôn giáo và nhất là đối với Phật giáo. Nhiều điều khoản trong

Dụ, như sự bắt buộc phải khai báo với bộ Nội vụ danh sách những hội viên của chùa, của một ủy ban hay của một hội Phật giáo thường được làm ngơ, nhất là tại các tỉnh. Cho đến 1960, thái độ dễ dãi ấy trở thành thông dụng, và khi tôi được bổ nhiệm giữ chức Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, thái độ ấy vẫn còn tiếp tục, và tôi không bắt thi hành một cuộc kiểm tra nào hết. Nhưng năm 1963, tôi tra cứu các sổ bộ và thấy sự hiện diện của một số chùa chiền và Phật giáo đồ, tôi mới nhận ra rằng thật quả chúng tôi không thi hành Dụ số 10! Những sổ bộ ghi chép bỏ dở dang, chứng tỏ rằng chúng tôi đã áp dụng Dụ số 10 một cách tự do và mềm dẻo. Những ngôi chùa và những hội Phật giáo được thành lập mà không khai báo. Điều ấy có thể chấp nhận ở thôn quê nhưng ngay ở các đô thị và bộ Nội vụ cũng không có giấy tờ khai báo cả. Từ 1954 đến tháng 1/1963, chúng tôi không nhận được một đơn từ khiếu nại hay yêu cầu sửa đổi Dụ số 10 nào cả. Tôi cần phải minh xác hai điểm sau đây. Chỉ vào tháng 5 năm nay (1963), trong khi vụ Phật giáo bùng nổ, tôi mới tra cứu sổ bộ để xem tổng số chùa chiền. Lúc ấy tôi mới nhận thấy rằng các sổ bộ không được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và có nhiều chùa và hội không được nhập bộ ngay ở các tỉnh...." Như vậy chính Bộ trưởng bộ Nội vụ cũng xác nhận rằng trước năm 1963, trong thực tế, Dụ số 10 không áp dụng cho các chùa chiền và Phật giáo. Danh sách hội viên không được kê khai đầy đủ và bộ Nội Vụ cũng bỏ ngơ không bắt buộc phải gửi các danh sách đến chính quyền. Sự thực như đã nêu rõ trên đây, đem áp dụng Dụ số 10 cho Phật giáo là một việc làm trái với mục đích và sự quy định của nhà làm luật 1950. Hơn nữa nếu quả Dụ số 10 có một phạm vi áp dụng dẫn đến sự đối đãi các tôn giáo một cách bất bình đẳng, thì Dụ số 10 vi hiến, trái với điều 17 của Hiến pháp 1956 dự liệu sự tự do tín ngưỡng mà chúng ta đã phân tách. Thiếu tướng Trần Tử Oai, đại diện của chính phủ Ngô Đình Diệm, thuyết trình về vấn đề Phật giáo trước phái đoàn Liên Hiệp Quốc, cũng đã đề cập đến Dụ số 10 và một quan điểm tương tự như Bộ trưởng Bộ Nội vụ: ...."Trong thực tế, chính phủ không áp dụng triệt để Dụ số 10.": "Đối với những hội thuần túy Phật giáo, chính phủ cũng rất khoan hồng, bằng chứng là hàng trăm ngôi chùa được dựng lên mà không cho chính quyền

biết chúng thuộc hội nào, cũng không trình điều lệ lập hội hay khai báo gì cả. Những ngôi chùa ấy, mà sự thống nhất chỉ nằm trong danh từ Phật đà và cái y của nhà sư, thường thường không có một giây liên hệ gì

với nhau hết. Hiện nay có nhiều chùa và nhiều giáo phái Phật giáo hoàn toàn khác nhau về phương diện thờ cúng và không thống thuộc gì với Tổng hội Phật giáo Việt Nam cả. Trong thực tế, từ khi ban hành Dụ số 10, chính phủ chỉ áp dụng những điều khoản trong văn kiện ấy đối với những hội tôn giáo mà những hoạt động có những tính cách hoạt động xã hội như hoạt động của Phật giáo xã hội chẳng hạn. Chính phủ chưa bao giờ dùng dụ ấy để nhằm mục đích kỳ thị tôn giáo nào hết. Cũng nên ghi nhớ rằng từ năm 1950, nghĩa là từ 13 năm nay, không có một hội tôn giáo nào, Phật giáo hay Thiên Chúa giáo, gợi lên vấn đề liên quan đến căn bản của Dụ số 10 nói trên. Mặc dù thế để đáp lại nguyện vọng của phái đoàn Phật giáo, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã chỉ thị cho ông Bộ trưởng Nội vụ tiếp xúc với cơ quan Lập pháp để nghiên cứu những sửa đổi cho Dụ số 10, và Quốc hội đã thành lập một ủy ban đặc biệt có nhiệm vụ xem xét toàn diện vấn đề liên quan đến các hội truyền giáo. Bản thuyết trình của Thiếu tướng Trần Tử Oai được thảo bằng Pháp văn và đã được trao tay cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc" Về vấn đề sửa đổi Dụ số 10, Tổng trưởng Bộ Nội vụ đã cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc biết: "Từ 1956 đến 1959, chúng tôi đã trải qua hai Quốc hội Lập pháp, và trước khi vụ Phật giáo bùng nổ, chính phủ không được Quốc hội chuyển một dự án nào về sự sửa đổi Dụ số 10. Cái nguồn xuất phát thứ hai của những sửa đổi là chính phủ. Muốn đề cập đến sự sửa đổi một đạo dụ hay không, phải chú ý đến hai điểm. Thứ nhất phải xem xét sự sửa đổi có cần thiết không, thứ hai phải có đơn thỉnh nguyện của dân chúng. Về điểm thứ nhất cho đến khi vụ Phật giáo bùng nổ trong tháng năm 1963, chúng tôi nhận thấy không cần thiết phải sửa đổi dụ ấy vì mặc dù có những điều khoản rất nghiệt ngã và sự dự trù kiểm soát rất chặt chẽ của nó đối với các hiệp hội, chính phủ chưa bao giờ áp dụng một cách ngiêm khắc..." Sự thực, việc áp dụng Dụ số 10 cho Phật giáo, dù là một sự áp dụng lỏng lẻo, cũng là một sai lầm vì Phật giáo cũng là một tôn giáo, không phải là một hiệp hội. Sở dĩ Dụ số 10 được đem thi hành cho Phật giáo chỉ vì chính phủ muốn kiểm soát Phật giáo. Không những trên phương diện hiến pháp và pháp luật, chính phủ Ngô Đình Diệm đã ưu đãi Thiên Chúa giáo, thái độ này còn được phản ảnh trong nhiều hành động khác.

LẠI DỤ SỐ 10 Trần Gia Phụng

Trong bài "LHQ và vụ khủng hoảng Phật giáo 1963 (VI)", đăng trên DCVOnline.net ngày 26-10-2010, ông Nguyễn Văn Lục, có đoạn đề cập đến bài viết của tôi nhan đề là "Lý do cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963" đăng trên các báo vào tháng 11-2009, chứ không phải trong sách Việt sử đại cương tập 6 như ông Nguyễn Văn Lục viết, đơn giản chỉ vì sách này chưa xuất bản. Sau khi trích dẫn ba người viết khác nhau, trong đó có một đoạn trong bài viết của tôi, ông Nguyễn Văn Lục viết: "Cả ba đoạn trả lời trích dẫn trên đều có chung đặc điểm là mơ hồ, có chỗ lạc đề, có chỗ như xuyên tạc như nhận xét của ông Trần Gia Phụng. Trong một đoạn văn ngắn ở trên, ông Trần Gia Phụng đã mắc nhiều

sai lầm và xuyên tạc vô bằng. Ông cho người ta có cảm tưởng ông chưa hề đọc bản văn về Dụ số 10.” Tôi không dám nói là ông Lục chưa đọc Dụ số 10, nhưng riêng phần tôi, tôi xin gởi tặng ông Lục nguyên bản photocopy chương thứ nhất Dụ số 10 đăng trên Công báo Việt Nam ngày 19-8-1950, nhằm trả lời cảm tưởng của ông Lục rằng tôi “chưa hề đọc bản văn về Dụ số 10” để dư luận rộng rãi theo dõi. Xin ông Nguyễn Văn Lục vui lòng đừng chủ quan phán đoán. Trở lại Dụ số 10. Dụ số 10 ngày 6-8-1950 gồm 45 điều. Chương thứ nhất (nguyên tắc), điều thứ nhất ghi rằng: “Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích thuộc về tế tự, tôn giáo, chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, tiêu khiển, thanh niên, thể thao và đồng nghiệp ái hữu. Muốn có hiệu lực thì hội nào cũng phải hợp với nguyên tắc chung của pháp luật về khế ước và nghĩa vụ.”

Sau điều thứ nhất, Dụ số 10 triển khai chi tiết điều kiện, mục đích, điều lệ, quy chế tổ chức hiệp hội,... Đến chương thứ năm, điều thứ 44, ghi rằng, “Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô và các Hoa kiều lý sự hội sẽ ấn định sau.” Như thế, theo Dụ số 10, các hội truyền giáo các tôn giáo như Phật giáo, Cao Đài giáo, Phật giáo Hòa Hảo đều nằm ngang hàng với các hội “chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, tiêu khiển, thanh niên, thể thao và đồng nghiệp ái hữu”, trong khi theo điều thứ 44 của Dụ này, các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô và các Hoa kiều lý sự hội sẽ được ấn định sau. “Sẽ ấn định sau”, theo ông Nguyễn Văn Lục “có nghĩa là 13 năm sau vẫn chưa ấn định, có nghĩa Hội truyền giáo Ki tô và Hội Hoa Kiều Lý sự vẫn chưa có được quy chế đặc biệt. Vậy thì căn cứ vào đâu để nói rằng hội truyền giáo ki tô giáo được hưởng quy chế ưu đãi dựa trên pháp quy?”

Ông Lục nói đúng là cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ ngày 1-11-1963, vẫn chưa có quy chế cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô. Tuy nhiên, chẳng cần căn cứ vào đâu, người ta cũng hiểu rằng các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô không nằm trong các điều khoản do Dụ số 10 quy định thì không bị ràng buộc bởi Dụ số 10, và hoàn toàn tự do hoạt động mà không bị hạn chế bởi bất cứ quy định nào, đứng biệt lập ngoài vòng cương tỏa của luật pháp. Như thế Dụ số 10 có phân biệt đối xử giữa các tôn giáo hay không? Xin để cho người đọc trả lời. Ở một đoạn sau, ông Nguyễn Văn Lục còn viết tiếp: “Có hai điều đặc biệt là Bảo Đại đã ký Dụ số 10 tại Vichy, bên Pháp. Đến 19 tháng 11, năm 1952, có sửa đổi một hai điều lệ liên quan đến Bộ thể thao và thanh niên với chữ ký của Vũ Hồng Khanh, bộ trưởng thanh niên và thể thao cùng với chữ ký của bộ trưởng Ngô Thúc Định và chữ ký của Bảo Đại năm 1952. Lần này Bảo Đại ký ở Sài Gòn. Đến ngày 3 tháng tư, 1954 một lần nữa lại có sự sửa đổi và lần này có chữ ký của thủ tướng Bửu Lộc và vua Bảo Đại tại Đà Lạt.” Đúng là Dụ số 24 ngày 19-11-1952 sửa đổi Dụ số 10 liên hệ đến quy chế các hiệp hội thanh niên và thể thao, nhưng Dụ số 6 ngày 3-4- 1954 bổ túc Dụ số 10 mới đáng quan tâm, theo đó điều thứ nhất của Dụ này ghi rằng: Điều thứ 11 của Dụ số 10 ngày mồng 6 tháng tám dương lịch

năm 1950 ấn định quy chế các hiệp hội được bổ túc như sau đây: “Các giới thẩm quyền đã ban phép thành lập cho một hiệp hội có thể ra lệnh khai trừ một hay nhiều nhân viên trong ban quản trị hiệp hội ấy mà không cần phải cho biết vì lẽ gì. Hiệp hội nào bất tuân lệnh ấy phải bị giải tán do quyết định của giới thẩm quyền vừa kể ở khoản trên.” Như thế, tu sĩ các hội Phật giáo, Cao Đài giáo, Phật giáo Hòa Hảo nằm trong quy chế này, có thể bị chính quyền khai trừ mà không cần cho biết lý do, trong khi tu sĩ các hội Truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô không nằm trong quy chế Dụ số 10, thảnh thơi hoạt động và đương nhiên không khi nào bị chính quyền có thể khai trừ gì cả. Như vậy, Dụ số 10 và Dụ số 24 bổ túc cho Dụ số 10, có phân biệt đối xử giữa các tôn giáo hay không? Cũng xin để cho người đọc trả lời. Dụ số 10 được ban hành ngày 6-8-1950 và Dụ số 6 được ban hành ngày 3-4-1954 dưới chế độ Quốc Gia Việt Nam, do Bảo Đại làm quốc trưởng. Qua thời chính phủ Ngô Đình Diệm, từ năm 1954 đến năm

1963, các dụ này không bị bãi bỏ, tiêu hủy. Điều đó có nghĩa là các dụ này đương nhiên vẫn còn giá trị pháp lý. Vì vẫn còn giá trị pháp lý nên Dụ số 10 và Dụ số 6 vẫn ràng buộc các tổ chức Phật giáo, Cao Đài giáo và Phật giáo Hòa Hảo theo các quy định trong hai dụ này. Sau biến cố ngày 8-5-1963 tại Huế và nhất là sau khi Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 11-6-1963 tại Sài Gòn, mới diễn ra cuộc họp từ 14 đến 16-6-1963 giữa Uỷ ban Liên bộ của chính phủ Ngô Đình Diệm và Uỷ ban Liên phái Phật giáo. Cuộc họp này đi đến bản thông cáo chung được tổng thống Diệm duyệt ký và công bố ngày 16-6-1963. Thông cáo chung gồm có 4 mục lớn là: 1) Quốc kỳ - đạo kỳ. 2) Dụ số 10. 3) Vấn đề bắt bớ và giam giữ Phật giáo đồ. 4) Tự do truyền giáo và hành đạo. Mục 2 của bản Thông cáo chung, liên hệ đến Dụ số 10, nguyên văn như sau: “Tách Hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Dụ số 10 và lập một quy chế hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những Hiệp hội tôn giáo ấy. Quy chế đó sẽ là một đạo luật do Quốc hội soạn thảo với sự tham khảo trực tiếp ý kiến của tôn giáo liên hệ. Quốc hội sẽ biểu quyết đạo luật này, chậm là cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964. Trong khi chờ đợi ban hành đạo luật mới, Uỷ ban Liên bộ đồng ý sẽ có những chỉ thị cần thiết để Dụ số 10 không áp dụng quá khắt khe đối với các Hội Phật giáo, Phật học. Phái đoàn Phật giáo cam kết chỉ thị cho các tăng ni chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp Quốc gia và thi hành mọi biện pháp kỷ luật nội bộ đối với những hành động lệch lạc.”(1) Nếu Uỷ ban Liên bộ chính phủ Ngô Đình Diệm không nhận thấy sự bất công của Dụ số 10, sao Uỷ ban Liên bộ lại chịu: “Tách Hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Dụ số 10 và lập một quy chế hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những Hiệp hội tôn giáo ấy. Quy chế đó sẽ là một đạo luật do Quốc hội soạn thảo với sự tham khảo trực tiếp ý kiến của tôn giáo liên hệ. Quốc hội sẽ biểu quyết đạo luật này, chậm là cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964. Trong khi chờ đợi ban hành đạo luật mới, Uỷ ban Liên bộ đồng ý sẽ có những chỉ thị cần thiết để Dụ số 10 không áp dụng quá khắt khe đối với các Hội Phật giáo, Phật học.” Cần chú ý thêm là thông cáo chung này đã được chính tổng thống Ngô Đình Diệm duyệt ký, nghĩa là tổng thống Diệm

1. Minh Không Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng pháp nạn 1963, Paris: Giao Điểm, 2003, tr. 282.) (Cuốn sách này cũng có đăng nguyên văn Dụ số 10.)

cũng chấp nhận rằng Dụ số 10 không còn thích hợp và cần được sửa đổi. Những người trong cuộc đã nhận ra sự bất công của Dụ số 10 và chịu sửa đổi Dụ số 10, mà ông Nguyễn Văn Lục cứ nhất định cho là chuyện đó không có. Thật là 'bảo hoàng hơn vua'. Ông Nguyễn Văn Lục còn đi xa hơn khi ông viết: "Đồng hóa hội truyền giáo Thừa sai Ba Lê và giáo hội Việt Nam là một điều thiếu lẽ phải và ác ý. Và nếu có ai lưu tâm một chút là kể từ năm 1951 (chưa có Hội đồng giám mục VN) thì đã có một Thư chung, ký tên rõ ràng như sau: Hàng giáo phẩm công giáo Việt Nam. Việt Nam lấy lại quyền tự chủ và khai sinh nền đệ nhất cộng hòa, điều ấy một cách thầm lặng và tự nhiên đưa tới sự thay thế các thừa sai ngoại quốc trong vai trò lãnh đạo. Và vì thế, cũng sau 1954 thì các vị thừa sai Ba Lê tự rút lui và nhường chỗ cho hàng giáo phẩmViệt Nam cai quản các giáo phận, liên lạc trực tiếp với khâm sứ hay với Vatican…" Sau đó, không hiểu vì lý do gì, ông Nguyễn Văn Lục viết tiếp trong bài của ông một cách chủ quan rằng: "Đấy là cái ẩn ý gán ghép của ông Trần Gia Phụng. Đồng hóa tất cả các Hội Truyền giáo Ki tô giáo đồng thời nói được hưởng quy chế đặc biệt mà thực sự không có một văn bản pháp lý nào chứng tỏ có hưởng quy chế đặc biệt." Thưa ông Nguyễn Văn Lục, ai đồng hóa Hội Thừa Sai Ba Lê và Giáo hội Việt Nam thì tôi không cần biết, nhưng trong bài viết của tôi, tôi chỉ trình bày sự bất công của Dụ số 10 và tình hình giữa Phật giáo và chính phủ Ngô Đình Diệm, chứ tôi hoàn toàn không đả động gì đến Ky-tô giáo La Mã. Tôi đã tách bạch rõ ràng vấn đề tôn giáo trong phần "Sơ kết cuối tập 3", tt. 415-442, sách Việt sử đại cương tập 3 xuất bản năm 2007. Vì vậy, tôi thấy không cần thiết trả lời ông Nguyễn Văn Lục về việc này, dầu cách viết của ông Nguyễn Văn Lục chẳng những đầy "ẩn ý gán ghép", mà còn đầy ác ý gán ghép. Tôi chỉ trả lời những vấn đề trong bài viết của ông Nguyễn Văn Lục liên hệ đến tôi. Còn những vấn đề khác thì xin để dư luận chung phê phán. Dầu sao, tôi cũng xin cảm ơn ông Nguyễn Văn Lục đã chú ý đến bài viết của tôi và quảng cáo sớm sách Việt sử đại cương tập 6 của tôi sẽ xuất bản trong năm tới.

***

TỔNG GIÁM MỤC NGÔ ĐÌNH THỤC: NHIỀU THAM VỌNG NHIỀU CAY ĐẮNG Văn Thư

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục Người nuôi tham vọng Công giáo hóa toàn bộ Việt Nam thông qua con đường theo Mỹ chống Cộng của Vatican

Theo lời nhận xét của ông Quách Tòng Đức, từng làm Đổng lý Văn phòng cho Ngô Đình Diệm khi ông này ngồi trên ghế Tổng thống của cái gọi là nền Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam, trong gia đình họ Ngô theo Công giáo thời ấy có hai người đã gây nên nhiều tiếng xấu nhất trong dư luận là Trần Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu, và Tổng Giám mục Ngô Đình Thục. Là một người khoác áo nhà tu nhưng Ngô Đình Thục đã có không ít những hành động sai quấy cả trên phương diện đạo đức lẫn chính trị, khiến cho chế độ gia đình trị của hai người em Ngô Đình Diệm - Ngô Đình Nhu rốt cuộc đã bị xóa sổ mau chóng sau chưa đầy một thập niên làm mưa làm gió trên chính trường Sài Gòn. Trong

số con cái của trọng thần triều Nguyễn là Ngô Đình Khả, người con trai thứ hai Ngô Đình Thục chọn riêng một lối đi tôn giáo nhưng không phải vì thế mà không lấm bụi thế sự. Đặc biệt từ sau năm 1945, khi người anh cả Ngô Đình Khôi, một viên quan rất có máu mặt

và khét tiếng gian ác của chế độ Nam Triều bị nhân dân trừng trị và phải chết bất đắc kỳ tử, Ngô Đình Thục đã nhận lấy "quyền huynh thế phụ" và vì thế, càng có những ảnh hưởng quyết định đến những xoay vần thế cuộc của dòng họ Ngô Đình. Nhiều nguồn tư liệu đã chứng minh vai trò không thể gì thay thế được của Ngô Đình Thục trong những móc nối với các thế lực ngoại quốc để đưa người em trai của ông ta là Ngô Đình Diệm lên ngôi vị hàng đầu của chính trường Sài Gòn những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ trước. Tổng Giám mục Ngô Đình Thục có tên thánh là Pièrre Martin, sinh ngày 6-10-1897 tại Phủ Cam, Huế. Thuở thiếu thời, Ngô Đình Thục đã được gia đình cho theo học tại trường tư thục Pellerin ở Huế. Năm 12 tuổi (1909), Ngô Đình Thục đã vào học ở Tiểu Chủng viện An Ninh (Quảng Trị) rồi tới tháng 9/1917, vào học ở Đại Chủng viện Phú Xuân thuộc Giáo phận Huế. Có lẽ ngay từ khi đó giới giáo chức cao cấp ở Huế cũng như gia đình họ Ngô đã nhận ra thiên hướng có thể ăn nên làm ra trên con đường tu hành của Ngô Đình Thục nên Chánh xứ Phủ Cam khi đó là Eugène Ma- rie Joseph Allys (thường gọi là Cố Lý, 1852-1936) tháng 11/1919 đã gửi cậu giáo sinh họ Ngô đi du học Trường Truyền giáo Rome. "Con ông cháu cha" nên Ngô Đình Thục ngay ở Rome cũng rất được chăm bẵm. Cuối năm 1922, Thượng thư Nguyễn Hữu Bài, bạn đồng liêu của Ngô Đình Khả, cũng là một người Công giáo, sau khi tháp tùng vua Khải Định du ngoạn sang Pháp "như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ" (chữ dùng của Nguyễn Ái Quốc) đã đến thành Rome. Sẵn quan hệ cũ, Nguyễn Hữu Bài đã mang theo cậu giáo sinh Ngô Đình Thục vào yết kiến Đức Giáo hoàng Piô XI. Sự việc này đã có tác động tốt đến hoạn lộ sau này của Ngô Đình Thục. Cũng trong năm đó, Ngô Đình Thục đã có được bằng Tiến sĩ Triết học. Ngày 20/12/1925, Ngô Đình Thục đã được phong chức linh mục rồi đi dạy ở Đại học Sorbonne ở Paris, Pháp. Năm 1926, Ngô Đình Thục lấy được bằng Tiến sĩ Thần học và năm 1927 có thêm Tiến sĩ Giáo luật ở Đại học Appolinaire... Tiếp theo, Ngô Đình Thục qua Pháp học tại Institut Catholique de Paris từ tháng 10/1927 đến tháng 6/1929 và đỗ Cử nhân Văn chương. Trở về Việt Nam năm 1929, Ngô Đình Thục khi đó còn là linh mục, làm giáo sư dòng Thánh Tâm ở Phường Đúc (Trường An) Huế, từ tháng 11/1929. Đến tháng 9/1931, Giám mục Alexandre Chaba-

non (Giáo, 1873-1936) đã bổ nhiệm Ngô Đình Thục làm giáo sư Đại Chủng viện Phú Xuân, Huế. Tháng 10/1933, Ngô Đình Thục trở thành Giám đốc Trường Thiên Hựu (Providence), một trường tư thục Công giáo tại Huế. Năm 1935, ông ta còn kiêm luôn cả chức Chủ nhiệm báo Sacerdos Indosinensis. Năm 1938, Ngô Đình Thục được thụ phong Giám mục Giám quản tông Tòa Giáo phận Vĩnh Long... Từ thời điểm đó cho tới cuối những năm 50 của thế kỷ trước, Ngô Đình Thục mặc dù chỉ ở Vĩnh Long nhưng đã

tham gia khá tích cực vào các cuộc vận động hành lang cho sự ra đời của một chế độ riêng của gia tộc Ngô Đình. Giám mục Ngô Đình Thục có ảnh hưởng mạnh mẽ tới Ngô Đình Diệm cũng như những người em khác trong gia tộc Ngô Đình. Chính nhà tu này đã có vai trò rất quan trọng trong việc thiết kế những mối quan hệ hữu hảo với phương Tây thông qua Hồng y Giáo chủ Spell- man để cuối cùng Washington đã chọn Ngô Đình Diệm làm con bài chống Cộng chủ đạo ở Việt Nam sau khi quân đội viễn chinh Pháp phải thua chạy khỏi đây sau trận Điện Biên Phủ. Cũng chính Ngô Đình Thục đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình lôi Ngô Đình Diệm từ sân sau của chính trường Sài Gòn để giúp ông thu được 98% (?!) số phiếu ủng hộ của các cử tri miền Nam trong cuộc trưng cầu dân ý giả hiệu ngày 23/10/1955 và nhờ thế, Ngô Đình Diệm đã qua mặt được vua Bảo Đại tiến tới ngôi Tổng thống. Một khi em đã làm "vua" thế sự thì anh cũng dễ dàng hơn trong những thăng tiến ở nhà thờ. Ngày 24/11/1960, Ngô Đình Thục đã được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Giáo phận Huế. Và ông ta đã tận dụng tối đa ảnh hưởng của ông em Tổng thống để triển khai đủ loại hoạt động kinh tế (thí dụ như khai thác lâm sản, mua thương xá Tax, làm chủ nhà sách Albert Portail...), để kiếm lời bạc tỷ. Thậm chí đã có lúc Ngô Đình Thục dùng lính bộ binh và cả xe bọc thép thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và vận chuyển cho các vụ khai thác gỗ rừng trong các tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, lấy vật liệu của công và nhân viên chính quyền để xây cư xá Vĩnh Long, tổ chức lễ Ngân khánh (25 năm ngày Ngô Đình Thục được Vatican phong làm Tổng Giám mục) cưỡng ép công chức cao cấp và thương gia nộp tiền... Một vị linh mục ở Sài Gòn thời đó tên là Trần Tam Tỉnh đã thuật lại việc tổ chức mừng lễ Ngân khánh trong quyển biên khảo Thập giá và Lưỡi gươm (Nhà xuất bản Sud - Est Asie, Paris, 1978): "Từ tháng 3/1963, một ủy ban ngân khánh đã được thành lập do chủ tịch quốc hội làm chủ tịch

với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm ủy viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mà mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng. Người ta muốn biến lễ Ngân khánh này thành quốc lễ". Cách hành xử như thế của Ngô Đình Thục hiển nhiên là đã gây nên nhiều bê bối trong dư luận nhưng Ngô Đình Diệm vẫn cứ đoan chắc rằng ông anh mình không làm điều gì sai quấy vì số tiền kiếm ra dường như đã được dùng vào việc nuôi sống Trường Đại học Đà Lạt do chính Ngô Đình Thục lập ra cũng như để đáp ứng các nhu cầu khác của nhà thờ. Thật nực cười! Không chỉ trục lợi kinh tế mà Tổng Giám mục Ngô Đình Thục còn tạo nên những lý do chính trị tai hại đối với chế độ Diệm - Nhu. Nhiều nguồn tư liệu còn lại tới hôm nay cho rằng, Ngô Đình Thục khi ở trên đỉnh cao danh vọng tôn giáo đã bị hoang tưởng về quyền lực của mình cũng như của gia tộc mình và đã đánh đồng thần quyền với thế quyền. Là anh của Tổng thống Diệm, Ngô Đình Thục nghĩ rằng ông ta, như linh mục Trần Tam Tỉnh nhận xét "đã hóa thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm đến ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như là hiện thân của giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước...". Một nhân chứng khác ở thời đó đã ghi chép lại về thời miền Nam nằm dưới sự trị vì của chế độ gia đình trị của dòng họ Ngô Đình như sau: "Các linh mục thuộc tập đoàn Ngô Đình Diệm đã ra sức thao túng, bóc lột, cướp tài sản của dân chúng. Có những linh mục bắt

các quận trưởng phải nộp tiền bạc, để làm cái này, làm cái kia, nếu ai không tuân lệnh, họ sẽ báo cáo xấu lên tổng thống mà bị mất chức hoặc bị ngồi tù. Vì muốn Ngô Đình Thục được làm Hồng y, vây cánh Ngô Đình Diệm đã dùng mọi thủ đoạn để gia tăng giáo dân, trong đó có việc cưỡng bách sĩ quan, binh sĩ và dân chúng theo Thiên Chúa giáo, ai không theo bị chúng vu khống là cộng sản rồi bắt bỏ tù. Họ khủng bố Cao Đài, Hòa Hảo, tận diệt Quốc Dân đảng và Đại Việt...". Viên sĩ quan dù cao cấp về sau trở thành tướng nổi loạn Nguyễn Chánh Thi đã nhận xét về sự lộng hành của một số linh mục thời Diệm - Nhu: "Cứ hầu như mỗi một tỉnh của miền Nam, nhất là tại miền Trung, có một linh mục có quyền sinh sát trong tay mà chả ai đả động đến, vì đằng sau họ là sức mạnh chính quyền. Họ còn lộng hành hơn là nhận đơn kiện cáo của con chiên, rồi phê vào đơn, đưa đến tỉnh trưởng hay quận trưởng, bảo phải xử theo ý của linh mục A, linh mục B, không thì mất chức. Một số linh mục dưới chế độ Ngô Đình Diệm, họ sống như các ông vua của một xứ xưa kia!...".

TỔNG GIÁM MỤC NGÔ ĐÌNH THỤC: NHIỀU THAM VỌNG • 141

Cũng theo linh mục Trần Tam Tỉnh, đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói với ICI, tạp chí Công giáo số 15/4/1963, rằng: "Trên bàn giấy của tôi chồng chất cả lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này, ơn nọ, khổ thay thường chỉ là thế tục. Tôi không thể dửng dưng được trước lời kêu gọi của họ! ở vào địa vị của tôi các ông sẽ xử sự như thế nào?". Giả dối đến thế là cùng! Tổng Giám mục Ngô Đình Thục cũng là một người mang nặng tư tưởng phân biệt tôn giáo. Thậm chí không ít người ở miền Nam khi đó còn cho rằng, Tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nuôi tham vọng Công giáo hóa toàn bộ cái gọi là nền đệ nhất cộng hòa. Chính những lùm xùm xung quanh lễ Ngân khánh năm 1963 đã châm ngòi lửa cho những biến cố Phật giáo, gây nên mối nguy hiểm chí tử đối với chế độ tay sai này của Mỹ ở Sài Gòn. Mọi sự quá mù ra mưa tới mức Vatican cũng lên án chính phủ Diệm - Nhu và quyết định rút Tổng Giám mục Ngô Đình Thục ra khỏi Việt Nam. Nhận thức được hiểm họa này, Washington đã không khoanh tay thúc thủ và quyết định gây sức ép để loại bỏ Ngô Đình Thục ra khỏi trung tâm quyền lực ở Sài Gòn. Ngày 20/8/1963, Nhà Trắng đưa Cabot Lodge sang làm đại sứ ở Sài Gòn với những chỉ thị mang tinh thần khác hẳn trước đây... Giờ cáo chung đã điểm đối với quyền lực chính trị của gia tộc Ngô Đình. Trước đó khoảng 6 năm (1957), tại cố đô Huế đã xảy ra một điềm xấu: sét đánh đúng ngôi mộ của ông Ngô Đình Khả, từng được xây cất rất kỹ lưỡng bởi một lực lượng công binh tinh nhuệ nhất của chế độ Sài Gòn bằng những vật liệu có chất lượng tốt nhất... Tháng 9/1963, Ngô Đình Thục rời Sài Gòn tới Vatican để tìm cách vớt vát uy tín cho chế độ Diệm - Nhu trên trường quốc tế (cũng là đúng ý Mỹ muốn ông ta đi cho "khuất mắt trông coi"). Tuy nhiên, mọi sự đã muộn màng. Bản thân Ngô Đình Thục cũng bị Vatican tước bỏ chức vụ tôn giáo. Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 đã kết liễu tính mạng của anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn... Ngô Đình Thục đành phải sống tha phương trong cảnh khá là bần hàn và mãi tới sau năm 1975, mới được Vatican cho phục chức. Thế rồi Tổng Giám mục Ngô Đình Thục về hưu ở Mỹ và phải sống tại một Viện dưỡng lão Công giáo thuộc tiểu bang Missouri cho tới khi trút hơi thở cuối cùng ngày 13/12/1984.

“CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM” CỦA NGÔ ĐÌNH NHU?
ÔNG TÔN THẤT THIỆN: TỪ LỪA NGƯỜI
ĐẾN BỊ NGƯỜI LỪA !
Lê Xuân Nhuận
PHẦN I
Năm 2009, nhằm ngày lịch sử mồng 1 tháng 11, Giáo sư Tiến sĩ
Tôn Thất Thiện đã cho phổ biến trên báo Người Việt Boston (Massachusetts, USA) một bài viết, nhan đề:
CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM:
MỘT VIÊN NGỌC QUÝ TRONG KHO TÀNG TƯ TƯỞNG,
MỘT ĐÓNG GÓP LỚN VỀ SOI SÁNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN
Đọc xong bài viết của Ông Tôn Thất Thiện về “Chính Đề Việt Nam”, chúng tôi đã có một số cảm nhận và suy nghĩ thô thiển dưới đây: A- “CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM” LÀ GÌ? Qua bài viết của Ông Tôn Thất Thiện, độc giả biết rằng “Chính Đề Việt Nam” là một tập “tài liệu học tập nội bộ của những người thuộc Đệ Nhất Cộng Hòa” mà nội dung là “kết tụ những nghiên cứu và phân tích dựa trên kinh nghiệm lịch sử của cố vấn Ngô Đình Nhu cùng một số phụ tá thân cận nhằm giúp những cán bộ quốc gia nắm

vững con đường phát triển dân tộc”, trong đó “một phần những đề tài này đã được thảo luận trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa”, và vai trò của nó hiện nay là “phổ biến rộng rãi một công trình đóng góp rất lớn của những người lãnh đạo Đệ I Cộng Hòa Việt Nam vào sự soi sáng vấn đề phát triển Việt Nam, để những ai cứu xét vấn đề có thêm dữ kiện để suy ngẫm”. Về thời điểm ra đời của tài liệu này thì Ông Thiện cho biết là: “Lúc soạn tài liệu này, vào khoảng những năm 1957-1960. Những nhận xét trên đây được đưa ra vào khoảng năm 1960. Điều nhận xét này được đưa ra năm 1960” (có nơi Ông Thiện viết là năm 1962). Nói chung, mục đích của công trình này là để phác họa “con đường phát triển dân tộc”, đưa Việt Nam ra khỏi “tình trạng chậm tiến”. Tuy thế, Ông Tôn Thất Thiện còn đánh giá nó cao hơn: “Chính Đề Việt Nam là một tài liệu được soạn đặc biệt như là một tài liệu học tập để huấn luyện cán bộ cao cấp của chế độ về nghệ thuật trở thành những người ‘lãnh đạo xứng danh’. Tuy nhiên, như ta đã thấy, tài liệu này có một tầm quan trọng vượt xa không những chế độ Cộng Hòa I, mà ngay cả Việt Nam: nó có giá trị một tài liệu học tập quý báu cho cán bộ các nước chậm tiến muốn hiện đại hóa”. B- ÔNG TÔN THẤT THIỆN LÀ AI? 1/ Trên mạng lưới thông tin toàn cầu, tỉ như “Wikipedia”(1), ông Tôn Thất Thiện được tả là một nhân sĩ quốc gia, lìa bỏ chính phủ Hồ Chí Minh, đứng ngoài chính phủ Bảo Đại vì là phụ thuộc thực dân, và chỉ tùng phục Ông Ngô Đình Diệm là một “lãnh tụ quốc gia chân chính”. Ông Thiện tri ngộ Ông Diệm tại Pháp từ năm 1953, và đã trở thành Giám đốc Báo chí kiêm thông dịch viên riêng của Thủ tướng Ngô Đình Diệm từ những ngày đầu tiên và của Tổng thống Ngô Đình Diệm vào chính ngày cuối cùng của nền Đệ Nhất Cộng Hòa. 2/ Ngay trong bài viết nói trên, Ông Tôn Thất Thiện đã tự giới thiệu như sau: “Từ lúc tôi bắt đầu suy tư về tình trạng Việt Nam, vào những năm cuối giai đoạn Trung

học, 1942-44, rồi qua những năm học hỏi, sưu tầm, giảng dạy ở Đại học, từ năm 1947 cho đến nay, 2009, đã 85 tuổi, hưu trí được liệt vào hạng bô lão, tôi không ngớt suy tư, sưu tầm, nghiên cứu, tìm hiểu về vấn đề canh tân, cải tiến Việt

Nam để đưa dân tộc ra khỏi tình trạng chậm tiến, khổ cực được dàn ra hàng ngày trước mặt mọi người. ... vấn đề căn bản của rất nhiều nước... trong đó có Việt Nam, là những nước ở tình trạng chậm tiến. ‘Chậm tiến’ là giẫm chân, thua xa về đời sống yên ổn, sung túc so với dân các nước Tây phương, và so với tình trạng khoa học kỹ thuật của nhân loại trong giai đoạn hiện đại... Tôi đã được học hỏi ở những Đại học có tiếng là đứng hàng đầu thế giới về các môn Chính trị, Kinh tế, Xã hội học, tôi đã đọc rất nhiều sách, báo, về vấn đề phát triển; tôi đã dành rất nhiều thì giờ quan sát, suy tư về vấn đề, và cũng đạt được một số nhận xét có thể coi là chính xác, nhưng tôi không mãn nguyện, trí tôi vẫn không yên, vì tôi chưa thấy thật rõ ràng và toàn bộ giải pháp dẫn đến sự phát triển mà tôi mong muốn. Điều này cũng có nghĩa là tôi chưa tìm ra được một cách tiếp cận hiệu nghiệm để thấy con đường đó...” và “(tôi) là một học giả đã để nhiều thì giờ, nhiều công và tâm trí vào việc tìm hiểu vấn đề”. C- THẮC MẮC KHI ĐỌC “CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM” 1) Ông Tôn Thất Thiện viết: “Mãi đến năm 2004 (tức là hơn 40 năm sau khi chấm dứt Đệ Nhất Cộng Hòa) tôi mới được cái may mắn này... Năm 2004 là năm tôi được nghe nói đến, rồi được đọc, tác phẩm Chính Đề Việt Nam...”. Thắc mắc: Ông Tôn Thất Thiện theo phò Thủ tướng rồi Tổng thống Ngô Đình Diệm với một tấm lòng tín nghĩa, và sau Ngày Định Mệnh 1-11-1963 thì vẫn giữ vững một niềm kiên trung đối với cố lãnh tụ họ Ngô. Đương nhiên Ông Thiện cũng thân cận không ít với Cố vấn Ngô Đình Nhu (Ông Thiện cũng là thông dịch viên tín cẩn của Ông Nhu tỉ như trong cuộc họp báo với ký giả ngoại quốc vào cuối tháng 9 năm 1963, về những tin đồn rằng Ông Ngô Đình Nhu liên lạc với Cộng sản). Cương vị, trách vụ, năng khiếu và sở trường của Ông Thiện gắn liền với chữ nghĩa, tư tưởng, chủ thuyết và... chính đề. Thế mà tập tài liệu (“Chính Đề”) này, dù đã “kết tụ những nghiên cứu và phân tích dựa trên kinh nghiệm lịch sử của cố vấn Ngô Đình Nhu cùng một số phụ tá thân cận” và “một phần đã được thảo luận trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa”, rồi sau chính biến 1963 còn được “xuất bản năm 1964 ở Việt Nam, được tái bản tại Hoa Kỳ năm 1988”, với một nội dung hệ trọng và cấp thiết như thế, thế mà nó vẫn tàng hình như một hồn ma, và phải đợi mãi đến năm 2004 ông Thiện mới có được “cái may mắn được nghe nói đến, rồi được đọc, tác phẩm Chính Đề Việt Nam”. Tôi không tin rằng

một tập tài liệu, chỉ là giấy mực, có thể chơi trò cút+bắt (trốn+tìm) với Ông Thiện; nhưng tôi thắc mắc tại sao các bạn đồng tâm đồng chí của Ông Thiện, hẳn là vẫn còn (và vẫn còn trung thành chứ), nhất là “một nhóm thân hữu đã cùng sát cánh bên nhau trong nhiều năm” lại không có lòng, không có tình, báo tin hay bắn tin cho ông Thiện biết về sự có mặt của tập tài liệu “quý giá vô song” này, khiến ông phải mất hơn... 40 năm mới biết đến nó. Phải chăng trong hơn 40 năm ấy, ông Tôn Thất Thiện không còn liên lạc với các “cán bộ lãnh đạo dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa” hay là chính họ (“một số

chiến hữu trung kiên") không còn liên hệ với ông (vì lý do nào, ông có thể cho biết không)? 2) Ông Tôn Thất Thiện viết: "Vấn đề được bàn đến trong Chính Đề Việt Nam là vấn đề phát triển" và "Sau khi đọc xong Chính Đề Việt Nam, phản ứng đầu tiên của tôi (Tôn Thất Thiện)" là: "Trời! Sao mình không được biết đến tài liệu này sớm hơn! Tất cả những gì mình tìm kiếm đều có trong đó. Mình đã mất gần 50 năm... tìm kiếm những gì mà đã có người Việt Nam đã viết lên rồi." Thắc mắc: "Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu, từ thập niên 1940, nhất là trong suốt thời gian 9 năm cầm quyền từ 1954 cho đến 1963, cũng đã đem hết tim óc ra để, không những tìm cách tiếp cận, mà còn cố gắng thực hiện con đường "đưa dân tộc ra khỏi tình trạng chậm tiến" (Phát Triển Cộng Đồng, Cộng Đồng Đồng Tiến), qua chủ nghĩa Nhân Vị, thể hiện bằng Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng và quốc sách Ấp Chiến Lược và chính Ông Tôn Thất Thiện trên cương-vị Giám đốc Báo chí và thông dịch viên riêng của Tổng thống Ngô Đình Diệm rồi Tổng Giám Đốc Việt Tấn Xã của Đệ Nhất Cộng Hòa, cũng đã tích cực tham dự vào quá trình ấy, trong chế độ ấy. Thế mà nay Ông Tôn Thất Thiện mới tìm ra được cái may mắn đọc tác phẩm Chính Đề Việt Nam, là "tài liệu học tập" về "con đường phát triển dân tộc" và Ông Thiện đã vội kêu lên "Trời! Sao mình không được biết đến tài liệu này sớm hơn!" Điều này đưa đến hai giả thuyết: a- Hoặc là "Chủ Nghĩa Nhân Vị" và "Chính Đề (Phát Triển: Tây Phương Hóa tức Hiện Đại Hóa)" của Đệ Nhất Cộng Hòa, "tuy hai mà một" ("Nhân Vị" thuộc về tư tưởng: chủ đạo thượng tầng kiến trúc; "Phát Triển", riêng về khoa học kỹ thuật, thuộc về hành động: cải tiến hạ tầng cơ sở); nhưng Ông Thiện thì trước kia chỉ biết "Chủ Nghĩa Nhân Vị" đến nay mới biết "Chính Đề (Phát Triển)", trong lúc nó là "một tác phẩm hết sức độc đáo, một đóng góp lớn, một viên ngọc

quý trong kho tàng tư tưởng của nhân loại" và ông Thiện thì tự xưng là "một học giả chuyên nghiên cứu về vấn đề phát triển các quốc gia chậm tiến"? Thế thì vì lý do gì Ông Tôn Thất Thiện thông thái đến thế mà lại không nhận ra? b- Hoặc là "Chủ Nghĩa Nhân Vị" khác với "Chính Đề (cũng là tư-tưởng) về Phát Triển"; nhưng ông Tôn Thất Thiện không biết đến, hoặc đúng hơn là không được "những người lãnh đạo Đệ I Cộng Hòa Việt Nam" cho biết về Chính Đề Phát Triển. Thế thì chỗ đứng của ông Thiện trong lòng chế độ thời đó là ở chỗ nào? c- Trong cả hai trường hợp, ông Tôn Thất Thiện viết: "Từ (khi phục vụ dưới quyền ông Ngô Đình Diệm cho đến sau khi chấm dứt Đệ-Nhất Cộng Hòa), tôi không ngớt suy tư, sưu tầm, nghiên cứu, tìm hiểu về vấn đề canh tân, cải tiến Việt Nam để đưa dân tộc ra khỏi tình trạng chậm tiến (tức là con đường phát triển dân tộc)" mà mãi đến "bây giờ (năm 2004) mới thấy thật rõ ràng và toàn bộ giải pháp dẫn đến sự phát triển mà mình mong muốn, tất cả những gì mình tìm kiếm gần 50 năm, trong tác phẩm Chính Đề Việt Nam" này, là "tài liệu xuất sắc nhất... trong suốt thời gian gần 70 (1942—2009=67) năm qua" — tức là Ông Tôn Thất Thiện chính thức và công khai phủ nhận giá-trị của Chủ Nghĩa Nhân Vị (với cả tư tưởng chủ đạo trong Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa, trong Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng và trong "quốc sách Ấp Chiến Lược") cũng như hành động thực thi trong chương trình Phát Triển Cộng Đồng, chủ trương Cộng Đồng Đồng Tiến, v.v... của nhị vị Diệm+Nhu qua biết bao nhiêu

là sách sử; báo chí; tài liệu tuyên truyền, giảng dạy, học tập), vì mãi đến nay Ông Thiện mới biết, tức là hồi đó (Đệ Nhất Cộng Hòa=1954—1963) Ông Thiện không hề (cần, thèm) biết đến những thứ đó. 3) Ông Tôn Thất Thiện viết: "Ai là tác giả của tác phẩm ('Chính Đề Việt Nam') cũng không quan trọng. Điều quan trọng là phổ biến rộng rãi một công trình đóng góp rất lớn của những người lãnh đạo Đệ I Cộng Hòa Việt Nam vào sự soi sáng vấn đề phát triển Việt Nam", rồi viết thêm: "Dù gặp muôn vàn khó khăn, nhóm chủ trương quyết định ấn hành tài liệu này". Thắc mắc: Trong bài viết này, ông Tôn Thất Thiện đã khiến độc giả ngỡ ngàng khi đọc đến tên của một nhân vật lạ hoắc đối với đa số đồng bào Việt Nam (mặc dù có thể là một bí danh trong Đảng Cần Lao?), đó là Tùng Phong, tác giả của tập tài liệu "Chính Đề Việt Nam", "viên ngọc quý trong kho tàng tư tưởng". Từ đầu đến sát cuối,

cái gì cũng Tùng Phong. Nào là Tùng Phong giải thích, Tùng Phong soi sáng, Tùng Phong cảnh báo, Tùng Phong dự đoán, v.v... cứ lặp đi lặp lại mãi cái tên Tùng Phong. Cho đến cuối bài Ông Tôn Thất Thiện mới chịu chêm chú rằng Tùng Phong chính là cố Cố vấn Ngô Đình Nhu. Thật là một ngạc nhiên thú vị, nhưng điều Thắc mắc của tôi lại càng gia tăng. Ông Thiện viết: "Lúc đó (2004), vấn đề gặp một số trở ngại về danh tánh của tác giả." Theo tôi, Ông Ngô Đình Nhu, dù có kẻ tôn lên là "kiến trúc sư" của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, là "đầu não" của Chủ Nghĩa Nhân Vị, là "cha đẻ" của Quốc Sách Ấp Chiến Lược, v.v... nhưng có người đã phản-biện, bác-bỏ; tuy nhiên, dù sao Ông Nhu cũng đã là Tổng Bí Thư của Đảng Cần Lao, Cố Vấn của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, một nhân vật lịch sử, thì tại sao lại không chịu đề tên thật của tác-giả tập tài-liệu ngay từ đầu là Ngô Đình Nhu, nhất là sau khi ngay cả Đệ Nhị Cộng Hòa cũng đã không còn, và ông Thiện cùng các "chiến hữu trung kiên" thì cũng đã được sống trong Thế Giới Tự Do từ ngót 30 năm nay rồi? Phải chăng cái tên Ngô Đình Nhu vẫn còn có thể gây dị ứng gì trong lòng độc giả quần chúng? Hơn nữa, mãi đến năm 2004 mà ông Thiện còn viết là việc xuất-bản tập tài liệu ấy vẫn "gặp muôn vàn khó khăn": Phải chăng "Nhóm chủ trương" yếu kém đến nỗi bị người ngoài cấm/cản? hoặc "Nhóm chủ trương" không có ai đủ khả năng tự mình xuất ra, hoặc kêu gọi người khác quyên góp, chỉ một/vài nghìn đô la để thuê in? 4) Ông Tôn Thất Thiện viết: "Những kết luận của Tùng Phong (Ông Ngô Đình Nhu) đưa ra lúc soạn tài liệu này, vào khoảng những năm 1957-1960, ngày nay, 2009, có thể nói là tiên tri. Những điều trên đây, từ điểm quan sát 2009 nhìn lui, tôi thấy rõ, vì đó là những điều tôi đã được nghe, đọc, thấy, suy ngẫm, từ những năm 1949-1952, lúc tôi học ở Trường L.S.E. (London School of Economics)" Thắc mắc: Qua đoạn văn này, Ông Tôn Thất Thiện đã tự mâu- thuẫn: a/ Trọng tâm của "Chính Đề (Phát Triển) Việt Nam" là "Một cuộc Tây phương hóa, đến mức độ cao (Tây phương hóa đến khi nào chúng ta chế ngự được khả năng sáng tạo khoa học của Tây phương) chỉ thực hiện được khi nào sự hấp thụ kỹ thuật Tây phương được thành tựu đến mức độ người hấp thụ chế ngự kỹ thuật đó, để đến phiên mình sáng tạo. Và muốn chế ngự được kỹ thuật đó, trước tiên phải thấu triệt được những nguyên lý của khả năng sáng tạo và luyện được cách sử dụng khả năng đó" một cách diễn đạt tư tưởng mà Ông Thiện cho (và

tự hào) là “lối hành văn lập luận trừu tượng” cũng trừu tượng như lối nói của cố Cố vấn Ngô Đình Nhu về “Ấp Chiến Lược” năm 1963: “Hiện nay cái học thuyết Nhân Vị mà tôi cổ võ là một nền dân chủ đấu tranh trong đó tự do không phải là món quà của Ông Già Noel, nhưng mà là kết quả của một cuộc chinh phục bền bỉ và sáng suốt trong đời sống thực tế, không phải trong một khung cảnh lý tưởng mà trong những điều kiện địa lý chính trị đã được định sẵn. Chính cái quan niệm về tự do này đã khai mào cho toàn bộ chương trình ACL. Hệ thống Ấp Chiến Lược này sẽ làm thay đổi cơ cấu chính trị thượng tầng của chính phủ hiện tại.” Đồng thời, Đệ Nhất Cộng Hòa cũng đã tìm cách “soi sáng vấn đề phát triển Việt Nam” (không những cho Miền Nam mà cho cả toàn quốc [kể cả miền Bắc] và các nước chậm tiến nữa), bằng cách thực hiện cuộc “Cách Mạng Quốc Gia” với Hiến Pháp Nhân Vị và các nỗ -lực khác.” — Vậy thì các vị lãnh đạo Đệ Nhất Cộng Hòa có biết trước là triều đại Ngô Đình sắp sụp đổ vào năm 1963 hay không, mà Ông Thiện bảo là “tiên tri”? b/ Vả lại, nếu như mọi sự đều đã diễn ra y như tác giả Tùng Phong (Ông Ngô Đình Nhu) dự đoán, thì “những điều trên đây, từ điểm quan sát 2009 nhìn lui, (Ông Tôn Thất Thiện) thấy rõ, đó là những điều (Ông Thiện) đã được nghe, đọc, thấy, suy ngẫm, từ những năm 1949- 1952, lúc (Ông Thiện) học ở Trường L.S.E.” — Vậy thì Ông Nhu chỉ nói ra những gì mà Trường L.S.E. đã dạy cho Ông Thiện từ trước Đệ- Nhất Cộng Hòa rồi, chứ đâu phải là “tất cả những gì (Ông Thiện) đã mất gần 50 năm để tìm kiếm”: có gì là “tiên tri” đâu? D- NGHI VẤN 1. Ông Tôn Thất Thiện có viết ở một đoạn: “Kết tụ những nghiên cứu và phân tích dựa trên kinh nghiệm lịch sử của cố vấn Ngô Đình Nhu cùng một số phụ tá thân cận”, và ở một đoạn khác: “Vấn đề được các tác giả bàn đến”, rồi ở một đoạn khác: “Tưởng nên nhắc đến những người đóng góp lớn nhứt vào công trình này”. Ông Thiện có nhắc đến tên của các ông “Cao Xuân Vỹ, Lê Văn Đồng, Phan Xứng, Đỗ La Lam, và một số thân hữu khác” (không nhắc đến tên của các Ông Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Văn Chức, Quách Tòng Đức...!) Như thế, phải chăng tập “Chính Đề Việt Nam” này là tuyển tập những bài viết của những người đóng góp lớn nhất vào công trình này (“nhóm thân hữu của ông Ngô Đình Nhu”) chứ không thực sự là bài viết của Ông Ngô Đình Nhu và các “phụ tá thân cận”, mà họ muốn cho độc giả tưởng là của Ông Nhu, nên họ cùng nhau gán hết cho

Tùng Phong là tác giả, rồi cuối cùng để cho Ông Thiện chêm một cái chú trong hai dấu ngoặc rằng Tùng Phong là Ngô Đình Nhu để lừa phỉnh độc giả? 2. Ông Tôn Thất Thiện đã viết rất nhiều về tình-hình Biển Đông hiện nay, và đặc biệt là đã viết ở trong hai dấu ngoặc kép, tức là trích lời của chính Ông Ngô Đình Nhu như sau: “Tùng Phong (Ông Ngô Đình Nhu) nhận xét rằng: miền Bắc vẫn còn đang ca tụng như những chân lý những giá trị tiêu chuẩn và giai đoạn mà Nga Xô đã bỏ”. Ông Thiện đã giới-thiệu rằng “Tùng Phong (Ông Ngô Đình Nhu) soạn tài liệu này vào khoảng những năm 1957-1960” (có nơi Ông Thiện lại viết: “Ta nên nhớ rằng tác phẩm này được hoàn tất vào năm 1962”), mà dù cho đến ngày 2-11-1963 là ngày ông Nhu mất, thì Nga Xô cũng vẫn còn bình chân như vại, nếu không muốn nói là đang đe dọa cả thế -giới, thì làm sao mà có

mấy chữ “Nga Xô đã bỏ” (Nga Xô mãi đến năm 1991 mới tan rã mà)? Phải chăng tập “Chính Đề Việt Nam” này mới được viết ra không chỉ sau ngày chấm dứt Đệ Nhất Cộng Hòa (1963), mà còn vào đầu thế kỷ XXI này? 3. Ông Tôn Thất Thiện mới được đọc “Chính Đề Việt Nam” sau khi tập tài liệu này đã thành hình rồi, tức là Ông Thiện chỉ viết bài giới thiệu (“Phụ Giải”), mà bài giới thiệu này thì tóm tắt hầu hết nội dung toàn tập, ca tụng nó là “một tác phẩm hết sức độc đáo, một đóng góp lớn” và đánh giá nó là “một viên ngọc quý trong kho tàng tư tưởng của nhân loại.” Như thế tức là nhờ có Ông Thiện mà tập tài liệu này mới được “ra đời” công khai, chính thức, và “sáng giá” đến thế. Phải chăng Ông Tôn Thất Thiện không chỉ tô son hình-ảnh của cố Cố vấn Ngô Đình Nhu để phục hồi vang bóng một thời của chế độ Ngô Đình Diệm (“Với sự phổ biến rộng rãi của tác phẩm Chính Đề Việt Nam... uy tín của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa... sẽ được công nhận” và “nhằm khởi động sức phấn đấu của dân tộc trong giai đoạn cấp bách hiện nay”) mà Ông Thiện còn muốn tự giới thiệu mình như một nhân vật của thời thế: - Vừa là “phụ tá tín cẩn và kiên trung của cố Tổng thống Diệm”= để quy tụ và lãnh đạo “những người còn lại của Đệ Nhất Cộng Hòa” (“nhóm thân hữu” không nhờ người khác, mà lại nhờ Ông Thiện viết bài “Phụ Giải”); - Vừa được Đệ Nhị Cộng Hòa trọng dụng (không bị sa thải sau

cuộc Cách Mạng 1-11-1963 mà còn được mời làm Tổng Trưởng Bộ Thông Tin, một chức vụ cao hơn)= để được sự ủng hộ của các giới bài Ngô; - Vừa không bị kỳ thị mà còn được mời khai lập và đảm trách Khoa Trưởng Khoa Xã Hội tại Viện Đại Học “Vạn Hạnh”= để chiếm được lòng của đồng bào Phật Giáo Đồ; - Vừa sống theo truyền thống của Đạo Nho bên nội và chịu ảnh hưởng của Cửa Thiền bên ngoại= để phù hợp với đời sống tâm linh của đại đa số người Việt mình; - Vừa áp dụng chủ trương của nhà cách mạng Phan Chu Trinh, là văn hóa & kinh tế đi trước chính trị (ưu tiên cho dân trí mở mang & dân sinh tiến bộ, trước cả dân quyền độc lập: hãy cải tiến giáo dục, nới rộng tự do và nâng cao mức sống của người dân, rồi hãy thay đổi chính quyền sau)= để trấn an phần nào các nhà cầm quyền trong nước hiện nay; - Vừa đi sát với lộ trình “diễn biến hòa bình” của Hoa Kỳ (như trên), trong lúc Ông Tôn Thất Thiện đã đươc Mỹ, qua Đại sứ Ells- worth Bunker, khẳng định rằng Ông Thiện (tuy thuộc Lực Lượng Thứ Ba, chống cả chủ nghĩa thực dân lẫn chủ nghĩa Cộng sản) là “một trong những người chỉ trích Hoa Kỳ và chính phủ VNCH một cách sáng suốt và hùng hồn nhất, nhưng vẫn là một nhân vật có khả năng, nghị lực, và tinh thần ái quốc, và dĩ nhiên là không chống Mỹ”= để tỏ ra là sẽ không gặp khó khăn gì với Chú Sam; - Vừa quen biết với hầu hết các khuôn mặt chính trị, quân sự, kinh tế, tình báo, truyền thông của Thế Giới Tự Do liên quan đến Việt Nam từ cuối thế kỷ trước=để tỏ là đã có sẵn tư thế dễ dàng giao tiếp với ngoại bang; - Vừa đã tự mình thực thi (chứ không phải là chỉ hô hào hay hứa hẹn suông) chính sách Tự Do (bãi bỏ chế độ kiểm duyệt, tạo hoàn cảnh cho người dân được tự do (có Nhân Quyền) để chỉ trích, kể cả truy cố, thậm chí chửi bới Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, mà thành tích ấy được vinh danh bằng giải thưởng Magsaysay)=để đáp ứng nhu cầu cấp thiết và là mục tiêu tiên quyết của cuộc tranh đấu chung cho Việt Nam ngày nay? E- KẾT LUẬN 1- Đây là phản hồi của tôi về bài viết của Ông Tôn Thất Thiện về tập

tài liệu “Chính Đề Việt Nam”, sau khi một số phần tử hoài Ngô

định mở chiến dịch gây quỹ để dựng một bức tượng của cố Tổng thống Ngô Đình Diệm, rồi báo Newsweek của Mỹ đăng bài tố cáo TT Diệm là công cụ của Cộng sản nên Mỹ phải lật đổ, rồi Giáo hoàng John Paul II qua đời tạo dịp cho một số người cho rằng “giáo dân Ky- tô-giáo có thể lật đổ CSVN theo kiểu Ba Lan (?)”, rồi Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn viết Chương “Chủ Nghĩa Nhân Vị, Con Đường Mới, Con Đường của Tiến Bộ” và gán cho cố Cố vấn Ngô Đình Nhu để phục hồi tên tuổi cho Nhà Ngô, rồi vụ xây tượng tưởng niệm cố TT Diệm được một vài người nhắc lại, v.v... (Riêng với nghi vấn về ý đồ/tham vọng của Ông Tôn Thất Thiện, nếu sai thì tôi xin sẵn sàng xin lỗi và nhận là mình sai.) 2- Song le, dưới đây là một số kết luận của Ông Tôn Thất Thiện và “nhóm thân hữu của ông Ngô Đình Nhu”, viết rõ trong bài “Chính Đề Việt Nam” (trích đoạn ở trong ngoặc kép, chứ không phải là của tôi): a) “Về phần miền Nam thì Tùng Phong (Ông Ngô Đình Nhu) quả quyết: Nếu bây giờ (1957-1962) chúng ta chưa có ý thức rõ rệt chính thể ấy phải thế nào, thì ngay bây giờ chúng ta có thể quan niệm được rằng ‘chính thể đó không thể là một chính thể chuyên chế hay độc tài được’.” — Tức là mãi đến năm 1962 (sau 8 năm cầm quyền) mà Nhà Ngô vẫn “chưa có ý thức rõ rệt là chính thể ấy (Đệ Nhất Cộng Hòa) phải thế nào”, tuy cũng đã nhận thức rằng “chính thể đó không thể là một chính thể chuyên chế hay độc tài được”. b) “Về vấn đề lãnh đạo, chúng ta đã lâm vào một sự gián đoạn lãnh đạo ‘đến một trình độ trầm trọng nhất’. Sự chuyển quyền không thực hiện được giữa lớp người trước và lớp người sau. Các bí mật [bí quyết] Quốc gia và bí mật [bí quyết] lãnh đạo đều mất. Thuật lãnh đạo không truyền lại được. Người lãnh đạo không có đủ, di sản dĩ vãng không bảo tồn được, văn khố thất lạc và bị cướp bóc... Đặc biệt là sự thiếu hụt lãnh đạo này có môt ảnh hưởng tai hại: sự điều hòa giữa thiểu số lãnh đạo và đa số chịu lãnh đạo để bảo đảm một trạng thái thăng bằng cần thiết cho sự ổn định và tiến lên của xã hội không còn nữa... Tái lập sự thăng bằng này là nhiệm vụ chính trong công cuộc phát triển, và nó được Tùng Phong cứu xét rất tường tận.” — Tức là mãi đến năm 1962 (khi sắp sụp đổ vào năm 1963) Nhà Ngô mới chịu “cứu xét” “vấn đề lãnh đạo” (nhưng đã quá trễ rồi). c) “Công cuộc xây dựng tầng lớp lãnh đạo có đủ khả năng gánh vác trọng trách trong giai đoạn mới cần nhiều thời gian chuẩn bị, nên lược đồ xây dựng cho tương lai dân tộc bị gián đoạn từ đó (1957-

1962).” Tức là đến năm 1962 (một năm trước ngày vãn tuồng), thì “lược đồ xây dựng cho tương lai dân tộc” tức là nội dung của “Chính Đề Việt Nam” đã “bị gián đoạn”. — Thế thì làm sao mà Ông Tôn Thất Thiện lại có thể viết là “Với sự phổ biến rộng rãi của tác phẩm Chính Đề Việt Nam, những tư tưởng, suy luận trong đó, và nhứt là phương pháp tiếp cận đưa đến những giải pháp rất hay được trình bày trong đó (đã bị gián đoạn từ 1962 rồi, mà) uy tín của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa và sự đóng góp của những nhà lãnh đạo của chế độ ấy sẽ được công nhận?” d) “Những tư tưởng chứa đựng trong Chính Đề Việt Nam chưa được phổ biến và áp dụng, thì chế độ Cộng Hòa I (đã) bị lật đổ (1963).” — Vậy thì làm sao mà bảo là “uy tín của chế độ Đệ Nhứt Cộng Hòa và sự đóng

góp của những nhà lãnh đạo của chế độ (ấy) sẽ được (ai) công nhận." Gán những ý nghĩ tốt cho người xấu đã chết, mà lại khẳng định rằng những ý nghĩ tốt ấy chưa hề được thể hiện thành việc làm tốt trong lúc người ấy còn sống, rồi hô hào thiên hạ công nhận người đã chết ấy là tốt? e) "Chỉ cần một điều kiện căn bản hơn cả, mà Tùng Phong đưa ra trong phần kết thúc tác phẩm. Đó là: 'Trong tình hình chính trị thế giới hiện nay, và trong trình độ tiến hóa của nhân loại hiện nay, các vấn đề Dân tộc Việt Nam, trong thời kỳ này, chỉ có thể tìm ra được một giải đáp nếu chúng ta trụ vào vị trí Dân Tộc'." — Tức là Đệ Nhất Cộng Hòa đã không (hoặc chưa) "trụ vào vị trí Dân Tộc" (nên mới sụp đổ). f) "Nay, chỉ còn tôi (Tôn Thất Thiện) là người nhân chứng duy nhất... Tôi làm nhân chứng những điều sau đây do chính ông Nhu đã tiết lộ trong một cuộc họp báo với ký giả ngoại quốc vào cuối tháng 9, năm 1963. Tôi là thông dịch viên trong buổi họp báo đó, và tôi đã nghe và thông dịch hai điều sau đây: ông (Ngô Đình Nhu) đã tiếp Trần Độ ngay 'trong phòng này', văn phòng của ông (Nhu), nơi mà ông đang tiếp các ký giả (ngoại quốc), Trần Độ có hỏi ông (Ngô Đình Nhu), v.v..." — Tức là rốt cuộc, Ông Tôn Thất Thiện đã kết luận rằng "Ông Nhu quả thật đã có tiếp xúc với phía Cộng sản." Thế thì một số phần tử hoài Ngô lâu nay ngoan cố không chịu tin vào chuyện đó, nay đã hết đường chối cãi.

***

PHẦN II ÔNG TÔN THẤT THIỆN LỪA NGƯỜI Năm 2009, để tưởng nhớ cố Tổng thống Ngô Đình Diệm và cố Cố vấn Ngô Đình Nhu, Ông Tôn Thất Thiện đã phổ biến một tài liệu nhan đề là "Chính Đề Việt Nam" (mời xem). Về "Giá trị" của tài liệu ấy, Ông Tôn Thất Thiện ca tụng như sau: "Chính Đề Việt Nam là một tài liệu được soạn đặc biệt như là một tài liệu học tập để huấn luyện cán bộ cao cấp của chế độ về nghệ thuật trở thành những người 'lãnh đạo xứng danh'. Tài liệu này có một tầm quan trọng vượt xa không những chế độ Cộng Hòa I, mà ngay cả Việt Nam: nó có giá trị một tài liệu học tập quý báu cho cán bộ các nước chậm tiến muốn hiện đại hóa", "một tác phẩm hết sức độc đáo, một đóng góp lớn, một viên ngọc quý trong kho tàng tư tưởng của nhân loại."[sic] Về "Ý" và "Từ" của tài liệu ấy, Ông Thiện cho biết: "Ý" thì là "kinh nghiệm lịch sử của cố vấn Ngô Đình Nhu cùng một số phụ tá thân cận"; Còn "Từ" thì là của "các tác giả bàn đến kinh nghiệm nói trên" tức là "những người đóng góp lớn nhất vào công trình này" mà Ông Thiện có kể tên, như các ông "Cao Xuân Vỹ, Lê Văn Đồng, Phan Xứng, Đỗ La Lam, và một số thân hữu khác". Về "Tác giả" của tài liệu ấy, Ông Thiện nói rõ là các tác giả đã "dựa trên kinh nghiệm lịch sử của cố vấn Ngô Đình Nhu cùng một số phụ tá thân cận", để "bàn đến". Cái việc "bàn đến" tức là "suy diễn" hay là "tán rộng" (nôm na là "Mao Tôn Cương") của các tác giả này được Ông Thiện long trọng gọi là "những nghiên cứu và phân tích" để "kết tụ" nên tài liệu này. Vậy là nhờ có "những nghiên cứu và phân tích" của "các tác giả bàn đến kinh nghiệm lịch sử của cố vấn Ngô Đình Nhu cùng một số phụ tá thân cận" nên mới có tài liệu này, chứ bản thân "kinh nghiệm lịch sử của cố vấn Ngô Đình Nhu" thì chẳng có gì nhiều, mà phần lớn lại đã là của "một số phụ tá thân cận" của ông ấy rồi. Nhưng "kinh nghiệm lịch sử" ấy là gì? Ở đây là kết quả áp

dụng của tư tưởng và hành động của hai nhà lãnh đạo tối cao của nền Đệ Nhất Cộng Hòa (Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu), mà phần chủ quan là của chính các vị ấy, và phần khách quan là của các cấp chấp hành. Nhưng về phần chủ quan (ở đây là của Ông Ngô Đình Nhu) thì không thấy Ông Tôn Thất Thiện dẫn chứng một tài liệu nào xác nhận

là bút tích hay nguyên văn lời phát biểu của chính Ông Nhu. Vậy thì “kinh nghiệm lịch sử” ấy thuộc về phần khách quan, tức là của các cấp chấp hành, “một số phụ tá thân cận”, “các tác giả bàn đến”, “những người đóng góp lớn nhứt vào công trình này” — tức là không phải của Ông Nhu. Thế mà Ông Thiện lại mập-mờ đem gán tất cả “những nghiên cứu và phân tích”, tức là “kinh nghiệm lịch sử ” ấy, cho một người có bút danh Tùng Phong, rồi đến đoạn cuối mới chêm trong dấu ngoặc, rằng Tùng Phong là Ngô Đình Nhu. Việc làm lừa người của Ông Tôn Thất Thiện đã được chúng tôi cụ thể và chi tiết hóa trong một bài viết trước đây (mời xem Phần I ở trên). Hậu quả của việc lừa người là Ông Tôn Thất Thiện đã bị người lừa.

PHẦN III ÔNG TÔN THẤT THIỆN BỊ NGƯỜI LỪA Câu chuyện về “Chính Đề Việt Nam” tưởng như đã ngưng ở chỗ: 1. Ông Tôn Thất Thiện vừa tán dương tài liệu này như đệ nhất danh thư (là “tài liệu xuất sắc nhất... trong suốt thời gian gần 70 năm qua”, là “một tác phẩm hết sức độc đáo, một đóng góp lớn, một viên ngọc quý trong kho tàng tư tưởng của nhân loại”); 2. Ông Tôn Thất Thiện vừa tự đề cao mình như đệ nhất học giả (“Tôi đã được học hỏi ở những Đại học có tiếng là đứng hàng đầu thế giới về các môn Chính trị, Kinh tế, Xã hội học, tôi đã đọc rất nhiều sách, báo, về vấn đề phát triển; tôi đã dành rất nhiều thì giờ quan sát, suy tư về vấn đề, và cũng đạt được một số nhận xét có thể coi là chính xác...” và “(tôi) là một học giả đã để nhiều thì giờ, nhiều công và tâm trí vào việc tìm hiểu vấn đề.”); 3. Ông Tôn Thất Thiện vừa tôn vinh Ông Ngô Đình Nhu như đệ nhất tổ sư (“Chính Đề Việt Nam là một tài liệu được soạn đặc biệt như là một tài liệu học tập để huấn luyện cán bộ cao cấp của chế độ về nghệ thuật trở thành những người ‘lãnh đạo xứng danh’; Tất cả những gì mình tìm kiếm đều có trong đó. Mình đã mất gần 50 năm... tìm kiếm những gì mà đã có người Việt Nam [Ông Ngô Đình Nhu] đã viết lên rồi”; “Những kết luận của Tùng Phong [Ông Ngô Đình Nhu]

đưa ra lúc soạn tài liệu này, có thể nói là tiên tri”; “Tuy nhiên, như ta đã thấy, tài liệu này có một tầm quan trọng vượt xa không những chế độ Cộng Hòa I, mà ngay cả [toàn-quốc] Việt Nam: nó có giá trị một tài liệu học tập quý báu cho cán bộ các nước chậm tiến [trên khắp thế giới, nhất là Á Đông] muốn hiện đại hóa”); 4. Ông Tôn Thất Thiện lại vừa đồng thời hạ bệ Ông Ngô Đình Nhu một cách thẳng thừng (“Những điều trên đây—trong Chính Đề Việt Nam—từ điểm quan sát 2009 nhìn lui, tôi thấy rõ, đó là những điều tôi đã được nghe, đọc, thấy, suy ngẫm, từ những năm 1949-1952, lúc tôi học ở Trường L.S.E. (London School of Economics)”—rất lâu trước 1952, ít nhất là 2 năm trước khi Nhà Ngô lên ngôi. Tức là nếu quả tài liệu ấy do chính Ông Ngô Đình Nhu viết,

thì chỉ là “những điều [Ông Thiện] đã nghe, đọc, thấy, suy ngẫm, rất lâu trước 1952” rồi. 5. Ông Tôn Thất Thiện cũng vừa đồng thời tự bôi lem tên tuổi của chính mình (“Những điều trên đây—trong Chính Đề Việt Nam” chỉ là “những điều tôi đã được nghe, đọc, thấy, suy ngẫm, từ những năm 1949-1952, lúc tôi học ở Trường L.S.E. (London School of Econom- ics)” rồi, thế nhưng “Mãi đến năm 2004 (tức là hơn 40 năm sau khi chấm dứt Đệ Nhất Cộng Hòa) tôi mới được cái may mắn này. Năm 2004 là năm tôi được nghe nói đến, rồi được đọc, tác phẩm Chính Đề Việt Nam”; “Trời! Sao mình không được biết đến tài liệu này sớm hơn!” * Đùng một cái, ba năm sau, năm 2007, có Ông Trương Phú Thứ, đăng lên trên diễn đàn liên mạng “Văn Tuyển” một bài viết nhan đề “Đây là Sự Thật” nói về “Tuyệt phẩm chánh trị của ông Ngô Đình Nhu: Đó là cuốn CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM.”(2) Theo Ông Trương Phú Thứ, thì: “Cuốn Chính Đề Việt Nam” do “Ông [Ngô Đình] Nhu viết bằng tiếng Pháp và được ông Lê Văn Đồng, một vị cựu bộ trưởng thời Đệ Nhất Cộng Hòa dịch sang tiếng Việt (?). Cách đây có đến ba chục năm, cuốn sách này đã được in lại khoảng một trăm bản ở miền nam Cali nhưng đến nay kể như đã tuyệt bản. Tôi có hỏi cụ Cao Xuân Vỹ thì được trả lời rằng: ‘có một bản mà không biết chừ ở mô’. Tất nhiên không ai biết bản chính bằng tiếng Pháp với chữ viết tay của ông Nhu bây giờ thất lạc nơi đâu.”

Vậy thì “Chính Đề Việt Nam” là một cuốn sách chứa đựng tư tưởng cao siêu vượt không gian và thời gian, của cố Cố vấn Ngô Đình Nhu, “một học giả uyên bác và cũng là một chính trị gia thượng thặng”, người khai sáng ra nền Đệ Nhất Cộng Hòa, lại chỉ có một bản chính, viết tay, bằng tiếng Pháp—quý giá đến ngần nào! Thế nhưng, cả một triều đại, tách ra một cõi, rộ lên một thời—cả một chính thể, với biết bao nhiêu cao nhân thức giả tận tụy trung thành với anh+em Nhà Ngô, trong đó hiện nay chỉ còn mấy vị đếm được trên đầu ngón tay, song không có ai có tâm, có trí, có chí, cất giữ bảo toàn cái gia tài vô giá ấy của lãnh tụ yêu quý của mình! Ông Trương Phú Thứ tường thuật: “Ba năm trước đây một người cư ngụ ở Seattle, tạm gọi là ông X, còn may mắn có được cuốn sách này [bản dịch tiếng Việt]. Tôi đã mượn và nghiền ngẫm mấy ngày đêm... Ông X cho tôi coi một bản thỏa thuận của bà quả phụ Lê Văn Đồng, mà ông Đồng là người đã dịch cuốn sách này sang tiếng Việt với bút hiệu Tùng Phong, cho phép được hoàn toàn sử dụng cuốn sách, nghĩa là có thể sửa chữa và sau đó phát hành rộng rãi... Một buổi sáng, ông X đến nhà tôi đòi lại cuốn sách và nói rằng bà quả phụ Lê Văn Đồng ‘ra lệnh’ không được sửa chữa gì dù một dấu phẩy và rằng đó là công trình tim óc của ông Lê Văn Đồng chứ ông Ngô Đình Nhu không có dính dáng gì đến cuốn sách này cả.” Té ra Tùng Phong là bút hiệu của Ông Lê Văn Đồng, chứ không phải là của Ông Ngô Đình Nhu như Ông Tôn Thất Thiện đã viết. * Chưa hết ! Ngày 14 tháng 5 năm 2011 vừa rồi, trang mạng “YourVietBooks” có đăng một bài nhan đề “Chính Đề Việt Nam - Political Solution for Vietnam”. Phần mở đầu, bằng tiếng Anh, được viết như sau: Original Title [nhan đề nguyên bản]: Chính Đề Việt Nam Proposed English Title (nhan đề tiếng Anh được đề nghị là): Po- litical Solution for Vietnam. Author [tác giả]: Le Van Dong alias [biệt hiệu] Tung Phong.

Publishers [nhà xuất bản]: Hung Vuong, 2009 (First edition in 1964 [ấn-hành lần đầu năm 1964]) About the book [về sách này]: The original version was published in 1964 [ấn bản gốc được phát-hành năm 1964] About the Author [về tác giả]: Certain sources mentioned that the book was written by Ngô Dinh Nhu, but recently this information has been rectified by the Author's daughter as per email below [Một số nguồn tin ghi rằng sách này là do Ông Ngô Đình Nhu viết ra, nhưng tin tức này gần đây đã được ái nữ của tác giả phủ chính, theo vi thư dưới đây]: My name is Le Tuyet Anh. I am the daughter and heir of the author of the book Chinh De Viet Nam. His name is Le Van Dong, alias Tung Phong. Recently some web pages (vantuyen.net) and publisher (Hung Vuong) posted the book author as Ngo Dinh Nhu, and I would like to set the record straight [Tôi tên là Lê Tuyết Anh. Tôi là con gái và là người thừa kế của tác giả của cuốn sách Chính Đề Việt Nam. Tác giả tên là Lê Văn Đồng, biệt hiệu Tùng Phong. Gần đây có mấy trang mạng (VănTuyển.net) và nhà xuất bản (Hùng Vương) đã đăng tên tác giả của cuốn sách này là Ngô Đình Nhu, nay tôi xin đính chính (chỉnh lại hồ sơ cho đúng)]. My father's intention was to propagate the book for everybody to read [Mục đích của cha tôi là quảng bá cuốn sách này cho mọi người đọc]. However, it was not his intention for someone else to steal his lifetime work [Tuy nhiên, ý định của cha tôi không phải là để cho kẻ khác ăn cắp công trình tim óc/tác -phẩm của cả cuộc đời của mình]. The US Central Intelligence Agency (CIA) posted evidence on line that showed that my father, former Senator of the Republic of Viet- Nam, is Tung Phong [Cơ quan Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ đã đưa lên mạng bằng chứng cho thấy cha tôi, cựu Thượng Nghị Sĩ VNCH, là Tùng Phong]. He also had several other publications [Cha tôi cũng đã có nhiều ấn phẩm khác nữa]... Tóm lại, câu chuyện kể trên chứng tỏ rằng Ông Tôn Thất Thiện, tưởng rằng đã trót lọt lừa người, hóa ra lại cũng đã bị người lừa. Còn về Ông Trương Phú Thứ, với những bài viết của ông ấy mà chúng tôi cũng như một số người khác đã thắc mắc nhiều, thì là đề tài của một bài viết khác.

LÊ XUÂN NHUẬN Lời bàn thêm của người giới thiệu bài viết này: • Trước hết, cuốn "Chính đề Việt Nam" dứt khoát không phải do ông Ngô Đình Nhu viết mà tác giả thật sự là ông Lê Văn Đồng, một Đổng lý Văn phòng thời Đệ Nhất Cộng hòa. • Sự kiện cuốn sách được xuất bản vào năm 1965, chỉ hơn một năm sau khi chế độ Diệm bị lật đổ vào cuối năm 1963, trong không khí phấn kích của phong trào bài trừ Cần Lao "hậu cách mạng", khiến ta có lý do để tin rằng nội dung tác phẩm cũng như bản thân tác giả chắc là không dính líu gì chặt chẻ với chế độ cũ. Thậm chí tác giả có thể đã từng bất mãn với chế độ cũ như nhiều viên chức hoặc tướng lãnh khác, nay muốn "tái khẳng định" bằng một công trình trí thức cho vận hội mới, thì mới được phép xuất bản. • Thật vậy, tác giả thật là "ông Lê Văn Đồng du học luật tại Pháp, quen biết ông Ngô Đình Nhu tại Paris. Khi ông Ngô Đình Diệm về cầm quyền ông Nhu biết ông Đồng là người có bản lĩnh chính trị nên mời ông Đồng làm Đổng lý văn phòng bộ trưởng Canh Nông và tham gia bộ tham mưu chính trị của ông Diệm do ông Nhu cầm đầu. Chẳng bao lâu hai ông Lê

Văn Đồng và Ngô Đình Nhu bất đồng ý kiến (ông Đồng là một người dân chủ, ông Nhu chủ trương độc tài?), ông Đồng • Có lẽ một (hay vài) thành phần tàn dư hoài-Ngô vớ được phó bản của cuốn này, và lợi dụng tình trạng nhập nhằng về thông tin tại hải ngoại, vội vã cho phổ biến để đề cao lãnh tụ Ngô Đình Nhu trong ý đồ đánh bóng cho một chế độ đã bị đào thải. Vả lại, ông Nhu mang danh là "lý thuyết gia" của chế độ, là "cha đẻ" thuyết Nhân Vị mà không để lại được một tác phẩm có tính học thuyết nào thì … kỳ quá ! • Việc làm gian trá này đã lừa được vô số độc giả thiếu nhận thức và lười nghiên cứu. Một số "nạn nhân" (hay cũng có thể là chánh phạm hoặc đồng lỏa) là các ông Nguyễn Văn Lục, Phạm Văn Lưu, Huỳnh Văn Lang, Cao Xuân Vỹ, Trương Phú Thứ, nhóm Thông Luận, nhưng tệ hại nhất là ông Tôn Thất Thiện. • Thật vậy, đọc bài "Chính đề Việt nam: Một viên ngọc quý trong Kho tàng Tư tưởng, …" của ông Tôn Thất Thiện, ta không thấy gì ngoài chuyện ông thậm xưng những lời tâng bốc lố bịch. Tâng bốc

chủ nhân, và tâng bốc chính mình. Mà tâng bốc vì tưởng tác phẩm là của ông Ngô Đình Nhu! Tôi tự hỏi nếu biết tác giả là ông Lê văn Đồng thì ông Tôn Thất Thiện, giáo sư tiến sĩ-học giả tốt nghiệp LSE nhưng chỉ làm thông ngôn, có còn tấu khúc "cung văn" như thế không? • Hai kết luận là (1) Vì tự thân chế độ không có gì tốt đẹp nên mới phải xảo trá xài "đồ giả" để tô son trét phấn cho chế độ; và (2) Không bao giờ tin được thành phần hoài Ngô!

***

THĂNG TRẦM CỦA "RỒNG PHU NHÂN" TRẦN LỆ XUÂN "Miệng lưỡi độc ác và dữ dội của Bà Ngô Đình Nhu đã đưa đến thảm họa và đẩy nước Mỹ vào vũng lầy chiến tranh Việt Nam"

Peter Brush(1) Việt dịch của LND

Tác giả Peter Brush là một cựu sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, đã từng đóng quân ở Quảng Trị trong 2 năm 1967 và 1968. Sau chiến tranh, ông đi học trở lại và tốt nghiệp Thạc sĩ Chính trị học. Hiện nay, ông là Quản thủ Thư viện của Đại học Vanderbilt, tiểu bang Tennesse. Ông còn là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu giá trị khác về Việt Nam.

Trong lịch sử ngắn ngủi của Nam Việt Nam, một người đàn bà đầy mưu mô tên là "Lệ Xuân" đã dùng tất cả mánh lới để đưa mình lên đỉnh cao của quyền lực. Trong tiến trình đó, bà đã châm ngòi thù hận tôn giáo, ban hành những luật lệ đạo đức khắt khe, âm thầm nuôi dưỡng tham nhũng và làm cho người Việt lẫn các nước bạn đồng minh công phẫn đến mức suốt đời bà bị gán hỗn danh là "Rồng Phu Nhân". Đây là tên của một nhân vật nữ quỷ quái một cách tuyệt vời do họa sĩ

1. Trích từ Nguyệt san "VIETNAM", số tháng 10 năm 2009.

Milt Caniff tạo ra năm 1934 trong loạt chuyện tranh bằng hình "Terry and the Pirates" nổi tiếng của Mỹ. Người thiếu phụ trẻ tuổi Trần Lệ Xuân đã trở thành một bà Ngô Đình Nhu cố chấp, giữ vai chính trong một vở kịch phức tạp và huyền bí làm cho nước Mỹ bị lôi vào một bẫy sập. Bà cũng cho thấy trước những vị cay đắng của một thập niên tàn khốc tiếp theo sự ra đi của bà. Trên cương vị là một người em dâu của Tổng thống độc thân Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm, bà Ngô Đình Nhu tự coi mình là "Đệ Nhất Phu Nhân" và là người đàn bà nổi tiếng và nhiều quyền uy nhất nước. Bản tính không ngại ngùng những điều dị nghị và thích thú với tiếng tăm, Bà Nhu được Tổng thống Diệm ủng hộ tối đa nhưng cũng bị Tổng thống John F. Kennedy và chính quyền nước Mỹ quá sức chán ghét. Cuộc đời lên bổng xuống trầm của Bà Nhu đã tượng trưng cho một bãi lầy mà chính sách ngăn chận Cộng sản của Mỹ tại Đông Nam Á đã được xây dựng trong những năm đầu thập niên 1960. Sinh năm 1924, cô Trần Lệ Xuân ra đời và lớn lên từ một trong những gia đình giàu có và quý phái nhất Việt Nam. Gia tài kếch sù của họ đã được xây dựng từ nhiều năm phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp. Cô ta có 20 người hầu hạ trong căn nhà ở Hà Nội, nơi mà thân phụ của cô hành nghề luật sư. Cô Lệ Xuân là một học sinh tầm thường nhưng giỏi tiếng Pháp mặc dù không viết được tiếng Việt và không học hết bậc trung học. Cô không có một tuổi thơ vui vẻ vì cảm thấy không có được tình thương của Mẹ, từ đó cô thường tranh cãi với Mẹ. Cô đã muốn lấy chồng sớm để thoát ly khỏi vòng kềm tỏa của gia đình. Ông Ngô Đình Nhu tuổi ngoài 20 ở Paris, học về văn hóa và thư viện. Gia đình nhà Ngô đã đổi qua đạo Công giáo từ thế kỷ XVII. Thân phụ của ông Nhu đã từng là cố vấn (Phụ Chính Đại Thần - LND) cho Hoàng đế của Việt Nam. Đầu những năm 1940, ông Nhu trở về Hà Nội làm quản thủ thư viện Đông Dương. Thời kỳ này, ông trở thành một người ngưỡng mộ Mẹ của cô Lệ Xuân qua phòng khách văn chương của bà (là nơi, bắt chước theo phong cách người Pháp salon litéraire, các nhà trí thức tụ họp để thảo luận những đề tài văn nghệ – LND). Trong khi ông Nhu đem sách vở đến và dạy kèm tiếng La-Tinh cho cô Lệ Xuân thì cô gái 19 tuổi này lập ra một kế hoạch để thoát khỏi vòng kềm kẹp của gia đình. Mặc dù nhỏ hơn ông Nhu 14 tuổi, và cũng không yêu, bà đã đổi qua đạo Công giáo và lấy ông này năm 1943.

THĂNG TRẦM CỦA "RỒNG PHU NHÂN" TRẦN LỆ XUÂN • 163

Ba năm sau khi hai người thành vợ chồng, chiến tranh bùng nổ giữa Việt Minh và Pháp.(2) Anh em nhà ông Nhu chống Cộng một cách mạnh mẽ. Một người anh, là ông Ngô Đình Diệm, bị Việt Minh bắt giam và nhốt tù một thời gian ngắn; một người anh khác, là ông Ngô Đình Khôi, bị Việt Minh giết. Ông Nhu đã tìm cách tránh được chuyện bị bắt giữ nhưng bà Nhu thì không thoát được. Bà và người con gái mới sinh (Lệ Thủy) bị Việt Minh bắt tháng 12 năm 1946 và giữ bốn tháng trong một ngôi làng hẻo lánh. Sau khi quân thực dân Pháp tiến chiếm vùng này, gia đình bà được giải thoát và đoàn tụ với gia đình rồi dời về sống trong thành phố nghỉ mát Đà Lạt trên Cao nguyên Trung phần. Tại đây, ông bà Nhu đã ra một tờ báo và bắt đầu tổ chức yểm trợ cho ông Diệm, khi đó được coi như là một lãnh tụ quốc gia chống Cộng đang lưu vong ở Mỹ. Năm 1953, ông Nhu dọn vào Sài Gòn. Ông tổ chức biểu tình chống Pháp thực dân và Cộng sản. Ông cũng mưu đồ kế hoạch để phá hoại những ủng hộ cho Hoàng đế Bảo Đại hầu

nâng cao uy tín của phong trào quốc gia do ông Diệm lãnh đạo. Ông Diệm khi ấy ở Pháp và đang tiếp xúc với cộng đồng đông đúc người Việt đang lưu vong ở Paris. Vào tháng 3 năm 1954, khi một lực lượng Việt Minh hùng hậu đang đe dọa quân thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, vua Bảo Đại - bị phần lớn dân Việt coi như bù nhìn của thực dân Pháp - nhận ra là thực dân Pháp có thể sắp phải rời khỏi Việt Nam. Tháng 6 năm 1954, dựa trên sự ủng hộ ông Diệm của quần chúng Việt Nam, Bảo Đại phong ông Diệm giữ chức Thủ tướng cho vua Bảo Đại. Năm sau, ông Nhu tạo ra một kế hoạch giúp ông Diệm thắng ông Bảo Đại trong cuộc tranh giành quyền lực: Tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để dân chúng chọn một trong hai người. Lúc này, ông Nhu đã nắm quyền chỉ huy mật vụ để từ đó có thể quyết định kết quả cuộc trưng cầu dân ý ngày 25 tháng 10 năm 1955. Với kết quả thắng khủng khiếp 98.2%, ông Diệm đã "thắng" cuộc bầu cử và bắt đầu thủ tục loại vua Bảo Đại, tuyên bố thành lập một nền Cộng hòa, tự xưng Tổng

2. Để có thêm chi tiết về thời trẻ tuổi của Bà Nhu, xin xem "The Queen Bee", Time, August 9, 1963, p. 22. "Ngo Dinh Nhu, Madame (Tran Le Xuan)" by Arthur T. Frame in Encyclopedia of the Vietnam War: A Political, Social, and Military History, Spencer C. Tucker, ed. NY: Oxford University Press, 1998, p. 293.Edward Miller, "Vision, Power, and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54." Journal of Southeast Asian Studies, Vol. 35, No. 3, October 2004, p. 448.

thống và bắt đầu một chế độ độc tài. Vì kịch liệt chống Cộng sản, ông Diệm được chính quyền Eisenhower sẵn sàng ủng hộ và viện trợ hàng trăm triệu Mỹ kim. Với ông Nhu ở bên cạnh, ông Diệm đã hạ bệ tất cả các kẻ thù chính trị và xây dựng quyền hành của ông trong vài năm sau đó.

Bệnh sùng bái lãnh tụ: Hình ông Diệm được cho phép bày bán chung với hình Phật, Chúa và Đức Mẹ trên đường phố

Ông bà Nhu dọn vào Dinh Độc Lập và kiểm soát mọi tiếp xúc của ông anh Tổng thống. Quyền lực của hai ông bà Nhu trở nên vô giới hạn. Ký giả David Halberstam đã làm một so sánh tương quan quyền lực này nếu ông Diệm làm Tổng thống Mỹ thì ông Nhu sẽ có quyền kiểm soát tất cả báo chí của 50 tiểu bang, ông sẽ cầm đầu các cơ quan C.I.A., F.B.I. và Quốc hội; ông sẽ cầm đầu cả hai Bộ Tư pháp và Ngoại giao; ông cũng là người viết tất cả báo cáo cho Tòa Bạch Cung(3). Cả hai ông và bà Nhu đều là dân biểu Quốc hội năm 1956, nhưng rất ít khi cả hai ông bà đi họp.(4) Vì ông Diệm không có vợ, Bà Nhu làm nhiệm vụ "Đệ Nhất Phu Nhân" với tất cả rình rang và uy quyền của chức vụ này. Năm 1956, bà bắt đầu một chiến dịch quan trọng để thay đổi mối liên hệ gia đình Việt Nam một cách sâu đậm. Sau khi Luật Gia Đình 1958 của Bà Nhu được bầu thành luật thì đa thê, ly dị và ngoại tình trở nên bất hợp pháp. Đàn bà được bình quyền với đàn ông trong nhiều lãnh vực. Nhiều ông Dân biểu trong Quốc hội không đồng ý với những luật này của Bà Nhu và họ đã lên diễn đàn để đối chất. Bà Nhu đã giễu cợt ông Chủ tịch khối đa số và gọi ông ta là "một con heo".(5)

3. David Halberstam, The Making of a Quagmire (NY: Random House, 1964), p. 57. 4. Robert Scigliano, South Vietnam: Nation Under Stress (Boston: Houghton Mifflin Co., 1963), p. 43. 5. Halberstam, p. 56.

Chính sách đàn áp của chính quyền đã giúp chế độ ông Diệm được vững mạnh nhưng làm cho dân chúng dần dần xa lánh chế độ - và Việt Cộng đã khai thác cái ác cảm này trong người dân. Cuối thập niên 1950, ảnh hưởng Việt Cộng đã lan rộng đến mức tạo thành những khủng hoảng chính trị cho miền Nam. Khuynh hướng cai trị độc tài của Tổng thống Diệm nếu đã không gia tăng nhanh chóng là vì ông còn phải dựa vào những anh em trong gia đình ông. Cả bốn người anh em của ông đều nắm những vai trò quan trọng trong việc điều khiển Nam Việt Nam. Mặc dù nắm giữ uy quyền tối quan trọng, ông bà Nhu không có một chức vụ chính thức gì trong chính phủ của Tổng thống Diệm. Chức vụ chính thức của ông Nhu là Cố vấn của Tổng thống. Bà Nhu cầm đầu Phong trào Phụ nữ Liên đới và chịu trách nhiệm về mọi vấn đề phụ nữ một cách tổng quát. Dù vậy, càng ngày, ảnh hưởng và quyền lực của ông bà Nhu càng gia tăng đến mức mà nhiều quan sát viên đã cho là ông Nhu có nhiều quyền hơn cả ông Diệm vì ông có ảnh hưởng rất mạnh lên những suy tư của ông anh Tổng thống. Một số quan sát viên khác thì cho rằng chính Bà Nhu mới là nhân vật thống trị trong gia đình nhà Ngô. Càng ngày bà càng tìm cách dính dự vào những chuyện đi ra ngoài địa hạt của chuyện phụ nữ và tìm cách để được ngang hàng với ông Tổng thống.(6) Nhà ngoại giao John Mecklin, làm việc với cơ quan USIA (Phòng Thông Tin Mỹ) ở Việt Nam từ 1961 đến 1962, đã có cơ hội được biết Tổng thống Diệm và ông bà Nhu một cách thân mật. Theo ông thì cả gia đình này đều bị bệnh thần kinh. Thật như vậy, vì nhiều hành vi của họ lạ lùng đến mức người ta phải nghĩ là họ muốn chết. Theo ông Mecklin, "một cách cơ bản, ông bà Nhu là thuốc độc đã giết chết chế độ." Bà Nhu là một "người đàn bà dễ nổi nóng" muốn áp đặt giải pháp cho những vấn đề chính trị nhưng hầu như bà luôn luôn kéo những vấn đề ấy theo chiều hướng đầy tai hại. Những cuộc khủng hoảng ảnh hưởng đến quốc gia làm cho bà Nhu bị khích động một cách mạnh mẽ, nhưng phản ứng của bà làm cho chuyện trở nên tệ hại hơn. Bà không đẹp nhưng có một bề ngoài gây ấn tượng, đầy nghị lực và có những sở thích quá độ. Thích phô diễn và cũng có máu khôi hài nên bà Nhu là một người có sức nói chuyện thu hút, có khả năng diễn đạt. Theo Mecklin, cách bà Nhu nói chuyện như "như súng liên thanh nổ bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh."(7)

6. Scigliano, pp. 59-60. 7. John Mecklin, Mission in Torment: An Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam (Garden City, NY: Doubleday, 1965), p. 37, 43, 48.

Trong khi nổi bất mãn với chính quyền ông Diệm càng ngày càng gia tăng, tòa Bạch Cung không có cách nào khác hơn là thúc đẩy ông Diệm cải tổ để nới rộng sự ủng hộ của quần chúng. Năm 1959, Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow cố gắng thuyết phục ông Diệm tách bỏ ông Nhu và đem vào chính quyền những nhân vật mới.(8) Tháng 11 năm

1960, các quân nhân thuộc binh chủng Nhảy Dù của quân đội VNCH tổ chức đảo chánh ông Diệm cũng có cùng một mục đích như vậy. Một trong những đòi hỏi đầu tiên của lực lượng Nhảy Dù là bà Nhu phải dời ra khỏi Dinh Tổng thống. Theo một bản tin của tuần báo Time, bà Nhu đã hãnh diện khi biết được đòi hỏi này.(9) Trong những giây phút đầu tiên của cuộc đảo chánh, Tổng thống Diệm và hầu hết phụ tá trong Dinh Độc Lập đều muốn chấp nhận những đòi hỏi phải thành lập một chính phủ mới. Chỉ một mình bà Nhu đã bác bỏ tất cả những đề nghị thỏa hiệp và khăng khăng đòi chiến đấu chống đảo chánh đến cùng. Cuối cùng ông Diệm kêu được những lực lượng vẫn còn trung thành với ông và chấm dứt được cuộc đảo chánh của binh chủng Nhảy Dù. Hậu qủa của cuộc đảo chánh gần thành công này là ảnh hưởng của bà Nhu đã gia tăng một cách mãnh liệt làm mất tinh thần những kẻ thù của bà. Bàn về sự kiện này, bà Nhu đã tóm tắt một cách châm biếm: “Trước đây thì họ không coi tôi ra gì. Nhưng bây giờ thì họ bắt đầu để ý đến tôi. Và mỗi lần tôi nói điều gì thì họ lại lo âu.” Trong khi xảy ra cuộc binh biến đó, Đại sứ Durbrow đã đề nghị mời bà Nhu qua trú ẩn ở Tòa Đại sứ Mỹ. Lời mời này của ông Đại sứ đã làm cho bà Nhu đâm ra nghi ngờ có bàn tay đồng lõa của Mỹ mặc dầu người Mỹ đã không bảo trợ cuộc đảo chánh này. Càng lúc ông Diệm và ông Nhu càng trở nên hoang tưởng làm cho chế độ càng lấy thế phòng thủ và quần chúng càng trở nên xa lánh. Theo ký giả Halberstam của nhật báo New York Times “Tất cả chuyện gì sai quấy đều đổ tội lên đầu ông bà Nhu” và bà Nhu “đã trở thành mục tiêu của càng nhiều căm thù.”(10) Còn theo sử gia Joseph Buttinger thì “Nhu và vợ là hai người bị thù ghét nhất Nam Việt Nam”(11). Với Luật Gia Đình năm 1958, bà Nhu vẫn coi là chưa đủ để bảo vệ đạo đức của người Việt Nam. Luật Bảo vệ Luân Lý năm 1962 của

8. Robert Shaplen, The Cult of Diem, New York Times, May 14, 1972, p. SM 16. 9. “The Queen Bee,” Time, August 9, 1962, p.21. 10. Halberstam, pp. 48-49. 11. Joseph Buttinger, Vietnam: A Political History (NY: Frederick A. Praeger, 1968), p. 447.

Bà Nhu nhắm tấn công một số lớn hành vi khác như ngừa thai, thi hoa hậu, cờ bạc, nhảy đầm, đánh võ quyền Anh, đá gà và đá cá. Trẻ vị thành niên bị cấm coi một vài loại phim hay kịch. Phù thủy và đồng bóng bị loại ra ngoài vòng pháp luật. Đĩ điếm bị cấm(12). Dân chúng càng thích những điều bị cấm đoán thì những đạo luật này càng làm cho bà Nhu bị ghét bỏ. Theo ký giả Malcolm Browne của cơ quan thông tấn Associated Press (AP) tại Sài Gòn, bà Nhu còn tuyên chiến với cả gia đình của chính bà. Năm 1962 bà đã làm cho chị của bà (Trần Lệ Chi) phải tìm cách tự tử. Năm 1963, bà tuyên bố từ bỏ cha mẹ của bà.(13) Mặc dù bà Nhu hãnh diện đã được để ý trong vụ đảo chánh năm 1960, bà lại trở nên giận dữ khi bà và ông Nhu trở thành mục tiêu trong vụ phản loạn thứ hai. Ngày 27 tháng 2 năm 1962, hai phi công, đã được huấn luyện ở Mỹ, thuộc Không Quân VNCH lái hai chiếc khu trục AD-6 cất cánh từ căn cứ Biên Hòa ở ngoại ô phía Bắc Sài Gòn. Trung úy Nguyễn Văn Cử đã cố ý nhắm thả một trái bom ở cánh trái Dinh Tổng thống, nơi sinh sống của gia đình ông bà Nhu. Khi bom nổ, ông Diệm đang đi trong một hành lang và gần như bị hơi bom kéo đi một quãng dài. Ông

Nhu không bị gì, Bà Nhu chỉ bị trặc chân vì té cầu thang. Người đồng chí của Trung úy Cử là Trung úy Phạm Phú Quốc bị súng phòng không bắn hạ máy bay (trên sông Sài Gòn) và bị bắt làm tù binh. Trung úy Cử đã dùng bom lửa (napalm) và chất nổ để tấn công Dinh Độc Lập xong bay thẳng qua Cao Mên và được hưởng quy chế tỵ nạn chính trị. Sau đó ông đã tuyên bố là lòng căm thù làm cho ông tấn công Dinh Độc Lập đã đến từ gia đình ông Diệm nhiều hơn là từ chính ông Diệm. Trung úy Quốc bị giam cho đến khi cuộc đảo chánh thứ ba xảy ra mới được trả tự do. Sau đó cả hai phi công đều trở lại nhiệm sở phi công cũ của họ.(14) Ông Diệm biết là ông cần viện trợ Mỹ để giữ vững ghế Tổng thống, nhưng ông và ông bà Nhu muốn một loại viện trợ vô điều kiện. Nhà Ngô không bằng lòng với sự hiện diện ngày càng lan rộng của người Mỹ trong nước họ - Bà Nhu gọi một cách đanh đá là “chủ nghĩa

12. Malcolm W. Browne, The New Face of War: A Report on a Communist Guerrilla Campaign (London: Cassell, 1965), p. 170. New York Times, February 4, 1962, p. 3. 13. Browne, p. 170. 14. New York Times, February 28, 1962, p. 1, and New York Times, March 1, 1962, p. 1.

Mỹ quốc đáng sợ” – và họ sẵn sàng hành động để giới hạn chuyện này. Trước hết, bà Nhu ra lệnh cho cảnh sát bắt những người đàn bà Việt Nam đi ngoài đường với người Mỹ.(15) Theo ký giả Halberstam, nguyên tắc chính trị của bà Nhu khá đơn giản: Nhà Ngô luôn luôn đúng, họ không bao giờ nên thỏa hiệp và không bao giờ cần để ý đến những chỉ trích.(16) Về một mặt khác, người Mỹ nghĩ họ đang là người nuôi dưỡng chế độ, đang huấn luyện cảnh sát và quân đội VNCH, và cố vấn Mỹ bắt đầu chết vì chế độ Diệm ở ngoài mặt trận. Người Mỹ nghĩ là họ có quyền đưa ra những lời khuyên và họ chờ đợi chế độ Diệm nghe theo lời khuyên của họ. Nhờ vào viện trợ của Mỹ, quân lực VNCH đã tăng trưởng nhanh chóng. Nhưng đồng thời, quân số và hoạt động của Việt Cộng cũng tăng trưởng nhanh chóng theo.(17) Và chính các phần tử của quân đội VNCH đã tấn công Dinh Tổng thống hai lần. Trong mối nghi ngờ lòng trung thành của quân đội, ông Diệm bắt đầu áp dụng những chiến thuật quân sự để làm yếu khả năng đảo chánh của quân đội hơn là để chiến đấu chống Cộng sản một cách hữu hiệu. Theo ký giả Halberstam, cách hành xử của bà Nhu đã làm cho mối liên hệ với các sĩ quan cao cấp càng trở nên tệ hại, khi bà ở trong Dinh Tổng thống và ra lệnh cho họ như “người làm trong nhà.” Bà thường đối xử với những người này như tôi tớ của nhà bà.(18) Tổng thống Diệm và ông Nhu theo đạo Công giáo trong khi đa số dân Việt Nam theo đạo Phật. Vì tình trạng đảng phái đối lập ở miền Nam bị cấm đoán, đạo Phật trở thành một phương tiện để cho những bất mãn được phát lộ. Anh của Tổng thống Diệm là ông Ngô Đình Thục, Tổng Giám mục địa phận Huế, thành phố trung tâm của đạo Phật ở Việt Nam. Khoảng đầu năm 1963, người ta tổ chức một lễ mừng 25 năm (Ngân Khánh – LND) ông Thục lên chức Tổng Giám mục. Cả hai lá cờ Công giáo Vatican và cờ quốc gia Việt Nam đều đã được treo khắp nơi. Đây là một sự vi phạm luật đương thời chỉ cho phép cờ quốc gia được treo ở những nơi công cộng. Một thời gian ngắn sau đó là lễ mừng Phật Đản Sanh thứ 2.587 và Phật tử ở Huế muốn treo cờ Phật giáo. Khi

chính quyền ông Diệm ra lệnh cấm treo cờ, hàng ngàn Phật tử biểu tình phản đối và chín người đã bị quân của

15. Browne, 256.

16. Halberstam, pp. 65-66.

17. Andrew F. Krepinevich, Jr., The Army and Vietnam (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1986), pp. 58-59, 61-63.

18. Halberstam, p. 53.

chính quyền bắn chết. Sau biến cố này, Đại sứ Mỹ William Trueheart đã thúc giục ông Diệm hãy làm hòa với các Phật tử bằng cách chấp nhận lỗi lầm, đền bù cho gia đình những nạn nhân và công khai xin lỗi về chuyện này. Thay vì làm như vậy, chính quyền đã đổ lỗi cho Việt Cộng. Khi Phật tử tiếp tục xuống đường phản đối, chính quyền ra lệnh cấm biểu tình. Và đó là khởi đầu của cuộc khủng hoảng Phật giáo làm nghiêng ngửa chế độ. Sau khi nhận thấy những phản ứng của chính quyền không thỏa mãn những đòi hỏi của Phật giáo, một số tăng ni bắt đầu một loạt phản đối bằng cách tuyệt thực. Phong trào phản đối ở Huế trở nên bạo động và quân của chính quyền chống trả trở lại. Những cuộc biểu tình của Phật tử chống chính quyền càng lúc càng lan rộng một cách nhanh chóng trên toàn quốc. Ngày 11 tháng 6 năm 1963, một vị sư già ngồi xuống trên một ngả tư đường gần chùa Xá Lợi. Một vị sư khác đổ xăng lên người ông ta, vị sư già châm một que diêm, và ngọn lửa bùng lên trên thân thể ông. Đó là Hòa thượng Thích Quảng Đức, người đầu tiên trong bảy vị sư đã tự thiêu để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm. Những vụ tự thiêu làm choáng váng các viên chức Mỹ và họ đã áp lực ông Diệm hãy tìm một cách nào để dàn xếp cuộc khủng hoảng. Muốn chứng tỏ mình là một người sắt đá, bà Nhu vênh váo kêu gọi cần phải đập các nhà sư "mười lần hơn nữa" và miệt thị những cuộc tự thiêu là "những màn nướng sư" (monk barbecue show).(19) Bà Nhu còn châm thêm dầu vào lửa với lời nhạo báng: "Nếu các Phật tử muốn có thêm một cuộc nướng thịt, tôi sẽ hân hoan cung cấp dầu xăng và một que diêm."(20) Cuối cùng, người Mỹ cũng ép được ông Diệm đi gặp các lãnh tụ Phật giáo và ông đã đưa ra một thông cáo hòa giải chung. Ngay khi biết được chuyện này, bà Nhu đã chê ông Diệm là hèn nhát và mềm như "con sứa", dù ông chỉ quyết định đi điều đình với các Phật tử.(21) Mặc cho những lời tuyên bố của ông Diệm, lập trường của hai bên trở nên cứng rắn hơn. Khởi đầu, những phản đối của Phật giáo có tính cách tôn giáo nhưng càng lúc càng trở nên chính trị và càng được quần chúng ủng hộ. Ông Nhu nói các Phật tử là những người nổi loạn và phong trào của họ bị Cộng sản xâm nhập. Tổng thống Diệm và ông bà Nhu muốn nghiền nát phong trào Phật giáo nhưng bị người Mỹ kềm chế. Người Mỹ bày tỏ lòng tin vào tự do tín ngưỡng và thúc giục

19. New York Times, August 25, 1963, p. E1. 20. Mecklin, p. 178. 21. Halberstam, p. 212.

chính quyền ông Diệm cần phải cải tổ. Cuộc khủng hoảng Phật giáo ngày càng trầm trọng cho đến mùa thu năm 1963. Ông bà Nhu than phiền là Tổng thống Diệm quá

mềm yếu với Phật giáo.và tin đồn loan ra là quân đội – và cả ông bà Nhu – đang âm mưu những kế hoạch đảo chánh để đẩy ông Diệm ra khỏi chính quyền. Đêm 21 tháng 8 năm 1963, ông Nhu, vốn xem Lực Lượng Đặc Biệt (LLĐB) như là đạo quân riêng của ông ta, đã ra lệnh cho hàng trăm lính LLĐB dùng súng, lựu đạn và lựu đạn cay tấn công chùa Xá Lợi. Phật tử đã phòng thủ phía trong chùa nhưng sau hai giờ chống trả, hơn 100 nhà sư đã bị bắt và đem giam ở một nơi khác. Trong một cuộc phỏng vấn ngày hôm sau cuộc tấn công chùa này, ký giả Halber- stam đã mô tả bà Nhu "ở trong một trạng thái hớn hở, nói năng ào ào như một nữ sinh sau một buổi nhảy đầm." Bà nhởn nhơ nói với người phóng viên là chính quyền đã nghiền nát nhóm "Phật tử Cộng sản" và cho biết là vụ tấn công này là "ngày vui nhất đời tôi kể từ ngày chúng tôi nghiền nát nhóm Bình Xuyên năm 1955."(22) Nhưng vụ này không phải là ngày vui nhất đời của người Mỹ vì họ là những người cung cấp tiền và huấn luyện Lực lượng Đặc biệt Việt Nam để được dùng trong công tác chống lại quân Cộng sản chứ không phải để tấn công chùa chiền. Đến thời điểm này, các viên chức Mỹ bắt đầu thảo luận về khả năng của một cuộc đảo chánh tổ chức bởi những tướng lãnh bất đồng chính kiến. Ngày 10 tháng 9, bà Nhu khởi đầu một chuyến công du đi Âu châu và Mỹ quốc để giải thích "âm mưu kỳ quái của Cộng sản để bóp nghẹt Việt Nam Cộng Hòa." Bà cũng chế nhạo những báo cáo nói là Mỹ có thể giảm bớt viện trợ để phản đối sự đàn áp của chính quyền nhà Ngô.(23) Khi chính quyền Kennedy thực sự cắt đứt ngân khoản 3 triệu Mỹ kim dành cho Lực Lượng Đặc Biệt cho đến khi họ trở ra mặt trận, bà Nhu tố cáo điều đó là "một hành động phản bội."(24) Ngày 22 tháng 9, khi đến La Mã (Roma, thủ đô nước Ý) bà gọi một cách chế nhạo các sĩ quan cố vấn Mỹ ở Việt Nam là những "lính đánh thuê con nít."(25) Ngày 7 tháng 10, khi bà đến Nữu Ước, không có một quan chức liên bang, tiểu bang hay thành phố nào ra đón tiếp. Ngày 18 tháng 10, khi đến thủ đô Hoa Thịnh Đốn, bà tố cáo chính quyền

22. Halberstam, p. 235.
23. Washington Post, September 10, 1963, p. A9.
24. New York Times, October 23, 1963, p. 4.
25. Washington Post, September 23, 1963, p. A28.

Kennedy giảm thiểu viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa là phản bội.(26) Trong khi đó tại Sài Gòn, các tướng lãnh dưới quyền lãnh đạo của tướng Dương Văn Minh, sau khi đã được các viên chức Mỹ bảo đảm là sẽ không can thiệp, đã tổ chức một cuộc đảo chánh lần thứ ba vào ngày 1 tháng 11 để lật đổ Tổng thống Diệm. Lần này [lần thứ ba của quân đội], cuộc đảo chánh đã thành công với kết qủa là cái chết thê thảm của hai ông Diệm và Nhu. Khi nghe tin này, niềm vui của dân Sài Gòn bùng nổ một cách tưng bừng. Một nhóm người dùng một dây sắt từ một tàu thủy đang đậu ngay bến tàu để kéo sập tượng bà Nhu.(27) Theo ký giả Halberstam, nếu lúc đó mà bà Nhu còn ở Sài Gòn, các tướng đảo chánh sẽ phải gặp rất nhiều khó khăn để ngăn cản sự cuồng nộ của dân chúng muốn treo cổ bà.(28) Trong những ngày đó, tại Beverly Hills, một bà Nhu quẫn trí đã kết tội một cách cay đắng chính quyền Mỹ đã kích động và yểm trợ vụ đảo

chánh. Khi được hỏi bà có muốn xin tỵ nạn chánh trị tại Mỹ, bà đã trả lời: “Không bao giờ! Tôi không thể nào sống trong một quốc gia có những người đã đâm vào chính quyền của tôi.”(29) Rồi bà cùng các con bay qua La Mã sống ẩn dật trong một tu viện. Theo một bản tin trong nhật báo New York Times, sau năm tuần công du tại Mỹ, bà đã để lại một mớ hóa đơn (khách sạn, tiệm ăn, nhà hàng, ... - LND) trị giá hàng ngàn Mỹ kim không có ai trả.(30)

Tượng Hai Bà Trưng, vì được lệnh điêu khắc theo vóc dáng và khuôn mặt của hai mẹ con bà Nhu, nên đã bị sinh viên và dân chúng kéo sập sau ngày 1-11-1963. Phần cái đầu của tượng, giống khuôn mặt bà Nhu, được chở trên xe xích lô máy đi bêu diếu khắp Sài Gòn

26. New York Times, October 19, 1963, p. 6. 27. Seth Jacobs, America’s Miracle Man in Vietnam (Durham, NC: Duke University Press, 2004), p. 2. 28. Halberstam, p. 55. 29. New York Times, November 2, 1963, p. 1. 30. New York Times, November 16, 1963, p. 6.

Những nhà lãnh đạo trong chính quyền mới ở Sài Gòn đã hành động nhanh chóng để xóa sạch những ảnh hưởng độc hại của bà Nhu. Ngày 15 tháng 11, chính quyền Sài Gòn vô hiệu hóa thẻ thông hành của bà, và một tháng sau họ hủy bỏ hai bộ luật luân lý và gia đình không ai ưa của bà Nhu.(31) Ba tuần sau vụ đảo chánh, cảm thấy không chịu được đời sống ẩn dật, bà Nhu bán cho một nhà xuất bản Pháp độc quyền hồi ký của bà trên phim, trên truyền hình, trên báo chí.(32) Bà lại bắt đầu những chỉ trích công khai đối với nước Mỹ. Bà gọi Đại sứ Henry Cabot Lodge là một “bà vú em loạng quạng” muốn trở thành một ông “toàn quyền” của Việt Nam Cộng Hòa.(33) Ngày 13 tháng Giêng năm 1964, bà Nhu lên tiếng yêu cầu tổ chức Liên Hiệp Quốc mở một cuộc điều tra cuộc đảo chánh tháng 11 và tỏ ý nghi hoặc một cách lạ lùng là chồng bà và ông Diệm vẫn chưa chết.(34) Tháng sau đó, chính quyền Sài Gòn đặt bà ra ngoài vòng pháp luật và ra thông tư để bắt giữ bà.(35) Tháng 3 năm 1964, bà Nhu cho lưu hành một bản tuyên bố dài 16 ngàn chữ để tấn công Tổng thống Kennedy, người đã bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963, và kết án nước Mỹ là Phát-xít và Cộng sản. Tháng 6 năm 1964, bà Nhu nộp đơn xin chiếu khán để vào thăm nước Mỹ nhưng bị từ chối theo yêu cầu của Đại sứ Cabot Lodge. Tại La Mã, bà Nhu dọn về sống cùng một chỗ với Tổng Giám mục Ngô Đình Thục. Trong khi tuyên bố là bà rất ghét báo chí Mỹ nhưng bà vẫn đồng ý tiếp các ký giả theo các điều kiện: Phải trả 1,000 Mỹ-kim để chụp hình, 1,500 Mỹ kim để phỏng vấn và chụp hình. Và khi phỏng vấn thì phải chụp hình.(36) Trong khi nước Mỹ càng lúc càng lún sâu vào vũng lầy của một cuộc chiến tranh nguy hiểm ở Việt Nam và những cuộc đảo chánh lật đổ một loạt chính quyền ở Sài Gòn, hình ảnh một người đã từng một thời là bà “Rồng phu Nhân” đáng sợ và đầy uy quyền đã trở nên nhạt nhòa, gia sản của bà lụn bại và cuộc đời bà sa sút thành một bi hài kịch thê thảm.

31. Washington Post, November 29, 1963, p. A6. 32. Washington Post, November 16, 1963, p. A9, New York Times, December 19, 1963, p. 9. 33. New York Times, December 16, 1963, p. 8. 34. New York Times, January 14, 1964, p. 3. 35. New York Times, February

26, 1964, p. 2. 36. Washington Post, November 30, 1965, p. B3.

THĂNG TRẦM CỦA “RỒNG PHU NHÂN” TRẦN LỆ XUÂN • 173

Dù được sinh ra từ một trong những gia đình quan trọng tại Việt Nam, trong thập niên 1970s, bà đã sống trong một biệt thự tại La Mã, một căn nhà được mô tả là đã “tàn tạ”. Nhà của bà bị trộm nhiều lần(37). Bà dành thì giờ để làm vườn và viết lách.. Dầu vậy, nhà bà cũng đã bị trộm viếng nhiều lần. Năm 1967, cô gái Ngô Đình Lệ Thủy qua đời trong một tai nạn xe hơi (ở Paris). Tháng 7 năm 1986, em trai của bà, ông Trần Văn Khiêm, bị kết tội cố sát cha mẹ già là ông bà cựu Đại sứ Trần Văn Chương(38) tại tư gia ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Theo tin tức của báo chí, năm 1978 bà Nhu tuyên bố là đang viết gần xong một cuốn lịch sử của VNCH “từ vị thế của một người ở trong cuộc.” Không có ai còn sống mà có một cái nhìn tốt hơn bà Nhu về sự thăng trầm chế độ ông Diệm và thời kỳ nước Mỹ bắt đầu dính dự vào một cuộc chiến tranh lâu dài nhất với nhiều tranh cãi nhất. Không có người đàn bà Việt Nam nào nhiều uy quyền hơn, tạo nhiều tranh cãi hơn và cũng bị khinh miệt nhiều hơn bà Ngô Đình Nhu. Khi viết bài này, Bà Nhu đang sống ở La Mã và, đáng tiếc thay là cuốn sách của bà vẫn chưa được xuất bản. PETER BRUSH

Để tìm hiểu thêm, xin đọc: David Halberstam, The Making of a Quagmire (NY: Random House, 1965) và John Mecklin, Mission in Torment; an Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam (Garden City, N.Y.: Doubleday, 1965).

37. Washington Post, April 24, 1987, p. C2. 38. Washington Post, October 19, 1987, p. A1; New York Times, November 2, 1986, p. 23; “Dragon Lady”, Newsweek, June 5, 1978, p. 16.

ĐẢNG CẦN LAO Tổng hợp của Lê Xuân Nhuận

I. CẦN LAO LÀ GÌ? Từ ngữ “Cần Lao” là do tay sai thực dân Pháp bộ hạ của Quốc Xã Đức đặt ra. Nguyên Thống Chế Philippe Pétain của Pháp (một anh hùng trận mạc từ thời Đệ Nhất Thế Chiến), sau khi quân Pháp bị quân Quốc Xã Đức đánh bại tại mặt trận vào tháng 6 năm 1940, đã được quốchội Pháp bầu làm Quốc Trưởng, đốiphó với tìnhhình QuốcXã Đức đang tiến chiếm thủđô Paris. Nhưng ông lại đầu hàng Đức, tự biến chínhquyền của mình thành bùnhìn cho Quốc Xã Đức của Adolf Hitler (Phe Pétain tựhào là nhờ có ông đứng ra hợptác với Đức, thủđô Paris của Pháp mới khỏi bị phi pháo tantành). Chế độ Pétain sửa đổi khẩu hiệu của Cộng hòa Pháp quốc (Ré- publique Francaise) nguyên là “Tự Do – Bình Đẳng – Bác Ái” (Lib- erté – Égalité – Fraternité) thành ra “Cần Lao – Gia Đình Tổ Quốc” (Travail – Famille – Patrie). Tiếng Pháp “Travail” (tiếng Anh là Labor) được bồi bút dịch ra tiếng Việt là “Cần Lao” (thay vì “Lao Động”). Cần Lao là khẩuhiệu số 1 trong chươngtrình “CáchMạng QuốcGia” (Révolution Nationale) của Pétain. Do đó, “Cần Lao” là một từngữ Việt do thựcdân Pháp nôlệ của QuốcXã Đức đặt ra. Tại Việt Nam, bọn đồđệ vănhóa của thực dân Pháp nô lệ Đức đã có sáng kiến bắt buộc mọi người đi xem xi-nê đều phải đứng nghiêm chào cờ, chiêm ngưỡng ảnh của Thống Chế Pétain, trong lúc nhạc trỗi bài “suy tôn” ông ta, trước khi phim được chiếu lên. Thanh niên, sinh viên, và học sinh đều phải học thuộc lòng mấy

bài thơ phổ nhạc ca tụng Pétain, tỉ như:

176 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Debout, belle jeunesse! Voici l'heure d'agir Et voici la promesse de toujours obéir! (Thanh niên, hãy đứng lên! Đây là giờ hành động! Và đây là lời hứa: hãy luôn luôn vâng lời!) Sinh viên học sinh mỗi khi hội họp, diễn hành, phải hát các bài hát ấy. Công chức, dân chúng nói chung, phải học tập các "huấn từ (lời nói)" của Pétain, cũng như phải thuộc lòng bài thơ Đường luật tiếng Việt ca tụng Pétain như sau: Con thuyền nguybiến lúc phongba Đứng mũi chịu sào rước Cụ ra Thời thế dở dang trăm nỗi khó Giang sơn trôngcậy một ông già Tám tuần đầu bạc pha sương tuyết Một tấm lòng son nặng quốcgia "Lời nói Ma San" ghi chép đó Đọc thì phải hiểu, hỡi dân ta! "Lời nói Ma San" ("Les Paroles du Maréchal") là những lời huấn thị và hiểu dụ của Thống Chế Pétain (mà thực dân vong quốc Pháp muốn sánh với "Khổng Tử viết"), và Sở ThôngTin Pháp in thành từng tập sách nhỏ phổ biến khắp nơi, với mục đích khuyến dụ mọi người hãy luyện đức"vâng lời" chỉ vâng lời của Thống Chế Pháp tay sai của Quốc Xã Đức mà thôi. Phe nhóm họ Ngô đã chọn dùng một từ ngữ con đẻ của thực dân cháu chắt của đế quốc Quốc Xã Đức, để gọi giới tinh hoa của phe nhóm họ Ngô là "Đảng Cần Lao" ("Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng"), cũng như rập khuôn chương trình "Révolution Nationale" của Pháp gian mà lập ra "Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia" dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa! Họ cũng học đòi "suy tôn" lãnh tụ, từ chào cờ, chiêm ngưỡng ảnh, trỗi nhạc tán dương "Pháp gian" Pétain, đến tuyên truyền học tập tuân lời Thống Chế ngụy trước kia, biến thành lớp lang chào cờ, chiêm ngưỡng ảnh lãnh tụ, trỗi nhạc ca tụng, đồng ca suy tôn, và học tập "đạo đức cách mạng" của Ngô Chí Sĩ (rồi Ngô Tổng thống) sau này. (Riêng về bài hát " Suy tôn Ngô Tổng Thống" thì có 2 bài khác nhau, một của miền Nam, một của miền Trung; nên khi có các nhân vật miền Nam ra Huế "chầu Cậu" (Ngô Đình Cẩn), hát chung với các

ĐẢNG CẦN LAO • 177

"đồng chí" miền Trung, thì cả hai phe rán hát thật to, lấn át lẫn nhau để mong được "Cậu" chú ý, tạo ra cảnh "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" lộnxộn vô cùng). Như thế tức là "bài trừ tàn tích thực dân" mà lại "noi gương thực dân". II. GIẤY KHAI SINH CỦA ĐẢNG CẦN LAO Nghị định số 116KNV/CT ngày 291954(1)

1. Tàiliệu của Chính Đạo trong "Việt Nam Niên Biểu" tập B.

178 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

III. ĐẢNG CẦN LAO TRƯỚC CÔNG LUẬN 31 Theo ký giả TÚ GÀN (Lữ Giang, Nguyễn Cần): "... Các tài liệu đã được giải mã gần đây cho thấy dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, chính Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã khuyến cáo và hướng dẫn chính phủ Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại "một cách hợp pháp" và thành lập một chế độc đảng như Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan để chống Cộng hữu hiệu. Ông Ngô Đình Nhu đã cho lập một đảng tương tự như thế và lấy tên là Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng. Bản dự thảo Điều Lệ của đảng này đã được dịch ra tiếng Anh và gởi cho Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ xem trước khi đưa ra áp dụng. Nhưng vì hoàn cảnh của Việt Nam

lúc đó đang ở trong cái thế "trên đe dưới búa" và "năm cha bảy mẹ", nên ông Nhu không thể tổ chức một đảng mạnh như Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, thành ra đầu voi đuôi chuột!... ."(2) "... (Dược sĩ) Nguyễn Cao Thăng được giao cho đứng tên sang lại hãng dược phẩm OPV của Pháp và làm chủ hãng này. Đây là một cơ sở kinh tài quan trọng của Đảng Cần Lao".(3) "... Tướng Lansdale, người cố vấn hình thành các toán chiến đấu dân sự cho miền Nam, rất thắc mắc về chuyện lập cái chế độ độc đảng này. Nhưng ông Reinhardt, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa (1955 – 1957), đã nhỏ nhẹ nói với Tướng Lansdale: "Một quyết định về chính sách của Hoa Kỳ đã được định rồi (a U.S. policy deci- sion had been made)". Về sau, trong bản phúc trình ngày 17.1.1961, Tướng Lansdale có ghi rõ: "Đảng Cần Lao không phải là ý kiến của nhà Ngô; "trước tiên nó được đề xướng bởi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ" để loại bỏ cộng sản ra khỏi đất nước (the CLP was not their idea; "it was originally promoted by the U.S. State Department" to rid the country of communists). Đại sứ Elbridge Durbrow, người thay thế Đại sứ Reinhardt, cũng đã mô tả rõ: "Tổ chức Cần Lao đã gần như theo mô thức của một đảng Cộng Sản, với các chi bộ, cán bộ, v.v..., và cũng có thể so sánh với Quốc Dân Đảng của Trung Hoa."

2. Trích từ bài viết "Lại chuyện Anh Hai" của Tú Gàn Lữ Giang <lugiang2003@ yahoo.com> 3. Trích từ email nhan đề "Những Bí Ẩn Đằng Sau" của Lữ Giang <lugiang2003@ yahoo.com> phổbiến trên diễndàn liênmạng ngày Thu, 13 Mar 2008 09:57:04 0700 PDT.

ĐẢNG CẦN LAO • 179

Nhưng ông Diệm, ông Nhu và ông Cẩn không có khả năng xây dựng tại miền Nam một đảng giống Trung Hoa Quốc Dân Đảng được. Trái lại, một số tay chân bộ hạ đã lợi dụng tổ chức này để lộng hành và tranh giành nhau quyền lợi... gây xáo trộn trong quân đội... ."(4) 3-2. Theo Luật Sư HOÀNG DUY HÙNG (nhà hoạt động chính trị, cộng đồng): "... Đảng Cần Lao vừa mới được thành lập và nó vẫn còn quá non trẻ so với các đảng quốc gia khác như Đại Việt và Quốc Dân Đảng. Các đảng ấy đã có một quá trình dài hoạt động cách mạng rồi, nhiều người trong họ đã hy sinh cho chính nghĩa và nền độc lập của tổ quốc. Các đảng ấy không có may mắn cầm nắm quyền lực trong chính phủ; do đó, họ không thể phát triển hoạt động của họ dễ dàng như Đảng Cần Lao; và, đương nhiên, nếu các lãnh tụ Đảng Cần Lao không đối xử với họ một cách khôn ngoan và tế nhị, thì sự bất mãn sẽ nổ bùng dễ dàng. Thí dụ, vào năm 1959, bác sĩ Phan Quang Đán và ông Nguyễn Trân đã được dân bầu vào Quốc Hội với tỷ lệ phiếu đạt được rất lớn. Vì một lý do nào đó, Nhu và vợ ông ấy đã cố gắng loại trừ hai nhân vật này ra khỏi chính quyền. Từ đó, không có bao nhiêu đảng viên của các đảng phái quốc gia khác muốn hợp tác với chính quyền Diệm. Diệm bổ nhiệm bác sĩ Trần Kim Tuyến làm Giám đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị và Xã Hội. Trong thực tế, sở này là một cơ quan tình báo nhắm mục đích giúp Diệm và Đảng Cần Lao củng cố thế lực trong chính quyền. Đối với nhiều người, cơ quan tình báo này là một sở "khủng bố", vì đã lạm quyền bắt bớ và giam cầm người dân mà không buộc tội gì cả. Nhiều lãnh tụ chính trị đã bị cơ quan tình báo này bắt bớ và bí mật giam cầm suốt nhiều năm trời, tỉ như Hà Thúc Ký, là Thủ Lãnh của Đại

Việt Cách Mạng Đảng, Phạm Thái, là một trong các lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Các lãnh tụ chính trị khác thì bị bí mật thủ tiêu, như trong trường hợp ông Nguyễn Bảo Toàn. Cảnh trạng đó càng thảm hại hơn, khi, vào ngày 6 tháng 5 năm 1959, Tổng thống Diệm ban hành một loạt các đạo Luật gọi là Luật 10/59 cho phép bắt giam bất cứ kẻ nào bị nghi là Cộng sản mà không cần thủ tục chính thức buộc tội. Các đạo luật này đã gây bất bình cho các nhà hoạt động nhân quyền khắp nơi trên thế giới. Dựa vào các đạo luật này, một số đảng viên Đảng Cần Lao cũng đã trả thù các kẻ thù

4. Trích từ bài viết "Trả lại sự thật cho lịch sử" Báo Saigon Nhỏ ngày 26.10.2007.

của mình bằng cách giản dị cáo buộc họ là "nghi can Cộng sản". Hẳn là, trong nhiều trường hợp, Cộng sản đã đứng đằng sau giựt dây và khích động quần chúng, đặc biệt là Phật tử, đứng lên chống đối chính quyền Diệm, do tính cứng rắn của ông cũng như do các hành động bất lương của đám thuộc hạ của ông. Đảng Cần Lao là nòng cốt của chính quyền Diệm. Đảng này mới được thành lập. Nó chưa có đủ thì giờ để đào tạo và thử nghiệm đảng viên. Vì đảng là đảng cầm quyền nên nhiều người xin vào đảng vì quyền lợi cá nhân hơn là vì lý tưởng. Họ luôn luôn nịnh hót Diệm để được Diệm tin cậy và tín cẩn, họ bịt mắt không cho Diệm thấy biết tính chất thật sự của nhiều sự kiện để có quyết định đúng đắn. Vì kết quả này, sau khi Tổng thống Diệm chết đi, đảng đã chấm dứt hoạt động... ."(5) 3-3. Theo Giáo Sư CAO THẾ DUNG (nhà văn, nhà hoạt động chính trị): ... "Về Quân đội, một sai lầm khác của chế độ miền Nam là đã đem đảng Cần Lao vào Quân Đội... . ... Khi một cấp ủy Hạ sĩ quan Đảng ủy trong đơn vị chỉ đạo cấp Tá thì quân đội tất bị xáo trộn, mất tôn thống quân giai. Hơn nữa, đảng chỉ là đảng chính quyền nên đảng trở thành nấc thang công danh cho một số thành phần cơ hội. Từ đầu năm 1957, đã có bất mãn trong quân đội, một phần lớn do sự hiện diện của đảng Cần Lao với một Quân Ủy gồm 6 người mà cả 6 người đều không có kinh nghiệm trong quân đội... Tuy nhiên, một số sĩ quan, nhất là cấp Tá muốn tiến thân đã vào đảng tạo nên tình trạng kéo bè kéo cánh trong quân đội, kết quả lại thành thứ "gian nhân hiệp đảng" dưới thời Nguyễn Văn Châu làm Giám đốc Tâm Lý Chiến, cấp Trung Tá làm Quân Ủy Trưởng (sau 1963, Châu theo Cộng Sản hoạt động trong Hội Việt Kiều yêu nước ở Paris)... . ... Gia nhập đảng Cần Lao dưới chế độ như Việt Nam Cộng Hòa không có gì đáng trách hay là điều đáng hổ thẹn hoặc là điều không tốt song, cái cung cách và ý đồ của người gia nhập đảng... mới là điều đáng xấu hổ.

5. Trích và phỏng dịch từ "A Common Quest For Vietnam's Future, a brief of Vietnam War, the First and Second Republic of Vietnam" [Cùng Tìm Tương Lai cho Việt Nam, tóm lược Chiến Tranh Việt Nam, hai nền ĐệNhất và ĐệNhị CộngHòa] của Hoàng Duy Hùng.

Đảng chỉ còn là thứ đảng "lên lon". Thật vậy, nhờ ở trong đảng và biết luồn cúi tâng bốc nên một Thái Quang Hoàng đầu năm 1954 là Đại úy, năm 1956 đã là Thiếu tướng, năm 1958, Trung tướng. Lê Quang Tung xuất thân khóa 4 Thủ Đức, đầu năm 1963 đã lên Đại

tá, 8 năm lên 6 cấp... Trần Ngọc Tám, đầu năm 1954 là Đại úy, đầu năm 1958 đã là Thiếu tướng chỉ nhờ có chân trong đảng và là con tinh thần của Giám mục Ngô Đình Thục. Trong khi Đại tá Linh Quang Viên, cựu đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, giáo quan trường Lục Quân Yên Bái (19451946), Đại tá từ đầu năm 1954, Tư lệnh Đệ IV Quân Khu, đeo lon Đại tá cho đến sau đảo chính 1963. Nhiều người bạn cùng khóa với tác giả đeo lon Trung úy 9 năm; Đại tá Nguyễn văn Thành, khóa I Nam Định, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 6 Sư đoàn 2 từ năm 1959, không vào đảng Cần Lao nên đeo lon Đại úy 9 năm, 7 năm làm Trung đoàn trưởng và kể cả thành phần ưu tú nhiệt tình ủng hộ chế độ như Đại úy Khiếu Hữu Diêu, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù... trong khi chỉ một thiểu số (rất ít) thăng cấp quá nhanh dù không bao giờ đi đánh trận hoặc lại là sĩ quan thiếu khả năng. ... Tiếng súng đảo chính 11.11.1960 vừa nổ thì cột trụ của chế độ đã bỏ trốn như trường hợp Nguyễn Văn Châu, Quân ủy Trưởng Đảng Cần Lao trong Quân Đội chạy trốn vào nhà dòng Chúa Cứu Thế đường Kỳ Đồng. Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An, tướng Nguyễn Văn Là bỏ trốn sớm nhất đến trưa 12.11.60 mới vào Dinh trình diện Tổng thống... . ... Từ lúc tổ chức đảng Cần Lao trong quân đội, cái lễ binh cách đã mất. Một Nguyễn Văn Châu, cấp Trung tá, môt con người rất tầm thường mà làm đến Quân Ủy Trưởng Quân Ủy Trung Ương trong Quân Đội thì đây là nghịch thường trong khi quân đội Cộng Sản Bắc Việt, Quân Ủy Trưởng là một Đại tướng, Chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị là một Thượng tướng, cả hai đều là Ủy viên Bộ Chính Trị.”(6) 3-4. Theo Tướng tình báo Mỹ EDWARD G. LANSDALE (Cố vấn, đỡ đầu cho nhân vật Ngô Đình Diệm): ... “Càng ngày càng có nhiều người đã đến tìm tôi để xin can thiệp, vì thân nhân của họ bị các đảng viên Cần Lao võ trang đầy mình nửa đêm tới gõ cửa và bắt đi. Thân nhân của những người này là viên chức

6. Trích từ cuốn sách “Việt Nam Ba Mươi Năm Máu Lửa” của Cao Thế Dung, xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1991 – trang 528534.

của chính phủ, không thích vô đảng phái phục vụ cá nhân, đã từ chối không tham gia đảng Cần Lao. Các nhân viên chánh quyền đều bị ép phải gia nhập đảng Cần Lao. Đảng Cần Lao được tổ chức mau chóng trong mọi cơ quan dân sự và quân sự... . ... Nếu đảng Cần Lao được ông Nhu tổ chức như một cơ cấu chính trị bí mật khắp trong chính phủ, dùng Công An Mật do ông Nhu kiểm soát để loại trừ đối lập, thì đảng Cần Lao sẽ khiến cho các đảng phái quốc gia khác rút vào phạm vi hoạt động bí mật để khỏi bị tiêu diệt....”(7) 35. Theo Ông NGUYỄN VĂN MINH (Cựu đại uý biệt phái văn phòng Cố Vấn Ngô Đình Cẩn): ... “Đến đầu năm 1954 Đảng bắt đầu phát triển mạnh, đặc biệt là trong hàng ngũ Quân Đội tại miền Trung. Cố Trung Tá Nguyễn Văn Châu, khi ấy là Trung Úy thuộc Phòng Quân Nhu Quân Khu II, người được Linh Mục Lê Sương Huệ tiến cử làm liên lạc viên cho ông Ngô Đình Diệm, thời gian ông bị ông Hồ chí Minh quản thúc tại Hà Nội (1946), được ông Ngô Đình Cẩn, với tư cách Bí Thư của Đảng, giao nhiệm vụ tổ chức đảng trong Quân Đội. Đảng được tổ chức theo hệ thống, trên hết là Trung Ương Đảng, kế đến là: Phía Dân Sự: Liên Khu, Khu, Tỉnh, Quận và Chi Bộ. Phía Quân Sự: Quân Ủy, Khu, Sư, Liên Chi, Chi Bộ và Tổ. Phía Quân Sự, một cuộc họp Đại Biểu Đảng trong toàn

quân được tổ chức tại Nha Trang vào hạ bán niên 1955, do Trung tá Đỗ Mậu khi ấy là Chỉ huy trưởng Phân Khu Duyên Hải phụ trách. Tại Đại Hội này, một Quân Ủy đã được thành lập với tên gọi là Quân Ủy Lê Lợi. Đại Hội cũng bầu ra Ban Chấp Hành đầu tiên của Quân Ủy Lê Lợi với Bí Thư là Tướng Lê Văn Nghiêm, bí danh Minh Sơn. Ông Ngô Đình Nhu, từ Sài Gòn ra dự buổi họp bế mạc với tư cách Tổng Bí Thư, chấp nhận thành phần Ban Chấp Hành Quân Ủy và chứng kiến lễ huyết thệ tuyệt đối trung thành với Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm và Đảng của tất cả các đảng viên tham dự cuộc họp. Năm 1957, khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị trong Quân Đội, Quân Ủy Đảng Cần Lao đã được ngụy trang dưới bí số B5 (Ban 5).

7. Trích từ cuốn sách "Tôi làm quân sư cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm", do LT dịch sang tiếng Việt, ấn hành tại Hoa Kỳ năm 1972 – trang 23536.

ĐẢNG CẦN LAO • 183

THỰC TRẠNG: Trong những năm đầu (19541960) đảng sinh hoạt đều đặn, nội dung sinh hoạt tương đối có chất lượng về các mặt xây dựng cán bộ, cơ sở đảng và chính quyền. Nhưng từ năm 1961, sinh hoạt của đảng mỗi ngày mỗi lỏng lẻo, rời rạc. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là vì: 1. Từ khi được thành lập đến khi nắm được chính quyền là một thời gian quá ngắn. Hầu hết cán bộ, đảng viên chưa học hỏi kinh nghiệm sinh hoạt đảng phái, chưa từng trải những khó khăn, gian nguy trong tranh đấu. 2. Ngay sau khi Lãnh tụ Ngô Đình Diệm vừa nắm chính quyền, các vị lãnh đạo cũng như cán bộ, đảng viên mọi cấp đã bị công tác đối phó với những khó khăn thời cuộc cuốn hút hết thời gian. Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ không được thực hiện đúng quy định và yêu cầu. 3. Trong thời gian tình hình đất nước nổi lên quá nhiều khó khăn (19541956), một phần chi phối bởi nhu cầu đối phó với tình hình, phần khác cũng do một số cán bộ mắc bệnh chủ quan, thiếu thận trọng. Nên việc kết nạp đảng viên thường căn cứ vào cấp bậc, chức vụ hoặc tình cảm mà bỏ qua nguyên tắc điều tra lập trường, thử thách đạo đức trong một thời gian cần thiết, trước khi chính thức kết nạp. Tình trạng kết nạp đảng viên lệ thuộc vào tình hình và phần nào thiếu thận trọng trên đây đã tạo cơ hội cho một số bọn "thời cơ chủ nghĩa" lọt được vào đảng với mục đích bảo vệ quyền lợi cá nhân hơn là lý tưởng. Sau khi lọt được vào Đảng, để củng cố uy thế, mưu lợi cá nhân, nhóm này thường khoa trương "nhãn hiệu" Cần Lao và để tỏ ra là một đảng viên trung thành, họ hay có những hành động thiếu ý thức đối với các đảng phái khác và những người có tư tưởng không đồng nhất với chính quyền. Hành động của nhóm người này cộng với tác phong của chú ngựa chở sắc phong Thành Hoàng về làng của một vài cán bộ được Tổng thống Diệm tín nhiệm, đã góp phần không nhỏ vào việc tạo ra nguyên nhân làm cho một số người bất mãn với chế độ. Đồng thời làm cho người bàng quan lầm tưởng rằng Tổng thống Diệm dùng Đảng Cần Lao khống chế chính quyền. Vì thực ra, tuy được tôn là Lãnh tụ của Đảng, nhưng ông Diệm hoàn toàn không biết gì đến Đảng Cần Lao. Từ ngày đầu trong cuộc đời tranh đấu của ông, ông luôn giữ lập trường phải đứng trên các đảng phái để đoàn kết được toàn lực quốc gia. Ông không dành một đặc quyền nào cho đảng viên Đảng Cần Lao. Chính vì thế mà số đảng viên vào đảng vì lợi và danh đã trở lại giết ông vì ông không thỏa mãn sự thèm khát danh và lợi của họ.

4. Thêm vào những yếu tố trên đây, lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị trong Quân Đội của Tổng Thống Diệm đã ảnh hưởng quá mạnh trên các tổ chức và sinh hoạt của đảng. Do lệnh này (1957), Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia trong Quân Đội phải giải tán, các cơ sở sinh hoạt Đảng Cần Lao ở mọi cấp trong Quân Đội đều phải ngụy trang. Vin vào tình trạng này, nhiều cơ sở đảng đã dần dần lơ là hẳn với nhiệm vụ sinh hoạt bồi dưỡng tinh thần cán bộ. Riêng về tình trạng phân hóa của Đảng Cần Lao tại miền Nam, có dư luận cho rằng ông Ngô Đình Cẩn gây ra tình trạng này. Vì muốn mở rộng ảnh hưởng vào miền Nam, ông Cẩn đã lập một Đảng Cần Lao riêng chống lại Đảng Cần Lao của ông Nhu. Sở dĩ có dư luận này là vì vào khoảng năm 19581959, ông Cẩn có chấp thuận cho ông Phan Ngọc Các tổ chức thâu nhận đảng viên cho Đảng Cần Lao tại miền Nam. Nhưng không phải để chống lại ông Nhu. Đó là điều tôi biết chắc chắn. Vì khi ông Cẩn sai tôi đưa ông Phan Ngọc Các đến giới thiệu với các ông Mai Ngọc Dược Tỉnh trưởng Long An, Trương Hữu Diệp Tỉnh trưởng Mỹ Tho, Lương Duy Ủy Tỉnh trưởng Vĩnh Bình, là những đảng viên Cần Lao được chuyển từ miền Trung vào, ông đã căn dặn tôi lưu ý các vị này rằng, các cơ sở ông Phan Ngọc Các tổ chức được, đều phải sinh hoạt trong hệ thống Tỉnh Đảng Bộ địa phương. Khi đã được sự chấp thuận của ông Cẩn và được giới thiệu với một số địa phương rồi, ông Các tự xưng là đại diện cho ông Cẩn tại miền Nam làm nhiều việc tai tiếng cho ông Cẩn và chế độ. Đó chỉ là hậu quả của phương pháp làm việc NGĂN CÁCH của ông Cẩn, vì không ai kiểm soát được ông Các để ngăn chận những hành động bất chính của ông ta. Trước tình trạng trên đây của Đảng Cần Lao, đầu tháng 7.1961, ông Ngô Đình Nhu ra Huế ở lại mười ngày. Sau đó, tôi được biết có kế hoạch tổng cải tổ và thành lập một Đảng Cần Lao mới, cấp tiến và chặt chẽ hơn. Tại miền Trung và Cao Nguyên Trung Phần, đã tiến hành ngay cuộc rà soát lại tình trạng nội bộ Đảng, để sẵn sàng thực hiện kế hoạch. Nhưng rồi tình hình biến chuyển quá nhanh, kế hoạch này đã không thực hiện được... .”(8)

8. Trích từ cuốn sách “Dòng họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt” của Nguyễn Văn Minh.

Phụ lục của TTT: 3-6. Theo Thiếu Tướng (Hoành Linh) ĐỖ MẬU - Hồi ký “Việt Nam máu lửa Quê hương tôi”, chương 8, ấn bản 1993, Nhà Xuất bản Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ. Tuy hợp tác với ông Ngô Đình Diệm từ năm 1942 với tư cách một chiến hữu, một cán bộ vào hàng kỳ cựu nhất, nhưng quả thật tôi cũng không nắm vững tiến trình thành lập và phát triển của Đảng Cần Lao. Tôi chỉ biết rằng vào đầu mùa Thu năm 1955, nhân kỷ niệm năm thứ nhất ngày chấp chánh của ông Diệm, tôi được Tòa đại biểu Chính phủ Trung Việt mời ra Huế diễn thuyết tại rạp Morin về đề tài “Chí sĩ Ngô Đình Diệm với chính nghĩa quốc gia”, và sau đó tôi được ông Ngô Đình Cẩn mời đến nhà ở Phú Cam để tuyên thệ gia nhập Đảng Cần Lao. Một bàn thờ tổ quốc để làm lễ tuyên thệ được thiết lập tại phòng khách ngôi nhà chính của anh em ông Diệm, ngay trước bàn thờ có tượng Chúa Giêsu, có đảng kỳ, chân dung ông Diệm, một cây gươm và chiếc lư hương đồng trang trí cho bàn thờ. Về đảng kỳ, tôi không còn nhớ hình dáng, màu sắc, nhưng tôi còn nhớ mãi ba lời thề gồm có: “Trung thành với Tổ quốc, trung

thành với lãnh tụ Ngô Đình Diệm, và trung thành với Đảng Cần Lao Nhân Vị". Ông Ngô Đình Cẩn mặc áo lương đen, bịt khăn đóng đứng cạnh bàn thờ đại diện cho lãnh tụ giơ tay cao chấp nhận lời thề. Trước và sau đó cũng đã có rất đông nhân vật cao cấp trong và ngoài chính quyền tuyên thệ vào đảng tại đây và đều do ông Cẩn đại diện lãnh tụ chấp nhận lời thề. Trong số các sĩ quan vào đảng Cần Lao tại Huế nghe nói có Tướng Lê Văn Nghiêm, Đại tá Tôn Thất Đính, Tôn Thất Xứng, Nguyễn Vinh, Phùng Ngọc Trưng v.v... Độ vài tháng sau thì chính ông Nhu ra Nha Trang chủ tọa buổi họp thành lập "Quân ủy Cần Lao" trong quân đội như tôi đã kể trong một chương trước. Tôi lại nghe nói vào cuối năm 1955 thì Trung ương Đảng Cần Lao Nhân Vị được thành lập do ông Nhu giữ chức Tổng Bí thư đảng. Uỷ viên Trung ương đảng gồm có các ông Trần Trung Dung, Lý Trung Dung, Hà Đức Minh, Trần Quốc Bửu, Võ Như Nguyện, Lê Văn Đồng (hai ông Nguyện và Đồng hiện có mặt tại hải ngoại). Vào khoảng đầu năm 1956, một Trung Tâm Nhân Vị được thiết lập tại Vĩnh Long, vốn là giáo phận của Giám mục Ngô Đình Thục, do chính ông ta và một số linh mục phụ trách quản lý cũng như giảng huấn. Công chức quân nhân phải lần lượt đi thụ huấn lớp Nhân Vị ở Vĩnh Long này.

186 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Vào những năm đầu của chế độ Diệm (khoảng 1956, 57) tại miền Nam, đi đâu cũng nghe người ta nói đến thuyết Nhân Vị như ông Chu Bằng Lĩnh đã kể lại: "Chúng ta hẳn chưa quên đã có một thời kỳ vàng son của thuyết "Nhân Vị", thời kỳ vững chãi của chế độ Ngô Đình Diệm. Vào thời kỳ này, nói tới thuyết Nhân Vị là nói tới một cái "mốt chính trị" của thời đại. Bất kỳ ở đâu cũng nói tới hai chữ "Nhân Vị". Người ta làm như nếu không hiểu biết thuyết Nhân Vị thì không chống Cộng, cứu nước được. Lại nữa ở Vĩnh Long, ông giám mục Ngô Đình Thục mở ra một Trung tâm huấn luyện cán bộ suốt lượt từ cấp Bộ trưởng trở xuống về Nhân Vị. Chỉ có những người đã có mảnh bằng Nhân Vị ở đây ra mới có cảm tưởng là nhân vị của mình từ nay tạm yên ổn với cơ quan mật vụ của chế độ. Rồi những Giám Đốc, Chủ sự nào đó đã đi học "Nhân Vị" Vĩnh Long về đều lên mặt hãnh diện cả, ra điều ta đã là cán bộ gạo cội của chế độ rồi"(9). Đúng như ông Chu Bằng Lĩnh đã viết, thuyết Nhân Vị và Đảng Cần Lao ra đời được dư luận bàn tán mỉa mai, chỉ trích ồn ào một thời gian rồi thuyết chìm dần vào bóng tối quên lãng, không còn ai nhắc nhở đến nữa, còn Đảng Cần Lao Nhân Vị thì biến thể để trở thành đảng "Cần Lao Công giáo", gây thống khổ điêu linh cho nhân dân miền Nam, và tạo môi trường thuận lợi cho Cộng sản bành trướng. Một trong những lý do chính yếu nhất khiến cho thuyết Nhân Vị bị chỉ trích mạnh mẽ là tại Trung tâm huấn luyện Vĩnh Long cũng như trong các buổi thuyết trình ở các địa phương, người ta chỉ được nghe các linh mục giảng dạy gần như hoàn toàn về giáo lý Thiên Chúa giáo mà thôi. Các học viên cảm thấy bị chế độ "lừa" đem về Vĩnh Long để bị thuyết phục theo Công giáo. Đó là những dấu hiệu công khai đầu tiên của chế độ Diệm trong chính sách kỳ thị tôn giáo và trong ý đồ Công giáo hóa miền Nam Việt Nam sau này. Lý do quan trọng khác khiến cho đảng Cần Lao Nhân Vị bị mỉa mai, chỉ trích là vì hầu hết những kẻ gia nhập Đảng đều không phải để theo đuổi và sống chết cho một lý tưởng cách mạng mà chỉ vì muốn cúi mình theo sức mạnh của chế độ để được mau thăng quan tiến chức, chỉ vì muốn được hưởng những đặc quyền đặc lợi do chế độ ban bố. Từ đó, dư luận mỉa mai đảng

Cần Lao là đảng "Cao Lần" hay đảng Cần Lao Nhân Vị là đảng "Cần câu Ngân vị". Nhưng điều làm

9. Chu Bằng Lĩnh, Cần Lao Cách Mạng Đảng, tr. 565.

cho nhân dân căm thù uất hận chế độ và đảng Cần Lao hơn cả là chủ trương chà đạp nhân vị người dân một cách có hệ thống của cấp lãnh đạo chính quyền và của các đảng viên Cần Lao. Phê bình thuyết Nhân Vị của ông Ngô Đình Nhu, giáo sư Buttinger đã viết: "Cái thuyết giả tạo Nhân Vị đó không bao giờ trở thành được một chủ nghĩa chính trị chân chính, tự do, nhân bản. Chủ thuyết này chỉ có thể được người ta theo đuổi một cách trung thành nếu giới thanh niên trí thức và tất cả các đảng phái chống Cộng được tham dự tự do vào đời sống chính trị của quốc gia"(10). Tuy nhiên vào những năm đầu của chế độ Diệm, tai họa do đảng Cần Lao Nhân Vị gây ra cho nhân dân miền Nam chưa đến độ khủng khiếp và trắng trợn như từ khi đảng Cần Lao Nhân Vị biến thể thàng đảng "Cần Lao Công giáo". Tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để xác định rõ ràng rằng tôi không chủ quan và nhắm mắt tổng quát hóa hiện tượng đó, nghĩa là tôi không nói đến toàn thể người Công giáo tại miền Nam là "Cần Lao Công giáo"; bởi vì đã có rất nhiều người Công giáo tại miền Nam từng xả thân chống đối hoặc đứng ngoài không ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm, hơn nữa còn có nhiều người Công giáo lại là nạn nhân đau thương của chế độ Ngô Đình Diệm là khác. Thật vậy, trước hết, đa số những người Công giáo Nam phần (Nam Kỳ cũ) (dĩ nhiên ngoại trừ một số rất hiếm hoi các linh mục và giáo dân theo Giám mục Ngô Đình Thục) đã quyết định không ủng hộ ông Diệm. Việc này chính Chu Bằng Lĩnh (trong tác phẩm "Cần Lao Nhân Vị Đảng") và Jean Lacouture (trong tác phẩm "Le Vietnam entre deux Paix", Paris VIe, 1965) đã nói rõ. Thứ hai là một số hàng giáo phẩm và nhân vật chính trị Công giáo Trung, Nam, Bắc đã chống đối hoặc bất hợp tác với chế độ Ngô Đình Diệm và đảng Cần Lao mà tôi biết được như các Đức cha Lê Hữu Từ, Đức cha Nguyễn Văn Hiền, các linh mục Quỳnh, Của, Vui, Dũng (đó là chưa kể các linh mục trong nhóm Đường Sống), các nhân sĩ, chính khách tên tuổi như các ông Lê Quang Luật, Trần Văn Lý, Nguyễn Tôn Hoàn, Trần Điền, Trần Trọng Sanh, Trương Văn Huế, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Mai Ngọc Liệu... Ngay chính Giám mục Nguyễn Văn Bình, trong suốt thời kỳ cai quản giáo phận Sài Gòn, vẫn ở vị thế độc lập không chạy theo quỳ lụy chế độ. Đó là chưa kể rất nhiều người Công giáo ban đầu theo ông Diệm nhưng rồi phản tỉnh trở thành đối lập với chế độ mà điển hình là ông Phan Xứng và Nguyễn Thái, cựu

10. Joseph Buttinger, Vietnam A Political History, tr. 439.

Tổng Giám đốc Việt Tấn xã. Ông Nguyễn Thái là một nhà trí thức trẻ tuổi đã hoạt động đắc lực cho ông Diệm thời ông Diệm còn ở Mỹ. Ông Thái thuộc dòng dõi họ Nguyễn Hữu Bài có liên hệ thân tình với anh em ông Diệm, thế mà phải bỏ chế độ ông Diệm lưu vong ra nước ngoài để viết sách phổ biến cùng thế giới lên án chế độ. (Hiện ông Nguyễn Thái ở California). Nói tóm lại chỉ có đại đa số người Công giáo miền Bắc và

Liên khu Tư di cư và người Công giáo miền Trung là theo chế độ Diệm để trở thành "Cần Lao Công giáo". Tại sao lại có tình trạng biến thể từ "Cần Lao Nhân Vị" ra "Cần Lao Công giáo" đó? Theo dõi tiến trình hình thành của Đảng Cần Lao, ta thấy gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn một bắt đầu vào năm 1953 khi ông Ngô Đình Nhu bí mật khai sinh ra đảng "Cần Lao Nhân Vị" mà đa số cấp lãnh đạo trung ương đều là những người không Công giáo như các ông Trần Văn Đỗ, Huỳnh Kim Hữu, Trần Chánh Thành... Có lẽ lúc bấy giờ ông Nhu chỉ có ý định thành lập một tổ chức theo công thức các đảng "Dân chủ Xã hội Thiên Chúa giáo" Âu châu, nhưng với một chủ trương kết nạp những người không Công giáo vào đảng vì ông Nhu biết rằng lịch sử Giáo hội Việt Nam và chính Công giáo Việt Nam đã từng bị mang tiếng làm tay sai cho Tây, cũng như biết rằng trong khối Công giáo Việt Nam không có những nhân vật chính trị cách mạng tên tuổi. Một yếu tố khá quan trọng khác nữa là lúc bấy giờ, ông Nhu chủ trương lập Đảng để ủng hộ cho một Ngô Đình Diệm sẽ về làm Thủ tướng dưới chế độ quân chủ đại nghị của Quốc trưởng Bảo Đại mà thôi, chứ chưa hề có ý nghĩ truất phế vua Bảo Đại. Nói cách khác ông Nhu chỉ nghĩ đến hình thức một Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo đấu tranh nghị trường để cầm quyền kiểu Tây Đức với lãnh tụ như Adenauer làm Thủ tướng. Giai đoạn hai kể từ năm 1955, khi ông Diệm đã về chấp chánh và củng cố được quyền lực thì hai ông Nhu, Cẩn chính thức tổ chức đảng Cần Lao Nhân Vị với chủ trương lấy những tín đồ Công giáo làm chủ lực nòng cốt, nhưng vẫn tiếp tục thu nạp và san sẻ quyền hành không quan trọng với những người khác tôn giáo để trình bày một bộ mặt chính trị đoàn kết, dù lúc bấy giờ số mạng của Quốc trưởng Bảo Đại đã được định đoạt và các đảng phái đã bị tiêu diệt. Sở dĩ lấy thành phần Công giáo làm chủ lực là vì sau cuộc di cư năm 1954, hầu hết người Công giáo miền Bắc và miền Trung đã là hậu thuẫn vững chắc cho chế độ Diệm rồi. Và sở dĩ chưa quyết liệt Công giáo hóa toàn bộ đảng là vì chế độ còn gặp nhiều khó khăn trong công cuộc kiến thiết

quốc gia và guồng máy chính quyền còn yếu ớt, đòi hỏi sự đóng góp của nhiều trí thức, nhiều chuyên viên, nhất là nhiều sĩ quan cao cấp trong quân đội mà đại đa số là tín đồ của các tôn giáo khác. Giai đoạn ba bắt đầu vào cuối năm 1957 khi anh em ông Diệm tin tưởng rằng chế độ của họ đã thực sự vững vàng rồi, và họ phải có một chủ lực thuần nhất sắt đá, hoàn toàn trung kiên để đi đến việc "Công giáo hóa" miền Nam là mục đích tối hậu của nhà Ngô do đó mà Đảng Cần Lao Nhân Vị biến thành đảng "Cần Lao Công giáo", lấy tôn giáo như yếu tố ưu tiên và độc nhất làm cơ sở cho mọi chính sách, nhất là chính sách nhân sự, nên đảng viên gồm toàn là những tu sĩ và giáo dân. Cũng từ đó, những đảng viên Cần Lao Nhân Vị không Công giáo bắt đầu bỏ đảng, không còn liên hệ gì nữa như các ông Võ Như Nguyện, Tôn Thất Xứng, Lê Văn Nghiêm... và tôi. Những nhân vật từng cộng tác với chế độ Diệm vào thời khó khăn lúc đầu như bác sĩ Huỳnh Kim Hữu, Trần Văn Đỗ, Nguyễn Tăng Nguyên cũng xa lánh rồi chống đối nhà Ngô(11). Phân tích về quá trình ba giai đoạn phong trào của Đảng Cần Lao Công giáo như đã nói ở trên, ta thấy nổi bật lên 2 điểm rất rõ ràng: Thứ nhất là ngay từ đầu, ông Ngô Đình Nhu đã lấy triết lý Duy Linh của Kitô giáo làm cốt tủy cho chủ đạo và chủ thuyết của đảng, cũng như lấy hình thái tổ chức của một lực lượng chính trị Thiên

Chúa giáo Tây phương làm khuôn mẫu tổ chức, mà bộ phận ngoại vi rõ ràng nhất là Tổng Liên đoàn Lao động Công giáo trong giai đoạn một. Điểm thứ hai thuộc về sách lược, là để tiến đến mục đích tối hậu "Công giáo hóa Việt Nam", con đường duy nhất là nắm chặt và sử dụng quyền chính như một vũ khí truyền giáo ở giai đoạn ba. Thật ra, thành lập một đảng chính trị với một chủ đạo phát xuất từ một triết lý tôn giáo không có gì là sai lầm và xấu xa, nếu không muốn nói là một điều nên làm vì tôn giáo nào, ở phần tinh túy nhất của nó, cũng tìm cách giải thoát và thăng hoa con người cả. Nhưng nó chỉ trở nên độc hại ghê gớm khi đảng đó cho tôn giáo của mình ngôi vị độc tôn bằng phương sách đàn áp hủy diệt các tôn giáo khác (trên mặt nhân văn) và độc tài khống chế sinh hoạt của quốc gia (trên mặt chính trị). Vì điều đó chỉ làm hủy hoại sinh lực của dân tộc, tiêu hủy khả năng phát triển của quốc gia và kéo tổ quốc ra khỏi đà tiến hóa

11. Bác sĩ Đỗ sau này gia nhập nhóm Caravelle, ra tuyên ngôn chống đối chính sách độc tài của chế độ Diệm.

của thời đại để trở về thời quân chủ độc tài phong kiến mà thôi và sẽ thất bại như anh em Diệm, Nhu, Cẩn đã từng thất bại. Đảng Cần Lao Nhân Vị, vì tham vọng độc tôn của nó, đã biến thành đảng "Cần Lao Công giáo" và trao cho một số chức sắc trong hàng giáo phẩm những đặc quyền chính trị siêu chính phủ. Điển hình rõ ràng nhất là trường hợp của giám mục Phạm Ngọc Chi và một số các linh mục khác, chỉ nhờ chiếc áo chùng đen, bỗng trở thành những vị lãnh chúa, điều động các đảng viên Cần Lao Công giáo đem áp bức, khổ nhục trải khắp miền Nam Việt Nam, mà đặc biệt là tại miền Trung và Cao Nguyên Trung phần. Giám mục Phạm Ngọc Chi là ai? Thời toàn dân kháng Pháp (19461954), ông là một giám mục đã đưa cả giáo phận Bùi Chu làm công cụ cho quân đội viễn chinh Pháp (trái hẳn với chủ trương quốc gia của giám mục Lê Hữu Từ ở Phát Diệm). Khi quân Pháp rúi lui bỏ vùng Nam Bắc Việt, Phạm Ngọc Chi đã dẫn 3 linh mục đến Nam Định quỳ xuống trước mặt đại tá Vanuxem để xin họ ở lại đừng bỏ đi. Phạm Ngọc Chi tuy theo Tây nhưng còn theo tiền nữa nên cũng đã bị cả tướng De Lattre De Tassigny (trong Historia số 25) và Bảo Đại (trong "Le Dragon d'Annam") mô tả là tay làm áp phe chuyên nghiệp. Khi mới di cư vào Nam, Phạm Ngọc Chi mưu đồ thành lập "Tập đoàn Công dân" (một đảng chính trị gồm toàn người Công giáo) nhưng bị anh em ông Diệm, trong chủ trương "độc đảng", bắt buộc "Tập đoàn Công dân phải giải tán nên từ đó giám mục Phạm Ngọc Chi gia nhập đảng Cần Lao và được Ngô Đình Cẩn cho đứng chung làm đồng chủ tịch. Phạm Ngọc Chi đã từng đi Mỹ tuyên truyền cho đảng "Cần Lao Công giáo" và được giới Thiên Chúa giáo Mỹ giúp đỡ tiền bạc rất nhiều và cũng chính giám mục Phạm Ngọc Chi đã vận động thành lập toà lãnh sự Mỹ tại Huế. Sau khi chế độ Diệm bị lật đổ, ngôi sao Phạm Ngọc Chi bị lu mờ một thời gian nhưng rồi cũng trở lại với địa vị lãnh chúa dưới chế độ Nguyễn Văn Thiệu như William J. Lederer đã mô tả trong "Our Own Worst Enemy". Vào những năm vàng son của chế độ Diệm, tuy nhân dân đã sống dưới chế độ hà khắc độc tài rồi, nhưng từ khi đảng "Cần Lao Nhân Vị" biến thành đảng "Cần Lao Công giáo" thì dân miền Nam mới thực sự sống trong cảnh địa ngục trần gian như ông Lê Quân, một giáo sư Đại học Huế, đã viết: "Sự xây

dựng một chủ thuyết chính trị không phải là một điều sai, trái lại nó là điều cần thiết nữa là đằng khác. Tuy nhiên vấn đề là chủ

thuyết đó phải được đặt trên căn bản nào. Một chủ thuyết không đặt trên tinh thần dân tộc mà lại khống chế tinh thần quốc gia và đời sống chính trị của con người như thế thì chỉ tạo nên một "giấc mộng hãi hùng" ...(12). Là giấc mộng hãi hùng vì Đảng Cần Lao (cũng như tất cả các tổ chức chìm khác của anh em ông Diệm) đều biến thành những tổ chức khống chế và kiểm soát nhân dân như Stanley Karnow đã nói. Là giấc mộng hãi hùng vì "nơi nào có ảnh hưởng của Cần Lao thì ở đó tinh thần của quân đội và nhân dân bị suy sụp và khả năng bị tiêu tan"(13). Là giấc mộng hãi hùng vì lời thề sắt đá của đảng viên "Cần Lao Công giáo" khác hẳn với lời thề của đảng viên "Cần Lao Nhân Vị" là : (1) Tiêu diệt Cộng sản vô thần, (2) Tiêu diệt các đảng phái quốc gia "phản loạn", và (3) Tiêu diệt Phật giáo "ma quỷ" để làm sáng danh Chúa và để ủng hộ lãnh tụ Ngô Đình Diệm(14). Trong 8, 9 năm trời ngự trị trên đất nước quê hương, chế độ Ngô Đình Diệm và Đảng Cần Lao Công giáo đã đưa ra nhiều chính sách hà khắc, nhiều biện pháp thất nhân tâm mà nhiều tài liệu đã đề cập đến rồi. Ở đây tôi xin đề cập một phần chính sách "Công giáo hóa" bộ máy chính quyền song song với sách lược "Công giáo hóa nhân dân".(15) Khi mới cầm chính quyền, vì còn gặp nhiều khó khăn chống đối, vì còn bỡ ngỡ trước tình thế phức tạp của đất nước, anh em ông Diệm còn sử dụng nhân sự không Công giáo trong các cơ cấu chính quyền và quân đội, nhưng dần dần khi chế độ đã vững vàng, họ mới bắt đầu đặt những người Công giáo vào thế chỗ những người của tôn giáo khác, bắt đầu từ những cơ quan quan trọng trước. Ví dụ như trong Lực lượng Đặc biệt, họ đặt các sĩ quan Lê Quang Tung, Lê Quang Triệu, Trần Hữu Kính; trong Công An, họ đặt hai phụ tá là Dương Văn Hiếu và Nguyễn Văn Hay (dưới quyền đại tá Nguyễn Văn Y). Chính Dương Văn Hiếu mới là nhân vật cốt cán trong ngành công an vì y phụ trách Công tác Đặc biệt, nghĩa là phụ trách việc tình báo, phản gián, bắt người, giết người, tiêu diệt đối lập. Trong Bộ Quốc phòng thì có cháu rể là ông Trần Trung Dung và Tổng giám đốc nha Hành Ngân kế Bộ Quốc phòng là ông Nguyễn Đình Cẩn (Bí thư Cần

12. Lê Quân, Những Xuyên Tạc và Ngộ Nhận về Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Khai Phóng (số 6), tr. 46, 47. 13. Robert Shaplen, The Lost Revolution, tr. 137. 14. Chu Bằng Lĩnh, Cần Lao Cách Mạng Đảng, tr. 322 và 408. 15. Tôi sẽ đề cập thêm chính sách "Công giáo hóa miền Nam" trong Chương XV, "Biến cố Phật giáo 1963".

Lao ở Sài Gòn) để phụ trách làm kinh tài cho nhà Ngô; Nha Nhân viên thì họ đặt Trung tá Kỳ Quang Liêm thay Đại tá Đinh Sơn Thung. Trong Quốc hội thì chủ tịch luôn luôn là một nhân vật Công giáo, đa số dân biểu đều là người Công giáo. Đứng đầu tổ chức kinh tài trung ương là dân biểu Nguyễn Cao Thăng, người Công giáo Phú Cam, đặc trách về ngành thuốc O.P.V. thao túng việc xuất nhập cảng thuốc Tây. Ngành dân vệ thì do Trung tá Trần Thanh Chiêu chỉ huy, một người Công giáo Quảng Nam đã phạm lỗi lầm

chiến thuật khiến cho sư đoàn 13 bị Việt Cộng đánh cho thảm bại tại Tây Ninh. Cho đến đầu năm 1963, tất cả Tỉnh trưởng, Thị trưởng miền Trung và miền Cao Nguyên đều nằm trong tay người Công giáo Bắc và Trung, trừ Thị trưởng Đà Lạt là ông Trần Văn Phước, Tỉnh trưởng Thừa Thiên là ông Nguyễn Văn Đẳng và Tỉnh trưởng Phú Yên là thiếu tá Dương Thái Đồng. Thiếu tá Dương Thái Đồng (hiện ở Mỹ) do chính tôi đề cử với Tổng thống Diệm. Đồng là một sĩ quan ưu tú, có trình độ văn hóa cao, xuất thân từ trường Võ bị và đã từng tu nghiệp tại Mỹ. Đồng có kinh nghiệm chiến đấu đa diện tại chiến trường Bắc Việt trước 1954, và từng chỉ huy các đơn vị Pháo binh chiến đấu ở miền Nam. Khi Đồng đi nhận chức Tỉnh trưởng, ông ta có nhã ý đến chào tôi. Tôi khuyên Đồng phải giữ đúng phong cách "Cần, Kiệm, Liêm, Chính" của một vị Tỉnh trưởng. Tôi cho Đồng biết ở Phú Yên có hai thế lực rất mạnh, một thế lực nổi của chính quyền là nhóm Cần Lao do linh mục Tô Đình Sơn lãnh đạo làm mưa làm gió ở tỉnh này, và một lực lượng bí mật đối lập với chính quyền là lực lượng Đại Việt của cụ Trương Bội Hoàng. Thế mà chỉ mới nhận chức độ vài tháng, chưa phạm lỗi lầm gì, Đồng đã bị nhóm Cần Lao Tô Đình Sơn vận động với Tổng thống Diệm và ông Ngô Đình Cẩn hạ tầng công tác thuyên chuyển đi nơi khác. Thay thế Đồng là Trung tá Nguyễn Hoài. Kinh nghiệm của Hoài là Trưởng phòng Tài chính cho Nha Tổng giám đốc Bảo an, Hoài chưa hề tác chiến và chỉ có bằng tiểu học, nhưng vì Hoài là người Công giáo, có em làm linh mục nên được Cần Lao nâng đỡ. Về chức Tỉnh trưởng Thừa Thiên và Thị trưởng Thành phố Huế, đã có lần ông Diệm bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Cẩn giữ chức vụ quan trong đó. Thừa Thiên và Huế là Thủ đô văn hóa của miền Trung, có nhiều nhân sĩ, trí thức, khoa bảng lại là nơi mà dân số có hơn 90% theo Phật giáo ông Cẩn lại là người Công giáo, nguyên chỉ là một thư ký tòa Sứ thời Pháp thuộc, cho nên đã phạm một số lỗi lầm bị dân chúng Huế bất hợp tác. Do đó mà chính quyền đành phải thay thế ông

Nguyễn Đình Cẩn bằng một Tỉnh trưởng theo đạo Phật là ông Nguyễn Văn Đẳng. Và vì Tỉnh trưởng là người theo đạo Phật cho nên nhà Ngô mới đặt một Phó Tỉnh trưởng Nội An là Đặng Sĩ người đã có thành tích chống Phật giáo hung hãn tại Quảng Trị lúc y còn làm Trung đoàn trưởng ở sư đoàn I dưới quyền Đại tá Tôn Thất Xứng (hiện ở Canada). Biến cố Phật giáo tháng 5 năm 1963 xảy ra, Thiếu tá Nguyễn Mâu, người Công giáo quê tỉnh Khánh Hòa, được Tổng thống cử thay thế Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đẳng để đàn áp Phật giáo. Nói tóm lại, cho đến năm 1963, trừ Thị trưởng Đà Lạt là người theo Phật giáo, tất cả Tỉnh, Thị trưởng tại miền Trung và Cao Nguyên đều là tín đồ Công giáo. Tại Nam phần, vì sự hiện diện phức tạp của nhiều tôn giáo như Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo, Phật giáo nguyên thủy... và đời sống tín ngưỡng có mức độ nồng nàn sôi nổi một cách thần bí của những Đạo Dừa, Đạo Khăn Trắng, Bà Chúa, Ông Đồng... cho nên chính quyền Ngô Đình Diệm còn dè dặt trong chính sách Công giáo hóa bộ máy cai trị. Tuy nhiên ông Diệm cũng đã bổ nhiệm một số Tỉnh trưởng Công giáo ở những tỉnh, quận như Gia Định, Bình Tuy, Định Tường, Phước Long, Long Khánh, Kiến Hòa, Phước Thành, Vĩnh Long v.v... Tại Đô thành Sài GònChợ Lớn, vì đã có ông Diệm và bộ máy Cần Lao Công giáo Trung ương ở đó nên không gấp gáp có một Đô trưởng Công giáo. Tuy nhiên đa số những Quận trưởng cảnh sát đều là người Công giáo và vị Phó Đô trưởng

kiêm thủ lãnh Thanh niên Cộng Hòa Đô thành là Trung tá Nguyễn Văn Phước thì không những là một tín đồ Công giáo ngoan đạo mà còn sinh đẻ tại Thừa Thiên. Về phía quân đội thì khi ông Diệm mới chấp chánh, chỉ có một mình tướng Trần văn Minh là người Công giáo, ngay cả số sĩ quan cấp tá theo Công giáo cũng như lá mùa thu, cho nên anh em ông Diệm đã phải thăng cấp thật mau và đặt những chức vụ quan trọng vào tay những sĩ quan Công giáo như tướng Huỳnh Văn Cao, các sĩ quan cấp tá như Nguyễn Bảo Trị, Lâm Văn Phát, Trần Thanh Chiêu, Bùi Đình Đạm, Trần Văn Trung, Trần Ngọc Huyến, Nguyễn Văn Châu, Kỳ Quang Liêm, Nguyễn Ngọc Khôi, Lê Quang Trọng, Nguyễn Thế Như, Huỳnh Công Tịnh, Nguyễn Văn Thiệu, Ngô Du v.v... những sĩ quan được đặc cách thăng thưởng mau nhất trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, mà mau nhất là tướng Huỳnh Văn Cao và Lê Quang Tung. Tướng Nguyễn Khánh thời làm Tham mưu trưởng đã có lần đề nghị cất chức tư lệnh quân đoàn 4 của tướng Huỳnh Văn Cao vì lý do thiếu khả năng, nhưng không được vì anh em ông Diệm hết sức tín nhiệm

và che chở cho ông Huỳnh Văn Cao. Theo tôi biết thì anh em ông Diệm muốn "thổi" Huỳnh Văn Cao lên thật mau để trong tương lai Cao nắm chức Tổng Tham mưu trưởng quân đội thay tướng Lê Văn Tỵ. Họ đã dám đưa những sĩ quan bất tài, suốt thời gian tại ngũ chưa từng chỉ huy đơn vị tiểu đoàn để giữ chức vụ sư đoàn trưởng như trường hợp Trần Thanh Chiêu và Bùi Đình Đạm chẳng hạn, thì việc đưa ông Huỳnh Văn Cao giữ chức Tổng Tham mưu trưởng quân lực là việc không thể không xảy ra. Chưa kể những yếu tố khác, chỉ với chính sách Công giáo hóa Quân đội mà thôi đã gây bất mãn cho hàng ngũ sĩ quan, cho nên những binh biến do chính quân nhân tổ chức đã liên tiếp xảy ra từ 1960 đến 1963. Dựa vào thiểu số 10% Công giáo để thao túng và áp bức đại khối dân tộc tự căn bản đã là một sai lầm trầm trọng, đã là một chính sách thất nhân tâm có khác gì thời thực dân chỉ có 5, 7 ông Tây mà cai trị toàn dân cả tỉnh. Huống gì cái thiểu số đó lại là thiểu số nặng đầu óc phe phái, hẹp hòi, giáo điều và mang rất nhiều mặc cảm tội lỗi, cái tội lỗi lịch sử đã theo Tây phản dân hại nước khiến cho các nhà nghiên cứu [Lý Đông A / Duy Dân] phải kêu gọi toàn dân rằng: Sự đấu tranh thực tiễn của nòi giống trên lịch sử mấy chục năm trời có chứng cớ sắt máu, phải tỏ rõ cho chúng ta, người sau, biết cái gian nan, khốn khổ, nhọc nhằn, sỉ nhục, thảm họa của sự vật lộn sống còn chung trong một lúc tự động tổng động viên của toàn dân phản Pháp xâm lược và phản Gia Tô, phản Việt gian trên tất cả cái nhộn nhịp cảm động, uất ức của toàn dân vi binh, toàn địa vi phòng, toàn tài vi dụng(16). Rõ ràng như thế nhưng ngoan cố không chịu chấp nhận và hối cải, cái thiểu số đó đã trút tất cả những ẩn ức tâm lý trên sinh mạng đồng bào bằng thái độ bệnh hoạn qua các chính sách áp bức độc tài. Vì thế suốt chín mười năm nhà Ngô và Đảng Cần Lao ngự trị tại miền Nam, ngoại trừ một thiểu số thống trị với tất cả đặc quyền đặc lợi, còn thì nhân dân đã phải sống khổ nhục sợ hãi. Đầu năm 1971, trước cuộc hồi sinh của những phần tử Cần Lao để lũng đoạn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ông Chu Bằng Lĩnh viết tác phẩm "Đảng Cần Lao" để lên án chế độ Diệm. Ông Chu Bằng Lĩnh là ký giả kỳ cựu, người Bắc di cư, là một nhà văn, nhà báo, từng theo dõi hoạt động chính trị, nắm vững tình hình Việt Nam ngay từ thời Pháp thuộc. Lúc ông Diệm mới về nước cầm quyền, phần vì

16. Lý Đông A, Chu Tri Lục, tr. 109.

ĐẢNG CẦN LAO • 195

được trang bị tinh thần chống Cộng, phần vì tưởng lầm ông Diệm là người chân thành yêu nước nên ông đã cùng với một nhóm nhà văn, nhà báo tên tuổi như Tam Lang, Hiếu Chân, Như Phong, Vũ Khắc Khoan... thành lập nhóm Tự Do để ủng hộ cho ông Diệm và đã liên hệ khá chặt chẽ với bác sĩ Trần Kim Tuyến. Không ngờ càng ngày chế độ Diệm và Đảng Cần Lao càng đi sâu vào con đường tội lỗi để đến nỗi ngay cả những nhân vật trong nhóm Tự Do kẻ thì xa lánh chế độ, kẻ thì bị bắt giam. Chúng ta hãy nghe một lời oán trách Cần Lao của nhà văn Chu Bằng Lĩnh: Một giai đoạn đẫm máu tiếp theo đó! Nhân danh Cần Lao, biết bao vụ trả thù, trả oán đã được thực hiện, bao nhiêu sinh mạng người dân vô tội đã bị chết oan và thảm khốc. Và sau một năm trời triệt để "tiêu diệt phản loạn" (đảng phái quốc gia), các cán bộ lãnh đạo miền Trung lại báo cáo lên ông Cẩn "bọn phản loạn đã rút vào ẩn nấp hết, xin chỉ thị hành động", và chỉ thị của Cẩn được ban xuống từ trên chiếc sập gụ to lớn, trước cơi trầu đang nhai lẻm bẻm: "Tiêu diệt cho hết bọn ma quỷ" (Ngô Đình Cẩn ám chỉ bọn ma quỷ là những người theo đạo Phật) và giai đoạn đổ máu lại được tiếp diễn, lần này thảm khốc và ác liệt gấp chục lần trước. Lần này những vụ tàn sát tập thể đã xảy ra, nhân danh Cần Lao diệt trừ Cộng Sản nằm vùng. Mối thâm thù máu lệ giữa một số đảng phái quốc gia và tôn giáo miền Trung với chế độ nhà Ngô khởi sự từ đó. Trong lúc Cẩn vẫn ngồi chễm chệ trên chiếc sập gụ nhai trầu và ra lệnh cho nhóm tay chân, thì dân miền Trung cũng đã ý thức được rõ rệt thế nào là "Đảng Cần Lao" và "ai" thực sự lãnh đạo tất cả các cuộc tàn sát khủng khiếp nhân danh ông Cậu và nhân danh chống Cộng. Gieo gió gặt bão, các vụ tàn sát hồi tết Mậu Thân vừa qua cũng chỉ là sự "trả quả" của cuộc tàn sát nhân danh Cần Lao trước đây. Ngồi tại Dinh Độc Lập, Ngô Đình Diệm có ngờ đâu em mình đã nhân danh Cần Lao mà nhúng tay vào máu khủng khiếp đến thế...(17) Cái giấc mộng hãi hùng do đảng Cần Lao Công giáo của chế độ Ngô Đình Diệm gây ra không chỉ làm kinh khiếp những người lương dân mà 20 năm sau vẫn còn đeo đuổi, ám ảnh mãi những người lưu vong nơi xứ người sau 1975. Biết bao nhiêu người đã viết về thảm họa dân tộc dưới chế độ Diệm, ở đây tôi xin nhắc lại một đoạn trong "bản

17. Chu Bằng Lĩnh, Cần Lao Cách Mạng Đảng, tr. 314, 315.

196 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

án" kết tội chế độ Ngô Đình Diệm của chiến sĩ cách mạng miền Trung là ông Lê Nguyên Long, một chứng nhân của thời đại: ... Trong suốt 9 năm ông Diệm cầm quyền, thời gian đó ở nông thôn, cơ quan nào cũng có thể bắt người. Công an bắt người, Xã trưởng bắt người, Quận trưởng bắt người, An ninh Quân đội bắt người, và cả Phong trào Cách mạng Quốc gia (ra đời từ nhà Ngô) cũng bắt người rồi giao cho công an trừng trị. Nhưng ghê gớm nhất là "Đoàn mật vụ miền Trung" do Ngô Đình Cẩn đỡ đầu. Đó là đoàn hung thần toàn quyền sinh sát. Đoàn có quyền đi khắp nơi, đến đâu địa phương phải tiếp rước chu đáo. Đoàn cần bắt ai thì giao cho công an đi bắt, bất kỳ đêm ngày. Nếu nạn nhân bị tra tấn chết thì quận trưởng và công an phải lập biên bản hợp thức

hóa sự chết. Và bị bắt không cần phải có chứng cớ, chỉ cần bị nghi chống chính phủ là bị bắt (tại Long Beach, California, có đồng hương từ ngày vào đất Mỹ đến nay vẫn nằm bẹp ở nhà vì bệnh cũ tái phát, hậu quả sự tra tấn tàn độc của mật vụ Diệm). Tất cả những ai chỉ ở Thủ đô hoặc các thành phố lớn khó lòng thấy rõ chính sách gian ác, hành động bất nhân, phản dân hại nước của chế độ Diệm mà phải quan sát ở các quận, tỉnh, nông thôn (90%) lãnh thổ toàn quốc mới thấy rõ tội ác tay chân nhà Ngô mà một thời đã có người nói: "Trúc Nam Sơn không thể chép hết tội, nước muôn sông không thể rửa hết nhơ"...(18). Khai sinh, nuôi dưỡng và thúc đẩy một lớp người nhắm mắt chạy theo quyền uy vào con đường tội lỗi qua Đảng Cần Lao vẫn chưa phải là cái tội lớn nhất của chế độ Diệm. Cái tội lớn nhất là đã vì sự độc tôn, độc tài, kiêu ngạo của mình mà làm suy nhược và di hại sinh lực của dân tộc, một sinh lực đã được thử thách và trui luyện từ bao nhiêu thế hệ của tiền nhân. Sinh lực dân tộc bị chấn động nguy hiểm nhất qua hai chính sách quyết liệt của chế độ Ngô Đình Diệm là gây mâu thuẫn tôn giáo và tiêu diệt các đảng phái quốc gia mà biểu hiện rõ ràng nhất là "... hậu quả sai lầm của chế độ Diệm là một xâu tướng tá lên nắm quyền chính trị và các tôn giáo thì sát phạt nhau..."(19). Gây mâu thuẫn tôn giáo là phá hoại cái sức mạnh "dung để hóa, hóa để hòa," vốn là sức mạnh truyền thống đã giúp dân tộc vượt thắng

18. Lê Nguyên Long, Bất Đắc Dĩ Khơi Đống Tro Tàn, tạp chí Khai Phóng (số 7), tr. 38, 45.
19. Đào Sĩ Phu, bài: Cái Chết Của Việt Nam và Cái Nhìn Về Tương Lai Thế Giới, trong nguyệt san Nhân Bản (số 16), tr. 8, 9.

mọi cuộc xâm lăng văn hóa và nhân văn của các đế quốc. Tiêu diệt các đảng phái quốc gia là phá hoại quyết tâm đề kháng và tiềm lực đấu tranh của các lực lượng dân tộc yêu nước. Cho nên, vì nắm lấy độc quyền tôn giáo và độc quyền chính trị, nhà Ngô khi nằm xuống đã để lại một hậu quả lâu dài và sâu sắc. Sau chế độ độc tài Ngô Đình Diệm là chế độ quân phiệt Nguyễn Văn Thiệu, một chế độ Diệm không Diệm, vì cũng lại do một số "Cần Lao Công giáo" cũ len lỏi tránh né để ẩn náu trong chính quyền và khuynh loát sức mạnh Quốc gia. Sự kiện năm 1975 cũng chỉ là kết quả tất yếu cuối cùng của một chuỗi hệ quả dây chuyền mà đầu mối tác hại là sự thành hình của một tổ chức ma quái tên là "Cần Lao Nhân Vị". Vì mù quáng và hẹp hòi chỉ cho tập đoàn của mình là lực lượng chống Cộng duy nhất, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Vì độc tài và độc tôn, không muốn san sẻ quyền lực với bất cứ một ai, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Vì chỉ biết nương dựa vào ngoại bang mà không thèm đếm xỉa đến sức mạnh siêu việt của nhân dân, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Và cuối cùng, vì không nắm vững truyền thống dựng nước và quy luật giữ nước của cha ông, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Vì không nhân nghĩa và thiếu cả liêm sỉ, anh em ông Diệm quên mất cái thời họ đã phải nương nhờ và vay mượn uy thế của các đảng phái để gây tên tuổi cho mình như năm 1946 tại Hội nghị Đoàn Kết ở Sài Gòn. Anh em ông Diệm cũng quên mất công lao của anh em Việt Quốc, tiêu biểu bởi các ông Nguyễn Chữ, Phạm Đình Nghị, Lê Trung Chi... tại Huế và Nam Ngãi đã chia sẻ gian lao với họ trong lúc còn gặp chống đối khó khăn vào những năm 19541955. Anh em ông Diệm cũng không thèm

nhớ đến cái ơn giúp đỡ của lãnh tụ Nguyễn Xuân Tiếu thời ông Diệm đang còn là cá chậu chim lồng, đau ốm, khổ sở trong tay Việt Minh lúc bị giam cầm tại vùng núi rừng Việt Bắc. Họ lấy lý do một số giáo phái và đảng phái đã chống đối họ để tiêu diệt những đoàn thể đó! Hỏi ai là người có nghĩa khí mà không đau lòng khi thấy các ông Phạm Thành Giang, Hà Thế Ruyệt, Tạ Chí Diệp, Tô Văn và vô số đảng viên Quốc gia bị nhà Ngô bắt giam chung tại trại cải tạo Tam Hiệp (Biên Hòa), cùng khám với cán bộ Cộng Sản vào năm 1956, mà lại còn bị cán bộ Cần Lao dốt nát giáo dục chính trị (hai ông Ruyệt và Tô Văn hiện sống ở Mỹ). Nếu gọi hành động nói lên nguyên vọng đích thực của quần chúng là chống đối, nếu gọi phê phán các chính sách sai lầm của Chính phủ

là chống đối, nếu gọi đòi hỏi chính quyền sinh hoạt tự do và dân chủ là chống đối, nếu gọi chủ trương một sách lược không giống với sách lược của Chính phủ là chống đối, nếu gọi lời kêu gọi một cuộc cách mạng xã hội để tránh bất công và trong sạch hóa sinh hoạt quốc gia là chống đối thì chế độ đã mất hết đạo đức chính trị cũng như chức năng quản trị, và quốc gia đã đến hồi mạt vận rồi. Tuy quái đản nhưng có thật, miền Nam trong 9 năm cai trị của chế độ Ngô Đình Diệm đã gọi những hoạt động chính đáng và khẩn thiết đó là "chống đối" cho nên quốc gia mới suy vi. Và nhân dân nói riêng, các đảng phái nói chung, chỉ còn 4 chọn lựa: hoặc không hùa theo thì bị đẩy về phía kẻ thù Cộng Sản, hoặc thiếu kiên trì thì ngậm đắng nuốt cay tê liệt theo chính quyền, hoặc giàu quyết tâm thì âm thầm chống đối, hoặc không dằn được phẫn uất thì tự hủy. Ngày 7 tháng 7 năm 1963, văn hào mà cũng là chiến sĩ quốc gia Nhất Linh Nguyễn Tường Tam uống thuốc độc tự vẫn để phản đối chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Trước khi tự hủy, ông không quên gởi lại lời trăn trối đầy máu lệ với quốc dân, đồng bào: "Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử cả. Việc đem các đảng phái quốc gia xử trị là việc làm mất nước vào tay Cộng Sản. Tôi tự hủy mình cũng như Hòa thượng Quảng Đức tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do". Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một lãnh tụ của Đảng Đại Việt cũ, trong một cuộc phỏng vấn của báo Người Việt về "Nguyên nhân gây nên sự sụp đổ làm mất Việt Nam" đã trả lời vì Ngô Đình Diệm đã tiêu diệt hết các lực lượng đảng phái và giáo phái(20).

***

20. Tuần báo Người Việt (số 10/bộ mới).

PHẬT GIÁO HÒA HẢO BỊ NHÀ NGÔ ĐÀN ÁP RA SAO? (PGHH DƯỚI CHẾ ĐỘ VIỆT NAM CỘNG HÒA 1956-1963)(1)

Nguyễn Long Thành Nam(2)

...Từ thời điểm 1956, Phật giáo Hòa Hảo bước vào một giai đoạn mới, gọi là "nằm im chịu đựng", dù không biểu lộ thái độ hay có hành động chống đối ra mặt, nhưng rõ ràng là bất hợp tác với chế độ Ngô Đình Diệm... ...tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đã cảm thấy bị uy hiếp, đàn áp về tinh

1. Các trích đoạn sau là từ tập biên khảo “Phật Giáo Hòa Hảo Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc” của tác giả Nguyễn Long Thành Nam. Trích từ Chương 14: PGHH Dưới Chế Độ VNCH 1956-1963. Các dấu ba chấm /D_1-2_2-188_4-4170_5-50_6-1_17-9_14-2_15-2. 2. Vài nét về tác giả: Ông Nguyễn Long tự Thành Nam sanh năm 1922 tại Bắc Việt, từ trần 1989 ở Calfornia. Vào Nam lúc còn trẻ, ông đã sớm trở thành một tín đồ trung kiên của Đức Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo. Từ 1946-1955: Tuần tự giữ nhiều chức vụ trong Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, chủ biên tờ báo Chiến Đấu, tiếng nói của Quân đội Phật Giáo Hòa Hảo; Đại diện Phật Giáo Hòa Hảo trong Mặt trận Thống nhất Toàn lực Quốc Gia. 1956-1963: Lưu vong sang Cao Miên, về nước sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ. 1963-1975: Giữ các chức vụ cao cấp trong Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo. Bên cạnh chức Chánh thư ký Ban Trị sự Trung ương nhiệm kỳ IV, ông cũng phụ trách nhiều chức vụ khác. Được chánh quyền mời tham dự Hội đồng Kinh tế Xã hội Quốc gia với chức vụ Chủ tịch Ủy ban Canh nông. 30/04/1975- 1989: Lưu vong sang Hoa kỳ, giúp lập Văn phòng Phật giáo Hòa Hảo Hải ngoại, lập Việt Nam Dân Chủ Xã hội Đảng Hải Ngoại. Cùng một số thân hữu đã nghiên cứu, xuất bản một số tác phẩm nghiên cứu Anh ngữ về đề tài VN và Phật giáo Hòa Hảo. Ông Nguyễn Long Thành Nam từ trần 28/12/1989, sau 1 cơn bạo bệnh tại California.)

200 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

thần, bị miệt thị, bị đẩy vào vị trí thất thế trong một chế độ mà họ không còn phương tiện để đối phó... ... Nói theo ngôn ngữ tôn giáo, đây là thời kỳ pháp nạn mà Phật Giáo Hòa Hảo phải chịu đựng, khá lâu dài. Phương thức chịu đựng của Phật giáo Hòa Hảo ở giai đoạn này là phương pháp “chân không”, tạo ra một tình huống trống rỗng, không tổ chức, không giáo hội, không lãnh đạo, không sinh hoạt... ... Năm 1955, để nối tiếp các hoạt động Dân Xã, ông Phan Bá Cầm và Nguyễn Bảo Toàn đứng đơn xin hợp thức hóa Đảng trở lại, nhưng chỉ ít lâu sau đó cũng bị chánh quyền Ngô Đình Diệm khủng bố, và phải rút vào bí mật, các lãnh tụ kẻ bị giết, người bị đày ra Côn Đảo. Ông Nguyễn Bảo Toàn, Tổng Bí thơ Đảng Việt Nam Dân Chủ Xã Hội, là Chủ tịch Hội đồng Nhân dân Cách mạng thành hình ngày 28- 4-1955 để cứu nguy ông Ngô Đình Diệm, giúp ông có thế lực đối phó với Mặt Trận Thống Nhứt Toàn Lực Quốc Gia trong cuộc tranh chấp gay go năm 1955. Ngay bữa xảy ra giao tranh giữa quân đội quốc gia và quân lực Bình Xuyên, Hội đồng Nhân dân Cách mạng ra đời, với thành phần: Nguyễn Bảo Toàn, Chủ tịch; Hồ Hán Sơn, Phó Chủ tịch; Nhị Lang, Tổng Thơ ký; và một số nhân vật khác. Hội đồng này quả đã cứu ông Ngô Đình Diệm trong một tình thế hiểm nghèo. Nhưng chỉ ít lâu sau, Hội đồng này lại là nạn nhân bị chế độ ông Diệm khủng bố. Ba nhân vật chính yếu của Hội đồng nói trên, thì ông Nguyễn Bảo Toàn phải lưu vong sang Mỹ, ông Nhị Lang lưu vong sang Cao Miên, còn ông Hồ Hán Sơn ở lại bị giết trong một trường hợp mờ ám rất đau lòng... ... ông Toàn cũng bị mật vụ của ông Diệm bắt giam và thủ tiêu bằng cách bỏ vào bao bố cột lại quăng xuống sông, mất xác, không biết đâu mà tìm nữa... ...Một vụ thảm sát khác đã làm cho Phật giáo Hòa Hảo mất đi năm cán bộ cao cấp, và cũng là một vụ điển hình rõ ràng nhứt của chánh sách tiêu diệt cán bộ Phật giáo Hòa Hảo bởi mật vụ của chế độ Ngô Đình Diệm. Tầm quan trọng của vụ thảm sát này rất lớn, làm cho tín đồ Phật giáo Hòa Hảo mất hết chút cảm tình mong manh còn sót lại đối với chế

độ. Đây là một cuộc tấn công táo bạo vào Tổ Đình Phật giáo Hòa Hảo, và vào cá nhân Đức Ông Huỳnh Công Bộ thân sinh của Huỳnh Giáo

Chủ. Bốn người bị giết là các cán bộ cao cấp, cộng sự viên thân tín của Đức Ông, và được mặc nhiên xem như bộ tham mưu của Tổ đình Phật giáo Hòa Hảo. Vào khoảng giữa năm 1962, bốn cán bộ: Trần Văn Tập, Lê Hoài Nam, Huỳnh Thiện Tứ, Huỳnh Hữu Thiện, và một người lái xe, cùng đi trên một chiếc xe nhà của Đức Ông, từ Thánh Địa Hòa Hảo lên Saigon. Họ bị bắt đem đi mất tích. Từ đó về sau, không có tin tức nào của họ, cũng không biết ai bắt, vì tội gì, giam giữ tại đâu. Trong không khí nặng nề của khủng bố, và trong màn lưới khủng khiếp của mật vụ, các trại giam mọc thêm rất nhiều, và bí mật, cho nên các nỗ lực tìm kiếm tung tích những người bị bắt đều vô hiệu quả. Chỉ sau khi chế độ nhà Ngô sụp đổ vào ngày 1-11-1963, các tin tức bưng bít trong các trại giam, nhà tù, khám đường, và cơ sở mật vụ, được lọt ra ngoài, do chính những người đã bị bắt giam, bị tra tấn. Nhờ phối kiểm các nguồn tin tức cá nhân này, phía Phật giáo Hòa Hảo mới khám phá ra được manh mối và diễn tiến sự mất tích của chiếc xe hơi và năm người trong đó... ...Trên bình diện pháp lý, đạo Dụ số 10 là một văn kiện pháp lý thể hiện sự bất công tôn giáo. Theo đạo Dụ số 10, các tôn giáo Việt Nam bị xem như hiệp hội, với quy chế sinh hoạt giới hạn của hiệp hội, ngoại trừ Thiên Chúa giáo. Tinh thần điều 44 miễn trừ Giáo hội Thiên Chúa giáo, không bị chi phối bởi Dụ số 10, và ghi rằng sẽ có "chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô". Như thế, Thiên Chúa giáo được xem là giáo hội (một tôn giáo), còn các tổ chức tín ngưỡng khác ở Việt Nam chỉ là những hiệp hội, ngang hàng với các loại hội hè tương tế... ...Trên bình diện quyền lực, chánh sách của chế độ biệt đãi người có theo đạo Thiên Chúa. Thí dụ điển hình là trong tổng số chín sư đoàn của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, thì bảy sư đoàn trưởng là tín đồ Thiên Chúa giáo, trong số 47 tỉnh trưởng ở Miền Nam, thì 36 vị là tín đồ Thiên Chúa giáo. Nhiều sĩ quan đã xin theo đạo để có thêm điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp đời mình. Trên bình diện tài sản và phương tiện, Thiên Chúa giáo thủ đắc những tài sản khá quan trọng nên có nhiều phương tiện để thiết lập các cơ sở giáo dục, đào tạo cán bộ và truyền đạo: Các tiểu Chủng viện, đại Chủng viện, cơ sở xã hội văn hóa, các hệ thống trường tư thục Taberd,

Lasan tiểu, trung và đại học, về số lượng cũng như phẩm chất vượt xa các tôn giáo khác. Luật cải cách ruộng đất ban hành năm 1957 đã có một khoản đặc biệt rằng "tài sản của Giáo hội Công giáo không bị chi phối bởi luật này", có nghĩa là: trong khi các điền Chủ phải bị truất hữu ruộng đất để bán lại cho quốc gia dùng cấp phát cho người cày có ruộng, thì những đất ruộng của Thiên Chúa giáo không bị truất hữu, vẫn là tài Sản nguyên vẹn của Giáo hội Thiên Chúa giáo... ...Trong một hoàn cảnh như thế, Phật giáo Hòa Hảo suốt chín năm dưới chế độ Đệ nhất Cộng Hòa, ở một ví trí thất thế, thiệt thòi về mọi mặt, trên các bình diện và lãnh vực.

***

ĐẠO CAO ĐÀI BỊ NHÀ NGÔ ĐÀN ÁP RA SAO?(1) Trần Văn Rạng

Vì viết về cuộc đời của Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc, nên chỉ ghi tới năm 1959. Các dấu ba chấm là cắt bớt cho gọn.

Hộ Pháp Phạm Công Tắc và đoàn Hộ Vệ quân tại Tòa thánh Tây Ninh

... Khi Thủ-Tướng Ngô Đình Diệm từ giã ra về, Đức Hộ-Pháp nhắc nhở Thủ-Tướng nhớ sớm quốc-gia-hóa quân-đội Cao-Đài. Thế nên, chánh phủ Ngô Đình Diệm đã ban hành lịnh quốc-gia-hóa quân- đội Cao-Đài vào ngày 2.05.1955. Từ đó, Đức Hộ-Pháp từ vị Thượng- Tôn Quản-Thế do Thánh-lịnh số 704/VPHP, ngày 11.03 Ất-Mùi vì Đạo không còn quân-đội nữa. Tóm lại, thời gian từ năm 1947-1955 là giai-đoạn thanh-bình thịnh-trị của Đạo Cao-Đài. Danh Đạo đã sáng chói trên hoàn cầu... ... Nhờ viện-trợ Mỹ, Ngô Đình Diệm vận-động phá vỡ "Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc-Gia", bằng cách(2) mua chuộc và chia rẽ các lực lượng giáo-phái. Phòng Nhì của Diệm đã bỏ ra một trăm triệu để mua chuộc Nguyễn Thành Phương (chưa nhập-môn

1. Trích từ Chương VIII trong tập biên khảo "Chân Dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc" viết bởi Hiền tài Trần Văn Rạng -- Hiệu trưởng trường Trung Học Phú Khương, Trưởng Nhiệm Văn Hóa và Trưởng Nhiệm Giáo Lý Ban Thế Đạo -- bản điện tử lưu ở kho dữ liệu đại học University of Sydney, địa chỉ: 2. Donald Lancaster, The Emancipation of French Indochina, London 1963.

theo Đạo) và Năm Lửa.(3) Trong khi Nguyễn Thành Phương bao vây Hộ-Pháp Đường không cho Đức Hộ-Pháp trốn thoát, một số cựu quân-nhơn do Đại-Tá Huỳnh Thanh Mừng (sau trận nầy ông đi theo Mặt-Trận Giải-Phóng Miền Nam), chỉ huy binh-sĩ chống lại hành động của Tướng Phương, chiếm đóng vùng chợ Long-Hoa đến Cửa Số 6. Đại-Tá Mừng cho đóng quân từ Núi Bà đến cửa Hòa-Viện, nhứt quyết một còn một mất với Tướng Phương. Nhưng chẳng may Đại-Tá Mừng bị bộ-hạ của Tướng Phương phục-kích bắn gãy một cánh tay, khiến cuộc tranh chấp đôi bên quyết liệt hơn. Nhóm thứ ba do Thiếu-Tá Nguyễn văn Đờn và Nguyễn văn Mạnh chỉ huy, kéo quân vào đóng trong nội-ô Tòa-Thánh tuyên-bố là sẽ ngăn chặn hai nhóm kia hầu tránh cảnh lưu huyết vô lối. Để tránh viễn cảnh máu đổ giữa đồng-đạo và làm cớ cho cường- quyền Ngô Đình Diệm chiếm Tòa-Thánh, Đức Ngài ra "Bản Tuyên- Ngôn" có câu: "Cơ Đạo trải qua hồi biến chuyển, Bần-Đạo khuyên cả con cái Đức Chí-Tôn bình tĩnh, sáng suốt, chờ Hội-Thánh giải quyết". Đức Ngài cũng nói với các cấp chỉ-huy quân-đội: "Các con là lửa Tam-Muội. Lửa dữ trừ được ma vương mà cũng có thể đốt thiêu luôn Tòa-Thánh". Vì thế, Đức Ngài phải ép lòng ra đi để làm cho các phe phái đối lập không còn lý do gì tranh chấp với nhau. Dự kiến này được giữ kín, ít ai biết. Thế mà nhóm Mừng, Đờn, Mạnh cũng đoán được, nên họ đề-nghị dọn đường rừng đưa Đức Hộ-Pháp đi để tránh sự săn đuổi của Tướng Phương. Đức Ngài lặng lẽ và làm theo kế hoạch của riêng mình... ... Khổ-nhục kế để Đức Hộ-Pháp phải ra đi ư? Đó là trúng kế Ngô Đình Diệm, để Đạo mất đầu, sau đó họ đàn-áp Đạo suốt chín năm trời (1955-1963), cớ sao gọi là khổ-nhục kế? Giả thử, Ngô Đình Diệm cho mật-vụ ám-sát Đức Hộ-Pháp, hoặc bắt Đức

Ngài bỏ tù, thì cố- vấn chánh-trị Ngô Đình Nhu có để cho Ngô Đình Diệm làm như thế không? Ngô Đình Nhu không bao giờ muốn chọc tay vào tổ ong có mạng lưới khắp cả Miền Nam như tôn-giáo Cao-Đài. Ngô Đình Nhu cũng không muốn đổ thêm dầu vào lửa, vì tình hình giữa chánh-phủ và Mặt-Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc-Gia đã đổ vỡ. Không cách

3. Cố-vấn Ngô Đình Nhu ra lịnh cho Nguyễn Thành Phương kéo quân lên Tòa- Thánh để thanh trừng những phần-tử Cao-Đài chống-đối chế-độ độc tài gia đình trị.

nào hơn, Ngô Đình Nhu dùng mẹo "ném đá giấu tay". Mà người thi- hành kế là Nguyễn Thành Phương được Nhu hứa hẹn cho nhiều quyền lợi, mà chịu "nối giáo cho giặc Đạo". Người Đạo nào lúc ấy lại không biết chuyện đó, biện minh mà chi?!... ... Trong nước, chánh quyền Ngô Đình Diệm ra sức phá hoại hiệp định Genève, từ chối hiệp thương với chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa về việc tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt Nam, nhằm phân chia lâu dài là một thiệt thòi lớn cho con Hồng cháu Lạc. Để thực hiện Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, Ban Túc Trực Bến Hải được thành lập, ngày 17-4 năm Bính Thân (1956), vị Trưởng phái đoàn Lê Văn Thoại đã cắm được cờ Nhan Uyên (Nhan Uyên kỳ là cờ trắng của Thầy Nha Hồi dùng để khi nòi giống xô xác thì trương lên giải hòa) trên nhịp thứ hai cầu Hiền Lương thuộc sông Bến Hải, ông Thoại bị mật vụ Ngô Đình Cẩn bắt ngay tại Quảng Trị và ba người khác: Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Lợi và Nguyễn Quốc Đại cũng bị cảnh sát bắt tại bến xe tỉnh này. Tất cả nhóm 4 người đều bị giam tại Lao xá Thừa Thiên trên 3 năm mới được trả tự do. Cảnh sát Thừa Thiên còn bắt Giáo-sư Thượng Cao Thanh (Mã Tăng Cao), Khâm Trấn Đạo Cao Đài Thừa Thiên vì bị tình nghi chứa chấp và đưa đường Ban Túc Trực tới Bến Hải. Ông chết trong ngục tại Huế. Chánh sách này hoạt động âm ỉ trong giáo phái Cao Đài Tây Ninh. Vào ngày 23-10-1961, Sĩ Tải Phạm Duy Nhung thừa ủy nhiệm của Đức Hộ Pháp họp báo tại nhà hàng Soái Kình Lâm (Chợ Lớn) trước báo chí, đài phát thanh trong và ngoài nước, ông công bố các bức thư gởi cho các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ có đoạn viết: "Chúng tôi tin tưởng vào sự chân thành của quí quốc với đại danh là liệt cường luôn luôn có ý chí giúp đỡ dân tộc chúng tôi mà không vụ lợi". Ông bị chánh quyền Ngô Đình Diệm bắt và tra tấn đến chết. Phong trào Thánh Xa Thơ ngày càng lên mạnh. Các ông Chơn Nhơn Trịnh Phong Cương, Thừa Sử Phan Hữu Phước... đều bị bắt từ đây và đều bỏ mạng trong tù. Tính sổ, có trên hai ngàn chức sắc, chức việc và tín đồ trên toàn quốc bị bắt giam cầm. Đức Hộ Pháp có lập danh sách gởi đến Hội Đồng Nhân Quyền nhờ can thiệp mà không kết quả ... ... Ngô Đình Diệm ra lịnh thẳng tay đàn áp bắt bớ các tín đồ Cao Đài. Đến ngày 17-9-1956, Diệm cho mở chiến dịch Trương Tấn Bửu

gồm chín bước, kéo dài trong 150 ngày đêm, nói là "tố Cộng". Nhưng thực chất là diệt Đạo Cao Đài. Đầu tiên làm thí điểm ở xã Phước Vinh (Hảo Đước), mật vụ của Diệm bắt 4 người lính Cao Đài cũ nói là Việt Cộng nằm vùng. Giáo dân Cao Đài phản đối kịch liệt

họ phải thả bốn người này. Tại Nhàn Du Khách Sạn bị mật vụ Diệm chiếm đóng không ngày nào họ không bắt người tra khảo xem coi có liên lạc gì với Đức Phạm Hộ Pháp. Chiến dịch kết thúc mà không đạt ý muốn vì mgười tín đồ ngậm miệng chịu tra tấn tù đày để giữ vẹn niềm tin. “Mặc dù bị đàn áp gắt gao, khí thế của giáo phái Cao Đài vẫn mạnh mẽ, khiến đầu năm 1957, anh em họ Ngô phái đại diện đi Nam Vang gặp giáo chủ Phạm Công Tắc thương thuyết, mời về hợp tác”. “Vị Giáo chủ Đạo Cao Đài đưa điều kiện đòi Diệm phải thả hết những người Cao Đài bị giam giữ, chấm dứt chiến dịch gọi là Tố Cộng, để bắt bớ các tín đồ tôn giáo, ngưng hẳn đàn áp các giáo phái, ban hành các tự do dân chủ, và thành lập chánh quyền liên hiệp quốc gia”. “Không mua chuộc, dụ dỗ được giáo chủ Phạm Công Tắc, anh em Diệm tiếp tục chánh sách kỳ thị tôn giáo”.(4) Nhân ngày vía Đức Chí Tôn năm Đinh Dậu (1957), Ngô Đình Diệm đưa tiền mua chuộc một số người kêu gọi giáo dân mít tinh, trưng hình Đức Hộ Pháp và các biểu ngữ: “Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan” và “Đạo không đời không sức, đời không Đạo không quyền”. Một số người nhẹ dạ nghe lời tuyên truyền của cán bộ thông tin “Ngô Tổng Thống đã chấp thuận Đạo Cao Đài là quốc Đạo” v.v... ... Ngô Đình Diệm còn cử phái đoàn Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ lên Tòa Thánh áp lực Hội Thánh lấy tro Đức Cường Để tại Báo Quốc Từ. Một số chức sắc buộc phải làm biên nhận việc lấy tro cốt, mượn danh nghĩa là đưa về Huế thờ, thật sự là đào tận rễ không để chút di tích chánh trị nào giữa nhà Nguyễn và Hội Thánh Cao Đài. Đồng thời Ngô Đình Diệm cho chiếm luôn Nhàn Du Khách Sạn (vốn của Đạo), trước cửa chánh môn Tòa Thánh, tăng cường thêm mật vụ để dò la các tín đồ Cao Đài thường tới lui cúng kiếng. Mọi việc diễn biến ở Tòa Thánh đều được báo cáo đầy đủ lên Đức Phạm Hộ Pháp ở Nam Vang... ... Được tin Đức Hộ-Pháp triều thiên, toàn đạo trong nước vô cùng thương tiếc. Từ miền Trung đến Lục Tỉnh kéo về Tòa-Thánh làm lễ

4. Hoàng Trọng Miên , - Đệ Nhất Phu Nhân, tập I.

truy điệu Đức Hộ-Pháp. Mật-vụ của Ngô Đình Diệm hay tin đến giải tán. Tấm lòng của người Đạo đối với Đức Ngài quá to lớn, nên họ phân tán từng nhóm nhỏ vượt biên giới sang Nam-Vang. Những tổ- chức trong nước cũng phân tán mỏng như Hòa-Bình Chung-Sống, Thánh Xa-Thơ, Phạm-Môn, Phạm-Nghiệp ... Mỗi nhóm đều tổ-chức tưởng niệm Đức Ngài trong nội-bộ của mình để che mắt mật-vụ và Cần-lao Nhân-vị. Tại Nam-Vang, năm mươi ngàn tín-hữu Cao-Đài khắp nơi lũ lượt đưa nhau về Thủ-đô Phnom Penh thọ tang suốt mười ngày đêm túc trực bên liên-đài của Đức Ngài. Đại-diện các Tôn-Giáo trong nước Cam-Bốt từ các Tỉnh xa như Xiêm-Rệp, Battambang, Kratié, Kom- pong Cham, Kompong Speu, Kompong Xom, Sway Riêng, Mimot đều đến chia buồn phúng điếu với Hội-Thánh Ngoại-Giáo. Một số lớn ngoại-giao đoàn tại thủ-đô Phnom Penh cũng đến đặt vòng hoa. Thủ-Tướng Pen Nouth đại-diện chính-phủ Hoàng-Gia Cao-Miên đến chiêm-ngưỡng và đặt vòng hoa trước liên-đài...

***

BÁO CHÍ THỜI NGÔ ĐÌNH DIỆM(1) Vũ Bằng

Lời Giới thiệu - Những ai đã đọc “Miếng Ngon Hà Nội”, “Thương Nhớ Mười Hai”, “Bốn Mươi Năm Nói Láo”, “Miếng Lạ Miền Nam”, ... thì sẽ không cần phải đọc lời giới thiệu một nhà văn, nhà báo đã được sự nể trọng của các bạn đồng nghề, đồng nghiệp danh tiếng như Nguyễn Tuân, Thượng Sĩ, Lãng Nhân, Phùng Tất Đắc, Vũ Trọng Phụng, ... về tài hoa văn chương cũng như về tư cách làm người của Vũ Bằng từ những năm trước Đệ Nhị Thế Chiến. Đặc biệt về tác phẩm “Bốn Mươi Năm Nói Láo”, kể từ ngày được xuất bản cách đây hơn 40 năm, đã được coi như một hồi ký rất có giá trị văn học, sử học về một giai đoạn văn chương, báo chí Việt Nam của một nhà văn lớn, một nhà áo trung thực, yêu nước thương nòi. Khi được hỏi ý kiến về việc tuyển chọn tác phẩm để xuất bản một “Tuyển Tập Vũ Bằng”, nhà văn Tô Hoài đã phát biểu: “Những tác phẩm văn học nào tìm thấy, nên in cả, không phải chọn. Đơn giản vì Vũ Bằng là nhà văn lớn.” Thời kỳ những năm 1960 dưới chế độ Ngô Đình Diệm là thời kỳ

1. Trích từ sách “BỐN MƯƠI NĂM ‘NÓI LÁO’ ” của VŨ BẰNG, Cơ sở Xuất Bản Sống Mới – Sài Gòn – 1969 (Trang 204 – 263). Bắt đầu viết tháng Giêng năm 1967. Sửa lại, viết thêm năm 1968-1969 và xong vào ngày Phật Đản 2513 tức 30 tháng 5 dương lịch 1969.

viết văn, làm báo năng động nhất của Vũ Bằng. Nghĩa là thời kỳ ông đi sâu, nhìn sát vào thực tế xã hội miền Nam để từ đó, sau nầy, với cái nhìn tinh tế và sâu sắc hiếm có, ông đã viết hồi ký nầy với tất cả tấm lòng đầy tính dân tộc. Những trích đoạn đưới đây sẽ đưa độc giả vào một giai đoạn lich sử cực kỳ sôi động mà may mắn thay chúng ta đã có được Vũ Bằng để làm một nhân chứng đích đáng để tin cậy.

TỪ “HÒA BÌNH” ĐẾN “DÂN CHÚNG” (Trang 205) ... Như thường lệ, vào dịp hai mươi ba Tết năm ấy, trong mục “Thiên hạ sự”, tôi có viết một bài tếu nói về việc đốt vàng mã và nhân dịp có kể lại câu hát cũ: Ba mươi tết, tết lại ba mươi, Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú khách, Một tay cầm cái dù rách Một tay xách cái chăn bông Em đứng bờ sông Em trông sang nước người: “Hỡi chú chiệc ơi là chú chiệc ơi” Một tay em cầm quan tiền, Một tay em xách thằng bù nhìn Quan tiền nặng thì quan tiền chìm Bù nhìn nhẹ thì bù nhìn nổi, Ới ai ơi, của nặng hơn người ... Ai ngờ chỉ có thế mà sanh ra to chuyện. Bộ Thông tin - hồi ấy do ông Trần Chánh Thành điều khiển – cho chữ “thằng Ngô” đó là nói sỏ ông Ngô Đình Diệm, nhờ Công An điều tra và làm lung tung lên một dạo, tưởng chừng như là sắp tận thế đến nơi. ... Bây giờ, mỗi khi nói đến chế độ kiểm duyệt, tôi hay đem hai sự việc (“thằng Ngô” và “chó Nhựt”) trên kia ra so sánh và buồn cười không chịu được. Nhưng biết làm sao, ở một nước có tổng thống, có hiến pháp như mình, có bao nhiêu quốc gia thừa nhận, luật pháp không phải là trò đùa, chống đối lại chỉ là chơi với lửa. Hầu hết các báo đều hiền như con cừu. Gan lắm thì im lặng, không công kích, không nói bóng nói gió một câu đến chính quyền; còn lại bao nhiêu

báo khác thì a dua, nịnh bợ không tiếc lời; hơn thế, lại còn tiếc là sao chữ Việt mình nghèo qúa, để cho mình không đủ chữ để mà nịnh cho thực đã ... Vì thế, ta thấy có ông nhà báo xin đến ngâm thơ cho tổng thống nghe; có ông đề nghị lập tượng tổng thống ở

chợ Bình Tây và có ông được tổng thống tiếp kiến về viết bài ca tụng tổng thống, ví tổng thống với mặt trời ở trong Dinh Độc Lập. Thực ra, các nhà báo ấy viết ra như thế, in lên như thế, nhưng ở thâm tâm thì một số lớn chửi thầm tổng thống, song cái việc phải nịnh thì cứ nịnh, nịnh bất cứ ai, miễn có lợi thì thôi, nếu dại dột mà đả kích Ngài thì chỉ có mà … ăn sắn. Nghĩa là nhà báo chống đối chẳng trước thì sau cũng bị lâm vào mấy cái thế sau đây: báo bị đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý… bị đưa đi bí mật ban đêm; nếu không thế thì một ngày đẹp trời nào đó tự nhiên cũng bị ghép vào tội gá bạc, tống tiền, dỗ gái vị thành niên hay đi lừa đảo, đưa ra tòa, gia sản bị tịch biên, có bao nhiêu vốn liếng đi tiêu hết. Lúc ấy sau ba lần thắng Bình Xuyên và áp dụng biện pháp mạnh đối với các giáo phái, thắng lợi, Ngô Đình Diệm bắt đầu có lông có cánh, ra mặt chống Bảo Đại, không đi Pháp để trình với Quốc trưởng về các biến cố ở nước nhà, nhưng ở lì trong nước tập làm độc tài cỏ, đưa họ hàng lên nắm hết các chức vụ quan trọng. Ông Trần Văn Chương, thân phụ bà Ngô Đình Nhu, được đưa lên chức Quốc vụ khanh. Các cuộc tranh giành quyền thế, và cũng là những cuộc thanh toán, bắt đầu diễn ra trong dinh Độc Lập. Từ một nội trợ giặt áo, nấu cơm, tắm rửa cho con, bà Nhu thành một nhân vật của nhà Ngô và bà đã nhờ cái sếch-áp-pin (sex-appeal) thuyết phục các lãnh tụ quân sự và các cố vấn và ngoại giao Mỹ ở Sài Gòn. Nhưng đồng thời giúp ích cho họ Ngô Đình, bà không quên nghĩ đến cho gia đình bà trước: mẹ bà, bà Trần Văn Chương, lên như diều; ông Chương làm đại sứ ở Hoa Thịnh Đốn; Nguyễn Hữu Châu, em rể của bà, cũng có tiếng là người tình cũ, làm bộ trưởng tại phủ tổng thống, em ruột Trần Văn Chương là Trần Văn Đỗ được tôn lên làm ngoại trưởng; con trai của ông Chương là Trần Văn Khiêm làm giám đốc báo chí, rồi được bổ làm giám đốc Mật vụ. Việc thay đổi bộ máy cầm quyền từ 1954 đến 1956 nhắm mục đích dành quyền của bà Chương về cho bà Nhu. Nói một cách khác, ngay trong gia đình Trần Văn đã có sự tranh giành quyền thế, mà giữa họ Trần Văn và họ Ngô Đình lại cũng có sự tranh giành nữa; nhưng tựu trung Việt Nam lúc bấy giờ là một quốc gia cảnh sát do hai gia đình quan lại Trần Văn và Ngô Đình nắm hết quyền hành. Gia đình Trần Văn tương đối còn trung thành phần nào

với tập tục cổ truyền của nhà vua Bảo Đại, chớ họ Ngô Đình thì trắng trợn ly khai với chế độ cũ và nuôi cái mộng lập một triều đại mới: triều đại Ngô Đình. Cố nhiên muốn thực hiện mộng đó, phải tàn ác diệt trừ những cá nhân, đoàn thể chống đối, mà cá nhân và đoàn thể chống đối lúc ấy là những người gốc ở miền Bắc và miền Nam chỉ muốn nhà Ngô giữ lời đã hứa là tổ chức một cuộc bầu cử để họ có thể bầu người đại diện của họ lên lo việc nước. Theo những người có tiếng là chống đối này, ông Diệm là một lính nhảy dù do Mỹ thả từ trên trời xuống và không có rễ ở dưới đất. Đứng trước sự chỉ trích hỗn xược đó, ông Nhu và vợ đặt ở các văn phòng các đường phố một số mật báo viên, có nhiệm vụ báo cáo những phần tử chỉ trích chánh phủ; ngoài ra theo dõi hành động của các tờ báo khác, hồ thấy viết một câu nào xa xôi, xách mé bóng gió thì đóng cửa vĩnh viễn, còn ký giả nào bướng bỉnh, không quy phục thì chụp cái nón cối Cộng sản lên đầu, cho xuống hầm tối để không bao giờ lên được đất liền nữa, hoặc có lên được cũng mù loà, què quặt, bán thân bất toại. Không khí làng báo lúc ấy thực đìu

hiu, tẻ lạnh. Mỗi buổi sáng, người làm báo nhận được những cú điện thoại cho biết phải tránh những tin gì không được nói, những lời tuyên bố nào của ông Diệm, bà Nhu phải làm to; thậm chí lại có khi buộc phải đưa câu nói này của bà Nhu lên làm vơ-đét tám cột, diễn văn kia của ông Diệm năm cột và kèm theo thật nhiều tranh ảnh. ... Tôi yên lặng ngồi viết sách cho nhà xuất bản "Phạm Văn Tươi", "Thế Giới", và nghe thấy từ dưới đường vọng lên những tiếng chuyển động khác thường: đó là tiếng oán than của những cuống họng bị bóp nghẹt lẫn với tiếng cười của trai gái đú đởn trong ánh đèn màu, tiếng nguyền rủa não nề của dân chúng tắt thở vì chế độ tự do bị nhà Ngô bóp chẹt. Các giáo phái, các chánh đảng, các tầng lớp nhân dân nghĩ phải làm một cái gì, nếu không thì quá trễ, nhưng, thay vì đoàn kết để chống lại nhà Ngô thì họ lại chia rẽ, kình chống nhau. Các chánh đảng không thể thống nhứt trong một mặt trận chung, vì thế vợ chồng ông Nhu càng đắc thế và càng áp dụng hữu hiệu nhiều chiến thuật "chia để trị". Báo chí cúi đầu theo răm rắp, suy tôn Ngô tổng thống. Vào chiếu bóng, rạp hát, phải chào cờ và đứng nghiêm nghe nhạc trổi bài "Toàn dân Việt Nam biết ơn Ngô tổng thống – Ngô tổng thống, Ngô tổng thống ... muôn năm" cho đến khi lá cờ vàng sọc đỏ mờ dần cùng

với cái hình ông lùn mập, mới có quyền ngồi xuống để xem "đượi" Âu châu nhảy tuýt. Báo câm như hến. Không có một ký giả nào dám lên tiếng phản đối anh em nhà Ngô, dù là phản đối xa xôi. Phải đợi mãi đến năm 1960, cơn sốt mới bùng lên : đại tá Nguyễn Chánh Thi, trung tá Vương Văn Đông, cùng một số sỹ quan đem quân vây dinh Độc Lập và đòi Ngô Đình Diệm rút lui. Ngô Đình Diệm trao quyền cho những tướng lãnh để lập chính phủ khác, nhưng sau nhờ các sư đoàn 7 ở Biên Hòa và sư đòan 21 ở Mỹ Tho về ứng cứu kịp thời, Ngô Đình Diệm thoát chết: Đại tá Nguyễn Chánh Thi và trung tá Vương Văn Đông rời khỏi Việt Nam, Ngô Đình Diệm lại phệnh phà phệnh phạo tuyên bố hỗn xược không chê được, và cố nhiên Quốc Hội lại ngỏ lời trung thành, các đoàn thể lại biểu tình ủng hộ và lũ cầy cáo hèn nhát đi với cách mạng lại quay về thần phục nhà Ngô. Lúc ấy, tôi đang làm "Dân Chúng". Tôi còn nhớ bầu không khí nẩy lửa đó, ai cũng hăng say muốn thấy Ngô Đình Diệm và công ty, bị chết đâm chết chém... Cứ đăng hết những tin tức đảo chánh lúc đó, không thêm bớt, thì độc giả cũng đã khoái tỉ lắm rồi, khỏi cần bình luận; nhưng đa số nhân viên "Dân Chúng" dè dặt không dám đăng thật rõ, có ý muốn "trông và chờ", một phần vì sợ cho tính mạng tờ báo sau này nếu cuộc đảo chánh không thành và mặt khác thì anh em không dám quyết định một thái độ dứt khoát vì lẽ khi ấy giám đốc tờ "Dân Chúng" là ông Mạc Kinh Trần Thế Xương, lại không có mặt ở Việt Nam. Tô Văn và Cát Hữu thấy Phi Vân tỏ ra sợ sệt, chửi ầm cả lên, nhưng rút lại báo "Dân Chúng" tương đối lúc ấy "hiền lành" và mỗi khi có tin gì bất lợi cho Ngô Đình Diệm thì viết một giọng hoài nghi, đánh dấu hỏi, chớ không dám quả quyết như mấy tờ báo khác. ... Bây giờ, nói đến chuyện hiệp thương, hòa hội là thường, nhưng có ai đã sống sát với thời cuộc lúc đó đều thấy rằng đưa vấn đề ấy ra làm tám cột, kéo dài hàng tháng phải là "trì" lắm. Nhất là đối với Ngô Đình Diệm là một thứ người có thành kiến, lỳ lợm, thì sự việc ấy lại càng đáng kể lắm, vì Diệm không thích cái gì thì không muốn cho ai nói tới. Trái lại, dân chúng chán ngấy chế độ tự do dân

chủ ngụy tạo của Diệm, lại muốn hiệp thương hai miền Nam Bắc, nên loạt bài của "Dân Chúng" ra đời thì độc giả tìm đọc "không chịu được", nhất là họ lại không biết – vì chánh quyền giấu kín lắm - bức thư của Phạm Văn Đồng gửi cho Ngô Đình Diệm, nên cho rằng việc báo "Dân Chúng" đề cập đến vấn đề hiệp thương Nam Bắc là một hành động can đảm và

sáng suốt. Thế là báo "Dân Chúng" một phát hồi lại như thường. Lúc ấy đi lại chặt chẽ với nhau có Trần Tế Xương, Bùi Anh Tuấn và tôi, các bạn bè ở ngoài phần nhiều không giao thiệp công khai, môt phần vì sợ mật vụ của Ngô Đình Diệm theo dõi và chơi vố gì xấu chăng. ... Nhưng báo hay cũng như người đẹp: Không để cho người ta thấy bạc đầu. Sau vụ đảo chánh 1960, Ngô Đình Diệm không chết, nhưng lại chết tờ báo tương đối e dè nhất, cân nhắc nhất, khi tường thuật các biến cố xảy ra. Tôi và mấy người bạn đang ngồi ở trên lầu vừa đánh phé, vừa ôn lại mấy ngày sôi nổi vừa qua, thì hàng chục xe ô tô nhà binh và Cảnh Sát đến khám xét nhà báo, đập phá máy in, tung hê các ô chữ ra đường, rồi lấy giấy tờ, máy chữ, bút máy, bình mực, búp bê, nón mốt săng, áo mưa... lấy hết, đem đi. Nhà báo thì khóa ba khóa, niêm phong cẩn thận, sau khi để cho các người ở trong toà báo vừa kịp khoác cái sơ mi, đi ra ngoài. Một vài tờ báo khác cũng lâm vào trường hợp như chúng tôi lúc đó. Anh em "Dân Chúng" tản mác mỗi người mỗi ngả. Cố nhiên là trong bọn có một vài người vì vấn đề cơm áo, vợ con, ngầm đi với bọn mật vụ còm để xin tha tội "treo cổ" – vì ở đâu cũng có bích chương viết tay đòi treo cổ người này, bắn chết người kia – nhưng đa số thì lì lợm, ăn xong ngồi đánh phé và loan báo cho nhau biết bọn chánh khách, quân nhân nào đã xé hàng rào cách mạng, chạy vào dinh Độc Lập, bọn nào đã làm hư cuộc đảo chánh và đã khóc lóc như trẻ con lúc bị trói ở trường bay Tân Sơn Nhứt và không quên theo dõi hành động của Nhu Diệm cùng bề tôi nhằm củng cố địa vị, uy tín, đồng thời sẽ đối phó với những người tham gia cuộc đảo chánh ra sao.

SAU KHI ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM THOÁT CHẾT LẦN THỨ NHẤT (Trang 218) Saigon, sau ngày đảo chánh hụt 1-11-60, lần lần trở lại bộ mặt bình thường. Những báo đăng những tin bất lợi cho ông Ngô Đình Diệm trong cuộc đảo chánh lo sốt vó. Lúc ấy, những người có công với các ông Diệm và Nhu giả thử muốn phá nhà báo nào, cho ký giả nào đi mò tôm cũng cứ được đi, nhưng họ đã khôn khéo không nghĩ tới việc đối phó mà chỉ lo củng cố địa vị cho ông Diệm. Nhất cử, nhất động lúc ấy là thận trọng. Ngoài mấy tờ báo đóng cửa, chính phủ không cho ra thêm một tờ báo nào hết, trừ ba người có thể chắc chắn là không phản bội, hơn thế lại có công lao không ít thì nhiều với họ Ngô hay bác sĩ Trần Kim Tuyến: ông Huỳnh Thành Vị được phép xuất bản tờ "Đồng

Nai", Ngô Quân tờ "Saigon Mai" và Trung tá Châu (Giám đốc Nha Chiến tranh Tâm lý) tờ "Tiếng Dân". ... thật ra báo cũng chẳng có gì đọc được, nếu không đề cao luật gia đình của bà Nhu thì lại đăng tin chiến sự: hành quân Bình Tây tại U Minh Hạ, hành quân ở Củ Chi, hành quân Lam Sơn II, hành quân ở Cao Lãnh, hành quân ở Mỹ An...

Một đống hành quân, giết không còn một mống Việt Cộng – ông Ngô Đình Diệm tuyên bố Việt Cộng chết hết rồi – hay tường thuật bốn năm cột báo bà Nhu đi thăm Phụ nữ Liên đới, vì phong trào này vừa được thừa nhận là một hội công ích do sắc lệnh 84/NV; ông Nhu đi thăm Sihanouk vì có tin Sihanouk tuyên bố thừa nhận Trung Cộng, cả về phương diện pháp lý; hoặc Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia kịch liệt lên án những người thân Pháp, yêu cầu chánh phủ chấm dứt nhiệm vụ của công chức điều khiển từ Chủ sự, nếu không từ bỏ quốc tịch Pháp. Ối chao ngán quá, ngán đến nỗi không buồn xem hình nữa, không buồn đọc bài nữa, dù là những bài tối quan trọng như bài tường thuật lễ cửu tuần khánh thọ bà mẹ ông Ngô Đình Diệm ở Huế có nhiều đại diện các đoàn thể và rất đông cao cấp trong chánh quyền về chúc mừng "thái từ", mà bộ Nội vụ lại tổ chức một lễ tạ ơn tại Vương Cung Thánh Đường. ... Tự sỉ trước những cảm nghĩ lông bông như thế, các anh em và tôi quyết định làm tờ "Tiếng Dân" của Trung tá Châu thành một tờ báo "sạch" cũng như "bom nguyên tử sạch", bom nguyên tử không có quá nhiều phóng xạ làm ô nhiễm bàu không khí của thế giới tự do. Sau này, nghĩ lại thì quả lúc đó tôi khùng, vì cái "tri" và cái "hành" của tôi ngay lúc gặp Trần Thiện Phúc, đại diện gián tiếp của Trung tá Châu, đã mâu thuẫn với nhau rồi. Định làm một tờ báo sạch mà cư xử không sạch tí nào: tôi đặt điều kiện báo phải đưa cho anh em toà soạn một tháng lương để ngồi suy nghĩ về cách làm ăn; nhưng cái đó không quan hệ lắm bằng mâu thuẫn dưới đây: làm một tờ báo cho Trung tá Châu ủng hộ Ngô Đình Diệm mà lại nói chuyện "sạch" thì có khác gì nói chuyện "dây thừng ở trong nhà có người thắt cổ?..." Tờ "Tiếng Dân" gặp sự bê bối ngay từ lúc ra số 1, vì mỗi phe có một số người của riêng mình, mà cũng ngay từ lúc mới quảng cáo, ở Huế, đã có con cháu của cụ Huỳnh Thúc Kháng bắn tin là không thể đem bôi nhọ tên một tờ báo đã có hồi lừng danh ở Huế. Nói như vậy, tức là tờ "Tiếng Dân" đã mang tiếng là báo của nhà Ngô ít nhiều rồi;

vì thế chúng tôi phải hết sức tìm cách né tránh, viết lách thế nào để cho thiên hạ đỡ chửi là quân liếm gót. Dù biết rằng báo này có hai mục tiêu, một là suy tôn Ngô Đình Diệm, thần thánh hoá ông ta (vì ông ta đã mất uy tín rất nhiều sau cuộc đảo chánh 1960) và hai là đối phó với những liên danh chống đối ông trong cuộc tranh cử Tổng Thống nhiệm kỳ II vào đầu năm 1961, chúng tôi cố ý làm ra mặt dớ dẩn, toàn bàn về vấn đề nông thôn và đăng những tin tức cố tránh đụng chạm đến Nhu và Diệm, không đả kích những người đảo chánh Diệm mà cũng chẳng hề đụng chạm đến những liên danh II và III mà ngay từ tháng giêng 1961, chúng tôi đã biết có ai, tuy là các liên danh ấy chưa tiết lộ ra bên ngoài. Đó là liên danh Nguyễn Đình Quát - Nguyễn Thành Phương và liên danh Hồ Nhựt Tân - Nguyễn Thế Truyền, ấy là không kể nhiều liên danh khác hoặc trù trừ không quyết định ra vì biết sẽ bị gian lận, mất công vô ích, hoặc bị Nhu Diệm cho người đến mua chuộc, tống ít tiền lẻ để đừng ra ứng cử làm gì cho quẩn chân. Lúc ấy, Mỹ còn nuôi hy vọng ăn đứt Việt Nam, dù cách gì đi nữa thì Diệm cũng vẫn ngồi vững ở ghế Tổng Thống như thường; ai cũng biết như vậy, kể cả Nguyễn Đình Quát; nhưng đã chót cưỡi lên lưng cọp rồi, Quát cứ phải liều, dù phải trả mắc tiền: Quát chưởi Diệm đã sướng miệng và kể từ lúc bấy giờ về trước, có lẽ không có ai dám

khi quân chửi Diệm đau như thế, và hơn nữa lại công khai dám công bố ở rạp Thống Nhất một ý kiến mà cũng từ trước cho tới lúc đó không ai dám hé môi nói ra lời: ông hứa nếu đắc cử sẽ điều đình ngưng bắn, tái lập hoà bình ở Việt Nam! Tất cả những tin tức liên quan đến cuộc vận động bầu cử Tổng Thống, chúng tôi cho vào một mục ở cuối trang nhất, không lấy gì làm long trọng...Phần chính của báo là đề cao Phật Giáo ngay giữa lúc Công giáo đang lên hương, bọn Nhu Diệm làm chúa tể, Đức cha Nguyễn Văn Bình làm lễ nhậm chức Tổng giám mục ở Saigon mà Ngô Đình Cẩn thì bắt đầu ngấm ngầm chơi tăng ni, phật tử ở Huế. Chúng tôi đánh một trận hoả mù làm cho không ai hiểu đường lối của báo ra sao, nhắm mục đích là nếu có một số đọc giả cố định rồi thì quay về làm tin tức và chú tâm mổ xẻ, cứu xét các vấn đề thời sự, nhưng không thể được. Riêng tôi thấy rằng làm báo ở dưới một chính thể độc tài độc đóan, thì dù muốn xoay sở thế nào, bịp bợm thế nào cũng vẫn không thể thoát khỏi được ra ngoài quỹ đạo của chế độ và cuối cùng đọc giả cũng biết ai ngay, ai gian. Báo nào mới ra đời cũng la thét ghê gớm lắm: nào dám nói, dám làm, dám chửi; nào phục vụ nhân dân, đứng hẳn về phía đối lập, đòi công bằng xã hội, tranh đấu cho đồng bào có cơm no áo ấm; nào quét sạch thối tha, nhơ bẩn,

dám làm, dám chết...nhưng rút cục trong một chính thể độc tài, nô lệ, dân chủ ngụy tạo như chính thể nhà Ngô, chẳng có một tờ báo nào thoát được ra ngoài quỹ đạo của chế độ Ngô Đình Diệm. Sau cuộc đảo chánh hụt Ngô Đình Diệm, đa số dân chúng đều tỏ ý tiếc rẻ sao trung tá Đông không giết phắt Diệm đi lại cứ hội đàm vớ vẩn với Diệm làm gì, bàn tính chuyện chia đôi Saigon làm gì để cho ông ta lật lại được thế cờ, trở lại sống phây phây, ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ II. Do đó người dân lúc ấy theo sát thời cuộc để xem Mỹ đối phó ra sao, phe cách mạng còn làm gì nữa không, và Ngô Đình Diệm sẽ gẫy hay là cứ sống nhăn như thế mãi. Người ta lại càng tò mò muốn biết Ngô Đình Diệm, sau vụ sống sót này, có thay đổi thái độ đi không. Ngay từ cuối năm Tý, đã có tin Diệm cải tổ chánh phủ. Thường thường nghe thấy tin cải tổ, người dân không để ý, vì họ cho là nội các nào cũng "hầm bà làng" giống như nhau, nhưng đặc biệt lần này họ chú ý nghe ngóng xem Diệm cải tổ ra sao, vì họ tin rằng cuộc đảo chánh vừa qua ít ra cũng mở mắt cho Diệm và Diệm cũng đỡ độc tài như trước. Báo "Saigon Mai" đã nắm lấy cơ hội đưa ra những tin sốt dẻo lượm lặt được ở các nơi "có thẩm quyền": một số chính khách, nhân sĩ nhóm họp để bàn việc lập Nghị Hội Đại Đoàn Kết toàn dân chống Cộng, có bác sĩ Phan Huy Quát, bác sĩ Lý Trung Dung, Đặng Văn Sung v.v... bà Ngô Đình Nhu đi các tỉnh cổ võ cho phong trào Phụ Nữ Liên Đới và Phụ Nữ Bán Quân Sự; các chính khách hầu hạ dưới trướng Diệm đang bí mật liên minh các đảng phái để đúc lại thành một đảng chánh quyền do ông Ngô Đình Nhu điều khiển.

ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO: BÁO GIỚI KHÔNG HO HE MỘT TIẾNG (Trang 238) Hai năm 1962 và 1963 là hai năm xui xẻo nhất của Ngô Đình Diệm. Dinh Độc Lập bị hai phi cơ Việt Nam ném bom và bắn phá làm hư phía tay trái, gây tổn thất nặng cho tư thất của cố vấn Ngô Đình Nhu, và phòng giấy của bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần. Trong khi bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vẫn gia công tuyên bố tình hình Việt Nam vẫn vững; trong khi nhà

Ngô làm ra bộ phớt tỉnh và tiếp tục đàn áp các nhà ái quốc tiến bộ, thì kinh tế trong nước bắt đầu suy sụp: gạo tăng giá, thịt heo khan tăng từ 30 lên 50 đồng một ký mỡ, từ 60 lên 90 đồng một ký nạc, dân chúng bắt đầu thấy reo neo; nhưng toàn dân, không phân biệt giai cấp, phải góp tiền để tái thiết dinh Độc lập. Số Kiến Thiết từ 1.600.000 in tăng lên 3 triệu.

Báo chí không lúc nào ngưng suy tôn Ngô tổng thống. Mọi việc đều trơn tru, êm đẹp. Nếu không có Ngô tổng thống thì toàn dân chết không còn một mống. Muôn năm, muôn năm. Hơn 300 căn nhà cháy ở Xóm Chiếu; 100 nóc nhà khác bị kéo sập; không ngày nào không bắt được những tên châm lửa đốt nhà. Một ngàn rưỡi căn nhà cháy rụi ở đường Trần Quốc Toản; 30 nhà khác ra tro ở đường Trương Minh Giảng; lại ba vụ khác nữa gây thiệt hại không nhỏ ở Khánh Hội; đó là nhờ ơn đức của Ngô Đình Diệm nữa. Muôn năm, muôn năm. Nhưng báo chí bắt đầu tăng cường muôn năm, muôn năm Ngô Đình Diệm dữ dội nhất từ lúc cảnh sát hạ cờ Phật giáo ở Huế nhân ngày Phật Đản, các lực lượng an ninh giải tán các cuộc tụ họp của Phật giáo ở Huế cũng như ở Saigon. Một phái đoàn gồm sáu thượng toạ và đại đức yết kiến Ngô Đình Diệm đưa ra năm nguyện vọng: bãi bỏ lệnh cấm treo cờ Phật Giáo; cho Phật giáo hưởng chế độ ngang hàng với các hội truyền giáo Thiên Chúa; chấm dứt khủng bố và bắt bớ Phật tử; để Tăng ni và Phật tử tự do truyền đạo và hành đạo; bồi thường cho các gia đình nạn nhân và trừng trị những nhân viên có lỗi làm đổ máu. Cuộc tranh chấp bắt đầu găng từ đó. Nay, Phật tử biểu tình ở Huế. Có xô xát. Một số lớn bị thương. Mai, Phật tử biểu tình ở Saigon. Hơi cay xịt ra tứ tung làm cho dân chúng sưng cả mắt. Mốt, ruồng bắt các chùa chiền, cảnh sát cho biết là bắt được nhiều lựu đạn và súng ống. Thế rồi, trước một số đông tăng ni, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng, Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu bằng dầu xăng. Cả thế giới rung động. Có nhiều người khóc. Lòng căm thù oán trách Ngô Đình Diệm bay cao thấu trời. Việt Nam Cộng Hòa, như nhà có tang, một mặt phải lo chống Cộng, một mặt phải đối phó với cao trào Phật giáo mỗi ngày một găng hơn: Ngô Đình Diệm gửi thông điệp kêu gọi dân chúng bình tĩnh. Paulus Hiếu – cũng nhận là họ Ngô - thề bán sống bán chết không tuyên bố điều gì vu khống hay công kích Phật Giáo; Nguyễn Ngọc Thơ mời Hòa thượng Thích Tịnh Khiết tới họp với Ủy Ban liên bộ, nhưng tất cả đều vô ích. Tăng ni biểu tình trước nhà đại sứ Hoa Kỳ. Phật tử, đại đức thi đua tự thiêu ở khắp nơi. Sự công phẫn tràn lan khắp nước. Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ bù đầu – tuy đầu sói - về việc lập ủy ban hỗn hợp để thi hành thông cáo chung. Bà Ngô Đình Nhu chửi bố là Trần Văn Chương, vì đại sứ Chương đã trách bà “thiếu lễ độ” đối với Phật giáo. Lịnh giới ghiêm được ban hành. Các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Kỳ Viên Tự bị khám xét .Máu Phật tử đổ khắp nơi. Hội Đồng Chính Phủ

họp lúc gần sáng. Saigon và Gia Định cũng thi hành lịnh giới nghiêm, cấm đi lại ban đêm từ 9giờ đến 5 giờ sáng. Nhà họ Ngô khát máu tiếp tục thi hành chính sách cường hào ác bá, giết kỳ hết những người phản đối họ. Trong khi đó thì có tin Việt Cộng sắp tràn ngập thủ đô, Ngô Đình Diệm đặt thiếu tướng Tôn Thất Đính làm tổng trấn Saigon –

Gia Định và giao cho quân đội bảo vệ an ninh, trật tự, Phật tử nào biểu tình, trí thức nào chống đối cho phơ tuốt. May cho bố bà Nhu là Trần Văn Chương không bị phơ, mà chỉ bị dứt nhiệm vụ đại sứ thôi. Trong suốt một thời gian kéo dài từ tháng 5 năm 1963 cho đến tháng 11 cùng năm đó, tràn đầy máu lửa và nước mắt, tàn sát Phật tử không khác gì phát xít Đức tàn sát người Do Thái trong thế chiến thứ nhì, không có một tờ báo chánh thức nào dám ho he một lời can ngăn - chớ đừng nói cảnh cáo hay đả kích – Ngô Đình Diệm và gia đình ông ta. Được lịnh của cố vấn Ngô Đình Nhu, Tổng giám đốc Thông Tin mỗi ngày ra một chỉ thị cho các báo. Báo nào báo nấy theo răm rắp, nhưng cũng chưa yên; đến lúc đưa kiểm duyệt, lại thay đổi ý kiến, có tin cấm lại cho ra, có tin không nói đến, tới giờ cuối cùng lại cấm. Báo nào báo nấy cứ điên lên, không biết phải làm ăn ra thế nào. Lúc ấy, tôi là tổng thư ký của nhựt báo "Báo Mới" do Huỳnh Tấn Phẩm đứng ra làm, mà măng xét thì của Văn Giang. Lúc chưa ra, báo này nhắm làm việc về ấp chiến lược, mở một mục đặc biệt về ấp, vì Nhu cho đó là quốc sách, bao nhiêu tiền đổ dồn cả về việc xây dựng ấp. Tiền tái thiết dinh Độc Lập thu được 19 triệu, thì bỏ vào ấp chiến lược 10 triệu, quỹ chống Cộng thu được 30 triệu, đem dùng hết cả vào việc ấp. Dù đã được chỉ thị riêng rồi, "Báo Mới" cũng bị xoá lện xoá xuống vì những tin Phật giáo, nói xấu chính phủ không được mà nói tốt cũng không được nữa. Rút cục, người làm báo phải tự hỏi không biết nhà Ngô muốn gì, muốn sống hay muốn tự tử. Lập ra ủy ban liên bộ, ủy ban liên phái, ra thông cáo chung, cấm đăng ; Thượng toạ Thích Thiện Minh gửi thư cho Ngô Đình Diệm vì thông cáo chung chưa được thi hành, cấm đăng; nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam uống thuốc ngủ tự tử để phản đối chính sách độc tài, đàn áp Phật giáo của Ngô Đình Diệm, cấm đăng; tăng ni và Phật tử biểu tình ở trước nhà đại sứ Hoa Kỳ, trước chùa Giác Minh, bị đánh đập tàn nhẫn, bị bắn, bị giết, bị giam, lại có nơi bị xe tăng nghiền nát ra, cấm đăng; ni cô Diệu Quang, đại đức Thích Tiêu Diêu, Thích Quảng Hương, Thích Thanh Tuệ và hàng trăm đại đức, ni cô khác tự thiêu hoặc bị đâm, chém, bắt cóc mang đi mất xác, cấm đăng. Về sau, thông bạch của nhà chùa gửi đến báo (đăng trả tiền) mời Phật tử đến chùa lễ Phật, kiểm duyệt cũng

bắt phải bỏ; Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu xuống tóc, bỏ; phái đoàn tăng ni và báo giới tới thăm Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, bỏ; sinh viên, học sinh biểu tình ở chợ Bến Thành, Quách Thị Trang bị bắn nát đầu, 1300 người bị trói giật cánh khuỷu, đưa xuống trại huấn luyện Quang Trung, bỏ luôn. Có tin ở ngoài phố Ngô Đình Nhu muốn điên, chích nha phiến trắng cả ngày đêm trong khi vợ gia công gia sức hiệu triệu Phụ Nữ Bán Quân Sự khoá III và lên án những vụ tranh đấu về tôn giáo: báo chí tuyệt đối không được nói tới, kể gì những tin mà dân chúng ai cũng nói tới như: ảnh Ngô Đình Diệm bị tháo gỡ ở vài nơi công sở và thay bằng ảnh cố vấn Tổng lãnh tụ Thanh Niên Cộng Hòa: Nhu sắp đảo chính, lên cầm quyền để thi hành một chánh sách độc tài đanh thép hơn; bà Nhu tới La Mã bị nhiều người đón đường phản đối, qua Ba Lê bị ném trứng thối vào đầu, qua Hoa Kỳ diễn thuyết phủ nhận sự đàn áp Phật giáo, không được Tổng thống Kennedy tiếp kiến. Trần Văn Chương công kích chính sách Ngô Đình Diệm; Diệm Nhu tung tin sẽ phá tòa đại sứ Mỹ, ám sát nhân viên ngoại giao Mỹ và cả đại sứ Cabot

Lodge. Tất cả những tin tức liên quan đến vấn đề tàn sát Phật tử, đàn áp Phật Giáo, kể cả những mánh lới bỉ ổi mà vợ chồng Nhu đưa ra để "mua" phái đoàn điều tra về vụ Phật Giáo do Liên Hiệp Quốc cử sang (chụp hình các thành viên của phái đoàn L.H.Q. đang mua dâm trong những ngày làm việc ở Sài Gòn - LND), nhà báo có thể đem ra viết mười năm không hết, khả dĩ làm cho thế giới biết suy nghĩ phải khóc ròng trước những khổ ải đắng cay của dân tộc Việt Nam, nhưng rút cục không có một tờ báo chính thức nào dám viết, vì Nhu, Diệm và tất cả các tay sai của họ lúc nào cũng sẵn sàng cho nhà báo phản đối xuống hầm kín hay bắn một phát vào đầu, cán xe hơi, bịt mắt đem đi rồi đâm hàng trăm nhát, chất thành một đống, cho xuống bè thả ra sông. Nhưng... Xã hội ta lúc đó y như thể nước đại dương: bên trên thì êm ả, nhưng sóng ngầm bủa giăng ở dưới. Trong khi dân chúng rên siết trong máu lửa và nước mắt: trong khi bọn Nhu Diệm giết hết, đốt hết những cái gì liên quan đến Phật giáo; trong khi bọn tay sai của Nhu Diệm thừa nước đục thả câu, ăn cướp công khai cả vật chất lẫn tinh thần người dân, thì chính ở bên trong các báo chính thức xuất bản, và cả ở ngoài làng báo, một số lớn bọn người "nói láo ăn tiền" vẫn bí mật hoạt động chống Nhu Diệm và kết hợp các từng lớp nhân dân để chờ một ngày quyết định. Mà khí giới của họ vẫn là ngòi bút! Ngòi bút cùn, nhưng có tác động vô song là động viên được tinh thần bất khuất của người Việt Nam đúng giờ, đúng khắc thì vươn lên, không sợ chết, không sợ gian khổ, không sợ võ khí tối tân và khoa học nhất.

Hòa mình với Phật tử, sinh viên, học sinh, các người "nói láo ăn tiền" đó không uống uýt ky nhưng uống nước lạnh, không ở nhà lầu nhưng chịu vào những ổ chuột, không ăn đồ ăn Pháp nhưng ăn cơm nguội, muối mè và nhiều khi nhịn đói để làm báo lậu, những truyền đơn, những cuốn sách bỏ túi để phát đi trong quảng đại quần chúng, hô hào dân chúng nổi lên chống độc tài, áp bức, tranh thủ tự do, dân chủ thực sự. Ông lái buôn no đủ, ông bộ trưởng, giám đốc thừa tiêu, ông tích trữ đầu cơ, có mèo chó, vợ con phè phỡn, một hôm, tự nhiên thấy người làm bưu điện gửi tới một bao thư: giở ra coi thì là báo lậu. Có khi báo lậu, truyền đơn, sách bỏ túi, chui qua kẽ cửa vào trong nhà cô nữ sinh; có khi ông công chức đến sở vừa mở hộc bàn ra để lấy sổ sách ra làm việc thì đã thấy lù lù một tập, lại cũng có khi nhận hàng ở máy bay về, mở hộp ra thì đã có một đống truyền đơn báo lậu. Mật vụ Dương Văn Hiếu, quả đã trải một thời gian điêu đứng, bắt "phiến loạn" không thể nào xuể: chưa xong bọn này đã đến bọn kia thoá mạ và kêu gọi lật Ngô Đình Diệm để mau chấm dứt Phật nạn và chận đứng cuộc tàn sát dã man, vô đạo. Tôi không biết có bao nhiêu báo lậu, truyền đơn, sách bỏ túi tung ra thời ấy, nhưng tôi nhớ trong số đó có mấy tờ viết vô cùng thống thiết: đó là tờ "Vạc Dầu", tờ "Nhị Thập Bát Tú", tờ "Tin Tức Phật Giáo", còn sách thì phổ biến rộng rãi nhất là loại "Những Vấn Đề Cấp Thiết" xuất bản "vào giờ giới nghiêm". Vì nghề nghiệp, tôi được biết một vài người bạn trẻ đứng ra làm những tờ báo đó. Phần nhiều những báo ấy viết bài ở một chỗ, thâu thập để sửa chữa ở một chỗ, chia nhau đánh máy ở nhiều chỗ khác nhau rồi quay ronéo ở những chỗ thay đổi luôn luôn, không bọn nào biết bọn nào. Cố nhiên làm báo như thế thì không hòng có một xu dính túi, nhiều khi lại phải bỏ tiền của mình ra là khác; nhưng các ký giả, sinh viên, học sinh, Phật tử làm việc say sưa, mê

mệt, làm việc như điên, người thường trông thấy phát ớn lên, vì không hiểu tại sao con người lại có thể có sức sống tuyệt vời đến thế.

NGÔ ĐÌNH DIỆM BỊ GIẾT, MUÔN NĂM NGÔ ĐÌNH DIỆM (Trang 247) Hiện giờ, chưa ai biết rõ là phe quân nhân cách mạng nổi lên đảo chánh Ngô Đình Diệm lần thứ ba có nghiên cứu về tâm lý của người dân trước khi tiến đánh dinh Độc lập hay không, nhưng có một điều chắc chắn là tình thế lúc đó đã chín mùi và dân chúng đã thấy cách gì cũng phải hạ ngay Ngô Đình Diệm. Phe cách mạng được dân chúng

ủng hộ và làm hậu thuẫn nên đã thành công rực rỡ; nhưng sửa soạn được tâm lý quần chúng như thế, muốn nói gì thì nói, muốn bài bác thế nào thì bài bác, ai cũng phải nhận rằng báo chí đã tiền phong trong công việc chuẩn bị cách mạng, triệt hạ Ngô gia để mở đầu cho một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên tự do, dân chủ - dù lúc đầu chỉ là một thứ tự do, dân chủ đi tập tà tập tễnh. Như trên kia đã nói, báo lậu không ngớt kêu gọi dân chúng nổi lên chống Diệm. Cuối năm 1963, lúc nào xe thiết giáp cũng nằm ụ trước dinh Độc Lập và Gia Long, đề phòng các cuộc biểu tình. Ngô Đình Diệm, vừa tiễn Đô đốc Harry D. Felt, tổng tư lệnh tại Thái Bình Dương, được một lát, chưa kịp ăn cơm, thì tiếng súng nổ ran ở nhiều nơi trong Đô Thành. Quân đội rầm rộ chiếm đóng Tổng Nha Cảnh Sát, đài Phát thanh, nha Truyền Tin, bộ Nội Vụ... Các lực lượng tấn công gồm một đội pháo binh 105, tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến, các đội khác chuyển từ Biên Hoà, Thủ Đức, Long An, Bình Dương. Sẩm tối hôm ấy, quân cách mạng tấn công mạnh vào thành Cộng Hoà: nhiều sinh viên Phật Tử được phóng thích. Lệnh giới nghiêm được ban hành trên toàn quốc. Hôm sau, dinh Gia Long bị chiếm; có tin Nhu Diệm tự tử, nhưng thực ra thì họ trốn về nhà thờ Cha Tam ở Chợ lớn và buổi trưa hôm ấy, có tin Nhu Diệm đã bị hạ sát thê thảm trong chiếc xe bít bùng từ nhà thờ Cha Tam về Saigon. Người ta muốn biết ai đã giết Diệm Nhu, nhưng không ai biết đích xác; dù sao Diệm Nhu chết đi thì đại đa số dân chúng cũng mừng. Có người tế con heo; có người lập bàn thờ cảm tạ trời đất; còn thì hầu hết nhà nào cũng làm tiệc, rủ bè bạn, thân thích đến để nhậu nhẹt cho "phỉ chí tang bồng". Một vài tờ báo nổi tiếng trung thành với Nhu Diệm, hay làm tay sai cho "con khỉ đột" Lê Quang Tung, chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt, tự động đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý, chủ bút, trốn luôn; còn đa số bị bịt mắt, bưng miệng lâu ngày, bây giờ tha hồ nói hươu, nói vượn, chạy theo Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và chánh phủ lâm thời, và đá những "cú hậu" rất hăng vào hai cái xác chết thối ra là xác Nhu và Diệm. Bộ trưởng Thông Tin lúc ấy, Thiếu tướng Trần Tử Oai, bị các hồ sơ đè nặng chĩu cả đầu cả cổ, không biết phải đối xử với các báo thân Diệm và chống Diệm ra sao, đành phải vừa làm việc vừa nghe ngóng. Trong khi ấy thì báo được phép xuất bản như nấm; những tờ bị Nhu Diệm đóng cửa cũng tục bản; nhiều ông không hề biết báo chí ra gì, thấy làm báo "hay hay", cũng gửi đơn xin phép ra một tờ chơi cho hả, thành thử chưa bao giờ ở đây người ta lại thấy sự cạnh tranh

gay gắt đến thế, mà nghề ký giả lại được mua chuộc và chiêu đãi đến như thế. ... (Trang 253) Không thoát được công lệ lúc đó để làm cho báo chạy, báo "Dân Chúng" cũng có những bài to tổ bố chửi chế độ Ngô gia và đánh đập ra rít bọn mật vụ của chế độ cũ như Dương Văn Hiếu, Lê Quang Tung, Cao Xuân Vỹ, ... Một phần các tài liệu dùng để viết rút tỉa ở cuốn "Nhật ký" của Ngô Đình Lệ Thủy (con gái đầu lòng của ông bà Ngô Đình Nhu), đã lượm được trong lúc đánh phá dinh Độc Lập, trong đó có nhiều sự việc mà người ngoài không biết, đại khái vụ vợ chồng Ngô Đình Nhu lên nghỉ ở Ban Mê Thuộc bàn về việc làm "săng ta" Mỹ; vụ mụ Nhu cáo đau bụng, bắt con gái đi dự tiệc "làm quen" với đại sứ Nolting; vụ "mua chuộc" phái đoàn điều tra về Phật Giáo do Liên Hiệp Quốc cử sang liên quan tới Phụ Nữ Liên Đới và Phụ Nữ Bán Quân Sự ra sao; vụ Ngô Đình Lệ Thủy thi tú tài trong đó có sự xếp đặt, bợ đỡ của các giám khảo như thế nào... Tất cả những tài liệu đó, do chính tay Ngô Đình Lệ Thủy ghi lại trong một cuốn nhật ký dày, "Dân Chúng" đem ra khai thác. Đến vụ Ngô Đình Lệ Thủy thi tú tài, chúng tôi kêu đích danh một người vẫn tự nhận là quốc gia chính cống (có khi lại tự nhận là đệ tứ) làm giáo sư đại học, đặt thành vấn đề chất vấn, thì viên giáo sư ấy không trả lời, ... (Trang 263) ... nhiều người tuyên bố liên hiệp với MTGPMN (Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) là tự sát, không bao giờ nhìn nhận Mặt trận là một tổ chức hợp pháp, nhưng rồi cũng mật đàm với Mặt trận; thiếu tướng Kỳ thề không bao giờ ngồi chung một bàn với Cộng sản nhưng rồi cũng cùng họp bàn tròn ở hội nghị Ba Lê; bất cứ ai nói chuyện hoà bình cũng bị kể như là thân cộng và cần bắt nhốt hoặc đưa sang bên kia vĩ tuyến, nhưng rồi, theo tờ báo chính thức của Công- giáo ở La-Mã đầu năm 1968, tờ Observatore Romano, Tòa thánh dự định gửi một phái đoàn qua Hà-nội vận động hòa bình, trong khi Dean Rusk tuyên bố sẵn sàng nói chuyện hòa bình với Bắc Việt, nếu Cộng sản ngưng tấn công thủy quân lục chiến Hoa Kỳ.

***

DẠY SỬ DƯỚI THỜI DIỆM(1) Nguyễn Hiến Lê

....Điều may thứ nhì là một cơ hội tốt để tôi thực hiện một điểm trong chương trình mở mang kiến thức thanh niên. Từ mấy năm trước tôi đã mua được mấy cuốn Histoire Universelle của Wells, Histoire de l'Humanité của H. Van Loon đọc rất hấp dẫn, tôi tính sẽ dịch hoặc tóm tắt. Đầu niên khóa 1954-1955, trong chương trình Trung học Đệ nhất cấp có thêm môn Lịch sử Thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy Sử các lớp đệ Lục đệ Ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ Sử Thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép "cua" (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ Thất và đệ Tứ, ông viết hai cuốn giữa cho lớp đệ Lục và đệ Ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong. Tôi bỏ vốn ra in. Năm 1955, in xong trước kì tựu trường tháng chín. Bộ đó khá chạy, sau tôi nhường cho nhà Khai Trí tái bản. Một chuyện đáng ghi là vì bộ đó mà năm 1956 bị một độc giả ở Cần Thơ mạt sát là "đầu óc đầy rác rưởi" chỉ vì chúng tôi nhắc qua đến thuyết của Darwin về nguồn gốc loài người. Chẳng cần nói ai cũng biết độc giả đó là một tín đồ Công giáo. Sau, một Linh mục ở Trung yêu cầu Bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu hết bộ đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ tôi có nói đến sự bê bối của một vài Giáo

hoàng. Bộ phái một viên bí thư có bằng cấp cử nhân tiếp xúc với tôi. Ông nầy nhã nhặn khen tôi viết sử có nhiệt tâm cho nên đọc hấp dẫn như đọc bộ sử Pháp của Michelet, rồi nhận rằng sách của tôi được Bộ Thông tin cho phép in lại nạp bản rồi thì không có lí gì tịch thu cấm bán được, chỉ có thể ra thông cáo cho các trường đừng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nạp Bộ, và Bộ sẽ trả lời Linh mục nào đó,

1. Đời Viết Văn Của Tôi - Hồi Ký (trang 99 đến 101), Văn Nghệ, 1986.

còn bán thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông ta. Ông ta lại hỏi lớp mẫu giáo của tôi đã được phép của Bộ chưa. Tôi đáp: Đơn nạp cả năm rồi, giấy tờ đủ cả, tôi đã nhắc Sở giáo dục thành phố mà người ta cứ làm thinh, không cho phép mà cũng không cấm. Ông ta chỉ gật đầu. Hồi đó, bộ Lịch sử Thế giới của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm ngoài Trung dùng nó, trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. [NĐD mới cầm quyền mấy năm mà] Công giáo thời đó lên chân như vậy. Nghe nói một ông tỉnh trưởng miền Tây không dám cho Hội Phật giáo cất chùa trong thị xã và bảo: “Công giáo cất nhà thờ, bây giờ Phật giáo cũng xin cất chùa, bộ các ngươi muốn kình với Công giáo hả?” Một hôm, bà láng giềng của tôi cho hay: “Ít lâu nay tôi thấy ngày nào cũng có một hai người ngồi ở quán cà phê bên kia đường nhìn về phía nhà thầy và nhà tôi như rình cái gì. Hôm qua một người vào nhà hỏi tôi: ‘Ông Lê ở nhà bên lúc nầy đi đâu mà không thấy?’ Tôi đáp: ‘Ông ấy đau nằm ở trong phòng chứ đi đâu. Thầy cứ vô mà hỏi’. Rồi họ bỏ đi”. Vậy là mật vụ rình tôi mà tôi không biết. Vì tôi là công chức thời Pháp mà tản cư lâu quá, về lại không hợp tác với chính phủ Diệm, hay vì bộ Lịch sử Thế giới mà họ theo dõi như vậy? Có lẽ vì cả hai. Hơn một chục năm sau, một giáo sư ở Huế vô thăm tôi, hỏi: “Tại sao hồi đó ông không làm đơn trình bày rằng ông đã dùng sách nào để viết về các Giáo hoàng thời Trung cổ rồi xin cho bộ sử của ông được dùng trong các trường?”. Tôi đáp: “Không khi nào tôi làm việc xin xỏ đó”. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, giáo sư đó lại thăm tôi nữa, và bảo: “Tôi phục tư cách của ông từ thời đó” …

***

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ VẤN ĐỀ BUÔN BÁN NHA PHIẾN(1) Phạm Trọng Luật

Như đã nói ở trên, việc buôn bán ma túy ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1954-1975 là do chính quyền miền Nam chủ mưu: điều khiển việc nhập cảng, bảo trợ việc biến chế, gói thành gói, mở mang các tiệm hút và phân phối cho khách hàng tiêu thụ. Sách sử cho biết, tại miền Nam Việt Nam, từ năm 1950 cho đến tháng 4 năm 1975, việc buôn bán ma túy đều do các chính quyền Bảo Đại, chế độ cha cố Ngô Đình Diệm, chính quyền của Tướng Nguyễn Cao Kỳ và chính quyền quân phiệt Gia-tô Nguyễn Văn Thiệu chủ trương bất kể gì là sản phẩm này có tác dụng làm nguy hại cho nòi giống, dân tộc và tiền đồ của đất nước. Với những hành động vừa phi pháp, vừa bất nhân và dã man, vừa hại nước hại dân, vừa phản dân tộc, các chính quyền miền Nam đã trở thành những tổ chức tội ác đối với dân tộc Việt Nam và đối với nhân dân thế giới.

Chính vì vậy mà sử gia Alfred McCoy mới gọi chế độ cha cố Ngô Đình Diệm là“Triều Đại Diệm và Băng Đảng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu” (Diem Dynasty and the Nhu Bandits” (Alfred Mc- Coy, The Politics of Heroin in Southeast Asia (New York: Harper & Row Publishers, 1972), p. 159). Phần trình bày dưới đây sẽ giúp cho độc giả có cái nhìn thấu đáo về vấn đề này. … Hơn một năm sau khi được Liên Mỹ - Vatican đưa về Việt Nam cầm quyền với cương vị là thủ tướng vào ngày 7/7/1954, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý gian lận vào ngày 23/10/1955 với dã tâm truất phế QuốcTrưởng Bảo Đại để tiếm quyền. Làm xong việc

1. Trích đoạn từ chương 91 của “Giáo hội La Mã - Lịch sử và Hồ sơ Tội ác”, Phạm Trọng Luật, USA, ngày 1 tháng 6 năm 2011.

làm phản trắc này, ngày 26/10/1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố miền Nam Việt Nam là nước Cộng Hòa Việt Nam và tự phong là Tổng Thống, rồi cho mở chiến dịch tuyên tuyền rầm rộ bài trừ các tệ đoan xã hội, trong đó có việc cấm hút thuốc phiện để làm bức bình phong che đậy việc thiết lập chế độ đạo phiệt Gia-tô và gia đình trị đang được tiến hành. Năm 1958, sau khi đã củng cố xong quyền lực, anh em nhà Ngô cho tái lập kỹ nghệ buôn lậu thuốc phiện sống, thiết lập các cơ sở biến chế và khuếch trương kỹ nghệ này bằng cách cấu kết với các tên đầu nậu Ba Tầu (trong đó có tên Mã Tuyên) ở Chợ Lớn để mở mang các tiệm hút và các tiệm bán sỉ bán lẻ sản phẩm này ở Sàigòn Chợ Lớn một cách công khai. Vào khoảng năm 1963, công việc làm ăn phi pháp này của chính quyền Diệm khá phát đạt. Riêng ở Chợ Lớn, con số tiệm hút hoạt động công khai lên đến 2,500 tiệm. Dưới đây là đoạn văn của tác giả Alfred McCoy viết trong cuốn The Politics of Heroin in South East Asia về việc làm bất chính hại dân hại nước này của chế độ cha cố Ngô Đình Diệm: “Triều Đại Diệm và Băng Đảng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu:…Nhưng Ngô Đình Nhu quyết định tái lập việc buôn bán nha phiến để lấy tiền. Dù là hầu hết các tiệm hút ở Sàigòn đã đóng cửa cả ba năm rồi, hàng ngàn dân nghiện người Tầu và người Việt vẫn còn thèm muốn được hút trở lại. Ông Nhu cho người tiếp xúc với những lãnh tụ của các tổ chức có thế lực của người Tầu ở Chợ Lớn để mở lại các tiệm hút và thiết lập một hệ thống phân phối thuốc phiện nhập cảng lậu cho họ sử dụng. Chỉ trong vòng có mấy tháng, hàng trăm tiệm hút thuốc phiện này đã hoạt động trở lại, và năm năm sau, một phóng viên của tờ Time – Life lượng định ở Chợ Lớn có tới 2.500 tiệm hút thuốc phiện hoạt động công khai. Để có thể cung ứng thuốc phiện đầy đủ cho khách hàng tiêu thụ, Ngô Đình Nhu thiết lập hai hệ thống đường bay khứ hồi từ vùng sản xuất thuốc phiện sống ở Lào về miền Nam Việt Nam. Hệ thống đường bay chính là thuê mướn mấy phi cơ nhỏ của hãng Hàng Không Lào, giao cho tên bất lương Bonaventure “Rock” Francisci, người Corse, điều khiển. Dù là tối thiểu có đến 4 chiếc phi cơ nhỏ chuyển vận thuốc phiện lậu từ Lào về miền Nam Việt Nam, nhưng chỉ có một mình cá nhân Francisci trực tiếp nói chuyện và thương lượng với Ngô Đình Nhu. Theo Trung tá Lucien Conein, một cựu viên chức cao cấp CIA ở Sàigòn, mối liên giữa Ngô Đình Nhu và Francisci về dịch vụ bất chính

này khởi đầu vào năm 1958. Sau khi Nhu bảo đảm an toàn cho việc đem thuốc phiện về Sàigòn, hàng ngày, Francisci dùng đoàn máy bay Beecht- crafts hai động cơ chuyển vận món hàng này về miền Nam Việt Nam... Ngoài ra, Ngô Đình Nhu còn phái nhân viên tình báo đến Lào với nhiệm vụ là chuyển vận thuốc phiện sống về miền Nam Việt Nam bằng phi cơ của Không Lực Việt Nam. Trong khi Ngô Đình Nhu nói chuyện và thương lượng trực tiếp và cá nhân Francisci, Bác-sĩ Trần Kim Tuyến trực tiếp điều hành những toán điệp viên hoạt động ở Lào. Dù rằng, hầu hết các tài liệu mô tả Nhu như là một lý thuyết gia chính trị của chế độ Diệm, nhiều người trong nội bộ lại cho rằng ông tu xuất Trần Kim Tuyến mới thực sự là nhân vật chủ chốt của kế hoạch làm ăn bất chính này. Đứng đầu tổ chức mật vụ có danh xưng tàng hình là "Sở Nghiên Cứu Xã Hội và Chính Trị", Bác-sĩ Tuyến chỉ huy một hệ thống tình báo rộng lớn bao gồm cả Lực Lượng Đặc Biệt (do CIA tài trợ), Sở An Ninh Quân Đội, và quan trọng nhất là Đảng Cần Lao. Qua Đảng Cần Lao, Bác-sĩ Tuyến tuyển mộ điệp viên và cán bộ chính trị ở trong tất cả các cơ quan trong chính phủ và trong quân đội. Chính quyền Sàigòn kiểm soát chặt chẽ việc thăng thưởng, và chỉ những người cộng tác với Bác-sĩ Tuyến mới được thăng chức mau chóng. Nhờ có những khoản tiền kếch sù do việc buôn bán ma túy, ăn hối lộ và các thứ tham nhũng khác, Sở Nghiên Cứu Xã Hội và Chính Trị của Bác sĩ Tuyến có thể mướn hàng ngàn phu đạp xích lô, gái nhẩy tại các quán khiêu vũ và những người bán hàng rong ở ngoài đường phố để làm chỉ điểm viên cho Sở. Nhờ vậy mà ở mỗi một góc đường phố ở Sàigòn-Cholon đều có chỉ điểm viên của sở mật vụ của Bác-sĩ Tuyến. Thay vì cho người theo dõi một đối tượng, Bác-sĩ Tuyên chỉ cần ra khẩu lệnh cho các chỉ điểm viên tại các góc phố truyền tin tức của đối tượng cho nhau biết. Nhờ vậy mà Sở biết được đầy đủ những chi tiết về di chuyển, nơi họp mặt và nội dung các cuộc họp của đối tượng. Một số các nhà quan sát cho rằng Bác-sĩ Tuyến có hàng trăm ngàn nhân viên mật vụ làm việc toàn phần và bán thời gian. Qua hệ thống mật vụ tuyệt vời như vậy, Bác-sĩ Tuyến có đầy đù hồ sơ với rất nhiều chi tiết của tất cả mọi nhân vật quan trọng của miền Nam Việt Nam, đặc biệt là có cả hồ sơ của ông Diệm, ông Nhu, bà Nhu và những hồ sơ này được gửi ra nước ngoài như là hình thức "bảo hiểm nhân thọ" của mỗi cá nhân. Vì có trách nhiệm điều hành phần lớn hệ thống tình báo hải ngoại của chế độ Diệm, cho nên Bác-sĩ Tuyến có thể ngụy trang hay che

giấu những dịch vụ mua thuốc phiện ở Lào bằng những công việc bình thường trong hệ thống tình báo của ông." Phần trích dẫn trên đây chỉ là có 2 trong số gần 7 trang nói về việc buôn bán ma túy trong thời chế độc cha cố Ngô Đình Diệm. Đồng thời, chính quyền Ngô Đình Diệm còn biến miền Nam thành một trung tâm cung cấp thuốc phiện sống cho tổ chức Mafia quốc tế tại Marseille chuyên biến thuốc phiện sống thành bạch phiến rồi chuyển vận sản phẩm này sang Bắc Mỹ để phấn phối cho khác hàng tiêu thụ ở Hoa Kỳ. Đây là một hệ thống tội ác quốc tế tay ba: (1) Nguồn thuốc phiện sống phát xuất từ miền Nam Việt Nam do anh em Ngô Đình Diệm cung cấp, (2) trung tâm biến chế thuốc phiện sống thành bạch phiến đặt cơ sở tại Marseille (Pháp) do anh em Antoine Guerini người Pháp điều khiển, và (3) trung tâm phân phố bạch phiến tại Bắc Mỹ dưới quyền điểu khiển của các tay trùm Carlos Marcello, Sam Giancana và Santos

Traficante. Sự kiện này được hai tác giả Bradley S. O' Leary và Edward Lee ghi nhận trong sách Vụ Ám Sát Ngô Đình Diệm(2) như sau. "Và năm 1958, khi Diệm – Nhu tái lập lưu thông thuốc phiện về Sàigòn, Francisci khó có thể hoan hỉ hơn vì nó đã làm sống lại nghề cũ của ông ta là vận chuyển thuốc phiện từ gốc sản xuất ở Lào đi thẳng về Nam Việt Nam bằng một phi đội máy may riêng của hắn. Nhưng thậm chí có thể kiếm được nhiều tiền hơn từ việc bán thuốc phiện trực tiếp cho hàng trăm ổ hút và hàng ngàn con nghiện ở Sàigòn. Việc sản xuất thuốc phiện ở các nơi khác trên thế giới - đặc biệt là Thổ Nhĩ Kỳ và Mexico – ngày càng thất thường và không chắc chắn vì liên tục bị pháp luật ngăn trở. Tình hình này chỉ làm lợi thêm cho Guerini bởi vì nó gia tăng thị phần ma túy của y. Chuyện này xảy ra như thế nào? Nhu và Rock Francisici đã thực hiện một hợp đồng phân phối cơ bản. Francisci sẽ vận chuyển thuốc phiện đến Sàigòn cho các ổ hút của Nhu nhưng hắn còn chở nhiều thuốc phiện cho các điểm thả dù ở Sàigòn. Tại đây, thuốc phiện sẽ được máy bay vận tải chở sang các xưởng chế biến ở Marseille. Tại Marseille, thuốc phiện sẽ được chế biến thành bạch phiến có chất lượng cao để bán cho các trùm ma túy ở Mỹ như Santos Trafficante, Carlos Marcello, và Sam Giancana. Tất cả đều làm giàu trong chuyện này, và ai cũng thấy được rằng đó là

2. Tựa đề Anh ngữ: The deaths of the Cold War Kings, the assassinations of Diem & JFK.

chuyện làm ăn rất an toàn, bởi vì Nhu có thể được coi như một thứ Bộ Trưởng Tư Pháp của Nam Việt Nam, ông không phải ưu tư hay trả lời trước bất cứ một cơ quan thi hành pháp luật nào. Ông ta là luật pháp, và ông ta sử dụng sức mạnh này để đảm bảo cho Francisci và khách hàng của ông ở Marseille một nguồn cung cấp thuốc phiện ổn định để sản xuất bạch phiến. Một vụ làm ăn ngon lành. Với vị trí quyền lực trong chính phủ Nam Việt Nam, Nhu có thể đảm bảo rằng các máy bay chở đầy thuốc phiện của Francisci (đội lốt vận tải "ngoại giao") có thể bay từ Lào đáp xuống Sàigòn và chuyển hàng xong hết mà không gặp nhiều kiểm tra phiền toái. Thậm chí Nhu còn tăng năng suất đều đặn trong hai năm 1961 và 1962 bằng cách huy động Phi Đội Vận Tải số 1 của riêng ông (chuyên hoạt động tình báo trên không [thỉnh thoảng bay phối hợp với CIA]) vào việc đó. Giữa năm 1958 và 1963, Sàigòn thực sự trở thành kho hàng chứa thuốc phiện thô mà phần lớn sẽ chuyển tới Marseille để cuối cùng thỏa mãn nhu cầu của con nghiện bạch phiến Mỹ. Tuy nhiên, Nhu còn có những khuyến khích khác cho hợp đồng béo bở này. Trong lúc các máy bay vận tải thuê riêng của Francisci - thường gọi là Hàng Không Thương Mại Lào – hàng ngày chở thuốc phiện tới Sàigòn mà không bị luật pháp gây rắc rối, thì những tay cung cấp nhỏ hơn không được an toàn như vậy. Lực lượng cảnh sát của Nhu sẽ lập tức hỏi thăm họ vì đã dám lấn sấn (tới phạm vi hoạt động) của Francisci. Anh em Guerini không thể nào phấn chấn hơn trước hợp đồng của Francisci, và cũng không thể hài lòng hơn về Nhu vì ông đã giúp thực hiện được hợp đồng đó. Hợp đồng này giúp cho anh em Guerini trở thành những ông trùm ma túy toàn cầu vào cuối thập niên 1950 đầu thập niên 1960, đồng thời nó tạo ra một liên minh tội phạm vững như bàn thạch giữa Nhu và tập đoàn Marseille. Nhu, Diệm và toàn bộ dòng họ Ngô Đình ai cũng nổi lên giàu có khác thường nhờ vào liên minh này

(trong khi vẫn kiếm được nguồn tài chính bất minh cần thiết cho cảnh sát và tình báo). Quan trọng hơn thế, anh em tội phạm Guerini thậm chí còn tích lũy được nhiều của cải hơn, và những khách hàng chủ yếu của họ - Mafia Mỹ cũng vậy. Cho nên, về căn bản, tập đoàn Marseille, Mafia Mỹ, và chính quyền Ngô Đình Diệm đã biến thành những đối tác làm ăn của nhau trong mạng lưới ma túy toàn cầu. Có nghĩa là tiền tỉ, tiền tấn chảy vào túi người nào có dính dáng, dĩ nhiên là thế. Và nguồn suối mạnh

mẽ không ngừng phát sinh ra tiền bạc và sức mạnh này chính là Ngô Đình Nhu." "Giữa tất cả những điều đó, chúng ta có tập đoàn bạch phiến quốc tế, đặt tổng hành dinh tại Marseille, Pháp, và do anh em Guerini người Pháp điều hành. Nguồn cung phần lớn nguyên liệu thuốc phiện cho họ thông qua Nhu và kẻ trung gian là Rock Francisci, cũng là người Pháp. Bây giờ chúng ta gặp một người Pháp nữa, giống như Rock Fran- cisci, đã sống gần như suốt đời ở Đông Nam Á. Người này la Matthew Franchini. Bề ngoài ông ta được mô tả như một thương gia trọng nguyên tắc và là chủ khách sạn đáng kính (ông ta sở hữu khách sạn Continental nổi tiếng ở Sàigòn). Tuy nhiên, sự thực thì Franchini là bộ não đằng sau các chuyến hàng thuốc phiện của Rock Francisci từ Sàigòn sang các lò bạch phiến ở Marseille. Tại sao điều này quan trọng thế? Vì Franchini là một khâu vô giá trong đường dây chỉ huy của thế giới ngầm Marseille, nếu không muốn nói là đường dây chỉ huy tập đoàn bạch phiến toàn cầu. Franchini cung cấp cho Mar- seille sản phẩm morphine vốn được Rock Francisci chở thoải mái về Sàigòn (những chuyến này do Nhu bảo kê)." Ngoài ra, lại còn có Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Lào, Trần Kim Tuyên và bọn Cần Lao tin cẩn, người phụ trách chuyển vận thuốc phiện từ Lào về Sàigòn nữa. Theo sự hiểu biết của người viết, tất cả những tên đầu sỏ của hệ thống tổ chức tội ác quốc tế này đều là những người thấm nhuần triệt để Ki-tô giáo. Có thể do việc làm ăn bất lương này, anh em ông Ngô Đình Diệm mới bắt đầu kết thân sống chết với tên Mã Tuyên, một tên đầu nậu khét tiếng trong bang Triều Châu ở Chợ Lớn. Xin nhắc lại, cũng vì ma túy có tác dụng làm suy yếu sức khỏe của con người, làm cho gia đình những người nghiện khốn đốn điêu linh, và làm cho các quốc gia có nhiều người nghiện trở nên suy nhược, cho nên hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều nghiêm cấm bán sản phẩm này cho quảng đại quần chúng, và chỉ cho phép được sử dụng trong phạm vi y khoa mà thôi. Cũng vì thế mà tác giả Alfred W. McCoy mới gọi chế độ đạo phiệt gia đình trị Ngô Đình Diệm là "Triều Đại Ngô Đình Diệm và Băng Đảng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu = Diem's Dynasty and the Nhu Bandits."(3)

3. Alfred W. McCoy, Ibid., p. 159.

CHÍN HẦM, ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN THỜI NGÔ ĐÌNH DIỆM Ngô Diệp

Chúng tôi đã được biết đến "địa ngục trần gian Chín Hầm" qua báo chí và nghĩ: Có lẽ nó không khủng khiếp như những địa ngục Sơn La, Hỏa Lò (thời Pháp thuộc), Côn Đảo, Phú Quốc (thời chính quyền Sài Gòn), như chúng tôi đã từng mục kích. Bởi, dù sao, nó cũng chỉ là nhà ngục địa phương! Nhưng, khi đến khu di tích lịch sử Chín Hầm, chúng tôi thật sự bất ngờ trước sự tàn bạo, quái đản của bọn cai ngục ở đây. Khu di tích nằm

về phía tây nam, cách thành phố Huế 6 cây số. Nhà tưởng niệm-Tượng đài Bất khuất được xây dựng ngay cổng vào khu tù ngục trước. Ở đây, ngoài bản đồ, sa bàn chỉ dẫn bao quát còn lưu giữ nhiều tư liệu, hiện vật quý về quá trình hình thành, xây dựng khu tù ngục quái gở Chín Hầm; những tội ác cực kỳ man rợ của Ngô Đình Cẩn và thuộc hạ do chính những nhân chứng sống sót từ ngục tù này kể lại; những tấm gương kiên trung, bất khuất của đồng bào, chiến sĩ bị giam hãm đày đọa v.v... Địa ngục này là sản phẩm tội lỗi của Ngô Đình Cẩn. Y là em trai Ngô Đình Diệm, con thứ tám của Ngô Đình Khả. Tên thường gọi ở nhà của y là cậu Út - Út Cẩn. Trong sáu anh em trai nhà họ Ngô, Ngô Đình Cẩn là người ít học nhất, tính tình lại thất thường. Trong khi anh em bươn chải làm chính trị, y thúc thủ ở lại quê trông nom hương hỏa, phụng dưỡng mẹ già, sống cuộc đời của tên cường hào địa phương. Khi Ngô Đình Diệm làm Tổng thống của cái gọi là "Việt Nam cộng hòa", tính chất lưu manh, cường bạo của Ngô Đình Cẩn được dịp bùng phát. Y tự xưng là lãnh chúa miền Trung, điên cuồng đàn áp những người cách mạng, yêu nước; những người khác chính kiến, tôn giáo; cướp bóc trắng trợn tài sản của nhân dân... Khét tiếng tàn bạo nhất trong bộ máy của Ngô Đình Cẩn là mạng lưới mật vụ tình báo. Dưới trướng chúng có hàng loạt lò giam giữ tra tấn như: Lao xá

Ty công an, trại Tòa khâm, trại Thừa Phủ, nhà tù Long Thọ, trại đồn Mang Cá nhỏ... Đỉnh điểm tội ác là khu biệt giam Chín Hầm. Khu Chín Hầm nằm trên một ngọn đồi thông xa dân cư. Nguyên trước đây là kho chôn cất vũ khí của người Pháp. Tám kho và một lô cốt bốt gác xây cất vào lòng núi, rải rác quanh đồi. Tường kho bằng bê tông cốt thép dày hơn 40cm. Căn hầm lớn nhất có diện tích 85m2, căn nhỏ nhất 41m2. Ngô Đình Cẩn cho sửa lại các căn hầm này làm trại giam. Cấu trúc bề ngoài căn hầm không thay đổi, chúng chỉ gia cố lại cửa thép, lưới sắt nắp hầm. Trừ hầm số 5, các hầm khác ngăn thành xà lim nhỏ. Theo lời kể của nhân chứng, các căn hầm này khi trời mưa, nước ngập đến thắt lưng; ngày nắng, nóng hầm hập như trong lò than; trời rét, lạnh cắt da cắt thịt. Người bị giam sống chung với chuột, dòi, muỗi mòng... Mỗi căn hầm là một ngôi mộ chôn những người sống đúng cả nghĩa bóng và nghĩa đen. • Các căn hầm số 1, số 6, số 7, số 8 giam giữ những tù nhân chúng gọi là cộng sản, Việt cộng nằm vùng. • Căn số 3 giam cầm những công thương gia giàu có; chúng vu oan cho họ, bắt giữ tra tấn, buộc gia đình phải bỏ tiền, vàng ra chuộc thân. • Căn số 3, 4 nhốt những người đối lập, những quan chức sĩ quan của chính quyền đương nhiệm không tuân theo lệnh Cẩn. • Căn số 5 giam giữ các Tăng Ni, Phật tử, học sinh sinh viên phản kháng chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô. Căn này không ngăn thành xà lim, có thời điểm, chúng dồn hàng trăm người vào đây, đến nỗi họ chỉ có thể đứng sắp lớp với nhau. Vì thế, nhiều người đã chết vì ngộp thở. • Căn số 9 là bốt gác đồng thời cũng là nơi tra tấn, khảo cung những người chúng cho là có tội. Khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, nhân dân đã phẫn nộ kéo đến phá tan tành khu biệt giam, lùng bắt Ngô Đình Cẩn và chân tay của y. Ngày nay, các căn hầm chỉ còn lưu lại các bức tường bê tông cốt thép để làm chứng tích tội ác. Ban quản lý khu di tích lịch sử đã dựng lại nguyên dạng căn hầm số 8 để người đời có thể hình dung phần nào tội ác "trời không dung, đất không tha" của tập đoàn phản động Diệm-Nhu-Cẩn. Cánh cửa sắt nặng hàng tấn của căn hầm mở ra, đồng

chí trưởng ban quản lý khuyên chúng tôi chờ một lúc để không khí oi nồng trong

căn hầm thoát bớt. Hầm có diện tích 72m2, một lối đi ở giữa rộng chừng 1m, hai bên là dãy xà lim, mỗi xà lim y như chiếc quan tài, chiều dài 1,8m, rộng 0,8m; một tấm ván lót sàn, một chiếc xô tôn nhỏ để đi vệ sinh cùng dây xích, cùm kẹp. Cả căn hầm chỉ có một lỗ thông hơi hình vuông, mỗi bề hơn 20cm. Trong các xà lim có hình nhân với đủ kiểu hành hạ như khi họ bị giam cầm: Nằm quỵ úp mặt xuống sàn, đứng khom lưng, ngồi kẹp giữa hai gối, treo lơ lửng… Chúng tôi chỉ vào hầm quan sát khoảng mươi lăm phút mà tay chân bủn rủn, đầu óc như muốn vỡ tung, đủ biết sức chịu đựng của các chiến sĩ bị giam giữ ở đây thật phi thường. Ông Nguyễn Văn Thành-người Hà Nội, một cựu tù Côn Đảo khi đến Chín Hầm đã thốt lên: “Bản thân tôi đã đối mặt với kẻ thù gần 11 năm ở các địa ngục: Bạch Đằng 3-Chí Hòa rồi chuồng cọp, hầm đá Côn Đảo, nhưng tôi phải rùng mình trước sự tàn bạo cùng cực của kẻ thù đối với đồng bào, đồng chí, đồng đội của tôi ở khu biệt giam Chín Hầm này!”. Đốt nén hương trầm nghiêng mình trước anh linh của đồng bào, chiến sĩ đã ngã xuống ở Chín Hầm, chúng tôi lòng tự nhủ lòng cố gắng sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh cao cả và vô giá ấy.

***

MƯU TÍNH ĐƯA NHẤT LINH VÀO NHÀ THƯƠNG ĐIÊN Vũ Cầm

Bài “Chúc thư văn học của Nhất Linh: Một cái chết định sẵn” của Nguyễn Văn Lục đăng trên VietWeekly ra ngày 20 tháng 3, 2008 là một “công trình nghiên cứu” rất lạ, không ra văn học, cũng chẳng giống y học (mặc dù có trưng ra vài từ y học), với một cung cách trình bày ngoắt ngoéo nhiều hậu ý. Xin nói thẳng ra nhận xét chung đầu tiên: đây là một bài làm ra vẻ nghiên cứu, nhưng mục đích chính là để bôi đen chân dung một bậc hào kiệt của Việt Nam, chỉ vì người ấy dùng cái chết của mình chống đối chế độ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Và chống đối có kết quả: chỉ mấy tháng sau khi Nhất Linh tự tử, chế độ Diệm đã nhào đổ. Giai đoạn lịch sử ấy đã lùi xa cách đây 45 năm, bây giờ thì người ta có thể nhìn lại mọi sự một cách khách quan hơn, đánh giá lại nhiều sự việc. Chẳng hạn bản thân người viết những dòng này lúc đó là một học sinh Đệ nhất Chu Văn An, đã cùng chúng bạn bãi khóa, biểu tình chống chính phủ để bênh vực Phật giáo với một lòng sục sôi căm ghét ông Diệm và gia đình ông; bây giờ lớn tuổi rồi lại đọc sách Phật, nên cách nhìn lại cá nhân ông Diệm có ít nhiều quảng đại hơn. Nhưng đối với chế độ của ông thì nhận định của tôi vẫn không thay đổi, nghĩa là vẫn thấy nó tệ hại, không đoàn kết được (thực chất thì không bao giờ muốn đoàn kết) với các phần tử quốc gia uy tín khác chính kiến. Giết chóc, tù đày những thành phần quốc gia ưu tú là việc chế độ này đã làm, một cách liên tục trong chín năm cầm quyền. Nghĩ thật cám cảnh cho những chiến sĩ quốc gia chân chính trong truyền thống kẻ sĩ Việt Nam, phía bên kia thì bị phe cộng sản quốc tế giết hại, phía bên này thì bị chính quyền của một ông Tổng thống Thiên Chúa giáo trừ khử. Bi kịch này, mong có một dịp sẽ thảo luận kỹ hơn. Ông Nguyễn Văn Lục, dưới cái áo khoác “nghiên cứu”, cố gắng phục hồi chế độ Diệm, không bằng lời lẽ ca tụng chế độ ấy, mà theo

cách bôi đen những ai chống đối nó. Những kẻ cùng chí hướng với ông đã lắm phen nhục mạ tướng Dương Văn Minh và các tướng lãnh chủ mưu cuộc đảo chánh; dựng nên một màn hỏa mù cho người ta thấy, bằng những chứng cớ hoàn toàn bịa đặt, rằng tất cả các nhà sư tranh đấu hồi 1963 toàn là cán bộ cộng sản; thậm chí đã phao cái bí mật động trời này: trong các chùa có một bài thuốc bắc, khi uống vào thì toàn bộ hệ thống thần kinh con người bị tê liệt, và Thích Quảng Đức đã được cho uống thang thuốc ấy trước khi tự thiêu. Họ hy vọng hình ảnh đại hùng, đại lực, đại từ bi trong truyền thống Phật giáo bỗng dưng sẽ bị xóa đi, làm tầm thường hóa đi, với cái bài thuốc quái đản này, thì cũng không khác hình ảnh "nướng thịt" do bà Ngô Đình Nhu sáng tác ra. Những gì thuần túy có gốc rễ sâu xa của tâm thức Việt Nam có vẻ bị khinh miệt quá đáng bởi những yếu tố ngoại nhập, có thể vì ý thức ngoại lai thì không thể nào cảm nhận thấm thía được những giá trị truyền thống nghìn đời của một dân tộc. Luận đề chính của ông Nguyễn Văn Lục là chứng minh nhà văn Nhất Linh không phải đã tự tử để lên án chế độ Diệm, mà đó là một cái chết đã được định sẵn, đến đúng thời điểm, hội đủ duyên thì nó xảy ra, thế thôi. Nếu thành công trong biện luận này, thì sẽ có một hệ luận tự nhiên hiện ra: chế độ của cụ Diệm rất tốt, nhà văn nổi tiếng là Nhất Linh đâu có chống đối gì chế độ ấy, chẳng qua ổng bị bệnh tâm thần mà tự tử vậy thôi. Ông Lục đã làm một cuộc mổ xẻ rất "khoa học," bằng cách trích dẫn tất cả những đoạn nói về nỗi buồn khổ thầm kín của Nhất Linh để làm tiền đề cho sự chẩn đoán của ông. Đọc chúc thư văn học Nhất Linh viết đêm giao thừa Quý Tỵ 1953, trong đó có đượm vẻ bùi ngùi vì nhớ đến sự nghiệp xưa và các văn hữu đã khuất, ông Lục phê ngay: "Không khí chúc thư cho ta có cảm tưởng như thể của một người sắp ra đi, muốn nhắn nhủ lại (…) Trong bản chúc thư (…) đã có điểm dự báo về cái chết không tránh khỏi của ông sau này (…) Dẫn dần tới cái chết như một thứ định mệnh an bài. Không xảy ra cách này thì cũng xảy ra cách khác." Trời đất, chẩn bệnh kiểu này thì nhìn đâu mà chẳng thấy "cái chết không tránh khỏi"! Chỉ một nỗi buồn nhớ rất thông thường trong giây phút giao thừa là giây phút nhiều cảm xúc tụ về, thế mà nhà phân tâm này đã đoán người này trước sau gì cũng chết! Thật chẳng khác gì cách nói của thầy bói: "Số cô có mẹ có cha, mẹ cô đàn bà cha cô đàn ông…, sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai…" Đấy, mầm mống "ý định tự tử" của Nhất Linh đã manh nha một cách dứt khoát và rõ rệt như thế!

Rồi đến dẫn chứng lời kể của Nguyễn Tường Thiết rằng đã nghe Nhất Linh khóc trong đêm khuya, con mắt mọng nước của Nhất Linh theo trí nhớ của Nguyễn Thị Vinh v.v… đã giúp Nguyễn Văn Lục kết luận một cách chắc nịch rằng nhà văn đã bị bệnh tâm thần. Đúng là Nhất Linh có nhiều nỗi buồn của riêng ông, mà với tâm hồn mẫn cảm của một nhà văn thì hẳn những nỗi buồn ấy càng lớn lao, nhưng gọi liền đó là bệnh tâm thần và kết luận "phải tự tử" thì ông thầy thuốc này chắc đã uống một thang thuốc… liều. Bởi vì Nhất Linh không phải là một người suốt đời buồn rũ rượi, không phải "thoạt đầu khi làm báo, ông lấy tên báo là Tiếng Cười, nhưng cả cuộc đời ông chỉ là những tiếng khóc" như Nguyễn Văn Lục đã chơi chữ để mô tả tính chất của ông.

Hoàn toàn không phải như thế, Nhất Linh là một người rất hoạt động: khi làm báo, đã theo một phong cách vô cùng linh hoạt và hài hước, tờ Phong Hóa và Ngày Nay có văn phong trong sáng vui vẻ, nhiều vui cười và tranh hí họa; thấy dân nghèo cuộc đời lầm than, ông tổ chức hoạt động xã hội, làm nhà ánh sáng cho dân; thấy nước nhà bị thực dân đô hộ ông tổ chức hoạt động chống đối; ngay trong hoàn cảnh ẩn dật ông vẫn sống tích cực: vào rừng tìm lan, chơi nhạc, viết tiểu thuyết, xây dựng "ngôi nhà mơ ước"... Nhưng rồi ông đã hạ san, hoạt động văn hóa và chính trị trở lại, để đấu tranh với một chế độ quá nặng về gia đình và tôn giáo, không tạo được sự đoàn kết quốc gia. Một con người đầy ắp năng lực như thế mà dám bảo tâm thần suy nhược, lúc nào cũng chực tự tử! Ấy là vì ông Lục đã có chủ đích trước, kết luận đã có rồi, ông lặn lội đi tìm những chứng cứ để chứng minh cho cái định đề đã ra sẵn của mình, và dĩ nhiên ông sẽ lờ đi những yếu tố ngược lại, là sức sống tích cực trong con người Nhất Linh. Ông viết: "Thất bại của ông thì nhiều, trải dài trong suốt cuộc đời làm chính trị khiến ông bị căn bệnh trầm uất triền miên. Depressive psychosis với ba giai đoạn phát triển tuần tự của bệnh từ Suicidal ideation, suicidal planning và cuối cùng suicidal attempt. Từ ý tưởng sang kế hoạch và sau cùng là thi hành." Tôi không tin ông Lục hiểu biết nhiều về bệnh lý học của bịnh tâm thần, ông chỉ lấy một ít kiến thức phổ thông qua sách vở, báo chí rồi đem "ứng dụng" vào một ca mà ông tự cho là mình hiểu rất rõ, rõ đến độ đã kết luận chắc nịch còn hơn thầy thuốc nữa! Ông lại còn mang cuốn Bướm trắng ra để chứng minh cho lập luận của ông, chỉ vì trong đó nhân vật Trương trong một trạng thái tuyệt vọng đã nghĩ đến chuyện tự tử. Bướm trắng là một cuốn tiểu thuyết phân tích tâm lý hay nhất của Nhất Linh và cả của văn học Việt Nam,

không làm gì có cái sắc thái u ám như ông Lục đã viết: "Ám ảnh về cái chết, về sự tự hủy như một cứu cánh đời sống, ám ảnh ông, bàng bạc trong các tác phẩm của ông, rõ rệt nhất là trong truyện Bướm trắng." Phân tích nhiều trạng thái tâm lý khác nhau, trong đó có cả ý định tự tử của nhân vật vào một thời điểm không lối thoát, thì thiết tưởng nhà viết tiểu thuyết nào cũng có thể làm, ấy vậy mà ông Lục bám ngay vào chi tiết này, dùng nó làm công cụ để chứng minh cho luận đề "Nhất Linh muốn tự tử" của ông, tôi thấy ông Lục đã đi quá xa, trước sau ông bị một cái định kiến bám chặt vào đầu và chỉ chăm chăm đi tìm hai chữ "tự tử" trong bất cứ thứ gì Nhất Linh viết. Một người thưởng thức văn học bình thường thôi, chứ khoan nói là nghiên cứu văn học, không thể có một thái độ như vậy. Hơn nữa, nhận xét "ám ảnh về cái chết, về sự tự hủy như một cứu cánh đời sống, ám ảnh ông, bàng bạc trong các tác phẩm ông" có phải là điều có thật không? Nhưng ai đã đọc Nhất Linh, từ Đoạn tuyệt, Lạnh lùng, Đôi bạn, Nắng thu, Đi Tây, Hai buổi chiều vàng, Bướm trắng v.v... của giai đoạn Tự lực Văn đoàn, rồi Xóm Cầu Mới, Giòng sông Thanh Thủy của thập niên 1950, 60, có nhận ra điều mà ông Lục nói không? Với tư cách một độc giả bình thường, tôi phải khẳng định ngay rằng ông Lục đã nói ra những điều bịa đặt. Tác phẩm văn học của Nhất Linh, từ giai đoạn luận đề đả phá cái cũ, cổ xuý cái mới, cho đến giai đoạn đi sâu vào phân tích tâm lý, rồi mô tả cuộc sống phong phú muôn mặt chung quanh, đều trong sáng, tích cực, luôn cố gắng đạt đến chỗ cao hơn của nghệ thuật tiểu thuyết, chứ không hề bàng bạc về sự tự

hủy, về cái chết (mặc dù tính cách này, giả dụ nếu có thật nơi một tiểu thuyết gia thì cũng không phải là một cái gì đáng chê trách, nếu ông hay bà ta viết hay). Ông Lục đúng là đã "chẩn bệnh kiểu văn học", trích đây một câu, kia một câu rồi ra… bệnh án. Theo lối này, nhiều lắm chỉ nên đặt ra như một giả thuyết khi trà dư tửu hậu, chứ viết ra những khẳng định về một nhân vật rất nổi tiếng trong nước, giữa một giai đoạn lịch sử gay cấn như mùa hè năm 1963, thì tôi thấy thiếu đứng đắn. Trên đây chỉ là nói qua cái ý đồ chính của ông Lục, khi đọc bài ông sẽ thấy rất nhiều chi tiết bộc lộ sự không đứng đắn khác của ông. Nói chung, mục đích của ông là cố ý "hạ" Nhất Linh, tạt một thùng hắc ín vào chân dung của nhà văn, nhưng đây đó vẫn điểm xuyết vài ngụy trang khen ngợi. Đó là một cái mánh để tỏ ra mình "vô tư", nhưng nếu đọc kỹ sẽ thấy tác giả rất thống nhất trong chủ ý của mình, "gài mìn bẫy" rất tinh vi khắp nơi.

Trong suốt gần một thập niên nhóm Tự lực Văn đoàn làm báo Phong Hóa rồi Ngày Nay, thỉnh thoảng có những bài phê bình, thường với phong cách chế giễu, trào lộng, đối với một vài tác phẩm đương thời, và xảy ra bút chiến, thế là ông Lục khẳng định ngay: "Chửi liên tiếp. Chửi tất cả. Kể cũng là lạ ở thời kỳ đó, người ta đã chửi nhau như thế." Đọc câu này, những người nhỏ tuổi chưa từng thấy báo Phong Hóa, Ngày Nay dám tưởng các báo này cũng giống như những "báo chợ", "báo chửi" ở vùng Little Saigon ngày nay, vốn dùng chửi bới để… tiến thân và… làm giàu! Nghe ông Lục mô tả như thế, đám trẻ tuổi hẳn không ngờ Phong Hóa, Ngày Nay chính là những tờ báo quan trọng nhất trong thời kỳ trưởng thành của làng báo Việt Nam, cách đây bảy, tám mươi năm. Tôi đồ chừng ông Lục cũng chẳng đọc nhiều các tờ Phong Hóa, Ngày Nay (hoặc chẳng bao giờ đọc cả cũng nên!), chỉ xem những câu chuyện bút chiến trong các cuốn luận đề văn chương dành cho học sinh trung học thời trước 1975, rồi nói phịa ra thế thôi, chứ nếu có đọc thì chắc hẳn ông đã có một đánh giá khác (với điều kiện ông có khả năng để đánh giá). Những chi tiết như những vệt sơn đen tình cờ kiểu đó còn nhiều, rải rác trong bài viết, cuối cùng sẽ cho một bức tranh rất nhiều vết nham nhở. Khi nói về tác phẩm Con trâu và tác giả Trần Tiêu, ông Lục đoán lý do Trần Tiêu không được Nhất Linh cho vào danh sách Tự lực Văn đoàn: "Có thể là vì lý do chính trị đã khiến Nhất Linh gạt tên Trần Tiêu ra khỏi Tự lực Văn đoàn? Nhưng phải giải thích làm sao trường hợp ba người ở lại hợp tác với cộng sản là Thế Lữ, Xuân Diệu và Tú Mỡ?" Thú thật đọc câu này tôi chưng hửng, vì phỏng đoán rồi kết nối việc nọ với việc kia một cách rất tầm phào. Tự lực Văn đoàn tự nó không phải là một đảng phái chính trị, thành viên của nó tùy khuynh hướng và hoàn cảnh về sau có người theo bên này, người theo bên kia, chuyện đó đâu có gì lạ, sao phải đặt một câu hỏi theo kiểu như vậy? Mời bạn đọc xem tiếp đoạn này: "Nhất Linh đã tự tử. Sự lựa chọn đó phải chăng do những biến cố thời cuộc chính trị của những năm 1963 hay là một chọn lựa tiền định, tiềm ẩn? Thực tế ông đã để lại một thông điệp 72 chữ mà nhiều người có thể lặp lại một cách thuộc lòng như: Đời tôi để lịch sử xử. Nhưng lịch sử là ai? Ai xử? Xử như thế nào? Đã xử chưa?" Thật là những câu hỏi dồn dập, gắt gao, nhưng lại làm cho tôi chưng hửng một lần nữa. Có thể nào một người Việt Nam có học lại không hiểu câu "đời tôi để lịch sử xử", nhất là người viết câu đó sắp bị chế độ đem ra tòa để xử. Làm gì hùng hổ dồn một

lô một lốc các câu hỏi mới nghe tưởng như trí thức lắm, "truy tìm sự thật" lắm, nhưng ngẫm lại đó chỉ là những cái đao, những cái búa bằng giấy bồi vung lên chỉ cốt làm người ta hoa mắt. Thật ra, chỉ có mấy tháng sau ngày 7 tháng 7 năm 1963 ấy thì lịch sử đã lên tiếng rồi, vào ngày 1 tháng 11. Ai xử ai, xử như thế nào, đã lộ rõ. Bây giờ ông Nguyễn Văn Lục có muốn "xử" lại ông Nhất Linh bằng cách cố tình bóp méo động cơ cái chết của ông để biện minh rằng chế độ Diệm rất là tốt đẹp, thì cũng đã trễ rồi, trang lịch sử ấy theo tôi đã được khẳng định, đã xong. Nguyên khí của nước Việt Nam truyền thống đã ra tay điều chỉnh những lệch lạc của một thời, đặt để lại những giá trị sâu xa bền vững của dân tộc nghìn năm vào trong tâm khảm của người dân. Việc tờ Văn Hóa Ngày Nay phải đình bản vì chính quyền làm khó dễ việc phát hành đã đưa đến cụt vốn, điều này những người trong cuộc đã nói đến nhiều rồi. Và sự việc cũng dễ hiểu, trong cái bối cảnh hồi đó. Thế mà ông Lục đã ghép việc này với việc khác, để tạo ra một nghi vấn. Hãy đọc: "… ông Nhất Linh có tâm sự và cho biết do những khó khăn về tài chánh nên phải đình bản tờ báo. Và nếu như thế thì cắt nghĩa làm sao sự chết yểu của Hiện Đại, Thế Kỷ 20 cũng trong thời kỳ đó? Dù mọi người hiểu rằng Hiện Đại, Thế Kỷ 20 đóng cửa vì hết tài trợ. Tóm lại, Văn Hoá Ngày Nay đình bản vì thiếu tài chánh…" Độc giả chắc nhận ra cái ẩn ý của Nguyễn Văn Lục trong đoạn văn vừa rồi? Chỉ viết khơi khơi thôi, chẳng kết luận gì, nhưng cố tình gợi ý rằng tờ Văn Hóa Ngày Nay đã nhận tiền tài trợ của một cơ quan ngoại quốc nào đấy, như các tờ Hiện Đại, Thế Kỷ XX. Báo hết tiền phải đóng cửa là chuyện thường xảy ra trong làng báo, nhất là những tờ bị chính quyền ra tay trù dập như Văn Hóa Ngày Nay. Thế mà ông Lục ghép ngay với các vụ tài trợ khác chẳng có dây mơ rễ má gì. Nếu có bằng cớ thì trưng ra, còn không có thì thôi đừng nói tới, đàng này biết là sự việc chẳng phải như vậy mà cứ nối kết với một sự việc khác để "gợi ý" cho người khác hiểu như thế, đó là trò thiếu lương thiện. Có một đoạn văn trong bài của ông Lục đã làm cho tôi thực sự ngạc nhiên, đó là đoạn ông đả kích người khác thương tiếc Nhất Linh. Ông đã trích một đoạn văn diễn tả cảm xúc của một người đối với cái chết của Nhất Linh: "Riêng tôi, trên đường đi, tôi cảm nhận hơn một lần, hình như khi đưa tiễn Nhất Linh tôi đang đưa tôi, đang đưa một chặng đường văn học của quãng đời thanh xuân của mình (…)" rồi đả phá nó một cách phũ phàng không ngờ: "… loại văn chương ai điếu, thứ văn chương mà hễ có nhân vật nổi danh nào nằm xuống là phải có sẵn một bài tụng niệm sáo ngữ, để nhập cái chết của ông vào cuộc

tranh đấu của Phật giáo chống chính quyền Ngô Đình Diệm. (…) Đó chỉ là thứ kèn trống đám ma, nói thì nghe xôn xao rộn rã nhưng không biết mình nói gì, viết gì." Tôi thật sự ngạc nhiên về sự phẫn nộ của ông Lục. Người thương tiếc người, thì hãy để người ta khóc, việc gì đến ông? Sao ông xúc phạm người khác quá quắt như vậy, ông nhân danh cái gì? Trong di chúc của mình, Nhất Linh nói rõ ông theo gương Thượng tọa Thích Quảng Đức chọn cái chết để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, chỗ đứng của ông hết sức rõ ràng, đâu có cần ai phải "nhập cái chết của ông vào cuộc tranh đấu Phật

giáo”! Nhất Linh và Phật giáo đứng chung một chiến tuyến, bảo vệ cho tự do và truyền thống của dân tộc. Trong đám tang của Nhất Linh, trước khi hạ huyệt, linh mục Thanh Lãng và nhà văn Nhật Tiến đã đọc lời ai điếu - một hành vi can đảm giữa vòng vây của mật vụ thời ấy, nhất là cho nhà văn Nhật Tiến - ông Lục có dám coi đó là thứ “kèn trống đám ma” không? Ông có quyền nghiên cứu để chứng minh ông Nhất Linh bị bệnh tâm thần, nhưng ông cần phải tỏ ra có giáo dục, tôn trọng tình cảm của người khác đối với nhân vật lừng lẫy này. Chưa biết công trình của mình có ra cái gì, đã vội vùi dập người khác bằng những lời lẽ vô lễ và khiếm nhã, một người có tư cách không thể làm như vậy. Tôi sẽ không viết về những đoạn trong phần Phụ lục, rình mò chuyện riêng tư, cũng với ý đồ bêu xấu Nhất Linh và các đồng chí của ông thuộc Việt Nam Quốc dân Đảng, vì bà Trương Kim Anh đã nói đến. Tôi chỉ xin quay lại một chút với chủ đề chính của tác giả Nguyễn Văn Lục trước khi dừng bút. Ấy là vấn đề bệnh tâm thần. Để vô hiệu hóa hành vi, ngôn ngữ của kẻ nào, điều dễ nhất là nói người đó điên. Khi thuyết phục được mọi người rằng một ai đó có bệnh tâm thần là đã có thể hư vô hóa người ta. Không một cái gì thuộc về người ấy còn có giá trị với đời sống bình thường của chúng ta nữa. Nguyễn Văn Lục đã khổ công tạo ra một Nhất Linh bị bệnh tâm thần để triệt hạ ông, và tưởng như thế là một phát minh mới mẻ lắm. Không, trò này đã diễn ra trên thế giới nhiều lần rồi. Những ai thuộc giới trí thức mà chống đối cường quyền, thay vì bắt giam tra tấn đánh đập nhiều khi chỉ càng làm người ấy nổi bật lên vì sự can đảm, chỉ cần tống vào nhà thương điên là người ấy không còn tư cách làm người nữa trước mắt xã hội. Nguyễn Văn Lục mưu đồ cho Nhất Linh vào nhà thương điên. Nhưng người điên, ở đây là ai?

***

TỔNG THỐNG DIỆM VÀ QUÂN ĐỘI MỸ Ngô Đắc Triết

Mỗi năm cứ vào khoảng đầu tháng 11 thì lại thấy xuất hiện trên báo chí hải ngoại một số bài viết về biến cố lịch sử 1/11/1963. Hiển nhiên, ngày này đánh dấu một khúc quanh quan-trọng của lịch-sử Việt-Nam (VN) cận đại. Trong khi đa số những ngày lịch sử khác thường được nhắc đến để xây dựng tình yêu nước (ngày giỗ tổ Hùng Vương, Hai Bà Trưng, v.v...) thì ngày 1/11/1963 được nhắc đến để làm hiện rõ cái hố chia rẽ triền miên giữa những người theo “Ngô chí sĩ” và những người chống “gia đình trị”. Phân tích nguyên nhân của ngày lịch sử này, do đó, đã luôn luôn là một tiến trình phân chia giới nghiên cứu chính trị VN làm hai phe đối nghịch. Một cách tổng quát, phe này nói nguyên nhân đến từ lòng dân quá chán ghét chế độ Ngô Đình Diệm dùng Cần lao Công giáo để áp đặt một chế độ độc tài gia đình trị và phe kia nói nguyên nhân đến từ thái độ yêu nước của Tổng thống Ngô Đình Diệm chống chiến lược đổ thêm quân của người Mỹ nên bị họ tổ chức lật đổ. Vì vậy bài này sẽ gồm phần thứ nhất nói ngắn gọn về yếu tố VN của nguyên nhân “chế độ mất lòng dân” rất rõ ràng không cần phải giải thích nhiều. Phần thứ hai phải nói dài hơn về yếu tố ngoại bang vì đây là nỗi đau nhức của những người “ủng hộ tinh thần Ngô Đình Diệm” mà bài này, cố gắng chứng minh rõ rệt một lần cuối cùng, giúp họ thấy được sự thật là ông Diệm chẳng những đã không chống mà còn xin thêm quân ngoại bang vào VN. Để cho mỗi năm đến tháng 11, họ

không phải vi phạm vào Điều Răn thứ chín của Chúa: “Con không được làm chứng dối chống lại đồng loại. (Xh 20,16). . . Nhưng hễ có thì phải nói có, không thì phải nói không. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ. (Mt, 33)” như Cao Văn Luận, Cao Thế Dung, Tú Gàn Nguyễn Cần, Nguyễn văn Chức đã và đang bị ác quỷ dẫn dắt. Hãy bắt đầu bằng yếu tố Việt Nam qua bốn lãnh vực

246 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

1. Quần chúng Sự ủng hộ của nhân dân dĩ nhiên là chủ yếu để chính quyền được tồn tại. Trong một chế độ dân chủ, thật hay giả, sự ủng hộ này có thể phân biệt được là tự phát hoặc ép buộc qua những cuộc bầu cử. Theo bài giảng “Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học” cho sinh-viên năm thứ nhất Luật khoa của Giáo sư Nguyễn văn Bông, trong cuộc Trưng cầu dân ý tháng 10/1955 để ông Diệm được lên làm Quốc trưởng, kết quả có 5,721,735 phiếu thuận (hơn 98%) trong tổng số 5,828,907 người dân đi bầu. Tháng 4/1961, trong cuộc bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ hai, ông Diệm không chứng tỏ là một học trò giỏi về thực tế của khái niệm dân chủ đã thắng với tỷ số 89% (5,997,972 trên tổng số 6,723,720). Hai kết quả này thua 100% của ông Sadam Hussein không xa bao nhiêu. Nếu những người “ủng hộ tinh thần Ngô Đình Diệm” không đỏ mặt khi đọc hai kết quả bầu cử này thì họ không nên và không cần đọc tiếp bài này nữa. 2. Thành phần chính trị Gồm các lực lượng đối lập và ủng hộ chính quyền. Trong lực lượng ủng hộ, đảng Cần Lao độc quyền tổ chức bao trùm cả hai môi trường dân sự và quân sự trên toàn quốc làm cho tính độc tài của chế độ trở nên không thể chối cãi. Ai cũng biết không có đối lập thật sự thì không thể có dân chủ thực sự. Vì vậy mà trong lực lượng đối lập, hai trường hợp tiêu biểu là ông Nhất Linh của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã phải uống thuốc độc tự tử, và ông Nguyễn Bảo Toàn của lực lượng Hòa Hảo đã bị chính quyền thủ tiêu(1) là những dấu chỉ của một chính sách đàn áp đảng phái tàn bạo như các cuộc Thánh chiến của các Giáo hoàng Gia-tô La mã. 3. Thành phần tôn giáo Về phương diện pháp lý, chính quyền ông Diệm đã độc lập được 9 năm mà vẫn giữ nguyên đạo dụ số 10 của thực dân Tây để lại coi Phật giáo như một hội đá banh. Vì vậy mà một trong 5 nguyện vọng của Phật giáo gửi cho chính phủ Diệm trong tháng 5/1963 là “được bình quyền với Ki-tô giáo”. Một đạo mang niềm tin của gần 90% dân mà lại xin được bình quyền với một đạo của gần 10% dân! Về thực tế, sự kiện đạo của thiểu số Ki-tô là tôn giáo duy nhất (gồm hai nhánh Gia-tô La mã và Tin Lành) có tuyên úy trong quân-đội đã đủ để nói về chính sách đàn áp tôn giáo của “Ngô chí sĩ”.

1. Chi tiết trong sách “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi” của Hoành Linh Đỗ Mậu, 1986.

TỔNG THỐNG DIỆM VÀ QUÂN ĐỘI MỸ • 247

4. Thành phần quân đội Quân đội VNCH có gốc rễ từ quân đội Pháp. Đại đa số những sĩ quan lãnh đạo đều đã có kinh nghiệm với chế độ thuộc địa. Những kinh nghiệm này cộng với truyền thống kỷ luật của quân đội mà họ đã theo đuổi từ thời trai trẻ đã tạo trong họ một trống vắng về ý thức chính trị sâu sắc. Do đó, những hành động, phản ứng hay quyết định của họ có tính cách bản năng, nặng về cảm tính và chú trọng đến

hiệu quả thực tiễn. Điều này được chứng nghiệm năm 1954 qua sự ủng hộ vô điều kiện của họ đối với chính khách Ngô Đình Diệm, sự đối kháng của họ đối với thực dân Pháp cũng như với Việt Minh-Cộng sản. Chín năm sau, quân đội đã thấy rất rõ, từ vị thế quân nhân của họ, sự thiếu hiệu quả của chế độ qua sự tăng trưởng của Mặt Trận Giải Phóng miền Nam, sự phản bội của một chế độ chống Cộng mà đi đêm với Cộng (cũng như những tờ báo Bolsa hiện nay hô hào chống Cộng mà vẫn đăng quảng cáo gửi tiền về VN). Và bản năng của quân đội đã bùng vỡ khi vợ con, bạn bè họ bãi khóa, đi biểu tình trên toàn quốc trong mùa Hè năm 1963. Trong khuôn khổ yếu tố VN, kết quả của tình trạng chín mùi này là người quân nhân trong một lực lượng đã chuẩn bị, chỉ cần 24 tiếng đồng hồ để lật đổ một chính quyền mà họ thấy rõ là không còn giá trị, một chính quyền đã mất lòng dân. Nếu nói rằng một ông Đại tá lật đổ chính phủ vì không được lên Tướng thì vừa coi thường chính phủ đó vừa coi thường quân đội đó. Phải nhìn thấy sự kháng cự duy nhất và rất ngắn ngủi của Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng thống và sự im lặng tuyệt đối của đảng Cần lao, Thanh niên/ nữ Cộng hòa, Công an, Cảnh sát, ... trên toàn miền Nam trong ngày 1/11/1963 mới thấy được sự quan trọng của yếu tố lòng dân trong khi phân tích nguyên nhân của ngày lịch sử này. * * * Bên cạnh yếu tố Việt Nam, yếu tố ngoại bang trở nên tương đối đơn giản và khẳng định hơn vì nhân chứng và tài liệu thì đầy đủ và dễ phối kiểm và, do đó, giúp chúng ta có thể suy luận một cách khách quan hơn. Những tài liệu, sách báo, hồi ký xuất bản từ năm 1963 ở Mỹ đã cho thấy rõ ràng mối liên hệ chặt chẽ giữa nước này và ông Diệm. Trong một bài, đã được đăng trên nhật báo Người Việt ở Westminster, California ngày 9 tháng 11/1996, tác giả Lương Minh Sơn đã đúc kết

các chứng liệu ngoại quốc để trình bày một cách súc tích và chính xác sự đúng chỗ, đúng lúc và đúng người của ông Diệm khi ông được chính quyền Mỹ và Vatican đưa về VN. Trong khuôn khổ của bài này, vấn đề chỉ cần giới hạn trong câu hỏi: Tại sao người Mỹ đưa ông Diệm về năm 1954 rồi 9 năm sau lại muốn lật đổ? Có phải ý của người Mỹ đã thay đổi? Câu trả lời, trong trường hợp VN, tất nhiên là: Không. Vì từ 1954 đến 1963, người Mỹ chỉ có một ý là chống Cộng sản. (Thật ra thì chính sách đối ngoại của Mỹ đặt cơ sở trên sách lược ngăn chận Cộng sản đã bắt đầu từ bài báo năm 1947 của George Kennan cho đến 1989 khi Nga Sô-viết sụp đổ và Trung Cộng bắt đầu chạy theo kinh tế thị trường). Mục tiêu không thay đổi thì có thể là đường lối đã thay đổi. Đây là chỗ đưa đến lập luận sở đắc của những người mang "tinh thần Ngô Đình Diệm": "Đồng minh Mỹ trở nên đế quốc, muốn đem quân chiến đấu vào để thao túng chủ quyền của VN mà chống Cộng theo kiểu Mỹ, Tổng thống Diệm muốn bảo toàn độc lập quốc gia nên chống lại âm mưu này và đã phải trả giá bằng chính mạng sống và chính quyền của ông." Bằng lý luận chính trị, lập luận này không đứng vững trong bối cảnh của nước Mỹ có một Tổng thống bị thất bại nặng nề ngay từ đầu nhiệm kỳ trong phiêu lưu quân sự ở Vịnh Con Heo (tháng 4/1961) để mưu lật đổ Fidel Castro của Cuba. Ông Kennedy dĩ nhiên là không muốn phiêu lưu vào một thất bại lật đổ Ngô Đình Diệm ở một xứ VN xa xôi vào cuối nhiệm kỳ (tháng 11/1963) khi cuộc chuẩn bị bầu cử cho nhiệm kỳ hai đã bắt đầu. Cụ thể hơn, bài này sẽ chứng minh ông Diệm chẳng những không chống mà

còn xin thêm quân Mỹ và Tàu, đổ vào VN. Qua tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng Mỹ và tài liệu công khai của Phòng Báo chí Tòa Bạch ốc, lập luận này lại càng mất thêm giá trị để được xứng đáng gọi là một lập luận chính trị. Cựu Bộ trưởng McNamara đã dùng tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng để tiết lộ những chi tiết sau đây trong hồi ký "In Retrospect" (Ed. Random House, NY, 1995) của ông : 1). "(Ngoại Trưởng) Dean Rusk và các cố vấn của ông ta cũng đi đến kết luận như (của tôi) vậy. Ngày 11/11 (năm 1961) ông ta và tôi, sau khi suy nghĩ và thảo luận thêm, cùng gửi một văn thư liên bộ (Ngoại Giao và Quốc Phòng) cho Tổng thống để can ngăn việc gửi quân chiến đấu sang VN theo đề nghị của Walt (Rostow) và Tướng Max (well Taylor). . . . Chiều hôm ấy, TT Kennedy đã đem cả hai văn

thư đó ra giữa buổi họp tại Tòa Bạch ốc. Ông nói rõ rằng ông không muốn cam kết một cách vô điều kiện sẽ giữ cho miền Nam Việt Nam khỏi bị sụp đổ và tuyệt đối không chấp nhận việc gửi quân tác chiến Mỹ sang VN." [Tr. 39] 2). Trong bản tường trình mật lên Tổng thống, sau chuyến viếng thăm VN (tháng 9/1963), Bộ trưởng McNamara đã có những đề nghị sau đây (trong an ninh tình báo, những đề nghị mật trong giới lãnh đạo cao cấp loại này được coi như là những ý định thật của một chính phủ): "Thành lập một chương trình để huấn luyện người Việt Nam đến cuối năm 1965 có thể thay thế quân nhân Mỹ trong các nhiệm vụ thiết yếu. Vào thời điểm đó, một số lớn nhân viên Mỹ có thể được rút về nước." . . . "Theo chương trình huấn luyện (quân đội) Việt Nam để từ từ thay thế (quân đội Mỹ) trong các nhiệm vụ quân sự, Bộ Quốc Phòng nên tuyên bố sớm kế hoạch đang được chuẩn bị để rút 1,000 quân Mỹ vào cuối năm 1963." [Tr. 78] 3). Thông báo của Phòng Báo Chí Tòa Bạch ốc ngày 2-10-1963: "Cuối cùng tổng thống đồng ý, và Tham vụ Báo chí Pierre Sa- linger đã đưa ra bản thông báo sau buổi họp. Bản thông báo này có đoạn như sau: Bộ trưởng McNamara và Tướng Taylor. . . báo cáo rằng chương trình huấn luyện của Mỹ tại VN sẽ tiến triển đến mức 1,000 quân nhân Mỹ đang đóng tại Nam Việt Nam sẽ có thể được rút về vào cuối năm nay." [Tr. 80] 4). Trong một lá thư được nhật báo The New York Times đăng ngày 14 tháng 9/1995 để trả lời một độc giả, ông McNamara đã tổng kết như sau: ". . . Tôi tin rằng các tài liệu đã chứng tỏ là Tổng thống Kennedy, chẳng những đã không trù tính một kế hoạch leo thang nào, mà còn quyết định - và tuyên bố công khai ngày 2 tháng 10, 1963 - rằng Mỹ dự tính rút quân đội ra (khỏi Việt Nam) vào cuối năm 1965 và bước đầu tiên là rút 1,000 (trong tổng số 16 ngàn quân) vào cuối năm 1963." 5). Mới nhất là bản tin ngày 23 tháng 12, 1997 của Associated Press trích từ hồ sơ dày hơn 800 trang của văn phòng Tổng tham mưu Liên quân Mỹ (Joint Chiefs of Staff) tiết lộ "Tổng thống Diệm đã giấu giếm những báo cáo chiến trường cho thấy cuộc chiến đã diễn tiến một cách bất lợi cho Nam Việt Nam" ("Diem had been hiding reports from

the field that showed the war was going badly for the South Vietnam- ese"). Mặt khác, "vài tuần trước khi bị ám sát, TT Kennedy đã muốn các lãnh đạo quân sự lập cho ông một kế hoạch rút quân Mỹ khỏi Việt Nam sau cuộc bầu cử 1964" ("weeks before his

assasination President Kennedy wanted his military leaders to draw up contigency plans for a U.S. withdrawal from Vietnam after the 1964 presidential election.”). Bên kia những tiết lộ rõ rệt này về ý đồ của người Mỹ thì “Hồ sơ Mật của Ngũ Giác Đài” (“The Pentagon Papers”, Ed. Bantam Books Inc., 1971) lại cho thấy chính ông Diệm đã có ý đồ... xin thêm quân tác chiến Mỹ và Tàu vào Việt Nam, từ năm 1961! “Điện văn của Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn gửi bộ Ngoại Giao ngày 13 tháng 10, 1961 về những yêu cầu của ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Quốc Phòng của Nam Việt Nam... Trong buổi họp ngày 13/10/1961 Thuần đã yêu cầu : 1. Gửi thêm các phi đoàn khu trục AD6... 2. Gửi phi công dân sự Mỹ... 3. Gửi quân Mỹ tác chiến hoặc quân Mỹ “cố vấn tác chiến” cho quân VNCH. Một phần quân số này sẽ đóng gần vĩ tuyến 17 để quân VNCH được rảnh tay chống quân du kích ở miền cao nguyên ... 4. Xin được biết phản ứng của Mỹ đối với đề nghị (của ông Diệm) xin Trung Hoa Quốc gia gửi một sư đoàn quân tác chiến vào khu vực hành quân ở vùng Tây Nam .... (Bộ trưởng Thuần) nói ông Diệm, dựa trên tình hình Lào, sự xâm nhập (của quân đội Bắc Việt) và sự lưu tâm của TT Kennedy khi gửi Tướng Taylor qua thăm VN, đã yêu cầu Mỹ hãy duyệt gấp những yêu cầu trên.” [Tr. 40] *** Tất cả những tài liệu trên đây đã tự nó nói lên hai sự thật đơn giản : 1. Tổng thống Diệm không thể “chống Mỹ đổ thêm quân”, vì cho đến ngày lịch sử 1/11/1963 chính quyền Mỹ không có ý đổ thêm quân vào Việt Nam mà ngược lại còn dự tính - và tuyên bố công khai - sẽ rút quân kể từ cuối năm 1963. 2. Từ năm 1961, Tổng thống Diệm đã cầu viện quân ngoại bang (Mỹ và Tàu) vào Việt Nam.

TỔNG THỐNG DIỆM VÀ QUÂN ĐỘI MỸ • 251

Nguyên nhân của một biến cố lịch sử làm sụp đổ một chế độ dài 9 năm phải đến từ nhiều yếu tố. Không thể lý luận một cách ngu muội là tất cả đều do Mỹ và những người chống ông Diệm (từ Nhất Linh đến Thích Trí Quang đến Trần Kim Tuyến đến Dương Văn Minh) đều bị CIA mua chuộc. Qua những chứng liệu rõ rệt trên đây, một độc giả thông minh tối thiểu và không cuồng tín vì tôn giáo sẽ thấy nguyên nhân của ngày 1/11/1963 đến từ cả hai yếu tố bên trong và bên ngoài Việt Nam. Với một người có tinh thần dân tộc thì sẽ nhận ra ngay yếu tố Việt Nam mới là tối quan trọng, yếu tố lòng dân Việt Nam mới là chủ yếu. Với loại người được truyền giáo để trở thành phi dân tộc và vọng ngoại thì dĩ nhiên chỉ có thể thấy được yếu tố ngoại bang. Nếu những người này đã có can đảm đọc đến đây và đã được “mặc khải” thì xin hãy chôn đi cái huyền thoại TT Diệm “chết vì chống Mỹ” sau khi đọc điều số 4 trong lá thư của Bộ trưởng Thuần ở trên rằng “Xin được biết phản ứng của Mỹ đối với đề nghị (của ông Diệm) xin Trung Hoa Quốc gia gửi một sư đoàn quân tác chiến vào khu vực hành quân ở vùng Tây Nam...”. Được như vậy, vào tháng 11 mỗi năm, quý vị hoài Ngô khỏi phải day dứt vì mặc cảm phạm tội mà đi mua nhang đèn làm lễ tưởng niệm “tinh thần” “xin-được-biết-phản- ứng-của-Mỹ của Ngô chí sĩ, và chúa Ki-tô khỏi phải nhọc công lập lại Điều răn thứ Chín cho những tên ma đầu loại Cao Văn Luận, Cao Thế Dung (Hà Nhân Văn, Hà Nhân!!), Nguyễn văn Chức, Tú Gàn Nguyễn Cần.

***

TỔNG THỐNG MỸ JOHNSON GỌI DIỆM LÀ “THẰNG NHÃI” Lê Xuân Nhuận

MỘT – “BỌN CÓC NHÁI” Trong bài viết “Lại Chuyện Tản Mạn!” phổ-biến ngày Thursday, August 21, 2008 6:03 PM (phê-bình bài viết nhan đề “Tản mạn lịch sử” của Ông Lê Mạnh Hùng đăng trên báo Viet Tide), ông Lữ Giang [aka Tú Gàn, aka Nguyễn Cần] đã viết như sau: “Trong công điện gởi cho Bộ Ngoại Giao lúc 2 giờ chiều ngày 7.9.1963, Đại sứ Cabot Lodge có kể lại lời ông Ngô Đình Nhu đã nói với ông như sau: “Tôi báo động về những gì sẽ xảy ra trong Quân Lực. Nếu tôi ra đi, Quân Lực sẽ nắm chính quyền. Bọn cóc nhái của CIA và USIS này sẽ phá hoại nỗ lực chiến tranh.” (I am alarmed by what’s going on in the Armed Forces. If I leave, the Armed Forces will take over the government. ‘Ces grenouillards’ (which I translate as “these schemers” or ‘these contrivers’) of the CIA and USIS will sabotage the war effort.)” 1) Nghĩa của tiếng Pháp “Grenouillard(s)” mà Ông Ngô Đình Nhu dùng: 1a- theo nghĩa đen thì là loài chim, các giống: đại bàng; diều hâu; diều mướp; kên-kên; ó; ưng; 1b- theo nghĩa bóng, thì là loại người có tính đặc-biệt: hiếu chiến; quấy rầy; tham lam; trục lợi; 2) Nhưng trong câu nói bằng tiếng Pháp của Ông Ngô Đình Nhu mà cựu Đại-sứ Hoa-Kỳ Cabot Lodge đã hiểu đúng ý và kể lại bằng tiếng Anh thì Ông Cabot Lodge đã dịch ngay chữ “Grenouillards” ra tiếng Anh là “schemers” hoặc “contrivers” rồi.

2a/ Chữ “schemer(s)” có nghĩa là: “người chủ mưu; người vạch kế hoạch; kẻ âm mưu; kẻ hay dùng mưu gian”; 2b/ Chữ “contriver(s)” có nghĩa là: “người nghĩ ra; người sáng chế ra; người có tài xoay sở; người khéo lo liệu; (a good contriver: người xoay sở giỏi; người tháo vát; người nội trợ đảm đang); người bày mưu tính kế”; 3) Do đó, mấy chữ “ces grenouillards” chắc-chắn không có cái nghĩa khinh-thường là “bọn cóc nhái” (loài vật thấp hèn) như Ông Lữ Giang đã dịch - một phần vì đã lầm tưởng là nó xuất-phát từ chữ “grenouille(s)” (là con ếch, con nhái, con ngóe) - và không biết rằng con cóc là một loại khác, tiếng Pháp gọi là “crapaud(s)” chứ không phải là “grenouille(s)”. Hơn nữa, chính Ông Cabot Lodge đã cẩn-thận dịch ra tiếng Anh rồi cơ mà! - nhưng phần khác là Ông Lữ Giang đã cố ý dịch ra như thế, để lợi-dụng cơ-hội mà nhập-nhằng đánh lừa người kém ngoại-ngữ hầu bôi bẩn các tướng đảo-chánh, chứ không phải dịch đúng-đắn và đứng-đắn. Vậy thì mấy chữ “ces grenouillards” nói trên có thể được hiểu là “nhóm người đầy tham-vọng ấy, nhóm người đa-mưu lắm kế ấy, v.v...!”(1) Tôi cho rằng Ông Lữ Giang đã cố ý dịch sai các chữ Pháp “ces grenouilles” ra là “bọn cóc nhái (ấy)” là vì việc dịch như thế xảy ra sau 2 sự-kiện liên-hệ xảy ra trước rồi: HAI – VÀNG BẠC CỦA BÌNH XUYÊN Cựu Đại-Tướng Dương Văn Minh đã bị Luật-sư Nguyễn Văn Chức (và Tiến-Sĩ Lâm Lễ Trinh) vu-khống là “trong thời kỳ dẹp loạn Bình Xuyên, ĐT Minh đã tịch thu được rất nhiều vàng bạc và tiền mặt của Bình Xuyên, nhưng ĐT đã không giao số chiến lợi phẩm này cho chính phủ Ngô Đình Diệm, mà lại tẩu tán làm của riêng”. 1) Trong năm 1971, khi Đại-tướng Dương Văn Minh vừa mới thu- thập đủ chữ ký giới-thiệu của số lượng Dân-biểu và Thượng-nghị-sĩ theo luật định, để ra tranh-cử Tổng-Thống, thì báo “Hoà Bình” của Linh-Mục Trần Du loan tin như trên. Ông Trịnh Bá Lộc, nguyên Sĩ-Quan Tùy-Viên của Đại-tướng Dương Văn Minh, đã tìm ra được xấp

1. Vì dù ngụ ý chê họ, chống họ, nhưng vẫn không thể phủ-nhận tài-năng/mánh- khóe [con người] của họ; nếu không thì các cơ-quan CIA và USIS đâu cần nhờ đến, và mình đâu phải quan-ngại gì nhiều về các đương-nhân.

cùi mà trong một cùi có ghi trị giá của nó, và bên cạnh có ghi rõ-ràng như sau: "Số tiền bán vàng tịch thu của Bình Xuyên, Tổng Thống (Ngô Đình Diệm) cho Cô Nhi Viện Quốc Gia Thủ Đức". Luật- sư Võ Văn Quan, đại-diện ĐT Minh, liền can-thiệp, và báo "Hòa Bình" đã đăng ngay bài đính-chánh, kèm theo phóng-ảnh cùi chi- phiếu nói trên. Báo "Công Luận" của Thượng-nghị-sĩ Tôn Thất Đính cũng có phổ-biến việc này. Thế mà vừa rồi, sau khi Đại-tướng Dương Văn Minh qua đời, báo "Con Ong" ở Houston, Texas, là nơi cư-ngụ của Ông Nguyễn Văn Chức, lại đăng lại bài vu-khống của VIP KK tức Luật-Sư Nguyễn Văn Chức với nội-dung như đã từng đăng trên báo "Hòa Bình" trước khi bị buộc phải đính-chính Sự Thật vào năm 1971 (37 năm trước đó). Cùng lúc, tiến-sĩ Lâm Lễ Trinh cũng viết tương -tự trong cuốn "Về Nguồn". Thật là hết nước nói!!!(2) Trong tháng 7 năm 2008, Ông Trịnh Bá Lộc đã làm sáng-tỏ lại vụ này, đồng-thời nhắc-nhở các kẻ vu-khống, nhất là tín-đồ Ky-Tô-Giáo, rằng việc nguỵ-tạo sử-sách tức cũng là "làm chứng dối", vi-phạm điều răn của Đức Chúa Trời.(3) 2) Ông Đoàn Thêm, cựu viên-chức cao-cấp tại Phủ Thủ-tướng và Phủ Tổng-thống thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa, trong cuốn "Hai Mươi Năm Qua – Việc Từng Ngày – 1945-1954", xuất-bản tại Sài-gòn vào năm 1965 (là một tài-liệu lịch-sử khách-quan) ở các trang 191-192 đã viết: "3.3.1956 – Thiếu-Tướng Dương-văn-Minh họp báo nói về các chiến- dịch miền Tây và sự hợp tác của Tướng Trần Văn Soái. Tướng Minh cho biết trong chiến-dịch Hoàng-Diệu, đã tịch thâu 20 kí vàng và 16 triệu 1/2 bạc, số tiền này sẽ dùng để xây cất một Cô-Nhi-Viện Quốc-gia." 3) Rốt cuộc là vì không còn có thể tiếp-tục vu-khống Đại-tướng Dương Văn Minh về vụ tài-sản Bình-xuyên để bôi nhọ vị tướng cầm đầu cuộc chính-biến 1-11-1963, nên các phần-tử hoài-Ngô phải kiếm thêm những chuyện khác. BA – "BỌN ÁC ÔN CÔN ĐỒ" Theo một cuốn băng dài 30 tiếng đồng-hồ do (thư-viện) Johnson Library ở Austin, Texas, công-bố ngày 28-2-2003, thì Tổng-thống Johnson đã gọi các Tướng miền Nam Việt-Nam thực-hiện cuộc chính-

2. Xin xem chi-tiết ở Mục "Luật-Sư Nguyễn Văn Chức". 3. Exodus 20:16 và Deuteronomy 5:20.

biến lật đổ và giết chết Tổng-Thống Ngô Đình Diệm là "a goddam bunch of thugs" mà Ông Lữ Giang dịch ra là "một bọn ác ôn côn đồ đáng nguyền rủa". 1) Nhưng ông Lữ Giang đã dịch sai: "A bunch of thugs" là "một bọn côn đồ", không có chữ nào bên phía tiếng Anh có nghĩa là "ác ôn" cả. "Goddamn" (cũng như "Goddamned") là "đã bị nguyền rủa (rồi)" chứ không phải là chỉ "đáng nguyền rủa" mà thôi. Ông Lữ Giang "đáng khen" nhưng chưa nhận được lời (bằng) khen thì cũng là chưa được khen (tỷ như "bọn côn đồ đáng nguyền rủa" tức là chưa bị nguyền rủa). Tóm lại, câu đó (A goddamn bunch of thugs) có nghĩa là "một lũ côn đồ (bị Chúa trừng trị) chết tiệt!" 2)

Tổng-thống Lyndon B. Johnson lên thay cố TT John F. Ken- nedy từ ngày 22-11-1963. Johnson thay đổi chính sách đối với Việt- Nam: thay vì 16,000 cố-vấn quân-sự trước biến-cố 1-11-1963 dưới thời Kennedy và Ngô Đình Diệm, mà Kennedy đã có quyết-định rút về (rút đợt đầu 1,000 người), thì Johnson (cùng Đảng Dân Chủ) vào năm 1965 đã đưa thêm quân tác-chiến qua Việt-Nam mà tổng-số cứ tăng dần lên đến 550,000 người vào đầu năm 1968. Tức là Johnson "diều-hâu", mà thấy bên phía Việt-Nam chưa có tiến-bộ như ý Mỹ muốn nên đã tỏ ý bất-bình các Tướng (là Tướng mới lên cầm quyền) 3) Tuy nhiên, dùng những thậm-từ, chửi thề, chỉ là thói quen cá- nhân của một số Tổng-thống Hoa-kỳ; thí-dụ: khi nghe tin cựu Tổng- thống Gerald Ford từ-trần, Tổng-thống George W. Bush đã ngỏ lời chia buồn và ca-tụng rằng "Jerry was warm gentle, friendly, pleasant courteous individual. He never used bad language, he loved his fam- ily, his kids and above all else he loved Betty."(4) Đề-cao các ưu-điểm của một tổng-thống mà nhấn mạnh đến ưu-điểm không dùng lời-lẽ thô-tục đủ thấy có những tổng-thống Mỹ khác, thường dùng lời-lẽ thô-tục. 4) Riêng về TT Johnson thì ông "là một vị tổng thống cộc cằn, thô lỗ, kém học thức nhất, so với những vị tổng thống khác trong lịch sử

4. Jerry [tên gọi thân-mật của Gerald] là một con người nồng-hậu, hoà-nhã, thân-thiện, khả-ái, lịch-sự. Ông ấy không bao giờ dùng lời-lẽ thô-tục, ông ấy yêu- thương gia-đình, các con, và trên tất cả mọi thứ khác là yêu-thương Betty [vợ, là bà Betty Ford].

cận đại Hoa Kỳ. Đa số sử gia đồng ý Johnson không phải là vị tổng thống lịch sự về cung cách ngoại giao...".(5) BỐN – VĂN TỨC LÀ NGƯỜI Trước khi tiếp-tục kể hầu quý vị một số trường-hợp người Mỹ chửi thề các nhân-vật quan-trọng (VIP), xin nhắc sơ qua về một số trích dẫn tiếng Anh & tiếng Pháp của Ông Lữ Giang: 1) Trong bài "Tapes mới của Kennedy", ông Lữ Giang đã trích dẫn cuốn sách hồi-ký của cựu Bộ-trưởng Quốc-Phòng Mỹ đến 2 lần, đều giống nhau: (Robert S. McNamara, "In Retrospect, Tragedy and Lesson of Vietnam", Vintage Books, New York, 1995, tr. 81 – 82).... và: "... Trong cuốn hồi ký "In Retrospect, Tragedy and Lesson of Vietnam". Nhưng ông Lữ Giang đã viết sai, vì nhan đề của cuốn sách ấy thật ra là "In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam" (hai dấu chấm, thay vì dấu phết; có chữ "The"; và chữ "Lessons" thì có phụ- âm "s" vì là số nhiều). 2) Trong bài "Bãi Chiến Trường", Ông Lữ Giang (bút danh Tú Gàn) đã viết: "... Thị Trưởng Frank Fry liền nổi giận và nói: "Các người hành động như cộng sản ở Việt Nam... Đó là điều mà cộng sản đã làm. (You are acting like communist do over in Vietnam... That's what the com- munist do). Lần đầu tiên đại diện Việt Cộng đến tại Orange County, nơi có thủ đô Little Saigon, để nói chuyện là tại một cuộc hội thảo do World Affaires Council tổ chức ở khách sạn Radison Plaza thuộc thành phố Irvine, California vào ngày 12.9.1995. Lần thứ hai, tổ chức World Affaires Council tổ chức hội thảo tại San Francisco vào ngày 19.9.1995..." 2.1. Ông Lữ Giang đã không thấy rõ là động-từ "do" ở đây được chia cho ngôi thứ 3 của số nhiều, nên chữ "communists" phải có phụ- âm "s" vì là số nhiều.

5. Theo nhà biên khảo Nguyễn Kỳ Phong, trong cuốn "Người Mỹ và Chiến Tra- nh Việt Nam - Liên Hệ Quân Sự Chính Trị 1945-1975", do Vietnam Bibliography ở Virginia, USA, xuất-bản năm 2001, trang 253. Xem thêm về TT Johnson ở Mục V, nhất là ở Mục VI phía cuối bài này.

2.2 Ông Lữ Giang không nhớ là mình đang viết tiếng Anh, "affair(s)" không có phụ-âm "e" như bên tiếng Pháp. 3) Ông Lữ Giang trích lời của cựu Đại-sứ Cabot Lodge nói rằng Ông Trần Trung Dung "coi đa số các Tướng Lãnh không gì khác lơn là các trung sĩ được Pháp huấn luyện trong quân phục Tướng Lãnh" và trích dẫn câu nói tiếng Anh: "(He consider majority of Generals no more than French trained sergeants in Generals' uniforms)". Ông Lữ Giang lại không để ý rằng động-tự "consider" (có chủ- từ "He" đứng trước) được chia trong thì quá-khứ, thì chữ đó phải là "considered". 4) Trong bài "Mặt thật hàng tướng Big Minh", ông Tú Gàn viết: "Năm 1945, khi Nhật đảo chánh Pháp, Dương Văn Minh đang phục vụ tại Cap's Jacques (Vũng Tàu) và bị Nhật cầm tù." Người ở Sài-Gòn mà không viết đúng chữ "Cap St. Jacques" tức "Cap Saint Jacques" hay sao? 5) Ông Lữ Giang nhắc đến thời-kỳ Pháp đô-hộ Việt-Nam mà kể đến "Bộ Thuộc Địa (Minstère des Colonies)" và "lính Khố Đỏ (Ti- raillrers)" và "Service de Sûreté Généralle de l'Indochine" mà viết sai các chữ ghi trên (tiếng Pháp), đáng lẽ phải là "Ministère" và "Ti- railleurs" và "Générale". 6) Ngay chính cuốn băng về TT Johnson nói trên, ông Lữ Giang cũng ghi: "Một cuốn băng được công bố ngày 28.3.2003 cho biết ngày 1.2.1966, Tổng Thống Johnson đã gọi điện thoại cho Thượng Nghị Sĩ Eugene McCarthay than phiền về việc chính quyền Kennedy..." trong lúc cuốn băng ấy thật sự được công bố vào ngày 28.2.2003. Bài thi mà sai chính-tả, văn-phạm (ngữ-pháp), liệu các giám-khảo có cho điểm cao hay không? Tài-liệu nạp Tòa mà không y như nguyên- văn, liệu các công-tố-viên và biện-hộ-viên có bỏ qua hay không? Và bài phổ-biến công cộng mà không được viết cẩn trọng thì có phải là tự-trọng và trọng người đọc hay không? NĂM - NGƯỜI MỸ CHỬI THỀ Tôi xin kể thêm vài vụ chửi thề của Mỹ để quý độc-giả đánh giá các thậm-từ ấy: 1) Trong Đệ-Nhị Thế-Chiến (1939-45), nói về liên-hệ Mỹ-Pháp: người Mỹ có nhiều xung-đột với De Gaulle, lãnh-tụ Pháp. Tổng-

Thống Roosevelt không có cảm-tình với De Gaulle; Tổng-thống Tru- man thì cho De Gaulle là cứng đầu, không chịu hòa-giải. Một đôi khi Truman dùng chữ "thằng chó đẻ" để chỉ De Gaulle.(6) Ý-Kiến: các tổng-thống Mỹ mà dùng thậm-từ thì chỉ là do thói quen cá-nhân. Ngay chính De Gaulle, lãnh-đạo Ủy-Ban Giải-Phóng Quốc-Gia của Pháp, đồng-minh thiết-cốt với Mỹ và Anh trong Thế-Chiến II, mà còn bị chửi là "thằng chó đẻ". Tuy nhiên, De Gaulle vẫn là một tổng-thống vĩ-đại của Pháp và được dân Pháp yêu kính mãi hoài, không vì tiếng rủa của một tổng-thống Mỹ tục-tằn mà mất thanh-danh. 2) Ngày 29-3-2009, sau khi Bà Clinton cho biết sẽ không ra ứng- cử tổng-thống, ký-giả Pat Racimora đã viết: "And when it was clear that Hillary Clinton would not be our next President, some relief was forthcoming in assuming that the tyranny perpetrated by Obama-supporting thugs would now unravel like a cheap sweater." Tạm dịch: "Khi

đã rõ-ràng rằng Bà Hillary Clinton sẽ không là vị tổng-thống kế-tiếp của chúng ta, người ta thấy nhẹ hẳn người phần nào vì nghĩ rằng ách bạo-ngược mà bọn côn-đồ ủng-hộ Obama đã gây ra nay sẽ được tháo gỡ như vứt bỏ một chiếc áo rẻ tiền." 3) Ngày 31-3-2009, ký-giả Francesca tường-thuật việc một hồng-y và nhiều giám-mục phản-đối Viện Đại-học Notre Dame vì mời Tổng- thống Obama đến đọc diễn-văn, đã viết: "They are also pissed off about the Honorary Law Degree to be given to Barack 'God Damn AmeriKKKa' Obama." Tạm dịch: "Họ cũng bực mình về việc trao bằng Tiến sĩ Luật Khoa Danh Dự cho Barack 'Hoa Kỳ quỷ tha ma bắt' Obama". Nói nặng về tổng-thống Hoa-kỳ xong, họ còn nói nặng về nhà thờ Chúa nữa: "If they don't say anything about Obama and Pfleger, we'll just assume the Cardinals and Bishops and the whole Catholic Church agrees with Pfleger and Obama and the God Damn AmeriKKKa Church both of them went to." Tạm dịch: "Nếu các Hồng Y và Giám Mục không nói (nặng) gì về Obama và Pfleger (linh-mục, bênh-vực Mục-Sư Jeremial Wright của

6. Tham-chiếu sách của Nguyễn Kỳ Phong đã dẫn trên, các trang 22-23.

TT Obama), chúng ta sẽ xem như họ và toàn-thể Giáo-hội Ky-tô-giáo đều đồng lòng với Pfleger và Obama cùng với Thánh-đường Hoa Kỳ Đọa Ngục nơi hai người này đã đến." 4) Ngay trong cuốn băng về TT Johnson mà ông Lữ Giang nêu ra, đã có một đoạn như sau: "But literally overnight, the U.S. was internationally perceived as a bunch of buffoons who were propping up a tyrant." People "already believed that Kennedy... a Catholic U.S. president supporting a Cath- olic fanatic who was intent on persecuting another religious group..." Tạm dịch: "Nhưng thật-sự là đột-nhiên thế-giới nhận ra rằng (chính-phủ) Hoa Kỳ là một bọn hề diễu đang nâng-đỡ một tên bạo- chúa." Người ta đã "tin rằng Kennedy... một tổng-thống Mỹ tín-đồ Ky-Tô-Giáo hậu-thuẫn cho một tín-đồ Ky-tô-giáo cuồng-tín đang muốn truy hại một tập thể tôn-giáo khác..." 5) Đây là lời lẽ của chính ông TT Johnson tác-giả mấy chữ "damn", "thugs", và cả "bitch", ngay trong cuốn băng nói trên, trước cả đoạn chê các Tướng Việt Nam: "... through Johnson's presidency -- a time when... what LBJ called "that bitch of a war" was exporting the American nightmare to Southeast Asia", "All the wide brush strokes of U.S. history made from September 1964 through August 1965 are here -- the Johnson vs. Goldwater election ("We've got a bunch of goddamned thugs here taking us on")"... Tạm dịch: "... qua thời-kỳ Ông Johnson làm tổng-thống – lúc ấy... cái mà TT Johnson gọi là "cuộc chiến chó đẻ" đang xuất-cảng cơn ác-mộng Hoa Kỳ qua Đông Nam Á châu", "Đây là tất cả những nét vẽ tổng-quát về lịch sử Hoa Kỳ từ 9-1964 đến 8-1965: cuộc tranh-cử tổng-thống giữa Johnson và Goldwater ("Chúng ta đang đối đầu với một lũ côn đồ trời đánh thánh vật")... Ông Barry Morris Goldwater là một cựu tướng-lãnh Không- Quân tham-gia Đệ-Nhị Thế-Chiến, làm Thượng-Nghị-Sĩ 5 nhiệm- kỳ (mỗi nhiệm-kỳ 6 năm), được Đảng đại-kỳ-cựu Cộng-Hòa (GOP= Grand Old Party) chọn làm ứng-cử-viên Tổng-thống siêu- cường-quốc lâu đời Hiệp-Chủng-Quốc Hoa-Kỳ, mà còn bị Ông Johnson chửi thề là "côn đồ trời đánh thánh vật", thì sá gì một tướng-lãnh hay một tổng-thống mới ra đời của tiểu-nhược-quốc miền Nam Việt-Nam!

SÁU – “THẰNG NHÃI DUY NHẤT” Nói ai làm gì, ngay chính cố Tổng-thống Ngô Đình Diệm của Đệ- nhất Việt-nam Cộng-hòa, cũng bị chính ông Tổng-thống Hoa-kỳ thô- lỗ Lyndon B. Johnson ấy gọi là “thằng nhãi” trong trường-hợp sau: Karnow (Stanley Karnow, sử-gia chuyên về Chiến Tranh Việt Nam), hỏi Johnson là ông có tin rằng Diệm là “Churchill (Winston Churchill, Thủ Tướng Anh, anh-hùng thắng Đức Quốc-Xã tại Châu Âu) của Đông Nam Á” hay không; thì Johnson liền trả lời: “Cục cứt họ, Diệm là thằng nhãi duy nhất mà chúng ta có ở đó.”(7) Ngay trong bài viết “Những Bí Mật Được Tiết Lộ Sau 40 Năm” của Ông Tú Gàn (đăng trên Saigon Nhỏ) cũng đã có câu: “Tổng thống Johnson lại nhắc lại điều đó. Ông nói với Tướng Taylor: “They start- ed out and said, ‘We got to kill Diem, because he’s no damn good.’ Let’s...” (“Họ khởi đầu và nói: ‘Chúng ta phải giết Diệm, bởi vì hắn ta cũng chả tốt lành quỷ quái gì. Chúng ta hãy...”)

***

7. Shit! Diem is the only boy we’ve got out there – Stanley Karnow, Vietnam a History, Edition King Press 1983, trang 214.

TT KENNEDY GỌI ANH EM ÔNG DIỆM LÀ “BỌN CHÓ ĐẺ” (SONS OF BITCHES)(1) James S. Olson & Randy Roberts

Nguồn: “WHERE THE DOMINO FELL - American and Vietnam, 1945-1995” - Tác giả: James S. Olson & Randy Roberts - Nhà Xuất bản: Brandywine Press, New York, 1999 – Third Edition - Chương 4. The New Frontier in Vietnam, 1961-1963, trang 98.

Chính phủ Diệm tiếp tục bị suy sụp, không phải chỉ vì những giá trị quan lại phong kiến của nó và [sự thất bại] của Chương trình Ấp Chiến lược, mà còn vì những điều kỳ cục lạ lùng và những hoang tưởng. Ông anh trưởng Ngô Đình Thục, Tổng Giám mục địa phận Huế, đã dùng ảnh hưởng chính trị của ông ta để gia tăng bất động sản cho Giáo hội Công giáo. Một người chỉ trích ông ta đã lên án rằng những yêu cầu đóng góp của vị Tổng Giám mục thì “đọc ra chẳng khác gì giấy báo đóng thuế” vậy. Ông ta mua các trang trại, những cơ sở kinh doanh, địa ốc tại thành phố, cao ốc cho thuê và đồn điền cao su, và

1. Dịch nhóm từ “son of bitch” thông tục của ngôn ngữ Mỹ ra tiếng Việt “đồ chó vietnamese. Do đó, khi mắng nhiều người, “đồ chó đẻ” trở thành “bọn chó đẻ”.

ông sử dụng các đơn vị của Quân đội Việt Nam Cộng Hòa để đốn cây và để xây cất. Ngô Đình Cẩn, kẻ độc tài tại Huế, tích lũy được một đống tiền bạc nhờ làm đầu nậu một tổ chức chuyển những kiện hàng to lớn đầy gạo cho Hà Nội và một số lượng lớn thuốc phiện đi khắp Á châu. Ngô Đình Luyện, vị đại sứ của Nam Việt Nam tại Luân Đôn, trở thành triệu phú nhờ đầu cơ tiền đồng (Việt Nam) và Anh kim bằng cách sử dụng những thông tin nội bộ do các người anh em ở Sài Gòn cho biết. Lạ hơn nữa là những trò hề của Ngô Đình Nhu. Vào năm 1963, ngày nào Nhu cũng hút thuốc phiện. Tham vọng của ông ta từ lâu đã trở thành một bệnh cuồng vĩ hoang tưởng mà biểu tượng là Đảng Cần

lao Nhân vị Cách mạng - một loại công an được biết đến qua những hoạt động tra tấn và ám sát. Những đoàn Cần Lao với cách diễn hành bước như đàn ngỗng theo kiểu Nazi Đức Quốc xã và chào thẳng tay, lại càng làm cho Nhu thêm cứng rắn. Bà Nhu thì có đám xung kích riêng, được biết dưới tên Phong trào Phụ nữ Liên đới và Thanh nữ Bán quân sự, được dùng để chống lại ma quỷ, hay ít nhất là những gì mà Bà Nhu xem là ma quỷ - như vũ trường, đánh bài, đĩ điếm, li dị và cờ bạc. Hai vợ chồng ông bà Nhu làm giàu nhờ thủ đoạn làm tiền qua việc tổ chức xổ số, thao túng ngoại tệ, tống tiền giới doanh nhân Sài Gòn, hứa sẽ "bảo vệ" nếu họ chịu đóng hụi chết. Sau khi đọc xong các phúc trình của Cục Tình báo Trung ương CIA về những điều tệ hại này, Tổng thống Kennedy đập mạnh tài liệu xuống bàn và hét to "Đồ cái bọn chó đẻ đáng nguyền rủa".(2) Tác giả James Stuart Olson là một học giả và là ứng viên của giải Pulitzer. Năm 1994, ông được phong chức Giáo sư Sử học Danh dự của Đại học Sam Houston tại tỉnh Huntsville ở tiểu bang Texas. hơn ba mươi đầu sách, trong đó có 4 cuốn về chiến tranh Việt Nam: - Where the Domino Fell: The United States and Vietnam, 1945- 2000 (New York: St. Martin's Press, 1991; rev. ed. and paperback, Brandywine Press, 1999). - My Lai: A History and Documents (Boston: Bedford Books, 1998).

2. "Those damned sons of bitches".

TỔNG THỐNG MỸ KENNEDY GỌI ANH EM ÔNG DIỆM LÀ • 265

- The Vietnam War: A Handbook of Research (Westport, CT: Greenwood Press, 1995). - A Historical Dictionary of the Vietnam War (Westport, CT: Greenwood Press, 1988). Tác giả Randy Roberts là Giáo sư Sử học tại đại học Purdue University, West Lafayette, tiểu bang Indiana. Ông chuyên về Sử cận đại. Ông cũng đã viết chung với Giáo sư Olson tác phẩm My Lai: A Brief History with Documents (1998).(3) Hình và ghi chú ở trang 93 của cùng tác phẩm "Where The Dom- ino Fell": "The so-called Strategic Hamlet Program herded Vietnam- ese peasants away from their ancestral villages and confined them to fenced, fortified compounds that were more like minimum security prisons than real communities" (Cái gọi là Chương trình Ấp Chiến lược lùa nông dân Việt Nam ra khỏi quê làng tổ tiên của họ và nhốt họ trong những khu đất rào quanh chắc chắn giống như một nhà tù hơn là các cộng đồng thật sự WHERE THE DOMINO FELL American and Vietnam, 1945-1995 Tác giả: James S. Olson & Randy Roberts Nhà Xuất bản: Brandywine Press, New York, 1999–3rd Edition Chương 4: The New Frontier in Vietnam, 1961-1963, trang 98. The Diem government was steadily deteriorating, not only be- cause of its mandarin values and the Strategic Hamlet Program but also because of bizarre eccentricities and paranoia. Elder brother Ngo Dinh Thuc, archbishop of Hue, used his po- litical clout to augment church property. One critic charged that his requests for contributions "read like tax notices." He bought farms, businesses, urban real estate, rental property, and rubber plantations, and he employed ARVN troops on timber and construction concessions. Ngo Dinh Can, the dictator of Hue, accumulated a fortune as head of a smuggling syndicate that shipped huge loads of rice to Hanoi and large volumes of opium throughout Asia. Ngo Đinh Luyen, the South Vietnamese ambassador in London,

description/0312055358.

266 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

became a multimillionaire speculating in piasters and pounds using inside information gleaned from his brothers in Saigon. More bizarre still were the antics of Ngo Dinh Nhu. By 1963 Nhu was smoking opium every day. His ambition had long since turned into a megalomania symbolized by the Personalist Labor Revolution- ary party, or Can Lao – secret police known for torture and assassina- tion. Can Lao troops complete with Nazi-like goose-step marches and stiff-armed salutes, enforced Nhu's will. Madame Nhu had her own stormtroopers, a group known as the Women's Solidarity Movement and Paramilitary Girls, which worked at stamping out evil, or at least what Madame Nhu considered evil – dancing, card playing, prostitution, divorce, and gambling. The Nhus amassed a fortune running numbers and lottery rackets, manipulat- ing currency, and extorting money from Saigon businesses, promising "protection" in exchange for contributions. After reading a CIA report on the shenanigans, President Ken- nedy slammed the document down on his desk and shouted, "Those damned sons of bitches."

***

Phần Ba CHÍNH BIẾN 1963 VÀ ÂM MƯU MẠO HÓA LỊCH SỬ

YẾU TỐ "CÔNG GIÁO" TRONG BIẾN CỐ 1-11-1963(1) Hoành Linh Đỗ Mậu

Lật đổ một chế độ như chế độ công an trị Ngô Đình Diệm không phải là chuyện dễ dàng. Chế độ Diệm với nhiều bộ máy mật vụ và đảng viên Cần Lao mà lòng trung thành tuy chỉ được xây dựng trên đặc quyền đặc lợi, bạo quản bạo trị, nhưng lại nhiệt tình làm tai mắt cho chính quyền khắp hầu hết đơn vị quân đội, hầu hết cơ quan công quyền, hầu hết bộ phận sinh hoạt của xã hội, nhất là khi bị dồn vào thế cùng. Nhìn từ khía cạnh khoa học tổ chức và so sánh tương quan lực lượng, mà trong đó yếu tố bảo mật là quan trọng nhất, thì trong suốt thời kỳ vận động và tổ chức ngày cách mạng, hai ông Nhu–Diệm đã nắm phần ưu thế tuyệt đối. Họ có năm cơ quan an ninh tình báo mà bốn nổi và một chìm: Nổi là Công An Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội, Lực Lượng Đặc Biệt, và Sở Nghiên Cứu Chính Trị, còn chìm là hệ thống Đảng viên Cần Lao và các bộ phận mật vụ tình báo phụ thuộc. Tất cả như thiên la địa võng, như tai vách mạch rừng bao vây lấy các nhân sự và hoạt động chống đối. Họ có Ngô Đình Nhu tuy bất lực trong việc quản trị quốc gia nhưng lại xuất sắc trong các âm mưu và thủ đoạn tiêu diệt đối lập, nhất là bản chất vốn lạnh lùng và tàn ác không một chút do dự. Họ lại có những cấp thuộc hạ thi hành mệnh lệnh một cách mù quáng và có những phương tiện của quốc gia muốn sử dụng, muốn tiêu xài bao nhiêu cũng được. Trong khi đó thì lực lượng cách mạng chỉ là một sự phối hợp của nhiều tổ chức và đoàn thể phức tạp, tuy cùng chí hướng và mục tiêu nhưng lại thiếu sự đồng nhất về nhân sự và thống nhất về kế hoạch. Họ còn phải làm việc trong một tinh thần cảnh giác quá độ vì sợ nội

1. Trích đoạn từ Chương XVII, "Cuộc Cách mạng 1-11-1963", của tác phẩm Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi, Hoành Linh Đỗ Mậu, NXB Văn Nghệ, California.

tuyến của chính quyền và vì bị trói buộc trong tính chất bất hợp pháp nguy hiểm của công tác. Thế mà cách mạng vẫn thành công, ngày 1 tháng 11 năm 1963 vẫn là một ngày hội lớn, một ngày vàng son trong dòng sinh mệnh cách mạng Việt Nam. Sự thành công đó rõ ràng đã không phải nhờ tổ chức giỏi hơn hay lực lượng mạnh hơn mà thật sự chỉ nhờ ba yếu tố: thứ nhất là sự đồng tâm nhất trí của tất cả mọi tổ chức hay cá nhân tham gia lực lượng cách mạng, thứ hai là sự yểm trợ trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực của toàn quân toàn dân mà ước nguyện chung lật đổ chế độ độc tài là ước nguyện cao nhất và lớn nhất; và thứ ba là đầu óc chủ quan, tinh thần thiếu thực tế và bản chất cao ngạo của ông Ngô Đình Nhu, người chủ trương một kế hoạch đảo chánh giả để tiêu diệt cuộc "đảo chánh" thật. Nhưng bao trùm lên trên những yếu tố thuận lợi đó dĩ nhiên là nhờ cuộc cách mạng đó đã được phát động hợp lòng dân, hợp thời đại và hợp với truyền thống cách mạng. Và đó mới là điều đáng kể nhất. -o0o- Tuy nhiên, trong toàn bộ tiến trình vận động cách mạng để lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, lực lượng cách mạng cũng phải đối diện và giải quyết hai vấn đề phức tạp và tế nhị, đó là vấn đề "người Công giáo" và vấn đề "người Hoa Kỳ". Nhìn lại lịch sử cận đại ta thấy: "... Trong lúc đó, khi thỏa hiệp với chế độ Bảo Đại, người Công giáo đã không do dự chút nào, vì họ tự cho rằng nếu không có họ thì chế độ Bảo Đại chỉ như một cái gì tạp nham vô hồn mà mỗi ngày họ càng táo bạo ràng buộc chế độ Bảo Đại vào đường lối có lợi cho họ trong các cuộc tranh chấp giữa người quốc gia. Ngược lại, đối với nhà Ngô, họ là những kẻ chiến thắng không ai có thể lầm lẫn được. Rất nhiều người Công giáo Việt Nam lý luận một cách quả quyết rằng phải có sự hoà nhập giữa giáo quyền và thế quyền. Giám mục Ngô Đình Thục, người anh ruột của ông Tổng thống mà vào những năm cuối của chế độ, thường đi giảng đạo (Tournées pastorales) bằng súng liên thanh, người mà Tòa Thánh La Mã dù hơi muộn cũng đã khôn ngoan bắt rời khỏi giáo phận vào lúc lòng căm thù khủng khiếp của dân chúng nổ tung để chống lại ông ta, cũng đã ngạo mạn nêu lên cái nhiệm vụ "bảo vệ quốc gia" của Công giáo (Protecteur de l'Etat). Năm 1964, nhiều linh mục tại Huế đã cho tôi biết trong thời gian trước khi Ngô Đình Thục lên đường đi La Mã, đã

có nhiều tổ chức tại miền Trung âm mưu chống đối bằng bạo động trước sự tàn bạo và lộng quyền của Thục và Cẩn. Nói tóm lại, cuộc di cư của 700.000 giáo dân miền Bắc và Liên khu 4 từng làm rúng động dư luận thế giới Công Giáo, đã tuôn vào Nam một đám người cuồng tín không chịu hội nhập với dân địa phương. Người Công giáo miền Nam cũ (Cochinchinois) thì không muốn gì hơn là được sống bình an chung quanh giáo đường, là được yên ổn đi làm lễ và cầu nguyện, xa lánh những chuyện xảy ra ngoài họ đạo của họ. Nhưng người Công Giáo Bắc di cư thì lại mù quáng theo lệnh các linh mục, mà những linh mục này lại là những "chuyên viên xách động" (meneurs) bất chấp hệ thống giáo hội, tổ chức những cuộc biểu tình, những hiệp hội, xúi giục con chiên chống đối Phật giáo, chống đối Cộng Sản, chống đối ngoại nhân dưới chiêu bài "Thiên Chúa giáo" nhưng lại thiếu giáo hạnh (... Le tout sous l'etiquette chrétienne mais dans un

esprit assez peu religieux). Hàng giáo phẩm cao cấp thì lại phân hóa và rụt rè không muốn can thiệp vào việc làm của giáo dân di cư, những kẻ khốn nạn và lầm lỗi. Trên đường đi Biên Hòa, cách thủ đô không tới 30 cây số, người ta thấy dựng lên một cái bảng thật lạ: "Bùi Chu". Lạ, vì đó là tên của một trong hai giáo phận Bắc Việt đã từng nổi tiếng vào năm 52, thời mà các ông cha xứ ở đây do Đức Giám mục Lê Hữu Từ dẫn đầu, đã tổ chức những toán dân vệ thuộc lại "chouannerie" Việt Nam chống lại Việt Minh. Hai năm sau, giáo dân Bùi Chu rút vào miền Nam trong những điều kiện có khi thật thê thảm, và trên những chiếc ghe có cờ Tòa Thánh Vatican bay phất phới đến từ những bến bờ miền Bắc; họ xin được tá túc tại miền Nam trù phú, miền Nam đã được ông Diệm võ trang để chống lại Cộng Sản. Tại đây, "Bùi Chu mới" được bao bọc bởi những thành lũy kiên cố như các trại binh La Mã để trở thành những "ấp chiến lược". Một số làng được bứng hẳn từ miền Bắc vào, đầy ắp dân Bắc di cư, bao quanh Sài Gòn như một vòng đai làm như chế độ mạt vận ấy muốn trang bị cho Thủ đô một cái áo giáp sắt được cấu tạo bằng một số dân cư thuộc loại thù không đội trời chung với Cộng Sản, một loại quần chúng có óc "Công giáo chiến đấu" dữ dằn nhất. Không phải tại Việt Nam mà người ta có thể tìm thấy được những tài liệu để viết thêm một cuốn sách mới về cái "Trí tuệ Vượt bực" của Công giáo. Làm sao mà cái tính chất baroque của thế kỷ XVII có thể bị lai hóa đến thế? Ở Phát Diệm và Bùi Chu (trước kia), các giáo

đường vươn lên từ những thửa ruộng thì còn giữ được nét quý phái hoặc lạ lùng. Tại đây, khi được thiên về vùng đất giàu có hơn, ra khỏi cái quê hương nghèo khó ở miền Bắc, các giáo đường ấy phai nhạt để thành những hình thể thật thê lương. Tuy nhiên, ta không nên đàm tiếu về điều này vì khi ta thấy tập họp đông đảo quanh các giáo đường ấy là các giáo dân mặc đồ đen, những tín đồ gầy ốm bao quanh các cha xứ to mồm của họ, thì ta phải tin rằng họ không nghĩ là họ lại phải di cư thêm một lần nữa vì cái chết của ông Diệm. Ta không thể biết chắc được phản ứng của những cộng đồng Công giáo ở ngoài thủ đô như thế nào, những cộng đồng đã bị tê liệt trong một thái độ phản đối lặng lẽ. Tuy nhiên tại Sài Gòn, những người có thẩm quyền nói lên tiếng nói của giáo dân thì lại không che giấu rằng sự sụp đổ của chế độ Diệm đã tạo nên một nỗi lo âu trầm trọng trong nhiều giới giáo dân. Các giới này vẫn khác biệt nhau về xu hướng cũng như về khu vực địa dư. Những kẻ lo lắng nhất, nghĩa là những kẻ bàng hoàng nhất vì vụ thủ tiêu vị cựu Tổng thống, chắc chắn là những người Bắc Công giáo di cư mà tổng số khoảng 3/4 triệu, trên tổng số một triệu hai trăm ngàn dân Công giáo tại miền Nam. Trong chiến dịch di cư của năm 1954, dù chế độ nhà Ngô đã tham gia được nhiều hay ít, thì những người Bắc Công giáo di cư cũng đã xem chế độ này như ân nhân đón tiếp họ. Sự thiếu khoan dung và chủ trương phe phái của chế độ đã không làm phiền lòng nhóm dân này, vì họ vốn được những nhà truyền giáo mà phần lớn là người Y Pha Nho và Ái Nhĩ Lan dạy dỗ, những nhà truyền giáo này đã coi việc chống Cộng như một tín điều và là một lý do để sống còn. Tất nhiên không phải tất cả mọi người Công giáo ở miền Trung đều một lòng theo Diệm. Chung quanh linh mục Cao Văn Luận, vị Viện trưởng Đại học bị giải nhiệm vào tháng Sáu vì đã cố gắng bênh vực Phật giáo đồ, và một số giáo sư trường Thiên Hựu (Providence), ta thấy hình thành một

khuynh hướng tiến bộ, rộng rãi, và tuy khuynh hướng này không chấp nhận việc thủ tiêu anh em ông Diệm nhưng lại coi sự cáo chung của chế độ như một sự giải thoát, như bỏ đi được cái quyền áp đặt vốn đè nặng trên khối Công giáo Việt Nam. Tuy nhiên, Đức cha Ngô Đình Thục, anh trưởng của vị Tổng thống và là Tổng Giám mục của địa phận Huế, lại cố sức xây dựng một khuynh hướng khác được nuôi dưỡng bằng những kỷ niệm thật tàn bạo. Đối với ông ta, Thiên Chúa giáo chỉ có thể tồn tại bằng một cuộc thánh chiến thường trực. Ông ta không ngừng nhắc lại rằng không đầy một thế kỷ trước đây, dưới thời Minh Mạng, 25 ngàn giáo dân đã bị sát hại trong vùng này; ông ta đã có thể áp đặt tình trạng báo động

thường xuyên là tình trạng kình chống ngấm ngầm cho khối Công giáo. Điều này giải thích sự khắc khoải của khối dân này sau khi quyền lực của người chúa tể đã mất đi. Chính tại miền Nam kỳ cũ là nơi mà người Công giáo nói chung đã chấp nhận sự sụp đổ của chế độ nhà Ngô. Trước hết vì miền Nam kỳ cũ (Cochinchine) là nơi mà tư tưởng được lưu chuyển một cách tự do nhất, nơi mà chủ nghĩa duy tân được phát triển một cách tự nhiên, và cũng là nơi mà sự khoan dung được phát triển. Đồng thời, cũng tại miền Nam kỳ cũ đó, Tòa Khâm sứ Tòa Thánh, Tòa Tổng Giám mục, Đức Giám mục Nguyễn Văn Bình, đã tỏ ra có can đảm đối đầu với quyền lực của ông Diệm đặc biệt là đã gửi cho ông Diệm ngày 16/6 một giác thư nhuốm đầy tinh thần của chỉ dụ "Hòa bình trên thế giới" ("Pacem in Terris") của Đức Giáo Hoàng – và một số đại diện cho các dòng tu như các tu sĩ dòng Chúa Cứu Thế, và nhất là dòng Đa Minh, đã không che giấu sự chỉ trích của họ đối với chiều hướng càng lúc càng độc tài của một chế độ mà cuối cùng chỉ làm tác hại cho Công giáo. Tuy nhiên, ta không thể đánh giá quá thấp sự xúc động do cái chết thê thảm của ông Diệm gây ra trong các giới nói trên, mà chính vì bảo ông ta tự tử là một điều làm cho người Công giáo bất bình, làm cho họ không tin, và làm cho việc giết ông ta không những là một hành động tàn độc, vô ích mà còn nhuộm vẻ gian dối. Vì vấn đề tự tử được đặt ra, và vì đó là điều không ai tin, cho nên cái huyền thoại muốn rằng "Tổng thống vẫn chưa chết", cái huyền thoại ấy còn sống mạnh trong một số quần chúng Công giáo. Vì vậy mà các Tướng lãnh đã lấy quyết định công khai hóa các hình ảnh để chứng minh rằng huyền thoại đó sai, ông Diệm quả đã chết. Việc để cho dư luận bàn tán quả thật không có lợi cho những người chiến thắng. Chúng ta hãy lắng nghe một linh mục người Bỉ có dáng dấp của một nhà đô vật, với đôi mắt xanh và nét mặt sắt đá, loại "cha xứ anh chị" đặc biệt của phim ảnh Mỹ: "Ai là kẻ chịu trách nhiệm về tình trạng thảm khốc này, về sự thất bại hoàn toàn của chế độ, về sự xao xuyến mà giáo hội chúng ta đang phải nhận chịu? Ai? Tôi xin hỏi quý vị? Có phải là quân đội? Chính quyền? Người Mỹ? Xin thưa rằng không! Chính những người Công giáo phải gánh lấy trách nhiệm ấy. Đúng, chính những người Công giáo, toàn bộ khối Công giáo. Ai cũng lo đắc thắng, lo xu thời, mà không ai cố gắng – trừ ở những cấp độ rất khiêm nhượng – giúp việc lèo lái con thuyền, hầu sửa sai những lộng hành không chịu nổi của chế độ. Ai cũng tự ru ngủ để hoàn toàn lẫn

lộn sự giàu có với Thiên Chúa giáo, sự trưởng giả với giai cấp. Vì vậy mà bây giờ như thế này, chờ đợi sự rửa hận của Phật giáo, một sự rửa hận có thể trở thành bi đát nếu Việt Cộng thành công và họ đang cố gắng để thành công trong việc xâm nhập hàng ngũ Phật giáo. Chúng ta đã không biết sửa sai để chuộc lại cái quyền lực của ông Diệm. Bây giờ phải xây dựng lại từ số không, trên đổ vỡ, nếu đối thủ của chúng ta – gồm đến 4/5 dân xứ này – còn để cho chúng ta có thì giờ để xây dựng…"(2). Tôi đã trích dịch một phần đoạn phân tích của ký giả Jean Lacou- ture mà tôi nghĩ là phản ảnh đầy đủ và trung thực vai trò sai lầm và trách nhiệm hoàn toàn của người Công giáo Việt Nam dưới chế độ Diệm cũng như tâm trạng của họ sau ngày ông Diệm chết. Người Công giáo Nam kỳ cũ và người Công giáo tiến bộ thì đã không muốn, hay muốn nhưng không hết lòng, can gián anh em ông Diệm, còn người Công giáo Bắc di cư và người Công giáo miền Trung (trừ một thiểu số) thì lại đồng lõa với chính sách cai trị sai lầm của anh em ông Diệm. Cho nên dù ông Dương Văn Minh có hành xử một cách quá khích khi ra lệnh giết ông Diệm thì căn bản của toàn bộ vấn đề vẫn là do khối Công giáo Việt Nam đã gián tiếp hay trực tiếp đẩy anh em ông Diệm sa vào hố sâu tội lỗi, để chế độ của họ bị sụp đổ và anh em họ bị sát hại. Nói cách khác, nguyên do sâu sắc nhất và tác động mạnh mẽ nhất gây ra sự sụp đổ của chế độ Diệm và cái chết của anh em ông ta là do người Công giáo (nhất là người Công giáo di cư) và do Giám mục Ngô Đình Thục. Viết đến đây tôi lại nhớ đến sự sáng suốt khôn ngoan của Đức Giáo Hoàng Paul VI khi Ngài bắt Ngô Đình Thục phải ra đi vào đầu tháng 9 năm 1963, sau khi Tòa Thánh nhận định đúng đắn được tội ác của anh em ông Diệm trong chính sách kỳ thị và đàn áp tôn giáo, nhất là sau vụ tấn công chùa chiền đêm 20/8/1963.(3) Viết đến đây tôi cũng lại nhớ đến Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên trung thành của Tổng thống Diệm, một đứa cháu của tôi, tuy không ý thức chính trị và không nắm vững tình hình chung của quốc gia nhưng cũng nhìn được một số sự kiện thực tế và nhận xét chân thực như sau: "Thái độ của Tổng thống Diệm làm cho Đức Cha Thục nghĩ mình là "Đại diện Thiên chúa" với Tổng thống. Dưới chế độ Diệm, không phải xứ đạo Công giáo nào cũng ủng hộ cả. Vì ngay cả Đức Khâm mạng Tòa Thánh Vatican ở Sài Gòn một đôi lúc cũng khuyến cáo Tổng thống Diệm.

2. Jean Lacouture, Le Vietnam Entre Deux Paix, tr. 117-121. 3. Theo "Hai Mươi Năm Qua" của Đoàn Thêm thì có tin đồn Giám mục Ngô Đình Thục khi đến La Mã đã không được phép bệ kiến Đức Giáo Hoàng.

Tuy nhiên, Tổng thống Diệm lờ đi. Nếu nói một cách phũ phàng thì Tổng thống Diệm là người nể Đức Cha Thục quá mức. Đức Cha Thục đã góp phần vào việc đưa đẩy Tổng thống Diệm đến nơi an nghỉ cuối cùng".(4) Dù vậy, một mình ông Ngô Đình Thục vẫn chưa phải là thành tố tạo ra một giáo hội Việt Nam lộng hành và cao ngạo, lại càng không thể tạo ra một giai cấp Việt Nam Mới chỉ gồm toàn tín đồ Công giáo sống tách rời khỏi đại chúng Việt Nam trên mặt chính trị cũng như xã hội. Cũng vậy, 9 năm được ưu đãi dưới chế độ Diệm chưa đủ lâu dài để khai sinh một lực lượng khuynh loát hầu hết sinh hoạt quốc gia ở thượng tầng kiến trúc, khống chế mọi khu vực kinh tế, chính trị,

văn hóa, quốc phòng của quê hương. Phải có một yếu tố nào đó sâu sắc hơn, mãnh liệt hơn, mà bản chất và tác phong của người Công giáo Việt Nam dưới 9 năm của chế độ Diệm chỉ là cao điểm cuối cùng mà thôi. Yếu tố đó, như tôi đã trình bày trong một chương trước là sự nối dài, cả trong không gian lẫn thời gian, cái tinh thần giáo điều và độc tôn của Tòa Thánh La Mã từ thời Trung cổ Tây phương đến mảnh đất Việt Nam, là sự khai thác những thỏa hiệp nhịp nhàng giữa thực dân và "Hội Truyền Giáo Hải Ngoại" trong chính sách xâm thực của đế quốc Pháp từ gần hai thế kỷ trên quê hương Việt Nam. Yếu tố đó, từ nhiều năm trước, đã được phát hiện ra hoặc bởi những khuôn mặt lịch sử văn hóa lớn như Phan Bội Châu, Lý Đông A, Phan Khoang, Đào Trinh Nhất,... hoặc bởi đại khối quần chúng nhẫn nhục im lặng. Để rồi nó trở thành một vũ khí khích động lòng yêu nước trong những năm tháng kháng chiến và bây giờ. Còn trong Nam, dĩ nhiên yếu tố đó còn lộ rõ một cách gay gắt hơn và cũng không thiếu người ý thức được sự thật lịch sử đó, nhưng trong cái khung cảnh chính trị miền Nam lúc bấy giờ, họ đã không muốn nói hoặc không dám nói ra. Phải đợi cho đến năm 1963, khi sự lộng quyền và kiêu căng tích lũy từ nhiều năm lên đến mức độ cao nhất để hung bạo và trắng trợn kích phá Phật giáo, thì vấn đề tôn giáo mới được dân tộc quyết liệt đưa ra tòa án lịch sử, với đầy đủ nạn nhân, nhân chứng và hồ sơ cáo trạng. Tôn giáo, trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, tính cho đến khi Thiên Chúa giáo du nhập vào Việt Nam, chưa bao giờ là nguyên ủy

4. Lê Tử Hùng, Nhật Ký Đỗ Thọ, tr. 77. 3tq83a3q3m3237n1n0n.

của những tranh chấp và khủng hoảng. Nhưng vào năm 1963, khi chủ xướng ngày cách mạng 1963, một số sĩ quan có ý thức chính trị đã thấy những phức tạp và tế nhị của vấn đề người Công giáo (nhất là "Công Giáo Cần Lao" tay sai của Diệm–Nhu) trong và sau khi phát động ngày cách mạng. Vì lật đổ chế độ Diệm không phải chỉ là lấy đi những đặc quyền đặc lợi của khối Công giáo mà còn đặt họ vào tư thế đồng lõa với ông Diệm, và quan trọng hơn cả, là đặt họ về lại đúng vị trí của một bộ phận khiêm nhường của dân tộc, một vị trí mà từ gần một thế kỷ qua họ đã dựa vào thế lực ngoại bang hoặc tay sai của ngoại bang để chối bỏ. Tuy có ý thức được viễn cảnh khó khăn đó nhưng một số người chủ xướng ngày cách mạng 1/11/63 vẫn quyết tâm tiến hành việc làm của mình dù biết rằng việc làm đó có gây căm thù và buồn hận cho một thiểu số hẹp hòi và cuồng tín. Vả lại, lật đổ chế độ không những là chấm dứt tình trạng bất công và bế tắc của một xã hội thoái bộ mà còn chận đứng được âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản của những kẻ lãnh đạo chế độ đó, vì vậy, ở một mặt nào đó, yểm trợ cho lập trường chính trị của người Công giáo, vốn cho Cộng Sản là kẻ thù Satan không đội trời chung. Lịch sử dân tộc bị một nút chận thì phải tháo nó ra để tiến hóa, tình cảm dân tộc bị xúc phạm thì phải hóa giải nó đi để tìm lại cái tình tự hòa hài rất truyền thống của dân tộc. Người Công giáo Việt Nam là một bộ phận của dân tộc, họ có thể không nhìn thấy và không đồng ý về cái nhìn cách mạng đó sau ngày 1–11–63 vì những xúc động nhất thời sau cái chết của ông Diệm, họ hẳn là phải thấy và hiểu hơn ai hết, không phải để đoái công chuộc tội mà để còn chuẩn bị cho ngày về đất cũ quê xưa trong vòng tay ưu ái của dân

tộc. Còn nếu họ vẫn không thấy được thì tại họ, dân tộc không thể giúp đỡ họ mở mắt lớn hơn được nữa.

***

SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ TỔNG THỐNG DIỆM:
NHỮNG XUYÊN TẠC CỦA KIỀU VĨNH PHÚC
VÀ NGUYỄN VĂN LỤC
Lý Nguyên Diệu

Sau khi tác giả Kiều Vĩnh Phúc (VP) tái bản cuốn "Những Huyền Thoại và Sự Thật về Chế Độ Ngô Đình Diệm" năm 2006, ông Nguyễn Văn Lục (NVL), đã phỏng vấn ông VP trong hai ngày rồi viết bài "Mạn đàm với Vĩnh Phúc" đăng trên DCVOnline. Sách này được tác giả đề tặng "Những người yêu sự thật" và bài của ông NVL cũng kết luận "Mong là cuốn sách sẽ được nhiều bạn đọc để biết sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm." Tiên khởi, nếu hai người này thật sự yêu sự thật, họ cần phải thêm hai chữ "một vài" trước hai chữ "sự thật" của họ. Đọc vào nội dung, bài phỏng vấn này có quá nhiều thiếu sót trong cả hai loại sự thật, tích cực và tiêu cực về chế độ NĐD. Thiếu sót "vì không biết" là một tình trạng phổ quát, nhưng thiếu sót "vì cố ý" thì phải hiểu là không có đủ khách quan cần thiết để viết về lịch sử. Trong trường hợp của ông NVL và ông VP, bằng cớ của sự "cố ý thiếu sót" rõ ràng như sau.(1) Trường hợp phỏng vấn viên NVL, chủ bút hụt tờ báo SàiGòn Nhỏ, ông cũng là tác giả bài "Chúc Thư Văn Học Của Nhất Linh, Một Cái Chết Định Sẵn" đăng trên báo VietWeekly năm 2008. Bài này là một toan tính vô cùng hạ cấp để chứng minh nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tự tử sáng ngày lễ "Song Thất" (7/7/1963) là vì bị bệnh tâm thần chứ không vì lý do chính trị khi (như chính Nhất Linh đã viết rõ ràng trong chúc thư) theo gương Hòa thượng Thích Quảng Đức tìm cái chết để phản đối chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm! Cố gắng rửa

1. Những trích dẫn trong bài này dựa trên ấn bản đầu tiên (năm 1998) của sách ông VP.

tội cho cụ Diệm của ông NVL trong bài này đã bị hai tác giả Vũ Cầm ("Mưu tính đưa Nhất Linh vào nhà thương điên") và Lý Nguyên Diêu ("Niềm tin và tâm thần") vạch trần cũng trên VietWeekly. Trường hợp tác giả VP, dù đã được phỏng vấn viên NVL vẽ trước: "Tôi không tìm thấy nơi ông về một cảm tình quá độ, một partie-prise, ... ông không nói phét, chủ quan cho mình nắm được sự thật", nhưng ông VP đã lộ rõ rệt thế đứng hoài Ngô trong câu trả lời: "Đáng nhẽ phải bỏ tù cái thằng cha nào đã nghĩ ra cái bài hát thối tha: Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống. Bài đó giết ông Diệm từng ngày, từng giờ không cần gươm giáo đấy. Vứt bài hát đó vào cầu tiêu và chiếu lên hình ảnh ông Tổng Thống đi bốt, lội bùn, sắn quần lên tới đầu gối thì còn gì đẹp bằng nữa?" Nghe như ông Ngô Đình Cẩn hay Dân biểu Nguyễn văn Chức đang đọc diễn văn trước bàn thờ cụ Diệm trong một xóm đạo ở Hố Nai. Một độc giả (ký tên Tiếu Ngạo Giang Hồ) của bài phỏng vấn này đã có một nhận xét tổng hợp và chuẩn xác về hai ông NVL và VP như sau: "TNGH này đi khắp giang hồ, nhưng chưa bao giờ thấy có màn kịch nào lố bịch và dở hơi như cái màn "Mạn đàm với Vĩnh Phúc" của Nguyễn Văn Lục trên sân

khấu Đàn Chim Việt. Đọc đến phần 2 thì đuôi chồn đuôi cáo hiện ra rõ rệt: hai người này giả vờ hỏi nhau, khều nhau, khích nhau nhằm mục đích bốc thơm gia đình họ Ngô. Ông Lục đạo diễn, ông Vĩnh Phúc đóng vai học trò trả lời theo bài bản, lâu lâu quên, đạo diễn phải nhắc. Đàn Chim Việt kéo màn! Nhưng có lẽ đây là màn giễu dở nhất cho họ Ngô. Bốc thơm đánh bóng thế nào mà khi nghe ông Diệm quát to: "thủ tiêu nó đi", VP lại bảo, "ông ta hiền lành" vì nhờ ông TKTuyến chưa đi thủ tiêu. Rồi lại nghe ông Diệm ký: "thanh toán cho xong" và VP giải thích giùm: thuộc hạ "lại hiểu lầm giết sạch hai mạng"!!! Ấy cái thời ông Diệm nhiều người chết oan vì CỤ "quát" hay "ký" ẩu theo tính khí của cụ, coi mạng sống con người chưa bằng cọng rơm. Những điều đó nói lên cái gì nếu không phải là độc tài, độc đoán, muốn giết ai thì giết? Ngay cả chuyện suy tôn Ngô Tổng Thống, có ai muốn hát đâu, cái bài hát dở ẹt, nhưng học sinh như thế hệ tôi vào lớp là phải đứng dậy rống lên (chứ không phải hát) toàn dân suy tôn NTT!"(2)
Cuối bài phỏng vấn, để tổng kết và để giúp cho những ông Công giáo Cần Lao tiếp tục trò cắt xén sự thật, ông NVL viết:

SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ TỔNG THỐNG DIỆM • 279

- "Hai ông Diệm Nhu không kỳ thị tôn giáo": Nhưng sự thật mà ông NVL không thể cắt xén trong bốn lãnh vực quan trọng là: (1) Giáo Dục: năm 1954 miền Nam có một Viện Đại học ở Sài Gòn, đến cuối thời đệ Nhất Cộng hoà, có thêm hai Viện Đại học: Huế do LM Cao Văn Luận (chỉ có bằng Cử Nhân) làm Viện trưởng và Đà Lạt cũng do một Linh mục (Nguyễn Văn Lập) làm Viện trưởng. Ở bậc trung học, sách sử của ông Nguyễn Hiến Lê bị bộ Giáo Dục kiểm duyệt vì nói đến thuyết tiến hoá của Darwin. (2) Xã Hội: Các ngày lễ chính thức của chính quyền (trường học đóng cửa, công chức được nghỉ) là Giáng sinh, Phục sinh, Thăng thiên, Các Thánh (Đây cũng là ngày quân đội nổi lên lật đổ chế độ!) trong khi ngay cả ngày Phật Đản cũng không được công nhận là ngày lễ. Trong 9 năm của nhà Ngô, có khi nào ông NVL thấy hoa, đèn treo đầy Tòa Đô chính Sài Gòn mừng lễ Phật Đản giống như trong dịp lễ Giáng Sinh? Và sau chế độ TT Diệm, người dân các tỉnh mới dám xây đền thờ Quốc tổ Hùng Vương ("Đất Nước Quê Hương" của Võ Phiến) (3) Quân Đội: Cho một thiểu số quân nhân Công giáo, họ có Tuyên Úy Công giáo nhưng cho đại đa số quân nhân Phật tử thì phải đợi đến khi chế độ Diệm bị lật đổ. Tại các quân trường (từ Võ Bị Đà Lạt, đến Trừ Bị Thủ Đức, đến các trung tâm huấn luyện Hải Quân, Không Quân, Đồng Đế ở Nha Trang, ... chỉ có nhà thờ cho một thiểu số nhưng không có một ngôi chùa Phật giáo nào cho đa số. Với mục đích Công giáo hoá quân đội, trong thời TT Diệm, những sĩ quan lên chức nhanh nhất là Công giáo: Trần Ngọc Tám, Huỳnh văn Cao, NguyễnVăn Châu, Lê Quang Tung, ... (4) Chính Trị: Xin trích một câu về bà Cố vấn, em dâu, Dân biểu Quốc hội và cư ngụ trong dinh Độc Lập: "Nếu Tổng thống (Diệm) không chối bỏ lời tuyên bố của bà Nhu thì người ta phải coi đó là lời tuyên bố của chính quyền ông Diệm. Người Mỹ không thể ủng hộ một chính quyền có những lời tuyên bố loại như vậy. Ký giả Marguerite Higgins, người ủng hộ ông Diệm triệt để nhất trong hàng ngũ ký giả ở Sài Gòn đã phải nhận chịu là câu tuyên bố "nướng thịt các nhà sư" của bà Nhu là "man rợ". Bà viết: "Người nào có thể nói một câu quá sức vô lương tri và tàn nhẫn như vậy thì chắc chắn phải bị coi như một người hung ác nhất trong một không khí đầy những đày đọa, khủng bố tệ hại."(3) -

“Không đàn áp, giết, hay giam cầm hằng vạn người đối lập”: Nếu tổng cộng các trại giam tại 43 tỉnh của miền Nam, cho đến Chí

3. “Cold War Mandarin: Ngo Dinh Diem and the Origins of the American’s war in Vietnam”, Seth Jacobs, Rowman & Littlefield, Oxford, 2006. Trang 149.

Hòa, Côn Đảo, Phú Quốc và những trại bí mật như “9 Hầm” ở Huế đến P-42 ở Sở Thú Sài Gòn, ta có ít nhất khoảng 50 nơi giam cầm và ước tính con số những đảng viên của các đảng phái chính trị, các nạn nhân của tham nhũng, kỳ thị, bị bắt đi Ấp Chiến Lược, khu Dinh Điền, … không thuộc thành phần can phạm hình sự, để phỏng đoán mỗi nơi giam cầm đón chỉ MỘT người không Cộng sản bị giam vì bất mãn, chống đối chế độ thì ta đã có con số (50 nhà tù X 1 người bị nhốt X 5 ngày làm việc mỗi tuần =) thành ra 250 người bị nhốt. Như vậy trên toàn miền Nam mỗi năm có ít nhất (250 người tù X 52 tuần) là 13,000 người. Nếu ta nhân con số này lên 9 năm của nhà Ngô thì tổng số tối thiểu sẽ là 117,000 người bị đàn áp, giết hay giam cầm. Vậy thì con số “hàng vạn” phải nâng lên hàng chục vạn. - “Ông Nhu không hút thuốc phiện”: Đây chỉ có giá trị của một footnote (như cái ghế trong phòng tắm bà Nhu). Cả nước biết thi sĩ Vũ Hoàng Chương hút thuốc phiện, nhưng ai cũng gọi ông là thi sĩ vì những bài thơ tuyệt vời của ông ta. Vì vậy, điều quan trọng là người “hút thuốc phiện” đã làm được gì? Cuối đời, ông Nhu đột nhiên tuyên bố người Cộng sản miền Bắc cũng là anh em và đi nói chuyện với những người “anh em” mà hiến pháp của ông ta thảo ra bị coi là kẻ thù của cả miền Nam. Đó là lý do vì sao quân đội đã phải đứng dậy. Trừ ra ông NVL muốn viết một bài “Có phải ông Nhu bị đảo chính chỉ vì hút thuốc phiện?” - “Ông Diệm không ăn cắp nghiên mực của vua Tự Đức theo lời tố cáo của Nguyễn Đắc Xuân”: Vô tình hay cố ý (hay bản chất cắt xén, biến hóa sự thật đã thành tật) ông NVL đã đổi tên cụ Vương Hồng Sển qua tên “Nguyễn Đắc Xuân” để loại độc giả ngu ngơ của NVL bớt thắc mắc? - “Nhất là ông Diệm không có chính sách đàn áp, giết hại người Phật Tử như biến cố Đài phát thanh”: Câu hỏi phải là: Ai chịu trách nhiệm về chính sách có những vụ giết hại Phật tử, tấn công chùa chiền, bắt nhốt sinh viên học sinh đến mức, tháng 9/1963, Trung tâm Huấn luyện Quang Trung không đủ chỗ chứa? Nếu không phải là ông Ngô Đình Diệm thì ai làm Tổng thống của Đệ Nhất Cộng Hòa? Như vậy khá đủ làm kết luận cho bài phỏng vấn của ông NVL là “Cuốn sách của ông sau này sẽ là tài liệu tham khảo cho bất cứ ai muốn biết một số sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm. Mong là cuốn sách sẽ được nhiều bạn đọc để biết sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm. Đặc biệt nhất là giới trẻ sau này.” Điều đó cho thấy tất cả thảm trạng

của ông NVL, một người suốt đời đi cắt xén, biến hoá sự thật khi không thể bịa đặt ra được sự thật. Câu trên ông viết “bất cứ ai muốn biết một số sự thật về chế độ” và ngay câu tiếp theo ông viết “bạn đọc để biết sự thật về chế độ”. Có ai dạy cho ông NVL câu “nửa sự thật thì không phải là sự thật?” Nhất là sự thật về cả một chế độ có loại “nhân chứng” nói láo không biết ngượng như ông Cao Xuân Vỹ, có “nhân chứng” đáng kính

như nhà văn Lãng Nhân Phùng Tất Đắc được ông VP kể là người thân thiện với bác sĩ Trần Kim Tuyến là một nửa sự thật, nửa kia mà "giới trẻ sau này" không được tác giả VP nói ra là tác phẩm "Chơi Chữ" nổi tiếng của Lãng Nhân PTĐ có những bài thơ phê phán nhà Ngô vô cùng nặng nề: Vùi nông đôi nấm giữa đêm sâu, Mười thước sau chùa đủ bể dâu. Ba cỗ quan tài bốn lỗ huyệt, Năm thằng Trời đánh một con Mầu. Mới vừa Hăm Sáu còn nguyên thủ, Mà đến Mồng Hai đã vỡ đầu. Bảy Tám thu trường Ngô với Đĩ, Ngô thì chín rụng Đĩ chơi đâu? Mở ra như vậy để vạch trần cái trò gian giảo của ông NVL trong cố gắng lấy cái "bênh vực ông Tuyến" trong sách ông VP để "giải trừ những huyền thoại về ông Diệm". Giống hệt như luận điệu "ông Diệm chống Mỹ nên bị đảo chánh" của những Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Văn Chức, Chu Tất Tiến, … để che giấu sự thật là chính ông Diệm cũng phải xin ý kiến Mỹ trước khi mưu toan chuyện tầy trời năm 1955 làm phản vua Bảo Đại ("Ông Diệm đã hỏi (Tham vụ tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn) Randolf Kidder là ông ta có thể mong đợi sự ủng hộ toàn diện và tức thì của Mỹ nếu ông ta truất phế Bảo Đại và thành lập một chánh quyền mới."(4) [Tú Gàn có thể tìm để giải mã hồ sơ (hộp số 26) những văn kiện giữa tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn của ông L. Collins và bộ Ngoại giao Mỹ của ông F. Dulles tháng 5 năm 1955]. Vì ngoan ngoản như vậy nên ông Diệm đã được Mỹ nuôi ông Diệm như con (Trong bài diễn văn ủng hộ ông Diệm tháng 6/1956, J.F. Kennedy đã tuyên bố: "Nếu chúng ta không phải là cha mẹ của quốc gia Việt Nam

4. "American Miracle Man in Vietnam: Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia", Seth Jacobs, Duke University Press, Durham, N.C., 2004. Trang 210.

nhỏ bé thì ít nhất chúng ta cũng là cha mẹ đỡ đầu. Chúng ta đã chỉ đạo buổi sinh thành của Việt Nam, chúng ta đã trợ giúp cho đời sống của Việt Nam, chúng ta đã giúp Việt Nam gầy dựng tương lai, … Đây là đứa con của chúng ta – Chúng ta không thể bỏ rơi nó, chúng ta không thể quay mặt trước những nhu cầu của nó."(5) Có người đã chua chát phẩm bình: Vì người Công giáo Kennedy nuôi ông Diệm Công giáo như con, nên người Công giáo Kennedy có quyền giết con như chuyện trong Kinh thánh có Chúa ra lệnh cho ông Abraham giết đứa con trai duy nhất là Isaac vậy. Từ Pentagon Papers ở phía Mỹ đến Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy bên Việt-Nam và ngay cả Wikipedia về "Trần Kim Tuyến", … hầu như tất cả tài liệu về cuộc đảo chánh chế độ Ngô Đình Diệm đều nói đến âm mưu của ông Trần Kim Tuyến tổ chức đảo chánh chính quyền TT Diệm cùng với Trung tá Phạm Ngọc Thảo và Đại tá Đỗ Mậu với hậu qủa là ông Tuyến bị mất chức giám đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị và đổi đi làm Tổng Lãnh sự ở Ai-Cập cho đến sau đảo chánh 1/11/1963 mới được trở về Sài Gòn. Xin ông NVL đọc kỹ những sự kiện không thể cắt xén này để trả lời câu hỏi của tôi là: Điều gì đã làm cho hai cộng sự viên thân tín và kỳ cựu như ông Trần Kim Tuyến và ông Đỗ Mậu (một Công giáo một Phật giáo, một Dân sự một Quân sự, và cả hai đều quyền to chức lớn trong chế độ chứ không phải đối lập bị đàn áp) lại hợp nhau tổ chức lật đổ chính quyền TT Diệm? Dưới đây là những nhắc nhở để giúp ông NVL trả lời: - Về tôn giáo: Phật tử biểu tình chống đối, các

sư tự thiêu. Vatican chê trách, ra lệnh TGM Thục phải rời Sài Gòn. - Về giáo dục: Học sinh sinh viên biểu tình bãi khóa trên toàn quốc, nhà nước phải đóng cửa trường học. Viện trưởng Đại học Huế, một Linh Mục, bị cách chức, Giáo sư Phạm Biểu Tâm, khoa trưởng Y Khoa bị bắt nhốt, giáo sư Luật khoa kiêm Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu cạo đầu từ chức. - Về đảng phái chống Cộng và thành phần trí thức: Bản Tuyên ngôn ngày 26 tháng 4 năm 1960 của 18 nhân vật thuộc nhóm Tự do

5. “The Kennedys: America’s Emerald King”, Thomas Maier, Basic Book, N.Y., 2004, trang 386.

SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ TỔNG THỐNG DIỆM • 283

Tiến bộ (thường được gọi là nhóm “Caravelle” mà đa số đã từng cộng tác với ông Diệm) tố cáo sự bất lực và những sai lầm của chế độ và sau đó, cùng với các thành phần đảng phái khác, chất đầy hai nhà tù Chín Hầm và P-42. - Về quân đội: Sau cuộc đảo chánh 11/11/1960, sau cuộc dội bom 27/2/1962, quân đội đã thành công với cuộc cách mạng ngày 1/11/63 lật đổ chế độ gia đình trị của TT Diệm.

***

CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỠ HAY CHIẾN THẮNG ĐƯỢC TƯỞNG TƯỢNG?(1) (Một vài ghi chép về cuốn Triumph Forsaken của Mark Moyar)

Hồng Quốc Lộc, Đông Hiến dịch

Trong bài phê bình cuốn “Phượng hoàng và chim săn mồi (Phoe- nix and the Birds of Prey)”, tác phẩm đầu tay của Mark Moyar, sử gia John Prados đã gọi Moyar là một sinh viên bất mãn, một người vốn luôn cảm thấy “các thầy mình chỉ đưa ra những ý kiến một chiều rằng cuộc chiến tranh Việt Nam là sai trái và bất khả chiến thắng.” “Phượng hoàng” được viết để “chứng minh điều ngược lại,” nhưng, theo Prados, rốt cục cuốn sách này hóa ra cũng “chủ quan chẳng kém gì các giáo sư đang bị Moyar chỉ trích”.(2)

1. Tựa đề “chiến thắng được tưởng tượng” mượn từ Kathryn C. Statler, “Tri- umph Imagined”, 32 Diplomatic History, Issue 1, pp. 153-157 (2008). 2. John Prados, “Review: Mark Moyar, Phoenix and the Birds of Prey: The CIA’s Secret Campaign to Destroy the Viet Cong”, 85 Journal of American History, No. 4, p. 1675 (1999).

286 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Nhận xét của chuyên gia tình báo này về cuốn “Phượng hoàng” nên được xem như một lời cảnh báo thẳng thắn đối với những độc giả của cuốn “Chiến thắng bị bỏ lỡ (Triumph Forsaken)”, tác phẩm mới nhất của Moyar về cuộc chiến tranh Việt Nam, do Nhà Xuất bản Đại học Cambridge phát hành năm 2006.(3) Nguyên nhân thôi thúc Moyar viết thêm một cuốn chuyên khảo nữa về đề tài đã làm tốn nhiều giấy mực này cũng khá quen thuộc: sự bất mãn của tác giả đối với các công trình nghiên cứu bị cho là kém chất lượng, được những học giả mà Moyar gọi là “những sử gia chính thống” chấp bút. Những sử gia này đều có chung một xuất phát điểm, là quan niệm coi sự can thiệp của nước Mỹ vào cuộc chiến ở Việt Nam là “sai trái và phi lý.” Tuy họ là phái chủ lưu trong

giáo giới ở các trường đại học Hoa Kỳ, quan điểm nói trên đã khiến họ trở nên giáo điều cứng nhắc, do đó các công trình họ viết ra về cuộc chiến này, nhìn chung, có thể được xem là "đã vấp phải nhiều lỗi lầm".(4) Thế nên cần phải xem xét lại giai đoạn lịch sử này trong một công trình nghiên cứu mới gồm hai tập sách, mà trong đó Chiến thắng bị bỏ lỡ là tập đầu. Trong tập sách này, Moyar cố gắng phục hồi uy tín cho chính quyền ông Ngô Đình Diệm, người, theo ông ta, vốn bị các sử gia "chính thống" bôi nhọ một cách phi lý. Ý chính của tác giả có thể được tóm tắt như sau: việc Chính phủ Hoa Kỳ quyết định ủng hộ cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963 là "sai lầm lớn nhất của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh Việt Nam," vì nó đã làm hỏng tiến độ hết sức khả quan của chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong việc dập tắt bạo loạn cộng sản ở miền Nam.(5) Nếu Ngô Đình Diệm không bị lật đổ, thì Việt Nam Cộng hòa sẽ đánh bại được mầm mống bạo loạn cộng sản, và điều đó có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ không bị sa vào vũng lầy đã ám ảnh xã hội Mỹ từ ngày đó đến tận bây giờ.(6) Nhận xét mang tính "xét lại" này đối với Ngô Đình Diệm không phải mới được đưa ra lần đầu, như chính Moyar đã công nhận. Trước đó nó đã được nhắc đến, ví dụ như trong cuốn Chiến thắng bị đánh

3. Mark Moyar, Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954-1965, Cambridge University Press, 2006. 4. Moyar (2006), tr. xi. 5. Moyar (2006), tr. xvii, xxiii. 6. Moyar (2006), tr. xvii, 286. Xem thêm một công trình nghiên cứu mới về "vũng lầy" này của một học giả người Việt: Nguyễn Kỳ Phong, Vũng Lầy của Bạch Ốc: Người Mỹ và Chiến Tranh Việt Nam 1945-1975, Tiếng Quê Hương, Virginia, 2006.

mất (Lost Victory) của William Colby.(7) Yếu tố mới trong nghiên cứu của Moyar là số lượng tư liệu có vẻ đồ sộ mà tác giả đã thu thập để chứng minh cho nhận định rằng, lẽ ra Hoa Kỳ không nên bỏ rơi Tổng thống Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, quả núi bằng chứng mà Mark Moyar đã dành nhiều năm để thu thập không đồng nghĩa với việc ý kiến xét lại của ông ta về cuộc chiến tranh Việt Nam có sức nặng tương đương. Moyar khiến người ta nghi ngờ sự khả tín của việc xét lại này, vì ông ta có khuynh hướng giấu độc giả những thông tin có thể khiến họ nghĩ không tốt về chính quyền Ngô Đình Diệm. Một ví dụ điển hình cho khuynh hướng này là cách lập luận của Moyar khi đề cập đến cuộc trưng cầu dân ý năm 1955, căn cứ để sau đó Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại. Như Moyar cho biết, trước khi tiến hành cuộc trưng cầu dân ý này, thì đã diễn ra một chiến dịch tuyên truyền để bộ máy của Ngô Đình Diệm truyền đạt tới từng cử tri miền Nam thông điệp về hình ảnh của Ngô Đình Diệm như một vị anh hùng dân tộc, tương phản với Bảo Đại là bù nhìn của Pháp, chỉ biết ăn chơi trác táng. Cuối cùng, đến ngày bầu cử 23 tháng 10, cử tri "được hướng dẫn bỏ tấm phiếu đỏ cho ông Ngô Đình Diệm – màu đỏ tượng trưng cho hạnh phúc và may mắn đối với người Việt - hoặc là phiếu màu xanh cho Bảo Đại – màu xanh mang ý nghĩa ngược lại."(8) Nhờ tất cả những nỗ lực đó của chính phủ, cuộc trưng cầu dân ý mang lại một chiến thắng vẻ vang cho Ngô Đình Diệm, làm uy tín của ông ta được tăng thêm rất nhiều trong dân chúng miền Nam.(9) "Số cử tri đi bầu," Moyar phân tích, "vượt trên chín mươi phần trăm, trừ một số ít các

địa phương vẫn còn đang có tranh chấp với giáo phái Hòa Hảo. Đại sứ G. Frederick Reinhardt (…) cho biết không thấy có dấu hiệu của sự gian lận hay ép buộc. Theo thống kê cuối cùng, Diệm được 5,721,735 phiếu, tương đương 98.2 % tổng số phiếu bầu."(10)

7. "Cuộc đảo chính Diệm (…) phải được coi là vết nhơ về lỗi lầm sớm nhất (có lẽ cũng là nặng nhất) mà Hoa Kỳ đã mắc ở Việt Nam," Colby kết luận trong: William Colby, with James McCargar, Lost Victory: A Firsthand Account of America's Sixteen- Year Involvement in Vietnam, Contemporary Books, Chicago, 1989, tr. 366. 8. Moyar (2006), tr. 54. 9. Moyar (2006), tr. 55. 10. Moyar (2006), tr. 55.

288 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Trước lúc cử ông Diệm về làm Thủ tướng, toàn dân đứng sau lưng vua. Cuộc Trưng cầu Dân ý độc diễn và gian lận ngày 23-10-1955 đã hạ nhục vua Bảo Đại để ông Diệm thắng cử …98.2% số phiếu!

Tuy ai cũng biết việc chính quyền Ngô Đình Diệm đã sắp đặt cuộc trưng cầu dân ý này một cách vụng về (và có lẽ cũng không cần thiết) để đạt được kết quả như trên,(11) nhưng Moyar nhất quyết không công nhận sự thật đó. Ngược lại, ông ta gắng gượng bào chữa bằng cách quy kết rằng thái độ dễ bảo trên phương diện chính trị của người miền Nam chính là nguyên nhân dẫn đến kết quả một chiều của cuộc trưng cầu dân ý.(12) Kết quả đó, ông ta viết, "không nói lên rằng tất cả mọi người dân miền Nam Việt Nam đều tín nhiệm Diệm; thực ra, nó chỉ chứng tỏ rằng người dân không mấy quan tâm đến các hoạt động dân chủ và sẵn sàng chấp nhận sự sắp đặt của chính phủ, thể hiện qua chiến dịch tuyên truyền và cách chọn màu sắc cho lá phiếu."(13) Vì cuộc trưng cầu năm 1955 chỉ là một sự kiện nhỏ, việc Moyar vòng vo ngay cả với một vấn đề nhỏ như vậy không thể không gây những mối hoài nghi về sự khả tín của sử gia này, những mối hoài nghi mà đúng ra Moyar không nên gieo trong lòng độc giả, khi ông ta tiếp tục công kích các học giả thuộc trường phái "chính thống" ở các phần tiếp theo. Để chứng minh rằng các nỗi nghi ngờ nói trên là chính đáng, trong đoạn tiếp theo chúng ta sẽ bàn xem (1) sự đánh giá của Moyar về

11. Xem: Phong (2006), p. 134, fn. 129, Đoàn Thêm, Hai Mươi Năm Qua: Việc Từng Ngày, Nhà Xuất Bản Xuân Thu, p. 184 (ấn bản Hải Ngoại), và Edward Garvey Miller, Grand Designs: Vision, Power and Nation Building in America's Alliance with Ngo Dinh Diem, 1954-1960, luận án Tiến sĩ, Khoa Lịch sử, Harvard Univer- sity, 2004a, tr. 206-209. 12. Moyar tuyên bố, căn cứ trên nghiên cứu của ông ta về lịch sử Việt Nam, rằng người dân Việt Nam, hay ít nhất là tầng lớp nông dân, vốn "thụ động và nhu nhược", và họ "chấp nhận và mong muốn có một chế độ độc tài như một phần của trật tự tự nhiên của thế giới." Xem: Moyar (2006), tr. 94 và 75. 13. Moyar (2006), tr. 55.

CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỠ HAY CHIẾN THẮNG ĐƯỢC • 289

chương trình cải cách điền địa do Ngô Đình Diệm khởi xướng trong những năm đầu cầm quyền, và (2) cách giải thích của sử gia "xét lại" này về sự bùng nổ của phong trào Phật giáo, sự kiện đã dẫn tới kết cục sụp đổ của chính quyền. Trong cả hai vấn đề nói trên, Moyar đã đi đến kết luận trái ngược hẳn với quan điểm mà các sử gia "chính

thống" vẫn bảo vệ. Tuy nhiên, cách ông ta nêu dẫn chứng để biện minh cho các kết luận đó đầy thiên kiến đến nỗi người ta thấy hình như lời phê bình mà Prados đã dành cho cuốn sách trước của Moyar tỏ ra khá chính xác đối với cuốn Chiến thắng bị bỏ lỡ này. 1. CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH ĐIỀN ĐỊA CỦA NGÔ ĐÌNH DIỆM Có hai lý do khiến giới sử học về chiến tranh Việt Nam nói chung phải tốn khá nhiều bút mực với chương trình cải cách điền địa mà Ngô Đình Diệm đã khởi xướng ở Nam Việt Nam sau khi lên nắm quyền vào năm 1954. Thứ nhất là gánh nặng mà giới điền chủ đã gây ra cho nông dân đồng bằng sông Cửu Long, nơi mà vào thời điểm chính quyền miền Nam ra đời, bốn mươi phần trăm (tổng diện tích) đất canh tác thuộc sở hữu của 2,500 người - tức là 25 phần nghìn (0.25%) dân số nông thôn. Phần lớn nông dân vùng này không có hoặc có rất ít đất canh tác và phải đi mướn ruộng cùng với trâu bò kéo của các điền chủ.(14) Lý do thứ hai khiến các sử gia về chiến tranh Việt Nam quan tâm tới chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm là phong trào phân chia lại ruộng đất do chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hay còn được gọi là Việt Minh tiến hành ở đồng bằng sông Cửu Long trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp quay lại chiếm Việt Nam sau Thế Chiến II. Trong thời kháng chiến, nhiều điền chủ, địa chủ và tá điền (của vùng này) tản cư về các thành phố và đô thị. Trong khi họ vắng mặt, dựa trên các sắc lệnh của chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, các cán bộ kháng chiến tiến hành các chính sách giảm tô cho nông dân trong các khu vực họ kiểm soát. Ngoài ra, cán bộ kháng chiến còn phân chia lại ruộng đất tịch thu của các địa chủ vắng mặt. Những người được nhận ruộng không phải trả tô cho chính phủ kháng chiến nhưng phải đóng thuế, một nghĩa vụ mà người dân nói chung đều chấp nhận thực hiện vì không liên quan gì đến khoản tô vẫn phải trả cho người cho thuê ruộng theo thông lệ.(15)

14. Moyar (2006), tr. 72. 15. Carlyle A. Thayer, War by Other Means: National Liberation and Revolu- tion in VietNam, 1954-60, Allen&Unwin, Sydney, 1989, tr. 119-120.

Dựa trên số lượng các thôn xóm thuộc vùng Việt Minh kiểm soát trong thời kháng chiến chống Pháp, Carlyle Thayer suy đoán việc phân chia lại ruộng đất phải có ảnh hưởng khá sâu đậm đối với nông dân miền Nam.(16) Với kết quả là thu được cảm tình của nông dân miền Nam dành cho Việt Minh, chương trình phân phối lại ruộng đất thực hiện trong những năm kháng chiến có thể so sánh như con ngựa thành Tơ-roa được các cán bộ Việt Minh để lại miền Nam khi tập kết ra Bắc sau Hiệp định Geneva. Có thể nói, cách giải quyết của ông Diệm đối với mối nguy này gồm có hai biện pháp chính.(17) Năm 1955, chính phủ Ngô Đình Diệm ban hành Dụ số 2 nhằm bảo vệ quyền lợi của tá điền. Ngoài nội dung khác, Dụ này quy định "mức tối đa đối với mức thu tô và lãi suất mà điền chủ được áp dụng."(18) Dụ số 57, ban hành một năm sau đó, được thiết kế để hạn chế sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất bằng biện pháp tái phân bổ. "Ngày 22/10/1956, Moyar viết, Diệm ban hành một sắc lệnh của tổng thống, giới hạn diện tích đất ruộng tối đa một cá nhân có thể sở hữu là 100 ha. Quyết tâm tránh "dùng biện pháp ăn cướp và tra tấn dã man" như phong trào Cải cách ruộng đất của Cộng

sản, Diệm chỉ thị cho các quan chức địa phương trả tiền mua số đất vượt quá giới hạn, chứ không tịch thu. Sau đó chính phủ sẽ chia nhỏ số đất vượt giới hạn này để bán cho các nông dân chưa có ruộng, và họ được vay một khoản tiền không phải trả lãi trong kỳ hạn sáu năm để mua."(19) Rất nhiều sử gia đã kết luận rằng chương trình cải cách điền địa của ông Diệm Diệm là một thất bại lớn.(20) Các nguyên nhân dẫn đến sự thất bại này, theo họ, là việc ông ta không thấu hiểu được nhu cầu của nông dân miền Nam,(21) sự e ngại bị mất lòng giới điền chủ, vốn là một bộ phận quan trọng tạo nên điểm tựa chính trị của Ngô Đình

16. Thayer (1989), tr. 120. 17. Để biết thêm nhiều chi tiết về vấn đề này, xem Thayer (1989), tr. 120-122. 18. Thayer (1989), tr. 120. 19. Moyar (2006), tr. 72-73 (không dẫn các ghi chú). 20. Xem, ví dụ như: William Duiker, Ho Chi Minh: A Life, Hyperion, Paperback edition, New York, 2000, và Philip E. Catton, Diem's Final Failure: Prelude to America's War in Vietnam, University Press of Kansas, 2002. 21. Duiker (2000), tr. 511: "Có lẽ thất bại tồi tệ nhất của Diệm là đã không đáp ứng được nhu cầu của nông dân, vốn chiếm hơn 80 phần trăm dân số Việt Nam Cộng hòa."

Diệm,(22) và sự thiên vị đối với các kế hoạch phát triển nông thôn khác như chính sách Dinh Điền và chương trình Khu Trù Mật.(23) Các biện pháp cải cách mà chính quyền ông Diệm áp dụng, xét theo mọi khía cạnh, đều quá yếu nên không thể cất nổi các gánh nặng của người nông dân miền Nam. "Không những chính quyền Sài Gòn không ngăn chặn được sự lạm dụng trong quan hệ của địa chủ với tá điền; mà việc phân chia lại ruộng đất – viên ngọc trên vương miện của bất kỳ một chương trình cải cách hữu hiệu nào – cũng chỉ mang lại được ích lợi cho số ít nông dân," Philip Catton kết luận trong Thất bại cuối cùng của Diệm (Diem's Final Failure), một tác phẩm được học giới đánh giá cao. "Dụ số 57," Catton viết tiếp, "là một văn bản pháp luật nặng tính bảo thủ," vì mức giới hạn diện tích sở hữu 100 ha được quy định trong văn bản này cao hơn 30 lần so với các mức giới hạn được đặt ra với mục đích tương tự ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan. Vì vậy, theo Dụ này, chỉ có 700 ngàn héc-ta đất cần phân chia lại, tương đương một phần ba số diện tích phát canh thu tô ở miền Nam Việt Nam.(24) Hậu quả lúc đó là, "chỉ có 10 phần trăm tá điền được hưởng lợi ít nhiều từ việc triển khai Dụ số 57."(25) Số còn lại vẫn phải tiếp tục lao động "với các điều khoản phát canh chèn ép tá điền."(26) Đối với những nông dân nghèo, chế độ Ngô Đình Diệm, có thể nói là, "chỉ là một sự cải thiện chút đỉnh so với thời Pháp thuộc."(27) Trước tình cảnh như vậy, "lúc đó," Roy Prosterman kết luận, tức là vào cuối thập niên 50, việc Việt Cộng thế chân Việt Minh là tất yếu, với lời hứa hẹn sẽ duy trì và mở rộng phong trào cải cách ruộng đất của Việt Minh khiến họ thu hút được sử ủng hộ rộng khắp của dân chúng.(28) Không có gì là bất ngờ khi Moyar không tán thành với quan điểm

22. Catton (2002), tr. 54: "Theo quan điểm của nội phủ, nếu chưa gây dựng được 1 chỗ dựa khác thì không nên làm mất lòng những người ấy." 23. Catton (2002), tr. 56-71. Để biết thêm một nguyên nhân nữa, xem: Moyar (2006), tr. 73: "Chương trình cải cách ruộng đất của Diệm cũng lâm vào cảnh thiếu ngân sách; Diệm đề nghị Mỹ chi 30 triệu

đô la để thu mua và tài trợ đất, nhưng Mỹ cuối cùng chỉ cấp 4 triệu." 24. Catton (2002), tr. 53. 25. Thayer (1989), tr. 122. 26. Thayer (1989), tr. 122. 27. Duiker (2000), tr. 511. 28. Roy L. Prosterman, "Land Reform in Vietnam", 57 Current History, No. 340, tr. 330 (1969). Xem thêm: Duiker (2000), tr. 511: "Vào cuối thập kỷ 1950, phần lớn các vùng nông thôn miền Nam đều đòi hỏi phải có những cải tổ cấp tiến hơn."

nói trên, vốn vẫn được chấp nhận là quan điểm nổi trội trong giới sử gia về Việt nam. Dù phải công nhận rằng, về lâu dài, quyết định của Ngô Đình Diệm cho phép điền chủ được sở hữu tới 100 hécta đất ruộng là một sai lầm "phải trả giá đắt",(29) Moyar vẫn duy trì ý kiến rằng những nỗ lực giải quyết vấn đề điền/địa chủ ở đồng bằng sông Cửu Long của chính quyền Ngô Đình Diệm, nhìn chung là một thành công.(30) "Một trong những thành tựu quan trọng nhất trong thời kỳ đầu cầm quyền của Ngô Đình Diệm là việc cải cách điền địa," Moyar biện luận,(31) với ngầm ý bác bỏ kết luận của giới "chính thống" rằng đó là một thất bại lớn. Tuy nhiên, sử gia "xét lại" này có vấn đề ở chỗ, ông ta đã để hở những khoảng trống nghiêm trọng, nếu không nói là chết người, trong lý luận của mình khi đưa ra quá ít thông tin liên quan - điều mà một sử gia cần tránh: Ông ta đã không cho độc giả biết rằng cuộc cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm đã có thể làm cho tình cảnh của nhiều nông dân nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long xấu đi rất nhiều. Như Jeffrey Race đã chỉ ra rằng:

29. Moyar (2006), tr. 73: "Người Mỹ khuyên Diệm giảm giới hạn diện tích xuống dưới mức 100 ha để nhiều nông dân có thể được đất cấp hơn. Các chương trình cải cách ruộng đất ở các nước Đông Á khác đã đưa ra mức giới hạn thấp hơn nhiều– ở Nhật, điền chủ chỉ được giữ 4 hécta, trong khi ở Đài Loan chỉ có 3 hécta. Diệm không mặn mà với lời cảnh báo này. "Các ông không hiểu" ông ta trả lời người Mỹ. "Tôi không thể để mất tầng lớp trung lưu được". Quyết định này đã chứng tỏ cái giá phải trả là quá đắt, vì ở phần lớn đồng bằng sông Cửu Long, tầng lớp trung lưu nói trên chỉ chiếm một thiểu số quá ít ỏi không thể duy trì hệ thống chính quyền ở nông thôn được, trong khi nông dân nghèo không có ruộng đất được trang bị vũ khí và chỉ đạo tấn công." (Không dẫn các chú thích) 30. Moyar (2006), tr. 73: "Kết cục lại, chương trình cải cách ruộng đất của Diệm đã thành công trong việc thu nhỏ những đồn điền rộng lớn ở đồng bằng và thu hẹp số tá điền không có ruộng đất từ chỗ chiếm đại đa số thành một thiểu số. Về sau, chính những người cộng sản cũng phải kêu ca rằng việc phân chia lại ruộng đất này đã "cản trở nghiêm trọng" cho những nỗ lực cải cách ruộng đất sau này của họ nhằm lấy lòng nông dân. Tuy nhiên, ở đồng bằng sông Cửu Long, số nông dân không có ruộng tuy là thiểu số, vẫn chiếm tỷ lệ không nhỏ. Năm 1960, bốn mươi bốn phần trăm các hộ nông dân vẫn phải thuê ruộng hoàn toàn." (Tôi nhấn mạnh). Nhưng nếu đọc: Prosterman (1969), tr. 328: "Vào thời điểm quan trọng của cuộc xung đột trong những năm đầu thập kỷ 60, chỉ có 257,000 trong số 1,175,000 – tương đương 23 phần trăm – các hộ nông dân đồng bằng sông Cửu Long được sở hữu toàn bộ ruộng đất canh tác. Diện tích sở hữu trung bình là 4,5 acres một hộ. Khoảng 334,000 hộ, hay 28.5 phần trăm tổng số, có diện tích canh tác là 6 acres – trong đó 4 acres là ruộng mướn, còn lại

521,000 hộ, khoảng 44 phần trăm, canh tác với diện tích trung bình 3,5 acres/hộ hoàn toàn là ruộng mướn. Vậy, ở đồng bằng, hơn bảy mươi phần trăm số hộ nông dân (44 phần trăm + 28.5 phần trăm = 72.5 phần trăm) phải phụ thuộc vào ruộng mướn." (Tôi nhấn mạnh). 31. Moyar (2006), tr. 72.

Với ngôn từ văn hoa là "chương trình hạn chế mức tô mà điền chủ được phép thu," theo Dụ số 2 ngày 8/1/1955, chính quyền Diệm yêu cầu tất cả tá điền phải ký hợp đồng với điền chủ, tức là chính thức ghi nhận rằng tất cả số ruộng họ được Việt Minh cấp vẫn thuộc quyền sở hữu của điền chủ, địa chủ. Tính riêng ở Long An, hơn 28,000 hợp đồng như vậy đã được ký kết theo quy định của Dụ số 2. Chính sách tái phân bổ do chính quyền Sài Gòn đưa ra theo Dụ số 57 ngày 22/10/1956 gần như không tạo được tác động gì để cải thiện hậu quả nghiêm trọng của Dụ số 2. Trong số khoảng 35,000 hộ nông dân ở Long An phải thuê một phần hoặc toàn bộ đất canh tác, chỉ có 3,613 hộ đủ tiêu chuẩn được mua đất theo Dụ số 57; hơn nữa, thủ tục quá chậm chạp đến nỗi cho đến tận năm 1960, khi chính quyền Long An đã rơi vào hoàn cảnh nguy ngập, mới chỉ có 973 giấy chứng nhận sở hữu đất ruộng được cơ quan Bộ ở Sài Gòn gửi về. Việc đòi hỏi người nhận ruộng phải trả tiền mua của chính quyền Sài Gòn khiến chính sách của họ tỏ ra kém hấp dẫn so với phương pháp cấp phát đại trà của Việt Minh.(32) Moyar hẳn phải biết những tệ trạng nghiêm trọng mà chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm có thể gây ra, vì đó là một điểm nổi bật được cả Prosterman và Thayer nhấn mạnh, mà cả hai tác giả này đều được chính Moyar trích dẫn trong phần biện luận về thành tích nông nghiệp của vị Tổng thống Nam Việt Nam.(33) Prosterman đã lưu ý chúng ta rằng biện pháp kiểm soát hợp đồng thuê ruộng của Ngô Đình Diệm có tác động "tái lập lại mối quan hệ điền chủ-tá điền trên hàng trăm ngàn nông hộ ở những vùng trước đây thuộc quyền kiểm soát của Việt Minh, nơi mà những người nông dân vẫn nghĩ rằng ruộng đất đã thuộc về họ,"(34) và Thayer chỉ ra rằng, nhờ chính sách của Ngô Đình Diệm, những điền chủ không ở địa phương "đã sinh sống chủ yếu ở các đô thị", giờ có thể "thu được tiền tô ở những vùng đất ruộng trước đây không thu được." Trong nhiều trường hợp, tác giả bổ sung, "điền chủ thuê giới chức địa phương, thậm chí cả đơn vị quân đội, đi thu tô thay mình."(35) Vì đã tự xưng là một sử gia "xét

32. Jeffrey Race, "The Origins of the Second Indochina War", 10 Asian Survey, No. 5, tr. 370-371 (1970) (không dẫn các chú thích). 33. Moyar (2006), tr. 434, chú thích 45 (Thayer) và 49 (Prosterman). 34. Prosterman (1969), tr. 330. 35. Thayer (1989), tr. 120-121. Xem thêm: Duiker (2000), tr. 511. Trong nhiều trường hợp, Duiker nêu ra rằng, "các gia đình sống ở vùng trước đây do Việt minh kiểm soát giờ bị buộc phải trả lại ruộng đất đã được cấp trong thời Việt minh chống Pháp, nhiều khi với sức ép của súng đạn".

lại", đương nhiên Moyar không cần phải chấp nhận những biện luận của các sử gia "chính thống" nói trên về chính sách nông nghiệp của Ngô Đình Diệm như một sự thật

hiển nhiên. Nhưng trong trường hợp đó, ông ta cần phải nêu ra những lập luận của họ để tranh luận về tính đúng đắn của chúng. Vì những lập luận này, nếu không bị phản biện, sẽ rất có hại cho quan điểm "xét lại" của Moyar, nên việc ông ta thậm chí không nhắc đến chúng không khỏi gây nên những nghi ngờ rằng ông ta muốn xét lại lịch sử bằng cách loại bỏ những tư liệu không phù hợp với lý thuyết của mình. 2. CUỘC ĐỤNG ĐỘ VỚI PHẬT GIÁO NĂM 1963 Như chúng ta sẽ thấy, chiến lược loại bỏ tư liệu một cách có chọn lọc được Moyar áp dụng một lần nữa, khi ông ta "xét lại" cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963, yếu tố khiến chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ nhanh hơn. Như chúng ta đã biết, cuộc khủng hoảng khởi đầu với Biến cố cờ Phật giáo vào tháng Năm năm 1963 ở Huế. Giới Phật giáo miền Nam Việt Nam khẳng định rằng biến cố này là bằng chứng của chính sách kỳ thị tôn giáo mà họ phải chịu đựng dưới chế độ Ngô Đình Diệm - một khẳng định sẽ trở thành sự biện minh cho những hoạt động phản đối chế độ này mà họ tiến hành sau đó. Tuy quan điểm nói trên đã được nhiều sử gia trong và ngoài nước Mỹ chấp nhận, Moyar lại cho rằng điều đó hoàn toàn sai lạc. "Những người chỉ trích Diệm đã sai lầm khi tin rằng phong trào Phật tử xuống đường năm 1963 bắt nguồn từ sự bất mãn sâu rộng đối với một chính phủ có biểu hiện thiên vị tôn giáo," ông ta biện luận.(36) Thật ra, đó là màn kịch quyền lực của một thiểu số các vị lãnh đạo Phật giáo, mà chủ đích mập mờ của họ về sau đã bộc lộ rõ ràng khi họ dứt khoát cản trở những nỗ lực hàn gắn từ phía chính quyền, và những lời buộc tội của họ về đàn áp tôn giáo đã tỏ ra vô căn cứ. Những vị này có quan hệ mật thiết với Cộng sản, hoặc chính bản thân họ là Cộng sản đội lốt, và có những điệp viên Cộng sản tham dự tích cực vào phong trào Phật tử tranh đấu.(37) Với quan điểm này, Biến cố cờ Phật giáo năm 1963 được mô tả như một cái cớ để các vị lãnh đạo Phật giáo, hoặc "Cộng sản" vin vào để lật đổ Ngô Đình Diệm. Theo lời kể của Moyar về sự kiện này, khởi điểm của phong trào này là, một hành động của giới cảnh sát nhằm

36. Moyar (2006), tr. xvi. 37. Moyar (2006), tr. xvi.

ngăn chặn việc treo cờ Phật giáo nhân ngày 7/5, một ngày lễ Phật (Phật đản). Chỉ vài ngày trước đó, trong các buổi lễ thánh ở Huế và Đà Nẵng, chính quyền đã cho phép treo cờ vàng-trắng của Toà thánh Vatican. Tuy nhiên, sau các buổi lễ đó, Diệm đã quyết định rằng chính quyền phải có biện pháp bảo đảm việc thực thi sắc lệnh cấm treo cờ tôn giáo ngoài trời, kể cả cờ Công giáo, một sắc lệnh vốn được ban hành từ lâu nhưng không được thực thi nghiêm túc.(38) Rất có thể là Tổng thống Ngô Đình Diệm chỉ muốn giữ uy tín cho chính quyền,(39) nhưng quyết định của ông ta đã bị những người chống đối xuyên tạc. Bất chấp thực tế là thông tư cấm treo cờ áp dụng cho mọi tôn giáo, và việc cưỡng chế thi hành là để đáp lại hành động của giới Công giáo, một số lãnh đạo Phật giáo cứ khăng khăng rằng đó là một hành vi kỳ thị Phật giáo, vì trước đó chính quyền đã không cấm treo cờ Thiên chúa.(40) Nhìn chung, có thể nói rằng cách giải thích của Moyar về nỗ lực biến Phật giáo ngược hẳn với quan điểm của nhiều người, ví dụ như của Nguyễn Thế Anh, một người vừa là cựu Viện Trưởng Đại học Huế, vừa là cựu giáo sư khoa Sử trường Đại học Sài gòn. Ông Anh cho rằng, nguyên nhân tổng quát

của sự biến này phải được đúc rút từ (a) sự kỳ thị mà Phật giáo miền Nam từng phải chịu đựng dưới bàn tay của chính quyền Ngô Đình Diệm, và (b) thái độ trịch thượng ra mặt của thiểu số Công giáo, với đường lối của Ngô Đình Diệm muốn dựa vào họ làm hậu thuẫn chính trị cho chế độ của mình. Hai yếu tố đó mới là nguyên nhân khoét sâu sự chia rẽ vốn đang tồn tại trong xã hội miền Nam. “Những rạn nứt xã hội, trong mức độ mà chúng đã có,” theo lời của chính ông Anh, lại bị đào sâu thêm do ý định của Ngô Đình Diệm muốn biến cộng đồng Thiên chúa giáo trở thành nền tảng cơ bản của chế độ. Đặc ân của chính phủ chỉ dành cho những người Công giáo: vị trí then chốt dân sự và quân sự, hợp đồng thương mại, các đặc quyền. Việc chiếm hữu gần như độc quyền niềm tín nhiệm và sự ưu đãi của chính quyền của một thiểu số (...), quá thường xuyên phô trương một cách vụng về vẻ ngạo mạn đắc thắng của mình, thế nào cũng bị gán với sự kỳ thị tôn giáo không thể chấp nhận được.(41)

38. Moyar (2006), tr. 212. 39. Moyar (2006), tr. 212. 40. Moyar (2006), tr. 212. 41. Nguyen The Anh, “L’Engagement Politique du Bouddhisme au Sud-Viet- nam dans les Années 1960”, trong: Alain Forest et al (dir.), Bouddhismes et Sociétés Asiatiques: Clergés, Sociétés et Pouvoirs, L’Harmattan, Paris, 1990, tr. 115. [Những

Theo ông Anh, chính tình trạng này đã thúc đẩy những vị lãnh đạo Phật giáo miền Nam, trước đó vốn vẫn giữ quan điểm đứng ngoài chính trị, bước vào chính trường. Khi bàn về mức độ ủng hộ của người dân miền Nam đối với Phật giáo, ông Anh viết như sau: Thế nhưng, mặc dù được lòng dân, những vị lãnh đạo Phật giáo luôn khinh ghét việc đòi lại ảnh hưởng chính trị để thúc ép các biến cố. Luôn giữ vững niềm tin tự đáy lòng là đại diện cho truyền thống đích thực của quốc gia, họ vẫn ngại tham gia vào các cuộc tranh luận. (...) Nhưng phản ứng chống lại sự tàn nhẫn của chế độ Ngô Đình Diệm và chống lại sự thiên vị dành cho thiểu số Công giáo cũng như vẻ trịch thượng của nhóm người đó, sẽ tạo mối hội tụ chính trị của các vị lãnh đạo Phật giáo này.(42) Nếu chúng ta tin vào cách giải thích của giáo sư Anh về bối cảnh chính trị và xã hội của sự biến Phật giáo năm 1963, thì chúng ta có thể nhận thấy Biến cố cờ Phật Giáo chỉ là giọt nước làm tràn ly, chứ không phải là một sai sót không cố ý (của chính quyền) đã bị lãnh đạo Phật giáo lợi dụng với động cơ chính trị như Moyar ngầm giải thích. Nhưng vì sao chúng ta nên tin lời giáo sư Anh? Có lý do gì để chúng ta thiên về cách giải thích của ông hơn là của Moyar về phong trào Phật giáo? Trong khi đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi trên, chúng ta cần nhớ rằng có nhiều biểu hiện cho thấy Ngô Đình Diệm cần dựa vào những người Công giáo ngay từ buổi đầu bước vào chính trường. Điều này có thể chứng minh qua những hành động chống Pháp của Ngô Đình Diệm trong thời kỳ Nhật chiếm đóng trong Thế chiến II, khi gia đình họ Ngô chọn Nhật làm đồng minh thay cho người Pháp.(43) Để chống lại người Pháp, Ngô Đình Diệm cho thành lập một chính đảng bí mật lấy tên là “Đại Việt Phục Hưng Hội” khoảng năm 1943.(44) Đảng này dường như hoạt động chủ yếu ở miền Trung Việt Nam, quê Diệm, và đa số - thậm chí tất cả, thành phần nhân sự đều là người Công giáo.(45)

trích dẫn từ tiếng Pháp trong bài viết này là do Cổ Ngư dịch – ND]. 42. Anh (1990), tr. 114. 43. Về việc gia đình họ Ngô hợp tác với chính quyền thực dân Pháp rồi sau đó đổi sang với Nhật, xem: Vũ Ngự Chiêu, “The Other Side of the 1945 Vietnam- ese Revolution: The Empire of Viet-Nam (March-August 1945)”, XLV Journal of Asian Studies, No. 2, tr. 306, fn. 14 (1986), và Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu], Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng, Văn Hóa, Houston, 2004, tr. 11-26. 44. Edward Miller, “Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54”, 35 Journal of Southeast Asian Studies, tr. 436 (2004b). 45. Miller (2004b), tr. 436.

Thư của Giám mục Vĩnh Long là Ngô Đình Thục gửi Toàn quyền Jean Decoux ngày 21/8/1944, nhân danh quá trình tận tụy của cả gia đình cho chính phủ Pháp để xin tha tội cho các em (Diệm và Nhu)

Xu hướng dựa vào người Công giáo - đồng đạo còn có thể nhận thấy qua đề xuất mà Ngô Đình Diệm và anh trai – Giám Mục Ngô Đình Thục, đưa ra trong cuộc chiến giữa người Pháp và Việt Minh. Đề xuất này được công bố tại Hoa Kỳ, khi Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Thục tới thăm để vận động cho một giải pháp dân tộc chủ nghĩa thay thế cho cả thực dân Pháp và Cộng sản. “Vào đầu tháng 9 năm 1950,” Edward Miller viết, “hai anh em vượt Thái Bình Dương đến Mỹ và đã tới Washington, ở đó họ được tiếp đón tại Bộ Ngoại giao. Các quan chức tiếp họ hôm đó đều có ấn tượng mạnh với đề xuất họ đưa ra hôm đó, về việc dùng lực lượng vũ trang Công giáo làm nòng cốt cho quân đội quốc gia Việt Nam.”(46) Dù Ngô Đình Diệm hoàn toàn có khả năng thu hút được sự ủng hộ tạm thời của người Việt Nam ngoài giới đồng đạo Công giáo,(47) nhưng dường như giáo dân luôn là hậu thuẫn quan trọng của ông ta. Quan hệ chặt chẽ giữa ông ta với giới Công giáo ngày càng trở nên rõ nét hơn trong mắt người phương Tây kể từ sau khi ông ta lên nắm quyền vào năm 1954. Điều đó đã được những người như J. Donald Lancaster ghi lại vào năm 1956. Sau khi đã chỉ ra những ngón nghề Ngô Đình Diệm đã áp dụng để “cô lập và tiêu diệt dần mòn tất cả các tổ chức “Quốc gia” đối lập,” Lancaster viết: “Tuy nhiên, ông Diệm, một người vốn bị hạn chế trong hành động bởi lòng trung thành đối với gia tộc và tôn giáo của mình, vẫn chưa chứng minh được rằng ông ta là người có khả năng đề xướng những

46. Miller (2004b), tr. 443. 47. Miller (2004b), tr. 457: “Thoạt tiên, vào lúc mới lên làm thủ tướng, Diệm không thiếu đồng minh người Việt như người ta tưởng. Ngoài giới Công giáo, ông ta có thể thu hút được sự ủng hộ của một số người lãnh đạo và tổ chức phi Công giáo, nhờ những nỗ lực giao du của anh em ông trong thời gian lưu vong.”

chính sách tích cực để đảm bảo sự sống còn của “Chủ nghĩa Quốc gia” ở miền Nam Việt Nam.”(48) Nhận xét của Lancaster có thể được xem như sự minh xác đối với những quan ngại mà tướng J. Lawton Collins, đặc sứ của Tổng thống Dwight Eisenhower tại miền Nam Việt Nam đã bày tỏ. “Joe Sấm sét,” biệt hiệu của Collins,(49) đã cảnh báo Ngô Đình Diệm ngay từ năm 1955 đừng sử dụng nguồn lực chính phủ vào việc phát triển

tôn giáo của riêng mình. Collins đã chứng kiến, khi các nhân vật Công giáo nổi tiếng như Hồng y Francis Spellman của Mỹ hay Hồng y Norman Gilroy của Úc đến Sài Gòn(50) để uý lạo dân di cư từ miền Bắc, đường phố treo đầy khẩu hiệu với dòng chữ "Giáo hội Muôn năm" bằng tiếng Pháp, tiếng Latin và tiếng Việt. Chắc chắn động thái này sẽ làm bên Phật giáo, Cao Đài và Hoà Hảo xa rời chính phủ vì tôn giáo của họ không nhận được sự ủng hộ của chính quyền một cách công khai như vậy.(51)

Hồng y Spellman, với hổn danh là "Giáo hoàng Mỹ", Tuyên úy trưởng Quân đội Mỹ, người đỡ đầu cho chế độ Diệm

Ông tướng theo Công giáo Collins có đủ lý do để quan ngại về những cuộc thăm viếng nói trên, vì chính đó là nguyên nhân xuất hiện

48. J. Donald Lancaster, "Review: Ellen J. Hammer, The Struggle for Indochina Continues: Geneva to Bandung", 32 International Affairs, tr. 261 (1956). 49. Phong (2006), p. 124: "Với biệt danh 'Lightning Joe', tánh tình của Collins nóng và thẳng thắn. Cho đến bây giờ thuộc cấp của ông vẫn không biết biệt danh 'Joe Sấm Sét' bắt nguồn từ lý do ông đã là tư lệnh sư đoàn 25 Bộ Binh (mật danh của sư đoàn 25 là 'Sấm Sét Nhiệt Đới') lúc còn đánh nhau với Nhật ở đảo Guadal- canal, hay vì mỗi lúc ông nổi trận lôi đình giọng ông vang lên như sấm." 50. Seth Jacobs, America's Miracle Man in Asia: Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia, Duke University Press, Paperback edition, 2004, tr. 185-186; Seth Jacobs, "'Our System Demands the Supreme Be- ing': The US Religious Revival and the 'Diem-Experiment,' 1954-1955", 25 Diplo- matic History, No. 4, tr. 620 (2001). 51. Jacobs (2004), tr. 185-186.

những lời đồn đại rằng Ngô Đình Diệm, khi còn đang là thủ tướng, "có ý định 'biến Việt Nam thành một giáo xứ Công giáo.'"(52) Tuy nhiên, vào tháng Hai năm 1955, "khi Collins yêu cầu thủ tướng Diệm ra một tuyên bố công khai về việc bảo đảm tự do tôn giáo, Diệm đã từ chối."(53) Và Collins cũng từ chối bỏ cuộc, khi ông ta nhắc lại lời khuyên rằng chính quyền Ngô Đình Diệm không nên quá thiên vị Công giáo, trong một cuộc đối thoại với Giám mục Ngô Đình Thục vào ngày 25 tháng Ba năm 1955.(54) "Đại sứ Collins," theo biên bản của cuộc họp này, "phát biểu rằng ông hy vọng sẽ không có một cuộc thăm viếng của những nhân vật Công giáo cao cấp nào trong khoảng thời gian ít nhất là sáu tháng tới," và "các biểu ngữ tôn giáo treo trên đường phố gần Phủ Tổng thống sẽ tạo cớ cho những lời phê bình rằng ông Diệm đang uốn chính sách theo quyền lợi của Giáo hội."(55) Nhận xét của người nước ngoài như Lancaster và Collins có mức độ tin cậy khá cao, vì được đưa ra rất lâu trước khi người phương Tây được nghe thấy tên Thượng tọa Thích Trí Quang, người lãnh đạo phong trào biểu tình của Phật giáo sau biến cố cờ Phật giáo, người mà theo Moyar, có khả năng là "một cán bộ Cộng sản."(56) Nói một cách khác, vì những nhận xét này được đưa ra khi chưa ai biết những gì sẽ xảy ra trong tương lai, nên chúng không bị uốn nắn để phù hợp vơi những chuyện đã ngã ngũ. Do đó chúng có một mức độ khả tín khá cao. Ít nhất, qua đó cũng có thể thấy tính chất bè phái của chế độ Ngô Đình Diệm đã bắt đầu bộc lộ ngay trong

giai đoạn phôi thai của nó, và đó chính là nguyên nhân khiến đại diện cao nhất của Hoa Kỳ tại Sài Gòn quan ngại. Những ý kiến đó cũng phù hợp với tình hình một số sự kiện chính thức đang diễn ra tại miền Nam Việt Nam sau khi Ngô Đình Diệm đã tập trung được quyền lực. “Dưới thời Diệm,” Nguyễn

52. Jacobs (2001), tr. 620. 53. Jacobs (2001), tr. 620, đăng nguồn trong chú thích 137: “Collins to Dulles, 12 February 1955, Collins Papers, box 31.” 54. Jacobs (2004), tr. 185. 55. Foreign Relations of the United States, 1955-1957, tập I, tr. 146, TL 72. Tài liệu này cũng ghi lại lời Giám mục Ngô Đình Thục đáp lại lời khuyên của Collins: “Thục nói rằng chuyến thăm của Hồng y Gilroy do (Ngoại Trưởng Úc) R.G. Casey đề xướng, và băng rôn là do các chủng viện sinh [tên đã bị xóa] làm, chứ không phải do Diệm yêu cầu.” 56. Moyar (2006), tr. 218. Dựa trên các nguồn tài liệu lưu trữ trong văn khố Hoa Kỳ, James McAllister đã phản đối lại ý kiến này. Xem James McAllister, “‘Only Religions Count in Vietnam’: Thich Tri Quang and the Vietnam War”, Modern Asian Studies (sắp xuất bản, đã đăng trên mạng từ ngày 30/7/2007, Cambridge University Press).

Thị Liên Hằng viết, “các buổi lễ Công giáo thường giống như ngày hội quốc gia. Những đoàn rước Thánh làm tắc nhiều khu phố trong nhiều giờ mà không hề bị phạt. Những cuộc hành hương về các Thánh địa lớn thường được chính phủ bảo trợ và quảng bá công khai. Hai cuộc hành hương về nhà thờ thánh mẫu Maria vào năm 1959 (ở Sài Gòn) và 1961 (La Vang, gần Huế) thu hút được rất đông tín đồ. Những sự kiện như vậy được coi như lễ hội toàn quốc, dù cộng đồng Công giáo chỉ chiếm 10 phần trăm dân số.”(57) Liên Hằng cũng nêu ra các đặc quyền khác vốn được dành cho các đồng đạo Công giáo của tổng thống. “Trong số rất nhiều các biểu hiện của đặc quyền dành cho cộng đồng Công giáo, có thể kể đến,” tác giả viết, “tài trợ trực tiếp của chính phủ, miễn lao công, ưu đãi về chính trị và pháp luật. Ví dụ như, ba trăm ngàn mẫu “đất Nhà thờ” không hề bị trắc đạc, nên không phải đóng thuế thổ trạch dưới thời Diệm. Giới Công giáo được nhận nhiều trợ cấp nhất theo hệ thống tín dụng nông nghiệp để xây dựng trường học và bệnh viện, và quân đội Nam Việt Nam bị điều động đi xây dựng hoặc tân trang các công trình thuộc sở hữu của Nhà thờ Công giáo.”(58) Lối đối xử ưu đãi nói trên dành cho giới Công giáo trong thời Ngô Đình Diệm hình như đã có ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ hành xử của nhiều nhân vật Công giáo. Tạ Chí Đại Trường, một sử gia miền Nam đang học ở Sài Gòn dưới chế độ Ngô Đình Diệm, trong một tác phẩm viết mới đây(59), đã nhận định rằng một bộ phận quan trọng trong giới Công giáo “ít nhiều gì cũng là kiêu dân”.(60) Một ví dụ cụ thể về sự trịch thượng, kiêu ngạo của người Công giáo dưới thời Ngô Đình Diệm được cố học giả Nguyễn Hiến Lê, một trong những học giả uy tín nhất của miền Nam, nêu ra(61). “Đầu niên khóa 1954-1955,” ông ta kể lại:

57. Nguyễn Thị Liên Hằng, “The Double Diaspora of Vietnam’s Catholics”, 39 Orbis, Số 4, tr. 498 (1995). 58. Hang (1995), tr. 497 (không dẫn chú thích). Xem thêm: Thayer (1989), tr. 121. 59. Tạ Chí Đại Trường, Sử Việt đọc vài quyển, Văn Mới, California, 2004. 60. Trường (2004), p. 457: “Làm cách nào mà một chính quyền Sài Gòn lộn xộn với giáo phái sứ quân, với giang hồ đạo tặc, với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiêu dân, với

cả người Pháp còn tham vọng giữ phần đất thuộc địa cuối cùng... có thể đương cự với cả một nền tảng đe doạ trùng trùng như thế? Lịch sử ổn định bước đầu của chính quyền đó là một phối hợp tuyệt vọng của những người Việt chống cộng (một tập-hợp-từ tiêu cực đúng với thực chất hổ-lốn của nó) chỉ còn một mảnh đất nương thân, và của người Mỹ đứng nhìn trong bình diện chiến lược quốc tế thấy mình phải chen chân vào." 61. Nguyễn Hiến Lê, Đời Viết Văn Của Tôi, Văn Hóa, n.p., n.d., tr. 124-126 (ấn

"Trong chương trình Trung học đệ nhất cấp có thêm môn Lịch sử thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy sử các lớp đệ lục, đệ ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ sử thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép "cua" (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ thất và đệ tứ, ông viết hai cuốn giữa cho đệ lục và đệ ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong; tôi bỏ vốn ra in, năm 1955 in xong trước kì tựu trường tháng chín. (...) Sau một linh mục ở Trung yêu cầu bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu hết bộ sử đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ, chúng tôi có nói đến sự bê bối của một vài Giáo hoàng. Bộ phái một viên bí thư có bằng cử nhân lại tiếp xúc với tôi. Ông này nhã nhặn, khen tôi viết sử có nhiệt tâm, cho nên đọc hấp dẫn như bộ sử Pháp của Michelet; rồi nhận rằng sách tôi được bộ Thông tin cho phép in, lại nạp bản rồi thì không có lí gì tịch thu, cấm bán được, chỉ có thể ra thông báo cho các trường đừng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nộp bộ, bộ sẽ trả lời linh mục nào đó, còn bán thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông. (...) Hồi đó bộ Lịch sử thế giới của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm các trường ngoài Trung dùng nó; trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. Công giáo thời đó lên chân như vậy."(62) Vì không có lý do gì để nghi ngại về tính xác thực của câu chuyện nói trên của Nguyễn Hiến Lê, kinh nghiệm bản thân của ông đã khiến người đọc phải nghi ngờ tính chân xác của một luận điểm quan trọng trong các ý kiến chung của Moyar nhằm bảo vệ chế độ Ngô Đình Diệm trước công luận về việc kỳ thị tôn giáo. Để phản bác nhận xét cụ thể rằng Ngô Đình Diệm "công khai kỳ thị tôn giáo trong quá trình tuyển dụng nhân sự, dẫn đến thực tế là đa số quan chức đều là người Công giáo," Moyar viết: Điều dễ thấy nhất là người Công giáo không chiếm đa số trong

bản Quốc nội). (Hình như đây là cuốn đạo văn của tác phẩm: Nguyễn Hiến Lê, Đời Viết Văn Của Tôi, Văn Nghệ, Westminster, CA, 1986. Tuy nhiên, tôi không tìm mua được tác phẩm gốc). 62. Lê, op. cit., pp. 124-126. Xem thêm: Nguyễn Mạnh Quang, Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư, tác giả tự xuất bản (ấn bản Hải ngoại), 1998, tr. 163-165. Quang đã trích chi tiết hơn từ cuốn: Lê (1986), tr. 99-101. Điều này khiến chúng ta tin GS Lê đã trực tiếp viết những dòng trên.

chính phủ Diệm, ngay cả ở cấp cao nhất. Trong nội các 18 Bộ trưởng, chỉ có năm người theo Công giáo, năm người theo Khổng giáo, và tám người theo Phật giáo, trong đó có

một phó Tổng thống và Ngoại trưởng là người Phật giáo. Ở cấp tỉnh trưởng, có mười hai người theo Công giáo và hai mươi sáu vị theo Phật hay Khổng giáo. Chỉ có ba trong số mười chín sĩ quan cao cấp nhất trong quân đội theo Công giáo.(63) Những con số do Moyar đưa ra không chứng minh rằng không có kỳ thị tôn giáo ở miền Nam dưới thời Ngô Đình Diệm. Sự kiện do Nguyễn Hiến Lê nêu ra khiến ta có thể suy luận rằng, dưới thời Ngô Đình Diệm, người Công giáo không cần chính thức nắm các vị trí trong chính phủ mới có thể thực thi quyền hành khuynh loát của mình. Điều này có thể giải thích tại sao một linh mục Công giáo, xét về mặt pháp lý cũng chỉ là một công dân như mọi người khác, lại có thể ngăn chặn không cho một cuốn sách giáo khoa đã được nhà nước thông qua được lưu hành trong các trường trung học ở miền Trung Việt Nam. Thực ra, lý lẽ Moyar đưa ra cũng không thể được coi là khả tín, ngay cả trước khi xảy ra biến cố Phật giáo vào tháng 5 năm 1963. Việc ông ta dùng nó để biện luận cho Ngô Đình Diệm cho thấy Moyar đánh giá quá thấp mức độ tinh vi về chính trị của người miền Nam, vì họ đã dùng những chuẩn mực tinh xảo hơn con số bộ trưởng theo Công giáo để lượng định thực quyền của Công giáo trong một chế độ Cộng hòa có Tổng thống là người Công giáo. “Năm 1956, chúng tôi đã nêu lên rằng, ‘trái với sự lo ngại của dư luận, chính phủ chỉ gồm hai người Công giáo trên tổng số mười bốn bộ trưởng,’” tờ Informations Catholiques Internationales viết trong số ra ngày 15/3/1963.(64) Nhưng công luận không phải chỉ được tạo ra từ một tập ảnh của các bộ trưởng. Nó còn nhạy cảm cả với vị trí danh dự dành cho vị giám mục nào đó trong một cuộc duyệt binh, cho những bóng dáng áo chùng ra vào các Bộ, cho sự can thiệp hiệu quả trong việc tha bổng một nghi can hay hưởng sự giúp đỡ cho người tị nạn. Nếu người ta thấy việc tổng thống chịu phép ban thánh thể trong tất cả các lễ trọng là bình thường, càng lúc, đám đông càng không hài lòng đối với chuyện các đoàn rước Thánh làm tắc nghẽn giao thông hàng cây số trên đường phố Sài Gòn hay ở Huế, sau khi đã được chuẩn bị từ nhiều tuần lễ trước với sự hỗ trợ về kỹ thuật, nhân lực và vật lực của quân đội hay của sở Thông tin.

63. Moyar (2006), tr. 216. 64. Informations Catholiques Internationales, “L’Église au Sud-Vietnam”, 15 Mars 1963, tr. 18.

Công luận cũng không thể thản nhiên trước việc thuyết Nhân Vị của Emmanuel Mounier được chế độ chọn lựa phổ biến để chống lại học thuyết mác-xít. Nơi duy nhất mà học thuyết này được giảng dạy một cách chuyên nghiệp lại chính là ‘Trung tâm nghiên cứu nhân vị’ do Đức ông Ngô Đình Thục, anh của tổng thống Ngô Đình Diệm, thiết lập vào thời Đức ông còn là giám mục ở Vĩnh Long. Ngày nay vẫn vậy, hầu hết các “giáo sư chuyên nghiệp” giảng dạy tại đó đều thuộc hàng giáo phẩm. Các công chức, giáo hay lương, đều lần lượt phải qua một khoá tập huấn ở đó.(65) Vì quá chú ý vào con số chính thức các quan chức chính quyền là người Công giáo,(66) nên Moyar không nhận thấy được rằng dưới thời Ngô Đình Diệm, sự kỳ thị đối với người không theo Công giáo có thể diễn ra dưới những hình thức tinh vi và ngấm ngầm hơn là một chính sách nhân sự thiên vị ra mặt hay sự đàn áp thẳng tay. Ý kiến phản biện của Moyar cho

rằng chế độ Ngô Đình Diệm không kỳ thị tôn giáo sẽ có tính thuyết phục cao hơn nếu ông ta bàn đến và loại trừ tình huống rất có khả năng xảy ra đó.(67) Tuy nhiên, ông ta có thể đã đúng khi phản biện rằng, trong một số

65. Informations Catholiques Internationales, 15 Mars 1963, pp. 18-19. 66. Khi bàn về vai trò của Ngô Đình Nhu trong chính quyền Ngô Đình Diệm, Philip Catton đã viết trong Catton (2002), tr. 16-17: "Với tư cách người đứng đầu cơ quan an ninh và tình báo, ông ta khai thác nguồn lực của Tổng nha Nghiên cứu Chính trị Xã hội có văn phòng đặt trong Dinh Tổng thống, do Trần Kim Tuyến - một người Công giáo gốc Bắc, trước đó là thư ký riêng của Nhu, đứng đầu. Dưới cái tên nghe có vẻ hiền lành, Tổng nha này là cơ quan đầu não của bộ máy quyền lực không chính thức của chế độ Diệm, qua đó Nhu có thể chỉ đạo hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở miền Nam Việt Nam. Như một người từng làm việc trong Dinh nhận xét, Tổng nha đã tạo cho Nhu 'một tiểu chính quyền thực sự để hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát và kiểm soát chính quyền trên danh nghĩa do Diệm đặt ra.'" (Tôi nhấn mạnh) 67. Phong (2006), tr. 139: "Cuối năm 1957, với thế lực của đảng [Cần Lao], ông Diệm đang đứng trên đỉnh cao quyền thế. Nhưng ông rất cô đơn trên ngôi cao đó: người bạn Mỹ thân thiết Lansdale đã bị thất sủng và ra đi. Bây giờ, những cố vấn xung quanh tổng thống Diệm chỉ là một đám nịnh thần." Xem thêm: Informa- tions Catholiques Internationales, 15 Mars 1963, tr. 20: "Năm 1961, trong những số đầu tiên, tờ báo Đức Mẹ La Vang đã đăng danh sách những vị mạnh thường quân của cuộc hành hương do chính tờ báo này khởi xướng. Danh sách bắt đầu bằng món tiền tặng khoảng 2.000 quan Pháp của phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, vốn không phải là người Công giáo. Giáo hay lương, gần như tất cả các bộ trưởng đều có tên trong danh sách với những tặng phẩm tương tự như thế. Tiếp theo là tướng tham mưu trưởng và các tướng lãnh khác. Cuối cùng, là những vị chức sắc đứng đầu các tỉnh thành..."

trường hợp, chính quyền Ngô Đình Diệm có lý do chính đáng để đối xử ưu đãi người Công giáo. Nếu xét về khía cạnh đạo đức, việc ưu đãi thiểu số người Công giáo có thể bị coi là đáng chê trách, nhưng xét về mặt chính trị, động thái đó của chính quyền Ngô Đình Diệm là hoàn toàn dễ hiểu. Vì, như Moyar đã nêu ra rất chính xác, "người Công giáo, nhất là người Bắc di cư, luôn tỏ ra chống Cộng tích cực hơn những người không theo Công giáo."(68) Nhưng, vấn đề là ở chỗ, một số người Công giáo hình như luôn đòi hỏi nhiều hơn mức độ ưu đãi dành cho họ.(69) Dưới thời Ngô Đình Diệm làm Tổng thống, có rất nhiều người Công giáo cho rằng sự ưu đãi đó là một điều bất chính, và muốn tách Giáo hội ra khỏi chính quyền Ngô Đình Diệm. Họ đánh giá cao những 'khoảng cách' đối với chính phủ của Đức ông Nguyễn Văn Hiên (hiện là giám mục Đà Lạt) và người kế vị ông tại Sài Gòn, Đức ông Nguyễn Văn Bình: cả hai vị đều có mối bận tâm muốn đặt mình vào một bình diện thuần tôn giáo của giám mục.(70) Đức ông Nguyễn Kim Điền là một ví dụ nữa về trường hợp một giáo sĩ Công giáo cao cấp khước từ những ưu đãi để tách tôn giáo ra khỏi chính quyền Ngô Đình Diệm. "Trong một vùng rất nguy hiểm," tạp chí Informations Catholiques Internationales viết, "khi đi đây

đi đó, Đức ông Nguyễn Kim Điền từ chối sự bảo vệ của đoàn xe quân sự: ông tự lái chiếc 2 CV, hoặc đi cùng với người thư ký riêng…”(71) Như đã gợi ý ở trên, lý do khiến người miền Nam không theo Công giáo gặp khó khăn là việc một số người Công giáo hình như muốn gây khó dễ cho những kẻ “là đồng bào mà không đồng đạo”. Một người Công giáo miền Nam mà danh tính được các biên tập viên của tờ Informations Catholiques Internationales giấu kín “vì cần phải cẩn trọng”(72) đã đăng trên tạp chí này một chứng từ về những trường

68. Moyar (2006), tr. 216. Xem thêm: Hang (1995), tr. 497. 69. Liên Hằng (1995), tr. 498: “Sự ưu đãi đối với các hoạt động của Công giáo bao gồm tài trợ những chuyến thăm viếng của các vị chức sắc tôn giáo tới Nam Việt Nam. Ví dụ, khi Hồng y Gregorio Agagianian tới Việt Nam, chuyến đi của ngài hoàn toàn nằm dưới sự sắp xếp của chính quyền Sài Gòn - đúng ra có danh nghĩa thế quyền và không liên quan gì tới tôn giáo” (Đã lược bớt chú thích trong bài.) 70. Informations Catholiques Internationales, 15 Mars 1963,tr. 21. 71. Informations Catholiques Internationales, 15/3/1963, tr. 21. Độc giả nên xem toàn bộ bài báo để nhận ra những ví dụ khác về những người Công giáo muốn tách nhà thờ khỏi chế độ Ngô Đình Diệm. 72. Informations Catholiques Internationales, 15/3/1963, tr. 19.

hợp cụ thể của hành động gây khó dễ nói trên. Bà ta ghi nhận rằng, trong khi lực lượng Quân đội Quốc gia phải thức trắng nhiều đêm để dựng “các khải hoàn môn trên đường du hành của hồng y Spellman,” thì các nghi lễ Phật giáo “lại bị phá rối bởi các xe của sở Thông tin có trang bị loa phóng thanh, đậu gần chùa.”(73) Nhân chứng này, một người sống bằng nghề dạy học, cũng đề cập đến một ví dụ khác về tình trạng chèn ép tôn giáo, một sự chèn ép khó có thể biện minh bằng lý do chống cộng. Theo lời bà ta kể lại thì tại một khóa tập huấn ở Trung tâm Nhân vị tại Vĩnh Long, bà ta và các đồng nghiệp tham dự bị buộc phải nghe một linh mục vừa tốt nghiệp Trường truyền bá đức tin, hiển nhiên thành thạo về thần học nhưng còn cần phải học hỏi thêm về các tôn giáo vùng viễn đông, đứng ra phê phán Phật giáo và Khổng giáo. Khổ nhất là đa số cử toạ lại theo đạo Khổng hay đạo Phật. Công giáo chúng tôi chỉ có khoảng hai mươi người. Và chúng tôi xấu hổ, chúng tôi chịu đựng cùng với các đồng nghiệp bên lương khi, rơi vào hoàn cảnh này, họ không có khả năng để vặn lại những lý lẽ được đưa ra vì sợ bị ghi điểm xấu.(74) Nếu xét riêng rẽ thì những sự kiện do Nguyễn Hiến Lê và người nhân chứng khuyết danh nêu ra có thể chẳng có gì nghiêm trọng, nhưng nếu nhiều trường hợp tương tự được gộp chung lại và tích tụ qua nhiều năm tháng, chắc hẳn những người miền Nam không theo Công giáo sẽ có mối nghi ngờ rằng Chính phủ quốc gia là của phe Công giáo đang thắng thế. Để thích ứng với thời cuộc, nhiều người miền Nam, kể cả vị Tổng thống tương lai là Nguyễn Văn Thiệu, đã chọn giải pháp cải đạo theo Công giáo.(75) Tuy nhiên, số đông hơn, quyết định hướng về Phật giáo như một hình thức bày tỏ sự bất mãn với “sự ‘ngạo mạn đắc thắng’ kết hợp giữa chế độ và thiểu số Công giáo” - một thái độ bất mãn chung, theo số ra ngày 15 tháng Ba năm 1963 của tờ Informations Catholiques Internationales, “dễ dàng nhận

73. Informations Catholiques Internationales, 15/3/1963, tr. 19. 74. Informations Catholiques Internationales, 15/3/1963, tr. 19. 75. Informations Catholiques Internationales, 15/3/1963, tr. 17-18, 21. Việc cải đạo của Nguyễn Văn Thiệu được nhắc tới trong: Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu], Mậu Thân 68: Thắng hay Bại?, Văn Hóa, Houston, tái bản lần 3, 1998, tr. 354- 355. "19/4/1968: Sài Gòn: Lansdale gặp Linh Mục Bửu Dưỡng (...). Theo Dưỡng, Dưỡng đã rửa tội cho Nguyễn Văn Thiệu năm 1958 ở Đà-lạt. (...) (Báo cáo ngày 20/4/1968, Lansdale gửi Bunker)," Chính Đạo viết. Xem thêm: Nguyễn-Khắc-Ngữ, Những ngày cuối cùng của Việt-Nam Cộng-Hòa, Nhóm Nghiên-Cứu Sử-Địa, Mon- treal, 1979, tr. 39-40.

thấy ở Sài Gòn cũng như ở các xóm thôn xa xôi hẻo lánh nhất."(76) Dù sao chăng nữa, điều đó không thể lọt qua sự chú ý của Cha Trần Hữu Thanh, một linh mục Công giáo, đồng thời là một lý thuyết gia về học thuyết Nhân vị được Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu áp dụng làm nền tảng tư tưởng của chế độ.(77) Vị linh mục này cho rằng, theo trích dẫn của tờ Informations Catholiques Internationales, sự trỗi dậy của những người theo Phật giáo trong chế độ Ngô Đình Diệm có nguyên do một phần từ tâm lý chống Công giáo và chống Ngô Đình Diệm. "Trong trào lưu mới của Phật giáo," ông ta viết "Có một sự hòa trộn giữa lòng chân thành của đám đông và ác tâm của các vị lãnh đạo, những người khai thác tất cả mọi dạng thức của chủ nghĩa dân tộc và mọi hằn thù đối với người Pháp và người Công giáo, đã toa rập với nhau để hình thành chế độ thực dân, và cả những nỗi bất mãn đối với một chính phủ nặng ảnh hưởng Công giáo. Họ dựa vào đó để tạo ra một vấn đề chính trị, đánh lạc hướng nguyện vọng chân chính về tôn giáo của dân chúng và như thế, chặn cửa Thiên chúa giáo."(78) Sự bất mãn với chế độ mang nặng ảnh hưởng Công giáo của Ngô Đình Diệm hình như đã lan rộng và sâu trong nhiều tầng lớp người miền Nam không theo Công giáo. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng không e ngại gì mà không lợi dụng tâm lý bất mãn nói trên để đối phó với những người chống đối mình. Năm 1974, tức là mười năm sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, có nhiều sự việc khiến Nguyễn Văn Thiệu phải bận tâm, một trong số đó là phong trào Công giáo phản đối chính quyền, với lý do chống tham nhũng do Cha Trần Hữu Thanh khởi xướng. Đáp lại phong trào này, Nguyễn Văn Thiệu đã ra lệnh cho cháu mình, là Bộ trưởng Thông tin Hoàng Đức Nhã làm suy yếu phong trào bằng cách hạ uy tín người khởi xướng. Nhã đã thuê các phóng viên, dùng bài viết trên các báo ở Sài Gòn đăng những tin đồn về các sai lầm của Cha Thanh, đồng thời nhắc dân chúng rằng chính ông là lý thuyết gia của chủ thuyết Nhân vị của Diệm và Nhu. Việc này khiến Cha Thanh và những cộng sự người Công giáo nổi giận.(79)

76. Informations Catholiques Internationales, 15/3/1963, tr. 20-21. 77. Nguyen Ngoc Huy, "Vietnamese History From 1939 To 1975", trong: Nguyen Ngoc Huy & Stephen B. Young, Understanding Vietnam, the DPC Information Service, Bussum, 1982, tr. 162. 78. Informations Catholiques Internationales, 15/3/1963, tr. 21. 79. Huy (1982), tr. 162. Là một chính trị gia khôn ngoan, Tổng thống Thiệu cũng

Dù cho Moyar không có tham khảo các nguồn tư liệu nói trên, nhưng ông ta hẳn phải biết về sự bất mãn của những người miền Nam không theo Công giáo nói chung và giới Phật tử nói riêng trong những năm trước khi xảy ra Biến cố Cờ Phật giáo, vì đó chính là một chủ đề được đề cập rõ ràng trong một tư liệu năm 1961 mà ông ta đã trích dẫn để củng cố cho kết luận của mình rằng "ngay từ đầu, Ngô Đình Diệm đã cho phép giới Phật tử thực hiện nhiều hoạt động mà người Pháp đã từng cấm."(80) Tuy nhiên, điều mà Moyar đã không kể với độc giả của mình là, trong chính tài liệu đó, có một đoạn trả lời phỏng vấn của một Phật tử. Ngoài việc khẳng định rằng "phản ứng với phía Công giáo" là nguyên nhân chính khiến "kể từ năm 1959 có một sự gia tăng rất lớn số lượng cư sĩ Phật giáo có đăng ký chính thức", Phật tử này còn nêu ra chi tiết về một trường hợp kỳ thị tôn giáo tại một làng ở Quảng Ngãi - tỉnh miền Trung Việt Nam, mà nạn nhân là các Phật tử đồng đạo của ông ta. "Một ngôi chùa Phật giáo", ông ta mở đầu, "Đã được dựng trên một quả đồi từ rất lâu, và đất quanh chùa đã được dùng làm nghĩa địa cho dân làng. Chùa đã bị phá trong chiến tranh với Việt Minh và sau này, khi dân làng muốn phục dựng lại, sư trụ trì đã xin được giấy phép của Giáo hội trung ương cho phép tôn tạo. Họ cũng nộp đơn xin phép ông Tỉnh trưởng về việc phục dựng. Khi nghe được việc này, một linh mục Công giáo cũng lên gặp Tỉnh trưởng để xin giấy phép dựng một bức tượng Đức mẹ trên đồi. Ông Tỉnh trưởng thông qua. Thế là dân làng nổi giận và quyết định tự lo liệu lấy. Trong đêm, họ bí mật dựng lên một ngôi chùa sơ sài, trong khuôn viên có một bức tượng Phật, ngay trên đỉnh đồi. Để trả thù, vị

không ngần ngại giúp đỡ những tàn dư của Đảng Cần lao, khi thấy có lợi cho mình. Ngữ (1979), tr. 67: "Để gây thêm thế lực, Nguyễn-Văn-Thiệu đã móc nối với dư- đảng Cần lao Nhân- vị Cách-mạng đảng của Ngô-Đình-Diệm cũ. Ông đã giúp bọn này tiền bạc để họ tổ chức lễ truy-điệu anh em Ngô-Đình-Diệm, Ngô-Đình-Nhu tại Nghĩa- trang Mạc-Đĩnh-Chi. Người đứng ra lo vụ này là Ngô-Khắc-Tỉnh, Tổng- trưởng Văn-Hóa-Giáo-dục và Thanh-Niên và cũng là bà con thân-tín của Nguyễn-Văn-Thiệu." 80. Moyar (2006), tr. 216. Tài liệu được dẫn là: "The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government" ("Phong trào Phật giáo Việt Nam và những khó khăn với chính quyền hiện tại"). Để biết thêm chi tiết, xem: Moyar trích dẫn, cũng gồm có 3 đoạn: "Chính quyền tỉnh quy định điều kiện tiến hành các hoạt động đó. Chính quyền Sài Gòn, đơn cử, thường tỏ ra cứng nhắc hơn các tỉnh khác trong việc để Phật giáo tự do hành đạo, và thường chỉ cho phép tổ chức các lễ hội chẳng hạn, vào những phút cuối".

Tỉnh trưởng nọ ra lệnh cho mọi người rời khỏi ngọn đồi và tuyên bố sẽ cắt hết thực phẩm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác cho bất kỳ ai vẫn ở lại trên đồi. Một số nhà sư và dân làng quyết định sẽ ở lại trên đồi đến cùng và chấp nhận cái chết, nếu cần. Họ lập luận rằng ông Tỉnh trưởng không có quyền cấp đất trên đồi cho vị linh mục kia, vì đất đó là đất chung của làng. Hơn nữa, trên đó còn có mồ mả tổ tiên – có ý nghĩa thiêng liêng với dân làng. (...) Cuối cùng, Giáo hội Phật giáo trung ương ở Huế kiến nghị ông Tỉnh trưởng rút lại quyết định của mình và ông ta đã cho rút quân và để cho dân

làng trở lại ngọn đồi. Tuy nhiên, những người dân làng vẫn sợ rằng, sẽ có một cuộc chiến phía trước đang đợi họ sau khi họ đã thắng một trận đó. Vị linh mục vẫn tiếp tục gây sức ép. Sự việc được đưa lên toà án xem xét, và những người Phật tử vẫn chưa yên lòng vì họ sợ bị trả thù, và họ cũng chưa xây lại được ngôi chùa cho kiên cố".(81)

81. "The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government" ("Phong trào Phật giáo Việt Nam và những khó khăn với chính quyền hiện tại"). Tài liệu này cũng gồm đoạn sau: "Và, sau cùng, nhân chứng nói rằng quyền tự do tín ngưỡng quy định trong Hiến pháp đã bị vi phạm bởi hành động này (ở đây ông ta dường như đã mâu thuẫn với ý kiến trước của chính mình, khi phát biểu rằng Phật tử vẫn đang cố gây sức ép với chính phủ về tự do tôn giáo và thể chế hoá điều này trong Hiến pháp Việt Nam." Nhân chứng Phật tử này, chắc hẳn đang nói về nỗ lực yêu cầu sửa đổi Nghị định 10, một văn bản pháp luật bị các Phật tử coi là mang tính kỳ thị. Một trong những yêu sách giới Phật tử đưa ra với Ngô Đình Diệm vào năm 1963 là phải sửa đổi lại văn bản nói trên. Xem: Chính Đạo (2004), tr. 251: "Ngày 10/5, trong cuộc biểu tình qui tụ khoảng 5,000-6,000 Phật tử, tăng ni tại chùa Từ Đàm, Trí Quang đọc diễn văn, kêu gọi bất bạo động và Phật tử tiếp tục treo cờ. Sau đó, đại diện Ủy ban tranh đấu trao cho Thị trưởng Đẳng một Thông Bạch [Manifesto], đòi hỏi 5 điều tương đối ôn hoà: tự do treo cờ; Phật giáo được hưởng quyền dành cho Ki-tô giáo như qui định trong Dụ số 10 [ngày 6/8/1950]; ngưng bắt giữ và khủng bố Phật tử; tự do tín ngưỡng; bồi thường cho nạn nhân ngày 8/5 và trừng trị những người có trách nhiệm. Năm người đứng ký tên là Thượng tọa Tường Vân, Mật Nguyện, Mật Hiền, Trí Quang, và Thiện Siêu. Với đại đa số Phật tử, 'Dụ số 10 nêu trong Thông Bạch ngày 10/5/1963 có vẻ xa lạ. Dụ này do Bảo Đại ban hành ngày 6/8/1950 liên quan đến qui chế các hiệp hội, đảng phái. Gồm 5 chương, 45 điều. Điều thứ 44 ghi nhận: 'Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên chúa và Gia tô, và các Hoa kiều lý sự hội sẽ ấn định sau.' (...) Điều này có nghĩa các tổ chức tôn giáo như Phật giáo, Hoà Hảo, Cao Đài, Islam v.v... đều chỉ được phép hoạt động nếu có sự đồng ý của chính phủ." (Không dẫn những ghi chú trong bài). Nhưng xem thêm: Dennis J. Duncanson, Government and Revolution in Vietnam, Oxford University Press, 1968, tr. 332. Về những yêu sách của giới Phật tử liên quan đến Nghị định 10, Duncanson phát biểu rằng "trước năm 1963, không hề có một yêu cầu sửa đổi nào nhân danh giới Phật tử". Những thiếu sót của Nghị định số 10, tác giả bổ sung, đã bị sử dụng như một cái cớ để "bọn người xấu lên

Nhân chứng Phật tử này sau đó bổ sung rằng "những sự cố kiểu như vậy xảy ra liên tục nhiều lần ở Quảng Ngãi và Bình Định, và giới Phật tử ở đó cảm thấy "luôn phải chịu sức ép vô hình từ phía chính quyền". Ông ta cũng nói rằng nhiều Phật tử rất không bằng lòng với nội dung chống Phật giáo trong các bài giảng đạo của các cha cố và linh mục Công giáo Việt Nam."(82) Cuộc phỏng vấn đó mang một ý nghĩa rất dễ nhận thấy. Nếu coi những nội dung của nó là khả tín, thì cuộc phỏng vấn nói trên đã góp phần khẳng định những lời nhận xét về kỳ thị tôn giáo của giới Phật tử vào năm 1963. Vì cuộc phỏng vấn trên được thực hiện vào năm 1961, khi mà những sự kiện năm 1963 vẫn còn

ngủ yên trong tương lai, và xét một thực tế là khi cuộc xung đột Phật giáo xảy ra, nó đã xảy ra ngay tại một thành phố miền Trung Việt Nam là Huế, không một sử gia hữu trách nào lại có thể bỏ qua cuộc phỏng vấn vào năm 1961. Nếu ông ta không tin những lời người trả lời phỏng vấn đã nói trong đó, thì ông ta cũng phải đề cập đến việc đó và giải thích vì sao mình không tin những lời đó. Chứ không thể lờ phắt nó đi như vậy. Xét những kết luận của ông ta về cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963, hiển nhiên là Moyar không thể lờ đi cuộc phỏng vấn này.(83)

án chính sách của Chính phủ đàn áp giới Phật tử "người địa phương" nhằm đề cao những công trình phúc lợi, lòng bao dung quảng nạp và đoàn kết chính trị của Nhà thờ 'đồng minh' và giới đạo hữu." 82. "Phong trào Phật tử Việt Nam và những khó khăn với Chính quyền đương thời". 83. Độc giả nên so sánh nội dung của cuộc phỏng vấn trên với những kết luận trong sách của Moyar (2006), tr. 216: "Trong số 4,766 chùa ở miền Nam Việt Nam, 1,275 ngôi được xây dựng trong thời Diệm nắm quyền, rất nhiều ngôi chùa được nhận tài trợ của chính phủ. Chính quyền Diệm cũng cấp ngân sách cho nhiều trường học, lễ hội và các hoạt động khác của Phật giáo. (Không dẫn những chú thích trong sách). Xét nội dung trả lời phỏng vấn, ta có thể thắc mắc không biết việc xây dựng chùa chiền dưới thời Diệm là phải bất chấp sự phản đối hay được nhờ sự ủng hộ của giới chức. Khoản tài trợ bên Phật giáo nhận được thì thật khiêm tốn so với Nhà thờ Công giáo. Những lý lẽ trên cũng không gây được ấn tượng gì với những sử gia như Nguyễn Thế Anh. Xem: Anh (1990), tr. 113-114: "Thật vậy, [Tổng hội Phật giáo Việt Nam] cũng đồng thời chú ý đến các vấn đề giáo dục và cứu trợ xã hội bằng cách xây dựng các trường trung, tiểu học, các nơi chuyên lo công việc từ thiện như trạm xá và cô nhi viện. Nhưng để làm được những việc ấy, giáo hội Phật giáo chỉ có thể trông cậy vào thiện ý của dân chúng, chứ không mong gì đến sự giúp đỡ tài chính của nhà cầm quyền. Việc trùng tu chùa Xá Lợi Sài Gòn năm 1961 - được xem như trung tâm nghiên cứu Phật giáo – đã nhận được sự giúp đỡ của chính quyền chỉ vì hội trưởng Hội nghiên cứu Phật giáo Nam Việt Nam, ông Mai Thọ Truyền, giữ một vị trí quan trọng trong chính phủ." Moyar phát biểu ngay trong cùng trang sách đó

Nếu những dữ liệu trong đó là khả tín, thì nó không những đã phủ một đám mây nghi ngờ lên những kết luận của Moyar rằng "ở những vùng nông thôn (...), nơi đang có chiến tranh, không ai quan tâm đến cuộc khủng hoảng Phật giáo,"(84) mà còn bộc lộ sự thiếu ăn nhập trong kết luận của Moyar rằng chỉ có một số ít quan chức cao cấp trong chế độ Ngô Đình Diệm là người Công giáo. Dưới chế độ đó, hình như là họ có khả năng tạo áp lực có sức quyết định đối với công việc nhà nước mà không cần phải giữ ghế trong chính phủ. Trong trường hợp tỉnh Quảng Ngãi và trong trường hợp mà Nguyễn Hiến Lê đã nêu ra, một cơ quan công quyền sẵn lòng đưa ra quyết định theo lời yêu cầu của một vị Linh mục Công giáo.(85) Hơn thế nữa, nội dung cuộc phỏng vấn cũng thể hiện rằng giới Phật tử không thụ động như Moyar ngầm kết luận. Khi bàn về các cuộc biểu tình khởi phát tiếp nối sự kiện lá cờ Phật giáo, ông ta phát biểu rằng nhiều Phật tử tham gia biểu tình để "đòi chấm dứt cái mà họ được tuyên truyền là kỳ thị tôn

giáo".(86) Nhưng nếu chúng ta được phép tin những gì mà người Phật tử được phỏng vấn nói với những người Mỹ trong cuộc phỏng vấn năm 1961, thì chúng ta có thể suy luận một cách hợp lý rằng, những Phật tử tham gia phong trào, nhất là những người ở miền Trung, không cần ai rỉ tai họ về động cơ xuống đường để bày tỏ sự phản kháng đối với chính quyền do Ngô Đình

rằng "nguyên nhân người Công giáo chiếm số đông [trong một số cơ quan chính phủ] (...) không phải là do kỳ thị mà là do người Công giáo chiếm tỷ lệ lớn trong tầng lớp có trình độ học vấn cao, một di sản của thời thực dân." Đáng lẽ ra, để tỏ ra chi tiết hơn, Moyar cần chỉ ra rằng những người chống đối Ngô Đình Diệm có cơ sở để phát biểu rằng chế độ Ngô Đình Diệm muốn duy trì lợi thế về trình độ học vấn cho giới Công giáo thông qua tài trợ cho Đại học Công giáo Đà Lạt, là trường đại học tôn giáo duy nhất được mở ở miền Nam dưới thời Ngô Đình Diệm. 84. Moyar (2006), tr. 216. Nhưng xem thêm: Moyar (2006), tr. 253. Khi đề cập đến nhận xét của CIA về kết luận của phóng viên David Halberstam của tờ New York Times, ông ta viết: "CIA nhận xét, có rất nhiều bằng chứng chống lại kết luận của Halberstam rằng cuộc khủng hoảng Phật giáo đã làm cho dân chúng và quân đội quay lưng lại với gia đình họ Ngô." Lẽ ra Moyar nên lấy tài liệu đánh giá này của CIA làm cơ sở để bàn về nội dung cuộc phỏng vấn 1961. 85. So sánh: Moyar (2006), tr. 457, Chú thích 50: "Diệm(...) kịch liệt chống lại những nỗ lực tạo ảnh hưởng lên chính quyền của các cha cố Công giáo." Ông ta dẫn chứng: Piero Gheddo, The Cross and the Bo Tree: Catholics and Buddhists in Viet-Nam, Sheed and Ward, New York, 1970, tr. 143-145. Xem bài điểm sách: Adam Roberts, "Review: Piero Gheddo, The Cross and the Bo Tree: Catholics and Buddhists in Viet-Nam", 43 Pacific Affairs, số 4, tr.632- 633 (1970). 86. Moyar (2006), tr. 217 (những chỗ in đậm do người viết thêm vào).

Diệm lãnh đạo. Với những trải nghiệm trực tiếp của cá nhân họ, những người Phật tử có lý do để coi đạo luật về lá cờ tôn giáo như một biểu hiện nữa của chính sách thiên vị Công giáo chứ không phải để nhằm bảo vệ uy tín chính quyền như Moyar nghĩ. Khi biết nội dung cuộc phỏng vấn năm 1961 có thể tác động tiêu cực đến quan điểm "xét lại" để bênh vực Ngô Đình Diệm của mình, lẽ ra Moyar nên phân tích kỹ về cuộc phỏng vấn này. Nhưng, không hiểu vì lý do gì mà ông ta quyết định thậm chí không buồn nhắc đến sự tồn tại của tư liệu này với độc giả. Dường như Moyar chỉ quan tâm đến nghi án về bàn tay Cộng sản bên trong phong trào Phật tử, cho đó là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Ngô Đình Diệm. Dựa trên những tài liệu tịch thu được từ phía Cộng sản và một số cuốn sách do Cộng sản xuất bản những năm 1990 ông ta kết luận rằng, có sự thâm nhập của những cán bộ Cộng sản trong phong trào Phật tử xuống đường. "Không thể (...) phủ nhận rằng có một số lượng đáng kể những người tham gia biểu tình là người của Cộng sản, kể cả một số nhà sư," Moyar viết. Trước đó rất lâu, Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần đóng vai sư sãi và thâm nhập vào các tổ chức Phật giáo, một việc rất dễ làm vì bất kỳ người Việt Nam nào cũng có thể lập tức trở thành sư sau khi cạo đầu, khoác chiếc áo cà sa và thể hiện những hành vi từ bi.(87) Khi đưa ra những ý

kiến này, Moyar đã không chịu công nhận một thực tế là, cho dù thực sự có sự xâm nhập của Cộng sản như ông ta nghĩ, thì tính chính đáng của những yêu sách do giới Phật tử đưa ra cũng không vì thế mà giảm sút. Rốt cuộc, sự xâm nhập nói trên cũng không thể xoá đi những nỗi bất công mà giới Phật tử phải chịu trước sự lộng hành của bên Công giáo, do đó họ có lý do riêng để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Hơn nữa, phong trào Phật tử không phải là đoàn thể duy nhất của miền Nam có khả năng đã bị Cộng sản xâm nhập. Để có cái nhìn toàn diện, lẽ ra Moyar nên bổ sung thêm rằng Cộng sản Việt Nam cũng rất lành nghề trong việc thâm nhập các tổ chức Công giáo cũng như chính quyền miền Nam, dưới vỏ bọc Công

87. Moyar (2006), tr. 217 (không dẫn những chú thích trong bài). Cần lưu ý vào mùa hè năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm đã từng cố phá uy tín của phong trào Phật giáo, nhưng không thành, bằng cách sử dụng các sư giả. "'Sư giả' là sáng chế của họ Ngô–mùa Hè 1963, người ta thấy xuất hiện trên đường phố, rạp hát, tiệm ăn nhiều thanh niên cạo đầu trọc, mặc áo tu sĩ Phật Giáo, chửi thề, ăn nói tục tĩu. Ai cũng biết đây là sáng kiến của nha trảo họ Ngô," Nguyên Vũ [Vũ Ngự Chiêu] viết trong: Ngàn Năm Soi Mặt, Văn Hóa, Houston, 2002, tr. 37.

giáo. Ví dụ như Đại tá Phạm Ngọc Thảo, người Công giáo trên danh nghĩa, là một điệp viên kiểu như vậy. Vũ Ngọc Nhạ và Huỳnh Văn Trọng là hai điệp viên "Công giáo" nổi tiếng khác mà Cộng sản đã cài được vào tận Dinh Tổng thống của miền Nam.(88) Do đó, khả năng bị Cộng sản xâm nhập không thể trở thành lý do duy nhất đủ thuyết phục để kết luận rằng những người Phật tử không có những yêu sách chính đáng khiến chính quyền Ngô Đình Diệm cần lưu tâm giải quyết. Cách thức Moyar sử dụng các nguồn tư liệu để chứng minh sự hiện hữu của Việt cộng trong phong trào Phật tử cũng khiến ta cần xem xét lại. "Một vài tài liệu của Cộng sản mà người Mỹ và chính quyền Miền Nam nắm được trong tay cho thấy sự tham gia của Cộng sản trong phong trào Phật tử," ông ta nói.(89) Một tài liệu của Cộng sản, đề ngày 27/7/1963 và bị tịch thu sau đó vài tuần, đã nói rằng ở một vài nơi, cán bộ Cộng sản "đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị thông qua việc khởi xướng các cuộc biểu tình chống đàn áp Phật giáo ở tỉnh và các quận."(90) Tuy nhiên, một tài liệu của CIA, ngày 16/9/1963, lại thể hiện cách đánh giá chi tiết hơn về vai trò Cộng sản trong cuộc khủng hoảng Phật giáo so với Moyar. Tài liệu đó kết luận: "Chi nhánh CIA ở Sài Gòn nói không có bằng chứng rõ ràng về sự xâm nhập ở mức đáng quan tâm, hay vai trò lãnh đạo của Việt Cộng trong phong trào Phật tử và sinh viên miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, chi nhánh cũng tin rằng có khả năng một số ít lãnh đạo Phật tử và sinh viên là Việt Cộng, hoặc có nhận chỉ thị hay sự hỗ trợ của Việt Cộng, hoặc ít nhất là cũng thiên Cộng hoặc thân Hà Nội. Có những báo cáo cho thấy Việt Cộng đang tìm cách lợi dụng phong trào phản kháng của Phật tử và sinh viên, và chi nhánh cho rằng có nhiều khả năng một số lãnh đạo các nhóm chống đối có đầu óc cơ hội sẽ tiếp nhận hỗ trợ từ bất cứ phía nào. Một bản báo cáo ngày 17 tháng Tám do [tên bị xóa] viết cho Diệm ghi nhận rằng "các tài liệu thu được từ phía Việt Cộng không đề cập đến vai trò khuấy động của Việt Cộng đối với bất kỳ một biến cố nào, mà chỉ nói

đến kế hoạch tận dụng triệt để cơ hội khi có tình huống từ những sự kiện do Mỹ hoặc phe đối lập tạo ra.”Vào

88. Nguyễn Khắc Ngữ, Đại cương về các đảng-phái chính-trị Việt-Nam, Nhóm Nghiên cứu Sử Địa Việt Nam, Montreal, 1989, tr. 83.

89. Moyar (2006), tr. 217.

90. Moyar (2006), tr. 217.

ngày 15/9 [tên bị xoá] báo cáo với một nhân viên của chi nhánh rằng mình vẫn chưa thu thập được bằng chứng cụ thể nào về bàn tay của Việt Cộng trong các vụ biến cố, nhưng chống chế rằng “Bằng chứng mà làm gì? Chúng ta biết những người này mà.”(91) Xét những lời chính bản thân Moyar nói về sự xâm nhập của Cộng sản trong phần trích nói trên, độc giả có thể sẽ thắc mắc muốn biết ông ta nói như thế nào về tài liệu đó của CIA. Đáng tiếc là không có chỗ nào trong cuốn sách Chiến thắng bị bỏ lỡ, Moyar phân tích sâu hơn về tài liệu đó. Thay vì bàn rõ và phê phán các thông tin có thể làm lay chuyển quan điểm của mình, thì ông ta lại chỉ dựa vào các tác phẩm nói về cuộc khủng hoảng Phật giáo do Cộng sản xuất bản từ những năm 1990 để chứng minh cho ý kiến của mình. Nhưng một điều dễ thấy là các tác phẩm đó đều mắc phải một vấn đề chung là tất cả đều đã được hậu kiểm, có nghĩa là nội dung có thể được nắn chỉnh lại sau khi kết cục của những sự kiện lịch sử đã trở nên rõ ràng.(92) Lẽ ra không thể bỏ qua vấn đề trên, nhưng Moyar lại không hề giải thích cho độc giả tại sao họ vẫn nên tin vào những kết luận trong các tác phẩm đó về vai trò của Cộng sản trong phong trào Phật tử. Tuy nhiên, nhận định về cách sử dụng các nguồn tư liệu của Moyar không phải là phản biện lớn nhất đối với biện luận “xét lại” của ông ta về cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963. Bởi vì ngay cả khi chúng ta, để rộng đường bàn luận, sẵn sàng chấp nhận rằng cách thức vận dụng tư liệu của Moyar là chính đáng, thì kết luận của ông ta cho rằng phong trào phản kháng của Phật tử chống lại Ngô Đình Diệm cơ bản là do Việt Cộng xách động và lãnh đạo vẫn rất khó thuyết phục. Bởi vì kết luận này không giải thích được sự bất mãn của Phật tử miền Nam đã từng được ghi nhận từ trước khi biến cố cờ Phật giáo xảy ra vào tháng Năm năm 1963. Muốn làm cho quan điểm “xét lại” của mình có tính thuyết phục hơn, thì Moyar cần phải phản biện hoặc giải

91. CIA, “The Situation in South Vietnam, 9/16/1963”. Tài liệu này có thể được tải về từ trang: 92. Xem: Stanley Karnow, Vietnam: A History: Revised and Updated Edi- tion, Pinguin Books, New York, 1991, tr. 557. Khi bàn về nhận định của tướng Võ Nguyên Giáp năm 1990, phát biểu rằng “cuộc tấn công Tết Mậu thân nhằm chứng minh rằng lực lượng Việt Cộng không phải đang kiệt sức hay sắp bị đánh bại như lời tướng,” Karnow viết: “Kết luận của tướng Giáp là có sự hỗ trợ của hậu kiểm, sau khi mọi chuyện đã ngã ngũ.”

thích cho xuôi “những bằng chứng về sự bất mãn của Phật tử đối với chính quyền có nhiều biểu hiện thân Công giáo của Ngô Đình Diệm trước năm 1963 – một số bằng

chứng được nêu ngay trong số ra ngày 15/3/ 1963 của tạp chí Informations Catholiques Internationales," một thách thức quan trọng mà ông ta không giải quyết được.(93) Moyar cũng nên đưa ra những lời giải thích về vai trò tích cực của Thượng tọa Thích Tâm Châu trong phong trào Phật tử, một vị lãnh đạo Phật giáo nổi tiếng trong cộng đồng di dân gốc Bắc. Khi bàn về kế hoạch vận động công luận của các nhà sư ở Huế sau sự kiện Lá cờ, Dennis Duncanson lập luận: "Cùng với Tăng đoàn ở Sài Gòn, do Thích Tâm Châu lãnh đạo, họ gửi một thỉnh nguyện thư về 'nhân quyền' lên Tổng thư ký Liên hiệp quốc."(94) Khi cuộc đấu tranh của Phật tử tiếp diễn, "Tâm Châu," vẫn theo Duncanson, "Tạo liên minh qua việc thành lập một Ủy ban Liên tôn với các nhóm Tiểu thừa ở Sài Gòn và một số nhóm Hoà Hảo và Cao Đài, là những nhóm mà Tăng đoàn Phật giáo trước đây không công nhận là những dòng tu Phật giáo nhưng lại có những ân oán mà họ muốn thanh toán với chính quyền."(95) Phải chăng vai trò lãnh đạo mà nhân vật "chống Cộng quyết liệt"(96) này đã đóng ngay từ buổi đầu của phong trào Phật tử là biểu hiện cho thấy sự bất mãn của giới Phật tử đối với chính quyền Ngô Đình Diệm đã đến mức rất sâu rộng? Thực ra, vì hầu như chỉ chú ý vào sự xâm nhập của Cộng sản mà có vẻ Moyar đã không nhận thấy được rằng phong trào Phật tử xuống đường cũng nhận được sự ủng hộ đáng kể của các lực lượng đối lập phi Cộng sản. "Vào đầu năm 1963," Nguyễn Thế Anh viết, "Gần như ai ai cũng mất lòng tin đối với một chính quyền độc tài và tham nhũng. Để bịt miệng dư luận đang đòi hỏi công bằng xã hội,

93. Roberts (1970), tr. 633. 94. Duncanson (1968), tr. 332. 95. Duncanson (1968), tr. 333; Chính Đạo (2004), tr. 252: "Tại Sài Gòn, dù chưa trở thành mắt bão, Phật tử biểu tình liên tiếp trong hai ngày 7 và 8/5 để chống lệnh cấm treo cờ và đòi bình quyền tôn giáo. Ngày 9/5, Thượng tọa Tâm Châu, Phó Hội chủ Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo—quyết 'Tử Vì Đạo.' Ủy ban này qui tụ 11 Hội đoàn. (…) Tâm Châu được cử làm Chủ tịch; với Mai Thọ Truyền, Tổng thư ký. Văn phòng đặt tại chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan." (Internal note omitted). 96. Karnow (1991), tr. 355.

chính quyền không ngần ngại dùng cảnh sát để đàn áp. Thực vậy, chính quyền Ngô Đình Diệm không lượng thứ với bất cứ cuộc tranh chấp nào, và đặt ra ngoài vòng pháp luật bất cứ ai có thái độ thách thức đối với chính quyền. Hình như không có giải pháp nào khác được nhận biết. Bởi vì nhóm đối lập vũ trang bất hợp pháp của Mặt trận giải phóng dân tộc miền nam Việt Nam - kiểm soát rộng khắp vùng nông thôn, nhưng rõ ràng càng lúc càng bị những nhà lãnh đạo cộng sản Hà Nội chi phối - không gây được chú ý nơi các phe phái chính trị Nam Việt Nam. Họ co cụm lại trong thái độ chờ đợi, càng hơn thế nữa khi chính quyền Mỹ, dù lúng túng vì cách hành xử độc đoán của chính quyền Ngô Đình Diệm, vẫn quyết định tiếp tục sự ủng hộ hào phóng vốn có từ năm 1955, và dù sao đi nữa, có vẻ cũng không dự kiến cho một cuộc chính biến nào cả."(97) Vì vậy, khi giới Phật tử bắt đầu xuống đường phản đối chế độ Ngô Đình Diệm, ngay từ đầu, họ có thể kết hợp được cả một trào lưu chung những bất mãn và tập hợp

được dưới trướng nhiều lực lượng đối lập với chính phủ, kể cả những người, đứng ngoài mọi mối bận tâm về tôn giáo, đang tìm kiếm một giải pháp phi cộng sản để chống lại chế độ gia đình trị của họ Ngô.(98) Nếu những thông tin Nguyễn Thế Anh đưa ra là khả tín, thì những thông tin đó đã có tác dụng củng cố ý kiến cho rằng sự xâm nhập của Cộng sản, nếu có, thì cũng không ảnh hưởng mấy tới tính chính đáng của phong trào đấu tranh của Phật tử. Những thông tin ông ta đưa ra đã cho thấy, không chỉ riêng giới Phật tử, mà nhiều người dân miền Nam không theo đạo Công giáo khác cũng có động cơ riêng để chống lại chính quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm,(99) bất kể phía Cộng

97. Anh (1990), tr. 115 (không dẫn các chú thích trong bài). 98. Anh (1990), tr. 115-116. 99. Miller (2004a), tr. 258-259. Về các bên ký kết Tuyên cáo chung Caravelle được công bố năm 1960, Miller viết: “Các đại diện ký kết đều là các tay bảo thủ và chống Cộng kiên quyết, thành viên của các nhóm vốn được cho là ủng hộ Diệm. Thực ra, trừ Phan Huy Quát là trường hợp ngoại lệ, hầu hết những người ký trước đây đều là những người ủng hộ Diệm, trong đó có 6 người từng làm việc trong nội các đầu tiên của Diệm từ tháng Bảy năm 1954 – một nội các (…) lúc đó được coi là tập trung toàn những người tận trung với Diệm. Nếu Diệm đã đánh mất sự ủng hộ của những thành phần bảo thủ như thế, thì sự bất mãn với chế độ của ông ta hẳn đã lên rất cao.” So sánh với: Moyar (2006), tr. 105: “Bảy trong số 18 [người ký] là bác sĩ, và đa số những người còn lại đã từng giữ các chức vụ cao trong thời thuộc địa. Tất cả đều là những trí thức Sài Gòn điển hình, thấm đẫm các tư tưởng Tây học và xa rời đại chúng.”

sản hành động như thế nào chăng nữa.(100) Sự bất mãn của dân chúng miền Nam đối với chính phủ Ngô Đình Diệm đã lên cao đến mức họ nắm lấy phong trào Phật tử làm cơ hội để bày tỏ thái độ phản đối chính quyền một cách phi Cộng sản.(101) Như vậy, ý nghĩa chính trị của phong trào Phật tử, không phải ở chỗ nó đã tạo ra sự phản kháng, dù trên thực tế có như vậy, mà chính là nó đã tạo nên một môi trường vận động cho rất nhiều lực lượng bất đồng chính kiến ngầm có thể liên kết lại.(102) Nếu mà một độc giả bình thường có khả năng lượng định mức khả tín của một sử gia chuyên nghiệp, thì hẳn là, riêng về sự kiện phong trào Phật tử, cho đến giờ phút này Nguyễn Thế Anh đã tạo được ấn tượng rằng ông ta là một sử gia đáng tin hơn Moyar rất nhiều. Lý do chính cho phép chúng ta đánh giá các nhận định của ông Anh cao hơn của Moyar là ở chỗ ông Anh đã rất nhất quán với các nguồn tư liệu đã có từ (khá lâu) trước khi xảy biến cố cờ Phật giáo, mở đầu cho phong

100. Một bằng chứng xác thực ý kiến của Nguyễn Thế Anh có thể được tìm thấy trong bản báo cáo của Đại sứ Pháp tại Sài Gòn gửi về Paris ngày 10/3/1962, trước khi có sự kiện Lá cờ. Trong báo cáo đó, ông đại sứ viết rằng, ngoài phe Cộng sản, chế độ Diệm cũng phải đối mặt với sự chống đối đang gia tăng từ nhiều người dân miền Nam không theo Công giáo, những người này đang mong đợi một sự thay đổi chế độ. Bản báo cáo này được Vũ Ngự Chiêu tìm thấy và dịch sang tiếng Việt. Xem: Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu], Việt Nam Niên Biểu 1939-1975, tập I-C: 1955-1963, Văn Hóa, Houston, 2000, tr.

248-250. Tài liệu này cần được xem xét cùng với báo cáo năm 1961 của người Mỹ có tiêu đề "Phong trào Phật tử ở Việt Nam và những khó khăn với chính quyền đương thời", mà chính Moyar cũng đã dẫn. 101. Chính Đạo (2000), tr. 248: "10/3/1962: Sài-Gòn: Đại sứ Lalouette báo cáo về Paris rằng vấn đề Việt Nam gai góc hàng đầu tại Đông Nam Á (...) 'Cuộc đánh bom Dinh Độc Lập ngày 27/2/1962 phá vỡ mọi vẽ bình lặng ngoài mặt. Ngoài Cộng Sản, những lực lượng đối lập không CS gia tăng chống đối Diệm. Cuộc chống đối này, dưới những dạng thức khác nhau, có mẫu số chung là sự oán hờn (la rancoeur) chống lại một thế lực tổng thống độc tài (...). Lực lượng chống đối tập họp những người ái quốc cấp tiến, giới trưởng giả Nam kỳ bị gạt bỏ khỏi những việc công ích bởi những phần tử từ Bắc hay Trung vào tị nạn, những giáo phái bị giải giới và bị nghi ngờ và, một cách tổng quát, tất cả những người không Ki-tô chống lại thiểu số Ki-tô (10 % dân số) đã đặt tôn giáo Ki-tô La Mã lên hàng quốc giáo. Họ không đòi hỏi sự thay đổi trong chế độ, mà thay đổi cả một chế độ.'" 102. Câu này tôi mượn của sử gia Robert Maddox khi ông viết về những sự phản kháng đối với Tổng thống Franklin Roosevelt về kế hoạch thâu tóm Tối Cao Pháp Viện Liên bang: "Ý nghĩa chính trị của trận chiến về Tối Cao Pháp Viện không hẳn là ở chỗ nó đã tạo ra đối lập, dù trên thực tế nó có tạo ra, mà nằm ở chỗ nó đã hình thành một môi trường vận động để rất nhiều lực lượng đối lập ngầm có thể liên kết lại." Đã được dẫn trong: William E. Leuchtenburg, The Supreme Court Reborn: The Constitutional Revolution in the Age of Roosevelt, Oxford University Press, 1995, tr. 156.

trào Phật giáo đấu tranh vào tháng Năm năm 1963. Chính vì nội dung các tư liệu đó không hề bị tô vẽ hay chỉnh sửa theo kiểu hậu kiểm, nên chúng có thể được xem là có độ tin cậy khá cao. Những nguồn tư liệu đáng tin cậy đó đã khiến cho các ý kiến của Anh có vẻ có trọng lượng hơn của Moyar. Ngược lại với tuyên bố của mình, sử gia "xét lại" của chúng ta đã không đánh đổ được quan điểm "chính thống" cho rằng Phật tử miền Nam đã phải chịu sự kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Muốn đạt được mục đích đó, ít nhất ông ta cũng phải cố phản biện những thông tin được nêu trong các nguồn tư liệu được hình thành từ trước Biến cố cờ Phật Giáo như đã nêu ở phần trên. Tuy nhiên, trong cuốn sách Chiến thắng bị bỏ lỡ, Moyar thậm chí còn không nhắc đến chúng, dù chỉ là gián tiếp. Những thông tin không bị phản biện nói trên cho phép chúng ta suy đoán rằng sự bất mãn của giới Phật tử là chính đáng, từ đó khiến chúng ta băn khoăn không biết liệu Ngô Đình Diệm có giữ được chính quyền hay không, nếu ông ta giải quyết được cuộc khủng hoảng Phật giáo theo cách tương tự như chính quyền Bắc Việt đã áp dụng năm 1956 để hạ nhiệt phản ứng của dân chúng trước hậu quả tai hại của chương trình Cải cách ruộng đất. "Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản," Moyar viết, "đã thừa nhận chương trình cải cách ruộng đất có "trừng phạt cả những người vô tội", trong khi ông Hồ và ông Giáp đích thân đến nhiều làng để diễn thuyết nhằm an ủi dân chúng và thuyết phục họ không tham gia các phong trào phản kháng."(103) Năm 1963, Ngô Đình Diệm từ chối đáp ứng các yêu sách "chẳng có gì quá đáng" do giới Phật tử đưa ra,(104) vì, theo lập luận của Moyar,

103. Moyar (2006), tr. 62 (không dẫn chú thích trong bài). 104. Dù sao đó cũng là ý kiến của Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Đại học Huế năm 1963, một thành viên trong nhóm thân tín của Ngô Đình Diệm. Ông nói có thể Ngô Đình Diệm cách chức ông vì đã bao che cho những sinh viên tham gia phong trào Phật tử. “Những nguyện vọng của họ thì ai cũng biết, chẳng có gì quá đáng. Ít ra là lúc bây giờ, đại để là hủy bỏ nghị định cấm treo cờ Phật giáo, trừng phạt thủ phạm gây ra cảnh đổ máu ở đài phát thanh, chấm dứt tình trạng đàn áp Phật giáo nếu quả thực chính quyền có chủ trương đó,” ông viết trong: L.M. Cao Văn Luận, Bên Giòng Lịch Sử Việt Nam, 1940-1975, TanTu Research, Sacramento, California, 1983, tr. 236 (tôi tự nhấn mạnh ở những chỗ in nghiêng). Xem thêm: Huy (1982), tr. 94: “Trong khi Diệm cố tìm cách giải quyết vấn đề một cách ôn hoà, ông Thục, ông Nhu và bà Nhu thiên về đối sách mạnh tay với Phật tử. Khiến Phật tử buộc phải gia tăng sự phản đối chính quyền. Ngày 11/6/1963, nhà sư Quảng Đức tự

nếu làm như vậy, ngoài nhiều hậu quả khác, ông ta sẽ “tạo nên một ấn tượng về sự nhu nhược.”(105) Nhưng khi đối phó với cuộc khủng hoảng Phật giáo theo cách mà ông ta đã thực hiện, vị Tổng thống Công giáo này dường như đã bỏ lỡ cơ hội giành được chiến thắng, một chiến thắng mà theo Moyar đã sắp nằm trong tầm tay trên chiến trường miền Nam. 3. CƠ HỘI BỊ LÃNG PHÍ Vấn đề liệu có phải Cộng sản đang chịu tổn thất lớn trong những năm cuối của Ngô Đình Diệm là một câu hỏi mang nhiều tính chất quân sự, và cần phải được giải quyết riêng rẽ. Tất cả những ý kiến tôi nêu trên đều không có ý quy kết rằng kế hoạch chống bạo loạn nhằm trấn áp Việt Cộng đã thất bại. Ngay cả trong trường hợp chúng ta được phép kết luận rằng chương trình cải cách điền địa của ông ta đã đại bại, và giới Phật tử miền Nam phải chịu sự kỳ thị trong những năm ông ta cầm quyền, chúng ta vẫn không thể loại bỏ khả năng Ngô Đình Diệm là một người thành công trong vai trò người lãnh đạo cuộc chiến.(106) Giá mà Moyar chỉ tập trung vào việc phân tích thành tích quân sự của chế độ Ngô Đình Diệm, thì hẳn ông ta đã gây được ấn tượng đáng tin cậy đối với khối độc giả trung bình, những người thường không có khả năng để kiểm chứng những lập luận chuyên môn của ngành quân sử. Với tình thế hiện tại, Moyar dường như đã lãng phí cơ hội đó. Xét cách lập luận đầy tính thiên vị và chủ quan của Moyar về chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm và nguồn gốc của phong trào Phật tử, bên cạnh nhiều vấn đề khác, ta không khỏi nghi ngờ rằng

thiêu.” Cũng nên biết rằng, giáo sư Huy, từng là đảng viên Đảng Đại Việt, và phải lưu vong ở Pháp trong thời gian Ngô Đình Diệm nắm quyền. 105. Moyar (2006), tr. 213. Moyar cũng nêu ra ngay trong trang sách đó những nguyên nhân khác khiến Ngô Đình Diệm không chấp thuận các yêu sách của Phật tử. “Hàng loạt các phe phái và nhóm thiểu số khác có thể sẽ đổ xô đến với không biết bao nhiêu yêu sách mới mà chính phủ không thể nào đáp ứng được. Và nếu thỏa mãn các yêu sách của Phật tử, Diệm sẽ tự làm yếu đi khả năng tự vệ trước các lực lượng chống đối khác và Việt Cộng – nếu cảnh sát không được phép bắt những người biểu tình tự xưng là Phật tử, chính quyền sẽ

không ngăn ngừa được bạo loạn, kéo theo sự giảm sút thể diện quốc gia.” 106. Moyar phát biểu rằng Philip Catton đã sai lầm “khi chấp nhận quan điểm chung cho rằng Diệm không có khả năng điều hành cuộc chiến một cách hữu hiệu.” Xem: Mark Moyar, “The Current State of Military History”, 50 The Historical Jour- nal, No. I, tr. 233 (2007).

những phân tích của tác giả về các vấn đề quân sự cũng chủ quan không kém. Tất nhiên, tuy có nhiều lý do hiển nhiên để nghi ngại, ta vẫn không thể lấy đó làm cớ để bác bỏ giả định rằng cách viết quân sử của Moyar có thể là khách quan và hợp lý. Việc đánh giá xem giả định trên có đúng hay không, và nếu có, thì đúng đến mức nào là một việc mà chúng ta phải giành cho các sử gia chuyên nghiệp. Họ mới thực là những người vừa có kiến thức chuyên môn, vừa có khả năng tiếp cận các tư liệu cần thiết để đánh giá đúng chất lượng của những phân tích quân sự được nêu ra trong cuốn Chiến thắng bị bỏ lỡ. Vì Moyar đã kết luận một cách vơ đũa cả nắm rằng sự gắn bó chặt chẽ với tư tưởng chính thống của nhiều sử gia trong các trường đại học Mỹ là nguyên nhân gây ra các “lỗ hổng và khiếm khuyết trong việc nghiên cứu (...) chiến tranh Việt Nam”,(107) nên những độc giả quan tâm đến vấn đề này có thể tìm đọc bài phê bình cuốn Chiến thắng bị bỏ lỡ của John Carland, một học giả đã từng làm việc cho Trung tâm Quân sử của Lục Quân Hoa Kỳ và hiện đang làm tại Ban nghiên cứu sử thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.(108) 21/9/2007

***

Ghi chú: Cho dù tôi rất biết ơn các vị đã đọc và góp ý về bản thảo của bài này, cá nhân tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những lỗi lầm vẫn còn nằm trong bài viết này.

107. Moyar (2006), tr. xii. Một trong số các sử gia bị công kích đã có ý kiến “phản hồi”. Xem: Seth Jacobs, “Review: Mark Moyar, Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954–1965”, 94 Journal of American History, No. 1, tr. 332-333 (2007). 108. John M. Carland, “Review: Mark Moyar, Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954–1965”, 71 Journal of Military History, No. 2, tr. 591-594 (2007). Xem thêm: Thư của Moyar phê bình bài điểm sách này và bài phản hồi của Carland trong: 71 Journal of Military History, No. 3, tr. 903-907 (2007)

CHUỘT CHẠY CÙNG SÀO! Nguyễn Trí Cảm

Trong những năm gần đây, cứ gần đến ngày 1 tháng 11, ngày chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, là ta lại thấy tiếng ca ngợi ồn ào “tinh thần Ngô Đình Diệm” của người Công giáo hải ngoại, nào là người yêu nước, chính trực, bất khuất v.v... rồi gần đây, tiến đến việc đề nghị xây dựng tượng đài cho ông ta sau gần 50 năm, kể từ ngày tàn của chế độ gia đình trị năm1963 cho đến nay. Đây không phải là việc tự phát, mà theo như suy luận, đó là một chiến dịch có chủ đích rõ ràng của các nhóm hoài Ngô nhằm biện minh cho một giai đoạn lịch sử. Giai đoạn lịch sử của nền Đệ nhất Cộng hòa đã được ghi vào sử sách, và số phận của Tổng thống Diệm cũng đã khép lại, lịch sử đã sang trang, nhưng ông không được yên nghỉ vì những kẻ tiếc rẻ cái thời hoàng kim sống dưới triều ông cứ vực ông dậy, ca ngợi công trạng của ông bằng những phẩm chất cao đẹp . Di sản

chính trị của ông, thông qua những nhóm hoài Ngô, nay trở thành mối di họa khi họ vẫn tiếp tục hô hào, nuôi dưỡng hận thù dân tộc, kích động tôn giáo, mà đáng lý ra chúng phải được dần khép lại sau cuộc chiến. Tuy rằng những nỗ lực này rồi cũng sẽ chẳng đến đâu do trình độ dân trí ngày nay đã tiến xa. NGÀN NĂM BIA MIỆNG Riêng nói về công trạng, ông Diệm thật sự có công đối với Vatican trong việc mở mang nước Chúa là điều không thể phủ nhận. Ông tạo mọi điều kiện tốt nhất để phát triển đạo Chúa ở miền Nam Việt Nam. Đây cũng là lẽ thường tình của bất cứ con chiên ngoan đạo nào, với niềm tin rằng, chỉ có dân Chúa mới là những chiến sĩ chống Cộng đích thực, đáng tin cậy. Quan điểm này được áp dụng cho hầu hết các vị trí then chốt trong bộ máy cai trị của chế độ Diệm trong việc ban phát quyền bính và danh lợi cho đám Cần lao Công giáo, và các cận thần để mua sự trung thành cho chế độ. Niềm tin đó cũng được thể hiện qua việc liên minh Vatican và Mỹ tin tưởng nơi ông, vì ông là một người Ca tô giáo, để đối trọng với những người Cộng sản bên kia vĩ tuyến 17.

322 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Cuộc đấu tranh của Phật giáo do chính sách đàn áp tôn giáo đã làm xã hội nhận thức được sự tàn ác, bất công của chế độ độc tài, gia đình trị. Không phải việc kỳ thị tôn giáo mới bắt đầu từ năm 1963 mà sự việc đã diễn ra từ những năm gia đình ông Diệm mới cầm quyền. Cuộc đấu tranh bất bạo động của Phật giáo trở thành cao điểm từ khi quân đội, cảnh sát của Diệm trực tiếp nổ súng giết hại đồng bào Phật tử trong mùa Phật đản năm 63 tại Huế và từ đó kéo theo phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, và đồng bào Phật tử lan tỏa khắp miền Nam, tạo dư luận chấn động lương tâm thế giới qua hình ảnh các tu sĩ Phật giáo tự thiêu để bảo vệ chánh pháp, và dẫn đến cuộc binh biến năm 1963, lật đổ chế độ dựa vào thế lực ngoại bang và ảnh hưởng của Vatican để cầm quyền. Việc suy tôn ông Diệm của đám hoài Ngô trong nỗ lực ca tụng “toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô tổng thống” không phải đơn giản là dựng người đã yên nghỉ trong nghĩa trang thành một tượng đài. Việc đề nghị xây dựng lại tượng đài Ngô Đình Diệm của nhóm hoài Ngô có thể được hiểu như sau: - Thứ nhất là một nỗ lực cố tạo dựng hình ảnh một người Thiên chúa giáo yêu nước qua hình ảnh Ngô Đình Diệm, chứ không phải đạo này chỉ được biết đến qua việc cấu kết với thực dân, đế quốc trong quá trình truyền đạo tại Việt Nam từ quá khứ cho đến hiện tại. - Thứ hai là chạy tội đối với lịch sử, với đại khối dân tộc phi Thiên Chúa giáo, và vì lòng căm thù của kẻ bại trận. XÓA HÌNH ẢNH ĐỒNG HÀNH CÙNG ĐẾ QUỐC, THỰC DÂN. Đạo Thiên Chúa theo chân chủ nghĩa thực dân du nhập vào Việt Nam vào khoảng đầu thế kỷ XVI. Những thế lực này cấu kết và đan xen vào nhau để xâm lược và truyền đạo, tạo thành một nhóm lợi ích từ bóc lột sức lao động cũng như tài nguyên, phẩm giá con người của các nước thuộc địa, tìm cách xóa bỏ nền văn hóa bản địa để xây dựng thành những nước Pháp nhỏ, nhưng với tinh thần quật cường, bất khuất, dân tộc Việt Nam đã đứng dậy, tổ chức những phong trào kháng chiến chống lại ách đô hộ, lớp trước ngã xuống, lớp sau quật cường đứng dậy đấu tranh, cho đến khi thực dân Pháp thảm bại tại Điện Biên Phủ năm 1954. Sự thất bại của chủ nghĩa thực dân kéo theo sự mất đi các đặc quyền đặc lợi được thực dân Pháp ban phát, và lợi thế truyền giáo của nhà thờ, và điều quan trọng hơn cả là nó vạch mặt các giáo sĩ, và

các con chiên cúc cung tận tụy phục vụ làm tay sai chỉ điểm cho mật thám Pháp. Thực ra, hầu hết các giáo dân đều không đủ trình độ để tiếp xúc trực tiếp với người Pháp nhưng họ thông qua các buổi xưng tội để báo cho các ông linh mục biết. Điển hình là vụ Hà thành Đầu độc tại Thành Hà Nội năm 1908 của lính khố xanh, khố đỏ và các đầu bếp người Việt làm nội ứng cho Cụ Hoàng Hoa Thám đánh Thành Hà Nội, nhưng bị lộ và thất bại do một giáo dân đi xưng tội với một cha cố người Pháp.(1) Nhờ những thông tin được giáo dân cung cấp, thực dân Pháp dễ dàng ra tay đàn áp các lực lượng kháng chiến còn phôi thai trong giai đoạn nằm dưới ách đô hộ này, tuy vẫn có một số ít người công giáo thức tỉnh không theo Pháp hay ở tư thế trung dung, nhưng đó không phải là chủ trương của nhà thờ nên không thể xem là đại diện cho một tôn giáo đồng hành cùng dân tộc được. Đối với đại khối dân tộc dân tộc, đạo Thiên Chúa tuy vẫn hiện diện ở Việt Nam nhưng chưa hoàn toàn nhập được vào đời sống văn hóa, lễ hội truyền thống cộng đồng, nên dầu trải qua mấy trăm năm, tỷ lệ người theo Thiên chúa giáo vẫn không vượt quá 6-7 % dù họ được hỗ trợ bằng mọi phương tiện từ vật chất từ các tổ chức bên ngoài. Với những nguyên nhân trên, để đạo phát triển được, việc cần thiết là cần phải xóa bỏ đi hình ảnh đạo Thiên Chúa gắn liền với các thế lực đế quốc, thực dân. Và nhất là hình ảnh người Thiên Chúa giáo "yêu nước" được xây dựng qua hình ảnh tổng thống Ngô Đình Diệm, được suy tôn là "vị quốc vong thân". Việc tìm cách dấy nên phong trào tinh thần Ngô Đình Diệm và các đề nghị xây dựng tượng là một hình thức mặc nhiên "tri ân" người có công với đất nước, và chủ đích muốn đánh lừa dư luận rằng "mất nước" là do sự đấu tranh "bạo động" của Phật giáo và các thế lực "phản trắc" của nhà Ngô, do đó, hành vi trấn áp Phật giáo là đúng đắn, vì sự sống còn của tổ quốc, chứ không phải xuất phát từ động cơ tôn

1. Sau đó, mật thám khám xét nhiều nơi. Dù không có kết quả rõ ràng nhưng quân Pháp vẫn nghi ngờ, đề phòng. Tối 27-6-1908, những người yêu nước bắt đầu thực hiện kế hoạch. Nhóm đầu bếp Hai Hiên đã bỏ cà độc vào thức ăn. Khoảng 200 binh lính Pháp thuộc trung đoàn bộ binh số 9 và trung đoàn pháo binh số 4 trúng độc bất tỉnh nhưng không chết vì lượng chất độc yếu. Vụ việc đang tiến hành dở dang thì một người lính tên Trương trong cơ công binh pháo thủ số 9 đã vội xưng tội với linh mục. Tin đến quan Pháp. Chúng lập tức cho bắt ngay binh lính và các đầu bếp Việt trước khi họ kịp cướp kho súng, nổ pháo hiệu báo nghĩa quân ngoài thành tiến vào [Nguồn: tuoitre.vn/.../100-nam-su-kien-Ha-thanh-dau-doc---Ky-3-Le-te-song. html -]

giáo. Ngoài ra, nó cũng có thể mang động cơ lợi dụng để kiếm tiền của nhóm hô hào thông qua sự kêu gọi đóng góp tiền bạc trong việc xây dựng tượng đài. CHẠY TỘI TRƯỚC LỊCH SỬ Riêng các đảng viên Cần lao Công giáo và những người chịu ơn mưa móc của Ngô triều nay phải đối phó với hàng núi thông tin về "chính nghĩa quốc gia" trong giai đoạn lịch sử này. Thời đại thông tin toàn cầu chắc chắn có tác động đến đời sống của họ, ít ra là trên lãnh vực tinh thần. Các thế hệ trẻ sẽ nhìn họ bằng con mắt thật của lịch sử, và để chống chọi lại, họ không còn cách nào khác là phải xuyên tạc lịch

sử, và tìm mọi cách phong cho Ngô Đình Diệm là người yêu nước, gắn cho ông ta những phẩm chất cao đẹp như chính trực, bất khuất, quân tử v.v.. có như vậy, những người trung thành với chế độ nhà Ngô mới mong giải tỏa được tâm lý là mình đã từng phục vụ cho một "chí sĩ anh minh" chứ không phải là một anh bù nhìn được Mỹ và Vatican dựng nên, dù đây chỉ là điều tự huyễn hoặc lấy mình. Tìm mọi cách "giải oan" cho Ngô Đình Diệm cũng là cách chứng minh là mình không sai lầm, không có tội với dân tộc khi phục vụ cho một lãnh tụ "anh minh" yêu nước. Việc đề nghị xây dựng tượng đài Ngô Đình Diệm cũng cho ta một gợi ý, tại sao không? Chúng ta từng xây dựng rất nhiều tượng đài các vị có công với đất nước để nhân dân chiêm bái, tôn thờ nhằm xây dựng lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ nối tiếp truyền thống của cha ông, và ta cũng nên xây dựng một bảo tàng hình tượng những người có tội với tổ quốc tiêu biểu trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam để làm gương và cảnh tỉnh mọi người. Xây dựng tượng đài Ngô Đình Diệm là một hình thức chạy tội cho ông ta trước lịch sử dân tộc, vì đây cũng chính là hình thức chạy tội cho chính mình của những người sợ "ngàn năm bia miệng...", để giải tỏa mặc cảm có tội với dân tộc, với đất nước và bằng cách đổ vấy trách nhiệm "mất nước" bằng những vu cáo hoang đường cho Phật giáo, sự bỏ rơi đồng minh của người Mỹ, cho những người không chịu nhắm mắt trung thành với chế độ phi nghĩa. Nói như thế mà cũng nói được, quả thực là chuột chạy cùng sào! SG. 12- 2010

QUY LUẬT CỦA THÁNG TÁM ĐỊNH MỆNH Lý Nguyên Diệu

Tất cả bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 1954, khi ông Ngô Đình Diệm từ Paris trở về Sài Gòn sau 5 năm "từng lê gót nơi quê người" để "cứu đất nước và tranh đấu cho tự do" tại ... quê người và trong các chủng viện Âu Mỹ!. Uy tín của ông ở trong nước là một vị quan thanh liêm, không màng danh lợi, cương quyết chống thực dân Pháp và Cộng sản. Uy tín của ông ở ngoại quốc là vua Bảo Đại đã phong cho ông làm Thủ tướng cộng với sự ủng hộ tài lực và nhân sự của đại cường Mỹ và ủng hộ tinh thần cùng uy tín của tòa thánh Vatican. Thật là đầy đủ "danh chánh ngôn thuận". Trong những ngày đầu lãnh đạo lực lượng cơ bản xây dựng chế độ đó, ông Diệm đã bắt đầu lộ ra dấu hiệu độc tài và yếu kém chính trị khi tổ chức Trưng cầu Dân ý ngày 23/10/1955 để truất phế vị vua đã giao cho mình quyền Thủ tướng với tỉ số phiếu 98.2% cho mình và 1.1% cho đối thủ Bảo Đại đang ở bên Tây. Hành động phản bội vua Bảo Đại đó đã làm cho "danh ông Diệm không còn chánh" và bầu cử gian lận quá lộ liễu đã làm cho "ngôn ông Diệm không còn thuận" nữa. Nhưng tuần trăng mật của Tổng thống Diệm với miền Nam Việt Nam vẫn kéo dài được 5 năm. Đây là thời kỳ Đệ Nhất Cộng Hòa của Việt Nam được tương đối yên ổn phát triển mà đôi người viết sử sau này thường nhắc đến. Có hai nguyên nhân chính cho sự "yên ổn" này: Cả hai miền Nam-Bắc đều cần một thời gian để củng cố. Nguyên nhân thứ hai là chính quyền Mỹ vẫn còn viện trợ tuy chưa ồ ạt nhưng rất căn bản nên chưa cần phải cân nhắc mức độ ủng hộ. Cho đến năm 1960, ba biến cố xảy ra báo hiệu sự sụp đổ phải đến cho chế độ Tổng thống Diệm: (i) Cuối tháng 4 là cuộc họp báo của 18 nhân sĩ và chính trị gia của miền Nam để công khai trình bày một bản tuyên ngôn yêu cầu chính phủ ông Diệm cải tổ vì những lý do chính trị độc tài, chính quyền tham nhũng, quân sự lũng đoạn, kinh tế yếu

kém, xã hội băng hoại. Trong số những người ký tên trên bản tuyên ngôn này lại có chính các người cộng sự cũ của ông Diệm là các ông Phan Khắc Sửu, Trần Văn Đỗ, Trần Văn Hương, … (ii) Giữa tháng 11 là cuộc nổi dậy của binh chủng Nhảy Dù, lực lượng thiện chiến nhất của chế độ ông Diệm. Tuy thất bại nhưng cuộc nổi dậy đã làm thức tỉnh ý thức chính trị của một tập thể kỷ luật đã ủng hộ ông Diệm từ ngày đầu tiên khi ông trở lại Sài Gòn. Và (iii), cuối tháng 12, là sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam cho thấy miền Bắc đã nhận thức được chính quyền ông Diệm chỉ sống chủ yếu nhờ quân kinh viện của Mỹ và họ đủ mạnh để khởi đầu cuộc chiến tranh thống nhất đất nước. Nhưng ông Diệm đã không thấy qua ba biến cố đó ông đã mất đi sự ủng hộ chính trị và quân sự trong miền Nam trong khi miền Bắc mạnh hẳn lên. Vì không thấy nên ông vẫn tiếp tục càng ngày càng lún sâu vào con đường độc tài và chủ quan của ông bà Nhu ở Sài Gòn, thối nát và tàn bạo của ông Cẩn ở Huế và cuồng tín và tham ô của ông Thục trên toàn miền Nam cho đến năm 1963. Giọt nước làm tràn ly là lệnh cấm treo cờ Phật giáo nhân lễ Phật Đản ngày 7 tháng 5 ở Huế ngay sau khi cờ Thiên Chúa giáo Vatican (màu vàng và trắng) bay đầy thành phố Huế để đón Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục. Giọt nước này đưa đến sự phẫn nộ trên toàn quốc qua những cuộc biểu tình, đình công bãi thị, sinh viên học sinh bãi khóa, giáo sư từ chức, các vị sư Phật giáo tự thiêu. Đây là những biểu lộ của quần chúng còn sâu đậm và toàn diện hơn cả những gì chúng ta đang thấy ở Syria, Ai Cập, … Từ bà bán hàng ở chợ Đông Ba đến ông Viện trưởng Linh mục Cao Văn Luận, từ giáo sư Phạm Biểu Tâm, khoa trưởng Y khoa Sài Gòn đến ông già đạp xích lô ở NhaTrang, từ Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu đến người lính Thủy quân Lục chiến gác biểu tình, … nhưng ông Diệm vẫn không thấy. Hoặc là ông Ngô Đình Nhu không muốn cho anh của mình thấy. Dù cuộc tự thiêu đầu tháng 6 của Hòa thượng Thích Quảng Đức và cuộc tự vẫn đầu tháng 7 của nhà văn Nhất Linh đã làm xúc động trên toàn thế giới, hai cái chết nầy cũng không làm rung chuyển ba người sống trong dinh Gia Long là ông bà Nhu và ông Diệm. Họ không ra khỏi tháp ngà đó nên đêm 20 rạng ngày 21 tháng 8 họ tổ chức một biến cố đã làm vỡ toang ly nước đời họ. Tạp chí Hợp Lưu, xuất bản tại Little Saigon ở miền Nam Califor- nia, số 88, 89, 90, đã trích đăng lại một bài viết kể lại biến cố được gọi là “chiến dịch Nước Lũ” đêm 20/8/1963 này như sau:

Khoảng nửa giờ sau khi Thiết Quân luật có hiệu lực, Nhu cho lệnh tấn công các chùa trên toàn quốc. Tại chùa Xá Lợi Sài Gòn, nơi đặt bản doanh Ủy ban Tranh đấu Liên Phái, hai đại đội thuộc Liên đoàn 31 Lực Lượng Đặc Biệt [LLĐB], Đại đội 16 Bảo An, và Cảnh Sát mặc giả quân phục đánh chiếm mục tiêu. Hòa thượng Tịnh Khiết, Thượng tọa Tâm Châu, cùng nhiều tăng sĩ bị bắt giam sau một giờ chống cự. Khoảng 30 tăng sĩ bị thương, và 2 người bị mất tích. Đích thân Đại tá Lê Quang Tung, Chỉ huy trưởng LLĐB, và Giám đốc Cảnh sát CA Đô thành, Trần Văn Tư [tài liệu Pháp ghi là Cò Túc?], chỉ huy, dưới sự điều động của Đính. Do mật báo từ Dinh Độc Lập, ký giả ngoại quốc biết trước tin này và có mặt tại chùa Xá Lợi để chứng kiến cuộc “vét chùa”, và quyết tâm bảo vệ

đạo pháp của các tăng ni. Các chùa Ấn Quang, Chantareansay (Sài Gòn) đều bị chiếm. Các tăng trụ trì, Thiện Hoa và Lâm Em, bị bắt. (168) Đồng thời, hai chùa Linh Mụ và Từ Đàm (Huế), cùng các chùa ở Đà Nẵng, Nha Trang v.v... đều bị chìm trong "nước lũ" bạo lực. Tại Huế, khoảng 3 giờ đêm, tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng kêu cầu cứu vang lên khắp nơi. Đồng bào quanh chùa đánh mõ, gõ thùng thiếc báo nguy. Đợt tấn công đầu, Cảnh sát bị đẩy lui. Sau đó, Đỗ Cao Trí cho lệnh nổ súng. Những giáo sư, sinh viên và học sinh tranh đấu cũng bị bắt giữ.(169) Tổng cộng khoảng 1,400 tăng sĩ, bị bắt trên toàn quốc. Chỉ có hai sư từ chùa Xá Lợi thoát được tới Phái Bộ Kinh Tế [USOM] gần đó xin tị nạn. Qua ngày 23/8, Trí Quang cũng trốn được vào Tòa Đại sứ Mỹ.(1) Tạp chí Bách Khoa của giới trí thức Việt Nam, do ông Hùynh Văn Lang sáng lập theo ý của ông Ngô Đình Nhu, số 169 và 170, sau 1963, đã đăng một bài của tác giả Phạm Trọng Nhân với đề tựa: "Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi". Sau đây là một vài trích đoạn (nhấn mạnh của LND): …"Đầu tháng 8 dương lịch. Tình thế ngày thêm trầm trọng. Vì vấn đề Phật giáo trước dư luận quốc tế; uy tín quốc gia xuống quá thấp! Một vị Bộ trưởng, một hôm nhận xét: - Nguy quá! Nhiều sinh viên, học sinh bị bắt bớ, giam cầm … Động đến tôn giáo, đến sinh viên … Chánh phủ không thể đứng vững, nếu còn tiếp tục như hiện nay. Lịch sử cổ kim chứng tỏ khi chánh quyền đàn áp tôn giáo, khủng bố thanh niên, ấy là chánh quyền bắt đầu tự diệt …

1. Trích từ "Mùa Phật Đản Đẫm Máu" của tác giả Chính Đạo - Tạp chí Hợp Lưu số 88,89,90)

Sau này, chúng ta được biết có lần ô. Vũ Văn Mẫu nhân danh là Giáo sư Đại học, đã can thiệp để trả tự do cho một số sinh viên. Và cấp thẩm quyền khi đó, thản nhiên, bình tỉnh, trả lời: Sinh viên, thanh niên, làm loạn thì phải bỏ tù. Các trường có đóng cửa một năm cũng chẳng hại gì …". … "Ngày 16-8, lễ độ nhưng cứng rắn Ô. Trần Văn Chương (thân phụ của bà Ngô Đình Nhu) Đại sứ Việt Nam tại Mỹ, tường trình vị Nguyên thủ về tình thế nước nhà trước công luận quốc tế. Các báo Mỹ sau có đăng tải bản phúc trình, đại cương có thể tóm tắt: "Tôi hân hạnh kính trình Tổng thống tường: dư luận quốc tế và nhất là ở Mỹ, tin rằng chánh thể do Tổng thống lãnh đạo không thể mang thắng lợi cho đất nước. Cuộc khủng hoảng Phật giáo vốn dĩ chẳng phải là nguyên nhân, mà là hậu quả: thật chẳng khác giọt nước làm tràn chiếc ly đã quá đầy. Vấn đề không thể giải quyết bằng một công trình vá víu hay dối trá. Cần phải chân thành triệt để từ bỏ chánh thể này đã mất hết hậu thuẫn và tín nhiệm của quốc dân. Đó là điều mà chính Tổng thống không ngờ và không biết! …"Tổng thống chỉ có thể tiếp tục lãnh đạo quốc gia, với điều kiện tất yếu từ bỏ hẳn chánh sách độc tài chuyên chế, mà trong thực tế, Tổng thống đã ủy quyền cho hai em là NHU và CẨN. Tổng thống không biết rằng hai người này đã lạm quyền … …"Quốc dân chán ghét chánh thể này quá lắm rồi!" …"Ba ngày sau, bất thình lình, trong đêm tối, đoàn Mật vụ chiến đấu tấn công chùa Xá Lợi. Có tiếng súng nổ, tiếng hò reo, tiếng kêu rên, rồi máu chảy đầu rơi, và một đoàn người ra đi, không hẹn ngày trở lại! … Một nhân viên cao cấp nhà ở gần chùa Xá Lợi, được ông Bộ trưởng Ngoại giao điện thoại cho biết nên nhờ đó được thưởng thức một màn khẩu

trình bất ngờ, bi đát; lời nói nghẹn ngào hòa với tiếng chuông ngân kêu cứu, tiếng súng nổ hãi hùng... Điện đàm được chùng 15 phút thì dây điện thoại bị cắt." ..."Chi tiết vụ tấn công chùa Xá Lợi không hề được chánh thức công bố. Các nhân viên nội các đã tự truy tầm tìm hiểu, bằng những phương tiện riêng. Và ai nấy kết luận: "Cộng sản thâm nhập ngay ngưỡng cửa thủ đô" (như Tổng thống tuyên bố đầu buổi họp hội đồng nội các sáng sớm ngày 21/8) là điều sai sự thực. Hôm trước (20-8) Hội đồng liên bộ họp tại Hội trường Diên Hồng từ 9 giờ sáng đến 4

giờ chiều, mà nào có ai nghe thấy ông Bộ trưởng Nội vụ (ông Lâm Lễ Trinh) nói tới vấn đề Cộng sản ..." Cũng trên hai số 169 và 170 của tạp chí Bách Khoa đó, ta đọc được những phản ứng của các quốc gia đồng minh với Việt Nam sau khi chính quyền ông Diệm tấn công chùa chiền đêm 20 tháng 8 năm 1963 như sau: Ngày 22-8-1963: - Bộ trưởng Ngoại giao Vũ Văn Mẫu cạo đầu từ chức sau 8 năm làm Ngoại trưởng. - Thái Lan: Thủ tướng Sarit Thanarat đòi đưa vấn đề Việt Nam ra trước Liên Hiệp Quốc. - Mỹ: Báo Washington Post: Chính quyền đã khủng bố, trong khi đáng lẽ phải thuyết phục. Đối với Hoa Kỳ, sự kiện nêu lên một câu hỏi quan hệ và trầm trọng: cần duyệt lại chánh sách viện trợ. Viện trợ nhằm mục đích chống Cộng chớ không phải giúp Cộng sản thành công ..." - Úc: Tổng trưởng Ngoại giao tuyên bố trước Quốc hội: "rất lo ngại về chánh sách kỳ thị và cố chấp của các nhà đương cuộc Việt Nam." - Anh: báo Daily Telegraph (Bảo thủ) viết: "Chánh thể đã tự hạ phẩm đên mức thuộc quyền sở hữu của một gia đình, khiến những thiện chí qúy hoá nhất cũng bị xuyên tạc." Ngày 23-8: - Đại sứ Trần Văn Chương, thân phụ bà Trần Lệ Xuân, từ chức. "Tin ông Trần Văn Chương từ chức (Đại sứ) được loan sáng 23-8. Và nhật báo New York World Telegram trong nhóm Scripps Howard nêu câu hỏi: "Ô. Trần Văn Chương mà còn không thể tiếp tục cộng tác, thì chúng ta làm sao có thể tiếp tục ủng hộ chánh phủ này đã mất hết hậu thuẫn của quốc dân?" - Miến Điện: Báo The Guardian viết: " ... nhà cầm quyền Việt Nam đã lâm tình trạng thác loạn. Hành động quả là một lầm lỗi phi thường, ra ngoài trí tưởng tượng của nhân loại." - Nhật: Thứ trưởng Ngoại giao, ông Shigenobu Shima hội kiến với Đại sứ Việt Nam yêu cầu cho biết sự thực về chùa Xá Lợi.". - Mỹ: Thượng nghị sĩ Wayne Morse xứ Oregon tuyên bố: - Mỹ ủng hộ chánh phủ Ngô Đình Diệm chỉ là làm lợi cho Cộng sản."

Ngày 25-8: - Đại Hàn: Tướng Chang Chung Son (một nhân viên trong Hội đồng Quân nhân Cách mạng) đã gay gắt lên án nhà cầm quyền Việt Nam đàn áp Phật giáo đồ. - Ấn Độ: Dân tộc Ấn Độ lấy làm công phẫn trước những hành động tàn ác hiển nhiên kia ..." - Phi Luật Tân (đa số dân theo Ki-tô giáo): Báo Manila Chronicle: "Nếu công cuộc đàn áp Phật giáo không chấm dứt, lệnh giới nghiêm không bãi bỏ, Phi có thể sẽ là một trong những nước đầu tiên đoạn giao với Việt Nam." Ngày 26-8: - Hội nghị Phật giáo Tích Lan yêu cầu các đoàn thể Phật giáo toàn quốc treo cờ rủ để tang cho các Phật tử Việt Nam bỏ mình vì tín ngưỡng. Ngày 27-8: - Cao Mên đoạn giao với Việt Nam và hợp với Tích Lan đem vấn đề đàn áp Phật giáo của chính quyền Diệm ra trước Liên Hiệp Quốc.

Ngày 28-8: - Pháp: Chủ tịch "Hội nghị Tranh đấu cho Tự do Văn hóa", Denis Rougemont tuyên bố: "Hội nghị phản đối kịch liệt chánh phủ Việt Nam đã chà đạp những quyền căn bản của người Phật giáo". Ngày 29-8: - Trung hoa Dân quốc: "... rất lo ngại về tình hình tại Việt Nam." Cuối cùng là ý kiến của hai nhân vật với uy tín toàn cầu: Ngày 30-8-1963, 10 ngày sau chiến dịch "Nước Lũ": Thông điệp của Giáo hoàng Paul VI có đoạn: "Chúng tôi có bổn phận nói lên nỗi ưu tư đau đớn của chúng tôi, đứng trước những diễn biến đáng buồn đang đè nén dân tộc Việt Nam thân mến. Mối lo ngại của chúng tôi mỗi ngày thêm thâm trầm bi đát." Ngày 31-8-1963: Ông U Thant, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc gửi thư cho Tổng thống Diệm có câu: "Thúc giục bởi những ý niệm nhân đạo mà toàn thể chúng tôi đều tôn trọng, nhân danh là thành phần của đại gia đình nhân loại, tôi cảm thấy có bổn phận gửi thư nầy tới Ngài, cùng với lời kêu gọi tha thiết của cá nhân tôi ..." Ngày 12-9-1963: Ông U Thant đã họp báo và tuyên bố như một

tiên đoán: "Tình hình tại Việt Nam mỗi ngày thêm trầm trọng. Những đức tính cần thiết của dân chủ, ví dụ trách nhiệm thay đổi chánh phủ theo thủ tục hiến pháp không cần bạo động, và điều động công quyền với phương pháp thuyết phục không cần võ lực, đối với Việt Nam hiện nay đều hoàn toàn xa lạ ..." KẾT LUẬN Ngày 1-11-1963, hậu qủa tất yếu mà ông U Thant cảnh báo đã xảy ra tại Sài Gòn với cuộc cách mạng khởi đầu từ quân đội để lật đổ một chế độ chỉ trong 2 ngày ngắn gọn với hai anh em ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đi qua bên kia của "cõi đi về" để trùng phùng với Hoà thượng Thích Quảng Đức và văn hào Nhất Linh trong cõi vĩnh hằng. Nhà văn nhà giáo Doãn Quốc Sỹ, đã nói về cái chết của hai ông Diệm Nhu như sau: "Bảo là người Mỹ đã giết Diệm. Không! Diệm đã chết trong lòng dân tộc từ lâu. Mỹ chỉ đến lượm xác sống của y."(2) Từ Louis XVI ở Pháp đến Ngô Đình Diệm ở Việt Nam đến Mubarak ở Ai Cập, bài học lịch sử lập đi lập lại cho những nhà lãnh đạo quốc gia là gìn giữ yếu tố LÒNG DÂN. Dù được hay mất Tây, dù được hay mất Mỹ, dù được hay mất Tàu, dù được hay mất Vatican, ... mà mất yếu tố lòng dân là mất tất cả. Quy luật đó là bà mẹ đẻ ra nguyên tắc dân chủ làm cho nước Mỹ hùng mạnh khi áp dụng hiến pháp một cách trung thực. Những ai đang/sẽ làm chính trị ở bất kỳ nơi nào chỉ cần thuộc nguyên tắc "dân vi quý, xã tắc thứ chi" này.

***

2. Người Việt Đáng Yêu, (Lời Mở Đầu) Nhà xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn, 1965. Đăng lại trên Tạp chí Việt Nam Hải Ngoại số 8 ngày 15-9-1977, San Diego, Hoa Kỳ.

TÊN "NGÔ ĐÌNH DIỆM" TRONG DANH SÁCH
100 KẺ BẠO NGƯỢC ĐỘC ÁC VÀ ĐỘC TÀI NHẤT
TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI
Nigel Cawthorne
Một tập sử biên niên mà đọc đến lạnh xương sống đã liệt kê những nhà độc tài và các tội ác chống lại nhân loại của họ với tựa đề là Tyrants: History's 100 Most Evil Despots

and Dictators (Những Bạo chúa: 100 kẻ Bạo ngược độc ác và Độc tài nhất trong Lịch sử) nhằm giới thiệu một trăm nhân vật lịch sử nam và nữ khát máu nhất (most bloodthirsty) đã từng sử dụng quyền lực chống lại đồng loại bất hạnh của họ. Từ Đại đế Herod, người ngược đãi hài đồng Giêsu, đến Hitler, kẻ giết người hàng loạt và chủ mưu cuộc chiến tranh tàn phá nhất trong lịch sử nhân loại, cuốn sách nấy đã khảo sát lịch sử của những tên bạo chúa ô nhục nhất trong Lịch sử. Nội dung cuốn sách mô tả những chi tiết sống động cuộc đời của những bạo chúa này, họ đã leo lên nấc thang quyền lực như thế nào, và đã để lại những gì trong quá trình tàn phá và gieo rắc đau thương của họ. Không do dự trong sự chọn lựa của mình, cuốn Bạo Chúa [nhà xuất bản Arcturus, 2005] là một chân dung chặt chẽ và thôi thúc về mặt trái tối tăm của chính trị và quyền lực, và đã phát hiện ra những chuyện kỳ lạ cũng như ghê tởm đàng sau thế giới của những kẻ chuyên quyền ô nhục. Trong cuốn sách này, tên “Ngô Đình Diệm” được xếp loại cùng với những bạo chúa như Hitler (Germany), Batista (Cuba), Pinochet (Chile), Khomeine (Iran), Marcos (Philippines), Hussein (Irak), Pol- pot (Cambodia)… Ngo Dinh Diem – President of South Vietnam – From exile he returns as Prime minister in Bao Dais government in South Vietnam.

334 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

1955 Ousts Bao Dai in fixed election; declares himself a republic & names himself president. Ruthlessly repressed political dissenters * religious factions, and installed members of his family in important jobs. Responds to failed coup with brutal repression, killing hundreds of Buddhists on the grounds they are aiding the Communist North. [Ngô Đình Diệm- Tổng thống Nam Việt Nam – Đang sống lưu vong, ông ta trở về làm Thủ tướng trong chính quyền Bảo Đại ở Nam Việt Nam. Năm 1955, ông ta lật đổ Bảo Đại trong một cuộc bầu cử gian lận, tuyên bố thành lập nền Cộng hòa và tự phong làm Tổng thống. Đàn áp dã man những người bất đồng chính kiến chính trị và thành phần tôn giáo và bổ nhiệm thành viên gia đình vào những vai trò quan trọng. Đàn áp tàn bạo thành phần đảo chánh hụt, giết hàng trăm Phật tử và vu cho những tín đồ này giúp đỡ cho Cộng sản miền Bắc] Tác giả Tuyển tập sử này, Nigel Cawthorne, sinh năm 1951, là một nhà nghiên cứu và là một chủ bút. Ông đã viết hơn 80 cuốn sách về các thể tài khác nhau. Bài của ông đăng trên các tạp chí The Guard- ian (Anh), Daily Telegraph Daily Mail (Anh) và The New York Times (Mỹ), và đã từng xuất hiện trên chương trình truyền thanh và truyền hình Today của BBC. Tyrants: History’s 100 Most Evil Despots and Dictators Nigel Cawthorne 210 pages (2005) Arcturus Publishing; ISBN: arct-00005 A spine-chilling chronicle of dictators and their crimes against hu- manity, Tyrants: History’s 100 Most Evil Despots and Dictators intro- duces one hundred of the most bloodthirsty men -- and women -- ever to wield power over their unfortunate fellow human beings. From Herod the Great, persecutor of the infant Jesus, to Adolf Hit- ler, mass murderer and instigator of the most devastating war in hu- man history, this book examines history’s most infamous despots. It tells in vivid detail the story of the lives they led, their climb to power and the destruction and sorrow they left in their wake. Unflinching in its coverage, Tyrants is a gripping and compel- ling portrait of the darker side of politics and power, and reveals the strange

and grisly stories behind the world's most infamous autocrats.

***

ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM, TỪ CÁI NHÌN CỦA GIỚI NGHIÊN CỨU MỸ Nguyễn Kha

Từ sau Đệ nhị thế chiến và chạy dài trong nhiều thập niên, chiến lược đối ngoại của Mỹ tại Á châu đòi hỏi lãnh đạo ba nước bị qua phân trên tuyến đầu Cộng sản – Tư bản ở Tây Thái Bình dương là Đài Loan, Nam Hàn và Nam Việt Nam, một điều kiện quan trọng trong "khế ước làm đồng minh" với Mỹ: Đó là chống và/hoặc chặn (confront and/or contain) Cộng sản một cách hữu hiệu. Hoàn tất được điều kiện đó, muốn gì Mỹ cũng cho, tồi tệ mấy Mỹ cũng chịu. Do đó mà cũng như thái độ như đối với các nhà độc tài (nhưng đồng minh) ở Trung Đông và Nam Mỹ, chính quyền Mỹ không quan tâm đến, thậm chí nhiều lúc còn cổ vũ cho, hành động độc tài và thái độ cứng đầu của Park Chung Hee, tệ trạng tham nhũng và hệ thống đảng trị của Chiang Kai Shek, cơ chế gia đình trị và chính sách Công giáo trị của Ngô Đình Diệm. Mỹ chỉ muốn và cần họ chống Cộng cho hữu hiệu, không hữu hiệu thì "đi chỗ khác chơi". Vì vậy mà ông Park thì làm Tổng thống được đến 18 năm (1961- 1979), ông Chiang được đến 20 năm (1928-1948). Còn ông Ngô, mất lòng dân miền Nam, khi sắp bị Mỹ bỏ rơi lại âm mưu thỏa hiệp với Hà Nội, là không những đạp lên Hiến pháp Đệ nhất Cộng hòa mà còn vi phạm trắng trợn điều khoản số một là "chống Cộng hữu hiệu" của khế ước với Mỹ, nên chỉ làm Tổng thống được 8 năm (1955-1963). Đó là lý do tiên quyết nhất và căn bản nhất vì sao Mỹ, tác nhân và nhà đầu tư duy nhất trong việc khai sinh và nuôi dưỡng chế độ Đệ Nhất Cộng hòa, cuối cùng đã "thay ngựa giữa dòng", với giả định rằng lãnh đạo của một miền Nam không-Diệm sẽ chống Cộng hữu hiệu hơn. Đó là về phía Mỹ, còn từ quan điểm của quần chúng miền Nam sau nhiều năm là nạn nhân của chế độ, nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã tóm tắt trong

một câu rất ngắn mà thật tuyệt đối đúng: "Bảo là người Mỹ đã giết Diệm. Không! Diệm đã chết trong lòng dân tộc từ lâu. Mỹ chỉ đến lượm xác sống của y."(1)

Ông Park (1917-1979) Ông Chiang (1887-1975)

Ông Ngô (1901-1963), với Mỹ và Vatican

Khi nghiên cứu về ông Ngô Đình Diệm và chế độ của ông, một mảng tài liệu rất lớn không thể bỏ qua là số lượng đồ sộ của các tác gia Mỹ. Google cụm từ "ngo dinh diem American author", ta có đến 88,900 đường nối (tính đến 19-1-2013). Lý do đơn giản là vì ông Diệm, cũng như chế độ của ông, là xuất sinh từ Mỹ, được Mỹ ủng hộ triệt để và toàn diện, và Mỹ lại đóng một vai trò tuy gián tiếp nhưng quan trọng trong quá trình tan rã của chế độ này. Vòng quay "sinh ra - lớn lên - chết đi", ba giai đoạn của một "đời" chế độ, đều có vai trò áp đảo của Mỹ! Trong mảng tài liệu to lớn đó, chúng ta đặc biệt quan tâm đến những nghiên cứu của các học giả độc lập. Tư cách người trí thức Mỹ, kỹ năng nghiên cứu chuyên nghiệp, và không gian học thuật Mỹ đã cho phép những công trình của họ có độ tin cậy cao (khác hẳn với tuyệt đại đa số những bài viết "nghiên

cứu" chỉ ở mức độ tuyên truyền xã ấp của người Mỹ gốc Việt ở hải ngoại, nhất là khi tác giả những

1. Trích từ Người Việt Đáng Yêu, (Lời Mở Đầu) Nhà xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn, 1965.

"nghiên cứu" này lại có gốc gác đồng chí đồng đạo với chế độ cũ). Những tên tuổi lẫy lừng trong lãnh vực nghiên cứu về chủ đề Việt Nam nói chung, Ngô Đình Diệm nói riêng, như Malcolm Browne, Joseph Buttinger, Bernard Fall, Frances Fitzgerald, Cabot Lodge, Wayne Cole, David Halberstam, Stanley Karnow, Edward Lansdale, William Lederer, Michael MacClear, Avro Manhattan, Jerrold Schect- er, Robert Scigliano, Robert Shaplen, Neil Sheehan, Denis Warner, ... đã cống hiến những tác phẩm mà nay đã trở thành kinh viện, và hầu hết được đưa vào danh sách tham chiếu của các chương trình giáo dục đại học tại Mỹ. * * * Chúng tôi xin chọn 20 tài liệu dưới đây, như một mẫu tiêu biểu, để qua đó xem giới học giả Mỹ (và 3 đồng nghiệp người Anh) đã mô tả và đánh giá ông Diệm, và chế độ của ông, như thế nào. Đồng thời, cũng để xem họ lý giải một số hiện tượng văn hóa, chính trị, quân sự ... đã làm nền cho sự sụp đổ tất yếu của chế độ Diệm ra sao. 1- "Vietnam: Crisis of Conscience" của Robert McAfee Brown, Abraham J. Heschel & Michael Novak, Associated Press, New York 1967, trang 30. Ông Robert McAfee Brown là Tiến sĩ Tôn giáo ở Co- lumbia University, giáo sư Stanford University, Mục sư Tin Lành. Ký giả người Úc Denis Warner viết "Trong nhiều năm, cái chế độ bạo ngược chuyên chế mà Tây phương đồng minh với ở Saigon (chế độ Ngô Đình Diệm) thì còn tệ hơn là cái chế độ mà Tây phương đang chiến đấu để chống (chế độ CS)". Ông Diệm và gia đình ông ta đã giết hoặc lưu đày tất cả những khả thể đối lập. Ông Diệm đã "mất đi sự tin cậy và trung thành của dân chúng" như Bộ Trưởng McNamara đã nhận định ngày 26 tháng 3, 1964. 2- "Fire In The Lake" của Frances Fitzgerald, Vintage Books, New York 1985, trang 134-139. Bà Frances FitzGerald là nhà báo (The New Yorker, Foreign Policy, ...), nhà nghiên cứu, khôi nguyên hai giải thưởng báo chí Pulitzer và U.S. National Book Award in Con- temporary Affairs. Bà từng là Phó Chủ tịch của tổ chức Văn bút Quốc tế PEN International. Cái chất công giáo của ông Diệm, không hề mở mắt ông ta đến với những ý tưởng mới, mà chỉ thuyết phục ông ta là cai trị bằng nghi lễ và huấn thị đạo đức là có thể thành công, mà nó có vẻ như vậy trong

các làng mạc ở miền Bắc và Trung sống trong cái vỏ bằng sắt và điều khiển bởi các linh mục. Cái mà ông ta không ý thức được là cái kiểu cai trị thiển cận như vậy của các giáo xứ có thể thực hiện chỉ vì người Pháp đã bảo vệ họ và tổ chức nền hành chánh quốc gia. Do đó, tham vọng của ông ta nhằm phục hồi xã hội cổ xưa giống như là của những tên thực dân Pháp, coi mình như cha người ta, đã chống những chương trình cải cách của những giới chức hành chánh nơi thành thị – sự khác biệt là trong khi người Pháp giữ lãnh vực hiện đại cho riêng họ thì ông Diệm không nhận ra được sự quan trọng của vấn đề hiện đại hóa. Đối với ông ta, thế giới hiện đại là Sài-Gòn, cái thị trấn ký sinh

trùng đó đã trở nên béo mập bởi máu của thôn quê và lợi lộc của Tây phương... Những ký giả như Robert Shaplen đã chỉ trích ông Diệm, như làm cho những nông dân xa lánh vì những biện pháp đàn áp của ông ta. Một số đông những giới chức và ký giả, kể cả những người có nhiều kinh nghiệm và có khuynh hướng chính trị khác nhau như Douglas Pike, Chester Bowles, và chuyên gia chống nổi loạn người Anh, Robert Thompson, đều coi ông Diệm như là kẻ thù của chương trình chống Cộng. Trong tất cả những năm cầm quyền, Ngô Đình Diệm chỉ có một đồng minh ở thôn quê, đó là những người Công giáo, đặc biệt nhất là những người di cư từ ngoài Bắc vào. Ngay từ đầu, ông Diệm dùng trong bộ máy hành chánh phần lớn là những người Công giáo, và thiên vị các làng Công giáo đối với phần còn lại của quốc gia. Những giới chức của ông Diệm, làm việc chặt chẽ với các linh mục, đem phần lớn viện trợ Mỹ cho các làng Công giáo, và phần lớn những nông sản. Họ cho những người Công giáo quyền khai thác lâm sản và độc quyền sản xuất loại hàng hóa nông sản mới do các kỹ thuật gia Mỹ đưa vào giúp. “Theo đạo có gạo mà ăn” là một câu tục ngữ khi xưa của người Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Dưới thời ông Diệm, người dân Việt đã phải theo cái lệnh này. Đặc biệt ở miền Trung, hàng ngàn người, trong vài trường hợp hầu như toàn thể khu định cư, theo đạo để tránh những dịch vụ cỏ vê của chính phủ, hoặc để tránh biện pháp tái định cư trong vài vùng rừng rú hay sình lầy gian khổ – để giúp những người Công giáo lân cận. Nuôi người Công giáo trong sự tổn hại của phần còn lại của dân chúng, lẽ dĩ nhiên, là một chính sách thiển cận, nhưng ông Diệm không thấy một đường lối nào khác, và Mỹ cũng không đề nghị cho ông Diệm một đường lối nào khác.

3- “Background to Vietnam” của Bernard Newman. Signet Books, New York 1965, trang 117. Ông Bernard Newman là Sử gia người Anh, tác giả của hơn 100 công trình nghiên cứu và sáng tác. Bất kể hiến pháp viết như thế nào, ông Diệm cai trị như là một nhà độc tài. Triết lý chính trị của ông ta dẫn xuất từ một nhóm Công giáo Pháp, những người đã đặt ra thuyết Nhân Vị. Thuyết này nhấn mạnh đến nhân cách để chống với quan niệm đưa quần chúng vào kỷ luật của Cộng Sản. Chi tiết về thuyết này phức tạp, khó hiểu đối với mọi người trừ một triết gia. Một chuyên gia Mỹ được mời đến để cố vấn cho hệ thống thuế má địa phương mô tả thuyết Nhân Vị như là “một pha trộn lộn xộn của những sắc lệnh của giáo hoàng và kinh tế mẫu giáo, tổ hợp với một sự nghi ngờ những tư nhân thương gia, một sự e ngại đầu tư ngoại quốc, và một quan niệm là không thể thành đạt được gì nhiều ở Việt Nam nếu không có sự kiểm soát của chính phủ.” Trên thực tế chính phủ đây là chính phủ Diệm. ... Ngày tháng qua, cách cai trị của ông Diệm càng ngày càng trở nên không thể chịu được, và tới năm 1963 ông ta là một nhà độc tài hoàn toàn, chỉ nghe những thân nhân trong gia đình. Ông ta hoàn toàn xa lạ với quần chúng. Người ta phàn nàn là ông ta đã trao những chức vụ tốt nhất cho người Công giáo: nhưng những người Công giáo là “người ngoại quốc” – những người di cư từ ngoài Bắc vào. Sự bất mãn đưa đến phong trào chính trị của Phật giáo.” 4- “Backfire: Vietnam - The Myths That Made Us Fight, the Illu- sions That Help Us Lose, The Legacy That Haunts Us Today” của Lo- ren Baritz, Ballantine Books, New York 1985, trang 83-85. Ông Lo- ren Baritz là Giáo sư, Viện trưởng Đại học Massachussett ở Amherst,

chuyên nghiên cứu về nguồn gốc văn hóa của chiến tranh Việt Nam. Công giáo Việt Nam phát triển do chính sách kỳ thị Phật giáo một cách có hệ thống của ông Ngô Đình Diệm. Người Công giáo được dùng trong các dịch vụ dân sự, trong khi những người Công giáo sống trong những làng mạc thường không bắt buộc phải làm những công việc nặng nhọc làm đường xá và những việc công cộng. Không giống như những Chùa Phật giáo, nhà thờ Công giáo được đặc quyền sở hữu tài sản đất đai, cũng như trong thời Pháp thuộc. Với thời gian, sự kỳ thị đối với tuyệt đại đa số dân chúng này đưa đến những phản đối chính trị chống ông Diệm của những nhà sư Phật giáo. ... Diệm làm cho người Mỹ khó chịu không chỉ vì đường lối cai trị

của ông ta. Ông ta thích thú trong việc đàn áp những đối lập chính trị mà ông ta đã bắt giữ lên tới 40,000 người. Đầu năm 1959, ông Diệm hợp thức hóa sự tàn bạo của mình bằng sự thiết lập những tòa án quân sự để xử những đối lập chính trị và xử tử hình trong vòng ba ngày. Những tòa án này bắt giữ, điều tra, và tuyên án những kẻ phạm tội. Ông Diệm hăng say đóng cửa những nhà báo không ủng hộ ông ta. Tệ hơn cả, ông ta dẹp bỏ cấp lãnh đạo trong các làng mạc và thay thế họ bằng những người của Diệm. Ông ta đã trở thành một nhà độc tài. 5. “A Bright Shining Lie” của Neil Sheehan, Vintage Books, New York 1989, trang 143. Ông Neil Sheehan tốt nghiệp Harvard, Trưởng phòng Thông tấn xã UPI tại Việt Nam. Ông cũng là thông tín viên của The New York Times, khôi nguyên giải báo chí Putlizer và National Book Award. Lansdale để cho những tiên kiến của mình đưa tới những giả định sai lầm... Lansdale nghĩ rằng những người Công giáo di cư từ miền Bắc là những người yêu nước đã “chiến đấu giành lại sự tự do của đất nước từ người Pháp”. Ông ta không nhìn thấy sự sai lầm nào trong vấn đề Mỹ chỉ tin cậy vào sự trợ giúp đặc biệt của người Công giáo. Ông ta không nhìn thấy vấn đề có một người Công giáo làm tổng thống của cái mà ông ta quan niệm là “Việt Nam Tự Do” là không thích hợp. Công giáo Rô Ma là một thiểu số có nhiều tỳ vết ở Việt Nam. Lansdale lo việc phân biệt giữa người Mỹ và những tên “thực dân” Pháp. Điều ông ta làm là đưa ra sự phân biệt tuy chẳng có gì khác nhau.. Chỉ dựa vào người Công giáo giúp đỡ, và bằng cách đặt một người Công giáo lên cầm quyền ở Saigon, ông ta đã chứng tỏ là Mỹ đã nhảy vào thay thế người Pháp. Những người Việt Nam theo đạo Công giáo đã được người Pháp sử dụng như là một đạo quân thứ 5 để xâm nhập Việt Nam trước thời thuộc địa và những người Công giáo đã được Pháp tưởng thưởng cho sự hợp tác của họ với những tên thực dân Pháp. Người Công giáo thường bị coi như là thuộc một tôn giáo”ngoại lai”, “không phải là Việt Nam”. Với sự ra đi của người Pháp, hiển nhiên là người Công giáo phải tìm một ngoại bang khác để bảo vệ họ. Họ nói với Lansdale những gì mà họ cho rằng Landale muốn nghe... ... Trong sự hướng dẫn ông Diệm của Lansdale đến thành công bằng cách diệt các giáo phái dựa trên lý thuyết Diệm là Magsaysay để lập một chính phủ tập trung quyền lực mới, không bao giờ Lansdale

lại nghĩ rằng ông Diệm bắt đầu chính sách cai trị của mình bằng cách loại bỏ những người chống Cộng hữu hiệu nhất ở miền Nam. Dòng họ Ngô Đình tiến tới sự áp đặt trên miền Nam Việt Nam cái tôn giáo Công giáo ngoại lai của họ, đảng Công giáo bảo thủ từ ngoài Bắc vào và từ vùng quê hương của họ ở miền Trung. Ông Diệm và gia đình bổ nhiệm những sĩ quan chỉ huy đơn vị, những nhân viên hành chánh và cảnh sát bằng những người Công giáo, từ miền Bắc và từ miền Trung, quê hương của ông Diệm. Ông Diệm và gia đình bổ nhiệm những người Công giáo vào cấp chỉ huy quân đoàn, hành chánh và cảnh sát. Nông dân ở miền đồng bằng sông Cửu Long thấy mình bị cai trị bởi những tỉnh trưởng, hạt trưởng, bởi những viên chức hành chánh ngoại lai và thường là cao ngạo và tham nhũng... 6. “America in Vietnam” của John Guilmartin, United Press In- ternational/Bettmann, England 1991, trang 69. Ông John Guilmartin là Tiến sĩ Đại học Princeton, Giáo sư Lịch sử Quân sự tại Đại học Tiểu bang Ohio. Ông cũng là Trung tá Không quân tại chiến trường Việt Nam. Những ảnh hưởng đối nghịch của sự thiếu khả năng và tính toán sai lầm của ông Diệm không chỉ chấm dứt ở sự thất bại về quân sự chống Việt Cộng. Nghi ngờ tất cả những người không có cùng đức tin Công giáo của mình, và hoan hỷ với sự thành công trong việc dẹp bỏ các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, họ khởi sự chiến dịch chống Phật giáo. 7. “Vietnam: The Valor and the Sorrow” của Thomas D. Boettch- er, Little Brown & Company, Boston 1985, trang 150. Ông Thomas D. Boettcher là chuyên gia nghiên cứu về Quân sử Mỹ. Hai tác phẩm best seller của ông là “Vietnam: The Valor and the Sorrow” và “First Call: The making of the Modern US Military”. “Trong 10 đô la viện trợ thì 8 được dùng cho nội an chứ không dùng cho công tác chiến đấu chống du kích Cộng sản hay cải cách ruộng đất. Ông Diệm lo lắng về những cuộc đảo chánh hơn là Cộng sản. ...Như là hậu quả của những biện pháp đàn áp càng ngày càng gia tăng, sự bất mãn của quần chúng đối với ông Diệm cũng càng ngày càng tăng, bất kể là toan tính của ông Diệm nhằm dập tắt sự bất mãn này trong mọi cơ hội. Hàng triệu nông dân ở những vùng quê trở thành xa lạ đối với ông Diệm. Không lạ gì, hoạt động của Cộng sản gia tăng cùng với sự bất mãn của quần chúng. Và những biện pháp đàn áp của ông Diệm cũng gia tăng theo cùng nhịp độ. Nhiều ngàn người bị giết hoặc bị nhốt vào tù...”

8. “The Indochine Story” của The Committee of Concerned Asian Scholars, A Bantam Book, New York 1970, trang 32 & 34. Committee of Concerned Asian Scholars (Ủy ban những học giả về Châu Á đang quan tâm) là một tập hợp các Giáo sư trẻ và sinh viên các Đại học có dạy “Á châu học” (Asian Studies) gồm Harvard, Stanford, University of Michigan, UC Berkeley, và Columbia University. “Một nhân vật Mỹ ủng hộ ông Diệm lúc đầu kết luận: Lạm dụng quyền lực, độc tài, tham nhũng, coi thường cấp dưới, và không đếm xỉa gì đến nhu cầu của dân chúng một cách ác độc, đó là tấm gương mà gia đình họ Ngô để cho những bộ trưởng, nhà lập pháp, tướng lãnh, tỉnh trưởng, trưởng làng mà họ Ngô dùng như những quân cờ noi theo. Đàng sau gia đình nhà Ngô là Mỹ. Ở dưới gia đình này chẳng có gì mấy. Gia đình này đã trải cái bóng của họ trên xã hội Việt Nam; tuy nhiên cái rễ của họ thật sự chỉ cắm nông vào đất Việt. Điều này định trước những phương pháp ông Diệm dùng để kiểm soát đất nước... Chỉ có một đường

lối: đàn áp và củng cố quyền lực trong tay những anh em và thuộc hạ của ông ta. Săn lùng toàn diện những người bất mãn được tổ chức ở thôn quê năm 1956, và tăng gia cường độ khi tình hình suy kém. 75 ,000 người hay hơn nữa bị giết trong chiến dịch này. Còn nhiều người hơn nữa bị tống giam bởi sắc lệnh số 6 của tổng thống, ký trong tháng 1-1956. Sắc lệnh nói: "Những cá nhân coi là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh chung có thể bị bắt giam trong những trại tập trung do lệnh của cơ quan hành pháp. Tình trạng trong những trại tập trung của ông Diệm, chỉ bị phanh phui sau khi ông Diệm đổ, thật sự nhơ nhớp. Cố ý để cho chết đói, cố ý làm cho mù, cố ý hành hạ..., danh sách này thật là dài." 9. "The Story of Vietnam" của Hal Dareff, An Avon Camelot Book, New York 1966, trang 108. Ông Hal Dareff là một tác giả Mỹ độc lập. Ông viết nhiều đề tài và hai tác phẩm nổi tiếng của ông là "The Story of Vietnam: A Background Book on the War in Southeast Asia" và "From Vietnam to Cambodia: A Background Book about the Struggle in Southeast Asia". "Nay ông Diệm đã thắng mọi kẻ thù, anh em nhà Diệm muốn chắc rằng không ai có thể bứng họ đi. Ở ngoài mặt, Nam Việt Nam là một thể chế Cộng Hòa với một hiến pháp mới toanh hứa hẹn tự do và dân chủ cho quần chúng. Tuy nhiên, thực tế thì lại trái ngược hẳn... Ông

Nhu là cánh tay phải của ông Diệm. Ông ta tổ chức gian lận bầu cử, đưa vào quốc hội những tay sai của ông ta, và sai bọn Cần Lao đi rình mò khắp nước để kiếm những người chống đối ông ta. Chế độ Diệm bắt đầu thoái trào vào đầu năm 1963. Tổng thống cai trị dân trong dinh thự của mình như là một thể chế quân chủ, cắt lìa khỏi quần chúng. Sự thù ghét ông Diệm và gia đình ông ta gia tăng đến độ người ta có thể cảm thấy đầy trong bầu không khí ở Saigon. Tin đồn về đảo chánh loan truyền trong thành phố hầu như hàng ngày. Trong những hoàn cảnh như vậy, ông Diệm chỉ lo bám chặt vào quyền lực. Cuộc chiến (chống Cộng) trở thành thứ yếu. Sĩ quan được thăng cấp nếu giữ được mức tổn thất thấp. Chỉ có một cách chắc chắn giữ được như vậy – không tác chiến. Không tác chiến đã trở thành một cách sống đối với một số cấp chỉ huy và là cách duy trì địa vị. ... Cuộc tranh chấp giữa ông Diệm và các Phật tử đã được tích lũy kể từ ngày ông Diệm lên làm thủ tướng năm 1954. Ông Diệm, một tín đồ Công giáo, đương nhiên là cảm thấy thoải mái hơn đối với những tín đồ Công giáo khác. Nhiều chức vụ chỉ huy trong chính quyền và quân đội được trao cho những người Công giáo, những người này được đặc quyền đặc lợi làm tiền trong những thương vụ của chế độ. Trong số 15 triệu dân ở miền Nam Việt Nam, hơn 1 triệu một chút là người Công giáo. Phần còn lại, phần lớn là Phật tử, phẫn nộ vì chính sách thiên vị người Công giáo. Sự đối xử khác biệt này còn trắng trợn hơn ở các tỉnh lỵ, nơi đây các linh mục địa phương và các giới chức chính quyền, hầu hết là Công giáo, có toàn quyền. Khi các ấp chiến lược được dựng lên, những người Công giáo được miễn làm việc và những người phi-Công giáo bị đưa vào chỗ thay thế họ để làm những công việc lao dịch. Những vùng đất mới được mở mang và phát triển, người Công giáo được chọn những miền đất phì nhiêu ở những miền duyên hải có an ninh. Những đất đai dành cho Phật tử ở sâu trong nội địa khô cằn, gian khó. Nhiều Phật tử theo đạo để được sống dễ dàng hơn." 10. "The Two Viet-Nams" của Bernard B. Fall, Frederik A. Prae- ger Publisher, New York 1967. Ông

Bernard B. Fall là Sử gia, Chuyên gia chính trị học, tốt nghiệp Đại học John Hopkins, Giáo sư Đại học Howard. Ông cũng là Phóng viên chiến trường và là chuyên gia về Đông Dương trong hai cuộc chiến Pháp-Việt và Mỹ-Việt tại đấy. Trang 236: Tính hiếu chiến của ông Ngô Đình Diệm thuộc loại như thế này: Đức tin của ông ta ít có tính chất từ ái của các tông đồ

hơn là tính hiếu chiến tàn nhẫn của một Đại Phán Quan Tây Ban Nha của Tòa Án Dị Giáo (Torquemada); và Quan điểm của ông ta về chính quyền thì ít có tính chất của một tổng thống theo hiến định của một nước cộng hòa hơn là một bạo chúa theo truyền thống quan lại phong kiến. Một người Pháp theo Công giáo khi nói chuyện với ông ta muốn nhấn mạnh về ảnh hưởng văn hóa Pháp đối với ông Diệm đã nhấn mạnh những từ như "tín ngưỡng của chúng ta", thì ông Diệm thản nhiên trả lời rằng: "Ông biết mà, tôi tự coi tôi như là một người Công Giáo Tây Ban Nha", có nghĩa là, ông ta là một đứa con tinh thần (của Giáo Hội La Mã) của một đức tin hung hăng, hiếu chiến hơn là một tín đồ dễ dãi và khoan dung giống như người Pháp theo hệ phái Công Giáo Gallican." Trang 250: "Trong số những người lên cầm quyền cùng với ông Diệm năm 1954-55, KHÔNG MỘT NGƯỜI NÀO còn giữ chức vụ bộ trưởng khi Diệm bị giết năm 1963. Một vài người bị lưu đày ở Pháp hoặc Mỹ, và một vài người rút lui với thái độ trông chờ ở Saigon. Một sự dập theo những phương pháp toàn trị là Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng của Ngô Đình Nhu. Đảng này trở thành một hệ thống quyền lực với những thành viên mật và chỉ biết nhau trong những tổ 5 người, và những "nhóm hành động" có nhiệm vụ dẹp bỏ mau chóng và kín đáo những người đối lập... Như vậy, chế độ Diệm sai lầm trong hai phương diện: Quân đội không bao giờ thực sự hữu hiệu, và các sĩ quan ở quân đoàn thì không trung thành với những ông chủ dân sự và nhắm mắt làm ngơ trước sự thất bại của chế độ". 11. "An Eye For The Dragon" của Dennis Bloodworth; Farrar, Straus & Giroux, New York 1970, trang 209. Ông Dennis Bloodworth là Thông tín viên Viễn Đông của tạp chí Anh The Observer, ông là một chuyên gia về châu Á trong nhiều thập kỷ (1930-1970). Từ 1954 đến 1973, ông đặc biệt theo dõi tình hình Đông Dương, và cho ra đời tác phẩm An Eye for the Dragon: South-East Asia. "Cho tới năm 1963 mật vụ của ông Diệm đã bắt giữ hoặc đẩy vào tay những kẻ thù hầu như mọi người quốc gia có tên tuổi đã chiến đấu cho tự do của đất nước trong 20 năm trước. Ông ta và gia đình đã đàn áp mọi đối lập, chất đầy nhà tù, bịt miệng báo chí, gian lận bầu cử, và bám vào quyền lực." 12. "Intervention and Revolution" của Richard J. Barnet, A Merid- ian Book, New York 1972, trang 233-235. Ông Richard J. Barnet là một Học giả, tốt nghiệp luật sư ở Harvard Law School. Sáng lập viên

Viện Nghiên cứu Institute for Policy Studies, đã từng là nhân viên Bộ Ngoại giao Mỹ và là thành viên của Council on Foreign Relations. "Khuyến cáo rằng "nếu bầu cử được tổ chức ngày nay (1956) thì tuyệt đại đa số dân Việt sẽ bầu cho Cộng sản," Cherne tuyên bố rằng uy tín của Mỹ ở Á Châu tùy thuộc vào sự ngăn chận cuộc bầu cử này. Phương

pháp giải quyết là củng cố lớp người Công giáo ở miền Nam Việt Nam, chỉ có những người này mới có lý do thuộc về lý tưởng chống Cộng. Nhà văn Công giáo người Anh, Graham Greene, đã mô tả việc Mỹ sử dụng giáo hội Công giáo trong cuộc chiến tranh lạnh ở Việt Nam như sau: Chính cái ý hệ Công giáo đã làm cho chế độ của ông Diệm sụp đổ, vì sự sùng tín của ông ta đã bị các cố vấn Hoa Kỳ khai thác cho đến khi giáo hội Công giáo ở Việt Nam ở trong cơ nguy cùng chung số phận bất thiện cảm của người dân Việt đối với Mỹ... Những khoản tiền to lớn được dùng để tổ chức những cuộc đón tiếp quan khách ngoại quốc và tạo nên ý niệm giáo hội Công giáo là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. Trong những trường hợp hiếm hoi mà ông Diệm đi kinh lý những vùng trước đây bị Việt Minh chiếm, bao giờ cũng có một linh mục ở bên cạnh, và thường là một linh mục Mỹ... Điều quan tâm chính của chính quyền Diệm là sự an toàn của chính quyền. Chính quyền Diệm sợ rằng cuộc bầu cử dự định tổ chức vào tháng 7, 1956 đưa đến sự thắng lợi của Hồ Chí Minh và chấm dứt quyền lực của những chính trị gia không Cộng sản.. Những ước tính của cơ quan tình báo quốc gia CIA, soạn trong tháng 2, 1957, mô tả chế độ Diệm như sau: Chế độ Diệm phản ánh ý nghĩ của ông Diệm. Một bộ mặt chính quyền đại diện cho dân được duy trì, nhưng thực chất chính quyền là độc tài. Quyền lập pháp của quốc hội bị hạn chế gắt gao; quyền tư pháp chưa phát triển và tùy thuộc quyền hành pháp; và những nhân viên trong ngành hành pháp không gì hơn là những tay sai của ông Diệm. Không có một tổ chức đối lập nào, dù trung thành hay không, được phép thành lập, và mọi chỉ trích chính quyền đều bị đàn áp... Quyền lực và trách nhiệm tập trung nơi ông Diệm và một nhóm nhỏ gồm có những thân nhân của ông Diệm, những người quan trọng nhất là ông Nhu và ông Cẩn." Chế độ độc tài của ông Diệm, dựa trên một mạng lưới mật vụ, tòa

án quân sự, và công chức tham nhũng, tuyên bố không những chiến đấu chống Cộng mà cho tới năm 1957 Cộng sản vẫn chưa có hoạt động gì, mà còn chống bất cứ nhóm nào không chắc là trung thành với ông Diệm. Thật vậy, nhiều người không-Cộng-sản vào tù hơn là người Cộng sản. ... Sự chuyên chế của ông Diệm, sự thiên vị trơ trẽn của hắn đối với những người Công giáo tị nạn từ ngoài Bắc vào so với phần còn lại của dân chúng, và sự bạo hành của hắn đối với mọi người không đồng quan niệm chính trị với hắn đã tạo nên một sự liên kết chống hắn mà hắn rất sợ." 13. "Vietnam Revisited" của David Dellinger, trang 35. Ông David Dellinger tốt nghiệp Yale (Mỹ) và Oxford (Anh), ông cũng theo học tại Chủng viện Thần học Union Theological Seminary (New York). Là một Luật sư thuộc đảng Cộng hòa, ông còn là bạn của Tổng thống Calvin Coolidge. Ông là khôi nguyên giải thưởng Peace Abbey Cour- age of Conscience. Ngay từ lúc đầu ông Diệm đã có khuynh hướng toàn trị và gia đình trị mà 8 năm sau dư luận quần chúng lên án chính quyền của ông ta. "Khuynh hướng toàn trị" của ông Diệm đã đưa đến việc thành lập một đảng chính trị riêng tư, đảng Cần Lao, một đảng duy nhất. Đảng Cần Lao cũng phục vụ hắn như là mật vụ, dập theo khuôn mẫu của Nhật Bản trong Thế Chiến II – mà ông Diệm đã nghiên cứu kỹ chi tiết. Như chúng ta đã thấy, đảng này đã giết hại 90,000 người và cầm tù 800,000 trong đó có nhiều người bị tra tấn. ... Khi ông

Diệm về Việt Nam năm 1954, một người Công giáo theo lệnh của một thế lực ngoại quốc về cai trị một nước mà 80% là Phật tử, CIA đã thuê vài trăm người để hoan hô hắn tại bến tàu. Nhưng cả CIA lẫn những giới chức Mỹ ủng hộ ông Diệm đều không làm sao làm ngược được sự kiện là ông Diệm không có sự ủng hộ của quần chúng, chính sách đàn áp đẫm máu của ông Diệm đối với từ các nhà sư Phật giáo và các tín đồ Hòa Hảo, Cao Đài cho tới những nông dân yêu nước, giới tư sản tôn trọng luật pháp, trật tự và một chút công lý, và những tướng lãnh đối thủ – "kéo theo (và đã xảy ra) tất cả những khó khăn vì một con người với nhân cách như vậy." 14. "Vietnam: Why Did We Go?" của Avro Manhattan, Chick Pub- lication, California 1984, trang 56 & 89. Ông Avro Manhattan là một

Triết gia và cũng là tác gia người Anh. Tốt nghiệp Đại học Sorbonne (Pháp) và London School of Economics (Anh), từng được Hoàng gia Anh phong tước Hiệp sĩ Knight of Malta. Ông là tác giả của hơn 20 cuốn sách, chủ yếu về Tòa thánh Vatican, trong đó có 4 cuốn có liên hệ đến Việt Nam, mà cuốn được tham chiếu nhiều nhất là "Vietnam – Why Did We Go?" "Tổng thống Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam là một ngườI theo đạo Công giáo cai trị Nam Việt Nam bằng một bàn tay sắt. Ông ta thật tình tin rằng Cộng sản là ác và giáo hội Công giáo là duy nhất. Ông ta đã được hồng y Spellman và giáo hoàng Pius XII trồng vào cái ghế tổng thống. Ông ta đã biến cải ngôi vị tổng thống thành một nhà độc tài Công giáo, tàn nhẫn nghiền nát những đối lập chính trị và tôn giáo. Nhiều nhà sư Phật giáo tự thiêu để phản đối những sự bạo hành tôn giáo của ông ta. Sự bạo hành kỳ thị đối với người phi-Công giáo, đặc biệt là các Phật tử, đã gây nên sự rối loạn trong chính phủ và trong quân đội thì quân nhân đào ngũ hàng loạt. Điều này đưa đến sự can thiệp quân sự của Mỹ. Trong chính sách khủng bố này ông ta được sự phụ giúp của hai người anh em Công giáo, người đứng đầu mật vụ (Ngô Đình Nhu) và tổng giám mục ở Huế (Ngô Đình Thục). Người ta ghi nhận rằng, và những con số sau đây tuy không được chính quyền chính thức khẳng định nhưng có thể coi là đáng tin cậy, là trong thời gian kinh hoàng từ 1955 đến 1960 – ít nhất là có 24,000 người bị thương, 80,000 bị hành quyết hay bị ám sát, 275,000 người bị cầm tù, thẩm vấn hoặc với tra tấn hoặc không, và khoảng 500,000 bị đưa đi các trại tập trung. Đây chỉ là những con số ước tính bảo thủ, khiêm nhường. Đặt quyền lợi quốc gia ra đàng sau để đẩy mạnh quyền lợi tôn giáo của hắn, kết quả là tên độc tài Diệm đã đưa đất nước xuống vực thẳm." 15. "Nobody Wanted War" của Ralph K. White, A Doubleday An- chor Book, New York 1970, trang 91. Ông Ralph K. White là Tiến sĩ Tâm lý học từ Stanford, giáo sư đại học Stanford, Cornell và Ohio State. Ông đã từng là chuyên gia phân tích của CIA, USIA, và Bộ Ngoại giao Mỹ, và là tác giả của gần 10 tác phẩm về tác động tâm thần trong và sau chiến tranh. "Ông Diệm, người em dở điên và vợ của y (Nhu và vợ), đã làm cho mọi nhóm quan trọng trong nước, kể cả nhóm chống Cộng thực tế nhất, nhóm này đã thấy rõ gia đình Diệm đã hạ thấp và làm yếu đi

cuộc tranh đấu chống Cộng, và sau cùng cả những sĩ quan cao cấp trong quân đội, những người mà mọi tên độc tài không được lòng người phải trông cậy vào họ để sống còn, xa lìa. Theo Malcolm Browne, chế độ Diệm đã bị cả nước oán ghét. Nếu nhà Ngô còn cầm quyền cho đến ngày nay (1965) thì chắc chắn là Việt Nam sẽ hoàn toàn là Cộng sản." 16. "The Political Economy of Human Rights. Vol I" của Noam Chomsky and Edward S. Herman, Black Rose Books, Canada 1979, trang 30, 302-303. Ông Noam Chomsky là Tiến sĩ Ngôn ngữ học ở Đại học Pensylvania, giáo sư ở Viện Công nghệ MIT. Ông là cha đẻ một số lý thuyết triết học trong ngôn ngữ học và chính trị học, được mời giảng thuyết và nhận bằng tiến sĩ danh dự ở 37 Đại học, trong đó có 22 Đại học ngoại quốc trên 4 lục địa. "Joseph Buttinger, một cố vấn của ông Diệm lúc đầu và là người đã bày tỏ sự ủng hộ ông Diệm nồng nhiệt nhất trong thập niên 1950, khẳng định rằng gọi ông Diệm là phát xít thì không thích hợp vì, tuy chế độ Diệm có tất cả những sự xấu xa của chế độ phát xít, ông Diệm thiếu cơ sở quần chúng mà Hitler và Mussolini đã có thể tập hợp được. ... Theo Jeffrey Race, một cựu cố vấn quân sự Mỹ cho Nam Việt Nam có rất nhiều tài liệu về lịch sử Việt Nam cận đại, chính quyền Diệm đã khủng bố người dân nhiều hơn là phong trào cách mạng nhiều – thí dụ, thủ tiêu các cựu kháng chiến quân Việt Minh, bắn pháo binh vào những "làng cộng sản" và bắt bớ những người "có thiện cảm với cộng sản". Cũng chính vì những chiến thuật đó mà lực lượng của phong trào cách mạng càng ngày càng gia tăng ở Long An từ 1960 đến 1963. ... Sử gia của Ngũ Giác Đài viết về "bệnh gần như hoang tưởng của ông Diệm lo lắng về vấn đề an ninh," đưa đến những chính sách "khủng bố toàn diện nông dân Việt Nam, và làm suy giảm trầm trọng sự ủng hộ chế độ của quần chúng." Sự dùng bạo lực quá mức và trả thù những người cựu kháng chiến của Diệm là sự vi phạm trắng trợn Hiệp Định Genève (Khoản 14c), cũng như là sự từ chối không thi hành điều khoản tổng tuyển cử trên toàn quốc (vào tháng 7, 1956) của Diệm. Lý do chính mà Diệm từ chối không thi hành điều khoản này vào những năm 1955-56 (tổ chức và tổng tuyển cử trên toàn quốc) thật là hiển nhiên: viên quan lại ly hương nhập cảng từ Mỹ vào chỉ có một sự ủng hộ tối thiểu của quần chúng và ít có hi vọng thắng trong một cuộc tổng tuyển cử... Ông

Diệm là mẫu người điển hình của một tên bạo chúa phát xít, dùng khủng bố để bù đắp cho sự thiếu hụt sự ủng hộ của quần chúng ..." 17. "The American Pope" của John Cooney, A Dell Book, New York 1984, trang 309-312. Ông John Cooney là một Phóng viên báo Wall Street Journal, cũng là một trong 4 người đã từng trách nhiệm viết Tự truyện cho Hồng y Mỹ Francis Spellman, vị giáo chức Công giáo La Mã đở đầu cho ông Ngô Đình Diệm thâm nhập vào chính giới Mỹ và sau đó là Tổng Tuyên úy của Quân đội Mỹ tại Nam Việt Nam. "Lập trường của (hồng y) Spellman về Việt Nam phù hợp với những mong ước của giáo hoàng. Malachi Martin, một cựu tu sĩ dòng Tên phục vụ tại Vatican trong những năm Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam, nói rằng giáo hoàng muốn Mỹ ủng hộ ông Diệm vì giáo hoàng đã bị người anh của ông Diệm, Tổng giám mục Thục, ảnh hưởng. "Giáo hoàng quan tâm đến sự càng ngày càng thắng lợi của Cộng sản do đó làm suy yếu giáo hội," Malachi xác nhận rằng: "Giáo hoàng ra lệnh cho Spellman khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam." Do đó Spellman xếp đặt một chiến

dịch hòa điệu kỹ càng để dựng lên chế độ Diệm. Qua báo chí và vận động trong hậu trường ở Wash- ington, vấn đề đối đầu chống Cộng ở Đông Dương được phổ biến rộng rãi ở Mỹ. Spellman và Kennedy cũng còn giúp lập lên một nhóm vận động hậu trường Washington. Chủ trương của sự đồng minh này là chống Cộng và phát huy ý hệ Công giáo. ... Do đó, rất nhiều người Mỹ tin rằng Việt Nam là một quốc gia phần lớn là Công giáo. Một phần của cái ấn tượng sai lầm này là kết quả của việc Diệm lên cầm quyền. Với sự giúp đỡ của CIA tổ chức cuộc bầu cử gian lận năm 1955, ông Diệm hủy bỏ chế độ quân chủ và Bảo Đại bị cưỡng bức phải sống trong cảnh lưu đầy. Cái màu sắc Công giáo đậm đà trong cuộc vận động hậu trường Việt Nam cũng góp phần tạo nên quan niệm sai lầm trên. Còn một yếu tố khác là sự đặt mình vào trong đường lối trên của Spellman. ... Sự tuyên truyền của Spellman về bản chất Công giáo của chính quyền Diệm đã làm rõ rệt thêm hình ảnh không đẹp về vị thế của giáo hội ở Việt Nam. Cái bản chất tôn giáo của chính quyền Diệm và những vấn đề chính quyền đó tạo ra đã được ghi nhận bởi Graham Greene, một tín đồ Ca Tô, trong một bài viết từ Saigon, in trong tờ London Sunday Times ngày 24 tháng 4, 1955:

“Một cuộc viếng thăm không thích hợp của Hồng y Spellman đã được tiếp nối bởi những cuộc viếng thăm của Hồng y Gillroy và Tổng Giám mục ở Canberra. Những số tiền lớn lao đã được dùng để tổ chức những cuộc biểu tình đón tiếp những vị khách này, đưa ra một ấn tượng là giáo hội Ca Tô là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. ... Nam Việt Nam, thay vì đối đầu với miền Bắc Cộng sản bằng những bằng chứng về tự do, lại rơi vào một chế độ độc tài bất hiệu lực: dẹp bỏ báo chí, kiểm duyệt chặt chẽ, lưu đầy bằng lệnh của chính quyền thay vì phải được xét xử ở tòa án. Thật là bất hạnh khi một chính quyền như vậy lại đồng nhất hóa với một đức tin. Ông Diệm rất có thể đã để lại trên đất nước có tinh thần khoan nhượng này một di sản chống-CaTô.” 18. “The Final Superstition” của Joseph L. Daleiden, Prometheus Books, New York, 1994, trang 62). Ông Joseph L. Daleiden là một Kinh tế gia Mỹ, chuyên gia phân tích các chính sách công Cộng. Ông viết sách về nhiều lãnh vực, kể cả thần học, triết học và xã hội học. Hai tác phẩm khẳng định tên tuổi của ông trong giới học thuật là The Final Superstition và The Science of Ethics. “Spelllman là người chủ chốt của giáo hoàng làm cho Mỹ tham chiến sâu đậm ở Việt Nam. Theo một bức thư chính thức của Vatican, giáo hoàng “dùng Spellman để khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam.” Mọi viện trợ nhân đạo cho miền Nam đều đi qua các cơ sở của giáo hội Công giáo và chỉ có những người Công giáo là được ông Diệm bổ nhiệm vào trong chính phủ. Tuy rằng những chính sách như vậy đưa đến việc cải đạo hàng loạt, số tín đồ Công giáo chỉ chiếm vào khoảng từ 12 tới 13 phần trăm của dân số miền Nam. Không lạ lùng gì mà khối đa số Phật giáo bất bình đưa đến việc công khai chống đối chính sách của ông Diệm. Tình trạng ngày càng suy kém, ông Diệm đã dùng đến biện pháp bắt giữ hàng loạt, đàn áp Phật tử, đóng cửa chùa chiền và tu viện. Qua kinh nghiệm quá khứ, Giáo hội chắc hẳn đã biết rằng sự đàn áp chỉ làm cho lý tưởng mạnh hơn. Trước sự quan sát kinh hoàng của thế giới, giới Phật tử đã phải dùng tới hành động chống đối tiêu cực rốt ráo và nhiều tăng sĩ đã tự thiêu. Trong những khoảng thời

gian đáng sợ đó, tôi, một tín đồ Công giáo, không nhớ có một lời chỉ trích chính sách của ông Diệm từ một linh mục hay giám mục Công giáo nào. Tuy nhiên, sự việc đã lên quá mức đối với Tổng Thống John Kennedy, ông ta thôi không ủng hộ ông Diệm nữa. Ít lâu

sau đó ông Diệm bị hành quyết trong một cuộc lật đổ chính quyền. Qua cái diễn tiến kinh khủng này vai trò của giáo hội đã theo đúng cái tiến trình lịch sử nhơ nhớp của giáo hội." 19. "America's Longest War" của George C. Herring, John Wiley & Sons, New York 1979, trang 62-65. Ông George C. Herring là Tiến sĩ Sử học tại University of Virginia. Ông là Giáo sư Danh dự về Lịch sử tại đại học University of Kentucky và giáo sư thỉnh giảng tại Trường Võ bị West Point. Là một chuyên gia về lịch sử bang giao quốc tế của Mỹ, ông chủ yếu đặt trọng tâm các nghiên cứu vào chủ đế Việt Nam. Ông được giải thưởng Robert Ferrell 2008 của "Hội các nhà Sử học về Bang giao Quốc tế của Hoa Kỳ" (SHAFR). "Để làm vui lòng các cố vấn Mỹ, thỉnh thoảng ông Diệm cũng nói trên đầu môi chót lưỡi về dân chủ, nhưng trong thực hành hắn nắm lấy những quyền lực tuyệt đối. Đích thân hắn ngự trị ngành hành pháp của chính phủ, dành cho ông ta và anh em mà ông ta đã đưa ba người vào nắm ba chức trong nội các có sáu bộ, mọi quyền quyết định. Sự tấn công dữ dội của ông Diệm vào những đối lập chính trị đã gây nên sự bất mãn trong các thành phố cũng như ở thôn quê. Báo chí chỉ trích chính phủ bị đóng cửa ngay... Dùng quyền hành trong các sắc lệnh của tổng thống, chính quyền Diệm đã lùa vào những "trại cải huấn" nhiều ngàn người Việt Nam, cộng sản cũng như không cộng sản, những người bị coi như là đe dọa cho trật tự công cộng. Chương trình cải huấn lúc đầu nhắm vào các thành phần kháng chiến Việt Minh ở lại miền Nam, nhưng rồi với thời gian chương trình này được áp dụng cho bất cứ ai dám chống đối chính quyền. ... "Chính quyền có khuynh hướng cai trị dân với lòng nghi ngờ và cưỡng bức", một phúc trình tình báo của Mỹ kết luận năm 1960, và "đã được đáp ứng bởi thái độ bất thiện cảm và bất mãn của người dân". 20. "Unwinding the Vietnam War: From War Into Peace" của Reese Williams, The Real Comet Press, Seattle 1987, trang 431. Ông Reese Williams là tác giả của một số sách nhưng ông được biết đến nhiều hơn cả qua vai trò Tổng biên tập của Tuyển tập Unwinding the Vietnam War: From War Into Peace của 25 học giả, nghệ sĩ, nhà báo, cựu chiến binh, người tị nạn... Sau khi Pháp bị đánh bại và có vẻ như nền độc lập (của Việt Nam) sẽ tới, theo hiệp định Genève. Nhưng thay vào đó Mỹ đã nhảy vào, quyết định là Hồ (Chí Minh) không được thống nhất đất nước đang

tạm thời chia cắt, và những nông dân lại cảnh giác khi chúng ta ủng hộ một trong những tên độc tài đồi bại nhất của thời hiện đại – Thủ tướng Diệm, người chúng ta chọn. Người nông dân cảnh giác và đoàn kết lại khi ông Diệm tàn nhẫn dẹp mọi đối lập, hỗ trợ những tên địa chủ bóc lột họ, và từ chối thảo luận với Bắc Việt về sự thống nhất của đất nước. * * * Trên đây chỉ là 20 lời phê phán điển hình về con người lãnh đạo Ngô Đình Diệm và chế độ Đệ Nhất Cộng hòa của một số trí thức Mỹ, trong số hàng

trăm lời phê phán tương tự khác. Chúng ta cũng nên để ý là hơn phân nửa số tài liệu trích dẫn ở trên được viết sau năm 1975. Nếu độc giả muốn đọc những lời phê phán của chính người Việt sống tại miền Nam Việt Nam từ sau 1954, xin tìm đọc Hồi ký chính trị Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi (California, 1993) của cố Thiếu Tướng Đỗ Mậu, trong đó, ở phần cuối, có 100 lời phê phán của các nhân sĩ, chính trị gia, tướng lãnh, giáo sư đại học, nhà báo v.v... về ông Diệm và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa. Họ là những người có thẩm quyền để phê phán vì họ đã sống và quan sát trong thời kỳ đó, thậm chí họ còn là những người tham dự, trong hay ngoài, vào chế độ Diệm. Cuốn hồi ký chính trị này, viết bởi một người trong cuộc và một ký ức trải dài hơn 20 năm, với rất nhiều chi tiết lịch sử, vẫn là cuốn sách có giá trị nhất trong những cuốn viết về chế độ Ngô Đình Diệm. Tác giả cuốn khảo luận nổi tiếng Viet Cong là Sử gia Douglas Pike, nguyên Giám đốc hai trung tâm Indochina Archive và Indochina Chronology của Đại học UC Berkeley, đã đánh giá hồi ký chính trị này là một tác phẩm lớn, mô tả chi tiết lịch sử nền Đệ Nhất Cộng hòa, với nhiều hồi tưởng và phân tích các biến cố lịch sử ("A big book, this 1286-page autobiography of the well-known former ARVN general and GVN minister and vice-premier is also a detailed history of the Viet- namese first republic. There is a great deal of historical analysis here in addition to recounting of events" – Indochina Chronology, 1986). Qua 20 lời phê phán của các tác giả ngoại quốc ở trên, chúng ta thấy nổi bật hai điểm chính, phù hợp với những nghiên cứu khác và được chứng thực bởi thực tế lịch sử sau này: Về cá nhân, ông Ngô Đình Diệm là người vô tài (giỏi xăm xoi chuyện nhỏ cụ thể nhưng lại lúng túng trước những chính sách vĩ mô lý thuyết), vô đức (thủ tiêu mạng sống của các nhà đối lập chính trị),

nhu nhược (để cho anh em, gia đình và người đồng đạo khuynh loát chế độ và quốc gia). Được Hồng Y Spellman, với sự phụ giúp của ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles cùng một vài chính khách Công giáo Mỹ khác, theo lệnh của Vatican(2) đưa về cầm quyền ở Nam Việt Nam. Nhưng khi đã nắm được hoàn toàn quyền bính, thì chính cái bản chất Công giáo cuồng tín của ông Diệm đã quật ngược lại, làm hại đến bản thân ông, gia đình ông, tôn giáo ông và chế độ của ông. Sách lược Công giáo hóa miền Nam (mà trước hết là Công giáo hóa bộ máy công quyền) bằng thủ đoạn kỳ thị và tiêu diệt các giáo phái khác của ông Diệm trong một nước mà Công giáo chỉ chiếm có 7% là một sách lược dại dột, một tự tử chính trị và một ô nhục văn hóa, dẫn đến sự oán ghét của tuyệt đại đa số người dân Việt Nam (trong 7 năm làm tổng thống,1956-1963, ông bị 7 lần chống đối từ ôn hòa đến vũ lực, từ đảng phái đến quân đội, từ trí thức đến tôn giáo).

Thế nước, Lòng dân: 1960 và 1963

Về chế độ Ngô Đình Diệm thì đó là một chế độ bạo ngược, chuyên chế, dùng bạo lực chính trị (của đảng Cần Lao) và công an mật vụ (7 cơ quan chìm nổi và 2 nhà tù biệt giam P42 và 9-Hầm không nằm trong hệ thống tư pháp) để khống chế đời sống chính trị quốc gia, do đó không có sự hậu thuẫn của quần chúng. Đó là một chế độ độc tài, Công giáo trị và gia đình trị, quyết liệt không chấp nhận sự hiện diện của đối lập chính

trị, dù cùng mục tiêu chống Cộng. Sử dụng Lập pháp và Tư pháp như công cụ, và xem nhân viên chính phủ và quân đội như gia nô trong nhà. Những thành quả trong 4 năm đầu tiên (1955-1959) chủ yếu là nhờ kinh viện và quân viện dồi dào của Mỹ, nhưng càng về sau, chế độ Diệm càng thất bại trong quốc sách chống Cộng mà ông Diệm đã cam kết với Mỹ. Vì vậy mà đến tháng 10/1961,

2. Xem thêm Sắc lệnh năm 1949 và thông điệp Evengeli Praecones năm 1951 của Giáo hoàng Pius XII.

chỉ mới hơn một năm sau khi "Mặt trận Giải phóng miền Nam" thành lập, tình hình an ninh quốc gia đã suy sụp tồi tệ đến nỗi ông Diệm phải tuyên bố "Tình trạng khẩn cấp trên toàn lãnh thổ" (sắc lệnh 209/TTP); và qua tháng 3/1962, ông Diệm đã phải gửi thông điệp cầu cứu với 92 quốc gia trên thế giới xin giúp Việt Nam Cộng hòa chống Cộng sản.(3)

***

3. "Những ngày Chưa quên" (Đại Nam, 1969) của Đoàn Thêm và "Vietnam His- tory, Documents and Opinions" của Marvin E, Gettleman.

THÁNG 11, CHỢT NHỚ VÀI BÀI THƠ VỀ CHẾ ĐỘ DIỆM Phùng Quân

... có một mảng tài liệu mà người viết cho rằng có giá trị trung thực và lâu bền nhất, đó là thơ văn và phong dao truyền tụng trong dân chúng vào thời gian đó. Những tài liệu này thì trung thực vì mô tả sự kiện có thực ngay thời điểm vừa xảy ra, và lâu bền vì được nhân dân chấp nhận có đãi lọc, rồi học thuộc lòng mà truyền khẩu vượt thời gian từ thế hệ này sang thế hệ khác. Người viết bài viết này đã gần 70 tuổi, hiện ở Mỹ, chỉ căn cứ trên trí nhớ của mình và vài người bạn cùng trang lứa, cộng thêm cái tủ sách Việt ngữ của người con rễ, mà hôm nay cũng có thể ghi lại được một số bài thơ và câu vè "không bao giờ quên" về chế độ Diệm... * * * VĂN HÓA NÀO ĐÃ TẠO NÊN CON NGƯỜI CHÍNH TRỊ NGÔ ĐÌNH DIỆM. Con người ông Diệm là tổng hợp của ba chiều kích văn hóa: Văn hóa phong kiến Tống nho, văn hóa Công giáo thời Trung cổ, và văn hóa Tây thuộc địa, trong đó ứng xử chính trị của "ông quan" Ngô Đình Diệm là phần thể hiện rõ nét nhất ba thuộc tính này. Vì vậy mà khi nói đến chế độ Ngô Đình Diệm thì người Việt Nam gọi ngay bằng hai chữ "Ngô Triều". Ông Diệm lớn lên và được đào tạo bởi những quan lại già nua lạc hậu không theo kịp với dân trí mỗi ngày một tiến bộ, và đa số những vị quan này là những nịnh thần tham nhũng, làm tay sai cho Pháp. Bài thơ của Cụ Nghè Ngô Đức Kế dưới đây đủ nói lên cái tư cách "cu li" của lớp quan lại áo mão xênh xang này:

Cu li đành phận chớ ra oai, Chuyên chế ăn quen thói cũ hoài. Quân chủ cờ bay vui trước mắt, Dân quyền trống đánh chán bên tai. Bài, Liêm giảo hiểm khoe tài trí Huề, Thụ thông minh gọi bất tài. Cấm hết công môn tiền hối lộ, Ngoài ra Tiềm Để mặc lòng ai.(1) "Bài, Liêm, Huề, Thụ" là tên bốn vị Thượng thư mà Bài là ông Nguyễn Hữu Bài,

người đỡ đầu cho ông Diệm; và Huề là ông Thân Trọng Huề, ông ngoại của bà Ngô Đình Nhu. Trong cái môi trường "giảo hiểm", "bất tài", "công môn tiền hối lộ" đó mà anh em giòng họ Ngô Đình lại thăng quan tiến chức vượt bực (Trong chế độ phẩm trật phong kiến phức tạp và nặng nề đó mà ông Diệm mới 33 tuổi đã làm Thượng thư đầu triều, tương đương với Thủ tướng) thì hẳn phải nhờ một lý do đặc biệt nào đó. Lý do đặc biệt đó đã được giới quan trường đương thời thú vị làm thơ chế giễu "vây cánh Ngô Đình" như sau: LÀM QUAN NAM TRIỀU Lênh đênh chiếc bách buổi ba đào, Chèo lái xem chừng khó biết bao. Tôi tớ mấy người dâng lễ hậu, Quan thầy mấy kẻ nặng hầu bao. Chật trong bể hoạn thêm mình nữa, Theo hết rừng "Hàn" biết kiếp nao. Vây cánh Ngô Đình ghê gớm thật, Mềm lưng dẻo gối chóng lên cao.(2) "Vây cánh Ngô Đình" chủ yếu gồm những ai? Gồm Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài, Thân Trọng Huề ... mà con đường hoạn lộ là những bước làm tay sai đắc lực cho hai thế lực là Bộ máy Thực dân

1. Hoàng Trọng Thược, Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế, Sài Gòn 1973, tr. 317. 2. Hoàng Trọng Thược, Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế, Sài Gòn 1973, tr. 273.

đô hộ Pháp và Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris.(3) BẢN CHẤT CHẾ ĐỘ DIỆM Dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, đường Công Lý thì đi một chiều, đường Tự Do thì cấm xe xích lô, xe đạp, còn cổng chính của Tòa án thì bị đóng kín, thường dân phải đi cổng bên, nên thời đó có câu truyền tụng lúc đầu còn ở Sài Gòn nhưng sau lan ra khắp nước, rằng: Công Lý một chiều Tự Do hạn chế Tòa án đi cổng hậu Để mô tả nền độc tài và xã hội bất công của chế độ lúc đó(4), một chế độ tuy gọi là "Cộng hòa" với tam quyền phân lập, nhưng thực tế là do một gia đình phong kiến và cuồng tín thao túng mọi định chế và sinh hoạt của quốc gia. Vì thế mà từ đầu năm 1961, dân chúng miền Trung đã âm thầm viết thành bản án lịch sử để lại cho hậu thế đời đời qua hai câu ca dao truyền miệng về bốn nhân vật trụ cột của gia đình đó: Nhà Ngô có bốn gian hùng Diệm ngu, Nhu ác, Cẩn khùng, Thục điên Bản chất của chế độ và chân tướng của cấp lãnh đạo lại càng hiện rõ hơn vào tháng 2 năm 1962 trong và sau khi dinh Độc Lập của anh em Ngô Đình Diệm bị 2 phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử oanh tạc. Ông Nguyễn Đôn Dư, bút hiệu Quỳ Ưu, ở Thừa Thiên đã ví sự kiện này như tình trạng "cháy nhà ra mặt chuột" và đã bí mật phổ biến bài thơ sau đây trong vòng bạn bè: CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT Đục khoét xưa rày núp ở đâu? Cháy nhà thấy chuột chạy lao nhao Dương oai bà Hỏa vừa lên mái Khiếp vía ông Thiên vội ló đầu Rường cột rã rời phơi mặt địa Cống chù quay quắt chổng hàm râu

3. MEP: Société des Missions Etrangères de Paris. 4. Tôn Nữ K.C., Bây Giờ Tháng Mấy, bán nguyệt san Việt Nam Hải Ngoại (số 23 ngày 1-5 1978), tr. 43.

Tai bay vạ gió đà ra rứa Chĩnh nếp dòm vô đã sạch làu.(5) Rồi đến mùa Hè năm 1963, gia đình Ngô Đình phóng tay đàn áp Phật giáo và định dứt điểm tôn giáo này, ít nhất là trên nước Việt Nam, với kế hoạch Nước Lũ đêm 20 tháng 8. Ngày 22 tháng 8, với tư

cách là Ngoại trưởng của chính phủ Diệm, ông Vũ Văn Mẫu cạo trọc đầu và sau đó từ chức Ngoại trưởng để phản đối nhà Ngô. “Cảm phục khí phách và phong độ kẻ sĩ Vũ Văn Mẫu, ông Hoàng Đại Sâm (tức thi sĩ Hoàng Hoa Trang), một nhân viên cao cấp của Bộ Ngoại Giao, bèn nhờ bạn là ông Võ Khắc Văn viết cho mấy chữ Hán để khắc vào bức hoành phi tặng cho vị chỉ huy khả kính của mình. Ông Văn bèn viết bốn chữ: “Ngoại Vật Hoàn Giao”, vừa có chữ của nhà Phật, vừa có chữ “ngoại giao”, vừa nói lên được ý nghĩa thâm thúy của một hành động đầy triết lý sâu sắc. Sau khi viết cho bạn bốn chữ để tặng vị Bộ trưởng vì chính nghĩa mà “cạo đầu từ quan”, Võ Khắc Văn cảm xúc trước một biến cố vừa đau thương vừa chua chát bèn làm một bài thơ, ghi lại một sự kiện lịch sử có tính cách “Giai thoại Làng Nho” hầu lên án Ngô triều để làm gương cho hậu thế. Bài thơ này may mắn được một bạn thân của ông Võ Khắc Văn hiện ở Hải ngoại còn nhớ, viết lại rồi gởi cho tôi để hiện diện trong tập hồi ký này: TRANH THỜI SỰ 1963 Chín năm bốn bận tráo quân bài, Lừa lọc toàn tay dễ khiến sai, Hót Cụ: Thuần Lương mồm bép xép, Ôm Bà: Hiếu Nghĩa miệng lai rai, Vỹ đem hiến Cố màu xanh trẻ, Khương ước dâng Cha áo đỏ dài, Riêng Mẫu cạo đầu, Tâm bị bắt, Hỏi hàng khanh tướng đến phiên ai? Bài thơ nhằm mô tả và đánh giá bản chất của chế độ qua những nhân sự tay sai mà trong chín năm cầm quyền, nào là cụ Diệm, nào là bà Nhu, nào là Cố vấn Nhu, nào là cha Thục, dù có muốn tráo trở quân

5. Hoàng Trọng Thược, Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế, tr. 272.

bài thì cũng chỉ dùng toàn những tay “dễ khiến sai” như các Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần, Bùi Văn Lương, Ngô Trọng Hiếu, Huỳnh Hữu Nghĩa. Cũng bị liệt vào “hạng lừa lọc” là Cao Xuân Vỹ, Tổng Giám đốc Thanh niên Cộng hòa áo xanh, và Nguyễn Xuân Khương, Đại biểu Chính phủ Trung Việt đã quyết liệt đàn áp Phật giáo để Cha Thục được mặc áo Hồng Y màu đỏ. Trong hàng khanh tướng sạch dơ lẫn lộn đó chỉ còn ôngVũ Văn Mẫu là khí tiết từ chức và Bác sĩ Phạm Biểu Tâm, Khoa trưởng Đại học Y khoa Sài Gòn, công phẫn chống đối nên bị Mật vụ nhà Ngô bắt.”(6) TỘI ÁC CỦA CHẾ ĐỘ CÔNG AN TRỊ NGÔ ĐÌNH DIỆM Nói đến chế độ Ngô Đình Diệm là nói đến chế độ gia đình trị, chế độ Công giáo trị. Và dĩ nhiên, Công an trị. Ở ngoài Trung, Ngô Đình Cẩn có cho tân trang chín cái hầm chứa vũ khí của quân đội Nhật dưới đất ở ngoại ô thành phố Huế để nhốt tù chính trị, nhốt Phật tử và những kẻ mà Cẩn định làm tiền. Ái Huyên, một nữ sinh Đồng Khánh Huế, nạn nhân của Cẩn, trong khi bị giam ở Chín Hầm đã sáng tác bài thơ: Trước phong cảnh hữu tình ai có biết, Rằng nơi đây địa ngục trần gian, Nơi chứa chấp một chế độ bạo tàn, Và cạnh đấy là cung vàng điện ngọc. Du khách hỡi! Dừng lại đây nghe tiếng khóc, Của oan hồn tử sĩ chết đau thương, Những nấm mồ vô chủ suốt đêm trường, Như quằn quại theo từng cơn gió buốt! Trên nệm ấm kẻ bạo tàn đâu có biết, Bao thân người chui rúc dưới tanh hôi, Và nghe hồn khóc kể mãi không thôi!(7) Nhà ngục Chín Hầm đó của Ngô Đình Cẩn ghê rợn đến nỗi trong bài thơ Vịnh Chuồng Cọp, một ẩn sĩ ở Huế đã tặng cho ông Cẩn một hỗn danh để lưu truyền lại cho hậu thế: Một kiếp tàn hung Hùm Xám đó,

6. Hoành Linh Đỗ Mậu, Việt Nam Máu Lữa Quê Hương Tôi, Văn Nghệ, 1993, Chương 15, trang 511. 7. Hoàng Trọng Thược, Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế, tr. 275.

Muôn dân ghê rợn ác ôn này!(8)

Trong khi đó thì tại Sài Gòn, gần sở thú đô thành, Ngô Đình Nhu cho xây trại giam P-42 để tra khảo những thành phần quốc gia đối lập với chế độ. Một trong những người đó là cụ Trần Văn Hương, và sau này là Tổng thống một tuần (từ 21 đến 28-4-1975), đã từng cùng với 17 nhân sĩ khác ký bản Tuyên bố "Caravelle" để phản đối chế độ Diệm..

Ngồi trong tù, mỗi lần hồi phục được một chút tàn lực sau những lần thẩm vấn và tra tấn, cụ Hương thường làm thơ để giết thì giờ.

NGỒI TÙ MỘT LŨ

Này anh, này cụ, này là chú,
Lóc cóc vào đây ngồi một lũ,
Những tưởng buồn như chó mất nhà,
Nào ngờ vui quá bàn xôm tụ,
Thân này dẫu vướng chốn lao lung,
Nỗi ấy vẫn ghi trong phế phủ,
Xuống chó lên voi lắm chuyện đời,
Xưa nay diễn biết bao nhiệm vụ.(9)

Và hãy nghe cụ Hương tả cảnh nhà ngục P.42 để thấy chế độ Diệm đã đày đọa người quốc gia như thế nào:

P.42 – SỞ THÚ

Danh đồn khét tiếng đã từng nghe,
P.42 đúng thiệt nè!
Điện tụ, bình quay kêu ới ới,
Xà bông nước đổ, nuốt the the,
Tra đi tra lại kinh chưa hả?
Khai tới khai lui mệt quá hè.
Cụ, Cố, Cậu trù, Ma trổ ngón,
Thân tù dưới búa lại trên đe.(10)

8. Hoàng Trọng Thược, Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế, tr. 274. 9. Trần Tương, Biến cố 11-11-60, tr. 82. Sài Gòn: Đức Phổ, 1971. 10. Trần Tương, Biến cố 11-11-60, tr. 58. Sài Gòn: Đức Phổ, 1971. Ghi chú: Cụ là ông Diệm, Cố là ông Nhu, Cậu là ông Cẩn, trù là trù yểm, Ma trổ ngón là bọn mật vụ Cần Lao trổ tài tra tấn

BÀI HỊCH HÀI TỘI CHẾ ĐỘ Năm 1960, khi binh chủng Nhảy Dù tiến hành cuộc binh biến tại Sài Gòn để định lật đổ chế độ Diệm thì trong hàng ngũ của họ có sự tham gia của một số đảng viên của các đảng phái quốc gia nhất là các đảng có gốc gác tại miền

Trung.. “Tại Quảng Nam, Một cán bộ cấp cao của Việt Quốc là ông Duy Nghĩa đã làm sẵn bài Hịch để khi cướp được Chính quyền thì sẽ tung ra, nhưng chẳng may cuộc đảo chánh bất thành, bài Hịch bị chôn vùi trong bóng tối của bí mật cho mãi đến sau ngày 1-11-1963, bài Hịch mới được phổ biến. Tôi được một đồng chí của ông Duy Nghĩa là ông Lê Nguyên Long (hiện sống tại tỉnh Fresno, Hoa Kỳ) trao lại cho một bản sao của bài hịch này, xin trích ghi lại đây như một sử liệu để lưu truyền: Hãy đứng lên, đứng lên như vũ bão, Răng nghiến răng, tay nắm chặt, vung tràn, Mắt long lên, hùng khí ngập không gian, Cho điếng lạnh thứ tham tàn Cẩn, Diệm. Vạn cánh tay giờ đây cùng tuốt kiếm, Để lòe lên Chính nghĩa của non sông, Để lòe lên tình đoàn kết nhiệt nồng, Muôn màu sắc quốc gia non nước Việt.

Hỡi những ai, những con người khí tiết,
Đang trong tù hay đau khổ trùm chăn,
Hay khuất thân sống tạm bợ nhục nhằn,
Hãy đứng dậy giờ vinh quang lâm trận!
Như thác đổ, mưa nguồn, chớp sấm,
Như đảo điên một vũ trụ hôm nay,
Hớp men nồng cách mạng máu cuồng say:
Xưa “Sát đát” ngày nay ta “Sát địch”.

.... NHIỆM Ý THIÊN CHÚA Ông Diệm và những người đồng đạo của ông tin rằng mọi sự trên đời đều do Chúa định đoạt. Nhưng khi gặp những sự kiện cực

kỳ vô lý không thể giải thích được thì họ cho rằng đó là Ý muốn mầu nhiệm của Thiên Chúa, loài người không thể hiểu được. Vì vậy mà cuối những bài diễn văn chính thức gửi quốc dân đồng bào, bất chấp 93% dân chúng không tin vào Chúa, ông Diệm vẫn luôn luôn kết thúc bằng câu “Xin Thượng Đế ban phước lành cho chúng ta”. Nhưng mặc bao nhiêu cầu xin của chính ông và đồng đạo, cuối cùng ông vẫn chết thê thảm đúng luật Nhân-Quả. Biết sẽ chết như thế là “Nhiệm ý của Thiên Chúa” nhưng trước đó ông vẫn cãi lời Chúa của ông với lời trối trăn cho tàn dư của ông rằng “nếu tôi chết thì trả thù cho tôi”. Một “nhiệm ý Thiên Chúa” khác là sau ngày cách mạng 1-11- 1963, một trong các biểu tượng của chế độ là tượng Hai Bà Trưng ở bến Bạch Đằng tại Sài Gòn đã bị sinh viên và dân chúng kép đổ sập. Đây là bức tượng tạc Hai Bà nhưng từ khuôn mặt cho đến vóc dáng thì lại giống như Bà Nhu và con gái Ngô Đình Lệ Thủy. Bà Nhu là Đệ Nhất Phu nhân, là Thủ lãnh Lực lượng Phụ nữ Bán Quân sự, là Chủ tịch Phong trào Phụ nữ Liên đới, và nhất là vợ ông Cố vấn thét ra lửa trong dinh Độc Lập... nên bà nghĩ bà và con gái nếu không hơn thì cũng bằng hai bà Trưng Trắc Trưng Nhị khởi nghĩa chống quân Hán và dẹp yên 65 thành ở đất Lĩnh Nam, nên bà đáng được dựng tượng cho nhân dân miền Nam tôn thờ... Trước hành động kiêu căng vô văn hóa đó của bà Nhu, nhà thơ Đông Hồ đã có bài thơ “Tượng Ai Đâu Phải Tượng Bà Trưng”(11) như sau: Tượng ai đâu phải tượng bà Trưng Tóc uốn lưng eo kiểu lố lăng Đón gió lại qua người ưỡn ẹo Chờ chim Nam Bắc dáng tung tăng Khuynh thành mặt đó y con ả, Điêu khắc tay

ai khéo cái thằng! Chót vót đứng cao càng ngã nặng Có ngày gãy cổ đứt ngang lưng.

Đây một hình xưa nhục nước non

11. Tạp chí Bút Hoa ngày 1-4-1964. Trích lại từ Đời Viết Văn Của Tôi" (trang 200, 201). Nguyễn Hiến Lê.

Thay hai hình mới đứng thon von Mình ni lông xát lưng eo thắt Ngực xú chiêng nâng vú nở tròn. Tưởng đứng hiên ngang em với chị Hóa ra dìu dắt mẹ cùng con Dòng sông Bến Nghé, dòng sông Hát Lưu xú lưu phương tiếng để còn. Ngoài ra, khi nhìn gia đình họ Ngô tán gia bại sản để tiếng xấu muôn đời (không biết có do ý Chúa không), nhà văn lão thành Lãng Nhân Phùng Tất Đắc đã ví von anh em ông Diệm, từ em ruột đến em dâu, như giặc "Hoàng Sào", một đám giặc cỏ ở tỉnh Sơn Đông cuối đời nhà Đường bên Tàu: NGÔ TRÀO Trải qua một cuộc bể dâu, Trông vời cố quận biết đâu là nhà? Khéo oan gia, của phá gia, Này là em ruột này là em dâu! Cửa nhà dù tính về sau, Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!(12) Vì là một loại Hoàng Sào nên dù ông Diệm không chết trong ngày chế độ ông bị lật đổ thì ông cũng đã chết trong lòng dân tộc từ lâu rồi. Cái chết của ông Diệm là một sự sụp đổ thê thảm của danh phận phẩm giá. Thê thảm đến độ học giả Lãng Nhân Phùng Tất Đắc và nhân sĩ Hoàng Trọng Thược đã phải ghi vào sách sử lời lên án năm anh em nhà Ngô bằng những câu thơ "nghìn năm bia miệng" để lại muôn đời.(13) Vùi nông đôi nấm giữa đêm sâu, Mười thước sau chùa đủ bể dâu. Ba cỗ quan tài bốn lỗ huyệt, Năm thằng Trời đánh một con Mầu.

12. Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Chơi Chữ, tr.73, Texas: Zielekz, 1979. 13. Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Chơi Chữ, tr.186, Texas: Zielekz, 1979. Và Dương Tấn Tươi, Cười - Nguyên Nhân và Thực Chất, Sài Gòn: Phạm Quang Khai 1986, tr.170.

Mới vừa Hăm Sáu còn nguyên thủ,
Mà đến Mồng Hai đã vỡ đầu.
Bảy Tám thu trường Ngô với Đĩ,
Ngô thì chín rụng Đĩ chơi đâu?(14)
* * *

Chép lại mấy bài thơ trên để thấy một khi dân tộc đã lên tiếng, rằng:
Nhà Ngô có bốn gian hùng
Diệm ngu, Nhu ác, Cẩn khùng, Thục điên
Và:
Nước nguy vong vì lũ Diệm tham gian,
Gây nghiêng ngửa cơ đồ tuy nửa mảnh.
Thì nỗ lực của đám tàn dư hoài-Ngô tại hải ngoại, càng làm rõ thêm căn tính nô lệ phi dân tộc của họ mà thôi. Thật tội nghiệp!
***

14. “Năm thằng” là các ông Thục, Diệm, Nhu, Cẩn, và Luyện. Và “con Mầu” là Trần thị Lệ Xuân, tức bà Nhu.

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM SỤP ĐỔ BA LÝ DO CHÍNH Trần Gia Phụng

Cali Today News - Cuộc đảo chánh lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm ngày 1-11-1963 có thể bắt nguồn từ các lý do chính sau đây: tập trung quyền lực, vấn đề tôn giáo và sự can thiệp của Hoa Kỳ. 1. TẬP TRUNG QUYỀN LỰC Sau khi cầm quyền ngày 7-7-1954, chính phủ của thủ tướng Diệm ổn định tình hình, đánh các đảng phái chính trị ở miền Trung, dẹp vụ Bình Xuyên, loại lực lượng võ trang các giáo phái ở miền Nam, tổ chức Trưng cầu dân ý ngày 23-10-1955, truất phế Bảo Đại, tự tuyên bố thành lập nền Cộng Hòa và tự tuyên bố trở thành tổng thống đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa.(1) Tuy nền Cộng hòa được phân nhiệm rõ ràng, chính phủ trung ương gồm nhiều bộ trưởng điều hành việc nước, đồng thời tản quyền cho các tòa đại biểu tại các vùng (Trung nguyên Trung phần, Cao nguyên Trung phần, Miền Đông Nam phần, Miền Tây Nam phần), nhưng ngoài tổng thống Diệm, quyền hành nằm trong tay một số người là các ông bà Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, và một số ít người thân tín. Tổng giám mục Ngô Đình Thục không chính thức giữ một chức vụ hành chánh hay chính trị nào, nhưng ảnh hưởng rất lớn đến tổng thống Diệm, đến các bộ trưởng trong chính phủ và các viên chức địa phương. Lúc đó, dư luận cho rằng tổng thống Diệm chủ trương độc tài và gia đình trị.

1. Hai câu của cuộc trưng cầu dân ý chỉ hỏi truất phế hay không truất phế Bảo Đại và chấp thuận hay không chấp thuận Ngô Đình Diệm làm quốc trưởng để đặt nền móng dân chủ, chứ không nói đến việc thành lập nền Cộng hòa và nhất là không nói đến việc chọn Ngô Đình Diệm làm tổng thống.

366 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

TGM Pierre Martin Ngô Đình Thục, TT Jean Baptiste Ngô Đình Diệm, Cố vấn Ngô Đình Nhu Đại sứ Ngô Đình Luyện, Cố vấn miền Trung Ngô Đình Cẩn và Đệ nhất Phu nhân Trần Lệ Xuân

Vì vậy, chính phủ Diệm càng ngày càng bị phản đối, nổi bật nhất là các vụ: 1) Ngày 26-4-1960, 18 chính khách tên tuổi trong Uỷ Ban Tiến Bộ Và Tự Do họp tại khách sạn Caravelle ở Sài Gòn, ra kháng thư công khai phản đối chế độ Ngô Đình Diệm độc tài. 2) Ngày 11- 11-1960 của nhóm Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông đảo chánh hụt. 3) Ngày 27-2-1962, hai phi công Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc ném bom dinh Độc Lập. Về phía chính phủ, tổng thống Diệm càng ngày càng tập trung quyền lực, chỉ tin dùng những người trong gia đình và trong đảng Cần Lao, không mở rộng thành phần chính phủ. Chính phủ càng ngày càng trở nên cứng rắn với những thành phần không đồng chính kiến. Ngày 5-7-1963, Tòa án Quân sự đặc biệt nhóm họp tại Sài Gòn, bắt đầu xét xử 19 quân nhân và 34 nhân sĩ liên can đến cuộc đảo chánh ngày 11-11-1960. Kết quả, ngày 11-7-1963, tòa tuyên 20 án cấm cố và 14 trường hợp tha bổng. Hôm sau, ngày 12-7-1963 tòa xử các quân nhân và nhân sĩ vắng mặt. Trong số những người được tha bổng, có nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Tuy không bị bắt giam và chỉ bị gọi ra

tòa xét xử, Nguyễn Tường Tam uống thuốc độc tự tử ngày 7-7-1963. Trước khi quyên sinh, Nhất Linh đã để lại những dòng tuyệt mệnh như sau: “Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử tôi cả. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.”

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM SỤP ĐỔ - BA LÝ DO CHÍNH • 367

Di bút lịch sử ngày 7-7-1963 cảnh cáo chế độ độc tài Ngô Đình Diệm của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam (1906-1963).

Vụ tự tử của Nguyễn Tường Tam và vụ tự thiêu của thượng tọa Thích Quảng Đức ngày 11-6-1963 (trình bày phía dưới), mở đầu một loạt tự thiêu của các tăng ni khác, là những phản kháng công khai mạnh mẽ nhất đối với chế độ của tổng thống Diệm. 2. DỤ SỐ 10 VÀ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Chính sách tôn giáo của chính phủ Diệm dựa trên Dụ số 10 do chính phủ Trần Văn Hữu ban hành ngày 6-8-1950 dưới thời quốc trưởng Bảo Đại. Dụ này ấn định quy chế các hiệp hội, gồm có 5 chương, 45 điều. Điều 1 của dụ này sắp các tôn giáo, trừ Ky-Tô giáo, vào loại hiệp hội thường (như hội thể thao, hội đua ngựa...); trong khi điều 45 của dụ này cho biết sẽ ấn định quy chế đặc biệt cho các hội truyền đạo Ky-tô và các hội Hoa kiều.(2) Dụ này cũng quy định các tôn giáo và hội đoàn chỉ được treo cờ trong khuôn viên nơi thờ phượng, hoặc trụ sở hội đoàn mà thôi. Dụ này rõ ràng không công bằng giữa các tôn giáo. Ngoài đạo Thờ cúng ông bà, người Việt theo các đạo chính: Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo, Ky-tô giáo, Cao Đài giáo và Phật giáo Hòa Hảo (PGHH). Trong các đạo trên đây, tổng số tín đồ Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo, Cao Đài giáo và PGHH chiếm tỷ lệ rất lớn trên tổng dân số Việt Nam, có thể lên đến trên 80% dân số, thì bị xếp như các hiệp hội, trong khi Ky-Tô giáo với số lượng tín đồ ít, thì được hứa hẹn một quy chế đặc biệt. Dầu vậy, do sự uyển chuyển của các nhà cầm quyền thời quốc trưởng Bảo Đại, dụ này không được thi hành, nên chưa xảy ra cuộc chống đối mạnh mẽ nào. Cần chú ý là sau dụ số 10 ngày 6-8-1950 cho đến đầu thập niên 60, tình hình tôn giáo Việt Nam thay đổi rất nhiều, nhưng dụ số 10 ngày 6-8-1950 vẫn không được điều chỉnh. Càng ngày hệ thống tổ chức tín đồ các đạo Phật giáo, Cao Đài giáo và PGHH càng có quy củ. Riêng

2. Nhiều tác giả, Nhất Linh, Người nghệ sĩ-Người chiến sĩ, California: Nxb. Thế Kỷ, 2004, tr. 125.

368 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Phật giáo, ngày 6-5-1951, các hội Phật học trên toàn cõi Việt Nam họp tại chùa Từ Đàm (Huế), thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, thông qua bản điều lệ, nội quy, bầu ban quản trị và suy cử Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm tổng hội chủ.

Công văn của Chính phủ ban hành Dụ số 10 – Cờ Phật giáo Quốc tế - Chùa Từ Đàm ở Huế

Trong thời gian đầu của chế độ VNCH, dụ này hầu như không được áp dụng. Ngày 6-5-1963, hai ngày trước lễ Phật đản, đổng lý văn phòng Phủ tổng thống gởi công điện yêu cầu các địa phương không được treo cờ ngoài khuôn viên của chùa,(3) theo đúng

tinh thần dụ số 10 ngày 6-8-1950. Công điện này chẳng những làm cho giới Phật tử bất bình, mà còn làm cho dân chúng nói chung, dù không phải là tín đồ Phật giáo, cũng không bằng lòng, vì trước đó trong các dịp lễ Ky- Tô giáo, cờ Tòa thánh Vatican (màu vàng và trắng) được treo tự do mà không bị chính phủ cấm đoán. Trong các đạo trên đây, trên lãnh thổ VNCH, Cao Đài giáo và PGHH phát triển mạnh ở các tỉnh miền Nam, thuộc đồng bằng sông Cửu Long; Phật giáo thịnh hành ở các tỉnh miền Bắc VNCH, nhất là Huế, nơi có nhiều chùa được thành lập từ thế kỷ XVII trở đi. Về phía Ky-tô giáo, lúc bấy giờ tổng giám mục địa phận Huế là Ngô Đình Thục, anh của tổng thống Diệm. Ngô Đình Thục thụ phong giám mục tại Huế năm 1938, được cử làm giám mục đầu tiên địa phận Vĩnh Long. Năm 1961, Ngô Đình Thục được đổi ra làm tổng giám mục tổng giáo phận Huế. Tính đến năm 1963, ông Thục được thâm niên giám mục 25 năm. Lúc đó dư luận cho rằng nhân dịp lễ ngân khánh (25 năm) của mình, tổng giám mục Thục vận động để được Tòa thánh La Mã phong

3. Đoàn Thêm, Hai mươi năm qua: Việc từng ngày (1945-1964), Sài Gòn 1966, Xuân Thu California, tái bản không đề năm, tr. 75.(Viết tắt: Đoàn Thêm, sđd. tr.)

chức hồng y.(4) Dư luận này còn thêm rằng ông Thục trình với Tòa thánh Vatican rằng số tín đồ trong tổng giáo phận Huế, lúc đó gồm hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị, do ông cai quản chiếm 80% dân số khu vực. Tháng 5-1963, Tòa thánh cử một phái đoàn điều tra đến Huế, thì dân chúng Phật tử đang treo cờ mừng Phật đản. Kết luận sơ khởi của phái đoàn là chỉ có 20% dân chúng địa phận Huế theo Ky-tô giáo chứ không phải 80%.(5) Vào ngày 7-5-1963, sau khi thăm viếng nhà thờ La Vang (Quảng Trị) và trở về Huế, tổng giám mục Thục nhận thấy dọc đường dân chúng treo nhiều cờ Phật giáo để đón mừng Phật đản (8-5-1963). Tổng giám mục Thục cho mời viên đại biểu chính phủ tại Trung nguyên Trung phần là Hồ Đắc Khương đến Tòa tổng giám mục Huế khiển trách là tại sao tòa đại biểu chính phủ lại để tín đồ Phật giáo treo cờ ngoài đường, trái với quy định của chính phủ vì quy định này chỉ cho phép treo cờ trong khuôn viên của chùa mà thôi. Hồ Đắc Khương gởi khẩn điện về Sài Gòn xin ý kiến. Điện văn trả lời của phủ tổng thống "xác nhận rằng nghị định cấm treo cờ tôn giáo hay đảng phái bên ngoài khuôn viên và trụ sở vẫn còn giá trị". Dựa vào công điện này, Hồ Đắc Khương "ra lệnh cho chính quyền địa phương tại miền Trung phải triệt hạ cờ Phật giáo".(6) Từ đó, bùng nổ cuộc phản đối. Tối Phật đản 8-5-1963, khi dân chúng tụ tập ở Đài phát thanh Huế để theo dõi buổi tường thuật Lễ Phật đản ngày hôm đó, một tiếng nổ bùng lên, làm thiệt mạng 8 người và bị thương 15 người. Tin tức về vụ nổ được lan truyền nhanh chóng. Người ta không biết đích xác ai gây ra vụ nổ. Chính quyền đổ lỗi cho khủng bố Việt Cộng. Dân chúng đổ lỗi cho chính quyền Huế ném chất nổ để giải tán đồng bào Phật tử.(7) Dù ai gây ra vụ nổ, vụ nổ đã làm cho 8 người thiệt mạng. Tức thì, làn sóng phản đối chính quyền càng ngày càng dâng cao và càng trở nên bạo động.

4. Chính Đạo, Việt Nam niên biểu 1939-1975 (Tập I-C: 1955-1963), Nxb. Văn Hoá, Houston, 2000, tr. 278. (Viết tắt: Chính Đạo, I-C, sđd. tr.) 5. Linh mục Cao Văn Luận, Bên dòng lịch sử Việt Nam, 1940-1975, Sacramen- to: TANTU Research, 1983, tr. 224, tr. 229.

Cần chú ý các điểm: Cao Văn Luận là người đồng đạo với Ngô Đình Thục và Ngô Đình Diệm. Lúc đó LM Cao Văn Luận đang làm viện trưởng Viện Đại học Huế. Vì là linh mục và là viện trưởng Viện Đại học, nên LM Cao Văn Luận có điều kiện để tiếp cận các viên chức hành chánh và biết rõ các tin tức về biến cố nầy. (Viết tắt: CVL, sđd. tr.) 6. CVL, sđd. tr 229. 7. Chính Đạo, Tôn giáo & chính trị, Phật giáo, 1963-1967, Houston: Nxb. Văn Hóa, 1997, tr. 25.

370 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Trước hết, ngày 9-5-1963, tại Sài Gòn, Ủy Ban Liên Phái bảo Vệ Phật giáo được thành lập, do thượng thọa Thích Tâm Châu làm chủ tịch, Mai Thọ Truyền làm tổng thư ký, văn phòng đặt tại chùa Xá Lợi, trên đường Bà Huyện Thanh Quan. Ủy ban gồm 11 hội đoàn Phật giáo. Sau lễ Phật đản, Hồ Đắc Khương, đại biểu chính phủ ở Trung nguyên Trung phần bị thay thế ngày 1-6-1963. Người được bổ nhiệm đến thay là Nguyễn Xuân Khương, nguyên tổng giám đốc Điền địa. Nguyễn Văn Đẳng tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên, cùng thiếu tá Đặng Sĩ, phó tỉnh trưởng nội an tỉnh Thừa Thiên, bị triệu về đợi lệnh tại bộ Nội vụ ở Sài Gòn.(8) Một quan chức khác cũng bị thay thế là thiếu tướng Lê Văn Nghiêm, tư lệnh quân đoàn I, được thay ngày 16-9- 1963 bằng một đại tá mới thăng thiếu tướng là Đỗ Cao Trí. Trong khi đó, Ngày 4-6-1963, tổng thống Diệm thành lập Ủy ban Liên bộ của chính phủ để nghiên cứu những yêu cầu của Phật giáo, do phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ đứng đầu. Ngày 11-6-1963, tại thủ đô Sài Gòn, Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu ở ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, để phản đối chính phủ. Hình ảnh Thích Quảng Đức tự thiêu trong ngọn lửa bập bùng làm rúng động toàn thể dân chúng Việt Nam và dân chúng thế giới. Sau các cuộc họp giữa Uỷ ban Liên bộ của chính phủ và phái đoàn Uỷ ban Liên phái Phật giáo do thượng tọa Thích Thiện Minh cầm đầu từ 14-6 đến 16-6-1963, chính phủ Diệm nhượng bộ, đồng ý để Phật tử tự do treo cờ và tạm ngưng áp dụng sắc dụ số 10 ngày 6-8-1950. Ngày 9 và 29-7-1963, bộ Nội vụ liên tiếp ra hai nghị định công nhận cờ Phật giáo và việc treo cờ Phật giáo. Tuy nhiên, một mặt những cuộc tập họp về phía Phật giáo ở Sài Gòn và ở các địa phương chẳng những bị cản trở, mà một số tín đồ còn bị bắt, một mặt chính phủ tổ chức những hội đoàn thân chính phủ, lên tiếng phản đối Phật giáo. Vì vậy, mâu thuẫn giữa hai bên vẫn chưa được giải quyết. Ngày 1-8-1963, trả lời phỏng vấn của đài CBS (Columbia Broad- casting System, Hoa Kỳ), bà Ngô Đình Nhu tố cáo các lãnh tụ Phật giáo đang mưu toan lật đổ chính phủ và tự thiêu chỉ là việc "nướng thịt sư" (barbecue a bonze).(9) Tiếp theo đó, ngày 3-8-1963, khi phát biểu tại lễ mãn khóa huấn luyện bán quân sự của đoàn Thanh Nữ Cộng Hòa, bà Nhu lên án những vụ tranh đấu về tôn giáo. Lời lẽ của

8. Đoàn Thêm, sđd. tr.349. 9. CĐ, nb I-C, sđd. tr. 312.

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM SỤP ĐỔ - BA LÝ DO CHÍNH • 371

bà Nhu được thân phụ bà là Trần Văn Chương, đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ, gọi là "thiếu lễ độ" đối với Phật giáo.(10)

Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu – Bà Ngô Đình Nhu cho đó chỉ là "nướng thịt sư"

Những ý kiến như trên chẳng những làm cho mối liên lạc giữa chính phủ Diệm với tín đồ Phật giáo càng thêm xấu đi, mà còn làm cho cả những người dân bình thường cũng bất bình với chế độ. Sau ý kiến của bà Nhu, trong tháng 8-1963, liên tiếp xảy ra nhiều cuộc phản đối chính phủ, trong đó quan trọng nhất là các vụ tư thiêu của các tăng ni Phật giáo. Ngày 4-8-1963, tại Phan Thiết (Bình Thuận), đại đức Thích Nguyên Hương, thế danh là Huỳnh Văn Lễ, tự thiêu trước dinh tỉnh trưởng. Khuya 12-8, tại chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, nữ sinh Mai Tuyết An, 18 tuổi cầm dao chặt bàn tay trái để phản đối bà Ngô Đình Nhu; máu ra nhiều nhưng tay không đứt. Ngày 13-8-1963, đại đức Thích Thanh Tuệ, thế danh là Bùi Huy Chương, tự thiêu tại chùa Phước Duyên, Hương Trà, Thừa Thiên. Ngày 15-8-1963, ni sư Thích Nữ Diệu Quang, thế danh là Nguyễn Thị Thu, tự thiêu tại Ninh Hòa (Khánh Hòa). Ngày 16-8- 1963, thượng tọa Thích Tiêu Diêu, thế danh Đoàn Mễ, tự thiêu ở chùa Từ Đàm, Huế. Cũng trong ngày 16-8-1963, tại Huế, theo lệnh của tổng thống Diệm, linh mục Cao Văn Luận, viện trưởng viện Đại học Huế, bị giải nhiệm và giáo sư Trần Hữu Thế được cử lên thay.(11) Sự thay đổi này khiến cho nhiều khoa trưởng và giáo sư đại học từ chức, và giới sinh viên phẫn nộ mạnh mẽ. Dầu càng ngày dân chúng càng phản đối và tình hình xã hội càng

10. Đoàn Thêm, tr. 357. 11. CVL, tr. 261-263.

ngày càng xáo trộn, chính phủ Diệm vẫn không nhượng bộ.(12) Ngày 18-8-1963, mười tướng lãnh cao cấp đề nghị với chính phủ là nên ban hành thiết quân luật, để tái lập trật tự. Dựa vào đề nghị đó, tổng thống Diệm liền quyết định thiết quân luật trên toàn quốc kể từ 0 giờ sáng 21-8-1963. Quyết định này do quyền tổng tham mưu trưởng Quân đội VNCH, trung tướng Trần Văn Đôn, ký tên. Điều quan trọng trong vụ thiết quân luật này là khoảng nửa giờ sau khi được ban hành, nghĩa là qua sáng 21-8-1963, chính phủ ra lệnh cho ruồng bố chùa chiền trên toàn quốc, bắt hết các tăng ni lãnh tụ tranh đấu chống chính phủ. Riêng tại Sài Gòn, Lực Lượng Đặc Biệt tấn công chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan. Các lãnh tụ Phật giáo đều bị bắt, trừ vài người trốn thoát. Thượng tọa Thích Trí Quang cũng bị bắt, nhưng sau đó ông trốn được vào Tòa đại sứ Hoa Kỳ ngày 23-8-1963.(13) Tân đại sứ Henry Cabot Lodge vừa đến Sài Gòn ngày 22-8-1963. Sau vụ tấn công chùa, tình hình càng thêm rối loạn. Ngày 21-8- 1963, Trần Văn Chương đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ bị chính phủ Diệm bãi nhiệm và ngược lại Trần Văn Chương tuyên bố từ chức. Bà Trần Văn Chương tên thật là Thân Thị Nam Trân từ chức quan sát Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc. Chiều ngày 22-8-1963, tại Sài Gòn, Vũ Văn Mẫu từ chức ngoại trưởng. Lúc đó, bản tin đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA = Voice of America)

12. Có 4 dư luận khác nhau: 1) Dư luận thứ nhất cho rằng thiếu tá Đặng Sĩ, phó tỉnh trưởng nội an, ra lệnh cho lực lượng dưới quyền ném chất nổ để giải tán đồng bào và gây thương vong. 2) Dư luật thứ hai cho rằng Việt cộng lợi dụng sự bất bình của dân chúng, cho nổ lựu đạn gây chết người rồi đổ lỗi cho chính quyền, nhằm đẩy cao lòng bất mãn của dân chúng đối với chính quyền. 3) Một ý kiến khác lúc đó cho rằng cả phía chính quyền Việt Nam Cộng Hòa lẫn phía du kích cộng sản cũng đều chưa có loại võ

khí gây nổ này, nhưng người ta không biết là của ai? 4) Ý kiến cuối cùng cho rằng người Mỹ liên hệ đến vụ nổ nầy. (dư luận cuối cùng này, theo Hoàng Ngọc Thành & Thân Thị Nhân Đức, Những ngày cuối cùng của tổng thống Diệm, San Jose: Nxb. Quang Vinh & Kim Loan & Quang Hiếu, in lần thứ hai, 2003, tt. 221-222.) 13. Theo lời linh mục Cao Văn Luận, sau khi bị giải nhiệm chức viện trưởng Viện Đại học Huế, linh mục vào Sài Gòn và đến gặp giám mục khâm sứ Tòa thánh La Mã tại Việt Nam. Ông được giám mục khâm sứ Tòa thánh La Mã cho biết có lúc ông Diệm theo lời khuyên của Đức giáo hoàng, dự tính bãi bỏ những biện pháp cứng rắn đối với Phật giáo. “Nhưng sau một phiên họp Hội đồng gia tộc thu hẹp không có bà Nhu, ông Cẩn, chỉ có ba người là ông Diệm, ông Nhu và Đức cha Thục, tổng Thống quyết định dùng biện pháp cứng rắn như đã ban hành ngày 21-8-1963.” (trích nguyên văn, L.M. Cao Văn Luận, sđd. tr. 271.)

loan báo rằng quân đội đã tấn công chùa, nên trung tướng Trần Văn Đôn cho mời trung tá Lucien Conein, nhân viên CIA, đến gặp. Lúc đó trên danh nghĩa chính thức, Lucien Conein là cố vấn bộ Nội vụ VNCH. Trong cuộc nói chuyện với Conein vào tối 23-8-1963 tại bộ TTM, tướng Đôn cho biết rằng quân đội không tham gia vào việc đánh phá các chùa mà chính là Cảnh sát đặc biệt của chính phủ. Khi Conein hỏi “Các tướng lãnh Việt Nam có ý định đảo chánh không?”, thì tướng Đôn dè dặt trả lời “sẽ nói chuyện sau”.(14) Từ đó, Conein thường liên lạc và dò hỏi các tướng lãnh Việt Nam. Ngày 24-8-1963, tổng thống Diệm cử Trương Công Cừu làm bộ trưởng Ngoại giao thay Vũ Văn Mẫu và cũng trong ngày này, chính phủ ra lệnh đóng cửa các trường học ở Sài Gòn, nhưng sinh viên học sinh vẫn tiếp tục phản đối chính phủ. (Các trường học mở cửa lại ngày 4-9-1963.) Ngày 25-8-1963, khoảng 300 sinh viên học sinh biểu tình tại công trường Diên Hồng, trước chợ Bến Thành. Đoàn biểu tình bị đàn áp, một nữ sinh tên là Quách Thị Trang bị bắn chết. Quách Thi Trang, pháp danh Diệu Nghiêm, khoảng 15 tuổi, nữ sinh tư thục Trường Sơn (Sài Gòn). Cũng trước chợ Bến Thành, ngày 5-10-1963, đại đức Thích Quảng Hương, thế danh Nguyễn Ngọc Kỳ, tự thiêu để phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo của chính phủ Diệm, theo như huyết thư mà đại đức để lại. Sau Thích Quảng Hương, đại đức Thích Thiện Mỹ, thế danh Hoàng Miều (1940-1963), tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn. Trên thế giới, ngày 9-8-1963, Cambodia, Ceylon (sau đổi thành Sri Lanka), Nepal đưa vấn đề Phật giáo Việt Nam ra trước Liên Hiệp Quốc (LHQ). Đại hội đồng LHQ ngày 8-10-1963 quyết định gởi một phái đoàn điều tra đến Việt Nam. Phái đoàn LHQ đến Sài Gòn ngày 24-10-1963. Hôm sau, phái đoàn đến gặp tổng thống Diệm và tổ chức họp báo. (Đoàn Thêm, sđd. tr. 364) Phái đoàn chưa hoàn tất công việc điều tra, thì chính phủ Diệm sụp đổ ngày 1-11-1963.

14. Theo lời thượng tọa Thích Trí Quang, khi chùa Xá Lợi bị tấn công, ông bị bắt cùng với một số tăng ni và bị đưa về đồn Rạch Cát. (Trước 1975, Rạch Cát thuộc quận Bình Chánh, nay thuộc quận Bình Tân, TpHCM.) Khi các tu sĩ Nam tông được thả ra, Thích Trí Quang thay áo một tu sĩ Nam tông, đến chùa Pháp Quang (chùa Nam tông) và thừa cơ hội trốn vào tòa đại sứ Hoa Kỳ lúc đó còn ở trên đường Hàm Nghi. (Theo Thích Trí Quang, “Từ Rạch Cát tới tòa đại sứ”. . (Trích 1-2-2009.)

3. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HOA KỲ Không riêng Hoa Kỳ, tất cả các nước bỏ tiền ra viện trợ, đều muốn công cuộc viện trợ đạt hiệu quả và nhất là muốn dựa trên viện trợ để can thiệp vào công việc nội bộ của nước nhận viện trợ; hướng dẫn hoặc điều khiển đường lối của nước đó theo chủ trương của nước viện trợ. Ngược lại, những nước nhận viện trợ luôn luôn muốn duy trì chủ quyền quốc gia đối với các nước viện trợ, chống lại sự can thiệp của nước chủ viện. Tình trạng giữa Hoa Kỳ và VNCH cũng vậy. Hoa Kỳ viện trợ cho VNCH để chống cộng, nhưng không phải chống cộng theo đường lối VNCH, mà là chống cộng theo đường lối Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là một cường quốc trên thế giới và Hoa Kỳ muốn giữ thăng bằng ngoại giao với tất cả các nước. Người Hoa Kỳ nổi tiếng thực dụng, nên chính phủ Hoa Kỳ cũng phải thực dụng theo quyền lợi của tư bản Hoa Kỳ, mới có thể được tái cử. Từ đó, giữa chính phủ Hoa Kỳ và chính phủ VNCH xảy ra những mâu thuẫn trong cách thức tiến hành viện trợ và chống cộng. Một điểm cần chú ý là dầu Hoa Kỳ viện trợ cho VNCH, nhưng trong nội bộ chính phủ Hoa Kỳ, không phải ai cũng đều ủng hộ tổng thống Diệm. Những người Mỹ ủng hộ ông Diệm cho rằng chính phủ Diệm chống cộng hữu hiệu, hoặc chưa tìm ra được một người khác có khả năng hơn ông Diệm để thay thế. Những người Mỹ chống ông Diệm cho rằng chính phủ Diệm tham nhũng, đàn áp đối lập, không chống cộng hữu hiệu. Một điều quan trọng hơn cả đối với người Mỹ, nhưng người Mỹ tránh nói công khai, là ông Diệm không dễ dàng tuân theo đường lối của Mỹ, và ông Diệm bảo vệ chủ quyền quốc gia khá cứng rắn, đến độ bảo thủ. Sau khi lên cầm quyền vào tháng 1-1961, tổng thống John F. Kennedy gởi phó tổng thống Lyndon Johnson sang Việt Nam ngày 11-5- 1961. Trong cuộc hội kiến với phó tổng thống Mỹ, tổng thống Diệm tuyên bố không chấp nhận việc Mỹ gởi quân chiến đấu đến Việt Nam, mà chỉ yêu cầu Mỹ gởi cố vấn sang huấn luyện mà thôi. (Chính Đạo, sđd. I-C, tt. 223-224.) Sau đó, trong một cuộc tiếp kiến đại sứ Frederick Nolting (đại sứ từ 10-5-1961), khi Nolting đề nghị để cho Hoa Kỳ chia sẻ những quyết định về chính trị, quân sự và kinh tế, tổng thống Diệm trả lời rằng “chúng tôi không muốn trở thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ ”.(15)

15. Trần Văn Đôn, Việt Nam nhân chứng, California: Nxb. Xuân Thu, 1989, tr. 173.(TVĐ, sđd. tr.)

Có tài liệu cho rằng từ năm 1961, Hoa Kỳ muốn thành lập căn cứ không quân và hải quân tại Cam Ranh, nhưng tổng thống Diệm không chấp thuận.(16) Quả thật, cho đến năm 1964, sau khi tổng thống Diệm bị sát hại, thì Đệ thất hạm đội của Hoa Kỳ mới đưa được một vài đơn vị vào tiền thám tại đây, và từ 1965 Hoa Kỳ chính thức thành lập căn cứ Hải quân. Lúc đó, căn cứ này kiểm soát hoạt động toàn vùng biển Việt Nam và Đông Nam Á. Tại Hoa Kỳ, khi còn tại chức, tổng thống Dwight Eisenhower chủ trương ủng hộ chính phủ hoàng gia Lào, đánh dẹp Pathet Lào, chận đứng các cuộc nổi dậy của cộng sản. Lên thay Eisenhower, Kennedy thay luôn chính sách về Lào. Kennedy giao cho Averell Harriman, mưu tìm một giải pháp chính trị để giải quyết chiến tranh ở Lào. Har- riman là phụ tá ngoại trưởng đặc trách Viễn đông (Assistant Secretary of State for

Far Eastern Affairs) từ tháng 1 đến tháng 11-1961, và trở thành thứ trưởng Ngoại giao đặc trách về chính trị (Under Secretary of State for Political Affairs). Harriman vận động triệu tập hội nghị quốc tế tại Genève nhằm trung lập hóa nước Lào.(17) Hội nghị bắt đầu từ 16-5-1961 đến 23-7-1962, đưa đến hiệp định công nhận Lào là một nước độc lập và trung lập, do hoàng thân Souvanna Phouma làm thủ tướng. Hiệp định trung lập nước Lào bị chính phủ Diệm phản đối, vì chính phủ Diệm lo ngại rằng Lào sẽ không đủ khả năng tự bảo vệ biên giới chống lại sự xâm nhập của cộng sản Việt Nam, tạo cơ hội cho quân Bắc Việt vào đất Lào, để rồi theo đường Trường Sơn, xuống quấy phá Nam Việt. Lúc đầu, tổng thống Diệm không chịu ký vào bản hiệp định trung lập hóa nước Lào. Điều này làm cho Harriman tức giận và căm ghét tổng thống Diệm. Tổng thống Kennedy liền gởi thư cho tổng thống Diệm, bảo đảm rằng Hoa Kỳ sẽ không trung lập hóa Nam Việt, và Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ cho Nam Việt, để chống cộng sản. Do áp lực từ phía Hoa Kỳ, tổng thống Diệm đành nhượng bộ, chấp nhận cho ngoại trưởng VNCH ký vào hiệp định này.(18) Bên cạnh đó, từ giữa năm 1962, chính phủ Hoa Kỳ khá bận tâm về các nguồn tin cho rằng chính phủ Diệm đang ngầm liên lạc với nhà

16. Hoàng Ngọc Thành & Thân Thị Nhân Đức, sđd. tr. 532. Tác giả Hoàng Ngọc Thành trích dẫn Richard Reeves, President Kennedy, Profile of Power, New York: Simon & Schuster, 1993, tr. 651. 17. Nguyễn Trân, Công và tội, những sự thật lịch sử, California: Nxb. Xuân Thu, 1992, tr. 478. 18. Mark Moyar, tt. 163-164.

nước cộng sản Hà Nội. Sự việc này bắt đầu vào mùa hè năm 1962, khi cố vấn Ngô Đình Nhu cầm đầu phái đoàn Việt Nam qua Maroc (Morocco), thăm xã giao nước này. Tại đây, ông Nhu gặp Antoine Pinay, lúc đó làm bộ trưởng Phủ tổng thống Pháp và đề nghị một cuộc gặp gỡ cấp cao giữa Hà Nội và Sài Gòn để bàn chuyện hiệp thương Nam Bắc. Từ tháng 8-1962, Joseph A. Mendenhall, cố vấn chính trị Tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, đã đề nghị loại bỏ tổng thống Diệm, vợ chồng Ngô Đình Nhu và những người trong gia đình ông Diệm, bằng một số nhân vật khác, vì các ông Diệm Nhu không chịu thay đổi lề lối làm việc dù bị Hoa Kỳ áp lực.(19) Lề lối làm việc ở đây có nghĩa là chủ trương chính sách của tổng thống VNCH. Như thế, có nghĩa là người Hoa Kỳ có ý định loại bỏ tổng thống Diệm trước khi xảy ra biến cố Phật giáo vào tháng 5-1963. Sau khi được đề cử làm ngoại trưởng ngày 24-8-1963, Trương Công Cừu mở cuộc tiếp tân đầu tiên ngày 25-8-1963 nhằm ra mắt ngoại giao đoàn tại Sài Gòn, đồng thời đón tiếp tân đại sứ Hoa Kỳ Henry Cabot Lodge. Trong buổi tiếp tân này, cố vấn Ngô Đình Nhu lần thứ nhất gặp Mieczylslaw Maneli, trưởng đoàn Ba Lan (Poland) trong Ủy ban Quốc tế Kiểm soát Đình chiến. Ngô Đình Nhu còn gặp Maneli lần thứ hai tại dinh Gia Long ngày 2-9-1963 bàn việc liên lạc với Hà Nội.(20) Chắc chắn tình báo Mỹ không bỏ sót chuyện Ngô Đình Nhu liên lạc với cộng sản và chuyện cành đào Hà Nội ở Dinh Độc Lập trong dịp Tết năm 1963. Để nắm vững tình hình, cuối tháng 9-1963, tổng thống Kennedy gởi bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara cùng tướng Maxwell Taylor qua Sài Gòn. Ngày 29-9-1963, hai ông gặp tổng thống Diệm. McNamara nói thẳng với tổng thống Diệm rằng việc đàn áp Phật tử gây trở ngại cho nỗ lực chống cộng và phàn nàn về những

tuyên bố của bà Ngô Đình Nhu. Tổng thống Diệm tránh các vấn đề do McNamara đưa ra. Trong khi đó, báo chí Hoa Kỳ liên tục chỉ trích chính phủ Diệm, nhất là từ sau biến cố Phật giáo ở Huế (tháng 5-1963) và sau vụ chính phủ Diệm ra lệnh tấn công các chùa (tháng 8-1963). Dư luận Hoa Kỳ cho rằng tổng thống Diệm chủ trương độc tài gia đình trị, càng ngày

19. Chính Đạo, nb. I-C, sđd. tt. 256-257. 20. Chính Đạo, sđd. tr. 325 và tr. 339.

càng mất lòng dân, càng ngày càng kém hữu hiệu trong việc điều hành đất nước và chống lại du kích cộng sản.(21) Năm 1963 là năm trước của năm bầu cử tổng thống Hoa Kỳ (1964). Dư luận báo chí Hoa Kỳ năm 1963 rất quan trọng, có thể ảnh hưởng đến kết quả bầu cử trong năm sau (1964). Tổng thống Kennedy lo ngại tình hình Việt Nam ảnh hưởng xấu đến cuộc tái tranh cử của ông vào năm 1964. Vì tất cả những lý do trên, chính phủ Kennedy muốn tìm một giải pháp mới, nhằm thay đổi tình hình tại ViệtNam theo chiều hướng có lợi cho Hoa Kỳ, và có lợi cho sự tái tranh cử của Kennedy. 4. MẬT ĐIỆN SỐ 243 NGÀY THỨ BẢY 24-8-1963 Theo Trần Văn Đôn, nhóm đảo chánh của các ông không cho người Mỹ biết về dự tính đảo chánh.(22) Tuy nhiên, người Mỹ chẳng những biết việc này, mà còn yểm trợ việc này, vì cũng Trần Văn Đôn kể rằng nhóm các ông kết nạp được Trần Thiện Khiêm vào tổ chức đảo chánh là nhờ người Mỹ.(23) Như thế nghĩa là người Hoa Kỳ giữ một vai trò quan trọng trong việc đứng làm trung gian liên kết nhân sự cho nhóm dự tính đảo chánh. Thật ra, như đã trình bày ở trên, người Hoa Kỳ đã nghĩ đến việc thay đổi nhà lãnh đạo VNCH từ hơn một năm trước qua đề nghị của Joseph Mendenhall, cố vấn chính trị Tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, trong phiếu trình đề ngày 16-8-1962. Sau biến cố Phật giáo ngày 8-5-1963 ở Huế, người đứng đầu Nhóm nghiên cứu Việt Nam thuộc Tòa đại sứ Hoa Kỳ, Ben Wood, soạn một kế hoạch khẩn cấp ngày 23-5-1963 về các cách thay đổi chính phủ Diệm. Sau khi Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngày 11-6- 1963, bộ Ngoại giao Hoa Kỳ chỉ thị ngày 14-6-1963 cho Tòa đại sứ Sài Gòn xúc tiến kế hoạch thay tổng thống Diệm. Ngày 27- 6-1963, tổng thống Kennedy công bố quyết định thay đổi đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam. Thay đổi đại sứ trong lúc tình hình căng thẳng là dấu hiệu thay đổi chính sách, nhưng để yên lòng chính phủ Việt Nam, bộ Ngoại giao Hoa Kỳ yêu cầu tòa đại sứ tại Sài Gòn cho tổng thống Diệm biết rằng chính sách của Hoa Kỳ không thay đổi,

21. Chính Đạo, nb. I-C, sđd. tt. 357-361. 22. TVĐ, sđd. tr. 209. 23. TVĐ, sđd. tr. 193.

tiếp tục ủng hộ chính phủ Việt Nam chống cộng sản.(24) Tiếp tục ủng hộ công cuộc chống cộng của Việt Nam, không có nghĩa là ủng hộ cá nhân người điều hành chính phủ. Ngày 22-8-1963, tân đại sứ Henry Cabot Lodge đến Sài Gòn và trình uỷ nhiệm thư ngày 26-8-1963. Trước đó hai ngày, 24-8-1963, Lodge gởi về Washington DC một điện văn báo cáo rằng ông Nhu là người ra lệnh tấn công chùa và nói về dự tính đảo chánh của một số tướng lãnh. Ngày 24-8-1963 là thứ Bảy, tổng thống Kennedy, bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk, bộ trưởng Quốc phòng MacNamara, giám đốc CIA McCone đều

đi nghỉ cuối tuần. Thứ trưởng Ngoại giao George Ball, xử lý thường vụ ngoại trưởng, cùng Harriman (thứ trưởng Ngoại giao), Hilsman (phụ tá ngoại trưởng), Forrestal (phụ tá tổng thống) đồng soạn và ký tên mật điện 243 gởi cho Tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn cùng trong ngày 24-8-1963, rồi chuyển cho tổng thống Kennedy và ngoại trưởng Rusk. Hai ông này đồng ý cho gởi đi. Nội dung đoạn cuối điện văn rất quan trọng, được dịch như sau: "Chính phủ Hoa Kỳ không thể dung dưỡng tình trạng mà quyền hành lại nằm trong tay ông Nhu. Ông Diệm phải loại bỏ ông Nhu và các thuộc hạ của ông để thay vào đó bằng quân đội tinh nhuệ và các chính trị gia có tư cách. Nếu ông [tức đại sứ Lodge] cố gắng hết sức, nhưng ông Diệm vẫn ngoan cố và từ chối thì chúng ta phải đối đầu với một điều có thể xảy ra, là ngay cả bản thân ông Diệm cũng không thể tồn tại được."(25) Bức mật điện số 243 ngày 24-8-1963 trên đây của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ chỉ thị cho tân đại sứ Cabot Lodge yêu cầu tổng thống Diệm phải loại bỏ cố vấn Nhu. (Đây là điều mà người Mỹ biết ông Diệm không bao giờ chịu làm.) Nếu ông Diệm không chấp thuận, thì loại

24. Chính Đạo, nb. I-C, sđd. tr. 302. 25. Minh Võ, "Hoa đào và máu đào", điện báo Đàn Chim Việt, ngày 31-10- 2007. Trong bài nầy, Minh Võ dẫn chứng tài liệu của Francis X. Winter, The Year of the Hare [Năm con thỏ], Athens: University Georgia Press, 1997, tr. 12.[Năm Con Thỏ theo người Trung Hoa, tức Năm Con Mèo, ở đây là năm Quý Mão (1963).] Minh Võ còn cho biết thêm hai nhân chứng: 1) Ông Lê Châu Lộc, tùy viên của tổng thống Diệm, hiện sinh sống ở California, kể lại rằng tự tay ông Lộc đã nhận cành đào đó từ trụ sở Uỷ Hội Quốc tế Kiểm Soát Đình Chiến (ICC). 2) Ông Quách Tòng Đức, đổng lý văn phòng Phủ tổng thống đã xác nhận việc cành đào trong cuộc phỏng vấn của ông Lâm Lễ Trinh, đăng nhiều báo ở Mỹ.

bỏ luôn ông Diệm. Nói cách khác, bức mật điện này ngầm cho phép đại sứ Lodge, nếu cần, có thể tiến hành đảo chánh, lật đổ tổng thống Diệm. Cần chú ý: Averell Harriman, người chủ trương trung lập hóa Lào, bị tổng thống Diệm phản đối, là một trong bốn người soạn bản mật điện 243. Harriman rất căm ghét tổng thống Diệm. Phải chăng đây là dịp Harriman kiếm cách trả thù, vì bản mật điện này có thể xem là tờ khai tử chế độ tổng thống Ngô Đình Diệm? KẾT LUẬN Trong công cuộc cai trị, về đối nội, chính phủ Diệm chủ trương tập trung quyền lực, bị lên án là độc tài gia đình trị. Chính phủ Diệm lại áp dụng một cách cứng rắn luật số 10 năm 1950 từ thời chính phủ Trần Văn Hữu, không công bằng giữa các tôn giáo. Trong di chúc để lại cho con là vua Minh Mạng năm 1819, vua Gia Long đã dặn: "Không được ngược đãi tôn giáo, vì đó là nguyên nhân gây rối loạn và đôi khi làm mất nước."(26) Về đối ngoại, chính phủ Diệm chủ trương độc lập với người Mỹ, trong khi người Mỹ muốn kiểm soát chính phủ VNCH. Hai ông Diệm và Nhu lại có sáng kiến ngoại giao trực tiếp với Bắc Việt để giải quyết chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc với nhau, chẳng những làm cho dư luận Việt hoang mang, mà còn làm cho chính phủ Mỹ nghi ngờ và bất bình, vì người Mỹ bị hai ông đặt ra ngoài cuộc thương thuyết. Người Mỹ không quan tâm đến quyền lợi của người Việt mà chỉ lo lắng cho quyền lợi của Mỹ. Vấn đề Phật giáo và đối lập chính trị tại Việt Nam chỉ quan trọng

đối với người Việt, chứ không quan trọng đối với người Mỹ. Người Mỹ dựa vào những vấn đề này, xúi giục và yểm trợ các tướng lãnh đảo chánh lật đổ ông Diệm, vì quyền lợi của Mỹ và vì việc tái tranh cử của Kennedy mà thôi. Sự tiếp tay của Tòa đại sứ Mỹ và của đại sứ Henry Cabot Lodge đã góp phần quyết định trong sự thành công của cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963.(27)

***

26. Xin xem bản dịch điện văn phía dưới. 27. Trích: Việt sử đại cương tập 6.

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM,
MỘT CHẾ ĐỘ NGƯỢC LÒNG DÂN VÀ
PHẢN THỜI ĐẠI
Nguyễn Kha

Hiến pháp Việt Nam 1956 của đệ nhất Cộng hòa do Quốc hội biểu quyết ngày 20/10/1956 được Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 26/10/1956, thành lập nền Đệ nhất Cộng hòa. Hiến pháp gồm 98 điều, chia làm 8 thiên. Hiến pháp tuy là do sự đóng góp của nhiều người(1), kể cả đóng góp một cách gián tiếp của các chức sắc trong Giáo hội Công giáo Việt Nam (như linh mục Bửu Dưỡng và nhóm Tinh Thần), nhưng nội dung chính vẫn do ông Ngô Đình Nhu, người được cho là lý thuyết gia của chế độ, duyệt xét chung quyết. Bản Hiến pháp này, ngoài một vài từ ngữ mà trên mặt ... tượng thanh có vẻ rút ra từ "chủ nghĩa" gọi là "Nhân Vị" như "giá trị siêu việt", "nhân vị", "duy linh", "Đấng tạo hóa", ... còn nội dung thật sự của nó chỉ là một nỗ lực "đầu Ngô mình Sở" (từ của ông Đoàn Thêm trong Những Ngày Chưa Quên, Đại Nam, 1969) của một ít thần học Thiên Chúa giáo Âu châu, pha trộn vài điều của Tổng thống chế Mỹ và một ít triết lý Đông phương mà thôi. Tiếc rằng nỗ lực đó hoàn toàn thất bại. Có hai lý do

1. Sau cuộc Trưng cầu Dân ý ở phía Nam vĩ tuyến 17 vào tháng 10 năm 1955 với kết quả là Quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế thì tân tổng thống Ngô Đình Diệm cho nhóm họp Ủy ban Thảo hiến vào cuối năm 1955 gồm 11 thành viên để soạn Hiến pháp cho quốc gia cộng hòa mới. Sang tháng 3 năm 1956 thì mở cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến với 123 đại biểu để hoàn tất công việc soạn thảo và thông qua bản hiến pháp. Chính Quốc hội cũng đề cử 15 người lập ra Ủy ban hiến pháp riêng, chủ tịch là Trần Chánh Thành [Bộ trưởng bộ Thông Tin] để cùng hiệp soạn. Tháng 7 năm 1956 thì Quốc hội bỏ phiếu thuận và đến 26 tháng 10, sau khi một vài điểm dị biệt giữa hai ngành lập pháp và hành pháp được giải quyết, thì tổng thống ký văn bản ban hành.(Theo Wikipedia).

để giải thích sự thất bại này: Thứ nhất là vì lúc bấy giờ (và sau đó tan dần không còn dấu vết gì đáng kể theo sự sụp đổ của chế độ vào năm 1963) thuyết Nhân Vị của ông Nhu là tổng hợp trụy thai(2) còn hỗn tạp và còn ở dạng sơ khai nên không có những yếu tính đặc thù để tạo ra nét độc đáo riêng cho Hiến pháp; và thứ hai là vì nhu cầu quyền lực chính trị quá lớn nên ông Nhu đã bất chấp nội dung "Nhân Vị" - dù còn mơ hồ chưa thành hình - để đưa vào Hiến pháp những nguyên tắc chuyên chính độc tài, chà đạp sinh hoạt dân chủ của quốc gia và quyền tự do của công dân, với mục đích tập

trung quyền hành vào một thiểu số thống trị. Nghĩa là áp đặt càng nhiều càng tốt tính độc tài trong bộ luật căn bản và cao cấp nhất của quốc gia. Thực vậy, ông Nhu đã muốn cho anh mình trở thành một thứ Đế vương phong kiến với những hình thức và ngôn ngữ có vẻ dân chủ tự do... Chính ông Ngô Đình Diệm cũng đã công khai bày tỏ sự tán đồng nội dung của bản Hiến pháp này trong bài phỏng vấn của nhật báo Pháp Le Figaro số ra ngày 23 và 24 tháng 3 năm 1959: "Cần phải nhớ lại quá khứ của chúng tôi. Chế độ chính trị ở Việt Nam thời nào cũng vậy, đã thành lập trên nguyên tắc điều khiển việc nước không phải do những đại biểu của quốc dân mà do những ông vua có những tể tướng sáng suốt phụ tá... Chúng tôi phải lập lại ở Việt Nam hệ thống luân lý như ngày xưa"(3) Ông Nhu đúng là vị "tể tướng sáng suốt" đã sơn son thếp vàng cho ông vua Ngô Đình Diệm phong kiến của thời đại quân chủ lên làm nguyên thủ của nước Việt Nam Cộng hòa theo Tổng thống chế. Theo Wikipedia thì Điều đáng ghi nhận là nền tảng của bản hiến pháp nêu ra ba khía cạnh: "văn minh Việt Nam", "duy linh", và "giá trị con người" như ghi rõ trong lời mở đầu. Vì văn bản ghi là dân tộc có "sứ mệnh" trước "Đấng Tạo hóa" nên có người cho rằng đây chứng minh sự thiên vị của chính quyền với Thiên Chúa giáo trong khi các tôn giáo khác không được đề cập đến." Giáo sư Thạc sĩ Luật Vũ Văn Mẫu, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao của chính phủ Ngô Đình Diệm, sau này, cũng đã tố cáo ý đồ thiên vị Thiên Chúa giáo của bản Hiến pháp 1956 như sau:

2. "Trụy thai" là nhóm chữ của Linh mục Kim Định dùng để đánh giá một cách diễu cợt hệ tư tưởng Duy Dân của ông Lý Đông A. Thật ra thì Linh mục viết ... nặng hơn nhiều, ngài dùng nhóm chữ "thiên tài trụy thai" để phê phán toàn bộ tư tưởng và hành động của cá nhân vị Thư ký trưởng đảng Duy Dân này. Người viết dùng lại nhóm chữ này để "trả lại cho César những gì của César". 3. Bản dịch của nhật báo Tự Do ngày 4-4-1959.

Điều 17 của Hiến pháp Việt Nam 1956 đã được giáo sư Bửu Hội chiếu dẫn trước tổ chức Liên Hiệp Quốc để chứng minh rằng tại Việt Nam không có sự kỳ thị tôn giáo. Điều 17 này qui định như sau: "Mọi người dân đều có tự do tín ngưỡng, tự do hành giáo và tự do truyền giáo, miễn là sử dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục." Hiến pháp 26/10/1956 như vậy đã minh thị công nhận nguyên tắc tự do tín ngưỡng và bình đẳng giữa các tôn giáo. Tuy nhiên trong phần "Mở đầu" của Hiến pháp, đã có một đoạn phản chiếu của một sự thiên vị Thiên Chúa giáo khá rõ rệt như sau: "Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân quốc tế, dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để hoàn thành sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa và trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh nhân bản và phát triển con người toàn diện...." Trong đoạn văn trích dẫn này, phần mở đầu của Hiến pháp 1956 đã đề cập đến sứ mạng trước Đấng Tạo Hóa, tức là trước Đức Chúa trời trong Thiên Chúa giáo, mà không đề cập tới các tôn giáo khác. Đoạn văn này đã đượm sắc thái thiên vị Thiên Chúa giáo. Vô tình hay cố ý, đoạn văn này đã tạo cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi đặc biệt tại Việt Nam vì Hiến pháp 1956 nói rõ là nhằm mục đích hoàn thành sứ mạng trước Chúa tức là Đấng Tạo hóa đã tạo dựng ra trời đất và vạn vật theo như Thánh kinh của Thiên Chúa giáo đã chép.(4) Biến cố ở Huế sau đó trở thành cuộc đấu tranh cho

nguyện vọng 5 điểm đòi bình đẳng tôn giáo. Trước sự ngoan cố của chính phủ Diệm, ngày 11/6 Hòa thương Thích Quảng Đức tự thiêu để "trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở" khiến cuộc đấu tranh của Phật giáo lan rộng ra với sự hiện diện mạnh mẽ và đông đảo của sinh viên, học sinh và đảng phái. Khuya 20/8, ông Nhu ra lệnh cho Cảnh sát dã chiến và Lực lượng Đặc biệt của Đại tá Lê Quang Tung phát động chiến dịch Nước Lũ ào ạt tấn công chùa Xá Lợi, Giác Minh, Ấn Quang, Từ Quang, Therevada ở Sài Gòn và chùa chiền khắp toàn quốc, bắt Tăng Ni (riêng tại Sài Gòn là 1,400 vị) và Phật tử giam giữ, phản bội Thông cáo Chung và vu khống cho Phật giáo là tay sai của Việt cộng. Hệ quả tức thời của chiến dịch Nước Lũ là toàn bộ thành phần lãnh đạo Phật

4. Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng Pháp nạn, in Ronéo trong nước năm 1984. Giao Điểm in lại, 2003, California.

giáo bị triệt tiêu, phong trào đấu tranh của Phật giáo gần như bị tê liệt, nhưng chính vì vậy mà phong trào đã trở thành tiền đề văn hóa và sức bật chính trị cho ngày 1/11/1963 của Quân đội ba tháng sau đó. Trong ba tháng sau chiến dịch Nước Lũ để dứt điểm Phật giáo, nhiều vị lãnh đạo trên thế giới, kể cả Đức Giáo hoàng Paul VI và các tổ chức Công giáo, đã lên án chế độ Diệm. TGM Thục đến Vatican nhưng không được Giáo hoàng tiếp, bà Nhu dẫn phái đoàn Quốc hội đi "giải độc" trên thế giới bị chống đối. Cuối tháng 9/1963, Tổ chức Liên Hiệp Quốc quyết định gửi phái đoàn đến Việt Nam để điều tra tình hình đàn áp Phật giáo. Sinh viên học sinh và đông đảo đồng bào thay thế Phật tử và Tăng Ni ào ạt xuống đường biểu tình ... Những tin đồn về việc ông Nhu sẽ tổ chức đảo chánh (kế hoạch "Bravo") để phản đảo chánh và sau đó thay luôn ông Diệm, nhất là tin về hai anh em ông Nhu- Diệm đang thỏa hiệp với chính quyền Cộng sản miền Bắc được truyền đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Trường học đóng cửa, quân nhân bị cắm trại 100%, nhu yếu phẩm bị đầu cơ tích trữ. Sài Gòn như bốc lửa ... Ngày 1/11/1963, quân đội phát động cuộc binh biến lần thứ ba để lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Và lần này họ thành công. Ngày hôm sau, 2/11, hai anh em ông Nhu và Diệm bị bắn chết. Hai nhà làm văn hóa ở Sài Gòn đã mô tả lại tâm tình của người dân thủ đô trong những ngày đó như sau: "Từ 7 giờ sáng ngày 2-11-1963, khi đài phát thanh Sài Gòn báo tin dinh Gia Long bị quân đội chiếm thì già trẻ lớn bé lũ lượt kéo nhau đi xem. Lời hò reo, tiếng cười vang với sắc diện tươi vui của mọi người chứng tỏ sự giải thoát gông cùm kềm kẹp của độc tài đã bóp nghẹt lòng dân trong chín năm trời đăng đẳng".(5) Còn thi sĩ Đông Hồ thì: "Nỗi ức hiếp, nỗi căm hờn bị đè nén, bị vùi dập một cách tàn nhẫn bất công trong 9 năm trời, một sớm được giải thoát, được cởi mở, mà phản ứng chỉ có chừng ấy thì tưởng quần chúng nhân dân Việt Nam năm 1963 này cũng đã tỏ ra hiền lành nhiều lắm, và cũng đã biết tự hạn chế, tự biết kềm hãm sức giận dữ hung hãn của mình rồi đó."(6) Ba điều đặc biệt về biến cố này là:

5. Bác sĩ Dương Tấn Tươi, Cười - Nguyên nhân và Thực chất, Sài Gòn 1968, tr.44. 6. Nguyễn Hiến Lê, Tôi Tập Viết Tiếng Việt, 1988, tr. 21.

(a) Thứ nhất, ngày 1/11 không tự nó là một kết quả riêng lẽ đến từ chỉ một nguyên nhân, mà là cao điểm kết tụ của một chuỗi liên hoàn nhiều biến cố nối tiếp và gối đầu lên nhau trong thời gian (7 năm bạo trị), cũng như là kết quả tất yếu kết tinh từ nhiều thành tố đan bện và kết hợp với nhau (như kỳ thị Phật giáo, đàn áp đảng phái quốc gia, bất công tham những, mâu thuẫn với Mỹ, bè phái gia đình trị, thỏa hiệp với Hà Nội, ...). Nói như lý Duyên Sinh của nhà chùa: "Cái này có là vì (nhiều) cái kia có". Do đó, nói rằng chỉ quân đội bất mãn nên lật đổ ông Diệm là một cách nói giản lược, phi lịch sử và thiếu tính hệ thống, nếu không muốn nói là không lương thiện. (b) Thứ nhì, ngày 1/11 đã trình hiện rõ ràng tình trạng cô lập tuyệt đối của gia đình họ Ngô và các công cụ bạo lực của họ trước cao trào chống đối của quân dân miền Nam. Đảng Cần Lao, Sở Nghiên cứu Chính trị, Lực lượng Đặc biệt, 4 cơ quan Mật vụ Công an, Phong trào Cách mạng Quốc gia, Thanh Niên Cộng hòa, Phụ nữ Liên đới, các xóm Đạo võ trang... tất cả đều tê liệt rồi tan rã không một phản ứng vì tính phi chánh nghĩa, nặng bè phái và kém tổ chức của bản thân từng tổ chức một. Chế độ đang tan, lãnh tụ đang bôn tẩu, cả cấu trúc chính trị và bạo lực của nó sụp đổ trong 24 tiếng đồng hồ !. Chế độ Diệm đúng là một chế độ đã tồn tại như một ốc đảo trong dân, không một chút gốc rễ trong dân. (c) Và thứ ba, người Mỹ đã đóng một vai trò vừa quan sát vừa tham dự vào biến cố 1/11 này vì sự sống còn của "tiền đồn" mà họ đã đầu tư cả tài lực lẫn vốn liếng chính trị trong chiến lược chống Cộng toàn cầu của họ. Chính ông Diệm chứ không ai cả, đã là nguyên nhân, từ đầu, làm cho người Mỹ có được một vai trò và thế lực đáng kể, can thiệp quá sâu vào sinh hoạt chính trị của miền Nam sau này. Người Mỹ và Vatican "nặn" ra ông, "bồng" ông về và "đặt" ông lên ngôi Tổng thống. Rồi quân viện và kinh viện, nhân sự và tiền bạc đổ vào miền Nam như thác đổ, từ viên đạn cho đến giọt xăng, từ lương tổng thống cho đến đôi giày bốtđờxô của anh binh nhì... Ông đã chấp nhận làm con cờ cho Mỹ, nhưng lại bất lực trong nhiệm vụ làm con cờ, rồi lại định thỏa hiệp với kẻ thù, phản bội những "người nặn ra ông" thì Mỹ phải "dứt điểm" ông là đúng rồi. Tàn dư của chế độ Diệm tại hải ngoại rất sợ những điều này nên họ phải ráng đánh tráo lịch sử, vận dụng các phương tiện truyền thông mà họ khống chế trong các "Bolsa xóm đạo", để tuyên truyền ngược lại rằng Không! Chẳng có "dân tộc" nào ở đây cả, quần chúng miền Nam thương và kính ông Diệm lắm lắm, chỉ có bọn Thầy Chùa Phật

giáo là tay sai của Cộng và tướng lãnh là tay sai của Mỹ "phản bội" mà thôi. Nhưng sự thật vẫn là sự thật, nỗ lực bất lương và tội nghiệp đó chỉ khẳng định một điều: Thành phần nào đã phi dân tộc từ trong bản chất và nằm trong truyền thống, thì thế nào cũng phản dân tộc trong tư duy và trong hành động. Khó thay đổi được! Đó là quy luật của lịch sử văn hóa Việt Nam. * * * Làm tổng thống 7 năm mà bị 7 lần chống đối! Chống đối từ ôn hòa đến bạo động, càng lúc càng mạnh, từ tuyên ngôn, đến biểu tình, đến ám sát, đến chiến khu, đến ném bom, rồi đến 2 lần binh biến.... Chống đối càng lúc càng sâu rộng, từ sinh viên học sinh, đến tôn giáo và trí thức, đến đảng phái và báo chí, đến đồng minh và công luận thế giới, đến quân đội.... Rõ ràng có một điều gì căn bản và

trầm trọng khiến quân dân miền Nam không thể chấp nhận được chế độ Ngô Đình Diệm. Điều không chấp nhận đó có thể tóm gọn trong 2 bản chất cốt lõi của chế độ: Ngược lòng dân và Phản thời đại. Chế độ Ngô Đình Diệm đã tiêu vong, để lại bao nhiêu máu lệ cho dân tộc và ngang trái cho lịch sử. Tuy nhiên, phải thẳng thắn một điều: Lịch sử hình thành và quá trình chấm dứt của chế độ đó vẫn còn có thể đóng góp cho dân tộc ta. Đó là chế độ này sẽ được xem như mẫu mực của một chế độ chính trị phi dân tộc, độc tài, và thiếu khả năng. Do đó, mọi mầm mống và biểu hiện của một chế độ như thế sẽ không bao giờ được phép tồn tại trên nước Việt Nam nữa. Ngoài ra, nó còn là một kính chiếu yêu để chúng ta điểm mặt nhận diện cái thành phần phi dân tộc và phản thời đại nào vẫn cứ ngoan cố bóp méo lịch sử để chạy tội cho chế độ này, một chế độ đã từng bắt cả nước ê a hai câu kinh "Ngô tổng thống muôn năm" và "Xin Thượng đế ban phước lành cho Người".

***

Phần Bốn PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

LỄ PHẬT ĐẢN 8-5-1963 TẠI HUẾ
TRÍCH HỒI KÝ BÁC SĨ ERICH WULFF
MINH NGUYỆN dịch(1)
Dịch để tưởng niệm 8 vị Thánh tử đạo đêm 8/5/1963 tại Đài
Phát thanh Huế
Khi tôi cùng với Fred, Tuân(2), Phương và người chị tên Hà đi dạo đến chùa Từ Đàm vào buổi tối ngày mồng 7 tháng 5 (1963), chúng tôi cảm thấy có một điều gì đặc biệt đang xãy ra. Đó là buổi tối trước ngày mừng lễ Phật Đản lần thứ 2507. Lá cờ năm màu của Hội Phật giáo quốc tế được treo lên bên cạnh những cây lồng đèn đủ màu trước mỗi nhà. Tại những quán ăn hay cà phê bên đường, người ta thấy nhiều nhóm sinh viên, dân lao động và các vị lớn tuổi bận lễ phục đang thảo luận một cách hăng say. Đêm hôm đó là một trong những đêm hè đầu tiên trong năm. Sau cái nắng chói chang lúc ban chiều, nay người ta cảm thấy được thoải mái hơn, mặc dầu khí trời chưa được dịu mát cho lắm. Những mặt đường, những bức tường và các mái nhà đã được nung nóng suốt ngày, nay bắt đầu nhả lại bớt cái

1. Lời người dịch: Bài này được trích dịch từ quyển Vietnamesische Lehrjahre (Những năm dạy học tại Việt Nam), Suhrkamp Verlag, Taschenbuch Ausgabe, st 73, Germany, 1972, trang 129-142 với tên tác giả Georg W. Alsheimer, bút hiệu của Bác sĩ người Đức Erich Wulff. BS Wulff dạy tại trường Đại học Y khoa Huế 1961-1967, trong khuôn khổ viện trợ giáo dục của Tây Đức. Vì một sự tình cờ, tác giả đã chứng kiến biến cố tại Đài Phát thanh Huế đêm 8/5/1963 làm 8 Phật tử bị chết một cách thê thảm và đã trình bày sự kiện này trước Ủy ban điều tra đàn áp Phật giáo Việt Nam của Liên hiệp quốc vào tháng 9/1963. 2. Vì bài tường thuật được phổ biến lần đầu tiên năm 1968 tại Tây Đức trong lúc chiến tranh đang xảy ra dữ dội tại Việt Nam và để tránh những hệ lụy không tốt cho các nhân vật trong bản hồi ký, tên thật của rất nhiều người bạn của tác giả đã được ghi dưới một tên khác, như Tuân tức là Giáo sư Bùi Tường Huân, sau này sẽ làm

bộ trưởng và thượng nghị sĩ, Miên tức là Đại sứ Bùi Diễm, Quát tức là Thủ tướng Phan Huy Quát sau này v.v..

nóng cho không khí bao quanh. Nếu người ta tiến lại gần những vật nóng đó, người ta sẽ cảm thấy chúng dường như đang rung động. Trên các con đường người ta thấy quang cảnh của một ngày lễ hội lớn. Những gia đình với đông đảo con cái đi đến viếng thăm các ngôi chùa trang hoàng với nhiều cây lồng đèn hay đứng trố mắt nhìn các quyền môn với nhiều ánh đèn néon sáng chói hay các hương án kết bằng giấy đầy màu sắc sặc sỡ. Không khí giống như là một ngày mừng lễ chiến thắng vậy. Fred kể cho chúng tôi nghe do đâu mà có không khí như thế. Ngày hôm trước, đức Tổng giám mục Ngô đình Thục, người anh cả của Tổng thống Diệm, đã thành công trong việc vận động chính quyền ban hành một công văn truyền đi bằng điện tín cấm treo cờ Phật giáo quốc tế. Sáng hôm nay đã có một viên cảnh sát theo đạo Gia tô giựt xuống một lá cờ treo trên một hương án nằm bên đường. Chiều nay đã có những toán cảnh sát đi vào nhiều nhà tư nhân và tịch thu các lá cờ bị cấm. Điều này không thể làm cho giới tăng già Phật giáo ngồi yên được. Họ đã kêu gọi quần chúng Phật tử hãy đến phản đối sự cấm đoán này trước tòa Tỉnh trưởng Thành phố Huế. Chiều nay đã có hàng ngàn người biểu tình trước tòa Tỉnh trưởng và đòi thu hồi lại ngay biện pháp kỳ thị kia. Đứng trước phản ứng mạnh mẻ bất ngờ đó, ông Tỉnh trưởng đã ra lệnh cảnh sát tạm thời cho phép treo cờ Phật giáo vào dịp lễ mừng ngày Phật Đản ngày mai. Ông ta cũng thông báo cùng các vị lãnh đạo Phật giáo rằng ông sẽ can thiệp vào Saigòn để yêu cầu thu hồi lại lệnh cấm đoán trên. Không khí tưng bừng tối hôm nay như thế là do kết quả của cuộc biểu tình hồi chiều nay. Đám đông bắt đầu ý thức được sức mạnh của mình khi cùng nhau tranh đấu cho một mục tiêu chung. Trong những năm vừa qua, các người bạn của tôi như Tuân, Miên và Quát đã kể lại cho tôi nghe về sự căng thẳng ngày càng tăng giữa chế độ và Phật giáo. Vào tháng 3 năm 63 tôi có đọc một bài viết trên một tờ báo Thiên chúa giáo Pháp lên án thái độ "huyênh hoang đắc thắng" của Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam (sau này vào năm 65 tôi có gặp tác giả bài báo đó, linh mục Nguyễn Ngọc Lan tại nhà bạn tôi Raoul). Ngoài ra tôi còn nghe nói đến những khóa học về thuyết Nhân vị do đức Tổng giám mục Thục tổ chức tại Vĩnh Long. Rất nhiều công chức và sĩ quan không theo đạo Thiên chúa cũng phải tham dự. Nhiều người kỳ vọng sau khi tham dự các khóa học đó sẽ được thăng quan tiến chức nhanh hơn, trong số đó có tướng Nguyễn Văn Thiệu sau này.

Tôi cũng có nghe nói đến trường hợp nhiều người đã theo phe kháng chiến Việt minh hay những phe đối lập chính trị khác đã phải đổi theo đạo Thiên chúa để khỏi bị công an làm khó dể. Toàn bộ viện trợ thực phẩm của Hoa Kỳ (Chương trình thực phẩm vì hòa bình) đã bị Tổ chức xã hội Thiên chúa giáo và các linh mục tại các thôn xã lợi dụng để vận động "cải đạo" trong quần chúng Phật tử. Có một tin đồn nói rằng Tổng giám mục Thục muốn đổi đạo cho một phần ba dân số Việt Nam để hy vọng sẽ được phong làm Hồng y. Tôi cũng biết rằng Giáo hội Thiên chúa giáo là tôn giáo duy nhất tại Việt

Nam được công nhận như là một hiệp hội công cộng, trong khi đó Phật giáo phải bằng lòng với tư cách của một hiệp hội tư, không khác gì một hội đá banh. Tuy đây là một điều còn sót lại từ thời Pháp thuộc, nhưng nay vẫn còn được áp dụng, mặc dù giới tăng già Phật giáo đã lên tiếng nhiều lần yêu cầu thay đổi. Phật giáo phải xin phép chính quyền mỗi khi muốn mở một bệnh viện hay trường học, muốn mua đất đai để xây chùa hay tổ chức các lễ hội rước tượng Phật – một sự bó buộc mà Thiên chúa giáo không phải tuân hành do tính cách được biệt đãi. Trong vòng hai năm vừa qua, các đơn xin phép như thế của Phật giáo chỉ được chấp nhận một cách khó khăn và thưa thớt, hay chỉ được cấp rất trễ nải, gây ra nhiều khó khăn về mặt tổ chức. Trong một quốc gia mà có tới 80 phần trăm dân số tự cho mình là theo Phật giáo, mặc dầu chỉ có khoảng một nửa là tham gia tích cực vào các nghi lễ đạo Phật, trong lúc chỉ có 10 phần trăm theo Thiên chúa giáo, những cố gắng cải đạo hay những lôi kéo vì quyền lợi vật chất hay nghề nghiệp dành riêng cho những con chiên ngoan đạo, cùng lúc với những biện pháp hành chánh kỳ thị đối với Phật giáo tất nhiên đã tạo nên những sự bất bình và lo lắng trong quần chúng. Tất cả những căng thẳng này ở Huế, nơi trung tâm của Phật giáo Việt Nam, đã chưa dẫn đến một sự bùng nổ, là do sự khéo léo của người em út của Tổng thống Diệm là ông Ngô đình Cẩn. Mặc dầu ít học, không nói được tiếng ngoại ngữ nào, với lập trường vô cùng bảo thủ và bài ngoại, ông ta đã tìm được với các nhà lãnh đạo Phật giáo tại địa phương một sự đồng thuận nào đó về mặt chính trị và ý thức hệ, vì cùng có quan điểm quốc gia cực đoan. Ông ta cũng không phải là một người ngoan đạo. Ông ta chán ngán những lời khuyên bảo của các linh mục trong những lần xưng tội, vì họ tìm cách khuyên ông hãy từ bỏ những chuyến buôn gạo và súng đạn cho "Việt cộng" cũng như những chuyến buôn thuốc phiện. Họ cũng đã chỉ trích việc ông ta thanh toán một cách không thương tiếc những kẻ đối thủ trên thương

trường hay đã can thiệp một cách trắng trợn vào công việc của chính quyền. Ông ta bày tỏ thái độ không muốn trở về con đường thánh thiện của một con chiên và cũng không nghĩ đến việc ủng hộ một cách tích cực các cố gắng truyền giáo của Giáo hội Gia tô. Ngược lại, theo một lời đồn đãi, mỗi tuần vào ngày thứ bảy ông ta ngồi uống trà với nhà sư Thích Trí Quang và bàn luận về cách thức đẩy lùi các ảnh hưởng của Tây phương trên các lãnh vực văn hóa, kinh tế cũng như chính trị. Ông ta đã có lần nói với Linh mục Cao văn Luận, đương kim Viện trưởng Viện Đại học Huế, một con người cởi mở và đứng đắn rằng: "Thưa Cha, thế nào con cũng xuống địa ngục. Thế thì tại sao con không làm những điều mà con thích". Và thật vậy, ông ta thích có nhiều tiền, thích chơi đồ cổ, thích nhiều quyền lực và thích kinh tài. Ông ta có riêng một vườn nuôi thú với nhiều hổ và beo cũng như một lực lượng quân sự đặc biệt. Những việc làm lộ liễu có tính cách băng đảng đó của ông Cẩn, sự độc lập chính trị cũng như các hành vi coi thường đạo đức đó của ông ta đã thúc đẩy hai ông Diệm và Nhu phải vận động Giám mục Thục đương nhiệm tại Vĩnh Long đổi về Huế đảm nhiệm chức vụ Tổng giám mục. Năm 1960 đức cha Thục về Huế thật và đã giành lấy nhanh chóng sự trung thành của những người cầm đầu ngành công an và quân đội tại đây. Trung tâm quyền lực đã dần dần được chuyển từ trụ sở băng đảng về tòa Tổng giám mục. Đồng thời một chiến dịch

tấn công Phật giáo, những kẻ được coi là "vô đạo và vô thần" cũng được bắt đầu. Đức cha Thục với phương tiện tài chánh dồi dào đã cho xây rất nhiều nhà thờ và chủng viện. Đức cha để cho các vị linh mục dưới tay làm việc chung với Công an mật vụ và dùng Công an mật vụ này để phục vụ tôn giáo của mình. Đức cha cho các viên chức hành chánh hay quân sự hay rằng sự tham dự lễ nhà thờ mỗi chủ nhật sẽ có lợi ích cho sự nghiệp của họ. Những biện pháp kỳ thị trước đây được thi hành một cách lỏng lẻo đối với Phật giáo thì nay bất ngờ được siết chặt. Trường học không được xây cất nữa, các lễ rước Phật chỉ được cho phép trong những dịp đặc biệt. Trong các thôn xã nếu những ai không vâng lời các vị linh mục thì liền bị tình nghi là chống đối chế độ, hay được coi là nối giáo "cộng phỉ". Trong lúc ở tại Saigòn và Đà Nẵng bắt đầu có những cơ sở ăn chơi trụy lạc hay kinh tài mờ ám dính líu đến một vài người có thanh thế của chế độ, thì ở tại Huế một phong trào bắt đầu hướng về đạo Phật được coi như là để chống đối chế độ. Những người sinh viên, tiểu chức và giới buôn bán nhỏ, trước đây quá lắm đi chùa mỗi năm một

lần do sự thúc giục của người mẹ hay vợ thì nay bắt đầu tham gia hàng loạt những tổ chức Phật giáo như Gia đình Phật tử, Sinh viên Phật tử, Tiểu thương Phật tử v.v...Như thế chính nhà cầm quyền vô tình đã thúc đẩy một sự đối lập có tổ chức. Một số lớn quần chúng Huế từ lâu đã tìm thấy trong đạo Phật một định hướng tinh thần. Trong những năm 30 một phong trào chấn hưng đạo Phật đã khởi đầu từ chùa Từ Đàm, lan tràn khắp miền Trung và ra tận đến đồng bằng Cửu Long. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và bác sĩ Lê Đình Thám đã phát họa những nền tảng lý thuyết và thực hành của phong trào chấn hưng này. Phật giáo cần được tổ chức một cách thống nhất trên toàn quốc, do đó một Tổng hội Phật giáo Việt Nam đã được thành lập. Đồng thời các tu sĩ không còn phải học thuộc lòng những kinh kệ để cúng tế hay làm phù phép, mà phải tu dưỡng theo con đường tu hành trong sáng của đức Phật và đem truyền bá những điều đó đến các đệ tử hay những người quen biết. Hội Phật học tại Saigòn cũng được thành lập trong tinh thần đó. Trong những chùa chiền mới được xây cất, các hình tượng của những vị thần linh hay ma quỷ không còn được trưng bày, còn tại các ngôi chùa cũ thì không được đem thêm vào nữa. Các tu sĩ trẻ tuổi được gởi đến học tại các trường trung hay đại học. Sự thành lập các trường học, cô nhi viện và nhà hộ sinh chứng minh một sự tham dự vào các hoạt động xã hội và từ thiện mà từ nhiều thế kỷ qua Phật giáo đã vắng bóng. Hiện tượng dấn thân và về nguồn này cũng làm trỗi dậy trong những tín đồ và tu sĩ Phật giáo tinh thần dân tộc yêu nước. Họ khám phá ra rằng chính một người Á đông đã rao truyền một lối sống tâm linh và đạo đức đã được toàn thế giới kính phục và đồng thời cũng là một con đường đem lại hòa bình và hạnh phúc cho con người. Họ cảm thấy rằng "con đường trung đạo" của đức Phật Thích Ca thích hợp với tâm tính người Á đông hơn là đạo Thiên Chúa được nhập cảng từ phương Tây với lối truyền giáo thô bạo đi cùng với sự xâm chiếm của giới thực dân và xa lạ đối với những nguyên tắc đạo đức truyền thống của dân tộc. Từ những nhận định đó, họ đã xích lại gần với đòi hỏi phải có một Đông Nam Á mang tính chất Phật giáo, độc lập đối với Tây phương về các phương diện chính trị và văn hóa. Họ nỗ lực theo đường hướng này, đúng ngay vào

lúc mà người Mỹ có chính sách ủng hộ Tổng thống Diệm chống lại Mặt trận Giải phóng, mà người Mỹ xem như là một tranh chấp quốc tế để "đẩy lùi lại Trung Cộng". Nhưng người Phật tử thì lại xem như là một cuộc chiến tranh tôn giáo. Những người học trò đầu tiên của Hòa thượng Thích Tịnh

394 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Khiết và bác sĩ Lê đình Thám càng ngày càng cổ võ cho một nền văn hóa dân tộc mang tính chất Phật giáo và một sách lược chính trị trung lập. Người ta có thể tìm đọc cơ sở lý luận của khuynh hướng này trong những bài viết của Thượng tọa Thích Trí Quang, vị lãnh đạo có uy tín chống chế độ Ngô đình Diệm và những chính phủ quân nhân sau này của các tướng Khánh, Kỳ và Thiệu. Tất cả những điều này tôi chỉ biết được một cách mù mờ vào tối ngày mồng 7 mà thôi. Trước đó chỉ có một lần sau khi đến Huế vài tuần, tôi có dịp tiếp xúc với giới tăng già Phật giáo, khi được mời tham dự một buổi chiêu đãi dùng cơm chay nhân dịp có một vị sư người Anh đến ghé thăm một chùa nhỏ tại ngoại ô. Sau đó vào buổi tối tôi tháp tùng Hòa thượng Thích Mật Nguyện đến dự lễ đón tiếp chính thức vị sư người Anh tại chùa Diệu Đế nằm bên kia sông Hương và tôi có dịp làm quen với sự trang nghiêm của nghi lễ Phật giáo. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy rất nhiều người trẻ tham dự với một thái độ thư thái và hớn hở. Trên khuôn mặt của họ, tôi không thấy vết tích của một sự chán đời nào. Ngược lại người ta có thể cảm nhận một sự tích luỹ của sức mạnh và ý chí, để được sử dụng vào một ngày nào đó. Rất có thể ngày đó là ngày hôm nay. Trên đường trở về lại nhà, chúng tôi gặp Orje va Hans(3). Tôi kể sơ lược cho họ nghe về các biến cố ngày hôm nay. Họ liền nói ngày mai họ muốn quây phim đoàn rước Phật lên chùa Từ Đàm cũng như buổi lễ trịnh trọng trước bàn thờ vĩ đại đã được bày trước chùa. Họ cũng muốn đem theo máy ghi âm vì thế nào cũng có một lời tuyên bố của một vị lãnh đạo Phật giáo về những biện pháp kỳ thị của nhà cầm quyền và về những cuộc biểu tình đã xảy ra ngày hôm nay. Sáng ngày hôm sau tôi thức dậy trễ nên không theo dõi được phần đầu của đoàn rước, và chỉ có thể đứng nhìn đoàn người đi qua từ lầu thượng căn nhà tôi ở. Tôi không thấy có gì đặc biệt đáng để ý, ngoài những biểu ngữ thông thường chào mừng ngày đức Phật đản sanh. Đến trưa, Orje và Hans về kể lại cho tôi nghe rằng Thích Trí Quang (đây là lần đầu tiên tôi nghe tên vị sư này) đã lên án những biện pháp kỳ thị Phật giáo, cũng như những hành vi nhục mạ các biểu tượng tôn giáo của cảnh sát và tuyên bố rằng, các Phật tử sẽ không khoanh tay ngồi yên trước những khiêu khích đó. Sau đó là những lời hòa hoãn và

3. (2)Tức hai Giáo sư Raimund Kaufmann và Hans Hoelterscheid. Xem Ký ức của BS Wulff được phổ biến trên trang nhà Khuông Việt số 7:

LỄ PHẬT ĐẢN 8-5-1963 • 395

Thích Trí Quang đã nói lời cám ơn viên tỉnh trưởng đã ngưng thi hành lệnh cấm treo cờ. Buổi lễ được chấm dứt trong không khí hòa bình và nhất trí, và mọi việc có thể được xem như tạm giải quyết ổn thỏa. Fred đã lấy máy bay trở lại Saigòn lúc buổi trưa và Tuân và Phương thì muốn đi ngủ sớm. Do đó tôi quyết định đi xem xinê, vì đinh

ninh rằng sẽ không có gì xảy ra nữa đâu. Buổi tối hôm đó trời thật nóng bức; khí trời dường như đã biến thành một khối nặng nề và đứng yên một chổ khiến người bộ hành khó bước xuyên qua được. Nơi một góc đường ở trước tòa Đại biểu chính phủ, tôi thấy một đoàn người đông đảo đi không dứt và đổ xuống từ hướng chùa Từ Đàm và di chuyển về con đường lớn. Tôi tự hỏi, buổi lễ hôm nay sao chấm dứt sớm vậy. Nhưng tôi để ý thấy rằng rất nhiều người bước đi một cách vội vàng. Chắc có chuyện gì đang xảy ra. Tôi bỗng nghe một người nào đó gọi tên tôi. Đó là Tý(4), một người học trò của tôi, mà tôi đã để ý ngay đầu năm học vì sự khôi hài và lanh lợi của anh ta. Tý hỏi tôi muốn đi cùng đến nghe phát thanh lại bài nói chuyện sáng hôm nay của Thích Trí Quang, bài này sẽ được phát đi trong vòng vài phút nữa và sẽ được truyền ra bên ngoài bởi những loa phóng thanh đặt trước trụ sở Đài. Anh ta muốn phiên dịch cho tôi bài nói chuyện đó. Tôi nghĩ rằng đây là một cơ hội tốt để biết biến cố ngày hôm qua đã được giải quyết êm thắm hay chưa. Trong khuôn viên của Đài Phát thanh Huế nằm bên đầu cầu Trường Tiền bắc ngang qua sông Hương, một đám đông quần chúng đã tụ tập ở đó. Mỗi phút lại thêm nhiều người đổ xô đến, đứng chật ních lan ra đến hàng rào và ngã tư đường trước Đài. Lúc 9 giờ tối số người lên đến khoảng 6.000. Sau đó có một tin đồn truyền miệng nói rằng buổi phát thanh đặc biệt hằng năm nhân ngày Phật đản nay đã bị cấm vào giờ phút chót. Quần chúng Phật tử đã tụ tập đông đảo trước đài phát thanh vì họ chỉ nghe trong máy thu thanh phát đi những bản quân nhạc thay vì tiếng nói của Thích Trí Quang và dự đoán sẽ có những chướng ngại mới sau lệnh cấm treo cờ ngày hôm trước, và để sẵn sàng phản đối nếu cần thiết. Sinh viên, học sinh, người già và trẻ con đứng xen lẫn bên nhau. Rất nhiều người còn dắt theo xe đạp. Lại có không khí như một ngày lễ hội giống như ngày hôm qua. Mọi người nói chuyện với nhau mặc dù chưa quen biết bao giờ. Loa phóng thanh loan báo hiện đang có những cố gắng thương thuyết với viên Tỉnh trưởng và khoảng nửa giờ nữa bài nói chuyện sẽ

4. Tức anh Tôn thất Kỳ, sinh viên y khoa.

được phát đi. Các tín đồ cần chứng tỏ quyết tâm bằng sự nhẫn nhục chờ đợi trong sự yên lặng và trật tự. Một người học sinh nóng nẩy đã đem treo lá cờ Phật giáo năm màu trên nóc nhà Đài phát thanh đã được yêu cầu đem cờ xuống. Lâu lâu đám đông lại được yêu cầu kiên nhẫn và giữ trật tự, mỗi khi có vài người hô to những câu chống chính phủ. Chúng ta không chống chính phủ, giọng nói của một vị tu sĩ phát ra từ loa, chúng ta chỉ đòi hỏi quyền lợi đã trở thành truyền thống của chúng ta, và chúng ta sẵn sàn hy sinh khi cần thiết để bảo vệ niềm tin. Từ từ đám đông trở lại yên tĩnh. “Ông có biết Trần Đức Thảo không?”, một sinh viên đứng sau lưng tôi hỏi như vậy. Thảo là một triết gia, học trò của Husserl và Heidegger, đã cố gắng tổng hợp những triết thuyết của Husserl và Marx và đã trở về Hà nội năm 1954. Những năm trước đây tôi có đọc về Hiện tượng luận, do đó tôi biết tên ông ta. Nhưng điều mà làm tôi ngạc nhiên, là ở thành phố Huế này, có người dám nêu tên ông một cách công khai. Nhiều phụ nữ và trẻ con cùng hát những bài vui nhộn. Đám đông ý thức được sự quan trọng của giờ phút này và uy quyền của chính mình. Mỗi người đều tin tưởng rằng lần này viên Tỉnh

trưởng cũng sẽ nhượng bộ. Như thế một kỷ nguyên chính trị mới sẽ bắt đầu tại Việt Nam, trong đó quần chúng không còn là những thần dân cúi đầu chấp nhận những kẻ cầm quyền cai trị theo ý trời. Thình lình có một đoàn xe chạy lại. “Chúng ta cám ơn vị Tỉnh trưởng đã đến với chúng ta, yêu cầu đồng bào nhường chỗ”, đó là giọng nói của Thích Trí Quang truyền qua loa phóng thanh. Dưới tràng pháo tay viên Tỉnh trưởng tìm một lối đi giữa đám đông và biến mất cùng với vị Sư vào trong toà nhà. Nét căng thẳng của đám đông càng lúc càng tăng lên. Không biết cuộc thương thuyết bên trong xãy ra thế nào? Vài phút sau đó có tiếng ầm ầm của một đoàn xe thiết giáp. Có tất cả năm xe thiết giáp xuất hiện. Một chiếc tìm cách đi thẳng vào trong khuôn viên của Đài phát thanh. Nó dừng lại chỉ cách Tý và tôi vài bước mà thôi. Dòng chữ trắng mang tên Ngô đình Khôi được kẻ trên nền lục của phần trên sắt dày của chiếc xe thiết giáp. “Lẹ lên, mau ra khỏi đây”, Tý nói, “Chiếc xe này thuộc một binh đội đặc biệt tuyệt đối trung thành với ông Diệm”. Ngô đình Khôi là tên của người anh cả của ông Diệm, đã bị Việt minh giết trong sự hỗn loạn của năm 1945, lúc đó đang làm tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam và từng cộng tác mật thiết vì tư lợi trong nhiều năm với giới bảo hộ Pháp. Mặc dầu ông Diệm có thái độ chính trị khác với ông anh, nhưng không bao

giờ ông tha lỗi cho người cọng sản đã giết chết anh ông và do đó từ chối mọi sự hợp tác với Hồ chí Minh, ngay cả vào lúc mà một số chức sắc Thiên chúa giáo ở tại miền Bắc đi biểu tình dưới lá cờ Việt minh chống thực dân Pháp. Chúng tôi tìm cách vượt qua hàng rào của Đài. Điều này không dễ dàng. Hàng trăm người cũng cảm thấy tình hình trở nên đáng lo ngại nên tìm cách chạy ra khỏi cổng ra vào rất hẹp của Đài. Nhiều người tìm cách đem xe đạp của mình ra, một số khác phải quăng xe để lại, nên người ta phải bước lên chúng để thoát ra ngoài. Vành xe, bánh xe và tăm xe kêu rào rạo dưới chân người bước qua. Tý và tôi rốt cuộc cũng nhảy qua được hàng rào cao 1,20 mét. Từ phía bên kia đường chúng tôi có thể nhìn lại quang cảnh xảy trước mắt một cách rõ ràng hơn. Một xe chữa lửa đang xịt nước lên đám đông đang thưa dần. Nhưng áp xuất nước rất yếu để có thể gây sợ hãi cho người khác. Làn nước chỉ có tác dụng đem đến sự mát mẻ trên các khuôn mặt và áo quần những người có mặt, gây nên một tràn cười vui vẻ. Và rồi những phát đạn đầu tiên được bắn ra từ nòng súng ca nông của xe thiết giáp ; chúng tôi nghe khoảng 10 phát súng nổ kêu vang và khô khan. Như những người chung quanh, Tý và tôi nằm rạp xuống đất. Tôi có thể nhìn thấy rõ ràng đầu ngọn lửa phát ra từ họng súng của hai chiếc xe án ngự nơi bồn tròn nằm phía đầu cầu Trường Tiền. Sau tiếng súng là một chập im lặng. Với một vài bước nhảy, Tý và tôi băng qua con đường lớn để vào núp nơi một con đường nhỏ bên cạnh. Những người chung quanh chúng tôi cũng làm như thế. Từng nhóm từ mười đến hai mươi người vung tay lên bày tỏ sự bất bình của mình. Đúng vào lúc đó một loạt súng trường bắt đầu nhả đạn. Một chiếc thiết giáp bắt đầu tìm cách phân tán những đám nhỏ này. Chúng tôi tìm cách trốn bỏ đi và cuối cùng chạy về được đến nhà của Orjes và Hans chỉ nằm cách chỗ tai biến khoảng 150 mét. Hans đang đứng trước nhà. Tôi kể cho anh ta nghe những gì đã xãy ra. Tiếng súng sau đó đã ngưng. Hans hỏi, có ai chết hay bị thương không. Chúng tôi không biết. Câu hỏi này làm chúng tôi bất an, rất có thể người ta cần sự cứu

thương. Cho nên chúng tôi ba người đi trở lại Đài phát thanh. Giữa đường, trước khách sạn dành riêng cho cố vấn quân sự Mỹ, tôi gặp Paul Miller, một người Mỹ trẻ làm việc trong Văn phòng trường Đại học. Anh ta kể rằng 'họ đã đi qua đây'. Thiếu tá Đặng Sỹ, người cầm đầu đoàn quân, đã bảo anh ta phải lánh mặt đi chỗ khác. Sắp có màn phải giết người, vì ông ta đã nhận được lệnh từ cấp trên đến dẹp tan vụ bạo loạn tại Đài phát thanh với bất cứ giá nào.

Ngay cả Paul cũng không biết có người chết hay không. Anh ta đã trải qua trận bắn phá trong khách sạn "Cố vấn". Nhưng anh ta biết rằng Thiếu tá Sỹ là một người Ki-tô quá khích và là một người thân tín của Tổng giám mục Thục(5). Ngã tư đường trước Đài phát thanh giống như một bãi chiến trường giờ đây hoang vắng. Vô số chiếc xe đạp cong queo và dày dép đủ màu nằm ngổn ngang trên đường giờ đây đã vắng bóng người; chỉ có một nhóm nhỏ thanh niên Phật tử cầm cờ năm màu đi về hướng phía bên kia chiếc cầu, theo sau là một chiếc thiết giáp, thỉnh thoảng bắn đuổi theo sát trên đầu người. Có hai viên cảnh sát đứng ở đó, nhưng chắc cũng không rõ tại sao họ có mặt. Chúng tôi hỏi các người cảnh sát, có gì trầm trọng không. Họ nói không biết gì và khuyên chúng tôi nên vào nhà thương xem thử sao. Trong khu nhập viện có khoảng 20 người bị thương đang nằm. Không có ai bị thương trầm trọng cả. Họ chỉ bị trầy xước va trẹo xương vì trong lúc hỗn loạn, họ đã bị đè bẹp và dẫm lên người. Họ đang được chăm sóc bởi bác sĩ Tô đình Cự, trưởng phòng mổ của bệnh viện. Ông ta có vẻ hốt hoảng khi thấy chúng tôi xuất hiện. "Các ông hãy về đi, đây không phải là chuyện của các ông. Chỉ có một vài vết thương nhẹ, một mình chúng tôi cán đáng được rồi", ông ta nói như vậy. Khi chúng tôi sắp sửa ra về, thì có một người y tá trước đây làm trong khu Tâm thần ra dấu kêu tôi lại. "Ông hãy vào xem trong nhà xác", ông ta nói khẻ bên tai tôi như vậy. Nhà xác nằm bệnh cạnh nhà thương điên và do những lao công

5. Theo sự tiết lộ của GS. Trần Hữu Thế, cựu bộ trưởng Giáo dục với GS. Vũ văn Mẫu trong quyển sách "Sáu tháng pháp nạn" (Giao Điểm xuất bản 2003), chính TGM Ngô đình Thục đã ra lệnh cho Thiếu tá Đặng Sỹ phải "dẹp" đám đông phật tử tại đài Phát thanh Huế tối 8/5/1963. Trích: "Chính tối hôm Phật đản cũng đã có một bữa tiệc tại nhà Ngô đình Cẩn với sự hiện diện của TGM Thục, một số bộ trưởng và nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ. Đang giữa bữa ăn thì Tỉnh trưởng Nguyễn văn Đẳng và Phó Tỉnh trưởng Đặng Sĩ hốt hoảng xin vào trình bày tình hình rất căng thẳng vì mấy ngàn Phật tử đang tụ họp trước Đài Phát thanh. Vì phụ trách các vấn đề an ninh, Thiếu tá Đặng Sĩ xin chỉ thị để đối phó. Ngô đình Cẩn ngồi yên không nói gì, hay không muốn nói có lẻ vì đã đoán trước được ý kiến của ông anh Ngô đình Thục thế nào cũng chống đối thái độ hòa hoãn của ông ta trong vụ này. Sau báo cáo của Đặng Sĩ, TGM Ngô đình Thục đang ăn bổng ngưng lại, giơ tay ra hiệu cho Thiếu tá Đặng Sĩ "Dẹp...!". Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng lãnh chỉ thị lui ra. Sau đó thì các sự việc xảy ra như bác sĩ Erich Wulff đã tường thuật rõ ràng các điều mắt thấy tai nghe tại chỗ" (tr.215-216).

của nhà thương này canh gát. Không có ánh đèn điện. Dưới ánh sáng yếu ớt của đèn bạch lạp, chúng tôi thấy có bảy thân người đầy máu me được đặt trên ba bàn khám nghiệm bằng đá. Từ chân đến ngực thân thể họ còn nguyên vẹn. Nhưng năm cái xác – tất cả là trẻ em- thì không còn đầu. Nơi một người phụ nữ thì có những vết đạn bắn vào cánh tay, vai và cổ. Các xe thiết giáp đã bắn nát đầu các em thiếu nhi, có lẽ vào lúc các em leo qua hàng rào của Đài phát thanh và nhô đầu ra trước. Nếu như các em khôn ngoan như người lớn, tức là nằm xuống dưới đất lúc súng đạn bắt đầu nổ, thì có lẽ các em đã không hề hấn gì. Cha mẹ của những người tử nạn đang thút thít khóc. Người cha của một em bé gái đã chết yêu cầu chúng tôi chụp hình những xác chết. Nhưng chúng tôi không có mang theo máy hình. Hans và Tý đi về kiếm Orje, vì anh ta có đem về Huế đầy đủ máy móc. Khi tôi muốn quay đi không muốn nhìn cảnh thê thảm này nữa, thì tôi chợt thấy bên cạnh cánh tay của một xác trẻ em không đầu một con mắt dính vào một ít da đầu và một khúc xương trán. Trước nhà xác tôi gặp một vị sư trẻ tuổi của chùa Bảo quốc và đang theo học tiếng Phạn tại Đại học. Ông ta đã trốn vào nhà thương vì sợ bị bắt giữa đường. Tôi đưa ông ta về lại chùa, tọa lạc chỉ cách căn phòng tôi ở vài bước(6). Khi về đến khu cư xá giáo sư đại học tôi vội bước lên các tầng cấp để đến căn phòng của gia đình Giáo sư Krainick. Tình cờ lúc đó bà Krainick đang đọc vào máy ghi âm bức thư gia đình hỏi thăm các người con. Trong sự hốt hoảng lúc bà và ông chồng nghe tôi kể lại những biến cố vừa xảy ra, bà đã quên tắt máy. Do đó mà có được lời tường thuật đầu tiên ghi lại chỉ không đầy một giờ đồng hồ sau các biến cố trên; cuộn băng nhựa ghi âm này đã được dùng làm bằng cớ vào tháng chín năm 1963 trước Ủy ban Việt Nam của Liên hiệp quốc, kèm theo với lời khai danh dự chứng thật nguyên bản của Giáo sư Krainick. Sau đó cũng vào khoảng 11 giờ 30 đêm, tôi đến đánh thức ông bạn Tuân và cũng kể những gì đã xảy ra. Tuân tức thời hiểu được tầm quan trọng chính trị của biến cố. Tuân nhận định rằng những cuộc biểu tình khắp toàn quốc của các giới Phật tử sẽ làm giảm uy tín của ông Diệm, và cuối cùng người Mỹ phải bỏ rơi ông ta. Quân đội vì sợ cúp viện trợ sẽ tìm cách lật đổ ông ta. Tôi cần phải đi vào Saigon để thông báo cho

6. Vị sư trẻ này chính là Thầy Lê Mạnh Thát, theo sự xác nhận của Thầy với người dịch vào tháng 7/2006 tại Sài Gòn. Thầy cũng là người đã đặt câu hỏi với tác giả về triết gia Trần Đức Thảo.

Miên và Quát(7) biết, đồng thời tìm cách đưa tin cho các hãng thông tấn Mỹ để họ khai thác biến cố này. Có một sự trùng hợp là Giáo sư Krainick và tôi đã dự định từ lâu sẽ vào Saigon trong các ngày tới để gặp ông bộ trưởng bộ Giáo dục và vé máy bay đã được mua sẵn rồi. Đây là một cơ hội tốt để về thủ đô mà không ai để ý. Sáng hôm sau vào lúc 7 giờ vị sư trẻ mà tôi đã đưa về chùa tối hôm qua đến gặp tôi và đưa hai bức thư nhờ chuyển đến Thượng tọa Thích Minh Châu hiện đang du học tại Ấn độ và Tổ chức Phật giáo quốc tế. Tôi được yêu cầu tìm cách chuyển ngầm hai bức thư này ra khỏi nước. Trước khi chúng tôi lên đường ra phi trường Phú bài, Orje xuất hiện và giao cho tôi cuộn phim chụp tối hôm qua. Nửa giờ trước khi cảnh sát cấm không cho ai vào nhà

xác, anh ta đã chụp được tất cả xác những người chết. Giáo sư Krainick bỏ cuộn phim vào túi quần của ông ta – để phòng trường hợp cảnh sát đã ngửi biết được sự có mặt của tôi tại nơi xảy ra tai biến và sự lục lọi sau đó của chúng tôi tại bệnh viện. Nhưng ở Phi trường Phú bài hay tại Saigòn không ai để ý gì đến chúng tôi. Chắc hẳn đối với mật vụ của ông Diệm, các biến cố đã xảy ra một cách quá bất ngờ và không ai tính đến chuyện sẽ có những nhân chứng ngoại quốc. Cùng với ông Krainick tôi thuê một căn phòng tại khách sạn. Tôi tìm đến Miên(8) liền và đánh thức ông ta ra khỏi giấc ngủ trưa. Ông ta mở cửa cho tôi mà đang còn ngáy ngủ và mặt mày nhăn nhó. Nhưng bộ tịch ông ta thay đổi liền sau khi hiểu được vấn đề. Thái độ tính toán của ông ta là một gáo nước lạnh vào sự phẩn uất và nóng lòng của tôi. Giống như Tuân, ông ta chỉ nhìn thấy nơi những xác chết những con bài sáng giá có được một cách bất ngờ trong công cuộc vận động chống chế độ độc tài. Trong lúc Tuân chống chế độ độc tài vì chịu không nổi những bất công thì đối với Miên, đây chỉ là một mưu toan phản loạn. Miên thay áo quần và chúng tôi kéo đến nhà Quát. Ông này cũng được đánh thức ra khỏi giấc ngủ trưa. Sự điềm tĩnh và trịnh trọng thường lệ của ông ta bỗng chốc đã biến thành một sự kích động sau khi đã nghe tôi kể chuyện. Phải tạo một thế liên minh tức khắc với Phật giáo, trước khi người khác cùng có ý tưởng này. Sự việc đã có nhiều người chết chỉ là chuyện bên lề đối với ông ta. Ông ta nhận lấy cuộn phim từ tay tôi và hứa sẽ nhờ người thân tín sang ra khoảng 12 bản trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Sau đó chúng tôi trở về lại khách

7. Xem chú thích 1. 8. Xem chú thích 1.

sạn, vì lúc 5 giờ chiều Giáo sư Krainick và tôi có hẹn với ông bộ trưởng giáo dục. Nội dung của buổi tiếp kiến này chỉ còn lưu lại trong trí nhớ của tôi một cách rời rạc. Dự thảo xây dựng những trung tâm lâm sàn cho trường đại học đã được bàn đến. Ông Krainick và tôi đã chiết tính phí tổn xây cất và bảo quản, kê những dụng cụ cần thiết cần mua và những đề nghị xin tài trợ. Đó là một trong những đồ án phát triển toàn hảo về mặt kỹ thuật, nhưng nếu xét về các mặt chính trị, kinh tế và tâm lý thì là hảo huyền, mà bất cứ một người cộng tác viên ngoại quốc nào đầy thiện chí đều đưa ra trong những năm đầu tiên đến nơi quốc gia mình muốn giúp. Trong lúc nói chuyện, thật tình hồn vía của tôi để chỗ khác. Những giọng nói của Giáo sư Krainick, của ông Bộ trưởng, và ngay cả của chính tôi đã xa rời thực tại, tất cả đối với tôi như tiếng phát âm ngây ngô của những người gỗ được lên giây cót; những cử chỉ buồn cười của ông bộ trưởng, những cúi đầu thái quá của ông Kra- inick và ngay khuôn mặt dài thòn ra của chính tôi đã khiến tôi muốn bật cười. Lúc cuộc nói chuyện kết thúc, tôi có cảm tưởng giống như một người điên được thả ra lầm trước cửa nhà thương điên. Buổi tối hôm đó Raoul mời tôi ăn chung với hai nhà báo, phóng viên người Mỹ Neel Sheehan và người Úc Nick Turner. Lúc tôi kể cho họ nghe về những gì đã xảy ra ở Huế, họ nghi ngờ không tin tưởng chút nào lời kể của tôi. Chuyện xảy ra đối với họ quá động trời, nên họ không muốn đụng chạm đến nếu không có một đảm bảo nào. Sau khi tôi đưa cho họ xem các ảnh do người của ông Quát sang, họ nhẩy đẩy lên và lôi giấy bút ra để ghi chép. Ngay

trước nửa khuya họ đã chuyển đi bằng máy viễn ký những bản tin đến khắp thế giới. Vì Turner làm việc cho hãng thông tấn Reuter, Sheehan cho hãng UPI, tôi hy vọng sẽ đọc được những hàng chữ lớn trên báo chí khắp năm châu. Một sự lầm to, một sự ngây thơ làm sao! Sau 48 tiếng đồng hồ, tôi phải nhận ra rằng, ngoại trừ đài Hà nội, không một đài phát thanh nào đưa tin, ngay cả những tờ báo lớn như Le Monde, New York Times đều im bặt. Không chịu bó tay, tôi quyết định lấy máy bay qua Phnom Penh. Chính quyền Campuchia trong thời gian qua đã bị chính quyền ông Diệm đả kích dữ dội vì đường lối ngoại giao trung lập. Vào cuối những năm 50, cơ quan phản gián Mỹ CIA với sự cộng tác của một vài điệp viên Việt nam đã tìm cách lật đổ chính quyền của hoàng thân Sihanouk, nhưng đã bị thất bại. Chính Miên và một người lanh lợi khác tên là Đặng đức Khôi đã điều khiển công tác này. Ở Lào thì họ

thành công hơn. Tướng Phoumi Nosavan đã lên nắm quyền với sự giúp đỡ của họ và CIA. Thái độ không thích chế độ ông Diệm của hoàng thân Sihanouk làm tôi hy vọng có thể đạt được một kết quả nào đó trong việc báo động của tôi. Từ nơi đó, tôi cũng có thể viết thư cho một vài tờ báo Tây Đức kèm theo với những hình ảnh do Orje chụp và gởi lá thư mà vị sư trẻ người Huế nhờ tôi chuyển đến Thượng tọa Thích Minh Châu. Ngoài ra cuộn phim có những âm bản chụp những xác chết làm tôi không yên lòng chút nào. Chừng nào những âm bản này chưa ra khỏi Việt Nam, thì tôi còn lo lắng cho an ninh của ngay chính bản thân tôi…

***

MÙA PHẬT ĐẢN ĐẪM MÁU(1) Chính Đạo

Cuộc tranh đấu của Phật giáo năm 1963 là một đề tài còn gây nhiều xúc động và tranh cãi. Tuy nhiên, tới nay vẫn chưa có nghiên cứu sử đích thực nào về đề tài này. Một trong những lý do là thiếu sử liệu. Tài liệu văn khố chưa được hoàn toàn giải mật. Đa số tác giả đều đứng về phe này hay phe kia, xếp đặt và diễn giải các dữ kiện vốn bị giới hạn và thiếu sót theo sự yêu ghét hay khuynh hướng chính trị, tôn giáo của họ. Tác nhân lịch sử bị đặt lên những chiếc giường của tên tướng cướp, thừa chặt bớt, ngắn kéo dài ra cho vừa khuôn thước thành kiến tiên thiên của mình. Không ít người còn bịa đặt ra những chi tiết không thực để bẻ cong lịch sử. Trong cuốn Tôn giáo Chính Trị: Phật giáo, 1963-1967, do nhà Văn Hóa xuất bản năm 1994 tại Houston, Texas, tôi đã dành một chương khá dài cho cuộc tranh đấu năm 1963 của Phật giáo miền Nam. 10 năm sau, nhiều tài liệu văn khố Mỹ, Pháp, Việt Nam và Liên Hiệp Quốc được giải mật thêm, nên tác giả đã hiệu đính chương này sau mỗi lần nghiên cứu ở các văn khố, kết đúc thành bài “Mùa Phật Đản Đẫm Máu” trong tập Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng (Houston: Văn Hóa, 2004). Mới đây, nhờ được du khảo tại Việt Nam, làm việc trên các tư liệu văn khố VNCH tại Trung tâm Lưu trữ Quốc Gia II Sài Gòn, chúng tôi lại hiệu đính thêm bài này. Tuy nhiên, trên đại thể, những nét chính không thay đổi bao lăm. Xin đọc thêm “Cái chết của một hàng tướng: Dương Văn Minh, 1916-2001,” trong Nguyên Vũ, Ngàn Năm Soi Mặt (Houston: Văn Hóa, 2002), tr. 9-156; bản hiệu đính đăng

trên Phụ Bản tháng 9 &10-2006 của Hop Luu online. I. TỪ CỜ ĐẾN MÁU LỬA Ngày 6-5-1963, Đổng lý Văn Phòng Phủ Tổng Thống, Quách Tòng Đức, gửi đi khắp nơi lệnh cấm treo cờ tôn giáo ngoài các nơi

1. Source: Tạp chí Hợp Lưu số 88, 89 và 90.

thờ tự, theo "chỉ thị" của Tổng thống Ngô Đình Diệm (1955-1963).(2) Lệnh này, dù đã có sự tham khảo mật với Mai Thọ Truyền, Phó Hội chủ Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, được ban hành không đầy 48 tiếng đồng hồ trước Lễ Phật Đản 2507 (15-4 Quí Mão, tức 8-5-1963), và tới các địa phương trong ngày, khi các tư gia, chùa chiền đã treo cờ ngũ sắc Phật giáo, cùng biểu ngữ và cổng chào. Theo lời khai của viên chức chính phủ với phái đoàn Liên Hiệp Quốc [LHQ] vào tháng 10-1963, Diệm biết rõ rằng lệnh cấm treo cờ trên sẽ ảnh hưởng đến ngày Phật Đản sắp tới–ngày lễ quan trọng nhất của Phật giáo–nhưng bất chấp hậu quả.(3) Lập luận của chính phủ để biện minh cho lệnh cấm treo cờ là quốc kỳ (cờ vàng ba sọc đỏ) phải được tôn trọng hơn cờ tôn giáo. Dân chúng phải treo quốc kỳ, còn cờ tôn giáo chỉ được phép treo trong các ngày lễ, tại các nơi thờ tự hay tư gia, với sự chấp thuận của chính quyền địa phương. Đó là tinh thần Nghị định 189/BNV/NA/P5, ngày 12/5/1958 của Bộ Nội Vụ, được tái xác nhận ngày 14-6-1962.(4) Cờ

2. CĐ số 9195, ngày 6-5-1963; Kho Lưu Trữ Quốc Gia [KLTQG] II (Thành phố Hồ Chí Minh), Phủ Tổng thống Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa [PTT/Đ1CH], HS 8501; 8352; Lê Cung, Phong trào Phật Giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 (Huế: Thuận Hóa, 2003), tr. 131-132. 3. Xem, chẳng hạn, lời khai của Bénoit Trần Tử Oai, Bộ trưởng Thông tin, UN/GA Official Records, Agenda Item 77: "The violation of Human rights in South Vietnam;" Doc. A/5630, 7-12-1963, tr. 12-16. [Sẽ dẫn UNGA Doc. A/5630]. Bùi Văn Lương khai với Phái đoàn LHQ ngày 30/8/1963, là đích thân Lương cho lệnh tạm hoãn treo cờ, và các lãnh đạo Phật giáo rất mãn nguyện. [I also gave instruc- tions to the administrative local authorities provisionally, not to apply the circular [of 6 May 1963]. The leaders of the monks are very pleased. They . . . told me I had given complete satisfaction to their desires.]; Ibid., tr. 22, 23. Xem thêm lời Ngô Đình Diệm, Ibid., tr. 16; Ngô Đình Nhu: Ibid., tr. 16-20; Nguyễn Ngọc Thơ: Ibid., tr. 20-21; Nguyễn Đình Thuần: Ibid., tr. 25-27; Hồ Đắc Khương, Đỗ Cao Trí: Ibid., tr. 27-29; Trương Công Cừu: Ibid., tr. 29-31. Để chuẩn bị đón phái đoàn LHQ điều tra về việc vi phạm nhân quyền ở Nam Việt Nam, cơ quan Việt Tấn Xã [VTX] của chính phủ Diệm, do Tôn Thất Thiện cầm đầu, cũng lưu hành một tài liệu bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, gồm 3 tập. Xem Vấn đề Phật giáo [The Buddhist Questions]; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8506, 8511. Xem thêm Thích Trí Quang, "Cuộc vận động Phật giáo Việt Nam: Giai đoạn phát khởi;" Liên Hoa nguyệt san (29-1-1964), tr. 22, 28; dẫn trong Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng pháp nạn 1963 (Giao Điểm: 2003), tr. 91. 4. Tác giả luật hạn chế treo cờ là Lâm Lễ Trinh, Bộ trưởng Nội vụ; KLTQG II (TP/ HCM), PTT/Đ1CH, HS 8368. Ngày 29-5-1963, chính phủ ra thông cáo: "Khi qui định thể thức treo quốc kỳ và đạo kỳ, chánh phủ chỉ muốn nhắc nhở Quốc kỳ là tượng trưng cho chánh nghĩa, là kết tinh ý thức đấu tranh toàn diện, toàn dân, toàn

quân." Vấn đề Phật giáo (1963), I:1; Ibid., HS 8511. Xem thêm chi tiết trong Ibid., HS 8507.

Phật giáo ngũ sắc được chính thức công nhận tại Đại Hội Phật Giáo Thế Giới [World Fellowship of Buddhists, hay Hội Bằng Hữu Phật Giáo Thế Giới] tại Colombo (Sri Lanka, hay Tích Lan), từ ngày 26/5 tới 7/6/1950. Thượng tọa Tố Liên (1903-1977) đại diện cho Việt Nam tại Đại Hội này. Chùa Quán Sứ Hà Nội là nơi lá cờ của Phật giáo được trương lên trước tiên trên toàn thể đất nước Việt Nam. Trong thập niên 1950, lá cờ Phật Giáo ngày càng trở thành quen thuộc vì sự phát triển khá mạnh của các hệ phái Phật Giáo tại phía Nam vĩ tuyến 17. Sự phát triển đặc biệt này, cần nhấn mạnh, không do sự khuyến khích của tam đầu chế Ngô Đình Thục-Ngô Đình Diệm-Ngô Đình Nhu. Việc giúp đỡ bất cứ tôn giáo không Ki-tô nào chỉ có tính cách tượng trưng, do các cấp viên chức địa phương (như không khắt khe áp dụng luật số 10 về các hiệp hội, hay cho mở sổ số để gây quỹ, v. v...). Nhận hiểu rằng Phật tử chiếm đa số dân chúng trong nước, trong những năm đầu, Thục-Diệm-Nhu làm ngơ trước sự phát triển của các khuôn hội, đoàn Phật tử, v.v... (5) Ngoài ra, việc phát triển các chùa chiền, khuôn hội còn phản ảnh một giai đoạn mới của cuộc chiến tranh lạnh giữa Phật giáo và Ki-tô giáo, đã kéo dài hơn bốn thế kỷ, và lên cao độ dưới thời Pháp thuộc (1858-1945, 1945-1955). Trong giai đoạn Pháp xâm chiếm Việt Nam, Ki-tô giáo ngày một vượt thắng vì là tôn giáo của giai tầng chiếm đóng (Pháp) và đa số giai tầng trung gian bản xứ trung kiên. Rất nhiều danh tự của Đại Nam đã biến thành nhà thờ ở Hà Nội, Sài Gòn, Nam Định hay Quảng Trị. Mặc dù từ thập niên 1910, viên chức Pháp quyết định đoạn tuyệt với chính sách đồng hóa và Ki-tô hóa của Hội truyền giáo, chuyển sang chính sách hợp tác hay Pháp-Việt đề huề, mãi tới thập niên 1920 Phật giáo và các tổ chức tôn giáo bản xứ khác mới bắt đầu được "duy tân" và khuyến khích đoàn ngũ hóa. Nhưng thời gian này, các cộng đồng Ki-tô bản xứ đã trở thành những quốc gia trong một quốc gia, tự ban danh hiệu "công giáo," và cung cấp cho giai tầng trung gian bản xứ cũng như thị dân một nhân số quan trọng.

5. Xem, chẳng hạn, thư ngày 11/3/1955, gửi Thủ tướng, của Đoàn Trung Côn [Còn], Hội trưởng sáng lập Tịnh Độ Tông Việt Nam, TTK Uy ban vận động Phong trào Phật Giáo Xã hội; KLTQG II (TP/HCM), Phủ Thủ tướng [PThT], HS29229: (Phật giáo, 1954-1955). Xem bảng tổng kết số chùa tại miền Nam vào tháng 9-10/1963 trong Ibid., PTT/Đ1CH, HS 8506, & 8512. Tại Sài Gòn có 180 chùa: 69 thuộc THPGVN, 22 thuộc Cổ Sơn Môn, và 89 thuộc các môn phái khác và chùa tư. Ibid. Từ 1954 tới 1963, chính phủ trợ cấp 24 tổ chức Phật Giáo 3,681,000 đồng, quá chênh lệch so với trợ giúp cho Ki-tô; Ibid, HS 8540.

Chính vì thế, Ngô Đình Diệm (1897-1963)–với thành tích hết hợp tác với Pháp tới Nhật, và bị đánh giá là "cuồng đạo" [a Catholic mys- tic hay religious fanatic]–vẫn được chọn cầm đầu miền Nam. Ngắn và gọn, số chùa chiền, tu viện, khuôn hội Phật giáo gia tăng từ 1954 tới 1963 không chỉ do ảnh hưởng quốc sách chống Cộng, mà còn phản ảnh sự

chống đối vừa tiêu cực vừa tích cực của Phật giáo với chế độ giáo phiệt Ki-tô Diệm-Thục-Nhu.(6) Tổng Giám Mục Thục (1897- 1984), người cai quản địa phận Huế từ năm 1961, dĩ nhiên chẳng muốn thấy sự hiện hữu của bất cứ lá cờ Phật giáo nào tại Huế hay miền Trung, nói chi sự phát triển vững mạnh của Tổng Giáo Hội Phật Giáo. Thục, theo Tướng Lê Văn Nghiêm, từng tuyên bố với những người tín cẩn rằng "cần phải hạ Phật giáo bằng mọi phương tiện, nếu không Phật giáo sẽ mạnh hơn Ki-tô," và "ngay cả đời sống giáo dân sẽ bị đe dọa."(7) Mùa Xuân 1963 Thục có thêm lý do khác để "ra tay" với Phật Giáo. Lễ kỷ niệm 25 năm thụ phong Giám mục sắp đến. Thục–theo lời một nhân chứng ngoại quốc, viết bằng Mỹ ngữ ngày 12-6-1963, và Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Đại học Huế–đã xin với Vati- can lên chức Hồng Y vì "80% dân chúng trong giáo phận Huế là giáo dân Ki-tô." Vatican bèn gửi một phái đoàn điều tra tới miền Trung vào đầu tháng 5/1963. Mặc dù cờ Ki-tô giáo nửa vàng, nửa trắng giăng mắc khắp nơi trong thời gian phái đoàn ở Việt Nam, đại biểu Vatican cũng ghi nhận Phật tử đang chuẩn bị cờ ngũ sắc, biểu ngữ và cổng chào mừng đón Phật đản 2507. Bởi thế phái đoàn Vatican kết luận sơ khởi rằng chỉ có 20% dân miền Trung theo đạo Ki-tô mà không phải 80% như Thục báo cáo. Để che giấu sự thực, Thục ngầm cho lệnh viên chức địa phương cấm treo cờ hay tuần hành rước lễ Phật Đản.(8)

6. Xem, thư ngày 20-2-1962, Thích Tịnh Khiết gửi Ngô Đình Diệm, về việc đàn áp Phật giáo tại Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 7941; thư ngày 17-2-1962, Wesley Fishel gửi John A. Hannah, Viện trưởng Đại học Tiểu bang Michigan (MSU); Foreign Relations of the United States [FRUS], 1961-1963, II:148-52; báo cáo của Đại sứ Roger Lalouette ngày 10-3-1962; Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu, 1939-1975 [VNNB], I-C: 1955- 1963, tr. 248-250. Xem thêm chú [32] infra. 7. Archives du Ministère des Affaires Etrangères [AMAE] (Paris), Cambodge-Laos-Vietnam [CLV], Sud Vietnam [SV], 17:70-73. 8. Xem Phụ Bản I, Chính Đạo, Tôn Giáo & Chính Trị: Phật Giáo, 1963-1967 (Houston: Văn Hóa, 1994). Đa số chi tiết dưới đây rút từ tài liệu Mỹ ngữ trên. Chúng tôi chỉ ghi những tài liệu khác nếu cần thiết. Xem thêm Cao Văn Luận, Bên Dòng Lịch Sử (Sài Gòn: 1972), tr. 328. Ngày 16-9-1963, Lãnh sự Pháp ở Tourane

MÙA PHẬT ĐẢN ĐẪM MÁU • 407

Dù Thục có áp lực Diệm ban hành lệnh cầm treo cờ Phật giáo ngày Phật Đản 2507 hay chăng, văn thư nhắc nhở lệnh cấm ngày 6-5-1963 là sỉ nhục lớn với Phật tử. Vì, cho tới ngày 5-5, cờ Ki-tô giáo–nói theo Thục, chỉ là mấy thước vải vô nghĩa biểu hiệu cho nước Vatican mà không đại diện cho Ki-tô giáo–còn phấp phới khắp miền Nam, trong khi tổng số giáo dân không đầy 10% dân số. Ngày này, Tổng thống Diệm còn cử hành quốc lễ chúc mừng kỷ niệm 25 năm Thục được phong chức Giám Mục tại nhà thờ trên đường Kỳ Đồng, Sài Gòn.(9) Ngay chiều ngày 6-5 (13-4 Quý Mão), Tỉnh trưởng Thừa Thiên kiêm Thị trưởng Huế là Nguyễn Văn Đẳng sao gửi công điện của Quách Tòng Đức cho các tổ chức tôn giáo, đặc biệt là Ban trị sự Giáo hội Tăng già và Hội Phật Giáo Việt Nam tại Trung Phần và tỉnh Thừa Thiên, cùng Ban tổ chức Lễ Phật Đản tại Thừa Thiên-Huế. Các lãnh đạo Phật giáo phản ứng một cách chừng mực. Sáng hôm sau, một

phái đoàn đại diện Tăng Già và ban tổ chức Phật Đản–gồm Thượng tọa Thích Trí Quang, Thích Mật Nguyện, Thích Thiện Minh và Thích Thiện Siêu–đến gặp Thị trưởng Đẳng để "trình bày những thắc mắc và uất ức" của Phật tử về lệnh cấm treo cờ. Không thỏa mãn với lời giải thích của Đẳng, đại diện Phật Giáo yêu cầu được tiếp kiến Cố vấn chỉ đạo miền Trung là Ngô Đình Cẩn (1911-1964) về lệnh cấm treo cờ. Ngô Đình Cẩn đồng ý, mời Trí Quang tới tư dinh, dự một cuộc họp với Bộ trưởng Nội vụ Bùi Văn Lương và Thị trưởng Đẳng vào lúc 11giờ 45 ngày 7-5-1963 (14-4 âm lịch). Sau một hồi thảo luận, Cẩn đồng ý cho các chùa chiền và lễ đài tiếp tục treo cờ, nhưng các tư gia thì nên cho Cảnh Sát đi thuyết phục họ hạ cờ. Bởi thế, lúc 12 giờ trưa ngày 7-5-1963, Đẳng gọi Trưởng ty Cảnh sát Huế tới tư dinh Cẩn, cho lệnh sử dụng Mật vụ để áp lực dân chúng hạ cờ.(10) Có lẽ vì thế một

báo cáo rằng theo Tướng Nghiêm chính sách bài Phật giáo chỉ là của Thục. Ngày 8-5, khi Nghiêm vào Sài Gòn gặp Diệm, Diệm cho lệnh phải thẳng tay với Phật giáo, và nhận lệnh từ Cẩn. Đại tá Đỗ Cao Trí, Tư lệnh Sư đoàn 1, được lệnh "duy trì trật tự ở Huế." Sau đó Trí được thăng cấp Tướng, thay Nghiêm nắm Vùng I. AMAE (Paris), CLV, SV, 17:70-73. Về những việc làm của Trí, xem KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8527. 9. Ngày 5-5-1963 này, Diệm long trọng tổ chức Lễ Tạ Ơn chào mừng ngày thụ phong của Tổng Giám Mục Thục tại nhà thờ Dòng Cứu Thế trên đường Kỳ Đồng, Sài Gòn. Thục cũng tham dự. Ngoài lễ nghi quân cách, cờ Ki-tô giáo chi chít khắp nơi. Xem KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8425. 10. Nguyễn Văn Đẳng, "Phúc trình của Tòa Hành chánh tỉnh Thừa Thiên về lễ Phật Đản tại Huế (20-5-1963)," tr. 2; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529. Theo một nguồn tin, Cẩn còn sai Hồ Đắc Khương, Đại biểu Chính phủ tại Trung

số nhân viên Cảnh Sát, Công An đã sốt sắng tháo gỡ cờ Phật giáo bất chấp sự phản đối của dân chúng.(11) Khoảng 17 giờ 45 ngày 7-5, một phái đoàn gồm các đại diện Giáo Hội Tăng Già, ban tổ chức Phật đản 2507 và khoảng 200 Phật tử kéo tới Toà Hành chánh tỉnh gặp Đẳng.(12) Theo lời Bộ trưởng Nội vụ Lương khai với Phái đoàn Liên Hiệp Quốc ngày 30-10-1963, đích thân Lương cho tạm hoãn thi hành lệnh cấm treo cờ, và lãnh đạo Phật giáo rất mãn nguyện.(13) Tại Đà Nẵng, cách Huế khoảng 100 cây số về phía Đông Nam, Cảnh sát cũng tới các cơ sở thương mại, ra lệnh cấm treo cờ mừng Phật đản; bằng không sẽ bị rút giấy phép. Chẳng hiểu việc làm này liên hệ gì đến Thị trưởng Hà Thúc Luyện hay chăng. Cách nào đi nữa, ngày 8-5, Thiếu tướng Lê Văn Nghiêm, Tư lệnh Quân Đoàn I, vẫn cho phép quân nhân Phật tử tổ chức lễ Phật Đản.(14) Tại Đà Nẵng, quân nhân Phật tử dựng một khán đài tại góc đường Thống Nhất và bờ sông Bạch Đẳng (sông Hàn), và tổ chức diễn hành xe hoa. Tại Huế, Phật tử cũng dựng khán đài và kết cờ Phật giáo. Nhưng không khí đấu tranh phảng phất trong không gian. Trong cuộc rước lễ từ chùa Diệu Đế tới chùa Từ Đàm vào sáng ngày 8-5-1963, Phật tử đã trương lên một số biểu ngữ đòi bình quyền tôn giáo và thề bảo vệ giáo kỳ bằng mọi giá. Người châm ngòi nổ cho cuộc tranh đấu

nguyên Trung Phần, gửi điện tín xin hoãn thi hành lệnh trên. Cẩn cũng bảo Đẳng đừng can thiệp vì có giao tình với Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và, theo lời đồn, bài vị Ngô Đình Dinh, cha Ngô Đình Khả, còn đặt tại chùa Diệu Đế. Dinh theo đạo thờ cúng tổ tiên. Khả (1856-1914)Ư, cha Diệm, là người đầu tiên theo đạo Ki-tô, và hành nghề thông ngôn trong thời gian Pháp đánh chiếm Bắc và Trung Việt. Chức vụ cuối cùng của Khả là Đề đốc kinh thành vào cuối đời Thành Thái, và được hàm Thượng thư khi về hưu. Nhờ tước hàm Thượng thư này của Khả, năm 1917 Diệm được tập ấm chức cửu phẩm, làm việc tại Tân Thư viện Huế, tức Musée Khải Định. Xem Chính Đạo, "Jean Baptiste Ngô Đình Diệm (1897-1963);" Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston: Văn Hóa, 2004). Cũng có tin bài vị Dinh đặt tại chùa Từ Hiếu. Tuy nhiên, vào tháng 12/2004, chưa thể khẳng định có chăng bài vị nói trên (tiếp xúc với một tăng của chùa này). 11. Báo cáo số 249-VP/M, ngày 10-5-1963; [KLTQG II (TP/HCM), TNTP.167;] Lê Cung, 2003:136. 12. Báo cáo số 2262-TT/VP/BTM, ngày 9-5-1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529. 13. UN Doc. A/5630, 7-12-1963:22, col2. Xem thêm Thích Trí Quang, "Cuộc vận động Phật giáo Việt Nam: Giai đoạn phát khởi;" Liên Hoa nguyệt san (29/1/1964), tr. 22, 28; dẫn trong Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng pháp nạn 1963 (Giao Điểm: 2003), tr. 91. 14. Xem thêm Nguyễn Ngu Í, "Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ qua hai giờ nói chuyện với Giáo sư Lê Tuyên;" Bách Khoa, số 171 (15-2-1964), tr. 37-47, và số 172 (1-3-1964), tr. 27-42. Sẽ dẫn: Nguyễn Ngu Í, 1964a, và Nguyễn Ngu Í, 1964b.

là Thượng tọa Trí Quang, Chủ tịch Hội Phật giáo Trung Phần, qua bài diễn văn nẩy lửa trong buổi lễ sáng 8/5 tại chùa Từ Đàm, với sự tham dự của nhiều viên chức cao cấp địa phương (ngoại trừ Đại biểu Trung Nguyên Trung Phần và Thị trưởng Đẳng). Chưa hết. Tối đó, một biến cố đẫm máu đột ngột xảy ra. Giữa lúc hàng ngàn Phật tử tụ họp trước Đài phát thanh Huế vào khoảng 8 giờ tối để nghe chương trình phát thanh đặc biệt Phật đản, một nhóm thanh niên Ki-tô giật cờ Phật giáo tại một cổng chào, rồi xông tới đập phá lễ đài. Bạo động bùng nổ. Giám đốc đài Huế, Ngô Ganh, sau khi nhận chỉ thị phải từ chối phát thanh lại cuốn băng buổi lễ Phật Đản tại chùa Từ Đàm, khóa trái cửa "để bảo vệ máy móc" trước sự đe dọa của một số Phật tử hung hãn. Khoảng 22 giờ, Thị trưởng Đẳng được mời tới Đài phát thanh bàn thảo với Thượng Tọa Trí Qang về nội dung chương trình Phật Đản mà hàng ngàn người đang chờ đợi, Thiếu tá Đặng Sỹ, Phó Tỉnh trưởng Nội An, dẫn Cảnh Sát, và lực lượng an ninh (Biệt đội Ngô Đình Khôi) gồm 8 tuần thám xa [blinder] của Địa Phương Quân, 1 đại đội ĐPQ, 1 đại đội trừ Bộ Binh, đến tái lập trật tự. Sau khi đám đông không chịu giải tán, Sỹ cho lệnh dùng lựu đạn cay, vòi rồng phun nước, và rồi nổ súng. Đa số binh sĩ không tuân lệnh, chỉ có đơn vị riêng của Sỹ thẳng tay đàn áp. Xe tuần thám chạy ngang dọc giữa đám đông. Dân chúng hoảng hốt tranh nhau bỏ chạy tứ phía. 9 người chết (kể cả 2 trẻ em bị tuần thám xa cán), và 14 bị thương.(15) Đây là một hành động có thể bị truy tố về tội ác chiến tranh [war crime] và tội ác chống lại nhân quyền [crime against Human rights] của Sỹ; và các cấp chỉ huy, kể cả Ngô Đình Diệm, phải liên đới trách nhiệm.(16) Để che đậy sự thực, thoạt tiên chính phủ loan tin một quả lựu đạn của quân khủng bố (Cộng sản) từ đám đông ném ra, vì quân đội chỉ bắn lên trời hoặc dùng đạn mã tử. Lời giải thích này được ghi vào

mật điện số 100/MM, từ văn phòng Đại biểu Trung nguyên Trung Phần (Hồ Đắc Khương) gửi về Phủ Tổng thống ngày 9-5-1963. Theo Mật điện trên, trong lúc Đặng Sỹ đàn áp đám đông, "một quả lựu đạn

15. US-Vietnam Relations, 1945-1967, Bk 3, p. 5; CĐ số 5, 10-5-1963, Huế gửi BNG; US Department of State, Foreign Relations of the United States [FRUS], 1961-1963, III:284; Airgram A-20, 3-6-1963, Helble gửi Sài Gòn; III:277,n2; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 279-280. 16. Xem danh sách các nạn nhân trong Phụ lục đính kèm của báo cáo của Nguyễn Văn Đẳng ngày 20/5/1963; TTLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529. Sỹ sau này bị kết án chung thân khổ sai, nhưng được Nguyễn Văn Thiệu ân xá vào năm 1966 sau cuộc nổi dậy của miền Trung.

MK-2 đã từ trong đoàn người phóng ra làm cho 7 thường dân chết, 1 thường dân và 5 binh sĩ bị thương. Cơ quan an ninh đã phải sử dụng lựu đạn cay mắt để giải tán đoàn người và tình hình đã trở lại tương đối yên tịnh vào lúc 24 giờ 00." VP/ĐBCP/TNTP cũng qui tội cho Việt Cộng, và xin được tổ chức biểu tình ngày 9-5-1963.(17) Sau khi đám đông bị giải tán, viên chức chính phủ mang 9 xác chết tới bệnh viện Trung ương Huế. Theo một nguồn tin an ninh Mỹ, dù được lệnh phải ghi vào giấy chứng tử là các nạn nhân "chết vì lựu đạn do khủng bố Việt Cộng ném," Y sĩ Lê Khắc Quyến, Giám đốc Bệnh viện kiêm Giám đốc Y tế miền Trung, không đồng ý: Các y sĩ thực hiện giảo nghiệm (lý khám) kết luận rằng đa số nạn nhân đều chết vì những vết thương trên đầu, và di thể không hề có mảnh "lựu đạn MK-2" nào.(18) Bởi vậy, viên chức chính phủ, dù vẫn nhất tề trút mọi trách nhiệm cho Việt Cộng, nhưng bắt đầu sửa sai từ "lựu đạn" sang "mìn từ lực" [plastic] cho có vẻ hợp lý hơn.(19) Ngày 11/7/1963, Phó TT Nguyễn Ngọc Thơ, trong thư gửi Thượng tọa Thiện Minh, biện minh rằng các nạn nhân đêm 8/5/1963 là do "plastic" của Việt Cộng; chính Y sĩ Quyến, Giám đốc Bệnh viện Trung Ương Huế, đã xác nhận viêc này trong buổi tiếp xúc ngày 8-7-1963 với Đại biểu TNTP và các y sĩ lý khám.(20) Tháng 10-1963, Trần Tử Oai khai với phái đoàn LHQ tìm sự thực về sự vi phạm nhân quyền tại Nam Việt Nam rằng Cộng Sản đã cho nổ hai trái mìn từ lực mà quân đội VNCH cũng như Mỹ không có [That night another more violent meeting took place at the Huê radio station. Communist elements took advantage of it to explode two plastic charges which caused the death of eight persons, including several children and a Catholic girl]. Ở một đoạn khác, Oai lập lại lời cáo buộc này [With regard to the charge that the Government had ordered the killing of the demonstrators by tanks, cannons, rifles and grenades, this was an absolute slander. According to the findings of the medical experts, all the wounds on the victims' bodies were caused by the explosion of plastic charges, which are not used by the Army or the security forces of Vietnam,

17. CĐ số 100/MM, ngày 9-5-1963, TNTP gửi Đổng lý VPTT; TTLTQG II (TP/ HCM), PTT/Đ1CH, HS 8523. 18. KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529 [?]. 19. Xem, chẳng hạn, báo cáo của Thị trưởng Huế và các cấp chỉ huy cảnh sát, quân đội trong KLTQG II (TP/HCM), PTT, Đ1CH, HS 8529. 20. Ibid., HS 8506.

but only by Communists."(21) Bộ trưởng Nội vụ cùng một luận điệu.(22) Những ngày kế tiếp, tình hình Huế cực kỳ sôi động. Suốt đêm mồng 8 rạng 9-5, thanh thiếu niên kéo nhau đi quanh đường phố, hô to khẩu hiệu đả đảo Diệm. Khoảng 11 giờ 00 sáng, chừng 800 Phật tử tụ họp biểu tình. Đẳng yêu cầu họ giải tán để tránh bị "phản loạn" lợi dụng. Đẳng cũng ra lệnh giới nghiêm từ 9 giờ tối. Ngày 9-5, Diệm sai Bộ trưởng Nội vụ trở lại Huế giải quyết. Lương áp lực Trí Quang đi theo xe phóng thanh kêu gọi mọi người ra về. Trí Quang chỉ hòa thuận bề ngoài, chưa chịu lùi bước.(23) Chiều 9-5, Phong trào Cách Mạng Quốc Gia tổ chức mít-tinh, lên án Cộng Sản phá hoại, khủng bố trong đêm 8-5. Rất ít người tham dự, và không ai lên diễn đàn. Một số tiểu đoàn Dù gốc Nùng được điều tới Huế để "bảo vệ trật tự." Mật vụ bắt đầu lùng bắt các lãnh tụ Phật tử, và lực lượng an ninh cô lập hàng ngàn người biểu tình trong vòng rào kẽm gai.(24) Ngày 10-5, trong cuộc biểu tình qui tụ khoảng 5.000-6.000 Phật tử, tăng ni tại chùa Từ Đàm, Trí Quang đọc diễn văn, kêu gọi bất bạo động và Phật tử tiếp tục treo cờ. Sau đó, đại diện Ủy ban tranh đấu trao cho Đẳng một Tuyên Ngôn [Manifesto], đòi hỏi 5 điều tương đối ôn hoà: tự do treo cờ; Phật giáo được hưởng quyền dành cho Ki-tô giáo qui định trong Dụ số 10 [ngày 6-8-1950]; ngưng bắt giữ và khủng bố Phật tử; tự do tín ngưỡng; bồi thường cho nạn nhân ngày 8/5 và trừng trị những người có trách nhiệm. Năm người ký tên là Hòa thượng Tường Vân, Thượng tọa Mật Nguyện, Mật Hiển, Trí Quang, và Thiện Siêu.(25) Với đại đa số Phật tử, "Dụ số 10" nêu trong Thông Bạch ngày

21. UN/GA Doc. A/5630, 1963, tr. 12, col.2. 22. "I had concluded, according to the specialists in artillery and artificiers, whom we had consulted in Hue and Sai Gon, that it was probably bombs of plastic . . . that we had many bullets because the United States had given us many free, but we had no plastic; plastic is the arm of the Viet Cong guerilla." A/5630, 1963:24, col 1. 23. Theo Lương, Trí Quang đã âm mưu chống chính quyền từ năm 1960, với sự xúi dục của Cộng Sản. Đặng Ngọc Lựu, thân cận của Trí Quang, cung cấp tin này; UN/GA Doc. A/5630, 1963:22-23. 24. FRUS, 1961-1963, III:284-285. 25. Tâm thư 10-5-1963, công điện cùng ngày của Thích Tịnh Khiết, và tài liệu giải thích ngày 16-5-1963, 23-5-1963 (Tịnh Khiết, Mật Nguyện, Mật Hiền, Trí Quang, Thiện Siêu ký) có thể tìm thấy trong KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8541. Tường Vân là tên chùa Hòa thượng Tinh Khiết trụ trì. TT. Mật Nguyện, tục danh Trần Lộc, 56 tuổi, tu tại chùa Linh Quang. TT. Mật Hiển, tục danh Nguyễn Duy Quang, 56 tuổi, tu tại chùa Trúc Lâm. TT. Trí Quang, tục danh Phạm Trí Quang,

10-5-1963 có vẻ xa lạ. Dụ này do Bảo Đại ban hành ngày 6-8-1950, liên quan đến qui chế các hiệp hội, đảng phái, gồm 5 chương, 45 điều. Điều thứ 44 ghi nhận: "Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên chúa và Gia tô, và các Hoa kiều lý sự hội sẽ ấn định sau."(26) Điều này có nghĩa các tổ chức tôn giáo không Ki-tô như Phật giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Islam v.v... đều chỉ được phép hoạt động nếu có sự đồng ý của chính phủ. Thị trưởng Đẳng, "con nuôi tinh thần" của Hòa thượng Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo, lên diễn đàn xin lỗi về tai nạn đã xảy ra, và hứa bồi thường cho gia đình nạn

nhân. Cẩn cũng áp lực Trí Quang phải ngưng tranh đấu, tìm cách giải quyết. Hôm sau, 11-5, Trí Quang triệu tập một buổi họp với các giáo sư và sinh viên, học sinh để giải thích 5 nguyện vọng của Phật giáo.(27) Đồng thời, các lãnh tụ Phật giáo bắt đầu khai thác cái chết của các nạn nhân tối Phật Đản, ca ngợi họ như "thánh tử đạo." Ngày 12-5, Trí Quang yêu cầu Đẳng cho làm lễ cầu siêu cho các nạn nhân vào ngày 14-/5. Đẳng không dám tự quyền, đề nghị Phật giáo thảo luận với Tư lệnh Quân Đoàn I và Đại biểu Chính phủ tại TNTP vào hôm sau. Phật Giáo đồng ý lùi ngày cầu siêu lại một tuần, tức 21-5-1963. Riêng ngày 14-5, chỉ được làm lễ cầu siêu trong chùa Từ Đàm. Trong ngày 13-5, Trí Quang cũng gặp Đại biểu chính phủ để thảo luận về 5 đòi hỏi của Phật giáo. Mặc dù cho rằng những yêu sách của Phật Giáo "vô căn" [groundless], viên chức này tuyên bố chính phủ sẽ cứu xét. Đại biểu của chính phủ thêm rằng đòi hỏi của Phật giáo mang tích cách một "tối hậu thư," và đây là một sai lầm.(28) Tại Sài Gòn, mặc dù Quách Tòng Đức đã bí mật hội ý với Mai Thọ Truyền trước ngày ban hành lệnh cấm treo cờ, Phật tử biểu tình liên tiếp trong hai ngày 7 và 8-5 để chống lệnh cấm và đòi bình quyền tôn giáo. Ngày 9-5, Thượng tọa Tâm Châu, Phó Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo–quyết "Tử Vì Đạo."

sinh năm 1922, và TT. Thiện Siêu, tục danh Vũ Trọng Tường, 43 tuổi, tu tại chùa Từ Đàm; Ibid., HS 8531. Bản dịch Mỹ ngữ trong FRUS, 1961-1963, III:287-288. 26. Công báo Việt Nam [CBVN], III:3 [19-8-1950]:434-437. Người soạn thảo luật này là Nguyễn Khắc Vệ, Tổng trưởng Tư Pháp của chính phủ Trần Văn Hữu. Bản dịch Anh ngữ Dụ số 10 ngày 6-8-1950 cùng hai tu chính ngày 19-12-1952 và 3-4-1954 trích in trong phần phụ bản XV của UNGA, Doc. A/5630, 7-12-1963:86-89. 27. Nguyễn Ngu Í 1964a:40-41. [Xem chú 13 supra] 28. FRUS, 1961-1963, III:288, n3. Đại biểu chính phủ cũng yêu cầu hoãn ngày cầu siêu cho nạn nhân Huế từ 14/5 tới 21/5; CĐ ngày 13-5-1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529.

Ủy ban Liên Phái qui tụ 11 Hội đoàn, gồm Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Giáo Hội Tăng Già Trung Việt, Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam, Hội Phật Học Nam Việt, Hội Phật Giáo Trung Việt, Hội Phật Giáo Bắc Việt tại miền Nam [thuộc Tổng hội Phật giáo Việt Nam; 1960-1965: Hội chủ: Hòa thượng Thích Tịnh Khiết; Phó Hội chủ: Thượng tọa Thích Tâm Châu, Mai Thọ Truyền], Giáo Hội Thiền Định Đạo Tràng (chùa Phật Bửu, đường Cao Thắng; Đạo chủ là Hòa thượng Minh Trực, có 16 chùa), Giáo Hội Tăng Già Kampuchia [người Việt gốc Khmer], Hội Phật Giáo Kampuchia [người Việt gốc Khmer], (chùa Chantareansey, đường Trương Minh Giảng, Phú Nhuận; Lục cả Lâm Em), Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy [Therevada] (chùa Kỳ Viên, đường Phan Đình Phùng [người Việt], Đại Đức Bửu Chơn, Tăng thống), Hội Phật Giáo Nguyên Thủy [người Việt] (Hội trưởng: Nguyễn Văn Hiếu; ngoài chùa Kỳ Viên còn có 6 chùa khác: chùa Bình Đông, Phú Lâm, Gò Dưa, Bình Hòa (chùa Phổ Minh) và Đà Nẵng (Tam Bảo)). Tâm Châu, một tăng di cư, từng vận động chống việc chiếu phim về Phật Thích Ca, được cử làm Chủ tịch; với Mai Thọ Truyền, Tổng thư ký. Văn phòng đặt tại chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan.(29) Thượng tọa Tâm Châu cũng gửi một tâm thư cho các tăng ni

mọi cấp, kêu gọi mọi người quyết tâm bảo vệ giáo kỳ với tinh thần "tử vì đạo."(30) Riêng Thượng tọa Thiện Hòa (1907-

29. Tâm Châu, Bạch Thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với Việt Nam Quốc Tự (Montréal: Tổ đình Từ Quang, 1994), tr:17. Một nhân chứng khai UBLP/BVPG gồm 14 hội đoàn. Xem thêm Việt Nam Cộng Hòa, Phủ Tổng thống, Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, "Báo nghiên cứu đặc biệt: Phật Giáo Việt Nam" [n.d.]; PT- TĐ1CH, HS 8573. 30. Tục danh là Đoàn Văn Hanh, sinh khoảng năm 1922 tại Ninh Bình, Bắc Việt. Tu tại chùa Xuân Dương, huyện Đa Phúc, Phúc Yên (Phái Vĩnh Nghiêm). 1951: Cùng Tố Liên vào Huế tổ chức Đại hội thống nhất Phật giáo. 1952: Phó Trị sự Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc Việt Nam. 1955: Tham gia Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam. 1959: Thành lập Hội Phật Giáo Quán Âm Phổ Tế. Trụ sở tại 584/1 đường Phan Thanh Giản Sài-gòn. 1-1963: Lập Ủy Ban Liên Phái chống phim Sakya. 9-5-1963: Thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, qui tụ 11 hội đoàn. Trụ sở đặt tại chùa Xá Lợi. 25/5/1963: Phát động phong trào tranh đấu tích cực ở miền Nam. 30-5-1963: Tuyệt thực 48 giờ cùng hàng trăm tăng ni. Thứ Sáu, 14-6-1963: Tham gia phái đoàn Phật Giáo nói chuyện với Ủy Ban Liên Bộ của chính phủ Diệm. 16-7-1963: Dẫn đầu một đoàn biểu tình trước tư dinh Đại sứ Nolting. 21-8-1963, mờ sáng: Bị bắt tại chùa Xá Lợi cho tới ngày 1-11-1963. 31-12-1963: Tham dự Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo ở Chùa Xá Lợi [cho tới ngày 4-1-1964]. Được bầu làm Chủ tịch Viện Hóa Đạo với nhiệm kỳ 2 năm. 13-1-1964: Nhận chức Viện trưởng Hóa Đạo. 20-1-1965: Cùng Trí Quang, Pháp Tri, Thiện Hoa và Hộ Giác tuyệt thực chống chính phủ Trần Văn Hương. 27-1-1965: Hội Đồng

1978), Trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc, kêu gọi tinh thần bất bạo động, hòa giải.(31) Cuộc đàn áp ở Huế không chỉ tạo nên tia lửa điện tranh đấu trong hàng ngũ Phật tử Việt Nam mà cũng khiến Bộ Ngoại Giao Mỹ đặc biệt quan tâm. Từ Oat-shinh-tân, chiều 9-5 [04 giờ 24 sáng 10-5 VN], Ngoại trưởng Dean Rusk chỉ thị Đại sứ Frederick Nolting yêu cầu Diệm: (1) Không nên đàn áp Phật tử, (2) bày tỏ cảm tình với gia đình nạn nhân và giúp tiền an táng, (3) sử dụng những biện pháp thích nghi để vãn hồi trật tự, và (4) tạo tinh thần thân ái giữa các nhóm giáo dân.(32) Trong khi đó, Trung ương Tình báo Mỹ [CIA] ghi nhận Cao Đài và Hòa Hảo đang thảo luận phối hợp hành động với Phật giáo. Lại cũng có tin tuyệt thực đã bắt đầu tại Huế từ ngày 12/5. Theo Trung tá Trần Văn Thưởng–Giám đốc Cảnh Sát Công An Trung nguyên Trung Phần, người đã điều tra về việc đàn áp Phật giáo ở miền Trung năm trước–Phật tử dự định biểu tình khắp đồng bằng miền Trung ngày 21-5. Tại Sài Gòn cũng có tin sẽ biểu tình ngày 21-/5.(33) Do sự dàn xếp của Nolting, ngày 15-5, Tổng thống Diệm tiếp đại diện Phật giáo tại Sài Gòn. Phái đoàn đầu tiên này gồm Thượng tọa Thiện Hòa (Trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn quốc); Thiện Hoa (Trị sự trưởng

Quân Lực ra tuyên cáo nắm lại chính quyền. Viện Hóa Đạo ra lệnh ngừng tranh đấu. Các sư ngưng tuyệt thực. 24-8-1964: Khánh yêu cầu Trí Quang, Tâm Châu và Thiện Minh kêu gọi sinh viên, học sinh và Phật tử ngưng biểu tình. Các lãnh tụ Phật giáo ra điều kiện: hủy bỏ hiến chương Vũng Tàu, thành lập chính phủ dân sự, bảo đảm tự do

tôn giáo, và tổ chức bầu cử ngày 1-11-1965. 1975: Tị nạn ở Pháp, rồi Canada. Hiện tu tại Tổ đình Từ Quang, Montréal, Québec. 9-1-1995: Cùng 126 tăng sĩ ký tên vào kháng thư phản đối việc bắt giữ Huyền Quang và Trí Độ. 2-5-1995: Tham dự biểu tình ở Oat-shinh-tân. 31. Thiện Hòa, tục danh Hứa Khắc Lợi, sinh tại Chợ Lớn, đi tu từ năm 1935. 1935: Theo học Phật học đường Lưỡng Xuyên. 1936-1938: Theo học An Nam Phật học đường tại chùa Tây Thiên, Huế. 1938-1939: Theo học Phật học đường Long Khánh, Bình Định. 1939: Theo học Phật học đường Báo Quốc, Huế. 1945-1950: Ở Bắc. 5-1950: Về Sài Gòn. Dạy tại Phật học đường Sùng Đức. 1951: Giám đốc Phật học đường Nam Việt tại chùa Ấn Quang. 1953: Trị sự trưởng GHTGNV. 1959: Trị sự trưởng GHTGTQ. 15-5-1963: Gặp Ngô Đình Diệm về 5 nguyện vọng của Phật giáo. 26-8-1963: Chủ tịch Ủy Ban Liên Hiệp Bảo Vệ Phật Giáo Thuần Túy, ủng hộ Ngô Đình Diệm. 1967: Tổng Vụ trưởng TV Tài chính & Kiến thiết của GHPGVNTN tại Ấn Quang. 1973: Phó Tăng Thống. 7-2-1978: Chết tại chùa Ấn Quang. 32. CĐ 1066, ngày 9-5-1963, BNG gửi Sài Gòn, FRUS, 1961-1963, III:283. Xem thêm báo cáo ngày 18-6-1962 của Bùi Văn Lương; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 7941. 33. FRUS, 1961-1963, III:310.

Giáo Hội Nam Việt); Thiện Thái (Trị sự trưởng Giáo Hội Bắc Việt), Lâm Em (Trị sự trưởng chùa Chantereansey), Dũng Chí (đại diện Phật Giáo Nguyên Thủy), cùng hai cư sĩ Mai Thọ Truyền (Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt), và Vũ Bảo Vinh (Hội trưởng Hội Phật học Bắc Việt). Phe chính phủ có Bùi Văn Lương (Nội vụ) và Paul Ngô Trọng Hiếu (Công dân vụ).(34) Theo Việt Tấn Xã ngày 17-5, về đòi hỏi số 1 (rút lại lệnh cấm treo cờ Phật giáo), Diệm cho rằng cả Ki-tô lẫn Phật giáo đã có lỗi về việc treo cờ; chỉ được treo giáo kỳ trong các thánh đường hay chùa. Về đòi hỏi thứ hai (Dụ số 10), Diệm nói sẽ cứu xét lại. Điểm 3, về việc bắt giữ Phật tử và tăng ni, Paul Hiếu nói không hề có "khủng bố." Lương cũng khẳng định "không hề có việc quân đội ném lựu đạn, xe thiết giáp bắn trọng pháo hay cán vào đám đông. . . . Sự thật chỉ có hai trái mìn từ lực [plastic] do Việt Cộng thừa lúc lộn xộn mà giựt, vì Quân đội không có plastic và căn cứ vào vết tích còn lại." Diệm nói những người bị bắt có hành động bất an cho dân chúng và chính quyền, nếu tha ra, phần tử xấu sẽ lợi dụng. Điểm 4, về tự do tín ngưỡng, Diệm xác nhận đó là quyền hiến định. Điểm 5, về bồi thường, Diệm chỉ hứa sẽ nghiên cứu việc trợ cấp. Đại diện Phật giáo đưa thêm hai đề nghị: ra Huế thăm viếng những người bị bắt giữ và tổ chức cầu siêu cho nạn nhân. Diệm nói sẽ cứu xét đòi hỏi thứ nhất, và đồng ý đòi hỏi thứ hai, với điều kiện chỉ tổ chức trong khuôn viên các chùa. Nhưng đại diện Phật giáo, qua buổi họp này, kết luận rằng Diệm chưa có quyết định nào rõ rệt.(35) Tuy nhiên, họ kiên nhẫn chờ đợi thiện chí của chính phủ. Có lẽ vì vậy, Trí Quang đồng ý tu chính lại 5 nguyện vọng, và ngày 15-5, nhờ Đẳng chuyển thư cho Cẩn.(36) Đáng ghi nhận là từ ngày 15-5 này, Bộ trưởng Nội vụ Lương bắt đầu thay "lựu đạn" bằng hai trái mìn từ lực của Cộng Sản mà quân đội không được cấp phát. Đây là nỗ lực "sửa sai" đầu tiên của chế độ để chối bỏ tội lỗi (trong khi mãi tới ngày 25-5, Diệm mới thú nhận là cấp dưới đã báo cáo sai lạc về một hay nhiều trái lựu đạn).(37) Vì sắp qua Greece [Hy Lạp] nghỉ thường niên, Nolting khuyên Diệm nên ra tuyên cáo chính thức về vấn đề Phật giáo. Nolting cũng tiếp xúc

34. Bộ Công Dân vụ [Civic Action] bao gồm Tổng Nha Thông tin dưới quyền Phan Văn Tạo. 35. FRUS, 1961-1963, III:309-310; Mẫu 2003:246-255. 36. Tâm Châu, Bạch Thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với Việt Nam Quốc Tự (Montréal: Tổ đình Từ Quang, 1994), tr. 18. 37. Không rõ Lương hay VTX của Tôn Thất Thiện và Đặng Đức Khôi đã phát minh ra lối giải thích mới này.

Khâm sứ Vatican là Salvatore d'Asta và Linh mục Cao Văn Luận để thuyết phục Diệm. Theo Bộ trưởng Phủ Tổng thống Nguyễn Đình Thuần, thương thuyết với Phật giáo tiến triển tốt đẹp, nhưng chủ chốt là chính phủ muốn tránh trách nhiệm.(38) Ngày 18-5, khi cùng XLTV Đại sứ William C. Trueheart qua chào tạm biệt Diệm, Nolting cố thuyết phục Diệm đáp ứng nguyện vọng của Phật giáo. Nolting muốn Diệm tuyên bố chịu trách nhiệm về biến cố ở Huế, bồi thường cho nạn nhân, và tái khẳng định chính sách bình quyền tôn giáo và không kỳ thị.(39) Diệm không hứa điều gì. Diệm vẫn tin, hoặc muốn diễn giải rằng biến cố ở Huế là do các lãnh tụ Phật giáo khích động; những người ở Huế chết vì một hay nhiều trái lựu đạn, do Cộng sản hay phe chống chế độ ném, không phải viên chức chính phủ; và một số lãnh đạo Phật giáo lợi dụng biến cố ở Huế để củng cố thế lực trong nội bộ Giáo hội. Dưới mắt Diệm, vấn đề Phật giáo không quá nghiêm trọng như Mỹ tưởng nghĩ.(40) Dù được xem những khúc phim về cuộc đàn áp Diệm không thay đổi lập trường.(41) Diệm chỉ cách chức Đẳng, đưa Nguyễn Văn Hà ra Huế. Đồng thời, bổ nhiệm Nguyễn Xuân Khương, đương kim Tổng Giám đốc Điền địa, làm Đại biểu Trung nguyên Trung phần, hiệu lực từ ngày 1-6-1963. Cho rằng chính phủ kỳ thị Phật giáo, các tăng ni quyết tranh đấu đến cùng. Ngày 19-5, Hòa thượng Tịnh Khiết thông báo cho Đại biểu TNTP và Thiếu tướng Tư lệnh QĐ I rằng đã chấp thuận cho hai Thượng tọa Mật Nguyện và Trí Quang tuyệt thực để cầu cho nguyện vọng của Phật giáo.(42) Ngày 23-5, năm lãnh tụ Phật giáo, gồm cả Hòa thượng Tịnh Khiết, ra tuyên ngôn khẳng định lập trường bất bạo động và phi chính trị, nhưng cương quyết đòi chính phủ phải thỏa mãn các đòi hỏi của Phật giáo "trong một thời [gian] càng sớm càng tốt," đồng thời ngưng ngay những cuộc "khủng bố, bắt giữ."(43)

38. FRUS, 1961-1963, III:311. 39. Đề nghị này Nolting đã trình về BNG ngày 18-5 và được Rusk chấp thuận ba ngày sau, 21-5; FRUS, 1961-1963, III:312,n3. 40. FRUS, 1961-1963, III:314. Sau này, Nhu còn phát minh ra lối giải thích "pain of growth" [sự đau đớn khi phát triển] của Phật giáo Việt Nam, một hiện tượng quen thuộc của các nước chậm tiến. 41. Gravel, II:226. Theo Trueheart, Diệm có vẻ "giận dữ" [quite agitated], và không muốn nghe theo lời khuyên của Mỹ; FRUS, 1961-1963, III:338. 42. CĐ ngày 19-5-1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8529. 43. Ibid., HS 8541.

Tại Sài Gòn, sáng ngày 21-5, 600 tu sĩ làm lễ cầu siêu cho nạn nhân ở Huế, rồi diễn hành từ chùa Ấn Quang đến chùa Xá Lợi. Bốn ngày sau, Ủy Ban Liên Phái ra tuyên cáo ủng hộ 5 nguyện vọng của Phật giáo, và hứa đoàn kết tranh đấu cho bằng được các nguyện vọng trên.(44) Phần chính phủ vẫn im lặng khó hiểu. Mặc dù từ ngày 24-5 các chuyên

viên y khoa khẳng định rằng thương tích nạn nhân ở Huế đêm 8-5 không do mảnh lựu đạn gây nên Diệm vẫn chẳng tỏ một thái độ hòa giải nào.(45) Các lãnh đạo Phật giáo bèn quyết định mở rộng cuộc tranh đấu: Ngày 28-5, Tâm Châu thông báo với Tổng thống Diệm là sẽ tổ chức tuyệt thực trong vòng 48 giờ, kể từ 14 giờ ngày 30-5-1963.(46) Hôm sau, 29-5, báo chí mới đăng thông cáo của Diệm, khẳng định quyền tự do và bình đẳng tín ngưỡng được qui định trong điều 17 của Hiến Pháp; nhưng vẫn bảo vệ lệnh treo cờ, vì quốc kỳ phải có địa vị tối thượng, và khẳng định chính phủ "không hề có ý nghĩ phân biệt đối xử với bất cứ tôn giáo nào."(47) Thời gian này, báo chí Mỹ cũng ra sức ủng hộ Phật giáo. Gây chấn động nhất là bài trên tuần báo News- week số đề ngày 27-5-1963, vạch trần sự lộng hành của tập đoàn cai trị Ki-tô của Thục cùng các "quan" ở Huế.(48) Ngày 29-5, tại Mỹ, báo

44. Ibid. 45. CĐ 1136, 9/6/1963, Trueheart gửi BNG; FRUS, 1961-1963, III:368. 46. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541. 47. VNCH, Vấn đề Phật giáo: Lập trường của chính phủ VNCH: Văn kiện căn bản, Tập I (từ 6-5-1963 tới 21-8-1963), tr. 1; Ibid., HS 8511. Người chủ biên tập tài liệu này là Tôn Thất Thiện, Giám đốc Việt Tấn Xã. 48. Nguyên văn: The Buddhists (estimated at some ten million) have long been resentful of the mandarins of Hue and their ruling Catholic oligarchy; the Bud- dhists particularly resent a host of restrictions imposed on their religious freedom by President Diem. Most of Ngo Dinh Diem's high Government officials, chiefs of provinces and military officers are Catholics, and most young army officers are convinced that they must be at least nominal Catholics if they wish to rise above the rank of captain. Diem apparently believes (and with some reason) that Catholics are more loyal to him personally and also more genuinely dedicated in their anti-Com- munism. Catholicism, therefore, seems to have become a kind of status symbol, as well as a prerequisite for advancement . . . The Buddhists say that most Government supplies pass through Catholic hands and are distributed chiefly to Catholics. One American adviser has reported that Catholic battalion commanders in South Vietnam's army get better equipment and heavier weapons than the non-Catholics. In the countryside, there are a number of villages where Christian priests are in control and maintain their own private armies. In the northern coastal region around Hue, small units of these troops, known as the 'Bishop's Boys', are directly responsible to the Archbishop, and their primary mis- sion is to protect churches and priests. They are armed with United Sattes weapons

New York Times [New York Thời Báo] cũng khai thác ngay bản tin mà Ủy Ban Liên Phái gửi cho các cơ quan truyền thông và nhiệm sở ngoại giao, tường thuật rằng Phật tử rất bất mãn về cách đối xử của Diệm, và đang chuẩn bị đấu tranh tuyệt thực, đồng thời tổ chức cầu siêu trong vòng 4 tuần lễ. David Halberstam–một ký giả lập nên sự nghiệp nhờ chiến tranh Việt Nam và chủ trương nhà Ngô phải ra đi– thuật lại rằng trong buổi họp ngày 15-5, Diệm đã lên án các tăng sĩ là "bọn khùng" [damn fools] khi đòi hỏi bình đẳng tôn giáo, vì quyền này đã được Điều 17 của Hiến pháp (một bộ tiểu

thuyết luật pháp và nhân quyền) bảo đảm. Bộ Ngoại Giao Mỹ vội thông báo cho Trueheart về nội dung bài báo trên, đồng thời chỉ thị Trueheart phải đích thân gặp Diệm, thuyết phục Diệm thỏa mãn nguyện vọng của Phật giáo.(49) Hôm sau, Bộ Ngoại Giao đồng ý cho Trueheart gặp Khâm sứ Vatican, nhờ khuyên bảo Diệm về vấn đề Phật giáo.(50) Trueheart chưa kịp gặp Diệm, Phật giáo đã hành động. Hòa thượng Tịnh Khiết–đúng hơn nhóm lãnh đạo tranh đấu–chỉ thị cho các tăng sĩ tuyệt thực 48 tiếng đồng hồ kể từ 2 giờ chiều ngày 30/5. Ngày này, tại Sài Gòn, 350 tăng ni biểu tình trước Quốc Hội, rồi tuyệt thực.(51) Tại Huế, dù chùa Từ Đàm bị cô lập, các cấp lãnh đạo Phật giáo vẫn tuyệt thực. Khoảng 3.000 Phật tử bị vây hãm trong vòng rào kẽm gai. Tại Quảng Trị, Phật tử biểu tình trong trật tự. Ngày Thứ Bảy, 1/6, đúng ngày Tỉnh trưởng Đẳng, Phó Nội an Sỹ và Đại biểu Trung phần bị thay thế, nhiều đoàn Phật tử Huế tụ họp tại một số địa điểm trong thành phố, kể cả Dinh tỉnh trưởng và Tòa Đại biểu chính phủ tại miền Trung. Khoảng 10.000 người tụ họp trước chùa Từ Đàm. Sau đó giải tán do yêu cầu của các tăng sĩ. Đỗ Cao Trí điều Nhảy dù và M-113 từ Quảng Trị vào Huế đề phòng bất trắc.(52) Tại Đà Nẵng, Phật tử cũng tổ chức tuần hành không bạo động vào

and trained at least in part by United States advisers. Vast supplies of United States food relief (wheat, flour, rice, cooking oils) are distributed in South Vietnam through Catholic Relief Services to Catholic priests in the provinces. Some Viet-Namese are convinced that many of these supplies never reach the intended beneficiaries but find their way into the black market instead." A/5630:90. 49. NYT, 29-5-1963; FRUS, 1961-1963, III:335-336. 50. CĐ 1162, 30-5-1963, BNG gửi Sài Gòn; FRUS, 1961-1963, III:337n3. 51. Thư ngày 28-5-1963, Tâm Châu gửi TT; Báo cáo ngày 30-5-1963 của Q. Đô trưởng Vũ Tiến Huân; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. 52. FRUS, 1961-1963, IV:340-341.

ngày 1-6, do các tăng ni dẫn đầu. Tối hôm trước, 31-5, Đại tá Lâm Văn Phát, Tư lệnh Sư đoàn 2 BB–một giáo dân Ki-tô tân tòng, thường tự chứng tỏ là rất trung thành với chế độ–cho lệnh các đơn vị dưới quyền chuẩn bị chống biểu tình. Chiều 1-6, một xe vận tải hai tấn rưỡi (GMC) của quân đội chở đầy đạn bỗng dưng bị hư máy ở một ngã tư cách Tòa Thị chính một khu phố về phía Bắc. Cấp chỉ huy bèn phái một xe GMC khác tới tháo rỡ đạn, dưới sự bảo vệ an ninh của một đơn vị tác chiến. Quân Cảnh, Cảnh Sát và Công An cũng chặn đường từ phía Nam lên Tòa Thị chính. Kế hoạch của Phát không đủ ngăn cản Phật tử biểu tình trong trật tự. Các tăng ni dẫn đầu một đoàn phụ nữ và thiếu niên diễn hành qua đường phố, với khẩu hiệu đòi tự do tín ngưỡng và bình quyền tôn giáo. Tới trước cửa Tòa Thị chính, 7 nhà sư rời đám đông, biểu tình ngồi; trong khi Phật tử tiếp tục cuộc diễn hành, rồi giải tán. Giữa lúc Phật tử đang biểu tình, Phát vào gặp Thị trưởng Đà Nẵng là Hà Thúc Luyện, cho lệnh phải dời 7 nhà sư đang ngồi trước Tòa Thị chính, và giải tán cuộc diễn hành, cho dẫu "đích thân Thị trưởng phải ném lựu đạn vào đám đông." Luyện, dù là một cán bộ Cần Lao cao cấp thân tín của Cẩn, từ chối. Trong đêm 2-6, Phát điều thêm một số đơn vị khác vào thành phố. Một đại đội tăng cường cho Ty Công An Đà Nẵng (đối diện khách sạn). Phần quân nhân Phật tử bị cấm trại. Trong đêm, 7 nhà sư bị bắt đi mất tích. Qua hôm sau, 3-6, Luyện bị cất chức Thị

trưởng; gọi vào Sài Gòn trình diện. Trung tá Trần Ngọc Châu, Tỉnh trưởng Kiến Hòa, một Phật tử gốc miền Trung, ra thay.(53) Trong khi Đà Nẵng đang sôi động, ngày 2-6, Phật tử Quảng Trị lại biểu tình. Chính quyền đàn áp bằng lựu đạn cay. Giao thông với Huế bị cắt đứt.(54) Chiều hôm sau, 3-6, tại Huế, khoảng 500 thanh niên tụ họp trước Tòa Đại biểu Trung phần. Quân đội "dàn chào" bằng lưỡi lê và lựu đạn cay. Các nẻo đường dẫn đến chùa bị phong tỏa bằng kẽm gai. Phật tử biểu tình ngồi. Binh sĩ dùng lựu đạn cay giải tán. Trong khi đó, Trí Quang đã tuyệt thực nhiều ngày, sức khoẻ suy giảm. Đại tá Trí ra lệnh giới nghiêm. Khoảng 18 giờ 30, quân đội lại tấn công mạnh Phật tử biểu tình tại chợ Bến Ngự. Dùng cả chất hóa học (blister gas), khiến 67 nạn nhân bị nôn mửa, lưu lại vết bỏng trên da.(55)

53. Xem Trần Ngọc Châu, "Phúc trình về cuộc tranh chấp của Tỉnh hội Phật giáo tại Đà Nẵng" (19-9-1963); TTLTQG II (Sài Gòn), HS 8520. 54. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8520. 55. FRUS, 1961-1963, III:343-347; A/5630.

Được báo cáo, ngày 3-6 [sáng 4-6 Việt Nam] Bộ Ngoại Giao Mỹ hai lần chỉ thị Trueheart phải yêu cầu Diệm hòa giải với Phật giáo và báo cáo rõ hơn về khói hóa học sử dụng để đàn áp Phật tử.(56) Trueheart vội đến gặp Thuần vào khoảng 11 giờ 45 ngày 4-6. Khác với Nolt- ing, Trueheart trở lại thái độ công khai áp lực mà cựu Đại sứ Elbridge Durbrow đã áp dụng. Trueheart cảnh cáo rằng Mỹ có thể ngưng yểm trợ nếu còn đàn áp Phật giáo. Thuần tiết lộ Hội đồng chính phủ đã đề nghị thành lập một Ủy Ban Liên Bộ [UBLB] để cứu xét các đòi hỏi của Phật giáo như Trueheart yêu cầu từ ngày 1-6, và Diệm đã chấp thuận. Nhu cũng hứa sẽ tiếp xúc với lãnh tụ Phật giáo. Ngay chiều đó, Thuần còn mời Trueheart tới tư dinh, nói đã thành lập một ủy ban điều tra về hơi độc ở Huế, do Đại tá Nguyễn [Trần] Văn An, và Trung tá Y sĩ Liêm cầm đầu. Diệm cũng sẽ tuyên bố thành lập UBLB, gồm Phó Tổng Thống Thơ, Lương và, Thuần.(57) Nhưng khoảng 17 giờ, Bộ Tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam [MAC-V] lại xin ý kiến Trueheart về việc Bộ Tổng Tham Mưu yêu cầu MAC-V không vận 300 Cảnh sát từ Vũng Tàu ra Huế. Trueheart không chấp thuận.(58) II. TUYÊN CÁO CHUNG 16-6-1963 Do áp lực Mỹ, từ giữa tháng 5-1963, Diệm đã gặp lãnh tụ Phật giáo để thảo luận về 5 đòi hỏi ngày 10-5. Tuy nhiên, chế độ có vẻ chỉ muốn kéo dài thời gian để vô hiệu hóa dần cuộc tranh đấu. Họ Ngô không muốn nhìn nhận trách nhiệm vì cho đó là nhược điểm. Diệm

56. FRUS, 1961-1963, III:348-349. Tướng Đôn báo cáo rằng đây là loại lựu đạn cay Pháp sử dụng trong Thế chiến thứ nhất (1914-1918). 57. Ngày 26-2-1964, Thích Trí Quang yêu cầu Thủ tướng Nguyễn Khánh điều tra và trừng trị thủ phạm; đồng thời bồi thường xứng đáng cho các nạn nhân. Ngày 7-3-1964, đích thân Trí Quang gặp Thiếu tướng Tôn Thất Xứng, Tư lệnh QĐ I, Vùng I Chiến thuật, yêu cầu giải quyết. Ngày 17-3-1964, Thiếu tướng Xứng xác nhận một đơn vị quân đội đã nhận lệnh xua chó berger và ném lựu đạn cường toan vào đám đông Phật tử đang tiến đến chùa Từ Đàm. Ngày 5/3/1964, Nha CS Trung nguyên Trung phần đã xác nhận việc này. "Hiện còn khoảng 40 nạn nhân bị xuất huyết, mắt càng ngày càng mờ, cơn điên cuồng ngày càng tăng." [41 người bị thương trong các ngày 3, 4, 5, và 6-6-1963 điều trị tại Huế. 20 người xin về nhà. 47

người trong số trên là Phật tử. Danh sách do Nha CSBTNTP: 45 người. Phật tử trở lại điều trị ở Huế, 10 người]; (PThT, HS 29369) Ngày 21-3-1964, do sự can thiệp của Đại tá Nguyễn Chánh Thi, 12 nạn nhân được phi cơ quân sự đưa từ Huế vào Sài Gòn. 5 người điều trị tại Grall, 7 người khác ở Tổng Y viện Cộng Hòa. (Tờ trình số 330/BYT/VP/M, ngày 13-4-1964, Đại tá Vương Quang Trường gửi Phó Thủ tướng đặc trách Văn Hóa-Xã hội; (PThT, HS 29369). 58. FRUS, 1961-1963, III:349-352.

cũng không muốn thỏa mãn các nguyện vọng đưa ra ngày 10-5 vì sợ Phật giáo sẽ tiếp tục đòi hỏi nhiều hơn. Áp lực của Mỹ khuyên Diệm hòa hoãn thì được giải thích theo một ý nghĩa khác–thực ra, chế độ Diệm đang rơi vào một cuộc khủng hoảng niềm tin với Mỹ, và Nhu đang bí mật ve vãn Cộng Sản với sự tiếp tay của Pháp và India.(59) Trong khi đó, lãnh tụ Phật giáo khéo léo phối hợp giữa biểu tình và ngoại giao, nhất là việc sử dụng các cơ quan truyền thông quốc tế. Một số giáo chức Tây Germany [Đức] và ký giả ngoại quốc cũng tích cực tiếp tay.(60) Biến cố gây xúc động nhất là cuộc tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức ở Sài Gòn ngày 11-6-1963. Có thể nói lần đầu tiên mới có một cuộc đấu tranh chính trị tinh xảo đến thế. Bởi vậy, chính phủ Mỹ không ngừng áp lực Diệm phải giải quyết cuộc khủng hoảng. Ngày 16-6, Diệm và Tịnh Khiết ra một Thông cáo chung. Nhưng Diệm không thực tâm thi hành những điều đã ký kết. Thục và vợ chồng Nhu-Lệ Xuân cũng tìm mọi cách ngăn chặn việc thực thi tuyên cáo ngày 16-6. Phật giáo không lùi bước. A. THƯƠNG THUYẾT Chiều ngày 5-6-1963, Ủy Ban Liên Bộ [UBLB] cùng các Thượng Tọa Thiện Minh và Thiện Hoa ngồi vào bàn thương thuyết. Ngay sau buổi họp đầu, cả đôi bên đều thất vọng về sự thiếu thành khẩn của nhau. Dẫu vậy, Thuần cùng Thiện Minh, phụ tá của Trí Quang, bí mật đạt được thỏa thuận sơ khởi trên 5 đòi hỏi của Phật giáo, với điều kiện phải được Diệm phê chuẩn.(61) Hôm sau, 6-6, hai bên đồng ý chính phủ sẽ rút quân đội và an ninh khỏi vùng lân cận các chùa, Đỗ Cao Trí ngừng biểu dương võ lực. Ngược lại, Phật giáo ngừng tuyên truyền chống chính phủ. Thiện Minh lập tức lên đường ra Huế tường trình về những điều thỏa thuận với UBLB, mang theo một cư sĩ quen biết Thuần để bảo đảm rằng những phần tử "quá khích" [extremist elements] không phá hoại thương thuyết. Theo dự trù, Tịnh Khiết, đang tuyệt thực ngoài

59. Xem Chính Đạo, "Phiến Cộng trong Dinh Gia Long;" Đi Tới (Montréal, Canada), số 73 & 74, 9-10-2003, tr. 46-77; Idem., Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston, TX: Văn Hóa, 2004). Bản cập nhật đăng trên Hợp Lưu online. 60. Xem báo cáo của Nha Cảnh sát Bắc Trung nguyên Trung Phần về những hành động và âm mưu của người Mỹ có liên hệ đến cuộc đấu tranh của Phật giáo, 12,16-9-1963 [Thiếu tá Đào Quang Hiếu, 16-9-1963]; HS 8502. 61. FRUS, 1961-1963, III:356-358; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8509.

Huế, cũng sẽ vào Sài Gòn ký tuyên cáo chung.(62) Ngày 6-6 này, Diệm đọc một diễn văn truyền thanh ngắn, kêu gọi mọi người hãy bình tĩnh vì chính phủ cần thời gian để giải quyết cuộc khủng hoảng.(63) Nhưng tại Huế, tình hình thêm căng thẳng. Trong ngày

5-6, bạo động lại diễn ra khiến 4 Phật tử chết, hơn 100 bị thương và hơn 1.000 người bị bắt. Hai sinh viên bị mất tích. 3 y sĩ Germany [Đức] và 2 y sĩ Mỹ đang phục vụ tại Huế đã tích cực giúp đỡ Phật tử. Diệm bèn cho lệnh hai y sĩ Germany, Erich Wulff và Hans Holters- cheidt, phải lập tức rời cố đô. Sau đó, trục xuất họ khỏi Sài Gòn với lý do "không được ưa chuộng" [Persona Non Grata].(64) Chính quyền Huế còn ngưng tiếp tế cho những người biểu tình bị cô lập. Lãnh sự John J. Helble báo cáo rằng tình trạng thực phẩm và nước uống tại chùa Từ Đàm đã ở mức báo động đỏ. Phi cơ chính phủ thì rải truyền đơn đả kích Trí Quang và đòi bắt giữ cả Tịnh Khiết.(65) Tại Sài Gòn, thái độ họ Ngô cũng đột ngột cứng rắn. Vợ chồng Nhu-Lệ Xuân công khai trách mắng Thuần đã nhân nhượng quá nhiều. Ngày 7-6, Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới [PTPNLĐ] của Lệ Xuân ra "quyết nghị" lên án những cuộc biểu tình chống chính phủ là chống lại chính nghĩa quốc gia (anti-nationalist), bị "Cộng sản khai thác và lợi dụng, dẫn đến hỗn loạn và trung lập." Và yêu cầu chính phủ không thể tiếp tục im lặng trước những mưu toan chính trị, lập tức trục xuất những ngoại nhân chuyên phá hoại, dù mặc áo thày tu hay không, đặc biệt là những kẻ mưu toan biến Việt Nam thành chư hầu ngoại bang.(66) Quyết nghị này được trao cho báo chí ngày hôm sau, 8-6-1963.

62. FRUS, 1961-1963, III:359-360, 360-361. Sau này, mới xác nhận "phần tử quá khích" là nhóm "Phật giáo nhập thế," hay "tân tăng," mà người dưới phố gọi là "sư hổ mang"–và đa số đi tu để trốn lính. Họ gọi phái Lục Hòa Tăng là "thầy cúng." 63. FRUS, 1961-1963, III:360; Vấn đề Phật Giáo, I:1; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8511. 64. CĐ ngày 4-6-1963, Nguyễn Quang Trình gửi Viện trưởng Huế; Ibid., HS 8501. Giáo sư Wulff, một chứng nhân của cuộc thảm sát 8/5 tại Huế, đã viết hồi ký về biến cố trên, và bạn ông chụp được nhiều hình ảnh tại nhà xác Huế. Các tài liệu này được nạp cho Liên Hiệp Quốc, khiến LHQ quyết định mở cuộc điều tra. Trong dịp viếng thăm Bệnh viện Huế ngày 18-4-1964, Đại tá Nguyễn Chánh Thi đã yêu cầu di tản những bệnh nhân bị phỏng vì chất cường toan trong ngày 4-6-1963 tại Huế vào Sài Gòn điều trị. Xem tờ trình ngày 13-4-1964, Bộ trưởng Y tế gửi Phó Thủ tướng đặc trách Văn hóa-Xã hội; TTLTQG II, Phủ Thủ tướng, HS 29369. 65. FRUS, 1961-1963, III:367-368. 66. "Quyết nghị của Phong trào Phụ nữ Liên đới Việt Nam" (Sài Gòn, 7-6-1963), KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8515; FRUS, 1961-1963, III:362n2.

Ngày này, Trueheart gặp Thuần về quyết nghị của PTPNLĐ trên nhưng Thuần thú nhận mình không giải quyết được gì. Chiều đó, Truehart vào Dinh Gia Long, đích thân phản đối lời tuyên bố của vợ Nhu, và dọa sẽ công khai không ủng hộ chính sách Phật giáo của Diệm. Diệm nói không thể bác bỏ quyết nghị của PTPNLĐ, vì đây là một hội đoàn tư nhân, nhưng sẽ cho lệnh Bộ trưởng Nội vụ phải để những người biểu tình tại chùa Từ Đàm được tiếp tế lương thực và nước uống. Diệm cũng nói không biết gì về việc phi cơ chính phủ thả truyền đơn sỉ nhục lãnh tụ Phật giáo. Sau đó, Diệm khẳng định lập trường: Sẽ thương thuyết trong thế mạnh; Phật giáo vi phạm lời cam đoan tạm ngưng chiến dịch tuyên truyền, tiếp tục phát tài liệu cho báo chí ngoại quốc (như Thiện Minh đã tiết lộ về những điều khoản thỏa thuận); Phật giáo thiếu thành tín (bad faith).

Lần đầu tiên, Diệm thú nhận với Trueheart rằng chính quyền địa phương bất lực trong việc đối xử với Phật giáo; vì mãi đến ngày 24/5– tức hơn hai tuần lễ sau cuộc thảm sát ở Huế–chuyên viên y khoa mới báo cáo là thương tích không do mảnh lựu đạn gây nên. Nhưng Diệm nhấn mạnh sẽ sử dụng mọi biện pháp cần thiết để duy trì trật tự nếu hỗn loạn tiếp tục.(67) Hôm sau, 9-6, báo Times of Vietnam [Việt Nam Thời Báo] đăng nghị quyết ngày 7-6 của PTPNLĐ. Báo này nhấn mạnh vai trò các tăng sĩ Nam tông (Therevada) trong những cuộc rối loạn hiện nay. Hàm ý là phe Nam tông có liên hệ với chính sách trung lập hoá miền Nam của Charles de Gaulle và Norodom Sihanouk. Các báo Việt ngữ không đăng. Diệm cũng cho lệnh đài phát thanh không nhắc đến lời Lệ Xuân đả kích Phật giáo. Tuy nhiên, lệnh này ban hành sau khi đài Sài Gòn đã phát thanh vài ba lần. Tại Huế, số Phật tử bị phong tỏa đã 3 ngày không có nước uống, thực phẩm và thuốc men. Một số tư nhân mang tặng thực phẩm, nước uống. Chính phủ cho chụp hình, loan báo đó là do chính phủ cung cấp. Trong khi đó, điện thoại với Sài Gòn bỗng dưng bị "hư." Lãnh sự Huế Helble không thể liên lạc được với Trueheart. Thuần cũng lâm vào cảnh tương tự. Phi cơ chính phủ tiếp tục rải truyền đơn, tố cáo Trí Quang là Cộng Sản. Đây là bước chuẩn bị cho việc bắt giữ các lãnh tụ tranh đấu–vì chỉ cần "liên hệ với phiến Cộng" đã là trọng tội, có thể bị kết án từ khổ sai tới tử

67. The Pentagon Papers (Gravel), II:208; FRUS, 1961-1963, III:366-369.

hình. Không ít người đã bị tra tấn đến chết hay thủ tiêu.(68) Tại Oat-shinh-tân, trưa ngày 8-6 [đêm 8 rạng 9-6 tại Việt Nam], Ngoại trưởng Rusk chỉ thị Trueheart yêu cầu Diệm bác bỏ nghị quyết của PTPNLĐ, rút lại Sắc luật số 10, và cần xác định chính phủ duyệt trước hay chăng lời tuyên bố của Lệ Xuân. Lời tuyên bố của Lệ Xuân, Rusk nhấn mạnh, làm suy giảm vị thế của VNCH, và làm tổn hại uy tín của Mỹ, có thể gây khó khăn cho việc tiếp tục yểm trợ VNCH tại Quốc Hội cũng như dư luận Mỹ.(69) Gặp Thuần ngày 9-6, Trueheart cho biết chỉ thị của BNG Mỹ. Rồi đả kích việc chính phủ đang chuẩn bị phản biểu tình vào ngày 10 hay 11-6. Kế hoạch phản biểu tình của Paul Hiếu này gồm có những thủ thuật sử dụng "sư giả" từ các tỉnh, Thanh Niên Cộng Hòa và bọn tệ đoan xã hội ở Chợ Lớn giả làm sư. Trueheart cảnh cáo rằng nếu quả thực như vậy, cần phải ngừng ngay. Trueheart cũng nêu lên vấn đề giáo dân Đà Nẵng đang chuẩn bị ra nghị quyết cách chức Thiếu tá Thiệt, Tỉnh trưởng Quảng Nam, nhân dịp làm lễ cầu hồn cho Giáo hoàng John XXIII (1958-1963) vào ngày 10-6. Nếu đúng sự thực, cần chấm dứt ngay. Trueheart còn nêu lên vấn đề 4 ký giả (Michaud của AFP, Sheehan của UPI, Browne của AP và Parry của báo NY Times) đã bị bắt giữ 1 giờ đồng hồ tại Quận 3. Hành động này, Trueheart bảo thẳng Thuần, là "khùng" và bất lợi.(70)

68. Năm 1956-1957, Hồ Vinh, một giáo sư Pháp văn trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng từng bị tra tấn đến chết trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Nguyễn Đăng Ngọc, hiệu trưởng, một cán bộ Cần Lao, đích thân đến các lớp đọc bức công điện mật, loan tin "tên Cộng Sản Vinh" đã "tự tử" trong ngục. Xem thêm lời khai của Phan Quang Đông, và bản án Ngô Đình Cẩn ngày 22/4/1964 về những cuộc thủ tiêu những người bị vu cáo là Cộng Sản hay gián điệp Pháp, như Nguyễn Văn Yến, v.v... 69. CĐ 1194, 8-6-1963 & 1196,

8-6-1963, BNG gửi Đại sứ Việt Nam; FRUS, 1961-1963, III:363-364, 364-366. Trong số các đề nghị, BNG yêu cầu VNCH "ít nữa cũng tạm thời ít nhắc đến thuyết Nhân Vị trước công chúng và tuyên truyền của chính phủ vì đám đông đồng hóa Nhân Vị với Ki-tô giáo; bổ nhiệm các tuyên úy Phật giáo; thành lập một Hội Đồng Tôn Giáo Quốc Gia, vài tăng hay lãnh tụ Phật tử ứng cử trong cuộc tranh cử vào Quốc Hội tháng 8-1963, và cho họ đắc cử [at least temporar- ily playdown Personalism in public pronouncements and GVN propaganda because of popular identification Personalism with Catholicism; appoint Buddhist chaplains; create National Religious Council, permit several monks or lay Buddhist leaders run for and win seats in August National Assembly elections [NVN: two monk representatives]; Ibid., III:364-365. Trong báo cáo về Oat-shinh-tân, Trueheart nói không có ý định gặp Diệm, vì Thuần đã đạt được một số tiến bộ. BNG Mỹ đồng ý. 70. FRUS, 1961-1963, III:369-371. Giao tình giữa chính phủ Diệm và báo chí Tây phương đầy sóng gió từ năm 1957, sau khi Diệm được tâng bốc như "Winston Churchill của Đông Nam Á."

Mãi tới 9 giờ sáng ngày Thứ Hai, 10-6, Thuần mới gặp Trueheart để phúc đáp. Thuần nói đã trình bày với Diệm và Nhu về những đề nghị của Mỹ. Về Sắc luật số 10, Diệm không có quyền rút lại. Quyết nghị của PTPNLĐ không phải là "tuyên bố của bà Nhu," mà là của "một tổ chức đại chúng" (cả Thuần lẫn Trueheart đều mỉm cười). Diệm đã điện thoại cho Paul Hiếu trước mặt Thuần về vấn đề tổ chức phản biểu tình. Hiếu chối không có kế hoạch đó. Cũng không có kế hoạch đòi cách chức Tỉnh trưởng Quảng Nam. Đang dàn xếp cho những người trong chùa Từ Đàm ở Huế ra về không gặp trở ngại, ngoại trừ các công chức. Chính phủ không đứng ra tổ chức lễ cầu hồn cho John XXIII. Diệm vẫn muốn thương thuyết, nhưng cần cô lập những thành phần quá khích. UBLB của PTT Thơ sẽ họp lúc 10 giờ để nghiên cứu lá thư mới nhất của UB Tranh đấu Phật giáo.(71) B. NGỌN LỬA CÚNG DƯỜNG ĐẠO PHÁP Biến cố khiến cuộc tranh đấu của Phật giáo được dư luận thế giới chú ý nhất là cuộc tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức tại ngã tư Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt Sài Gòn (trước Tòa Đại sứ Kampuchea). Quảng Đức, tục danh Lâm Văn Tức (1897-1963), đang tu tại chùa Quán Thế Âm trên đường Nguyễn Huệ, Gia Định. Lúc 9giờ 30 sáng ngày 11-6–giữa lúc Diệm và hầu hết nhân viên cao cấp trong chính phủ đang tham dự buổi quốc lễ cầu hồn cho Giáo Hoàng John XXIII– chiếc xe Austin của một Phật tử, dưới sự dẫn đường của một đoàn 400-500 tăng sĩ, đưa Quảng Đức tới chỗ hóa thân. Địa điểm này được các tăng ni làm hàng rào cản không cho Cảnh sát can thiệp. Số khán giả tò mò lên tới khoảng 500 người, ngày càng đông. Một số ký giả như Sheehan của hãng UPI cũng được báo trước. Từ xe bước xuống giữa ngã tư, Quảng Đức ngồi xuống theo thế thiền định, nhờ một Đại đức đổ xăng lên thân thể mình, rồi tự tay châm lửa bằng diêm (quẹt). Malcolm Browne, nhân viên hãng AP, thu được tấm hình này–bức hình rồi sẽ gây chấn động dư luận thế giới.(72) Trưa đó, khoảng 400 tăng sĩ đưa thi hài Quảng Đức tới chùa Xá Lợi. 2.000 Phật tử cũng lũ lượt kéo nhau tới chùa. Khoảng 1.000 Cảnh sát tới "bảo vệ an ninh,"

71. FRUS, 1961-1963, III:371-373. Về lễ cầu hồn cho John XIII, Paul Hiếu không nói đúng sự thực. Xem văn thư về lễ trên trong KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8428. 72. FRUS, 1961-1963, III:374. Hiện nay, tại góc đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu (trụ sở Ủy Ban Nhân Dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, tức Tòa Đại sứ Cao Miên cũ), còn một miếu nhỏ thờ Thượng tọa Quảng Đức)

nhưng các tăng ni được di chuyển tự do trong khu vực này.(73) Khoảng 12 giờ 30, quân đội được lệnh cấm quân. Bảy tiểu đoàn Dù nhận lệnh ứng chiến. Đại tá Lê Quang Tung tăng cường 2 Đại đội Lực Lượng Đặc Biệt [LLĐB] cho Sài Gòn, trí quân trong phi trường Tân Sơn Nhất. Nhân viên Mỹ được nghỉ sớm, và khuyến cáo không nên đến gần các đám biểu tình.(74) Phần Trueheart tới gặp Thuần tại tư dinh, bảo thẳng Thuần rằng Diệm phải có thái độ ngay chiều đó, bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không liên hệ đến chính sách tôn giáo của Diệm. Khi Thuần hỏi có thể dẫn lời Trueheart cho Diệm và Nhu nghe được không, Trueheart đồng ý. Trueheart cũng lưu ý Thuần về kháng thư của PTPNLĐ đăng trên Times of Vietnam sáng đó để phản đối hãng UPI khi gửi đi bản tin của Sheehan; và cảnh cáo rằng nếu đây là bước đầu để trục xuất Sheehan thì là một điều "ngu xuẩn" (stupid).(75) Phó Tổng thống Thơ và Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu cũng vào yêu cầu Diệm phải có hành động tức khắc, đồng thời chỉ thị UBLB xúc tiến nhanh việc thương thuyết với Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo Tranh Đấu.(76) Ngay tối 11-6 đó, Diệm đọc diễn văn, cam kết là "phía sau Phật Giáo trong nước còn có Hiến Pháp, tức là có tôi."(77) Diệm hy vọng diễn văn truyền thanh của mình sẽ trấn an dư luận cho tới hôm sau, khi UBLB gặp mặt Ủy Ban Liên Phái. Tại Oat-shinh-tân, gần nửa đêm 11-6 [gần trưa 12-6 tại Việt Nam], Rusk chỉ thị cho Trueheart: "Nếu Diệm không có những bước cấp tốc và hiệu lực để giải quyết cuộc khủng hoảng để gây lại niềm tin của Phật tử, chúng ta sẽ phải tái duyệt xét việc ủng hộ chế độ Diệm."(78) Tối ngày 12-6, Trueheart mới gặp được Diệm. Không những thông báo cho Diệm biết cuộc tự thiêu của Quảng Đức đang gây sôi nổi dư luận thế giới, Trueheart còn trao cho Diệm một văn bản cảnh giác–

73. FRUS, 1961-1963, III:375-376. 74. FRUS, 1961-1963, III:376-378. 75. FRUS, 1961-1963, III:376-378. 76. Mẫu, 2003:277. 77. "Thông điệp của Tổng thống gởi đồng bào thủ đô ngày 11-6-1963;" KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8506, 8501; NYT, 12-6-1963. Sau này, có lẽ do áp lực Mỹ, bản dịch tiếng Anh được viết nhẹ hơn: "Buddhism in Vietnam finds its fundamendal safeguard in the Constitution of which I personally am the guardian." 78. Nguyên văn: "If Diem does not take prompt and effective steps to reestablish Buddhist confidence in him we will have to reexamine our entire relationship with his regime;" CĐ 1207, 11-6-1963, BNG gửi Đại sứ Việt Nam; FRUS, 1961-1963, III:383.

theo đúng chỉ thị của Rusk–là Mỹ có thể sẽ công khai tuyên bố không ủng hộ chính sách Phật giáo của Diệm. Trước khi kiếu từ, Trueheart nêu lên 3 điểm: 1. Báo cáo ngày 11-6 cho biết chính quyền Huế và Đà Nẵng tiếp tục bắt giữ người biểu tình. 2. Chính

phủ không thể truy tố những người "giúp" Thượng tọa Quảng Đức tự thiêu. (Diệm nói có người giúp Quảng Đức đổ xăng lên mình, và châm lửa. Trueheart nhấn mạnh rằng hai nhân chứng đích mắt thấy Quảng Đức tự mình tưới xăng và châm lửa). 3. Có tin chính phủ đang cấm các tăng ni từ các tỉnh vào Sài Gòn. (Cả Diệm lẫn Thuần trả lời là vì lý do an ninh. Diệm thêm rằng Quốc Hội đang thành lập tiểu ban nghiên cứu việc sửa đổi Dụ số 10).(79) C. THÔNG CÁO CHUNG Từ sáng 12-6, Hòa thượng Tịnh Khiết cùng Trí Quang và Thiện Minh rời Huế vào Sài Gòn để thương thuyết với UBLB. Ba lãnh tụ Phật giáo tới phi trường Tân Sơn Nhất lúc 13 giờ 15, và tạm trú tại chùa Xá Lợi.(80) Phó TT Thơ viết thư yêu cầu hai bên họp ngay lúc 18 giờ hôm đó để giải quyết mau chóng các đòi hỏi của Phật giáo. Phe Phật giáo muốn trì hoãn ít ngày để bàn bạc với các đại diện miền Nam, nên nêu lý do Tịnh Khiết còn yếu sau 5 ngày tuyệt thực, cần tĩnh dưỡng ít lâu. Thơ lại đề nghị gặp nhau hôm sau, giờ và địa điểm do Phật giáo chọn. Cuối cùng, Phật giáo đề nghị họp ngày 14-6, với điều kiện chính phủ phải nhân nhượng toàn bộ 5 đòi hỏi ngày 10-5-1963.(81) Ngày 14-6, phái đoàn Phật giáo do Thiện Minh làm Trưởng đoàn– gồm Thiện Hoa, Tâm Châu, Huyền Quang (Thư ký), và Đại đức Đức Nghiệp (Phó Thư ký)–bắt đầu họp với UBLB. Do áp lực của True- heart, ngay sáng hôm đó, chính phủ nhượng bộ đòi hỏi thứ nhất: đồng ý cho Phật tử treo cờ Phật giáo. Trong phiên họp chiều, đồng ý sửa lại Sắc luật số 10 của Bảo Đại. Để chứng tỏ thiện chí, Tịnh Khiết kêu gọi

79. FRUS, 1961-1963, III:385-387. Theo tài liệu Bạch Cung ngày 14-6-1963, Kennedy không biết gì về đe dọa giải kết [disassociation] này, và nhấn mạnh rằng đây là lần chót; từ nay bất cứ lời đe dọa chính thức nào cần được sự phê chuẩn của Kennedy. Ibid., III:386-387. 80. Tâm Châu 1994:19; FRUS, 1961-1963, III:384. 81. FRUS, 1961-1963, III:387-389. Theo Thuần, Phật giáo đã sửa đổi đôi chút các đòi hỏi, nhưng Trueheart nhấn mạnh nên bỏ các tiểu tiết để đạt ngay thỏa ước.

Phật tử tạm ngưng biểu tình.(82) Hôm sau, khoảng 18 giờ 30, thương thuyết hoàn tất. Ngày Chủ Nhật, 16-6, hai bên ra thông cáo chung với những điều khoản sau: Tạm ngưng áp dụng Dụ số 10; cứu xét lại những khiếu nại của Phật giáo; xác nhận tự do tôn giáo; sẽ "trợ cấp" (không phải "bồi thường") cho gia đình nạn nhân ở Huế. Tịnh Khiết và Diệm cùng ký vào bản Tuyên cáo trong Dinh Gia Long–nhưng Diệm không ký ngang chỗ "Khán" của Tịnh Khiết mà ghi vào góc trên của bản Thông cáo chung như sau: "Những điều được ghi trong thông cáo này đã được tôi chấp nhận nguyên tắc ngay từ đầu; Ngô Đình Diệm."(83) Ngày 13-6, Phật tử khắp nơi treo cờ Phật giáo, chống lại lệnh cấm của Diệm. Buổi lễ cầu siêu cho Quảng Đức ngày 16-6 tại chùa Xá Lợi qui tụ hàng chục vạn người. Hơn 500.000 thanh niên, hoc sinh và Phật tử xuống đường biểu tình. Xô xát Cảnh sát kéo dài 45 phút trước chùa Xá Lợi.(84) Buổi tối, thiết giáp phải đến tăng cường cho Cảnh sát. Một thiếu niên 15 tuổi bị tử thương vì trúng đạn ở đầu, 3 tăng và 2 Phật tử bị thương. Hàng ngàn người bị bắt giữ.(85) Ba ngày sau, 19/6, nhờ Cảnh Sát, Công An nỗ lực ngăn chặn Phật tử tham dự, lễ hỏa táng Quảng Đức bớt hỗn loạn hơn. III. GIAI ĐOẠN "HƯU CHIẾN," 19-6 đến 20-8-1963 Thông cáo chung ngày 16-6-1963 là cơ

hội tốt nhất cho chính phủ Diệm giải quyết cuộc khủng hoảng Phật giáo. Nhưng vì những nguyên do thầm kín, họ Ngô quyết định không tôn trọng những điều đã cam kết. Phật giáo chẳng phải không đề phòng. Lãnh đạo Phật giáo chỉ tạm thời "ngưng chiến" trong vòng 2 tuần lễ, chờ đợi thành tâm của chính phủ. A. NỖ LỰC PHÁ HOẠI THÔNG CÁO CHUNG 16-6-1963 Có dấu hiệu cho thấy vợ chồng Nhu-Lệ Xuân muốn phá hoại việc thực hiện thông cáo chung với Phật giáo. Một mặt, Nhu vận động các hội Phật giáo độc lập chống lại cuộc tranh đấu. Ngày 20-6, Phật giáo

82. FRUS, 1961-1963, III:391. 83. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8509. [Xem Phụ Bản] Xem thêm Tâm Châu, 1994:41-4; The Pentagon Papers (Gravel), II:226-7; FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 177, 178, 179. 84. NYT, 16/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:396-397. 85. NYT, 17/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:396-397. Theo bản tin AP ngày 17/6, đây là cuộc biểu tình chống chính phủ bạo động nhất từ nhiều năm qua; Ibid., III:397n3.

cổ Sơn Môn –mới thành lập tại chùa Giác Lâm, Chợ Lớn; do Huệ Tâm, Hòa thượng trụ trì chùa Trung Nghĩa, Sa Đéc, thủ lĩnh Lục Hòa Tăng làm Tăng thống–tuyên bố ủng hộ chính sách tôn giáo của chính phủ, và đứng ngoài chính trị.(86) Nhu còn cho lệnh cắt bỏ đoạn phim thời sự về cuộc thương thuyết giữa chính phủ và Phật giáo. Mặt khác, Nhu sai các tỉnh tổ chức mít-tinh lên án phong trào tranh đấu của Phật giáo và phong tỏa các chùa chiền. Đoàn viên Thanh niên Cộng Hòa [TNCH] mặc đồng phục xanh dương đậm đi lấy chữ ký để ra thỉnh nguyện thư phản đối bản thông cáo chung 16-6-1963, và chuẩn bị biểu tình đòi xét lại thông cáo chung này. Bản thông cáo số 3 của TNCH đệ trình lên "Tổng thủ lãnh" Nhu đề ngày 25-6-1963 gồm nhiều lời đả kích Phật giáo nặng nề như "dị đoan cuồng tín," "phản loạn, tay sai của kẻ thù chung," v.v... Đồng thời, lên án Tuyên cáo chung 16-6-1963 là "không phù hợp với lý tưởng của TNCH, co đặt những đặc quyền và độc quyền cho một nhóm, có những chủ trương trái với luật lệ hành chánh."(87) Trước sự phản kháng của Phật giáo, ngày 1-7-1963, TNCH lại ra Tuyên cáo số 4, ám chỉ lãnh tụ Phật giáo tranh đấu liên hệ với bọn phản loạn và phản quốc, trong khi đích thân Tổng thủ lãnh "cảnh giác để không cho phép bọn đầu cơ chính trị và Cộng sản lợi dụng thông cáo chung [16-6] đó hầu làm sai lệch nó ra ngoài phạm vi tôn giáo."(88) Lệ Xuân thì cho PTPNLĐ họp tại trụ sở trung ương ngày 16/6, dùng loa phóng thanh công bố Quyết nghị ngày 7/6. Rồi ra một Bạch thư [Sách trắng], do vợ chồng Gene và Ann Gregory, chủ nhiệm báo Times of Vietnam soạn thảo, đăng trên chính tờ Times of Vietnam số ra ngày 17/6, miệt thị cuộc tranh đấu của Phật giáo, tố cáo cuộc tranh đấu không vì lý do tôn giáo mà chỉ vì lý do chính trị.(89) Rồi đến kế hoạch ăn mừng lớn suốt ba ngày, từ 25 tới 27 tháng 6/1963, để kỷ niệm 25 năm Thục được phong chức Giám mục (Lễ Ngân Khánh = Tea Deum).(90) Có lẽ anh em họ Ngô muốn sử dụng ngày lễ này để vận động sự

86. Lãnh đạo hệ phái này cho rằng họ là hệ phái lâu đời nhất tại Việt Nam, với hai triệu Phật tử. Mãi tới năm 1964, Cổ Sơn Môn mới gia nhập Giáo hội Phật giáo Thống nhất. 87. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501; Mẫu, 2003:302-304. 88. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501; Mẫu, 2003:307-313. Theo Nhu, TNCH lên tới 1.5 triệu đoàn viên; Ibid., tr.300, 304, 310.

89. FRUS, 1961-1963, III:401. Gene Gregory từng quen biết Diệm từ thập niên 1950. 90. FRUS, 1961-1963, III, tr. 409-410.

ủng hộ của khối giáo dân Ki-tô chống lại Phật giáo. Bởi thế, ngày 16- 6, Tổng Giám Mục Paul [Nguyễn Văn] Bình chỉ thị các họ đạo phải giữ tôn giáo biệt lập với chính quyền. "Một giáo dân Ki-tô tốt, và đạo hạnh, là công dân thượng hạng, ràng buộc với tổ quốc, trung thành với chế độ cầm quyền, bất kể sự chính thống của chính quyền ấy." Đó là lời giải thích của Pie XI, trong Sắc Dụ ngày 31-12-1929."(91) Hệ thống tuyên truyền của chế độ cũng tìm đủ cách hạ giá trị các lãnh tụ và mục tiêu tranh đấu của Phật tử. Cán bộ chính phủ loan tin Cộng sản đã nhúng tay vào máu khi ném lựu đạn vào đám đông đêm 8/5/1963. Khi những cuộc giải phẫu tử thi không tìm thấy mảnh lựu đạn, câu chuyện biến thành mìn từ lực Cộng sản. Ít năm sau, lại mọc ra chi tiết một Đại úy Mỹ đã chết từng tự nhận đặt chất nổ. Thượng tọa Trí Quang, linh hồn của cuộc tranh đấu miền Trung, bị cáo buộc là cán bộ Cộng sản cao cấp, từng bị Pháp bắt giữ, âm mưu lật đổ chính quyền từ năm 1960. Hòa thượng Tịnh Khiết, theo những lời tuyên truyền này, không biết quốc ngữ, chỉ ký vào những gì các sư trẻ, quá khích bắt buộc phải ký. Cuộc tự thiêu của Quảng Đức không tự nguyện, mà là một hình tội sát nhân. Quảng Đức, theo lập luận này, đã bị chích thuốc trước khi "sát nhân" đổ dầu và châm lửa đốt cháy. Diệm và Nhu còn đe sẽ truy tố những người đã trợ giúp thượng tọa hóa thân ra tòa. Lệ Xuân thì khẳng định rằng cuộc tự thiêu của Quảng Đức chỉ là một màn "nướng thịt sư" [barbecue of a bonze] với xăng nhập cảng. Bác sĩ riêng của Diệm mật báo với Nolting rằng Quảng Đức bị một số sư trẻ thuyết phục nên tự thiêu; vì ít năm trước, Quảng Đức từng hứa với một người bạn là sẽ "đồng tử," và nay người bạn đó đã chết, Quảng Đức cần giữ lời thề. Nói cách khác, Quảng Đức không thích chính trị, và không tự thiêu để chống chính phủ.(92) Trong khi đó, tại vài địa phương, viên chức thông tin loan tin chống Phật giáo, chùa chiền bị phong tỏa, sinh viên, học sinh và thanh niên Phật tử liên tục bị gây khó khăn, và bắt giữ. Điều khiến các lãnh tụ tranh đấu bất mãn nhất là tổ chức Cổ Sơn Môn công khai tố cáo phe tranh đấu có ý đồ

91. Nguyên văn bản dịch tiếng Pháp: "Un bon catholique, en vertu même de la doctrine catholique, est le meilleur des citoyens, attaché à sa patrie, loyalement soumis à l'autorité civile établie, sous n'importe quelle légitime de gouvernement." Ainsi s'explique Pie XI dans l'encyclique illius Magistri du 31 décembre 1929." 92. Nolting, From Trust to Tragedy: The Political Memoirs of Frederick Nolt- ing [Từ tin cậy tới thảm kịch: Hồi ký chính trị của Frederick Nolting] (New York: Preager, 1988), tr. 115-116. Lập luận của Nolting giống hệt tuyên cáo của chính phủ Diệm ngày 21-8-1963–"lợi dụng tín ngưỡng cho mục đích chính trị."

làm chính trị. Ngày 26-6, Tịnh Khiết phải nói với Diệm rằng "tình thế không những không thay đổi mà còn trầm trọng hơn."(93) Ngày 1-7, Hoàng Văn Giàu, Trưởng đoàn Thanh niên Phật tử, gay gắt lên án thái độ của chính phủ và kêu gọi Phật tử quyết tâm

tranh đấu.(94) B. NỖ LỰC HÒA GIẢI CỦA MỸ Kennedy và các cố vấn cực kỳ bối rối. Trong một phiên họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia [ANQG], Kennedy đặt câu hỏi phải chăng Quảng Đức đã bị "thuốc" [drugged], nhưng các cố vấn khẳng định đức tin đã quá đủ cho những hy sinh tương tự. Dù là một giáo dân Ki-tô, ủng hộ Diệm từ thập niên 1950, Kennedy chỉ thị toà Đại sứ Sài Gòn phải áp lực bắt Diệm đáp ứng ngay đòi hỏi của Phật giáo. Ngày 14-6 [11 giờ sáng 15-6-1963 VN], Rusk chỉ thị Trueheart cứu xét việc đưa Phó Tổng thống Thơ lên thay Diệm trong trường hợp bất trắc, và Trueheart phải tiếp xúc Thơ cùng những người không ủng hộ Diệm.(95) Nhưng hai ngày sau, Trueheart trả lời là không tiện bàn với Thơ, vì tình hình đã sáng sủa hơn–Phật giáo và UBLB đạt được thông cáo chung. Trueheart chỉ hứa sẽ thuyết phục Diệm hòa hoãn với Phật giáo, và nếu Diệm không chịu thực thi thông cáo chung, sẽ xúc tiến tìm "một giải pháp khác Diệm."(96) Ngày 18-6, Trueheart bảo Thơ rằng chỉ nên coi những thỏa thuận như bước khởi đầu mà chưa phải hồi kết của cuộc khủng hoảng. Diệm cần thực hiện những điều đã thỏa thuận. Sáng đó, khi gặp Thuần, Trueheart cũng nói tương tự, với lời lẽ cứng rắn hơn. Trueheart đặc biệt nhắc Thuần về luận điệu của tờ Times of Vietnam ngày 17-6 về tuyên cáo chung, và hành vi khiêu khích của PTPNLĐ.(97) Tối 19-6 [8 giờ 28 ngày 20-6-1963 tại VN], Roger Hilsman chỉ thị cho Trueheart nên lưu ý các viên chức Việt là đừng nên đồng hoá một cá nhân với chế độ. Thí dụ như lời tuyên bố "Phật giáo có thể tin cậy nơi

93. Thư ngày 26-6-1963, Tịnh Khiết gửi TT; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541. 94. Ibid., HS 8541. 95. CĐ 1219, 14-6-1963, BNG gửi Đại sứ SG; FRUS, 1961-1963, III:394-395. Charles Ben Wood, người phụ trách Phòng Đông Dương, soạn thảo Kế hoạch này từ tháng 5-1963, chuyển về Oat-shinh-tân ngày 23-5-1963, và được Bạch Cung chấp thuận ngày 6-6-1963; FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 133. Ngày 16/6, Sài-gòn mới nhận được lệnh trên. 96. Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 296, 298. 97. FRUS, 1961-1963, III:400-401.

Hiến pháp, nghĩa là tôi" của Diệm tạo nên những cảm tưởng xấu ở Mỹ. Viên chức Việt cũng cần tiếp xúc thường xuyên với các lãnh tụ Phật giáo và đối xử đồng đẳng với họ. Đặc biệt, thỏa ước 16-6-1963 phải được tôn trọng và nhanh chóng thực hiện để giảm thiểu sự nghi ngờ của Phật tử.(98) Dư luận thế giới cũng đã chú ý hơn đến cuộc tranh đấu của Phật giáo. Ngày 14-6, Norodom Sihanouk viết thư cho Kennedy, phản đối việc đàn áp Phật giáo tại miền Nam VN. Sihanouk cũng gửi cho TTK/ LHQ U Thant, Thủ tướng Bri-tên McMillan, TT Pháp de Gaulle và TT India, Radhakrishnan, thông điệp tương tự. Sihanouk còn trao cho Đại diện VNCH tại Phnom Penh một công hàm về vụ tàn sát Phật tử ở Huế.(99) Hôm sau, 15-6, lần đầu tiên tin Phật giáo Việt Nam được lên trang nhất báo The New York Times [Nữu Ước Thời Báo], tờ báo uy tín của giới trung lưu Mỹ. Max Frankel, tác giả, cho rằng nhân viên ngoại giao Mỹ đã nói thẳng với Diệm bằng giọng điệu gay gắt rằng Việt Nam phải thỏa mãn các đòi hỏi của Phật giáo, bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không yểm trợ chính sách Phật giáo của Diệm.(100) Thông báo cho Trueheart tin này, BNG chỉ thị Trueheart nói với Diệm rằng chính phủ Mỹ vẫn yểm trợ Diệm; tạm thời không đề cập đến bài báo trên NYT. Hầu hết báo lớn và các lãnh tụ

Mỹ đều chỉ trích chế độ Diệm. Ngày 18-6, Thủ tướng Ceylon là Bandaranaike cũng gửi thư cho Kennedy, yêu cầu hòa giải để Phật tử, vốn chiếm đa số tại Việt Nam, được quyền tự do tín ngưỡng. Mười ngày sau, 28-6, đại biểu Cambodia, Ceylon và Nepal tại LHQ gặp đại biểu Mỹ để bày tỏ quan tâm về tình hình Phật giáo Việt Nam.(101) Đáng lưu ý là trong hai tháng đầu đấu tranh của Phật giáo–mặc dù chính phủ Ngô Đình Diệm không ngớt vu cáo cuộc tranh đấu do Cộng sản xúi dục"–cả Hà Nội lẫn MT/GPMN đều chưa bày tỏ một thái độ rõ ràng nào ngoài những phản kháng chung chung của Võ Nguyên Giáp hay Hà Văn Lâu gửi Ủy ban Quốc tế Kiểm soát Đình chiến, hay Tuyên cáo của MTGPMN về việc vi phạm Hiệp định "Giơ neo vơ."(102)

98. FRUS, 1961-1963, III:402-404. 99. FRUS, 1961-1963, III:392. 100. Max Frankel, "US Warns South Viet-Nam on Demands of Buddhists" [Mỹ cảnh giác Nam Việt-Nam về những đòi hỏi của Phật tử]; NYT, 15-6-1963. Tài liệu BNG ghi là ngày 14-6-1963; FRUS, 1961-1963, III:393. 101. FRUS, 1961-1963, III:392. 102. Báo cáo của Đại tá Nguyễn Văn An ngày 22-5-1963 & 15-6-1963; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8508.

Mãi tới ngày 15-7 mới có tin tình báo là MTDTGPMN kêu gọi binh sĩ và cảnh sát ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật giáo.(103) Cũng từ ngày này, có dấu hiệu cán bộ nằm vùng CS xâm nhập vào các cuộc tranh đấu, lôi kéo thanh thiếu niên nam nữ.(104) Các cơ quan tuyên truyền của Đảng Lao Động Việt Nam mở nhiều chiến dịch khai thác cuộc tranh đấu: - Mít tinh, tuyên cáo đả kích Mỹ-Diệm và ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật giáo trước dư luận quốc nội cũng như quốc tế. - Xâm nhập cán bộ vào các đô thị và phong trào tranh đấu - Gia tăng hoạt động quân sự, đánh phá các đồn bót và ấp chiến lược. - Khoét sâu sự khác biệt giữa chính quyền miền Nam và Phật giáo. Vì vậy, có lúc an ninh Mỹ phải đặt câu hỏi thực chăng CS đã bỏ vùng thôn quê, dồn vào mặt trận tỉnh thị. C. THAY ĐỔI ĐẠI SỨ MỸ Giữa thời gian này, Oat-shinh-tân gửi công hàm hỏi ý kiến Diệm về việc thay Đại sứ ở Sài Gòn. Ngày 20-6-1963, BNG Mỹ chỉ thị cho Trueheart xin gặp Diệm để xin ý kiến về việc cử Henry Cabot Lodge thay Nolting.(105)

103. Ngày 18-7, Cảnh sát Quận 5 bắt giữ ba người bị tình nghi hoạt động nội tuyến cho CS trong hàng ngũ Phật giáo; Ibid., HS 8501. 104. Hội nghị Khu Ủy Khu V mở rộng [từ 15-7 tới ngày 31-7-1963] ra nghị quyết: "trước mắt ra sức nuôi dưỡng mở rộng cuộc đấu tranh của đồng bào Phật giáo và nhân dân các tầng lớp chống địch đàn áp Phật giáo, chia rẽ các tôn giáo." [tr. 942] (Huế: thuộc Liên tỉnh 1 của Khu V). Tuy nhiên, đường lối tổng quát không thay đổi: Cần phải và có khả năng kiềm chế địch trong loại chiến tranh thứ ba và thắng địch trong loại chiến tranh ấy [tr. 907]; trường kỳ kháng chiến, đánh địch trường kỳ, giành thắng lợi từng phần [tr. 908]; ở miền núi, đấu tranh võ trang là chính [tr. 910]; ở đồng bằng, đấu tranh chính trị, vũ trang song song. [tr.910]; ở đô thị đấu tranh chính trị là chủ yếu, có kết hợp đấu tranh vũ trang trong một mức độ nhất định. [tr. 911] [VKĐTT, 24:895-954] Nghị quyết tháng 10-1963 của Khu VI mới ghi nhận "cần chú ý tranh thủ xây dựng cơ sở trong tín đồ Phật giáo và từng mặt liên minh hành động tiến tới nắm một số sư sãi tiến bộ, có uy tín trong giới Phật giáo, cũng như phải tích cực tranh thủ xây dựng những phấn tử lớp trên . . . có xu hướng tiến bộ để

tiến tới hình thành Mặt Trận lâm thời của thành phố." (VKĐTT, 24:989) 105. CĐ số 1250 gửi Sài Gòn, DOS, Central Files, PER-Lodge, Henry Cabot. (Ngày 22-6, Trueheart báo cáo là Diệm đồng ý tiếp Trueheart vào chiều ngày 22-6; CĐ số 1230 từ Sài Gòn; Ibid)

Sau khi tiếp Trueheart khoảng 1 tiếng đồng hồ chiều ngày 22-6, ba ngày sau, 25-6, Diệm sai Thuần cho Truheart biết Diệm rất bất mãn. Diệm cho rằng Mỹ đang thay đổi chính sách và nỗ lực bắt Diệm phải làm theo Mỹ hay sẽ bị loại bỏ [Diem thought a new American policy was involved and an effort to force him to do our bidding or to unseat him]. Diệm cũng nhắn đến tai Lodge rằng "họ có thể gửi 10 Lodge tới đây, nhưng tôi không để cá nhân tôi hay đất nước này bị hạ nhục, kể cả việc họ huấn luyện pháo binh bắn vào dinh thự này [they can send ten Lodges, but I will not permit myself or my country to be humiliated, not if they train their artillery on this Palace].(106) Theo Thuần, Diệm sẽ trở nên cứng đầu hơn. Truheart bảo thẳng Thuần rằng cách tốt nhất để tránh đương đầu với Mỹ là chính phủ Diệm nên bắt đầu thay đổi cách làm việc.(107) Ngày 26-6, Thứ trưởng Ngoại giao George W. Ball chỉ thị cho Trueheart gặp Diệm, giải thích rằng chính sách của Mỹ không thay đổi; đó là yểm trợ chính phủ chống Cộng miền Nam. Riêng việc bổ nhiệm Lodge đã được quyết định từ tháng 4-1963, trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng Phật giáo, vì Nolting đã ở Việt Nam hai năm. Mục đích của Mỹ là cảnh giác Diệm về những hiểm họa có thể tránh, không để làm suy yếu Diệm. Nhưng quyết định và hành động là trách nhiệm của riêng Diệm.(108) Hôm sau, Diệm tiếp Trueheart khoảng 2 tiếng rưỡi đồng hồ, tuyên bố sẽ thực hiện việc dân chủ hóa từ nông thôn lên, nhưng không muốn vợ chồng Nhu bị tách xa cá nhân mình.(109) Thuần cũng thông báo với Trueheart là Chính phủ Việt Nam sẽ ra chỉ thị cho các tỉnh thi hành nghiêm chỉnh bản tuyên cáo chung 16-6-1963. Cá nhân Diệm có thể sẽ ra Huế để nghiên cứu và giải quyết mọi sự; Diệm cũng sẽ đọc diễn văn về việc thực thi tuyên cáo chung. Nhưng ngày 27-6, Bộ trưởng Nội Vụ Lương lại tuyên bố với một nhân viên CIA rằng Cộng sản đã xâm nhập phong trào tranh đấu của

106. FRUS, 1961-1963, III:414. Diệm khẳng định với Trueheart là sẽ tôn trọng những điều thỏa thuận với Phật giáo; phủ nhận không có việc Nhu sử dụng Thanh Niên Cộng Hoà để chống lại Phật giáo; nhưng không đề cập gì đến Bạch thư của Lệ Xuân. Về Cổ Sơn Môn, Diệm nói họ có quyền tự do họp Đại Hội và bày tỏ ý kiến. Việc phóng thích những người tham dự biểu tình, Diệm nói cần thanh lọc; nếu họ không Cộng sản sẽ được phóng thích. Tóm lại, chính Diệm tách dần khỏi những lời cố vấn của Mỹ; Ibid., III:411-413. 107. Ibid. 108. CĐ 1271, 26-6-1963, Ball gửi Đại sứ VN; Ibid., III:415-416. 109. FRUS, 1961-1963, III:427-428.

Phật giáo, và trong vài ngày tới, sẽ ra thông cáo về việc những người bị bắt giữ.(110) Lời cáo buộc của Lương báo hiệu chính sách mới của họ Ngô với Phật giáo. Rất có thể chính sách này được thảo luận kỹ càng hơn trong dịp anh em họ Ngô về Huế dự lễ kỷ niệm 25 năm ngày thụ phong Giám mục của Thục, trong các cuộc họp mật vào cuối

tháng 6-1963.(111) Tại Mỹ, Kennedy và các cố vấn theo dõi những biến chuyển ở Sài Gòn với mắt nhìn bi quan. Phản ứng tại nội địa Mỹ cũng chẳng có gì đáng lạc quan. Ngày 27-6, báo New York Times đăng bài cậy đăng nguyên một trang của 12 lãnh tụ Tin lành Mỹ, kể cả Reinhold Niebuhr và James Pike, yêu cầu Mỹ triệt thoái khỏi Việt Nam. Bài cậy đăng trên có cả hình Quảng Đức tự thiêu của Browne. Chỉ còn vài ký giả ủng hộ Diệm trên những tờ báo mà Giáo hội Ki-tô Mỹ có ảnh hưởng. Quyết định bổ nhiệm Lodge cũng tạo nên những tia lửa điện trong chính giới và hàng ngũ tướng tá Việt Nam. Lodge, một lãnh tụ đảng Cộng Hòa từng đứng phó trong liên danh Richard M. Nixon năm 1960, nổi danh là "vua đảo chính" (đặc biệt là việc đảo chính Lý Thừa Vãn ở Nam Hàn). Bởi thế, các mưu toan đảo chính Diệm bắt đầu rộn rịp tại Sài Gòn. Tin đồn đảo chính loan truyền rộng rãi. Cuối tháng 6-1963, cơ quan CIA đã thiết lập được danh sách các nhóm có ý làm đảo chính. Đáng kể nhất có nhóm "Bác sĩ" Trần Kim Tuyến. Tuyến mới mất chức Giám đốc Mật Vụ, và đang chờ đi ngoại quốc. Quanh Tuyến có một số nhân viên Bộ Công Dân Vụ của Paul Hiếu, Tổng Nha Thông Tin, Mật Vụ, và một số sĩ quan trẻ. Nhóm khác do Huỳnh Văn Lang và Trung tá [Albert] Phạm Ngọc Thảo, Thanh tra Ấp Chiến Lược, chủ trương. Nhóm này gồm hầu hết cựu đảng viên của hệ Cần Lao "Liên kỳ Nam-Bắc Việt" do Lang thiết lập tại miền Nam, kể cả Thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, Tham mưu trưởng Liên quân. Từ ngày 30-5, đã có tin đồn Tuyến và Albert Thảo mưu làm đảo chính. (Tuyến bị thất sủng; sau đó bị gửi qua Morocco [Ma Rốc] và Cộng Hòa Arab, nhưng hai xứ này không nhận). Hai nhóm Tuyến và Thảo, phần đông là Ki-tô giáo, không muốn thấy "thiên mệnh Mỹ" rơi vào tay Phật giáo.(112). Nhưng mạnh nhất, và được Mỹ tin cậy nhất,

110. FRUS, 1961-1963, III:426n3. 111. FRUS, 1961-1963, III:429-431; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 304-305. 112. Theo tình báo Mỹ, Tuyến được sự yểm trợ của Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, Hòa thượng Thích Tâm Châu, Thích Thiện Minh, Trung Tướng Dương Văn "Big" Minh và Thiếu tướng Tôn Thất Đính. Lãnh tụ của nhóm Tuyến có lẽ là

là nhóm do Trung Tướng [André] Trần Văn Đôn, Quyền Tổng Tham mưu trưởng, đại diện. Từ tháng 6-1963, André Đôn và em rể là Lê Văn Kim đã xin Nolting cho làm đảo chính, nhưng bị Nolting nghiêm khắc trách mắng: "Đừng cho tôi mấy thứ làm loạn và yểm trợ nổi loạn. Tại sao mấy ông không lo làm trọn nhiệm vụ của các quân nhân? Nước Mỹ không dính líu vào vấn đề đảo chính.(113)" Ngày 8-7, André Đôn nói với một nhân viên CIA là nhóm mình được đa số cấp chỉ huy ủng hộ, ngoại trừ Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh QĐ IV, và Tôn Thất Đính, Tư lệnh QĐ III.(114) Nhưng khuôn mặt mà chế độ gờm sợ nhất vẫn là Trung Tướng Dương Văn Minh (1916-2001). "Big" Minh, một thời được ca tụng như "Anh hùng Rừng Sác," đang là một Tướng không có quân, vô quyền lực với chức vụ Cố vấn Quân sự Phủ Tổng thống từ ngày 8-12- 1962. Không ai rõ tại sao Tướng Minh bỗng dưng bị thất sủng. Người nêu lý do Minh đã dấu đi một phuy vàng tịch thu được trong chiến dịch truy lùng Bình Xuyên. Người suy diễn rằng Diệm không tin Minh, một Tướng ngoại đạo, do Pháp đào tạo, lại có em trai theo

Việt Minh. Thêm vào đó, một số quan Tướng Mỹ, kể cả Lansdale, không ưa "Big" Minh. Ngày 27-12-1961, chẳng hạn, Lansdale phản đối việc cử "Big" Minh nắm giữ quân đội vì, theo Lansdale, Minh từng công khai nói về ý định đảo chính Diệm.(115) Theo Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, cá nhân ông ta và Big Minh bị Ngô Đình Nhu dèm xiểm với Tổng thống Diệm là thành phần "chủ bại," nên bị nghi ngờ và thất sủng từ năm 1959. Cách nào đi nữa, "Big" Minh từng mưu định ám sát Nhu, nhưng phải bỏ dở. Trong số đồng minh "tự nhiên" của "Big" Minh có Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim, các sĩ quan gốc miền Nam và một số đảng viên Đại Việt thời cơ như Đặng Văn Sung và Bùi Diễm. D. ĐỢT TRANH ĐẤU THỨ HAI CỦA PHẬT GIÁO Phần Phật giáo vẫn chuẩn bị tiếp tục tranh đấu, nếu cần. Ngày 26- 6, Thiện Minh viết thư phản đối với UBLB về việc thành lập Phật giáo Cổ Sơn Môn. Không hài lòng với thư trả lời ngày 28/6 của UBLB,

Nguyễn Ngọc Thơ.

113. Nolting, 1988:126.

114. The Pentagon Papers (Gravel), II:236; FRUS, 1961-1963, III:474; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 307.

115. US-Vietnam Relations, 1945-1967, Bk 11, tr. 427.

nhóm tranh đấu quyết định xuống đường. Ngày 30-6, hàng ngàn tăng ni Sài Gòn bắt đầu tuyệt thực. Qua đầu tháng 7-1963, sinh viên, học sinh Sài Gòn biểu tình trước Quốc hội để yểm trợ cuộc tuyệt thực của các tăng ni. Ngày 1-7, tờ Times of Vietnam cho đăng trên trang nhất bản tin tựa đề: "Băng keo Scotch bí ẩn và Đoạn kết chứng hoang tưởng đã ló dạng" [Mysterious Scotch Tape and End to Schizophrenia In Sight]. Bài này hàm ý có sự chia rẽ giữa Nhu và Thơ-Thuần, cáo buộc Quảng Đức đã bị "thuốc" trước khi tự thiêu, và đưa ra nhận định thời gian hưu chiến hai tuần đã qua, nhưng Sài Gòn vẫn yên tĩnh; ngoại trừ có một biến cố đặc biệt nào, thí dụ như một cuộc tự thiêu khác, có thể kết luận rằng những đòi hỏi của Phật giáo đã được thỏa mãn."(116) Hai ngày sau, 3-7, Phó TT Thơ tuyên bố là, theo sự điều tra của chính phủ, chính "Việt Cộng" đã gây nên cuộc thảm sát đẫm máu ở Huế. (Vì việc này, ngày 10-12-1963, Thơ đã bị chất vấn gay gắt trong một buổi họp báo ở Sài Gòn sau ngày đảo chính Diệm) Tại Mỹ, từ ngày Thứ Hai, 1-7, Michael Forrestal đã yêu cầu cho Nolting trở lại Việt Nam vì Phật giáo có thể biểu tình trở lại sau thời gian "hưu chiến." Tối 1-7 đó, Ball chuyển chỉ thị của Hilsman và Nolting cho Trueheart là phải gặp Diệm ngay, bảo thẳng Diệm rằng dư luận Mỹ nghĩ rằng người thân của Diệm đang cố tình phá hoại sự thỏa thuận với Phật giáo. Đúng hay sai, dư luận Mỹ cũng cho rằng đang có bách hại tôn giáo ở miền Nam. Khi gặp Thuần, Trueheart yêu cầu Thuần đọc bài viết trên Times of Vietnam, và đề nghị Mỹ muốn Lệ Xuân đừng nên tuyên bố gì hết; bài báo trên Times of Vietnam hàm ý thách thức Phật giáo tiếp tục tự thiêu. Rồi thêm chẳng lẽ Diệm không hiểu rằng chỉ cần một vụ tự thiêu nữa là chính phủ Mỹ sẽ tuyên bố không dính líu gì đến chính sách tôn giáo của Diệm? Thuần trả lời rằng Diệm không biết điều đó, và đề nghị Trueheart nên nói thẳng với Diệm.(117) Trueheart xin chỉ thị của Bộ Ngoại Giao và Ball cho gặp Diệm, nói thẳng với Diệm; và nếu cần, gặp cả Nhu.(118) Buổi Diệm gặp Trueheart chiều ngày

3-7 khiến liên hệ giữa hai bên thêm căng thẳng. Khi True- heart đề nghị Diệm đích thân gặp các lãnh tụ tôn giáo để giải quyết, Diệm nói sẽ nghiên cứu lại. Khi Trueheart đề cập đến bài trên Times

116. FRUS, 1961-1963, III:433n2. 117. FRUS, 1961-1963, III:441-443. 118. FRUS, 1961-1963, III:443-444.

of Vietnam, Diệm cũng chỉ nói sẽ nghiên cứu.(119) Hôm sau, Thuần cho Trueheart biết rằng có lẽ Diệm không hành động gì về những đề nghị của Trueheart và yêu cầu Nolting trở lại Sài-Gòn càng sớm càng tốt.(120) Cũng trong ngày 4-7 này Lệ Xuân viết bài "Who Is Spokeman of Whom?" [Ai là phát ngôn viên của ai?] trên Times of Vietnam, phủ nhận tờ Times of Vietnam là cơ quan ngôn luận của mình. Nếu những bài trên Times of Vietnam có trùng hợp ý kiến của Lệ Xuân, đó cũng không phải là quan điểm của chính phủ. Lệ Xuân cũng khẳng định không đại diện cho chính phủ VNCH, và những kẻ xuyên tạc có thể bị lợi dụng bởi Cộng sản và tay sai [lack- eys] của chúng. Bài này đã được phát cho báo chí ngày hôm trước.(121) Trong phiên họp HĐ/ANQG từ 11 giờ -11giờ 45 ngày 4-7 (khoảng nửa đêm ngày 4-7 tại Sài Gòn), ý kiến chung của các viên chức Mỹ là Diệm không chịu xa Nhu. Hilsman, Phụ tá Ngoại trưởng Mỹ, thông báo cho Kennedy biết sẽ có đảo chính trong vòng 4 tháng.(122) Hôm sau, 5-7, từ Greece về tới Oat-shinh-tân, Nolting được mời tham dự phiên họp của HĐ/ANQG, rồi nhận lệnh trở lại Sài Gòn càng sớm, càng tốt, với hy vọng cho Diệm cơ hội chót. Giữa lúc Nolting đang trên đường về nhiệm sở, ngày Chủ Nhật, 7-7, tại đường Trương Minh Giảng, Công an hành hung một nhóm ký giả ngoại quốc nổi danh chỉ trích chế độ như Browne, Trưởng văn phòng hãng AP, Peter Arnett, gốc New Zealand, Sheehan, Halberstam, v.v..., khi họ đang quan sát và thu hình cuộc biểu tình của các tăng ni chùa "Miên."(123) Ngày 10-7, bản ước lượng tình báo đặc biệt [SNIE 53-2-63] của Hội đồng ANQG Mỹ dự đoán rằng nếu Diệm không thi hành nghiêm

119. FRUS, 1962-1963, III:445-447. 120. FRUS, 1962-1963, III:449-450. 121. Thời thực dân Pháp, cái mũ "Cộng sản" đồng nghĩa với "phản loạn." Nhưng hiện tượng chụp mũ "Cộng sản" cho người khác ý kiến hoặc mình không ưa còn phát triển rộng rãi hơn, vì quốc sách miền Nam là "chống Cộng." Tàn tích của thói quen "Tố Cộng" này được bảo quản tốt đẹp ở hải ngoại. 122. FRUS, 1962-1963, III:451-453. 123. Hôm sau, Browne và Arnett bị truy tố về tội hành hung hai Phó Thẩm sát viên công nhựt Nguyễn Văn Lăng và Lâm Văn Lý. Xem báo cáo của Phạm Công Kỉnh, Quận trưởng Cảnh sát Q.3, trong KLTQG II, PTT, Đ1CH, HS 8536. Theo Trần Thiện Khiêm, các ký giả này dùng đá và máy ảnh để đánh trả Cảnh sát. Một viên chức nào đó, phê bằng mực đỏ: "Có thực không?" Ibid., HS 8527. BNG Mỹ chỉ thị Trueheart can thiệp để miễn tố. Thoạt tiên, Diệm không đồng ý. Mãi tới ngày 17/7 mới thuận. FRUS, 1962-1963, III:470-472.

chỉnh tuyên cáo chung 16-6, sẽ có đảo chính trong tương lai gần, với hơn 50% cơ hội thành công.(124) E. NỖ LỰC VÔ VỌNG CỦA NOLTING Nolting vừa về tới Sài Gòn ngày

11-7 đã được Diệm mời vào Dinh Gia Long, trình bày tình hình. Để trả lời câu tuyên bố của Nolting với giới truyền thông khi vừa bước xuống phi trường–là mong muốn hai bên tiếp tục nói chuyện để đạt thỏa thuận–Diệm nói kết quả thương thuyết tùy thuộc vào phe tranh đấu.(125) Vì nghi ngờ rằng Phật giáo bị Cộng sản giật dây, Nolting nỗ lực nối lại mối giao hảo giữa Tòa Đại sứ và Diệm. Ngày 15-7, Nolting khuyên Diệm nên công bố một số nhân nhượng cần thiết với Phật giáo. Diệm đồng ý, nhưng chưa có hành động nào. Theo Nolting, chính Diệm cũng đang muốn tử vì đạo.(126) Nhưng cuộc diễn hành tới trước tư thất Đại sứ Nolting ngày 16-7, do Tâm Châu dẫn đầu, để phản đối việc chính phủ tiếp tục đàn áp, bắt giữ tăng ni, Phật tử khiến Diệm cứng rắn hơn.(127) Hôm sau, 17-7, Trần Văn Tư, Giám đốc Nha Cảnh sát Đô thành, sai Cảnh sát đàn áp dữ dội cuộc biểu tình bất bạo động ở Sài Gòn và chùa Giác Minh tại Chợ Lớn. Hàng chục xe chở người bị bắt đến các trại tập trung vào An Dưỡng Địa Phú Lâm để sưu tra lý lịch. Các chùa đều bị phong tỏa. Sau khi Kennedy tuyên bố trong buổi họp báo ngày 17-7 tại Oat-shinh-tân là hy vọng cuộc tranh chấp tôn giáo sẽ được giải quyết sớm, ít giờ sau [ngày 18-7 tại Việt Nam], Diệm tuyên bố trên đài thanh không hề đàn áp Phật giáo, yêu cầu mọi người đoàn kết sau lưng chính phủ, rồi kết luận bằng câu "Xin ơn trên ban phép lành cho chúng ta." Hôm sau nữa, 19-7, Diệm cho phát lại bài diễn văn truyền thanh

124. The Pentagon Papers (Gravel), II:729-33; US-Vietnam Relations, Bk 12:534; 125. FRUS, 1962-1963, III:483-485. 126. Nguyên văn: [He is hurt by what he considers misrepresentations and cal- umnies (both in Vietnam and outside), torn by conflicting advise, resentful of US pressure, and not completely in control of his government's actions (Nhus). He is, in brief, in a martyr's mood himself.]; CĐ 85, ngày 15-7-1963, Nolting gửi BNG; FRUS, 1961-1963, III:487; Nolting 1988:113. 127. Khán giả và công an, mật vụ khoảng 500 người. Khoảng 11g45, đoàn biểu tình kéo về chùa Xá Lợi, tuyên bố sẽ tuyệt thực 48 giờ. FRUS, 1961-1963, Tài liệu 221; Tâm Châu, 1994:19. Ngày 9-7-1963, Tâm Châu đã viết thư cho Đại sứ Mỹ, yêu cầu Mỹ cho quân bảo vệ chùa Xá Lợi vì đang có dấu hiệu Diệm-Nhu sẽ đánh chùa. Ibid., III:478-479.

vỏn vẹn 2 phút kể trên. Ngày này, Ủy Ban Liên Phái Tranh Đấu Bảo Vệ Phật Giáo chấp thuận lời kêu gọi của Diệm; và yêu cầu có những biện pháp cụ thể để thực hiện Tuyên cáo chung 16-6-1963, như phóng thích những người bị bắt giữ từ ngày 8-5, trừng phạt những người gây nên tội ác trong ngày 8-5, và bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân và gia đình. Hôm sau, 20-7, đích thân Paul Hiếu và Trần Văn Tư tới Phú Lâm yêu cầu các tăng ni bị bắt giữ được trở lại chùa Xá Lợi.(128) Ngày 22-7, Ủy Ban tranh đấu gửi điện văn thông báo khắp nơi là cuộc đấu tranh đòi hỏi thực thi Thông cáo chung chưa chấm dứt: Luân phiên cầu nguyện và tuyệt thực.(129) Các lãnh tụ tranh đấu cũng tổ chức họp báo tại chùa Xá Lợi, lên án chính phủ không giữ lời hứa.(130) Điều đó, có lẽ Nolting rõ hơn ai hết. Chiều ngày 16-7-1963, khi Nolting vào Dinh Gia Long gặp Nhu, Nhu đã tuyên bố Phật giáo không có sự đe dọa nào đáng kể. Nhưng các cố vấn của Kennedy nhìn sự việc một cách khác. Ngày 23-7, Hilsman chỉ thị cho Nolting là Bộ Ngoại Giao dự trù sẽ

còn nhiều cuộc biểu tình của Phật giáo; những cuộc biểu tình này khích động thị dân, và có thể sẽ có đảo chính trong vài tháng, nếu không phải vài tuần; và những cuộc đảo chính ấy hy vọng thành công. Bởi thế, Nolting có thể ra tuyên cáo tự cách biệt với chính sách của Diệm; khuyến khích việc kế vị hợp hiến (Thơ lên thay); thuyết phục những người muốn đảo chính bỏ ý định; hoặc, tiếp tục chờ đợi, hy vọng Diệm cải cách. Hiện tại, nên theo đuổi chính sách chờ đợi.(131) Nolting vẫn ra công bảo vệ Diệm. Theo Nolting, Diệm là cơ hội tốt nhất của miền Nam.(132) Ngày 28-7, Nolting còn tuyên bố với hãng UPI là không hề có việc đàn áp Phật giáo ở VNCH, vì Bộ trưởng Nội Vụ Lương đã cho Nolting biết sẽ không dùng biện pháp mạnh để đàn áp; và dân chúng đã chán ngán cảnh hỗn loạn. Diệm còn trực tiếp chỉ thị cho Đại tá Nguyễn Văn Y, Giám đốc Mật vụ, và Trần Văn Tư, Giám đốc Cảnh sát Đô thành, không được dùng võ lực. Phó Tổng

128. Mẫu, 2003:353. 129. Báo cáo ngày 23-7-1963 của Đại biểu CP tại Cao nguyên trung phần; TTLTQG II, PTT, Đ1CH, HS 8501. 130. Mẫu, 2003:354-360. 131. FRUS, 1961-1963, III, tài liệu 234. Tưởng nên ghi nhận Hilsman từng là Giám đốc cơ quan sưu tầm và tình báo, từng ghé thăm Sài Gòn vào tháng 1-1963 và gặp gỡ nhiều nhân vật quan trọng, kể cả Ngô Đình Diệm. Xem FRUS, 1961-1963, vol III: Jan-August 1963 (Washington, DC: GPO, 1991), tr. 1-16. 132. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 237.

thống Thơ cũng nói đại diện Phật giáo đồng ý gặp Thơ trên căn bản bán chính thức từ ngày 31-7-1963. Nhu và Lệ Xuân tiếp tục sử dụng cán bộ Cần Lao cùng các tổ chức ngoại vi như Thanh Niên Cộng Hòa, Thanh Nữ Cộng Hòa chống Phật giáo. Vì quá hăng say phục vụ lãnh tụ và để chuộc tội thua trận Tua Hai (Tây Ninh) hơn ba năm trước, ngày Chủ nhật 23-7, Trung tá Trần Thanh Chiêu, Giám đốc Nha Thanh Tra Dân Vệ, tụ tập khoảng 100 dân vệ, gia đình tử sĩ và thương phế binh trước chùa Xá Lợi, yêu cầu "các thày trở lại việc tu hành, ngưng tiếp tục gây rối loạn chỉ làm lợi cho Cộng Sản."(133) Lỗ mãng nhất là Lệ Xuân. Không những chỉ thị cho tờ Times of Viet Nam đả kích Phật giáo, mà còn hàm ý thách thức các tăng ni tiếp tục tự thiêu.(134) Để trả lời Lệ Xuân, ngày 23-7, Sư bà Diệu Huệ, mẹ Giáo sư Bửu Hội, họp báo tuyên bố sẵn sàng tự thiêu cúng dường tam bảo. Tuy nhiên, cuối cùng Bửu Hội thuyết phục được mẹ mình ngưng tự thiêu.(135) Ngày 1-8, Lệ Xuân tuyên bố với phóng viên đài truyền hình Mỹ CBS rằng các lãnh tụ Phật giáo đang âm mưu lật đổ chính phủ; và tất cả những gì Phật tử đã làm chỉ có mỗi việc "nướng thịt một sư" [bar- becue a bonze] với "săng nhập cảng" [imported gas]. Hai ngày sau, 3/8, Lệ Xuân tuyên bố trước khóa sinh khóa III Phụ Nữ Bán Quân Sự rằng những vụ tranh đấu chỉ có bề ngoài tôn giáo, nhưng mục đích là chính trị, với thủ thuật Cộng sản, cần phải bẻ gãy. Đại sứ Trần Văn Chương, cha ruột Lệ Xuân, phải công khai trách Lệ Xuân là "thiếu tư cách và hỗn láo" [impertinent and disrespectful] trên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ [VOA] vào ngày 6-8. Ngày 8-8, để trả lời Đại sứ Chương, Lệ Xuân tuyên bố dù có "thiếu lễ độ" cũng phải nói "sự thực." Lệ Xuân cũng biện hộ cho những lời tuyên bố trên đài CBS

133. Ngày 24-7, Thuần cho Nolting biết Chiêu đã bị phạt kỷ luật. Báo chí loan tin Chiêu bị 40 ngày trọng cấm. Ngày 26-7, Tịnh Khiết viết thư xin Diệm nhẹ tay hơn với Chiêu.

Ngày 30-7, Nhu định truy tố Chiêu ra tòa để có dịp nói rõ "nguyên do thúc đẩy Chiêu biểu tình ... cho báo chí ghi chép." CĐ ngày 31-7-1963, Đổng lý văn phòng Phủ TT gửi Bộ trưởng Phụ tá Quốc Phòng; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. Sau đó, Chiêu được ân thưởng "Trung dũng bội tinh." Theo Vũ Văn Mẫu, các thương phế binh đều là giả; Mẫu, 2003:313-314. 134. FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 198, 200. 135. TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. Hội còn đại diện chế độ qua New York trình bày với Tổng thư Ký LHQ về cuộc tranh đấu của Phật giáo vào tháng 10-1963. Tưởng cũng nên ghi nhận, Hội chỉ bênh vực Nhu, và đồng ý bắt Thục cũng như Lệ Xuân phải rời nước để trấn an dư luận.

ngày 1-8; khẳng định các lãnh tụ Phật giáo không đại diện cho Phật giáo hay dân tộc Việt Nam. Hôm sau nữa, 9-8, trong bài phỏng vấn của tuần báo Mỹ News- week, Lệ Xuân còn hung hăng hơn.(136) Ngoài ra, còn có tin em trai Lệ Xuân, Trần Văn Khiêm, lên thay Trần Kim Tuyến làm Giám đốc Mật vụ, và Khiêm đã lập sẵn danh sách những người chống đối để quăng lưới. Khiêm mang danh sách trên ra khoe với cả một ký giả Australia.(137) Nhu cũng tiếp tay vợ trong chiến dịch đả kích Mỹ và Phật giáo. Trả lời câu hỏi của Reuters ngày 3-8, Nhu tuyên bố chùa Xá Lợi đang trở thành một trung tâm mưu lật đổ chính phủ, và nếu không giải quyết được vấn đề Phật giáo, sẽ có một cuộc đảo chính chống Mỹ và Phật giáo.(138) Ngày 7-8, Nhu nói với Nolting là hoàn toàn ủng hộ chính sách của Diệm qua bản tuyên cáo ngày 18-7, nhưng Lệ Xuân có quyền phát biểu ý kiến riêng của một công dân. Ngày 8-8, nhật báo New York Times đăng hai bài trên trang nhất về Việt Nam. Bài thứ nhất của Halberstam, từ Sài Gòn, với tựa "Bà Nhu Tố Cáo Mỹ Bắt Chẹt ở Việt Nam" [Mrs. Nhu Denounces U.S. for "Blackmail" in Vietnam]. Lệ Xuân, theo Halberstam, tuyên bố rằng Diệm không có quần chúng ủng hộ, phải dựa vào vợ chồng Nhu. Bài thứ hai của Tad Szulc ở Oat-shinh-tân, tiết lộ mối quan tâm ngày một gia tăng của chính phủ Kennedy về việc chính phủ Diệm khó sống còn nếu không hòa hoãn với Phật giáo. Tính sổ chung với những tuyên bố đòi rút số cố vấn Mỹ trong tháng 5-1963, kế hoạch âm thầm ve vãn Cộng Sản Bắc Việt và sử dụng Pháp để giải tỏa áp lực Mỹ, vợ chồng Nhu mới đích thực trở thành Persona Non Grata với Oat-shinh-tân. Đặt mình trước nhiều hơn một lần đạn–và nhất là đã bị thuyết phục rằng cuộc tranh đấu của Phật giáo chẳng những không thuần túy tôn giáo mà chỉ là một âm mưu chính trị, nhằm lật đổ chính phủ, do Cộng Sản xúi dục–mọi nỗ lực của Nolting ở Việt Nam hầu như uổng phí.

136. Newsweek, 9-8-1963; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 314. 137. Ngày 11-8, Thuần báo cáo với Nolting là Lệ Xuân giao cho Khiêm tổ chức một lực lượng Mật vụ riêng; nhưng Nhu phủ nhận. Ngày Thứ Bảy, 31-8, khi được ký giả người Úc, Denis Warner, phỏng vấn, Khiêm cho Warner coi một danh sách các viên chức mà Khiêm định ám sát. Theo CIA, Chương, cha Khiêm và Lệ Xuân, coi Khiêm như "bất lực, tham nhũng và hèn nhát;" FRUS, 1961-1963, IV: tài liệu 68. 138. Ngày 5-8, báo NYT đăng lại tin này; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 312. Tại Việt Nam, Tịnh Khiết cũng viết thư cho Diệm, báo động về Kế hoạch Nước Lũ, gồm hai giai đoạn đảo chính và phản đảo chính giả; Thư ngày 5 & 7-8-1963, Tịnh Khiết gửi TT; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541.

Ngày 30-7, Phật tử tổ chức linh đình giỗ thất tuần (49 ngày) Quảng Đức. Hôm sau, 31-7, Ủy Ban Tranh Đấu Bảo Vệ Phật Giáo ra tuyên cáo phản đối lời tuyên bố ngày 28-7 của Nolting; và hôm sau nữa, 1-8, Tâm Châu gửi thư trách cứ Nolting, khẳng định "những vụ đàn áp là cực độ của cả một chuỗi lạm quyền, áp bức giết chóc mà Phật tử phải gánh chịu trong nhiều năm, dưới nhiều hình thức, do cấp thừa hành bên dưới của một nền hành chánh cố tình dung túng gây ra."(139) Ngày 1-8, Tịnh Khiết cũng gửi công điện cho Kennedy, phản đối lời tuyên bố của Nolting rằng không có việc đàn áp Phật giáo ở VNCH.(140) Một Nhóm Người Yêu Nước thì ra tuyên ngôn phản đối Nolting là không hiểu biết gì về tình cảnh Phật giáo tại Việt Nam. Ba ngày sau, 4-8, Đại Đức Nguyên Hương (Huỳnh Văn Lễ) tự thiêu trước Dinh Tỉnh trưởng Phan Thiết, và Phật tử xuống đường biểu tình đòi lại xác đã bị Cảnh Sát lấy đi. Ngày 12-8, một nữ sinh chặt một bàn tay phản đối chính quyền và luận điệu hỗn hào của Lệ Xuân đối với các tăng ni. Rồi, ngày 13-8, Đại Đức Thanh Tuệ cúng dường tam bảo ở chùa Phước Duyên, Hương Trà, Thừa Thiên. Hai ngày sau, ni cô Diệu Quang tự thiêu ở Ninh Hòa. Hôm sau nữa, 16-8-1963, Thượng tọa Tiêu Diêu tự thiêu tại chùa Từ Đàm, Huế.(141) Bẽ bàng hơn nữa là anh em họ Ngô cũng bắt đầu coi thường Nolt- ing. Khi Nolting cho Diệm xem bức công điện khẳng định chính phủ Mỹ không thay đổi chính sách về Việt Nam, Diệm nói: "Tôi tin ông, nhưng không tin nội dung bức điện ông nhận được."(142) Khi Nolting đề nghị Diệm có biện pháp với Lệ Xuân–người mà theo Nolting đã vượt ngoài sự kiểm soát của cha mẹ và anh chồng–Diệm chỉ hứa "sẽ cứu xét."(143) Ngày 12-8, khi tiếp kiến Nolting, Diệm cho rằng các tăng ni không thành thực, và thế giới không biết đến việc các sư giả muốn lật đổ chế

139. Ibid., HS 8541; Mẫu, 2003:344-346. 140. TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541; Mẫu, 2003:343-344. 141. Chính Đạo, Tôn Giáo & Chính trị, 1994:334-335. Xem thêm TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541 (Thanh Tuệ), 8532 (Diệu Quang), 8534 (đô thành). 142. Nolting 1988:117. 143. Trong báo cáo ngày 10-8, Nolting cho biết Thơ, Thuần, Nhu, Mẫu, Bửu Hội v.. v... đưa ra giải pháp sau: Lệ Xuân đi "nghỉ dài hạn," Tổng Giám Mục Thục sẽ được thăng cấp [về Roma]. Thuần còn mật báo rằng các Bộ trưởng đều đồng ý đã đến giờ thứ 11 của Diệm. Lệ Xuân cùng em ruột là Trần Văn Khiêm tổ chức một toán cảnh sát đặc biệt để bắt cóc đối thủ. Chắc chắn Nhu cũng biết việc này.

độ. Sau dạ tiệc đưa tiễn Nolting của Diệm, ngày 13-8, Thơ họp báo, tuyên bố sẽ truy tố một số người tham dự biểu tình ngày 8-5, và những người bị bắt sau ngày 16-6 có thể không được khoan hồng. Trong phần hỏi đáp, Thơ so sánh trường hợp Lệ Xuân với những lời chỉ trích chính phủ VNCH của Thượng Nghị Sĩ Mansfield. Buổi họp báo của Thơ khiến Ngoại trưởng Rusk phải gửi điện tín cho Nolting, hỏi liệu Diệm có muốn đi nghỉ mát chung với vợ chồng Nhu chăng?(144) Sau nhiều lần xin ở lại Sài Gòn nhưng bị từ chối, ngày 14-8, Nolt- ing vào chào từ biệt Diệm. Gần lúc chia tay Diệm mới hứa sẽ phủ nhận những lời lỗ mãng của Lệ Xuân. Những lời hứa cho có. Ngày 15-8, tờ Times of Viet Nam ca ngợi Nolting như "người đầu tiên xứng đáng với tước hiệu đại sứ."(145) Do

sự dàn xếp của Nolting, báo New York Herald Tribune [Diễn Đàn Tiền Phong New York] đăng bài phỏng vấn Diệm của Marguerite Higgins. Higgins trích lời Diệm là chính phủ vẫn theo đuổi chính sách ôn hoà với Phật giáo. Diệm và gia đình cũng rất vui lòng về việc bổ nhiệm tân Đại sứ Lodge.(146) Thực ra, đây chỉ là món quà tiễn chân Nolting, và để trấn an dư luận Mỹ, vì Diệm-Nhu đang có kế hoạch xuống tay mạnh với Phật giáo.(147) Tại miền Trung, việc bắt giữ, hành hung, ám sát Phật tử vẫn diễn ra hàng ngày. Tại Huế, sau phiên họp giữa Thị trưởng Nguyễn Văn Hà và lãnh đạo Phật giáo ngày 9-8, thái độ chính quyền ngày một cứng rắn. Ngày 10-8, Thị trưởng Huế yêu cầu Thượng tọa Thiện Minh tháo gỡ các biểu ngữ chống chính phủ theo tinh thần buổi gặp mặt ngày 9-8-1963.(148) Phó Tỉnh trưởng Hồ Ứng Dần cũng yêu cầu Tỉnh hội Phật Giáo Thừa Thiên chấm dứt việc phổ biến các tin tức và tài liệu bất hợp pháp. Đồng thời ra thông cáo cấm dân chúng tập trung đông đảo tại chùa Từ Đàm và Diệu Đế vào những giờ phát thanh của Phật giáo.(149) Mờ sáng Thứ Ba, 13-8-1963, Đại đức Thanh Tuệ tự thiêu tại

144. FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 252; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 315. 145. Nolting, 1988:119. 146. NYHT, 15-8-1963; Nolting 1988:118; KLTQG II, PTT, Đ1CH, HS 8506. 147. Ngày 9-8-1963, trong phiếu trình lên Kennedy về vợ chồng Nhu, Michael Forrestal tiết lộ Miên, Ceylon [Sri Lanka], và Nepal đã đưa vấn đề Phật giáo ra trước văn phòng Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc. Có thể sẽ họp Đại Hội Đồng LHQ. 148. Văn thư số 4406/NA/CT ngày 10-8-1963; HS 8529) 149. CĐ số 4435-TT/NA/CT/M ngày 12-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)

chùa Phước Duyên.(150) Cuộc tự thiêu này châm ngòi cho một đợt tranh đấu mới. Ngày14-8, Hòa thượng Tịnh Khiết gửi văn thư than phiền về việc di chuyển linh cữu Thanh Tuệ.(151) Thượng tọa Mật Hiển cũng xin gặp Đại biểu TNTP tường trình về trường hợp Thanh Tuệ. Trong khi đó, một thợ mộc Phật tử phụ trách việc treo biểu ngữ và cờ bị bắn chết.(152) Hôm sau, 15-8, khoảng 100 học sinh và sinh viên Huế biểu tình từ chùa Từ Đàm về Tòa Hành Chánh tỉnh. Cảnh sát trưởng quận Hữu ngạn chặn đoàn biểu tình trước trường Đồng Khánh, bị xô đẩy, mang thương tích cùng một cảnh binh. Sau đó đoàn biểu tình kéo tới ngồi tại hoa viên trước tòa hành chính.(153) Cảnh sát đặt nút chặn phong tỏa chùa Từ Đàm. Buổi trưa, khoảng 300 Phật tử tụ họp trên đường Trần Hưng Đạo. Chính quyền thả chó đàn áp. Xô xát dữ dội. Một số bị bắt. Đám đông bị giải tán trong vòng nửa giờ. 50% nhà hàng, cửa tiệm đóng cửa. 70% sạp vải Đông Ba ngưng hoạt động.(154) Ngày này, Ni cô Diệu Quang–tục danh Ngô Thị Thu (1936-1963), sinh tại Phù Cát, Thừa Thiên, tu tại ni viện Vạn Thạnh, Nha Trang–tự thiêu tại chùa Ninh Hòa.(155) Hôm sau nữa, 16-8, Đại đức Tiêu Diêu–tục danh Đoàn Văn Mễ (1893-1963), cha của Đoàn Văn An, giảng sư Đại học Huế; năm 1930 mới đi tu, học trò Tịnh Khiết–tự thiêu ở chùa Từ Đàm. Chính quyền ban hành lệnh thiết quân luật từ 6 giờ sáng, xe tăng án ngữ ở một số ngã tư, kẽm gai kéo ra ngăn chặn.(156) Hội Phật giáo tung tin quân đội đã cướp thi hài Tiêu Diêu giấu đi. Anh ruột Tiêu Diêu là Bùi Câu minh xác đã đến tận nơi xin lãnh thi hài về quê mai táng.(157) Ngày Thứ Bảy, 17-8, Thị

trưởng Huế Nguyễn Văn Hà lại ra thông cáo: “Yêu cầu đồng bào tuyệt đối tránh mọi lợi dụng tôn giáo để đả kích chính phủ, vi phạm luật pháp quốc gia và làm trở ngại công cuộc bảo vệ an ninh trật tự công cộng.”

150. Tục danh Bùi Huy Chương (1945-1963), 17 tuổi, tu tại chùa Phước Duyên, Hưng Long, Thừa Thiên; HS 8541; Nguyễn Ngu Í 1964a:42.
151. HS 8541.
152. Nguyễn Ngu Í 1964a:42.
153. CĐ số 4470-TT/NA/CT/M ngày 15-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í, 1964a:42-43. [Xem chú 13 supra]
154. CĐ số 4470-TT/NA/CT/M ngày 15-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í 1964a:43)
155. (HS 8532)
156. (HS 8532)
157. HS 8527; Nguyễn Ngu Í 1964a:43.

Đưa ra 4 điểm sẽ thi hành: Triệt để thi hành thông cáo chung; Phật tử được hoàn toàn tự do đi chùa dự lễ tôn giáo; Không hề chủ trương bắt bớ Phật giáo đồ nếu các đồng bào đó không hành động gì phạm đến kỷ luật quốc gia; trong trường hợp có sự bắt bớ trái phép yêu cầu cấp tốc can thiệp với tòa [tỉnh] để giải quyết gấp; Sẽ thiết lập một Ủy Ban đặc biệt có nhiệm vụ tiếp xúc với đồng bào Phật giáo để giải quyết nhanh chóng những việc liên quan đến vấn đề thực thi thông cáo chung.(158) Tuy nhiên thông cáo trên không đủ ngăn chặn tăng ni, Phật tử tấp nập tới chùa Từ Đàm bái viếng thi hài Thích Tiêu Diêu. Buổi chiều, Tiểu khu Thừa Thiên mở cuộc họp báo trình bày vụ Tiêu Diêu. Trong khi đó, Chủ nhật, 18-8, Thích Minh Nhật, Tổng thư ký THPG tại Sài Gòn, diễn thuyết tại chùa Diệu Đế. Đề tài: “Phật tử trong giai đoạn hiện tại.” Khoảng 2.000 người tham dự. Tại Sài Gòn, Phật tử cũng tụ họp đông đảo ở chùa Xá Lợi vì có tin chính phủ sẽ ra tay tấn công. Trong khi đó, mười Tướng lãnh và Tư lệnh đơn vị họp mật. Đồng ý yêu cầu Diệm thiết quân luật, để bắt buộc các tu sĩ trở lại chùa. Thời gian này, sinh viên Huế cũng bắt đầu xao động. Ngày 15-8, đại diện sinh viên Phật tử gặp Viện trưởng Đại học Huế là Cao Văn Luận, xin can thiệp trả tự do cho những người bị bắt giữ. Mới xuất ngoại trở về, ghi nhận được những đổi thay của chính giới Mỹ, Luận có phần thiện cảm với phe tranh đấu, nên hứa sẽ can thiệp.(159) Nhưng ngay chính Linh mục đang bị thất sủng. Ngày 16-8, trong khi chính quyền địa phương ban hành lệnh thiết quân luật từ 6 giờ sáng, bố trí xe tăng án ngữ ở một số ngã tư, kẽm gai kéo ra ngăn chặn dự định tự thiêu của Đại đức Tiêu Diêu ở chùa Từ Đàm, Bộ trưởng Giáo dục Nguyễn Quang Trình cùng Trần Hữu Thế, tân Viện trưởng Đại học Huế, tới cố đô để làm lễ bàn giao với Linh mục Luận vào ngày hôm sau.(160) Nhân cơ hội này, sinh viên tranh đấu khai thác việc thay thế Viện trưởng Luận. Ngày 17-8, lễ bàn giao chức Viện trưởng được đánh dấu bằng vụ từ chức tập thể của các Giáo sư Đại học Huế: Lê Khắc Quyến,

158. CĐ số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)

159. CĐ số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)

160. Nguyễn Ngu Í 1964a:43-44. [Xem chú 13 supra]

Khoa trưởng Y khoa; Bùi Trần Huân, Luật khoa; Tôn Thất Hanh, Khoa học; Nguyễn Văn Trường, ban Khoa học Sư phạm; Lê Tuyên. Thế phải bỏ vào Sài-gòn báo cáo. Trong khi Luận lên đường vào Đà Nẵng, các giáo sư lại ký kiến nghị phản đối việc cách chức Luận.(161) Buổi chiều 17-8, Tiểu khu Thừa Thiên mở cuộc họp báo trình bày vụ Tiêu Diêu. Lúc 16 giờ, ký giả ngoại quốc kéo nhau rời phòng họp vì có tin khoảng 200 sinh viên Huế bắt đầu biểu tình tới Tòa Đại biểu TNTP đưa kiến nghị yêu cầu lưu giữ Viện trưởng Luận. Nguyễn Xuân Khương và Bộ trưởng Trình ra nhận kiến nghị trước cổng Tòa Đại biểu.(162) Chủ Nhật, 18-8, một số Khoa trưởng, Giáo sư và khoảng 500 sinh viên hội thảo tại Đại học Huế. Vận động bãi khóa, bỏ thi cử, phản đối việc cách chức Cao Văn Luận, và thành lập một Ban chấp hành Sinh viên mới, hầu mở rộng liên lạc với Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và Đà Lạt. Họ đưa kiến nghị lên Tổng thống.(163) Hôm sau, 19-8, sinh viên Huế hủy bỏ một cuộc biểu tình vì sợ bị chụp mũ Cộng sản (ngày kỷ niệm Cách Mạng tháng 8-1945). Nhưng các giáo chức đệ đơn từ chức trong khi sinh viên yêu cầu tân Viện trưởng Thế– đương kim Đại sứ Philippines, mới được Ngô Đình Thục đề cử thay Linh mục Luận mà không hề thông báo cho Bộ Ngoại Giao–chuyển thỉnh nguyện mời Cao Văn Luận trở lại.(164) Thứ Ba, 20-8, Viện trưởng Thế cho lệnh những buổi hội họp trong khuôn viên trường phải xin phép trước.(165) Giọt nước làm tràn ly, và cũng là chiếc đinh đầu tiên đóng lên nắp quan tài VNCH, là cuộc tấn công hầu hết các chùa chiền trên toàn quốc vào nửa đêm ngày 20, rạng ngày 21-8-1963. Đây là một tội ác vi phạm nhân quyền khác, nặng nề gấp trăm lần cách dùng đèn cầy [nến] đốt hậu môn tù nhân mà có nhân chứng tiết lộ rằng Tri huyện Ngô Đình Diệm sinh dùng để khảo cung nghi can ngày còn làm quan cho Pháp hơn 30 năm trước. Cuộc tấn công này và những thủ thuật bưng bít, xuyên tạc của anh em ông Diệm-Nhu trong những ngày kế tiếp–như ông Diệm cả quyết rằng chỉ lục soát vài chục ngôi chùa lớn

161. Nguyễn Ngu Í 1964b:28) 162. CĐ số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í 1964a:46. 163. CĐ số 4529-TT/NA/CT/M ngày 18-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529. 164. Nguyễn Ngu Í 1964a:33. 165. Nguyễn Ngu Í 1964b:35-6. Theo Vũ Văn Mẫu, Thế đã lẻn về Sài-gòn, xin cho trở lại nhiệm sở cũ. Ngày 19-8, ờ Mẫu ký giấy cho Thế ra đi; Mẫu, 2003:218- 221, 387.

trong số 4.700 chùa khắp miền Nam–gỡ xuống chiếc mặt nạ “tiết trực tâm hư” của ông Diệm, và gột sạch bất cứ thiện cảm nào còn sót lại với ông ta trong đám đông thầm lặng cũng như viên chức Mỹ. Cho đến nay, vẫn còn người cố tình xuyên tạc về biến cố tấn công các chùa chiền đêm 20 rạng 21-8. Bởi thế tưởng nên thuật lại tóm lược biến cố trên. IV. GIỌT NƯỚC LÀM TRÀN LY Sau khi Nolting rời Việt Nam, anh em Diệm-Nhu quyết chào đón tân Đại sứ Lodge bằng vài món quà ngoạn mục. Hai món quà lớn nhất là cuộc tổng tấn công các chùa trên toàn quốc và công khai tiếp xúc với sứ giả Hà Nội.

Nguyên cớ gần có lẽ là bức điện văn mật ngày 16-8-1963 của Đại sứ Trần Văn Chương: Theo Chương, dư luận thế giới và đặc biệt là tại Mỹ tin rằng Diệm không thể mang lại chiến thắng Cộng sản. Cuộc khủng hoảng Phật giáo vốn dĩ không phải là nguyên nhân, mà chỉ là hậu quả, một giọt nước làm tràn ly. Bởi thế, Diệm phải ngưng tin dùng các cố vấn Nhu và Cẩn.(166) Đúng ngày 16-8 này, báo Life đăng lại lời Lệ Xuân tuyên bố là sẽ phá tan Phật giáo. Trong khi đó, Hòa thượng Tịnh Khiết viết thư cho Diệm, cực lực phản kháng "sự ác độc của một chế độ xem dân như cỏ rác," và "mong được chết an hơn sống khổ."(167) Ngày 17-8, Phật tử tụ họp đông đảo ở chùa Xá Lợi. Hôm sau, hơn 10.000 Phật tử đến chùa Xá Lợi làm lễ cầu siêu. A. CUỘC TỔNG CÀN QUÉT CHÙA CHIỀN Ý định tấn công các chùa chiền và ban hành thiết quân luật từ nửa đêm ngày 20-8 không được giữ bí mật hoàn toàn như người ta thường nghĩ. Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần đã cho nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ biết về Thiết quân luật trước nhiều giờ.(FRUS, 1961- 1963, III:595n2) Một ký giả Mỹ cũng tự nhận được "mật báo" từ một viên chức nào đó tại Dinh Gia Long, nên đã tới chùa Xá Lợi trước khi xảy ra cuộc tấn công. Và, thực ra, từ hơn nửa tháng trước, đích thân ông Nhu đã răn đe trong cuộc phỏng vấn của hãng thông tấn Reuters là sẽ phá tan chùa Xá Lợi, nhưng khi bị Nolting chất vấn đã qui trách cho ký giả Mỹ dẫn không đúng lời mình. Từ ngày 7-8-1963, Hòa thượng Tịnh Khiết cũng đã báo động với

166. Phạm Trọng Nhân, "Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi," Bách Khoa, số 169 (15-1-1964), tr. 34. [Sẽ dẫn: Nhân 1964a] 167. Mẫu, 2003:377-379.

Tổng thống Diệm về "Kế hoạch Nước Lũ," nhằm cô lập và phân hoá các chùa, đồng thời đàn áp cuộc đấu tranh của Phật giáo.(168) Ngày Chủ Nhật 18-8, mười Tướng và Tư lệnh đơn vị–kể cả Huỳnh Văn Cao và Tôn Thất Đính–họp mật, rồi đồng ý yêu cầu Diệm thiết quân luật, để bắt buộc các tu sĩ trở lại chùa.(169) Hai ngày sau, 20-8, các Tướng trình dự thảo Thiết quân luật lên Nhu và Diệm. Diệm chấp thuận, cho lệnh André Đôn, mới được cử làm Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng thay Đại tướng Lê Văn Tỵ, ký tên và công bố ngay nửa đêm đó. Đính được cử làm Tổng trấn. Tuy nhiên, Diệm không hề hé môi về kế hoạch trên trong buổi họp chính phủ suốt chiều ngày 20-8.(170) Khoảng nửa giờ sau khi Thiết Quân luật có hiệu lực, Nhu cho lệnh tấn công các chùa trên toàn quốc. Tại chùa Xá Lợi Sài Gòn, nơi đặt bản doanh Ủy ban Tranh đấu Liên Phái, hai đại đội thuộc Liên đoàn 31 Lực Lượng Đặc Biệt [LLĐB], Đại đội 16 Bảo An, và Cảnh Sát mặc giả quân phục đánh chiếm mục tiêu. Hòa thượng Tịnh Khiết, Thượng tọa Tâm Châu, cùng nhiều tăng sĩ bị bắt giam sau một giờ chống cự. Khoảng 30 tăng sĩ bị thương, và 2 người bị mất tích. Đích thân Đại tá Lê Quang Tung, Chỉ huy trưởng LLĐB, và Giám đốc Cảnh sát CA Đô thành, Trần Văn Tư [tài liệu Pháp ghi là Cò Túc?], chỉ huy, dưới sự điều động của Đính. Do mật báo từ Dinh Độc Lập, ký giả ngoại quốc biết trước tin này và có mặt tại chùa Xá Lợi để chứng kiến cuộc "vét chùa", và quyết tâm bảo vệ đạo pháp của các tăng ni. Các chùa Ấn Quang, Chantar- eansay (Sài Gòn) đều bị chiếm. Các tăng trụ trì, Thiện Hoa và Lâm Em, bị bắt.(171) Đồng thời, hai chùa Linh Mụ và Từ Đàm (Huế), cùng các

chùa ở Đà Nẵng, Nha Trang v.v... đều bị chìm trong "nước lũ" bạo lực. Tại Huế, khoảng 3 giờ đêm tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng kêu cầu cứu vang lên khắp nơi. Đồng bào quanh chùa đánh mõ, gõ thùng thiếc báo nguy. Đợt tấn công đầu, Cảnh sát bị đẩy lui. Sau đó, Đỗ Cao Trí cho lệnh nổ súng. Những giáo sư, sinh viên và học sinh tranh đấu cũng bị bắt

168. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541. 169. Phiếu trình ngày 17-8-1963 của Bộ TTM v/v Cộng Sản đang lợi dụng Phật giáo; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. 170. Thông cáo của TT/VNCH ngày 20-8-1963; Ibid., HS 8501. 171. Theo tờ trình của Tôn Thất Đính ngày 22-8-1963, phía Tăng ni không có ai bị thương; phía công lực, 20 người bị thương. Tại Sài Gòn, 389 sư ni, 106 Phật tử và 133 học sinh bị bắt giữ. Phiếu Đệ Trình số 0289/QĐIII/VPTL, ngày 22-8-1963, Tôn Thất Đính kính đệ Tổng thống; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8527 [số cũ: TM-HS.209]; Lê Cung, 2003:312-316. Xem thêm The Pentagon Papers (Gravel), II:232; Tâm Châu 1994:19. Nguyễn Ngu Í 1964b:37-44. [Xem chú 13 supra]

giữ.(172) Tổng cộng khoảng 1.400 tăng sĩ, bị bắt trên toàn quốc. Chỉ có hai sư từ chùa Xá Lợi thoát được tới Phái Bộ Kinh Tế [USOM] gần đó xin tị nạn. Qua ngày 23-8, Trí Quang cũng trốn được vào Tòa Đại sứ Mỹ.(173) Tại Sài Gòn, Diệm triệu tập Hội đồng chính phủ vào lúc 5 giờ 30 sáng. Diệm chỉ giải thích rằng phải thiết quân luật theo điều 44 Hiến pháp vì Cộng sản đã xâm nhập một số tỉnh lỵ, quận lỵ gần thủ đô; nhưng tuyệt nhiên không đả động đến vụ tấn công chùa Xá Lợi. Vì đã được một nhân viên báo tin cuộc tấn công chùa Xá Lợi, Ngoại trưởng Mẫu phản đối. Phó Tổng thống Thơ cũng ngả theo Mẫu.(174) Nửa giờ sau, đài phát thanh bắt đầu loan đọc Tuyên cáo ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn lãnh thổ, hiệu lực từ ngày 21-8: "Chiếu điều 44 Hiến Pháp, kể từ ngày 21-8-1963, tôi tuyên bố ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn thể lãnh thổ Quốc Gia. Ủy nhiệm cho QĐVNCH tận dụng mọi phương tiện và thi hành mọi biện pháp cần thiết bảo vệ Quốc Gia chiến thắng Cộng Sản, xây dựng tự do, dân chủ". "Số người đầu cơ chính trị, lợi dụng tôn giáo, lợi dụng thái độ hòa giải tột bực của chính phủ liên tiếp hành động bất hợp pháp để tạo nên một tình trạng rối loạn phá hoại chính sách ấy và cản trở chủ trương dân chủ pháp trị, rất tổn thương cho uy tín Phật Giáo, chỉ lợi cho Cộng sản." (HS 8501 & 8506) Quân đội VNCH từ nay "chịu trách nhiệm hoàn toàn về an ninh công cộng, có quyền xét các tư gia bất cứ giờ nào, bắt giữ những người xét ra có hại cho an ninh công cộng; cấm mọi cuộc hội họp, tụ tập có thể phương hại cho an ninh trật tự công cộng; hạn chế tự do báo chí, kiểm soát hệ thống phát thanh, kiểm soát phim ảnh kịch trường; cấm tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu, truyền đơn xét có hại cho an ninh công cộng (điều 3); tất cả mọi vi phạm đến trật tự công cộng đều thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự (điều 4). (Sắc lệnh này gồm 5 điều, công bố theo tình trạng khẩn cấp.(175) Nhu cũng

172. Nguyễn Mâu, "Bản tổng kết thành tích kế hoạch thanh toán vụ tranh chấp bạo động của Phật giáo tại Thừa Thiên-Huế, từ 21-8 tới 20-9-1963 (3-10-1963);" TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. Theo Mâu, 964 người, kể cả 100 tăng ni, 42 giáo chức, 40 công chức

bị bắt, nhưng 638 người, trong đó có 96 tăng ni, được phóng thích; Ibid. 173. Nhân, "Cuốn sổ tay;" Bách Khoa, số 169 (15-1-1964), tr. 31-43, và số 170 (1-2-1964), tr. 21-31); Mẫu, 2003:390-398. Riêng tại Sài-gòn, số tăng ni Phật tử bị bắt lên tới 2.000 người. 174. Nhân 1964a:35-36; Mẫu, 2003:399-418. 175. Sắc Lệnh số 84-TTP, ngày 20-8-1963; KLTTƯ II, PTT/1CH, HS 8501 & 8506 [SC.04-HS.8466; Cung, 2003:311]. Lệnh này hết hiệu lực từ 12g00 ngày 16- 9-1963; SL số 104-TTP, ngày 14/9/1963. Tuy nhiên, tình trạng khẩn cấp ban hành ngày 15-10-1961, qua SL 209-TTP, được duy trì cho đến khi có lệnh mới.; Ibid.

đọc diễn văn, yêu cầu Thanh Niên Cộng Hòa yểm trợ chính phủ.(176) Trong phiên họp hàng tuần về Ấp Chiến Lược ngày Thứ Sáu, 23/8, Ngô Đình Nhu dành nhiều thì giờ giải thích về cuộc đấu tranh của Phật giáo. Theo Nhu, tình trạng trầm trọng trong nước từ hơn 3 tháng qua là "do một số sư sãi đã tiếm đoạt địa vị của Phật giáo và có những hành vi, ngôn ngữ và thái độ hoàn toàn trái ngược với Pháp Chánh của đạo Phật và luật pháp của Quốc gia, đồng thời bất chấp đến ý chí hòa giải tột bực của Tổng thống và chính phủ... Thiện chí ôn hòa của chính phủ đã bị số sư sãi trên coi là biểu hiệu của một sự nhu nhược, nên họ càng làm tới. Họ đã biến các chùa chiền nhất là chùa Xá Lợi thành những trung tâm khuấy rối, khủng bố các vị chân tu, hàng ngày mạt sát và đả kích chính phủ, rồi cứ thế được đà, họ đã tiến tới những âm mưu vận động phá hoại quốc gia, và tổ chức đảo chánh cố kết với Cộng sản và Ngoại quốc." Họ dùng phương pháp "bình nghị" để cưỡng ép các vị chân tu phải lần lượt tự thiêu để họ liên tục khai thác bên cạnh những xác chết đó hầu thực hiện những âm mưu chính trị của họ. Ban Trị sự Giáo Hội Tăng Già Nam Việt phải bỏ chùa Ấn Quang về miền Tây. "Thiêu đốt Thượng tọa Thích Quảng Đức." [tr. 7] Có người bật quẹt đốt Quảng Đức vì hộp quẹt trong người Thượng tọa bị ướt, không cháy. Vị sư đưa hộp quẹt đốt Quảng Đức hối hận bỏ trốn, bị lùng bắt để thủ tiêu. Với chính phủ thì bọn người lợi dụng tôn giáo này đã đi từ khiêu khích này tới khiêu khích khác liên tục. . . Chính phủ tự mình đặt vào một thế bất động trong lúc bọn người lợi dụng tôn giáo cứ tiến tới vừa khiêu khích vừa ru ngủ mình [Tâm Châu và Thiện Minh xin gặp Nhu nhưng không đến, không viết thành văn lời yêu cầu; không tham gia Ủy Ban Hỗn Hợp] Ai ưng tu hành thì quyết tâm tu cho đắc đạo, và ai ưng làm chính trị thì phải từ bỏ áo tu, ra hẳn ngoài đời để làm chính trị, chứ không thể kéo dài tình trạng mập mờ, nửa đạo nửa

[8561?] [SC.04-HS.8466]; Lê Cung, 2003:311. "Sắc lệnh tuyên bố tình trạng giới nghiêm" trên toàn quốc. 176. Ngày 6-9, ông Nhu biện bạch với một viên chức CIA Mỹ rằng không liên quan gì đến việc ban hành thiết quân luật hay tấn công chùa chiền. Tối ngày 18-8, các Tướng đã yêu cầu Diệm ban hành thiết quân luật. Ngày 19 hay 20/8, Đỗ Cao Trí cũng vào gặp Nhu trình bày một kế hoạch tấn công các chùa và danh sách những người cần bắt mà Trí đã chuẩn bị từ một tháng trước. Nhu chỉ là con dê tế thần trong cuộc khủng hoảng này. Từ sau ngày 21-8, Nhu vẫn theo đuổi chính sách hòa hoãn. Nhân viên CIA có cảm tưởng Nhu dấu diếm sự thực [deception]; FRUS, 1961-1963, IV, Tài liệu 69.

đời như từ hơn ba tháng nay được.(177) Ngày này, các cấp TNCH gửi kiến nghị ủng hộ Diệm.(178) Tại Huế, ngày 24-8, Tỉnh trưởng Nguyễn Mâu sử dụng TNCH xét giấy người khả nghi. Hôm sau, 25-8, tổ chức "50.000 người" biểu tình trước bến Phú Văn Lâu chống và "lên án bọn lưu manh phản động đội lốt tôn giáo âm mưu phá rối an ninh công cộng," và lên án bọn phản loạn đội lốt tôn giáo.(179) Mâu còn cho lệnh bắt giữ Thích Trí Hữu, Tổng Thư Ký Phật giáo Trung Phần, cùng hai người tháp tùng.(180) Chiến dịch Nước Lũ nhằm đánh chiếm chùa và bắt giữ tăng ni là một thứ chiến thắng cay đắng cho chế độ Diệm-Nhu. Mặc dù hầu hết các lãnh đạo phong trào tranh đấu đều bị bắt giữ–ngoại trừ Thượng tọa Thích Trí Quang và hai tăng trốn vào được Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn–biến cố này gây nên một chuỗi phản ứng dây chuyền mà kết quả chung cuộc là cái chết bi thảm của ba anh em họ Ngô. Trên bình diện quốc nội, sinh viên, học sinh Huế–có sự tiếp tay của cán bộ Cộng sản hay chăng–xuống đường biểu tình dữ dội. Đường phố Đà Nẵng cũng rung chuyển khí thế đấu tranh và quyết tâm đánh dẹp biểu tình của nha trảo chế độ. Thục, rồi Nhu yêu cầu Linh mục Luận, lúc đó đang tạm trú ở Đà Nẵng, trở lại Huế giải quyết. Luận từ chối, dù là một cán bộ Cần Lao cao cấp–chuyến tham quan Mỹ trong mùa Hè 1963 cho Luận nhận hiểu ngày tàn của chế độ đã điểm.(181) Một biến cố chấn động dư luận là chiều ngày 22-8, Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu đột ngột xuống tóc, đệ đơn xin từ chức. Sau đó, tiếp kiến các phái đoàn Ngoại giao (Trung Hoa Quốc Gia, Thái Lan, Đại Hàn, Nhật Bản, Lãnh sự India, Chủ tịch UHQTKSĐC), và chào từ biệt Nguyễn Ngọc Thơ tại Hội trường Diên Hồng. Sáng ngày Thứ Bảy, 24-8, Mẫu tới Đại học Luật khoa nói chuyện với khoảng 3.000 sinh viên các phân khoa sinh viên. Hô hào sinh viên tranh đấu bất bạo động. Có Vũ Quốc Thúc và Nguyễn Văn Bông xuất hiện. Hẹn sẽ gặp lại vào ngày hôm sau. Nhưng từ ngày này, bị giam lỏng tại gia.(182)

177. VNCH, UBLBĐTACL, Biên bản số 62: Phiên họp của UBLBĐTACL tại Dinh Gia Long ngày 23-8-1963, tr. 6-12; PTT/1CH, HS 8278. 178. PTT/1CH, HS 8511. 179. HS 8530; CĐ ngày 29-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8530) Tài liệu Việt Tấn Xã tăng lên 80.000 người "lên án bọn người lợi dụng tôn giáo để đầu cơ chính trị;" HS 8511. 180. CĐ ngày 29-8-1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8530. 181. Cao Văn Luận 1972:352-386. 182. Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, Bản tin đặc biệt ngày 24-8-1963; HS 8513; Nhân 1964a:37, 39.

Ngày 23-8, Diệm đã không chấp thuận cho Mẫu từ chức, mà chỉ cho nghỉ dài hạn ba tháng, qua Nepal hành hương. Ngày 26-8, trên đường ra phi trường qua India, Mẫu bị Tổng trấn Tôn Thất Đính cản lại tịch thu thông hành. Mãi tới ngày 29-8, Mẫu mới được rời nước. Biến cố thứ hai là sự nhập cuộc của giới sinh viên, học sinh Sài Gòn. Ngày 22-8, 1253 sinh viên trường Kỹ thuật Phú Thọ (trên tổng số 1291 người) bãi khóa. Chỉ có 15/80 sinh viên ban Cao đẳng hỗn hợp, 7/302 sinh viên Công chánh và 16/189 sinh viên ban Điện đi học.(183) Hôm sau, 23-8, sinh viên Y-Dược Sài Gòn xuống đường ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử và sinh viên, giáo chức tại miền Trung. Cảnh sát đàn áp mạnh, bắt giữ nhiều người. Việc sinh viên Y-Dược, được coi là cốt cán của chế độ và những thành phần bảo thủ nhất trong xã hội, nghiêng về phe Phật giáo cho thấy uy tín

chế độ đã suy tàn. Anh em Diệm-Nhu tìm cách vuốt ve, nhưng không thành công. Nhiều người trong số 19 thành viên ủy ban đại diện bị bắt.(184) Sáng Chủ Nhật 25-8, hàng chục ngàn sinh viên học sinh biểu tình tại Chợ Bến Thành và nhiều địa điểm khác trong thủ đô. Hai anh em Diệm-Nhu thẳng tay đàn áp. Nhiều người chết, bị thương, hay bị bắt giữ. Trong khi đó, Trần Văn Chương–cha vợ Nhu, đương kim Đại sứ tại Mỹ –cũng từ chức phản đối, hoặc bị Diệm cách chức, từ ngày 22-8-1863. Mẹ Lệ Xuân, Thân Thị Nam Trân, từ chức Quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc. Từ ngày 17-8, Chương đã gửi mật điện cho Diệm, báo cáo rằng dư luận thế giới và đặc biệt tại Mỹ tin rằng Diệm không thể mang lại chiến thắng Cộng sản. Cuộc khủng hoảng Phật giáo vốn dĩ không phải là nguyên nhân, mà chỉ là hậu quả, một giọt nước làm tràn ly. Phải ngưng tin dùng các cố vấn Nhu và Cẩn. Nội các cho rằng điện văn đó không thể chấp nhận được, "khiêu khích và huênh hoang," nên ngày 21-8-1963 bị Diệm cách chức trước khi xin từ chức. Diệm tuyên bố phải loại trừ bọn phá hoại, không đàn áp Phật Giáo, và tin tưởng ở quân đội.(185) Tối 27-8, hai vợ chồng Chương còn thúc dục Tướng Lansdale là Mỹ phải lật đổ ngay Diệm-Nhu, bằng không dân chúng sẽ trở thành chống Mỹ. Đích thân Nam Trân yêu cầu Lansdale qua ngay Sài Gòn, khuyên anh em Diệm rời nước. Nam Trân nhấn mạnh: "Dân chúng đã ghét họ, và họ không nên ở lại để chờ dân chúng giết. Họ chắc chắn sẽ bị giết nếu còn ở lại, và chẳng có ai trong Dinh [Gia

183. PTT ICH, HS 8501. 184. PTT ICH, HS 8513. 185. HS 8511; Herald Tribune, 24-8-1963; Nhân 1964a:34.

Long] bảo thẳng với họ về cảm tưởng của dân chúng. Họ đã bị cách biệt hẳn với thực tế. Sau chín năm cầm quyền, tại sao họ còn muốn tiếp tục nếu toàn gia bị chết. Nước Mỹ đã bảo Syngman Rhee [Lý Thừa Vãn của Nam Hàn] rời nước [năm 1961]. Tại sao không làm như thế với Diệm và Nhu?(186)" Ngày 24-8, Vũ Văn Thái–cựu Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện, hiện đang làm việc cho cơ quan LHQ tại Lome, Togo– cũng viết thư cho Harriman, đề nghị Diệm và gia đình phải ra đi. Nội dung thư Thái tương tự như thư riêng của Vũ Văn Mẫu gửi Chester Bowles từ New Dehli.(187) Trong khi đó, cuộc tấn công chùa chiền ngày 21-8 gây nên những phản ứng sâu đậm khắp thế giới. Từ ngày 11-6, bức hình tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức đã trở thành biểu tượng của cuộc tranh đấu của Phật giáo và chính sách giáo phiệt Ki-tô của anh em Diệm. Vào thượng tuần tháng 8-1963, một số nước Phật giáo chính thức yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thảo luận. Ngày 22-8, từ Nam Vang, chính phủ Cao Miên ra tuyên cáo: "Chính phủ Hoàng gia Căm-bốt kinh hoàng đón nhận tin chính phủ Sài-gòn đàn áp man rợ các tăng ni và Phật tử Nam Việt Nam vào rạng sáng ngày 21-8-1963. Việc tấn công các chùa bằng lực lượng tinh nhuệ của chính phủ, việc tàn sát tăng ni, việc bắt giữ, việc phong tỏa các nơi thờ tự đang diễn ra tại thủ đô Việt Nam là một thách thức thế giới văn minh. Trong lịch sử hiện đại chỉ có chế độ Hitler mới dám vi phạm những tội ác chống lại quyền tối thượng của con người như thế." Tiếp đó, chính phủ Sihanouk kêu gọi các quốc gia tố cáo và ngăn chặn tội ác đàn áp Phật giáo của chính phủ Diệm. Nam Vang còn kêu gọi Vati- can cho lệnh chính quyền Diệm và tín đồ Ki-tô phải theo

đúng nguyên tắc cao cả của Ki-tô giáo.(188) Ngay đến Vatican, điểm tựa vững chắc nhất của chế độ Diệm,

186. Nguyên văn: “You must go to Saigon fast and tell Diem and the Nhu’s to leave the country now. The people hate them and they shouldn’t stay for the people to kill them. They will surely be killed if they stay, and nobody at the Palace now is telling them how the people really feel. They are cut off from reality. Why do they need power, after nine years of it, if the family is killed? The US told Synman Rhee to leave. Why not Diem and Nhu?” JFK Library, NSF Country File, Vietnam; FRUS, 1961-1963, III:666; William C. Gibbons, The U.S. Government and the Vietnam War, 3 vols (Princeton, NJ: Princeton Univ Press, 1993), II:155. 187. FRUS, 1961-1963, IV:114-5. Ngày 5-9-1963, Harriman mới chuyển thư này cho Bundy, Cố vấn ANQG của Kennedy. 188. CĐ số 896, ngày 23-8-1963, Phnom Penh gửi Paris; CLV, SV, d. 17)

cũng bất bình. Khâm sứ Vatican d’Asta từng bảo thẳng Diệm rằng việc tấn công chùa chiền và đàn áp Phật giáo làm hại cho uy tín Vati- can và đi ngược lại quyền lợi của quốc gia Việt Nam. Tại Mỹ, hầu hết các cơ quan ngôn luận đều yêu cầu chính phủ Mỹ có thái độ tức khắc. Tờ New York Times kịch liệt lên án chính phủ Diệm, mà sự mất lòng dân, độc tài và tàn bạo biểu lộ qua cuộc đàn áp Phật giáo. Báo này cũng chỉ trích chính phủ Kennedy đã không sử dụng áp lực thích đáng với Diệm và chậm trễ trong việc minh định thái độ.(189) Những báo khác gọi chế độ Diệm là độc tài, cảnh sát trị, làm mất giá trị sự tham chiến của lính Mỹ trong cuộc chiến chống Cộng.(190) Chỉ riêng tờ New York Herald Tribune muốn chính phủ Kennedy tiếp tục yểm trợ chính phủ Diệm trước hiểm họa Cộng Sản. Mar- guerite Higgins, trong loạt bài viết về chế độ Diệm, lập lại hầu như nguyên văn lời tuyên truyền của chế độ Diệm: không có kỳ thị tôn giáo mà những biến động thuần có tính cách chính trị, do Cộng Sản giật dây, với sự hỗ trợ của báo chí ngoại quốc, đặc biệt là Mỹ. Bối rối và giận dữ nhất là các viên chức Mỹ. Tại Sài Gòn, để bảo mật, ngay sau nửa đêm 20-8, Nhu cho lệnh cắt đứt dây điện thoại tới Tòa Đại sứ Mỹ và tư gia các viên chức Mỹ. Bởi thế, ngày 21-8, từ Trueheart tới Chánh sở CIA John H. Richardson đều không biết rõ chính Diệm đã cho lệnh, hay các Tướng lãnh đã làm đảo chính, đánh chiếm chùa chiền. Ngộ nhận các Tướng làm đảo chính, đài VOA và Bộ Ngoại Giao Mỹ nghiêm khắc qui trách cho quân đội.(191) Mãi tới 6 giờ sáng ngày 21-8–sau khi Diệm đã cho công bố lý do hành quân cảnh sát lục soát một số chùa, và giới nghiêm vì Cộng sản xuất hiện gần Sài Gòn– Tướng André Đôn mới điện thoại cho Paul Harkins thông báo về lý do ban hành thiết quân luật. Theo Đôn, Diệm cho lệnh Thiết quân luật

189. Bộ Ngoại Giao Pháp, CĐ số 4879/83, Đại sứ ở Mỹ gửi BNG; CLV, SV, 17:29. 190. CLV, SV, 17:33. 191. Từ ngày 11-7-1963, cơ quan an ninh Mỹ đã ghi nhận có dấu hiệu là các sĩ quan cao cấp và ngay chính Nhu đang âm mưu đảo chính. Trong hai buổi tiếp xúc với “khoảng 14 Tướng,” kể cả tân Thiếu tướng Đỗ Cao Trí, Tư lệnh QĐ I, Nhu tuyên bố có thể có một cuộc đảo chính nếu Diệm trở thành “nô bộc” của Mỹ [if he believed the government, meaning Diem, was becoming servile to the United States, he himself

would lead a coup d'Etat]. Ngày 25-6, chính Nhu cũng nói với một quan sát viên Mỹ như trên. FRUS, 1961-1963, III:490-491. Ngày 13-7, cơ quan CIA báo cáo Đôn tự nhận nằm trong một nhóm âm mưu đảo chính; Ibid., III:491. Ngày 15-7, một cá nhân thuộc nhóm Trần Kim Tuyến tuyên bố sắp có đảo chính, nhưng không trước ngày 20-7. Ngày 16-7, Big Minh nghĩ cần phải có sự thay đổi chính phủ; Ibid., III:491n8.

để chống lại Phật giáo. Lệnh này chắc không kéo dài quá ngày bầu cử [Quốc Hội dự trù vào ngày 31-8-1963]. Đôn cũng tiết lộ mới chỉ sử dụng 1 tiểu đoàn Dù, 1 tiểu đoàn TQLC, và quân cảnh ở Sài Gòn. Tuy nhiên, các đơn vị ven đô đều đặt trong tình trạng báo động. Thiết giáp cũng xuất hiện tại thủ đô và Chợ Lớn. Đại sứ Nolting– đang dự hội nghị Honolulu với tân Đại sứ Lodge, Hilsman, Đề Đốc Harry D. Felt, và Paul Kattenburg, tân Chủ tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Việt Nam tại Bộ Ngoại Giao Mỹ–gửi cho Diệm một công điện phản đối, trách móc Diệm: "Đây là lần đầu tiên ông không giữ lời hứa với tôi."(192) Hôm sau, 22-8, Tổng thống Kennedy chỉ thị Lodge nhận nhiệm sở càng sớm càng tốt, vì Lodge dự định ghé thăm Hong kong ít ngày, rồi trình ủy nhiệm thư vào ngày 26-8. Oat-shinh-tân vội gửi một phi cơ quân sự đặc biệt cho Lodge tới ngay Sài Gòn. Khoảng 21giờ 30 ngày 22-8, Lodge mới có mặt tại thủ đô miền Nam. Tới trước Lodge vài tiếng đồng hồ là mật điện của Hilsman, chỉ thị phải tìm cách giảm quyền lực Nhu.(193) Lodge là một lãnh tụ quan trọng của Đảng Cộng Hòa Mỹ. Năm 1960, Lodge từng đứng chung liên danh với Richard M. Nixon, nhưng bị liên danh Kennedy-Johnson của Đảng Dân Chủ đả bại khít khao. Từ tháng 6/1963, khi Oat-shinh-tân hỏi ý kiến về việc đề cử Lodge, Diệm không phản đối, nhưng không giấu sự bất mãn và lo ngại. Nhu mỉa mai gọi Lodge là Toàn quyền [Gouverneur General], trong khi Diệm tuyên bố dù có gửi 10 Lodge qua Việt Nam, Mỹ vẫn phải huấn luyện người bắn pháo binh vào Dinh Gia Long. Trong buổi tiếp kiến Kennedy vào trưa ngày 15-8, Lodge có cảm tưởng rằng Kennedy đặc biệt lo ngại về tình hình Việt Nam, và hàm ý rằng chế độ Diệm đang đi vào đoạn kết. Cuộc tấn công chùa ngày 21-8 đặt Lodge trước một việc đã rồi. Một cái tát xiếc, như một ký giả Mỹ nhận định, nếu xét kỹ những áp lực và đòi hỏi "hòa hoãn với Phật giáo" của Oat-shinh-tân. Ngay trong ngày 23-8, Lodge cho nhân viên đi tiếp xúc hầu hết các nhân vật cao cấp Việt để có được một hình ảnh rõ ràng về tình hình. Lodge còn mời các ký giả Mỹ tới tham khảo hầu cải thiện liên hệ giữa Tòa Đại sứ với các ký giả. Không kém quan trọng, Lodge cho người đi tháo gỡ dây kẽm gai mà Cảnh sát giăng kín trụ sở USOM, đích thân tiếp xúc hai nhà sư xin tị nạn, và gặp đại diện nhóm Caravelle. Lodge còn tiếp xúc với Đại sứ Italia Giovanni d'Orlandi và Khâm sứ Vatican Salvatore d'Asta.

192. Nolting, 1988:121. 193. FRUS, 1961-1963, III:605.

Chỉ trong vòng 24 giờ, Lodge đã nắm vững được tình hình. Trước hết, quân đội không dính líu gì đến cuộc tấn công chùa chiền, và nhiều nhóm muốn làm đảo chính. Nhân viên CIA Lucien "Lu" Conein và Rufus Phillips được Nguyễn Đình Thuần, Võ Văn Hải,

Chánh văn phòng của Diệm, André Đôn, và Lê Văn Kim, khẳng định rằng chính Nhu cầm đầu cuộc tấn công chùa chiền.(194) Buổi nói chuyện giữa Đôn và Conein tại Bộ Tổng Tham Mưu khiến Lodge chú ý nhất. Đôn yêu cầu đài VOA cải chính là không phải quân đội đã tham gia cuộc đàn áp, tấn công các chùa chiền, mà chính Cảnh sát đặc biệt của Nhu. Theo Đôn, khoảng 1.420 tăng ni bị bắt giữ khắp miền Nam trong ngày 21- 8. Nhu là "khối óc" [thinker] của Diệm; nhưng Diệm có quyền quyết định. Lệ Xuân hành xử như "vợ" [platonic wife] Diệm. Diệm chưa bao giờ lấy vợ và không quen có đàn bà bao quanh. Chín năm qua, Lệ Xuân chăm sóc Diệm sau mỗi ngày làm việc mệt nhọc. Lệ Xuân nói chuyện, giúp Diệm giải tỏa áp lực, và giống như bất cứ người vợ nào, thống trị gia đình. Giữa Diệm và Lệ Xuân không có liên hệ tình dục, vì Diệm chưa hề trải qua mùi vị nam nữ. Diệm và Lệ Xuân, theo Đôn, giống như Hitler và Eva Braun. Đôn cũng tiết lộ Diệm rất thích những thanh niên đẹp trai. Một Trung sĩ làm vườn đã được cất nhắc lên Trung tá, trông coi dinh điền quân đội, nhờ đẹp trai. Theo Đôn, không thể tách rời Diệm với vợ chồng Nhu. Nếu phải chọn giữa Diệm và Nhu, Đôn muốn Nhu ra đi.(195) Tướng Lê Văn Kim, phụ tá báo chí của Đôn, tâm sự với Phillips, Giám đốc Phòng Cải Cách Điền Địa của cơ quan USOM, đặc trách Ấp Chiến Lược, là quân đội đã trở thành "tay sai" của Nhu. Chính Nhu đã bày mưu để các Tướng yêu cầu ban hành thiết quân luật. Và, 1.426 tăng ni, Phật tử đã bị bắt giữ. Sáng ngày 23-8, sinh viên Y khoa và Dược đã bắt đầu biểu tình. Nhu đã cho lệnh Cao Xuân Vỹ tổ chức phản biểu tình vào ngày 25-8. Trong bữa điểm tâm tại tư dinh Nguyễn Đình Thuần ngày 24-8, Thuần cũng nói với Phillips rằng vợ chồng Nhu phải ra đi. Theo Thuần, ngày hôm trước (23-8), Diệm đã viết thư cho Lệ Xuân, yêu cầu từ nay

194. The Pentagon Papers (Gravel), II:234. 195. FRUS, 1961-1963, III, tài liệu 275; Chính Đạo, VNNB, IC: 1961-1963, tr. 208, 322-323. Trong hồi ký của McNamara, đoạn nói về Lệ Xuân, tương tự như nhận định này. McNamara còn gọi Lệ Xuân là "một mụ phù thủy." Theo cựu Đại tá Phạm Văn Liễu, năm 1954, đài phát thanh Quân Đội Quốc Gia đã phát thanh hầu như mỗi ngày một câu đồng dao: "Nực cười cho họ Ngô Đình, Trai không có vợ, mượn tình em dâu." Trai không có vợ ám chỉ Ngô Đình Diệm, và "em dâu" là Lệ Xuân; Trả Ta Sông Núi (Houston: Văn Hóa, 2001), tập I, tr. 310.

đừng tuyên bố gì nữa. Diệm cũng đã chuyển cho Bénoit Trần Tử Oai và Tổng Giám Đốc Thông Tin [Phan Văn Tạo?] biết lệnh này. Theo Thuần, Mỹ đừng lo ngại việc mở cửa cho Cộng sản với cái giá phải yểm trợ một chính phủ có Nhu. Nếu Mỹ cả quyết, các Tướng sẽ hành động.(196) Vị đắng của cảm giác bị anh em Diệm-Nhu "phản bội" và ý niệm vai trò Diệm đã mất đi sự tối thiết hoặc hữu dụng trong chiến lược của Mỹ khiến Lodge giữ thái độ xa cách với Dinh Gia Long. Sách lược của Lodge là giai đoạn mềm mỏng dưới thời Nolting đã qua. Diệm phải tìm đến Lodge–như ngày nào Diệm đã phải tìm đến tu viện Maryk- noll ở New Jersey và Oat-shinh-tân cầu viện trợ. Vì, thực ra Diệm cần Mỹ hơn Mỹ cần Diệm. Chỉ có Tướng Harkins vẫn ủng hộ Diệm. Trong báo cáo ngày 22-8 về Oat-shinh-tân, Harkins tán thành việc tấn công các chùa, vì muốn ổn định tình hình. Harkins cũng không đồng ý việc đặt Đôn lên chức Tổng Tham Mưu trưởng,

hay Đính nắm Quân đoàn III và Biệt Khu Thủ Đô, vì việc bổ nhậm này tạo cho phe đảo chính cơ hội nắm quyền dễ dàng.(197) Tuy nhiên, phe Cố vấn ANQG Bundy cùng Harriman và Hilsman tại Bộ Ngoại Giao cảm thấy đã quá đủ với họ Ngô. Ngày cuối tuần 24-8, XLTV Ngoại trưởng George Ball bật đèn xanh cho Lodge tìm một giải pháp khác Diệm. KẾT TỪ Mùa Phật Đản 2507 (1963) đã đi vào lịch sử Phật giáo Việt Nam như một trong những trang bi hùng nhất. Bảy ngọn lửa cúng dường cho đạo pháp của tăng ni làm rúng động lương tâm nhân loại, ngoại trừ anh chị em nhà họ Ngô và nha trảo, trong "cơn điên cuồng tập thể của một gia đình cai trị chưa từng thấy từ thời các Nga hoàng."(198) Đây là lần đầu tiên Phật giáo đã vượt ra ngoài thế thụ động, "xuất thế" quen thuộc, đứng lên tranh đấu cho quyền tự do và bình đẳng tín ngưỡng của mình. Cuộc tranh đấu của Phật giáo miền Nam trong năm 1963, qua những tài liệu văn khố hiện đã giải mật, nặng tính chất tôn giáo hơn chính trị. Mặc dù chế độ Diệm-Nhu-Thục cố tình diễn giải cuộc tranh đấu của Phật giáo dưới góc cạnh xấu xí nhất–như nặng mang tính chất chính trị hơn tôn giáo, có bàn tay Cộng Sản giật dây, có bàn tay ngoại cường (hiểu như người Mỹ), v.v...– mùa Phật Đản đẫm máu 1963 là cao điểm của phong trào duy tân Phật giáo Việt Nam từ thập niên 1920. Tính cách phi-chính-trị của cuộc tranh đấu khiến

196. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 174, 273. 197. FRUS, 1961-1963, III:607-610. 198. FRUS, 1961-1964, IV:175.

người Mỹ, đặc biệt là Cố vấn ANQG Bundy và Đại sứ Lodge quyết định thay ngựa giữa đường. Nói cách khác, cuộc tranh đấu của Phật giáo đã khơi động niềm cảm phục dư luận thế giới, nơi giáo hội và chính phủ đã hoàn toàn biệt phân, và tự do tín ngưỡng được coi như nhu cầu tối thiết, một quyền người cơ bản. Ngay đến đại diện Vatican ở Sài Gòn cũng phải cảnh cáo Diệm rằng việc đàn áp Phật giáo là một tội ác, làm giảm uy tín giáo hội Ki-tô. Các tăng ni lãnh đạo phong trào tranh đấu không chỉ chứng tỏ tinh thần Bồ tát đại dũng trước bạo lực, sẵn sàng dùng nhục thân bảo vệ Phật pháp, mà còn chứng tỏ một chiến thuật vận động đấu tranh tỉ mỉ, xuất sắc. Họ đã phối hợp giữa vận động quần chúng và các cơ quan truyền thông quốc tế để tạo nên những biến động thu hút dư luận và cảm tình của ngay những người chưa đủ khả năng tìm kiếm ra vị trí Việt Nam trên bản đồ thế giới.

***

NHỮNG THÁNG NGÀY KHÔNG QUÊN Thái Kim Lan

Năm 1963, trong khi Phật giáo Việt Nam bị chế độ độc tài Ngô Đình Diệm đàn áp, vào ngày 11-6 năm đó, Bồ-tát Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân để nguyện cầu cho Phật pháp trường tồn. Ngọn lửa của Ngài đã đánh thức lương tri nhân loại, trở thành linh hồn của phong trào 1963 mà những người Phật tử qua các thế hệ mãi mãi không quên. Giáo sư Thái Kim Lan, 46 năm về trước, từng tham gia phong trào sinh viên tranh đấu chống lại sự kì thị Phật giáo của chính phủ Diệm, đã viết lại truyện ký "Phượng trên trời, Hải đường dưới đất", nói về phong trào đó. Nhân kỷ niệm ngày

Bồ-tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân (11/6/1963-11/6/2009), chúng tôi đăng lại đoạn bài viết “Những tháng ngày không quên” do chính tác giả trích trong tập truyện ký nói trên gửi đến trang nhà Liễu Quán Huế. Trân trọng giới thiệu cùng độc giả. LỬA ĐỎ TRONG TIM Hôm ấy là ngày 11-6 dương lịch. 9 giờ rưỡi sáng tất cả Phật tử trong chùa đã họp nhau trên chánh điện để tụng kinh hàng tuần cho các Thánh Tử Đạo. Chúng tôi cùng nhau đọc kinh và nghe giảng đến khoảng hơn 11 giờ trưa. Vừa dứt câu “nguyện đem công đức này hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo“mọi người lạy từ từ lui ra, bỗng nghe chuông trống bát nhã vang lừng một cách lạ thường. Mọi người đều giật mình quay ra phía góc tả hữu hai bên chánh điện, thấy một bên anh Từ, bên kia Thầy Chánh Trực đang dùng hết sức bình sinh nổi chuông và trống liên hồi. Chúng tôi ngạc nhiên nhìn nhau không biết chuyện gì trầm trọng đã đang và sẽ xảy ra mà trống chuông đổ khẩn cấp đến thế! Vừa dứt tiếng trống, anh Từ nói lớn, sắc mặt và giọng nói đầy bi hùng pha lẫn chút nghẹn ngào của nước mắt đang quanh mi: “Mời tất cả ở trong chánh điện, Thầy có chuyện nói với quý vị!”

462 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Vài phút sau tin truyền ra như sét đánh: Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu vào khoảng 11 giờ sáng hôm nay với lời nguyện “Tôi sẵn sàng tự thiêu để cúng dường Tam bảo và để giác ngộ cho chính quyền mau mau thỏa mãn năm nguyện của của Phật giáo”: “Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, Hòa thượng trụ trì chùa Quán Âm, Phú Nhuận (Gia Định). Nhận thấy Phật giáo nước nhà lúc ngữa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng Tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật Pháp tiêu vong, nên tôi phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường Chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương Chư Phật, Chư Đại đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện như sau: 1- Cầu hồng ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong Bản Tuyên ngôn. 2- Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt. 3- Mong nhờ hồng ơn đức Phật gia hộ cho Chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tại nạn khủng bố, bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác. 4- Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt mà về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi Chư Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni, Phật tử đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật Pháp. Nam mô Đấu Chiến thắng Phật. Làm tại chùa Ấn Quang ngày 8/4 Nhuần Quý Mão. Chùa Quán Thế Âm. Tỳ Kheo Thích Quảng Đức kính bạch! Nghe tin tất cả mọi người đều thảng thốt như bị điện giựt, rồi không ai bảo ai mọi người đều quì xuống, các ni sư có người oà lên khóc, nhiều tiếng niệm Phật nho nhỏ thốt lên như những tiếng kêu tán

NHỮNG NGÀY THÁNG KHÔNG QUÊN • 463

thán, rồi tất cả mọi người đồng sụp lạy và quỳ tụng theo lời của anh Từ xướng lên “Nam Mô tiếp dẫn đạo sư A di đà Phật”, tiếng tụng kinh ban đầu còn lảo đảo ngập ngừng trong cơn xúc động, nhưng càng lúc càng vững vàng tự tin lấn át mọi nghẹn

ngào của nước mắt đang chảy tràn trên mặt nhiều người, nghe ầm ì như tiếng của một cơn sóng thần từ trên trời dội xuống. Tôi ngồi đó như bị câm, môi tê cứng không thể mấp máy tụng theo mọi người. Hình như tôi chưa có một ý niệm hay chưa vẽ ra được trước mắt hình ảnh về mấy chữ vừa được nghe: "Hòa thượng Thích Quảng Đức vị Pháp thiêu thân". "Đốt cháy thân xác thịt da mình để cứu đạo Pháp và giác ngộ con người!" Đã đành mỗi chữ trong dòng thông tin này như "đốt cháy" - "thân xác - thịt da" - "cứu" - "Đạo Pháp" thì rõ nghĩa, nhưng sau từng chữ là tổng thể của một chí nguyện và sức mạnh tinh thần vô úy vô ngại dũng mãnh để biến thành ngọn lửa thiêu thân hiện thực, điều này đang vượt quá giới hạn kinh nghiệm của một đứa sinh viên Phật tử nhỏ bé yếu đuối là tôi đang cúi đầu sụp lạy. Tôi tự hỏi không biết mình sẽ phản ứng như thế nào khi được chứng kiến tận mắt cảnh tượng hy sinh chưa từng có này: khóc, la hét, ngất xỉu, niệm Phật, lạy, sửng sờ, sợ hãi, chết cứng, sùng bái? Mọi liên tưởng hay so sánh của con người về hình ảnh đó bỗng trở nên hạn hẹp và tố cáo kinh nghiệm chủ quan cũng như trình độ hiểu biết của từng cá nhân. Tôi nhớ đến màu đỏ lửa của hoa phượng trong giấc mơ: Lửa! Lửa! Lửa! Một kẻ ngu ngơ như tôi chỉ có thể tưởng tượng được ngọn lửa vây quanh ngài cũng đỏ như màu hoa phượng trong giấc mơ, nhưng trong giấc mơ, hoa phượng có thành lửa đỏ cũng chỉ là mơ... lửa không nóng mà lại mát rượi cả tâm hồn! Và cho dù tôi có học thuộc lòng lý thuyết của D. Hume về kinh nghiệm bỏ tay vào lửa là bị phỏng, phỏng làm đau... mà bản tính của con người sợ đau nên học được thói quen thấy lửa là tránh, đã sợ đau tránh lửa thì làm sao có thể hiểu hết được sức mạnh siêu nhiên vô úy của người ngồi kiết già trong lửa? Có người như bà Trần Lệ Xuân, vợ của ông Cố vấn Ngô Đình Nhu, chủ tịch Phụ nữ Liên đới VN, trong tình cảm riêng tư, khi nghe tin "lửa cháy...thân xác" liền nghĩ ngay đến món "thịt nướng" trong biệt thự sang cả của bà, không hơn không kém! Tổng thống Ngô Đình Diệm, trong vai trò của ông, vừa nghe tin đã rụng rời, rơi cả giấy đang cầm tay và hốt hoảng đọc lời hiệu triệu nhưng vẫn tuyên bố một câu đầy oai quyền "sau lưng hiến pháp còn có tôi" như một lời tự thú về quá trình độc tài của chính ông. Cả thế giới nhìn Việt Nam với nỗi kinh ngạc về sức mạnh tâm linh của một hiện tượng tôn giáo độc nhất

vô nhị trên đời. Và báo chí khắp năm châu kín trang đi tìm ý nghĩa hành động tự thiêu của Thích Quảng Đức như một hy sinh cao cả! Họ làm sao hiểu hết được hành động phi thường này qua những tam đoạn luận, phép tỷ giảo, loại suy, phân tích, so sánh ngay cả với chúa Jesus! Hình như mọi so sánh đều là những quá trình giảm thiểu rút gọn vào kinh nghiệm thuộc thế giới thường nghiệm, do đấy trở nên ngờ nghệch và khập khiểng. TRÁI TIM BỒ TÁT Vượt lên trên tất cả sức tưởng tượng của con người cũng như lòng tin căn cứ vào thói quen cho rằng "lửa có khả năng khủng khiếp đốt cháy tiêu hủy hết tất cả những chi thuộc về "sắc tướng", Thích Quảng Đức đã đưa một thông điệp khác cho loài người: THẾ NHƯNG! LỬA đã không thể thiêu hủy trái tim Bồ tát Thích Quảng Đức! - nghe Thượng tọa Đức Nghiệp, người đã đưa Hòa thượng Thích Quảng Đức đến ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng (Sài gòn) ngồi xuống ung dung châm lửa tự thiêu, kể lại rằng hôm ấy mấy chục ký giả ngoại quốc chứng kiến vụ tự thiêu - những kẻ được tôi luyện trong tri thức khoa học và tin tưởng vào khoa học -, đã lon ton

chạy đi tìm thêm mấy bình xăng, quẹt hết mấy hộp diêm, hì hà hì hục cố tình đốt lui đốt tới hầu mong có thể tiêu hủy trái tim vẫn còn nguyên vẹn sau khi nhục thể của Ngài đã thành tro, nhưng LỬA hơn nghìn độ của lò hỏa thiêu cũng như mấy chục lít xăng super của người ngoại quốc đã qui hàng trước TRÁI TIM BỒ TÁT. Trái tim có sức mạnh biến lửa tam muội thành LỬA TỪ BI. Hiện tượng bất ngờ! Những kẻ tự hào văn minh Tây phương ngơ ngác! Hình như mọi thứ ngôn từ khoa học vừa dừng lại nơi đây, nơi cái gạch nối ấy, gạch nối giữa thể xác và tâm linh, giữa trái tim nhục thể và trái tim bất diệt, khoa học đang dừng lại bên bờ nhịp đập và nhịp ngừng của trái tim, quờ quạng không tiến xa hơn một bước, trong lúc kẻ hành thâm bát nhã đã thâm nhập vào bến bờ của tâm - ý - thức siêu ngã, đã qua bờ và đã quay về - khi đi cũng như khi trở lại không bằng con đường nào khác hơn là con đường của TÂM - của trái tim: từ trái tim khả tử đến trái tim bất tử - tuy hai mà chỉ là một, trái tim Quảng Đức! “Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngỏ, Phật pháp chẳng rời tay”. “Bóng người vượt chín tầng mây, nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề”. Có chăng chỉ còn “vần điệu của thi nhân”, trong một phút giây

trực cảm, đã đến gần với nhịp đập của trái tim Bồ Tát ấy, đã có thể “sờ” được ngọn lửa từ bi, khả dĩ đem ánh sáng ngọn lửa Quảng Đức chiếu dọi vào tâm hồn của người Việt trên khắp miền Nam và cả thế giới. Một tháng sau ngày Thích Quảng Đức tự thiêu, với “Lửa Từ Bi” thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã thêm một lần làm ngọn lửa này rực sáng thiên thu bất diệt, đã làm bừng cháy ý nguyện của Phật tử miền Nam Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác Trong vô hình sáng chói nét từ bi. Rồi đây... rồi mai sau... còn chi? Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát Với thời gian, lê vết máu qua đi Còn mãi chứ, còn trái tim Bồ tát Dội hào quang xuống chốn A tì Ôi ngọn lửa huyền vi... Lời thơ vang dội đã gây nên một tác dụng mãnh liệt nung đốt ý nguyện vô úy của Phật tử miền Nam, đến nỗi những người có uy quyền phải giật mình thảng thốt. Ông Cố vấn Ngô Đình Nhu nổi giận trước đám bộ hạ tướng tá giám đốc công an, cảnh sát, mật vụ của ông và quát tháo rằng, cả guồng máy công an cảnh sát miền Nam chẳng làm gì được mà thua một bài thơ của tên thi sĩ quèn trói gà không chặc. Hình như trong cơn nóng giận, bị nung đốt trong lửa dục độc tôn và lửa hờn ghét tất cả những ai không theo mình, bị mê hoặc trong lửa ái ngã và chấp ngã, ông Cố vấn vốn nổi tiếng thông minh tài ba đầy mưu thần chước quỷ đã không thấy được sức mạnh của một “cung” rất nhỏ trong “vần điệu thi nhân”, một dấu nhấn hầu như vô hình nhưng có mãnh lực đưa mũi tên mỏng như lá tre phá cả thành trì vô minh, khai phóng giác ngộ giải thoát, đưa bài thơ theo cùng với ngọn lửa Quảng Đức tỏa khắp mười phương Từ cõi vô minh Hướng về cực lạc Vần điệu thi nhân chỉ còn là rơm rác Và cũng chỉ nguyện được là rơm rác. Chính cung thương “nhạn quá trường giang” của tâm vô ngã “chỉ nguyện được là rơm rác” đã giúp thi nhân “tự đốt mình” diệt mọi sân

si tham ái, vượt bờ giới hạn ngã chấp, lời thơ bay vút rực sáng trong tâm nhân loại ngọn lửa từ bi Quảng Đức: Thơ cháy lên theo với lời kinh, Tụng cho nhân loại hoà bình, Trước sau bền vững tình huynh đệ này... Hôm nay khi viết những dòng này, như một cuộc hẹn vô tình, lại cũng là ngày 11. tháng 6 của năm xưa, đã vừa vặn 40 năm ngọn lửa Thích Quảng Đức! Bút mực thời ấy đã chảy ra rất nhiều, lời ca ngợi tán thán cũng đã lắm, sự sùng bái quá đà tột bực. Nhưng bỗng giựt mình cho hôm nay và cho cả ngày xưa ấy! 40 năm đã đem lại nhiều thăng trầm cho Việt Nam, quá nhiều tang thương ngẫu lục cho cả mấy thế hệ 50, 60, 70 đến nỗi lịch sử lắm khi vì quá đau hay quá kiêu hãnh lại bỏ sót một vài điều tâm linh đáng để quan tâm, nhưng dễ bị bốc hơi ở nơi những trang sử thiên về vật chất! Bia đá dễ mòn nhưng bia miệng có lẽ không mòn về hiện tượng tâm linh Thích Quảng Đức. "Vĩ nhân mà siêu nhân" Hòa thượng Thích Trí Quang tán thán ngọn lửa Quảng Đức bằng một câu đáng suy ngẫm: "nước Việt Nam có lắm vĩ nhân. Nhưng Bồ tát Quảng Đức là vĩ nhân mà siêu nhân". Thật thế, Việt Nam của thế kỷ hai mươi đã có nhiều điều đáng nói, nhưng trên bình diện thể tính văn hoá Việt Nam - hay nói nôm na trên bình diện tu tâm, - có lẽ điều đáng nói nhất mà không quá đáng là Việt Nam đã có một siêu nhân Thích Quảng Đức với một sức mạnh tâm linh đã được thực chứng bằng "trái tim Bồ tát". Ngọn lửa Thích Quảng Đức không chỉ bùng cháy cho người Phật tử, ngọn lửa Thích Quảng Đức là một minh chứng cho cả một nền văn hoá Việt Nam được thể nhập như một đồng nhất "tâm thể", khơi dậy cho thế hệ nối tiếp một niềm hi vọng nhân ái trên con đường hội nhập nội tâm - và có lẽ chỉ ở điểm này - ở tính nhân ái từ bi nhẫn nhục nhưng đầy vô úy vô ngại - trái tim Quảng Đức khác với "trái tim bốc lửa linh thiêng" ("heilig gluehend Herz") của một Prometheus, - kẻ đem lửa cho trần gian - mà Goethe đã từng ca ngợi (J. W. v. Goethe, Prometheus). Prometheus phản kháng và thách đố Thượng đế, kẻ đánh lừa trái tim "tươi trẻ và thánh thiện" đã bùng cháy một thời cho thần linh và Thượng đế ngủ yên, đã là một giấc mơ huyền thoại về lý tưởng văn hóa của con người Tây phương, giấc mơ về hiệu hữu của loài người không phụ thuộc vào thần linh và Thượng đế, của một

giống người với trái tim bốc cháy theo hình tượng một Prometheus "biết đớn đau, biết khóc biết cười, biết vui chơi và hạnh phúc" và "vô úy" (J. W v. Goethe, đã dẫn), không hãi sợ thần linh. Prometheus bắt đầu xây dựng nhân tính bằng tự do, nhưng cũng bằng sự kiêu hãnh chấp ngã của một cá tính phương Tây. Xét cho cùng Prometheus cũng chỉ là giấc mơ huyền thoại lý tưởng của Tây phương! Với Hitler, tập đoàn thuộc địa, đế quốc và độc tài phương Tây, giấc mơ Prometheus phần nào đã trở thành cơn ác mộng của loài người. Trong lúc "Thích Quảng Đức ngồi yên thế hoa sen trong biển lửa" là một hiện thực "vô úy - từ bi" trọn vẹn của con người đã vượt chấp ngã, của "vị Phật đã thành", khởi đầu bằng sự phát triển chánh kiến chánh niệm, mở rộng trái tim cho tất cả chúng sinh, quên mình cho lý tưởng giác ngộ, chỉ nẻo cho tha nhân lầm đường và cầu nguyện cho chính những người thù nghịch với con người. Ngọn lửa Thích Quảng Đức không phải là một huyền thoại hay một niềm tin mù quáng mà là ngọn lửa của con người, của "mỗi người tự thắp đuốc lên mà đi". Đứng đầu thế kỷ hai mươi mốt, vào một thời điểm mà thế giới chưa bao giờ như ngày hôm nay bị phá sản về tinh thần và

văn hóa trầm trọng đến từ hai phía: sự hung hăng thô bạo của thế lực vũ lực ngụy tín và sự vô vọng hư vô (nihilist) của cuồng tín tâm linh, nền tảng đạo đức nhân loại đang lung lay sụp đổ dưới chân của mỗi người. Với LỬA TỪ BI và TRÁI TIM BỒ TÁT, Việt Nam có lý do hơn ai cả để tin tưởng vào sức mạnh vô úy siêu nhiên đầy tình nhân loại của chính con người Việt Nam. Nói điều ấy mà không mang một chút ảo tưởng, nếu mỗi người, nhất là người Phật tử Việt Nam không xem câu chuyện Thích Quảng Đức như một hiện tượng đặc biệt duy nhất, chỉ nên được nhớ hay quên như một dữ kiện lịch sử. Tấm gương Bồ tát Quảng Đức là một minh kính sửa lại cái nhìn sai lệch cho rằng hiện tượng tâm linh tôn giáo là một liều thuốc độc mê ngủ, đồng thời mở ra một chân trời mới cho thấy khả năng tâm linh của con người liên hệ với thực tại siêu việt trong nỗ lực vươn tới tuyệt đối thiện mỹ, mà những tôn giáo độc thần giáo điều thường giao trọn trong tay Thượng đế. Câu trả lời nằm trong câu hỏi: công án Thích Quảng Đức. Đối với thế hệ trẻ, ngọn lửa Thích Quảng Đức trở nên một vấn nạn, một tiền đề tu chứng khởi đầu hành trình tỉnh thức cho cả một đời người, một tấm gương khai phá sức mạnh tâm linh siêu nhiên của con người Việt Nam.

468 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Vấn nạn ấy anh em sinh viên đã thao thức đặt ra ngay sau ngày Thích Quảng Đức tự thiêu cũng như trong những buổi hội thảo những năm tháng kế tiếp, rồi bị rơi vào quên lãng. Câu hỏi thường được đặt ra là "Thiêu thân có phải là một sự tự sát và đạo Phật có chấp nhận tự sát hay không?". Trả lời câu hỏi ấy mà chẳng trả lời, Thầy Trí Quang đưa ra lời dạy của đức Phật làm cả bọn chưng hửng "Thân người khó được!" Vĩnh Tùng ngay hôm đầu tiên, với tiếng nói sư tử hống hề hề, lại đặt câu hỏi cố hữu: "Rứa là răng, thưa Thầy". Phan Chánh Đông, thường khi hay phản bác lại câu "Huế chạy" đó bằng một câu khác cũng "Huế rặt" không kém "Răng trong miệng a tề!", hôm ấy bỗng dưng im lặng, đôi mắt ốc bưu cũng bớt long lanh. Cả bọn thanh niên trẻ vốn ưa suy luận, ốn ào đặt vấn đề bỗng thấy đang đứng trước một vách đá, băn khoăn: chúng tôi đang vấp vào một nghịch lý mà luật chơi lý luận lý không cho phép. Rõ ràng nếu "thân người khó có" thì phải qúi trọng "thân người", có nghĩa là phải "ái", phải "thủ" phải "chấp" lấy tấm thân "khó có" này, có nghĩa là phải bảo vệ thân xác đến mức toàn thiện tận cùng, phải quý hóa nâng niu nó, không được coi thường coi nhẹ mạng sống của con người! Từ đó "tự thiêu thân" phải chăng là điều cấm và Thích Quảng Đức đã không tuân lời Phật dạy? Vĩnh Kha hạ kính cận xuống, nhìn mà không thấy ai: "thưa Thầy, hình như chưa đả thông được lời dạy "thân người khó được" với sự tự thiêu!" Chị Tuyết xen vào: "Thưa Thầy, theo con nghĩ, đức Phật đã dạy coi tấm thân ngũ uẩn tứ đại là vô thường, thì chuyện tự thiêu chẳng có chi mâu thuẫn!". "Nhưng lại mâu thuẫn với thân người khó có!" Đông tủm tĩm nhắc lại câu hỏi ban sơ. Đến đó Thầy Trí Quang mới dẫn chứng thêm "trong kinh cũng có nói về đốt thân xác như một hành động tu chứng chế ngự bản thân và nhất là trong trường hợp cần phải cứu độ sinh linh, hành giả có thể tự nguyện hủy thân mình!". Chúng tôi thở phào an tâm, đã có lời Phật dạy như thế! Nhưng trong lòng nỗi băn khoăn vẫn chưa dứt. Hình như chúng tôi cũng đang quanh quẩn trong rừng rậm hoài nghi mà một người chưa học Phật thấu đáo thường mắc phải, và những kẻ ngộ nhận Phật giáo thường vội vàng dựa vào đó để đi đến những kết

luận xuyên tạc: kết luận đạo Phật là phi tôn giáo, từ chối bản thể siêu việt và không giải đáp được những câu hỏi siêu hình của con người. Những kết luận này cho thấy sự nông cạn, không thấy được hay không muốn thấy hai bình diện chân lý khác nhau trong lời dạy "tấm thân ngũ uẩn" và "thân

người khó có" của đức Phật. Trong lúc thấy được tính giả hợp của tấm thân ngũ uẩn là nhìn đúng bản chất của sự vật trên bình diện khoa học khách quan, thì mặt khác lời dạy "thân người khó được" nhấn mạnh đến giá trị hiếm có của chính thân người trên thế gian, chính giá trị này mang đến ý nghĩa cho sự hiện hữu của con người như là một thực thể có khả năng giác ngộ, giải thoát. Ngay ở điểm này cho thấy, trí tuệ trong cái nhìn khách quan khoa học "thân ngũ uẩn" luôn luôn đi đôi với câu hỏi về đạo đức tâm linh "thân khó được" đã làm nên yếu tính tu học của người Phật tử. Hành giả thấy được sự giả hợp của tấm thân ngũ uẩn, nhưng không bao giờ vất bỏ tấm thân muôn kiếp mới được làm người trên thế gian này! Phải suốt cả cuộc đời tinh tấn, hành thâm chính kiến ngũ uẩn, tận tâm lực qúi trọng nhưng không chấp thủ "thân người khó được" mới hiểu được ý nghĩa hạnh nguyện khẩn thiết "được tự thiêu" của Bồ tát Quảng Đức. Ý nghiã này, ngoài lòng từ bi vô lượng, không bắt nguồn từ đâu khác hơn sự thâm nhập và thực chứng lời dạy của đức Phật về giá trị đạo đức và tâm linh của thực thể con người. 40 năm vấn nạn Thích Quảng Đức như một công án cho cả đời người. Ngờ đâu câu trả lời đã nằm trong câu hỏi. Thích Quảng Đức là câu trả lời, là gạch nối giữa "thân khó được" trong sự tu luyện thân xác trở nên kim cương bất hoại và "tự thiêu vì chánh pháp cứu độ sinh linh" như một hạnh nguyện từ bi vô lượng vô biên. Nhìn lại Thích Quảng Đức là nhìn lại cả hành trình tu chứng của Phật giáo Việt Nam như một thực chứng giác ngộ giải thoát mà mỗi người Việt Nam đang có sẵn trong tâm thức của chính mình!

***

CUỐN SÁCH BỊ BỎ QUÊN CỦA NHÀ BÁO THANH THƯƠNG HOÀNG: PHẬT GIÁO TRANH ĐẤU

Đào Văn Bình

Đây là "Tập tài liệu và hình ảnh trong vụ Phật Giáo tranh đấu từ tháng 5 tới tháng 11 năm 1963"(1) của tác giả Quốc Oai do nhà xuất bản Tân Sanh số 12 Bùi Viện, Sài Gòn, điện thoại 22.641 phát hành chỉ ít tháng sau khi chế độ độc tài gia đình trị của Ô. Ngô Đình Diệm bị lật đổ.

1. Những chữ in nghiêng là phần trích dẫn.

Quốc Oai là bút hiệu lúc bấy giờ của nhà báo Thanh Thương Hoàng đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Chủ bút tờ Phim Kịch (1963), Tổng thư ký nhật báo Chính Luận (1964-1965), Chủ tịch Nghiệp đoàn Ký giả (1965). Quốc Oai chính là tên người con trai

thứ tư của ông vừa chào đời. Tác giả có nhắc lại cuốn sách này trong phần giới thiệu các tác phẩm đã xuất bản tại Hoa Kỳ nơi tuyển tập truyện ngắn Cõi Đời Cõi Người (2011). Theo nhà văn Thanh Thương Hoàng thì lịch sử báo chí miền Nam, từ trước tới giờ chưa có cuốn sách nào bán chạy đến như vậy. Sách vừa ra lò đã bán hết ngay 3.000 cuốn, tái bản lần thứ nhất hết ngay 5.000 cuốn và in lần thứ ba 10.000 cuốn cũng hết bay. Là ký giả, ông có cơ hội thu thập các tài liệu, hình ảnh từ phía chính quyền, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, ký giả ngoại quốc, bản tin của các hãng thông tấn, các đoàn thể thanh niên, sinh viên và cá nhân tranh đấu thường gửi tài liệu tới báo chí để nhờ phổ biến. Đây là cuốn sách tổng hợp các tài liệu và hình ảnh xác thực, chứ không phải cuốn hồi ký phản ảnh chủ quan, thương ghét cá nhân. Là bạn viết văn, bạn vong niên, thấy tôi thỉnh thoảng có viết bài giới thiệu sách, tác giả hứa tặng một một bản sao của cuốn Phật Giáo Tranh Đấu. Có lẽ cũng phải mất gần hai năm, sau khi cho con về Hà Nội chụp lại… và ngày hôm nay cuốn sách đến tay tôi. Sách dày 245 trang bao gồm 8 phần và kết luận. PHẦN THỨ I: TIÊU DIỆT PHẬT GIÁO Mở đầu phần này tác giả viết, “Một sự kiện hiển nhiên không ai có thể chối cãi được là tám mươi phần trăm dân chúng Việt Nam theo Phật giáo. Từ lúc mới lập quốc, hơn bất cứ đạo giáo nào khác, Phật giáo đã xuất hiện ở nước ta. Phật giáo như một cây Bồ Đề to lớn, gốc rễ ăn sâu bám chặt và cành lá xum xuê trùm phủ kín mảnh đất Việt Nam. Dù giông to bão lớn, dù sấm sét dữ dội cũng không thể nào lật đổ cây Bồ Đề to lớn ấy được. Lịch sử và thời gian đã chứng minh Phật giáo đóng góp một phần công lao rất lớn vào việc xây dựng đất nước, nòi giống. Biết bao vị chân tu từ xưa tới nay đã làm rạng danh đất nước. Dân chúng yêu kính và tôn sùng như những bậc Thánh.” Bởi vì “Phật giáo không ồn áo náo nhiệt, sôi nổi hời hợt bề mặt. Phật Giáo không phô trương thanh thế; không tổ chức thành một lực lượng để bảo vệ cũng như tranh đấu cho đạo. Phật giáo không bao

giờ chen lấn, áp đảo các đạo giáo khác, ngay như hồi Phật giáo được nâng lên hàng Quốc Giáo ở các đời Lý, Đinh, v.v…(Lúc đó Khổng giáo và Lão giáo đã truyền sang nước ta từ lâu). Phật giáo lúc nào cũng chủ trương ôn hòa, bất bạo động theo đúng như giáo lý của Phật. Bởi những nguyên cớ ấy nên tới ngày nay mới có người coi thường, (hay quá sợ?) Phật giáo và nhất định ra tay đàn áp, trừ diệt. Những kẻ đó chính là anh em nhà họ Ngô: những bạo chúa, hung thần của nước Việt Nam cuối Thế Kỷ Hai Mươi.”(2) Để minh chứng, tác giả đã dùng “một số tài liệu chính xác về sự đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm từ năm 1959 tại các Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.” 1. Tỉnh Quảng Ngãi: “Chính quyền đã bắt hai Phật tử Hà Thừa và Đỗ Trọng cho “học tập” dài hạn tại Trại Cải Huấn. Ngày 12/10/1961 lại bắt thêm hai Phật tử Dương Khanh và Nguyễn Hữu Khánh (nhân viên trong ban trị sự Phật giáo) đem về Trại Cải Huấn “học tập” dài hạn. Ngày 12-12-1961 Hội đồng xã Sơn Trung đã tổ chức một lớp học tập về Thuyết Duy Linh trong bốn ngày tại thôn Hà Nhai. Sau khóa học tập chính quyền địa phương đã bắt buộc các Phật tử phải bỏ Phật giáo và ký giấy theo Thiên Chúa giáo. Ngày 19/10 năm Tân Sửu (1962) Phật tử Phạm Thơ 52 tuổi vô cớ bị bắt đưa vào Trại Cải Huấn giam hơn 3 tháng. Viên quản đốc trại cải huấn rỉ tai cho ông Thơ biết

nếu chịu bỏ Phật giáo và ký tên theo Thiên Chúa giáo thì sẽ được thả ngay tức khắc. Vì gia đình đông con lại nghèo và nhất là đương ở trong hoàn cảnh tù đày bất đắc dĩ ký giấy theo Thiên Chúa giáo. Quả như lời viên quản đốc nói, một giờ sau ông được thả ngay. Nhưng sau khi đã được về với gia đình, ông Thơ không chịu được sự cắn rứt của lương tâm nên đã nhất định trở về với Phật giáo. Ngày 20/11/1961 tại Xã Sơn Mỹ, Quận Sơn Tịnh một số Phật tử là Nguyễn Ngạt, Ngô Phong, Đỗ Hoài, Nguyễn Đài, Võ Trung, Nguyễn Văn Đường, Nguyễn Ký đã bị hai ông Lưu Truyên và Lê Đạt là người Thiên Chúa giáo,

2. Ngô Đình Diệm được liêt kê trongcuốn History's 100 Most Evil Despots & Dictators (100 Bạo Chúa và Các Nhà Độc Tài Gian Ác Nhất Trong Lịch Sử) của Nigel Cawthorne do Barnes & Noble xb năm 2006. Nigel đã luận tội Ngô Đình Diệm nơi trang 167" He sought to prove anti-Communist credentials by brutal re- pression" (Ông ta tạo thành tích chống Cộng bằng đàn áp dã man.) Và nơi trang 168 "Meanwhile he ruthlessly repressed political dissenters and religious factions, and installed member of his familiy in important jobs" (Trong khi đó ông ta đàn áp không nương tay các nhà đối lập chính trị và tôn giáo đồng thời đưa gia đình nắm giữ những chức vụ quan trọng.)

đại diện cho chính quyền địa phương lạm dụng chức vụ của mình bắt những người nói trên phải rửa tội và đe dọa nếu không chịu nghe theo sẽ bị bắt đi trại cải huấn ba tháng. Ngày 20-8-1961 Khuôn Hội Phật giáo Kim Sa thuộc Xã Sơn Kim, một số đạo hữu là: Hà Ngu, Phạm Phẩm, Trần Đến, Nguyễn Thị Lễ, Nguyễn Chẩn, Nguyễn Nhung đã bị ông thôn trưởng Hà Sơn Mai và hai cán bộ truyền giáo Thiên Chúa giáo đến tận từng nhà bắt ký giấy theo đạo Thiên Chúa. Họ ngang nhiên đưa ra điều kiện nếu chịu ký giấy gia nhập Thiên Chúa giáo sẽ được sống yên ổn làm ăn, còn trái lời sẽ bị ghép vào thành phần tình nghi là cán bộ cộng sản và sẽ bị bắt về trại cải huấn giam giữ. Năm 1960 Thầy Thích Minh Tịnh tục danh là Lê Hồng Vân tọa chủ Chùa Phước Long ở Thôn Lộ Bàn, xã Phổ Bình, quận Đức Phổ, vô cớ bị bắt giam tra tấn cực kỳ dã man và bị vu khống là cán bộ cộng sản. Sau một thời gian tra tấn tù đày, Thầy Thích Minh Tịnh được trở về chùa mang theo nhiều vết thương và bệnh tật trên mình. Nhưng được ít lâu Thầy lại bị bắt và bi vu khống là xâm phạm thuần phong mỹ tục (với phụ nữ). Đứng trước sự vu khống trắng trợn này người phụ nữ bị tình nghi dan díu với Thày Thích Minh Tịnh đã hơn một lần làm đơn kêu oan cho Thầy lên tòa án do đấy Thầy mới được phóng thích. Nhân Ngày Thành Đạo (tức ngày 13-1-1962) Chi Công An Quận Đức Phổ lại bắt Thầy Thích Minh Tịnh, tra tấn cực hình rồi hạ ngục với tội mà họ tự dựng đứng lên là Thầy tiếp tế cho Việt cộng." 2. Tỉnh Bình Định: "Ngày 15/13/1961 tại Vức Diêm Vân thuộc Khuôn Hội Phước Thuận, Quận Tuy Phước, các Phật tử là Nguyễn Giang, Trần Tích Trần Cang bị ghi vào danh sách di dân mặc dầu những người này thuộc hạng giàu có nhất trong vùng. Nguyên do chỉ vì họ đã bỏ tiền làm chùa và là Phật tử. Ngày 12/12/1961 tại thôn Quảng Vân, Xã Phước Thuận, Quận Tuy Phước những đạo hữu là Trần Thích, Trần Cũng, Trần Chim, Lê Có là những người giàu có nhất vùng nhưng bị bắt đi di dân chỉ vì họ là những người theo đạo Phật. Ngày 21/11/1961 ông Nguyễn Đức

Chỉnh mang thẻ căn cước số T300048. A001077 tại thôn Lạc Điền, Xã Phước Thắng, Quận Tuy Phước, công an tới nhà tịch thu thẻ căn cước và bắt buộc phải di dân, chỉ vì ông là một huynh trưởng Gia Đình Phật Tử. Ngày 15 và 16/11/1961 công an Xã Phước Thắng, Quận Tuy Phước đã thu giấy kiểm tra các đạo hữu ở các Khuôn Lạc Điền: Gia đình đạo hữu Nguyễn Vi 4 thẻ, gia đình Trần Ân 2 thẻ, gia đình Nguyễn Văn Cương 2 thẻ, gia đình Bùi Xuân Bình 4 thẻ, gia đình Trần Cao Thăng 1 thẻ; tại Vức Hội, Phổ Đồng: Gia đình Võ Lý Bá 2 thẻ, Nguyễn Bong 5 thẻ,

Lê Thị Ngưu 3 thẻ, Võ Thị Phiếm 1 thẻ; Vức Hội An Lợi: Gia đình Lê Tòng 4 thẻ, Trần Khánh Đinh 2 thẻ, Phạm Thẩm 2 thẻ. Tổng số đạo hữu bị thu thẻ căn cước là 33 người. Những người này đều bị bắt đi di dân vì họ là Phật tử." 3. Tỉnh Phú Yên: "Ngày 24-6 năm Tân Sửu, tại xã Xuân Phước, quận Đồng Xuân, có một ông thầy đến giảng đạo Thiên Chúa tên là Tùng. Đã cấu kết với tên Phan Khắn là trưởng ban quản trị Làng Phước Hòa, bắt hai đạo hữu Trần Thư và Mai Phước Hữu. Ông Khắn lại còn đe dọa nếu không chịu rửa tội thì đừng trách là không nói trước. Ông Võ Oanh pháp danh Tâm Tiếng, 41 tuổi, thẻ kiểm tra số 20A.0664 cấp ngày 30-10-1955 tại Tuy Hòa và vợ là Lê Thị Bàn pháp danh Tâm Kính cùng ở Làng Trường Thạnh, Xã Hòa Vinh đều bị bắt ra quận giam ngày 24-1-1962 và buộc phải theo Thiên Chúa giáo mới được tha. Bà Lương Thị Phượng 30 tuổi, kiểm tra số 31B.0030 tại Thôn Phú Thạnh, xã Hòa Quang, ủy viên Tỉnh Hội Phật Giáo Phú Yên. Ngày 20-8-1961 có làm đơn nhờ Tỉnh Hội Phật Giáo Phú Yên can thiệp về việc chồng bà là ông Đặng Dương Oai bị Đặng Sĩ, dân vệ xã Hòa Quang bắt đi mất tích vào hồi 8 giờ sáng ngày 21-1- 1961 mãi tới nay không thấy tin tức. Nguyên do chồng bà bị bắt chỉ vì là người có công với Phật giáo tại địa phương này. Theo đơn thưa của Ban Trị Sự Khuôn Hội Phật Giáo Hòa Vinh ngày 27-11-1961 v/v chính quyền địa phương đã bắt cóc thủ tiêu các hội viên dưới đây: a) Lê Đức Ngưng b) Võ Cho c) Một số hội viên không ở trong ban quản trị khuôn hội cũng bị hội đồng xã bắt và buộc phải theo Thiên Chúa giáo mới cho về d) Bà Hà Thị Đam 60 tuổi nạp đơn lên Tỉnh Hội Phật Giáo Phú Yên xin can thiệp về việc chồng bà là Nguyễn Chuyển 60 tuổi bị hội đồng xã bắt đi đem chôn sống. Bà Nguyễn Thị Thiện làm đơn thưa về việc chồng bà là Đỗ Thìn bị bắt đi đem chôn sống. e) Ông Võ Xuân Chính cán bộ tư pháp xã Xuân Phước, quận Đồng Xuân hăm dọa và bắt giam Phật tử Lê Hồng Hải. Sau khi giam 17 ngày Chính buộc ông Hải phải theo Thiên Chúa giáo mới toàn mạng sống. g) Bà Hà Thị Voi, xã Phước Hòa ngày 12-4-1961 cũng bị Võ Xuân Chính vu cho là Việt cộng và bắt ép phải theo Thiên Chúa giáo mới toàn mạng sống. h) Ông Trần Kỷ 43 tuổi ở Làng Phú Xuân, Xã Xuân Phước bị Nguyễn Cù và Lê Ngọc Mai thuộc chính quyền địa phương bắt ép phải bỏ Phật giáo để theo Thiên Chúa giáo ngày 26-8-1961. i) Khuôn Hội Phật Giáo Xã Hòa Quang có những đạo hữu sau đây đã bị chính quyền địa phương thu thẻ kiểm tra và buộc theo Thiên Chúa giáo: Trần Di thôn Mậu Lâm, Phan Đích thôn Thạnh Lâm, Ngô Thị

Ràng và chồng ở Thạnh Lâm. k) Ông Đỗ Sửa bị Trần Văn Thiện và Lê Năng Đắc bắt tra tấn vu cho là Việt cộng, nếu theo Thiên Chúa giáo sẽ được thả. l) Bà Nguyễn Thị Đôn và chồng Lê Trung Thành bị Trần Văn Thiện, Lê Năng Đắc, Dương Nhảy bắt giam và ép vào Thiên Chúa giáo mới tha." Theo tác giả "Trên đây chỉ là hồ sơ đại cương của 21 vụ trong số 50 vụ của ba tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên từ năm 1960-1961. Còn những năm về sau chưa kể tới... Dân tộc Việt Nam quen nhẫn nhục chịu đựng, nhưng sức người có hạn mà sự hà hiếp, đàn áp, khủng bố của chính quyền Ngô Đình Diệm ngày một gia tăng quá mức, nên trước sự mất còn của Đạo, họ phải vùng lên công khai chống đối lại bạo lực, chống đối lại cường quyền. Việc phải đến đã đến!" PHẦN THỨ II: CUỘC TRANH ĐẤU PHÁT KHỞI TẠI HUẾ Vụ hạ cờ Phật giáo trong đại lễ Phật Đản tại Huế được tác giả dẫn chứng bằng công điện đánh đi vào lúc 5 giờ ngày 6-5-1963 theo chỉ thị của Ngô Đình Diệm và "bản sao bức công điện đã được Tỉnh Trưởng ký tên chuyển tới Thượng tọa Thích Trí Quang vào hồi 20 giờ 30 ngày 6/5/1963: Trân trọng yêu cầu qúy liệt vị giáo hội thông báo cho các cơ quan phụng tự và các tín đồ thi hành đúng chỉ thị trên đây của tổng thống." Sau đó Thượng tọa Thích Trí Quang được ủy thảo bức điện văn: một gửi cho Hội Phật Giáo Thế Giới, một gửi cho Ngô Đình Diệm và một gửi cho các tập đoàn Phật Giáo Việt Nam. Điện văn gửi Ngô Đình Diệm viết như sau "Phật giáo rất xúc động nhận được công điện 9195 không cho treo cờ Phật Giáo Thế Giới trong đại lễ Phật Đản quốc tế. Chúng tôi không tin rằng quyết định đó phát xuất từ Tổng Thống. Thỉnh cầu Tổng Thống ra lệnh điều tra và thu hồi công điện trên. Trân trọng." Cả ba điện văn nói trên đều do Hòa thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo VN ký tên. "Nhưng ba bức điện văn này đã bị chánh quyền địa phương can thiệp không cho đánh đi. Viên Tỉnh Trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đẳng đã thân hành tới Chùa Từ Đàm mời Thượng Tọa Thích Trí Quang và hai thượng tọa nữa tới tư dinh Cố Vấn Miền Trung Ngô Đình Cẩn để hội kiến. Về phía chính quyền có Ngô Đình Cẩn, Bùi Văn Lương – Bộ Trưởng Nội Vụ, Nguyễn Văn Đẳng – Tỉnh Trưởng Thừa Thiên. Bùi Văn Lương chịu về Sài Gòn để gấp thỉnh cầu Ngô Đình Diệm thu hồi công điện số 9195, nếu không được khắp toàn quốc thì ít ra cũng phải ở Huế." Nhưng "Công việc chưa giải quyết xong thì ngay buổi chiều hôm đó 7/5/63 cảnh sát đi khắp Thành Phố Huế, tự tay triệt hạ cờ Phật Giáo và xé nát, lại còn công khai đánh đập chửi rủa, đe dọa bắt bỏ

tù những tín đồ Phật giáo có thái độ phản đối. Tất cả tượng Phật thờ trong nhà và đèn lồng treo ngoài cửa của các tư gia đều bị đập phá tan nát. Nhân dân khắp Thành Phố Huế sục sôi, căm phẫn. Họ ùn ùn kéo tới Chùa Từ Đàm...Thượng tọa Thích Trí Quang phải đứng ra dàn xếp mọi công việc. Thượng Tọa đề nghị ban tổ chức Lễ Phật Đản mời viên tỉnh trưởng Thừa Thiên hoặc đại diện tới Chùa Từ Đàm để giải quyết sự kiện trên nhưng chính quyền địa phương từ chối cuộc tiếp xúc này." Thượng tọa Trí Quang phải cùng quý Hòa thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết, Hòa thượng Pháp Chủ Thích Huyền Tôn, Thượng tọa Thích Mật Hiển, Thượng Tọa Thích Thanh Trí và mấy vị thượng tọa khác tới tỉnh đường để gặp viên tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đẳng. Trong khi đó khoảng 5.000 Phật tử tụ tập trước tòa tỉnh để nghe ngóng, chờ đợi phản ứng của chính quyền. Viên tỉnh trưởng giải thích là cảnh sát đã quá "sốt sắng" chứ thực ra ông ta chỉ ra khẩu

lệnh khuyên đồng bào triệt hạ đèn và cờ Phật giáo, nếu họ không nghe thì thôi. Thượng tọa Trí Quang yêu cầu cho xe thông tin loan báo trước 21 giờ là cờ Phật giáo không bị triệt hạ để cử hành đại lễ. Viên tỉnh trưởng bằng lòng. Sáng hôm sau 8/5/1963 là ngày đại lễ. Các Phật tử tập trung tại chùa Diệu Đế để rước tượng Phật lên Chùa Từ Đàm là nơi cử hành Lễ Phật Đản. "Như mọi năm, vào lúc 20 giờ Ngày Phật Đản, đài phát thanh Huế sẽ dành riêng để phát thanh về Phật giáo và các Phật tử sẽ đứng quanh khu đất trống của đài để nghe. Nhưng năm nay, mọi người tụ họp lại chờ đợi mãi mà đài phát thanh không nói gì. Mọi người xôn xao bàn tán tỏ vẻ bất bình. Thượng tọa Trí Quang tới đài can thiệp nhưng không có kết quả. Chính quyền địa phương lo ngại, sợ biến thành cuộc biểu tình phản đối nên phải cho xe cứu hỏa tới xịt nước giải tán, sau dùng lựu đạn cay và bắn đạn mã tử. Nhưng ngọn lửa vì Đạo đang dâng lên ngùn ngụt. Tiếng la ó phản đối át tiếng súng." Thượng tọa Thích Trí Quang yêu cầu viên tỉnh trưởng cho ngưng xịt nước để Phật tử yên ổn ra về thì "Viên Phó Tỉnh Trưởng Nội An Đặng Sĩ đã bất chấp quyền tỉnh trưởng, huy động xe tăng, thiết giáp ủi vào đám người vô tội, trong tay không có một thư khí giới nhỏ." Kết quả 8 em nhỏ đã bị giết hại. Quý vị có thể xem tấm hình thảm sát tại đài phát thanh Huế và hình gia đình nạn nhân đang cầu siêu tại chùa nơi trang 28 &31. Chuyện đáng lý ra có thể giải quyết êm đẹp nếu như Ngô Đình Diệm thật sự là tổng thống "anh minh". Nhưng "Máu người Phật tử đã đổ để tranh đấu cho ngọn cờ Phật giáo được tung bay." Và cuộc

đấu tranh khốc liệt bắt đầu bằng: Bản Tuyên Ngôn của Tăng, Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Tường Vân- Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam ký tên và được gửi cho Ngô Đình Diệm và Đại Biểu Chính Phủ Trung Nguyên- Trung Phần. "Sau đó một phái đoàn Phật giáo vào yết kiến Ngô Đình Diệm tại Dinh Gia Long nhưng kết quả cũng không đi tới đâu." Trong tấm hình nơi trang 32 chúng ta thấy có TT. Ngô Đình Diệm, TT. Thích Tâm Châu, TT. Thích Thiện Hoa và một vị nữa đeo kính mát, không biết có phải là TT. Thích Thiện Minh hay không? Rồi cuộc đấu tranh bắt đầu lan rộng vào Sài Gòn với sự kết hợp của nhiều tông phái Nam tông cũng như Bắc tông bằng sự ra đời của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo qua Bản Tuyên Ngôn ngày 25/5/63. "Đồng lòng: Ủng hộ năm nguyện vọng tối thiểu và thiêng liêng nhất của Phật Giáo Việt Nam. Thệ nguyện đoàn kết đến cùng trong cuộc tranh đấu bất bạo động và hợp pháp để thực hiện những nguyện vọng ấy." - Tại Sài Gòn các vị Thượng tọa chuẩn bị lễ cầu siêu cho những Phật tử bỏ mình ở Huế vào ngày 15-5-1963. - Đoàn Sinh Viên Phật tử Huế ra tâm thư gửi đồng bào toàn quốc "Chúng tôi báo nguy cho đồng bào toàn quốc sự kỳ thị tôn giáo đã đến giai đoạn trầm trọng và nỗi lầm than của tín đồ Phật Giáo Việt Nam cũng đã dâng cao...", "Thấy phong trào Phật giáo tranh đấu lan rộng và nhanh quá, chính quyền Ngô Đình Diệm liền ra mặt thẳng tay đàn áp Phật giáo. Chúng dùng đủ mánh khóe, thủ đoạn để dẹp phong trào Phật giáo đang ồ ạt dâng lên. Nào tung người vào trong nội bộ Phật giáo để chia rẽ, xúi giục những gia đình có con em tử nạn trong vụ đàn áp ở Huế rút tên ra khỏi danh sách Phật tử, nào cho mật vụ tới các chùa chiền canh chừng, dò xét, hăm dọa theo dõi và khủng bố Phật tử." PHẦN THỨ III: NGỌN LỬA THÍCH QUẢNG ĐỨC Trong giai đoạn này, Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế lại ra tâm thư

gửi sinh viên học sinh toàn quốc kêu gọi đấu tranh cho "Lý tưởng tự do, bình đẳng." Rồi vào ngày 31-5-1963 Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế trong đó có: Đại diện các trường Đại Học Y Khoa, Đại Học Sư Phạm, Đại Học Văn Khoa, Đại Học Luật Khoa, Đại Học Khoa Học, Viện Hán Học, Trường Cán Sự Y Tế Điều Dưỡng, Trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia, Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, Trường Quốc Gia Âm Nhạc cùng ký

tên gửi Tổng Thống và Chính Phủ VNCH kiến nghị 4 điểm trong đó "Yêu cầu Tổng Thống và Chính Phủ thực thi tính cách tự do dân chủ và bình đẳng thật sự là lý tưởng mà toàn thể thanh niên trí thức hằng thiết tha cầu đạt. Yêu cầu chính phủ tìm mọi biện pháp để đánh tan sự chia rẽ trầm trọng giữa dân tộc hiện tại do chính sách bất bình đẳng tôn giáo gây nên. Yêu cầu chính phủ ra lệnh triệt để đình chỉ những mánh lới trẻ con thiếu trí thức của cán bộ đối với tín đồ Phật giáo trong cuộc tranh đấu. Vì chính những mánh lới đó không lừa bịp được ai mà chỉ mất uy tín của cán bộ và của chính phủ." "Nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn cố tình làm ngơ trước sự đòi hỏi nồng nhiệt và chính đáng của tăng, ni, Phật tử và thẳng tay đàn áp, khủng bố, bất chấp cả dư luận trong, ngoài nước." Thế nên "Vào ngày 11/6/1963 Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự nguyện tự thiêu thân cúng dường Phật pháp, để làm động cơ thúc đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm phải giải quyết gấp rút 5 nguyện vọng của Phật giáo và giải tỏa ba ngôi chùa ở Huế đang bị vây khốn." Chúng ta có thể nhìn thấy tấm hình HT. Thích Quảng Đức đang đứng trang nghiêm trước sân Chùa Quan Thế Âm (trang 58), hình HT. Thích Quảng Đức ngồi kiết già giữa ngã tư Đường Lê Văn Duyệt & Phan Đình Phùng (trang 59), hình HT. Thích Quảng Đức ngồi uy nghi trong biển lửa (trang 60), hình ngài ngã xuống, thân thể cháy gần thành than nhưng tay vẫn giữ Ấn Tam Muội (trang 61) và hình ngài đang bình thản viết Lời Nguyền Tâm Huyết tại Chùa Ấn Quang gửi Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong đó lời lẽ thật cảm động "Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật Giáo Việt Nam ghi trong Bản Tuyên Ngôn. Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật Giáo Việt Nam được trường tồn, bất diệt. Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc." Ngoài sự ngưỡng mộ và ngạc nhiên của toàn thế giới. Riêng tác giả đã nhận định như sau về việc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức "Trước sự hy sinh bảo vệ Phật Pháp vô cùng cao cả, hào hùng của Bồ Tát Thích Quảng Đức, thiết tưởng khó có ngòi bút nào có thể viết nổi, cho dù viết cả ngàn trang vẫn không đủ lời để ca tụng cái đẹp thánh thần, ngàn năm có một đó." Cảm nghĩ này giống như nhà thơ Vũ Hoàng Chương trong bài thơ Lửa Từ Bi: Lửa! Lửa cháy ngất tòa sen! Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện thành thơ, quỳ cả xuống. Hai Vầng Sáng rưng rưng

Đông Tây nhòa lệ ngọc Chắp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác. Và chỉ nguyện được là rơm rác." Sau đó nhục thân của Hòa thượng được rước về quàn tại Chùa Xá Lợi. Hằng ngày không biết bao nhiêu đồng bào, Phật tử tới chiêm bái, phúng viếng. Vì "Ảnh hưởng của việc tự thiêu của Bồ Tát Thích Quảng Đức vô cùng rộng lớn nên chính quyền Ngô Đình

Diệm hoang mang, bối rối, sợ sệt. Chúng tăng cường cả một lực lượng khổng lồ cảnh sát, công an, mật vụ bao vây quanh Chùa Xá Lợi. Một tuần lễ sau, ngày 16/6/1963 hằng trăm ngàn Phật tử từ các nơi kéo về để chờ đưa linh cữu Hòa Thượng Thích Quảng Đức lên An Dưỡng Địa...và cảnh sát, công an, cảnh sát chiến đấu, mật vụ đã vây chặt các ngả đường và đàn áp bằng lựu đạn cay, ma- trắc." Chúng ta có thể nhìn thấy hình ảnh chống trả của quần chúng Phật tử trên đường phố Sài Gòn, nơi các tấm hình ở các trang 65 & 66. Phải đợi tới ngày hôm sau 17-6-1963 sau khi Bản Thông Cáo Chung được ký kết vào lúc 1:30 đêm ngày 16-6-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm mới cho phép làm lễ rước linh cửu của Hòa thượng Thích Quảng Đức tới An Dưỡng Địa. Những dãy nhà hai bên đường, khi đoàn xe tang đi qua, dân chúng lén bày bàn, thắp hương, làm lễ vô cùng trang trọng, kính cẩn. Dưới sức nóng ngót 4.000 độ, dù thiêu hai lần mà trái tim của ngài vẫn còn nguyên. "Cả thế giới đều xúc động, bàng hoàng về ngọn lửa và Trái Tim Bồ Tát Thích Quảng Đức nhưng chỉ có anh em họ Ngô là dửng dưng không xúc động lại còn tỏ ra căn uất. Trong một thông điệp kêu gọi dân chúng, Ngô Đình Diệm đã trắng trợn phủ nhận sư hy sinh cao cả của Bồ Tát Thích Quảng Đức lại còn gán cho là "một vụ mưu sát". Còn Trần Lệ Xuân - vợ Ngô Đình Nhu thì gọi là một vụ nướng người. Thiết tưởng tôi chẳng cần ghi thêm lời lẽ của họ nữa e làm bẩn mắt, rát tai bạn đọc". PHẦN THỨ IV: GIAI ĐOẠN TRANH ĐẤU QUYẾT LIỆT Do ảnh hưởng của cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, chính quyền Ngô Đình Diệm miễn cưỡng phải làm bộ hòa hoãn và một cuộc họp kéo dài 3 ngày (14-6-16-6) tại Hội Trường Diên Hồng giữa Ủy Ban Liên Bộ do Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ cầm đầu và Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo bao gồm: TT. Thích

Thiện Minh- Trưởng Phái Đoàn. Đoàn viên gồm: TT. Thích Tâm Châu, TT. Thích Thiện Hoa, TT. Thích Huyền Quang (Thư Ký) và Đại Đức Thích Đức Nghiệp (Phó Thư Ký) và Bản Thông Cáo Chung ra đời với chữ ký (Khán) của Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Thích Tịnh Khiết và Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong đó có những điểm chính như sau: - Tách hiệp hội có tính các tôn giáo ra khỏi Dụ Số 10. - Chính phủ sẽ lập một Ban Điều Tra để xét lại các hồ sơ khiếu nại của Phật giáo. - Tất cả những ai có liên quan đến cuộc vận động thực hiện 5 nguyện vọng của Tổng Hội Phật Giáo đề ra bất luận ở đâu sẽ được Tổng Thống đặc biệt khoan hồng. (Đoạn này phải hiểu là tất cả những ai bị bắt vì tranh đấu cho Phật Giáo phải được thả ra). - Chính phủ sẽ xác nhận lệnh sửa sai đã ban ra cho các cán bộ để thực thi chính sách bình đẳng tôn giáo của chính phủ (Đoạn này phải hiểu là chính phủ đã thấy sai trước đây và ban hành lệnh sửa sai (chuyện này có thật không?) nay ban hành lệnh mới để "xác nhận" mệnh lệnh đó, tự hậu cấm không được làm sai nữa.) - Những cán bộ có trách nhiệm về các vụ xảy ra từ ngày 8/5/1963 (tức từ ngày nổ ra vụ triệt hạ cờ Phật giáo) bất kỳ thuộc thành phần nào cũng sẽ bị nghiêm trị, nếu cuộc điều tra đang tiến hành chứng tỏ lỗi của họ. - Các gia đình nạn nhân ở Huế đã được trợ giúp kịp thời và có thể được trợ giúp thêm tùy theo gia cảnh từng người. "Sau khi Bản Thông Cáo Chung được công bố, người người đều tưởng tất cả mọi việc sẽ diễn ra êm đẹp. Nhưng không! Ngô Đình Diệm vốn ngoan cố, quỉ quyệt, phản trắc đã ngấm ngầm truyền lệnh cho bọn tay sai trong toàn quốc

triệt hạ bằng được Phật giáo." Sau đây là những biến động xảy ra sau ngày ký kết Bản. Thông cáo chung: - Ngô Đình Diệm và Ngô Trọng Hiếu dàn dựng lên cái gọi là "Giáo Hội Cổ Sơn Môn" và đánh điện tín cho Trung Tâm Điểm Phật Giáo Thế Giới tại Tích Lan vu khống Phật Giáo Việt Nam lợi dụng danh nghĩa để hoạt động chính trị, nhưng bị Trung Tâm Điểm bác bỏ với lập luận như sau "Chúng tôi cũng biết rằng tại Việt Nam cũng có một Tổng Hội Phật Giáo và theo như chỗ chúng tôi biết Tổng Hội này có đủ uy tín để đại diện và thay lời cho Phật

tử ở Việt Nam. Chúng tôi tin chắc rằng Tổng Hội Phật Giáo này không bao giờ làm những điều gì, hoặc thái độ nào có thể gọi là phản Phật giáo." Tổng Thư Ký W.P. Daluwatte ký tên. (Toàn văn thư phúc đáp nơi trang 81) - Ngày 18&19-6-1963, chỉ ba ngày sau ngày ký Thông cáo chung, Phòng Thông tin Sông Cầu (Phú Yên) đã tổ chức tại các xã Xuân Phương và Xuân Lộc hai cuộc mít-tinh, lập kiến nghị lên án nặng lời việc làm của Phật giáo. Ở xXã Nhân Hòa, quận An Nhơn, tỉnh Bình Định dân chúng cũng bị bắt buộc phải làm kiến nghị như thế. - Chùa Phật giáo ở Quảng Trị hiện còn đang bị phong tỏa và sự lùng bắt các cán bộ Phật tử, thanh niên Phật tử mạnh mẽ hơn lúc nào hết. - Sự đi lại của tăng ni giữa các tỉnh và thủ đô bị chặn lại, mời trở lui hay xe đò từ chối bán vé vì có lệnh cấm của nhà chức trách địa phương. - Tăng ni, Phật tử lui tới các Chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Giác Minh bị mật vụ biên số xe theo dõi tới tận nhà hăm dọa. - Cao Xuân Vỹ- Tổng Giám Đốc Nha Thanh Niên dự định tổ chức một cuộc biểu tình đại qui mô với lực lượng Thanh Niên-Thanh Nữ Cộng Hòa yêu cầu tổng thống duyệt lại Bản Thông cáo chung. - Nhiều cấp quân-cán-chính đã được chỉ thị nhân nhượng trước khí thế tranh đấu của Phật giáo và đợi lệnh phản công. Tất cả những tin tức này nằm trong thư tố cáo "Kính đệ Tổng Thống VNCH" do Hòa thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết ký này 26-6-1963 mà đoạn cuối bày tỏ sự tôn kính uy quyền của vị nguyên thủ quốc gia như sau "Tôi trân trọng kính xin Tổng thống cương quyết tỏ rõ quyền uy lãnh đạo quốc dân của Tổng thống, gạt bỏ mọi điều xàm tấu nguy hại và nhất định cho thi hành thẳng thắn Bản Thông cáo chung để cho toàn dân hân hoan ca ngợi, và đồng thời để xóa nhòa những ấn tượng không hay của những ngày qua mà quyền lợi tối cao của quốc gia dân tộc bắt buộc phải để cho trôi theo giòng nước của dĩ vãng. Xin Tổng thống nhận lòng kính mến của tôi và toàn thể Phật giáo đồ trong nước." - Ngày 12-7-1963 TT. Thích Thiện Minh đại diện cho Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo gửi thư cho Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ tố cáo: 1) Những vị phạm có tính cách công khai Bản Thông Cáo Chung: Như công an bao vây Chùa Xá Lợi ngay trước cửa Dinh Phó Tổng

Thống. Cảnh sát và công an Quận Tân Bình ồ ạt bao vây Chùa Quan Âm của Cố Hòa thượng Thích Quảng Đức. Ở Bình Định suốt ba đêm 24,25&26 nhiều loạt đạn bắn vào Tu Viện Nguyên Thiều suýt gây tai nạn cho các vị sư ở trong ấy. Tại Tỉnh Hội Khánh Hòa, có bàn tay bí mật đập phá khuôn kính và lấy đi hình ảnh của Cố Hòa thượng Thích Quảng Đức, đốt chiếc xe của ông Trần Quang Ba là chiếc xe thường cho chùa mượn sử dụng. Chùa Quan Âm Quận Quảng Long, Tỉnh An Xuyên (Cà Mau) bị khủng

bố bằng tạc đạn khiến tăng ni phải tản cư đi nơi khác. Hai tập đoàn Phật giáo miền Trung đã than phiền với ông Đại Biểu Chính Phủ tại Huế rằng công chức và quân nhân Phật tử bị cấm cản đi chùa ở nhiều nơi. Những người bị bắt trong cuộc vận động của Phật giáo chưa được thả hết còn nhà sư Đặng Văn Cát thì mất tích luôn, mặc dù Phó Tổng thống nói rằng chính quyền không hề bắt nhà tu hành ấy. Còn Ni Cô Trang Thị Thắm căn cước số 733.126 bị mất tích bỗng nhiên xuất hiện sáng ngày 12-7-1963 tay chân bị trói bằng giây thép và bỏ nằm trước cửa Chùa Huê Lâm. 2) Những vi phạm có tính cách nguyên tắc quan trọng: Công điện MẬT từ Phủ Tổng Thống đánh đi chỉ thị cho các cấp quân-chính "Phải tạm thời nhún nhường trước khí thế đấu tranh quyết liệt của bọn tăng ni và Phật giáo phản động và chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới theo kế hoạch sẽ gửi đến sau." Các tài liệu chính huấn cho tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa nhục mạ và vu khống Phật Giáo lại được đài phát thanh quốc gia đọc đi đọc lại nhiều lần. "Tại sao cơ quan thông tin của chính phủ lại cho công bố những tài liệu chống báng lập trường của chính phủ và chủ trương tốt đẹp của Tổng Thống trong việc ký kết Bản Thông cáo chung?" Nơi trang 95 tác giả đã nói về cái chết của Nhất Linh vào ngày 7-7-1963 và thuật lại đám tang của nhà văn nổi tiếng trong Tự Lực Văn Đoàn này. Đây đúng là "trái bom nổ" vào thời kỳ căng thẳng và "đã gây một mối xúc động lớn cho tất cả các giới trong nước và ảnh hưởng rất lớn tới cuộc tranh đấu của Phật giáo." PHẦN THỨ V: TRANH ĐẤU THỰC THI THÔNG CÁO CHUNG Do chính quyền Ngô Đình Diệm không thực thi những gì đã ký kết "Nhân dân trong nước nói chung, Phật tử nói riêng, sục sôi, căm hận đến tận cùng độ. Nhất là giới sinh viên học sinh ở Huế và Sài Gòn. Họ bỏ học để hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo và phản đối hành động quỷ quyệt phản bội của cường quyền."

484 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

- Ngày 16-7-1963 Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo ra tâm thư gửi quý đại đức tăng ni và đồng bào Phật giáo kêu gọi "Quý liệt vị hãy cùng chúng tôi thề hy sinh đến người cuối cùng cho nguyện vọng chân chính của chúng ta và tung hô Phật Giáo Việt Nam Bất Diệt". - Nơi trang 103 quý vị có thể thấy tấm hình TT. Thích Tâm Châu và các tăng ni đang đứng biểu tình hơn hai tiếng đồng hồ trước tư dinh Đại Sứ Mỹ Nolting (người hết lòng bênh vực Ngô Đình Diệm, sau bị triệu hồi). - Nơi trang 105& 106 hình ảnh chư tăng ni tuyệt thực tại Chùa Xá Lợi và Chùa Ấn Quang và nơi trang 107 hình ảnh của cuộc biểu tình khổng lồ của đồng bào tại đường Phan Thanh Giản, khu vực Chùa Giác Minh cùng với công an, cảnh sát, mật vụ và kẽm gai giăng đầy. - Rồi hình ảnh Phật tử đi thăm quý thầy, quý cô tuyệt thực rồi biến thành cuộc biểu tình với những biểu ngữ đòi chính quyền thực thi Bản Thông Cáo Chung. (trang 108) - Nơi trang 111 quý vị có thể thấy hình Đại đức Thích Quảng Độ đương giải thích cuộc tranh đấu của Phật giáo trong khi đó xe thông tin của chính quyền oang oang nói chõ vào để quấy nhiễu và lực lượng công an, cảnh sát, mật vụ áp tới "Gậy gộc, báng súng tới tấp quất xuống đầu, xuống lưng những kẻ vô tội. Tiếng la ó, phản đối, kêu thét phản đối vang lừng. Một số tăng ni chịu chung số phận như các Phật tử: bị bóp cổ, bẻ gẫy tay, đánh vỡ đầu, máu me chảy ròng ròng ướt đẫm cả bộ áo tu hành." - Cùng ngày 17-7-1963 vào lúc 8:15 sáng, một cuộc biểu tình khác xảy ra từ chùa Xá Lợi tới chợ Bến Thành được mệnh danh cuộc

biểu tình “đại tốc hành” bao gồm 400 tăng ni. Khi tới chợ Bến Thành biểu ngữ “Yêu Cầu Chính Phủ Thực Thi Bản Thông Cáo Chung” được căng lên thì công an, cảnh sát chiến đấu vây chặt và bắt phải hạ biểu ngữ và cờ Phật giáo xuống. Nhưng “tăng ni sẵn sàng chịu chết chứ quyết không hạ cờ Phật giáo và biểu ngữ.” (trang 115) và “cảnh sát chiến đấu như đàn cọp dữ ào ào sấn lại đấm đá, đánh đập túi bụi vào đầu, vào mình các tăng ni. Rồi cứ hai, ba tên túm một nhà sư quăng lên xe hơi trong khi các vị này cố níu lấy tay nhau chống đỡ. Cuộc giằng co, níu kéo giữa lũ sát nhân và các nhà tu diễn ra gay go” thì Giám đốc Cảnh sát Đô Thành Trần Văn Tư xuất hiện và thi hành độc kế. Y làm bộ thân thiện, bắt tay một vị đại diện tăng ni rồi nói “Tôi lấy danh dự cá nhân và tư cách đại diện chính phủ xin thề với ông rằng chúng tôi sẽ đưa các ông về chùa Xá Lợi. Nhưng khi quý tăng ni lên

xe rồi thì đoàn xe phóng thẳng ra tới Đường Lục Tỉnh rồi phóng vụt tới An Dưỡng Địa nằm giữa cánh đồng hoang vắng có sẵn công an, cảnh sát và hàng rào kẽm gai chờ đón.” - Vào ngày 18-7-1963 Ngô Đình Diệm đọc một bản thông điệp mục đích làm dịu cuộc đấu tranh của Phật giáo “Tôi mong đồng bào hãy ghi nhận ý chí hòa giải tột bực của chính phủ…” - Ngày 19-7-1963 TT. Thích Tâm Châu gửi văn thư kính đệ Tổng Thống VNCH trong đó yêu cầu chính phủ giải quyết 5 điểm: 1) Phóng thích tất cả tăng ni, thiện tín, sinh viên, học sinh, Gia Đình Phật Tử bị bắt bất luận ở đâu trong khắp nước. 2) Tất cả các tăng ni bị bắt nhốt tại An Dưỡng Địa cần phải được trả về chùa Xá Lợi đầy đủ. 3) Xin chính phủ can thiệp để các báo đăng hoặc các gia đình có người bị bắt hay mất tích mà chưa thấy trở về từ đây tới Chủ nhật 21-7-1963 kịp thời thông báo cho Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo biết để chuyển đến chính phủ. 4) Xin chính phủ công bố danh sách và truy tố những cán bộ có trách nhiệm trong vụ đổ máu tại Đài Phát Thanh Huế 8-5-1963. 5) Xin chính phủ bồi thường xứng đáng cho các nạn nhân đêm 8-5-1963 và cuộc đàn áp ngày 4--6-1963 tại Huế. Văn thư nói tiếp “Kính thưa Tổng Thống: Toàn thể tăng ni chúng tôi trong Ủy Ban Liên Phái thà chết chứ không chịu để cho lòng tin tưởng của chúng tôi nơi thành tín của chính phủ bị thực tế đánh đổ một lần nữa.” Tại nơi trang 125 quý vị có thể thấy hình ảnh chư tăng ni rời An Dưỡng Địa sau khi Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành Trần Văn Tư và Bộ Trưởng Ngô Trọng Hiếu và phái đoàn báo chí trong và ngoài nước tới. Những tin tức về cuộc tranh đấu của Phật giáo trong những ngày qua đã được các Đài VOA, BBC, các hãng thông tấn AP và Stars And Stripes truyền đi và họ đã dùng những danh từ như “kỳ thị tôn giáo”. Đài VOA trong buổi phát thanh lúc 12 giờ 30 ngày 18-7-1963 cho biết trong cuộc họp báo ngày Thứ Tư, một ký giả đã hỏi TT. Kennedy “Chúng tôi xin Tổng thống cho biết những nỗi khó khăn hiện giờ giữa Phật giáo đồ ở Việt Nam và chính phủ Việt Nam có làm trở ngại gì đến nhiều năm viện trợ của Mỹ trong công cuộc chiến đấu chống Việt cộng tại đó không?” Và TT. Kennedy đã trả lời “Tôi hy vọng cuộc tranh chấp này sẽ được giải quyết ổn thỏa, vì lẽ chúng ta muốn thấy

có một chính phủ vững vàng ở Việt Nam Cộng Hòa để tiến hành cuộc chiến đấu duy trì độc lập quốc gia của họ.” - Ngày 27/7/1963 Sư Bà Diệu Không, thân mẫu nhà bác học Bửu Hội - đại sứ tại nhiều nước tại Châu Phi mở cuộc họp báo tại Chùa Xá Lợi tuyên bố sẽ noi gương Bồ Tát Thích Quảng Đức để cúng dường Phật pháp. Trong khi đó khoảng 100 người tự xưng là thương phế binh biểu tình dùng máy phóng thanh chĩa vào chùa phản đối và cho rằng Phật Giáo đã bị cộng sản lợi dụng. Một số “thương phế binh” còn nhẩy lên tường rào cao, đạp lên đầu mấy sư đang đứng phía trong, ném tung vào chùa nào là truyền đơn, hình vẽ chiến sĩ đóng khung…ung dung kéo đi diễn hành trên nhiều đường phố trước mắt cảnh sát và cảnh sát chiến đấu đang giữ trật tự cho họ trước chùa. Quý vị có thể thấy tấm hình chụp thương phế bình ngồi trên xe xích-lô biểu tình trên đường phố nơi trang 140. - Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo ra tâm thư gửi anh em thương phế binh đã biểu tình trước Chùa Xá Lợi trong đó có những đọan như sau: (trang 142& 143) “Chúng tôi không lầm thì trong số anh em tàn tật vì đã hy sinh cho quốc gia, đã có trên 80% Phật tử.” “Chúng tôi chỉ phản đối những kẻ chủ trương lợi dụng chiêu bài chống cộng để bắt tội những người này, kẻ nọ là thân cộng, là không chống cộng để nhằm tiêu diệt họ dưới nhiều hình thức trong đó có Phật giáo.” “Chúng tôi cực lực lên án âm mưu dùng xương máu toàn dân để xây dựng ngai vàng của một nhóm.” - Ngày 30-7-1963 hằng vạn đồng bào và tín đồ đã kéo tới Chùa Xá Lợi nhân lễ chung thất (49 ngày) của HT. Thích Quảng Đức. Cũng trong ngày hôm đó một bản Tuyên Ngôn do TT. Thích Tâm Châu ký tên đã ra đời trong đó có đoạn “Kiểm điểm lại cuộc vận động nói trên đến nay chỉ mới được giải quyết trên giấy tờ và bằng lời nói. Nhưng trên thực tế chưa có một thực thi cụ thể nào khả dĩ làm dịu nỗi đau khổ triền miên của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Ngược lại những thực tế đau lòng ngày càng dồn dập làm cho Phật giáo đồ mất hết tin tưởng. Dù vậy Phật giáo đồ Việt Nam quyết định không lìa bỏ tinh thần thuần túy tôn giáo bằng cách áp dụng nghiêm chỉnh phương pháp bất bạo động để đưa phong trào tới mức thành công.” - Ngày 12-8-1963 tại chùa Xá Lợi, nữ sinh Mai Tuyết An tự chặt

cánh tay trái của mình để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo với tấm hình nơi trang 149. PHẦN THỨ VI: SÁU NGỌN LỬA BI HÙNG TIẾP NỐI NGỌN LỬA THÍCH QUẢNG ĐỨC - Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu và để lại Trần Tình Thư gửi Hòa thượng Hội Chủ và Quý Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni, Tín đồ Phật giáo trong và ngoài nước, phát nguyện tự thiêu để “Phản đối tình trạng bắt bớ, khủng bố các tăng, ni, tín đồ Phật Giáo và để hòa nhịp với sự đau buồn của các Phật tử bị thiệt mạng và đang bị thương trong thời gian tranh đấu vì chánh pháp.” Và bức thư gửi “Tía Má” (Bố Mẹ) ở Phan Thiết, trong đó có đoạn “Tuy thể xác đã vãng nhưng linh hồn con lúc nào cũng nhớ tới tía má. Đến đây con xin ngừng bút, đây là nét cuối cùng của con tiễn biệt tía má, con xin tía má nhận lòng thành kính của con.” - Đại đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu ở Huế ngày 13-8-1963. - Ni Cô Diệu Quang ba ngày sau tức ngày 15-8-1963 tự thiêu trước Chi Hội Phật Học Ninh Hòa. - Thượng tọa Thích Tiêu Diêu 71 tuổi, tự thiêu tại Huế lúc 4 giờ sáng ngày 16-8-1963 trước sự hộ niệm của chư vị Hòa thượng, đại đức, tăng ni và rất đông Phật tử. - Ngày 5-10-1963 Đại đức Thích Quảng Hương tự thiêu trước bồn

binh chợ Bến Thành. Khi ngọn lửa bùng lên được mấy phút thì xe cứu hỏa chạy tới xịt nước và đem nhục thân của đại đức đi. Hiện nay chưa ai biết thi hài của đại đức chôn ở đâu. - Đại đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu trên vỉa hè đối diện với Nhà Thờ Đức Bà (Sài Gòn) vào lúc 10 giờ sáng ngày 27-10-1963 để lại ba bức thư gửi Hòa thượng Hội Chủ, Ngô Đình Diệm và Ô. U Thant- Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc. PHẦN THỨ VII: GIAI ĐOẠN CHÓT CUỘC ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO - Ngày 18-8-1963 Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo tổ chức lễ cầu siêu cho những vị tử đạo tại Chùa Xá Lợi. Khoảng mười vạn người, đủ mọi thành phần đã tham dự buổi lễ này. “Có người cả quyết rằng trong giờ phút này chỉ cần một lời hô của các vị thượng tọa là đám người sẽ bùng bùng kéo tới thẳng Dinh Gia Long đạp bình địa ngay tất cả. Nhưng nhờ sự điều khiển khéo léo, tài ba của của các vị thượng tọa, đại đức nên buổi lễ không xảy ra điều gì đáng tiếc…nên tới 6 giờ chiều, tất cả bằng lòng giải tán.”

488 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

- Vì Chùa Xá Lợi là nơi tập trung các nhân vật đầu não của Phật giáo như: HT. Hội Chủ Thích Tịnh Khiết, TT. Thích Tâm Châu, TT. Thích Thiện Minh, TT. Thích Trí Quang, TT. Thích Thiện Hoa cùng các Đại Đức Thích Đức Nghiệp, Thích Quảng Độ, Thích Giác Đức, Thích Hộ Giác cùng Sư Bà Diệu Không cho nên “anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu quyết định cho lực lương đặc biệt tấn công chùa để bắt chư hòa thượng, tăng ni đem đi.” Cuộc tấn công hung hãn khởi đầu vào lúc 0:30 khuya ngày 20-8-1963. “Trong lúc một số tăng ni tìm cách thoát cuộc bao vây của cường quyền vượt bức tường bên hông chùa để sang khu vực USOM nhưng bọn cảnh sát đã hay kịp. Những loạt đạn tuôn ra. Vài thây người ngã gục trong đêm tối. Tuy vậy cũng có hai vị thoát được sang địa phận USOM xin tỵ nạn.” Cả Hòa thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết cũng bị xô ngã mang vết thương nơi mắt. Cuộc tấn công chấm dứt lúc 2 giờ 15 sáng. Năm chiếc xe cam-nhông hốt tăng ni về nhà giam. - Sáng 21-8-1963 Ngô Đình Diệm ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn quốc. Nhưng cuộc tấn công vào chùa Xá Lợi như đổ thêm dầu vào lửa - một tính toán hoàn toàn sai lầm của anh em Ngô Đình Diệm. - Sáng ngày 22-8-1963 sinh viên các trường Đại học Y Khoa, Cao đẳng Kỹ Thuật, nổi dậy hưởng ứng cuộc đấu tranh của Phật giáo. Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu cạo trọc đầu, từ chức để hưởng ứng cuộc đấu tranh. - Sáng ngày 23-8-1963 sinh viên, học sinh khắp nơi kéo tới Đại Học Luật Khoa để bầu ủy ban tranh đấu. - Cùng ngày vào lúc 10 giờ sáng sinh viên học sinh tổ chức cuộc biểu tình tai bùng binh Chợ Bến Thành và nữ sinh Quách Thị Trang 15 tuổi đã bị bắn chết và 10 người khác bị thương. - Cũng trong thời điểm này học sinh các trường Chu Văn An, Trưng Vương, Gia Long, Võ Trường Toản bỏ học, không chịu vào lớp biểu tình phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Tại nơi trang 198 chúng ta thấy hình học sinh Chu Văn An biểu tình tại sân trường, cầm cờ Phật giáo và dùng khăn bịt miệng để phòng ngừa hơi cay. Hình nữ sinh Trưng Vương biểu tình phản đối đàn áp tôn giáo. Tại nơi trang 188 chúng ta thấy tấm hình học sinh Chu Văn An vẽ phấn trên bảng “Ngô Đình Nhu là con quỷ cái. Nhu Diệm độc tài.” Hình cảnh sát chiến đấu leo lên tường để gỡ những biểu ngữ đả đảo chính quyền Ngô Đình Diệm của học sinh.

CUỐN SÁCH BỊ BỎ QUÊN CỦA NHÀ BÁO THANH THƯƠNG HOÀNG • 489

- Ngày 24-8-1963 Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Học Sinh ra mắt tại Đại Học Luật Khoa trước mấy ngàn sinh viên. “Điều đáng nói là trong buổi này có cả sự hiện diện của GS. Vũ Văn Mẫu, GS. Vũ Quốc Thúc và GS. Nguyễn Văn Bông và được hoan nghênh nồng nhiệt.” - Mỗi ngày hàng ngàn sinh viên học sinh bị bắt đưa đi giam tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. - Ở Huế hằng ngàn sinh viên học sinh đã kéo tới ở ngay trong Chùa Từ Đàm để hợp sức với chư tăng ni. - Ngày 19-9-1963 Liên Hiệp Quốc quyết định ghi vào chương trình nghị sự vấn đề chính phủ Ngô Đình Diệm vi phạm nhân quyền. - Hồi 0:30 ngày 24-10-1963 phái đoàn Liên Hiệp Quốc tới Việt Nam để điều tra, Đại Sứ Raman Pazhwak đại diện A Phú Hãn (Af- ghanistan) làm trưởng đoàn. Phái đoàn đã tiếp xúc với Ô. Nguyễn Ngọc Thơ, Ngô Đình Nhu và viếng thăm Chùa Xá Lợi, Chùa Giác Lâm và tiếp xúc riêng với từng vị thượng tọa, đại đức. Trong dịp này Hòa thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết đã gửi mật thư cho đại sứ trưởng phái đoàn Liên Hiệp Quốc trong đó có những đoạn như sau: a) Ngày lễ Chúa giáng sinh, tất cả các công sở phải treo đèn kết hoa; hơn thế nữa trước Tòa Đô Chánh Sài Gòn, một trong những hang đá nguy nga đồ sộ được dựng lên bởi toàn lực của cơ quan quân đội cũng như dân chính mà phần lớn là những Phật tử, đài phát thanh trong ba ngày liên tiếp dùng để truyền thanh các buổi thánh lễ và những bài thánh ca, Tổng Thống đọc thông điệp hiệu triệu tất cả quốc dân hướng về ngày đó. b) Nhà thờ được xây cất tự do bởi sự khuyến khích của viện trợ của chính phủ nhưng Phật giáo muốn xây chùa chiền phải được phép của chính phủ và điều này rất khó khăn. c) Trong quân đội có nghành Tuyên Úy Thiên Chúa Giáo trong khi đó 70% binh sĩ Phật tử không có Tuyên Úy Phật Giáo. “Mục đích của chính phủ hiện tại là muốn biến Miền Nam Việt Nam thành một nước Thiên Chúa giáo, nên đã thành lập một tổ chức mênh danh là Công giáo Tiến Hành hoạt động rất mạnh trên toàn lãnh thổ với nhiều kế hoạch rất tinh vi nhắm tiêu diệt Phật giáo mà tôi xin đơn cử một vài điển hình dưới đây”. a) Đến từng gia đình Phật tử nghèo túng khuyên rửa tội theo Thiên Chúa Giáo bằng cách giúp cho một số tiền, gạo hoặc tìm cho việc làm.

b) Mở các khu dinh điền và khu trù mật gồm toàn những người theo Thiên Chúa giáo rồi khuyến dụ Phật giáo đến lập nghiệp và theo đạo, nếu ai không đi sẽ bị đe dọa đủ điều. c) Lập các Ấp Chiến Lược ở miền quê, bắt dân chúng phải dỡ nhà, tập trung vào một chỗ, tất cả các chùa chiền cũng phải dỡ đi, nhưng khi vào Ấp Chiến Lược chỉ được cất nhà mà không được phép tái lập chùa, trong khi đó thì trong Ấp Chiến Lược được tự do xây cất nhà cửa. Nếu các chùa không chịu dời vào ấp thì nhà sư trụ trì đó bị nghi là lừng khừng. - Ngày 23-8-1963 Luật Sư Trần Văn Chương (thân phụ Trần Lệ Xuân) – Đại Sứ VNCH tại Hoa Kỳ đánh điện từ chức vì chính phủ đàn áp và nhục mạ Phật giáo. - Ngày 19-9-1963 Giáo sư Nguyễn Thanh Thái, một Việt kiều ở Pháp “đã hành động một cách phi thường” bằng cách thản nhiên lấy một con dao găm tự rạch ngực cho máu chảy rồi lấy một cái chén nhỏ bằng bạc, hứng máu viết thư gửi Ô. U Thant- Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc tố cáo những tội ác của chính phủ Ngô Đình Diệm. Viết xong ông giơ cao lên cho mọi người nhìn và nói lớn: “Đây là máu của nhân dân quật khởi chống một chính phủ vi phạm nhân quyền.” PHẦN THỨ VIII: DƯ LUẬN THẾ GIỚI Bao gồm các báo chí khắp nơi như tờ Straits Times Mã Lai, Tờ Nanyang Siang Pan viết bằng Hoa Ngữ tại

Singapore và Miến Điện. Tại Cao Miên Thủ tướng Căm Bốt đã bày tỏ thiện cảm với Phật Giáo Việt Nam. Thái Lan các báo chí tại Vọng Các đều đều đăng tải các tin tức liên quan đến những biến cố ở Huế. Trung Hoa Quốc Gia, rồi Lời Hiệu Triệu của Ô. Hội Trưởng Hội Phật Giáo Thế Giới tại Ngưỡng Quang, Miến Điện, Nhật Bản, Ấn Độ, Ai Lao, Đại Hàn, Indonesia, Hongkong. Tại Hoa Kỳ, báo News and World Report viết như sau "Người Mỹ ở Sài Gòn cho biết cuộc sinh sự với các nhà lãnh đạo Phật giáo của Ô. Diệm là một lỗi lầm tệ hại nhất từ xưa tới nay...khiến cho vai trò của Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam lâm vào tình trạng khốn quẫn." Rồi tới các báo chí ở Thụy Sĩ, Anh Quốc, Úc Đại Lợi, Pháp. Riêng tờ Neak Cheat Niyum ra ngày 30-6-1963 trong bài xã luận nhan đề "Bước Đường Cùng Của Sự Dối Gạt" đã viết "Ông Ngô Đình Diệm với những anh em ông ta và người em dâu bất khả xa lìa, đã dùng hai

tuần lễ cuối cùng để chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu tới, những người cuồng tín nhất trong bọn đã nhận được vũ khí và tất cả phải tức khắc ra tay trước khi Phật giáo đồ thực hiện chủ trương tạo một Thánh Barthelemy như của Gia Tô giáo. Nói riêng thì tập đoàn này không thể vì cớ gì lùi bước được nữa vì chúng tôi lượm được những tin này tại các trung tâm Gia Tô giáo người Âu ở Nam Việt Nam." Tại Bruxelles (Bỉ) Linh Mục Pire- người đoạt giải Nobel về hòa bình, gửi Ô. U Thant- Tổng Thư Ký một bức thư yêu cầu ông gấp rút mở cuộc điều tra tại chỗ để làm sáng tỏ vấn đề. Tờ Washington Post viết "Phật giáo đồ khắp Á châu sẽ có cảm tưởng rằng dù sao Hoa Kỳ cũng dung túng sự kỳ thị tôn giáo. Đó là một cảm nghĩ sai lầm, nhưng trót là bạn của một chế độ độc tài, áp bức nên Hoa Kỳ dù sao cũng bị ảnh hưởng." Tờ New York Times số ra ngày 19-6-1963 viết "Tình hình ở Sài Gòn đã đến giai đoạn giống hệt như những ngày cuối cùng của Ô. Lý Thừa Vãn tại Hán Thành." Tờ Sunday Examiner của Thiên Chúa giáo xuất bản ở Hongkong viết "Mong rằng những người tuy khác đạo giáo nhưng phải tôn trọng giá trị về tôn thờ đạo giáo của họ, và đó là tinh thần bình đẳng tự do con người." Nữu Ước UPI "Trong khi chính phủ đang cần sự tin tưởng của dân chúng hơn bao giờ hết thì chính phủ lại đang mất sự ủng hộ của tín đồ Phật Giáo chiếm ba phần tư tổng số dân chúng tại Miền Nam Việt Nam." UPI Hoa Thịnh Đốn ngày 19-7-1963 đưa tin "Hôm Thứ Năm, Thượng Nghị Sĩ Wayne L. Morse nói rằng ông sẽ không đồng ý cho một đô-la nào nữa để ủng hộ cho một chế độ độc ác tàn bạo của TT. Ngô Đình Diệm tại Miền Nam Việt Nam." Tờ Christian Science Monitor trong bài "Sự Đau Khổ Tại Miền Nam Việt Nam" đã viết "Chế độ gia đình trị của TT. Ngô Đình Diệm đang tự đào hố chôn mình." PHẦN KẾT LUẬN Không dông dài, trong phần kết luận, tác giả kết thúc ngắn gọn như sau: "Cuộc tranh đấu thần thánh của Phật Giáo Việt Nam đã góp một phần không nhỏ vào cuộc Cách Mạng ngày 1-11-1963 của Quân Đội

VNCH lật đổ cường quyền họ Ngô. Phật giáo đã tô đậm nét vàng son hào hùng vào lịch sử dân tộc. Phật giáo đã nói lên tiếng nói bất khuất của dân tộc trước cường quyền. Việc bảy tăng ni châm lửa tự thiêu để tranh đấu cho sự sống còn của Phật giáo Việt Nam đã khiến cho cả thế giới cúi đầu kính phục sự hy sinh cao cả, sự can đảm phi

thường của người Việt nói chung và Phật giáo nói riêng. Ánh sáng của đạo Từ Bi đã khuất phục được cường quyền, đó là bài học vô cùng quý báu để loài người từ nay về sau lấy đó làm gương. Cuộc tranh đấu của Phật giáo từ ngày 8/5/1963 tới ngày 1/11/1963 đã mở kỷ nguyên mới cho Phật giáo Việt Nam: Kỷ nguyên của tranh đấu bất bạo động mà chiến thắng được cường quyền."

***

CHIẾN DỊCH "NƯỚC LŨ" CỦA NGÔ ĐÌNH NHU 20-8-1963(1) Quán Như Phạm Văn Minh

Trong khi các Tướng Lãnh bận rộn tổ chức đảo chánh, Tổng Thống Diệm và Nhu càng ngày càng bị cô lập và ngay cả những cộng sự 'trung thành' cũng bắt đầu đổi ngựa. Giám Đốc cơ quan tình báo (Sở Nghiên Cứu Chánh Trị), Trần Kim Tuyến, do chính Nhu tuyển lựa, cũng bị nghi ngờ tổ chức đảo chánh. Tuyến bị 'đày' ra ngoại quốc với chức vụ Đại Sứ VNCH tại Ai Cập. Việc các cộng sự thân tín của Diệm Như đào ngũ giải thích tại sao kế hoạch nước lũ nhằm trừng trị các 'nhà sư ít học' bị tiết lộ 2 tuần trước khi được thi hành! Tất các các nhà lãnh đạo Phật giáo từ chối không chịu đi trốn và tình nguyện ở lại để chứng tỏ chánh quyền trong tình trạng tuyệt vọng đến mức nào. Một Phát ngôn nhân của Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo (Đức Nhuận?) tuyên bố là "chúng tôi quăng vỏ chuối để chánh quyền trượt". Ủy Ban lãnh đạo biết là Nhu đã đặt tất cả con bài lên bàn và không còn con bài nào khác để đánh. Tuy nhiên họ gởi một phái đoàn sư tăng Tiểu Thừa trốn lên Cam Bốt để thông báo cho thế giới bên ngoài việc đàn áp tôn giáo tại Việt Nam và yêu cầu Liên Hiệp Quốc can thiệp và gởi một phái bộ đến Việt Nam quan sát. Tất các các nhà lãnh đạo kiên nhẫn chờ Nhu ra tay đánh một món đòn cuối. Nhu hành động không những với viễn ảnh có thêm nhiều vụ tự thiêu khác, nhưng còn lo ngại vì Tổng thống Kennedy tuyên bố gởi một Đại sứ mới đến Việt Nam, Henry Cabot Lodge, đến Sài Gòn vào ngày 22 tháng 8. Nhu muốn

1. Tác giả lược dịch một trích đoạn từ tác phẩm "Vietnamese Engaged Bud- dhism: The Struggle Movement of 1964 and 1966" của Quán Như Phạm Văn Minh, tr 203-205

chấm dứt cuộc tranh đấu một lần rồi thôi và đặt viên đại sứ mới trước một sự đã rồi. Lực lượng Đặc Biệt và Mật Vụ của Nhu tấn công chùa chiền trên toàn Việt Nam và bắt giữ tất cả các nhà sư tranh đấu. Neil Sheenhan (lúc bấy giờ là Trưởng nhiệm sở của Thông tấn xã Mỹ UPI tại Sài Gòn) được một số Mật Vụ thông báo cuộc tấn công này và chứng kiến hành động đàn áp trong kế hoạch nước lũ tại chùa Xá Lợi, tổng hành dinh của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo. Sheenhan viết: Cuộc lục soát chùa Xá Lợi cũng như các chùa khác trên toàn quốc được thi hành chuẩn xác. Nó làm tôi nhớ đến một đoạn trong một phim về các Kháng Chiến Pháp- khi các nhân viên Gestapo đến các nơi trú ẩn của các người kháng chiến tại Paris. Mật vụ và quân sĩ Đức trên các xe nhà binh canh giữ dày đặc vỉa hè, các sĩ quan ra lệnh và binh sĩ Đức xếp theo đội ngũ. Trong chùa các nhà sư bắt đầu đánh chuông mõ huyên náo trong đêm thanh vắng. Các nhà sư còn đập các nồi niêu vào nhau trong cố gắng tuyệt vọng để thông báo cho dân chúng quanh đó biết họ đang bị tấn công. Mật vụ đập phá cổng chính và lực lượng đặc biệt

dương súng dẫn đầu cuộc tấn công. Tiếng gương kiếng bể loảng xoảng và cổng chính không còn chịu nổi sức tấn công của báng sung và giầy đinh nên bị mở toang ra. Tiếng súng nổ chát chúa lẫn trong tiếng la thất thanh của chư tăng bị lôi sềnh sệt từ phòng ra. Quân lính bắn để ngăn chận các vị sư trèo tường sau trốn đi. Mật vụ quăng các nhà sư mặc y vàng lên các xe nhà bình đậu ở lề đường. Khi một xe đã đầy, chạy đi thì một xe khác đến và đậu thay thế. Chư tăng bị chở về khám Chí Hòa và một số về một trại tập trung Cát Lái. Cuộc đàn áp diễn ra chừng 2 tiếng vì các nhà sư chống cự, chận cửa vào phòng bằng bàn ghế. Tuy nhiên cảnh sát và mật vụ phải cần 8 tiếng đồng hồ trấn áp hoàn toàn chư tăng và một số học sinh và sinh viên khác nghĩ là cảnh sát chỉ muốn vào cướp xác một nhà sư đã tự thiêu trước đó vài hôm. Số lượng chư tăng bị mất tích và bị bắt giữ không chắc là bao nhiêu. Nhưng theo con số do Quốc Hội Mỹ cung cấp và sau này được Ngũ Giác Đài xác nhận là một ngàn bốn trăm vị. Ba mươi vị tăng ở Xá Lợi bị thương nặng và số người chết bị mật vụ phi tang không tìm ra xác là bảy người. Mặc dù cơ quan tình báo CIA có bổn phận theo dõi bất cứ hành vi của Ngô Đình Nhu, việc tấn công chùa chiền trên toàn quốc đã làm trưởng nhiệm sở CIA ở Sài Gòn, John Richardson, bất ngờ. Một tuần

lễ trước, Tổng Thống Diệm, và Nhu hứa với Đại Sứ vừa mãn nhiệm, Frederick Nolting là họ sẽ không thi hành biện pháp đàn áp nào nữa đối với Phật Giáo. Nolting đặt danh dự và uy tín của mình đối với Wash- ington khi ra mặt ủng hộ chế độ Diệm, rất tức giận vì hành động thất hứa này. Lá bài cuối cùng của Nhu đã làm hạ màn chấm dứt một giai đoạn và chánh sách ‘cùng chìm hay bơi’ với Diệm (sink or swim with Diem). Phản ứng của dư luận quần chúng rõ ràng và dữ dội. Thân phụ của bà Nhu, ông Trần Văn Chương, đại sứ VNCH tại Mỹ từ chức và tuyên bố là dưới chánh phủ do Diệm Nhu lãnh đạo, VNCH không có một hy vọng nào chiến thắng Cộng Sản. Bà Chương và hầu hết các nhân viên ngoại giao khác của sứ quán VN tại Mỹ đồng loạt từ chức. Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu từ chức, cạo đầu và xin đi hành hương Ấn Độ. Giáo chức đại học Huế từ chức và sau đó là các giáo chức đại học Sài Gòn. Khoa trưởng Y Khoa Phạm Biểu Tâm từ chức và bị bắt giữ sau đó. Sinh viên Sài Gòn nổi loạn, bãi khóa vào ngày 24 tháng 8. Hơn 5.000 sinh viên tụ tập tại trường luật để nghe Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu nói chuyện. Sinh viên ra một quyết nghị yêu cầu chánh phủ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng Vào ngày 25 tháng 8 SV biểu tình tại chợ Bến Thành và nữ sinh Quách Thị Trang bị cảnh sát bắn tử thương. Sinh viên biểu tình càng ngày càng đông và trong một buổi sáng có chừng 1 ngàn sinh viên bị ‘hốt’ về bót. Chánh phủ đàn áp và bắt giữ con em của các nhân viên trung cấp đang phục vụ chế độ, và sau đó không còn biện pháp nào là đóng cửa các đại học vô thời hạn.

***

SINH VIÊN VÀ HỌC SINH ĐỨNG DẬY(1) Nguyễn Lang

Sáng ngày 21-08-1963, sau khi đánh úp các chùa trong toàn quốc, tổng thống Ngô Đình Diệm triệu tập nội các và báo tin là quân luật đã được thiết lập trên toàn lãnh thổ vì

Cộng quân đã xâm nhập các châu thành và vùng phụ cận thủ đô Sài Gòn. Ông cũng cho các vị bộ trưởng hay về việc đánh chiếm các chùa và bắt giữ "bọn tăng ni làm loạn". Bộ trưởng bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu đập bàn lên tiếng phản đối hành động dã man của chính quyền. Ông bỏ buổi họp ra về, cạo đầu để bày tỏ lập trường mình và gửi thư từ chức bộ trưởng bộ Ngoại giao. Rồi ông bôn ba đi tìm các vị khoa trưởng và các giáo sư đại học đồng nghiệp cũ của ông, vận động thành lập Phong Trào Trí Thức Chống Độc Tài. Hành động quả cảm của ông Vũ Văn Mẫu đã châm ngòi cho phong trào sinh viên và học sinh bùng cháy trong toàn quốc. Sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ bãi khóa ngay trong buổi chiều 21-08-1963. Giáo sư Lê Sĩ Ngạc của Trung Tâm đứng lên tán đồng lập trường của sinh viên và lên án chính sách tàn bạo của chính quyền. Chiều ngày 22-08-1963 khoa trưởng Y khoa Sài Gòn là bác sĩ Phạm Biểu Tâm gửi đơn từ chức; ông bị bắt giam và ngày hôm sau 23-08-1963, nghe tin ông bị bắt, tất cả sinh viên Y khoa kéo nhau đến trường. Họ bàn tính kế hoạch chia thành từng nhóm đi thuyết phục các vị khoa trưởng và giáo sư các khoa từ chức. Đồng thời họ bàn kế hoạch vận động thành lập một Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa. Chiều hôm ấy Ủy ban này được thành lập, do sinh viên Tô Lai Chánh đứng làm chủ tịch. Ủy Ban gồm có mười tám sinh viên. Đại diện cho Dược khoa có cô Lê Thị Hạnh, Y khoa: Đường Thiện Đồng; Văn khoa: Lâm Tường Vũ; Kiến trúc: Nguyễn Hữu Đống; Công chánh: Nguyễn Thanh; Sư phạm: Nguyễn Văn Vinh; Luật khoa: Tô Lai Chánh.

1. Trích Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, tập III.

Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa phát động phong trào bãi khóa: sinh viên các trường Y khoa, Luật khoa, Dược khoa, Mỹ thuật v.v... theo gót sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ lần lượt bãi khóa. Trong thời gian vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới tất cả các cấp trung học ở toàn quốc. Sáng ngày 24-08-1963 trên ba ngàn sinh viên và học sinh tụ tập tại trường Luật khoa Sài Gòn để đón tiếp giáo sư Vũ Văn Mẫu. Họ vây quanh ông Mẫu, hoan hô ông vang dội. Đồng thời Ủy Ban Chỉ Đạo tung ra một bản tuyên ngôn mà họ đã biểu quyết ngày hôm qua, 23-08-1963, yêu cầu chính quyền: 1. Thực sự tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng. 2. Trả tự do cho tăng ni và tín đồ Phật giáo, sinh viên, học sinh và giáo sư hiện bị giam giữ. 3. Chấm dứt tình trạng khủng bố, bắt bớ hành hạ tín đồ Phật giáo. 4. Giải tỏa chùa chiền, ban bố tự do ngôn luận. Bản tuyên ngôn kết thúc bằng những câu sau đây: "Sinh viên và học sinh Việt Nam nguyện đem mồ hôi và xương máu để tranh đấu cho bốn nguyện vọng khẩn thiết trên. Đồng bào hãy sát cánh cùng chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho tự do và đòi được quyền phụng sự Tổ quốc". Dưới bản tuyên ngôn, danh từ Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa được đổi thành Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Và Học Sinh. Chỉ trong vòng ba hôm sau ngày đánh úp các chùa, phong trào sinh viên và học sinh đã làm rung động thủ đô Sài Gòn. Ngày 25.08.1963 ba trăm sinh viên học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành. Cuộc biểu tình này đã được tổ chức một cách tài tình bởi vì trong tình trạng giới nghiêm, khắp nơi tại thủ đô đều có các đơn vị võ trang canh gác, nhất là tại trung tâm Sài Gòn. Từng toán nhỏ sinh viên và học sinh đã do nhiều ngả

đường đi tới: vào khoảng mười giờ sáng đột nhiên biểu ngữ được tung ra trước chợ Bến Thành và cuộc biểu tình thành hình. Các trung đội Cảnh Sát Chiến Đấu gần đó được tin liền kéo tới đàn áp. Cảnh sát bắn cả vào đám biểu tình. Một em nữ sinh tên Quách Thị Trang bị trúng đạn tử thương(2). Một số sinh viên trốn thoát được. Một số bị thương. Khoảng

2. Sau ngày cách mạng thành công, người ta tìm ra được ngôi mộ của Quách Thị Trang tại nghĩa địa Gò Vấp.

200 người bị bắt giữ. Tử thi Quách Thị Trang bị mang đi mất. Ngay chiều hôm đó chính quyền đô thành ra thông cáo rằng các lực lượng an ninh đã được lệnh nổ súng vào bất cứ đám đông nào tụ họp ngoài công lộ mà không xin phép trước. Sau cuộc biểu tình ngày 25-08-1963, sinh viên và học sinh đã trở thành đối tượng khủng bố và đàn áp của chính quyền. Các phân khoa đại học và các trường trung học lớn tại Sài Gòn đều được giây thép gai và những hàng rào cảnh sát canh gác. Để đáp lại biện pháp này, sinh viên và học sinh tổ chức bãi khóa. Họ còn vận động với các giới giáo sư của họ gửi thư từ chức. Ngày 07-09-1963, học sinh các trường trung học công lập Gia Long, Trưng Vương và Võ Trường Toản tổ chức mít tinh bãi khóa ngay tại sân trường của họ. Họ không vào lớp mà kê bàn để đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của chế độ. Biểu ngữ được họ viết lên trên các bức tường hoặc trên những tấm bia lớn mà họ giăng lên khắp nơi. Học sinh các trường Trưng Vương và Võ Trường Toản định tổ chức biểu tình diễn hành, nhưng vừa ra khỏi cổng trường họ bị cảnh sát đàn áp. Cuộc xung đột tại cổng trường tới một giờ trưa mới được chấm dứt và khoảng ba trăm học sinh của hai trường bị bắt giữ. Trương Kỹ Thuật Cao Thắng, trường Mỹ Thuật Gia Định và các trường trung học Chu Văn An, Hồ Ngọc Cẩn liên tiếp đứng dậy. Trường Chu Văn An là một trường nam sinh, nổi tiếng là tranh đấu ác liệt nhất với cảnh sát(3). Ta cũng nên nhớ là trong ba trường đi tiên phong cho phong trào bãi khóa và tranh đấu của học sinh có tới hai trường nữ trung học: đó là Trưng Vương và Gia Long. Số học sinh các trường trung học tại sài Gòn bị bắt giữ lên tới hai ngàn. Tại các tỉnh, học sinh các trường công lập và tư thục cũng đứng lên tranh đấu tương tự. Trong lúc đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, chính quyền kêu gọi phụ huynh học sinh kiểm soát con cái mình đừng cho chúng "mắc mưu Cộng Sản". Ông Phan Văn Tạo, tổng giám đốc Thông tin mở

3. Cảnh Sát Chiến Đấu đã phá cổng và leo tường, thâm nhập vào trường Chu Văn An để đàn áp học sinh. Học sinh bắc loa kêu gọi cảnh sát và quân đội ủng hộ cuộc tranh đấu của họ. Sau khi cảnh sát thâm nhập được vào trường, học sinh bắt đầu kháng cự lại. Họ liệng bàn ghế từ trên lầu xuống làm hàng chục cảnh sát viên bị thương. Họ cầm cự được trong nhiều giờ trước khi bị chế ngự. Chỉ có độ 100 học sinh leo tường sau trốn sang được khu cư xá đại học, còn tất cả đều bị bắt.

cuộc họp báo đưa hai thiếu nhi khoảng 15-16 tuổi ra để hai em này tự nhận là Cộng sản xúi dục đồng bạn đi biểu tình. Cuộc họp báo này không chinh phục được ai bởi vì trong

thâm tâm các bậc phụ huynh đều biết vì lý do gì mà con cái mình tham dự vào cuộc tranh đấu. Dưới sự đàn áp của bạo quyền, đất nước mang một bộ mặt rách nát, tả tơi. Vấn đề không còn là vấn đề thành bại của cuộc tranh đấu Phật giáo. Vấn đề là vấn đề sinh mệnh và thể diện của cả một dân tộc. Một bầu không khí u uất nặng trĩu đè nặng lên cả trên đất nước. Không những dân chúng mà cả đến quân đội và nhiều thành phần trong lực lượng chính quyền và cảnh sát cũng thấy áp lực nặng nề và u uất đó.

***

ĐOÀN SINH VIÊN PHẬT TỬ SÀI GÒN ĐẤU TRANH CHO TỰ DO TÔN GIÁO (1963) Lương Hữu Định

Năm 1963, sau khi hay tin Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để bảo vệ chánh pháp, toàn thể các giới ở trong nước, nhất là giới trí thức, thanh niên, sinh viên, học sinh, Phật tử hay không phải Phật tử, đã sôi nổi, ồ ạt đứng lên tham gia tích cực vào phong trào chống chính sách kỳ thị tôn giáo. Động cơ của sự tham gia này có nhiều, nhưng riêng đối với tôi, thì khi tham gia vào sự kiện này, qua Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn (SVPTS) thời ấy, thì động lực duy nhất là đòi hỏi tự do tôn giáo. Tôi chỉ xin trình bày các sự kiện dưới con mắt chủ quan của tôi, còn việc đánh giá đúng sai sẽ không nói tới. 1. SINH VIÊN VÀ PHẬT TỬ Gia đình tôi vốn theo đạo Phật, nên thời thơ ấu của tôi đã đậm mùi khói hương, kinh kệ. Cứ mỗi buổi chiều, khoảng 5 giờ bà ngoại tôi và bà dì tôi lại lên một thời kinh (vì mẹ tôi mất khi tôi mới lên bốn tuổi). Dì tôi tụng kinh gõ mõ, bà ngoại tôi ngồi lim dim lần tràng hạt. Những ngày lễ, tết, tôi được theo bà lên chùa. Hình ảnh những ngôi chùa to, những pho tượng đẹp, những tu sĩ trang nghiêm và đáng kính, đã trở thành quen thuộc với tôi. Đến độ bây giờ, chỉ cần nghe tiếng chuông chùa từ xa vọng lại, tôi lại nhớ thấy cảnh kẻ ra người vào tấp nập, miệng luôn chào nhau “A Di Đà Phật”. Khi ấy đạo Phật đối với tôi chỉ là những nghi lễ dành cho người lớn, một cách sống của người già. Đối với tuổi trẻ thì chùa là loại thắng cảnh để rủ nhau đi chơi vào những ngày nghỉ, kiểu như “hôm qua em đi chùa Hương, hoa cỏ còn mờ hơi sương” để rồi “em không dám đi mau, sợ chàng chê hấp tấp, số gian nan không giàu”; còn đối với con nít như tôi hồi đó, thì đức Phật là đấng ban lộc oản chuối, xôi chè. Cái quan niệm ấy tôi giữ cho tới thời kỳ đi vào đại học, là sinh

viên. Khi ấy, đến với Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn, tôi chỉ muốn tìm được những người bạn cùng trang lứa, cùng làm việc xã hội: đi thăm các cô nhi viện, các viện dưỡng lão, các làng tình thương: và khi xảy ra thiên tai bão lụt, thì đi quyên góp tiền bạc, quần áo, đi cứu trợ. Việc lễ Phật chỉ là một nghi lễ mở đầu hay chấm dứt cho một buổi sinh hoạt. 2. SINH VIÊN VÀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG Dần dần, việc đi lễ mỗi sáng Chủ nhật trở thành thói quen: sáng Chủ nhật được nghỉ học, ở nhà buồn, đi lễ cho vui. Khi ấy ở chùa Xá Lợi, sau mỗi khóa lễ từ 8 giờ tới 9 giờ, là có một lớp giáo lý ở giảng đường, từ 9 giờ tới 11 giờ. Về sớm cũng chẳng có việc gì làm, tôi vào dự nghe. Từ từ những bài giảng của đức Thích Ca đến với tôi: Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo… Nhất là khi ấy tôi lại học đại học Văn khoa, trường Cao Đẳng Phật học, được giới

thiệu các vấn đề triết học, tôn giáo, triết Đông, triết Tây, nên tôi càng tin tưởng hơn ở một tôn giáo đã có lịch sử 2.500 năm. Tôi có được biết là ông Diệm theo đạo Thiên Chúa. Ông tin tưởng ở những người Công giáo hơn, người Công giáo được ưu đãi hơn. Nhưng chưa có gì lộ liễu, cho tới đầu năm 1963. Tháng tư năm ấy, ông Diệm tuyên bố không thừa nhận Phật Đản là ngày lễ chính thức và không cho phép treo cờ tôn giáo ngoài phạm vi cơ sở tôn giáo, đúng vào dịp sắp tới lễ Phật Đản. Cuộc tranh đấu của Phật giáo bắt đầu, đòi bình đẳng tôn giáo. Còn đối với tôi, đó là đòi tự do tín ngưỡng, một trong những quyền căn bản của con người. Tôi chỉ còn nhớ được vài sự kiện chính: Ngày 08.05.1963, đêm trước Phật Đản, tại Huế, các đồng bào Phật tử tụ tập trước đài phát thanh để đợi nghe phát đi bài thuyết pháp của thầy Trí Quang đã được ghi âm từ buổi sáng. Nhưng bài ấy đã không được phát thanh, có thể là vì trong đó Thầy đòi treo cờ Phật giáo. Đồng bào Phật tử tụ tập càng lúc càng đông, chính quyền Huế cho xe tăng ra đàn áp. Đồng bào không chịu giải tán, kết quả có 8 người bị xe tăng cán chết. Những tấm hình chụp được gửi đi các nơi, mọi người phẫn uất. Ngày 25.05, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập để lãnh đạo cuộc tranh đấu đòi tự do tôn giáo. Nguyên tắc tranh đấu là bất bạo động: chỉ tổ chức những buổi thuyết pháp, tuyệt thực, biểu tình, phổ biến thông tin... Đoàn SVPTS đặc biệt đóng góp vào công việc thông tin trong giới học sinh, sinh viên, để mọi người biết rõ sự thực, vì khi ấy chính quyền miền nam kiểm duyệt chặc chẽ báo chí, chỉ đưa ra những tin tức có lợi cho Nhà nước.

Ngày 11-06 Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Một hình thức tranh đấu bất bạo động đặc biệt của Phật giáo để bảo vệ chánh pháp. Ngày 20.08 chính quyền miền Nam bắt đầu một cuộc bắt bớ rộng khắp, đầu tiên là các tăng ni ở trong chùa, sau tới các Phật tử ở nhà. Nhiều Đoàn viên SVPTS đã bị bắt vào dịp này, trong đó có tôi. Đầu tiên chúng tôi bị tạm giữ ở Tổng nha cảnh sát đô thành để lấy lời khai. Vì chẳng có gì phải dấu diếm , nên việc lấy cung rất nhanh. Sau đó chúng tôi được đưa qua trại Lê Văn Duyệt, gọi là để học tập, cho tới ngày 1.11 Đối với chúng tôi, những ngày tháng ở trại LVD chỉ lưu lại những kỷ niệm vui nhiều hơn là buồn. 3. BI, TRÍ VÀ DŨNG Nhìn lại thời kỳ sinh hoạt với Đoàn SVPTS và nhất là qua cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo, tôi thấy rõ 3 giai đoạn thể hiện ba mức độ mà tôi đã đến với Đoàn. Đầu tiên chỉ là một ước muốn được đóng góp một cái gì đó cho xã hội, cho những người nghèo khổ, vì biết riêng mình chẳng làm được gì, nên tôi đã đến với người bạn cùng ước mơ ấy. Đó là Bi. Rồi trong thời gian học ở Đại học Văn khoa và trường Cao đẳng Phật học, tôi được biết về các vấn đề nhân sinh quan, vũ trụ quan, bản thể luận, cũng như các hệ thống triết học nhằm giải quyết những vấn đề căn bản ấy. Nên khi theo các lớp giáo lý Phật giáo, tôi thấy đó là cả một hệ thống triết học toàn diện, chứ không chỉ là những nghi thức trong đời sống hằng ngày. Theo Phật không chỉ là tụng kinh, gõ mõ, lễ Phật ăn chay... dành cho ông già bà cả hay giới tăng sĩ, mà còn là cả một quan niệm sống, một cách sống lành dành cho giới trẻ, giới trí thức; càng biết nhiều càng say mê, đó là Trí. Còn dũng thì thật là khó khăn. Dũng không phải là khỏe mạnh để đi đánh nhau với người khác, mà dũng là sức mạnh để tự thắng mình. Ngồi yên đó để cho bị đánh đập, bị giam cầm, nhịn đói để biểu lộ sự phản đối, tự thiêu để cảnh tỉnh. Tôi nhìn hình ảnh Hòa

thượng Thích Quảng Đức ngồi giữa ngọn lửa bốc lên... Người ta nói trái tim của Hòa Thượng không cháy vì khi ấy tâm trí ngài tập trung về trái tim với ước nguyện cầu cho nhà cầm quyền thức tỉnh, cầu cho Phật giáo đồ mau qua cơn pháp nạn. KẾT LUẬN Thì ra nếu chỉ hiểu Phật giáo qua các biểu hiện ở bên ngoài thì dễ hiểu lầm Phật giáo. Nếu chỉ tụng kinh và y kinh chú giải, thì dễ oan

tam thế Phật lắm. Còn có vị thiền sư chỉ giác ngộ cho ông thầy chẻ pho tượng Phật bằng gỗ, bỏ vào đống lửa để sưởi ấm một đêm giá lạnh, tuyết rơi trong hang đá. Tìm trong kinh không thấy, tìm trong ảnh tượng lại càng bị trói buộc. Vậy mà khi đi vào đời, tới với người nghèo khổ, những lúc bản thân hay gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn, thì lời dạy đức Thế Tôn lại vang lên, chỉ đường giải thoát. Người ta đã nói về đạo Phật cho giới cư sĩ, cho giới trẻ, cho ngày nay. Khi biết khế lý và khế cơ, thì Phật giáo sẽ là chân lý của mọi người, mọi thời đại. Sau năm 1964, tôi hết là sinh viên; và cũng vì bị lôi cuốn theo dòng đời, tôi đã rời Đoàn SVPTS, chúng tôi ít có dịp gặp lại nhau, nhưng chắc chắn là ở bất cứ nơi nào, chúng tôi vẫn nhớ đến nhau vì lòng cùng hướng về một đấng Từ Phụ.

***

QUÁCH THỊ TRANG - VÌ SAO SÁNG Hàn Phương Quốc Vũ

Vậy Trang là ai? Là ai mà dũng cảm như một đấng anh thư thời mở nước !...Trang mới 15 tuổi, là nữ sinh lớp đệ nhị trường Trung học Trường Sơn. Sinh làng Cổ Phúc, quận Tiên Hương, tỉnh Thái Bình, gia đình theo đạo Phật. Trang sống với mẹ cùng 5 anh chị em và là đứa con hiếu thuận. Trang sinh hoạt trong Gia đình Phật tử Minh Tâm rất thuần thành - pháp danh Diệu Nghiêm. “Trang hỡi Trang, em là vì sao sáng Giữa khung trời mây trắng với trăng thanh Rồi một sớm có bao nhiêu đầu xanh Siết tay nhau, giục giã em lên đường”. Cứ nghĩ về những ngày tháng ấy, tôi lại lẩm nhẩm một mình mấy câu hát của nhạc sĩ Nguyễn Hiền ca ngợi Quách Thị Trang từ 38 năm về trước. Những câu hát một thời vang dội cả Sài Gòn, làm xao xuyến bao trái tim sinh viên học sinh chúng tôi. Từ sau mùa pháp nạn 1963, tôi hay có thói quen, cứ đến ngày Phật Đản hàng năm; đi đâu về tôi cũng muốn ghé bùng binh chợ Sài Gòn để ngắm nhìn chân dung Trang qua bức tượng như một phút mặc niệm ngậm ngùi thủy chung. Có lẽ vì tôi không thể nào quên được cái khung trời ở đó với mấy tiếng súng nổ sát hại Trang ngày nào cứ còn vang mãi bên tai tôi!... Mặc dù lúc đó, tôi không thấy được Trang ngã xuống, không được cùng bạn bè đỡ Trang lên và giành giật Trang với cảnh sát chiến đấu... Bởi vì đoàn của tôi đang trên đường Lê Văn Duyệt (Cách Mạng Tháng 8) vừa đến ngã sáu Sài Gòn thì bị chặn lại. Xe cảnh sát nhào tới, chực vồ chúng tôi quăng lên xe. Chúng tôi phải rã đoàn, len vào các con hẻm dẫn tới chợ Sài Gòn như đã hẹn trước: tập trung và xuất phát từ trường Dược, nếu kẹt thì đổi địa điểm xuống chợ Bến Thành rồi kéo lên Quốc hội (Nhà hát lớn).

Cho nên từ các ngã đường, SVHS cứ tràn xuống trước các cửa chợ, cứ đi vòng vòng, giả như đi mua sắm, để chờ nhau. Hể thấy có biểu ngữ giăng lên là ào xuống xếp hàng đi

theo, đồng bào trong chợ ùa ra. Cảnh sát chiến đấu đi chặn đầu này thì bà con tràn qua đầu kia. Chúng phải huy động thêm xe GMC lớn tới, cứ tóm được ai là quăng lên xe chở đi... Bỗng nghe mấy tiếng súng nổ phía cửa Đông thì bà con chạy hoảng loạn như điên. Ai cũng muốn nhào lại phía súng nổ xem có phải con em mình không và giành giựt xác người với cảnh sát... Mãi đến mấy ngày sau, chúng tôi và gia đình Trang mới biết được người nữ sinh ngã xuống đó là Quánh Thị Trang chứ không phải là Mỹ Hạnh hay Lê Thị Hạnh như lầm tưởng ban đầu. Vậy Trang là ai? Là ai mà dũng cảm như một đấng anh thư thời mở nước!...Trang mới 15 tuổi, là nữ sinh lớp đệ nhị trường Trung học Trường Sơn. Sinh làng Cổ Phúc, quận Tiên Hương, tỉnh Thái Bình, gia đình theo đạo Phật. Trang sống với mẹ cùng 5 anh chị em và là đứa con hiếu thuận. Trang sinh hoạt trong Gia đình Phật tử Minh Tâm rất thuần thành - pháp danh Diệu Nghiêm. Khi ngã xuống cảnh sát đã giành xác Trang đem về chôn trong nghĩa trang Tổng tham mưu (vì muốn ém nhẹm cái chết này). Sau ngày Diệm đổ, chúng tôi vào tìm thăm mộ Trang ngay thì thấy phần mộ cũng tử tế và hương khói đàng hoàng. Chắc là do những người lính Phật tử có lòng ở đó, đã âm thầm chăm sóc mộ Trang. Ba năm sau anh Đoàn trưởng Huỳnh Bá Huệ Dương đã cùng gia đình Trang cải táng đưa Trang về chùa Phổ Quang cho đến hôm nay. Người ta thấy có mấy em học sinh Phật tử, đệ tử của một vị Hòa thượng khả kính, thường xuyên đến hương khói, chăm sóc phần mộ của Trang sạch sẽ và đẹp, nhất là vào những ngày Phật Đản. Tôi xin trích một đoạn ngắn của riêng Trang và bạn bè vào cái buổi sáng lịch sử đó trong cuốn "Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam" của Quốc tuệ: "...Sáng ngày 25, Trang dậy thật sớm, ăn mặc xong rồi xin phép mẹ đến nhà bạn chơi và rủ Yến cùng đi. Hai chị em đến nơi hẹn với Yến rồi cùng nhau đi taxi đến chợ Bến Thành. Trong khi chờ đợi, từ cửa hông chợ, một đám người ùa ra như nước chảy. Những người đi đầu căng biểu ngữ: "hãy giết chúng tôi đi vì chúng tôi là những người con Phật". Ba thiếu nữ nghe lòng bừng dậy như sóng cả. Họ nhìn nhau, ba cặp mắt sáng ngời và cầm tay nhau chạy vào hàng ngũ. Đoàn biểu tình vẫn đi tới, vượt qua khỏi mặt tiền chợ Bến Thành. Trong lúc đó, bóng

dáng hung thần của cảnh sát chiến đấu gầm gừ hiện ra, chặn lối trước mặt họ. Chợt nghe hai tiếng súng nổ, Yến quay lại nhìn: Thấy Trang mặc áo trắng đã ngã gục trên đường nhựa. Bên Trang là một cảnh sát ác ôn, tay cầm súng mới vừa giết người xong. Đây là hình ảnh cuối cùng của Quánh Thị Trang đã hy sinh đời mình cho Dân tộc và Đạo pháp. Và hình ảnh đó trong lòng dân tộc vẫn còn sống mãi nghìn thu!". (lược trích báo Hải Triều Âm số 19. Trích lại trong "50 năm chấn hưng PG Việt nam 1920- 1970" của HT. Thích Thiện Hoa soạn 1970, trang 226). Dạo đó, vẫn còn có người xuyên tạc ý nghĩa cuộc đấu tranh này, cho là bọn trẻ bị người lớn xúi giục... Thật ra Trang là một cô gái có tâm hồn cao đẹp của một Phật tử gương mẫu. Em biết thổi sáo, tham gia văn nghệ hồn nhiên trong gia đình Phật tử. Trang đã khóc nhiều khi nhìn thấy trên báo chí, hình ảnh 8 em trong Gia đình Phật tử Huế bị xe thiết giáp của Đặng Sỹ cán chết không toàn thây trước đài phát thanh, thấy ngọn lửa thầy Quảng Đức và các Thánh tử đạo, nhất là cái đêm 20-08-1963, chùa Xá Lợi bị tấn công và các thầy bị bắt đi hết. Trang quyết định dấn thân, xuống đường cùng bà con Phật tử và bạn bè, đòi cho được sự

bình đẳng tôn giáo. Và Trang đã ngã xuống như một dáng đứng sinh viên - học sinh, nối tiếp Trần Văn Ơn ngày trước. Ngày 26-08-1963, sau cái chết của Trang 1 ngày, từ Bruselles, Hội Thanh niên Thế giới đã đánh điện về phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm đã tước bỏ quyền tự do dân chủ của thanh niên, sinh viên học sinh Việt Nam với nội dung: "Kính gởi Tổng thống VNCH tại SG: Hội Thanh niên Thế giới phản đối sự kỳ thị đáng ghét đối với đồng bào Phật giáo của ông và việc đóng cửa các trường đại học cùng đàn áp hung bạo đối với thanh niên, sinh viên cũng như bắt bớ và gây tang tóc cho bao người. Chúng tôi đòi hỏi ông phải trả lại quyền lợi cho mọi người công dân và tôn trọng tự do dân chủ". Ký tên: Hội Thanh niên Thế giới. Và một sinh viên Việt kiều ở Nhật, anh Huyền Linh Tử, gởi về mấy dòng thơ khi anh nghe thêm mấy người tự thiêu, hàng trăm người bị thủ tiêu và gần 3.000 Sinh viên Học sinh bị bắt. "Tokyo qua dòng tin tê tái Quê hương, cửa từ bi nhuộm máu

Bầy con yêu say đạo cả cúi đầu Trước bạo tàn, ôi, có một không hai"... Trong nước thì không biết bao nhiêu trái tim đã khóc Trang, nhạc sĩ Nguyễn Hiền viết bài hát ca ngợi Trang một thời được hát vang trong giới Sinh viên Học sinh Nhà thơ Tâm Hải cũng tiếc thương, ngưỡng mộ: Tôi viết tên Trang cả triệu lần Bao niềm thương tiếc lẫn phân vân Hy sinh tranh đấu chống cường bạo Muôn triệu con tim thoát ngục trần Phật giáo sáng ngời trang sử mới Non sông tưởng nhớ nữ anh hùng Ngàn thu trân trọng người Trinh nữ Đốt nén hương thơm khấn nguyện cầu.. Năm 1964, Sinh viên Học sinh đã thành lập một ban kiến tạo xây dựng tượng đài Quánh Thị Trang gồm: - Trưởng ban: Vũ Quang Hùng (SV Khoa học, đang công tác ở báo Pháp luật). - 2 Phó ban:-Nguyễn Thanh Hùng (SV Đại học Bách khoa).-Đào Đức Long (SV Thanh Sinh Công). Một buổi sáng đầu năm 1964, anh Dương Văn Đầy (lúc đó SV Khoa học-BCB-chuẩn bị vào y khoa) cầm sổ vàng đến rủ tôi cùng đi gặp các vị tướng tá cảm tình với SV để quyên tiền xây tượng Quách Thị Trang. Tôi và Đầy đến gặp tướng TVĐ. Ông rất hoan hỷ, ký ngay 10.000 đồng và giới thiệu đi gặp TQH, bà H ký ngay 5.000 đồng. Đầy bảo đủ rồi và về đưa hết cho Hùng. Hùng quyên thêm ít nữa rồi phân công cho Nguyễn Thanh Hùng đi thăm viếng gia đình Trang và gặp họa sĩ Mai Lân đặt khắc tượng Trang. Trong số SV thực tập với HS, có anh Vũ Chinh tức Đặng Đức Siêu trong nhóm Nguyễn Khắc Hiếu ở tù chung với Hùng, nên anh Chinh rất tích cực trong việc này. Tạc tượng xong, Ban kiến tạo này chuẩn bị xây chớp nhoáng ngoài công trường Diên Hồng (nay là Q.T.T) trong dịp đoàn SVHS biểu tình chống Nguyễn Khánh kéo về dừng lại trước chợ Bến Thành để tưởng niệm Trang và nhiều SV lên phát biểu "Đả đảo Nguyễn Khánh"...

Trong lúc đó, nhóm Sinh viên kiến tạo này mang tượng đài Quách Thị Trang và dụng cụ đã giấu sẵn trong túi xách ra, đặt lên xây thật nhanh và thật chắc - khi đoàn biểu tình giải tán thì tượng Quách Thị Trang đã sừng sững vững chắc giữa công trường rồi. Cảnh sát không dám động đến. Một năm sau, TTM.G và anh đoàn trưởng đến gắn một bản đồng nhỏ ở phía dưới đề tên "Liệt nữ Quách Thị Trang". Và từ đó, công trường mang tên Quách Thị Trang cho đến bây giờ. Ngày nay ai đi qua đó đều nhìn thấy bức

tượng thân thương đã đi vào lịch sử cùng tên tuổi Quách Thị Trang như một vì sao sáng mãi trong lòng sinh viên học sinh Sài Gòn và sáng mãi trong lòng tôi cho đến hôm nay như tiếng hát của Nguyễn Hiền ngày nào: ... "Tôi với em không hề quen biết Xót xa nhiều khi viết đến tên em Vì đại nghĩa, máu em đã hòa thêm Thắm tô lên trên tà áo trinh nguyên Nhưng hôm nay tưng bừng, Non sông đang vui mừng Đâu bóng hình em giữa trời quê hương Những mái tóc chấm vai, Sân trường tìm đâu thấy Em thơ đùa trong ánh nắng ban mai Tôi khóc em trong chiều nay mây tím Nén hương lòng tôi thắp nhớ tên em Hình hài mất, nét tinh anh còn đấy Giữa muôn tim, em còn mãi không phai".

***

TƯỜNG TRÌNH TẠI LIÊN HIỆP QUỐC

(9-1963)

Hồi ký Bác Sĩ Erich WULFF

Minh Nguyện dịch(1)

Lời người dịch: Đây là bài thứ ba trích dịch từ quyển Vietnam- esische Lehrjahre (Những năm dạy học tại Việt Nam), Suhrkamp Taschenbuch Nr. 73, Frankfurt a.M., Germany, 1972, trang 186 đến 202, với tên tác giả Georg W. Alsheimer, bút hiệu của Erich Wulff. Ông là một bác sĩ người Đức dạy tại trường Đại học Y khoa Huế từ năm 1961 đến 1967, trong khuôn khổ viện trợ giáo dục của Tây Đức. Vì một sự tình cờ, tác giả đã chứng kiến biến cố tại đài phát thanh Huế đêm 8-5-1963 làm 8 Phật tử bị chết một cách thê thảm và đã trình bày sự kiện này trước Ủy ban điều tra đàn áp Phật giáo Việt Nam của Liên Hiệp quốc vào tháng 9-1963. Bài thứ ba này nói về các hoạt động của tác giả tại New York và Hoa thịnh đốn. -- o -- Sau khi đến New York vào giữa tháng 9-63, bên cạnh những buổi gặp bạn bè, tôi dành nhiều thời gian để chuẩn bị cho cuộc tường trình trước Uỷ ban điều tra của Liên hiệp quốc (LHQ) về biến cố ngày 8 tháng 5 và những biện pháp đàn áp sau đó. Ba phái đoàn thành viên của Ủy ban muốn ghi lại những lời khai của tôi và yêu cầu cung cấp tài liệu cho mỗi đoàn. Rất may là tôi có mang theo đầy đủ các bản sao. Phái đoàn Campuchia vô cùng hổn tạp. Khi tôi đến Sứ quán của họ, họ không biết tôi là ai và cũng không muốn tiếp tôi nữa. Khi tôi

1. Tây Đức, tháng 5-2003. Dịch để tưởng niệm 8 vị bị thảm sát tại đài phát thanh Huế đêm 8 tháng 5 năm 1963.

muốn bước ra khỏi cửa, thì một tùy viên hối hả chạy theo vội nói rằng: Ông Ngoại trưởng hiện đang có mặt tại New York để tham dự phiên họp Đại hội đồng muốn nói chuyện tức khắc với ông. Trước mặt ông Ngoại trưởng tôi đã kể hết mọi sự việc và người thư ký bên cạnh ghi lại từng chữ. Ông Ngoại trưởng là một người đang còn trẻ, thông minh, ăn mặc rất bảnh bao. Sáng hôm sau tôi lại phải kể đầu đuôi câu chuyện tại phái đoàn Tích Lan, nhưng không chắc được họ có hiểu vấn đề không. Kiến thức của họ thật là nông cạn về cuộc chiến tại Việt Nam, về các chính sách khủng bố của chế độ, cũng như về lịch sử và các hình thái tổ chức của Phật giáo Việt Nam. Khi tôi đến Sứ

quán của An-giê-ri, sau khi gặp ông Đại sứ, tôi làm việc với một cô thư ký. Cô ta nhận biết ngay những điểm quan trọng chính yếu trong bản tường trình của tôi: Vụ thảm sát tại Huế trong ngày đại lễ Phật giáo, một đại lễ tương tự như ngày lễ Chúa Giáng sinh bên Thiên chúa giáo, sự khước từ công nhận tổ chức chính thức của một tôn giáo quy tụ đa số quần chúng, việc bắt giam toàn bộ thành phần lãnh đạo Phật giáo, việc sử dụng những chất độc hóa học để đàn áp các cuộc biểu tình bất bạo động của thanh niên. Tất cả những biện pháp đàn áp và khủng bố này có thể bị xem là vi phạm các nhân quyền căn bản về tự do tín ngưỡng và tôn giáo được ghi trong Hiến chương LHQ. Đa số các thành viên LHQ có thể sẽ lên án chế độ ông Diệm vì những lý do đó. Tuy nhiên về mặt chính trị thì tốt hơn là không nên nói đến những chính sách khủng bố khác của chế độ như: chính sách áp bức nông dân, sự đàn áp và giết hại những người kháng chiến Việt minh cũ, việc dẹp tan phe đối lập không cộng sản. Rất nhiều các nước thuộc thế giới thứ ba cũng có những chính sách đàn áp tương tự nên họ sẽ không dễ dàng bỏ phiếu thuận vì sợ đụng chạm đến uy thế của mình và xem như là xen vào nội bộ của các nước đó. Tôi cũng có những cuộc vận động bên ngoài LHQ. Người ta đã tổ chức một cuộc họp báo không thành công cho lắm, trong đó tôi được giới thiệu là một Giáo sư khoa Giải phẩu (thay vì khoa Phân Tâm học)! Tôi cũng nói chuyện tại nhà thờ Harrington và tiếp xúc với vài Thượng nghị sĩ tại Hoa thịnh đốn. Ông Frank Church đã tiếp tôi và yêu cầu nêu ra những lý do để Mỹ cần phải tách rời khỏi ông Diệm. Ông ta đã vận động khoảng 30 Thượng nghị sĩ (TNS) sẵn sàng lên tiếng đòi cắt giảm viện trợ Mỹ. Ông Kattenberg, người phụ trách phòng Việt Nam vụ tại bộ Ngoại giao cũng đã tiếp tôi hơn một tiếng đồng hồ. Cuộc vận động chống chế độ ông Diệm như thế đang tiến triển tốt đẹp. Tuy nhiên trong các cuộc tiếp xúc tôi thấy có một sự đắng

cay nào đó về điều phải được gọi là chính sách thực dân Mỹ. Ngay cả một người thuộc phe cấp tiến như TNS Church mỗi khi nói đến ông Diệm hay những bạn bè của tôi tại Việt Nam đều xem họ như là những con cờ trong những ván cờ của nước Mỹ, và hẳn nhiên xem tôi như đã đồng ý với ông ta (vì tôi là dân da trắng hay vì cùng đứng trong khối quân sự NATO, ai mà biết được). “Nếu chúng ta thay ông Diệm bằng…” hay “Nếu chúng ta thay bằng ông này, ông nọ v.v…” , những câu nói đó tôi nghe đến nhàm chán, tôi có cảm tưởng các nhân vật đó như là những đồ vật trong hộp đồ chơi mà chủ nhân của nó có thể lấy ra hay bỏ vào bất cứ lúc nào cũng được. Không một chính khách Mỹ nào có thể nghĩ rằng một ngày nào đó những người Việt nam có thể tự chọn lựa chính phủ của mình. Các danh từ tốt đẹp như “dân chủ, quyền tự quyết” thật ra chỉ là nơi đầu môi chót lưỡi của người Mỹ mà thôi. Khi tôi kể lại tình trạng đó cho một vài người Việt Nam quen biết của tôi đang ở tại Hoa Thịnh đốn thì người nào cũng bất bình. Qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Xuân Oánh, một nhân viên của Tổ chức Quỹ tiền tệ Quốc tế, tôi đến gặp ông Walt Rostow (cố vấn Tổng thống Mỹ) tại bộ Ngoại giao. Ông ta cũng không đếm xỉa đến các vấn đề truyền thống đạo đức, nhân văn hay xã hội Việt Nam. Ông ta chỉ muốn biết một điều: “Chúng ta có thể thắng với ông Diệm không?” – và khi tôi trả lời rằng không, ông ta hỏi liền: “Chúng ta có thể thắng mà không có ông Diệm không?”. “Chúng ta” ở đây không phải là chúng tôi và những người Việt Nam, mà đó là

một nước Mỹ đi hàng đầu trong công cuộc chống Cộng…Tôi cũng phải vào hùa với ông ta, vì việc quan trọng hiện nay là phải làm thế nào để lật đổ ông Diệm. Tôi nêu lên sự thiếu khôn ngoan chính trị và tính tự cao của ông Diệm và gieo những sự nghi ngờ về chính sách chống Cộng của ông Diệm. Tôi cảnh báo với ông ta rằng các ông Diệm và Nhu sẵn sàng bắt tay làm hòa với ông Hồ Chí Minh còn hơn là nộp mình cho người Mỹ. Điều này đã đánh động được ông ta… Trong khi đó, những cuộc bàn thảo tại hậu trường Liên Hiệp quốc về một nghị quyết Việt Nam vẫn tiếp tục. Đại sứ nước An–giê-ri đã đưa ra một bản dự thảo nghị quyết được sự biểu đồng tình của đại đa số tại Đại hội đồng LHQ, mặc dầu chính phủ Mỹ cương quyết chống lại. Chúng tôi rất phấn khởi. Lời kết án chế độ ông Diệm của tổ chức LHQ sẽ giúp sức cho các thế lực trong chính giới Mỹ từ lâu muốn bỏ rơi ông Diệm. Nhưng một tuần trước cuộc biểu quyết, ông Diệm đã cử Giáo sư Bửu Hội làm Đại sứ tại LHQ. Ông này có nhiệm vụ tìm đủ mọi cách ngăn cản một sự lên án chế độ, hay ít nhất cũng phải làm

trì hoãn điều đó. Ông Bửu Hội là một nhà bác học nổi tiếng trên thế giới, một chuyên viên về ngành Sinh hóa học và bệnh Cùi. Ông đã làm việc tại Trung tâm nghiên cứu khoa học Paris, và trước đó là Đại sứ tại Marốc và một vài nước khác tại Phi châu. Vài lời đồn đại cho rằng ông ta nhận lời Cộng tác với chế độ ông Diệm là vì thiếu tiền để chi viện cho bốn người tình nhân . Đi cùng với ông ta bao giờ cũng có cô nhà báo Mỹ Ellen Hammer, cao hơn ông ta một cái đầu. Tôi đã gặp ông ta một lần tại phi trường Phú Bài - Huế. Dáng người không cao cho lắm, khuôn mặt tròn đầy và đeo một đôi kính thật dày, đến nỗi hai đôi mắt chỉ hiện ra như hai vạch nghiêng trên mặt. Từ bề ngoài như vậy toát lên một vẻ buồn tự tâm can và thái độ trịnh trọng của một vị quý tộc hoàng phái gốc người Huế. Ông ta nổi tiếng ở Việt Nam vì sự thông minh và tài ứng đối nhanh nhẹn. Ông Bửu Hội không cần phải mất thì giờ để biết tình hình rất khó khăn để chống lại những lời tố giác chế độ ông Diệm. Do đó phải dùng kế hoãn binh, kéo dài thời gian. Nếu ông Nhu thành công trong việc giữ yên lặng trong các thành phố bằng những biện pháp đàn áp của cảnh sát từ tháng tám sau khi ốp các chùa, Mỹ và cả thế giới lần lần quên lãng đi vụ "khủng khoảng Phật giáo". Đại hội đồng LHQ không thể kéo dài vô hạn kỳ, cho nên chỉ cần ngăn cản một nghị quyết được đưa ra để bỏ phiếu trong kỳ họp lần này. Do đó ông Bửu Hội đề nghị nên gởi một phái đoàn điều tra LHQ đến Việt Nam; ông tuyên bố rằng với việc điều tra tại chỗ, các lời cáo buộc sẽ không còn đứng vững. Ngón đòn này khó mà chống lại được. Cuộc thảo luận tại LHQ bị đình hoãn lại. Vài ngày trước khi tôi rời New York, một người bạn của tôi tên Trân, một chuyên viên về nguyên tử lực đang dạy tại trường Đại học Columbia mời GS Bửu Hội tham gia một buổi hội thảo với cộng đồng người Việt. Ông ta không thể nào từ chối lời mời của một khoa học gia gốc Việt cũng nổi tiếng như ông. Ông ta nhận lời, nhưng với điều kiện không một nhà báo nào có mặt. Một ngày trước đó, ông ta đã tuyên bố trước Đại hội đồng LHQ rằng không còn vấn đề khủng khoảng Phật giáo nữa; chính phủ đã giải quyết xong với sự hài lòng của mọi phía, bằng cớ là hiện nay không còn những cuộc biểu tình trên đường phố hay những cuộc tự thiêu của các nhà sư. Khi tôi đến sớm hơn 15 phút tại điểm hẹn nhà anh Trân, tôi gặp anh bạn sử học Stanley Karnow đang nói chuyện với

Josepth Butt- inger. Ông này khoảng 60 tuổi, trước đây vào những năm 1954 đến 1959 là người ủng hộ hết mình và cố vấn cho ông Diệm, nhưng nay

lại là người chống đối mãnh liệt nhất. GS Bửu Hội đến trễ nửa giờ và có thái độ bối rối vì sự có mặt của ông Buttinger và thầy Nhất Hạnh. Ông ta đưa mắt nhìn nhanh về phía cử toạ và cảm nhận được thái độ chống đối và lạnh lùng sau lời chào mừng nồng nhiệt của ông ta. Qua sự yêu cầu của ông ta, tôi là người phát biểu đầu tiên; ông ta sẽ có lợi thế khi phát biểu liền sau đó. Với những lời lẻ từ tốn, tôi trình bày về những biện pháp áp bức từ mấy năm qua của chế độ ông Diệm đối với Phật giáo, về biến cố ngày 8 tháng 5 tại Huế và các sự kiện trước đó, về những cuộc biểu tình bị đàn áp bởi những chất độc hóa học và các đàn chó béc-giê. Tôi cũng tường thuật những điều tai thấy mắt nghe về tình trạng các nông dân, về chế độ công lý phân biệt, về thái độ hách dịch của các công chức cũng như thói quen của ông Nhu đổ vấy cho "Việt Cộng" những tội ác của chính mình. GS Bửu Hội chăm chú lắng nghe và gật đầu đồng ý càng lúc càng nhiều vào phần cuối bài phát biểu của tôi. Dư luận trong phòng họp rõ ràng đứng về phía tôi, cho nên rất khó cho ông ta chối từ những sự thật do tôi trình bày. Ông ta cũng xác nhận việc Phật tử bị biệt đãi, ông ta cũng công nhận trách nhiệm về những người bị sát hại đêm 8 tháng 5 là thuộc về anh em ông Diệm. Nhưng thay vì chống chế độ, ông ta biện minh cho một "đường lối thực tế" (Realpolitik). Ông Diệm đã chứng tỏ qua các biện pháp cứng rắn hồi tháng 8 vừa qua rằng ông đang nắm quyền bính trọn vẹn trong tay, mặc cho Phật tử, người Mỹ hay dư luận thế giới muốn hay không. Phật tử phải bằng lòng chấp nhận trong tương lai một số sinh hoạt hạn chế, giống như các tín đồ Thiên chúa giáo bên phía Đông Âu vậy và không nên dính đến các cuộc tranh đấu chính trị. Vấn đề là phải giàn xếp nhanh chóng tranh chấp hiện nay hầu tránh thêm những thiệt hại trong tương lai. Ông ta nói Thượng tọa Trí Quang là một người thánh thiện, nhưng không hiểu gì về chính trị. Ông ta cũng là một phật tử thuần thành và đau khổ hơn ai hết vì tình hình hiện nay. Ông ta tâm sự đã nhận công tác tại LHQ vì biết rằng tất cả những sự phản kháng sẽ không thay đổi tình hình tại Việt Nam. Khi mọi chống đối tại Sàigòn và trên thế giới lắng dịu xuống, các vị tu sĩ Phật giáo bị bắt sẽ được trả tự do và trở về lại chùa để tiếp tục tu học hay tiến hành các nghi lễ tín ngưỡng. Không có thể đòi hỏi thêm gì được nữa và nên bằng lòng với những gì mình có thể có được. Ông ta chấm dứt bài phát biểu với một thái độ tự đắc. Thầy Nhất Hạnh nói tiếp sau đó. Thầy kể lại về những khó khăn mà Phật giáo gặp phải từ khi nước Pháp xâm chiếm Việt Nam và lên án ông Diệm là người tiếp tục các chính sách đàn áp và truyền đạo của

thực dân Pháp. Nhưng nếu trước đây dân tộc Việt đã không chịu ách đô hộ của Pháp nên đã vùng lên đuổi quân Pháp ra khỏi nước thì nay dân Việt cũng không chấp nhận sự áp bức và đe dọa của chế độ ông Diệm. Tuy nhiên người phật tử không cầm súng trong tay để chiến đấu, mà chỉ vận dụng các phương pháp bất bạo động. Họ không sợ chết. Với sự tự thiêu, một hình thức chết đau đớn nhất, người phật tử đón nhận trước

cho mình tất cả những đau khổ và tra tấn mà quyền lực nhà nước có thể đem đến cho họ. Tất cả mọi quyền lực của nhà nước như thế đã chứng tỏ vô hiệu. Cái chết và tra tấn không đe dọa được người phật tử. Do đó các biện pháp đàn áp của cảnh sát không còn tác dụng nữa. Rồi đây các cuộc biểu tình và tự thiêu lại sẽ tiếp tục, điều này không những sẽ đánh động lương tâm của thế giới mà ngay cả đối với rất nhiều công chức và sĩ quan tại Sàigòn. Đường lối thực tế (Realpolitik) của GS Bửu Hội như vậy chỉ là một điều vô ý nghĩa. Một người phật tử nổi danh không nên đưa tên mình để che đậy một điều bất công, mà phải có bổn phận lên tiếng phản kháng, không những nhân danh tôn giáo của mình mà còn phải nhân danh toàn thể cả dân tộc, để chống lại một cuộc chiến vô ích mà ông Diệm đang đưa cả dân tộc đến bên bờ vực thẳm. Tiếp theo là một lúc im lặng. Cuối cùng anh Trân đứng lên và nói rằng trong nhiều năm qua anh đã ngưỡng mộ GS Bửu Hội như là một vị thầy và một khoa học gia, nhưng nay anh thấy đã lầm. Với "đường lối thực tế" như vậy, thật ra GS Bửu Hội đã phản lại sự thật và ngay cả tinh thần khoa học. Các bạn tôi và tôi đã vội làm dịu lại những lời trực ngôn của anh Trân và anh Trân sau đó đã xin lỗi về những lời lẻ nóng giận như vậy. Tôi rất lấy làm ngạc nhiên vì chưa bao giờ tôi thấy một người trí thức Việt Nam công kích trực tiếp một đồng nghiệp trước mặt nhiều người khác như thế. Sau lời xin lỗi của anh Trân không khí cuộc hội thảo đã dịu lại. Ông Buttinger kể lại về những kinh nghiệm cá nhân đối với ông Diệm; ông ta bày tỏ nghi ngờ về tình hình ổn định của chế độ mà GS Bửu Hội đã đưa ra trước LHQ để biện minh cho sự chọn lựa của mình. Trước khi chấm dứt buổi gặp, thầy Nhất Hạnh có nói thêm vài lời để yêu cầu GS Bửu Hội hãy nói sự thật trước LHQ về biến cố ngày 8 tháng 5 và xác nhận tính cách độc lập chính trị của Phật tử. Anh Trân cũng khẩn khoản yêu cầu như vậy. Sau đêm hội thảo các người Việt đều rõ rằng GS Bửu Hội đã biết hết chi tiết sự thật và công nhận là đúng. Dư luận dân chúng Việt Nam và nhất là giới trí thức trẻ sẽ đánh giá con người ông ta có đủ can đảm dám nói lên sự thật hay không. Nếu bị chính phủ cấm đoán thì ông ta hãy từ chức và nhường

lại công tác tuyên truyền đó cho một người bù nhìn nào khác. Trước khi từ giả, GS Bửu Hội có hứa sẽ "không nói dối": Điều này có nghĩa ít hơn những gì anh Trân và thầy Nhất Hạnh yêu cầu, nhưng mà nhiều hơn những gì chúng tôi chờ đợi sau bài phát biểu của ông ta. Nhưng ngày tiếp theo chúng tôi đọc một bản tin trên tờ New York Times, nói rằng ông Bửu Hội đã tuyên bố tại LHQ rằng TT Trí Quang là đặc viên của một tổ chức Cộng sản trá hình và những người bị thảm sát đêm 8 tháng 5 là nạn nhân của "Việt Cộng"; cũng như không hề có việc các Phật tử bị kỳ thị, ngược đãi. Những lời hứa hẹn đêm hôm trước của ông ta như thế chỉ là hảo huyền. Chúng tôi vô cùng phẫn nộ. Nhưng tôi cũng lấy làm thương hại cho ông ta... Vài tháng sau đó, trên đường trở lại Việt Nam sau khi chế độ ông Diệm bị lật đổ, tôi tình cờ gặp lại ông ta tại văn phòng hãng Air France tại công trường Invalides ở Paris, ông ta tha thiết yêu cầu tôi hãy nói cho bạn bè biết rằng ông ta không bao giờ phản bội tổ quốc và bao giờ cũng muốn làm điều tốt cho đất nước. Ông ta nhớ quê hương, gia đình và nhớ Huế(2).

***

2. Ghi chú của người dịch: Theo sự tiết lộ của TT. Trí Quang, chính GS Bửu Hội lại là người đem các tài liệu đàn áp Phật giáo ra khỏi nước để giao lại cho Thầy Nhất Hạnh sử dụng khi phát biểu trước LHQ (Xem Tiểu truyện tự ghi, Thích Trí Quang). Điều này cũng được thầy Nhất Hạnh thừa nhận (Xem Vietnamese engaged Buddhism -The struggle movement of 1963-1966, Quán Như Phạm văn Minh, Văn Nghệ 2002, USA, trang 258). Xem trang nhà:

GIỚI THIỆU SÁCH:
"SÁU THÁNG PHÁP NẠN 1963"
CỦA MINH KHÔNG VŨ VĂN MẪU
Minh Nguyện
Đây là hồi ký của Cố Giáo sư Vũ Văn Mẫu về những diễn biến tại miền Nam Việt Nam từ vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế (8-5-1963) đến ngày đảo chánh 1-11-1963 lật đổ chế độ Ngô đình Diệm. Ông sinh năm 1914 tại Hà Đông, Bắc Việt Nam, tốt nghiệp Thạc sĩ Luật khoa Đại học Paris, Pháp. Về nước ông làm giáo sư tại Đại học Luật khoa Sàigòn và giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao VNCH từ năm 1955 đến 1963. Sau đó ông là Đại sứ tại Anh, Bỉ và Hòa Lan từ 1964 đến 1972, trước khi đắc cử vào Thượng nghị viện Sài Gòn, liên danh Hoa

Sen. Hồi ký được in Ronéo trong nước vào năm 1984, Giao Điểm in lại năm 2003 tại Hoa kỳ,- PO BOX 2188, Garden Grove, CA 92842,- sách dày 505 trang. Giáo sư Vũ Văn Mẫu đã gây tiếng vang lớn trong và ngoài nước khi cạo trọc đầu và đệ đơn từ chức Bộ trưởng ngoại giao để phản đối hành động tấn công các chùa đêm 20-8-63 và xin đi hành hương Phật tích tại Ấn Độ. Trong lời nói đầu, tác giả viết: "Mặc dù báo chí ngoại quốc và quốc nội đã đề cập sâu rộng đến những vấn đề xoanh quanh 6 tháng Pháp nạn, nhưng có thể nói rằng một tấm màn bí mật vẫn còn bao phủ nhiều biến cố quan trọng và bao nhiêu thắc mắc cùng hoài nghi vẫn còn đè trĩu trên dòng lịch sử...Dân tộc ta đã trải qua một cơn ác mộng hãi hùng. Chúng ta bị dồn đến bước hiểm nghèo mà may thay đã tránh được không sa vào vực thẳm của sự chia rẽ tôn giáo. Sau phút hiểm họa, toàn dân vẫn đoàn kết, triệu người như một, không phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng. Đó là một điều vinh hạnh cao quý cho nền văn minh dân tộc đã tiếp nối truyền thống tự ngàn xưa tôn trọng quyền căn bản của con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng. Ghi chép lại các biến cố trong Pháp nạn năm 1963, tác giả không ngoài ý nghĩ nêu lên một vết xe đổ, để bước đường nguy hiểm không còn ai dẫm phải trong tương lai". Trong chương 1, tác giả đề cập đến chính sách thiên vị Thiên chúa giáo của chế độ Ngô đình Diệm trên phương diện pháp lý và tinh thần (dụ số 10, Hiến pháp 1956) cũng như trong các lãnh vực hành chánh, xã hội và kinh tế (chương trình di cư và định cư, chương trình Dinh diền và Khu trù mật, quốc sách Ấp chiến lược). Trong chương 2, tác giả đã đưa ra những tài liệu khác nhau về vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế và thảm sát tại đài Phát thanh Huế đêm 8-5-63, về quan điểm của Tổng Giáo hội Phật giáo Việt Nam được trình bày trong Tâm thư ngày 9-5-63, bản Tuyên ngôn ngày 10-5-63 và các bản phụ đính; quan điểm của chính quyền được phản ảnh trong hai tài

liệu đề ngày 9-5-63 trong Thông cáo của Tòa Hành chánh tỉnh Thừa Thiên và bản phúc trình của ông Ngô Ganh, quản đốc đài Phát thanh Huế. Sau khi phân tích các lời tường thuật của các nhân chứng như Tổng giám mục Ngô đình Thục, bác sĩ Erich Wulff, Linh mục Cao văn Luận (Viện trưởng viện Đại học Huế), ông Nguyễn Khắc Từ, một huynh trưởng Gia đình Phật tử, tác giả đã nêu ra câu hỏi: Đâu là sự thực? Thực sự ai là người có trách nhiệm chính trong việc gây ra vụ

thảm sát. Tác giả đã đưa ra chứng từ của ông Trần Hữu Thế (nguyên Bộ trưởng Giáo dục) về trách nhiệm của TGM Thục như sau: “Chính tối hôm Phật đản cũng đã có một bữa tiệc tại nhà Ngô Đình Cẩn với sự hiện diện của TGM Thục, một số bộ trưởng và nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ. Đang giữa bữa ăn thì Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đẳng và Phó Tỉnh trưởng Đặng Sĩ hốt hoảng xin vào trình bày tình hình rất căng thẳng vì mấy ngàn Phật tử đang tụ họp trước Đài Phát thanh. Vì phụ trách các vấn đề an ninh, Thiếu tá Đặng Sĩ xin chỉ thị để đối phó. Ngô Đình Cẩn ngồi yên không nói gì, hay không muốn nói có lẻ vì đã đoán trước được ý kiến của ông anh Ngô Đình Thục thế nào cũng chống đối thái độ hòa hoãn của ông ta trong vụ này. Sau báo cáo của Đặng Sĩ, TGM Ngô Đình Thục đang ăn bổng ngưng lại, giơ tay ra hiệu cho Thiếu tá Đặng Sĩ “Dẹp…!”. Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng lãnh chỉ thị lui ra. Sau đó thì các sự việc xảy ra như bác sĩ Erich Wulff đã tường thuật rõ ràng các điều mắt thấy tai nghe tại chỗ” (tr.215-216). Trong chương 3, tác giả đề cập đến cuộc tranh đấu của Phật giáo và sự thành lập Ủy ban Liên phái, ngọn lửa Bồ tát Thích Quảng Đức và việc ký Thông cáo chung ngày 16/6/63. Về việc này, tác giả cho biết (trang 278-279) : “1 giờ 30 sáng ngày 16/6/63, sau khi bản Thông cáo chung được ký kết, vì đã lấy chữ ký của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ đem ngay vào dinh Gia Long để lấy chữ ký của Tổng thống Ngô Đình Diệm thì một khó khăn bất ngờ khiến ông Nguyễn Ngọc Thơ phải thất vọng. Đọc đi đọc lại bản Thông cáo mà chính ông trước đây đã chấp thuận từng điểm trong mỗi giai đoạn thương thuyết, ông Diệm, chẳng hiểu chuyện gì đã xãy ra trong thâm tâm, bổng không chịu ký nữa. Đến 5 giờ sáng, ông Diệm nói với ông Nguyễn Ngọc Thơ cứ để hồ sơ lại rồi về nhà nghỉ. Sau khi ông Thơ ra về, trong dinh Gia Long đã có một ‘Hội đồng gia đình’ bàn về vấn đề này gồm có ông Diệm và hai vợ chồng ông Nhu. Cuối cùng, sau khi cả gia đình suy tính kỹ, bà Nhu đã khuyên ông Tổng thống: “Không ký ngang hàng với Hòa thượng Thích Tịnh Khiết mà ký ngay ở trên góc trái, ngay trang đầu của bản Thông cáo chung và thêm vào một câu trên chữ ký: “Những điều được ghi trong Thông cáo chung này thì đã được tôi chấp thuận nguyên tắc ngay từ đầu”. Ông Diệm đã nghe theo lời khuyên này và ký ở trang đầu của bản Thông cáo với câu ghi trên.

Tại sao bà Ngô Đình Nhu lại có quyết định như vậy? Theo ý kiến của bà Nhu, ký ở trên đầu trang là tỏ rằng Tổng thống Diệm ở trên hết. Còn câu ghi trên đây có hai ý nghĩa: theo nghĩa đen, câu đó tỏ rằng các nguyện vọng của Phật giáo không có chủ đích, vì đều đã được Tổng thống chấp thuận nguyên tắc ngay từ đầu; nhưng theo nghĩa bóng,

thì bản Thông cáo chung sẽ không được thực thi vì Tổng thống chỉ chấp nhận nguyên tắc mà thôi. Hậu ý phá hoại việc thi hành bản Thông cáo chung ngày 16-6-63 đã nảy ra trong thâm tâm vợ chồng Ngô Đình Nhu ngay từ lúc chữ ký của Tổng thống Diệm trên bản Thông cáo chung còn chưa ráo mực". Trong chương 4, tác giả đề cập những diễn biến từ lúc bản Thông cáo chung được công bố cho đến vụ tấn công các chùa đêm 20-8-63 và các hậu quả sau đó. Tác giả cho biết trong Tiết 1, dưới sự điều động của vợ chồng Ngô đình Nhu, nhà cầm quyền đã tổ chức một Tổng hội Phật giáo Cổ sơn môn để chống lại phong trào đấu tranh của Phật tử, dùng đoàn thể Thương phế binh giả và Thanh niên Cộng hòa để yêu cầu duyệt lại bản Thông cáo chung cũng như kế hoạch tiêu diệt Phật giáo đến tận gốc của Ngô đình Nhu (Kế hoạch Nước Lũ, Kế hoạch đảo chánh giả). Trong Tiết 2, tác giả ghi lại hai giai đoạn sôi nổi nhất vào dịp kỷ niệm một tháng ngày Ký Thông cáo chung và Lễ Chung thất (49 ngày) của HT. Thích Quảng Đức. Trong tiết 3, tác giả nhắc lại các biến cố tại Huế sau cuộc tự thiêu của TT. Thích Tiêu Diêu, việc các Giáo sư Đại học Huế từ chức để phản đối LM Cao văn Luận bị cách chức Viện trưởng. Thuật lại buổi bàn giao chức vụ cho tân Viện trưởng là ông Trần hữu Thế, tác giả cho biết (trang 386-387): "Linh mục Cao Văn Luận nói: 'Lúc này, muốn làm văn hóa đắc lực, người lãnh đạo Viện Đại học phải là người có cái THẾ chính trị. Về phương diện này, thiết tưởng không ai hơn ông tân Viện trưởng Trần Hữu Thế, là người như tên đã định, có thế hơn ai hết, vừa có thế của Tổng thống tức là thế của chính phủ, vừa có thế của Tổng Giám mục Huế tức là thế của mấy trăm ngàn giáo dân, Viện Đại học Huế nhờ vậy sẽ có một tương lai vô cùng tốt đẹp!'. Ông Thế mặt tái xanh, nhưng cũng gượng đứng dậy đáp từ cho biết đã cố gắng xây dựng ngay từ khi còn làm Bộ trưởng Giáo dục (trước ông Nguyễn quang Trình)... Sau buổi lễ bàn giao, ông Trần Hữu Thế đã thấy bị đặt vào một tình thế vô cùng khó khăn. Ông đã nhờ người đưa đi thăm chùa Từ Đàm và đã được chứng kiến tinh thần tranh đấu của Phật tử rất cao,

ông càng hoảng sợ. Ngày 19-8, khi ông Trần Hữu Thế đến Viện Đại học, tất cả sinh viên đã tề tựu, đứng chờ đợi im lặng trong sân. Bác sĩ Lê Khắc Quyến, đại diện giáo sư Đại học, vào phòng Viện trưởng đưa cho ông Thế đơn từ chức của các giáo sư Đại học. Sau đó, một đại diện sinh viên trình ông Thế một bức Tâm thư yêu cầu ông Thế từ chối chức vụ Tân Viện trưởng Viện Đại học Huế. Ông Thế đáp: "Tôi xin nhận thư này và tôi sẽ chuyển lên cấp trên". Sau đó, quá hoảng sợ, ông Thế đã muốn rút lui bằng ngõ sau. Nhưng ông Âu ngọc Hồ, Tổng thư ký Viện khuyên ông nên đi ngõ trước để giữ thể diện Viện trưởng. Ông đành nghe theo và sinh viên đã rẽ ra để dành đường cho ông rời khỏi Viện. Sau đó, ông Trần Hữu Thế hiểu rõ không thể nào tuân theo lệnh ông Ngô Đình Thục để giữ chức Viện Trưởng tại Huế, đã lẻn về Sài Gòn và đến cầu cứu tôi xin chiếu khán xuất ngoại để trở về ngay Manille, không dám lại cáo biệt cả Tổng thống Ngô Đình Diệm". Sau khi đề cập vụ tấn công chùa Xá lợi và các chùa khác trong đêm 20-8-63, tác giả đã thuật lại phiên họp Nội các lúc 5 giờ rưỡi sáng ngày 21-8-63 và quyết định từ chức như sau: "Đúng 11 giờ sáng ngày 22-8-63, tại Dinh Gia Long đã diễn ra lễ trình Ủy nhiệm thư của Đại sứ Anh. Tôi đứng cạnh Tổng thống Diệm trong buổi lễ một cách điềm nhiên, không một ai có thể đoán được sau buổi lễ này, trưa hôm ấy, tôi sẽ

cạo đầu và từ chức vào buổi chiều. Tôi đã nhận thấy cần phải từ chức vào ngay chiều ngày 22/8/63, trước khi tân Đại sứ Hoa kỳ Cabot Lodge tới, anh em ông Diệm sẽ xuyên tạc sự thật và tuyên truyền rằng tôi chỉ là một con bài của Mỹ và sự từ chức của tôi là do Mỹ xúi, có tính cách hoàn toàn chính trị chứ không phải vì vấn đề bảo về Đạo pháp." Tác giả cho biết (trang 408-409): "Từ chức là một quyết định đã đến với tôi từ sáng ngày 21/8, sau buổi họp Hội đồng nội các. Nhưng tôi đã suy nghĩ về một vấn đề tế nhị: cần từ chức dưới một hình thức nào để vượt các khó khăn về sau. a. Tổng thống Diệm có rất nhiều cảm tình đối với tôi, là nhân viên cũ duy nhất còn lại trong Chính phủ sau bao nhiêu lần thay đổi Nội các trong chín năm vừa qua. Trong cơn khủng khoảng chính trị đang diễn ra vào tháng 8 này, chắc chắn Tổng thống Diệm càng kiếm cách giữ tôi lại để vượt qua những phút khó khăn do vụ tấn công chùa chiền gây ra. b. Cần phải tìm một hình thức từ chức thế nào để có thể nói rõ lên được mục đích là để bảo vệ Phật pháp và phản đối chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo. Cần cho dư luận trong nước và dư luận quốc tế

không bị Chính phủ Ngô Đình Diệm lừa dối bằng cách xuyên tạc mục đích của sự từ chức với các mánh khóe gian xảo trăm khôn nghìn khéo! May thay, ngọn lửa thiêng của Đạo Pháp soi sáng tâm trí của tôi trong giờ phút nghiêm trọng và gấp rút này, để nhìn thấy ngay hình thức từ chức tốt nhất: Chỉ có cách cạo đầu từ chức, đi hành hương tại Ấn độ để nguyện cầu cho Đạo Pháp, cho tự do tín ngưỡng và dân tộc đoàn kết. Ba giờ rưỡi chiều, tôi đến tiệm hớt tóc để cạo đầu. Sau khi ở tiệm hớt tóc về Bộ, tôi đã thảo đơn từ chức gửi đến Tổng thống Ngô Đình Diệm." Sau khi tiếp các Đại sứ các nước Phật giáo châu Á, tác giả đã họp toàn thể nhân viên trong Bộ Ngoại giao cũng để giải thích về ý nghĩa quyết định từ chức. Tin tác giả cạo đầu từ chức đã bay khắp Sàigòn như làn gió mạnh. Nguyên cả tối 22/8, nhiều nhân viên cao cấp của chính quyền và ngay chính ông Ngô Đình Diệm đã điện thoại để cố thuyết phục tác giả không từ chức hay ít nhất hoãn vài tháng. Sáng thứ bảy ngày 24/8, sinh viên hội họp tại trường Luật để tiếp đón tác giả. Vào lúc 9 giờ, GS. Vũ văn Mẫu vừa bước xuống xe hơi là được sinh viên công kênh lên vai. Trong sân trường Đại học, sinh viên ngồi xúm xít dưới đất để nghe Ông nói: "Tôi đến đây với các anh em không nhân danh là Bộ trưởng Ngoại giao vì chức vụ đó tôi đã chấm dứt bằng cái cạo trọc đầu của tôi rồi. Tôi đến đây nhân danh là một người bạn để cùng với các anh em khơi nguồn lửa thiêng chiến đấu, bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất của con người..." Ngay trưa hôm đó, tác giả đã bị giam lỏng tại nhà và ông Ngô Đình Nhu gọi điện thoại với giọng hằn học và doạ nạt, khuyên nên ở nhà, không được ra trường Luật nữa. Chiều ngày 26/8, tác giả đã bị chận lại không cho ra phi trường để lấy máy bay sang Ấn Độ hành hương. Sau này tác giả mới biết được lý do như sau (trang 420-421): "Mãi đến năm 1964, khi tôi làm Đại sứ Việt Nam tại Anh quốc, tôi có dịp được tiếp Tổng Giám mục Asta – vào năm 1963 giữ chức Khâm Mạng đại diện Tòa thánh Vatican tại Sàigòn - Tổng Giám mục mới cho biết những việc đã xãy ra chiều ngày 26-8-63. Nguyên ngày hôm nay đó, biết được tin tôi lên đường, Ngoại giao đoàn đã tới đông đủ tại phi cảng Tân sơn nhất để tiễn tôi đi hành hương sang Ấn độ, nhưng chờ mãi đến giờ phi cơ cất cánh mà cũng vẫn không thấy tôi tới, đột nhiên, có một phóng

viên ngoại quốc từ Sài gòn đến phi cảng và cho biết tin tôi bị bắt đưa đi đâu không biết. Ngoại giao đoàn khi đó rất xúc động và đồng ý cử Niên trưởng là ông Viên Tử Kiên (Yuen Tse Kien), Đại sứ của Trung hoa dân quốc, đến gặp Tổng thống Diệm để thỉnh cầu trả lại tự do cho tôi. Khi ấy, TGM

Asta đã lanh lẹ đề nghị nhận trách nhiệm tế nhị này thay cho ông Niên trưởng Viên Tử Kiên. Ngoại giao đoàn đồng ý vì TGM Asta là đại diện của Giáo hoàng, lời thỉnh cầu chắc chắn có hiệu quả hơn đối với một người ngoan đạo như Tổng thống Diệm. TGM Asta đã trở về Dinh Gia Long và gặp ngay Tổng thống Diệm. Và chính nhờ cuộc gặp gỡ với TGM Asta, tôi mới hiểu rõ tại sao tôi được trả tự do nhanh chóng như vậy". Sau đó tác giả được loan báo là có thể khởi hành cùng với gia đình sang Ấn độ bằng chuyến máy bay Air France chiều ngày 29/8. Trước khi rời đất nước, tác giả đã đến cáo biệt Tổng thống Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu: "Gặp Ngô Đình Nhu, tôi vẫn giữ vẻ thản nhiên, chỉ chào từ biệt mà không nhắc gì đến việc cảnh sát đã bắt đưa tôi về trại Lê Văn Duyệt hôm 26-8, nhưng Ngô Đình Nhu đã không dấu được sự ngượng ngập, và chính Nhu đã nói đến vấn đề này, như xin lỗi một cách gián tiếp: 'Câu chuyện xẩy ra hôm 26-8 là do một sự hiểu lầm. Người ta đã báo cáo lên Tổng thống rằng anh xuất ngoại mà không có chiếu khán xuất cảnh'... Ngày 29-8-63, GS Vũ Văn Mẫu đáp chuyến bay Air France tại Tân sơn Nhất để đi hành hương. Cùng đi chuyến bay này có GS Bửu Hội, được nhân viên chính phủ tiễn đưa sang Mỹ để bênh vực trước Liên hiệp quốc về lập trường của chính phủ Ngô Đình Diệm trong vấn đề đàn áp Phật giáo. Một chuyến tàu, hai con đường khác... Tại Ấn Độ, GS. Vũ Văn Mẫu đã được tiếp đón trọng thể và nồng hậu, có các cuộc hội kiến với Tổng thống Ấn độ Radhakrishnan, Thủ tướng Nehru và Bộ trưởng Ngoại giao bà Lakshmi Menon. Sau đó một chương trình hành hương các thánh địa Phật giáo đã được hoạch định như Bénarès, Sarnath, Bodhigaya, Sanchi, Ajanta, Ellora... Tác giả bày tỏ nỗi vui mừng khôn tả khi đến Bồ đề đạo tràng (Bodhigaya) nơi đức Thế Tôn thành đạo dưới gốc Bồ Đề. Tại đấy, bất ngờ tác giả lại được hạnh ngộ với các Thượng tọa Thích Minh Châu, Thích Thiện Châu và Thích Huyền Vi khi ấy đang ở Ấn Độ.(1) Ngày chủ nhật 15-9-63, sau khi hoàn tất cuộc hành hương, tác giả rời Ấn Độ sang Pháp. Trước khi rời Ấn độ, tác giả đã gửi thư về cho Tổng thống Diệm xác định dứt khoát quyết tâm từ chức. Nội dung bức thư như sau: "New Delhi, ngày 15 tháng 9 năm 1963.

1. Xin xem bài tường thuật của TT. Thích Thiện Châu được tác giả trích đăng lại trong hồi ký từ trang 428-436 và trang nhà Khuông Việt số 8, Mừng Xuân Giáp

Vũ Văn Mẫu, Bộ trưởng Ngoại giao hiện nghỉ phép. Kính đệ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Sàigòn. Kính thưa Tổng thống, Sau khi đi hành hương chiêm bái các nơi Phật tích ở Ấn Độ và thấu hiểu thêm được đạo lý, chúng tôi trân trọng xin Tổng thống chấp thuận cho chúng tôi từ nay được từ chức. Chúng tôi lúc nào cũng cầu nguyện cho toàn dân được hòa bình và nhất trí đoàn kết. Chúng tôi xin Tổng thống nhận nơi đây lòng

thành kính của chúng tôi. Ký tên: Vũ Văn Mẫu". Trong chương 5, tác giả đề cập đến dư luận và ủng hộ của Tòa thánh Vatican, của các nước theo Phật giáo và các chính phủ Âu Mỹ. Trong chương cuối, tác giả tổng kết như sau (trang 489-491): "Ba nhân tố chính yếu đã đưa chế độ đến sự suy tàn: 1. Ngô Đình Diệm đã quá nhu nhược trước các hành động thao túng của gia đình, từ Ngô Đình Thục đến vợ chồng Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn, dung túng gia đình lạm dụng quyền thế, bóc lột tài nguyên quốc gia, đàn áp tàn bạo những phần tử yêu nước phản đối các hành vi bất chính. 2. Ngô Đình Thục quá thiết tha với tham vọng làm Hồng Y giáo chủ và mang ảo vọng muốn biến Việt Nam thành một nước hoàn toàn theo Thiên Chúa giáo. 3. Vợ chồng Ngô Đình Nhu nung nấu tham vọng kế vị Ngô Đình Diệm và không sờn lòng lùi bước trước bất cứ hành vi và mưu kế tàn bạo nào để thực hiện cho được mưu đồ ấy. Thu thập một số tài liệu lịch sử trong vụ Pháp Nạn này, từ nguyên nhân đến quả báo, chúng tôi nhắm một mục đích duy nhất: Nêu lên một cây tiêu để đánh dấu vết xe đổ và tha thiết ước mong – như chúng tôi đã cầu nguyện 20 năm trước tại Bồ Đề đạo tràng trước Đài Kim Cương, nơi đức Thế Tôn thành đạo, rằng trong tương lai không bao giờ còn có một chính phủ nào nghĩ đến sự đàn áp tôn giáo, và không bao giờ quốc dân còn bị chia rẽ vì tôn giáo. Tôn trọng các tôn giáo trên căn bản tự do tín ngưỡng và công bằng xã hội là tôn trọng các quyền linh thiêng nhất của con người mà bản tuyên ngôn Nhân quyền quốc tế của tổ chức Liên hiệp quốc đã xác nhận. Vi phạm vào các quyền này là chà đạp lên nhân phẩm, dấn thân vào con đường phân hóa quốc dân và phản bội lại truyền thống cao quý của dân tộc.

GIỚI THIỆU SÁCH: SÁU THÁNG PHÁP NẠN 1963 • 527

Bến nghé, ngày Khánh Đản 15-4 năm 2525 Phật lịch (15-5-1984), Minh Không Vũ Văn Mẫu". Trong lời giới thiệu cuốn Hồi ký, Hòa thượng Thích Mãn Giác, Los Angeles, Hoa kỳ viết về Giáo sư Vũ Văn Mẫu như sau: "Trong mắt tôi, ông là một kẻ sĩ khí phách hiếm hoi của miền Nam, một người làm chính trị chân thực và có lòng, một nhà mô phạm chừng mực và trong sáng, một Phật tử hộ Đạo thiết tha. Toàn thể con người đó ảnh hiện trong lời trong chữ của tập sách cuối đời phản ảnh một giai đoạn trầm trọng của sự nghiệp riêng và của đất nước chung." Hòa thượng cũng cho biết thêm rằng, năm 1988, trước khi rời Việt Nam đi Pháp, Giáo sư Vũ văn Mẫu đã đích thân mang tặng Hòa thượng Thiện Siêu ở chùa Từ Đàm Huế một tập với lời dặn dò "xin Chùa tùy nghi sử dụng trong việc giữ gìn và phổ biến tác phẩm này cho thế hệ tương lai". Với bản in này được phổ biến rộng rãi tại hải ngoại, thiết nghĩ ý nguyện đó của Giáo sư được thực hiện trọn vẹn. Xin trân trọng giới thiệu đến quý vị độc giả gần xa.

***

HỦY PHÁ TĂNG BẢO: THỦ ĐOẠN CŨ CỦA CHỦ NGHĨA NGÔ ĐÌNH DIỆM MỚI Minh Thạnh

Một lễ cung nghinh xá lợi Phật hoành tráng, trang nghiêm, đông đảo và thành tựu công đức chắc chắn làm đỏ cạch những con mắt của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới, ôm ấp đầy hiềm hận đó, họ không bỏ qua cơ hội để chuyển những ngụm

máu dơ chuyên để phun người về nước. Khi một số bạn đọc Phattuvietnam.net cảnh báo những người chỉ trích việc rước xá lợi với dụng ý xấu là những người viết thuê, thì chúng tôi vẫn còn ngờ ngợ. Đến khi bài Rước xá lợi Phật: tùy thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức nhắc đến cái gọi là những "chiến sĩ dân chủ Ky tô", thì mọi việc đã bắt đầu lộ nguyên hình. Đây không gì khác hơn một cuộc tấn công của chủ nghĩa Ngô Đình Diệm kiểu mới vào Phật giáo Việt Nam. Chủ nghĩa Ngô Đình Diệm, nói đúng ra là chủ nghĩa của Ngô Đình Nhu và Giám mục Ngô Đình Thục là gì, thì chúng ta có thể tìm hiểu qua nhiều tài liệu lịch sử đã xuất bản. Có dịp, chúng ta sẽ trở lại vấn đề này. Chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới là chủ nghĩa Ngô Đình Diệm sau khi Diệm chết, là chủ nghĩa phục thù phục hận thừa tiếp chủ nghĩa Ngô Đình Diệm. Khác với một số trí thức tương đối khôn ngoan của Thiên Chúa giáo, đã sớm nhận ra là chính những quan điểm, chính sách và hành động cực đoan, ngu xuẩn của Diệm đã gây chia rẽ, phân hóa nội bộ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, làm người Mỹ thất vọng và gớm ghiếc, dẫn đến sự kiện 1/11/1963, những kẻ theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới, những "Diemist", vẫn điên cuồng ngưỡng mộ và tiếp nối tư duy thù địch với các tôn giáo ngoài Ca tô La Mã của Diệm.

Cực đoan hơn cả đại đa số sĩ quan và binh sĩ quân đội Sài Gòn, vẫn coi 1/11/1963 là ngày "Cách mạng", là "Quốc Khánh", những kẻ theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới đối kháng cả với quân đội đã lật đổ Ngô Đình Diệm. Hiếu chiến đến đỉnh điểm, những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới "kháng chỉ" đối với cả những văn bản đôi chút mang màu sắc hòa bình của giáo triều Vatican vào những năm 1970. Cũng như sau 1963, từ 1975, một trong những đối tượng bị đánh phá hàng đầu của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới là Phật giáo. Khó lòng mà động phạm đến đức Phật, bậc hiền triết mà toàn nhân loại kính ngưỡng cũng như không thể phê phán đối với giáo pháp tuyệt diệu của ngài, nên những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm tập trung mũi nhọn đánh phá vào đối tượng Tăng bảo Phật giáo Việt Nam. Tại hải ngoại, 35 năm qua, cuộc đánh phá, công kích vào Tăng bảo Phật giáo Việt Nam không hề giảm bớt. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, khi quan hệ Phật giáo và chính quyền trong nước được cải thiện, thì hoạt động công kích tăng bảo Phật giáo Việt Nam của những kẻ theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới leo thang lên cấp độ mới. Ngoài lãnh thổ Việt Nam, hoạt động công kích, hủy phá tăng bảo Phật giáo Việt Nam đã được tiến hành trên mọi lãnh vực, kể cả việc hăm dọa sử dụng vũ lực và sử dụng vũ lực không thành đối với những trí thức Phật giáo được coi là "thân cộng", bằng tất cả mọi phương tiện: văn chương, báo chí, khảo cứu, xuất bản, phát thanh, truyền hình, internet... Cuộc đánh phá của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới không từ một đoàn thể hay cá nhân một vị tăng sĩ nào, kể cả những bậc cao Tăng thạc đức như Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu, Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Quảng Độ, Thượng tọa Thích Tuệ Sĩ... Cứ đánh những từ thì khóa như "Phật giáo Việt Nam", "Ấn Quang", "Thượng tọa"... để search, thì không khó tìm kiếm lời lẽ của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diêm mới. Ở trong nước, do chưa có điều kiện thuận lợi, nên hoạt động của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới chỉ trong giai đoạn chờ thời.

Những đại lễ Phật giáo thời gian qua, đặc biệt là sự kiện có một không hai trong lịch sử Phật giáo Việt Nam: Rước Xá lợi Phật từ Ấn Độ về Việt Nam là một dịp không thể bỏ qua. Điều đương nhiên là họ không thể đánh vào xá lợi Phật, mà đánh vào những người tổ chức cuộc rước, tức là tăng sĩ Phật giáo Việt Nam. Nếu những người ở ngoài nước đơm đặt về đời sống cá nhân của các Tăng sĩ, thì ở đây, người ta nói những người tổ chức cuộc lễ rước xá lợi Phật như là những người "vô minh", làm "trái ý Phật". Mục tiêu những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới là triệt phá uy tín Tăng bảo, hủy phạm giá trị Tăng bảo Phật giáo Việt Nam đối với đông đảo tín đồ Phật giáo và người dân Việt Nam, xuyên tạc tăng sĩ Phật giáo để làm cho bậc chúng trung tôn trở thành những kẻ u mê, vô minh, giả dối, phí phạm... Luận điệu công kích Phật giáo vừa rồi chính là sự tiếp nối, sự vận dụng luận điệu kỹ thuật, mánh khóe, giọng lưỡi của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới vào hoàn cảnh đặc thù trong nước, tận dụng khai thác các phương tiện truyền thông trong nước với điều kiện hợp pháp. Từ lâu, họ đã điên tiết lăn xả vào việc nói xấu, bôi bẩn đức hạnh của những vị tăng sĩ trong nước, nhưng chỉ có thể đưa bài lên những trang web hải ngoại. Đến nay, nhân chuyện rước xá lợi Phật, đội vào cái lốt vì người nghèo, dùng lời của vài trí thức trong nước, những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới nhào ra, lợi dụng trang web cả trong nước, tạt liên tiếp những gáo nước dơ "vô minh" vào chư vị tôn đức. Một lễ cung nghinh xá lợi Phật hoành tráng, trang nghiêm, đông đảo và thành tựu công đức chắc chắn làm đỏ cạch những con mắt của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới ôm ấp đầy hiềm hận đó, họ không bỏ qua cơ hội để chuyển những ngụm máu dơ chuyên để phun người về nước. Ông bà ta thường nói "ngậm máu phun người dơ miệng mình", nhưng với tâm phục thù, hiềm hận chất chứa, dơ miệng hay bẩn mặt, thì đâu có gì là đáng ngại. Hơn nửa thế kỷ qua vẫn thế mà. Nay, không lạ gì, khi những diễn viên chính của tấn tuồng bôi bẩn Tăng bảo Phật giáo nhảy vào cuộc, những "chiến sĩ dân chủ Ky tô". Vào blog của họ, chúng ta thấy những ý kiến rùng mình hiện nguyên hình

tâm địa của thứ chủ nghĩa phục thù, mang màu sắc thánh chiến trung cổ, chất chứa thù hận cực đoan thuộc vào tầm đỉnh điểm thế giới. Trước thủ đoạn hung ác và hèn mạt của những kẻ chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới, Phật giáo Việt Nam chắc chắn đối với họ vẫn bằng tâm lượng từ bi không thù hận. Nhưng điều cần thiết là phải soi cho ra, nhìn bằng chánh niệm, làm cho hiện nguyên hình bản chất của tâm địa yêu tinh hiểm ác của một thứ chủ nghĩa phục thù tôn giáo cực đoan cao độ, điển hình, vô cùng ghê tởm. Diễn viên phụ, diễn viên chính đã bước vào sân khấu của tấn tuồng phục thù, cơ hội, chúng ta có thể hình dung ra những kẻ giữ vai trò tác giả kịch bản và đạo diễn, kẻ đứng sau, giật dây "chiến sĩ dân chủ Ky tô".

***

PHÙ ĐỔNG 63 (Để nhớ tất cả những vị khách bất đắc dĩ của Hội Trường Nha Công An Trung Nguyên Trung Phần kể từ sáng ngày 21.8.1963)(1)

Hoàng Nguyên Nhuận

Qua cuộc đấu tranh chống lại chế độ nhà Ngô năm 1963, Phật giáo vùng đứng dậy như một Thánh Gióng, một Thạch Sanh để chống lại một chế độ đã nhân danh tư cách và quyền lợi ý thức hệ để xâm phạm và chà đạp những quyền căn bản và truyền thống của đồng bào đồng loại. Biến cố này cũng đẩy Phật giáo Việt Nam vào vận thăng trầm chung của đất nước đang ở vào thời cao điểm cùng tắc biến của Chiến Tranh Lạnh. Biến cố này thường được sử sách nhắc tới nhiều cách khác nhau như "vụ Đài Phát Thanh Huế", "vụ cờ Phật giáo", "phong trào Phật giáo chống chính quyền", "vụ Phật Đản 63".v.v... và sử sách cho đến bây giờ vẫn chưa đồng ý về một vài điểm như lệnh cấm treo cờ Phật giáo, "bài diễn văn" của Thượng tọa Trí Quang trong lễ Phật Đản 1963, cuộc biểu tình tại Đài Phát Thanh Huế đêm Phật Đản, thỏa hiệp giữa chính quyền và Phật giáo sau vụ Đài Phát Thanh Huế, Hoa Kỳ và biến cố 1963, kế hoạch Nước Lũ 20.8, việc Thượng tọa Trí Quang tỵ nạn chính trị trong Tòa Đại Sứ Mỹ, Phật giáo và cách mạng 1.11. Vì mọi chuyện xảy ra đều do trùng trùng duyên khởi, vì người ta thường nhớ những gì "đáng" nhớ, vì ngôn từ có thể bộc bạch mà cũng có thể ngụy trang thực tại nên tham vọng xác quyết một sự thật khách quan chỉ là tham vọng bắt lươn đầu đuôi. Lão Tử đã nhắc nhở điều đó khi nói về "đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh". Một đôi người vẫn tin vào các sử liệu chính thức là các hồ sơ

1. Nguồn Tư Liệu: Tạp chí Hoa Sen số 49 1-5-03 Chùa Quán Thế Âm Orange County USA.

công văn đã - hoặc sẽ dần dần, được bạch hóa. Nhưng cứ xem qua một vài ví dụ như Pentagon Papers của Daniel Ellsberg, hay Before The Fall của William Safire(2), hay In Retrospect của MacNamara(3) mới thấy công văn hay ý kiến công khai chính thức của người chủ động trong cuộc chưa hẳn đã rành rọt khúc chiết như hai với hai là bốn. Sự thật trước tiên là điều để mà sống với chứ không phải là điều để mà nói về. Truyền đạt hay cảm thông sự thật đó với người khác là chuyện đến sau, tùy cơ duyên người nói người nghe. Những điều được ghi lại sau đây vẫn còn thiếu sót, đã hẳn. Khác biệt duy nhất - nếu có, chính là chỗ điều ghi lại ở đây đã được tẩm bằng máu, nước mắt, nụ cười của kẻ đã chấp nhận dấn thân vào biến cố đó như một cách trả nợ đời, một cách giải nghiệp. LÁ CỜ CHỈ LÀ MIẾNG VẢI KHÔNG ĐÁNG BA XU Michael MacLear gọi Huế là thánh địa của Phật giáo Việt Nam như Mecca là thánh địa của Hồi giáo hay Vatican là thánh địa của Kitô giáo(4). Huế là cái nôi và là trụ sở của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam thành lập năm 1950 do sự hợp nhất của Phật giáo Bắc, Trung, Nam. Nguyện vọng của Phật giáo bấy giờ là nhất thống tổ chức để có thể điều hợp một cách hiệu quả hơn các Phật sự của tín đồ toàn quốc trong một tình thế đang có nhiều chuyển biến. Nhưng luật pháp không cho phép nguyện vọng đó thành tựu vì Dụ số 10 do Bảo Đại ban hành năm 1950 chỉ mặc nhiên thừa nhận một tôn giáo duy nhất ở Việt Nam là Kitô giáo Vatican dù Kitô giáo ở đây cũng chỉ là một chi nhánh của Kitô giáo Pháp do Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris (MEP: Mission Etrangère de Paris) trực tiếp điều hành mãi đến năm 1960 mới được thay thế bằng Hội Đồng Giám Mục được Vatican khai sinh để quản trị Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam. Theo tinh thần đó, Việt Nam không có một tôn giáo

nào đúng nghĩa cả, trừ Kitô giáo. Phật giáo cũng như Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo đều chỉ có tư cách pháp nhân của hiệp hội, tương tự như hội đua ngựa, hội thể thao, hội tương tế... Điều này giải thích tại sao khi đã hợp nhất rồi Phật Giáo Việt Nam vẫn phải núp dưới cái tên Tổng Hội Phật Giáo (Association Générale) chứ không thể xưng là Giáo Hội Phật Giáo (Église hay Chrch), chưa kể một khó khăn

2. W. Safire - Before The Fall, Belmont Tower Books, NY 1975. 3. R.S. McNamara - In Retrospect, Random House, NY 1995. 4. M. Maclear - Vietnam: The Ten Thousand Day War, Thames Methuen, Lon- don 1981, tr. 374.

khác là bất cứ lúc nào chính quyền có thể cấm dùng luôn hai chữ Phật giáo và bắt phải gọi là Phật Học mới chấp nhận cho lập hội. Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đặt trụ sở trung ương tại chùa Từ Đàm Huế và quyết định lấy cờ Phật giáo quốc tế làm cờ của Phật giáo Việt Nam. Miếng vải ngủ sắc này quả đã ấp ủ nguyện vọng thâm trầm của Phật giáo trong giai đoạn đó là thoát khỏi những áp lực tôn chính nặng nề do ngoại nhân áp đặt để được tồn tại như một tôn giáo Việt Nam, trước mắt là hủy bỏ những ràng buộc kỳ thị bất công của Dụ số 10. Huế có hai cuộc lễ quần chúng lớn lao là lễ Phật Đản và ngày cúng âm hồn 23 tháng Năm âm lịch - thường được gọi là ngày thất thủ kinh đô, trong đó dân Huế đã dùng tín ngưỡng để kỷ niệm ngày độc lập quốc gia bị bức tử khi Pháp đánh chiếm kinh đô Huế. Theo thông lệ hàng năm, đến ngày Phật Đản các tư gia đều treo cờ Phật giáo, có nơi lập bàn thờ trước nhà hay những nơi công cộng như ngã ba, ngã tư đường hay các công viên công trường. Năm 1963, Đài Phát thanh Huế cũng dành cho Phật giáo mấy chương trình buổi tối để kỷ niệm Phật Đản. Phụ trách buổi phát thanh Phật giáo đêm 6 tháng 5 là Gia Đình Phật Tử, đêm 7-5 là Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế, và đêm 8-5 hay đêm Phật Đản do chính Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần, ngoài phần tin tức Phật sự, chương trình thường cho phát thanh lại phần ghi âm buổi lễ Phật Đản chính thức hồi trưa. Chương trình Phật Đản 1963 còn có lễ rước Phật từ chùa Diệu Đế về chùa Từ Đàm để cử hành lễ chính thức. Chịu trách nhiệm chung về buổi lễ Phật Đản 1963 tại Huế là Thượng tọa Trí Quang, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần, trực tiếp chịu trách nhiệm cuộc rước Phật là Thượng tọa Mật Hiển mà Phật tử thường gọi là Ôn Trúc Lâm(5). Trước lễ Phật Đản, các tỉnh thị toàn quốc đều nhận được công điện số 9195 ngày 6.5.1963 của Phủ Tổng Thống nhắc lại lệnh cấm treo cờ tôn giáo nơi tư gia cũng như nơi công cộng nghĩa là ở các lễ đài, các quyền môn mừng Phật Đản. Công điện này đến Huế vào ngày 7.5 và đúng là giọt nước rót vào bình nước đã đầy be. Phát ngôn viên của Tòa Đại Sứ Mỹ sau này đã ví von rằng Tổng thống Việt Nam ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo trong ngày Phật Đản thì cũng chẳng khác gì

5. Phật tử thường gọi các vị trú trì các chùa bằng ôn đứng trước tên chùa. Ví dụ Thượng tọa Mật Hiển là Ôn Trúc Lâm, Hòa thượng Tịnh Khiết là Ôn Tường Vân, Thượng tọa Đôn Hậu là Ôn Linh Mụ, Hòa thượng Trí Thủ là Ôn Già Lam, Hòa thượng Thiện Siêu là Ôn Từ Đàm.

Tổng thống Mỹ ra lệnh cấm hát thánh ca trong lễ Giáng Sinh(6). Cảnh sát công an cứ theo lệnh mà thi hành khiến cho nhiều nơi xảy ra xô xát giữa Phật tử và nhân viên công lực. Phật tử Huế còn xúc động hơn vì suốt mấy tuần qua, Kitô giáo và chính quyền Huế đã tưng bừng kỷ niệm lễ thụ phong linh mục của Ngô Đình Thục, và thành phố Huế tràn ngập cờ Vatican, ngay cả những nơi không có một tín đồ hay một cơ sở Kitô giáo nào cả. Đối phó với lệnh cấm treo giáo kỳ đó, Tổng Hội Phật Giáo đã họp khẩn vào chiều 7.5 và quyết định cử một phái đoàn Trưởng Lão đến gặp Thị trưởng Huế kiêm Tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đẳng yêu cầu chính quyền thu hồi công điện về giáo kỳ. Cuộc đấu tranh của Phật Giáo chính thức bắc đầu từ lúc đó chứ không phải đợi đến ngày hôm sau với những phát biểu nảy lửa của Thượng tọa Trí Quang hay thảm cảnh đẫm máu tại Đài Phát thanh Huế. Nếu tinh ý, chính quyền hẳn thấy quyết tâm của Phật giáo qua hành động xuất tướng bằng phái đoàn trưởng lão đó để rồi có thể đối phó thức thời và uyển chuyển hơn. Đáng tiếc là chính quyền không chịu nhận thấy điều đó cho nên phái đoàn đại diện Phật giáo chỉ nhận được những giải thích quanh co và những hứa hẹn mơ hồ tự thị. Phần lớn cũng vì uy quyền quốc gia trong chế độ này không nằm trong một hệ thống minh bạch nào cả. Trên Thị Trưởng còn có Đại Biểu Chính Phủ, trên Đại Biểu Chính Phủ còn có Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung Ngô đình Cẩn, trên Ngô Đình Cẩn còn có ông bà Cố vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu, trên ông bà Ngô Đình Nhu là Tổng thống Ngô Đình Diệm, trên Tổng thống là Giám mục Ngô Đình Thục vừa chăn chiên vừa giữ thành trong tư cách "quyền huynh thế phụ" tuyệt đối. Và đương nhiên, trên tất cả những quyền lực bản xứ đó là Đại Sứ Vatican hay Khâm Sứ Tòa Thánh nắm trọn linh hồn tập thể tín hữu Ki-tô đang đứng sau lưng anh em họ Ngô và Tòa Đại Sứ Mỹ thần hộ mạng Ngô Đình Diệm. Trong khi Tổng thống Ngô Đình Diệm dằn mặt những âm mưu đối lập rằng "sau Hiến Pháp còn có tôi" và Giám mục Ngô Đình Thục nói thẳng "lá cờ chỉ là một miếng vải ba xu có chi mà phải tranh đấu..."(7) thì Phật giáo Huế quả đã đi vào con đường hẻm một chiều vậy.

6. W.Rust - Kennedy In Vietnam, Da Capo Press, NY 1985, tr. 94. 7. Lời của Giám Mục Ngô đình Thục trong buổi nói chuyện với đại diện quân cán chính tại đại giảng đường Đại Học Văn Khoa Huế sau vụ Đài Phát Thanh Huế xảy ra.

PHÙ ĐỔNG 63 • 537

CUỘC RƯỚC PHẬT VÀ NHỮNG BIỂU NGỮ BỐC LỬA Ngày Phật Đản 1963 bắt đầu bằng lễ rước Phật từ Chùa Diệu Đế lên Chùa Từ Đàm do các đoàn thể như Khuôn Hội Phật giáo, Gia Đình Phật Tử, Sinh Viên Phật Tử, Công Chức Phật Tử, Tiểu Thương Phật Tử... phụ trách. Hàng lãnh đạo Phật giáo, các hàng Phật tử, đại diện chính quyền trong đó có Thị Trưởng Huế, các quan khách trong đó có đại diện của Tòa Lãnh Sự Mỹ và Đài Loan và đại diện của Phòng Thông Tin Văn Hóa Pháp tại Huế và Phật tử thì tề tựu ở Từ Đàm chờ Phật "về" đến để cử hành lễ chính thức. Hôm nay Phật về hơi trể. Lý do vì đoàn rước Phật vừa băng qua cầu Gia Hội để vào đường chính của thành phố thì một loạt các biểu ngữ lạ xuất hiện ngay trong đoàn rước Phật như sấm chớp làm ù tai hoa mắt không những số công an cảnh sát đang lăm le canh chừng đoàn rước Phật mà cả đối với những dân chúng và Phật tử đứng đầy hai bên đường xem đoàn rước đi ngang.

Những biểu ngữ ấy viết: - Chúng tôi đã đến lúc bị bắt buộc phải tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng. Chúng tôi không từ chối một hy sinh nào - Phản đối chính sách bất công gian ác. - Cờ Phật giáo quốc tế không thể bị triệt hạ. - Phật giáo đồ chỉ ủng hộ chính sách bình đẳng tôn giáo. - Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng. - Phật giáo đồ nhất trí bảo vệ Chánh Pháp dù phải hy sinh. Không đợi chính quyền phản ứng bằng cách ngăn chận và giải tán đoàn rước, tịch thu các biểu ngữ và bắt giam những người căng biểu ngữ v.v..., với tư cách người chịu trách nhiệm về đoàn rước, Thượng tọa Mật Hiển đã ra lệnh ngưng đoàn rước và tịch thu các biểu ngữ rồi mới cho đoàn rước tiến hành. Các biểu ngữ bị tịch thu, đoàn rước tiếp tục tiến lên một quảng thì đợt biểu ngữ thứ hai với nội dung y hệt lại lác đác xuất hiện ở những đoạn khác trong đoàn rước. Tình trạng đó xảy ra mấy lần và cuối cùng Ban Tổ Chức phải mời cả Thượng tọa Trí Quang xuống hiện trường ra lệnh dẹp các biểu ngữ để lễ rước Phật có thể tiếp tục và hứa với những người trương biểu ngữ là khi về đến Từ Đàm Thượng tọa sẽ trả lời về những yêu sách trên các biểu ngữ đó. Đoàn rước cuối cùng đã về đến Từ Đàm... Với tư cách trưởng ban tổ chức lễ Phật Đản 1963 tại Huế, Thượng tọa Trí Quang đã đứng ra cáo lỗi vì lễ đã không cử hành đúng chương

trình. Lý do chậm trễ đó là các biểu ngữ đột ngột xuất hiện trong cuộc tuần hành. Một lần nữa, Thượng tọa yêu cầu Phật tử căng các biểu ngữ ấy lên cao cho mọi người thấy rõ họ muốn gì. Những biểu ngữ đã biến mất hồi sáng giờ lại xuất hiện. Thượng tọa đọc lần lượt từng biểu ngữ, giải thích nội dung cũng như nguyên nhân tại sao có biểu ngữ đó và ghi nhận nguyện vọng phản ảnh qua những biểu ngữ đó. Không khí khuôn viên chùa Từ Đàm như có chuyền điện, mặt đất khuôn viên chùa như rung chuyển theo từng lời của Thượng tọa. Thượng tọa không đọc một diễn từ soạn sẵn hay ứng khẩu nào cả nhưng những lời giải thích các biểu ngữ của Thượng tọa đã biến thành một cáo trạng mạch lạc và minh bạch về thảm cảnh bất bình đẳng và đàn áp tôn giáo mà Phật giáo là nạn nhân từ thời Pháp thuộc và nhất là từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Sau phần ứng khẩu giải thích biểu ngữ của Thượng tọa Trí Quang là phần nghi lễ diễn ra một cách bình thường êm đẹp. Nhưng đó chỉ là êm đẹp bề mặt bởi theo đúng chương trình thì những lời ứng khẩu nẩy lửa của Thượng tọa Trí Quang trưa hôm nay đã được ghi băng và sẽ được phát lại trong buổi phát thanh Phật giáo tối hôm nay... KHÔNG PHẢI LÀ LẦN ĐẦU Trước biến cố Phật Đản 1963 và về phương diện đối kháng không cộng sản, ít ra chính quyền, trong 8 năm cai trị, cũng đã đi qua 6 cơn bão tố chính trị như (i) cuộc biến động Bình Xuyên-Nguyễn Văn Hinh, (ii) vụ đối đầu của lực lượng vũ trang Quốc Dân Đảng tại chiến khu Ba Lòng, (iii) vụ ám sát hụt ở Ban Mê Thuột của Hà Minh Trí, (iv) phong trào vận động dân chủ chính trị hay phong trào Caravelle 4/1960 của nhóm Nguyễn xuân Chữ, (v) vụ binh biến 11/1960 của Nguyễn chánh Thi và (vi) cuộc ném bom Dinh Độc Lập 2/1962 của Phạm phú Quốc - Nguyễn văn Cử. Trong cả sáu lần đó, không một bản cáo trạng công khai nào nhằm vào chế độ được tung ra. Thượng tọa Trí Quang là người đầu tiên công khai ứng khẩu bản cáo trạng cô đọng thành sáu tấm biểu ngữ mộc mạc nhưng vang như sấm, xẹt lửa như lằng chớp và xoáy sâu vào tâm khảm của hơn tám mươi phần trăm dân chúng cảm thấy mình là Phật tử cách này hay cách

khác. Sáu biểu ngữ đó chỉ xoáy vào điểm duy nhất là tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo(8).

8. Quốc Tuệ - Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam Từ Phật Đản Đến Cách Mạng, tái bản Khánh Anh Paris 1987, tr. 43.

Nhưng về điểm này, Thượng tọa Trí Quang cũng không phải là người đầu tiên. Đất nước chia đôi, Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về xóa bỏ chế độ Quốc Gia, lật đổ Quốc Trưởng Bảo Đại, thành lập chế độ Cộng Hòa Việt Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm là một cái Big Mac một bên là chính quyền Mỹ, một bên là thế lực Kitô giáo Hoa Kỳ và Vatican, kẹp ở phần giữa là gia đình họ Ngô và tay chân. Ngoài ba thành phần đó ra, tất cả còn lại đều được nhìn dưới con mắt "ai không theo ta là kẻ thù của ta" như Thánh Kinh dạy. Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, và cả Tin Lành đều được nhìn dưới con mắt ấy. Tình trạng trở thành tệ hại cho người Phật tử từ khi có chiến dịch Tố Cộng, có phong trào Dinh Điền khẩn hoang lập ấp và có phong trào Ấp Chiến Lược. Dưới mắt một số người hăng say với nhiệm mệnh thừa sai và tin rằng cứu cánh biện minh cho phương tiện thì các biện pháp chính trị kinh tế xã hội đó là những cơ hội tốt để đưa những kẻ ngoại đạo về với "ánh sáng Phúc Âm". Sa vào hoàn cảnh ấy, người Phật tử chỉ còn ba đường hoặc theo đạo Ki-tô để hưởng đặc ân, hoặc "bỏ" đạo Phật "theo" Đạo Ông Bà để được tạm thời yên thân, hoặc chọn cái chết để giữ đạo gốc. Tình trạng đó ngày càng trở thành tệ hại, nhất là ở Nam Trung Phần và cao nguyên kể từ năm 1959. Phật giáo đã không nhắm mắt trước hiện tượng "bất công gian ác" đó. Ngày 20.2.1962, Pháp Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam là Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã gởi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Chủ Tịch Quốc Hội Trần Văn Lắm một hồ sơ đúc kết hàng trăm vụ "bất công gian ác" đối với Phật tử và yêu cầu chính quyền hãy vì quyền lợi quốc gia kịp thời can thiệp(9). Nhưng ngay cả việc đơn giản hồi âm cho Phật giáo biết là đã nhận được hồ sơ -một biện pháp hành chánh và lịch sự tối thiểu, Ngô Đình Diệm và Trần Văn Lắm đều không nhớ đến nữa thì còn mong gì chuyện xét can thiệp. Trưa ngày Phật Đản 1963, trong khi đọc và giải thích nội dung sáu biểu ngữ "tự phát" nêu trên, Thượng tọa Trí Quang thật ra chỉ nhắc lại những gì Phật giáo đã nói từ trước. Khác chăng là lần này Phật giáo không dùng văn thư tay đôi tay ba nữa mà bằng biểu ngữ, bằng lời nói công khai cho vạn người nghe, và có thể cho triệu người nghe khi cuộn băng thu âm lễ Phật Đản được quây phát lại trong chương trình phát thanh của Phật giáo tối hôm đó.

9. Tuệ Giác -Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử, Hoa Nghiêm SG 1965, tr. 80 và 119 và Quốc Tuệ sđd. tr.28-29.

ĐÀI PHÁT THANH HUẾ ĐÊM PHẬT ĐẢN Đài Phát Thanh Huế nằm ngay chân cầu Tràng Tiền phía hữu ngạn sông Hương. Đến tối, xướng ngôn viên đài xin lỗi vì lý do... kỹ thuật chương trình thường lệ dành cho Phật giáo không thể phát thanh được và lấp chỗ trống bằng nhạc. Điều này khiến Phật tử thắc mắc tức bực đổ về trong khuôn viên đài mỗi lúc một đông. Không biểu ngữ, không hoan hô đả đảo, chỉ lặng yên chờ cho đài

giải quyết xong phần kỷ thuật để được nghe lại những lời Thượng tọa Trí Quang nói hồi sáng tại chùa Từ Đàm. Thế thôi, ít ai nghĩ rằng mình đang được chứng kiến một cuộc biểu tình, một cuộc đấu tranh bất bạo động đang diễn ra trước mắt. Rồi nhạc lấp chỗ trống cũng hết, làn sóng đài bỗng lặng câm, mở đầu cho một diễn biến mới khi một chiếc xe thông tin gắn loa phóng thanh cực mạnh đến loan báo là chính quyền được tin đêm nay Việt Cộng sẽ xâm nhập phá hoại một vài cơ quan công quyền trong thị xã vậy yêu cầu đồng bào giải tán. Thông báo đầy hăm dọa đó được lặp đi lặp lại nhiều lần cùng với sự tăng cường dồn dập của cảnh sát công an và quân đội tháp tùng một số xe cứu hỏa và xe bọc thép trong đó có một chiếc mang tên Ngô Đình Khôi. Đồng lúc, Thượng tọa Trí Quang cùng với Tỉnh Trưởng Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng Huế đến và đi thẳng vào Đài Phát Thanh. Họ vừa vào chưa được bao lâu thì các xe cứu hỏa bắt đầu xịt nước vào dân chúng và tiếp đó những tiếng nổ lớn như tiếng mìn hay lựu đạn mở đầu cho hàng loạt tiếng súng lớn nhỏ từ các xe bọc thép, từ số quân nhân và công an cảnh sát tăng cường. Các xe bọc thép vừa bắn vừa húc bừa vào dân chúng hoảng loạn và phẫn nộ. Phe chính quyền cố đánh đuổi dân chúng khỏi khuôn viên Đài Phát Thanh Huế bằng những biện pháp sắt máu và quyết liệt nhất trong khi một số Phật tử quyết nhào vào để cứu những người bị thương đang quằn quại và số bị chết đang nằm la liệt khắp nơi cũng như “để bảo vệ Thầy” đang kẹt trong đó. Kẻ chỉ huy cuộc giải tỏa này là Thiếu tá Đặng Sỹ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An. Phe chính quyền vô sự, phía Phật giáo thì Thượng tọa Trí Quang được hộ tống về chùa an toàn nhưng đã có 9 Phật tử chết và 14 bị thương. NGUYỆN VỌNG NĂM ĐIỂM Vụ thảm sát ở Đài Phát Thanh Huế đêm Phật Đản biến Huế thành mồi lửa làm cháy rụi cả một cơ đồ chính trị tôn giáo xây dựng hơn trăm năm qua. Quả vậy, khi vụ Phật Đản mới bùng nổ, Linh Mục Jean

PHÙ ĐỔNG 63 • 541

Renou một nhà thừa sai kỳ cựu với ba mươi bảy năm kinh nghiệm ở Viễn Đông đã phải lo ngại thốt lên: “Thằng cha này (Diệm) điên rồi! Hắn đang hủy hoại tất cả những gì chúng ta hoàn thành được suốt một trăm năm mươi năm qua!”(10) Suốt đêm 8.5 và ngày 9.5, Huế có hàng ngàn đám biểu tình tự phát không chỉ của dân chúng thanh niên sinh viên học sinh nội thành mà cả của đồng bào ngoại thành xa xôi đổ về chùa Từ Đàm để bày tỏ nguyện vọng và hỏi thăm tin tức. Công an cảnh sát quân đội tràn ngập phố phường. Các đám biểu tình tuần hành này phải đi qua nhiều nút chận căng thẳng nhưng chưa có hành hung đập phá, đốt nhà đốt xe, đốt công sở. Suốt cả ngày 9.5, Tỉnh Trưởng Thừa Thiên đã đích thân đưa Thượng tọa Trí Quang đi khắp nơi trấn an đồng bào và Phật tử. Hình ảnh một ông Tỉnh Trưởng lái chiếc Citroen 2CV và một ông thầy tu mặc áo nâu đội nón lá đứng trên mui xe khản cổ kêu gọi đồng bào Phật tử giải tán đợi lệnh chùa là hình ảnh đặc thù ngày hôm đó. Chính quyền một mặt nhờ chùa “chữa lửa”, một mặt lại rửa tay chạy tội bằng cách tuyên bố cuộc thảm sát ở Đài Phát Thanh Huế là do Việt Cộng gây ra. Điều này đã khiến cho quần chúng Phật tử nổi nóng thêm, càng hăng biểu tình hơn, càng quyết liệt hơn khi đối đầu với nhân viên công lực ngăn chận biểu tình. Ngày 10.5. Phật giáo triệu tập đông đảo quần chúng về chùa Từ Đàm để thông báo hai quyết định, thứ nhất xác quyết các Phật tử bị tàn sát tại đài Phát Thanh Huế là những Thánh Tử Đạo, thứ hai công bố bản Tuyên Ngôn Của Tín Đồ Phật Giáo

Việt Nam thường được gọi là bản "nguyện vọng năm điểm" gồm có thứ nhất lệnh cấm giáo kỳ phải được thu hồi, thứ hai Phật giáo phải được đối xử bình đẳng như Ki - tô giáo, thứ ba chấm dứt đàn áp khủng bố Phật tử, thứ tư Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo, và thứ năm quy trách kẻ chủ mưu tàn sát và đền bù cho các nạn nhân vụ Đài Phát Thanh Huế. Bản Tuyên Ngôn này do Hòa thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết nhân danh toàn thể Phật Giáo Việt Nam ký phổ biến. Phật giáo đã chính thức minh định vấn đề, đến lượt chính quyền phản ứng vậy. CÔ LẬP VÀ ĐÀN ÁP Bản Tuyên Ngôn năm điểm của Phật giáo công bố ngày 10-5, đến ngày 23-5 lại được bổ túc bằng một "phụ đính", và đến 25-5 lại được

10. H. du Berrier -Background To Betrayal, Western Islands, Boston 1965, tr. 129.

thêm vào một "phụ trương". Nói thế khác, chính quyền càng né tránh giải quyết vấn đề thì yêu sách của Phật giáo càng cụ thể chi tiết thêm. Vì chính quyền chỉ có một phản ứng duy nhất là cô lập và đàn áp nên công việc cấp thiết của các nhà lãnh đạo Phật giáo là nuôi dưỡng tinh thần quật khởi của Huế, gấp rút chuyển địa bàn hoạt động vào Sài Gòn và phát khởi hoạt động đấu tranh tại các tỉnh lớn. Thượng toạ Trí Quang, linh hồn của phong trào tranh đấu, Thượng tọa Thiện Minh, đầu não chiến lược của phong trào, và Hòa thượng Hội Chủ Tổng Hội đều vào Sài Gòn. Công việc ở Huế giao lại cho Thượng tọa Trí Thủ, Thiện Siêu, Mật Nguyện, Mật Hiển cùng đảm nhận. Thượng tọa Tâm Châm đại diện Phật giáo Bắc Việt và là Phó Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam được suy cử làm Chủ Tịch phong trào đấu tranh dưới danh nghĩa Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, chùa Xá-Lợi trụ sở chính của Phật giáo Nam Phần biến thành tổng hành dinh của Ủy Ban. Ở Huế, sau ngày 10.5, phong trào được quạt lên với chiến dịch mít-tinh, học tập, tuyệt thực, cầu nguyện cho năm nguyện vọng của Phật giáo được thành tựu. Chủ chốt của chiến dịch đợt này là sinh viên học sinh Phật tử. Thành phần trẻ có học này đem lại cho phong trào một sinh khí và sắc diện mới chứng tỏ Phật giáo không chỉ lôi cuốn thành phần vong niên hay cao niên đã chán sự đời mà còn hấp dẫn thế hệ đang hăm hở hướng về tương lai của dân tộc và tín ngưỡng. Mấy chữ "Công Bằng Xã Hội" đã được nhắc nhở nhiều hơn trong ngôn từ tranh đấu của tầng lớp này. Hai điểm tập họp chính của họ là Từ Đàm và Diệu Đế. Họ đến nghe tin tức, trò chuyện với bạn bè đồng lứa, tụng kinh cầu nguyện, phát thanh tin tức Phật sự qua hệ thống phóng thanh trong chùa, phổ biến truyền đơn tài liệu, tuyệt thực, xuống đường bày tỏ nguyện vọng. Họ thường bị đàn áp thẳng tay. Dùi cui, mũi giày trận, báng súng, lưỡi lê, quân khuyển, lựu đạn cay, lựu đạn cháy, xe cây, nhà tù là chuyện cơm bửa. Nhưng chính quyền càng mạnh tay thì lực lượng này càng trở nên đông đảo vì cái tính "quân tử Tàu" hay mã thượng của đám trẻ. Tầng lớp này lại kéo theo những thế lực hổ trợ mới là giới tiểu thương, quân nhân, công chức, giáo chức, Hướng Đạo... để tăng cường cho lực lượng cơ hữu nòng cốt của Phật giáo là các Thầy các Cô chùa Hội(11), các Khuôn Hội Phật tử địa phương và các đoàn Gia Đình Phật Tử kỳ cựu thuần thành.

11. Có những chùa và những Phật tử tại gia cũng như xuất gia không chịu gia nhập cuộc cách mạng tôn giáo của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam nên họ đã gọi những người

chấp nhận cuộc cách mạng tôn giáo đó là Thầy Cô chùa Hội, Phật tử chùa Hội.

PHÙ ĐỔNG 63 • 543

Tình trạng đó kéo dài cho đến 3-6 khi sinh viên Phật tử tung ra những đợt biểu tình ồ ạt rộng lớn để rồi nhận chịu những đàn áp khốc liệt nhất. Một số sinh viên bị bắt, 149 người bị thương trong đó có 69 người bị thương trầm trọng. Khi bị đàn áp truy kích, cả ngàn sinh viên học sinh phải rút về chùa Từ Đàm. Chính quyền ra lệnh giới nghiêm và phong tỏa chùa, đồng thời cắt điện cắt nước và cắt luôn thực phẩm tiếp tế cho chùa. Cuộc đàn áp và phong tỏa này đã gây những chấn động không lường trước được... HOA KỲ VÀ VỤ PHẬT GIÁO Khi vụ Phật Đản xảy ra, chính quyền Kennedy đã bàng hoàng tự hỏi "Họ (Phật tử Việt Nam) là ai vậy?" Nếu Kennedy và các cố vấn thân cận không biết chút gì về Phật giáo thì cũng chẳng có gì lạ bởi hai tai mắt chính của Washington ở Sài Gòn là Đại Sứ Nolting và Giám Đốc CIA Richardson đều bênh vực anh em nhà Ngô từ đầu đến cuối. Rũi cho anh em nhà Ngô là khi vụ Phật Đản xảy ra thì Nolting lại rời Việt Nam đi nghỉ phép thường niên để cho Phó Đại Sứ Trueheart xử lý thường vụ. Cho nên khi lờ mờ hiểu được "họ" là ai thì Kennedy đã vội chỉ thị Trueheart phải "dùng những lời lẽ mạnh mẽ nhất để khuyến cáo những biện pháp cần thiết". Ngày 4-6 Trueheart gặp Bộ Trưởng Nguyễn đình Thuần cho biết Tòa Bạch Ốc muốn Ngô đình Diệm phải ngưng đàn áp Phật giáo và phải giải quyết cụ thể những yêu sách của Phật giáo. Ngày 5-6, Phó Tổng Thống Nguyễn ngọc Thơ được lệnh tiếp xúc sơ bộ với Phật giáo. Nhưng trong khi Ngô đình Diệm tỏ ra nhượng bộ áp lực của Mỹ thì Bà Ngô đình Nhu lại không. Ngày 7-6, Bà đã tố cáo các nhà lãnh đạo Phật giáo là tay sai cộng sản. Trueheart gặp Diệm để than phiền và yêu cầu cách cãi chánh thì Diệm tảng lờ như thể là ông cũng nghĩ như bà em dâu vậy. Ngày 11-6, Washington nhận được phúc trình về tình hình của Trueheart gởi sang. Trueheart xác quyết cộng sản không có ảnh hưởng đối với phong trào Phật giáo và quả thật một số Phật tử muốn lật đổ chính phủ. Mặt khác, Trueheart nhận rằng nếu để lâu quá thì những phản ứng tích cực của chính quyền nếu có sẽ không gây ra được hậu quả mong muốn nhưng có còn hơn không và Trueheart tin chính quyền vẫn chưa muộn để thỏa mản những đòi hỏi của Phật giáo. Hy vọng của Trueheart đã bị ngọn lửa Quảng Đức đốt cháy sém. Colby

544 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

trùm CIA nhận định rằng ánh lửa Quảng Đức đã làm cho dân Mỹ thấy dân chúng Việt Nam không đứng sau lưng chính quyền của họ và do đó dân Mỹ sẽ không ủng hộ chính sách Mỹ ở Việt Nam nữa. Ánh đuốc Quảng Đức là một mồi lửa giữa cánh đồng khô hạn. Phong trào tranh đấu của Phật giáo đã âm ỉ dâng lên sau vụ Đài Phát Thanh Huế, sau các cuộc biểu tình tuyệt thực quyết liệt của sinh viên giờ đã ngùn ngụt lan rộng từ Đông Hà đến Cà Mau, từ Sài Gòn lên cao nguyên. Nơi nào có chùa là nơi đó có tụng kinh cầu nguyện, có cờ, có biểu ngữ, có truyền đơn, có phát thanh. Phong trào đấu tranh không chỉ thu hút đồng bào Phật tử, tầng lớp trẻ, mà còn thu hút cả những đồng bào khác tín ngưỡng, phong trào Phật giáo quốc tế, và đặc biệt hơn cả là phần lớn phóng viên truyền thông ngoại quốc đang hoạt động ở Sài Gòn. Sau vụ tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức ngày 11-6 Bộ Ngoại Giao Mỹ chỉ thị cho Trueheart nói thẳng

với Diệm phải công khai thỏa mản hoàn toàn các nguyện vọng của Phật giáo bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không nhắm mắt làm ngơ nếu chính quyền Việt Nam thiếu thiện chí thỏa mãn các yêu sách chính đáng của hàng lãnh đạo Phật giáo. Washington cũng muốn Trueheart cho Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ biết tuy Mỹ không chủ trương lật Diệm nhưng nếu Diệm bị lật thì Mỹ sẽ ủng hộ Thơ như người kế vị hợp hiến. Trueheart nghĩ đó không phải là một đề nghị hợp thời trong hoàn cảnh này nên không nói gì với Thơ. Ngày 12-6, Trueheart chỉ cho Diệm biết Bộ Ngoại Giao đã mạnh mẽ khuyến cáo Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo. Ngày 14-6, chính quyền và Phật giáo chính thức họp ở Hội Trường Diên Hồng và hai ngày sau, ngày 16-6, Thông Cáo Chung về năm nguyện vọng của Phật giáo được hai bên ký kết. Ngày 17-6, Phật giáo tuyên bố trở lại đời sống bình thường và thành tâm cầu nguyện cho Thông Cáo Chung được thi hành nghiêm chỉnh. Phật giáo lo âu cầu nguyện là phải bởi cả gia đình nhà Ngô đều không muốn Thông Cáo Chung được thi hành. Vợ chồng Ngô đình Nhu và Giám Mục Ngô Đình Thục đã mở chiến dịch phản công rộng lớn qua các tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa, Phụ Nữ Liên Đới, Trung Tâm Nhân Vị Vĩnh Long, Phong trào Cách mạng Quốc gia, các cơ quan chính quyền như Thông Tin Dân Vận, Thương Phế Binh, Mật Vụ, Công An Cảnh Sát để vu khống, mạ ly, hăm dọa, đàn áp, khủng bố bằng các hành động như ám sát, bắt cóc, bắt giam, tra tấn, thủ tiêu, cách chức, cô lập, sách nhiễu. Ngô Đình Diệm không xốc nổi như những người khác trong nhà nhưng chính ông đã khơi mầm loạn khi bảo rằng “Sau Hiến Pháp còn có tôi”, nghĩa là không phải ông đội

Hiến Pháp trên đầu mà lót Hiến Pháp dưới đít, muốn tôn trọng Hiến Pháp hay không là tùy ông. Mỹ cũng thấy rõ điều đó nên ngày 25-6, trưởng CIA ở Việt Nam là Richardson đã đích thân thuyết phục Nhu nên hòa hoản. Nhu đã trả lời thẳng thừng các cuộc biểu tình của Phật giáo là phi pháp và hăm dọa trầm trọng đối với chế độ. Và một chế độ không biết thi hành luật pháp thì chế độ đó phải đổ. Ngô Đình Nhu quả thực đã gián tiếp cho Mỹ biết đừng hòng bắt bí Ngô Đình Diệm, bởi Ngô Đình Diệm nhượng bộ quá thì ông sẽ không để yên(12). TỪ NƯỚC BÍ ĐẾN NƯỚC LŨ Tình cảnh giữa ba phe anh em nhà Ngô, Hoa Kỳ và Phật giáo đều lâm vào thế bí. Anh em ông Diệm không tin Mỹ dám thay ngựa giữa giòng vì Mỹ cũng cần ông Diệm chứ không phải chỉ ông Diệm cần Mỹ thôi. Mỹ không tin anh em ông Diệm còn biết đặt quyền lợi Miền Nam lên trên hết để giải quyết thỏa đáng vấn đề Phật giáo trong khi Phật giáo lại không còn tin anh em nhà Ngô còn chịu nhìn nhận những đòi hỏi của Phật giáo là công bằng và chính đáng. Thế nên, anh em nhà Ngô không còn cách nào khác hơn là khai thác triệt để tình cảnh Mỹ đang cần mình chứ không cần Phật giáo để dứt gọn Phật giáo và đặt Mỹ trước một sự đã rồi trong khi Mỹ cũng không còn cách nào khác hơn là tìm cách thay anh em nhà Ngô, Phật giáo thì cũng không còn cách nào khác hơn là để chính Ngô Đình Diệm chứng minh những điều Phật giáo tố cáo là đúng, nói thế khác cách tố giác “bất công gian ác” hay nhất là để cho bất công gian ác xảy ra trước mắt mọi người. Sai lầm chí tử của Ngô Đình Diệm không chỉ là đã nghĩ rằng ở Miền Nam Mỹ không thể kiếm đâu ra một người như ông, sai lầm chí tử của Ngô Đình Diệm còn là ở chỗ đã quên rằng Kennedy cũng là tín đồ Kitô giáo. Kennedy thừa biết là dân chúng Mỹ đang âm thầm

theo dõi từng hành động của vị Tổng Thống Kitô giáo đầu tiên trong lịch sử Mỹ này. Kennedy đâu ngu dại hy sinh tất cả tương lai chính trị của mình để bao che những sai lầm của một người đồng song đồng đạo ở Việt Nam. Kennedy có khắt khe với Diệm thì cũng vì chính tương lai chính trị của Kennedy. Ngày 4-7, Kennedy cùng các cố vấn thân cận duyệt lại tình hình Việt Nam và đi đến các kết luận như sau: thứ nhất, Quảng Đức tự thiêu

12. Toàn bộ trích dẫn trong phần này là từ sách đã dẫn trong ghi chú số 5 từ trang 94 đến trang 107.

là một hành động tín ngưỡng đích thực chứ không phải dàn cảnh, thứ hai vợ chồng Nhu phải đi nhưng chưa chắc Diệm đã chịu do đó tình trạng sẽ trở nên trầm trọng và thế nào cũng có binh biến. Trong cùng ngày CIA ở Sài Gòn phúc trình cho Washington biết là đã có những âm mưu đảo chính thật. Một tuần sau, CIA ở Washington lương định rằng đảo chính chuyến này thì dễ thành công hơn chứ không dấm dớ ạch đụi như lần trước. Ngày 7-7, văn hào Nhất Linh tự tử vì mục đích "cũng như Hòa thượng Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do". Ngày 14-7 Phật giáo chính thức tái phát động đấu tranh đòi chính quyền thực thi Thông Cáo Chung. Đại Sứ Nolting lại ra sức cứu Ngô đình Diệm bằng cách một đàng tuyên bố với báo chí là không có kỳ thị tôn giáo ở miền Nam và đàng khác khuyên Ngô đình Diệm nên khôn khéo hơn. Cho nên, ngày 18-7, sau khi tiếp Nolting, Ngô đình Diệm đã lên đài phát thanh tuyên bố chính quyền sẽ giải quyết êm đẹp vấn đề Phật giáo. Ngày 23-7, Sư bà Diệu Huệ - thân mẫu của Giáo sư Bửu Hội đang được chính quyền nhờ tiếp sức, họp báo đòi tự thiêu. Ngày 1-8, Phật giáo chính thức phản đối với Kennedy về những ý kiên thiên lệch của Nolting. Ngày 3-8, Bà Ngô đình Nhu lại xông vào vòng chiến bằng một bài diễn văn dài trong lễ khai mạc khóa Phụ Nữ Bán Quân Sự tại Tòa Đô Chính Sài Gòn với nội dung vu khống, mạ lỵ và hăm dọa Phật giáo cũng như gián tiếp tố cáo chính quyền Mỹ đã đe dọa và bắt chẹt chính quyền Việt Nam hầu bịt mồm bịt miệng Bà. Bà khuyên mọi người nên phớt lờ các cuộc tranh đấu của Phật giáo và chớ quan tâm đến điều mà Bà gọi là vụ "nướng Sư" nghĩa là cuộc tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức ngày 11-6. Lời kêu gọi của Bà Ngô đình Nhu có hiệu quả tức thì. Ngày hôm sau, 4-8 Đại Đức Nguyên Hương tự thiêu ở Phan Thiết. Ngày 5.8, Phật giáo chính thức báo động về những âm mưu của chính quyền nhằn triệt hạ Phật giáo cũng như những thành phần đối lập bằng những cuộc đảo chính giả gọi là Bravo 1 và Bravo 2 và kế hoạch "Nước Lũ". Ngày 7-8, Phật giáo chính thức phản đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm về những lời tuyên bố của Bà Nhu. Ở Đà Lạt, Phật tử Âu Dương Quang đã chặt ngón tay để góp phần cầu nguyện cho năm nguyện vọng của Phật giáo chóng thành đạt. Cùng ngày, sinh viên Phật tử Huế lại phát động đợt tuyệt thực mới để hưởng ứng phong trào tái vận động cho Thông Cáo Chung được chính quyền tôn trọng thi hành. Ngày 12-8, Mai Tuyết An chặt tay ở Sài Gòn để phản đối Bà Ngô đình Nhu. Ngày 13-8, Đại đức Thanh Tuệ tự thiêu tại Huế gây ra những cuộc biểu tình lớn phản

đối chính quyền cướp xác của người đã hy sinh. Ngày 14-8, Nolting đến từ giả Tổng thống Ngô đình Diệm trước khi rời nhiệm sở. Nolting là người đã cảnh cáo Washington rằng lật Ngô đình Diệm xuống thì sẽ không tránh được nội chiến ở Miền Nam. Nolting cũng là Đại sứ đã nghe đài phát thanh mới biết mình đã bị cách chức và có người khác thay thế rồi. Nolting đã yêu cầu Ngô đình Diệm nên trấn an dư luận bằng cách xác nhận thiện chí giải quyết vấn đề của chính quyền. Ngày 15-8 Nolting rời Sài Gòn, và Ngô đình Diệm đã xác nhận "thiện chí hòa giải tột bực" của chính quyền trong vụ Phật giáo. Ít nữa là có một người không chịu tin lời xác nhận đó, người đó là Ni cô Diệu Quang đã tự thiêu cùng ngày hôm đó tại Ninh Hòa. Ngày 16-8, Thượng tọa Tiêu Diêu tự thiêu tại Chùa Từ Đàm Huế. Ngày 18-8, Giáo Sư Đại Học và tiếp đến là Giáo sư Trung Học ở Huế từ chức trong khi ở chùa Xá Lợi Sài Gòn, ba chục ngàn người tham dự tuyệt thực và cầu siêu cho những người đã hy sinh trong cuộc tranh đấu từ ngày Phật Đản đến nay. Đây là cuộc biểu tình tại chỗ lớn nhất từ ngày phong trào bùng nổ. Đêm 20-8, năm ngày sau khi xác nhận "thiện chí hòa giải tột bực" của mình, Ngô đình Diệm tuyên bố tình trạng giới nghiêm và đồng loạt tấn công các chùa toàn quốc, hốt hết các nhà lãnh đạo Phật giáo và những thành phần tham gia phong trào. Cách giải quyết vấn đề Phật giáo hay nhất là dứt hết các Phật tử. Thượng tọa Thiện Minh bị bắt ở chùa Từ Đàm Huế, Thượng tọa Tâm Châu, Huyền Quang và tất cả hàng lãnh đạo Phật giáo đều bị bắt ở Sài Gòn. Thượng Tọa Trí Quang cũng bị bắt ở chùa Xá Lợi và bị đưa qua giam trong một khu đồn bỏ hoang ở Rạch Cát, quận 7 ngoại ô Chợ Lớn để thanh lọc như bao nhiêu người khác. Sang đó, Thầy được một người tình nguyện tráo tên với Thầy nên đến lúc thanh lọc thì Thầy được tha về trước. Trên đường về, Thầy không còn biết đi về nơi nào an toàn hơn là vào tỵ nạn trong Tòa Đại Sứ Mỹ. Người đóng vai "Lê Lai cứu chúa" này hiện đang sống ở Mỹ. Ngày 21-8, Nolting đang họp bàn giao với Tân Đại Sứ Cabot Lodge ở Honolulu thì được thông báo về kế hoạch Nước Lũ, Nolting ngao ngán gởi cho Ngô đình Diệm một bức điện riêng ngậm ngùi than thở "lần đầu tiên Ngài dối tôi". KẾT LUẬN TẠM Phật giáo lật đổ Ngô đình Diệm? Phong trào đấu tranh của Phật giáo thực sự kết thúc vào ngày 21-8 khi Ngô đình Diệm thi hành kế hoạch Nước Lũ đột kích chùa chiền triệt hết các thành phần lãnh đạo

và tham gia phong trào. Nói thế khác, phong trào Phật giáo 1963 chỉ kéo dài 106 ngày - từ ngày 7-5 đến ngày 21-8, và thực sự kết thúc 73 ngày trước khi Tướng Dương Văn Minh tuyên bố dứt điểm chế độ, hủy bỏ Hiến Pháp 1956 và đặt Miền Nam dưới quyền lãnh đạo của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng vào ngày 2-11-1963. Cho nên, bảo Phật giáo lật đổ Ngô đình Diệm là một cách "cướp công cách mạng" vậy, dù không thể phủ nhận rằng không có phong trào đấu tranh của Phật giáo năm 1963 thì chưa chắc chế độ nhà Ngô đã bị xóa bỏ. Phật giáo đã làm xong phần mình vào đêm 20.8 khi cả tiếng cầu kinh lẫn lời phản kháng chế độ bất công gian ác đều im bặt. Kế hoạch Nước Lũ là luồng gió thổi sáng ánh đuốc Quảng Đức soi rõ bản sắc của chế độ Ngô Đình Diệm để cho những người có trách nhiệm với chế độ đó phải có thái độ. Những người có trách nhiệm đó là dân chúng và quân đội - trong đó đa số là Phật tử, đã từng "truất phế" nhà Nguyễn "suy tôn" nhà Ngô, là Hoa Kỳ - kẻ đã chọn nhà Ngô để trao nhiệm mệnh bảo vệ

những quyền lợi của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Hoa Kỳ không gây ra vụ Phật giáo để làm áp lực hay lật Ngô đình Diệm, bởi Hoa Kỳ không hề bận tâm Phật giáo là gì, là ai cả. Băn khoăn của Kennedy trước ánh lửa Quảng Đức là câu hỏi "Họ là ai vậy?" Ánh đuốc Quảng Đức soi cho Hoa Kỳ thấy rõ thực lực quần chúng của Phật giáo. Nếu đã nghĩ đến chuyện lợi dụng - hoặc đã lợi dụng được, Phật giáo ngay từ đầu thì Kennedy hẳn không cần phải băn khoăn như vậy. Chưa kể là dù có muốn chăng nữa thì Hoa Kỳ cũng chẳng bao giờ lợi dụng được Phật giáo. Cứ xem Lodge rồi Bunker, Johnson, Nixon đã đối xử với Phật giáo như thế nào thì đủ rõ. Giả thuyết cho rằng Hoa Kỳ tạo ra - hay lợi dụng, vụ Phật Đản 63 để làm áp lực hay lật đổ Ngô đình Diệm là một giả thuyết viễn vông vì quả thực lúc đó Kennedy cũng chưa dứt khoát tính gì ở Việt Nam nữa thì áp lực hay lật đổ Ngô đình Diệm để làm gì? Kennedy đang tiến thối lưỡng nan. Nhưng leo thang hay rút lui thì Hoa Kỳ đều cần có ổn định ở miền Nam. Hoặc giả muốn giữ nguyên trạng không đánh mà cũng không rút thì Kennedy cũng vẫn cần thế ổn định ở Sài Gòn để chuẩn bị cho cuộc tái ứng cử sắp tới của chính Kennedy. Quấy động hay đàn áp Phật giáo không phải là cách bảo đảm thế ổn định đó. Cũng vì vậy mà sau ngày Phật Đản ở Huế, cả hai phe diều hâu và bồ câu ở Tòa Bạch Ốc đều gặp nhau ở điểm thúc đẩy Ngô đình Diệm phải thỏa hiệp với Phật giáo để tạo ổn định cho miền Nam hầu có thể phụ với Hoa Kỳ một tay trong chuyện đánh cũng như đàm.

PHÙ ĐỔNG 63 • 549

Anh em Ngô Đình Diệm đã điên lên khi nghĩ rằng Hoa Kỳ đã coi trọng Phật giáo và coi nhẹ mình. Trong khi thực tế, Hoa Kỳ chỉ cần thế ổn định ở miền Nam và anh em Ngô Đình Diệm càng bức ép Phật giáo thì thế ổn định đó càng bị hăm dọa. Ngô Đình Diệm không thấy điều đó, trái lại còn nghĩ rằng ngoài anh em mình ra Hoa Kỳ sẽ chẳng kiếm được ai hơn nữa nên cơ nghiệp nhà Ngô sụp đổ. Hoa Kỳ không phải là kẻ đầu tiên nghĩ đến chuyện đảo chánh khi vụ Phật giáo bùng nổ. Đảo chánh là chuyện tự các tướng tá Việt Nam nghĩ đến trước. Chính CIA ở Sài Gòn xác nhận điều ấy. Cái chết của ba anh em nhà Ngô là điều đau thương đáng tiếc về phương diện nhân đạo, mặc dù đó chỉ là hậu quả đương nhiên của trò chơi quyền lực chính trị. Không ai tin những kẻ thực tâm tham gia ngày 1-11-1963 lại ngây thơ mong muốn anh em nhà Ngô còn sống. Bài học lừa lọc của Ngô Đình Diệm mà Nguyễn Chánh Thi và binh chủng Nhảy Dù học 3 năm trước đã dạy cho họ nhớ rõ điều đó. Cho nên lòng "ân hận" về những cái chết này xét cho cùng chỉ là những "ân hận" chính trị của Pontius Pilate. Người Phật tử không quên ơn những người chủ động chính biến 1-11 dù biết rằng Dương Văn Minh không lật đổ Ngô Đình Diệm vì Phật giáo. Bằng chứng là mục tiêu đấu tranh pháp lý của Phật giáo là Dụ số 10 thế nhưng khi chế độ đã bị lật đổ rồi Dương Văn Minh không hề nghĩ đến chuyện hủy bỏ hay ngưng áp dụng văn kiện pháp lý đó, chẳng khác nào Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại nhưng vẫn duy trì Dụ số 10 của Bảo Đại vậy. Mặt khác, chính Nguyễn Khánh - chứ không phải Dương Văn Minh, là người thừa nhận tư cách pháp nhân của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Tùy cơ duyên hoàn cảnh, nếu có một đối tượng thế tục nào cần phục vụ tức thời thì đó chính là dân tộc. Vì dân tộc chính là chúng sinh cận kề thân thiết nhất. Đó là điều người Phật tử muốn nhấn mạnh khi nói đến Phật giáo Lý Trần, nói đến Hai ngàn năm Phật giáo Việt Nam. Đó cũng là điều

mà một số người không biết -hoặc không muốn biết, khi đặt vấn đề cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963 có lợi có hại gì cho công cuộc chống Cộng hay công cuộc giải phóng miền Nam. Phản ứng của người Phật tử năm 1963 là một phản ứng tự vệ của kẻ đã bị dồn vào đường cùng, tự vệ không phải trong tinh thần "tôi chết hãy trả thù cho tôi" như giáo đồ Ngô Đình Diệm nói nhưng là "tôi chết hãy cầu nguyện cho kẻ đã giết tôi" như lời Hòa thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết đã nhắn nhủ. Ánh đuốc Quảng Đức hay ngọn lửa tự vệ của Phật giáo đã làm cháy sém một cơ đồ. Bỏ hay giữ cơ đồ đó lại, giữ lại như thế nào, giữ lại để làm gì đó là câu hỏi đặt ra cho người

dân, cho quân đội và cho chính Hoa Kỳ. Phật giáo không nhân danh tự do dân chủ, không nhân danh "quyền lợi" chống Cộng để phản đối chính quyền. Đúng ra, Phật giáo đã chống lại việc nhân danh tư cách và quyền lợi chống Cộng để chà đạp tự do, xâm phạm dân chủ của kẻ khác. Vì ý thức hệ cũng chỉ là một vô minh huyền hoặc nên người Phật tử không đồng hóa tín ngưỡng với ý thức hệ, và cũng không đem tín ngưỡng phục vụ chiến tranh ý thức hệ. Phật giáo không chống đối ai vì ý thức hệ và cũng không thỏa hiệp với kẻ nhân danh nhu cầu và quyền lợi ý thứ hệ để làm ác. Đối với người Phật tử Việt Nam, 106 ngày ngắn ngũi trong mùa hạ 1963 là kết tinh của hàng ngàn năm duyên nợ giữa Phật giáo và dân tộc này. Biến cố đó chính là khởi điểm của con đường thế trị -mà mục tiêu tối hậu là Giải Nghiệp bằng Giải Thực và Giải Hoặc, để chung vai góp sức vào nỗ lực kiến tạo Hòa Bình Dân Tộc - Độc Lập Quốc Gia - Cách Mạng Xã Hội. Đó cũng là cách đền ơn trả nghĩa công đức của bao nhiêu thế hệ Phật tử suốt ngàn năm đã góp phần giữ nước và dựng nước. Phong Trang Mùa Vu Lan(13).

***

13. Sau khi bài này được phổ biến, Hoàng tôi nhận được mấy lời sau đây của một người trong cuộc: "Chỉ mấy trang mà viết đầy đủ cả một biến cố rất nhiều phức tạp. Riêng phần tôi, vì có dính dáng vào cuộc cách mạng 1-11-63, đọc bài của Nguyên Nhuận tôi hết sức xúc động. Đọc xong tôi muốn khóc. Cảm ơn Hoàng Nguyên Nhuận. Đỗ Mậu."

MỤC TIÊU CÔNG BẰNG XÃ HỘI NHÌN TỪ PHONG TRÀO PHẬT GIÁO MIỀN NAM NĂM 1963

Lê Cung((1))

Công bằng xã hội đã được Đức Thế Tôn khẳng định như là một quy luật xã hội, cô đọng lại trong lời dạy nổi tiếng, mang tính vượt thời gian: "Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn". Từ khi quy ngưỡng giáo lý Phật đà cách đây hai ngàn năm, người Phật tử Việt Nam qua bao thế hệ không chỉ hằng mơ ước mà đã xả thân cho mục tiêu công bằng xã hội, trong đó phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 được xem như là một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất. Ngay từ khi phong trào bắt đầu (7-5-1963), Phật giáo Việt Nam đã đặt vấn đề công bằng xã hội một cách cụ thể: Về mục tiêu: "Bình đẳng và tự do cho tín ngưỡng Phật giáo (trong phạm vi nhân quyền)"; Về đối tượng: "Chỉ phản đối chính sách

bất công, không coi Chính phủ, nhất là không coi Thiên Chúa giáo là kẻ đối lập”((2)). Từ chủ trương đó, trong cuộc rước Phật từ chùa Diệu Đế về chùa Từ Đàm (Huế) vào sáng ngày 8-5-1963, Tăng Ni và Phật tử đã đưa cao các biểu ngữ: “Cờ Phật giáo quốc tế không thể bị triệt hạ”, “Phật giáo đồ chỉ ủng hộ chính sách bình đẳng tôn giáo”, “Yêu cầu Chính

1. Phó Giáo sư TS. Sử học, Đại học Sư phạm Huế. 2. Thích Trí Quang, Cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam, Tuần báo Hải Triều âm, số 2, ngày 30-4-1964, tr.5.

phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng”, “Phản đối chính sách bất công gian ác”... Tối 8-5-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm mở cuộc đàn áp đẫm máu tại Đài Phát thanh Huế làm 8 Phật tử bị thiệt mạng và nhiều người bị thương. Trước thảm cảnh tang thương đó, ngày 10-5-1963, trong cuộc meeting tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo đã công bố “Bản Tuyên ngôn của Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam”, gồm năm nguyện vọng với nội dung chủ yếu là đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi công bằng xã hội: “1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn Công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo. 2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng quy chế đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Dụ số 10. 3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo. 4. Yêu cầu cho Tăng, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo. 5. Yêu cầu Chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức”. Tuyên ngôn khẳng định quyết tâm đấu tranh của Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam: “Những điểm trên đây là nguyện vọng tối thiểu và thiết tha nhất của toàn thể Tăng, tín đồ Phật giáo trong cả nước. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho đến lúc nào những nguyện vọng hợp lý trên đây được thực hiện”((3)). Tuy nhiên, với bản chất giáo phiệt, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xem thường những yêu sách về công bằng xã hội mà Phật giáo đòi hỏi và tin rằng mọi phong trào sẽ bị dập tắt. Khi linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế, một người thân tín với chế độ và gia đình họ Ngô lên tiếng can ngăn: “Chính quyền nên mềm dẻo, khéo léo hơn một chút”, Giám mục Ngô Đình Thục (anh ruột Diệm) cai quản địa phận Huế trả lời rằng: “Phong trào quần chúng bất quá như ngọn lửa rơm, bùng lên, bùng lên một chốc rồi tắt ngay, có chi mà sợ”((4)).

3. Bản Tuyên ngôn của Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam (10-5-1963). Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu: SC.04-HS.8352. 4. Cao Văn Luận. Bên dòng lịch sử. Nxb.Trí Dũng, Sài Gòn, 1972, tr.315.

Chính sách bạo trị của chính quyền Ngô Đình Diệm khiến cho phong trào Phật giáo từ Huế nhanh chóng lan rộng ra khắp miền Nam. Ngày 9-5-1963, tại Sài Gòn, dưới hình thức một “Lá tâm thư”, gởi toàn thể Tăng, tín đồ, giới lãnh đạo Phật giáo đã vạch trần chính sách bất công của chính quyền Ngô Đình Diệm trong suốt 9 năm thống trị, rằng: “Phật tử chúng ta (cả xuất gia và tại gia) có nơi bị chôn sống, bị vu khống, bị tù đày, bị thiên cư, bị nhục mạ, ngày nay lại thêm cái tát đau đớn nữa là lá cờ Phật giáo quốc tế -

linh hồn của Phật giáo - bị hủy bỏ ngay ngày kỷ niệm Đấng Giáo chủ của chúng ta, đến nỗi cuộc hy sinh vì đạo đã phải diễn ra tại Huế"; đồng thời kêu gọi "toàn thể Phật giáo đồ, không phân biệt xuất gia hay tại gia, người Việt hay ngoại kiều, hễ ai còn nhiệt huyết vì đạo, chúng ta hãy tự bình tĩnh, luôn luôn muôn người như một, sẵn sàng bảo vệ đạo, chết vì đạo"((5)). Ngày 14-5-1963, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố, vạch rõ: "Cuộc đàn áp đẫm máu của chính quyền phát-xít Mỹ - Diệm đối với đồng bào tay không ngày 8-5 tại Huế là một hành động tội ác tày trời không thể tha thứ được đối với nhân dân ta nói chung và đối với đồng bào theo đạo Phật nói riêng... Cuộc đàn áp đẫm máu lần này đã bóc trần lời của Mỹ - Diệm vẫn thường vỗ ngực tự xưng là hữu thần, là tôn trọng tự do tín ngưỡng, và nhất định sẽ càng nung nấu thêm lòng căm thù và chí kiên quyết tiêu diệt chúng của tín đồ các tôn giáo ở miền Nam Việt Nam"((6)). Ở miền Bắc, xã luận báo Nhân Dân (15-5-1963) đã lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam. Bài xã luận viết: "Cuộc đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật và các tầng lớp đồng bào khác ở Huế là một cuộc đấu tranh chính nghĩa được nhân dân cả nước ủng hộ. Nhân dân miền Bắc vô cùng khâm phục tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào Huế được sự ủng hộ của các tầng lớp rộng rãi ở miền Nam. Chúng ta tin chắc rằng cuộc đấu tranh bền bỉ và anh dũng của đồng bào Huế và toàn thể miền Nam mặc dù trải qua nhiều khó khăn, gian khổ nhưng nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng"((7)).

5. Lê Cung. Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 (in lần thứ ba). Nxb.Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.168. 6. Trần Văn Giàu. Miền Nam giữ vững thành đồng, tập II. Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr.227. 7. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại, tập II (1961-1965). Nxb. Sự Thật, Hà Nội, tr.131.

554 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Ngày 23-5-1963, để giải thích rõ ràng, cụ thể năm nguyện vọng, giới lãnh đạo Phật giáo Việt Nam cho công bố bản Phụ đính của "Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963", trong đó khẳng định lại một lần nữa mục tiêu cuộc vận động: "Tranh đấu cho lý tưởng công bình, chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo"((8)). Và "để cho những nguyện vọng tối thiểu và hoàn toàn thuộc phạm vi tín ngưỡng ghi trong bản Tuyên ngôn và bản Phụ đính của chúng tôi được thấu hiểu và chấp nhận"((9)), bằng phương pháp bất bạo động, Phật giáo tổ chức cuộc tuyệt thực 48 giờ đồng hồ trên khắp miền Nam bắt đầu từ 14 giờ 30 ngày 30-5-1963. Chiều ngày 1-6-1963, sau cuộc tuyệt thực 48 giờ đồng hồ của các cấp lãnh đạo Phật giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn "án binh bất động" trước các nguyện vọng của Phật giáo, đích thân Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, người lãnh đạo tối cao cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam, tuyệt thực. Trước lúc bắt đầu tuyệt thực, trong một diễn từ, Ngài đã vạch trần chính sách áp bức Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm: "Trong một tài liệu chính thức cho công chức học tập, Tổng thống đã tuyên bố 80% dân tộc là Phật giáo... Ấy vậy mà ngày nay năm nguyện vọng chân chính của 80% ấy không được đếm xỉa, Phật giáo của 80% ấy coi như không có, không nói với, như thế là cái chính sách bất công đã gần trở thành chủ trương hủy bỏ Phật giáo". Vì vậy, đối với Tăng Ni, "cuộc tuyệt thực này sẽ diễn ra

với ý chí một mất một còn đối với năm nguyện vọng chân chính của Phật giáo Việt Nam”((10)). Ngày 2-6-1963, sinh viên Huế hưởng ứng cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo. Trong ngày này, bằng một khẩn điện gởi cho Ngô Đình Diệm, đoàn sinh viên Phật tử Huế và một số sinh viên Phật tử Sài Gòn có mặt tại Huế yêu cầu Ngô Đình Diệm mau chóng giải quyết năm nguyện vọng của Phật giáo và “thệ nguyện đem tánh mạng của mình để hiến cho năm nguyện vọng của Phật giáo liên hệ đến lý tưởng tự do bình đẳng”((11)). “Thệ nguyện” đó đã biểu hiện cụ thể vào sáng ngày 3-6-1963, khi 500 sinh viên Huế biểu tình trước Trụ sở “Đại biểu Chính phủ” miền Bắc Trung nguyên Trung phần mặc cho chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành đàn áp dữ dội. Trong lúc

8. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu: SC.04-HS.8352. 9. Quốc Tuệ. Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam. Tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.78. 10. Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế. 11. Lê Cung, Sđd., tr.188.

đó, quần chúng Phật tử khắp nơi đổ về chùa Từ Đàm tiếp tục cuộc đấu tranh, đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm bao vây, phong tỏa bằng những thủ đoạn hèn hạ như cắt điện nước, không cho tiếp tế thuốc men, lương thực, thực phẩm. Tại Sài Gòn, cuộc hội đàm giữa Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ (của Diệm) không đem lại kết quả. Chính quyền Ngô Đình Diệm càng trở nên ngoan cố hơn trước những nguyện vọng của Phật giáo. Cuộc đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam đang đứng trước tình thế “ngàn cân treo đầu sợi tóc”. Trong tình hình đó, giới lãnh đạo Phật giáo buộc phải chấp nhận hạnh nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, bởi lẽ “nếu kéo quá dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhàm chán thì phong trào đấu tranh tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẽ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng”((12)). Ngày 11-6-1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã anh dũng tự thiêu giữa đường phố Sài Gòn trước sự chứng kiến của hàng chục vạn Tăng Ni, Phật tử cùng nhiều quan sát viên, báo chí quốc tế. Trong các bút tích để lại, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nói rõ hạnh nguyện tự thiêu của Ngài là nhằm đẩy lùi bất công nhằm xây dựng công bằng xã hội. “Vì sự bất công tôi thiêu xác Khói hồn nguyện độ cảnh hàm oan”*. Hoặc: “Khói thơm cảnh tỉnh bao người ác Tro trắng phẳng san hố bất bình”*. Đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội ở Hòa thượng Thích Quảng Đức chứa đựng một tinh thần vị tha cao cả, rộng lớn của giáo lý Phật giáo: “Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, hãy thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà vững yên muôn thuở”((13)). Tinh thần vị tha cao cả của Phật giáo là bất phân ly với tinh thần dũng mãnh như Hòa thượng Thích Quảng Đức khẳng định:

12. Nguyễn Khải. Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu. Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993. * Dẫn theo các bài kệ của Hòa thượng Thích Quảng Đức viết trước lúc tự thiêu. 13. Lời nguyện tâm huyết của Hòa thượng Thích Quảng Đức trước lúc tự thiêu.

“Đã mang danh thể con dòng Thích Bi, Trí, Hùng sao chẳng đem ra”*. Ngày 20-7-1963, Thành hội Phật giáo Hà Nội dựng tháp Ấn Quang tại chùa Hòe Nhai để ghi công đức xả thân hộ pháp của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Bài minh trong tháp đã nhấn mạnh đến hạnh nguyện của Ngài: “Bể khổ lấp bằng là đại nguyện Từ bi bao quản mọi hy sinh”((14)). Vị tha, cao cả và dũng mãnh của Phật giáo đã làm cho “cái chết vô úy của Hòa thượng Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng”((15)). Và “Ảnh của vị Hòa thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo khắp năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục”((16)). Sau cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, dường như công bình xã hội xét trên lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng được chính quyền Ngô Đình Diệm thừa nhận qua việc ký kết Thông cáo chung với Phật giáo ngày 16-6-1963, trong đó thỏa mãn năm nguyện vọng mà Phật giáo đã đề ra trong Tuyên ngôn ngày 10-5- 1963. Cuộc vận động của Phật giáo đi vào hòa hoãn, chờ đợi chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi Thông cáo chung. Trong Thông bạch gởi toàn thể Tăng Ni, Phật tử ngày 17-6-1963, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, viết: “Một điều quan trọng mà tất cả Tăng Ni và Phật tử thắc mắc tự hỏi: Liệu những lời cam kết được ghi trong Thông cáo này có được thực thi đúng đắn khắp nơi trong nước hay không? Điều đó còn đợi thời gian trả lời, tuy nhiên chúng ta tin tưởng ở lời tuyên bố của Tổng thống và Ủy ban Liên bộ, nếu những cam kết không được thực thi đúng thì đó không phải là trách nhiệm của chúng ta”. Cũng trong Thông bạch này, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết báo tin cho toàn thể Tăng Ni, Phật tử biết về những kết

14. Thích Bảo Nghiêm. Các thiền sư giúp dân dựng nước trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số đặc biệt, tháng 1-1991, tr.55. 15. Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm. 16. Trần Văn Giàu, Sđd., tr.142.

quả đạt được trong Thông cáo chung và kêu gọi họ “hãy trở lại nếp sống bình thường, thành tâm cầu nguyện cho bản Thông cáo chung, một văn kiện được cam kết long trọng giữa Chính phủ và Phật giáo được thi hành nghiêm chỉnh”((17)). Sách lược hòa hoãn của giới lãnh đạo Phật giáo đã làm cho nhiều người “nóng nảy” bất bình. Họ cho rằng giới lãnh đạo Phật giáo chỉ dừng mục tiêu của phong trào ở việc thỏa mãn năm nguyện vọng chứ không vươn tới các mục tiêu tự do dân chủ, công bằng xã hội. Để cho quần chúng khỏi ngộ nhận về mục tiêu của phong trào, trong lần giải thích về nội dung Thông cáo chung vào ngày 23-6-1963 tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn), giới lãnh đạo Phật giáo đã chỉ ra rằng: “Có người đi tới chỗ cho rằng các nhà lãnh đạo Phật giáo đã bị mua chuộc”. Về nguyện vọng của quần chúng, giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định: “Có bình đẳng tôn giáo sẽ có bình đẳng về mọi mặt. Bình đẳng tôn giáo chẳng phải là thực chất thiết yếu của dân chủ, tự do ư? Phật giáo Việt Nam đã hiểu rõ nhu cầu của dân tộc và

đặt cuộc vận động trong cuộc đấu tranh của dân tộc”((18)). Về phía chính quyền Ngô Đình Diệm, việc ký kết Thông cáo chung chỉ là một kế hoãn binh, một sự nhượng bộ tạm thời để tiến đến một cuộc đàn áp đại quy mô nhằm đè bẹp phong trào Phật giáo. Điều này được tiết lộ trong một bức Điện mật mang số 1342/VP/TT ngày 19-6-1963 của Văn phòng Phủ Tổng thống đánh đi cho đại biểu Chính phủ các miền, các Tư lệnh vùng, nguyên văn như sau: “Để tạm thời làm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bọn Tăng Ni và Phật giáo phản động, Tổng thống và ông Cố vấn ra lệnh phải tạm thời nhún nhường họ. Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau. Ngay từ bây giờ hãy chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới. Hãy theo dõi điều tra thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp”((19)). Trong cuộc họp với 18 tướng tá vào đầu tháng 7-1963, Ngô Đình Nhu (em ruột Diệm) nói: “Nếu Chính phủ này không giải quyết vấn đề Phật giáo, nó sẽ bị lật đổ vì một cuộc đảo chính quân sự”((20)). Theo Nhu

17. Quốc Tuệ, Sđd., tr.143-144. 18. Tâm Phong. Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo. Tuần báo Hải Triều âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10. 19. Nam Thanh. Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam. Viện Hóa đạo xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.26. 20. Jerrold Scheter. The New Face of the Buddha. John Weatherhill, Tokyo, 1967, tr.197.

“bất cứ Chính phủ nào thay thế Chính phủ này trước hết phải đập tan những người Phật giáo”((21)). Quan điểm chính trị trên đây của Ngô Đình Nhu đã dẫn đến những vi phạm Thông cáo chung của chính quyền Ngô Đình Diệm, nghĩa là công bằng xã hội trên lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng vừa được thừa nhận bằng văn bản đã bị xé bỏ, khiến phong trào Phật giáo nhanh chóng phục hồi trở lại. Những cuộc biểu tình, tuyệt thực, văn thư phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm liên tục diễn ra. Ngày 30-7-1963, nhân Lễ Chung thất của Hòa thượng Thích Quảng Đức, giới lãnh đạo Phật giáo đã ra thông bạch vạch rõ thực trạng của xã hội miền Nam dưới chế độ Diệm: “... sự suy sụp của nền đạo đức dân tộc... nền đạo giáo vẫn bị hăm dọa, quốc gia lâm vào tình trạng chia rẽ đổ nát, người làm kẻ hưởng, nỗi bất bình oan khúc không sao kể xiết”((22)). Tiếp theo, ngày 1-8-1963, giới lãnh đạo Phật giáo đánh điện cho Tổng thống Kennedy, phản đối việc Đại sứ Mỹ Nolting cho rằng ở “Việt Nam Cộng Hòa” không có kỳ thị tôn giáo. Bức điện viết: “Thay mặt toàn thể Phật giáo đồ miền Nam Việt Nam, chúng tôi cực lực phản đối cùng Tổng thống lời tuyên bố của ông Đại sứ Nolting qua Hãng Thông tấn UPI cho rằng không có kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi nghĩ rằng dân chúng Hoa Kỳ phải thấu rõ nỗi phẫn uất của Phật giáo đồ đến tám mươi phần trăm dân số. Lời tuyên bố của ông Nolting không phù hợp với sự thật luôn cả với sự hiểu biết và thiện chí của người Hoa Kỳ”((23)). Trong nửa đầu tháng 8-1963 đã có thêm 4 nhà sư nữa tự thiêu để phản đối sự lật lọng của chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu thi hành Thông cáo chung. Tiếp theo, hầu hết giảng viên Viện Đại học Huế từ chức và nghỉ việc; trong lúc đó, dư luận khắp nơi trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, đều hướng về cuộc đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo và lên án gay gắt chế độ Ngô Đình Diệm, một chế độ mà đặc điểm “là hối

mại quyền thế, gia đình trị, tham nhũng, kh-

21. Jerrold Scheter, Sđd., tr.182.
22. Quốc Tuệ. Công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam. Tác giả xuất bản,
Sài Gòn, 1964, tr.202.
23. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
MỤC TIÊU CÔNG BẰNG XÃ HỘI • 559

inh miệt thuộc hạ và tàn nhẫn với những đòi hỏi của nhân dân”((24)). Để cứu nguy cho chế độ, đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành “Kế hoạch nước lũ” tấn công hầu hết các ngôi chùa dùng làm trụ sở đấu tranh, bắt giữ hầu hết giới lãnh đạo Phật giáo. Bằng hành động dã man này, chế độ Ngô Đình đã “thực sự giẫm trúng vỏ chuối do Phật giáo quăng ra”, đã tự chọn cho mình một tuyệt lộ. Thật vậy, sau “Kế hoạch nước lũ”, phong trào Phật giáo phát triển sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Những ngày sau 21-8-1963, cả thành phố Sài Gòn rung động, nhiều bộ trưởng, khoa trưởng, giáo sư đại học từ chức; sinh viên bãi khóa, bỏ thi. Đầu tháng 9-1963, cuộc vận động lan sang các trường trung học. Học sinh Sài Gòn bãi khóa, biểu tình, đánh trả sự đàn áp của cảnh sát Diệm. Nhiều đoàn thể được gấp rút thành lập, nhập cuộc tham gia đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm, như Đoàn Thanh niên cứu nguy Phật giáo, Đoàn Thanh niên Quốc Tuệ, Việt Nam Thanh niên Ái quốc đoàn, Thanh niên Tăng đoàn Việt Nam. Lời kêu gọi của Đoàn Thanh niên Quốc Tuệ viết: “Gia đình họ Ngô chẳng từ một hành động tàn bạo nào! Chúng bất chấp dư luận, bất chấp lời phản đối của nhân dân trong nước và thế giới. Chúng đã bị vinh hoa phú quý che mờ mắt lương tri và không còn lấy một chút đạo đức sơ đẳng của con người. Thậm chí phá chùa, bắt sư, xả súng vào các đoàn biểu tình là một hành động man rợ chưa từng có trong lịch sử loài người. Các bạn thanh niên, học sinh và đồng bào! Giờ phút lịch sử đã điểm. Tất cả chúng ta hãy kết khối vùng lên, hô to khẩu hiệu: “Chiến đấu! Chiến đấu! Quét sạch chế độ bạo tàn”((25)). Trong điều kiện lưới mật vụ của Diệm giăng ra dày đặc, phong trào quần chúng chống chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn tiếp tục diễn ra, như ở Sài Gòn, các bà mẹ đã lấy bong bóng kết theo những biểu ngữ mang nội dung chống Diệm thả lên không trung; hoặc là những tấm áp phích hý họa mô tả chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm; hoặc ở chợ Bến Thành có hình thức thả khỉ mang tên những anh em

24. Đỗ Đức Thái. Thảm họa Việt Nam (Chính trường và chiến trường 1954- 1975). Nxb. Mùa Thu, Chicago, Illinois, 1985, 118. 25. Quốc Tuệ, sđd., tr.443-444.

560 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

gia đình họ Ngô,... Ngày 5-10-1963, nhà sư Thích Quảng Hương tự thiêu trước chợ Bến Thành. Tất cả cho thấy trước sự khủng bố ác liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam vẫn kiên trì, không chịu lùi bước. Trên bình diện quốc tế, cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam vì mục tiêu công bằng xã hội đã thu hút sự chú ý của hầu hết mọi quốc gia, mọi tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo. Ngay cả Mỹ, tác giả của việc thiết kế và nuôi dưỡng chính quyền “Việt Nam Cộng Hòa” cũng phản đối Diệm tấn công chùa. Điều này tỏ rõ trong

Điện văn ngày 24-8-1963 của Nhà Trắng gởi cho Cabodge Lodge, Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn: "Cố vấn Ngô Đình Nhu chịu trách nhiệm về vụ tấn công đàn áp chùa chiền. Đại sứ Hoa Kỳ phải minh danh: Chính lực lượng đặc biệt của ông Nhu chứ không phải quân đội tham dự... Hoa Kỳ không thể tha thứ tình trạng quyền hành nằm trong tay Ngô Đình Nhu. Tổng thống Ngô Đình Diệm được dành một cơ hội để loại trừ Ngô Đình Nhu và tay chân, phải thay thế họ bằng những nhân vật quân sự và chính trị có khả năng nhất... Nếu Tổng thống Diệm còn ngoan cố, thì chúng ta (chính quyền Mỹ) sẽ đi tới chỗ không thể tiếp tục ủng hộ ông ta nữa. Ông đại sứ có thể loan báo cùng các vị tư lệnh quân sự liên hệ rằng: Chúng ta sẽ trực tiếp yểm trợ cho họ trong mọi trường hợp tạm thời gián đoạn của một chính quyền trung ương"((26)). Tới ngày 2-9-1963, Tổng thống Kennedy tuyên bố: "Bằng việc thay đổi chính sách và thay đổi cả người nữa, có thể giành được thắng lợi ở Việt Nam"((27)). Về phía Liên Hiệp Quốc, ngày 28-6-1963, lần đầu tiên bình luận về vụ rắc rối giữa Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm, Tổng Thư ký Liên hiệp quốc U Thant cho rằng ông đã yêu cầu Ngô Đình Diệm "giải quyết vấn đề trong tinh thần hòa bình, công lý và hiểu biết"((28)). Tới ngày 7-10-1963, trong phiên họp của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, đại biểu Sri Lanka đã tố cáo mạnh mẽ chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo miền Nam và vi phạm nhân quyền. Trong một bài thuyết trình dài, đại biểu Sri Lanka đã nêu lên các điểm chủ yếu sau:

26. Kiêm Đạt. Chiến tranh Việt Nam. Chiến tranh Việt Nam. Nxb.Đại Nam, Chicago Illinois, USA, 1992, tr. 227-228. 27. Hồng Chuyên. Từ lâu, Mỹ đã chuẩn bị đảo chính quân sự để thay Diệm. Báo Nhân Dân, ngày 3-11-1963. 28. Tin thế giới về cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, ngày 12-7-1963. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.

"Đã từ lâu Phật giáo thế giới quan tâm đến tình trạng bị bạc đãi của Phật giáo Việt Nam và đã thường xuyên theo dõi vấn đề này. Sri Lanka đã cùng với các nước Á, Phi chuẩn bị kỹ càng trước lúc đưa vụ này ra Liên Hiệp Quốc, đặc biệt là đã nghe lời biện hộ của chính quyền Ngô Đình Diệm. Họ nêu trách nhiệm của Mỹ và cho rằng nếu Mỹ không bảo được ông Diệm thì phải cắt viện trợ cho chính thể Diệm và rút về"((29)). Cũng trong phiên họp này, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đồng ý cử một phái đoàn sang miền Nam Việt Nam để điều tra "Vụ Phật giáo"; và ngày 24-10-1963, Phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến miền Nam. Đây được xem như là điểm nút cuối cùng buộc Mỹ gấp rút thủ tiêu bị cáo, tức chính quyền Ngô Đình Diệm, mà phải thủ tiêu trước lúc Liên Hiệp Quốc tái nhóm để xét về tờ trình của phái đoàn điều tra, khiến cho cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm nhanh chóng diễn ra. Lúc 9 giờ 30 ngày 1-11-1963, Lodge và cả Đô đốc Felt giả vờ ghé thăm Diệm, với ý đồ cầm chân Diệm trong Dinh Gia Long cho phe đảo chính dễ dàng hành động. Đúng11 giờ 30, khi Lodge và cả Đô đốc Felt vừa rời Dinh Gia Long, cuộc đảo chính diễn ra, anh em Diệm - Nhu bị quân đảo chính giết chết. Chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm sau 9 năm thống trị miền Nam sụp đổ, cuộc vận động vì mục tiêu công bình xã hội của Phật giáo Việt Nam năm 1963 kết thúc. *** Từ cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của phong trào Phật giáo năm 1963 như đã trình bày ở trên, có thể rút ra một số nhận thức sau: Một là, kết quả

cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của phong trào Phật giáo năm 1963 không chỉ đơn thuần cứu nguy riêng cho Phật giáo, trên thực tế nó đã góp phần hết sức quan trọng trong việc phá bỏ cái thảm họa "chín năm máu lửa" dưới chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm đã tròng lên đầu lên cổ một "nửa dân tộc Việt Nam". Lập luận này lý giải tại sao cuộc vận động khởi đầu từ nhà chùa song đã nhanh chóng vượt khỏi ranh giới đơn thuần tôn giáo mà hình thành một phong trào yêu nước rộng rãi trong toàn dân, thu hút hầu hết mọi tầng lớp xã hội tham gia, được sự ủng hộ rộng rãi của

29. Tâm Phong, Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo, Tuần báo Thiện Mỹ, số 1, ngày 27-10-1964, tr.12.

dư luận thế giới, hình thành một sức mạnh tổng hợp để đẩy lùi chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm. Hai là, với cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam 1963, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, phương pháp "bất bạo động" (nắm lấy chân lý mà hành động - Satyagraha) đã được giới lãnh đạo Phật giáo Việt Nam chọn làm phương pháp đấu tranh. Bất bạo động chủ trương lấy tình thương xóa bỏ hận thù nên không đánh trước và cũng không đánh lại kẻ đã đánh mình. Bất bạo động là tự đem chính bản thân mình làm gương mẫu mà giác ngộ kẻ đã tự cho là thù địch với mình để cho kẻ ấy tự ý mà từ bỏ mọi tư tưởng và hành động bạo động. Vì thế, bất bạo động đòi hỏi sẵn sàng "chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ và lấy sự hy sinh đó để rung chuyển đến tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi"((30)). Chính sự "rung chuyển đến tận lòng người" ấy mà chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm với bản chất độc tài, giáo trị bị đánh đổ không do chính bàn tay của Phật giáo thực hiện. Ba là, cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam 1963 là một sự kiện lịch sử - văn hóa có tầm vóc lớn lao. Đối với chính bản thân Phật giáo Việt Nam, "có thể nói rằng từ sau thời đại Lý - Trần đến nay, trong nhiệm vụ phục vụ Dân tộc và Đạo pháp, chưa có sự kiện nào có quy mô và có tiếng vang rộng lớn như phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963"((31)). Đối với đất nước, cuộc vận động "bước đầu góp phần làm phá sản chính sách can thiệp của Mỹ ở Việt Nam, tạo đà cho phong trào cách mạng miền Nam đi đến thắng lợi trọn vẹn trong Đại thắng mùa Xuân 1975"((32)). Tình hình chính trường và chiến trường miền Nam sau cuộc đảo chính lật đổ Diệm (1-11-1963) đã chứng minh cho nhận định này. Vì vậy, phong trào Phật giáo năm 1963 "đã ghi đậm nét trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân miền Nam"((33)) là điều không có gì làm chúng ta ngạc nhiên.

30. Bản Phụ đính, tài liệu đã dẫn. 31. Lê Cung. Về phong trào Phật giáo Sài Gòn năm 1963, trong "Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP.HCM. Nxb. TP.HCM, 2002, tr.143. 32. Lê Cung. Bàn về "phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963" trong giáo trình "Lịch sử Việt Nam hiện đại" ở bậc đại học và cao đẳng. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 1 (369), 2007, tr.70. 33. Những Văn kiện chủ yếu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1964, tr.64.

VÀI ĐIỀU CĂN BẢN VỀ PHONG TRÀO PHẬT GIÁO(1) Cao Huy Thuần(2)

Lời nói đầu: Ngày 30-4-2011 vừa qua, Thời Đại Mới có mở một cuộc đàm thoại nội bộ về nhu cầu nghiên cứu các phong trào tranh đấu ở các đô thị miền Nam trước đây. Sau đó, chúng tôi có yêu cầu anh NVL viết lại những ý kiến của anh thành bài và yêu cầu anh Cao Huy Thuần tóm tắt quan điểm mà anh đã phát biểu. Dưới đây là tóm tắt đàm thoại của anh CHT. Thời Đại Mới: Hôm nay là 30-4, ngày kỷ niệm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Năm ngoái, anh đã có một bài trò chuyện với Vietn- amNet. Năm nay, chúng tôi cũng mời anh tiếp tục chuyện trò như thế, không phải vì một mục tiêu chính trị nào, mà để góp phần vào việc nghiên cứu nghiêm túc các phong trào tranh đấu ở các đô thị miền Nam cũ, nghiên cứu sử hiện đại. Đề nghị anh nói về phong trào Phật giáo, tuy biết anh rất ngần ngại. Tại sao anh ngần ngại? Cao Huy Thuần: Vì nhiều lẽ. Một, là tôi luôn luôn hướng về tương lai, không thích vấn vương những chuyện quá khứ. Hai, là nói đến phong trào Phật giáo tất phải bắt đầu bằng cuộc nổi dậy chống chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963, và như thế thì bắt buộc phải động đến vai trò của Thiên chúa giáo dưới thời ông Diệm. Vấn đề tôn giáo là vấn đề nhạy cảm số một, nếu ngày nay tôi còn quan tâm là vì có liên quan đến an ninh của nhà nước, nhưng chuyện của ngày xưa thì tôi muốn quên, cần quên, phải quên, vì nhu cầu hòa hợp dân tộc cũng là vấn đề hệ trọng không kém. Ba, là nếu muốn viết lại lịch sử phong trào Phật giáo thì phải viết cả cuốn sách, việc đó tôi làm không

1. Thời Đại Mới số 21 (tháng 5/2011). 2. GS.TS. Chính trị học, Univerité de Picardie, Pháp.

nổi. Tôi không biết có nên nói thêm một lẽ thứ tư không, có lẽ nên, để xưng tụng một từ ngữ hoạt kê đầy tính tượng hình: “chụp mũ”. Phong trào Phật giáo từng bị chụp mũ “thân Mỹ”, “thân Cộng”, lắm khi đội hai cái mũ một lần. Trả cái mũ về cho cái mũ thì cái đầu thảnh thơi hơn, tội gì bắt cái đầu phải nhớ lại chuyện cũ? TĐM: Chụp mũ là chuyện thường tình, trừ khi anh không có cái đầu. Trót có cái đầu thì ráng chịu. Sở dĩ TĐM đặt lại với anh vấn đề nghiên cứu phong trào Phật giáo là vì, như anh Ngô Vĩnh Long vừa nói, chưa có nghiên cứu tốt về phong trào này. Anh có nghĩ như vậy không? CHT: Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng vì một cái nhìn có lẽ khác với anh Ngô Vĩnh Long. Các bài viết về phong trào Phật giáo cho đến nay chưa làm rõ ra được cái cốt lõi của phong trào. Cốt lõi ấy không phải là chính trị mà là văn hóa, đạo đức. Nói ra thì rất dài, ở đây tôi chỉ có thể tóm tắt thôi. Nhưng nếu nhìn phong trào với con mắt chính trị thì chỉ thấy ngoài da, không thấy tận gan tận ruột. Đặc tính văn hóa, đạo đức ấy xuyên suốt phong trào trong cả hai giai đoạn: giai đoạn chống độc tài, độc tôn và giai đoạn chống chiến tranh, đòi hòa bình. Giai đoạn đầu (1963-65) là giai đoạn vàng son, chống chế độ Diệm và các chế độ quân nhân sau Diệm. Giai đoạn sau, từ 1966, từ lúc Mỹ can thiệp rần rộ vào chiến tranh, là giai đoạn suy vi, vừa bị người Mỹ giúp ông Kỳ đàn áp thẳng tay ở miền Trung, vừa bị chính quyền Thiệu-Kỳ chia rẽ hàng ngũ bằng cách dựng lên một nhánh Phật giáo đối nghịch. Dù thịnh dù suy, phong trào không mất quần chúng và cũng không rời khỏi phương châm văn hóa, đạo đức. Mà suy cũng là lẽ

tất nhiên khi chiến tranh leo thang tàn khốc, mọi tiếng nói hòa bình phải bị bóp nghẹt. TĐM: Cả từ hai phía? CHT: Hãy nói từ phía kề cận, hãy nói từ trong lòng chế độ quân nhân, từ trong lòng bộ máy chiến tranh của Mỹ, từ phía người Mỹ. Không dễ gì cất lên tiếng nói hòa bình khi họ quyết định đánh cho đến cùng. Chỉ chừng đó đã lao đao rồi, nói gì thêm! Nhưng chính trong lao đao mà bản chất văn hóa, đạo đức của phong trào lại càng rõ. Giữ cho được bản chất đó, ôi, bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu bầm dập, bao nhiêu cái mũ phải đội trên đầu. Nhưng, gạt qua một bên những chuyện hời hợt hoa lá cành, nhìn nhựa chảy bên trong thân cây, thì dù khi lên khi xuống, người nghiên cứu sẽ thấy lồ lộ hai ý tưởng chính nuôi dưỡng phong trào: một, là phải trả lại cho Việt Nam văn hóa truyền thống của dân tộc; hai, là Phật giáo phải làm sáng tỏ ra rằng mình biểu hiện lương tâm của dân tộc. Anh có thể đồng ý hay không đồng ý với

hoài bão của các người lãnh đạo phong trào, nhưng đấy mới là cốt lõi của vấn đề, mới là động cơ thúc đẩy hành động của họ. TĐM: Giai đoạn đầu, ai cũng biết: Phật giáo khởi đầu phong trào lật đổ ông Diệm. Dù muốn dù không, thế là chính trị! Có phải lật đổ ông Diệm là mục tiêu của phong trào? CHT: Không phải. Chính xác mà nói, Phật giáo không chống ông Diệm mà chống chính sách kỳ thị tôn giáo của ông ấy. Đây không phải chỉ là lời nói đầu môi; đây là thâm sâu tận bên trong triết lý của đạo Phật. Đạo Phật chỉ xem hành động là có, còn tất cả đều không. Chống, là chống hành động, không chống con người. Cho nên sự chống đối ấy, từ đầu, mang tính văn hóa, đạo đức, chứ không phải chính trị. Các người lãnh đạo nói: đạo Phật là đạo của dân tộc Việt Nam từ xưa, đã làm nên văn hóa Việt Nam, sao bây giờ ông Diệm lại bắt cả cái dân tộc đó phải hát suy tôn ông khi chào cờ "xin Thượng đế ban phước lành cho Ngưởi?" Văn hóa truyền thống Việt Nam không có khái niệm "Thượng đế", không có ngôn từ "ban phước lành". Ai có khái niệm đó thì cứ xin, sao lại bắt ai ai cũng phải nhất tề xin, mà lại xin trước cái biểu tượng thiêng liêng là ngọn quốc kỳ? Thượng đế và quốc kỳ là một? Nhà nước và Nhà thờ là chung? Cái nhục ấy, trước tiên, là nhục văn hóa hay là nhục chính trị? Uất ức chồng chất trong chín năm không phải vì ông Diệm là tín đồ của một tôn giáo nào, mà vì ông đã cuồng tín tôn giáo đến mức làm nhục một gia tài văn hóa trong đó Phật giáo là một bộ phận chính. Ấy chỉ là một ví dụ trong trăm ngàn uất ức chồng chất như non. Từ đó, lộ ra đặc tính đạo đức. Đạo đức ở đây là chống bất công. Buồn cười không thể tưởng tượng về cái Dụ số 10: Dụ này không xem Phật giáo như một tôn giáo mà chỉ như một hiệp hội, ngang hàng với các hiệp hội từ thiện, mỹ nghệ, tiêu khiển, thể thao! Tôn giáo thì chỉ có một thôi, là Thiên chúa giáo vì Thiên chúa giáo không nằm trong Dụ số 10. Lại cũng buồn cười không kém cái lý do mà ông Diệm gạt ngày Phật Đản ra khỏi danh sách nghỉ lễ hàng năm: khi Phật sinh ra, Phật chưa là Phật, còn khi Chúa sinh ra, Chúa đã là Chúa. Phật giáo phải đứng dậy để đòi cái gì? Buồn cười ra nước mắt: đòi dẹp bỏ Dụ số 10 để mình được làm… tôn giáo như ai! Không nhận ra cái bất công khủng khiếp này thì không hiểu được cái nhục mà tôi gọi là cái nhục gia tài, cái nhục không riêng gì của thế hệ lúc đó mà nhục cả cha ông từ bao nhiêu thế hệ trước. Thành công của phong trào Phật giáo trong vụ nổi dậy năm 1963 là do ở chỗ dân chúng cảm lây cái nhục đó. Từ một động cơ có tính văn hóa và đạo lý, chống đối ông Diệm trở thành

chính trị khi quần chúng và

sinh viên phát triển tranh đấu đòi bình đẳng tôn giáo lên thành tranh đấu chống độc tài gia đình trị. TĐM: Dụ số 10 không phải có từ thời ông Diệm mà đã có từ thời Bảo Đại. Ông Diệm chỉ thừa hưởng. CHT: Đúng vậy! Và chính vì vậy mà cái nhục của Phật giáo được dân tộc san sẻ, trở thành cái nhục chung. Một đạo dụ, ban hành dưới thời bán thuộc địa Liên Hiệp Pháp, xếp tôn giáo truyền thống của dân tộc vào loại vô tôn giáo, lại được một chính quyền mang tiếng là độc lập trân trọng giữ y nguyên văn, áp dụng triệt để, như thể là con thừa tự! Độc lập chỗ nào? Nhục cho cả nước. Dân chúng miền Nam bị tròng hai cái ách vào cổ: cái ách độc tài chính trị và cái ách độc tài tôn giáo. Ông Diệm muốn độc chiếm cả cái đầu lẫn con tim. Được người Mỹ nâng lên hàng lãnh tụ thế giới, ông tuyên bố thẳng thừng: muốn chống lại miền Bắc cộng sản, miền Nam phải trở thành Thiên chúa giáo, Nhà thờ là "thành trì chống lũ về tâm linh của dân tộc"(3). Không phải riêng gì miền Nam, cả các nước Á châu khác nữa. Trước Đại hội Liên đoàn các nước Á châu chống Cộng họp tại Sài Gòn năm 1957, ông dõng dạc xuất khẩu cái chân lý ấy: "Chúng ta không được ngần ngại trong việc áp dụng khí giới của chân lý mà Thiên chúa giáo đã trao lại cho chúng ta. Biết áp dụng khí giới đó phải là mục tiêu của Liên Đoàn"(4). Tôi không muốn dài dòng về chuyện này vì ai cũng biết. Nói chừng đó là đã đau lòng lắm rồi. Đau lòng cho Phật giáo vì khơi lại một vết thương. Đau lòng cho cả các bạn Thiên chúa giáo vì tôn giáo cao quý của các bạn bị cả một gia đình và cả một lực lượng quá khích lạm dụng để cai trị và đàn áp. Thế chẳng phải là văn hóa? Thế chẳng phải là đạo lý? TĐM: Đúng là ở Việt Nam, khác với các nước thuộc địa khác, không có một giai đoạn mà người nghiên cứu gọi là giai đoạn giải thực, decolonisation. Vừa độc lập đã chiến tranh. Vừa hết chiến tranh với Pháp đã tiếp nối chiến tranh với Mỹ. Không có một giai đoạn nào ngưng nghỉ để cả dân tộc suy nghĩ lại về cái được cái mất, xét về khía cạnh văn hóa, trong thời thuộc địa. Nhưng dù vậy đi nữa, Phật giáo đã hồi sinh năm 1930. Phật giáo đã hồi sinh trong một bối cảnh chính trị và văn hóa bất lợi. Cũng vậy, trong hoàn cảnh chính trị và văn

3. Extrême-Asie, 26-8-1961. 4. Révolution Africaine, n° 20, 15-6-1963.

hóa bất lợi của năm 1963, phong trào Phật giáo đã có thể nổi dậy, hồi sinh. Ngoài cái nhục mà anh đã nhấn mạnh như là động cơ, còn có những yếu tố văn hóa gì đến từ bên ngoài hỗ trợ cho động cơ đó? CHT: Cuộc nổi dậy 1963 bắt đầu ở Huế, sau khi xe bọc sắt của ông Diệm nổ súng vào quần chúng tụ tập trước đài phát thanh để nghe truyền lại buổi lễ Phật đản, giết chết 7 em bé. Máu đã chảy ra tại Huế, tất nhiên phong trào bắt đầu từ Huế. Nhưng nếu phong trào bùng lên được, chính là nhờ vị thế văn hóa của Huế, đặc biệt hơn ở đâu khác. Huế là đất của chùa. Đại đa số dân chúng là Phật tử. Một thành phố hiền lành. Một thành phố tiểu công chức, tiểu thương gia, vừa đủ tiền để cho con ăn học và lấy học thức làm thước đo đạo đức và thành công.. Nơi con đường chính của thành phố, ngắn chỉ vài trăm thước, có đến hai ba nhà sách, tấp nập khách học trò.

Thành phố này là thành phố học trò, đẹp nhờ học trò, hoa bay bướm lượn thanh khiết tà áo học trò. Nếu muốn tìm một thành phố cổ truyền đẹp thuần túy Việt Nam hồi đó, Huế là tiêu biểu. Lạ một điều là quân đội Mỹ biết đặc diểm đó hơn ai cả. Trong suốt chiến tranh, họ biến Đà Nẵng thành ra một thành phố đầy lính và phụ nữ phục vụ lính, nhưng ở Huế, lính Mỹ đóng bản doanh ở ngoại ô, không được phép vào thành phố. Ngoài sách vở, báo chí và nhà trường, cả cái thành phố tiểu công chức ấy mua vui trí thức hàng ngày với cái đài BBC. Trong cuộc nổi dậy 1963, lính của ông Diệm có thể vây chùa Từ Đàm, nhưng vây hàng ngàn cái máy thu thanh thì vô kế khả thi. Biết Huế là thành phố văn hóa, và văn hóa Phật giáo, ông Diệm đánh một chưởng văn hóa bằng cách thành lập Đại Học Huế, đại học thứ hai sau Sài Gòn. Hành động này có vẻ hợp lý và đáng khen, vì cả miền Trung không có đại học, con em nhà nghèo không có đường tiến thân. Nhưng thâm ý của tổng giám mục Ngô Đình Thục không phải thế: đại học Huế phải là nơi truyền đạt triết lý tôn giáo của chế độ, khác với đại học Sài Gòn lúc đó hãy còn giữ phần nào ảnh hưởng văn hóa phóng khoáng của Pháp. Chưa đủ thời gian để thực hiện chính sách, ông Diệm đã lấy gậy ông đập lưng ông: Đại học Huế cung cấp một lượng giáo sư và sinh viên đủ tâm huyết để lao vào phong trào 1963. Trong thành phố học trò ấy, tiếng nói của các ông giáo có một sức động viên đặc biệt và máu nóng của sinh viên truyền hăng hái vào mọi gia đình. Phong trào tranh đấu nào cũng có biểu tượng. Thật lạ kỳ: xe bọc sắt của ông Diệm bắn bừa vào quần chúng, vậy mà 7 xác chết là 7 em bé, 7 em học trò. Biểu tượng của phong trào là 7 em bé trắng trong.

Trắng trong như biểu ngữ trương ra sau đó: tuyệt nhiên chỉ đòi hỏi bình đẳng tôn giáo. Trong thành phố mà linh hồn là học trò, cái chết của 7 em bé học trò gây một ấn tượng mạnh trong tuổi trẻ: sinh viên đứng dậy với quần chúng Phật tử vì bạo quyền bắn vào lý tưởng của họ, bắn vào chính cái trong trắng của tuổi trẻ. Ấn tượng càng mạnh hơn khi bác sĩ Wulf, giáo sư đại học Đức qua dạy tại Huế, bồng trong tay xác các em bé máu me nhầy nhụa. TĐM: Nhưng quan trọng hơn nữa là 7 cái áo lam của 7 em bé... CHT: Đúng vậy. Máu chảy thấm ướt áo lam. Một biểu tượng văn hóa không gì mạnh hơn. Bởi vì, tôi lại nói như một điệp khúc, bắn vào áo lam là bắn vào văn hóa, không phải riêng gì của Phật giáo, mà của truyền thống, của dân tộc. Các nhà lãnh đạo phong trào nhìn vấn đề như vậy. Và chính cái nhìn đó tạo nên sức mạnh tinh thần ghê gớm, bất chấp mọi đàn áp, mọi hy sinh. Sài Gòn đã từng là trung tâm phản đối chính trị: nào là của nhóm các nhân sĩ Caravelle, nào là đảo chánh 1960, nào là ném bom trên Dinh Độc Lập năm 1962... Nhưng đối kháng chính trị chẳng ăn nhằm gì đâu so với đối kháng văn hóa. Đối kháng văn hóa mới là đối kháng từ cốt tủy. Lịch sử đã chọn đúng Huế để nổ ra đối kháng đó. Và lịch sử cũng đã chọn đúng người để lãnh đạo đối kháng. TĐM: Hòa thượng Trí Quang? CHT: Vâng, lúc đó hãy còn là thượng tọa. Dưới đây, tôi gọi bằng "thầy" cho tiện. Ai ở trong giai đoạn lịch sử đó, dù ở trong phe bạn hay phe nghịch, dù là chính trị gia hay tướng tá quân nhân, dù là Việt, dù là Mỹ, đều nói: đây là một nhà lãnh đạo xuất chúng. Một sức thu hút không ai bì được. Một charisma, đúng nghĩa của Weber. Nhưng trước hết là một lòng tin sắt đá. Tin rằng Phật giáo và văn hóa Việt Nam là một. Tin rằng Phật giáo phải luôn luôn tự mình xứng đáng để vẫn là một với Việt

Nam. Muốn hiểu phong trào Phật giáo lúc đó phải hiểu con người này. Phải đọc những gì ông viết, hoặc đã in ra, hoặc chưa in. TĐM: Chưa in thì làm thế nào mà đọc? CHT: Nguyễn Du than thở: "bất tri tam bách dư niên hậu". Nhưng chưa đầy ba trăm năm sau thiên hạ đã khóc Tố Như rồi. Lịch sử là một tấm gương, cái gì rốt cuộc rồi cũng phản chiếu vào đó. Tôi đọc một đoạn nhỏ trong tấm gương đó nhé, chưa in hay in rồi không quan trọng: "Phật giáo không thích ứng với chính trị mà thích ứng với văn hóa. Phật giáo tồn tại bởi dân tộc, không như tôn giáo khác tồn tại vì

chính quyền. Hồi nhỏ, một hôm tôi xuống đò ngồi với một số người. Trong khi chờ qua sông, họ đua nhau kể ra những hoạt động đêm qua của kháng chiến. Đang kể bỗng im bặt. Họ thấy một giáo sĩ cũng sắp xuống đò qua sông. Họ không e ngại một tăng sĩ mà e ngại một giáo sĩ. Chuyện này củng cố cho tôi sự nhận định về vị trí của Phật giáo. Phật giáo dại gì đánh mất niềm tin cậy của dân gian?" TĐM: Tuy vậy, tuy không ham chính trị, nhưng có lẽ vì con người của hòa thượng Trí Quang quá sắc bén nên các ký giả Mỹ và cả nhà cầm quyền Mỹ vẫn cứ thắc mắc về hai câu hỏi có liên hệ với nhau: một, là hòa thượng có phải muốn Phật giáo trở lại vị thế quốc giáo không, và hai, có thể có chiến tranh giữa Phật giáo và Thiên chúa giáo không? Báo Mỹ lúc đó viết về hòa thượng như là "Makarios của Đông Nam Á". Makarios là tổng giám mục và tổng thống đầu tiên của Cộng Hòa Chypre năm 1960. CHT: Sự thực không có gì đơn giản hơn. Các ký giả Mỹ cũng đã hỏi thầy: "Bản thân thượng tọa ưa muốn gì?" Câu trả lời là: "Là dịch sách Phật giáo. Việc làm như bây giờ chỉ là bất đắc dĩ, rất bất đắc dĩ". Muốn kiểm chứng xem câu nói đó có trung thực không, chỉ cần nhìn thầy sống như thế nào từ 1975 đến nay: đóng cửa, không tiếp khách nào, không màng thế sự, không hơn thua, không thị phi, suốt ngày chỉ dịch kinh, bình chú. Bởi vậy, đừng xem câu trả lời sau đây của thầy về chuyện "quốc giáo" là nói kiểu ngoại giao: "Vị thế quốc giáo xưa của Phật giáo quả thực tráng lệ mà siêu thoát. Dầu là quốc giáo, Phật giáo đã không độc tôn, không kỳ thị, bao giờ cũng là đóa sen không nhuốm bẩn. Truyền thống đó, Phật giáo phải bảo trọng. Chính vì bảo trọng truyền thống đó mà, thời nay, Phật giáo phải bảo thủ vị thế tôn giáo thuần túy của mình". Còn câu trả lời về "chiến tranh", có chiến tranh tôn giáo không? Này đây, gọn lỏn: "Không. Tương tranh còn không thể có, nói chi đến chiến tranh". Triết lý Phật giáo nhấn mạnh trên "nghiệp". Nghiệp, tức là hành động. Hành động có thiện, có ác. Chống, là chống cái ác của hành động, không chống con người, không thù hận với con người. Với tôn giáo cũng vậy, không có chuyện tôn giáo này chống tôn giáo kia, chiến tranh tôn giáo là chuyện man rợ, chuyện của địa ngục. Ai đọc thầy Trí Quang lúc đó sẽ để ý thầy nhắc lui nhắc tới hoài với quần chúng Phật tử một chữ, chữ "khác": Phật giáo phải "khác" với các tôn giáo ở phương Tây về chuyện quyền hành, về chuyện thánh chiến. Dưới sự lãnh đạo của thầy, phong trào Phật giáo không đi ra khỏi mục

tiêu văn hóa - văn hóa theo nghĩa rộng. Phong trào chống chiến tranh từ 1966 cũng vậy, cũng chỉ nhắm mục tiêu ấy thôi. TĐM: Trong giai đoạn 1964-66, báo chí Mỹ đặt rất nhiều câu hỏi về hòa thượng Trí Quang, không hiểu tại sao nhà lãnh đạo này chống hết

chính quyền này đến chính quyền khác. Năm 1966, ông mở phong trào đòi bầu cử Quốc hội lập hiến. Nhà cầm quyền Mỹ, cũng như tòa đại sứ Mỹ, nghĩ rằng ông đòi bầu cử Quốc hội là để chiếm đa số, để hất Thiệu-Kỳ, để khuynh loát chính trường miền Nam. Họ nói: ông không phải là vua, nhưng ông muốn là người tạo ra vua. Đúng chăng? CHT: Lầm to! Trong quá khứ, lúc đó, bây giờ, và mãi mãi, Phật giáo không dính vào chính trị. Đạo Phật "nhập thế" là nhập thế vào xã hội, nhắm vào con người mà cho vui, cứu khổ, nhưng đạo Phật "siêu thoát" thế gian, nhất là siêu thoát khỏi chính trị. Các quốc sư ngày xưa đã để lại tấm gương trong sáng vằng vặc. Các vị ấy ở trong núi. Không ở trong kinh thành. Tại sao thầy Trí Quang đòi bầu cử Quốc hội? Tại vì có Quốc hội thì mới có cái thế hợp pháp để đòi người Mỹ chấm dứt chính sách chiến tranh. Người Mỹ lúc đó quyết liệt chủ trương một đường lối duy nhất là chiến tranh đến cùng, "hòa bình là chiến tranh tàn lụi", họ nói vậy. Được cái thế đó, Thiệu-Kỳ trương lên cái bảng hiệu "nội các chiến tranh", tiền hô hậu ủng với người Mỹ, hai dạ một lòng. Dễ gi nói lên tiếng nói hòa bình trong tình thế đó! Làm sao nói? Chỉ có cách là làm cho dư luận ở tận bên Mỹ thấy rằng đó là tiếng nói, đó là nguyện vọng của dân phát biểu qua cơ quan dân cử. Kết hợp nguyện vọng hòa bình với ác cảm của quần chúng đối với các chế độ tướng tá, đòi hỏi Quốc hội lập hiến được dân chúng nhiệt liệt hưởng ứng, từ khắp các tỉnh đến tận thủ đô Sài Gòn. Một lần nữa, tiếng nói của Phật giáo đồng hóa với tiếng nói của quần chúng. Mà tại sao Phật giáo đòi hỏi hòa bình? Chính trị gì chăng? Không! Văn hóa! Đòi hòa bình vì chiến tranh đe dọa sự tồn vong của dân tộc, nuôi dưỡng sự tha hóa của con người. Đòi hòa bình vì Phật giáo luôn luôn hoài bão rằng mình là lương tâm của dân tộc. Đó là động cơ văn hóa, đạo đức của phong trào 1966. Phật giáo chủ trương: chỉ có văn hóa hòa bình. Không thể có "văn hóa chiến tranh". Không có "văn hóa chém giết", "văn hóa đạn bom". TĐM: Dù là đạn bom đến từ phía nào? CHT: Câu hỏi này, không thể trả lời ngắn gọn được, xin hẹn một dịp khác. Nhưng dù trả lời thế nào đi nữa, mục đích của phong trào Phật giáo vẫn không ở ngoài hai phương châm - hai phương châm

này tóm tắt toàn bộ phong trào Phật giáo từ 1963: bảo vệ "văn hóa dân tộc", bảo vệ "văn hóa hòa bình". Đơn giản chỉ thế. Tôi trích thêm một câu tâm tư của thầy Trí Quang để tóm tắt cả lịch sử của giai đoạn biến động ấy và cũng để soi sáng con người đặc biệt của thầy: "Tổng chi, tôi có tham vọng không? Có, mà có đến nỗi có người đã nói hơi chướng nữa. Tham vọng của tôi không mơ mộng Phật giáo trở lại vị thế quốc giáo như thời xa xưa, càng không muốn Phật giáo thành một Thiên chúa giáo thứ hai! Tôi chỉ mong ước, trong cơn nghiêng ngữa của đất nước, ai nhìn vào Phật giáo cũng nghĩ rằng đất nước này còn có cái ấy". TĐM: Thầy có được vừa ý không? CHT: Không. Thầy nói: Chuyện của thầy là "Cao cao sơn thượng hành thuyền / Thâm thâm hải đề mã tẩu". Chuyện "ngựa phi dưới nước, thuyền chèo trên non". TĐM: Hôm nay là ngày 30-4. Anh có ý nghĩ gì để nói thêm? Ít nhất là về hòa bình, phương châm thứ hai của Phật giáo? CHT: Tôi vừa đọc báo Đại Đoàn Kết viết bài để kỷ niệm ngày 30-4 năm nay, 2011. Thú thật, tôi cảm động. Bài báo trích một câu của cố thủ tướng Võ Văn Kiệt: "Chiến thắng của chúng ta là vĩ đại, nhưng chúng ta cũng đã phải trả giá cho chiến thắng đó bằng cả

nỗi đau và nhiều mất mát. Lịch sử đã đặt nhiều gia đình người dân miền Nam rơi vào hoàn cảnh có người thân vừa ở phía bên này, vừa ở phía bên kia, ngay cả họ hàng tôi cũng như vậy. Vì vậy, một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại có hàng triệu người vui mà cũng có hàng triệu người buồn. Đó là một vết thương chung của dân tộc cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm nó thêm rỉ máu". Ông nói thêm: "Theo tôi, đã đến lúc ta phải nhìn nhận công lao, sự đóng góp to lớn của các tầng lớp người Việt yêu nước từng sống trong lòng chế độ cũ, hiện ở trong nước hay ở bên ngoài. Bản thân tôi cùng với anh em được giao tiếp quản Sài Gòn năm 1975, một Sài Gòn nguyên vẹn sau một cuộc chiến tranh như vậy, tôi nghĩ không thể không nói đến vai trò của các lực lượng chính trị đối lập với Mỹ-Thiệu, có quan hệ với chính phủ Dương Văn Minh lúc bấy giờ". Cố thủ tướng gọi chính phủ Dương Văn Minh là "chính phủ". Và ông vinh danh một "Sài Gòn nguyên vẹn". Giá như thủ tướng còn sống để đọc một câu hồi ký của hòa thượng Trí Quang mà tôi trích nguyên văn ở đây nhân ngày 30-4: "Cuối cùng, vào một buổi chiều, ông Minh gặp tôi. Ông đưa ra hai mảnh giấy của người ta báo cáo

mật cho ông. Một, cho biết ngân hàng bị rút tiền gần sạch. Một, vẽ một họa đồ quân sự tuyệt vọng - mảnh giấy ghi chú bằng chữ Mỹ. Ông nói, nếu vì tiền thì tiền hết rồi, nếu vì chức thì chức quốc trưởng ông đã làm, nếu vì cứu vãn quân sự thì đã vô vọng. Nhưng, ông nói, ông phải cứu dân khỏi chết vô ích. Tôi nói, đại tướng nói y như ý hòa thượng viện trưởng Trí Thủ mới nói sáng nay. Tôi thuật lại câu nói ấy, và rằng tôi xin làm chứng cho đại nguyện "thay người chịu khổ" của bản thân và bằng hữu của đại tướng". Hòa thượng Trí Thủ nói gì sáng ấy? Giữa buổi họp đông đảo của Viện Hóa Đạo, hòa thượng nói: "Tôm cá còn mua mà phóng sinh, huống hồ người chết mà không cứu?" Người Pháp có câu nói: "Các đầu óc lớn thường gặp nhau" ("Les grands esprits se rencontrent"). Tất nhiên họ muốn nói: gặp nhau trên tư tưởng. Tuy vậy, hai đầu óc lớn trên đây, hai con người cùng đặt Dân Tộc lên trên hết ấy, hai nhân vật lịch sử ấy dám gặp nhau không phải chỉ trên tư tưởng. Nhưng một người đã chết quá bất ngờ, một cánh cửa chưa kịp gõ, và con tàu lịch sử đã rời nhà ga thiếu một hành khách. Lịch sử vốn vậy, không vô tình nhưng lắm khi trớ trêu, khiến bao nhiêu cuộc hẹn bỗng thành lỗi hẹn!

***

Phần Năm BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC LỬA TỪ BI

VỀ MỘT BỨC THỦ BÚT CHỮ NÔM CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC Phạm Quý Vinh

… Đối với Phật giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm xem là một cái gai trong mắt cần phải được nhổ bỏ, bởi vì Phật giáo có sự ảnh hưởng rất lớn trong tâm hồn người dân Việt Nam, trong khi gia đình họ Ngô lại có xu hướng "kết thân" với một tôn giáo khác. Cho nên, họ đã ban hành những chính sách đi ngược lại với lợi ích chính đáng của tầng lớp Tăng ni, Phật tử và dân tộc. Từ đó, làm nảy sinh phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng của Phật giáo trên khắp miền Nam Việt Nam. Phong trào đấu tranh của Phật giáo

miền Nam Việt Nam đầu tiên diễn ra ở Huế rồi sau đó nhanh chóng lan rộng ra khắp các đô thị ở miền Nam. Huế là một trung tâm Phật giáo lớn với đa số nhân dân là tín đồ Phật giáo. Giới lãnh đạo Phật giáo miền, kể cả tăng già và cư sĩ đều ở Huế. Huế còn là trung tâm chính trị, văn hóa lớn thứ hai (ở Nam Việt Nam bấy giờ, sau Sài Gòn) và là nơi có phong trào cách mạng diễn ra rất sớm. Vì vậy, mà Huế trở thành địa bàn để chính quyền Ngô Đình Diệm thiết lập ở đây một bộ máy cai trị chặt chẽ. Năm 1963, phong trào đấu tranh của Tăng ni, Phật tử chống chính sách phân biệt đối xử tôn giáo hầu như đã lên đến cao trào. Vào mùa Phật Đản năm ấy, Ngô Đình Diệm ra công điện số 9195 (6/5/1963) có nội dung cấm treo cờ Phật giáo. Công điện này như "một giọt nước làm tràn ly", lập tức phong trào Phật giáo ở Huế chính thức bùng nổ vào ngày 7/5/1963, đó là một thực tế, hợp quy luật xã hội. Phong trào đã thu hút hầu hết các tầng lớp nhân dân tham gia, từ trí thức, sinh viên học sinh cho đến tiểu thương kể cả những viên chức trong bộ máy hành chính và quân đội của chính quyền Ngô Đình Diệm.

576 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Đêm 8/5/1963, khi các Phật tử đang nghe thuyết trình về đại lễ Phật Đản trước Đài Phát thanh Huế thì bất ngờ bị người của Ngô Đình Diệm xả súng. Kết quả là tám Phật tử chết tại chỗ và bốn Phật tử bị thương phải mang vào bệnh viện cấp cứu(1). Sáng hôm sau, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, khẩn cấp triệu tập một phiên nghị sự bất thường, gồm các vị lãnh đạo Phật giáo chủ chốt, tại chùa Từ Đàm, Huế để tìm phương pháp đối phó với chính quyền và chính thức soạn thảo một bản tuyên cáo gồm 5 điểm để gửi tới Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Bản tuyên cáo này có nội dung như sau: 1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo. 2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo đã được ghi trong đạo dụ số 10. 3. Yêu cầu chính phủ chấm dứt trình trạng bắt bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo. 4. Yêu cầu cho Tăng ni, Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo. 5. Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải trừng trị đích đáng. Đến ngày 10/5/1963, bản tuyên cáo gồm năm đề nghị nêu trên đã được gửi đi khắp nước. Riêng tại Sài Gòn, bản tuyên cáo đã được một người Phật tử là một sĩ quan Đại úy, đích thân từ Huế mang vào chùa Ấn Quang và Xá Lợi cùng những hình ảnh về vụ thảm sát các Phật tử. Cho nên ở Sài Gòn lúc đó, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo thường xuyên họp mật để lên kế hoạch đấu tranh. Qua những lần thảo luận giữa Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ của chính quyền Ngô Đình Diệm không đi đến thỏa thuận. Trái lại, chính quyền Diệm vẫn gia tăng các cuộc khủng bố, đàn áp Tăng ni và Phật tử. Trong tình thế như vậy, nếu cứ kéo dài các cuộc đấu tranh một cách bình thường thì dần dần phong trào sẽ bị tan rã vì thiếu hình thức khác có tính hiệu quả, để mọi người có thể đồng cảm, hưởng ứng cùng phong trào. Nên lãnh đạo Liên phái Bảo vệ Phật giáo lúc này đã chấp nhận hạnh nguyện xin được tự thiêu của Tỳ kheo Thích Quảng Đức.

1. Hiện nay, tại số 19 Lê Lợi, Huế vẫn còn dấu tích của sự kiện này qua Đài tưởng niệm với biểu tượng bánh xe Pháp Luân tại một hoa viên.

Ngày 11/6/1963, tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là ngã tư Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu, TP. Hồ Chí Minh), Bồ tát Thích Quảng Đức đã tự thiêu. Sau khi xá tứ phương, Thích Quảng Đức ngồi trong tư thế tọa thiền, tay bắt ấn Cam lộ, quay mặt về hướng Tây. Thích Quảng Đức tự đổ xăng lên khắp người và bật mồi lửa lên trước sự chứng kiến của hàng ngàn các Tăng ni và Phật tử đứng gần đó để cầu nguyện. Mọi lực lượng an ninh của Diệm được điều động đến để trấn áp cuộc tự thiêu nhưng đều thất bại, vì các Tăng ni và Phật tử quyết bảo vệ bằng cách bao vây thành nhiều vòng. Sự kiện tự thiêu của Thích Quảng Đức là một tiếng chuông kêu gọi hàng triệu con người ở miền Nam, miền Trung vùng lên bất chấp cường quyền, áp bức để cùng nhau xuống đường đấu tranh chống lại sự tàn bạo của chế độ Ngô Đình Diệm. Hành động tử vì đạo của Bồ tát Thích Quảng Đức đã gây ra một làn sóng dâng trào khắp nơi. Hàng triệu trái tim con người thổn thức trước hình ảnh của Thích Quảng Đức và nguyện cầu cho linh hồn của Thích Quảng Đức được siêu thoát. Hàng loạt các hãng truyền thông, báo chí trong và ngoài nước lần lượt đưa tin tức và hình ảnh của Thích Quảng Đức đang ngồi trong ngọn lửa rực cháy với những bình luận ngợi ca khâm phục. Trước lúc tự thiêu, Thích Quảng Đức có để lại một bức thủ bút bằng chữ Nôm(2). Đây là một văn bản rất ít người được biết đến và chính là lời tâm nguyện của Thích Quảng Đức trước lúc đi về miền Tây phương cực lạc. Bởi vì, nó không những nêu lên được ước nguyện của một con người mộ đạo, mà nó còn đặt ra cho chúng ta một câu hỏi khó trả lời: Tại sao trong lúc chữ Quốc ngữ đang thịnh hành thì Thích Quảng Đức lại dùng chữ Nôm (loại chữ do dân tộc Việt Nam sáng tạo) để viết? Phải chăng là Thích Quảng Đức đã đề cao bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam! Với những giá trị về lịch sử của văn bản, chúng tôi xin được giới thiệu bức thủ bút của Thích Quảng Đức. Vì bản photocopy có đôi chỗ mờ nhạt nên trong quá trình chế bản vi tính sẽ không tránh được những thiếu sót nhất định, hy vọng là những ai quan tâm và hiểu biết sẽ đóng góp những ý kiến chân tình để cho bản vi tính và phiên âm được hoàn chỉnh hơn. Nội dung của bức thư cụ thể như sau:

2. Văn bản này chúng tôi vừa sưu tầm được từ một thượng tọa ở chùa Thiền Lâm (Biết chúng tôi có hiểu biết về Hán Nôm, nên thượng tọa đã tặng chúng tôi một bản photocopy bức thủ bút này). [Source: tapchisonghuong.com.vn – 2009]

Phiên âm: Lời nguyện tâm quyết Tôi là Tỳ kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm Phú Nhuận Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa. Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dưỡng chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau: Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo. Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt. Ba là mong nhờ hồng ân Đức

Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác. Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân,

đều thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xưng yến muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo. Nam Mô A Di Đà Phật Làm tại chùa Ấn Quang ngày bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba. Tỳ kheo Thích Quảng Đức thủ ký. Bằng lời lẽ nhẹ nhàng, cô đúc nhưng lại giàu tính thuyết phục, Thích Quảng Đức đã gởi gắm tâm nguyện của mình vào bức thư tuyệt mệnh với mong ước bảo vệ Phật giáo ở Việt Nam. Đó quả là một tấm gương một lòng vì đạo pháp mà xưa nay hiếm vậy. (nguồn: Tạp Chí Sông Hương số 227 - 2008)

***

LỜI DẶN DÒ NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 1963 CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC Lichsuvietnam.info

Ai sống trong thời 1963 và được chứng kiến cảnh tượng bi tráng độc nhất vô nhị này, đều biết khi Bồ Tát Thích Quang Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt (nay là ngã tư đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám) toàn thân ngài không tỏ vẻ đau đớn gì mà ngài vẫn điềm nhiên trong tư thế ngồi Thiền, sau khi thân xác ngài đã cháy rụi hết, duy chỉ còn quả tim là không cháy, người ta lấy quả tim đó đem vô lò thiêu lại, dưới sức nóng 4000 độ, cái lò thiêu muốn nứt nẻ ra, vậy mà trái tim của Bồ Tát Thích Quảng Đức vẫn còn trơ ra đó. Giới báo chí trong nước và nước ngoài có mặt lúc đó thi nhau chụp hình, sự kiện này làm chấn động đất Sài Gòn một thời nói riêng và toàn Thế Giới nói chung, điều này làm cho mọi người càng thêm tin tưởng vào sự nhiệm màu của Phật Pháp không phải là hư danh. Hòa thượng Thích Quảng Đức đi tu từ thuở nhỏ ở miền Trung. Ngài sống cuộc đời giản dị và hoằng pháp độ sanh bằng phương cách xây dựng nhiều chùa. Ngài đã xây cất tất cả 31 ngôi chùa, gồm 14 chùa ở miền Trung và 17 chùa ở miền Nam. Trong cuộc tranh đấu Phật giáo chống chánh sách Kỳ thị Tôn giáo và gia đình trị của chế độ Ngô-Đình-Diệm vào mùa Phật Đản 1963, là thời kỳ sôi nổi nhất, Hòa thượng Thích Quảng Đức về ngụ tại chùa Ấn Quang để tiện bề tham gia cuộc tranh đấu. Ngày 30-5-63, Hòa thượng tham gia cuộc biểu tình tại công trường Lam Sơn trước trụ sở Quốc Hội, tới 5 giờ chiều về chùa Xá-Lợi dự cuộc tuyệt thực. Dịp này Hòa thượng Thích Quảng Đức trình lên Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo một bức Tâm thư xin tình nguyện tự thiêu. Thư đề ngày 27-5-63. Ủy ban Liên Phái không chấp nhận sự tự thiêu.

Nhưng đến ngày 10-6-63, tình hình không được sáng sủa, chẳng những vậy mà Phật giáo tại Huế đang bị lâm nguy. Lúc này Hòa thượng đang tụng Kinh Pháp Hoa tại chùa Ấn Quang. Vào 8 giờ tối ngày 10-6-63, Thương tọa Thích Tâm Châu và Thích Thiện-Hoa

đang họp ở chùa Xá Lợi. Quí vị cho mời Đại đức Thích Đức Nghiệp tới chùa để nhờ Đại đức chuyển lời hỏi Hòa thượng Quảng Đức về tâm nguyện tự thiêu nếu Hòa thượng không thay đổi thì tổ chức ngay cuộc tự thiêu vào ngày hôm sau. Hòa thượng Quảng Đức trả lời Đại đức Đức Nghiệp rằng Ngài vẫn quyết tâm hy sinh cho đạo pháp, tự thiêu để cúng dường Tam bảo. Trả lời Đại đức Đức Nghiệp xong, Hòa thượng bình thản như không có chuyện gì, lúc ấy là 7 giờ 30 đêm 10-6-1963, Ngài lên chánh điện Chùa Ấn Quang chủ lễ khóa Tịnh Độ thường ngày. Buổi lễ cuối cùng ấy có Đại đức Huệ Thới đi chuông, Đại đức Đức Niệm đi mõ. Đại chúng hiện diện đều không ai biết một biến cố quan trọng sắp xảy ra. Sau khi Phật tử về hết, tại giữa chánh điện, Hòa thượng Quảng Đức mới tâm sự với hai Đại đức rằng: "Vì đạo pháp tôi xin hiến thân giả huyễn này để cho Pháp Nạn được giải thoát. Ngày mai này tôi sẽ từ giã cõi đời, hẹn gặp hai Thầy ở cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A-Di-Đà. Sau khi tôi tự thiêu để hiến dâng cho Phật Pháp, xin các Thầy lưu ý, vì tôi không thể trực tiếp nói điều này với các Ngài lãnh đạo: Một là, sau khi thân tôi thiêu thành tro bụi sẽ còn lưu lại một vật gì đó cho đời, thì đó là kết quả tốt đẹp về lời Phát nguyện của tôi hiến dâng thân này cho Đạo Pháp và đó cũng là thành quả đời tu hành của tôi. Hai là, khi tôi thiêu, nếu tôi chết trong tư thế nằm ngửa thì nguyện vọng Phật-Giáo sẽ thành công, các Thầy cứ tiếp tục tranh-đấu. Ngược lại nếu tôi chết nằm sấp thì quý Thầy nên tìm cách đi ra các nước Miên, Lào, Thái, v.v... để mà tu, nguyện vọng tranh đấu của Phật- Giáo sẽ không thành. Ba là, ngày di quan tài của tôi, nếu các Thầy có cảm thấy triệu- chứng gì lạ lạ, có thể là ngủ mộng thấy, có thể là cảm giác hay triệu chứng gì thì nên đình chỉ ngay, dời việc di quan qua ngày khác." Nghĩ lại ba điều Hòa thượng Quảng Đức nói đêm trước ngày tự thiêu đều hiển ứng: 1. Thân thể Ngài thiêu thành tro, mà quả tim của Ngài vẫn còn đỏ hồng như trái xoài chín dưới sức nóng 4.000 độ; nóng đến nỗi lò thiêu An Dưỡng Địa đã phải nứt nẻ.

LỜI DẶN DÒ NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 1963 CỦA BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC • 583

2. Khi ngọn lửa thiêu thân vừa lặn tắt, ba lần cúi đầu xá về hướng Tây, liền ngay khi đó, Ngài bật ngửa nằm im trên mặt đất giữa ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt trong tiếng niệm Phật vang dội của hàng trăm chư Tăng Ni đang ngồi vây quanh chắp tay thành kính. Tư thế viên-tịch đúng như Ngài huyền ký lại, làm cho Tăng tín đồ tin tưởng vào sự thành công nguyện vọng bình đẳng tôn giáo mà quyết tâm dấn thân hơn. Chung cuộc chánh nghĩa đã thắng. 3. Ai sống trong thời 1963, nếu có lưu tâm đến thời cuộc đều nhớ ngày di quan của Hòa thượng Quảng Đức ra An Dưỡng Địa để thiêu thì theo chương trình là 10 giờ sáng. Dân chúng ở hai bên đường Phan Thanh Giản và đường Minh Mạng lập hương án để tiễn đưa Ngài; nhưng mọi người đợi mãi đến hơn 12 giờ trưa mà vẫn chẳng thấy đâu. Sau đó mới nhận được thông báo của Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật- giáo cho biết dời ngày di quan. Dân chúng lúc bấy giờ vô cùng bang hoàng kinh ngạc. Khoảng 2 giờ chiều hôm ấy, người ta thấy năm bảy người mặc sắc phục đen lặng lẽ từ dưới bờ ruộng bước lên gở những quả mìn đã được chôn từ lúc nào trên quãng đường đất dẫn đến lò thiêu của An Dưỡng Địa. Nói về Hòa thượng Quảng Đức, người sống rất giản dị thật bình dân. Lúc nào tay cũng lần chuỗi, niệm Phật với gương mặt thản nhiên và miệng luôn luôn như mỉm cười. Những ngày Ngài ở chùa Ấn Quang để chờ cấp lãnh đạo Phật giáo chấp thuận tâm nguyện tự thiêu, Ngài ăn cơm với

Tăng chúng chứ không ngồi ăn cùng bàn với Ban Giám đốc Phật Học Đường Nam Việt ở Chùa Ấn-Quang, hay các vị lãnh đạo Phật-giáo. Nói như thế để chúng ta thấy rằng, người mang tâm nguyện Bồ- Tát vào đời hành đạo bao giờ cũng thể hiện đời sống bình dị, pháp tu đơn giản của Phật dạy. Pháp tu đơn giản mà chúng tôi muốn nói ở đây chính là Pháp môn niệm Phật. Có lẽ vì quá đơn giản mà người đời xem thường, từ tâm lý xem thường đưa đến khó tin vào năng lực của Pháp môn niệm Phật, như Kinh A-Di-Đà Phật nói: "Nan tín chi pháp". Có nghĩa là Pháp môn niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thật là đơn giản mà hiệu năng thì vô cùng. Vì vậy mà người đời khó tin! Tưởng cũng nên nhắc lại, đến đêm 20-8-63, Ngô Đình Diệm lại phản bội những gì đã ký kết với Phật giáo, rồi cho lịnh tấn công vào các chùa, bắt giam tất cả Tăng Ni toàn quốc, kể cả các vị lãnh đạo Ủy an Liên Phái Bảo vệ Phật giáo Việt Nam tại Chùa Xá-Lợi.

584 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Trong đêm đó, cảnh-sát của Diệm Nhu dự định đoạt lấy Trái Tim Xá Lợi, nhưng một Thiếu tá Cảnh sát đã nhanh tay cất giấu Trái Tim Xá-Lợi ấy khiến toán Cảnh sát quýnh quáng tìm kiếm mà không ra. Sau khi tình hình yên ổn, vị Thiếu Tá ấy - là một Phật tử – đem hoàn lại vật thiêng cho quý vị lãnh đạo Phật giáo tại chùa Xá-Lợi. Hiện nay, Trái tim Xá Lợi Bất Diệt của Bồ Tát Thích Quảng Đức được lưu giữ tại một ngân hàng ở TP.HCM. KIẾN THỨC BỔ SUNG (Trích báo Nguồn Đạo số 70 Tết Đinh Hợi 02/2007) Lời tòa soạn: Câu chuyện về trái tim của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã được nói nhiều trên các báo, và đã đi vào lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tòa soạn Nguồn Đạo vừa hân hạnh nhận được bài viết của Cư sĩ Minh Lạc Vũ Văn Phường (Seattle, USA) đã ưu ái gửi cho, để chứng minh sự việc lịch sử này. Đạo hữu Minh Lạc là nhân chứng thực sự đã tham gia vào việc bảo tòan trái tim của Ngài Quảng Đức trong thời kỳ đấu tranh Phật giáo năm 1963. Nay xin đăng tải bài viết ày để đóng góp thêm vào phần tài liệu về Ngài Thích Quảng Đức đồng thời để quý độc giả thưởng lãm. Nguồn Đạo. Trong thời kỳ tranh đấu bảo vệ Phật giáo tại Việt-Nam vào năm 1963, Hòa Thượng Thích Quảng Đức phát nguyện hy sinh nhục thân, tự thiêu để cúng dường Tam bảo, thức tỉnh nhà cầm quyền. Ủy Ban Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo lúc đó đặt trụ sở tại chùa Xá Lợi ở Saigon, sau khi xem xét và nghiên cứu cẩn thận, đã chấp thuận và tổ chức cuộc thiêu thân cúng dường của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Ngày 11-06-1963, cuộc tự thiêu đã diễn ra hoàn hảo, nghiêm túc và hùng tráng làm rung động thế-giới. Nhục thân của Hòa-thượng được đưa về quàn tại chùa Xá-lợi, ngay chính Giảng Đường để các Tăng, Ni, Phật tử và mọi người tới viếng, tụng kinh cầu siêu, trang nghiêm và xúc động. Mấy ngày sau, nhục thân của Ngài được liệm trong quan tài bằng gỗ thật tốt và đưa đi hỏa thiêu ở An Dưỡng Địa, Phú-Lâm, Chợ Lớn... Mấy ngày sau, nhục thân của Ngài được liệm trong quan tài bằng gỗ thật tốt và đưa đi hỏa thiêu ở An Dưỡng Địa, Phú-Lâm, Chợ Lớn. Lửa cháy mạnh, khói bốc cao, mọi người niệm Phật rất chân thành. Hôm sau, các Tăng, Ni mở lò thiêu để hốt xương thì thấy một vật to bằng nắm tay lẫn lộn giữa những xương tro. Tôi là đại diện Hội Phật học Nam Việt được cử đi chứng kiến việc hốt tro, đã thấy tận mắt những xương nhỏ cháy thành tro vụn, mầu trắng, những xương lớn như xương đầu gối, xương ống chân cũng tan vụn thành

những mảnh nhỏ, nhưng trái tim của Hòa thượng thì còn nguyên, tuy có bị cháy chung quanh chút ít. Mọi người đều bàng hoàng và đưa tro cốt cùng trái tim của Hòa thượng về trình lên Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo. Thượng tọa Thích Trí Quang nói: "Do công phu tu hành có định lực kiên cố của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã kết tinh thành Xá Lợi, trái tim này sẽ cứu Phật giáo Việt Nam, cần phải bảo tồn và gìn giữ". Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội Phật Học Nam Việt và là một thành-viên của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo bảo tôi: "Đạo hữu là Dược sĩ có thuốc gì và phương cách gì để bảo tồn trái tim này không?" Tôi nhận lời, lau rửa trái tim sạch sẽ, ngâm vào formol và tôn trí trong một bình thủy tinh. Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo gọi thợ đến chụp hình trái tim, in ra và phân phát. Mọi người chấn động cho là phép lạ. Cuộc tranh đấu bảo vệ Phật giáo bùng nổ rầm rộ hơn trước: Học sinh bãi khóa, sinh viên biểu tình, nhà buôn đóng cửa, bãi thị, quân đội hoang mang, lại thêm nhiều cuộc tự thiêu của các Tăng Ni ở Huế, Saigon và các tỉnh... làm Ngô triều phản ứng mạnh. Đêm 20-8-1963, công an, cảnh sát phá chùa, bắt bớ Tăng Ni và Phật tử, trên từ Hoa thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết, các vị Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, dưới đến các Phật tử, sinh viên, học sinh... đều bị bắt giữ. Dĩ nhiên chùa Xá Lợi được chiếu cố tận tình, vừa là trụ sở của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo, vừa là chỗ cư trú của Hoà thượng Tăng Thống cùng các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức nòng cốt của phong trào tranh đấu, các cấp chỉ huy các Tăng Ni và Phật tử, vừa là chỗ trưng bày "trái tim bật diệt" của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Cửa kính bị đập nát, các chậu cây kiểng đổ vỡ ngổn ngang, mọi người trong chùa đều bị bắt đi. TRÁI TIM CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC RA SAO? Tối ngày 20-8-1963, được tin mật báo nhà Ngô sẽ phá chùa,Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo ra lệnh cất "trái tim bất diệt" vào tủ sắt của Hội Phật Học. Tủ sắt này có 2 lớp, lớp bên ngoài đựng các giấy tờ quan trọng, lớp bí mật bên trong cất giấu những bảo vật như Kinh bằng Lá Bối, tiền bạc ... Sau khi bắt giữ các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và Phật tử, và cho ra mắt các vị Tăng mới thân chánh quyền, và muốn trấn an Phật tử cùng hòa hoãn với sự đòi hỏi và điều tra của Ủy ban

Tranh đấu Bảo vệ Tôn Giáo và Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, nhà Ngô cho phép (cũng như bắt buộc) mở cửa chùa Xá Lợi để cho mọi người tới lễ bái, vì sắp đến ngày Đại Lễ Vu Lan (Rằm Tháng Bảy âm lịch). Ngoài Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền và đạo hữu Tổng Thư ký Huệ Đức Lê Ngọc Diệp đã bị bắt cùng với chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức... những nhân viên ban quản trị Hội Phật Học Nam Việt, trong đó có tôi, được gọi tới sở Công An, đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn, yêu cầu mở cửa chùa Xá Lợi. Tránh không được, dù muốn dù không, chúng tôi được xe của Công An đưa về chùa Xá Lợi, mở cửa cho mọi người tự do ra vào lễ bái, dĩ nhiên có công an, cảnh sát theo rõi, canh chừng Sau khi quét dọn sạch sẽ Chánh Điện, Giảng Đường và phòng ốc, dâng hoa cúng Phật, làm lễ tẩy tịnh, chúng tôi xuống mở két sắt, thấy cửa két bị đập thủng, xập một nửa xuống nên ngăn bí mật bên trong được che kín, như có bàn tay Hộ-Pháp bảo

vệ. Chúng tôi hồi hộp, gọi thợ sắt đến gỡ từng mảnh sắt ra, thì thật là nhiệm mầu: Chiếc hộp đựng "trái tim bất diệt" vẫn còn y nguyên, trái tim vẫn ngự trị bên trong, kiên cố và hùng tráng như thách đố với cơn bão tố Pháp nạn. Chúng tôi bảo nhau mang cất "trái tim bất diệt" vào một chỗ bí mật, thề không tiết lộ. Sau ngày Cách Mạng thành công lật đổ Ngô triều vào ngày 1-11- 1963, cửa chùa Xá Lợi rộng mở, mọi người tấp nập đến chùa lễ Phật và cung kính lễ "trái tim bất diệt" còn nguyên vẹn trải qua cơn giông tố phũ phàng. Sau cùng "trái tim bất diệt" được đưa về tôn thời tại Việt Nam Quốc-Tự, đường Trần Quốc Toản, Chợ Lớn, trụ sở Viện Hóa Đạo, thuộc Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất. Sau biến cố 30-4-1975, chúng tôi được Hòa thượng Thích Tâm Châu, Viện trưởng Viện Hóa Đạo tại Việt Nam Quốc Tự cho biết: "Trái tim bất diệt" của Hòa thượng Thích Quảng Đức được lưu giữ trong tủ sắt một ngân hàng ở Saigon.

***

NGỤY TẠO VÀ XUYÊN TẠC VỀ CUỘC TỰ THIÊU CỦA HT. THÍCH QUẢNG ĐỨC Nguyễn Kha và Pháp Lạc

Bài viết này có ba mục đích: 1.1 Trước hết, vào đầu thập niên 60' của thế kỷ trước, Cuộc vận động đòi bình đẳng Tôn giáo và Tự do Tín ngưỡng năm 1963 của Phật giáo đồ tại miền Nam Việt Nam là một biến cố lịch sử to lớn và mang nhiều ý nghĩa nhân văn sâu sắc và lâu dài không những cho Phật giáo Việt Nam mà còn cho cả dân tộc Việt Nam. Đó là lúc dân tộc đang đối diện vời sự bành trướng của chủ nghĩa nước lớn tại Việt Nam, và riêng Phật giáo tại miền Nam thì đang phải chịu đựng một sách lược Công giáo hóa miền Nam mà trong đó Phât giáo trở thành đối tượng hàng đầu phải bị khống chế và tiêu diệt. Đã có nhiều tài liệu của người Việt và người ngoại quốc viết về lần trở mình bi hùng đó của Phật giáo tại miền Nam. Tuy nhiên, một công trình quy mô và chính thức của Phật giáo Việt Nam thì cho đến nay vẫn chưa có. Ngược lại, lại có nhiều "tài liệu" của những thế lực xem Phật giáo là kẻ thù được tung ra làm nhiễu loạn sự thật lịch sử. Do đó, trong niềm ao ước được thấy một hồ sơ như thế vào năm 2013, kỷ niệm 50 năm của biến cố 1963, chúng tôi quyết định hoàn thành bài viết này để góp một số thông tin vào hồ sơ đó. 1.2. Thứ đến, sau 1975, tại hải ngoại, lợi dụng tình trạng thiếu thốn tài liệu và mất dần nhân chứng, một số tàn dư của chế độ Ngô Đình Diệm, mà tuyệt đại đa số là các tín đồ Công giáo, đã tìm cách mạo hóa lịch sử để vinh danh chế độ Ngô Đình Diệm. Một trong những nỗ lực này là cố ngụy tạo lịch sử để chứng minh rằng ông Diệm còn thì miền Nam không "rơi vào tay Cộng sản" và bây giờ muốn lấy lại miền Nam thì phải "phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm". Luận điểm này đẩy Phật giáo lên thành đối tượng bị đánh phá hàng đầu vì trong biến cố 1963, họ cho rằng chính Phật giáo (chứ không phải vì chế độ

thì độc tài chính trị, xã hội thì bất công thảm nhũng, còn quốc sách "chống Cộng" thì phụ thuộc rồi phản bội đồng minh) đã làm sụp đổ Ngô triều. Thêm vào đó, trong cuồng vọng muốn thiết lập một chế độ giáo trị tương lai ở Việt Nam như các Tông huấn của Vatican thúc dục (nhất là tư tưởng chủ đạo của Tông huấn Á châu Ecclesia In Asia 1999

mà Giáo hoàng Gioan Phao lồ 2 phát động), những người Công giáo Việt Nam hoài Ngô đó lại càng phải tìm cách phá hoại Phật giáo mà họ xem là phên dậu văn hóa vững chắc của dân tộc Việt Nam. Từ đó, và thô bạo nhất, họ tìm cách bôi nhọ cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, biểu tượng bất bạo động và cao điểm tố cáo tội ác của chế độ Ngô Đình Diệm. Vì vậy, bài viết này cũng nhằm vạch ra một số ngụy tạo và xuyên tạc về cuộc Tự thiêu của Hòa thương Thích Quảng Đức. Đồng thời, trong phần cuối bài viết, cố gắng giải thích vì sao có những ngụy tạo và xuyên tạc đó. 1.3. Cuối cùng, đặc biệt bài viết sẽ trả lời luận điệu vu khống cụ thể sau đây của một số người Công giáo hoài Ngô thù ghét Phật giáo: Đó là Hòa thượng Thích Quảng Đức đã bị ông Nguyễn Công Hoan, vốn là một điệp viên của Việt Cộng, đầu độc từ trước, và với sự chỉ đạo của giới lãnh đạo Phật giáo đấu tranh năm 1963, đã thiêu sống Hoà Thượng khi Ngài đã hoàn toàn mê man. Luận điệu vu khống này là nhằm thủ tiêu giá trị cao cả của cái chết của Ngài Quảng Đức, đồng thời cũng biện hộ cho lời tuyên bố "nướng sống" ("barbecued") của bà Ngô Đình Nhu lúc đi "giải độc dư luận" tại Mỹ là đúng. Và quan trọng hơn, là nhằm thực hiện lời nguyền "tôi chết trả thù cho tôi" của người đồng đạo và cũng là lãnh tụ chính trị của họ là ông Ngô Đình Diệm để, theo lời một số giáo dân tại hải ngoại, dọn đường cho Vati- can phong thánh ông trong tương lai. Đáng lẽ ra người cáo buộc phải trưng dẫn bằng cớ, nhưng cho đến nay (2012), chúng tôi chưa thấy những kẻ hoài Ngô đưa ra được bất kỳ một tài liệu hoặc nhân chứng nào khả tín cả. Tuy vậy, những cáo buộc này cũng có những tác động nhất định trên một số người nhẹ dạ, hoặc một số người không chịu nghiên cứu, chỉ thích nghe những gì mình muốn nghe, hoặc những người đóng chốt trong không gian Internet, cứ lập đi lập lại mãi một điều để tẩy nảo người đọc như Đức Quốc xã và Vatican đã từng làm. Bài viết này, do đó, sẽ nhằm chấm dứt các tác hại đó bằng cách khẳng định lại và chứng minh rằng (i) Hòa thượng Thích Quảng Đức đã đơn phương có ý định tự thiêu từ trước, và cho đến phút chót, Ngài vẫn tỉnh táo với hành động bật lửa tự thiêu của mình, và (ii) Người tưới xăng lên đầu và thân thể Ngài

Quảng Đức là Đại đức Thích Chơn Ngữ, thế danh Huỳnh Văn Hải, chứ không phải "ông Việt Cộng" Nguyễn Công Hoan. 2- QUYẾT ĐỊNH TỰ THIÊU 2.1 Ai cũng biết rằng ngay từ đầu, phương thức đấu tranh của phong trào Phật giáo là bất bạo động. "Tự thiêu" là một khái niệm xa lạ trong phương thức đấu tranh của Phong trào Phật giáo lúc bấy giờ. Giáo sư Lê Cung ghi nhận như sau: "Tuân thủ những nội dung trên đây của lý thuyết bất bạo động, phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 ngay từ đầu đã khẳng định phương pháp đấu tranh là bất bạo động... Thật vậy, trong cuộc hội nghị mật vào tối 7-5-1963 tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định phương pháp đấu tranh là bất bạo động. Tiếp theo, phương pháp đã khẳng định lại một lần nữa trong "Bản phụ đính" bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 được công bố vào ngày 23-5-1963. Bất bạo động bằng hình thức tự thiêu vẫn chưa được đặt ra, mặc dầu trong những cuộc tuyệt thực đầu tiên của Tăng Ni trên toàn miền Nam vào cuối tháng 5, đầu tháng 6-1963, giới lãnh đạo đã dự tính rằng: "Nếu kéo dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhàm chán thì phong trào tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức

mới mẻ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng"(1). Song hình thức mới mẻ là gì vẫn chưa được tìm ra, ngay cả khi giới lãnh đạo Phật giáo nhận được bức tâm thư đề ngày 27-5-1963 của Hòa thượng Thích Quảng Đức với nội dung xin tự thiêu để bảo vệ Phật pháp, họ vẫn không chấp thuận. Trên thực tế, giới lãnh dạo Phật giáo còn "thật lúng túng, cũng không biết tự thiêu như thế nào!"(2) 2.2. Nhưng trước thái độ ngoan cố của chính quyền Diệm không thật tâm muốn giải quyết "5 Nguyện Vọng" của Phật giáo, thậm chí còn gia tăng mức độ đàn áp chùa chiền và Tăng tín đồ, HT. Thích Quảng Đức đã gửi cho Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc một lá thư đề ngày 27-5-1963, nói rõ tâm nguyện muốn được tự thiêu của mình, tâm nguyện vốn đã được ấp ủ từ khi chính quyền Diệm tiến hành chính sách kỳ thị Phật giáo, đặc biệt khốc liệt nhất tại 5 tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên và Bình Định trong ba năm 1960, 1961 và 1962. Rồi tâm nguyện đó lại càng

1. Theo Nguyễn Khải, Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu, Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993. 2. Theo Thích Thông Bửu. Tư tưởng Bồ tát Quảng Đức, trong "Đại lễ kỷ niệm năm thứ 37 ngày tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức". Tổ đình Quán /D_1-2_2-135_4-13730_5-50_6-1_17-23_14-1_15-1/ 0

thúc bách hơn khi lá cờ biểu tượng của Phật giáo bị lăng nhục và sau đó máu tử đạo của Phật tử đổ ra tại Huế. Lá thư như sau: Phật lịch 2507, Sài Gòn ngày 27-5-1963 Kính bạch Hòa thượng Hội Chủ, Thượng tọa Trị Sự Trưởng Chư Thượng tọa, Đại đức trong Giáo Hội Tăng Già Việt Nam Kính bạch quý Ngài, Nhìn lại quá trình lịch sử truyền thống dân tộc, Phật giáo Việt Nam đã ghi đậm những nét son huy hoàng trong mọi lãnh vực: học thuật, văn hoá, chính trị, quân sự, kiến thiết, đã hòa một nếp sống của quần chúng. Qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, quốc gia hưng thịnh, Phật giáo đã là cương lĩnh của chính quyền, của nền pháp trị bình đẳng. Nhưng Phật giáo không vì sự đóng góp hữu dụng vào quốc sách dân sinh một cách tích cực và chân chính mà khuynh loát, đàn áp các tôn giáo khác. Ngược lại, Phật giáo đã dung hoà mầu nhiệm cùng với các tôn giáo khác để cung ứng những tinh ba thuần túy cho sự ích quốc lợi dân. Tinh thần Phật giáo đã gắn liền với tinh thần quốc gia dân tộc: Phật giáo thịnh thì quốc gia thịnh, Phật giáo suy thì quốc gia suy. Điều này lịch sử đã minh nhận. Nhưng hơn một thế kỷ nay, nhất là trong giai đoạn hiện tại, Phật giáo Việt nam luôn luôn nằm trong tình trạng hổn mang, bi thảm đau thương: nào bị đàn áp, nào bị đối xử bất công, ngược đãi...Phật giáo đồ bị bức bách khuynh loát một cách trắng trợn, có nơi bị chôn sống, bị tù đày, có nơi bị cản trở ngăn cấm cả về hành đạo, tu tập, tụng niệm (như vùng Tuy Hòa, Quảng Ngãi, Bình Định). Quyền tự do tín ngưỡng, một quyền bất khả xâm phạm của con người, đã bị tổn thương chà đạp. Cao quý thay lòng ẩn nhẫn của Phật tử Việt Nam! Vốn được giáo thụ, un đúc tính từ bi cao thượng của Đấng Chí Tôn, Phật giáo đồ chúng ta đã âm thầm nhẫn nhục chịu đựng một cách chân thành, nhưng kẻ manh động đã cố tình lợi dụng cử chỉ cao đẹp ấy của chúng ta, gieo mãi thương đau cho Phật giáo đồ Việt Nam. Mùa Phật Đản 2507 - 1963 tại Cố đô Huế, một cảnh tang thương đã xảy ra cho Phật giáo Việt Nam nói riêng, Phật giáo thế giới và nhân loại nói chung là máu Phật tử đã chảy, xương

thịt Phật tử đã nát tan trước họng súng bạo tàn của kẻ ác độc, vô nhân đạo. Thế là

những sinh mạng đã ngã gục và những thân mạng đã mang thương tích trên mình, tất cả đều muốn phát lộ ý chí của người Phật tử: bảo vệ Chánh pháp, bảo vệ quyền sống của những con người tin đạo, bảo vệ lá cờ Phật giáo quốc tế mà một phần ba nhân loại tôn thờ. Ai có thể chối cãi được sự thật của nguyên nhân chính ấy là: lá cờ Phật giáo bị triệt hạ bởi công điện số 9195 phát xuất từ Phủ Tổng thống, ngày 6-5-1963. Trước sự kiện thảm thương ấy, Phật giáo Việt Nam đã đến lúc bắt buộc phải đứng lên tranh đấu cho lý tưởng tự do tín ngưỡng của mình, được minh định rõ ràng trong Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa và đường lối dân chủ pháp trị, cộng đồng đồng tiến xã hội của Chánh phủ do Tổng thống Ngô Đình Diệm chủ trương. Với tính cách ôn hòa bất bạo động, kỷ luật trong sự tranh đấu hợp tình hợp lý, người Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam cần phải có một ý niệm sáng suốt, tiêu biểu ý niệm chân chánh, trong giai đoạn vô tiền khoán hậu của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Vậy tôi tên là Nguyễn Văn Khiết, pháp danh Thị Thủy, pháp hiệu Thích Quảng Đức, tu sĩ Giáo hội Tăng Già Việt Nam, mang thẻ căn cước số 399703, cấp tại quận Tân Bình ngày 21-12-1962. Hiện tọa chủ chùa Long Phước, xã Ninh Quang, Khánh Hòa, xác định rằng: 1. Năm nguyện vọng tối thiểu ghi trong Bản tuyên ngôn của Tăng tín đồ Phật giáo là phản ảnh tinh thần chân chính của Phật giáo Việt Nam. 2. Nguyện luôn luôn son sắc bền chí với lý tưởng tranh đấu hợp tình hợp lý, bất bạo động của Phật giáo đồ Việt Nam. 3. Triệt để tuân theo và ủng hộ các cấp lãnh đạo Phật giáo. Và để minh định lập trường của chúng tôi, chúng tôi tự nguyện thiêu đốt thân này nếu Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa không làm thỏa mãn nguyện vọng ghi trong Bản tuyên ngôn là phản ảnh tha thiết mong cầu của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Phật giáo Việt Nam bất diệt! Lá cờ Phật giáo không thể bị triệt hạ! Và xin quý Thượng tọa chấp thuận, chuyển tới toàn thể tín đồ lời ước nguyện cuối cùng của chúng tôi: “Phật tử chúng ta hãy cùng nhau tự nguyện tự giác, bền chí với sứ mạng duy trì Chánh pháp và bảo vệ lá cờ Phật giáo.”

Kính Tỳ khưu Thích Quảng Đức (Nguyễn Văn Khiết- đóng dấu và ký tên)(3) 2.3. Vài ngày sau đó, vị Trị Sự Trưởng Giáo Hội Tăng Già Việt Nam là Thượng tọa Thích Tâm Giác, đã từ chối nguyện vọng “tự nguyện thiêu đốt thân này” của Ngài trong một lá thư nguyên văn như sau(4): “Kính gởi Đại đức Tỳ khưu Thích Quảng Đức (Nguyễn Văn Khiết). Kính bạch Đại đức Tôi trân trọng tin để Đại Đức rõ, sau khi tiếp nhận văn thư của Đại Đức đề ngày 27-5-1963 xin Giáo Hội cho phép được thiêu đốt thân xác để cúng dường lên Tam bảo nhân vụ biến động ở Huế, vì lý do lá cờ Phật giáo bị triệt hạ trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa trong ngày Đại Lễ Phật Đản mà tại Huế đã có 9 người chết và nhiều người bị trọng thương. Với quyết tâm bảo vệ Phật pháp, Đại Đức nguyện hiến xác thân phẩm này bằng cách thiêu đốt để phản đối chính sách bất bình đẳng Tôn giáo với nhà cầm quyền và nêu tỏ thái độ hy sinh vì Đạo cao cả mà mình đã tôn thờ. Giáo Hội rất thông cảm trước ý chí cao đẹp ấy. Nhưng trên nguyên tắc pháp lý (Luật Phật đã định cũng như Luật Pháp thế gian) Giáo Hội không thể chấp nhận điều nguyện

thiêu đốt thân xác của Đại đức được. Vậy xin Đại đức hoan hỷ và cầu chúc Đại đức vô biên an lạc. Trân trọng kính chào Đại Đức. Thượng tọa Thích Tâm Giác ký tên. Qua Lá thư của chính Ngài Quảng Đức và thư trả lời của Giáo Hội Tăng Già, người ta thấy rõ ràng là Ngài Thích Quảng Đức đã có ý nguyện tự thiêu từ trước... Không ai có thể cáo buộc Ngài bị thiêu đốt, kể cả các ký giả ngoại quốc cũng không biết chuyện này. Ngoài ra, cũng theo văn thư trả lời thì Giáo Hội Tăng Già đã không chấp thuận cho Ngài Thích Quảng Đức tự thiêu, vậy thì không thể có sự việc cắt đặt người với tên tuổi đàng hoàng lãnh trách nhiệm tẫm xăng cho Ngài, còn nếu Ngài có nhờ các đệ tử giúp đỡ trong các công việc, thì những việc làm ấy không phải là các sự việc được chánh thức sắp xếp, để cho ngày nay các ông cứ phải bàn cãi, cò kè với nhau.

4. Trích từ bài viết của ông Trần Kim Cường.

NGỤY TẠO VÀ XUYÊN TẠC VỀ CUỘC TỰ THIÊU CỦA BỒ TÁT • 593

Vậy thì rõ ràng là cuộc tự thiêu của Thượng Tọa Thích Quảng Đức không do ai tổ chức cả, khi Ngài muốn điều gì thì các đệ tử của Ngài chiều theo ý của Ngài mà thôi. Và do việc Giáo Hội không chấp thuận qua văn thư như trên, nên phải xác định rõ ràng rằng Giáo Hội không có chủ trương việc tự thiêu của Thượng Tọa, vậy thì Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất không có lỗi lầm gì trong biến cố này, và cũng do đó mà Chánh phủ Ngô Đình Diệm đã không có lý do gì để truy tố Giáo Hội Phật giáo.”(5) 2.4. Trong lúc đó, theo vị Đổng lý Văn phòng Phủ Tổng thống thời Ngô Đình Diệm là ông Đoàn Thêm (trong “Hai mươi năm qua” và “Những ngày chưa quên”, Đại Nam, 1969) thì ngày 29 tháng 5, lực lượng an ninh Huế vẫn siết chặt vòng vây “nội bất xuất ngoại bất nhập” ở chùa Từ Đàm, nơi mà sinh viên và Phật tử thường tụ họp đông đảo để ủng hộ cho những đòi hỏi của Phật giáo, đồng thời chính quyền cho cắt điện và nước ở ngôi chùa này. Trước hành động đàn áp đó của Chính phủ, ngày 30 tháng 5, Phật giáo tổ chức lễ cầu siêu cho các nạn nhân tại chùa Xá Lợi và chùa Ấn Quang, các Tăng Ni và Phật tử tuyệt thực 48 giờ, đồng thời 300 Tăng Ni biểu tình trước Quốc hội với những khẩu hiệu yêu cầu Chính phủ thỏa mãn 5 nguyện vọng của Phật giáo. Thấy tình hình bắt đầu căng thẳng, ngày 1 tháng 6, Chính phủ Diệm thay vị Đại biểu Trung phần Hồ Đắc Khương, Tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đẳng, là những người mà Chính phủ cho là nhu nhược thân Phật giáo, bằng các ông Nguyễn Xuân Khương và Thiếu tá Nguyễn Mâu (một si quan Công giáo ở trong đảng Cần Lao) để hai nhân vật này hành động quyết liệt hơn trong việc đàn áp Phật giáo. Vì tình hình nghiêm trọng đó, chính phủ đã thành lập ủy ban Liên Bộ và Phật giáo hình thành Ủy ban Liên Phái để thương nghị với nhau. Trong khi hai ủy ban đang tiến hành những buổi họp đàm phán thì lực lượng an ninh vẫn bao vây chùa chiền và gia tăng các biện pháp cắt điện, cắt nước tại các chùa lớn ở Huế và Đà Nẵng. Riêng tại chùa Tỉnh Hội Nha Trang, cảnh sát và công an còn chăng kẽm gai chận đường các Phật tử vào chùa và cản trở việc đi lại của các Tăng Ni từ Sài Gòn về các tỉnh và ngược lại. Cho đến ngày 7 tháng 6, trước phản đối của Phật giáo, Ủy ban Liên Bộ mới công nhận hành động

thieu-lich-su.html#!/2011/07/su-that-nao-sau-vu-tu-thieu-lich-su.html.

thiếu thiện chí đó và gởi văn thư trả lời cho Ủy ban Liên Phái là đã cho cấp lại điện nước và quân đội không chận đường vào chùa nữa. Nhưng dù có văn thư chính thức của Ủy ban Liên Bộ, những hành động chống phá Phật giáo vẫn tiếp tục xảy ra càng lúc càng thô bạo tại các địa phương và ngay giữa thủ đô Sài Gòn. Độc hại hơn nữa, chính quyền đã cho một số công an và cảnh sát cạo đầu, giả vờ mặc áo nâu hay áo lam của tăng sĩ để ra chợ chọc gái, ăn thịt, uống rượu, mua hàng không chịu trả tiền,... rồi đưa lên báo nhằm bôi lọ các nhà sư và xuyên tạc cuộc đấu tranh của Phật giáo. Ngày 8 tháng 6, trong một thông cáo gửi cho Phong trào Phụ nữ Liên Đới, bà Nhu còn công khai lên án và hăm dọa Phong trào Phật giáo khi tố cáo những người trong phong trào Phật giáo là hợp tác với Cộng sản và yêu cầu chính quyền phải có biện pháp quyết liệt với phong trào đấu tranh. Để ứng phó với thái độ phá hoại và không có thiện chí giải quyết nguyện vọng đó của chính quyền, Phật giáo đành phải lấy những hành động hy sinh quyết liệt hơn mong cảnh tỉnh và khai thông đầu óc giáo điều của cấp lãnh đạo Chính phủ. Trong một ngôi chùa vắng lặng giữa Sài Gòn sôi động, Ngài Thích Quảng Đức đã lấy một quyết định làm chuyển đổi cả một chế độ và đẩy lịch sử Việt Nam lên một chiều cao bi hùng mới. Quyết định đó được trình bày một cách thấu tình đạt lý của một ngườI vừa là Phật tử vừa là công dân trong "Lời Nguyện Tâm Quyết", nguyên bản được viết bằng chữ Nôm, và được dịch ra tiếng Việt Lat- inh để phổ biến trong giai đoạn đó. Sự hình thành của văn bản đó được kể lại như sau: "Về một bức thủ bút chữ Nôm của Hòa thượng Thích Quảng Đức" của Phạm Quý Vinh (nguồn: Tạp Chí Sông Hương số 227 - 2008) com.vn/ "Trước lúc tự thiêu, Thích Quảng Đức có để lại một bức thủ bút bằng chữ Nôm(6). Đây là một văn bản rất ít người được biết đến và chính là lời tâm nguyện của Thích Quảng Đức trước lúc đi về miền Tây phương cực lạc. Bởi vì, nó không những nêu lên được ước nguyện

6. Văn bản này chúng tôi vừa sưu tầm được từ một thượng tọa ở chùa Thiền Lâm (Biết chúng tôi có hiểu biết về Hán Nôm, nên thượng tọa đã tặng chúng tôi một bản photocopy bức thủ bút này).

của một con người mộ đạo, mà nó còn đặt ra cho chúng ta một câu hỏi khó trả lời: Tại sao trong lúc chữ Quốc ngữ đang thịnh hành thì Thích Quảng Đức lại dùng chữ Nôm (loại chữ do dân tộc Việt Nam sáng tạo) để viết? Phải chăng là Thích Quảng Đức đã đề cao bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam! Với những giá trị về lịch sử của văn bản, chúng tôi xin được giới thiệu bức thủ bút của Thích Quảng Đức. Vì bản photocopy có đôi chỗ mờ nhạt nên trong quá trình chế bản vi tính sẽ không tránh được những thiếu sót nhất định, hy vọng là những ai quan tâm và hiểu biết sẽ đóng góp những ý kiến chân tình để cho bản vi tính và phiên âm được hoàn chỉnh hơn. Nội dung của bức thư cụ thể như sau: Phiên âm: Lời nguyện tâm quyết Tôi là Tỳ kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm Phú Nhuận Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa. Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm

này cúng dưỡng chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau: Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo. Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt. Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác. Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, đều thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xưng yến muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại đức, Tăng ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo. Nam Mô A Di Đà Phật

Làm tại chùa Ấn Quang ngày bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba. Tỳ kheo Thích Quảng Đức thủ ký. Bằng lời lẽ nhẹ nhàng, cô đúc nhưng lại giàu tính thuyết phục, Thích Quảng Đức đã gởi gắm tâm nguyện của mình vào bức thư tuyệt mệnh với mong ước bảo vệ Phật giáo ở Việt Nam. Đó quả là một tấm gương một lòng vì đạo pháp mà xưa nay hiếm vậy. Như vậy, qua ba lá thư nói trên (thư xin tự thiêu ngày 27/5, thư trả lời của Giáo hội Tăng Già, thư "Lời nguyện Tâm quyết" 4/6), chúng ta thấy quyết định tự thiêu của Ngài Thích Quảng Đức là một quyết định xuất phát từ những động cơ sâu sắc, có suy nghĩ chính chắn. Quyết định lại đi theo một trình tự hợp lý, biến thiên theo mức độ trầm trọng của tình hình. Và dù bị từ chối, cá nhân Ngài vẫn quyết tâm hoàn thành cho được tâm nguyện. Quyết tâm đó, tâm nguyện đó, không chứa một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào mà trái lại còn thấm nhuần tình thương và hy vọng thì, lúc đó cũng như bây giờ, những kẻ ngoại đạo hay giáo gian mang tâm cảnh hận thù làm sao hiểu được, lại càng làm sao chấp nhận được. Đó là về phần Hòa thượng Thích Quảng Đức. Còn diễn biến cuộc tự thiêu thì sao? 3- NĂM NHÂN CHỨNG BẤT KHẢ PHỦ BÁC Về cuộc tự thiêu của Ngài Quảng Đức, chúng ta có gần cả ngàn nhân chứng nhìn chăm chú vào nhất cử nhất động của Ngài. Không những nhìn bằng mắt mà còn "nhìn" bằng máy chụp ảnh và máy quay phim nữa. Họ là hơn 500 Tăng Ni và hàng trăm Phật tử và đồng bào Sài Gòn có mặt tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt vào buổi sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963. Cũng có mặt hôm đó, ngoài nhân viên mật vụ chìm và nổi của chế độ Diệm có nhiệm vụ theo dõi hoạt động của phong trào Phật giáo, có lẽ cũng có những nhân viên "đặc biệt" của những tổ chức cũng "đặc biệt" không kém của chính quyền nước ngoài như Mỹ và Vatican, vốn là hai nước gắn bó chặt chẻ và có nhiều quyền lợi thiết thân với chế độ Diệm ở Việt Nam. Nhưng trong số gần cả ngàn nhân chứng đó, để tái dựng lại cuộc tự thiêu của Ngài Quảng Đức một cách trung thực, có năm vị mà chúng tôi cho là có độ khả tín cao, có thể tin vào lời chứng hoặc hình ảnh của họ. Đó là hai tu sĩ Phật giáo có trực tiếp đóng vai trò trong động thái tự thiêu (TT. Thích Đức Nghiệp và ĐĐ. Thích Chơn Ngữ), một nhân

viên làm việc cho cơ quan Mỹ và/hoặc chính quyền Diệm được giao nhiệm vu theo dõi và báo cáo (ông Nguyễn Văn Thông), và hai ký giả nước ngoài chuyên nghiệp làm việc cho các cơ quan truyền thông uy tín quốc tế (nhiếp ảnh gia / nhà báo Malcolm Browne và nhà văn / nhà báo David Hamberstam). Họ là những người có mặt tại chỗ, chức năng của họ là ghi nhận sự kiện một cách trung thực và sau đó, bằng cách này hay cách khác, phổ biến một cách công khai trên toàn thế giới. 3.1 – Sau đây là trích đoạn Hồi ký của Thượng tọa Thích Đức Nghiệp, nhân chứng thứ nhất, người chịu trách nhiệm sao cho cuộc Tự thiêu được hoàn thành: "Vào 14 giờ, ngày 30-5-1963, đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết ở Huế đã ra chỉ thị cho các cấp Phật giáo phải tổ chức tuyệt thực đòi hỏi chính quyền thực thi năm nguyện vọng. Tại Sài Gòn, Ủy Ban Liên Phái chúng tôi tuân luyện tổ chức ngay một cuộc biểu tình tại Công trường Lam Sơn trước quốc hội, từ 12 giờ 5 phút tới 5 giờ chiều, rồi diễn hành, căng biểu ngữ, về tới chùa Xá Lợi tuyệt thực suốt 48 giờ. Dịp này có Hòa thượng Thích Quảng Đức tham dự và Ngài có gởi một bức tâm thư xin tự thiêu lên Ủy Ban Liên Phái, đề ngày 27-5- 1963. Tuy nhiên, Ủy Ban Liên Phái bác bỏ nguyện vọng tự thiêu này. Sau cuộc tuyệt thực đó, Ủy Ban Liên Phái lại tổ chức rước linh hàng tuần vào mỗi buổi sáng ngày chủ nhật, để luân phiên cầu siêu tại các chùa trong Sài Gòn; Chợ Lớn, Gia Định, là trụ sở chính của mỗi giáo phái trực thuộc Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo Việt Nam. Thế nhưng, về phía chính quyền, ông Diệm vẫn cứ trơ trơ trước dư luận lên án gắt gao của nhân dân Việt Nam và thế giới. Độc ác và bất nhân hơn nữa là ông Diệm lại còn hạ lệnh bắt bớ thêm, phong tỏa thêm các chùa trên toàn quốc, thậm chí ông còn cho những thuộc quyền thẳng tay cắt đứt điện nước và tuyệt đường lương thực của các chùa chủ yếu. Bởi vậy, vào 8 giờ tối ngày 10-6-1963, hai Thượng tọa Tâm Châu và Thiện Hoa có cho xe vào Ấn Quang, mời tôi (Thích Đức Nghiệp) ra Xá Lợi bàn Phật sự gấp. Khi tới Xá Lợi, tôi gặp hai vị Thượng tọa đang ngồi phòng khách. Thượng tọa Thiện Hoa nói là: - Phật giáo mình đương bị lâm nguy quá, nhất là tại Huế hiện nay... Thượng tọa Tâm Châu nói theo:

- Ngày mai, buổi sáng chủ nhật, tới phiên tôi rước linh và cầu siêu tại chùa Phật Bửu Tự, do Hòa thượng Thích Minh Trực tổ chức, tại đường Cao Thắng, Quận 3. Vậy Thầy về hỏi lại ý nguyện tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, hiện đương tụng kinh Pháp Hoa tại Ấn Quang. Nếu Hòa thượng đồng ý, thì ngay sau khóa lễ ở Phật Bửu Tự, trên đường về Xá Lợi, Thầy tìm mọi cách có hiệu quả nhất, để Hòa thượng Quảng Đức được tự nguyện tự thiêu, đồng thời để cứu nguy cho Phật giáo hiện nay. Khi về, tôi gặp ngay Hòa thượng Quảng Đức ở chùa Ấn Quang. Sau khi tôi hỏi : - Hòa thượng còn giữ nguyện tự thiêu như lá thơ Hòa thượng đã gởi cho Liên Phái trước đây không ? Hòa thượng mừng rỡ trả lời: Tôi sẵn sàng tự thiêu để cúng dường Tam bảo và để giác ngộ cho chính quyền mau mau thỏa mãn năm nguyện của Phật giáo Tôi (Thích Đức Nghiệp) nói thêm: - Vậy Hòa thượng hãy đi nghĩ và sáng mai, con sẽ tổ chức cho Hòa thượng tự thiêu cho Hòa thượng được thành tựu viên mãn. Song Hòa thượng nói thêm: - Đại đức cho tôi được lễ tạ Phật và Thượng tọa Thiện Hoa, tôi sẽ nói : Ngày mai tôi phải đi xa vì Phật sự, đồng thời cho tôi viết một lá thơ gởi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi trả lời đều được cả, nhưng tuyệt đối Hòa thượng không nên để cho ai biết việc tự

thiêu này. Sau đó, tôi đến phòng Thượng tọa Thiện Hoa mới ở Xá Lợi về để xin ít tiền mua sắm xăng để thiêu và vải để viết biểu ngữ cho sáng ngày mai. Tiếp theo tôi gọi anh lái xe ô tô Austin của Phật tử Trần Quang Thuận gởi ở Ấn Quang và nhờ anh ta đi mua xăng và vải, đồng thời tôi nhờ anh ấy chở Hòa thượng Quảng Đức đi dự lễ tại Phật Bửu Tự. Kế đó, tôi họp ngay mấy Thầy lại để phân công vào việc sáng mai: Thầy Chân Ngữ có trách nhiệm đổ hết xăng từ đầu tới chân Hòa thượng Quảng Đức khi cùng ngồi trên xe Austin để đi tới ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt trước tòa Đại sứ Cao Mên. Thầy Trí Minh phải ngồi cùng hàng ghế trước để bảo anh lái xe phải dừng lại ở ngã tư đường nói trên, rồi làm bộ chữa xe để Hòa thượng bước xuống đường và ngồi tự thiêu.

NGỤY TẠO VÀ XUYÊN TẠC VỀ CUỘC TỰ THIÊU CỦA BỒ TÁT • 599

Thầy Hồng Huệ giữ trật tự, Tăng Ni đi thành hai hàng và xe của Hòa thượng từ từ đi ở giữa. Tôi (Thích Đức Nghiệp) đi bên cạnh xe của Hòa thượng. Khi xe ngừng lại Hòa thượng bước xuống, tôi trao tay Hòa thượng bao quẹt và bao diêm để Hòa thượng tự bật lửa thiêu. Bùng cháy! Ngọn lửa ngất trời! Không thể nào tả xiết nỗi bàng hoàng của tất cả Tăng Ni và những người đứng xung quanh! Lệ rơi! Tiếng khóc vang lên! Lập tức, tôi yêu cầu hai mươi vị Tăng Ni ra nằm chặn ở bốn đầu đường để xe cứu hỏa không thể vào nơi thiêu của Hòa thượng Quảng Đức. Biết rằng trong lúc tự thiêu này, có cả Simon Michaud, đại diện hãng thông tấn AFP của Pháp; Malcome Browne, đại diện AP của Mỹ và Neel Shihanm, đại diện UPI; đều chứng kiến tận mắt và xe của Đại tướng Hawkins Mỹ cũng tới chỗ hỏa thiêu này. Sau 30 phút, thi hài của Hòa thượng Thích Quảng Đức được rước về chùa Xá Lợi trên một lá cờ Phật giáo. Tới cổng chùa ông Mai Thọ Truyền nằm lăn trên đất dưới thi hài của Hòa thượng từ cổng tới cửa nhà giảng. Rồi những làn sóng người bốn phương tràn tới chùa Xá Lợi để kính viếng một Bồ tát đã thiêu thân. Đài phát thanh trong nước và khắp thế giới đều kính cẩn đưa tin tự thiêu này.”(7) 3.2 - Đại đức Thích Chơn Ngữ, thế danh Huỳnh Văn Hải, người tưới xăng lên mình Ngài Quảng Đức, là nhân chứng thứ nhì: Đại đức Thích Chơn Ngữ, thế danh Huỳnh Văn Hải, vốn là đệ tử của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết ở chùa Tường Vân tại Huế. Đại đức người Huế, vào khoảng 30 tuổi vào năm 1963, người tương đối cao lớn nên được phân công đổ xăng lên thân thể Hòa thượng Quảng Đức. Vì tham gia vào vụ tự thiêu trong vai trò đó, ĐĐ. Chơn Ngữ đã bị chính quyền Diệm bắt giam để khảo cung, và bị tra tấn tàn bạo làm hư hại bộ phận sinh dục không thể có con. Sau khi chế độ Diệm sụp đổ, ĐĐ. Chơn Ngữ được một học bổng đi du học và tốt nghiệp Tiến sĩ đệ tam cấp (Docteur Troisième Cycle) tại Pháp. Cuối năm 1973

/D_1-2_2-139_4-5393_5-50_6-1_17-46_14-1_15-1/. Bài phỏng vấn này được thực hiện hơn 40 năm sau biến cố Tự thiêu nên có vài danh xưng TT. Đức Nghiệp đã dùng không chính xác. Tuy nhiên, theo chúng tôi, những điểm quan trọng khác thì đều đáng tin vì ăn khớp với dữ kiện của các nhân chứng khác.

600 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

hay đầu năm 1974, ĐĐ về nước và dạy tại Đại học Vạn Hạnh ở Sài Gòn, sinh viên ghi danh theo học lớp của ĐĐ khá đông. Sau 1975, trong tình hình mới nhiều phức tạp, Đại đức cởi áo xuất tu, trở lại với thế danh Huỳnh Văn Hải. Rồi khoảng năm 1981, theo phong trào boat people, ông vượt biển đến Indonesia. Ông được nhập cư vào Mỹ, sống ở Los Angeles một thời gian và cuối cùng về định cư tại thành phố San Jose ở bang California. Hiện nay (2011), ông Huỳnh Văn Hải đã già yếu, gần 80 tuổi nên thị lực kém, và đang ở vùng Bay Area. Ông có một số bà con ở tại Orange County, miền nam California và ở Houston, tiểu bang Texas. Năm 1985, trả lời cho tạp chí Chấn Hưng do một số cư sĩ Phật giáo ở Los Angeles chủ trương, ông Huỳnh Văn Hải (nguyên là Đại đức Thích Chơn Ngữ), người vừa là nhân chứng vừa đóng vai trò quan trọng trong cuộc tự thiêu của Ngài Quảng Đức, đã kể lại như sau: ... Ngày 15 tháng 5, Tổng thống Diệm bất đắc dĩ phải tiếp phái đoàn Phật giáo gồm 5 vị: Thượng tọa Thiện Hoa, Thiện Hòa, Hành Trụ, Tâm Châu và Đôn Hậu, nhưng ông Diệm đã không thực tâm giải quyết vấn đề. Do đó, ngày 16 lại có nhiều cuộc tuyệt thực khác và biểu tình rầm rộ trước Quốc Hội, nhưng chính quyền vẫn không đả động gì đến những yêu cầu của Phật giáo đồ... Bây giờ câu hỏi rất quan trọng được đặt ra là việc tự thiêu, người hưởng ứng đầu tiên là Ngài Quảng Đức. ... Lúc 10 giờ sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963, tôi dìu Ngài ra đến cổng chùa, thầy Đức Nghiệp mở cửa chiếc xe Austin đã đậu sẵn, mời Ngài lên. Xe gặp đường Phan Đình Phùng quẹo phía trái là đường Lê Văn Duyệt, tài xế dừng xe lại, xung quanh tôi các tăng ni đã đứng chật ních bao vây ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng. Tay trái tôi xách thùng xăng, tay mặt tôi dìu Ngài bước ra xe và mời Ngài ngồi xuống. Ngài ngồi "Kiết Già" tay mặt đặt lên tay trái. Tôi cầm thùng xăng đáng lẽ tưới lên vai Ngài, nhưng vì hốt hoảng lo sợ mật vụ tới nên đã đổ xăng từ đầu Ngài trở xuống. Ngài mở hộp diêm rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh. Lửa tức tốc bừng cháy đốt ngay thân xác Ngài như một pho tượng trong khi các tăng ni quỳ xuống vừa khóc vừa niệm: A Di Đà Phật. Tiếng niệm Phật rất não nùng thê thảm trong lúc ngọn lửa càng bốc cao, phủ kín cả người Ngài, nhưng Ngài vẫn ngồi vững như bàn thạch chấp hai tay trước ngực. Sau 7 phút toàn thân Ngài ngã xuống nhưng hai tay vẫn còn chắp trên ngực. Xung quanh các tăng ni vừa bái lạy vừa khóc, vừa niệm

Phật, nhưng có một người vẫn đứng thẳng như một trụ đá, không khóc, nét mặt rất đau thương đến độ trông rất lạnh lùng, chấp hai tay nhìn thẳng vào thân xác cháy đen của Ngài Quảng Đức. Đó là Thượng tọa Thích Tâm Châu mà nay là Hòa thượng tu hành tại nước Pháp. Ngài Quảng Đức đã hiến mình cho Đạo Pháp bằng cách an nhiên tọa thuyền trong biển lửa cao ngút. BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC đã tự đốt mình để bảo vệ Đạo Pháp lúc lâm nguy và để bảo vệ quyền Tự Do Tín Ngưỡng. Hành động can đảm và tuyệt vời này của Ngài đã làm cả thế giới khâm phục và đã thức tỉnh lương tri nhân loại rằng đàn áp, chém giết chỉ gieo rắc thêm hận thù. Bạo lực sẽ thất bại trước TỰ DO, CÔNG BẰNG, TÌNH THƯƠNG và lòng KHOAN DUNG.(8) Lúc bấy giờ, nguyệt san Chấn Hưng chủ yếu được phổ biến trong các chùa và cộng đồng cư sĩ Phật giáo ở Mỹ. Và 24 năm trước đây, phần trích đoạn ở trên của bài viết "Cuộc Tự Thiêu Lịch Sử" đã được cụ Hoành Linh Đỗ Mậu in lại trong tác phẩm "Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi", Phụ

Lục A, số thứ tự 27, trang 1083 và 1084, ấn bản 1987, và được tiếp tục duy trì trên các ấn bản tiếp theo, kể cả ấn bản điện tử 2007.(9)

Ấn bản 1987 của tác phẩm "Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi", Phụ Lục A, số thứ tự 27, trang 1083 và 1084

8. Trích từ "Cuộc Tự Thiêu Lịch Sử" - Nguyệt san Chấn Hưng số 4, tháng 8 năm 1985, trang 2, 3 và 19. Los Angeles, Hoa Kỳ. 9. Nguồn: odiemonline.com/2008/vnmlqht/phuluca.htm và h t t p : / / w w w. c h u y e n l u a n . n e t / i n d e x . p h p ? o p t i o n = c o m _ content&view=article&id=5036:y-kien-nhan-si-ve-hoi-ky-do-mau&catid=2:khaocuu&Itemid=4.

3.3 - Nhiếp ảnh gia Nguyễn Văn Thông, nhân chứng thứ ba, người được một cơ quan Mỹ (cũng có người nói ông làm cho mật vụ của chính quyền Diệm) "thuê" chụp ảnh các cuộc biểu tình của Phật giáo tại Sài Gòn, và đã có mặt để ghi lại bằng ảnh cuộc Tự thiêu của Ngài Quảng Đức. Có ba người đã gặp ông Nguyễn Văn Thông để nghe ông kể lại chi tiết vụ tự thiêu năm 1963 của Ngài Quảng Đức: 3.3.1. "Hôm 30-5-2010, nhà nhiếp ảnh Duy Anh, phụ trách Cate Nhiếp ảnh (GoNews), đã đến thăm đồng nghiệp lão thành Nguyễn Văn Thông (phải) tại nhà riêng của ông ở Cư xá Đô thành, Quận 10, TP.HCM. Ông là tác giả bức ảnh Tự thiêu, đã đoạt Giải Ngân hài bạc Anh quốc, và Huy chương đồng Phần Lan 1964. Tác giả Nguyễn Văn Thông kể với GoNews: "Chiếc xe hơi dừng giữa đường, giả như hư máy, các tăng ni chặn kín các ngả đường... Sau khi người đẫm ướt xăng, Hòa thượng bật quẹt (đá lửa) do ướt xăng nên không cháy, nên ông nhận cái hộp quẹt khác rồi bật tiếp. Lửa cháy... Tôi chụp và khóc, tay run lên... vì thấy nhà sư cao cả quá! Sau đó, tôi phóng một tấm lớn 50x60cm tặng cho nhà chùa. Năm sau (1964), tôi mới gởi ảnh ấy đi dự thi...".(10)

Nhiếp ảnh gia Duy Anh và ông Nguyễn Văn Thông, ngồi bên phải. - Ảnh T1 chụp Ngài Quảng Đức lần tràng hạt và bắt đầu niệm: "Nam mô A Di Đà Phật" trước khi tự tay châm lửa. Mọi người chung quanh bắt đầu hoảng hốt.

10. Nguồn: Trần Kiên Cường – html#!/2011/06/anh-thoi-su-vi-ai-nhat-moi-thoi-ai.html.

Khi ngọn lửa rừng rực bùng lên, Bồ tát Thích Quảng Đức vẫn tự tại ngồi kiết già, gương mặt không lộ chút đau đớn - ảnh T2 và T3 của Nguyễn Văn Thông. Ảnh được Giải Ngân hài bạc Anh quốc, Huy chương đồng Phần Lan 1964, Huy chương bạc Liên hoan ảnh nghệ thuật Hội Nhiếp ảnh TP.HCM 1990.

3.3.2. Một người thứ nhì đã gặp ông Nguyễn Văn Thông sau này cũng đã kể lại như sau: "Ở bên ngoài, chính ông Nguyễn Văn Thông, mật vụ theo dõi hoạt động đấu tranh của Phật giáo và chứng kiến từ đầu đến cuối vụ tự thiêu, cũng công khai bác bỏ sự xuyên tạc Bồ tát Thích Quảng Đức bị chích thuốc mê. Gần nửa thế kỷ trôi qua, ông vẫn xúc động khi nhớ lại: "Chúng tôi đã theo sát vụ tự thiêu này ngay từ đầu ở chùa Xá Lợi.

Chính mắt tôi và các cảnh sát khác đều thấy ngài Thích Quảng Đức khoan thai bước xuống xe, quay mặt xá tứ phương, rồi ngồi kiết già trước khi chính tay mình châm lửa tự thiêu. Những hành động bình thản của một nhà tu hành thượng đẳng như vậy không thể là người bị thuốc mê. Còn các nhà sư khác chỉ đứng vòng quanh tụng kinh cho ngài và ngăn chặn cảnh sát. Không có bàn tay nào tác động, xâm phạm đến hành động tự thiêu của ngài". Đặc biệt, khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ, ông Thông đã đem những bức hình mình chụp cận cảnh Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu tặng Phật giáo Sài Gòn. Một loạt ảnh đầy đủ từ lúc lửa chưa bùng lên trên thân thể Bồ tát Thích Quảng Đức đến lúc ngài ngã xuống. Đến

lúc đó người ta mới chính thức biết có một người Việt nữa đã chụp hình được sự kiện thiêng liêng này ngoài nhà báo Malcolm Browne. Và những tấm hình đó như một chứng nhân quan trọng cho hậu thế biết sự thật cuộc vị pháp thiêu thân!"(11) 3.3.3. Người thứ ba, ông Quốc Việt, cũng đã gặp nhiếp ảnh gia Nguyễn Văn Thông tại Sài Gòn và cho biết: "Kể lại cuộc tự thiêu này, nhân chứng phía bên kia là ông Nguyễn Văn Thông, mật vụ đặc trách theo dõi hoạt động Phật giáo thời đó, nhớ lại: "Tin tình báo gửi về cho biết sẽ có biểu tình lớn từ chùa Ấn Quang đến công trường Lam Sơn và sẽ có nhà sư mổ bụng. Sau này tôi mới biết đó là tin giả để đánh lạc hướng chuẩn bị trấn áp của cảnh sát". Ông Thông kể sáng đó nhóm cảnh sát mật của mình gồm bốn người mặc thường phục đi trên một chiếc ô tô. Ông Thông phụ trách hình ảnh, một người viết báo cáo, người khác trực điện đài. Họ chuẩn bị bám theo các tăng ni đến công trường Lam Sơn (Nhà hát lớn TP ngày nay) và không biết gì về cuộc tự thiêu sắp diễn ra. Lúc đó, ông Thông còn là cộng tác viên của hãng Ảnh xã nên ngoài chiếc máy ảnh cảnh sát trang bị, ông luôn mang thêm chiếc máy ảnh riêng. Khi chiếc xe Austin chở Bồ tát Thích Quảng Đức từ chùa Ấn Quang dừng lại ở ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng, tài xế bước xuống giả vờ sửa xe và nhóm cảnh sát chìm vẫn tưởng thật. Thậm chí khi Bồ tát Thích Quảng Đức bước xuống xe, ngồi kiết già trên đường, ông Thông vẫn không nghĩ ngài tự thiêu. Chỉ đến lúc thân ngài bốc cháy như ngọn đuốc ông Thông mới sững sờ. Theo phản xạ ông đưa máy ảnh lên chụp, nhưng tấm đầu tiên bị nhòe vì ông xúc động run tay. Đến tấm thứ hai ông lấy được nét. Đó cũng là tấm phim cuối cùng của chiếc máy ảnh riêng của ông. Ông liền sử dụng chiếc máy ảnh thứ hai được cảnh sát trang bị để chụp tiếp đến cảnh lửa tắt, bồ tát ngã xuống. Theo ông Thông, có ít nhất ba người chụp được hình tự thiêu xúc động này là nhà báo Malcome Browne của Hãng thông tấn AP, một nhà sư và ông. Tuy nhiên, sau đó chỉ có hình của Malcome Browne lan truyền ra thế giới. Còn ông Thông phải nộp ảnh cho nha cảnh sát và lặng lẽ giấu đi mấy tấm khác vì lúc đó ông vẫn còn là nhân viên chính quyền nhà Ngô.

html.

Năm nay đã 86 tuổi, ông Thông hồi tưởng chi tiết cuộc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức: "Lửa bao trùm thân ngài nóng đến mức chiếc can để gần đó phải chảy ra, nhưng

bồ tát vẫn tĩnh tại ngồi thiền, thản nhiên đón nhận cái chết. Đặc biệt, khi lửa gần tàn, thân đã cháy đen nhưng ngài vẫn gật đầu về hướng tây mấy lần như lạy Phật rồi mới bật ngửa ra chứ không ngã sấp xuống. Xe cứu hỏa, cảnh sát đổ đến. Các nhà sư nằm chặn trước bánh xe, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ cuộc vị pháp thiêu thân. Nhiều nhân vật chủ chốt của ngành cảnh sát chế độ Sài Gòn bấy giờ cũng có mặt nhưng chỉ đứng nhìn, không thể phản ứng được gì trước ngọn lửa chính nghĩa...".(12) 3.4 - Thông tín viên Malcolm Browne (1933 -), nhân chứng thứ tư, nguyên là Trưởng nhiệm sở của Thông tấn xã Mỹ Associated Press tại Sài Gòn. Ông là một trong những nhà báo ngoại quốc được thông báo trước để quan sát cuộc Tự thiêu của Ngài Quảng Đức. Tấm hình chụp cuộc tự thiêu của ông được giải thưởng World Press Photo of the Year (1963). Malcom Wilde Browne sinh năm 1933 tại New York City, bang New York. Mẹ ông theo đạo Tin Lành Quaker còn cha ông là một kiến trúc sư Công giáo. Ông theo học Hóa học tại một trường Tin Lành Quaker nhưng bị động viên trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, và làm cho tạp chí quân đội Stars and Stripes hai năm tại chiến trường Thái Bình Dương. Sau đó, ông làm cho tờ Times Herald Record rồi chuyển qua làm cho hảng thông tấn Associated Press (AP) tại Baltimore từ năm 1959 đến 1961. Sau đó, ông được thăng chức làm Trưởng thông tín viên (Chief Correspondent) tại Đông Dương. Sau khi được giải thưởng Putlizer nhờ những tấm hình chụp cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, và nhờ đó nhận được nhiều lời mời Cộng tác, ông rời AP năm 1965. Sau đó, ông còn làm việc cho đài truyền hình ABC, cho Đại học Columbia (NY), nhật báo The New York Times, tạp chí Discover. Năm 1991, ông cũng đã tham dự cuộc chiến Vùng Vịnh. Hiện nay, 11/2011, ông vẫn còn sống ở thành phố New York. Ông đã xuất bản một tác phẩm về cuộc chiến Việt Nam (The New Face of War, Bobbs-Merrill, Indianapolis, 1965) và nhận nhiều giải thưởng báo chí, trong đó có World Press Photo of the Year (1963),

html#Kỳ_3:_Vị_pháp_thiêu_thân.

606 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Pulitzer Prize for International Reporting (1964), và giải George Polk về can đảm trong nghiệp vụ báo chí.

Trình tự cuộc tự thiêu (Browne ghi theo thứ tự từ ảnh 1 đến 9)

molation-of-quang-duc/]

NGỤY TẠO VÀ XUYÊN TẠC VỀ CUỘC TỰ THIÊU CỦA BỒ TÁT • 607

Ảnh số (2)

Dùng từ khóa "Malcolm Browne" để truy tìm trên Google và Wikipedia ta được nhiều hình ảnh về chiến tranh Việt Nam của ông, và dĩ nhiên trong đó có những ảnh về cuộc Tự thiêu. Chín tấm ảnh đen trắng của Malcolm Browne được bố cục sắp xếp và đánh dấu từ (1) đến (9) ghi lại trình tự từ lúc Đại đức Thích Chơn Ngữ bắt đầu đổ xăng đến lúc các vị sư tìm cách cuốn thân xác đã cháy đen của Ngài Quảng Đức trong lá cờ Phật giáo. Đặc biệt trong ảnh số (2), Đại đức Chơn Ngữ đã bước rời xa Ngài Quảng Đức và đi

nhanh về hướng các Tăng Ni, để lại HT Quảng Đức một mình tìm cách tự quẹt diêm giữa vũng xăng lênh láng] 3.5 – Và nhân chứng thứ năm, nhà văn, nhà báo David Halberstam (1934-2007), chuyên gia về những vấn đề Việt Nam cho nhật báo The New York Times tại Việt Nam trong những năm đầu thập niên 1960'. Ông có mặt tại hiện trường trong cuộc tự thiêu của Ngài Quảng Đức. Sau đó, ông tường trình lại cuộc tự thiêu này trên The New York Times và nhờ vậy được Giải thưởng báo chí Putlizer năm 1964, năm ông mới 30 tuổi. David Halberstam sinh năm 1934 tại thành phố New York, bang New York. Ông tốt nghiệp Đại học Harvard năm 1955 và đã từng là chủ bút tờ báo The Harvard Crimson nổi tiếng của trường này. Ông bắt đầu nghề báo với tờ Daily Times Leader ở Mississipi. Ông đến Việt Nam năm 1962 với tư cách là một chuyên gia toàn thời về Việt Nam (full time Vietnam specialist) cho nhật báo The New York Times. Cùng với những đồng nghiệp như Neil Sheehan, Peter Arnett, Stanley Karnow, ... ông đã tường trình sâu sát về chiến tranh Việt Nam, nhất là trong cuộc khủng hoảng Phật giáo dẫn đến cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Ông là người khám

phá ra âm mưu của ông Ngô Đình Nhu cho Lực lượng Đặc biệt giả dạng Quân đội VNCH tấn công chùa chiền để vu khống các tướng lãnh quân đội (During the Buddhist crisis, he and Neil Sheehan de- bunked the claim by the regime of Ngo Dinh Diem that the Army of the Republic of Vietnam regular forces had perpetrated the Xa Loi Pagoda raids, which the American authorities initially believed, and that instead, the Special Forces loyal to Diem's brother Ngo Dinh Nhu had done so to frame the army generals). Năm 1964, ông rời Việt Nam và được Giải thưởng Pulitzer năm mới 30 tuổi nhờ những phóng sự của ông về chiến tranh Việt Nam. Trong thập niên 1960's, ông vẫn làm cho The New York Times để phúc trình về Phong trào Dân quyền của người da đen. Sau đó, ông ít hoạt động báo chí mà chủ yếu chú tâm vào việc viết sách, kể cả sách về thể thao vào cuối đời. Ông mất trong một tai nạn xe hơi vào ngày 23-4-2007 trên đường đến diễn thuyết tại Đại học UC Berkeley, bang California. Ông đã viết 21 cuốn sách trong khoảng thời gian từ 1961 đến 2007. Những cuốn nổi tiếng có liên hệ đến Việt Nam là: The Making of a Quagmire: America and Vietnam during the Kennedy Era. Mc- Graw-Hill. 1965; Ho. McGraw-Hill. 1971; The Best and the Bright- est. Ballantine Books. 1972; October 1964. Ballantine Books. 1994. Trong cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, ông cùng có mặt tại hiện trường với Malcolm Browne. Sau đó ông kể lại trong The Making of a Quagmire, trang 211, New York, Random House, 1965, như sau: "Tôi không muốn nhìn thấy cảnh đó thêm một lần nữa, một lần đã là quá đủ. Những ngọn lữa tỏa ra từ một con người, thân xác của vị sư từ từ khô héo dần và co quắp lại, đầu vị sư trở nên đen dần và hóa thành than. Không khí đượm mùi thịt người cháy; (thì ra) con người cháy nhanh một cách đáng ngạc nhiên. Tôi có thể nghe từ sau lưng tôi tiếng khóc thổn thức của những người Việt Nam đang tụ họp tại đó. Tôi đã quá sốc nên không khóc được, quá rối rắm nên không ghi chép hay hỏi han gì được, quá hoang mang đến nỗi thậm chí không thể nghĩ gì được. Khi vị sư ấy tự thiêu, bắp thịt của vị sư không hề cử động, vị sư không thốt ra một âm thanh nào, cái vẻ ngoài điềm tĩnh của vị sư thì trái ngược hẳn với đám đông khóc than chung quanh."

(I was to see that sight again, but once was enough. Flames were coming from a human being; his body was slowly withering and shriv- eling up, his head blackening and charring. In the air was the smell of burning human flesh; human beings burn surprisingly quickly. Behind me I could hear the sobbing of the Vietnamese who were now gather- ing. I was too shocked to cry, too confused to take notes or ask ques- tions, too bewildered to even think... As he burned he never moved a muscle, never uttered a sound, his outward composure in sharp con- trast to the wailing people around him.)(13) Là một nhà văn nhậy cảm và một phóng viên sắc sảo cho tờ nhật báo đứng đầu nước Mỹ về nghiệp vụ thông tin, lại đứng ngay tại hiện trường chắm chú theo dõi, không thấy ông Halberstam đề cập gì đến động thái bất thường (như "vô hốn" hay "bị chích thuốc mê") của Ngài Quảng Đức trước khi tự thiêu cả. 4- THỬ TÁI DỰNG SỰ THẬT VỀ DIỄN TIẾN CUỘC TỰ THIÊU Trong khi chờ đợi hồ sơ chính thức của Phật giáo Việt Nam, căn cứ trên các tài liệu và chứng tích của 4 trong 5 nhân chứng nói trên, ta có thể giải quyết một điểm tuy không ăn khớp với nhau trong lời kể nhưng lại quan trọng về tình trạng tâm thần của HT Quảng Đức ngay trước phút tự thiêu: Nhân Chứng Vật liệu bật Động thái tưới Động thái bật lửa lửa xăng TT. Thích hộp quẹt Đức Nghiệp bao diêm ĐĐ. Thích ĐĐ Chơn Ngữ HT Quảng Đức Chơn Ngữ bao diêm "đổ xăng lên "mở hộp diêm rút đầu" 5, 6 que rồi quẹt mạnh"

en.wikipedia.org/wiki/Thich_Quang_Duc.

Ô. Nguyễn hộp quẹt Ảnh T1: Sau HT Quảng Đức Văn Thông (đá lửa) khi được tưới "bật quẹt (đá lửa) (Ảnh+Bài) xăng, Ngài do ướt xăng nên bao diêm Quảng Đức không cháy, nên ngồi một mình ông nhận cái hộp quẹt khác rồi bật tiếp" và "chính tay mình châm lửa tự thiêu" Ô. Malcolm Ảnh (2): Ảnh (1): một Ảnh (2) và ảnh Browne (Ảnh không biết vị sư đổ xăng (3): Ngay trước và số N) hộp quẹt (hay lên đầu ngay sau khi phực bao diêm) Ảnh (2): rồi vị lửa, HT. Quảng sư bỏ đi Đức ngồi kiết già chỉ một mình. Nhận xét: Tuy ĐĐ. Chơn Ngữ không nhắc đến hộp quẹt (lighter/bri- quet) trong lời kể của mình, nhưng cả TT. Đức Nghiệp lẫn ông Nguyễn Văn Thông đều có nhắc đến có hai nguồn bật lữa là hộp quẹt và bao diêm. Hơn nữa, ông Thông còn kể lại một chi tiết đáng nhớ là hộp quẹt (đá lửa) do ướt xăng nên không cháy, vì vậy Ngài Quảng Đức phải xài hộp diêm (phù hợp với mô tả "mở hộp diêm rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh" của ĐĐ. Chơn Ngữ). Điều này chỉ để chứng tỏ rằng ngay cả vào những giây phút quyết liệt cuối cùng, HT. Quảng Đức vẫn rất tỉnh táo, tự mình biết tìm giải pháp khi bị trở ngại để quyết tâm đạt được mục đích tự thiêu của mình. Bây giờ thì ta có thể tạm thời thử tái hiện cuộc tự thiêu của Ngài Thích Quảng Đức một cách hợp lý và sát với sự thật nhất theo trình tự sau đây: 1. Ngày 27-5-1963, hơn 2 tuần trước ngày tự thiêu, Thượng tọa Thích Quảng Đức gởi một lá đơn lên Giáo Hội Tăng Già, xin được phép phát nguyện tự thiêu. Lá đơn này gữi cho "Hòa thượng Hội Chủ, Thượng tọa Trị Sự Trưởng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức trong Giáo Hội Tăng Già Việt Nam". 2. Vài ngày sau đó, Thượng tọa Thích Tâm Giác đã thay mặt Giáo hội trả lời cho Ngài, từ chối lời thỉnh cầu "trên nguyên tắc pháp lý

(Luật Phật đã định cũng như Luật Pháp thế gian) Giáo Hội không thể chấp nhận điều nguyện thiêu đốt thân xác của Đại Đức được." [Theo Trần Kiên Cường]

NGỤY TẠO VÀ XUYÊN TẠC VỀ CUỘC TỰ THIÊU CỦA BỒ TÁT • 611

3. Ngày 4-6-1963, Ngài để lại di chúc bằng một lá thư chữ Nôm tựa là "Lời Nguyện Tâm Quyết", trong đó Ngài nói rõ rằng: "Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dưỡng chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:"(14). Lá thư này, sau đó được dịch ra tiếng Việt Latinh để phổ biến cho báo chí và quần chúng. 4. Lúc 10 giờ sáng ngày 11-6-1963, Đại đức Chơn Ngữ dìu Ngài ra khỏi cổng chùa Bửu Tự ở đường Cao Thắng thuộc Quận 3, Sài Gòn. Tại đó, Thượng tọa Thích Đức Nghiệp mở cửa chiếc xe Austin đã đậu sẵn, mời Ngài lên. Xe chạy từ từ tiến theo đường Phan Đình Phùng, hướng về trung tâm thủ đô. Đi hai bên hông xe và đông đảo ở phía sau là quý Tăng Ni Phật Tử, tất cả kết hợp nhau thành một đoàn khoảng 500 vị, và càng ngày càng đông thêm vì đồng bào ở hai bên đường đã túa ra rồi tự động đi theo đoàn. Xe quẹo phía trái vào đường Lê Văn Duyệt, xéo trước mặt Tòa Đại sứ Cambốt thì dừng lại. Xung quanh, các Tăng Ni đã đứng chật, che kín ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng, còn đồng bào đi theo thì bắt đầu xôn xao vì chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra.(15) 5. Rồi đoàn Tăng Ni tự động tách ra làm hai, bao quanh lấy chiếc xe Austin thành một vòng tròn khá rộng, đủ ngăn cả bốn ngã đường. Ngài được Đại đức Chơn Ngữ dìu ra khỏi xe Austin, đi thong thả và ung dung đến giữa ngã tư đường, tay cầm tràng hạt, và hai tay chấp vào nhau cúi lạy Chư Phật bốn phương. Đại đức Chơn Ngữ thi tay trái xách thùng xăng bước theo, còn Thượng tọa Đức Nghiệp thì trao vào tay Ngài hộp quẹt (lighter/briquet) và bao diêm (matchbox/boîte d'allumette) để Ngài tự bật lửa thiêu. Trong lúc đó, bác tài xế thì lăng xăng dở nắp capot máy xe lên làm như đang sửa chữa ...(16) 6. Đến vị trí ngay giữa ngã tư đường, Đại đức Chơn Ngữ mời Ngài ngồi xuống. Ngài ngồi "Kiết Già" tay mặt đặt lên tay trái. Đại đức Chơn Ngữ cầm thùng xăng đáng lẽ tưới lên vai Ngài, nhưng vì hốt hoảng lo sợ mật vụ tới nên đã đổ xăng từ đầu Ngài trở xuống. Rồi Đại đức Chơn Ngữ để thùng xăng xuống cách Ngài khoảng một mét rồi bước vội về phía các Tăng Ni, để Ngài ngồi lại một mình trên vũng xăng lênh láng.(17)

14. Theo Phạm Quý Vinh / Tạp chí Sông Hương.

15. Theo TKCường, Thích Đức Nghiệp và Huỳnh Văn Hải.

16. Theo TĐNghiệp, HVHải và TKCường.

17. Theo HVHải, Halberstam và ảnh (2) của Browne.

612 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

7. Ngài niệm Phật xong rồi bật hộp quẹt (lighter/briquet) nhưng vì hộp quẹt ướt xăng nên lữa không cháy, Ngài bèn mở hộp diêm (matchbox/boîte d'allumette) rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh. Lửa tức tốc bừng cháy đốt ngay thân xác Ngài như một pho tượng trong khi các Tăng Ni quỳ xuống vừa khóc vừa niệm "Nam mô A Di Đà Phật". Tiếng niệm

Phật rất não nùng thê thảm trong lúc ngọn lửa càng bốc cao, phủ kín cả người Ngài, nhưng Ngài vẫn ngồi vững như bàn thạch chấp hai tay trước ngực.(18) 8. Sau 7 đến 10 phút, toàn thân Ngài từ từ khô héo dần và co quắp lại, đầu Ngài trở nên đen dần và hóa thành than. Không khí đượm mùi thịt người cháy. Lửa vẫn bùng cháy khi thân thể Ngài ngã ra phía sau mà hai tay vẫn còn chắp trên ngực. Xung quanh các Tăng Ni vừa bái lạy vừa khóc, vừa niệm Phật. Cảnh sát đã cố ngăn vụ tự thiêu nhưng không thể xuyên qua được đám đông Phật tử đang vây quanh Ngài. Một cảnh sát phi mình vào và phủ phục trước Hòa thượng nhằm tỏ lòng kính trọng. Những người chứng kiến phần lớn sửng sốt trong yên lặng, số khác thì khóc thét và bắt đầu cầu nguyện. Nhiều nhà sư và ni cô cũng như người qua đường vì quá bàng hoàng đã quỳ lạy trước vị Hòa thượng đang cháy bừng. Một nhà sư tuyên bố nhiều lần qua một micrô bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt: “Một nhà sư đã tự thiêu. Một nhà sư đã trở thành con người tử vì đạo”.(19) 9. Sau 30 phút, thi hài của Hòa thượng Thích Quảng Đức được bọc trong một lá cờ Phật giáo và rước về chùa Xá Lợi. Tới cổng chùa, ông Mai Thọ Truyền nằm lăn trên đất dưới thi hài của Hòa thượng từ cổng tới cửa nhà giảng. Rồi những làn sóng người bốn phương tràn tới chùa Xá Lợi để kính viếng một Bồ tát đã thiêu thân.(20) Trong khi cố gắng tái dựng lại diễn tiến cuộc tự thiêu, chúng tôi thấy có ba điểm nổi bật: (a) Quyết định tự thiêu của Ngài Quảng Đức là một quyết định hoàn toàn cá nhân, xuất phát từ tâm nguyện riêng của Ngài muốn cúng dường đạo pháp để cứu nguy cho Phật giáo Việt Nam. Quyết định này được ấp ủ từ lâu, bắt nguồn từ chứng nghiệm tình hình Phật giáo đồ và chùa chiền bị đàn áp lúc bấy giờ, và đã được thể hiện thành văn từ trước, dù bị các vị lãnh đạo Phật giáo từ chối.

18. Theo Nguyễn Văn Thông, Halberstam và HVHải. 19. Theo Halberstam và hình của Browne cũng như của NVThông. 20. Theo TĐNghiệp.

(b) Sau khi Ngài Quảng Đức ngồi kiết già, người tưới xăng lên mình Ngài là Đại đức Thích Chơn Ngữ, thế danh là Huỳnh Văn Hải. Sau khi tưới xăng xong thì Đại đức bỏ đi về hướng các Tăng Ni để Ngài ngồi lại một mình trên vũng xăng. Ngài Quảng Đức bèn bật hộp quẹt (lighter/briquet) do TT. Đức Nghiệp trao cho nhưng vì hộp quẹt đẩm ướt xăng nên không bắt cháy. Do đó, Ngài vẫn đủ tỉnh táo để lấy nhiều que diêm trong hộp diêm (matchbox/boîte d’allumette) do TT Đức Nghiệp dúi vào tay từ trước, chập lại vào nhau, bật lên, lửa mới bắt đầu bùng cháy phựt lên. (c) Thật ra, để tái dựng một cách trung thực cuộc Tự thiêu, chúng ta cần một cuốn phim được quay tại hiện trường vào lúc đó. Truy tìm trên Google và các nguồn khác, chúng ta chỉ được những tấm hình tĩnh (still photos) của Browne và ông Nguyễn Văn Thông. Và dĩ nhiên có một số Video ngụy tạo mà chúng tôi sẽ phân tích ở phần sau. Tuy nhiên, có một Video ở trong nước, theo góc quay thì có vẽ là của một cơ quan nào đó của chính quyền VNCH cũ hơn là của Phật giáo, nay được phát hình lại như phim tài liệu ở trong nước. Theo chúng tôi thì có lẽ đây là phim động duy nhất của người Việt Nam còn được lưu trữ(21). Rất tiếc đây là loại phim đen trắng rất cũ, lại có vẻ đang “quay lén”, nên không rõ ràng. Và chẳng giúp cho chúng ta xác lập được những diễn biến chi tiết ngay trước khi lửa phựt cháy. Rồi

đây, khi cuốn phim đó được bạch hóa, và được xem phiên bản gốc, hy vọng chúng ta sẽ có nhiều chi tiết hơn. 5- NHỮNG NGỤY TẠO VÀ XUYÊN TẠC – BÓC TRẦN HAI LỜI VU KHỐNG Ngoài rất nhiều tài liệu ngụy tạo và xuyên tạc sự thật về tình hình Phật giáo dưới chế độ Diệm, những bài viết vu khống và phỉ báng cấp lãnh đạo cao cấp của Phật giáo Việt Nam (đã mất hay còn sống, cả ở trong lẫn ngoài nước), những bài gọi là "nghiên cứu lịch sử" hạ cấp phê phán Giáo pháp của đức Phật, … đặc biệt có hai cuốn phim được phát tán trên YouTube để trực tiếp phủ nhận ý nghĩa cao cả của cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, cuộc tự thiêu dẫn đến sự sụp đổ của một chế độ giáo trị phản dân tộc và phản thời đại, chế độ Ngô Đình Diệm: Thứ nhất là Video "A shot in 'Mondo Cane 2' " với tựa đề "Sai- gon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức".

/D_1-2_2-139_4-5374_5-50_6-1_17-46_14-1_15-1/

Video này do billymoc phát lên YouTube ngày 24 tháng 7 năm 2011 (sau đó cũng đã được tinhban1987 phát lên YouTube ngày 18-9- 2011 dưới tên gọi khác). Thông tin ghi địa điểm quay phim là "Sardi- na tại nước Ý, phim được thuyết minh bằng tiếng Ý và phát hành ngày 30 tháng 11 năm 1963 tại Ý". Phim của hai nhà làm phim người Ý tên là Guatiero Jacopettit và Franco Prosperi về những vụ đàn áp biểu tình tại Sài Gòn và vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức tại ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng". Phim dài 7 phút 48 giây. Đây là một video ngụy tạo rất vụng về, hiện trường và diễn viên có lẽ tại Thái lan hoặc Cambốt, nhưng tên tiếng Việt của Video ("Saigon 1963 với vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức") cũng như thông tin đi kèm (phát hành ngày 30 tháng 11 năm 1963 tại Ý) là chỉ cốt lạc dẫn người xem mà thôi. Xin đọc bài phân tích "Clip HT Quảng Đức tự thiêu diễn lại: từ điểm nhìn chuyên môn" của tác giả Minh Thạnh, trong đó ông đã chỉ tuvietnam.net/diendan/16902.html). Không rõ phim có thật do hai người Ý làm không, làm năm nào, và không biết thuyết minh tiếng Ý mang nội dung gì, nhưng khi dàn dựng cho có vẻ Việt Nam (nhân vật, khung cảnh, trang phục, diễn tiến sự cố … lại đan chen thêm những clip thật như đoạn bà Ngô Đình Nhu để tạo hỏa mù) lại đặt tiêu đề là "Saigon 1963 với vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức" thì rõ ràng những người chế tạo ra đoạn phim video này nhắm đối tượng là khán giả Việt Nam (nhất là người Việt Nam chỉ xem một lần rồi không quan tâm đến biến cố 1963 này nữa) với một ý đồ rõ rệt: Vụ tự thiêu của vị sư Thích Quảng Đức là cao điểm của một vụ bạo loạn chống chính quyền với sự đồng ý của lực lượng … cảnh sát ! (vì Cảnh sát đã không vào cứu vị sư mà ngược lại, còn giữ trật tự cho vị sư được tự thiêu). Điều thắc mắc duy nhất là tại sao (những) người thực hiện đoạn phim video này lại phạm quá nhiều sơ hở như thế? Ai xem cũng biết đó là phim dàn dựng, đó là phim ngụy tạo một sự thật lịch sử! Thế mà vẫn cho phổ biến để được những người chống phá Phật giáo phát tán thì những người thực hiện đó có ý đồ gì ? Dưới đây, chúng tôi xin bổ túc thêm (cho bài viết của tác giả Minh Thạnh) một số sai lầm khác của Video này (Xin xem ghi chú dưới các tấm ảnh):

0.03 - Tên phim bằng tiếng Mỹ Thông tin về cuốn phim

V0.19 Bảng đường sai tiêu chuẩn V1.06 Sai tiếng Mỹ, trật tiếng Việt

V1.32 Không đúng toà Đại sứ Mỹ V1.41 Không đúng quân phục

V1.56 Không đúng cổng chùa Xá Lợi V2.13 Clip thật hình bà Nhu

616 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

V2.49 Sư bị bắt vào xe bóng loáng ! V5.18 Cạo tóc bằng dao cạo điện

V6.13 Chùa Nam tông tại Cambốt ?! V6.30 Cảnh sát đứng ... nhìn

V6.53, 6.54, 6.55 và 6.56 liên tục - Đúng vào thời điểm bật lữa (V6.55) thì đầu một vị sư che mất HT Quảng Đức ! Vì sao ? Muốn dấu gì ? "người" tự thiêu là một hình nộm ? Hay là người thật nhưng bị chích thuốc mê man (drugged) ?

Thứ nhì là Video "TỰ THIÊU ?" với tựa đề "Thích Quảng Đức – THICH QUANG DUC". Video này do VIETNAMSAIGON75 phóng lên YouTube ngày 3 tháng 5 năm 2010. Trừ đoạn quay bà Ngô Đình Nhu tuyên bố với báo chí Mỹ về vụ tự thiêu của HT Quảng Đức ("barbecued" / nướng sư)

NGỤY TẠO VÀ XUYÊN TẠC VỀ CUỘC TỰ THIÊU CỦA BỒ TÁT • 617

là động, phần còn lại của video dùng những hình ảnh tĩnh để làm nền cho thuyết minh và thêm chữ bằng tiếng Việt. Phim dài 4 phút 21 giây. Nội dung của Video chủ yếu là để hổ trợ cho lập luận trong cuốn "Biến Động Miền Trung" của ông Liên Thành được nối kết / link với Video, rằng giới lãnh đạo phong trào Phật giáo năm 1963 là Cộng sản ("VC Phật giáo Ấn Quang"). Một cách cụ thể, Video còn cho rằng chính ông "Nguyễn Công Hoan đã dùng chiếc Zipo loại lớn để bật lửa rồi đốt cháy Hòa thượng Thích Quảng Đức trong lúc ông đã bị hôn mê hoàn toàn" nhằm bênh vực cho tuyên bố "nướng sư " của bà Ngô Đình Nhu.

Lập luận đó quay quanh chuyện ông Nguyễn Công Hoan đã chích thuốc "an thần Trenxinne và Trancanin" vào người HT Thích Quảng Đức từ nhiều ngày trước. Và đến ngày 11-6-1963 thì ông Hoan dìu một HT. Quảng Đức đã thành "một kẻ vô hồn" ra ngồi tại ngã tư đường để ông ấy tưới xăng lên đầu Ngài và tự tay châm lữa đốt Ngài. Do đó, đây không phải là một vụ tự thiêu mà là một vụ "nướng sư" như bà Ngô Đính Nhu đã tuyên bố. Thật vậy, kèm theo Video "TỰ THIÊU?" này là trích đoạn sau đây:

618 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

"Uploaded by VIETNAMSAIGON75 on May 3, 2010 Việt cộng NGUYỄN CÔNG HOAN ĐÃ THIÊU SỐNG THÍCH QUẢNG ĐỨC "Vào lúc 7 giờ sáng ngày 11-6-1963, (nhằm ngày 20-4 âm lịch) Những kẻ sát nhân này là Trần Quang Thuận đã chở Hòa thượng Thích Quảng Đức đến ngã tư Lê Văn Duyệt Phan Đình Phùng, Sài Gòn, cùng Nguyễn Công Hoan VC nằm vùng (Dân biểu của Việt Nam Cộng Hòa). Sau ngày mất nước Nguyễn công Hoan cũng tiếp tục là dân biểu tỉnh Phú Khánh của bọn Việt-gian-cộng-sản. Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn Thạnh) là người đồng hương với Hòa thượng Thích Quảng Đức. Theo

những tài liệu cũ, thì suốt trong thời gian cuối đời của Hòa thượng Thích Quảng Đức, sau khi đã "được" VC Phật giáo Ấn Quang đã ra lệnh phải bức tử, Nguyễn Công Hoan luôn luôn ở bên cạnh Hòa thượng Thích Quảng Đức, để "theo dõi sức khỏe". Nhưng, thực ra, mỗi ngày Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn

Thạnh) đóng vai là một y tá đã chích cho Hòa thượng Thích Quảng Đức bằng "thuốc trợ tim" (Thuốc an thần Trenxinne và Trancanin) đã khiến cho Hòa thượng Thích Quảng Đức từ từ biến thành một kẻ vô hồn. Bởi vậy, nên mọi người đều thấy khi được dìu đến nơi để phải chịu đốt, thì Hòa thượng Thích Quảng Đức đã hoàn toàn hôn mê, bất động và ngồi như một bức tượng đá trong ngọn "Lửa Từ Bi" của Việt cộng. Và, chính Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn Thạnh) là tên giả sư đã tự tay cầm một can xăng để tưới từ trên vai xuống người của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Rồi cũng chính Nguyễn Công Hoan đã dùng chiếc Zipo loại lớn để bật lửa rồi đốt cháy Hòa thượng Thích Quảng Đức trong lúc ông đã bị hôn mê hoàn toàn, ... Gần nửa thế kỷ, từ ngày Thích Quảng Đức BỊ THIÊU SỐNG cho đến hôm nay, không một ai đặt câu hỏi rằng người tưới xăng vào Thích Quảng Đức và bật hộp quẹt đốt cháy là ai? Thông thường bản năng tồn tại của con người la phản kháng trước sự đau đớn, cháy, nóng nhưng ở đoạn phim này thì ngược lại là TQĐ hoàn toàn đã chết trước khi bị đốt. Người Phật tử và những vị sư cao tăng nhất cũng chưa bao giờ điều tra về việc này và chuyện dễ nhất là cứ đổ tội trên đầu hai anh em TT Diệm cho xong,vì dù sao họ cũng đã chết rồi. Nhìn lại lịch sử sẽ thấy rằng: Bao lâu mà người Phật giáo không dám nhìn vào sự thật của lịch sử thì bấy lâu Việt cộng sẽ thao túng tất cả các tôn giáo mà chẳng riêng gì Phật giáo. Vì Việt cộng là kẻ chủ mưu những việc thiêu sống các sư, thì tất nhiên chúng sẽ không bao giờ để xảy ra một Thich Quảng Đức thứ hai.. eo/item/69/69 "(22) Phản bác lời vu khống: Như ta đã thấy ở các phần trên, vụ tự thiêu của Ngài Thích Quảng Đức (một cao điểm của phong trào Phật giáo vận động chống chánh sách kỳ thị tôn giáo, dẫn đến sự tham gia và liên kết với các lực lượng quần chúng khác tại miền Nam chống chính quyền Diệm, và đánh động được sự ủng hộ của dư luận thế giới, kể cả Vatican) đã xảy ra giữa thanh thiên bạch nhật, được những nhân chứng trong và ngoài nước ghi lại rõ ràng như thế. Vậy mà những kẻ hoài Ngô, nuôi hận thù, vẫn cố gắng bóp méo sự thật về vụ tự thiêu cho bằng được.

Bóp méo, mà bóp méo một cách trắng trợn, vì nếu người tẩm xăng không phải là ông Nguyễn Công Hoan mà là ông Huỳnh Văn Hải, nếu người bật hộp quẹt không phải là ông Nguyễn Công Hoan mà chính HT Thích Quảng Đức tự bật quẹt cho lữa phực cháy, thì toàn bộ cuốn Video "TƯ THIÊU?" này trở thành vô giá trị. Hoặc chỉ có giá trị như một lời vu khống gian xảo! Hai điểm vu khống của họ đã bị những nhân chứng và dữ kiện phủ bác như sau: 1- Về lời vu khống cho rằng Hòa thượng Thích Quảng Đức bị chích thuốc mê trở thành kẻ vô hồn và bị dìu ra ngồi chịu đốt, ta thấy Hòa thượng đã có ý định tự thiêu từ đầu, xuất phát từ những cảm nhận cá nhân của Ngài trước sự tàn ác của chính quyền Diệm và trước vận mệnh nghiêng ngữa của Phật giáo Việt Nam.

Ngài đã đơn phương và tỉnh táo lấy quyết định tự thiêu qua lá thư thỉnh cầu (từ hơn 2 tuần trước khi tự thiêu, ngày 27-5-1963) và thư tuyệt mệnh (ngày 4-6- 1963), do đó là một quyết định có tính toán trước (premeditated deci- sion). Hơn thế nữa, ngay đến phút chót, qua tấm ảnh T1 (mục 3.3.1) của ông Nguyễn Văn Thông và ảnh số (2) (mục 3.4) của Malcolm Browne, ta thấy Ngài, ngồi một mình vì Đại đức Chơn Ngữ đã bỏ đi, vẫn tỉnh táo để tự mình lần đầu bật hộp quẹt không cháy, thì lần thứ nhì quẹt diêm thắp cho lữa bùng cháy lên. 2- Về lời vu khống rằng ông Nguyễn Công Hoan là người "đóng vai ý tá", trước đó nhiều ngày theo sát chích "thuốc trợ tim" đầu độc Ngài, và ngày 11-6-1963 đã tưới xăng lên mình Ngài rồi dùng hộp quẹt Zippo bật lữa đốt cháy Ngài thì Hồi ký của TT. Thích Đức Nghiệp, hai tấm ảnh T1 của ông Thông và số (2) của ông Browne, và nhất là bài viết của ông Huỳnh Văn Hải trên báo Chấn Hưng vào năm 1985, đã xác định chính ông Huỳnh Văn Hải (trước khi xuất tu là Đại đức Thích Chơn Ngữ) là người đã tưới xăng nhưng không phải là người bật lửa trong cuộc tự thiêu. Riêng về ông Nguyễn Công Hoan, chúng tôi chỉ được biết ông gốc Phú Yên sinh năm 1944, tức là một thanh niên chỉ mới 19 tuổi vào năm 1963 thì trông không thể cao lớn và già dặn như ĐĐ. Chơn Ngữ khoảng 30 tuổi trong tấm hình được (Việt Cộng cũng không "dại" gì giao cho một "cán bộ" mới 19 tuổi thi hành một "điệp vụ" quan trọng như thế). Ông là học sinh lớp toán của cựu Hải quân Trung tá Trần Văn Sơn tại trường Trung học Võ Tánh ở Nha Trang, đã đắc cử làm Dân biểu thời Đệ nhị Cộng hòa (Phóng ảnh Công báo VNCH được

lưu trữ tại Thư viện Quốc hội Mỹ ở Washington DC). Sau 1975, ông từng là Đại biểu Quốc hội trong nước, nhưng gần hai năm sau, tháng 3 năm 1977, ông vượt biên qua Nhật rồi được chính phủ Mỹ mời qua điều trần tại Quốc hội về tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam. Sau đó, ông được hưởng quy chế tị nạn chính trị để ở lại Mỹ luôn.(23) Như vậy, khi so sánh miền gốc quê hương (Huế/Phú Yên), vóc dáng vào năm 1963 (lớn/nhỏ), tuổi tác vào năm 1963 (30/19), nghề nghiệp (Tăng sĩ Giáo sư/Dân biểu Quốc hội), học vị trước 1975 (Tiến sĩ ở Pháp / Cử nhân trong nước), ngày vượt biên (1981/1977) và quốc gia đến sau khi vượt biên (Mỹ/Nhật), thì rõ ràng ông Huỳnh Văn Hải (tức ĐĐ. Chơn Ngữ) và ông Nguyễn Công Hoan là hai người hoàn toàn khác nhau. Và vì nhiều người (kể cả công an mật vụ của Diệm) biết ông Huỳnh Văn Hải là người đã tưới xăng lên mình Ngài Quảng Đức năm 1963, rồi chính ông Hải cũng đã công khai kể lại động thái đó trên báo, thì ông Nguyễn Công Hoan chắc chắn không phải và không thể là người tưới xăng lên mình HT. Quảng Đức được. Cái Video "TỰ THIÊU?" và những luận điệu nhập nhằng theo sau đó, chỉ là một sự vu khống trắng trợn mà thôi!

Người đổ xăng trong ảnh có mang vóc dáng và ngoại diện của thanh niên 19 tuổi "Nguyễn Công Hoan" như video "Tự Thiêu?" vu khống không ? [Ảnh (1) toàn cảnh của Malcolm Browne, Sài Gòn, 11-6-1963 – thu nhỏ và enhanced của tác giả bài viết này]

Những kẻ ngụy tạo ra "kịch bản" giả mạo đã không ngờ, vì có lẽ không biết đến, hai yếu tố: Bức ảnh số (2) của Malcolm Browne và bài ký tự sự của ông Huỳnh Văn Hải viết năm 1985 kể lại cuộc tự thiêu mà chính ông đóng một vai trò quan trọng trong đó. Vì

không biết nên những lời vu khống bất lương và vô bằng chứng của họ không

23. Theo ông Trần Văn Sơn, tức nhà bình luận chính trị Trần Bình Nam:

những trở nên vô giá trị mà còn tố cáo hành động gian trá của họ cho mọi người đều biết. Biết gì? Biết rằng điều răn "Ngươi không được làm chứng gian hại người" của đạo Chúa, đối với nhóm Cần lao Công giáo hoài Ngô, chỉ là mồm mép cho vui mà thôi, cứ "chứng gian hại người" nhiều vào rồi xưng tội với Cha là ... xong ngay! 6- KẾT LUẬN Đã gần 50 năm rồi mà cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức vẫn làm cho những kẻ tội độ với Dân tộc phải run sợ nên tìm cách xuyên tạc vu khống. Tuy nhiên, vụ tự thiêu của Ngài Quảng Đức chỉ là một trường hợp tiêu biểu trong toàn bộ chiến dịch chụp mũ và phỉ báng Phật giáo Việt Nam, do đó, bài viết này xin được đóng lại với một câu hỏi lớn hơn: Tại sao lại có cả một chiến dịch đánh phá Phong trào Phật giáo 1963 nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung? Câu trả lời ngắn là vì con chiên Ngô Đình Diệm đã để lại lời nguyền rất phù hợp với Kinh Thánh rằng "Tôi chết thì trả thù cho tôi", và vì con chiên khác là bà Ngô Đình Nhu, người mà hết chồng đến con, hết cha đến mẹ, 4 người thân yêu nhất lại đều bị chết thảm tử theo đúng "nhiệm ý Thiên Chúa" hay luật báo ứng nhân quả, thì tuyên bố với Mỹ rằng các cuộc tự thiêu của các nhà tu hành vị Pháp vong thân chỉ là những "màn nướng sư" (monk barbecue show). Nhưng thật ra, câu trả lời nằm ở kích thước cao hơn: Vì Phật giáo là phên dậu văn hóa của quốc gia, là kẻ đồng hành sắt son của dân tộc, nên phải đi tìm câu trả lời ở tầng lịch sử, văn hóa và chính trị. Từ đó, chỉ thế lực nào muốn thay thế văn hóa nước ta bằng một nền văn hóa nô dịch thần quyền; chỉ thế lực nào muốn dân tộc ta phục vụ cho quyền lợi ngoại bang, chỉ những thế lực có truyền thống làm Việt gian tay sai cho giặc ngoại xâm như thế mới "đánh phá" Phật giáo Việt Nam.

***

DƯ LUẬN VÀ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI ĐỐI VỚI CUỘC TRANH ĐẤU BẢO VỆ PHẬT GIÁO Minh Không Vũ Văn Mẫu

Trong một cuộc phỏng vấn, Ngô Đình Nhu đã từng tuyên bố trước phóng viên báo chí ngoại quốc rằng sở dĩ Phật giáo được sự ủng hộ nhiệt liệt của dân chúng trong việc đấu tranh là chỉ nhờ khéo biết tuyên truyền. Nhu đã nói đùa với họ: "Các nhà sư có một kỹ thuật tuyên truyền khéo hơn hệ thống tuyên truyền của các Nha Sở chúng tôi. Chúng tôi có lẽ thấy phải thay thế các Nha Sở tuyên truyền của Chính phủ bằng hệ thống tuyên truyền của các nhà sư...!" Và Nhu đã kết luận với một giọng khinh mạn: "Sự tuyên truyền của Phật giáo chỉ phù hợp với dân chúng của một nước chậm tiến, còn tin dị đoan..." (The buddhist propaganda is suited to people in an under- developed country, people who believe in superstitions)(1) Ngô Đình Nhu đã hoàn toàn sai lầm trong nhận xét trên, và do đó đã đưa chế độ họ Ngô đến con đường tan rã. Phong trào tranh đấu của Phật giáo được toàn dân ủng hộ vì những quyền căn bản của con người đã bị chính quyền chà đạp. Trong số những người ủng hộ Phật giáo, có cả nhiều người Công giáo, và hơn nữa, chính Đức Giáo hoàng Phao Lồ Đệ Lục (Paul VI) cũng đã lên án

chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Ngoài ra, trên trường quốc tế, từ bốn phương, dư luận báo chí và các chính phủ trên thế giới đều ủng hộ mạnh mẽ cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo Việt Nam cho nguyên tắc tự do tín ngưỡng. Không một ai có thể coi Anh, Mỹ, Pháp, Úc... và bao nhiêu nước văn minh trên thế giơi là chậm tiến hoặc mê tín dị đoan.

1. The new Face of Buddha – Jerrold Schecter.

624 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Ai cũng biết báo chí xuất bản tại Thủ đô Sài Gòn dưới chế độ Ngô Đình Diệm đều bị chi phối chặt chẽ, không được đăng các tin bất lợi cho Chính phủ, song dư luận quốc tế về vấn đề Phật giáo không những được Ủy ban Liên Phái phổ biến rộng trong nước bằng những bản tin hằng ngày in ronéo, phát cho các Phật tử đến lễ tại chùa Xá Lợi, mà còn được loan truyền trên làn sóng điện của các đài phát thanh ngoại quốc, nhất là của Mỹ (đài VOA) và của Anh (đài BBC) Dư luận thế giới đã tham luận rất nhiều về cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo Việt Nam và chính sách kỳ thị đàn áp tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm mà không một quyển sách nào có thể thu thập được hết tất cả các tài liệu này. Tuy nhiên, để có một cái nhìn tổng quát không đến nỗi thiếu sót, thiết tưởng có thể phân tích vấn đề này dưới ba sắc thái chính yếu: - Dư luận và ủng hộ của Tòa thánh Vatican. - Dư luận và ủng hộ của các nước theo Phật giáo. - Dư luận và ủng hộ của các Chính phủ Âu Mỹ. DƯ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA TÒA THÁNH VATICAN Nếu như Tổng Giám mục Ngô Đình Thục đã đóng một vai trò tích cực trong chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, thì trái lại, Tòa thánh Vatican lại luôn luôn có thái độ phản đối chính sách này. Trong khi kẻ cầm bút này còn giữ trách nhiệm điều khiển Bộ Ngoại Giao (cho đến ngày 23-8-1963), đại diện của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam là Đức Khâm sứ Asta đã tỏ bày nhiều lần ý kiến rằng: “Chính sách của Chính phủ Việt Nam đối với Phật giáo không phải là chính sách của Tòa thánh Vatican”. Trong thời kỳ Pháp nạn, Giáo hoàng Phao Lồ Đệ lục (Paul VI) đã ba lần lên tiếng về vấn đề Phật giáo. Lần đầu tiên vào ngày 3-8-1963, Giáo hoàng đã đề cập đến vấn đề này trong một bài diễn văn đọc trước sinh viên Công giáo Việt Nam(2). Lần thứ hai, Giáo hoàng đọc một thông điệp gửi đến nhân dân Việt Nam ngày 30-8-1963.(3) Như đã chép trong chương I, bản thông điệp này đã bị Chính phủ Ngô Đình Diệm ngăn chận không cho phổ biến và Tổng Giám mục Ngô Đình Thục đã chê trách thái độ của Giáo hoàng. Và lần thứ ba,

2. Báo Observatore Romana ngày 4/8/63. 3. Báo Observatore Romana ngày 30/8/63.

DƯ LUẬN VÀ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI • 625

Giáo hoàng đã gửi một bức thư cho Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình tại Sài Gòn, đề ngày 26-8-1963.(4) Tại sao bức thông điệp của Giáo hoàng gửi đến nhân dân Việt Nam lại bị Chính phủ Diệm cấm phổ biến? Trong bức thông điệp này, “Giáo hoàng đã biểu lộ sự chú tâm và đau đớn theo dõi các biến cố bi thảm đương dầy vò nhân dân Việt Nam và sự lo âu của Giáo hoàng ngày càng thêm sâu sắc...Giáo hoàng cầu nguyện để cho tất cả mọi người, trong mối hợp tác khoan dung và trong sự tương kính các quyền tự do

chân chính, đoàn kết với nhau để tái lập tương thân và tình huynh đệ" (le Pape exprime sa douloureuse préoccupation au sujet des tristes évènements qui affigent le cher peuple Viêtnamien, tandis que l'angoisse devient de jour en jour plus profonde et lanci- nante...Et il fait des voeux que tous, dans une généreuse collabora- tion et dans un mutuel respect des libertés légitimes, unissent pour rétablir la concorde réciproque et la fraternité).(5) Thiết tưởng cũng cần nhắc lại rằng ngay từ những ngày đầu tiên của Pháp nạn, nhiều đồng bào theo Thiên Chúa giáo đã chỉ trích chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính quyền Diệm. Thật vậy, sau vụ triệt hạ cờ Phật giáo, Linh mục Lê Quang Oánh và một số đồng chí đã gửi đến Hòa thượng Thích Tịnh Khiết một bức thư cực lực lên án chính sách này. Sau đây là nguyên văn bức thư lịch sử ấy, phản ảnh sự đoàn kết của toàn dân để bảo vệ quyền linh thiêng nhất của con người là tự do tín ngưỡng: Kính gửi: - Hòa thượng Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam. - Thượng tọa Trị Sự trưởng Giáo hội Tăng Già Nam Việt. Kính thưa quý vị, Chúng tôi, Linh mục Lê Quang Oánh, nhân danh khối Giải Sĩ Đồng Tâm cùng đại diện các đoàn thể khác của chúng tôi, kính gửi đôi lời huyết lệ như sau: Rất đau buồn cho thế đạo nhân tâm. Xin kính cẩn phân ưu cùng

4. Lá thư này đã được cơ quan ngôn luận của Tòa thánh Vatican trong số ra ngày 20/9 và nguyên văn được công bố trong tập La Documentation Catholique 1963, cột 1375. 5. Catholiques et Bouddhistes au Vietnam – Piero Gheldo, Alsatia Cohnar, France 1970, trang 242.

quý vị và các quý Phật tử trong cuộc tang thương vào dịp lễ Phật Đản năm nay ở Cố đô Huế, tán đồng quan điểm đấu tranh cho "tín ngưỡng tự do". Không đào ngũ, chẳng yếu hèn, kìa dưới quốc kỳ Việt Nam, bao chiến sĩ anh hùng ta hy sinh trên khắp ngã đường đất nước. Tinh thần ái quốc ấy từ lâu đã được hun đúc bởi tinh hoa của các tôn giáo tự nhiên và siêu nhiên. Xin nghiêng mình mặc niệm các linh hồn tử sĩ, chia buồn với gia đình họ, và an ủi các nạn nhân trong cuộc đổ máu này. Chúng tôi lên án "Tội bất công" đã giết hại đồng bào vô tội. Thật là tàn bạo, dã man, phản dân chủ, phản tự do, phản đạo đức, làm nhục cho quốc thể Việt Nam, một nước văn hiến trên bốn nghìn năm lịch sử. Dám quả quyết rằng: "Nhân nghĩa" sẽ thắng. Những màu cờ tương trưng cho công bằng, bác ái, nhân đạo và hòa bình như quốc kỳ Vatican, Hội kỳ Hồng Thập Tự, đạo kỳ Phật giáo, Thánh kỳ Maria vẫn còn mãi mãi tung bay trên đất Việt thân yêu và khắp toàn cầu, mặc dù có xàm ngôn xuẩn động xúc phạm tinh thần phúc âm mà Đức Giáo hoàng đã diễn đạt trong thông điệp Hòa Bình thế giới, một văn kiện rất thời danh. Đức Giáo hoàng Gioan XXIII, khi tiếp phái đoàn Phật giáo Nhật Bản, Ngài đã nói với 19 vị Thượng tọa rằng Công giáo và Phật giáo chúng ta đều phụng sự cho "Hòa Bình". Trên Hồ Than Thở Đà Lạt 12-5-1963 Đại diện ký tên: Linh mục G.M. Lê Quang Oánh, Linh mục T. Võ Quang Thiêng, Nữ sinh M. Ngọc Lan Hương, Lao công A. Hùng Trí Siêu, Thân Hòa N. Thanh Lục, Tu sĩ P. Viên Tô Tư, Giáo hữu B. Huỳnh Phú Sỹ, Thanh niên V. Leo Kim Chi, Nhân sĩ Đèo Văn Hộ. Nơi nhận: - Hòa thượng Hội chủ Giáo Hội Phật giáo Việt Nam. - Thượng tọa Trị Sự trưởng Giáo hội Tăng Già Việt Nam. Sao kính gửi: Đức Khâm

Sứ và các Linh mục Công Giáo

DƯ LUẬN VÀ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI • 627

Vào đầu tháng 8 năm 1963, Giáo hoàng Phao Lồ Đệ lục đã dùng đường lối ngoại giao can thiệp khuyên nhủ Chính phủ Ngô Đình Diệm phải có một chính sách khoan hòa. Giáo hoàng đã can thiệp trực tiếp với ông Ngô Đình Diệm sau khi nhận được lời kêu gọi của ba quốc gia Phật giáo là Cam Bốt, Tích Lan và Népal, do Tổng Thơ Ký U Thant chuyển đạt. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã gửi đến Giáo hoàng Paul VI một điện văn để cám ơn về sự can thiệp nầy. Sau cuộc Cách Mạng 1-11- 1963, Ủy ban Liên Phái cũng gửi đến Giáo hoàng Paul VI một điện tín tri ân về việc can thiệp của Tòa thánh trong thời kỳ Phật giáo tranh đấu. DƯ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CÁC NƯỚC PHẬT GIÁO Á CHÂU Các nước theo Phật giáo, lẽ dĩ nhiên, đã ủng hộ nhiệt liệt cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam ngay từ khi vụ triệt hạ cờ Phật giáo mới bùng nổ tại Huế vào ngày Khánh lễ Phật Đản. Không những báo chí các nước này đã tường thuật cặn kẽ và lên án chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo, mà Chính phủ các nước ấy cũng còn chính thức lên tiếng chỉ trích Chính phủ Ngô Đình Diệm và còn vận động để đưa vấn đề nầy ra trước Liên Hiệp Quốc. Không thể phân tích và trình bầy hết tất cả chi tiết của dư luận báo chí trong khuôn khổ chật hẹp của tập sách này, chúng tôi chỉ ghi chép thái độ chính thức của các nước theo Phật giáo như Cao Miên, Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Trung Hoa, Nhật Bản và Cao Ly. Bộ Ngoại Giao Việt Nam và các đại diện Việt Nam tại các nước Phật giáo đã trải qua một thời kỳ ê chề khó khăn khi gặp sự phản đối của các quốc gia Phật giáo về chính sách kỳ thị Phật giáo ở Việt Nam. Ông Phạm Trọng Nhân, Đại diện của Chính phủ Việt Nam tại Cao Miên đã bầy tỏ những phút "ăn làm sao, nói làm sao bây giơ" trong giai đoạn Pháp nạn, một cách chân thành: Người ta thường nói: "Nghề Đại sứ là nghề bưng bít những lỗi lầm của chính phủ (Le métier d'Ambassadeur est celui de couvrir les gaffes d'en haut). Thoạt nghe có vẻ khôi hài, nhưng ý niệm đó cũng có một phần nào thực. Không ai có thể hình dung nỗi bối rối, thẹn thùng... của các nhân viên ngoại giao Việt Nam tùng sự tại quốc nội hay quốc ngoại, kể từ ngày tấm bi kịch Phật giáo bùng nổ bất ngờ và được loan tin bằng những dòng chữ lớn trên báo chí quốc gia và quốc tế.

628 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Hằng tuần, các tòa Đại sứ Việt Nam nhận được rất nhiều tài liệu để dẫn chứng và "giải độc": Phật giáo không hề bị đàn áp và có nhiều Phật tử Việt cộng đã trà trộn trong hàng ngũ Phật giáo đồ để gây chia rẽ.(6) Nhưng làm sao thuyết phục được người ngoài khi chính các nhân viên có nhiệm vụ thuyết phục cũng không tin như thế."(7) Tuy nhiên, trong khối các quốc gia Á châu theo Phật giáo cũng cần phân biệt ba nhóm: 1/ Nhóm thứ nhất chỉ gồm Cao Miên vốn vẫn có nhiều mối thâm thù với Việt Nam Cộng Hòa nói chung và đặc biệt với cá nhân Tổng thống Ngô Đình Diệm. Cao Miên đã nhân cơ hội này để chỉ trích cay đắng Chính phủ Ngô Đình Diệm và nhắc nhở lại các mối thù xưa. 2/ Nhóm thứ hai gồm các quốc gia trung lập như Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện. Sự chỉ trích của họ không kém phần kịch liệt, nhưng rất nghiêm chỉnh. 3/ Nhóm thứ ba gồm các quốc gia có một lập trường chính trị giống Việt Nam, như Trung Hoa Quốc Gia, Cao Ly,

Nhật Bản. Thái độ của các chính phủ này tuy chỉ trích Chính phủ Ngô Đình Diệm nhưng tỏ vẻ dè dặt hơn và chỉ quyết định rõ rệt chính sách này sau vụ tấn công chùa chiền trong đêm 20-8-1963. Thái độ và sự ủng hộ của Cao Miên Giới Phật giáo Cao Miên, ngay từ đầu tháng 6/ 1963, đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình: Ngày 8-6-1963, sư sãi thuộc Thammayat đã họp tại chùa Bottom Vaddey, một ngôi chùa quan trọng tại Thủ đô Nam Vang, để phản đối các biện pháp kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam. Một cuộc mít tinh được tổ chức ngay ngày hôm sau (9-6-1963) tại một ngôi chùa lớn khác tại Nam Vang là chùa Onnalum để phản đối chính sách đàn áp Phật tử tại Việt Nam. Bốn ngày sau (13-6-1963), cũng tại chùa Onnalum, lại có một cuộc mít tinh khác lên án Chính phủ Ngô Đình Diệm và yêu cầu Quốc trưởng Cao Miên chính thức can thiệp để ủng hộ các Phật tử Việt Nam đang bị khủng bố. Cùng ngày 13-6-1963, Hội trưởng Hội Việt kiều Phật giáo tại Cao

6. Các tài liệu này do Tổng Nha Thông tin soạn theo chỉ thị của Ngô Đình Nhu. 7. Cuốn sổ tay của một nhân viên Ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi – Phạm Trọng Nhân, Bách Khoa số ra ngày 15-1-64, trang 31.

Miên là ông Trần Văn Được đã gửi thư lên Quốc trưởng Cao Miên “lên án sự đàn áp đẫm máu và ngược đãi tàn tệ các Phật tử của Chính phủ Việt Nam” và thỉnh cầu Quốc trưởng Cao Miên yêu cầu tổ chức Liên Hiệp Quốc can thiệp. Ngày 16-6-1963, gần 5.000 Việt kiều và 200 nhà sư Việt kiều biểu tình trước Tòa Đại diện Việt Nam tại Nam Vang. Chính phủ Cao Miên cũng minh định thái độ ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam ngay từ đầu tháng 6-1963. Ngày 1-6-1963, nhân lễ khánh thành chùa Onnalum mới được trùng tu, Quốc trưởng Sihanouk đã tuyên bố ủng hộ nhiệt liệt Phật tử Việt Nam đương bị chính quyền đàn áp: “Chúng ta hãy tưởng niệm và cầu siêu cho các Phật tử Việt Nam, nạn nhân của Chính phủ Ngô Dình Diệm… Cao Miên sẽ đóng góp với Tích Lan và các nước theo Phật giáo khác để đưa vấn đề ra trước tổ chức Liên Hiệp Quốc”. Ngày 13 tháng 6, Tổng trưởng Bộ Ngoại Giao Cao Miên mời Đại diện Việt Nam Cộng Hòa tại Cao Miên là ông Phạm Trọng Nhân(8) đến và trao một bức thư để chuyển về Bộ Ngoại Giao Việt Nam. Trong thư này, Bộ Ngoại Giao Cao Miên đã tỏ lòng công phẫn của Chính phủ và nhân đân Cao Miên trước các vụ ngược đãi tôn giáo đối với nhân dân miền Nam Việt Nam, và bày tỏ nỗi lo ngại trước tính phổ biến của các biện pháp đàn áp Phật tử và kỳ thị Phật giáo, kêu gọi sự hiểu biết và đức độ của Chính phủ Việt Nam để vấn đề đau thương này sớm được giải quyết hợp với các nguyên tắc của bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền. Sau khi các chùa bị tấn công trong đêm 20-8-1863, Chính phủ Cao Miên, ngày 23-8-1963, đã cực lục lên án Chính phủ Việt Nam trong một bản Thông Cáo chính thức. “Chính phủ Hoàng gia Cam Bốt kinh hãi khi nhận được tin Chính phủ Sài Gòn đã đàn áp dã man Phật Giáo đồ, tấn công chùa chiền, phá hủy tượng Phật, chiếm đoạt Giáo đường, ngược sát và câu lưu Tăng Ni Phật tử. Các hành động này thật khinh thường và thách thức thế giới văn minh…chỉ có Hitler trước đây mới dám phạm những tội đại ác như vậy… Những vụ lưu huyết như vậy khiến chúng ta lo ngại một cuộc chiến tranh tôn giáo sẽ xảy ra tại Đông Nam Á…Chính phủ Hoàng gia Cam Bốt hoàn

toàn ủng hộ các Tăng Ni Phật tử Việt Nam.”

8. Giữa Cao Miên và Việt Nam không có trao đổi liên hệ ngoại giao thời Đệ nhất Cọng hòa, vì vậy mỗi nước chỉ đặt tại nước kia một Đại diện Chính phủ (Représent- ant du Gouvernement) nhưng được hưởng quy chế ngoại giao.

630 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Sáng ngày 24-8, Chính phủ Cam Bốt gửi điện văn cho ông U Thant, Tổng Thư ký tổ chức Liên Hiệp Quốc, yêu cầu can thiệp khẩn cấp tại Việt Nam, và nếu cần, triệu tập phiên họp bất thường phục hồi các nhân quyền thiêng liêng nói chung và quyền tự do tôn giáo nói riêng tại Việt Nam. Ngày 25-8, Quốc trưởng Cam Bốt yêu cầu Quốc Hội nghiên cứu vấn đề đoạn giao với Việt Nam. Sáng ngày 26-8, Quốc Hội Miên đồng thanh biểu quyết đoạn giao kể từ ngày 27-8-1963. Trong bản Điệp văn gửi Chính phủ Việt Nam ngày 27 tháng 8 để tống đạt chính thức quyết định đoạn giao này mà báo chí Cao Miên đều đăng tải nguyên văn, Quốc trưởng Sihanouk đã lên án chính sách kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm với những lời lẽ rất nặng nề: “Từ nhiều năm nay, Chính phủ Việt Nam đã áp dung chính sách kỳ thị tôn giáo, có hại cho tôn giáo. Chính Phật Giáo đồ Cambodge cũng đã bị đàn áp giam giữ, các chùa chiền bị cướp phá và tiêu hủy. …Toàn thể dân tộc Cam Bốt cũng như tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều công phẩn và ghê tởm trước những hành động dã man đàn áp Phật giáo Việt Nam. Nước Cam Bốt Phật giáo chủ trương khoan hồng triệt để về tín ngưỡng, vì vậy lên án óc bè phái và cuồng tín vốn là những quan niệm đe dọa đời sống chung hòa hợp giữa các tôn giáo tại Á đông và nền hòa bình nội bộ tại các nước đó. Xét thái độ của Chính phủ Việt Nam đối với dân tộc, dòng dõi và tín ngưỡng của Quốc gia Cam Bốt, Chính phủ Hoàng gia hoàn toàn đồng ý với Quốc Hội bắt nguồn từ toàn thể dân tộc, đã quyết định ngưng mọi liên lạc chính trị với Chính phủ Việt Nam hiện thời…”(9) Thái độ và sự ủng hộ của các nước Trung lập Các nước Trung lập theo Phật giáo tại Á châu là Tích Lan, Miến Điện và Ấn Độ đã ủng hộ nhiệt liệt cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật Giáo đồ tại Việt Nam, và đã quyết định đưa vấn đề ra trước Liên Hiệp Quốc để tố giác chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm tại Việt Nam.

9. Cuốn sổ tay … – Phạm Trọng Nhân, thượng dẫn.

DƯ LUẬN VÀ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI • 631

A- Thái độ và sự ủng hộ của Tích Lan Không kể các báo chí đã tố cáo chi tiết các vụ đàn áp Phật giáo tại Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu tiên và nêu rõ trách nhiệm của Chính phủ Ngô Đình Diệm, các Hội Phật hoc Tích Lan(10) đã kêu gọi Chính phủ Tích Lan phải có biện pháp thích ứng để bênh vực Phật tử Việt Nam và đưa vấn đề ra Liên Hiệp Quốc. Giáo sư các Viện Đại học và sinh viên họp mít tinh phản đối Chính phủ Việt Nam và kêu gọi Liên Hiệp Quốc có biện pháp thích ứng trong vụ đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. Tổng Liên Đoàn Lao Động, các đảng thiên Tả và Cộng sản cũng quyết liệt chỉ trích chính sách đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. Chính quyền Tích Lan, ngay từ 20-5-1963, trong một bản Thông Cáo, đã cho biết chính phủ rất xúc động trước các tin tức báo chí về chính sách của Chính phủ Việt Nam và hứa sẽ hành động khi có đủ tin tức do các

nước bạn có đại diện Ngoại Giao tại Sài Gòn cung cấp. Ngày 30-5-1963, tại Tích Lan, chính phủ ra một bản thông cáo nữa bày tỏ mối xúc động sâu sắc trước các hành động đàn áp tàn bạo Phật giáo ở Việt Nam và hứa sẽ nhờ ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc can thiệp, cùng vận động với các nước Phật giáo khác để đem vấn đề ra trước Liên Hiệp Quốc. Ngày 16-6-1963, Bộ Ngoại Giao Tích Lan, trong một bản thông cáo, loan báo Thủ tướng Tích Lan là bà Sirimavo Bandaranaike rất xúc động trước các ngược đãi tôn giáo tại Việt Nam, và bà kêu gọi các nước theo Phật giáo tại Á Châu hảy ủng hộ Tích Lan trong việc yêu cầu Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc can thiệp vào vấn đề đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. Bà Bandaranaike cũng dự liệu gửi một công hàm ngoại giao đến Tổng thống Mỹ Kennedy về vấn đề này. Sau vụ tấn công các chùa chiền trong đêm 20-8-1963, dư luận và chính giới tại Tích Lan càng chỉ trích mạnh mẻ Chính phủ Ngô Đình Diệm. Ngày 22-8-1963, bà Thủ tướng Tích Lan đã trao đổi ý kiến với Đại diện các nước Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Nhật Bản... và đề

10. Báo Ceylan Daily News ngày 17, 21 và 23-5-63. Báo The Obscryer ngày 16, 19 và 23-5-63. Báo The Time of Ceylan ngày 15 và 23-5-63. Các hội Phật học All Ceylan Buddhist Congress, Central Bank Buddhist Association, Ceylan Institute Siinhala Buddha Dula, Baha Daksha.

nghị triệu tập một phiên họp bất thường của Hội đồng Liên Hiệp Quốc để xét vấn đề đàn áp Phật giáo. Ngoài ra, bà Thủ tướng cũng đề nghị triệu tập Hội nghị các Quốc gia Châu Á và Hội nghị Phật giáo Thế giới. Ngày 26-8, Hội nghị Phật giáo Tích Lan yêu cầu các đoàn thể Phật giáo trong toàn quốc treo cờ rũ để tang các Phật tử Việt Nam đã hy sinh ví tín ngưỡng. B- Thái độ và sự ủng hộ của các nước Trung lập khác Tuy không có thái độ cực kỳ sôi nổi như Tích Lan, các nước Trung lập khác theo Phật giáo tại Á châu cũng nhiệt liệt ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử tại Việt Nam đế chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm. 1- Thái độ của Miến Điện: Trong giai đoạn đầu, ông U Chan Htoon, Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới có tiếp xúc với quyền Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Rangoon (Miến Điện) và cho biết rằng các Hội Phật giáo Miến Điện, nhất là Hội Tăng Già Toàn Quốc có uy tín nhất trong giới Phật giáo tại Miến, rất phẫn nộ và định tổ chức nhiều cuộc mít tinh để lên án Chính phủ Việt Nam, nhưng ông Uchan Htoon đã khuyến cáo chờ đợi thêm tin tức trước khi có phản ứng công khai. Sau cuộc đàn áp chùa chiền tại Việt Nam (20-8), thái độ của Miến Điện đã bộc lộ nỗi công phẩn một cách mãnh liệt hơn. Ngay từ sáng 23-8, báo Guandiantai tại Rangoon, thủ đô Miến Điện, đã cực lực lên án chính sách tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Vụ tấn công vừa qua chứng tỏ tinh thần của nhà cầm quyền Việt Nam đã lâm vào tình trạng thác loạn. Chính phủ Việt Nam còn hy vọng gì khi ngự trị trên những thân xác của Phật tử đã bỏ mình vì tôn giáo và trên những ngôi chùa ngày nay chỉ còn là những đống gạch vụn, trong khi đa số những người sống sót thì bị tập trung trong các trại giam? Chính phủ Hoa Kỳ sẽ lầm nếu tưởng rằng tiếp tục ủng hộ chính phủ hiện thời tại Việt Nam thì nước Mỹ có thể giữ nguyên vẹn tình bạn của các quốc gia Phật giáo Đông Nam Á.(11) Ngày 26-8, hai Hội Phật giáo tại Rangoon và Mandalay họp nhau cùng lên

tiếng kêu gọi các dân tộc Phật giáo Á Đông – Tích Lan, Cao

11. Cuốn sổ tay ... – Phạm Trọng Nhân, thượng dẫn.

DƯ LUẬN VÀ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI • 633

Miên và Việt Nam - đoàn kết để chống lại Chính phủ Ngô Đình Diệm đang theo đuổi chính sách đàn áp Phật giáo. Chính phủ Miến Điện đã ủng hộ triệt để Chính phủ Tích Lan trong cuộc vận động đưa vấn đề Phật giáo Việt Nam ra Liên Hiệp Quốc. 2- Thái độ của Ấn Độ: Ấn Độ cũng có thái độ giống như Miến Điện. Nhiều Hội Phật học Ấn Độ đã lên tiếng yêu cầu Thủ tướng Néhru can thiệp. Ngày 25-8-1963, Tổng Thư ký Đảng Quốc gia Ấn Độ tuyên bố: "Những tin tức loan đi từ Sài Gòn đã làm chấn động dư luận tại Ấn Độ, quê hương của Phật giáo. Những sự tàn bạo mà các đạo hữu Việt Nam là nạn nhân càng làm chúng ta phẫn nộ khi nhớ rằng Phật giáo chủ trương bất bạo động." Hội Phật hoc Ấn Độ đã thiết tha yêu cầu Thủ tướng Néhru can thiệp. Trong cuộc hành hương tại Ấn Độ, một Nghị sĩ Ấn đã trao cho tôi một quyết nghị của tất cả các chính đảng Ấn Độ cương quyết chống lại chính sách đàn áp Phật giáo tại Việt Nam.(12) Việc cho gia đình tôi những thuận tiện đáng ghi nhớ trong cuộc hành hương tại các nơi Phật Tích, mặc dầu tôi đã công khai chống đối Chính phủ Ngô Đình Diệm, đã phản ảnh sự ủng hộ mãnh liệt của Chính phủ Ấn Độ đối với vụ Phật giáo Việt Nam. Các vấn đề đã được nêu lên trong khi tôi tiếp xúc với Thủ tướng Néhru và bà Bộ trưởng Ngoại Giao Ménon như đã được thuật lại trước đây biểu lộ hiển nhiên sự ủng hộ của Chính phủ Ấn Độ cho cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam để bảo vệ Phật Pháp. Nhờ có sự ủng hộ triệt để của các nước Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện, vấn đề đàn áp Phật giáo đã gây sóng gió tại Liên Hiệp Quốc. Hầu hết các nước thành viên của tổ chức Liên Hiệp Quốc đều đồng ý đem vấn đề kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam ra trước Đại Hội đồng để cử một phái đoàn điều tra sang Việt Nam. Trước nguy cơ chính trị này, Ngô Đình Diệm đã thấy không còn lối thoát nào khác hơn là cử Giáo sư Bửu Hội, đại diện cho Việt Nam, đứng ra mời một phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến điều tra tại Việt Nam để chứng minh không hề có một sự đàn áp nào đối với Phật giáo. Đúng thật là "gái đĩ già mồm!" Ngô Đình Nhu hy vọng rằng khi

12. Bản Quyết nghị này đã được phân tích trong Chương IV, tiết 4, đoạn IV: Trên đường Hành hương.

634 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

phái đoàn điều tra sang Việt Nam theo chính lời mời của Chính phủ Việt Nam, Ngô Đình Nhu sẽ áp dụng ba loại biện pháp để chôn lấp hẳn vấn đề: - Một mặt, Ngô Đình Nhu sẽ dùng công an mật vụ ngăn cản các nhân chứng trung thực đến gặp phái đoàn. - Mặt khác, sẽ mua chuộc những nhân chứng giả đến cung cấp cho phái đoàn những tin tức ngụy tạo có lợi cho Chính phủ - Và sau hết, Ngô Đình Nhu sẽ dùng những đòn giảo quyệt lôi cuốn các nhân viên phái đoàn vào con đường trác táng ở kinh thành hoa lệ đã nức tiếng là Hòn ngọc Viễn Đông với nhiều bông hoa kiều diễm, để làm "săng ta" (chantage) phái đoàn, không còn dám công kích Chính phủ Ngô Đình Diệm nữa. Có dịp, chúng tôi sẽ trình bày những tài liệu này cho lịch sử phán xét. Thái độ của các nước Á

châu theo Phật giáo và đồng lập trường chính trị với Việt Nam. Các nước Thái Lan, Nam Hàn, Trung Hoa Quốc Gia và kể cả Nhật Bản vẫn có những liên hệ chính trị tốt đẹp với Việt Nam và đã trao đổi ngoại giao với Việt Nam ở cấp Đại sứ. Vì vậy, tuy dư luận trong dân chúng rất xúc động trước các biến cố xẩy ra tại Việt Nam kể từ khi vụ cờ Phật giáo bị triệt hạ tại Huế, các chính phủ này vẫn lấy một thái độ rất thận trọng, không công khai chống đối Chính phủ Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, kể từ cuộc tấn công chùa chiền tại Việt Nam đêm 20-8-1963, các quốc gia này cũng đã phải minh định thái độ ủng hộ Phật tử Việt Nam đương bị đàn áp tàn bạo. A- Thái độ của Thái Lan Ngày 22-8, Thủ tướng Thái Lan, Thống chế Sarit Thanarat, đã đưa ra đề nghị triệu tập một Hội nghị sơ bộ tại Bangkok, gồm tất cả các quốc gia Phật giáo, trước khi đưa vấn đề ra Liên Hiệp Quốc. Thủ Tướng Thái cũng tiếp xúc với ông Cao Thái Bảo, Đại sứ Việt Nam tại Thái Lan, để biểu lộ sự lo âu của Thái Lan trước chính sách kỳ thị Phật giáo của Việt Nam. Ngay trong đêm đó, các vị chức sắc Phật giáo họp tại Bangkok dưới sự chủ tọa của Bộ trưởng Công Nghiệp P. Rajanaburanond(13) và quyết nghị cực lực ủng hộ các đạo hữu tại Việt Nam, trên phương diện

13. Phật giáo là quốc giáo tại Thái Lan.

tinh thần cũng như vật chất, đồng thời tỏ lời phân ưu và gởi giúp thuốc men, lương thực, áo quần, tiền bạc... Đặc biệt vào ngày 26-8, Phó Giám đốc Nha Tôn giáo của Bộ Quốc gia Giáo dục là Đại tá Pin Mutukan đã tuyên bố trên đài vô tuyến truyền thanh Bangkok để khuyến cáo Chính phủ Việt Nam bằng những lời kết án rất gay gắt làm cho người ta liên tưởng đến những lời tuyên bố của Sihanouk trước đây: "Vì đã đàn áp tàn bạo Phật tử Việt Nam, Tổng thống Ngô Đình Diệm sẽ hứng chịu hết những tai họa dưới đủ mọi hình thức hiểu theo giáo lý nhà Phật, kể cả diệt vong và địa ngục...Mặc dù tình giao hảo giữa Thái Lan và Việt Nam khắng khít, giới Phật tử Thái Lan vẫn thấy có trách nhiệm phải lên tiếng..." Không ai ngờ những lời lẽ khuyến cáo trên đây đã trở thành sự thật hơn hai tháng sau với cái chết bi thảm của Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu trong cuộc cách mạng 1-11-1963. B- Thái độ của Trung Hoa Tuy Chính phủ Đài Loan giao hảo rất chặt chẽ với Việt Nam, nhưng sau khi vụ đánh chùa đêm 20-8-1963, Chính phủ Đài Loan cũng không còn giữ được thái độ thờ ơ như trước. Ngày 29-8, Bộ Ngoại Giao Đài Loan đã tuyên bố rất lo ngại về khủng hoảng tôn giáo tại Việt Nam và thiết tha mong Chính phủ Việt Nam sớm tìm được giải pháp thích nghi để sớm chấm dứt sự khủng hoảng này. C- Thái độ của Nam Hàn Tại Hán thành, thủ đô của Nam Hàn, ngày 25-8, sau một buổi lễ cầu siêu cho các đạo hữu Việt Nam đã hy sinh để bảo vệ Đạo Pháp, Đại đức Kapchong, Hội chủ Phật giáo đã gửi điện văn cho Chính phủ Việt Nam yêu cầu chấm dứt tàn sát Phật tử. Ngoài ra, Hội Thanh niên Phật tử do Tướng Chang Chung Sơn, một nhân viên trong Hội đồng Quân nhân Cách mạng, đã kiến nghị lên án nhà cầm quyền Việt Nam vì đã đàn áp một cách vô nhân đạo Tăng Ni và Phật tử. D – Thái độ của Nhật Bản Tại Nhật Bản, một buổi lễ cầu siêu được tổ chức cho cố Hòa thượng Quảng Đức và các Tăng Ni cùng Phật tử đã hy sinh để bảo vệ Đạo Pháp. Buổi lễ này do Hội Nhật Bản Phật giáo Tín ngưỡng tổ chức

tại Đại Tổ Đình Bổn Nguyệt Tự ở vùng Akasuke (Tokyo) với rất đông Tăng Ni và Tín đồ tham dự. Dù giữ một thái độ rất dè dặt, Thứ trưởng Ngoại Giao Shigenobu Shima cũng đã tiếp xúc với Đại sứ Việt Nam để biểu lộ mối lo ngại của Chính phủ Nhật Bản và yêu cầu được biết sư thật về vụ chùa Xá Lợi. Đây là một phương pháp ngoại giao tế nhị để lưu ý Chính phủ Ngô Đình Diệm về vụ khủng hoảng Phật giáo và nghĩ đến những hậu quả nghiêm trọng của vụ này. Thực ra, Chính phủ Nhật Bản đã trao đổi ngoại giao với Việt Nam trên hàng Đại sứ, tất nhiên Đại sứ Nhật Bản tại Sài Gòn đã phải phúc trình đầy đủ về biến cố này rồi. Ngoài các nước theo Phật giáo tại Á châu, các nước Tây phương, và đặc biệt là Mỹ, rất chú trọng đến chính sách đàn áp tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm. DƯ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG Báo chí Âu Mỹ loan báo các hoạt động đàn áp Phật giáo tại Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu tiên. Kể từ năm 1959, Chính phủ Ngô Đình Diệm đã mang tiếng là độc tài, gia đình trị trước dư luận Tây phương. Với chính sách kỳ thị Phật giáo, Chính phủ Ngô Đình Diệm càng bị chỉ trích nặng nề. Tuy nhiên, chính quyền các quốc gia Tây phương đã lấy một thái độ thận trọng không trực tiếp can thiệp, trừ Pháp và Mỹ là những nước có nhiều liên hệ với Việt Nam. Báo chí và dư luận chung của các nước Tây phương trước vấn đề Phật giáo. Báo chí và dư luận của tất cả các nước Tây phương như Mỹ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ đã quan tâm theo dõi Phong trào Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo tại Việt Nam và đều chỉ trích công khai hoặc mỉa mai đường lối kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Tại Pháp, tờ Le Monde (Thế Giới) thường được coi là phản ảnh ý kiến hay xu hướng của Bộ Ngoại Giao Pháp, trong số ra ngày 10/6/1963, đã công kích Chính phủ Ngô Đinh Diệm kịch liệt: "...Biến cố ở Huế đã xảy ra do sự đàn áp tàn bạo của nhà cầm quyền, và đã là một cơ hội tốt để sự bất mãn của nhân dân bộc phát. Sự tranh chấp này đã lột trần sự cô lập và thất nhân tâm của một nhóm thiểu số Thiên Chúa giáo được ưu đãi..." Ngọn lửa tự thiêu của cố Hòa thượng Thích Quảng Đức đã được báo Le Monde bình luận trong số ra ngày 13-6-1963 như sau:

"Trước hành động tự sát để đấu tranh, kẻ tàn bạo nhất cũng phải chùn bước..." Tạp chí La Croix (Cây Thập Tự), cơ quan ngôn luận Thiên Chúa giáo trong số ra ngày 13-6-1963 cũng lên tiếng kêu gọi các tín đồ Thiên Chúa giáo cầu nguyện cho linh hồn của các người tử vì đạo. Sau vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, trên mặt báo chí Pháp càng có nhiều bài bình luận và hình ảnh về thảm cảnh này, riêng tờ Aurore thì dành cả trang nhất để in bức hình của Hòa thượng ngồi kiết già trong đống lửa như một pho tượng đồng đen. Tại Anh Quốc, Thụy Sĩ và nhất là ở Mỹ, báo chí tường thuật chi tiết hành động đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. Tạp chí Sunday Times trong số ra ngày 2-6-1963 đã nêu rõ hiểm họa mà Chính phủ Ngô Đình Diệm phải đương đầu trong chính sách khủng bố Phật tử. "Không có mưu mô phá hoại nào của Cộng sản có thể gây được một mối đe dọa trầm trọng như vậy cho chính phủ. Lối đối xử vụng về của Tổng thống Diệm đã gây một mâu thuẫn nội bộ: Quân đội đáng lẽ được mang đi đánh dẹp Cộng sản, thì nay lại phải dùng vào việc giữ trật tự trong nước chỉ vì chính sách sai lầm

này.” Đặc biệt tại Bruxelles, kinh đô Bỉ, Linh mục Pire, người được giải thưởng Nobel về Hòa Bình, và cũng là người đã từng cổ võ cho Phong trào Quốc tế giúp các người Di cư (Mouvement international d’aide aux refugiés), đã gởi một bức thư đến ông U Thant, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, yêu cầu cho mở cuộc điều tra ngay tại chỗ để soi sáng “một số yếu tố đàn áp tôn giáo của Chính phủ Nam Việt Nam đối với các Phật tử.” Linh mục Pire đã viết: “…Ngày nay, nhân loại chỉ còn một cơ may để tìm thấy hòa bình: Phải tương thuận và chấp nhận hỗ tương các mâu thuẫn của nhau.” (Aujourd’hui, les hommes n’ont qu’une chance de trouver la paix: s’entendre en admettant mutuellement leurs contradictions.) Báo chí và đài phát thanh của Mỹ, suốt trong sáu tháng Pháp nạn, hàng ngày vẫn loan truyền rất nhiều tin tức và bình luận nghiêm khắc về chính sách kỳ thị Phật giáo của Ngô Đình Diệm mà khuôn khổ khiêm tốn của quyển sách này không thể nào phân tích được hết các tài liệu ấy. Tuy nhiên, để có một ý niệm về sự công phẩn của dư luận và của Chính quyền Hoa Kỳ, thiết tưởng bài báo sau đây trích từ tờ Nữu Ước Thời Báo (New York Times) số ngày 8-8-1963, đã ghi khá đầy đủ các khía cạnh của vấn đề, trong từng giai đoạn kể từ khi vụ triệt hạ cờ Phật giáo bùng nổ tại Huế:

“…Phong trào Phật giáo phản đối chính phủ đã trở thành một nguy cơ trầm trọng cho chế độ Ngô Đình Diệm kể từ ngày 8/81963, khi mà 9 người bị quân đội của chính phủ giết chết trong cuộc biểu tình tại cố đô Huế. Mục đích của cuộc biểu tình nói trên là phản đối hành động kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm vì Tổng thống Diệm và gia đình là những người theo Công giáo La Mã. Từ đó, các cuộc biểu tình đã kế tiếp xẩy ra và chính phủ đã phải dùng quân lực để đàn áp và bắt bớ. Nhưng trầm trọng hơn hết là các vụ tự thiêu để phản đối chính sách của chính phủ. …Những sự kiện kể trên đã bắt đầu làm cho chính giới Hoa Kỳ bắt đầu lo âu, vì nếu Tổng thống Diệm bất lực trong việc tìm một giải pháp cho vấn đề Phật giáo thì chế độ của ông ta sẽ trở thành một gánh nặng cho Hoa Kỳ. Quan niệm ở đây cho rằng nếu cuộc khủng hoảng Phật giáo không được giải quyết thì ông Diệm có thể bị ngay chính những nhân viên cao cấp trong Quân đội cũng như trong chính phủ lật đổ. Các nhân viên cao cấp trong Quân đội tiên đoán rằng sự trung thành của họ có thể suy giảm…Người ta nhận thấy đã có vài biến chuyển trong chính sách căn bản của Hoa Kỳ. …Chính phủ Hoa Kỳ đã tìm đủ mọi cách để buộc ông Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo. Nhưng người ta hết sức kinh ngạc khi nghe bà Ngô Đình Nhu, em dâu của Tổng thống Diệm, tố cáo các Lãnh tụ Phật giáo là phiến loạn, sát nhân, và áp dụng chiến thuật Cộng sản. Có tin tức cho biết chồng bà Nhu, em trai Tổng thống Diệm, có thể cầm đầu một cuộc đảo chinh đã làm cho Hoa Kỳ lo ngại. Có nhiều người cho rằng những tin đồn về cuộc đảo chính như vậy là một phần trong cuộc chiến tranh tâm lý chống Phật giáo, và cũng là một sự hăm dọa đối với Hoa Kỳ. Hoa Kỳ cảm thấy bị đặt vào một tình thế khó xử tại Việt Nam. Một mặt, Hoa Kỳ thấy chế độ của ông Diệm đang tiến tới một cuộc vận động chống Hoa Kỳ nếu không được Hoa Kỳ ủng hộ trong cuộc khủng hoảng Phật giáo. Mặt khác, các nhà Lãnh đạo Phong trào Phật giáo đã phản đối Chính phủ Hoa Kỳ về những lời tuyên bố của ông Nolt- ing, Đại sứ Hoa Kỳ sắp mãn nhiệm kỳ, vì ông này đã tuyên bố trong hơn hai năm

qua (từ ngày ông đến nhận chức Đại sứ), ông chưa từng chứng kiến dấu hiệu nào tỏ rằng có sự kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam…" Để thấy rõ chính sách đàn áp Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình

DƯ LUẬN VÀ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI • 639

Diệm đã gây xúc động và phẩn nộ đến mức nào trong dư luận của nhân dân Hoa Kỳ, thiết tưởng chỉ cần nhắc lại đây bài giảng của Mục sư Giáo hội Nữu Ước Donald Harrington, đọc tại nhà thờ lớn Nữu Ước ngày chủ nhật 30-6-1963, về chánh sách kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam dưới tất cả các sắc thái. Sau đây là nội dung bài giảng của Mục sư Donald Harrington: "Cách đây hơn hai tuần, vào ngày 11-6-1963, một đoàn Tăng Ni mặc áo vàng đang diễn hành qua các đường phố Sài Gòn, thủ đô miền Nam Việt Nam, thì bỗng nhiên đoàn Tăng Ni đứng giàn ra thành một vòng tròn và một vị sư 75 tuổi tên Thích Quảng Đức đã ngồi xếp chéo chân theo kiểu tọa thiền trên đường nhựa nóng. Trong tay người cầm một xâu chuỗi 54 hạt và bắt đầu niệm Phật còn trên chiếc áo cà sa của Ngài thì đã tẩm ướt đầy xăng. Tất cả Tăng Ni lui lại. kính cẩn, kinh sợ. Khách bộ hành nhận thấy rằng một biến cố phi thường gì sắp xảy ra nên tất cả đều dừng lại chờ đợi. Với vẻ yên lặng, bình thản trên khuôn mặt, Ngài Quảng Đức niệm lớn: "Nam Mô A Di Đà Phật." Thế rồi Người bật một que diêm và ngọn lửa phừng phừng bốc lên phủ kín thân thể cử nhưng Người không hề kêu la hay lay động. Người ngồi thẳng trong mười phút, thân hình chìm trong lửa đỏ, và khi lửa tàn, Người nằm xuống bất động. Thường thường chỉ có người tuyệt vọng hoàn toàn mới tự tử và họ thường tìm cái chết giản dị và ít đau đớn nhất vì đối với họ, hành động tự tử là kết quả của lòng sợ hãi. Người ta có thể tự hỏi sự khủng khiếp và niềm phẫn hận nào đã có thể khiến cho một người của "Tình Thương" của "Hòa Bình", quyết chí tự thiêu? Chúng ta không thể trả lời câu hỏi đó theo danh từ sợ hãi. Chúng ta chỉ hiểu được sự kiện đó nếu chúng ta biết rằng còn một loại tự tử khác thường được mệnh danh là "Tử Đạo" Nếu sự tuyệt vọng hoàn toàn và chán đời cực độ đã đưa con người trên đời này đến chỗ tự tử, thì một lý tưởng cao cả nhất và lòng yêu đời nồng nàn nhất một đôi khi cũng đã sản xuất những người tử đạo quả cảm nhất trong lịch sử. Chúa Jésus là một người như thế. Chúa đã chết tại Jerusalem, nhưng Ngài đến Jerusalem trong thời gian nguy cấp là sự lựa chọn của chính Ngài, và như vậy , dĩ nhiên là Ngài đã không lợi dụng cơ hội trốn tránh khi Ngài thấy rằng con người đã có ác ý chống lại Ngài.

640 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Người La Mã đã đóng đinh, nhưng Chúa Jésus muốn tự mình thử thách, và theo nghĩa đó, thì sự đóng đinh trên cây thập tự là sự tự nguyện của Ngài. Michel Servetus, người tử đạo đã bị John Calvin đốt sống vì bị nghi là kẽ dị giáo, đã bị bắt trong khi đang dự lễ ngày chủ nhật tại nhà thờ của John Calvin vào lúc mà ông đang bị truy nã rất gắt. Như vậy, ta thấy Servetus cũng tự đặt mình vào trường hợp thử thách. Ngay cả đến Jeanne d'Arc cũng có thể thoát chết nếu nàng bằng lòng thừa nhận rằng nàng nghe lầm về những tiếng vọng của Chúa gọi từ trên không. Ngày nay, Hòa thượng Thích Quảng Đức, một tu sĩ Phật giáo khổ hạnh, cũng đã tự nguyện gia nhập vào đoàn người ấy và hy sinh đời mình cho tình thương và cho sự cải thiện con người. Trong bản di ngôn "trước

khi nhắm mắt về với đức Phật" mà Ngài gửi cho Tổng thống Ngô Đình Diệm của miền Nam Việt Nam, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nói: "Tôi trân trọng gởi lời (người cũng có thể nói, là gởi cả cuộc đời) cho Tổng thống Diệm để yêu cầu ông ấy lấy lòng nhân từ, khoan dung đối với nhân dân và thực thi một chính sách bình đẳng tôn giáo." Phản ứng của Tổng thống Diệm đối với những lời kêu gọi trên đã nêu rõ tính chất thống trị của ông ta tại miền Nam Việt Nam và cũng là điển hình cho những vấn đề của chúng ta hôm nay. Ông đã ra lệnh siết chặt vòng vây khắp Sài Gòn, phong tỏa các chùa bằng hàng rào dây kẽm gai, quy cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức cho điều mà ông gọi là "những khối óc đã bị đầu độc bởi sự tuyên truyền của Cộng sản", và thản nhiên tuyên bố rằng: "Sau Phật giáo còn có Hiến Pháp, nghĩa là còn có tôi." Những sự kiện nào đã đưa đến tấm thảm kịch đó trong ngày 16/6 vừa rồi? Hoa Kỳ đã ủng hộ Tổng thống Diệm, nhưng Chính phủ của ông ta bất chấp sự ủng hộ đó để đàn áp các Đảng phái Đối lập và hạn chế tự do dân chủ, điều đó làm mất sự ủng hộ căn bản của chúng ta, và đã trở thành một điều bất lợi cho công cuộc chiến đấu chống Cộng một cách hữu hiệu. Khía cạnh tôn giáo của cuộc tranh chấp là ở quan điểm rằng dù Chính phủ Tổng thống Diệm được xây dựng trên căn bản tín lý Thiên

Chúa giáo và đa số công chức quan trọng trong Chính phủ là người Thiên Chúa, nhưng dân số trong nước thì từ 70 – 90 phần trăm là Phật giáo đồ. Người ta sẽ nghĩ rằng trong một quốc gia mà đại đa số dân chúng theo tôn giáo khác thì chính phủ quốc gia ấy nên phải đối xử hợp tình hợp lý với đa số ấy. Thiểu số 1/10 không thể có được tương lai trong một quốc gia trừ phi phần thiểu số đó cư xử tử tế và công bằng với đa số mà họ phải sống chung. Nhưng Tổng thống Diệm đã quá tin tưởng ở quyền lực của mình để thống trị miền Nam Việt Nam. Nhờ viện trợ hùng hậu của Hoa Kỳ trong 7 năm qua, ông ta không ngần ngại khinh rẻ, nhục mạ và khinh rẻ Phật giáo đồ trong suốt mấy năm ấy và sự kỳ thị càng trở nên trắng trợn theo thời gian. Mỗi lần khiếu nại lại gặp phải sự áp bức dã man và cay nghiệt, nên kết quả đã đưa đến một phong trào gần giống như một cuộc cách mạng, mặc dầu phong trào đó được bộc lộ qua phương pháp bất bạo động cổ truyền của Phật giáo. Những người Phật tử có một tôn giáo lấy từ bi làm tôn chỉ và rất hiếu hòa, đang bị tình thế dồn đến bờ vực thẳm của bạo động thì chúng ta có thể tưởng tượng được sự khiêu khích đã có một sức mạnh vượt bực như thế nào. Chính sách kỳ thị tôn giáo đó đã được biểu lộ bằng nhiều cách. Phần lớn công chức trong Chính phủ là người Thiên Chúa giáo. Mặc dù 80 hay 90 phần trăm binh sĩ là Phật tử nhưng các sĩ quan trong quân đội từ cấp úy trở lên phần nhiều là người Thiên Chúa, và nếu ai muốn được thăng chức thì đều phải gia nhập vào Thiên Chúa giáo. Mặc dù Phật giáo là tôn giáo chuộng hòa bình, nhưng các thanh niên Tăng sĩ Phật giáo vẫn phải nhập ngũ và không có tuyên úy Phật giáo trong quân đội. Các quan sát viên và ký giả Hoa Kỳ đã tố cáo, và đây tôi xin trích một đoạn trong tờ báo Newsweek số ra ngày 27-5-1963: "Các tư lệnh tiểu đoàn Thiên Chúa giáo trong quân đội miền Nam Việt Nam được trang bị với vũ khí hạng nặng và đầy đủ hơn là nhưng người không phải là Thiên Chúa giáo." Tại nhiều khu vực, các giáo sĩ Thiên Chúa giáo có quân đội riêng mệnh danh là "đoàn quân giám mục" (có phận sự bảo vệ nhà thờ và các giáo sĩ và chịu trách nhiệm trước Tổng

Giám mục, anh ruột Tổng thống Diệm. Đoàn quân này được trang bị bằng vũ khí Hoa Kỳ mà chính các bạn và tôi đã phải trả tiền cho sự tốn kém đó. Và họ được các cố vấn quân sự Hoa Kỳ huấn luyện)

642 • PHÁP NẠN PHẬT GIÁO 1963

Hai trường Đại học mới tại miền Nam Việt Nam là của Thiên Chúa giáo. Phật giáo đồ không bao giờ có đủ phương tiện để có được một nền giáo dục như vậy. Phần lớn các thực phẩm viện trợ của Hoa Kỳ được gởi qua cơ quan cứu trợ Thiên Chúa giáo rồi sau đó mới được các giáo sĩ Thiên Chúa giáo ở các vùng phân phát. Nhưng lạm dụng rất nhiều. Mỗi năm, Hoa Kỳ đổ vào xứ 15 triệu dân này một số tiền là 300 triệu đô la. Một nhà truyền giáo Tin Lành đã hoạt động tại Bình Định 15 năm qua nói trắng ra rằng: "Tất cả các nhà thờ Thiên Chúa ở tỉnh đều được xây cất bàng tiền xổ số và tiền bán thực phẩm cứu trợ." Các thánh đường Thiên Chúa đã được xây cất trong các Thánh Tích Phật giáo với sự khuyến khích và cho phép của Chính phủ. Thí dụ: tháng 3 năm 1961, một trăm người ở làng Tư Chánh đã phàn nàn với Chính phủ về việc cho phép một linh mục xây một ngôi nhà thờ Đức Bà trên núi Thiên Bút là nơi đã có một cảnh chùa và nghĩa trang dành cho Tín đồ Phật giáo. Người ta khó có thể tưởng tượng được một việc làm nào thiếu khôn ngoan hơn thế được! Em dâu Tổng thống Diệm, bà Ngô Đình Nhu, đã cấm thuốc ngừa thai, cấm chế độ đa thê, cấm ly dị trừ phi được Tổng thống phê chuẩn. Đó là một vài việc làm đã khiến dân chúng bất mãn. Tất cả vấn đề đã đi đến cực độ vào tháng 5 vừa rồi. Ngày 5-5 là lễ Rước kiệu mà Tổng Giám mục Huế, anh của Tổng thống Diệm, chủ tọa. Trong dịp này, cờ của Vatican được treo ngang hàng với cờ quốc gia. Thế rồi chỉ ba ngày sau là ngày Phật Đản, thì cờ Phật giáo bị cấm không được treo. Tổng thống Diệm giải thích là khi ông thấy cờ Vati- can được treo, ông cho đó là trái phép, nên ông cấm treo cờ Phật giáo nhưng không ngờ lại đúng vào ngày Phật Đản. Thế là xảy ra những cuộc biểu tình liên tiếp và quân đội Tổng thống Diệm đã nổ súng vào đám đông giết chết 9 người. Khi bị phản đối thì Tổng thống Diệm nói rằng đó là do Việt Cộng ném lựu đạn làm thiệt mạng 9 người ấy và Chính Phủ hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Nhưng các nhà báo ngoại quốc có đầy đủ hình ảnh về vụ đó và đã cho thấy rõ một trăm phần trăm là quân đội Chính phủ đã bắn vào đám đông làm cho 8 người thiệt mạng. Có hàng ngàn người bị bắt trong vụ này. Đến ngày 4-6, lại một cuộc biểu tình nữa diễn ra gồm toàn sinh viên tại Huế, và cuộc biểu tình này lại bị quân sĩ và cảnh sát của ông Diệm đàn áp bằng lựu đạn cay và bom lửa chế tạo tại Hoa Kỳ. Khoảng 67 sinh viên bi phỏng khắp người. Rồi đến ngày 11-6, Hòa thượng Quảng Đức hy sinh đời mình bằng cách tự thiêu để thức tỉnh lương tâm của Tổng thống Diệm và lưu ý cho toàn thế giới.

DƯ LUẬN VÀ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI • 643

Ngày 15-6 đã có một sự thỏa hiệp sơ bộ. Chính phủ hứa sẽ trả 37 đô la cho mỗi gia đình của những nạn nhân bị giết tại Huế. Họ cũng hứa sẽ không làm khó dễ Tăng Ni, và Phật giáo đồ sẽ được treo cờ Phật giáo song song với cờ quốc gia trong những ngày lễ Phật giáo. Họ cũng hứa sẽ sửa lại một đạo dụ từ trước vẫn biệt đãi Thiên Chúa giáo hơn Phật giáo. Nhưng chỉ hôm sau thôi thì Cảnh sát Chiến Đấu đã đàn áp một số Ni Cô tại một

ngã tư gần chùa Xá Lợi khi các Ni Cô này muốn vào chùa để cầu nguyện cho Hòa thượng Quảng Đức. Các Ni Cô bị bóp cổ quăng lên xe cảnh sát, có nhiều cô chết ngất đi. Một em bé 15 tuổi bị giết, nhiều người bị thương và hàng trăm người bị bắt. Ngày 15 tháng 6, báo Times of Vietnam (do bà Nhu thuê người viết) tố cáo rằng các cuộc biểu tình Phật giáo đều được tổ chức đúng với chiến thuật của Cộng sản một cách rất cẩn thận và có kế hoạch. Tôi tin rằng một số người ở đây, tại Mỹ quốc này, cũng sẽ nói rằng một số giáo sĩ đã đăng một bản thông cáo trên tờ New York Times tuần rồi cũng là dụng cụ của Cộng Sản. Đó là những sự kiện diễn ra trong lúc này – Một sự rối loạn cực độ tại miền Nam Việt Nam. Khắp nơi trong nước, ngọn lửa căm phẫn đang bốc lên bừng bừng. Những điều đó có liên quan gì đến các bạn và tôi không? Sở dĩ vấn đề có liên quan đến chúng ta là bởi vì chúng ta phải trả tiền mua những vũ khí đó, chúng ta phải trả tiền các thực phẩm cứu trợ. Chúng ta lại đưa người của chúng ta đến huấn luyện cho quân sĩ của Chính phủ Diệm. Nếu không có sự viện trợ đặc biệt hùng hậu của chúng ta thì những kẻ chuyên chế áp bức và kỳ thị đó sẽ bị lật nhào chỉ trong giờ phút mà thôi. Bây giờ thì người ta đang tự hỏi không biết Chính phủ Sài Gòn còn tồn tại được bao lâu nữa, ngay cả với sự viện trợ của chúng ta. Bởi thế nên chúng ta có liên hệ và điều đó rất có ý nghĩa đối với chúng ta. Theo tôi nghĩ thì một trong những điều mà Hoa Kỳ phải học hỏi là: Hoa Kỳ không thể giúp đỡ những Chính phủ ngoại quốc để họ nắm quyền hành và áp bức nhân dân của họ mà không chia sẻ trách nhiệm về sự áp bức ấy. Điều sỉ nhục ấy sẽ khiến tâm hồn của mọi người Hoa Kỳ cắn cỗi. Nhưng ta biết làm cách nào? Tôi mong muốn có được những lời giải đáp dễ dàng nhưng tôi phải hoài nghi rằng vấn đề này hết sức khó khăn, vì những người sẵn sàng đưa ra những lời giải đáp ấy thì đã bị bóp nghẹt bởi chính sự viện trợ của chúng ta rồi! Tôi còn nhớ câu chuyện cách đây mấy năm tại San Juan, Puerto Rico, khi tôi gặp một nhạc sĩ đại hồ cầm tên tuổi, ông Pablo Casals, người đã

bằng lòng chịu đi đày chớ không chịu trở về quê hương là nơi bị chế độ độc tài áp bức thống trị, và từ chối luôn không chịu trình diễn tại các quốc gia đã thừa nhận hay đặt quan hệ với chính phủ xứ ông. Casals, với thái độ dịu dàng và là một trong những người dễ cảm nhất mà tôi từng gặp, thuật lại cho chúng tôi câu chuyện ông nói với Schweitzer khi họ đề cặp đến vấn đề tại sao ông không chịu trình diễn tại nhiều quốc gia? Casals nói rằng Schweitzer đã trách ông bằng câu này: Nên sáng tạo hơn là phản đối. Casals nhìn tôi với vẻ nghiêm nghị và nói: Tôi đã trả lời là không! Casals nói lớn tiếng quá làm tôi giật mình. Rồi ông nói tiếp là có nhiều khi sự sáng tạo duy nhất mà ông có thể thực hiện được là phản đối. Chính chúng ta cũng đang đương đầu với tình trạng ấy tại miền Nam Việt Nam. Chúng ta phải phản đối. Những khả năng sáng tạo phải được khai triển. Mặc dầu chúng ta đã phạm nhiều sai lầm nhưng vẫn còn đủ thời gian để sửa đổi. Vẫn còn thời gian để buộc Tổng thống Diệm phải thực thi tự do dân chủ, cho phép các đảng phái chính trị đối lập hoạt động, tổ chức tuyển cử tự do, cải tổ chính phủ theo một đường lối trong đó để cho dân chúng thấy rằng họ cũng được tự do vào việc định đoạt số phận của chính họ. Còn gì mỉa mai hơn cho chúng ta bằng cách đứng nhìn một chế độ độc tài tội ác với tất cả sự khủng bố gần như độc quyền được

giúp đỡ bởi vũ khí của Hoa Kỳ và tiền tài danh dự của công chúng Hoa Kỳ! Một vị sư già mới chết cách đây chưa đầy ba tuần lễ. Người ta có thể nói Người là một ông già tầm thường. Trong 10 phút, Người đã chịu đựng sự đau đớn của tia lửa hồng đang đốt da thịt không một lời kêu than. Người gởi mấy lời của Người cho Tổng thống Diệm, và cho đến nay ông Diệm vẫn chưa chịu nghe hay chú ý. Nhưng dù sao, tiếng nói ấy vẫn là tiếng nói của tình thương, tiếng nói mà trong thâm tâm của nó chứa đựng sự giải thoát của miền Nam Việt Nam. Người đã để lại một bóng đen sỉ nhục lên sự huy hoàng mà Giáo hoàng Gioan đã mang lại cho Giáo hội Thiên Chúa. Người đã làm và Người phải làm, cho mỗi người Hoa Kỳ đi tìm linh hồn của Người và cho Chính phủ Hoa Kỳ biết rằng, trừ phi Chính phủ Sài Gòn thực thi ngay quyền bình đẳng tôn giáo cho Phật giáo đồ và tự do cho dân chúng Việt Nam, tất cả mọi sự viện trợ của Hoa Kỳ đều phải chấm dứt ngay. Chậm rồi chăng? Sự hy sinh của Hòa thượng Quảng Đức vẫn còn được để ý tới, và nếu thế, tình hình Việt Nam còn có thể cứu vãn được. Ngọn lửa ấy có thể thành một tia hy vọng cho những người từ lâu bị áp bức bởi người ngoại quốc hay bởi ngay chính đồng bào của họ. Hoa Kỳ phải tìm cách biểu hiện lý tưởng của mình và đừng quay lưng

lại với họ nữa. Một người Mỹ chết – có nghĩa gì? Chỉ có chúng ta mới có thể trả lời câu hỏi đó.(14) Ngày 14 tháng 8, hơn 15 ngàn Giáo sĩ của các Giáo hội tại Hoa Kỳ, mỗi người đã gửi một bức thơ phản đối đến Tổng thống J.F. Ken- nedy yêu cầu chấm dứt sự ủng hộ tài chính và quân sự cho Chính phủ Ngô Đình Diệm vì đã ngược đãi tôn giáo với các Phật Giáo đồ. “Sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ đối với chế độ ác nghiệt Ngô Đình Diệm tại Việt Nam sẽ trở thành một sự bêu xấu và làm yếu thế một cách nguy hại lập trường đạo đức và chính trị của Mỹ.”(15) Tờ Nữu Ước Thời Báo đã so sánh một cách rất xác đáng tình trạng Chính phủ Ngô Đình Diệm với tình trạng Chính phủ Lý Thừa Vãn tại Hán Thành, trong những ngày suy tàn. Bài báo này quả là một lời tiên đoán hết sức tinh vi: “Tình hình tại Sài Gòn giống hệt những ngày cuối cùng của Lý Thừa Vãn tại Hán Thành. Cùng một loại bùng nổ của dân chúng đã diễn ra tại hai đô thị, và bị đàn áp bởi cùng một loại tàn bạo của cảnh sát. Tại Hán Thành, những người biểu tình là sinh viên, tại Sài Gòn những người biểu tình là Phật tử, và phong trào chống đối của Phật giáo đang mở màn cho một niềm căm phẫn toàn diện chống lại một chế độ độc tài áp bức. Ở Đại Hàn, phong trào chống đối do sinh viên lãnh đạo lúc đầu và cuối cùng đã trở thành một nhu cầu quốc gia bất khả kháng, có quân đội tham gia và kết quả là Lý Thừa Vãn đã phải ra đi. Có lẽ khác với Lý Thừa Vãn, ông Diệm có thể vượt qua cơn sóng gió, nhưng cách giải quyết vấn đề của ông bằng lối đàn áp hơn là làm dịu nỗi đau khổ của Phật giáo đồ khiến gnười ta phải nghi ngờ không biết ông có vượt qua được không?”(16) Báo chí đã làm xúc động mãnh liệt dư luận trong chính giới Hoa Kỳ. Ngày 18-7-1963, Thượng Nghị sĩ Wayne L. Morse của tiểu bang Oregon nói rằng ông sẽ “không đồng ý cho một đô la nào nữa để viện trợ ủng hộ cho chế độ độc ác tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm”. Đứng trước một dư luận của toàn dân quyết liệt như vậy, Chính phủ Hoa Kỳ cũng đã minh định thái độ. ***

14. Bản dịch của Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo. 15. Tin của hãng Reuter ngày 14-8-1963. 16. Nữu Ước Thời Báo số 19-7-1963.

TỪ NGỌN LỬA THÍCH QUẢNG ĐỨC Nguyễn Quốc Tuấn

Sự kiện 46 năm trước (11-6-1963) Hòa thượng Thích Quảng Đức vị pháp và vị dân tộc quên thân tự thiêu, dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm, giờ đây vẫn còn là chủ đề tranh luận và thảo luận của nhiều sử gia đương đại ở Âu, Mỹ và ở trong nước ta. Mỗi nhà sử học có cách nhìn riêng về sự kiện này. Một số nhà sử học người Việt ở hải ngoại trưng dẫn những dẫn liệu mới để nhận định và đánh giá sự kiện năm 1963, đương nhiên với những góc đứng khác nhau. Tôi xin không dẫn lại những chủ đề và ý kiến thảo luận, tranh luận ở đây. Bởi lẽ đơn giản là người ta có thể tìm biết trên nhiều ấn phẩm đủ loại, cả trên internet, về các cuộc tranh luận đó. Nhưng có một điểm có thể quả quyết rằng dù khác nhau và bình luận thế nào, sự kiện năm 1963 không bao giờ có thể phai nhạt trong ký ức và lịch sử dân tộc ta thế kỷ XX, và đã trở thành bài học lớn từ đó trở đi. Tôi xin không đi vào chi tiết sự kiện Bồ tát Quảng Đức tự thiêu, vì đã có nhiều tài liệu đề cập, do đó, tôi thấy việc nên làm là rút ra "bài học" lịch sử và ứng xử, thay cho một sự trình bày thuần túy sử liệu, như các chủ đề mà ban tổ chức Hội thảo gợi ý. 1. Điểm đầu tiên mà ta cần rút ra là bạo lực và bạo liệt, dù ở trong lĩnh vực nào, chỉ có thể đi đến kết cục bi thảm cho người chủ trương. Trong lịch sử Việt Nam, có hai trường hợp bạo lực và bạo liệt được biết đối với các nhà sư, thì sau đó kết cục mà người chủ sự lãnh chịu là một cái chết bi thảm: trường hợp Lê Long Đĩnh nhà Tiền Lê và chế độ gia đình trị theo lối "toàn trị" Ngô Đình Diệm (chữ dùng của Cao Huy Thuần trong Kỷ niệm 40 năm 1963 toàn trị và ngoại thuộc, nguồn website Thich Quang Duc). Trong cả hai trường hợp, không có chứng cứ nào cho thấy sau những tổn hại, các nhà sư đứng ra "trả thù" trực tiếp người gây hại. Nhưng như một quả báo, sự kết thúc bi thảm của những người chủ trương bạo liệt và bạo lực với nhà sư đã diễn ra và do người khác thực hiện.

Trong hai trường hợp này, phải chăng nhà sư không có phương tiện nào để chống lại bằng vũ lực? Không bao giờ có chuyện đó, giáo lý bất bạo động đã chỉ đường cho các nhà sư không tiến hành trả thù trực tiếp bằng bạo lực. Đúng vậy, nhà sư dù ở thời đại nào cũng không thể tự tay mình sát hại và kết thúc sinh mệnh con người. Điều dạy đó là máu chảy trong huyết quản, là không khí để thở, là điều kiện để cho một người tu sĩ xuất gia hay tại gia của Phật giáo đạt được sự giải thoát trọn vẹn. Nhưng khi vận dụng vào hành động, điều này không dễ chút nào. Sự thực là cho đến hôm nay, chưa có ai chứng minh được các nhà sư đã dùng bạo lực để đối chọi lại với bạo lực. Trong trường hợp năm 1963, thay cho sự phản kháng bằng vũ lực, nhà sư Thích Quảng Đức đã tự thiêu thân mình để chứng minh cho tư tưởng đấu tranh bất bạo động. Có nghĩa lấy sức mạnh hùng, bi, dũng để đối chọi với bạo lực và bạo liệt, kết quả ra sao thì ta đã thấy. Điều đáng nói là gia đình ông Ngô Đình Diệm đã không biết, hay cố tình không muốn biết Phật giáo chủ trương bất bạo động, nhưng Phật giáo không thụ động đợi sự tiêu diệt mà không có phản kháng, dù chỉ phản kháng bằng phương thức bất bạo động.

Cách mà gia đình ông Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo cho thấy một sự xa rời đời sống dân tộc, thân ngoại và trong phương diện tâm linh - tôn giáo, ta có thể dùng đến cụm từ phản tôn giáo dân tộc (nhất là trong bối cảnh miền Nam lúc đó). Có thể khẳng định không bao giờ sợ sai rằng Phật giáo là di sản hàng nghìn năm của dân ta. Cho dù đã có một bộ phận người Việt ta quy thuận các tôn giáo khác, nhưng có thể khẳng định rằng Phật giáo, với sự hiện hữu trong trường sử dân tộc, đã thành máu thịt tâm hồn người Việt ta, sao có thể lấy chủ thuyết chính trị, cách thức cai trị độc tài mà gột tẩy máu thịt tâm hồn đó? Gần đây, có một số nhà nghiên cứu đã cho rằng chế độ miền Nam trước 1975 là "chế độ dân chủ", nhưng họ không thể nào phủ nhận được một sự thực: với cách thức "gia đình trị" của ông Ngô Đình Diệm thì chế độ dân chủ là không có, ít nhất là từ thời ông Diệm nắm quyền năm 1955 cho đến khi anh em ông bị giết năm 1963. Cần minh định rằng anh em ông Diệm không phải không biết đến thể chế dân chủ (chẳng hạn tam quyền phân lập), nhưng hành xử chính trị thì lại là độc tài toàn trị. Xã hội chịu áp lực nặng nề trong vòng cương tỏa của mật thám, cấm đoán và khủng bố (các giáo phái, Phật giáo, "Việt Cộng", nhân vật đối lập dưới thời ông Diệm thực sự bị đàn áp), đó

là cách thức cai trị vi hiến và bất tuân, bất thượng tôn pháp luật. Anh em nhà ông đã lấy quyền lợi của chính mình đặt lên trên quyền lợi của quốc gia và dân tộc. Nay thì ta đã thấy rõ điều này, và kết cục bi thảm giành cho gia đình độc tài là một kết quả hợp lôgích của sự kiện, không thể có kết quả ngược lại và không gì có thể biện hộ. Vấn đề trở nên có tính "thiêng" hơn ở chỗ, không phải các nhà sư tổ chức lực lượng chống ông Diệm mà là các tướng lĩnh Sài Gòn đương thời, đứng đầu là ông Dương Văn Minh (Big Minh). Như vậy không có chuyện các nhà sư tham chính, mà đấu tranh chỉ để đòi bình đẳng tôn giáo, ít nhất cũng là giữa Phật giáo và Công giáo, nói cách khác, đòi tự do tôn giáo và tôn trọng nhân quyền (có thể đọc thêm các hồi ký của Hòa thượng Trí Quang, Hòa thượng Đức Nghiệp và một số cuốn sử khác về thời kỳ này, đã được đăng tải trên một số website). Bi kịch chính trị đó là bài học lớn cho những người cầm quyền ở sau, nhưng dường như họ cũng không khá hơn. Sau sự tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức, nhiều nhà sư và Phật tử đã tự thiêu tiếp, và điều đó chứng tỏ chưa có cải thiện đáng kể các đòi hỏi của Phật giáo năm 1963. Nhưng đó cũng là một sự phản ứng phi bạo lực, vẫn là một lối sống vị pháp quên thân, không có chuyện lấy bạo lực chống lại bạo lực nơi các nhà sư và Phật tử. Như vậy, có thể kết luận chung: Phật giáo, trong mọi hoàn cảnh đều lấy tư tưởng bất bạo động làm nền tảng ứng xử. Nhưng bất bạo động không đồng nghĩa với sợ đấu tranh. Đi liền với bất bạo động là giáo lý vô úy. Thực vậy, Phật giáo không chủ trương bạo động nhưng cũng không chủ trương thụ động, lẩn tránh. Thói cường quyền của kẻ thống trị chưa bao giờ khiến Phật giáo sợ sệt. Càng bị dồn ép thì sức bật vô úy càng được đẩy cao. Người ta không thấy một sự chán nản, sợ sệt nào sau các cuộc đàn áp, trái lại mới đúng. Phật giáo làm một lúc được hai việc: vừa đấu tranh vừa tránh được bạo động. Nhất là khi cuộc đấu tranh đó có một viễn cảnh vì dân tộc và vì tồn vong của con người thì Phật giáo lại càng không chùn bước. 2. Điểm thứ hai cần rút ra: lối sống Phật giáo đã thấm sâu, đã phát huy tác dụng và đã trở thành

một thực tế không thể thiếu. Điểm này không dễ nhận thấy, nhưng cần nói nếu không có một lối sống Phật giáo lan truyền mạnh mẽ thì sẽ không thể có phong trào đấu tranh năm 1963. Phật giáo đưa ra phép đối trị tam độc (tham, sân và si) để thúc đẩy con người đi đến chỗ tự hoàn thiện nhân cách và đạo đức của mỗi người và với mục đích xa nhất là sự tự giải thoát ở mỗi người. Mục

đích Phật giáo cũng là mục đích xây dựng một xã hội, trong đó, tam độc nhường bước trước tam vô lậu học. Phật giáo có giáo lý về bình đẳng Phật tính, điều đó không phải ai cũng biết một cách tường minh. Cuộc đấu tranh năm 1963 cho thấy, ngoài những điểm tương đồng với quan niệm nhân quyền, bình đẳng của nhân loại đạt được trong thế kỷ XX, Phật giáo có chỗ dựa tư tưởng sâu xa hơn nhiều. Chế độ Ngô Đình Diệm có thể được xem là đại diện điển hình của tam độc, nó đã tự đánh mất khả năng tồn tại của chính nó bởi nó dựa trên bạo lực, khủng bố và đàn áp. Chế độ đó đi ngược lại với những quyền con người căn bản nhất là quyền được tự do ý thức, tự do bày tỏ chính kiến và tự do lòng tin. Nó gây hận thù mà không xóa bỏ hận thù, nó không đi tìm sự tương hợp mà tìm sự xung đột. Phật giáo miền Nam, do những điều kiện riêng, đã lần đầu tiên đứng lên đòi hỏi có một sự bình đẳng, một sự đồng thuận xã hội trên lập trường dân tộc. Cần minh định rằng tư tưởng dân tộc của Phật giáo Việt Nam không phải là một đột xuất xuất hiện trong điều kiện của miền Nam lúc đó. Tư tưởng đó đã được khẳng định trong suốt trường sử Việt Nam mặc dầu Phật giáo là một tôn giáo ngoại sinh. Phật giáo Việt Nam luôn luôn là của dân tộc ta và song hành cùng dân tộc ta, ngày càng rõ thêm điều này. Chính tư tưởng dân tộc dựa trên giáo lý của Phật đà đã tạo ra một lối sống Phật giáo như đã nói trên. Cốt lõi của lối sống đó trên bình diện xã hội là không hận thù, chia rẽ và ly tán. Lối sống đó không đòi hỏi thúc bách mà khuyến khích thiện nguyện nơi con người. Lối sống đó hướng tới tu chỉnh hành vi một cách thực tế thay cho biện luận tư biện giải trình khuôn phép một cách khắt khe và giáo điều. Và điều gần như kỳ diệu là lối sống đó đã trở thành một thực tế của sinh hoạt dân tộc ta. Có rất nhiều chứng cứ để ta có thể khẳng định lối sống đó. Vì vậy, trong thực tế, những gì mà Phật giáo thực hiện năm 1963 ở miền Nam là kết quả của sự tiến hóa lâu dài của lối sống đó trong lịch sử. 3. Điểm thứ ba cần rút ra là nếu không có sự thống nhất thì Phật giáo miền Nam năm 1963 không thể có một phong trào đấu tranh rộng lớn nhường ấy. Hành động vì Phật pháp, vì dân tộc tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức là đỉnh điểm của tinh thần thống nhất đó. Tại sao vậy? Nhìn vào Phật giáo miền Nam năm 1963, ta thấy rõ hình ảnh của sự thống nhất năm 1951 của Phật giáo toàn quốc tại Từ Đàm đang sống động, diễn biến linh hoạt và biến hóa. Nếu có sự so sánh nào có

giá trị trong lịch sử Việt Nam thì xin hãy lấy Phật giáo Lý - Trần làm đối tượng so với Phật giáo miền Nam năm 1963. Nhân đây, cũng nên minh định một điểm khác là Phật giáo ở người Việt chưa bao giờ là một tôn giáo có vai trò quốc giáo. Nếu ta nói Phật giáo Lý - Trần là quốc giáo thì theo tôi không đúng với lịch sử đã đành mà càng không đúng với tinh thần của đức Phật tổ đã thuyết giảng. Có nhiều dẫn chứng để chứng minh,

song có một tinh thần mà đức Phật đã dạy là Phật giáo (nếu có dùng khái niệm này) cũng chỉ là bè, là ngón tay trỏ trăng. Hành trạng của các vị đại sư thời Lý - Trần mà ta biết được không có điểm nào cho thấy các ngài muốn biến Phật giáo thành quốc giáo, cho nên đừng cố chứng minh làm gì Phật giáo thời Lý - Trần là quốc giáo. Trở lại, ta thấy rõ Phật giáo năm 1963 đã đạt đến một trạng thái thống nhất mới, trong điều kiện mới và tỏ rõ đặc tính chủ động trong biểu hiện của sự thống nhất đó. Phải có tự tin tới mức nào về sự thống nhất đó mà Hòa thượng Quảng Đức đã đi đến một quyết định phản kháng quyết liệt là tự thiêu, và do đó lại càng thúc đẩy sự thống nhất đi đến chỗ hoàn chỉnh hơn. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời năm 1964 là kết quả hữu cơ của sự thống nhất đó. Giáo hội này đã đóng vai trò lịch sử xứng tầm của nó. Nó chính là tiền đề thiết yếu để dẫn đến một cuộc đại thống nhất vào năm 1981 của Phật giáo Việt Nam theo nghĩa hoàn chỉnh nhất của danh xưng này. Cố nhiên, còn nhiều điều cần bổ túc, còn có vấn đề hiện đại hóa Phật giáo thế nào để Phật giáo tương thích với xã hội trong thời đại ngày nay, song với tinh thần từ ngọn lửa THÍCH QUẢNG ĐỨC, ta có thể tin rằng Phật giáo Việt Nam sẽ đóng vai trò ngày một lớn hơn trong xã hội vì có khả năng khế cơ khế lý để hướng dẫn con người, đưa con người đến một cuộc sống hài hòa, bình đẳng và thân thiện.

***

SỨC MẠNH BẤT BẠO ĐỘNG NHÌN TỪ NGỌN LỬA THÍCH QUẢNG ĐỨC Lê Cung

Dấu ấn của phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 trong dòng lịch sử dân tộc nói chung cũng như Phật giáo Việt Nam nói riêng có thể lý giải bằng nhiều lập luận khác nhau, song điều quán xuyến, xuyên suốt và cốt lõi là ở chỗ phong trào đã vận dụng tối đa phương pháp bất bạo động trong suốt quá trình đấu tranh chống chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm - "một chế độ mà kẻ thù của nhân dân đinh ninh rằng không một lực lượng nào dưới quyền thống trị của chúng dám đả động đến"(1) - trong đó nổi bật nhất chính là ngọn lửa Thích Quảng Đức được thắp lên giữa đường phố Sài Gòn ngày 11-6-1963. Bài viết này góp phần tìm hiểu giá trị đích thực của "Sức mạnh bất bạo động nhìn từ ngọn lửa Thích Quảng Đức". Trước hết, tưởng cũng nên có một vài nét "chấm phá" về nguồn gốc của phương pháp bất bạo động. Trong rất nhiều loại kinh sách của Phật Tổ để lại cũng như các trước tác về sau của các môn đồ, tuy ở những mức độ khác nhau, nhưng ít nhiều đều ẩn chứa tư tưởng bất bạo động. Câu chuyện Phật độ chàng Vô Não viết: "Tại Xá Vệ có chàng Vô Não, sau khi cuồng tín theo tà giáo, trở thành một kẻ sát nhân gây khủng khiếp cho dân bản xứ. Thầy của chàng bảo tìm giết một trăm người cắt ngón tay mang vào cổ đem về ông ta sẽ truyền phép mầu nhiệm cho. Theo lời thầy dạy, chàng đến rình một nơi hẻo lánh hoặc ở mé rừng, hễ ai đi lẻ loi đều bị chàng giết chết. Chàng đã giết được chín mươi chín, còn thiếu một người nữa để giết thì gặp mẹ chàng đi tới. Chàng xông xáo chạy tới để giết thì thình lình đức Phật

1. Phan Lạc Tuyên, Hương thơm cuộc đời, trong "Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - cả nước tôn vinh anh", NXB.Văn Học, Hà Nội, tr.223.

ở đâu hiện tới, chàng liền đổi ý chạy theo Phật Tổ để hạ sát. Chàng chạy như tên bay mà không kịp. Tức mình, chàng kêu to: "Kìa ông Sa môn! Sao ông không dừng chân lại?". Đức Phật đáp: "Này Vô Não, Như Lai dừng bước đã lâu rồi, chỉ có ngươi chưa chịu dừng bước đó thôi". Vô Não hỏi lại: "Ông nói ông đã dừng bước sao tôi chạy theo mãi không kịp. Ông là người nói dối". Phật đáp: "Như Lai đã dừng bước trên con đường tội lỗi, Như Lai đã trút bỏ gươm giáo từ lâu rồi". Vừa nghe được bấy nhiêu lời, Vô Não chợt tỉnh mộng điên cuồng hối ngộ, liệng dao quỳ lạy trước Phật, xin Phật ra tay tế độ"(2). Pháp bảo nhà Phật đề cập đến tinh thần bất bạo động một cách hàm súc như câu chuyện dẫn ra trên đây. Chính đó là biểu tượng chân thật của giáo lý nhà Phật giữa môt thế gian chứa đựng đầy dẫy những áp bức, bất công, những kỳ thị đẳng cấp, chủng tộc,... Lý thuyết bất bạo động của Phật giáo xuất phát từ tinh thần đại từ bi, cứu khổ cứu nạn, nhằm hóa giải chúng sanh thoát khỏi cảnh khổ đau (sanh, lão, bệnh, tử,...) để đi đến Niết bàn. Vì vậy, Phật giáo chủ trương một tình yêu phổ quát, một lòng thương vô bờ bến đối với mọi chúng sinh. Lời Phật giáo dạy: "Lòng từ bi đem lại cho chúng sinh tất cả mọi sự yên ổn cả về tinh thần lẫn vật chất" (Kinh Đại Bảo Tích). Cần phải hiểu thêm rằng khái niệm "bất bạo động" được dịch từ Phạn ngữ Ahimsã chưa diễn tả đầy đủ nội dung của nguyên ngữ, vì Ahimsã không phải chỉ là bất bạo động mà còn có nghĩa là không làm hại đến bất cứ một sinh vật nào - kể cả kẻ thù - từ trong ý thức cho đến lời nói và hành động. Ahimsã không phải mang tính chất tiêu cực, thụ động (non-violence hay passive resistance) mà phải được hiểu là nắm lấy chân lý mà hành động (satyagraha). Bất bạo động (Ahimsã) theo đúng nghĩa của nó đòi hỏi phải thể hiện trọn vẹn một tình yêu tuyệt đối, phải nắm phần chủ động trong việc thể hiện thiện cảm của mình đối với chúng sinh. Cùng với yêu thương chúng sinh, kể cả kẻ thù, còn phải tôn trọng ý kiến kẻ khác trong mọi lãnh vực, dù ý kiến ấy đối nghịch với ý kiến của mình. Tiêu chuẩn chính xác của phương pháp bất bạo động là gạt bỏ ý thức tị hiềm, thủ tiêu tuyệt đối và hoàn toàn mọi ác căn. Trong mọi hoạt động, tuy không dùng đến bạo lực, nhưng bất bạo động không có nghĩa chạy trốn trách nhiệm đấu tranh. Gandhi đã từng tuyên bố: "Chủ nghĩa bất bạo động của tôi không chấp nhận chạy trốn nguy hiểm, để mặc cho những người thân yêu không được

2. Thích Thiện Siêu, Tỏa ánh từ quang, Ban Trị sự GHPGVN Thừa Thiên-Huế, 1992, tr.87-88.

bảo vệ. Giữa bạo động và chạy trốn một cách hèn nhát, tôi chỉ chọn lấy bạo động"(3). Hơn thế nữa, người bất bạo động phải biết chọn đúng lúc để dấn thân vào cuộc đấu tranh với tất cả quyết tâm và lòng tự nguyện, tự giác, hỷ xả; phải thản nhiên đưa chính bản thân mình ra đón lấy mọi sự tấn công, ngược đãi. Bất bạo động chủ trương lấy tình thương vô biên xóa bỏ hận thù nên không đánh trước và cũng không đánh lại kẻ đã đánh mình. Bất bạo động là tự đem chính bản thân làm gương mẫu mà giác ngộ kẻ đã tự cho là thù địch với mình để cho kẻ ấy tự ý từ bỏ moi tư tưởng và hành động bạo động. Như vậy, phương pháp bất bạo động đòi hỏi một tinh thần vững mạnh và lòng can đảm vô biên, vì người bất bạo động tất nhiên thừa biết rằng mình có thể đánh lại

đối phương, nhưng sở dĩ không đánh lại không phải là vì sợ bạo lực mà chính là tinh thần "tự giác giác tha". Tuân thủ những nội dung trên đây của lý thuyết bất bạo động, phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 ngay từ đầu đã khẳng định phương phap đấu tranh là bất bạo động. Tuy nhiên, trong ý định ban đầu của giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam, bất bạo động(4) bằng hình thức tự thiêu vẫn chưa được đặt ra, mặc dầu trong những cuộc tuyệt thực đầu tiên của Tăng Ni trên toàn miền Nam vào cuối tháng 5, đầu tháng 6-1963, giới lãnh đạo đã dự tính rằng: "Nếu kéo dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhàm chán thì phong trào tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẻ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng"(5). Song hình thức mới mẻ là gì vẫn chưa được tìm ra, ngay cả khi giới lãnh đạo Phật giáo nhận được bức tâm thư đề ngày 27-5-1963 của Hòa thượng Thích Quảng Đức với nội dung xin tự thiêu để bảo vệ Phật pháp, họ vẫn không chấp thuận. Trên thực tế, giới lãnh dạo Phật giáo còn "thật lúng túng, cũng không biết tự thiêu như thế nào!"(6).

3. S. Radhakishnan, Chiến tranh và hòa bình, Thích Quảng Độ dịch, Sài Gòn, NXB.Hoa Muôn Phương, tr.53, tr.123. 4. Trong cuộc hội nghị mật vào tối 7-5-1963 tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định phương pháp đấu tranh là bất bạo động. Tiếp theo, phương pháp đã khẳng định lại một lần nữa trong "Bản phụ đính" bản Tuyên ngôn ngày 10- 5-1963 được công bố vào ngày 23-5-1963. 5. Nguyễn Khải, Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu, Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993. 6. Thích Thông Bửu. Tư tưởng Bồ tát Quảng Đức, trong "Đại lễ kỷ niệm năm thứ 37 ngày tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức". Tổ đình Quán Thế Âm ấn hành, tr.15.

Mặc dầu không được chấp nhận, ý nguyện tự thiêu của Thích Quảng Đức vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng. Ngài lưu lại chùa Ấn Quang trì tụng kinh Pháp Hoa và mong muốn đạt được ý nguyện. Tới ngày 9-6-1963, sau những lần thương lượng giữa Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ (của chính quyền Ngô Đình Diệm) không đem lại kết quả, trái lại chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn gia tăng các hoạt động đàn áp khủng bố, giới lãnh đạo Phật giáo bị bắt buộc phải chấp nhận ý nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Và "khi được thông báo tin này, Hòa thượng Thích Quảng Đức hết sức mừng rỡ, hình tướng của Ngài toát lên một sức hấp dẫn khó tả, trông như một vị Bồ tát hóa thân ở cõi Ta bà này"(7). Ngày 11-6-1963, tại ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt(8) (Sài Gòn), Hòa thượng Thích Quảng Đức đã anh dũng tự thiêu trước sự chứng kiến của hàng chục vạn Tăng Ni, Phật tử cùng những quan sát viên, báo chí quốc tế. Chính quyền Ngô Đình Diệm điều động lực lượng đến để hòng phá tan cuộc tự thiêu, nhưng bị thất bại vì Tăng Ni, Phật tử đã kiên quyết bảo vệ bằng cách vây quanh nhà sư nhiều vòng. Có người nằm lăn trước xe cứu hỏa, xe cảnh sát không cho can thiệp. "Cuộc hy sinh phi thường va dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức, hình ảnh cụ ngồi thẳng như tượng đá trong ngọn lửa rực hồng đã nhanh như một làn sóng điện làm sôi nổi dư luận trong cả nước Việt Nam và trên thế giới. Ảnh của vị Hòa thượng Viêt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết(9). Chiều ngày 11-6-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh phong tỏa các

chùa, nhất là chùa Xá Lợi, nơi đang đặt thi hài của Thích Quảng Đức. Khắp các nẻo đường dẫn về chùa Xá Lợi, cảnh sát được huy động để ngăn chặn đã bị làn sóng người tràn ngập. Buổi tối cùng ngày, qua đài phát thanh, Ngô Đình Diệm đọc thông điệp lên án vụ tự thiêu của Thích Quảng Đức là do "một số người bị đầu độc gây án mạng" và "kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh nhận định tình thế". Lời lẽ trong thông điệp bộc lộ bản chất độc tài của Diệm, khi y tuyên bố: "Sau lưng Phật giáo trong nước còn có Hiến pháp, nghĩa là có tôi"(10). Từ phong tỏa đến thông điệp, đủ mọi biện pháp, song chính quyền

7. Phong vấn Pháp sư Thích Giác Đức ngày 20-10-1995 tại Boston, USA. 8. Nay là đường Cách mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu. 9. Trần Văn Giàu, Miền Nam giữ vững thành đồng, NXB.Khoa Học, Hà Nội, 2002, tr.342. 10. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS-8464.

Ngô Đình Diệm vẫn không thể nào đẩy lùi được phong trào. Ngược lại, với cái chết cao cả của Thích Quảng Đức, "uy thế của Mỹ - Diệm bị một cú đánh tinh thần mạnh như trời giáng"(11), có tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam tiến mạnh, tiến nhanh hơn. Trên thực tế, ngọn lửa Thích Quảng Đức đã tạo ra một bước ngoặt hết sức quan trọng. Nó chuyển phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 sang một thế mới, trên cả hai bình diện quốc nội và quốc tế. Ở trong nước, "cái chết vô úy của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng"(12). Nó được xem như là một lời kêu gọi khẩn thiết đối với tất cả những ai có lương tri hãy đứng lên đấu tranh chống lại chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Ngày 12-6-1963, giới lãnh đạo cao cấp của Phật giáo từ Huế vào Sài Gòn trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh tại đây. Cũng trong ngày này, tại vùng giải phóng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã long trọng tổ chức lễ truy điệu Hòa thượng Thích Quảng Đức. Xã luận báo Nhân Dân số ra ngày 13-6-1963 viết: "Gương hy sinh anh dũng của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một sự tố cáo, lên án trước dư luận toàn thế giới chế độ độc tài cực kỳ tàn bạo của bọn Mỹ - Diệm. Chế độ ấy phải bị đánh đổ. Mười bốn triệu đồng bào miền Nam quyết đánh đổ chế độ ấy"(13). Báo chí miền Bắc đăng tin chi tiết và hình ảnh về vụ tự thiêu và cho đây là "sự hy sinh gan dạ của Hòa thượng Thích Quảng Đức để chống chính sách của tập đoàn Ngô Đình Diệm đàn áp tự do tín ngưỡng"(14). Trước phong trào đang dâng cao, giới lãnh đạo Phật giáo dự định trong dịp đưa tang Hòa thượng Thích Quảng Đức vào ngày 16-6-1963 sẽ tổ chức một cuộc biểu tình lớn để phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu giải quyết năm nguyện vọng đã đề ra. Lo sợ một cuộc bùng nổ lớn, chính quyền Ngô Đình Diệm cấp tốc mở cuộc điều đình với giới lãnh đạo Phật giáo. Phiên họp đầu tiên diễn ra vào ngày 14-6-1963. Sau năm phiên họp, một Thông cáo chung được ký

11. Trần Văn Giàu, Sđd., tr.343. 12. Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm - Huế... 13. Lửa căm hờn đang rực cháy. Xã luận báo

Nhân Dân, ngày 13-6-1963, tr.1. 14. Xã luận báo Nhân Dân, ngày 13-6-1963, tr.1.

kết vào lúc 2 giờ sáng ngày 16-6-1963. Nội dung Thông cáo chung về cơ bản "thỏa mãn" được năm nguyện vọng mà giới lãnh đạo Phật giáo đã đề ra trong bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963. Và để tránh một cuộc nổi dậy của quần chúng, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh loan truyền bản Thông cáo chung ngay sau khi vừa được ký kết bằng xe phóng thanh của Bộ Thông tin. Điện tín đánh đi các tỉnh về nội dung Thông cáo chung. Đài Phát thanh Sài Gòn loan tin ngay khi trời chưa sáng. Về phía Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam, ngày 16-6-1963, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, cai quản Giáo khu Sài Gòn đã chính thức lên tiếng trong một bức thư luân lưu, rằng: "Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam hoàn toàn đứng ngoài cuộc tranh chấp mặc dù vai trò chủ động gây ra cuộc tranh chấp là tín đồ Thiên Chúa giáo"(15). Trong một bức thư luân lưu thứ hai gửi cho hàng giáo sĩ và giáo dân trước lúc lên đường đi Roma tham dự Công đồng Vatican II, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình nhấn mạnh: "Giáo hội không những không gây nên một biến cố mà còn đau đớn vì những tai họa đã và còn là ác quá của biến cố"(16). Sáng ngày 16-6-1963, mặc dầu có lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo yêu cầu Tăng Ni và Phật tử ở nhà, vì năm nguyện vọng đã "đạt được" và đám tang của Thích Quảng Đức được hoãn lại, nhưng nhân dân Sài Gòn được ngọn lửa Thích Quảng Đức tiếp sức đã đổ ra đường phố kéo về chùa Xá Lợi nơi đặt thi hài của Thích Quảng Đức. Cuộc xô xát giữa quần chúng và lực lượng cảnh sát đặc biệt xảy ra ở ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Thanh Giản. Thanh niên, sinh viên học sinh, phụ nữ đã hăng hái chiến đấu hàng mấy giờ đồng hồ. "Quần chúng hòa vào nhau như những giọt nước trong đại dương và trong tình yêu người ta tự thấy mình lớn lên và không còn sợ hãi nữa"(17). "Đây là cuộc đấu tranh chính trị quyết liệt nhất ở Sài Gòn trong mấy năm nay. Nó đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chế độ độc tài phát xít Mỹ - Diệm, đẩy chúng vào tình thế bị cô lập hơn bao giờ hết"(18).

15. Nam Thanh, Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, Sài Gòn, Viện Hóa đạo xuất bản, 1964, tr.166. 16. Nam Thanh, Sđd., tr.167. 17. Tâm Phong, Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo. Tuần báo Hải Triều Âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10. 18. Những sự kiện lịch sử Đảng, tập III, NXB.Thông Tin Lý Luận, Hà Nội, 1985, tr.268.

Đối với thế giới, cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã làm cho cả thế giới kinh ngạc và hết sức khâm phục. Đây là "một hành động tiêu biểu vĩ đại. Nó không chỉ chống lại Diệm, để chỉ sự hiện hữu của Phật giáo và được để ý tới, mà nó còn có ý nghĩa chống lại sự bất công, bất chính của toàn thế giới... Với một hành động lặng thinh, không nói một lời, một vị Hòa thượng Việt Nam đã nêu một tấm gương sáng rùng rợn, một kháng nghị cao đẹp, lộng lẫy, chống lại mọi xấu xa đê hèn của loài quỷ sứ đang còn tồn tại trong thế giới ngày nay"(19). Về dư luận rộng rãi của thế giới trước việc Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, chúng ta có thể hình dung qua nguồn tư liệu mà Malcoln W. Brown đã cung cấp trong The New Face of War: "Vụ Phật giáo năm 1963 đã

làm chấn động các quốc gia ngoài châu Á kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức: Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ, Úc, Đức... Tấm hình tự thiêu của Hòa thượng đã được phổ biến khắp thế giới, từ trên bàn giấy của Tổng thống Hoa Kỳ tới văn phòng các lãnh tụ Trung Cộng và chính nước cộng sản này đã cho in ra hàng triệu tấm hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú: "Một Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ - Diệm"(20). Ở đây, xin được nêu một số tư liệu cụ thể: Ở Mỹ, ngọn lửa Thích Quảng Đức đã gây nên một chấn động mạnh, đặc biệt làm cho dư luận Mỹ quay sang chống Ngô Đình Diệm và gia đình y. Tại Washington D.C., ngày 12-6-1963, nhân dân Mỹ đã đón nghe một cách xúc động tin tức về cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hơn hai tuần sau ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, ngày 30-6-1963, trong một bài giảng tại nhà thờ ở New York, Mục sư Donalds Harrington đã xem cái chết của Thích Quảng Đức giống như cái chết của Chúa Giê-su, Michel Servetus, Jeanne d'Arc. Ông cho rằng hành động mổ bụng của người Nhật cũng không thể nào so sánh với sự tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, tuy rằng gan dạ như nhau, bởi vì "sự tự thiêu của Ngài đã cứu vớt bao nhiêu sinh linh đang chìm đắm trong khổ hận, kẻ đàn áp cũng như kẻ bị đàn áp đều bừng tỉnh. Ngài đã tô đậm nét vàng son trên trang sử huy hoàng của Phật giáo và dân tộc"(21).

19. Thích Mãn Giác. Ông René De Berval. Nguyệt san Liên Hoa, Huế, ngày 27- 2-1964, tr.37-38. 20. Hoàng Xuân Hào, Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay, quyển 1 (Luận án Tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp Trường Đại học Luật khoa, tr.266.) 21. Quốc Oai, Sđd., tr.112.

Tờ New York Herald Tribune (21-7-1963) cho rằng ngọn lửa Thích Quảng Đức sẽ thổi bùng lên một đám cháy lớn thiêu rụi chế độ Ngô Đình Diệm, rằng "Hòa thượng Thích Quảng Đức, một tu sĩ đã biến tấm áo cà sa vàng của mình thành một giàn hỏa thiêu... Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam đang làm một công việc rất hay là ông đang tự đốt hết nền tảng của chế độ ông". Bởi theo quan điểm của báo này thì "sự cấm đoán tự do tín ngưỡng là một tội không thể tha thứ được"(22). Tờ San Francisco Chinese World đưa ra lập trường quyết liệt hơn: "Đã đến lúc chính quyền Hoa Kỳ phải từ giã ông Ngô Đình Diệm. The Chinese World khẩn thành kêu gọi tất cả mọi người Mỹ lên án ông Diệm, một kẻ độc tài của Sài Gòn"(23). Thượng nghị sĩ Wayne L. Morse, bang Oregon, thì nói rằng "ông sẽ không đồng ý cho một đôla nào nữa để ủng hộ một chế độ độc ác tàn bạo của Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam"(24). Ở Nhật Bản, từ sau ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, các nhà báo đã dành những vị trí trang trọng đăng tin và ảnh, như tờ Asahi Evening News ngày 12-6 đã đăng 3 bức ảnh lớn chiếm gần một phần tư trang nhất và các báo khác cũng đều đăng tin tỉ mỉ rõ ràng về vụ này"(25). Ngày 19-6-1963, Ủy ban Tôn giáo Bảo vệ Hòa bình và Hội Phật giáo Nhật Bản đã tổ chức cuộc mít-tinh phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp tín đồ Phật giáo miền Nam Việt Nam. Cuộc mít tinh đã mặc niệm Hòa thượng Thích Quảng Đức và những người bị chính quyền Ngô Đình Diệm giết hại tại Huế, Sài Gòn và kịch liệt lên án tội ác của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 20-6-1963, các tín đồ Phật giáo

Nhật Bản do Hòa thượng Mibu Sohigun dẫn đầu đến sứ quán "Việt Nam Cộng hòa" ở Tokyo trao bản tuyên bố nói trên cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Theo Công văn mật số 27-VP/DK ngày 21-6-1963 của Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nhật Bản gửi Bộ trưởng Phủ Tổng thống thì "vấn đề tranh chấp giữa Phật giáo và chính phủ đã gây ra một luồng dư luận sôi nổi ở Phật giáo Nhật"(26). Ngày 23-6-1963, sau lễ cầu siêu cho Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam tử vì đạo, toàn thể Tăng, tín đồ của phái Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản cùng một lúc đã đánh ba điện văn. Điện văn gửi giới lãnh

22. Tuệ Giác, Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử, NXB.Hoa Nghiêm, Sài Gòn, tr.211.

23. Tuệ Giác, Sđd., tr.207.

24. Tuệ Giác, Sđd., tr.211.

25. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC. 04-HS.8467.

26. Như chú thích 26.

đạo Phật giáo miền Nam Việt Nam viết: "Sự kiện đàn áp sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam gần đây là một việc làm đáng buồn và cũng là môt triệu chứng bất tường. Nhân danh Tổng hội Phật giáo Chân Tông Nhật bản, chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng tôn kính và ai điếu đối với việc vì đạo thiêu thân của cố Hòa thượng Thích Quảng Đức. Chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng nhiệt thành ủng hộ cuộc hộ Pháp của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam trong lúc "Pháp nạn" này". Điện văn gửi Ngô Đình Diệm viết: "Sự kiện đàn áp sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam gần đây thật là một việc làm bất tường chưa từng có trong lịch sử. Toàn thể Tăng Ni và tín đồ của Tổng hội Chân Tông chúng tôi rất xúc động và phẫn uất khi nhận được tin này". Điện văn gửi Giáo hoàng Paul VI viết: "Trước mắt chúng tôi, việc khủng bố và sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam là một việc xúc phạm đến tự do tín ngưỡng, quyền căn bản của con người. Nhất là việc ấy phát sinh bởi một chính sách hà khắc tôn giáo của một chính phủ". "Chúng tôi hy vọng Ngài sẽ vì danh dự của Hội Thánh Thiên Chúa tìm cách can thiệp với ông Ngô Đình Thục, Tổng Giám mục Giáo khu Huế để việc bất công trên khỏi tái diễn"(27). Trong lúc tình hình quốc tế không có lợi cho phía chính quyền Ngô Đình Diệm thì, trong nước, phong trào Phật giáo được phục hồi trở lại do chính quyền Ngô Đình Diệm vi phạm Thông cáo chung. Nhân lễ chung thất của Hòa thượng Thích Quảng Đức (30-7-1963), giới lãnh đạo Phật giáo đã ra Thông bạch vạch rõ thực trạng của xã hội miền Nam dưới chế độ Ngô Đình Diệm: "Sự suy sụp của nền đạo đức dân tộc... nền đạo giáo vẫn bị hăm dọa, quốc gia lâm vào tình trạng chia rẽ đổ nát, người làm kẻ hưởng, nỗi bất bình oan khúc không sao kể xiết"(28) và kêu gọi mọi tầng lớp đồng bào hãy đình công bãi thị để phản đối thái độ ngoan cố độc ác của chính quyền Ngô Đình Diệm. Hưởng ứng lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo, khắp nơi trên toàn miền Nam, trước hết là các thành phố, thị xã, thị trấn, Tăng Ni, Phật tử hăng hái tham gia hành lễ, đình công, bãi thị, bất chấp sự ngăn cản của chính quyền Ngô Đình Diệm. Tại Sài Gòn, từ 5 giờ sáng, đồng bào đã tấp nập đổ về chùa Xá Lợi, "ngoài thanh niên ra, hầu hết những người đến dự đều là đàn bà. Họ trẻ, khá hấp dẫn và duyên dáng trong bộ áo dài và quần trắng, hoặc cả bà già nhăn nheo, răng

27. Tuệ Giác, Sđd., tr.170-171. 28. Quốc Tuệ, Sđd., tr. 202.

nhuộm đen vì ăn trầu. Tất cả đều đính băng nhỏ màu vàng ở ngực, một biểu tượng thương tiếc Hòa thượng Thích Quảng Đức"(29). Tất cả biểu lộ ý chí và quyết tâm tranh đấu của mình. Sau buổi lễ, giới lãnh đạo Phật giáo cho ra đời một bản tuyên ngôn tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu thi hành Thông cáo chung và khẳng định lại một lần nữa quyết tâm của mình nhằm đưa cuộc đấu tranh đến thành công: "Phật giáo đồ Việt Nam quyết tâm không lìa bỏ tinh thần thuần tuý tôn giáo bằng cách áp dụng nghiêm chỉnh phương pháp bất bạo động để đưa phong trào đến chỗ thành công"(30). Tại Huế, ngày 29-7-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm cho phổ biến trên đài phát thanh lệnh cấm quần chúng không được tham gia ngày chung thất của Thích Quảng Đức. Tuy nhiên, Huế vẫn là nơi sôi động. Ngày hôm đó, một cuộc biểu tình rước di ảnh của Thích Quảng Đức có tới 15.000 người tham gia, từ chùa Từ Đàm đến chùa Diệu Đế, thanh tịnh và ngang nhiên đi qua trung tâm thành phố. Đoàn biểu tình đã diễu hành trên một đoạn đường mấy cây số, hai bên đường có hương án, dân chúng quỳ lạy, chiêm ngưỡng sự hy sinh cao cả của Thích Quảng Đức, sôi sục khí thế đấu tranh(31). Cùng với sự phản đối mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế và dư luận Mỹ lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, phong trào Phật giáo ngày càng lên cao ở miền Nam Việt Nam đã dội mạnh vào Nhà Trắng. Trong một cuộc tiếp xúc với Ngô Đình Diệm, Truheart - Đại diên phía Mỹ đã chỉ ra rằng: "Chính quyền Kennedy không ưa rối ren"(32). Dean Rusk, Ngoại trưởng Mỹ, trong cuộc họp báo ngày 16- 6-1963, cho rằng Mỹ "không sung sướng gì trước những sự việc xảy ra ở miền Nam", rằng Mỹ "rất buồn phiên về những sự chia rẽ đang xảy ra ở miền Nam"(33). Tờ New York Times (19-7-1963) dẫn lời Tổng thống Kennedy: "Sự động chạm giữa Tổng thống Ngô Đình Diệm với Phật giáo đồ rất có hại cho công cuộc chống Cộng tại Nam Việt Nam"(34). Mặc dù vậy, chính quyền Kennedy vẫn chưa có thái độ dứt

29. Schecter, Jerrold, The New Face of the Buddha, John Weatherhill, Tokyo, 193. 30. Nam Thanh, Sđd., tr.49. 31. Gặp Thượng tọa Thích Trí Thủ. Nguyệt san Liên Hoa, số ra ngày 30-11- 1963, tr.108. 32. Phong trào Phật giáo miền Nam (Tài liệu tham khảo đặc biệt), Việt Nam Thông tấn xã, 1973, Hà Nội, tr.22. 33. Xuân Thâm, Cuộc đấu tranh của Phật giáo đang làm cho chế độ Mỹ Diệm khủng hoảng trầm trọng, Tuần báo Thống Nhất, số 322, ngày 23-8-1963, tr.4. 34. Tuê Giác, Sđd., tr.210.

khoát về việc thay Diệm, vẫn hy vọng Diệm sẽ "xuống thang" trong việc giải quyết "vụ Phật giáo", vì rằng trước hiện tượng "tự sát để đấu tranh, kẻ táo bạo nhất cũng phải lùi bước"(35). Trong lúc Nhà Trắng đang mong muốn tình hình được cải thiện thì trong một trả lời phỏng vấn của Don Baker, ký giả Hãng thông tấn UPI, Đại sứ Mỹ Frederick E. Nolting nói: "Hơn hai năm tôi sống tại Viêt Nam, tôi chưa bao giờ thấy dấu hiệu chứng tỏ có sự kỳ thị tôn giáo"(36). Ngày 1-8-1963, giới lãnh đạo Phật giáo đánh điện cho Tổng thống Kennedy phản đối những lời tuyên bố vô trách nhiệm của Nolt- ing.

Bức điện viết: “Thay mặt toàn thể Phật giáo đồ miền Nam, chúng tôi cực lực phản đối cùng Tổng thống lời tuyên bố của ông Đại sứ Nolting qua Hãng thông tấn UPI cho rằng không có vấn đề kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi nghĩ rằng dân chúng Hoa Kỳ phải thấu rõ nỗi phẫn uất của Phật giáo đồ đến tám mươi phần trăm dân số. Lời tuyên bố của ông Nolting không phù hợp với sự thật luôn cả với sự hiểu biết và thiện chí của người Hoa Kỳ”(37). Tiếp theo, ngày 3-8-1963, trong một cuộc nói chuyện với tổ chức Phụ nữ bán quân sự tại Tòa Đô chính Sài Gòn, Trần Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu, lên tiếng công kích và mạ lỵ Phật giáo, rằng “hoạt động của Phật giáo là một hình thức phản bội xấu xa…”(38). Về cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Trần Lệ Xuân cho là vụ “nướng sư”. Trả lời phỏng vấn của ký giả báo New York Times, Trần Lệ Xuân nói: “Tôi còn đánh sư gấp mười lần như thế à. Phương pháp giải quyết vấn đề Phật giáo là phớt tỉnh, không cần biết tới”(39). Lời lẽ của Nolting và Trần Lệ Xuân có tác dụng như “lửa đổ thêm dầu”. Ngày hôm sau, 4-8-1963, Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu ở Phan Thiêt. Ngày 12-8-1963, tại chùa Xá Lợi, nữ sinh Mai Tuyết An tự chặt tay trái của mình để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 13-8-1963, Đại đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu tại Huế. Ngày 15-8-1963, tại Huế, gần 1.000 sinh viên, hoc sinh biểu tình phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm cướp xác Thích Thanh Tuệ. Cùng

35. Tuệ Giác, Sđd., tr.196.
36. Quốc Tuệ, Công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, tác giả xuất bản,
Hà Nội, tr.298.
37. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
38. Jerrold Schecter., Sđd., tr.307.
39. Quốc Tuệ, Sđd., tr.307.

ngày, Ni sư Diệu Quang tự thiêu tại Ninh Hòa gần Nha Trang. Ngày 16-8-1963, Huế nhất loạt tổng bãi công. Cùng ngày, nhà sư Thích Tiêu Diêu tự thiêu tại chùa Từ Đàm, Huế. Ngày 17-8-1963, các khoa trưởng thuộc Viện Đại học Huế và toàn thể giảng viên Viện Hán học ra tuyên cáo lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo và tuyên bố từ chức và nghỉ việc. Tiếp theo, toàn thể giáo chức và sinh viên Viện Đại học Huế từ chức, bãi khóa. Phong trào bất hợp tác tại Huế trở nên toàn diện, mọi guồng máy đều bị tê liệt. Ngày 18-8-1963, theo lệnh của giới lãnh đạo Phật giáo, lễ cầu siêu cho tất cả các vị tử vì đạo đã được tổ chức trên toàn miền Nam. Tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn) có trên 30.000 người tham gia. Sau lễ cầu siêu, có khoảng 10.000 người tham gia tuyệt thực. Khí thế đấu tranh của quần chúng hết sức manh liệt. Để cứu nguy cho chế độ, đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ngô Đình Nhu, “Kế hoạch Nước lũ” được tiến hành, tấn công đồng loạt hầu hết các ngôi chùa được dùng làm trụ sở đấu tranh trên khắp miền Nam. Hầu hết giới lãnh đạo Phật giáo đã bị bắt đưa vào trại giam. Với việc tấn công chùa, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm đã “thực sự giẫm trúng vỏ chuối do Phật giáo quăng ra”(40) và đã chọn cho mình một tuyệt lộ. Những ngày sau “Kế hoạch Nước lũ”, cả thành phố Sài Gòn rung động trước sự phát triển dữ dội của phong

trào. Nhiều bộ trưởng, khoa trưởng, giáo sư đại học từ chức. Sinh viên, học sinh bãi khóa, nghỉ học đấu tranh cho tự do tín ngưỡng. Tình hình này khiến sự chần chừ, do dự của Mỹ về việc thủ tiêu chính quyền Ngô Đình Diệm đã được vượt qua. Sau khi nhận nhiệm sở thay Nolting, Cabodge Lodge, tân Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn đã tiếp xúc với Diệm và Lodge đã phúc trình với Washington rằng Diệm có lẽ đã mất khả năng lãnh đạo đất nước và kết luận rằng trừ trường hợp vợ chồng Ngô Đình Nhu rời khỏi xứ, Diệm có thể coi như là hết thuốc chữa. Ngày 24-8-1963, Thứ trưởng Ngoại giao George Ball, Xử lý thường vụ Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk ký gửi cho Lodge điện văn với nội dung: "Rõ ràng Nhu đã chiếm quyền. Hãy cho Diệm cơ hội gạt Nhu và bè lũ nhóm ra một bên. Nếu đã cố gắng hết cách mà Diêm vẫn khăng khăng chối từ thì chúng ta đành phải đối đầu với khả thể là Diệm cũng không cứu được"(41). Bản

40. Tâm Phong, Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo. Tuần báo Hải Triều Âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10. 41. The Pentagon Papers, New York: Bantam Books, 1971, tr.194.

án tử hình đối với chế độ Ngô Đình Diệm đã ký, vấn đề là chỗ thời điểm thi hành nữa mà thôi. Thời điểm đó chính là ngày 1-11-1963. Bốn mươi lăm năm nhìn lại ngọn lửa Thích Quảng Đức, chúng ta có thể rút ra một số kết luận cơ bản sau: Một là, trong những phong trào đấu tranh chống bạo quyền, chống áp bức dân tộc,... diễn ra trong lịch sử loài người, đây không phải là lần đầu tiên phương pháp bất bạo động theo đúng ý nghĩa của nó được đem ra áp dụng. Thánh Gandhi là người đã thành công trong việc áp dụng phương pháp bất bạo động để giành độc lập cho đất nước Ấn Độ. Và ngay từ đầu của cuộc đấu tranh, giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam đã khẳng định: "Chúng tôi phải thực hiện tư tưởng Phật giáo ngay trong cuộc đấu tranh của chúng tôi... Ngay bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố một cách minh bạch rằng người Tăng sĩ Phật giáo là người sẵn sàng noi theo Gandhi, vị Thánh của sức mạnh bất bạo động"(42). Tuy vậy, bất bạo động mà Gandhi sử dụng là chính sách "bất hợp tác" tiến bộ dần trong bất bạo động, được thể hiện từ những hình thức như bãi công, bãi thị, bãi khóa, công chức cự tuyệt mọi chức vụ, không làm việc trong các cơ quan do chính phủ lập ra, nông dân không nộp thuế, hàng hóa Anh bị tẩy chay, toàn dân Ấn tự dệt vải may mặc... đến việc quần chúng biểu tình không mang vũ khí..., song tuyệt nhiên chưa có hình thức tự đốt mình như Hòa thượng Thích Quảng Đức. Sức mạnh bất bạo động của Gandhi là sức mạnh "bất hợp tác" của số đông người; bất bạo động của Thích Quảng Đức là sức mạnh tinh thần của một cá thể mà lay chuyển cả một chế độ, cảnh tỉnh một thế gian đầy bạo lực. Rõ ràng việc đốt mình của Thích Quảng Đức "là một trạng thái mới lạ và huyền ảo của bất bạo động. Nó chứng tỏ rõ rệt cái uy quyền tối thượng của tinh thần. Không một bạo lực nào có thể làm suy giảm được tâm hồn, sức chịu đựng của một cá thể đối với mọi ức chế đàn áp chính trị độc tài thật vô biên"(43). Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng cho rằng với phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963, "cái tinh túy của đạo Phật được phát huy, được luân lý dân tộc chấp nhận. Đó là hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, một kỳ công không cách gì có được, là hun đúc của lịch sử, là tinh hoa của Phật giáo, với tầm cỡ thế giới... nhất là hình ảnh Ngài đến lúc trái

42. Bản phụ đính “Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam” được công bố vào ngày 23-5-1963. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8352. 43. Quốc Oai, Phật giáo tranh đấu, Sài Gòn, NXB.Tân Sanh, 1964, tr.93.

tim không còn hoạt động được nữa”(44). Do vậy, điều mà Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã khẳng định trong Diễn từ đọc sau lễ hỏa táng nhục thân Hòa thượng Thích Quảng Đức đến nay vẫn còn nguyên giá trị: “Từ xưa đến nay, biết bao vị cao tăng đã tự lên giàn hỏa. Tuy nhiên, trường hợp của Hòa thượng Thích Quảng Đức... là một trường hợp đặc biệt và hy hữu”(45). Hai là, xét riêng trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, chúng ta thấy có rất nhiều sự kiện góp phần hỗ tương lẫn nhau để đẩy lùi bạo quyền, nhưng phải khách quan mà nhận rằng ngọn lửa Thích Quảng Đức giữ vị trí trung tâm, đạt đến một tầm cao mà không có một sự kiện nào có thể so sánh được. Ngọn lửa Thích Quảng Đức đã tập hợp mọi người khác chính kiến, khác màu da vào cùng một khối, kết tụ được tinh anh của những khối óc và trái tim vì tình thương mà quyết không chịu lùi bước. Trong suốt quá trình của cuộc đấu tranh từ ngày 7-5-1963 đến 1-11-1963, không tránh khỏi đâu đó có những giây phút do dự, mệt mỏi, nản lòng. Chính những thời khắc đó, ngọn lửa Thích Quảng Đức trở nên vô vàn quý báu, đã làm rắn chắc những trái tim đang dao động và tôi luyện thêm những ý chí rụt rè. Bất bạo động trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, mà đỉnh cao là sự hy sinh anh dũng của Hòa thượng Thích Quảng Đức, đã thu hút đại bộ phận nhân dân miền Nam, không chỉ Tăng Ni, tín đồ Phật tử, mà cả những người khác tôn giáo, không cùng chính kiến, nhập cuộc tham gia đấu tranh, được nhân dân thế giới hết sức ủng hộ. “Đây là lần đầu tiên một cuộc tự thiêu gây sửng sốt và nể phục nhất trong cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963. Nó ghi đậm nét vào cuộc chiến Việt Nam và không bao giơ phai nhạt... hành động của Ngài... trở nên một tấm gương kiên định của người dân miền Nam chống lại Tổng thống Diệm”. Giáo sư Trần Văn Giàu viết: “Kết tinh trong một vị chân tu những nỗi căm hờn đối với chế độ độc tài cá nhân gia đình trị, vô nhân đạo và bạo ngược, hành động dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một bản án không gì bôi được đối với chế độ bù nhìn của Mỹ ở Sài Gòn, đồng thời là một lời kêu gọi đồng bào Phật tử đấu tranh chống phát-xít, dù chết không

44. Mấy vấn đề về nghiên cứu Phật giáo và lịch sử tư tưởng dân tộc, trong “Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam”. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, 1986, tr.22. 45. Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm.

chịu lùi bước. Thật không phải thường có những cái chết kích động nhân tâm sâu sắc và rộng rãi như cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức”(46). Ba là, ngọn lửa Hòa thượng Thích Quảng Đức đốt lên với tâm nguyện: “Để cúng dường Tam bảo và để giác ngộ chính quyền mau chóng thoả mãn năm nguyện vọng của Phật giáo”; rằng “mong

ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên ngôn,... Trước lúc nhắm mắt mà về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời chào cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở"(47); rằng bất bạo động là phải dấn thân một cách tự giác, "chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển đến tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi"(48) thì ngọn lửa Thích Quảng Đức đã thể hiện sinh động nhất và được xem là tiêu biểu nhất cho lý thuyết bất bạo động. Và trước khi kết thúc bài viết này, chúng tôi nghĩ rằng những gì mà chúng ta đã và đang nghiên cứu, tìm hiểu về "ngọn lửa Thích Quảng Đức", nếu nói theo cách nói của nhà thơ thì "chỉ còn là rơm rác và chỉ nguyện được là rơm rác"(49). Và theo cách nói của nhà văn thì "ngòi bút trơ nên bất lực không thể hiện nổi sự vĩ đại của một bậc siêu phàm". Vấn đề ở chỗ hiểu được chừng nào về giá trị đích thực của "ngọn lửa Thích Quảng Đức" là cần phải đưa sự hiểu biết đó vào hiện thực của cuộc sống, để góp phần xây Đời, dựng Đạo. Đó mới chính là điều đáng quý, đáng trân trọng.

***

46. Trần Văn Giàu, Miền Nam giữ vững thành đồng, tập II, NXB. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr.434. 47. Quốc Oai, Phật giáo tranh đấu sử, NXB.Tân Sanh, Sài Gòn, tr.38-39. 48. Bản phụ đính "Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam" được công bố vào ngày 23-5-1963. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8352. 49. Vũ Hoàng Chương, Lửa Từ bi, Sài Gòn, 1963.

HÒA THƯỢNG QUẢNG ĐỨC, BIỂU TƯỢNG VỀ TINH THẦN DÂN TỘC VÀ ĐẠO PHÁP CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Trần Hồng Liên(1)

Đã 42 năm trôi qua kể từ ngày hoà thượng Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân. Nhưng ngọn lửa của tinh thần đấu tranh cho Đạo pháp và cho Dân tộc của hòa thượng như vẫn còn cháy mãi! Nhân dân trên thế giới và Việt Nam, những người con Phật cũng như những người không theo đạo đều như bùi ngùi nhớ lại hình ảnh ngọn đuốc rực cháy trên thân thể Người vào năm 1963 ấy. Điều gì đã làm nên sự kỳ diệu đó? Đây có phải chỉ là những phản ứng chống lại sự kỳ thị về tôn giáo của một chế độ độc tài? Có phải đó chỉ là "tiếng nói "thay cho những đòi hỏi về một sự công bằng trong chính sách đối với các tôn giáo?" Tìm hiểu những câu hỏi trên chính là nêu lên được những đóng góp lớn lao, những ý nghĩa sâu sắc từ hành động vì đạo pháp và cho dân tộc của Hòa thượng Thích Quảng Đức; cũng chính là góp phần chỉ ra được bản sắc của dân tộc Việt Nam và của Phật giáo Việt Nam. 1. Trở lại với thời điểm sôi động của đất nước năm 1963, từ nguyên cớ hạ cờ Phật giáo của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm ở Huế để thấy rõ một điều rằng sự độc đoán, tính đố kỵ và lòng vị kỷ của những người cầm đầu chế độ ấy đã lên đến đỉnh điểm. Việc hạ cờ Phật giáo chỉ là một hành động cuối cùng, là điểm nút cuối cùng để bộc lộ hết tính vị kỷ, chấp chặt lấy đạo pháp của một chế độ! Chính sự

chấp pháp ấy đã đưa đẩy chế độ độc tài Ngô Đình Diệm mau chóng bị kết thúc từ những hành động mù quáng của mình.

1. PGS.TS, Dân tộc học, Phó chủ tịch Hội Dân tộc học và Nhân học TP.HCM.

Ngô Đình Diệm, với chính sách phân biệt đối xử, xem đạo của mình mới thật là đạo, được ban cho đặc quyền, đặc lợi. Còn các đạo khác, dù có lịch sử 2.000 năm, dù có hàng chục triệu tín đồ, vẫn bị khinh miệt! Với Đạo dụ 10, sự phẩn uất của tăng ni, Phật tử càng lên cao. Chính quyền đã đàn áp Phật giáo bằng những phương tiện quân sự và phương pháp tàn bạo. Hàng chục tăng ni Phật tử, rồi đến hàng trăm tăng ni sau đó bị bắt bớ và bị giết hại. Ngọn sóng đàn áp cứ thế mà ngày càng bùng lên mạnh mẽ. Người dân sống ở Huế vào năm 1963 không thể quên được hình ảnh thảm khốc từ những chiếc xe tăng của Diệm càn lên những người có đạo vô tội. Máu đã đổ và hận thù như đã siết chặt thêm. Những người con Phật dùng vũ khí từ tinh thần Bi -Trí -Dũng để chống trả! Trước những đàn áp bạo tàn và khốc liệt, những người con Phật đã sử dụng thế Nhu của mình để chống trả lại thế Cương của chế độ Diệm. Lấy thân mình thay cho tiếng nói cảnh tỉnh, như những gáo nước lạnh dội vào ngọn lửa của sự thù hận và vô minh. Những ngọn đuốc đượïc đốt lên từ thân thể, hình hài của mỗi người con Phật như từng ngọn đèn thắp sáng, soi rọi tận cùng vào sâu thẳm tâm hồn đen tối, độc tài của một chế độ. Và cứ thế liên tục, hết người này đến người khác... sao cho đến một ngày hành động vị pháp thiêu thân ấy đã trở thành một tiếng gọi vang vọng, làm rúng động lương tri của những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Đỉnh điểm ấy, ngọn sóng trào dâng tột đỉnh ấy chính là hành động tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, là tiếng chuông vang vọng ngân xa, lan tỏa ra ngoài phạm vi một quốc gia và trở thành bất diệt. 2. Hòa thượng Thích Quảng Đức, tên đời là Lâm Văn Tuấn, quê ở Khánh Hòa, Hòa thượng đã trụ trì chùa Quán Thế Âm trước khi tự thiêu. Trước tình thế Phật giáo đồ bị sát hại thảm khốc, đã phát lời đại nguyện rằng: “Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ, mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để Phật pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo...Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc”.(2) Từ nhận thức được nung nấu sau bao cơn đàn áp bạo tàn của Diệm, Hòa thượng Quảng Đức, đã viết: là trưởng tử của Như Lai, được thấm nhuần lẽ đạo, nên không thể ngôi yên. Hòa thượng hiểu rõ rằng, với một chế độ độc tài như vậy, với những con người có hành động thiếu

2. Lời nguyện tâm huyết, Tỳ kheo Thích Quảng Đức.

đạo đức và không có nhân bản như vậy, đất nước sẽ không thể yên, lòng dân sẽ không thể được bình ổn, an lạc và đạo pháp sẽ không thể được bảo tồn! Vì vậy, thực hành lời nói ấy, quyết đem lại một sự cảnh tỉnh lớn lao, làm thay đổi nhận thức con người, từ vô minh đến giác ngộ, phải bằng việc hy sinh chính bản thân mình. Lấy sự xả thân, tinh

thần vô uý thí để đối lập lại cường quyền, bạo lực. Làm được điều đó, thực hành được suy nghĩ trên, đó là điều không dễ dàng, không phải ai cũng làm được. Do đâu Hòa thượng Quảng Đức có được quyết tâm đó? 3. Trả lời câu hỏi trên chính là đi tìm lại cội nguồn của tinh thần dân tộc. Là người dân Việt, không ai không yêu nước. Tinh thần yêu nước này ngày càng được nhân lên cao hơn chính từ những cuộc ngoại xâm. Những người dân nước Việt đã qua thử thách trước nguy cơ xâm lược, từ đó tinh thần yêu nước càng như được củng cố. Tinh thần ấy còn được nhiều tấm gương trong lịch sử in đậm thêm qua quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước. Từ đó, hình ảnh của người dân ra biên cương chống giặc khi có ngoại xâm là hình ảnh đẹp đẽ, được lập đi lập lại trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, không loại trừ những người theo đạo Phật, với tư tưởng nhập thế, cứu đời, giúp đời. Không phải ngẫu nhiên mà có được một hoà thượng Thích Quảng Đức của thế kỷ XX, bởi vì đã có trong lịch sử hàng trăm năm trước, những thiền sư Vạn Hạnh, Khuông Việt…. đã biết đem tinh thần Phật pháp ra áp dụng vào đời sống hàng ngày. Những tấm gương sáng ấy chính là bài học muôn đời về tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam, là sự thể hiện việc đem đạo vào đời, là tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Nó được nhân rộng, kế thừa và tiếp nối liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì vậy không phải ngẫu nhiên mà có được những con người biết hy sinh thân mệnh mình cho đạo pháp, cho dân tộc. Mặt khác, còn chính trên cơ sở của dòng Phật giáo Việt Nam, nổi bật từ thời các vua nhà Lý, nhà Trần…. đã biết đem thập thiện đến từng gia đình, đã biết cụ thể hóa giáo lý nhà Phật trong điều kiện đất nước Việt Nam, đã bằng chính hành động từ bỏ ngai vàng, danh lợi và những ham muốn vị kỷ cá nhân để trao truyền cho những thiền sư Việt Nam một tinh thần xã thân cao quý. Tùy từng thời điểm lịch sử, tùy vào những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau mà các thiền sư đã có những ứng xử khác nhau, những cống hiến cho Đạo pháp và cho Dân tộc khác nhau. Nhưng trên hết, vẫn là lòng yêu nước nồng nàn, là tình yêu thương nhân dân sâu đậm… Tình thương đó, lòng yêu người đó đã tạo thành, đã giúp phát khởi nên một quyết tâm cao độ, một đại nguyện vang lừng, đó là tinh thần vô úy thí.

Chính từ sự dâng hiến tất cả, không loại trừ ngay cả bản thân mình, của những thiền sư trong lịch sử và của Hòa thượng Quảng Đức ở thế kỷ XX đã làm cho sự cống hiến ấy trở thành bất tử, bởi vì một khi đã cho đi hết thì sẽ nhận được tất cả! 4. Bài học về tinh thần xã thân này, được đưa ra trong giai đoạn đạo pháp đang bị chia rẽ, đất nước đang bị ngoại xâm…. càng có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Cái chết của hoà thượng không chỉ nhằm cảnh tỉnh những người trong chế độ độc tài nhà Ngô, mà sâu sắc và lớn lao hơn, nó còn mang ý nghĩa thời đại. Đó còn là tiếng chuông tỉnh thức cho những người con Phật còn đang thờ ơ trước sự hưng vong của đạo pháp, của quốc gia … kêu gọi họ cần nhanh chóng đoàn kết lại, một lòng chung sức cứu lấy nước nhà. Bởi vì tổ quốc còn, đạo pháp mới có thể còn tồn tại được! Đánh giá cao về hành động tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, GS. Trần Văn Giàu đã cho rằng: “Đó là một hành động chống chiến tranh, là hành động bảo vệ hoà bình, vì Hoà bình mà hi sinh (…) nhà sư là một người yêu nước, Quảng Đức yêu nước theo phong cách một nhà sư”(3). 5. Tìm hiểu về hành động “Vị pháp thiêu thân” của Hòa thượng Quảng Đức còn là nhằm nêu lên

bài học có giá trị lịch sử, có ý nghĩa thực tiễn lớn lao. Qua cái chết của Hòa thượng đã góp phần khơi gợi trong tư duy của nhân dân thế giới, những người yêu chuộng hòa bình, suy nghĩ kỹ hơn về giá trị đích thực của một đời người. Đó không phải là tính ham sống, sợ chết ; không phải là lòng vị kỷ, độc tài, ham chuộng bạo lực... mà điều vi diệu trong cuộc sống, tạo nên giá trị vĩnh hằng, chân lý tối thượng ... chính là tình thương, là lòng dũng cảm, là sự hy sinh cho những điều lớn lao, cao cả, là quyền lợi và sự sống còn của dân tộc, của đất nước, của đạo pháp... Bài học ấy mãi mãi sẽ còn nguyên giá trị, vì nhân dân thế giới đã có được hình ảnh xác thực qua cái chết của hoà thượng, một dấu ấn sâu đậm về con người Việt Nam biết hy sinh cho nghĩa cả, về một đất nước Việt Nam nhỏ bé nhưng kiên cường, bất khuất trước cái xấu, cái vị kỷ, trước những mưu toan đen tối nhằm đè bẹp, trấn áp bằng bạo lực của ngoại xâm... Chính từ những ý nghĩa ấy, Hòa thượng Quảng Đức đã thực sự trở thành một vị Bồ tát, người luôn hướng tâm hồn mình, thể xác mình cho cuộc đời, cho người đời để cứu giúp và góp phần giác ngộ họ.

3. Trần Văn Giàu: Thích Quảng Đức. Tập Văn số 7, 1987, ban VHTW GHP- GVN xb, tr. 30.

HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC, BIỂU TƯỢNG VỀ • 673

6. Những vị Thiền sư Việt Nam, trên đường tiếp nối hướng đi đúng đắn và có ý nghĩa của Phật giáo Việt Nam, đã " nói" lên suy nghĩ của mình bằng hành động. Bồ tát Thích Quảng Đức đã hòa nhập thực sự vào dòng chảy nhập thế của Phật giáo Việt Nam, đã trở thành biểu tượng cho tính dân tộc và đạo pháp của Phật giáo Việt Nam. Bồ tát Thích Quảng Đức vì vậy đã trở thành bất tử. Trái tim để lại cho đời của bồ tát Quảng Đức vì vậy đã trở nên bất diệt!

***

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.